TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

23

TAM TẠNG PHẬT GIÁO BỘ PHÁI

07

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

(增壹阿含經)

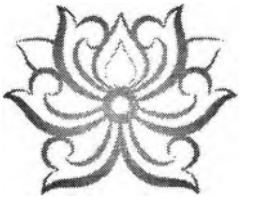

Việt dịch: **TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Hán dịch

TAM TẠNG CÙ-ĐÀM TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ

Việt dịch

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

BAN PHIÊN DỊCH

Thích Chúc Phú

Thích Nguyên Hùng

Thích Đồng Ngộ

Thích Nữ Liên Thiền

Thích Nữ Đức Thuận

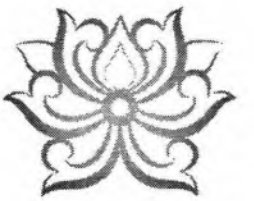

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG PHẬT GIÁO BỘ PHÁI

•Trưởng ban
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN

•Tổng Biên tập
- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

•Phó Tổng Biên tập
- Hòa thượng THÍCH PHƯỚC CẨN
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
- Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ

•Thư ký Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

•Ủy viên Biên tập
- Hòa thượng THÍCH THÔNG THIỀN
- Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
- Thượng tọa THÍCH NGUYÊN HÙNG
- Thượng tọa THÍCH NGUYÊN TRANG
- Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
- Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

•Trưởng ban Tài chánh
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身, 處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心, 以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giáo Việt Nam).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma*, S. *Abhidharma*, H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng: Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Đại Tập*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 6 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải*, *Phân tích đạo*, *Thánh nhân ký sự*, *Phật sử*, *Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo*.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大蔵經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大蔵經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海蔵) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大蔵經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjirō, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất gần một nửa chặng đường phiên dịch.

Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiều thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjirō, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn, bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá. Đến thời nhà Lý, việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện, như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,…

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các để bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC

LỜI CHỨNG MINH ix
LỜI GIỚI THIỆU xi
LỜI NÓI ĐẦU xvii
MỤC LỤC xxiii
BẢNG VIẾT TẮT xxxix
DẪN LUẬN xlv

TĂNG NHẤT A-HÀM

1. PHẨM TỰA 1
2. PHẨM MƯỜI NIỆM 15
1. NIỆM PHẬT 15
2. NIỆM PHÁP 15
3. NIỆM TĂNG 16
4. NIỆM GIỚI 16
5. NIỆM THÍ 17
6. NIỆM THIÊN 17
7. NIỆM TỊCH LẶNG 17
8. NIỆM HƠI THỞ 18
9. NIỆM THÂN VÔ THƯỜNG 18
10. NIỆM SỰ CHẾT 19
3. PHẨM GIẢNG RỘNG [MƯỜI NIỆM] 21
1. CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT 21
2. CÔNG ĐỨC NIỆM PHÁP 22
3. CÔNG ĐỨC NIỆM TĂNG 23
4. CÔNG ĐỨC NIỆM GIỚI 25
5. CÔNG ĐỨC NIỆM THÍ 26
6. CÔNG ĐỨC NIỆM THIÊN 27

7. CÔNG ĐỨC NIỆM TỊCH LẶNG 28
8. CÔNG ĐỨC NIỆM HƠI THỞ 29
9. CÔNG ĐỨC NIỆM THÂN 30
10. CÔNG ĐỨC NIỆM SỰ CHẾT 31
4. PHẨM ĐỆ TỬ 33
1. TỲ-KHEO KIÊU-TRẦN-NHƯ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 33
2. TỲ-KHEO MÃ SƯ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 34
3. TỲ-KHEO QUÂN-ĐẦU-BA-MẠC VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 35
4. TỲ-KHEO HỒ NGHI LY-VIẾT VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 36
5. TỲ-KHEO BÀ-CÂU-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 37
6. TỲ-KHEO THI-BÀ-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 37
7. TỲ-KHEO THÍCH VƯƠNG VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 38
8. TỲ-KHEO ƯƠNG-QUẬT-MA-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 39
9. TỲ-KHEO PHẠM-MA-ĐẠT VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 40
10. TỲ-KHEO NA-GIÀ-BA-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 40
5. PHẨM TỲ-KHEO-NI 43
1. TỲ-KHEO-NI ĐẠI ÁI ĐẠO VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 43
2. TỲ-KHEO-NI BÀ-ĐÀ CA-TỲ-LY VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 44
3. TỲ-KHEO-NI VÔ ÚY VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 44
4. TỲ-KHEO-NI ƯU-CA-MA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 45
5. TỲ-KHEO-NI ĐÀM-MA-ĐỀ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG 46
6. PHẨM NAM CƯ SĨ 47
1. THƯƠNG KHÁCH TAM QUẢ VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG 47
2. PHẠM CHÍ SANH LẬU VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG 47
3. VUA TỲ-SA VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG 48
4. TRƯỞNG GIẢ BẤT-NI VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG 49
7. PHẨM NỮ CƯ SĨ 51
1. NỮ CƯ SĨ NAN-ĐÀ NAN-ĐÀ-BÀ-LA
VÀ NHỮNG NỮ CƯ SĨ TỐI THẮNG 51
2. PHU NHÂN MA-LỢI VÀ NHỮNG NỮ CƯ SĨ TỐI THẮNG 51
3. NỮ CƯ SĨ VÔ ƯU VÀ NHỮNG NỮ CƯ SĨ TỐI THẮNG 52
8. PHẨM A-TU-LA 55
1. A-TU-LA 55
2. LỢI ÍCH 56

3. NHƯ LAI 56
4. ÁNH SÁNG 57
5. TĂM TỐI 57
6. ĐẠO PHẨM 58
7. MẤT HẲN 58
8. LÒNG TIN 59
9. HƯNG THỊNH 59
10. KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG 60
9. PHẨM MỘT ĐỨA CON 61
1. ƯU-BÀ-DI DẠY CON TRAI 61
2. ƯU-BÀ-DI DẠY CON GÁI 62
3. TÂM NHANH NHẠY 63
4. TÂM VÔ THƯỜNG 63
5. ĐỌA LẠC 64
6. SANH THIÊN 64
7. SẮC NỮ 65
8. SẮC NAM 66
9. DỤC TƯỞNG (1) 66
10. DỤC TƯỞNG (2) 67
10. PHẨM HỘ TÂM 69
1. KHÔNG BUÔNG LUNG 69
2. KHÔNG BUÔNG BỎ THIỆN PHÁP 70
3. THÍ CHỦ VÀ TỲ-KHEO 70
4. NGƯỜI THÍ VÀ NGƯỜI THỌ THÍ ĐỀU TÔN QUÝ 72
5. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG (1) 74
6. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG (2) 75
7. TẠO PHƯỚC 75
8. MA BA-TUẦN 76
9. ĐƯỜNG DỮ 77
10. MỘT NGƯỜI 77
11. PHẨM BẤT HOÀN 79
1. THAM DỤC VÀ A-NA-HÀM 79
2. SÂN HẬN VÀ A-NA-HÀM 79
3. NGU SI VÀ A-NA-HÀM 80

4. XAN THAM VÀ A-NA-HÀM 80
5. TÂM KHÓ HÀNG PHỤC 81
6. TÂM DỄ HÀNG PHỤC 81
7. ĐẮM NHIỄM ĂN UỐNG 81
8. ĐẮM NHIỄM TÀI VẬT 82
9. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA (1) 82
10. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA (2) 83
12. PHẨM NHẤT NHẬP ĐẠO 87
1. KINH NIỆM XỨ 87
2. GANH GHÉT VÀ ĐỐ KỴ 93
3. TÔN KÍNH, THỪA SỰ NHƯ LAI 93
4. CHĂM SÓC BỆNH 93
5. KHEN NGỢI VÀ CHÊ BAI 94
6. TÔN GIẢ ĐẠI CA-DIẾP 96
7. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA THAM LỢI DƯỠNG 97
8. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA TẠO NGŨ NGHỊCH 98
9. LỢI DƯỠNG HỦY HOẠI SỰ NGHIỆP 99
10. TỲ-KHEO SƯ-LỢI-LA 99
13. PHẨM LỢI DƯỠNG 101
1. BỎ ĐẠO VÌ LỢI DƯỠNG 101
2. THAM VỊ NGON 102
3. KẺ ĐI TÌM CON 102
4. THÂN BỆNH, TÂM KHÔNG BỆNH 107
5. VÍ DỤ TẤM VẢI 110
6. NGHIỆP THIỆN 114
7. ĐẾ-THÍCH THĂM BỆNH 115
14. PHẨM NGŨ GIỚI 119
1. SÁT SANH 119
2. KHÔNG SÁT SANH 119
3. TRỘM CƯỚP 120
4. BỐ THÍ 120
5. TÀ DÂM 121
6. KHÔNG TÀ DÂM 121
7. NÓI DỐI 122

8. KHÔNG NÓI DỐI 122
9. UỐNG RƯỢU 123
10. KHÔNG UỐNG RƯỢU 123
15. PHẨM HỮU VÔ 125
1. DỨT TRỪ HAI KIẾN 125
2. XẢ BỎ HAI KIẾN 126
3. HAI LOẠI BỐ THÍ 126
4. HAI LOẠI NGHIỆP 127
5. HAI LOẠI ÂN 127
6. HAI TƯỚNG 127
7. TRÍ TUỆ VÀ DIỆT TẬN 128
8. LỰC VÀ VÔ ÚY 128
9. NHƯ LAI 129
10. CHÁNH KIẾN 129
16. PHẨM LỬA TẮT 131
1. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ 131
2. NIẾT-BÀN GIỚI 134
3. VÍ DỤ LOÀI QUẠ 135
4. VÍ DỤ CON LỪA 136
5. THIỆN VÀ BẤT THIỆN 137
6. HAI PHÁP 138
7. PHÁP SOI SÁNG 139
8. HAI LỰC 140
9. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT 140
10. PHẬT DẠY LA-VÂN 143
17. PHẨM QUÁN NIỆM HƠI THỞ 145
1. TÔN GIẢ LA-VÂN CHỨNG A-LA-HÁN 145
2. NHƯ LAI VÀ CHUYỂN LUÂN 149
3. ĐỘC GIÁC VÀ A-LA-HÁN 149
4. HAI PHÁP GÂY PHIỀN NÃO 150
5. TÀ KIẾN 150
6. CHÁNH KIẾN LÀ THÙ THẮNG 151
7. THAM DỤC 151
8. HAI LOẠI NGƯỜI 155

9. CHÂN NHÂN 157
10. CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC GIÁO HÓA 159
11. NGƯỜI DẪN ĐẦU 162
18. PHẨM TÀM QUÝ 165
1. TÀM QUÝ 165
2. CẤT GIẤU VÀ BỐ THÍ 165
3. THỪA TỰ PHÁP 167
4. TÔN GIẢ CA-DIẾP 170
5. THẾ TÔN HÀNG PHỤC VOI DỮ 173
6. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ 177
7. HÓA ĐỘ NAN-ĐÀ 178
8. ĐẠI ÁI ĐẠO 183
9. PHỈ BÁNG VÀ KHÔNG PHỈ BÁNG 183
10. KHEN NGỢI ĐÚNG PHÁP 184
19. PHẨM KHUYẾN THỈNH 185
1. PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH 185
2. HAI CỰC ĐOAN 186
3. ĐOẠN ÁI DỤC 187
4. HAI HẠNG KHÔNG SỢ HÃI 190
5. ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÓ TRÍ TUỆ 191
6. TÀI SẢN 191
7. NGHÈO KHỔ VÀ HÀO TỘC 192
8. PHẠM NỮ TU-THÂM 192
9. TÔN GIẢ CA-CHIÊN-DIÊN 193
10. THUYẾT PHÁP 195
11. AM-BÀ-BÀ-LỢI 196
20. PHẨM THIỆN TRI THỨC 199
1. THIỆN TRI THỨC 199
2. ÁC TRI THỨC 199
3. TÔN GIẢ ĐÀM-MA-LƯU-CHI 200
4. THÍ DỤ 208
5. BÁO ĐÁP 209
6. TINH TẤN 209
7. CHỈ VÀ QUÁN 210

8. TỲ-KHEO A-LAN-NHÃ 211
9. HAI HẠNG NGƯỜI 211
10. HAI PHÁP BỐ THÍ 213
11. HAI BẬC ÂN NẶNG 213
12. HAI ANH EM CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC 214
13. LUYẾN ÁI 215
21. PHẨM TAM BẢO 217
1. BA ĐỨC TAM BẢO 217
2. BA PHƯỚC NGHIỆP 218
3. NHÂN DUYÊN THỌ THAI 220
4. BA NƠI NƯƠNG TỰA 221
5. TỲ-KHEO CÙ-BA-LY 222
6. TU TẬP BA PHÁP 224
7. BA CHỨNG BỆNH NẶNG 226
8. BA NGHIỆP 226
9. NGUY HẠI CỦA DỤC 227
10. KHÔNG BỀN CHẮC 233
22. PHẨM BA BẬC CÚNG DƯỜNG 235
1. BA BẬC CÚNG DƯỜNG 235
2. BA GỐC LÀNH 236
3. BA LOẠI CẢM THỌ 236
4. CHE KHUẤT VÀ HIỂN LỘ 237
5. BA TƯỚNG HỮU VI 238
6. BA VIỆC CỦA NGƯỜI TRÍ 238
7. BA PHÁP HIỀN THÁNH 240
8. BA ĐIỀU TRÂN QUÝ 241
9. BA LOẠI TẬP KHÍ 241
10. BA VIỆC KHÔNG BIẾT ĐỦ 242
23. PHẨM ĐỊA CHỦ 245
1. VUA ĐỊA CHỦ 245
2. TÔN GIẢ BÀ-CÂU-LƯ 253
3. NHỊ THẬP ỨC NHĨ 255
4. TRƯỞNG GIẢ BÀ-ĐỀ 257
5. BA LOẠI HƯƠNG 260

6. ÁC TRI THỨC ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA 261
7. LỢI DƯỠNG 263
8. GỐC RỄ THIỆN VÀ BẤT THIỆN 264
9. BA TỤ 264
10. BA NIỆM TƯỞNG 265
24. PHẨM CAO TRÀNG 267
1. NGỌN CỜ ĐẾ-THÍCH 267
2. ÁC QUỶ TỲ-SA 268
3. ĐẤNG PHÁP VƯƠNG 274
4. CHÚT ĐẤT ĐẦU MÓNG TAY 275
5. CHUYỂN PHÁP LUÂN 277
6. TRAI GIỚI 299
7. BA SỰ XUẤT HIỆN 305
8. VUA TRƯỜNG THỌ 306
9. BA KIẾT SỬ 318
10. BA LOẠI TAM-MUỘI 319
25. PHẨM BỐN CHÂN LÝ 321
1. BỐN CHÂN LÝ 321
2. BỐN PHÁP LỢI ÍCH 322
3. PHÁP HY HỮU 323
4. GÁNH NẶNG 324
5. BỐN HÌNH THỨC THỌ SANH 325
6. KIẾT SỬ 326
7. BỐN LOẠI TRÁI CÂY 331
8. GIÓ LỐC 332
9. BỐN LOẠI CHIM 333
10. BỐN LOẠI MÂY 334
26. PHẨM BỐN Ý ĐOẠN 337
1. BỐN Ý ĐOẠN 337
2. PHÁP KHÔNG BUÔNG LUNG 337
3. HẠNH KHÔNG BUÔNG LUNG 338
4. TU BỐN Ý ĐOẠN 339
5. BỐN HẠNG NGƯỜI 339
6. THÂN THỂ VÔ THƯỜNG 342

7. PHÁP DỨT TRỪ BUỒN ĐAU 345
8. BỐN PHÁP NỀN TẢNG 349
9. XÁ-LỢI-PHẤT NIẾT-BÀN 349
10. TÔN GIẢ BÀ-CA-LÊ 360
27. PHẨM CÙNG HƯỚNG VỀ BỐN SỰ THẬT 363
1. BỐN SỰ THẬT 363
2. BỐN CHẤP THỦ 364
3. PHƯỚC BÁU BỐ THÍ 368
4. BỐN PHÁP VÍ DỤ 370
5. BỐN PHÁP NỀN TẢNG 370
6. BỐN VÔ SỞ ÚY 371
7. BỐN HẠNG BẬC NHẤT 372
8. BỐN TÂM VÔ LƯỢNG 373
9. BỐN CÁCH BỐ THÍ 375
10. BỐN BẬC ĐÁNG TÔN QUÝ 375
28. PHẨM THANH VĂN 377
1. ĐỘ BẠT-ĐỀ, NAN-ĐÀ 377
2. BỐN SỰ CHE LẤP 387
3. BỐN LOẠI TÒA NGỒI 388
4. PHẠM CHÍ LỘC ĐẦU 390
5. BỐN GIÁO PHÁP LỚN 397
6. TRƯỚC KHỔ SAU VUI 399
7. BỐN HẠNG SA-MÔN 401
29. PHẨM KHỔ VUI 403
1. TRƯỚC VUI SAU VUI 403
2. THÂN TÂM ĐỀU VUI 406
3. BỐN PHƯỚC CỦA PHẠM THIÊN 407
4. BỐN LOẠI THỨC ĂN 408
5. BỐN LOẠI BIỆN TÀI 409
6. BỐN ĐIỀU KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN 410
7. BỐN THẦN TÚC 413
8. ĐẮM TRƯỚC TỨ SỰ 413
9. CON DÒNG HỌ THÍCH 415
10. BỐN PHẠM ĐƯỜNG 416

30. PHẨM TU-ĐÀ 417
1. SA-DI TU-ĐÀ 417
2. SA-DI TU-MA-NA 419
3. THIẾU NỮ TU-MA-ĐỀ 420
31. PHẨM TĂNG THƯỢNG 437
1. HẠNH A-LAN-NHÃ 437
2. VUA ƯU-ĐIỀN HỌC THIỀN 442
3. BỐN CON ĐƯỜNG TU HÀNH 445
4. BỐN PHÁP ẤN 447
5. BỐN KHU VƯỜN VÀ AO TẮM 448
6. RẮN ĐỘC VÀ CÁC VÍ DỤ 450
7. TU TẬP VÀ TÁI SANH 452
8. KHỔ HẠNH CỦA THẾ TÔN 454
9. BỐN NIỀM VUI 458
10. VÔ THƯỜNG 460
11. KHÔNG TRANH TỤNG 462
32. PHẨM THIỆN TỤ 465
1. NĂM CĂN 465
2. NĂM TRIỀN CÁI 466
3. CÔNG ĐỨC LỄ PHẬT 466
4. HÌNH PHẠT TRONG ĐỊA NGỤC 467
5. THỌ TUẾ 474
6. NĂM TƯỚNG SUY HAO 478
7. KINH DỨT TRỪ BUỒN LO 482
8. NGƯỜI BỆNH 487
9. NGƯỜI NUÔI BỆNH 488
10. CÔNG ĐỨC BỐ THÍ 489
11. NĂM PHÁP BỐ THÍ 491
12. BỐ THÍ ĐÚNG THỜI 491
33. PHẨM NĂM VUA 493
1. NĂM VUA 493
2. TÔN GIẢ THI-BÀ-LA 496
3. NĂM HẠNG CHIẾN SĨ 508
4. CHIẾN SĨ VÀ TỲ-KHEO 510

5. QUÉT ĐẤT 512
6. QUÉT THÁP 513
7. DU HÀNH 513
8. CHƯỚNG NGẠI KHI TRỤ LÂU MỘT CHỖ 514
9. LỢI ÍCH KHI KHÔNG TRỤ LÂU MỘT CHỖ 514
10. CÂY KHÔ CHÁY 515
34. PHẨM ĐẲNG KIẾN 519
1. TỲ-KHEO NÊN TƯ DUY 519
2. VƯƠNG NẠN TỲ-LƯU-LY 520
3. KHI MÃN PHƯỚC TRỜI 532
4. NĂM PHÁP KHINH CHÊ 533
5. THỪA SỰ NHƯ LAI 533
6. NĂM VIỆC KHÓ CẦU 542
7. NĂM HẠNG NGƯỜI 542
8. TỲ-MA-CHẤT-ĐA 543
9. PHÁP DIỆT TẬN 544
10. PHẠM CHÍ SANH LẬU 545
35. PHẨM TÀ TỤ 547
1. NHẬN BIẾT XẤU - TỐT 547
2. VIỆC CỦA NHƯ LAI 548
3. BỐ THÍ KHÔNG ĐƯỢC PHƯỚC VÀ ĐƯỢC PHƯỚC 549
4. SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI NỮ 549
5. ƯỚC VỌNG CỦA NGƯỜI NỮ 550
6. LỄ LẠY ĐÚNG LÚC 551
7. PHƯỚC BÁU CÚNG NƯỚC 552
8. DIỆT TÂM THAM DỤC 554
9. NGUỒN GỐC CỦA DỤC 556
10. TÔN GIẢ TĂNG-CA-MA 558
36. PHẨM NGHE PHÁP 563
1. NGHE PHÁP ĐÚNG THỜI 563
2. TẠO LẬP NHÀ TẮM 563
3. CÚNG TĂM XỈA RĂNG 564
4. NGHIỆP GIẾT HẠI 564
5. DU THIÊN PHÁP BỔN 565

37. PHẨM SÁU PHÁP QUÝ TRỌNG 583
1. SÁU PHÁP QUÝ TRỌNG 583
2. THI TRIỂN THẦN THÔNG 584
3. VƯỜN NGƯU SƯ TỬ 590
4. SÁU ĐỨC CỦA BỐ THÍ 594
5. NĂM PHẦN PHÁP THÂN 595
6. PHÁP SÁM HỐI 597
7. PHÁP TỐI THƯỢNG 600
8. PHẠM CHÍ SANH LẬU (1) 603
9. PHẠM CHÍ SANH LẬU (2) 604
10. NI-KIỀN TỬ TÁT-GIÁ 606
38. PHẨM SỨC MẠNH 615
1. SÁU SỨC MẠNH 615
2. VÔ THƯỜNG TƯỞNG 615
3. PHẬT LÀ AI? 616
4. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN 618
5. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT BỊ MÙ 620
6. ƯƠNG-QUẬT-MA-LA 622
7. CÁC TÊN GỌI CỦA NÚI KỲ-XÀ QUẬT 633
8. SÁU SINH VẬT 635
9. BẬC ĐỘC GIÁC THIỆN MỤC 636
10. SÁU CÔNG ĐỨC 638
11. ĐẠI DỊCH THÀNH TỲ-XÁ-LY 642
12. SÁU NHẬP 650
39. PHẨM ĐẲNG PHÁP 651
1. BẢY PHÁP TỐI THƯỢNG 651
2. CÂY TRÚ ĐỘ 654
3. BẢY VÍ DỤ VỀ NƯỚC 655
4. THÀNH LŨY Ở BIÊN CƯƠNG 657
5. BẢY TRÚ XỨ CỦA THỨC 659
6. BỆNH TẬT VÀ BẢY GIÁC CHI 660
7. BẢY GIÁC CHI VÀ BẢY BÁU 662
8. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG 662
9. ĐÀO NÚI 668
10. TÔN GIẢ MÃN NGUYỆN TỬ 669

40. PHẨM BẢY MẶT TRỜI 675
1. KIẾP THÀNH, KIẾP HOẠI 675
2. BẢY PHÁP BẤT THOÁI 683
3. BẢY GIÁC CHI 686
4. BẢY HẠNG NGƯỜI 688
5. MƯỜI PHÁP QUÁN NIỆM 689
6. PHÁP THANH TỊNH TẤT CẢ LẬU HOẶC 693
7. BẢY PHƯỚC ĐỨC 697
8. TƯỞNG VỀ SỰ CHẾT 699
9. THIÊN SƯ A-TƯ-ĐÀ 701
10. PHÁP VỊ CAM LỘ 703
41. PHẨM ĐỪNG SỢ HÃI 707
1. THÍCH TỬ MA-HA-NAM 707
2. TÔN GIẢ NA-GIÀ-BA-LA 709
3. PHÁP THƯỢNG NHÂN 712
4. THÁNH ĐẠO TÁM CHI 713
5. PHÓ CHÚC PHÁP BẢO 715
42. PHẨM TÁM NẠN 719
1. TÁM NẠN 719
2. TÁM ĐỊA NGỤC 721
3. HÀNH TRÌNH CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT 725
4. TÁM PHÁP CỦA BIỂN 739
5. ĐẤT RUNG CHUYỂN 742
6. TÁM ĐIỀU SUY NIỆM 743
7. TÁM LOẠI HỘI CHÚNG 746
8. TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC 747
9. TÁM CÁCH BỐ THÍ 748
10. ĐƯỜNG ĐẾN ĐỊA NGỤC VÀ NIẾT-BÀN 749
43. PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI VỀ TÁM CHI THÁNH ĐẠO 751
1. THIÊN TỬ MÃ HUYẾT 751
2. TÁM PHÁP TRAI GIỚI 754
3. KHÚC GỖ TRÔI SÔNG 761
4. LÕI CÂY 763
5. VÍ DỤ CHIẾC BÈ 765

6. NGƯỜI CHĂN BÒ 771
7. KHÔNG CÓ TÍN CĂN 773
8. TÁM PHÁP XOAY CHUYỂN 782
9. KHÔNG ĐẮM NHIỄM 782
10. TÁM HẠNG NGƯỜI 783
44. PHẨM CHÍN NƠI CƯ TRÚ CỦA CHÚNG SANH 785
1. CHÍN NƠI CƯ TRÚ 785
2. CHÍN PHÁP BỐ THÍ 786
3. CHÍN PHÁP XẤU ÁC 787
4. CHÍN PHÁP LÀNH 788
5. CHÍN PHÁP TRÓI BUỘC 790
6. NGUỒN GỐC CÁC PHÁP 790
7. THẾ TÔN CHĂM SÓC BỆNH 792
8. CHÍN BẬC CÚNG DƯỜNG 796
9. THẦN LỰC CỦA CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC 796
10. MỘT NỬA PHẠM HẠNH 800
11. TÂM TÁNH CHÚNG SANH 801
45. PHẨM MÃ VƯƠNG 803
1. THƯƠNG NHÂN TÌM CHÂU BÁU 803
2. CHÍN PHÁP LỢI ÍCH 807
3. LỢI DƯỠNG VÀ TRÚ XỨ 811
4. CHÍN LOẠI THỨC ĂN 812
5. TÂM TỪ 815
6. ĐỊNH KHÔNG 817
7. TRƯỞNG GIẢ THI-LỢI-QUẬT 819
46. PHẨM KẾT CẤM 825
1. GIỚI CẤM 825
2. TRÚ XỨ CỦA HIỀN THÁNH 825
3. PHÁP DUYÊN KHỞI 827
4. MƯỜI LỰC VÀ BỐN VÔ ÚY 828
5. MƯỜI NIỆM 831
6. GẦN GŨI HOÀNG CUNG 831
7. MƯỜI PHÁP THÀNH TỰU 833
8. Ý NGHĨA CỦA MƯỜI PHÁP 836

9. MƯỜI TƯỞNG 843
10. QUÁN TƯỞNG VỀ DỤC 843
47. PHẨM THIỆN ÁC 847
1. ĐƯỜNG ĐẾN CÕI TRỜI, ĐỊA NGỤC VÀ NIẾT-BÀN 847
2. MƯỜI PHÁP 848
3. PHÂN BIỆT BỐ THÍ 848
4. TỤC LUẬN VÀ ĐẠO LUẬN 850
5. HAI VIỆC KHẤT THỰC 851
6. LỰA CHỌN NƠI KHẤT THỰC 852
7. THẮP SÁNG GIÁO PHÁP 854
8. BỐ THÍ THANH TỊNH 856
9. TÔN GIẢ ĐẠI QUÂN-ĐẦU 859
10. CÁC LOẠI THỌ MẠNG 861
48. PHẨM MƯỜI ĐIỀU BẤT THIỆN 865
1. MƯỜI NGHIỆP ÁC 865
2. THUYẾT GIỚI 866
3. DI-LẶC HẠ SANH 871
4. NÓI VỀ DANH HIỆU PHẬT 877
5. TRƯỞNG GIẢ SƯ TỬ 882
6. CHÁNH ĐỊNH KIM CANG 887
49. PHẨM CHĂN BÒ 891
1. PHÁP CHĂN BÒ 891
2. PHÁP KHỔ HẠNH 894
3. CĂN TÁNH TƯƠNG ƯNG 896
4. TƯỢNG XÁ-LỢI-PHẤT 899
5. PHÁP NHÂN DUYÊN 904
6. LUẬN VỀ CHỦNG TỘC 907
7. NGỒI ĂN MỘT BỮA 916
8. HẠNH SA-MÔN 920
9. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA SÁM HỐI 922
10. PHƯỚC BÁU CỦA LÒNG TỪ 935
50. PHẨM LỄ TAM BẢO 937
1. KÍNH LỄ THÁP 937
2. KÍNH LỄ PHÁP 937

3. KÍNH LỄ TĂNG 938
4. VUA ĐẠI THIÊN 939
5. TỘI BÁO ĐỊA NGỤC 953
6. NĂNG LỰC CỦA NHƯ LAI 955
7. NƯƠNG TỰA DÒNG THÁNH 958
8. TỲ-KHEO MẬU-LA-PHÁ-QUẦN 959
9. KIẾP SỐ 962
10. NÚI KỲ-XÀ QUẬT 963
51. PHẨM VÔ THƯỜNG 965
1. NƯỚC MẮT CỦA CHÚNG SANH 965
2. MÁU HUYẾT CỦA CHÚNG SANH 966
3. TU-BỒ-ĐỀ 966
4. TIN KÍNH TAM BẢO 974
5. CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI 977
6. PHÁP MÔN LỬA CHÁY 977
7. PHƯƠNG TIỆN ĐỘ CON 978
8. TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC LÂM CHUNG 982
9. BỐN HẠNG VỢ 987
10. HÀNG PHỤC TÂM 989
52. PHẨM ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN 991
1. ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN 991
2. TỲ-KHEO-NI BÀ-ĐÀ 997
3. KIẾP SỐ DÀI LÂU 1004
4. KIẾP VỮNG CHÃI NHƯ NÚI ĐÁ 1005
5. NGHE PHÁP ĐÚNG THỜI 1006
6. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG 1006
7. VUA BA-TƯ-NẶC BỐ THÍ 1009
8. NGHIỆP BÁO 1013
9. GIẢI MỘNG CHO VUA BA-TƯ-NẶC 1018

PHỤ LỤC 1 1023
PHỤ LỤC 2 1031
SÁCH DẪN 1037

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bvs.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvsA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải*)
CNidA.	*Cūḷaniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
ItA.	*Itivuttaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện Tiền thân*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)

Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī* (*Giải nghi*)
Kv.	*Kathāvatthu* (*Luận sự / Những điểm dị biệt*)
M.	*Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*)
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trung bộ*)
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa* (*Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan*)
Mhvs.	*Mahāvaṃsa* (*Đại sử*)
Miln.	*Milindapañha* (*Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo*)
MNid.	*Mahāniddesa* (*Đại nghĩa thích / Đại diễn giải*)
MNidA.	*Mahāniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải*)
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā* (*Phụ chú giải Kinh Trung bộ*)
Mv.	*Mahāvagga* (*Đại phẩm*)
Nid.	*Niddesa* (*Nghĩa thích / Diễn giải*)
NidA.	*Niddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải*)
Netti.	*Nettipakaraṇa* (*Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật*)
Paṭ.	*Paṭṭhāna* (*Duyên hệ*)
Pe.	*Peṭakopadesa* (*Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng*)
Ps.	*Paṭisambhidāmagga* (*Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo*)
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo*)
Pug.	*Puggalapaññatti* (*Nhân thi thiết*)
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā* (*Chú giải Nhân thi thiết*)
Pv.	*Petavatthu* (*Ngạ quỷ sự / Chuyện ngạ quỷ*)
PvA.	*Petavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Ngạ quỷ sự / Chú giải Chuyện ngạ quỷ*)
S.	*Saṃyutta Nikāya* (*Kinh Tương ưng bộ*)
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tương ưng bộ*)
Sn.	*Suttanipāta* (*Kinh tập*)
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh tập*)
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Thag.	*Theragāthā* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā* (*Chú giải Trưởng lão Tăng kệ*)
Thīg.	*Therīgāthā* (*Trưởng lão Ni kệ*)

ThīgA. *Therīgāthā Aṭṭhakathā* (*Chú giải Trưởng lão Ni kệ*)

Thūvs. *Thūpavaṃsa* (*Biên niên sử chùa tháp Tích Lan*)

Ud. *Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ*)

UdA. *Udāna Aṭṭhakathā*
(*Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ*)

Uj. *Upāsakajanālaṅkāra* (*Ưu-bà-tắc trang nghiêm*)

Vbh. *Vibhaṅga* (*Phân tích*)

VbhA. *Vibhaṅga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phân tích*)

Vin. *Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)

VinA. *Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)

Vism. *Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo*)

Vv. *Vimānavatthu* (*Thiên cung sự / Chuyện thiên cung*)

VvA. *Vimānavatthu Aṭṭhakathā*
(*Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện thiên cung*)

Yam. *Yamaka* (*Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. *Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)

Mhvu. *Mahāvastu* (*Đại sự*)

MPS. *Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS. *Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)

BD. *Book of Discipline* (*Luật tạng*)

BI. *Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)

BPE. *Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)

Cpd. *Compendium of Philosophy* (*Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)

DB. *Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)

Expos. *Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)

GS. *Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)

KS. *Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB. *A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS. *Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM. *Questions of King Milinda* (*Milinda vấn đạo*)
PC. *Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth. *Psalms of the Brethren* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis. *Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB. *Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)
SBE. *The Sacred Books of the East* (*Thánh điển phương Đông*)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

TTTĐPGVN. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*
TTPV. *Tam tạng Pāḷi-Việt*

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N. *Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp. *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng./ EĀ. *Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經, *Ekottarikāgama*)
Tạp./ SĀ. *Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經, *Saṃyuktāgama*)
Trung./ MĀ. *Trung A-hàm kinh* (中阿含經, *Mādhyamāgama*)
Trường./ DĀ. *Trường A-hàm kinh* (長阿含經, *Dīrghāgama*)

TỪ ĐIỂN

BHSD. *Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp*)
CPD. *Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN. *Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB. *Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD. *English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE. *Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED. *Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)
PQĐTĐ. *Phật Quang đại từ điển*

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
CBETA.	Chinese Buddhist Electronic Text Association (中華電子佛典協會) (Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa)
SAT.	The SAT Daizōkyō Text Database (Cơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sđd.	Sách đã dẫn	NXB.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		

HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch

BBT.	Ban Biên tập
TTDTTT.	Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh
TTTĐPGVN.	Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân… (v.v…)

f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
fig.	hình minh họa
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang
tr. (by)	dịch bởi
trans. (translation)	bản dịch
v. (verse)	bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn
Ven. (Venerable)	Thượng tọa
vol./ vols. (volume/ volumes)	tập, quyển / các tập, các quyển

DẪN LUẬN KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Kinh Tăng nhất A-hàm (*Ekottara Āgama*) là bộ thứ tư trong bốn bộ A-hàm (四部阿含). Trong những truyền bản hiện được bảo lưu ở *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經), *Kinh Tăng nhất A-hàm* được ghi nhận bằng những tự dạng khác biệt như: 增壹阿含, 增一阿含, 增一阿鋡. Đặc biệt, trong một số dịch phẩm kinh điển của ngài Huyền Trang (玄奘, 602-664) và ngài Nghĩa Tịnh (義淨, 635-713), *Kinh Tăng nhất A-hàm* còn được dịch là *Tăng nhất A-cấp-ma* (增一阿笈摩).

Theo phẩm "Tựa" của *Kinh Tăng nhất A-hàm*, bản kinh này do ngài A-nan (Ānanda, 阿難) giữ gìn và sau đó truyền thụ cho đệ tử là Tôn giả Ưu-đa-la (Uttara, 優多羅).[1] Trong tác phẩm *Sớ giải Kinh Tăng nhất A-hàm* (增一阿含經疏), còn được gọi là *Phân biệt công đức luận* (分別功德論),[2] sau khi giao phó *Kinh Tăng nhất A-hàm* cho Tôn giả Ưu-đa-la khoảng 12 năm, ngài A-nan nhập Niết-bàn. Từ đó, Tôn giả Ưu-đa-la tiếp tục truyền thụ cho đệ tử là ngài Thiện Giác (善覺) và được các bậc cao Tăng tiếp tục giữ gìn, truyền thụ mãi cho đến ngày nay.[3]

Về ý nghĩa tựa đề kinh, trong bài Tựa *Kinh Tăng nhất A-hàm* do ngài Đạo An (道安, 312-385) viết đã giải thích: "Căn cứ vào sự xuyên suốt của giáo pháp rồi sắp xếp lại nội dung theo thứ tự pháp số. Con số sau cùng là số "mười", vì phải tăng thêm "một", nên gọi là "tăng nhất". Hơn nữa, vì mỗi con số đều tăng lên, cho nên lấy chữ "tăng" (增) này làm nghĩa." Theo *Du-già sư địa luận* (瑜伽師地論), do vì dùng các số mục tăng dần như một, hai, ba,... để diễn giải giáo pháp, thế nên gọi là *Tăng nhất A-cấp-ma*.[4]

Về số lượng pháp số, theo *Tỳ-ni mẫu kinh* (毘尼母經), dùng các số mục tăng dần từ một, hai, ba,... cho đến 11 pháp để kết tập lại thành *Tăng nhất*

---

[1] *Tăng nhất A-hàm kinh,* "Tự" phẩm 增壹阿含經, 序品 (*T*.02. 0125.1. 0551a27).

[2] Theo *Xuất Tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T*.55. 2145.4. 0021c13). Nguyên tác: 分別功德經五卷 (一名增一阿含經疏迦葉阿難造).

[3] Sự truyền thừa của bốn bộ A-hàm và các bộ Luật xem tại *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.32. 0492c17).

[4] *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (*T*.30. 1579.85. 0772c27). Nguyên tác: 更以一二三等漸增分數道理而說是故說名增一阿笈摩.

A-hàm.[5] Tương tự như vậy, *Luật ngũ phần*[6] (*Pañcavargika Vinaya*, 五分律) và *Luật tứ phần*[7] (*Cāturvargīya Vinaya*, 四分律) đều cho rằng *Kinh Tăng nhất A-hàm* là thành quả của sự kết tập từ một pháp cho đến 11 pháp. Từ thực tế khảo cứu bản *Kinh Tăng nhất A-hàm* số hiệu 0125 hiện được bảo lưu trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh,* chúng tôi đã ghi nhận nội dung kinh bao gồm từ một pháp đến 11 pháp.[8] Về cơ bản, số lượng 11 pháp này hoàn toàn giống với số lượng pháp số được đề cập ở *Kinh Tăng chi bộ* (*Aṅguttara Nikāya*) thuộc Thượng Tọa bộ (Theravāda, 上座部).

Bản dịch *Kinh Tăng nhất A-hàm* từ Phạn sang Hán đầu tiên do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề (Dharmānandī, 曇摩難提), người nước Đâu-khư-lặc (兜佉勒) thực hiện vào niên hiệu Kiến Nguyên (建元) thứ 21 (năm 385) ở thời Tiền Tần (前秦, 350-394). Theo bài Tựa *Kinh Tăng nhất A-hàm*,[9] trong lần phiên dịch này, ngài Đàm-ma-nan-đề tuyên đọc thuộc lòng bản tiếng Phạn, ngài Trúc Phật Niệm (竺佛念) nghe và khẩu dịch sang tiếng Hán, ngài Đàm Tung (曇嵩) ghi chép lại thành 41 quyển, được chia làm hai phần, gồm phần Thượng và phần Hạ. Phần Thượng có 26 quyển, sau mỗi quyển có bài kệ tóm tắt tựa đề của những bài kinh có trong phẩm đó, gọi là Nhiếp tụng (*Uddāna*, 攝頌). Phần Hạ có 15 quyển nhưng sót mất những bài Nhiếp tụng này. Do đó, ngài Đạo An (道安) và ngài Pháp Hòa (法和) đã khảo chính lại, hai thầy Tăng Lược (僧䂮) và Tăng Mậu (僧茂) hỗ trợ xem xét những chỗ thiếu sót.

Với những nỗ lực như vậy nhưng bản dịch đầu tiên này vẫn chưa được hoàn thiện. Thế nên, gần 10 năm sau, vào thời Đông Tấn (東晉, 317-420), ngài Cù-đàm Tăng-già-đề-bà (Gautam Saṃghadeva, 僧伽提婆)[10] người nước Kế-tân (Kashmir, 罽新) đã phiên dịch và hiệu chú thêm một lần nữa vào niên hiệu Long An (隆安) thứ nhất (năm 397). Theo *Khai Nguyên Thích giáo lục* (開元釋教錄), điều đặc thù về bản dịch *Tăng nhất A-hàm* của ngài Tăng-già-đề-bà chính là dựa trên bản chép tay tiếng Phạn, được ngài Tăng-già-la-xoa (Saṃgharakṣa, 僧伽羅叉, Chúng Hộ, 眾護) tuyên đọc.[11] Bản dịch này được nhập tạng và hiện đang được lưu giữ trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*,

---

[5] *Tỳ-ni mẫu kinh* 毘尼母經 (*T*.24. 1463. 0818a23). Nguyên tác: 一二三四乃至十一數增者集為增一阿含.

[6] *Di-sa-tắc bộ hòa-hê ngũ phần luật* 彌沙塞部和醯五分律 (*T*.22. 1421.30. 0191a27).

[7] *Tứ phần luật* 四分律 (*T*.22. 1428.54. 0968b20).

[8] Mười một pháp, xem *Tăng*. 增 (15.1-2-3); *Tăng*. 增 (49.1-2-3-4).

[9] *Xuất Tam tạng ký tập, Tăng nhất A-hàm kinh* "Tự" 出三藏記集, 增一阿含經序 (*T*.55. 2145.9. 0064b08-b14).

[10] Tăng-già-đề-bà (僧伽提婆, Saṃghadeva) nghĩa là Chúng Thiên (衆天), còn gọi là Tăng-già-đề-hòa (僧伽提和), Tăng-ca-đế-bà (僧迦禘婆).

[11] *Khai Nguyên Thích giáo lục* 開元釋教錄 (*T*.55. 2154.3. 0505b05): Theo đó, thỉnh ngài Đề-bà ở ngôi chùa trên rồi dịch *Trung A-hàm* và *Tăng nhất A-hàm*. Sa-môn nước Kế-tân Tăng-già-la-xoa cầm bản Phạn, Đề-bà dịch sang tiếng Tấn, cho đến mùa hạ thì hoàn tất (更請提婆於其寺譯中增二阿含罽賓沙門僧伽羅叉執梵本提婆翻為晉言, 至來夏方訖).

tập 2, số 125, gồm 51 quyển, 52 phẩm, 472 bài kinh, với tên dịch giả và niên đại là "Đông Tấn, Kế-tân Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch."[12]

Có thể nói, *Kinh Tăng nhất A-hàm* được ngài Tăng-già-đề-bà dịch và hiệu chú lại khi vốn dụng ngữ Phạn - Hán của ngài đã vững vàng. Mặc dù vậy, những bài kệ được gọi là "Nhiếp tụng" nằm ở cuối mỗi quyển nhằm ghi nhớ tên của những bài kinh[13] đã không được bổ sung đầy đủ mà còn có nhiều chỗ nhầm lẫn.[14] Không những thế, trật tự pháp số không mang tính tuần tự từ thấp lên cao mà bị đảo lộn ở nhiều nơi. Ngài Ấn Thuận đã chỉ rõ những bất cập này trong công trình nghiên cứu về bốn bộ A-hàm (四部阿含).[15] Từ những điều này chứng tỏ, ngay trong truyền bản tiếng Phạn mà các ngài thuộc lòng, hoặc dựa trên bản viết tay, đã có sự nhầm lẫn hoặc bị thiếu sót.

Ngoài hai bản dịch nêu trên, còn có một bản *Kinh Tăng nhất A-hàm* do ngài Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva, 鳩摩羅什, 344-413) học được ở nước Sa-lặc (Khāsa, 沙勒)[16] trước khi trở về Quy-tư (Kucīna, 龜茲), vốn là quê hương thứ hai của ngài. Có thể dựa vào bản kinh này mà học trò của ngài Cưu-ma-la-thập là ngài Tăng Triệu (僧肇, 384-414) khi viết Lời tựa của *Kinh Trường A-hàm* đã cho biết rằng, cấu trúc của *Kinh Tăng nhất A-hàm* gồm có 4 phần, 8 tụng (四分八誦).[17] Theo ngài Ấn Thuận trong *Tạp A-hàm kinh luận hội biên*, "tụng" (誦) ở đây chính là tên gọi khác của "thiên" (篇),[18] nếu dựa theo quan

---

[12] *Xuất Tam tạng ký tập* (出三藏記集) quyển 9, 10, 13; *Lương cao Tăng truyện* (梁高僧傳), quyển 1; *Lịch đại Tam bảo ký* (歷代三寶紀) quyển 7 tóm tắt về ngài Tăng-già-đề-bà như sau: Cù-đàm Tăng-già-đề-bà, tức Chúng Thiên, là người nước Kế-tân, đến Trung Hoa vào đời Đông Tấn. Sư là người thông tuệ, uy nghi đĩnh đạc, bản tính khiêm cung, học thông Ba tạng, nhất là luận *A-tỳ-đàm*. Trong niên hiệu Kiến Nguyên (建元, 365-385) đời Tiền Tần (前秦, 350-394), Sư đến Trường An (長安). Tháng tư năm Kiến Nguyên thứ 19 (năm 383), nhận lời thỉnh của ngài Pháp Hòa, Sư và ngài Trúc Phật Niệm cùng dịch *A-tỳ-đàm Bát kiền-độ luận* (阿毘曇八犍度論) 30 quyển. Năm sau, ngài Đạo An chủ trì phiên dịch *Tôn-bà-tu-mật Bồ-tát sở tập luận* (尊婆須蜜菩薩所集論) 10 quyển, thỉnh Sư và các ngài Tăng-già-bạt-trừng (Saṃghabhūti, 僧伽跋澄), Đàm-ma-nan-đề (Dharmānandī, 曇摩難提) cùng đọc tiếng Phạn. Ít lâu sau, Sư và ngài Pháp Hòa (法和) cùng các môn đồ đến Lạc Dương (洛陽), trong thời gian 4 - 5 năm, Sư nghiên cứu giảng dạy kinh A-hàm, nhờ đó thông hiểu tiếng Hán, nên dịch *Tỳ-bà-sa A-tỳ-đàm* (鞞婆沙阿毘曇), 14 quyển, đồng thời hiệu chú những chỗ sai sót trong các kinh đã được dịch trước. Sau đó, ngài Pháp Hòa vào Quan Trung (關中), còn Sư nhận lời thỉnh của ngài Huệ Viễn (慧遠) đến Lô Sơn (廬山) và dịch *A-tỳ-đàm tâm luận* (阿毘曇心論) 4 quyển và *Tam pháp độ luận* (三法度論) 3 quyển. Niên hiệu Long An (隆安), năm đầu (năm 397), Sư đến Kiến Nghiệp (建業), rất được các vương công nhà Tấn và các danh sĩ kính tin. Bấy giờ, Đông Đình Hầu, Lang Gia Vương Tuân (東亭侯琅琊王珣, 349-400) kiến lập tinh xá, chiêu mộ học chúng khắp nơi. Khi ngài Đề-bà đến đây, Vương liền thỉnh ngài giảng dạy luận *A-tỳ-đàm*, đại chúng đều lãnh ngộ. Mùa đông năm ấy, Vương thỉnh Sư dịch lại *Kinh Trung A-hàm*. Về các kinh luận do Sư dịch, *Xuất Tam tạng ký tập* quyển 2 liệt kê 6 bộ 116 quyển, còn *Khai Nguyên Thích giáo lục* liệt kê 5 bộ 118 quyển.

[13] Nguyên tác: Lục kệ (錄偈).

[14] Những nhầm lẫn này được phát hiện ở phẩm "Nhất nhập đạo", phẩm "Lợi dưỡng", phẩm "Thanh văn" và phẩm "Tu-đà",...

[15] *Nguyên thủy Phật giáo Thánh điển chi tập thành* 原始佛教聖典之集成 (*Y*.35. 0033.10. 0758a13).

[16] *Xuất Tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T*.55. 2145.14. 0100b29): La-thập ở Sa-lặc tụng đọc *Tăng nhất A-hàm*, các luận *Lục túc* và *A-tỳ-đàm* rồi trở về Quy-tư (什於沙勒國誦阿毘曇六足諸論增一阿鋡及還龜茲).

[17] *Xuất Tam tạng ký tập*, "Trường A-hàm kinh", tự 出三藏記集, 長阿含經序 (*T*.55. 2145.9. 0063b26).

[18] *Tạp A-hàm kinh luận hội biên* 雜阿含經論會編 (*Y*.30. 01. b045a01).

điểm này thì *Kinh Tăng nhất A-hàm* gồm có 4 phần, 8 thiên. Dấu vết về sự phân chia này trong *Kinh Tăng nhất A-hàm* chỉ còn được lưu lại một dòng ngắn ở phẩm "Phóng ngưu" (放牛) thứ 49, gọi là *Phóng ngưu phẩm đệ tứ thập cửu, đệ tứ Phân biệt tụng* (放牛品第四十九, 第四分別誦). Hiện chúng tôi vẫn chưa tìm thấy tư liệu khả tín để có thể xác định *Phân biệt tụng* thuộc *Kinh Tăng nhất A-hàm* có bao nhiêu kinh, nhưng khi đối chiếu với *Kinh Trung A-hàm* (*Madhyama Āgama*, 中阿含經) hiện còn trong *Đại Chánh tạng* cho thấy, *Phân biệt tụng* của *Kinh Trung A-hàm* bao gồm 10 quyển, từ quyển 38 đến quyển 48, gồm có 34 kinh, từ kinh 152 đến 186. Như vậy, từ những đối chiếu, liên hệ vừa nêu đã phần nào cho thấy bản *Kinh Tăng nhất A-hàm* của ngài Cưu-ma-la-thập có thể đã chuyên chở nhiều giá trị nguyên bản, mang tính đặc thù.

Xét về phương diện bộ phái, trong *Kinh Tăng nhất A-hàm* đã tồn tại những cơ sở thuộc Đại Chúng bộ (Mahāsāṃghika, 大眾部), mang tính tiền đề của Phật giáo Đại thừa.

Điều đầu tiên phải kể đến, đó là chi tiết đức Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa thành bậc Độc giác với danh hiệu là Nam-mô (南無), xuất hiện ở kinh thứ chín, phẩm "Phóng ngưu" (放牛品).[19] Sự kiện này có thể xem là cơ sở đầu tiên liên quan đến việc đức Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa thành Phật ở *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, với danh hiệu là Thiên Vương Như Lai (天王如來).[20] Đáng chú ý là chi tiết này cũng xuất hiện trong văn hệ Nikāya, ở tác phẩm *Milindapañha* (*Mi-tiên vấn đạo*), đó là sự kiện đức Phật xác nhận cho Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) sẽ trở thành một vị Phật Độc giác, hiệu là Atthissara.[21] Thứ hai, kinh điển cũng như giới luật của các bộ phái Phật giáo nói chung không chấp nhận người xuất gia cất giữ tiền bạc, của báu, thế nhưng ở kinh thứ hai, phẩm "Ngũ vương" (五王品)[22] thuộc *Tăng nhất A-hàm* thì đức Phật cho phép Tôn-giả Thi-bà-la được nhận vàng bạc. Kinh ghi: "*Đức Thế Tôn bảo Thi-bà-la: 'Nay thầy có thể nhận trăm ngàn lượng vàng của trưởng giả để cho ông ta được phước quả. Đây là nghiệp duyên đời trước nên có phước báu này.' Ngài Thi-bà-la đáp: 'Xin vâng, thưa Thế Tôn.'*"[23] Thứ ba, kinh thứ chín thuộc phẩm "Tứ ý đoạn" (四意斷品),[24] đã ghi nhận lời Phật dạy: "*Xá-lợi-phất nên biết, Như Lai có bốn điều không thể nghĩ bàn, chẳng phải là điều mà hàng Tiểu thừa có thể biết được.*"[25] Đây là lần đầu tiên, tên gọi "Tiểu thừa" (小乘) xuất hiện trong bốn bộ A-hàm nói chung và *Tăng nhất*

[19] Xem *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.9. 0802b15). Nguyên tác: 當成辟支佛號名曰南無.

[20] *Diệu Pháp Liên Hoa kinh* 妙法蓮華經 (*T*.09. 0262.4. 0035a02).

[21] *Kinh Mi-tiên vấn đáp*, Hòa thượng Giới Nghiêm dịch (Hà Nội: NXB. Tôn giáo, 2003), tr. 323.

[22] *Ngũ vương phẩm* 五王品 (*T*.02. 0125.33. 0681c15).

[23] *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.2. 0685b04-06). Nguyên tác: 世尊告尸婆羅曰汝今可受此長者百千兩金使蒙其福此是宿緣之業可受其報. 尸婆羅對曰如是世尊.

[24] *Tứ ý đoạn phẩm* 四意斷品 (*T*.02. 0125.26. 0635b10).

[25] *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.26.9. 0640a0). Nguyên tác: 舍利弗當知如來有四不可思議事非小乘所能知.

A-hàm nói riêng. Thứ tư, trong phẩm "Tựa" và kinh thứ tám, phẩm "Khuyến thỉnh" (勸請品) đã ghi nhận sự phát tâm Đại thừa (大乘).[26] Thứ năm, *Đại trí độ luận* (大智度論) đã trưng dẫn *Kinh Tăng nhất A-hàm* và liên hệ với kinh điển Đại thừa. Luận ghi: "*Lại nữa, vì lòng thương yêu mà ban an vui cho chúng sanh, thế nên trong Kinh Tăng nhất A-hàm có nói lòng từ bi có năm công đức. Trong kinh điển Đại thừa có nhiều nơi đề cập về công đức đó.*"[27] Bản kinh mà *Đại trí độ luận* trưng dẫn có khả năng là kinh số 10, thuộc phẩm "Thiện tụ" (善聚品).[28]

Bên cạnh những tư liệu có liên hệ đến Đại Chúng bộ và kinh điển Đại thừa, *Kinh Tăng nhất A-hàm* cũng có mối liên quan đến Nhất Thiết Hữu bộ (一切有部). Mười một pháp mà một bậc A-la-hán không bao giờ thực hành, theo *Tăng nhất A-hàm* (*T*.02. 0125.49.4. 0797a09-a18), là một trong những cơ sở. Không những thế, theo *Thành duy thức luận* (成唯識論), ngài Huyền Trang đã gián tiếp cho biết rằng, *Kinh Tăng nhất A-hàm* thuộc về Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Luận ghi: "*Trong Kinh Tăng nhất A-hàm của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ có ẩn ý cho rằng, tên gọi thức a-lại-da này chính là ái trước a-lại-da, vui thích a-lại-da, hân hoan a-lại-da, hoan hỷ a-lại-da.*"[29] Đối khảo đoạn kinh được ngài Huyền Trang đề cập trong *Luận Thành duy thức*, chúng tôi chỉ tìm thấy một yếu tố rất nhỏ ở *Kinh Tăng nhất A-hàm*,[30] tuy nhiên, khi đối chiếu với bản kinh tương đương ở văn hệ Pāli thì có nhiều điều trùng khớp.[31] Đây là một trong những bằng chứng cho thấy, *Kinh Tăng nhất A-hàm* thuộc về Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ theo tuyên bố của ngài Huyền Trang.

Đặc biệt, qua khảo sát cho thấy, có nhiều bản kinh trong *Tăng nhất A-hàm* tương đương với những bản kinh thuộc Thượng Tọa bộ như *Trường bộ* (*Dīgha Nikāya*), *Trung bộ* (*Majjhima Nikāya*), *Tương ưng bộ* (*Saṃyutta Nikāya*) và *Tăng chi bộ* (*Aṅguttara Nikāya*). Vấn đề này đã có nhiều công trình nghiên cứu khả tín của các học giả trên thế giới liệt kê rất mực chi tiết về chánh kinh, nhưng

---

[26] *Tự phẩm* 序品 (*T*.02. 0125.1. 0550a12): Nguyên tác: 菩薩發意趣大乘; 如來說此種種別; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.8. 0595a18). Nguyên tác: 善逝有此智, 質直無瑕穢, 勇猛有所伏, 求於大乘行.

[27] *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 0509.12. 0211b18). Nguyên tác: 復次慈以樂與眾生故增一阿含中說有五功德悲心於摩訶衍經處處說其功德.

[28] *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.10. 0680c18).

[29] *Thành duy thức luận* 成唯識論 (*T*.31. 1585.3. 0015a27-a29). Nguyên tác: 說說一切有部增壹經中亦密意此名阿賴耶謂愛阿賴耶樂阿賴耶欣阿賴耶憙阿賴耶.

[30] Đó là bài kinh thuộc *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.3. 0631b21-b23). Nguyên tác: Khi Như Lai thị hiện ở đời, sẽ có bốn pháp hy hữu xuất hiện ở đời. Là bốn pháp nào? Chúng sanh này phần nhiều bị chấp trước (所著, tham chiếu: *A*. 4.128 - II. 131: *Ālaya*), khi Như Lai thuyết pháp không chấp trước thì họ sẽ tiếp nhận, ghi nhớ, tu tập, thực hành theo pháp đó, tâm không rời xa (若如來出現於世時便有四未曾有法出現於世云何為四此眾生類多有所著若說不染著法時亦復承受念修行之心不遠離).

[31] *A*. 4.128 - II. 131: *Ālayārāmā, bhikkhave, pajā ālayaratā ālayasammuditā;sā tathāgatena anālaye dhamme deśiyamāne sussūsati sotaṁ odahati aññā cittaṁ upaṭṭhapeti* (Này các Tỳ-kheo, quần chúng ưa thích chấp giữ, thích thú chấp giữ, hoan hỷ chấp giữ, khi pháp không chấp giữ được Như Lai thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm), HT. Thích Minh Châu dịch.

vẫn chưa giới thiệu đầy đủ về phần *Chú giải*.[32] Nhân đây, chúng tôi tập trung giới thiệu những bản *Kinh Tăng nhất A-hàm* có mối liên hệ tương đương với những tác phẩm *Chú giải* thuộc Thượng Tọa bộ.

Trước hết, đối với tác phẩm *Chú giải Kinh Pháp cú* (*Dhammapada Aṭṭhakathā*), đã có nhiều bản *Kinh Tăng nhất A-hàm* tương đương với từng phần, từng câu chuyện của tác phẩm này. Đơn cử như *DhA*. 1.7 nói về trường hợp Đề-bà-đạt-đa sám hối, tương đương với *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.9. 0802b15); *DhA*. 1.9 nói về việc hóa độ Nan-đà, tương đương với *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.7. 0591b04); *DhA*. 2.3 nói về hai anh em Châu-lợi-bàn-đặc, tương đương với *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.12. 0601a21); *DhA*. 4.3 nói về vương nạn Tỳ-lưu-ly, tương đương với *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.2. 0690a13); *DhA*. 4.5 nói về việc hóa độ trưởng giả Bạt-đề và người em Nan-đà, tương đương với *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.1. 0646c29); *DhA*. 4.12 nói về trưởng giả Thi-lợi-quật (Sirigutta, 尸利掘), tương đương với *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.7. 0773c20); *DhA*. 7.9 nói về Tôn giả Thi-bà-la (Sīvali, 尸婆羅), tương đương với *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.2. 0683a06); *DhA*. 26.37 nói về vị Phạm chí chuyên gõ đầu lâu, tương đương với *Tăng* 增 (*T*.02. 0125.28.4. 0650c12); *DhA*. 21.1 nói về đại dịch ở thành Tỳ-xá-ly, tương đương với *Tăng* 增 (*T*.02. 0125.38.11. 0725b14).

Riêng đối với *Chú giải Chuyện tiền thân* (*Jātaka Aṭṭhakathā*), tuy không có nhiều bản kinh *Tăng nhất A-hàm* tương đương và phong phú như *Chú giải Kinh Pháp cú*, nhưng về phương diện nội dung thì có những điều tương đồng kỳ đặc. Đơn cử như câu chuyện về vương nạn Tỳ-lưu-ly, nếu như ở *Kinh Tăng nhất A-hàm* chỉ gói gọn trong *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.2. 0690a13), nhưng ở *Chuyện tiền thân* (*J*. IV. 465) thì nội dung này được diễn giải rất mực sinh động. Đáng lưu ý, chi tiết đức Phật ngồi bên cội cây khô ngăn Vua Tỳ-lưu-ly tàn sát dòng họ Sākya ở hai nguồn tư liệu này giống nhau và trùng khớp đến mức kỳ lạ. Nếu như ở *Kinh Tăng nhất A-hàm*, đức Phật đã trả lời Vua Tỳ-lưu-ly rằng: "*Bóng của thân tộc mát hơn người ngoài*"(親族之廕故勝外人)[33] thì ở *J*. IV. 465 cũng đồng thời ghi nhận: "*Bóng cây của thân tộc Ta khiến cho Ta mát mẻ*"[34] (*ñātakānaṃ chāyā nāma sītalā*).[35] Có thể còn nhiều điều phải bàn về mức độ chân thực từ câu nói này của đức Phật, nhưng qua đó đã cho thấy những điều tương hợp lạ lùng giữa *Kinh Tăng nhất A-hàm* và *Chú giải Chuyện*

---

[32] Xem thêm: Masaharu Anesaki, *The Four Buddhist Āgamas in Chinese: A Concordance of Their Parts and of the Corresponding Counterparts in the Pāli Nikāyas*, 1908; Xích Chiểu Trí Thiện (赤沼智善), Lam Cát Phú (藍吉富), *Hán - Pāli tứ bộ, tứ A-hàm đối chiếu lục* (漢巴四部四阿含互照錄), Hoa Vũ xuất bản xã (華宇出版社), Đài Bắc thị, Đài Loan (臺北市, 臺灣), 1988; *Phật Quang Đại tạng kinh*, phần giới thiệu *Kinh Tăng nhất A-hàm*.

[33] *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.2. 0691a05).

[34] *Kinh Tiểu bộ*, tập 7, "*Chuyện cổ thụ Cát Tường Sala*", Trần Phương Lan dịch, Viện NCPHVN, 2002, tr. 648.

[35] V. Fausboll, *The Jātaka Together with Its Commentary - Being Tales of the Anterior Births of Gotama Buddha*, vol 4 (London: Luzac and Company Ltd., 1963), p. 152.

tiền thân (*Jātaka Aṭṭhakathā*). Ngoài ra, câu chuyện về mười giấc mộng của Vua Ba-tư-nặc ở *Mahāsupinajātaka* (*Chuyện giấc mộng lớn*), số 77 (*J.* I. 334) tương đương với *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.52.9. 0829b11); câu chuyện trưởng giả Thi-lợi-quật (Sirigutta, 尸利掘,) ở *J.* I. 40 tương đương với *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.7. 0773c20); câu chuyện về Tôn giả Thi-bà-la (Sīvali, 尸婆羅) ở *J.* I. 100 tương đương với *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.33.2. 0683a06).

Có thể nói, trong bốn bộ A-hàm, chỉ riêng *Tăng nhất A-hàm* ghi nhận nhiều nội dung tương đồng với các tác phẩm *Chú giải* thuộc Thượng Tọa bộ. Qua đó cho thấy niên đại *Kinh Tăng nhất A-hàm* được hình thành khá muộn, nhưng đồng thời đã thể hiện sự dung nhiếp, tổng hòa những nội dung tư tưởng quan trọng, đặc thù của nhiều bộ phái Phật giáo. Đặc biệt, một trong những đóng góp dễ nhận thấy từ *Kinh Tăng nhất A-hàm*, xét về phương diện lịch sử văn hóa, đó chính là sự thống nhất cách dùng họ Thích đối với toàn bộ những người xuất gia theo truyền thống Phật giáo Bắc truyền, vốn được đề xuất bởi ngài Đạo An.[36]

Riêng đối với Việt Nam, bản dịch tiếng Việt *Kinh Tăng nhất A-hàm* đầu tiên do Hòa thượng Thích Thanh Từ thực hiện theo tinh thần phân nhiệm của Hội nghị toàn thể Hội đồng Phiên dịch Tam tạng, do Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tổ chức ngày 20-10-1973 tại Đại học Vạn Hạnh.[37] Bản dịch này được Hòa thượng Thích Thiện Siêu hiệu đính và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành lần đầu vào năm 1997.

Hơn mười năm sau, Hòa thượng Thích Đức Thắng cống hiến thêm một bản dịch *Kinh Tăng nhất A-hàm*. Bản này được Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích, Nhà xuất bản Phương Đông ấn hành lần đầu vào năm 2008.

Tiếp nối sự nghiệp của người đi trước, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã tham chiếu tất cả các bản Việt dịch, đồng thời tham khảo những công trình nghiên cứu Kinh tạng Nikāya - A-hàm hiện có trên thế giới, để Việt hóa *Kinh Tăng nhất A-hàm* theo tôn chỉ: Chân thực - Uyên thâm - Văn nhã.

Nhằm giúp người đọc dễ dàng nắm bắt nội dung, chúng tôi đã đặt lại tựa đề cho toàn bộ 472 bài kinh trong *Tăng nhất A-hàm*, điều mà trải qua hai lần hiệu chú của ngài Đạo An, Pháp Hòa và ngài Tăng-già-đề-bà còn bỏ ngỏ. Trong khi đặt lại tựa đề cho mỗi bài kinh, điều hiển nhiên xảy ra là các tựa đề này không còn trùng khớp với Nhiếp tụng còn sót lại. Vì muốn bảo tồn những dấu vết trong quá trình truyền thừa kinh văn nên chúng tôi đã giữ lại những bài "Nhiếp tụng" này và sắp đặt ở phần chú thích, mặc dù các bài Nhiếp tụng có những giới hạn như: (i) Tên của những bài kinh theo Nhiếp tụng chưa sát với nội dung; (ii) Nhiều phẩm kinh không có Nhiếp tụng; (iii) Những bài kệ Nhiếp tụng có nhiều chỗ nhầm lẫn, chưa hợp lý.

---

[36] Theo *Xuất Tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T.*55. 2145.15. 0108c03).

[37] Biên bản *Hội nghị toàn thể Hội đồng Phiên dịch Tam tạng* của Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, tổ chức từ ngày 20 đến ngày 22-10-1973.

Trong quá trình thực hiện việc chuyển dịch *Kinh Tăng nhất A-hàm* lần này, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã may mắn phát hiện những chỗ nhầm lẫn hoặc quên sót ngay trong bản gốc Phạn - Hán và những bất cập này vẫn bị lặp lại trong các bản dịch tiếng Việt trước đây. Gặp những trường hợp này, chúng tôi đã cẩn trọng đối chiếu với nhiều nguồn tư liệu khả tín để quyết trạch nội dung, đồng thời cẩn thận chú thích để người đọc tiện bề tra cứu.

Mặc dù cẩn trọng và nỗ lực về nhiều phương diện, nhưng thực sự rất khó tránh khỏi những sơ suất do chưa đủ chú tâm, nơi đây, xin thành tâm đảnh lễ mười phương Tăng-già, quý thiện tri thức gần xa, xin quý ngài lân mẫn chỉ dạy để bản dịch được sáng tỏ hơn trong những ấn bản về sau. Với lòng quý trọng vô biên, chúng con xin kính tri ân lịch đại Tổ sư, chư vị Tôn túc, những bậc đã tận hiến đời mình vào công cuộc giữ gìn, phiên dịch, hiệu chú kinh điển và truyền bá Chánh pháp.

Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh thực hiện.

1. PHẨM TỰA[1]

Lạy đấng Năng Nhân, Đệ Thất Tiên,[2]
Diễn vô thượng pháp của Thánh hiền,
Chúng sanh bao kiếp chìm sanh tử,
Nay Ngài cứu độ thoát não phiền.
Trưởng lão Ca-diếp và chúng Tăng,
Hiền triết A-nan, bậc Đa văn,
Thiện Thệ Niết-bàn, cúng Xá-lợi,
Rời Câu-di đến Ma-kiệt-đà.
Ca-diếp tư duy tứ đẳng tâm,[3]
Thương khắp chúng sanh đọa năm đường,
Từ ngày Chánh Giác đà nhập diệt,
Nhớ lời Phật dạy, dạ khóc thương.
Ca-diếp thường lo dạ chẳng vơi,
Làm sao pháp trụ mãi nơi đời?
Thánh ngôn Phật dạy nhiều vô kể,
Xin quyết giữ gìn, chẳng để rơi.
Tập pháp, ai người đủ trí năng,
Rành rẽ trú xứ, gốc nhân duyên,
Bậc Hiền thông tuệ trong hội chúng,
A-nan hiền thiện lại đa văn.
Liền đánh kiền chùy nhóm bốn chúng,[4]
Tám vạn bốn ngàn vị Tỳ-kheo,
Chứng A-la-hán, tâm giải thoát,
Bậc Phước điền, trói buộc hết theo.
Ca-diếp vì thương khắp thế gian,
Lòng thường nhớ nghĩ đến Tôn ân,

---

[1] Nguyên tác: *Tự phẩm* 序品 (*T*.02. 0125.1. 0549b09). Tham chiếu: *Kinh Vua Đại Thiên*, số 4, phẩm 50, tr. 939 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.4. 0806c21); *Đại Thiên nại lâm kinh* 大天奈林經 (*T*.01. 0026.67. 0511c21); *M*. 83, *Makhādeva Sutta* (*Kinh Makhādeva*); *Chuyện vua Makhādeva*, số 9 (*J*. I. 137); *Chuyện đại vương Nimi*, số 541 (*J*. VI. 95).

[2] Theo *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.7. 0775b17), Đệ Thất Tiên (第七仙) là danh hiệu chỉ cho đức Phật Thích-ca, vì Ngài là vị Phật thứ 7 tính từ đức Phật Tỳ-bà-thi trong thời quá khứ đến hiện tại.

[3] Nguyên tác: Tứ đẳng (四等), tức là "tứ vô lượng tâm" (四無量心), gồm từ (慈, *mettā*), bi (悲, *karuṇā*), hỷ (喜, *muditā*) và xả (捨, *upekkhā*).

[4] Tứ bộ (四部): Bốn chúng đệ tử Phật là Tỳ-kheo (比丘, *Bhikkhu*), Tỳ-kheo-ni (比丘尼, *Bhikkhunī*), ưu-bà-tắc (優婆塞, *upāsaka*), ưu-bà-di (優婆夷, *upāsikā*). Tham khảo: *MĀ*. 66.

Thế Tôn truyền pháp, A-nan giữ,
Mong pháp lưu truyền khắp thế nhân.
Pháp kết tập đây vốn quá nhiều,
Làm sao tiếp nối chẳng lệch sai?
Để sau bốn chúng đều nghe hiểu,
Hiểu rồi dứt hết khổ trần ai.
A-nan khẩn khoản: "Con chẳng kham,
Vì pháp vô biên lại nhiệm mầu,
Trùng tuyên lời Phật con không dám,
Bởi pháp khôn lường công đức sâu.
Tôn giả Ca-diếp trí lực đầy,
Diệu pháp Thế Tôn đã trao ngài,
Hãy vì chúng sanh, thưa Trưởng lão,
Bậc được nửa tòa của Như Lai."
Ca-diếp đáp rằng: "Tuy có thể,
Nhưng tôi già yếu, đã quên nhiều,
Lời Phật nói ra thầy nhớ, hiểu,
Gắng truyền Diệu pháp mãi về sau.
Tôi nay vốn có ba mắt tịnh,[5]
Khéo thấy biết được căn trí người,
Thấy hết chúng sanh trăm ngàn vạn,
Không ai vượt thắng được A-nan."
Từ cõi Phạm thiên, trời Đế-thích,
Tứ Đại Thiên Vương với chư thiên,
Di-lặc, Đâu-suất cùng vân tập,
Ức hàng Bồ-tát, thật vô biên.
Di-lặc, Phạm, Thích[6] và Tứ Vương,[7]
Hết thảy chắp tay kính tỏ bày:
"Mỗi lần thuyết pháp, Phật ấn chứng:
'A-nan, pháp khí của Ta đây.'
Nếu thầy không muốn pháp còn mãi,
Khác gì tổn hại pháp Như Lai,
Xin gìn pháp yếu vì nhân thế,
Cứu độ ách nguy thoát nạn tai.
Phật hiện nơi đời dù ngắn ngủi,
Nhục thân dẫu mất, Pháp thân còn,

[5] Tam thanh tịnh nhãn (三清淨眼): Ba con mắt thanh tịnh là nhục nhãn (肉眼), thiên nhãn (天眼) và tuệ nhãn (慧眼). Tham khảo: *DĀ.* 9.

[6] Phạm thiên (梵天) và Đế-thích (帝釋).

[7] Tứ Vương (四王): Tứ Đại Thiên Vương (四大天王), là 4 vị Thiên vương bảo hộ thế gian. Tham khảo: *DĀ.* 4.

Để nguồn Chánh pháp không tàn lụi,
Thuyết pháp, A-nan chớ thoái lui!"
Ca-diếp tối tôn và Thánh chúng,
Di-lặc, Phạm, Thích với Tứ Vương,
Khẩn thỉnh A-nan tuyên đọc lại,
Để pháp Như Lai tiếp nối hoài.
A-nan nhân hòa, đủ tứ đẳng,[8]
Hiện sư tử hống,[9] vận tâm mầu,
Ngước nhìn hư không và bốn chúng,
Lòng dạ buồn thương lệ tuôn trào.
Dung nhan liền tỏa ánh quang minh,
Như nắng ban mai rọi chúng sinh,
Di-lặc, Phạm, Thích thấy ánh sáng,
Thành kính chắp tay nghe pháp lành.
Bốn chúng lặng im, chẳng một lời,
Tâm cầu nghe pháp, bặt mông lung,
Tôn trưởng Ca-diếp và Thánh chúng,
Nhìn ngắm tôn nhan, mắt chẳng rời.
A-nan trùng tụng vô số kinh,
Pháp nào đầy đủ, kết bộ riêng:
"Nay tôi chia pháp thành Ba tạng,
Một kệ gồm thâu đủ mười kinh.
Khế kinh phần một, Luật phần hai,
Còn lại phần ba A-tỳ-đàm,[10]
Chư Phật quá khứ cũng phân vậy,
Đủ Kinh, Luật, Luận, Ba tạng này.
Khế kinh lại chia thành bốn bộ,
Đầu tiên Tăng nhất, hai là Trung,
Thứ ba là Trường, nhiều nghĩa hiếm,
Thứ tư là Tạp, bộ sau cùng."
Tôn giả A-nan chợt nghĩ thầm:
"Pháp thân đức Phật có hoại đâu,
Còn mãi nơi đời không đoạn dứt,
Trời, người nghe được, đạt quả mầu.
Hoặc có một pháp, nghĩa rộng sâu,

[8] Xem chú thích 3, tr. 1.

[9] Sư tử hống (師子吼): Tiếng gầm của sư tử. Theo *MĀ*.103, đức Phật dùng âm thanh vô úy để thuyết pháp, như sư tử gầm rống không sợ hãi một loài thú nào khác.

[10] A-tỳ-đàm (阿毘曇). *Phân biệt công đức luận* 分別功德論 (*T*.25. 1507.1. 0032a15) gọi là Đại pháp (大法) hay Vô tỷ pháp (無比法). Do vì trí tuệ rộng lớn về tứ đế là ngọn cờ Chánh pháp cao hiển, có thể đoạn trừ các tà kiến (邪見) và vô minh (無明) sâu dày nên gọi là Đại pháp. Do vì 8 trí (八智), 10 tuệ (十慧) của chánh kiến vô lậu siêu việt 3 cõi, không gì ngăn ngại nên gọi là Vô tỷ pháp.

Rất khó nhớ ghi, khó tụng trì,
Nay ta nên tập nghĩa một pháp,
Mỗi mỗi theo nhau, dễ khắc ghi.
Cũng có hai pháp, kết thành hai,
Ba pháp thành ba, như chuỗi xâu,
Bốn pháp thành bốn, năm cũng vậy,
Đến sáu, bảy pháp nối theo nhau,
Tám pháp nghĩa rộng, chín tiếp theo,
Kế đến mười pháp, mười một pháp,
Như thế sẽ làm cho Pháp bảo,
Hằng ở thế gian, mãi bền lâu."
Hội chúng kết tập lúc bấy giờ,
A-nan liền lên thẳng pháp tòa,
Di-lặc ngợi khen: "Thật khéo thuyết,
Nghĩa của các pháp phối hài hòa.
Lại có những pháp nên phân bộ,
Bởi Phật giảng nói tùy căn cơ,
Với chư Bồ-tát hướng Đại thừa,
Như Lai đặc biệt nói lục độ.
Pháp này sâu xa, Nhân Tôn dạy:
'Bố thí, trì giới, nhẫn, tinh chuyên,
Thiền định, trí tuệ như trăng sớm,
Thấy pháp, qua bờ, dứt chướng ngăn.
Những ai dũng mãnh thí mắt, đầu,
Chẳng tiếc thân mình, chẳng đớn đau,
Vợ con, tôi tớ cùng gia nghiệp,
Đây là đàn độ[11] nên hành sâu.
Giữ bền giới độ như kim cương,
Hủy, phạm, nhiễm ô chớ để vương,
Kiên tâm giữ giới như bình gốm,
Gọi là giới độ tụng tập thường.
Dẫu người có đến chặt tay chân,
Điềm đạm nhẫn kham, chẳng khởi sân,
Như biển bao dung không thêm bớt,
Gọi là nhẫn độ rất tinh cần.
Những ai tạo tác các hạnh lành,
Nghiệp thân, miệng, ý rất tịnh thanh,
Ngăn chặn hành vi làm chướng đạo,

[11] Đàn độ (檀度) tức là "đàn ba-la-mật" (檀波羅蜜), một trong 6 độ. "Đàn" xuất phát từ phiên âm chữ "*dāna*", vốn có nghĩa là bố thí, là cho; "ba-la-mật" nghĩa là độ, tức là hành pháp vượt thoát sanh tử, "đàn độ" cũng gọi "bố thí ba-la-mật." Theo *Phân biệt công đức luận* 分別功德論 (*T*.25. 1507.2. 0036c02).

Gọi là tấn độ mãi thực hành.
Những ai thiền tọa thở vào ra,
Tâm ý an nhiên, chẳng niệm tà,
Dù đất chuyển rung, thân chẳng ngã,
Gọi là thiền độ chẳng rời xa.
Sức trí tuệ soi đếm bụi trần,
Nhiều như số kiếp đã thọ thân,
Biết ngần ấy nghiệp, tâm chẳng loạn,
Gọi là trí độ rất chuyên cần.'
Các pháp sâu mầu, hiển lý Không,
Khó nhìn thấu triệt, khó tỏ thông,
Người học đời sau ôm nghi hoặc,
Hạnh Bồ-tát ấy phải gắng công."
A-nan tự suy niệm như vầy:
"Hạnh ấy[12] người ngu khó tin thay!
Trừ A-la-hán, Tín giải thoát,
Mối nghi dứt hết, sức tin đầy."
Bấy giờ bốn chúng phát đạo tâm,
Cùng các hữu tình, mọi sanh linh,
Dứt nghi, vững chắc tin Chánh pháp,
Nên kết tập riêng họ một phần.
Di-lặc ngợi khen: "Khéo thuyết thay!
Tôn chỉ Đại thừa ý rộng sâu,
Có những pháp thuần trừ kiết sử,
Có những pháp chuyên chứng đạo mầu."
A-nan liền hỏi: "Phải làm sao?
Tôi đích thân nghe pháp Phật tuyên,
Những ai chẳng được nghe Phật thuyết,
Há chẳng hồ nghi với pháp sao?
Để thấy lời tôi quả không sai,
Không hề dối gạt người đời sau,
'Tôi nghe như vầy', kinh ghi rõ,
Những nơi đức Phật nói pháp mầu.
Đầu tiên thuyết tại Ba-la-nại,
Độ ba Ca-diếp[13] ở Kiệt-đà,
Tỳ-la, Câu-tát và Ca-thi,

[12] Chỉ cho hạnh Bồ-tát (菩薩之行).

[13] Tam Ca-diếp (三迦葉): Ba anh em Ca-diếp, đó là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (優樓頻螺迦葉, Uruvela Kassapa), Na-đề Ca-diếp (那提迦葉, Nadī Kassapa) và Già-da Ca-diếp (伽耶迦葉, Gayā Kassapa).

Chiêm-ba, Câu-lưu, Tỳ-xá-ly.
Cung trời, cung rồng, a-tu-la,
Cung càn-thát-bà, thành Câu-thi,
Nếu không nhớ rõ nơi Phật thuyết,
Sẽ ghi xuất xứ Xá-vệ thành.[14]
Điều ấy một thời chính tôi nghe,
Phật tại Xá-vệ với chúng Tăng,
An trú Kỳ Hoàn tu thiện hạnh,
Vườn Cấp Cô Độc trưởng giả dâng.
Phật tại nơi này dạy Tỳ-kheo:
'Hãy tu một pháp, thật chuyên cần,
Tâm chẳng buông lung, tu một pháp,
Một pháp là gì? Là niệm Phật,
Niệm Pháp, niệm Tăng và niệm giới,
Niệm thí, niệm thiên, niệm hơi thở,
Niệm thân rồi đến niệm sự chết,
Niệm trừ loạn tưởng[15] là thứ mười.'
Pháp mười niệm này, có thêm mười,
Tiếp theo nói đến chúng Tỳ-kheo,
Trước độ trưởng tử, thầy Câu-lân,[16]
Sau cùng nhỏ nhất là Tu-bạt.[17]
Dùng phương tiện này rõ một pháp,
Hai gồm hai pháp, ba gồm ba,
Bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười,
Mười một pháp này đều thông tỏ.
Từ một tăng một, đến các pháp,
Nghĩa nhiều, tuệ rộng chẳng thể bàn,
Nghĩa mỗi Khế kinh đều sâu rộng,
Xứng đặt tên *Tăng nhất A-hàm*.
Nay nương một pháp ắt khó rành,
Khó trì, khó hiểu, khó tỏ thông,
Vị nào xứng hợp Tỳ-kheo hạnh,
Nay đáng xưng là vị Tối tôn.
Như thợ gốm ưa nặn vật gì,
Mặc tình nhào nặn chẳng hồ nghi,
Tăng nhất A-hàm đây cũng thế,

[14] Xá-vệ (舍衛, Sāvatthi) vốn là tên thành đô của nước Kiêu-tát-la (憍薩羅, Kosala).
[15] Phẩm "Mười niệm" gọi đây là "niệm tịch lặng." Thứ tự sắp xếp ở đây không đồng.
[16] Câu-lân (拘隣). *SĀ*. 379 gọi là A-nhã Câu-lân (阿若拘隣, Aññāsi Koṇḍañña).
[17] Tu-bạt (須拔) gọi đủ là Tu-bạt-đà-la (須跋陀羅, Subhadda), vị đệ tử cuối cùng của đức Phật.

Giáo hóa Ba thừa[18] chẳng khác chi.
Kinh Phật nhiệm mầu, cực thâm sâu,
Như nước chảy qua, kiết sử trừ,
Đứng đầu trong ấy là *Tăng nhất*,
Ba nhãn[19] lắng trong, ba cấu[20] trừ.
Ai nguyện chuyên tâm trì kinh này,
Chính là trì đủ tạng Như Lai,
Đời này thân dẫu còn kiết sử,
Nhưng ở đời sau trí cao dày.
Nếu ai biên chép quyển kinh đây,
Tơ lụa, lọng hoa cúng dâng đầy,
Phước kia vô lượng sao kể xiết,
Bởi Pháp bảo này khó gặp thay!"
Đất chuyển rung khi nói lời này,
Trời tuôn hoa ngát phủ giăng dày,
"Lành thay!" Thiên chúng khen ngợi thế,
A-nan trùng tụng hợp nghĩa thay!
Khế kinh là một, Luật là hai,
A-tỳ-đàm, Luận tạng thứ ba,
Thâu kinh còn lại làm Tạp tạng,
Phương đẳng, Đại thừa nghĩa sâu xa.
Lời Phật trước sau nghĩa chu viên,
Thuận hợp ngọn ngành lẫn nhân duyên,
Di-lặc, chúng trời đều khen ngợi:
"Kinh điển Thích-ca mãi lưu truyền."
Di-lặc khởi thân tay cầm hoa,
Vui mừng rải khắp cả pháp tòa:
"Kinh này quả đúng Như Lai thuyết,
A-nan chứng đạo ắt không ngoa."

[0550c15] Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng Phạm thiên dẫn chúng trời Phạm-ca-di cùng đến hội họp. Trời Hóa Tự Tại dẫn quyến thuộc cùng đến hội họp. Trời Tha Hóa Tự Tại dẫn quyến thuộc cùng đến hội họp. Thiên vương cõi trời Đâu-suất dẫn thiên chúng cùng đến hội họp. Diệm thiên dẫn quyến thuộc cùng đến hội họp. Thích-đề-hoàn-nhân dẫn thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba cùng đến hội họp. Thiên vương Đề-đầu-lại-tra dẫn chúng càn-thát-bà cùng đến hội

[18] Tam thừa (三乘). *Bất thối chuyển pháp luân kinh* 不退轉法輪經 (*T*.09. 0267. 0226c25-26) định nghĩa: Thế nào gọi là Tam thừa? Phật dạy: Đó là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Phật thừa. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thường dạy như thế về pháp Tam thừa (云何名為三乘? 佛言: 所謂聲聞乘, 辟支佛乘, 佛乘, 釋迦牟尼佛常作如是說三乘法).

[19] Tam nhãn (三眼). Xem chú thích 5, tr. 2.

[20] Tam cấu (三垢): Ba thứ cấu uế là tham, sân, si.

họp. Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa dẫn chúng quỷ mị cùng đến hội họp. Thiên vương Tỳ-lưu-bạt-xoa dẫn các chúng rồng cùng đến hội họp. Thiên vương Tỳ-sa-môn dẫn chúng dạ-xoa, la-sát cùng đến hội họp.

Khi ấy, Đại sĩ Di-lặc nói với các Bồ-tát trong Hiền kiếp:[21]

– Các Đại sĩ hãy khuyến khích các thiện nam và tín nữ đọc tụng, thọ trì *Kinh Tăng nhất*, giảng nói và lưu truyền rộng khắp, khiến trời và người đều phụng hành Khế kinh này.

Lúc Ngài Di-lặc nói lời này, chư thiên, loài người, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, ma-hầu-la-già, khẩn-na-la,... đều bạch rằng:

– Chúng tôi sẽ cùng nhau hộ trì thiện nam, tín nữ nào đọc tụng, thọ trì *Kinh Tăng nhất*, giảng nói và lưu truyền rộng khắp, không để Khế kinh này đoạn dứt.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ưu-đa-la[22] rằng:

– Nay tôi đem *Tăng nhất A-hàm* này giao phó cho thầy. Mong thầy hãy khéo tụng đọc, học thuộc chớ để thiếu sót. Vì sao như vậy? Vì người nào xem thường Khế kinh trân quý này, liền bị đọa lạc xuống hàng phàm phu. Vì sao như vậy? Này Ưu-đa-la! *Tăng nhất A-hàm* chính là giáo pháp sanh ra ba mươi bảy đạo phẩm, cho đến các pháp đều từ đây mà sanh ra.

[0551a05] Bấy giờ, ngài Đại Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan:

– Tôn giả A-nan! *Tăng nhất A-hàm* có thật sự sanh ra ba mươi bảy đạo phẩm, cho đến các pháp đều từ đây mà sanh ra chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đúng thế! Đúng thế! Thưa ngài Ca-diếp, *Tăng nhất A-hàm* thật sự sanh ra ba mươi bảy đạo phẩm, cho đến các pháp đều từ đây mà sanh ra. Vả lại, không cần nhiều đến thế mà chỉ cần một bài kệ trong *Kinh Tăng nhất* cũng đã sanh ra ba mươi bảy đạo phẩm cho đến các pháp.

Ngài Ca-diếp hỏi:

– Những câu kệ nào đã sanh ra ba mươi bảy đạo phẩm cho đến các pháp?

Tôn giả A-nan liền đọc kệ này:

Chớ làm các việc ác, Siêng tu các hạnh lành,
Giữ tâm mình thanh tịnh, Là lời chư Phật dạy.

Sở dĩ như thế là vì "Chớ làm các việc ác", vốn là cội gốc các pháp, từ đây sanh ra tất cả pháp lành, nhờ sanh pháp lành mà tâm ý thanh tịnh. Thế nên, bạch ngài Ca-diếp! Việc làm từ thân, khẩu, ý của chư Phật, Thế Tôn luôn thanh tịnh.

---

[21] Hiền kiếp (賢劫). Thuở đầu ở Hiền kiếp, con người thọ 4 vạn tuổi và có 1000 vị Phật ra đời. Theo *Bi Hoa kinh* 悲華經 (*T*.03. 0157.5. 0199c26): 賢劫之初, 人壽四萬歲, 於千佛中.

[22] Ưu-đa-la (優多羅), vị đệ tử của đức Phật. Theo kinh số 4, phẩm 4, tr. 36 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.4. 0557c08), Sư thường ở chỗ vắng người, một mình tu hành ở bãi tha ma để tư duy pháp lạc nên được gọi là "Trủng gian đệ nhất" (塚間第一). Theo truyền thuyết, Sư là người có trí nhớ rất tốt.

Ca-diếp lại hỏi:

– Thế nào A-nan! Chỉ riêng *Tăng nhất A-hàm* sanh ra ba mươi bảy đạo phẩm và các pháp, hay những bộ A-hàm khác cũng có thể sanh ra?

A-nan liền đáp:

– Không cần nhiều đến thế, thưa Tôn giả Ca-diếp! Với nghĩa lý của một bài kệ trong bốn bộ A-hàm cũng đã đầy đủ giáo pháp của chư Phật, của bậc Độc giác[23] và hàng Thanh văn. Sở dĩ như thế là vì "Chớ làm các việc ác" đã là hành trì giới cấm, giữ hạnh thanh bạch; "Siêng tu các hạnh lành" là giữ tâm ý trong sạch; "Giữ tâm mình thanh tịnh" tức là trừ tà kiến điên đảo; "Là lời chư Phật dạy" tức là dứt trừ si mê. Vì sao như vậy? Thưa ngài Ca-diếp! Vì người trì giới thanh tịnh, lẽ nào tâm ý lại không thanh tịnh? Người tâm ý thanh tịnh thì không điên đảo; do không điên đảo nên si mê diệt, liền thành tựu được ba mươi bảy đạo phẩm. Đã thành đạo quả, đó lẽ nào chẳng phải là các pháp sao?

Ca-diếp lại hỏi:

– Này A-nan! Sao thầy lại giao phó *Tăng nhất A-hàm* này cho thầy Ưu-đa-la mà không trao truyền hết thảy các pháp cho các Tỳ-kheo khác?

A-nan đáp:

– *Tăng nhất A-hàm* tức là các pháp, các pháp chính là *Tăng nhất A-hàm*, vốn chỉ là một mà không có hai.

[0551b01] Ca-diếp lại hỏi:

– Vì những nguyên do nào mà thầy trao *Tăng nhất A-hàm* cho thầy Ưu-đa-la chứ không trao cho Tỳ-kheo khác?

A-nan đáp:

– Thưa Tôn giả Ca-diếp! Xin ngài biết cho, chín mươi mốt kiếp về trước, đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời. Lúc đó, Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Y-câu Ưu-đa-la. Bấy giờ, vị Phật kia đã đem *Kinh Tăng nhất* trao cho vị này, bảo vị này phải thọ trì đọc tụng. Từ đó cho đến ba mươi mốt kiếp về sau, lại có đức Phật hiệu là Thi-khí Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời. Lúc đó, Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên là Mục-già Ưu-đa-la. Đức Thi-khí Như Lai lại đem pháp này trao cho và bảo vị này phải thọ trì đọc tụng. Cũng chính trong ba mươi mốt kiếp ấy, có đức Phật hiệu là Tỳ-xá-bà Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác lại thị hiện ở đời. Lúc đó, Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Long Ưu-đa-la. Đức Phật lại đem pháp này trao cho và bảo vị này phải thọ trì đọc tụng.

---

[23] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛, Paccekabuddha). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.18. 0191b05), Bích-chi Phật có 2 nghĩa: (i) Sanh vào thời không có Phật, lúc ấy Phật pháp đã diệt, nhưng nhờ nhân duyên tu hành đời trước, nương vào trí tuệ của chính mình mà được đạo, còn gọi là bậc Độc giác (獨覺); (ii) Tự mình giác ngộ, không nương theo người khác, nhờ quán xét và giác ngộ về khổ, vô thường và vô ngã.

Thưa Tôn giả Ca-diếp, trong Hiền kiếp này có đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời. Lúc đó, Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên là Lôi Điện Ưu-đa-la, lại được Như Lai đem pháp này trao cho và bảo vị này phải đọc tụng. Trong Hiền kiếp này, lại có đức Phật hiệu là Câu-na-hàm Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời. Lúc đó, Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên là Thiên Ưu-đa-la. Đức Phật kia lại đem pháp này trao cho và bảo vị này phải đọc tụng. Trong Hiền kiếp này, lại có đức Phật hiệu là Ca-diếp Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời. Bấy giờ, Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên là Phạm Ưu-đa-la. Đức Phật kia lại đem pháp này trao cho và bảo vị này phải đọc tụng.

Thưa Tôn giả Ca-diếp, nay đức Thích-ca Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời. Tỳ-kheo này nay tên là Ưu-đa-la. Đức Phật Thích-ca tuy đã nhập Niết-bàn, nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn còn ở thế gian. Thế Tôn đã đem pháp này phó chúc cho tôi. Nay tôi lại trao pháp này cho Ưu-đa-la. Vì sao như vậy? Bởi vì trước phải quán biết năng lực, thấu rõ nguồn gốc, rồi sau mới trao pháp. Vào thời quá khứ, trong Hiền kiếp này, đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời. Bấy giờ, có vua tên là Ma-ha-đề-bà, dùng giáo pháp để trị vì đất nước và giáo hóa dân chúng chưa từng sai lạc, thọ mạng rất dài, đoan chánh vô song, thế gian hiếm có. Trong tám vạn bốn ngàn năm, vị vua này làm đồng tử vui chơi thỏa thích; trong tám vạn bốn ngàn năm, làm vị thái tử dùng pháp để trị nước an dân; trong tám vạn bốn ngàn năm, lại dùng vương pháp để cai trị thiên hạ.

[0551c04] Tôn giả Ca-diếp biết cho, lúc đó Thế Tôn ngụ trong vườn Cam Lê.[24] Giống như thường lệ, sau khi thọ thực thì Phật đi kinh hành, tôi theo làm thị giả. Bấy giờ, Thế Tôn mỉm cười, miệng phóng hào quang năm sắc. Tôi thấy vậy, liền quỳ trước Thế Tôn và bạch:

"Thế Tôn chẳng cười vô cớ, xin cho con được nghe nguyên do. Đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác không cười vô cớ."

Bấy giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp, đức Phật bảo tôi:

"Ở đời quá khứ, trong Hiền kiếp này, có Như Lai hiệu Câu-lưu-tôn, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời, đã thuyết pháp rộng rãi cho chúng đệ tử ngay tại trú xứ này. Sau đó, cũng trong Hiền kiếp này, lại có Như Lai Câu-na-hàm, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời. Bấy giờ, đức Phật ấy cũng tại trú xứ này mà thuyết pháp rộng rãi. Kế nữa, trong Hiền kiếp này, lại có Như Lai Ca-diếp, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời, cũng thuyết pháp rộng rãi tại trú xứ này."

---

[24] Cam Lê viên (甘梨園), khu vườn xoài tại thành Tỳ-xá-ly. Theo *Xuất diệu kinh* 出曜經 (*T*.04. 0212.2. 0615c07).

Tôn giả Ca-diếp! Lúc ấy, tôi quỳ trước đức Phật và bạch:

"Con mong về sau, Phật Thích-ca cũng ở tại trú xứ này thuyết pháp đầy đủ cho chúng đệ tử. Nơi này sẽ là tòa kim cang của bốn đức Như Lai, mãi không đoạn dứt."

Bấy giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp, Phật Thích-ca ngồi tại trú xứ ấy, bảo tôi:

"Này A-nan, xưa kia, trong thời Hiền kiếp, tại trú xứ này, có vị vua ra đời tên là Ma-ha-đề-bà. Trong suốt tám vạn bốn ngàn năm, vua luôn dùng vương pháp giáo hóa, lấy đức để dạy dân. Nhiều năm sau đó, vua dặn Kiếp-tỳ[25] rằng:

'Nếu thấy tóc trên đầu ta điểm bạc, khanh hãy báo cho ta biết.'

Người kia vâng lệnh. Nhiều năm sau, khi thấy tóc trên đầu vua điểm bạc, Kiếp-tỳ liền quỳ trước vua, tâu:

'Tâu Đại vương! Tóc trên đầu ngài đã điểm bạc.'

Vua bảo Kiếp-tỳ:

'Khanh hãy lấy nhíp vàng nhổ số tóc bạc đó đặt vào bàn tay ta.'

Lúc đó, Kiếp-tỳ vâng lệnh, lấy nhíp vàng nhổ tóc bạc. Bấy giờ, nhà vua nhìn thấy tóc bạc, liền nói kệ này:

Lúc này trên đầu ta, Tóc suy hao đã điểm,
Thiên sứ đến đây rồi, Nên xuất gia cho kịp.

[0552a02] 'Hiện đời ta đã hưởng phước ở cõi người, phải tự cố gắng để được đức cõi trời. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo để dứt trừ các khổ.'

Khi ấy, Vua Ma-ha-đề-bà liền nói với thái tử lớn nhất tên là Trường Thọ:

'Con biết chăng, nay trên đầu ta tóc đã điểm bạc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo để dứt trừ các khổ. Con hãy nối ngôi ta, dùng pháp để an dân trị nước, chớ để sai pháp. Nếu trái lời ta dạy sẽ tạo nghiệp của phàm phu. Tại sao như thế? Bởi nếu có người nào trái lời ta dạy thì người đó đã tạo nghiệp của phàm phu. Kẻ phàm phu sẽ đọa mãi trong ba đường ác, phải chịu khổ tám nạn.'

Nói xong, Vua Ma-ha-đề-bà liền truyền ngôi cho thái tử, rồi ban thưởng tiền bạc châu báu cho Kiếp-tỳ. Sau đó, vua đến nơi khác cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo để dứt trừ các khổ. Trong tám vạn bốn ngàn năm, vua khéo tu Phạm hạnh, thực hành tứ đẳng tâm, gồm từ, bi, hỷ, xả; sau khi qua đời, nhà vua được sanh lên cõi Phạm thiên.

Bấy giờ, Vua Trường Thọ luôn nhớ lời vua cha dạy, chưa bao giờ quên, dùng pháp để trị nước an dân, không để sai pháp. Chưa đầy mười ngày sau, Vua

[25] Kiếp-tỳ (劫比): Thuật ngữ này có nguyên tác Pāli là *kappaka*, có nghĩa là thợ hớt tóc. Ở đây, phiên âm *kappaka* trở thành tên riêng của một người. Kiếp-tỳ (劫比) còn được phiên âm là "Kiếp-bắc" (劫北) ở *Kinh Vua Đại Thiên*, số 4, phẩm 50, tr. 944 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.4. 0806c21).

Trường Thọ liền được làm Chuyển Luân Thánh vương, đầy đủ bảy báu, đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, kho tàng báu và tướng quân báu. Vua lại có một ngàn người con trí dũng song toàn, thống lãnh bốn phương, khéo trừ các khổ.

Bấy giờ, Vua Trường Thọ theo cách của vua cha nên nói kệ này:

Nay ở trên đầu ta, Tóc đã điểm bạc rồi,
Thiên sứ cũng đã đến, Đúng lúc nên xuất gia.

'Nay ta đã hưởng phước loài người, phải tự cố gắng tạo đức cõi trời. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo để dứt trừ các khổ.'

Rồi Vua Trường Thọ nói với thái tử lớn nhất tên là Thiện Quán:

'Con biết chăng, nay trên đầu ta tóc đã điểm bạc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo để dứt trừ các khổ. Con hãy nối ngôi ta, dùng pháp để trị nước an dân, chớ để sai pháp. Nếu trái lời ta dạy sẽ tạo nghiệp của phàm phu. Tại sao như thế? Bởi nếu có người nào trái lời ta dạy thì người đó đã tạo nghiệp của phàm phu. Kẻ phàm phu thì đọa mãi trong ba đường ác, phải chịu khổ tám nạn.'

Trong tám vạn bốn ngàn năm, Vua Trường Thọ đã khéo tu Phạm hạnh, thực hành tứ đẳng tâm là từ, bi, hỷ và xả, nên sau khi qua đời được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Còn Vua Thiện Quán cũng luôn ghi nhớ lời cha dạy bảo, chưa bao giờ quên, dùng pháp để trị nước, không chút sai lạc."

Tôn giả Ca-diếp biết chăng? Vua Ma-ha-đề-bà lúc đó đâu phải người nào khác mà chính là Phật Thích-ca ngày nay. Còn Vua Trường Thọ, nay là A-nan tôi đây. Vua Thiện Quán lúc đó, nay là Tỳ-kheo Ưu-đa-la, luôn dùng vương pháp để trị nước, chưa bao giờ quên, chưa từng rời bỏ. Hơn nữa, Vua Thiện Quán lại càng làm rạng rỡ lời dạy của vua cha, dùng pháp cai trị, chưa từng lãng quên. Vì sao như thế? Vì lời dạy của vua cha thật khó làm trái được.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ:

Kính pháp, vâng lời cha, Không quên ân người trước,
Ba nghiệp khéo chú trọng, Điều người trí quý mong.

– Sau khi suy ngẫm nghĩa này rồi, tôi đem *Tăng nhất A-hàm* trao cho Tỳ-kheo Ưu-đa-la. Vì sao như vậy? Vì mọi sự việc đều có nguyên do.

Rồi Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ưu-đa-la:

– Trước đây, lúc làm Chuyển Luân Thánh vương, thầy đã không trái lời vua cha dạy bảo. Nay tôi lại đem pháp này giao phó cho thầy, mong thầy đừng để mất chánh giáo, chớ tạo nghiệp của phàm phu. Thầy nên biết, nếu có người nào làm trái lời dạy hiền thiện của Như Lai thì sẽ bị đọa trong cõi phàm phu. Vì sao như vậy? Bởi vì lúc ấy, Vua Ma-ha-đề-bà chưa đạt đến chỗ giải thoát

rốt ráo, chưa được giải thoát đến chỗ an ổn, tuy hưởng phước báu Phạm thiên, nhưng vẫn chưa đạt đến cứu cánh. Thiện nghiệp của Như Lai, tức là chỗ an ổn cứu cánh, vô cùng hân hoan, được trời, người cung kính, chắc chắn thành tựu Niết-bàn. Thế nên Ưu-đa-la! Thầy cần phải phụng trì pháp này, thường trì tụng, ghi nhớ, chớ để quên sót.

[0552b04] Bấy giờ, A-nan liền nói kệ:

Với Pháp, hãy trì niệm,
Pháp tỏ, đạt Chánh Giác,
Pháp hay trừ các khổ,
Niệm Pháp chẳng rời tâm,
Nếu ai muốn thành Phật,
Thọ trì Ba tạng pháp,
Ba tạng đà khó được,
Nên tụng bốn A-hàm,
A-hàm đà khó tụng,
Giới luật chớ để mất,
Giới cấm đã khó giữ,
A-tỳ-đàm khéo giữ,
Tuyên dương A-tỳ-đàm,
Nên tụng bốn A-hàm,[26]
Khế kinh, A-tỳ-đàm,
Người, trời phụng trì theo,
Khế kinh nếu không có,
Như người mù vào tối,
Nay phó chúc cho thầy,
Chớ xem thường, phải giữ,
Bởi Phật từ đây sanh,
Độc giác, La-hán thành.
Cũng khéo chứng quả mầu,
Nay và sau hưởng phước.
Giống như đức Thích-ca,
Câu từ chẳng lầm sai.
Nghĩa lý lại vô cùng,
Nẻo thiên, nhân cũng vượt.
Nghĩa lý lại cao xa,
Lời vàng của Thích-ca.
Giữ A-hàm cũng vậy,
Hàng phục ngoại đạo ngay.
Vì nghĩa khó trì hiểu,
Câu từ chớ sai thiếu.
Giới luật, lưu truyền mãi,
Sanh về nơi thư thái.
Giới luật chẳng tuyên ban,
Bao giờ thấy ánh quang?
Cùng bốn bộ chúng đây,
Lời Thế Tôn giảng bày.

Khi Tôn giả A-nan nói lời này, trời đất sáu phen rúng động. Các vị trời, thần trên hư không, tay cầm hoa trời rải lên Tôn giả A-nan và bốn bộ chúng. Tất cả trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la và ma-hầu-la-già,... đều mừng rỡ ngợi khen:

– Lành thay, lành thay, Tôn giả A-nan! Những lời thầy nói trước sau đều hiền thiện. Đối với pháp Phật phải nên cung kính, quả đúng như lời thầy nói. Chư thiên và loài người đều nhờ pháp Phật mà thành tựu. Nếu ai làm điều ác, ắt sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

[0552c04] Bấy giờ, ngồi giữa bốn bộ chúng kết tập, Tôn giả A-nan liền vận Phạm âm như tiếng rống sư tử,[27] khuyên tất cả hội chúng hãy phụng hành pháp này.

---

[26] Nguyên tác: Đương tụng tam *A-hàm* (當誦三阿含).

[27] Nguyên tác: Sư tử hống (師子吼). Xem chú thích 9, tr. 3.

Lúc ấy, trong pháp hội, ba vạn trời và người đều đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Sau khi nghe Tôn giả A-nan giảng nói xong, bốn bộ chúng, chư thiên và loài người đều hoan hỷ phụng hành.

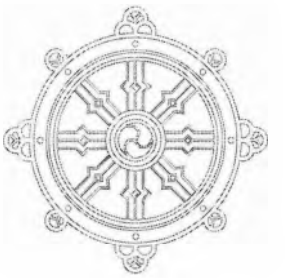

2. PHẨM MƯỜI NIỆM[1]

1. NIỆM PHẬT[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn,[3] tự đến Niết-bàn.[4] Một pháp đó là gì? Đó là niệm Phật. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. NIỆM PHÁP[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm Pháp. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến

---

[1] Nguyên tác: *Thập niệm phẩm* 十念品 (*T*.02. 0125.2. 0552c08). Tham chiếu: *A*. 1.485/494 - I. 39.

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.2.1. 0552c09).

[3] Sa-môn quả (沙門果). Theo *DĀ*. 9, bốn Thánh quả Sa-môn là Tu-đà-hoàn quả (須陀洹果, *Sotāpannaphala*), Tư-đà-hàm quả (斯陀含, *Sakadāgāmiphala*), A-na-hàm quả (阿那含果, *Anāgāmiphala*), A-la-hán quả (阿羅漢果, *Arahattaphala*).

[4] Niết-bàn (涅槃). *SĀ*. 490 định nghĩa: Niết-bàn nghĩa là tham dục đã đoạn sạch vĩnh viễn, sân hận đã đoạn sạch vĩnh viễn, ngu si đã đoạn sạch vĩnh viễn, hết thảy mọi phiền não đã đoạn sạch vĩnh viễn, đó gọi là Niết-bàn (涅槃者, 貪欲永盡, 瞋恚永盡永盡, 一切諸煩惱永盡, 是名涅槃).

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.2.2. 0552c17).

Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. NIỆM TĂNG[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm Tăng. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. NIỆM GIỚI[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm giới. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.2.3. 0552c25).

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.2.4. 0553a04).

5. NIỆM THÍ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm thí. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. NIỆM THIÊN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm thiên. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. NIỆM TỊCH LẶNG[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.2.5. 0553a12).

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.2.6. 0553a20).

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.2.7. 0553a28).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm tịch lặng. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. NIỆM HƠI THỞ[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm hơi thở ra vào. Hãy khéo tu hành, truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. NIỆM THÂN VÔ THƯỜNG[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm thân vô thường. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn,

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.2.8. 0553b07).

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.2.9. 0553b15).

tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. NIỆM SỰ CHẾT[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm sự chết. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi pháp này, các thầy sẽ thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[14]

Phật, Pháp, Thánh chúng niệm, Giới, Thí cập Thiên niệm,
Hưu tức, An-ban niệm, Thân, Tử niệm tại hậu.[15]

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.2.10. 0553b23).

[14] Nguyên tác Nhiếp tụng: 佛, 法, 聖眾念; 戒, 施及天念; 休息, 安般念; 身, 死念在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

[15] Bản Hán, hết quyển 1.

3. PHẨM GIẢNG RỘNG [MƯỜI NIỆM][1]

1. CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp này rồi, các thầy sẽ có được thanh danh,[3] thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm Phật.

Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm Phật như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

– Nguồn gốc của các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, nhất tâm niệm Phật. Khi quán tướng Như Lai, không hề rời mắt; lúc không rời mắt, lại nhớ nghĩ công đức của Như Lai:

---

[1] Nguyên tác: *Quảng diễn phẩm* 廣演品 (*T*.02. 0125.03. 0554a06).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.3.1. 0554a07).

[3] Nguyên tác: Danh dự (名譽), chỉ cho danh tiếng tốt, thanh danh (*yasa*). Tham chiếu *D*. 31: *Chandā dosā bhayā mohā, yo dhammaṁ nātivattati;Āpūrati yaso tassa, sukkapakkheva candimā* (Ai không phản Chánh pháp / Vì tham, sân, bố, si / Thanh danh được tròn đủ / Như mặt trăng đêm đầy), HT. Thích Minh Châu dịch.

Thể của Như Lai bằng kim cương, đầy đủ mười lực,[4] bốn vô sở úy,[5] dũng mãnh giữa đại chúng. Dung mạo Như Lai đoan chánh vô song, nhìn không biết chán. Giới đức thành tựu chắc như kim cương không thể phá hủy, thanh tịnh vô nhiễm, sáng tợ lưu ly. Tam-muội[6] của Như Lai chưa hề sút giảm, vĩnh viễn tịch tĩnh, không có niệm khác. Tâm kiêu mạn, ngang bướng, tham dục, sân hận, si mê, do dự, mạn kiết[7] thảy đều dứt sạch.

Thân trí tuệ vô lậu của Như Lai,[8] trí không bờ mé, không bị chướng ngại. Thân của Như Lai do giải thoát thành tựu, vượt thoát các nẻo, không còn tái sanh, để không phải nói: "Ta lại rơi vào sanh tử." Thân Như Lai vượt khỏi tường thành tri kiến, biết rõ căn cơ của từng người, người nào nên độ người nào không nên độ, biết họ chết đây sanh kia, xoay vần qua lại trong dòng sanh tử; ai sẽ giải thoát, ai không giải thoát, Như Lai đều biết rõ.

Đó gọi là tu hành niệm Phật, sẽ được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Thường phải tư duy, không rời niệm Phật thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. CÔNG ĐỨC NIỆM PHÁP[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ

---

[4] Thập lực (十力), theo *SĀ*. 684, là 10 loại trí lực mà chỉ Như Lai mới có đầy đủ.

[5] Tứ vô sở úy (四無所畏). *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.25. 242a23-26) giải thích: Một là, biết rõ tường tận tất cả các pháp; hai là, diệt trừ tất cả phiền não và nguyên nhân của chúng; ba là, giảng bày các pháp chướng ngại Thánh đạo; bốn là, chỉ bày con đường diệt tận khổ đau. Trong 4 pháp đó, nếu quả thật có người nào cho rằng Như Lai không thể biết rõ tất cả thì Phật không sợ hãi điều này. Vì sao như vậy? Vì đức Phật đã thông đạt và biết rõ hoàn toàn vậy (一者, 正知一切法; 二者, 盡一切漏及習; 三者, 說一切障道法; 四者, 說盡苦道. 是四法中, 若有如實言 '不能盡遍知' 佛不畏是事. 何以故? 正遍知了了故).

[6] Tam-muội (三昧) phiên âm của *samādhi*, nghĩa là chuyên chú tâm vào một chỗ, gọi là "chánh định" (正定). Theo *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.7. 0395a25): 心一境性, 是名正定.

[7] Mạn kiết (慢結), theo *SĀ*. 490, là một trong 9 kiết, là mạn hoặc trói buộc thân.

[8] Tuệ thân (慧身). P. *Paññakkhandha* (tuệ uẩn). Theo *SĀ*. 638, "tuệ thân" là một trong 5 phần Pháp thân, do tu vô lậu trí tuệ nên được thân này, nên gọi là Tuệ thân.

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.3.2. 0554b11).

các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm Pháp.

Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm Pháp như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, chuyên tâm niệm Pháp sẽ dứt trừ được các dục ái, dập tắt trần lao, tâm ái nhiễm vĩnh viễn không còn dấy khởi. Thế nào là Chánh pháp? Nghĩa là ngay nơi dục mà đạt được vô dục, xa lìa bệnh tật của các trói buộc và ngăn che. Ví như mùi các loại hương không bị trộn lẫn mùi khác, pháp này cũng vậy, không bị niệm loạn tưởng pha tạp. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Tu hành niệm Pháp sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Thường phải tư duy, không rời niệm Pháp sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. CÔNG ĐỨC NIỆM TĂNG[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.3.3. 0554c06).

các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm Tăng.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm Tăng như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, chuyên tâm niệm Tăng. Thánh chúng Như Lai do nghiệp lành thành tựu, chân thật ngay thẳng, không làm điều tà, trên dưới hòa hợp, lần lượt thành tựu các pháp. Thánh chúng Như Lai thành tựu giới luật, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng gồm có bốn đôi tám bậc.[11] Đó là Thánh chúng của Như Lai, phải nên cung kính, thừa sự, lễ bái. Vì sao thế? Vì họ là ruộng phước của thế gian, là bậc pháp khí ở trong chúng, có thể tự độ mình và độ người đến với đạo Tam thừa. Do phẩm vị như vậy nên gọi là Thánh chúng. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu có người niệm Tăng thì sẽ được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải thường tư duy, không lìa niệm Tăng thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[11] Tứ song bát bối (四雙八輩): Bốn đôi tám bậc, tức là Dự lưu đạo (預流道), Dự lưu quả (預流果); Nhất lai đạo (一來道), Nhất lai quả (一來果); Bất lai đạo (不來道), Bất lai quả (不來果); A-la-hán đạo (阿羅漢道), A-la-hán quả (阿羅漢果). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.21. 0219a06) định nghĩa: Trong hàng chúng Tăng có bậc A-la-hán, hướng A-la-hán,… cho đến Tu-đà-hoàn, hướng Tu-đà-hoàn, [gọi là] tứ song bát bối (僧中有阿羅漢, 向阿羅漢, 乃至須陀洹, 向須陀洹, 四雙八輩).

4. CÔNG ĐỨC NIỆM GIỚI[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm giới.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm giới như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, chuyên cần niệm giới. Sao gọi là giới? Vì ngăn trừ các điều ác. Giới có công năng giúp người tu tập thành tựu đạo nghiệp và được an vui. Giới là chuỗi ngọc để trang sức thân, ánh lên vẻ đẹp. Giới giống như bình cát tường, giúp thành tựu các ước nguyện. Các đạo phẩm đều nhờ giới mà thành tựu. Vì thế, này các Tỳ-kheo, người giữ cấm giới sẽ được quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải thường tư duy, không lìa niệm giới thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.3.4. 0555a065).

5. CÔNG ĐỨC NIỆM THÍ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm thí.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm thí như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, chuyên cần niệm thí. Hãy nghĩ như vầy: "Những gì tôi bố thí hôm nay là tối thượng trong các sự thí, vĩnh viễn không có tâm hối tiếc, không cầu báo đáp, không mưu lợi ngay. Nếu bị mắng chửi, tôi quyết không mắng trả; dù bị người khác dùng tay, dùng dao, dùng gậy, hoặc dùng gạch đá đánh đập, đâm chém, quăng ném, tôi vẫn khởi lòng thương, không sanh giận dữ. Tôi sẽ cho mãi những gì tôi có." Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là bố thí lớn, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải thường tư duy, không lìa niệm thí thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.3.5. 0555a29).

6. CÔNG ĐỨC NIỆM THIÊN[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm thiên.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm thiên như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi tưởng khác, chuyên cần niệm thiên. Giữ thân, miệng, ý thanh tịnh, không làm điều ô uế, là thực hành thành tựu giới thân. Thân phóng ánh sáng, chiếu khắp mọi nơi, là được một phần thân trời; được quả báo thiện lành, là thành tựu một phần thân trời; khi các hạnh đầy đủ liền thành thân trời. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là niệm thiên. Tu tập niệm thiên một khi đầy đủ sẽ được quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải thường tư duy, không lìa niệm thiên thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.3.6. 0555b25).

7. CÔNG ĐỨC NIỆM TỊCH LẶNG[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm tịch lặng.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm tịch lặng như thế nào để có thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi tưởng khác, chuyên niệm tịch lặng. Sao gọi là tịch lặng? Nghĩa là dứt trừ nghĩ tưởng, tâm ý lắng trong, cũng không vọng động, nhất tâm tinh chuyên, thích sống nơi yên vắng, thường tìm phương tiện để nhập thiền định, tâm chẳng tham lam, tranh trên giành trước.

Như thế, này các Tỳ-kheo! Đây gọi là niệm tịch lặng. Tu niệm tịch lặng một khi đầy đủ sẽ được quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, dứt các loạn tưởng, chứng quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nên tư duy, không rời niệm tịch lặng thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.3.7. 0555c20).

8. CÔNG ĐỨC NIỆM HƠI THỞ[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm hơi thở ra vào.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm hơi thở ra vào như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy rồi, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời, rồi Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, chuyên tâm quán niệm hơi thở ra vào. Thế nào gọi là niệm hơi thở ra vào? Nghĩa là lúc hơi thở dài thì quán biết: "Ta đang thở hơi dài"; lúc hơi thở ngắn thì cũng quán biết: "Ta đang thở hơi ngắn." Nếu hơi thở quá lạnh, cũng nên quán biết: "Ta đang thở hơi lạnh"; nếu hơi thở lại nóng, cũng nên quán biết: "Ta đang thở hơi nóng." Quán biết khắp thân thể từ đầu đến chân, nếu hơi thở có dài ngắn, cũng nên quán biết hơi thở ra vào có dài ngắn. Cảm giác toàn thân khi hơi thở dài ngắn, tất cả đều biết rõ, theo dõi hơi thở ra vào, phân biệt rõ ràng. Lúc toàn thân khéo đếm biết hơi thở dài ngắn, phân biệt rõ ràng. Như vậy, này các Tỳ-kheo, đây gọi là niệm hơi thở ra vào. Tu niệm hơi thở ra vào một khi đầy đủ sẽ được quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên,

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.3.8. 0556a14).

này các Tỳ-kheo! Hãy nên tư duy, không rời niệm hơi thở ra vào thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. CÔNG ĐỨC NIỆM THÂN[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm thân.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành niệm thân như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Như Lai dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, chuyên nhất niệm thân. Thế nào là niệm thân? Nghĩa là quán niệm tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương, gan, mật, tim, phổi, tỳ, thận, ruột non, ruột già, bàng quang, phẩn, tiểu, lá lách, bao tử, dịch vị, nước mắt, đờm dãi, mủ, máu, mỡ, nước miếng, đầu lâu, não, cái nào chính là thân? Là đại chủng đất hay là đại chủng nước? Là đại chủng lửa hay là đại chủng gió? Là do cha mẹ tạo ra chăng? Từ nơi nào đến? Do ai tạo ra? Mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm, chết ở đây sẽ sanh về nơi nào? Như thế, này các Tỳ-kheo, đây gọi là niệm thân. Tu tập niệm thân một khi đầy đủ sẽ được quả lớn, đủ

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.3.9. 0556b15).

các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải nên tư duy, không rời niệm thân thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. CÔNG ĐỨC NIỆM SỰ CHẾT[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, các thầy sẽ được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là niệm sự chết.

Đức Phật lại hỏi các thầy Tỳ-kheo:

– Tu hành quán niệm sự chết như thế nào để có được thanh danh, thành tựu quả lớn, đủ các điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nguồn gốc các pháp đều do Như Lai hiển bày. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Sau khi nghe Thế Tôn dạy, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng rộng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt, không khởi niệm khác, chuyên cần niệm sự chết. Thế nào là niệm sự chết? Nghĩa là quán niệm chết ở nơi này sanh đến nơi kia, qua lại các đường, mạng trôi không dừng, các căn tan hoại, như cây mục ruỗng, mạng căn đoạn dứt, thân tộc chia lìa, không hình không bóng, tướng mạo cũng không. Như thế, này các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm sự chết. Tu niệm sự chết một khi đầy đủ sẽ được quả lớn, đầy đủ điều lành, nếm vị bất tử, đến chỗ vô vi, sẽ có thần

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.3.10. 0556c13).

thông, dứt các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải nên tư duy, không rời quán niệm sự chết thì sẽ được nhiều công đức lành như thế.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[19]

Phật, Pháp cập Thánh chúng, Nãi chí cánh Tử niệm,
Tuy dữ thượng đồng danh, Kỳ nghĩa các dị biệt.[20]

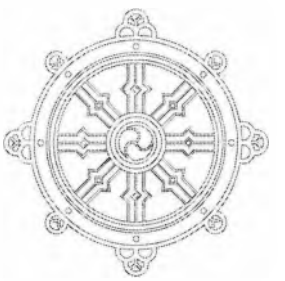

[19] Nguyên tác Nhiếp tụng: 佛, 法及聖眾; 乃至竟死念; 雖與上同名; 其義各別異. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

[20] Bản Hán, hết quyển 2.

4. PHẨM ĐỆ TỬ[1]

1. TỲ-KHEO KIÊU-TRẦN-NHƯ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai có lòng từ bao dung, kiến thức sâu rộng, có tài khuyến hóa, nuôi dưỡng Thánh chúng, không mất oai nghi chính là Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân.[3] Người đầu tiên thọ nhận pháp vị, tư duy tứ đế cũng là Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân.

Khéo léo khuyên bảo, dẫn người vào đạo, tu tạo phước điền, độ khắp muôn dân là Tỳ-kheo Ưu-đà-di.[4]

Tốc chứng thần thông, giữa đường không hối là Tỳ-kheo Ma-ha-nam.[5]

Thân phi hư không, chân không chạm đất là Tỳ-kheo Thiện-trửu.[6]

Tùy duyên giáo hóa, tâm không cầu vinh là Tỳ-kheo Bà-phá.[7]

Sống vui cõi trời, không sống cõi người là Tỳ-kheo Ngưu Tích.[8]

Thường luôn quán tưởng thân thể bất tịnh là Tỳ-kheo Thiện Thắng.[9]

Nuôi dưỡng Thánh chúng, cúng dường tứ sự là Tỳ-kheo Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp.[10]

Tâm ý an tịnh, hàng phục kiết sử là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp.[11]

---

[1] Nguyên tác: *Đệ tử phẩm* 弟子品 (*T*.02. 0125.4. 0557a16).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.1. 0557a17). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.188/197 - I. 23; *A*. 1.198/208 - I. 24; *A*. 1.209/218 - I. 24; *A*. 1.219/234 - I. 24.

[3] A-nhã Câu-lân (阿若拘隣, Aññāsi Koṇḍañña) còn gọi là A-nhã Kiêu-trần-như (阿若憍陳如), vị A-la-hán hiểu pháp và là đệ tử đầu tiên của đức Phật.

[4] Ưu-đà-di (優陀夷, Udāyī).

[5] Ma-ha-nam (摩訶男, Mahānāma).

[6] Thiện-trửu (善肘, Subāhu).

[7] Bà-phá (婆破, Vappa).

[8] Ngưu Tích (牛跡, Gavampati) còn được gọi là Kiêu-phạm-ba-đề (憍梵波提).

[9] Thiện Thắng (善勝, Uttara).

[10] Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp (優留毘迦葉, Uruvelā Kassapa).

[11] Giang Ca-diếp (江迦葉) cũng gọi là Na-đề Ca-diếp (那提迦葉, Nadī Kassapa). Vì Nadī nghĩa là con sông nên Hán dịch là Giang (江).

Thấu rõ các pháp, tâm không đắm trước là Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp.[12]

*

Câu-lân, Đà-di, Nam, Ngưu Tích đến Thiện Thắng,
Thiện-trửu rồi Bà-phá, Ba anh em Ca-diếp.

***

2. TỲ-KHEO MÃ SƯ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[13]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai oai nghi đoan chánh, đi đứng khoan thai là Tỳ-kheo Mã Sư.[14]

Trí tuệ sâu rộng, giải rõ các nghi là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất.[15]

Thần túc nhẹ nhàng, dạo khắp mười phương là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.[16]

Dũng mãnh tinh tấn, kham chịu khổ hạnh là Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ.[17]

Hành trì Đầu-đà,[18] mười hai khổ hạnh là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp.[19]

Thiên nhãn bậc nhất, thấy hết các cõi nước ở khắp mười phương là Tỳ-kheo A-na-luật.[20]

Tọa thiền nhập định, tâm không loạn động là Tỳ-kheo Ly-viết.[21]

Khéo léo khuyến dẫn, thiết hội giảng kinh là Tỳ-kheo Đà-la-bà Ma-la.[22]

---

[12] Tượng Ca-diếp (象迦葉) cũng gọi là Già-da Ca-diếp (伽耶迦葉, Gayā Kassapa).

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.4.2. 0557b04). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T.*02. 0126. 0831a03); *A.* 1.188/197 - I. 23; *A.* 1.198/208 - I. 24; *A.* 1.209/218 - I. 24; *A.* 1.209/234 - I. 24.

[14] Mã Sư (馬師, Assaji) còn gọi là Mã Thắng (馬勝).

[15] Xá-lợi-phất (舍利弗, Sāriputta).

[16] Đại Mục-kiền-liên (大目揵連, Mahāmoggallāna).

[17] Nhị Thập Ức Nhĩ (二十億耳, Soṇakolivīsa).

[18] Đầu-đà (頭陀). *Giải thoát đạo luận* 解脫道論 (*T.*32. 1648.2. 0404b27-c03) trả lời câu hỏi: Những gì gọi là Đầu-đà? Có 13 pháp. Hai pháp liên quan đến y phục, gồm: Y phấn tảo và ba y. Năm pháp liên quan đến khất thực, đó là khất thực, tuần tự khất thực, ăn một lần ngồi, ăn có chừng mực, trái thời không ăn. Năm pháp liên quan đến nằm, ngồi: Một là, ngồi nơi thanh vắng; hai là, ngồi dưới gốc cây; ba là, ngồi chỗ đất trống; bốn là, ngồi nơi bãi tha ma; năm là, ngồi chỗ ngẫu nhiên. Có một pháp liên quan đến hạnh tinh tấn, đó là thường ngồi, không nằm. (何者為頭陀? 有十三法. 二法衣相應, 謂糞掃衣及三衣. 五法乞食相應, 謂乞食, 次第乞食, 一坐食, 節量食, 時後不食. 五法坐臥相應: 一無事處坐, 二樹下坐, 三露地坐, 四塚間坐, 五遇得處坐. 一勇猛相應有一種, 謂常坐不臥). Tương tự, trong *Vism.* 2.22 cũng đề cập đến 13 pháp Đầu-đà: *Paṃsukūlikaṅgaṃ, tecīvarikaṅgaṃ, piṇḍapātikaṅgaṃ, sapadānacārikaṅgaṃ, ekāsanikaṅgaṃ, pattapiṇḍikaṅgaṃ, khalupacchābhattikaṅgaṃ, āraññikaṅgaṃ, rukkhamūlikaṅgaṃ, abbhokāsikaṅgaṃ, sosānikaṅgaṃ, yathāsanthatikaṅgaṃ, nesajjikaṅganti.* Nghĩa là (i) Hạnh phấn tảo y; (ii) Hạnh ba y; (iii) Hạnh khất thực; (iv) Hạnh khất thực từng nhà; (v) Hạnh nhất tọa thực; (vi) Hạnh ăn bằng bát; (vii) Hạnh không để dành đồ ăn (không nhận đồ ăn sau khi đã ăn xong); (viii) Hạnh ở rừng; (ix) Hạnh ở gốc cây; (x) Hạnh ở giữa trời; (xi) Hạnh ở nghĩa địa; (xii) Hạnh nghỉ chỗ nào cũng xong; (xiii) Hạnh ngồi không nằm. Thích Nữ Trí Hải dịch. Thế nhưng ở kinh này, cùng với *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.5. 0569c13) và *Phật thuyết thập nhị hạnh Đầu-đà kinh* 佛說十二行頭陀經 (*T.*17. 0783. 0720b14) chỉ đề cập 12 hạnh.

[19] Đại Ca-diếp (大迦葉, Mahākassapa).

[20] A-na-luật (阿那律, Anuruddha).

[21] Ly-viết (離曰, Revata).

[22] Đà-la-bà Ma-la (陀羅婆摩羅, Dabba Mallaputta).

Xây cất am thất cho Tăng mười phương là Tỳ-kheo Tiểu Đà-la-bà Ma-la.[23]

Dòng dõi cao quý, xuất gia học đạo là Tỳ-kheo La-tra-bà-la.[24]

Khéo phân biệt nghĩa, diễn bày giáo pháp là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên.[25]

*

Mã Sư, Xá-lợi-phất,
A-na-luật, Ly-viết,
Câu-luật, Nhĩ, Ca-diếp,
Ma-la, Tra, Chiên-diên.[26]

***

3. TỲ-KHEO QUÂN-ĐẦU-BA-MẠC VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[27]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai xứng đáng nhận thẻ[28] không trái phép tắc là Tỳ-kheo Quân-đầu-ba-mạc.[29]

Hàng phục ngoại đạo, khuyến theo Chánh pháp là Tỳ-kheo Tân-đầu-lô.[30]

Giỏi chăm sóc bệnh, cung cấp thuốc thang là Tỳ-kheo Sấm.[31] Cúng dường tứ sự, y phục, uống ăn cũng là Tỳ-kheo Sấm.

Thường làm kệ tụng, khen hạnh đức Phật là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá.[32] Lời lẽ trôi chảy, biện luận rõ ràng, cũng là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá.

Được bốn biện tài, chất vấn đáp ngay là Tỳ-kheo Ma-ha Câu-hy-la.[33]

Thích chốn thanh tịnh, không ưa đông người là Tỳ-kheo Kiên Lao.[34]

Nhẫn nại khất thực, không tránh nắng, rét là Tỳ-kheo Nan-đề.[35]

Tĩnh tọa một mình, chuyên tâm niệm đạo là Tỳ-kheo Kim-tỳ-la.[36]

---

[23] Tiểu Đà-la-bà Ma-la (小陀羅婆摩羅, Dabba Mallaputta).

[24] La-tra-bà-la (羅吒婆羅, Raṭṭhapāla).

[25] Đại Ca-chiên-diên (大迦旃延, Mahākaccāna).

[26] Bài kệ này thiếu ngài Mục-kiền-liên.

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.3. 0557b18). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.188/197 - I. 23; *A*. 1.198/208 - I. 24; *A*. 1.209/218 - I. 24; *A*. 1.209/234 - I. 24.

[28] Trù (籌, *salākā*). *SĀ*. 640 gọi là "hành xá-la trù" (行舍羅籌), tức dùng chiếc thẻ làm bằng tre, gỗ, đồng, sắt, ngà, sừng, v.v... dài khoảng một tấc, bằng cỡ ngón tay út, phân phát cho mọi người để kiểm số Tăng chúng tham dự. *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.31. 0479c23) giải thích: Nên dùng pháp xá-la để biết người nhiều hay ít (應行舍羅知人多少).

[29] Quân-đầu-ba-mạc (軍頭波漠, Kuṇḍadhāna).

[30] Tân-đầu-lô (賓頭盧) là viết tắt của Tân-đầu-lô Xà-phả-la-đọa (Piṇḍola Bhāradvāja).

[31] Sấm (讖, Khema).

[32] Bằng-kỳ-xá (鵬耆舍, Vaṅgīsa).

[33] Ma-ha Câu-hy-la (摩訶拘絺羅, Mahākoṭṭhita).

[34] Kiên Lao (堅牢).

[35] Nan-đề (難提, Nandiya).

[36] Kim-tỳ-la (今毘羅, Kimbila).

Theo nhất tọa thực,[37] không thích dời đổi là Tỳ-kheo Thi-la.[38]
Khi ăn, lúc nghỉ, không rời ba y là Tỳ-kheo Phù-di.[39]

*

Quân-đầu, Tân-đầu-lô, Sấm, Bằng, Câu-hy-la,
Kiên Lao và Nan-đề, Kim-tỳ, Thi-la, Di.

***

4. TỲ-KHEO HỒ NGHI LY-VIẾT VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[40]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai tọa thiền dưới [gốc] cây, tâm không lay động là Tỳ-kheo Hồ Nghi Ly-viết.[41]

Ngồi thiền giữa trời, không tránh gió mưa là Tỳ-kheo Bà-sa.

Vui nơi vắng vẻ, một lòng tư duy là Tỳ-kheo Đà-tố.

Đắp y năm mảnh, không thích xa hoa là Tỳ-kheo Ni-bà.

Thích sống thi lâm,[42] không thích gần người là Tỳ-kheo Ưu-đa-la.[43]

Thường ngồi đệm cỏ, làm phước độ người là Tỳ-kheo Lô-hê-ninh.

Không thích chuyện trò, nhìn xuống khi đi là Tỳ-kheo Ưu-kiềm-ma-ni-giang.

Đi, đứng, nằm, ngồi, trú trong chánh định là Tỳ-kheo San-đề.

Thích đến nhiều nơi, giáo hóa dân chúng là Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi.

Vui họp Thánh chúng, sẻ chia pháp vị là Tỳ-kheo Ca-lệ.

*

Hồ Nghi Ly, Bà-sa, Đà-tố, Bà, Ưu-đa,
Lô-hê, Ưu-kiềm-ma, San,[44] Đàm-ma-lưu, Lệ.

***

[37] Nguyên tác: Nhất tọa nhất thực (一坐一食), một trong 13 hạnh Đầu-đà, ngồi ăn một lần duy nhất, đã đứng lên thì không ngồi xuống ăn trở lại, tức ngồi một lần ăn một bữa.

[38] Thi-la (施羅).

[39] Phù-di (浮彌).

[40] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.4. 0557c03). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.188/197 - I. 23; *A*. 1.198/208 - I. 24; *A*. 1.209/218 - I. 24; *A*. 1.209/234 - I. 24.

[41] Hồ Nghi Ly-viết (狐疑離曰, Kaṅkhā Revata).

[42] Nguyên tác: Trủng gian (塚間). *PED* xác định "trủng gian" là nơi quăng bỏ thi thể của người đã chết (P. *sīvathikā*). Truyền thống xử lý tử thi của các tôn giáo Ấn Độ nói chung không xây dựng mồ mả, do vậy, chúng tôi sử dụng từ "thi lâm", nghĩa là rừng tử thi trong trường hợp này.

[43] Ưu-đa-la (優多羅, Uttara).

[44] Nguyên tác: Tức (息), có nghĩa là diệt sạch (滅絕, diệt tuyệt), tiêu mất (消失, tiêu thất), cùng nghĩa với chữ "san" (刪), nghĩa là loại bỏ (削除, tước trừ). Bản dịch dùng chữ "san" (刪) ở Nhiếp tụng để thống nhất với tên của vị Tỳ-kheo trong nội dung kinh.

5. TỲ-KHEO BÀ-CÂU-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[45]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai thọ mạng dài lâu, quyết không chết yểu là Tỳ-kheo Bà-câu-la.[46] Thích sống ẩn dật, không thích đông người cũng là Tỳ-kheo Bà-câu-la.

Thuyết giảng rộng sâu, tinh tường nghĩa lý là Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử.[47]

Giới luật tinh nghiêm, không hề sai phạm là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly.[48]

Được tín giải thoát, tâm không nghi ngại là Tỳ-kheo Bà-ca-lợi.[49]

Thân nghiêm tựa trời, khác hẳn thế gian là Tỳ-kheo Nan-đà.[50] Các căn tịch tĩnh, tâm không loạn động, cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Biện tài vô ngại, giải nghi cho người là Tỳ-kheo Bà-đà.

Khéo giảng rộng nghĩa, lý không trái nghịch là Tỳ-kheo Tư-ni.

Thường đắp y tốt, Phạm hạnh thanh tịnh là Tỳ-kheo Thiên Tu-bồ-đề.

Luôn muốn dạy bảo cho người học sau là Tỳ-kheo Nan-đà-ca.

Khéo dạy giới luật cho Tỳ-kheo-ni là Tỳ-kheo Tu-ma-na.

*

Bà-câu, Mãn, Ba-ly,
Đà, Ni, Tu-bồ-đề,
Bà-ca-lợi, Nan-đà,
Nan-đà, Tu-ma-na.

***

6. TỲ-KHEO THI-BÀ-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[51]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai công đức tràn đầy, không hề khuyết thiếu là Tỳ-kheo Thi-bà-la.[52]

Thực hành đầy đủ các phần đạo phẩm là Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên Ca-lan-đà tử.

Lời nói hòa nhã không tổn thương người là Tỳ-kheo Bà-đà-tiên.

---

[45] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.4.5. 0557c16). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T.*02. 0126. 0831a03); *A.* 1.188/197 - I. 23; *A.* 1.198/208 - I. 24; *A.* 1.209/218 - I. 24; *A.* 1.209/234 - I. 24.

[46] Bà-câu-la (婆拘羅, Bakkula).

[47] Mãn Nguyện Tử (滿願子, Puṇṇa Mantāniputta).

[48] Ưu-ba-ly (優波離, Upāli).

[49] Bà-ca-lợi (婆迦利, Vakkali).

[50] Nan-đà (難陀, Nanda).

[51] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.4.6. 0558a07). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T.*02. 0126. 0831a03); *A.* 1.188/197 - I. 23; *A.* 1.198/208 - I. 24; *A.* 1.209/218 - I. 24; *A.* 1.209/234 - I. 24.

[52] Thi-bà-la (尸婆羅, Sīvali).

Quán niệm hơi thở, quán tưởng bất tịnh là Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diên-na.

Hiểu ngã, vô thường, tâm không chấp có là Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn.

Am tường Luận tạng, tâm thức hân hoan là Tỳ-kheo Câu-ma-la Ca-diếp.[53]

Đắp y thô xấu mà không hổ thẹn là Tỳ-kheo Diện Vương.

Không phạm giới cấm, đọc tụng siêng năng là Tỳ-kheo La-vân.

Thường vận thần túc để tự ẩn thân là Tỳ-kheo Bàn-đặc.

Đổi dạng thay hình, biến hóa tướng trạng là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

*

Thi-bà, Ưu-ba-tiên, Bà-đà, Ca-diên-na,
Ưu-đầu, Vương, Ca-diếp, La-vân, hai Bàn-đặc.

***

7. TỲ-KHEO THÍCH VƯƠNG VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[54]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai, gia tộc giàu sang, tánh tình hòa nhã là Tỳ-kheo Thích Vương.

Siêng tu khất thực, giáo hóa miệt mài là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la. Khí lực mạnh mẽ, không sợ khó khăn, cũng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la.

Giọng nói trong trẻo, vang đến Phạm thiên là Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đề.

Thân thể thơm hương, quyện tỏa bốn phương là Tỳ-kheo Ương-ca-xà.

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai giỏi về rõ vật biết thời, chỗ đến không nghi, nhớ ghi vững chãi, học rộng thấy xa, kham phụng bề trên là Tỳ-kheo A-nan.

Y phục trang nghiêm, đi nhìn xuống bóng là Tỳ-kheo Ca-trì-lợi.

Các vua hậu đãi, quần thần kính nể là Tỳ-kheo Nguyệt Quang.

Trời, người kính phụng, mỗi sớm cúng dường là Tỳ-kheo Thâu-đề. Vượt hơn thân người, tướng mạo như trời, cũng là Tỳ-kheo Thâu-đề.

Thầy của chư thiên, truyền dạy Chánh pháp là Tỳ-kheo Thiên.

Nhớ rõ túc mạng nhiều kiếp đã qua là Tỳ-kheo Quả Y.

*

---

[53] Câu-ma-la Ca-diếp (拘摩羅迦葉, Kumāra Kassapa). Đệ nhất có lời nói làm đẹp lòng người (*cittakathikānaṃ*) là Kumāra Kassapa. Tham chiếu: *A.* I. 24.

[54] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.4.7. 0558a20). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T.*02. 0126. 0831a03); *A.* 1.188/197 - I. 23; *A.* 1.198/208 - I. 24; *A.* 1.209/218 - I. 24; *A.* 1.209/234 - I. 24.

Thích Vương, Bà-đề-bà, La-bà, Ương-ca-xà,
A-nan, Ca, Nguyệt Quang, Thâu-đề, Thiên, Quả Y.[55]

***

8. TỲ-KHEO ƯƠNG-QUẬT-MA-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[56]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai thân tâm lanh lợi, trí tuệ sâu xa là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.

Khéo hàng phục ma và tà nghiệp của ngoại đạo tà là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.

Nhập Thủy tam-muội[57] vô cùng dễ dàng là Tỳ-kheo Chất-đa Xá-lợi-phất. Hiểu biết rộng sâu, mọi người kính nhớ, cũng là Tỳ-kheo Chất-đa Xá-lợi-phất.

Nhập Hỏa tam-muội[58] chiếu khắp mười phương là Tỳ-kheo Thiện Lai.

Hàng phục rồng dữ quy ngưỡng Tam tôn là Tỳ-kheo Na-la-đà.

Hàng phục quỷ thần bỏ ác tu thiện là Tỳ-kheo Quỷ-đà.

Hàng càn-thát-bà, khiến tu hạnh tốt là Tỳ-kheo Tỳ-lô-giá.

Vui với định Không, giỏi giải nghĩa không là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề. Để tâm vắng lặng, sáng đẹp đức nghiệp, cũng là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề.

Nhập định Vô tưởng,[59] trừ bỏ vọng tâm là Tỳ-kheo Kỳ-lợi-ma-nan.

Nhập định Vô nguyện,[60] tâm không dấy loạn là Tỳ-kheo Diệm Thạnh.

*

---

[55] Nguyên tác: Bà-ê (婆醯), vốn được phiên âm từ chữ Bāhiya. Theo *DPPN*, Bāhiya là tên của một vị A-la-hán. Khi còn ở đời, trong một chuyến đi buôn, Bāhiya bị đắm tàu và mất hết quần áo. Nhân đó, ông ta đã tự may một bộ quần áo bằng vỏ cây và đi hành hóa. Có lẽ do vậy nên trong *A*. 1.234 - I. 25 đã nhấn mạnh đặc thù của vị này là mang y thô (*lūkhacīvaradhara*). Do đó, trong nội dung kinh trên đã gọi vị này là Tỳ-kheo mang y bằng trái cây (菓衣), cũng có thể hiểu là bằng lá cây. Để Nhiếp tụng thống nhất với nội dung kinh, bản dịch dùng từ "Quả Y" (菓衣).

[56] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.8. 0558b07). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.188/197 - I. 23; *A*. 1.198/208 - I .24; *A*. 1.209/218 - I. 24; *A*. 1.209/234 - I. 24.

[57] Thủy tam-muội (水三昧) còn gọi là Thủy luân quán (水輪觀, *Jala maṇḍala*), tức quán các yếu tố của nước trong thân thể như nước mắt, nước bọt... đồng nhất với nước và nước lưu chuyển khắp thân. *Trị thiền bệnh bí yếu pháp* 治禪病祕要法 (*T*.15. 0620.1. 0334a14) ghi: Hành giả thể nhập Thủy tam-muội, tự thấy thân mình như một dòng suối ngầm lớn, dòng nước tùy thuận luân lưu trong 336 đốt xương (行者入水三昧者, 自見己身如大涌泉, 三百三十六節隨水流去).

[58] Hỏa tam-muội (火三昧) còn gọi là Hỏa quang tam-muội (火光三昧). Theo *SĀ*. 197, khi nhập định này thân phóng ra ngọn lửa lớn với nhiều màu sắc.

[59] Định Vô tưởng (無想定, S. *Asaṃjñā samāpatti*, P. *Asaññasamāpatti*). Theo *DĀ*. 2, khi hành giả không nhớ nghĩ tất cả tưởng thì sẽ thể nhập định Vô tưởng (不念一切想, 入無想定). Tuy nhiên, *MĀ*. 210 đã bổ sung thêm: Khi hành giả thể nhập định này thì tưởng và tri vẫn chưa diệt (入無想定者, 想知不滅).

[60] Vô nguyện định (無願定) còn gọi là Vô nguyện tam-muội (無願三昧, P. *Apaṇihita samādhi*), theo *DĀ*. 9, là một trong 3 tam-muội, gồm Không tam-muội (空三昧), Vô nguyện tam-muội (無 願三昧) và Vô tướng tam-muội (無相三昧).

Ương-quật, Tăng-ca-ma, Chất-đa, Thiện, Na-la,
Duyệt-xoa, Phù-lô-giá, Thiện Nghiệp, Ma-nan, Diệm.

***

9. TỲ-KHEO PHẠM-MA-ĐẠT VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[61]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai về nhập Từ tam-muội, tâm không sân hận là Tỳ-kheo Phạm-ma-đạt.

Nhập Bi tam-muội, thành tựu bản nghiệp là Tỳ-kheo Tu-thâm.

Được đức thiện hạnh, không khởi các tưởng là Tỳ-kheo Sa-di-đà.

Thường phòng hộ tâm, không dám rời bỏ là Tỳ-kheo Dược-ba-ca.

Hành Diệm thạnh định,[62] trọn không lười mỏi là Tỳ-kheo Đàm-di.

Nói năng bộc trực, không ngại tôn quý là Tỳ-kheo Lợi-đà-bà-giá. Nhập Kim quang định,[63] cũng là Tỳ-kheo Lợi-đà-bà-giá.

Nhập Kim cang định,[64] không thể phá hoại là Tỳ-kheo Vô Úy.

Nói năng quyết đoán, không chút yếu hèn là Tỳ-kheo Tu-nê-đa.

Thường vui tịch tĩnh, tâm không thích động là Tỳ-kheo Đà-ma.

Nghĩa lý siêu xuất, không người chiết phục là Tỳ-kheo Tu-la-đà.

*

Phạm-ma-đạt, Tu-thâm, Sa-di, Dược, Đàm-di,
Tỳ-lợi-đà, Vô Úy, Tu-nê, Đà, Tu-la.

***

10. TỲ-KHEO NA-GIÀ-BA-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[65]

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai hiểu rõ tinh tú, biết điềm cát hung là Tỳ-kheo Na-già-ba-la.

Ưa thích thiền định, sống bằng thiền lạc là Tỳ-kheo Bà-tư-trá.

Thường vui với hỷ, lấy hỷ nuôi thân là Tỳ-kheo Tu-dạ-xa.

---

[61] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.4.9. 0558b22). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T.*02. 0126. 0831a03); *A.* 1.188/197 - I. 23; *A.* 1.198/208 - I. 24; *A.* 1.209/218 - I. 24; *A.* 1.209/234 - I. 24.

[62] Nguyên tác: Diệm thạnh tam-muội (焰盛三昧). Có khả năng đây là một tên gọi khác của Hỏa quang tam-muội (火光三昧). Xem chú thích 58, tr. 39.

[63] Nguyên tác: Kim quang tam-muội (金光三昧).

[64] Nguyên tác: Kim cang tam-muội (金剛三昧). Chứng được Kim cang tam-muội sẽ xa lìa hết thảy ngu si tăm tối. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh* 大方廣佛華嚴經 (*T.*09. 0278.14. 0485b24) (成就金剛方便三昧, 永離一切愚癡闇冥).

[65] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.4.10. 0558c07). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T.*02. 0126. 0831a03); *A.* 1.188/197 - I. 23; *A.* 1.198/208 - I. 24; *A.* 1.209/218 - I. 24; *A.* 1.209/234 - I. 24.

Thường hành nhẫn nhục, đối nghịch chẳng lay là Tỳ-kheo Mãn Nguyện Thịnh Minh.[66]

Tu Nhật quang định[67] là Tỳ-kheo Di-hề.

Giỏi về tính toán, không chút sai lầm là Tỳ-kheo Ni-câu-lưu.

Trí khéo phân biệt, nhớ giỏi không quên là Tỳ-kheo Lộc-đầu.

Chứng Lôi điện định,[68] không còn sợ hãi là Tỳ-kheo Địa.

Rõ nguồn gốc thân là Tỳ-kheo Đầu-na.

Đệ tử cuối cùng chứng Lậu tận thông[69] chính là Tỳ-kheo Tu-bạt.

*

Na-già, Trá, Xa, Na,
Lộc-đầu, Địa, Đầu-na,
Di-hề, Ni-câu-lưu,
Tu-bạt ở sau cùng.

***

Một trăm vị Hiền thánh này[70] cần nên diễn nói rộng rãi.

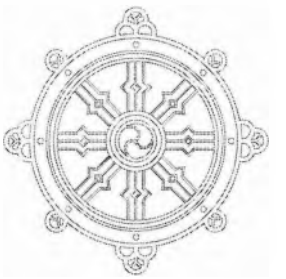

[66] Có quan điểm cho rằng đó là Tỳ-kheo Phú-lâu-na (富樓那, Puṇṇa).

[67] Nguyên tác: Nhật quang tam-muội (日光三昧).

[68] Nguyên tác: Lôi điện tam-muội (雷電三昧).

[69] Lậu tận thông (漏盡通) còn gọi là Lậu tận trí chứng minh (漏盡智證明). *SĀ*. 885 định nghĩa: Thế nào là "Trí hiểu rõ tường tận về việc diệt trừ tất cả lậu hoặc" (漏盡智證明)? Nghĩa là vị Thánh đệ tử biết như thật đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, được tri kiến giải thoát và tự biết rằng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đây gọi là "Trí hiểu rõ tường tận về việc diệt trừ tất cả lậu hoặc."

[70] Nguyên tác: Thử bách Hiền thánh (此百賢聖). Trong thực tế có 101 vị, vì ở kinh số 2 có đến 11 vị.

5. PHẨM TỲ-KHEO-NI[1]

1. TỲ-KHEO-NI ĐẠI ÁI ĐẠO VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[2]

Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai xuất gia học đạo đã lâu, được quốc vương cung kính là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Cù-đàm-di.[3]

Thông minh trí tuệ là Tỳ-kheo-ni Sấm-ma.[4]

Thần túc bậc nhất cảm đến các thần là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc.[5]

Hành pháp Đầu-đà với mười một điều giới hạn[6] là Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá Cù-đàm-di.[7]

Thiên nhãn bậc nhất, nhìn không ngăn ngại là Tỳ-kheo-ni Xa-câu-lê.[8]

Tọa thiền nhập định, tâm không loạn động là Tỳ-kheo-ni Xa-ma.

Hiểu rõ nghĩa lý, giảng rõ pháp tu là Tỳ-kheo-ni Ba-đầu-lan-đồ-na.

Phụng trì giới luật, không chút trái phạm là Tỳ-kheo-ni Ba-la-giá-na.[9]

Được Tín giải thoát, không còn thoái chuyển là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

Được bốn biện tài, tâm không khiếp nhược là Tỳ-kheo-ni Tối Thắng.

*

Đại Ái và Sấm-ma,
Câu-lợi, Xa, Lan-đồ,
Ưu-bát, Cơ-đàm-di,
Ba-la, Ca-chiên, Thắng.

***

---

[1] Nguyên tác: *Tỳ-kheo-ni phẩm* 比丘尼品 (*T*.02. 0125.5. 0558c20).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.5.1. 0558c21). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.235/247 - I. 25.

[3] Đại Ái Đạo Cù-đàm-di (大愛道瞿曇彌, Mahāpajāpatī Gotamī).

[4] Sấm-ma (讖摩, Khemā).

[5] Ưu-bát Hoa Sắc (優鉢華色, Uppalavaṇṇā) còn gọi là Liên Hoa Sắc (蓮華色).

[6] Theo 11 điều giới hạn: chú thích 18, phẩm 4, tr. 34 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b08), hạnh Đầu-đà có 12 điều quy định lối sống khổ hạnh, nhưng Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá Cù-đàm-di không thực hành hạnh A-lan-nhã mà sống với đại chúng để đảm bảo an toàn cho phận nữ, do đó chỉ còn 11 điều.

[7] Cơ-lê-xá Cù-đàm-di (機梨舍瞿曇彌, Kisā Gotamī).

[8] Xa-câu-lê (奢拘梨, Sakulā).

[9] Ba-la-giá-na (波羅遮那, Paṭācāra).

2. TỲ-KHEO-NI BÀ-ĐÀ CA-TỲ-LY VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[10]

Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai tự biết rõ những việc trong vô số kiếp trước là Tỳ-kheo-ni Bà-đà Ca-tỳ-ly.[11]

Dung mạo đoan chánh, mọi người kính mến là Tỳ-kheo-ni Hê-ma-xà.

Hàng phục ngoại đạo quy hướng chánh giáo là Tỳ-kheo-ni Thâu-na.

Thấu rõ nghĩa lý, giảng rõ từng phần là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na.

Đắp y thô xấu mà lòng không thẹn là Tỳ-kheo-ni Ưu-đa-la.

Các căn tịch tĩnh, tâm luôn chánh niệm là Tỳ-kheo-ni Quang Minh.

Y phục trang nghiêm, giữ đúng như pháp là Tỳ-kheo-ni Thiền Đầu.

Biện luận xuyên suốt, không hề do dự là Tỳ-kheo-ni Đàn-đa.

Khéo làm kệ tụng xưng tán Như Lai là Tỳ-kheo-ni Thiên Dữ.

Hiểu biết rộng sâu, thương dạy người dưới là Tỳ-kheo-ni Cù-ty.

*

Bạt-đà, Xà, Thâu-na, Đàm-ma-na, Ưu-đa,
Quang Minh, Thiền, Đàn-đa, Thiên Dữ và Cù-ty.

***

3. TỲ-KHEO-NI VÔ ÚY VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[12]

Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai ở chốn yên tịnh, không thích đông người là Tỳ-kheo-ni Vô Úy.

Kham nhẫn khất thực, không chọn sang hèn là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khư.

Ngồi yên một chỗ, không ưa dời đổi là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-bà-la.

Hóa duyên khắp chốn, rộng độ mọi người là Tỳ-kheo-ni Ma-nộ-ha-lợi.

Chóng thành đạo quả, không trệ giữa chừng là Tỳ-kheo-ni Đà-ma.

Luôn giữ ba y, quyết không rời bỏ là Tỳ-kheo-ni Tu-đà-ma.

Thường ngồi dưới cây, không mong dời đổi là Tỳ-kheo-ni Lệ-na.[13]

Tĩnh tọa ngoài trời, không cầu am thất là Tỳ-kheo-ni Xa-đà.

Thích nơi vắng vẻ, không thích đông người là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-la.

Thường ngồi đệm cỏ, trang sức chẳng màng là Tỳ-kheo-ni Ly-na.

---

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.5.2. 0559a10). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.235/247 - I. 25.

[11] Bà-đà Ca-tỳ-ly (扶陀迦毘離, Bhaddā Kāpilānī).

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.5.3. 0559a23). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.235/247 - I. 25.

[13] Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là Lệ-na (瑚那). Căn cứ vào nội dung kinh thì có nhiều điểm tương đồng với Tỳ-kheo-ni Selā, được đề cập trong *Thīg*. 129; *ThīgA*. 61.

Đắp y năm mảnh, tuần tự khất thực là Tỳ-kheo-ni A-nô-ba-ma.

*

Vô Úy, Tỳ-xá-khư,[14] Bạt-đà, Ma-nộ-ha,[15]
Đà,[16] Tu-đà,[17] Lệ, Xa,[18] Ưu-ca, Ly, A-nô.

***

4. TỲ-KHEO-NI ƯU-CA-MA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[19]

Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai thích ở Thi lâm[20] là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-ma.

Thường khởi từ mẫn, thương tưởng chúng sanh là Tỳ-kheo-ni Thanh Minh.

Thương những chúng sanh chưa biết đến đạo là Tỳ-kheo-ni Tố-ma.

Gặp đạo thường vui, nguyện ban cùng khắp là Tỳ-kheo-ni Ma-đà-lợi.

Giữ gìn các nghiệp,[21] tâm không lãng xao là Tỳ-kheo-ni Ca-la-già.

Đạt được nghĩa không, nhận biết hư dối, thấu rõ tất cả vốn không thật có là Tỳ-kheo-ni Đề-bà-tu.

Tâm vui Vô tưởng, dứt mọi chấp trước là Tỳ-kheo-ni Nhật Quang.

Thực hành Vô nguyện, rộng lòng cứu giúp là Tỳ-kheo-ni Mạt-na-bà.

Không nghi các pháp, độ người vô hạn là Tỳ-kheo-ni Tỳ-ma-đạt.

Giảng rộng nghĩa lý, tường tận pháp mầu là Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu.

*

Ưu-ca, Minh, Tố-ma, Ma-đà, Ca, Đề-bà,
Nhật Quang, Mạt-na-bà, Tỳ-ma-đạt, Phổ Chiếu.

***

[14] Nguyên tác Nhiếp tụng ghi là Đa-tỳ-xá (多毘舍). Khảo toàn bộ tạng *Đại Chánh*, không tìm thấy vị Tỳ-kheo-ni nào có tên như vậy. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung kinh thì đó là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khư (毘舍佉), tên gọi vốn được phiên âm từ Visākhā. Đây là tên của một vị Tỳ-kheo-ni được đề cập trong *Thīg*. 124; *ThīgA*. 20. Bản dịch ghi là Tỳ-xá-khư dựa vào những diễn giải vừa nêu.

[15] Bản Tống, Nguyên, Minh ghi Bạt-đà, Ma-nộ-ha (拔陀, 摩怒訶). Bản dịch sử dụng nghĩa này.

[16] Nguyên tác Nhiếp tụng ghi là Đàn (檀). Đây là trường hợp nhầm lẫn giữa hai tự căn: Đàn (檀, Dā) và Đà (陀, Dha). Trong khi đó ở nội dung kinh, tên của vị Tỳ-kheo-ni này là Đà-ma (陀摩), tên gọi vốn được dịch âm từ Dhammā. Đây là tên của vị Tỳ-kheo-ni được đề cập trong *Thīg*. 125; *ThīgA*. 23. Bản dịch ghi là Đà dựa vào những diễn giải vừa nêu.

[17] Nguyên tác Nhiếp tụng ghi là Tu-đàn (須檀). Đàn (檀) ở đây cũng là sự nhầm lẫn về tự căn như vừa nêu. Tu-đàn ở đây chỉ cho vị Tỳ-kheo-ni tên là Tu-đà-ma (須陀摩). Bản dịch ghi là Tu-đà dựa vào những diễn giải vừa nêu.

[18] Nguyên tác Nhiếp tụng theo bản Tống, Nguyên, Minh là Lệ, Xa (珕, 奢), tức chỉ cho hai vị Tỳ-kheo-ni Lệ-na (珕那) và Xa-đà (奢陀).

[19] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.5.4. 0559b09). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.235/247 - I. 25.

[20] Nguyên tác: Trủng gian (塚間). Xem chú thích 42, phẩm 4, tr. 36.

[21] Nguyên tác: Chư hành (諸行). Theo *Luận Câu-xá*, quyển 9, "nghiệp cũ" gọi là "hành."

5. TỲ-KHEO-NI ĐÀM-MA-ĐỀ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG[22]

Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong chúng Thanh văn của Như Lai tu hạnh nhẫn nhục, bao dung như đất là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề.

Khéo giáo hóa người, lập hội bố thí là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma. Xếp đặt giường tòa, tọa cụ đầy đủ cũng là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma.

Tâm đã vắng lặng, không dấy loạn tưởng là Tỳ-kheo-ni Nhân-đà-xà.

Quán rõ các pháp, không chút nhàm chán là Tỳ-kheo-ni Long.

Ý chí dũng mãnh, không bị nhiễm trước là Tỳ-kheo-ni Câu-na-la.

Nhập Thủy tam-muội, gội nhuần tất cả là Tỳ-kheo-ni Bà-tu.

Nhập Diệm quang định,[23] chiếu soi mọi loài là Tỳ-kheo-ni Hàng-đề.

Quán thân bất tịnh, rõ lý Duyên khởi là Tỳ-kheo-ni Giá-ba-la.

Nuôi dưỡng mọi người, giúp kẻ khốn khó là Tỳ-kheo-ni Thủ-ca.

Tỳ-kheo-ni bậc nhất cuối cùng trong chúng Thanh văn của Như Lai là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Quân-đà-la, người nước Câu-di.

*

Đàm-ma, Tu-dạ-ma,
Bà-tu, Hàng, Giá-ba,
Nhân-đà, Long, Câu-na,
Thủ-ca, Bạt-đà-la.

***

Năm mươi Tỳ-kheo-ni này cần được diễn nói rộng rãi như phẩm trước.

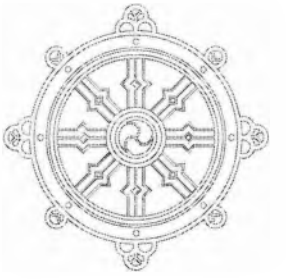

[22] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.5.5. 0559b22). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T.*02. 0126. 0831a03); *A.* 1.235/247 - I. 25.

[23] Nguyên tác: Tam-muội (三昧). Chúng tôi sử dụng nghĩa tương đương là "định" (定).

6. PHẨM NAM CƯ SĨ[1]

1. THƯƠNG KHÁCH TAM QUẢ[2] VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG[3]

Cư sĩ bậc nhất trong chúng đệ tử của Như Lai vừa nghe Diệu pháp liền chứng quả Hiền thánh là thương khách Tam Quả.

Trí tuệ bậc nhất là trưởng giả Chất-đa.[4]

Phẩm đức thanh cao là Kiền-đề-a-lam.

Hàng phục ngoại đạo là trưởng giả Quật-đa.

Giảng sâu giáo pháp là trưởng giả Ưu-ba-quật.

Siêng năng tọa thiền là Ha-xỉ A-la-bà.[5]

Hàng phục quân ma là trưởng giả Dũng Kiện.

Phước đức tràn đầy là trưởng giả Xà-lợi.

Bậc đại thí chủ là trưởng giả Tu-đạt.[6]

Hóa độ quyến thuộc là trưởng giả Mẫn-dật.

*

Tam Quả, Chất, Kiền-đề,
Quật, Ba và La-bà,
Dũng, Xà-lợi, Tu-đạt,
Mẫn-dật tức là mười.

***

2. PHẠM CHÍ SANH LẬU VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG[7]

Cư sĩ bậc nhất trong chúng đệ tử của Như Lai khéo hỏi nghĩa thú là Phạm chí Sanh Lậu.

---

[1] Nguyên tác : *Thanh tín sĩ phẩm* 清信士品 (*T*.02. 0125.6. 0559c08). Thanh tín sĩ (清信士): Ưu-bà-tắc, cũng gọi là cận sự nam, cư sĩ nam.

[2] Tam Quả (三果) chỉ cho hai thương khách Tapussa và Bhallika.

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.6.1. 0559c09). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 831a03); *A*. 1.248/257 - I. 25.

[4] Chất-đa (質多, Citta). Tên đầy đủ là Citta Macchikāsaṇḍika.

[5] Ha-xỉ A-la-bà (呵侈阿羅婆, Hatthaka Ālavaka).

[6] Tu-đạt (須達, Sudatta): Trưởng giả Cấp Cô Độc.

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.6.2. 0559c19). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.248/257 - I. 25.

Căn tánh lanh lợi là Phạm-ma-du.[8]

Sứ giả chư Phật là Ngự-mã-ma-nạp.

Biết thân vô ngã là Bà-la-môn Hỷ Văn Cầm.

Có tài nghị luận là Bà-la-môn Tỳ-cừu.

Giỏi làm kệ tụng là trưởng giả Ưu-bà-ly.[9] Nói năng trôi chảy cũng là trưởng giả Ưu-bà-ly.

Thích cho báu tốt, lòng không hối tiếc là trưởng giả Thù-đề.

Tạo dựng thiện căn là Ưu-ca Tỳ-xá-ly.[10]

Giỏi nói Diệu pháp là Tối Thượng Vô Úy.

Nói không sợ hãi, giỏi quán căn cơ là Đại tướng Đầu-ma ở thành Tỳ-xá-ly.

*

Sanh Lậu, Phạm-ma-du, Ngự-mã và Văn Cầm,
Tỳ-cừu, Ưu-bà-ly, Thù-đề, Ưu, Úy, Ma.

***

3. VUA TỲ-SA VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG[11]

Cư sĩ bậc nhất trong chúng đệ tử của Như Lai, hoan hỷ bố thí là Vua Tỳ-sa.[12]

Bố thí có hạn là Vua Quang Minh.[13]

Tạo dựng thiện căn là Vua Ba-tư-nặc.[14]

Khởi lòng hoan hỷ, đạt được tín tâm dù vô thiện căn[15] là Vua A-xà-thế.[16]

---

[8] Phạm-ma-du (梵摩俞, Brahmāyu).

[9] Ưu-bà-ly (優婆離, Upāli).

[10] Ưu-ca Tỳ-xá-ly (優迦毘舍離, Ugga Vesālika).

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.6.3. 0560a05). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.248/257 - I. 25.

[12] Tỳ-sa (毘沙) còn gọi là Bình-sa (瓶沙, Bimbisāra) hay Tần-bà-sa-la (頻婆娑羅), vua cai trị nước Magadha ở thời Phật. Theo *Sn*. 72, trước khi thành đạo, giữa đức Phật và Vua Bimbisāra đã có cuộc hội kiến hy hữu. Ngay trong lần gặp này, nhà vua đã phát khởi thiện tâm với đức Phật, làm nhân duyên để sau này Vua Bimbisāra hiến cúng tinh xá Trúc Lâm (Veḷuvana) cho đức Phật và chúng Tăng.

[13] Quang Minh (光明) có khả năng chỉ cho Vua Canda Pajjota, vì Canda Pajjota nghĩa là sáng tỏ như trăng, là vị vua của nước A-bàn-đề (Avantī) với thủ đô là Ujjenī. Theo *Mv*. 8.134, ngự y Jīvaka Komārabhacca đã từng chữa bệnh cho vị vua này. Theo *DhA*. 2.1, Vua Canda Pajjota đã gả con gái tên là Vāsuladattā làm vợ Vua Udena (優陀延那, Ưu-đà-diên-na) nên giữa hai vị này có mối giao tình thân thiết.

[14] Ba-tư-nặc (波斯匿, Pasenadi), vua nước Kosala trong thời đức Phật, là con của Mahākosala. Vua Pasenadi có những liên hệ gần gũi và sâu sắc đối với đức Phật và giáo pháp. Đặc biệt, *Kinh Tương ưng bộ* còn dành nguyên một chương tổng hợp những pháp thoại của đức Phật có nội dung liên hệ đến ông, gọi là *Tương ưng Kosala* (*S*. 1.3). Nhà vua có một người con trai tên là Brahmadatta, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

[15] Đắc vô căn thiện tín (得無根善信), Vua A-xà-thế do giết cha, đã đoạn thiện căn, nhưng về sau tin Phật nên nói là thành tựu niềm tin vô căn (得無根信). Theo *DĀ*. 27; *Kinh không có tín căn*, số 7, phẩm 43, tr. 773 trong tập này; *Tăng* 增 (*T*.02. 0125.43.7. 0764b04).

[16] A-xà-thế (阿闍世, Ajātasattu): Thái tử con Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra).

Thành tâm hướng Phật, lòng không thay đổi là Vua Ưu-điền.[17]

Thừa sự Chánh pháp là Vương tử Nguyệt Quang.

Phụng sự Thánh chúng với tâm bình đẳng là Vương tử Kỳ Hoàn.[18]

Thường thích giúp người hơn vì mình là Vương tử Sư Tử.

Khéo tiếp đãi người không phân cao thấp là Vương tử Vô Úy.[19]

Tướng mạo đoan chánh, sắc đẹp hơn người là Vương tử Kê-đầu.

*

Bình-sa vương, Quang Minh, Ba-tư-nặc, Xà vương,
Nguyệt, Kỳ Hoàn, Ưu-điền, Sư Tử, Úy, Kê-đầu.

***

4. TRƯỞNG GIẢ BẤT-NI VÀ CÁC CƯ SĨ TỐI THẮNG[20]

Cư sĩ bậc nhất trong chúng đệ tử của Như Lai, thường hành tâm từ là trưởng giả Bất-ni.

Tâm luôn thương tưởng tất cả mọi loài là Thích chủng Ma-ha-nạp.[21]

Tâm thường hoan hỷ là Thích chủng Bạt-đà.

Tâm hành hạnh xả, không quên hạnh lành là Tỳ-xà-tiên.

Khéo hành nhẫn nhục là Đại tướng Sư Tử.[22]

Có tài luận biện, trí tuệ rộng sâu là Tỳ-xá-khư.

Yên lặng như Thánh là Nan-đề-bà.

Siêng tu hạnh lành, không muốn dừng nghỉ là Ưu-đa-la.

Các căn tịch tĩnh là Thiên-ma.

Cư sĩ cuối cùng trong chúng đệ tử của Như Lai được chứng ngộ, chính là Câu-di Na-ma-la.

*

[17] Ưu-điền (優填). *Đại Đường Tây Vức ký* (*T*.51. 2087.5. 0898a07) gọi là Ô-đà-diễn-na (鄔陀衍那). *Kinh năm vua*, số 1, phẩm 33, tr. 493 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.1. 0681c19) gọi là Ưu-đà-diên (優陀延). *SĀ*. 1165 gọi là Ưu-đà-diên-na (優陀延那, Udena/Udayna), vị vua nước Bà-sa (婆蹉, Vamsā) với thủ đô là Kosambī, là một trong 16 quốc gia hùng mạnh thời Phật. Nhà vua thâm tín Phật pháp, từng tham vấn với Tôn giả Ānanda, Tôn giả Pindola Bhāradvāja và cúng dường nhiều y phục quý đến hai vị Tôn giả này.

[18] Nguyên tác: Sở vị tạo Kỳ Hoàn vương tử thị (所謂造祇洹王子是). Kỳ Hoàn (Jeta) là tên vị thái tử chủ khu vườn, sau đó thương chủ Cấp Cô Độc mua lại khu vườn này rồi xây tinh xá cúng dường đức Phật.

[19] Vô Úy (無畏, Abhaya).

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.6.4. 0560a16). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.248/257 - I. 25.

[21] Thích chủng Ma-ha-nạp (摩訶納釋種, Mahānāma Sakka).

[22] Sư Tử đại tướng (師子大將, Sīhasenapati).

Bất-ni, Ma-ha-nạp, Bạt-đà, Tỳ-xà-tiên,
Sư Tử, Tỳ-xá, Nan, Ưu-đa, Thiên, Ma-la.

***

Bốn mươi cư sĩ này cần được diễn nói rộng rãi như phẩm trước.

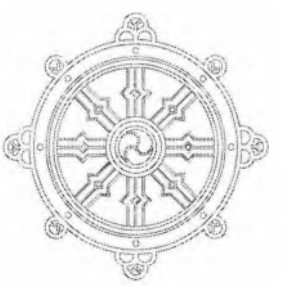

7. PHẨM NỮ CƯ SĨ[1]

1. NỮ CƯ SĨ NAN-ĐÀ NAN-ĐÀ-BÀ-LA VÀ NHỮNG NỮ CƯ SĨ TỐI THẮNG[2]

Nữ cư sĩ bậc nhất trong chúng đệ tử của Như Lai, vừa mới học đạo, liền được chứng ngộ là Nan-đà Nan-đà-bà-la.[3]

Trí tuệ bậc nhất là Cửu-thọ-đa-la.[4]

Thường vui thiền tọa là Tu-tỳ-da.[5]

Tuệ căn[6] sáng rỡ là Tỳ-phù.

Có tài thuyết pháp là Ương-kiệt-xà.

Khéo diễn nghĩa kinh là Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma.

Hàng phục ngoại đạo là Bà-tu-đà.

Giọng nói trong trẻo là Vô Ưu.

Am tường các luận là Bà-la-đà.

Dũng mãnh tinh tấn là Tu-đầu.

*

Nan-đà-đà, Cửu-thọ,
Tu-diệm và Vô Ưu,
Tu, Tỳ, Ương-kiệt-xà,
Bà, La-đà, Tu-đầu.

***

2. PHU NHÂN MA-LỢI VÀ NHỮNG NỮ CƯ SĨ TỐI THẮNG[7]

Nữ cư sĩ bậc nhất trong chúng đệ tử của Như Lai khéo cúng dường Như Lai là phu nhân Ma-lợi.[8]

---

[1] Nguyên tác: *Thanh tín nữ phẩm* 清信女品 (*T*.02. 0125.7. 0560a28). Thanh tín nữ (清信女): Ưu-bà-di (優婆夷), cận sự nữ (近事女), cư sĩ nữ (居士女).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.7.1. 0560a29). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.258/267 - I. 26.

[3] Nan-đà Nan-đà-bà-la (難陀難陀婆羅).

[4] Cửu-thọ-đa-la (久壽多羅, Khujjuttarā).

[5] Tu-tỳ-da (須毘耶, Suppiyā).

[6] Tuệ căn (慧根). *SĀ*. 647 định nghĩa: Thế nào là tuệ căn? Tỳ-kheo biết như thật về khổ Thánh đế, biết như thật về khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo Thánh đế. Đó gọi là tuệ căn.

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.7.2. 0560b11). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.258/267 - I. 26.

[8] Ma-lợi (摩利, Mallikā) cũng gọi là Mạt-lợi (末利).

Thừa sự Chánh pháp là phu nhân Tu-lại-bà.

Cúng dường Thánh chúng là phu nhân Xả-di.

Chiêm ngưỡng Hiền sĩ trong thời quá khứ và đời vị lai là phu nhân Nguyệt Quang.

Bố thí bậc nhất là phu nhân Lôi Điện.[9]

Thường hành Từ định[10] là Ma-ha Quang.[11]

Đầy lòng từ bi là Tỳ-đề.

Tâm luôn hoan hỷ là Bạt-đà.

Khéo phòng hộ tâm là Nan-đà Mẫu.[12]

Được Tín giải thoát là Chiếu Diệu.

*

Mạt-lợi, Tu-lại-bà,
Đại Quang, Tỳ-đề, Đà,
Xả-di, Nguyệt Quang, Lôi,
Nan-đà và Chiếu Diệu.

***

3. NỮ CƯ SĨ VÔ ƯU VÀ NHỮNG NỮ CƯ SĨ TỐI THẮNG[13]

Nữ cư sĩ bậc nhất trong chúng đệ tử của Như Lai, thường hành nhẫn nhục là Vô Ưu.

Hành Không tam-muội là Tỳ-thù-tiên.

Hành Vô tưởng định[14] là Na-đà.

Hành Vô nguyện định[15] là Vô Cấu.

Thích khuyến dạy người là Thi-lợi.

Nghiêm trì giới luật là Ương-kiệt-ma.

Dung mạo đoan chánh là Lôi Diệm.

Các căn tịch tĩnh là Tối Thắng.

Nghe nhiều biết rộng là Nê-la.

Giỏi làm kệ tụng là Tu-ma-ca-đề Tu-đạt Nữ. Tâm không khiếp nhược, cũng là Tu-đạt Nữ.

---

[9] Lôi Điện (雷電, Visākhā).

[10] Nguyên tác: Từ tam-muội (慈三昧).

[11] Ma-ha Quang (摩訶光, Sāmāvatī).

[12] Nan-đà Mẫu (難陀母, Uttarā Nandamātā).

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.7.3. 0560b21). Tham chiếu: *Phật thuyết A-la-hán cụ đức kinh* 佛說阿羅漢具德經 (*T*.02. 0126. 0831a03); *A*. 1.258/267 - I. 26.

[14] Nguyên tác: Vô tưởng tam-muội (無想三昧). Xem chú thích 59, phẩm 4, tr. 39.

[15] Nguyên tác: Vô nguyện tam-muội (無願三昧). Xem chú thích 60, phẩm 4, tr. 39.

Nữ cư sĩ được chứng ngộ cuối cùng trong chúng đệ tử của Như Lai là nữ cư sĩ Lam.

*

Vô Ưu, Tỳ-thù-tiên, Ưu-na, Vô Cấu, Thi,
Ương-kiệt, Lôi Diệm, Thắng, Nê-la, Tu-đạt, Lam.

***

Ba mươi nữ cư sĩ này cần được diễn nói rộng rãi như phẩm trước.

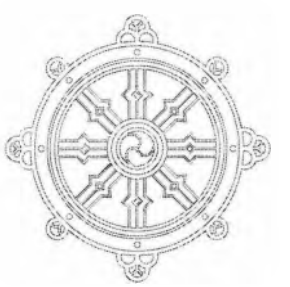

8. PHẨM A-TU-LA[1]

1. A-TU-LA[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Loài có thân hình to lớn không loài nào hơn vua a-tu-la. Các Tỳ-kheo nên biết, thân hình a-tu-la cao lớn tám vạn bốn ngàn do-tuần, miệng rộng một ngàn do-tuần. Có lần vua a-tu-la muốn xâm phạm mặt trời, mặt trăng liền hóa thân cao lớn gấp đôi, bằng mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, đến trước mặt trời, mặt trăng. Vua Mặt trời và vua Mặt trăng thấy vậy, trong lòng rất lo sợ, nghĩ rằng chỗ ở của mình không còn an ổn. Vì sao thế? Vì thân hình a-tu-la rất đáng sợ. Vì sợ hãi nên vua Mặt trời và vua Mặt trăng kia không phát ánh sáng nữa. Nhưng a-tu-la không dám tiến đến bắt lấy mặt trời, mặt trăng. Vì sao? Vì vua Mặt trời và vua Mặt trăng có oai đức lớn, có thần lực lớn, thọ mạng rất dài, dung mạo đoan chánh, hưởng lạc vô tận. Thọ mạng của họ bao lâu? Đó là trụ được một kiếp. Hơn nữa, nhờ phước đức chúng sanh ở đây trợ giúp nên vua Mặt trời và vua Mặt trăng không bị vua a-tu-la quấy phá. Thế nên, a-tu-la buồn rầu biến thân rút lui.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Tệ ma Ba-tuần luôn ở phía sau các thầy, chúng tìm mọi cách để phá hoại thiện căn của các thầy. Ba-tuần biến hóa ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cực kỳ tuyệt vời và hấp dẫn, muốn làm mê loạn tâm ý các Tỳ-kheo. Ba-tuần nghĩ rằng: "Ta sẽ chờ cơ hội sơ hở nơi mắt của các Tỳ-kheo và cả nơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý." Lúc này, các Tỳ-kheo tuy thấy lục tình tuyệt diệu như thế, nhưng tâm vẫn không nhiễm trước. Bấy giờ, Tệ ma Ba-tuần đành phải buồn rầu rút lui. Vì sao thế? Vì nhờ oai lực của Như Lai, bậc A-la-hán mà được như vậy. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo không gần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, phải luôn ghi nhớ rằng: Thọ nhận đồ vật của tín thí cúng [dường], quả thật rất khó lòng; nếu không thể tiêu hóa sẽ rơi vào năm đường, không đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Vì thế các thầy cần

---

[1] Nguyên tác: *A-tu-luân phẩm* 阿須倫品 (*T*.02. 0125.8. 0560c05). A-tu-luân (阿須倫) còn gọi a-tu-la (阿修羅), một loại quỷ thần hiếu chiến trong văn hóa Ấn Độ, bị xem là ác thần và thường tranh đấu với trời Đế-thích.

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.8.1. 0560c06).

phải chuyên tâm tu tập, những gì chưa nhận ra thì phải nhận ra, điều gì chưa đạt được thì phải đạt được, điều chưa vượt qua thì phải vượt qua, chưa chứng ngộ thì phải chứng ngộ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu chưa được tín thí cúng dường thì chớ khởi tâm mong cầu, đã được tín thí cúng dường thì phải khéo tiêu hóa, chớ để đắm nhiễm.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. LỢI ÍCH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời sẽ làm lợi ích cho nhiều người, đem lại an ổn cho chúng sanh, thương xót người mê muội, giúp cho trời, người đều được phước đức. Người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, bậc A-la-hán Đẳng Chánh Giác.[4] Đó là một người xuất hiện ở đời, làm lợi ích cho nhiều người, đem an ổn cho chúng sanh, thương xót người mê muội, giúp cho trời, người đều được phước đức.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn hết lòng cung kính đối với Như Lai.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. NHƯ LAI[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời thì tại thế gian liền có một bậc Giác Ngộ và cũng có hai sự thật, ba cửa giải thoát, bốn sự thật, năm căn, sáu tà kiến diệt, bảy giác chi, tám đạo phẩm Hiền thánh, chín nơi cư trú của chúng sanh, mười lực của Như Lai, mười một tâm từ giải thoát.

---

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.2. 0561a08). Tham chiếu: *A*. 1.170 - I. 22.

[4] Đa-tát-a-kiệt A-la-ha Tam-da-tam Phật (多薩阿竭阿羅呵三耶三佛, *Tathāgata arahaṃ sammāsambuddha*).

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.3. 0561a17).

Người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, bậc A-la-hán Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời thì tại thế gian liền có một bậc Giác Ngộ và cũng có hai sự thật, ba cửa giải thoát, bốn sự thật, năm căn, sáu tà kiến diệt, bảy giác chi, tám đạo phẩm Hiền thánh, chín nơi cư trú của chúng sanh, mười lực của Như Lai, mười một tâm từ giải thoát.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn hết lòng cung kính đối với Như Lai và cũng nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. ÁNH SÁNG[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian. Người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, bậc A-la-hán Đẳng Chánh Giác. Đó là một người mà khi xuất hiện ở đời liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở đời.

Thế nên, Tỳ-kheo các thầy phải có lòng tin đối với chư Phật, chớ có sai lạc.

Như thế, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. TĂM TỐI[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời thì vô minh tăm tối liền tự tiêu diệt. Bấy giờ, kẻ phàm phu vì bị vô minh này trói buộc nên mãi chịu sanh tử trong năm đường mà không hay biết, xoay vần qua lại từ đời này đến đời sau, từ kiếp này đến kiếp khác, không thoát ra được. Khi ấy, nếu đức Như Lai, bậc A-la-hán Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời thì vô minh tăm tối liền tự tiêu diệt.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nhớ thừa sự chư Phật.

---

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.4. 0561b01). Tham chiếu: *A*. 1.175 - I. 22.

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.5. 0561b09).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. ĐẠO PHẨM[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời liền có ba mươi bảy đạo phẩm xuất hiện ở đời. Ba mươi bảy đạo phẩm là gì? Đó là bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo. Người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, bậc A-la-hán Đẳng Chánh Giác.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn thừa sự đức Phật và nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. MẤT HẲN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi mất hẳn ở đời thì nhân loại ôm lòng buồn lo, chư thiên và loài người không còn bóng mát che chở. Người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, bậc A-la-hán Đẳng Chánh Giác. Đó là một người nếu mất hẳn ở đời thì nhân loại ôm lòng buồn lo, chư thiên và loài người không còn bóng mát che chở. Vì sao thế? Nếu đức Như Lai không còn nơi cõi đời thì ba mươi bảy đạo phẩm cũng sẽ diệt tận.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn cung kính chư Phật.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.6. 0561b18).

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.7. 0561b26). Tham chiếu: *A*. 1.173 - I. 22.

8. LÒNG TIN[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời thì chư thiên và loài người đều được thấm nhuần ánh sáng, liền khởi lòng tin đối với giới, văn, thí, tuệ. Ví như ánh trăng mùa thu tròn đầy trong suốt, chiếu khắp mọi nơi; ở đây cũng thế, nếu đức Như Lai, bậc A-la-hán Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời thì chư thiên và loài người sẽ được thấm nhuần ánh sáng, liền khởi lòng tin đối với giới, văn, thí, tuệ; như ánh trăng tròn đầy chiếu khắp tất cả.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải hết lòng cung kính đối với Như Lai.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. HƯNG THỊNH[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời thì lúc ấy chư thiên và loài người đều rất đông đúc, chúng sanh trong ba đường ác liền tự giảm đi. Ví như cõi nước lúc có Thánh vương cai trị và giáo hóa thì nhân dân trong thành đó đông mạnh vô cùng, còn nước láng giềng sẽ yếu sức hơn; ở đây cũng vậy, nếu đức Như Lai xuất hiện ở đời thì chúng sanh trong ba đường ác sẽ tự giảm bớt.

Vì thế, này các Tỳ-kheo! Hãy tin tưởng Phật.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.8. 0561c06).

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.9. 0561c16).

10. KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một người mà khi xuất hiện ở đời thì không ai sánh bằng, chẳng thể bắt chước; bước đi một mình, không cùng bè bạn; không ai sánh bằng, chư thiên và loài người không thể sánh kịp; người đầy đủ tín, giới, văn, thí, tuệ không ai có thể sánh kịp. Người đó là ai? Đó là đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời thì không có ai sánh bằng, chẳng thể bắt chước; bước đi một mình, không cùng bè bạn; không ai sánh bằng, chư thiên và loài người không thể sánh kịp; người có đầy đủ tín, giới, văn, thí, tuệ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[13]

Tu-luân, Ích, Nhất đạo,
Đạo phẩm, Một tận, Tín,
Quang minh cập Ám minh,
Xí thạnh, Vô dữ đẳng.[14]

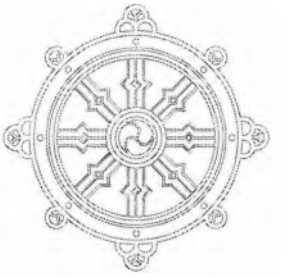

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.8.10. 0561c24). Tham chiếu: *A*. 1.174 - I. 22.

[13] Nguyên tác Nhiếp tụng: 須倫, 益, 一道; 光明及闇冥; 道品, 沒盡, 信; 熾盛, 無與等. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

[14] Bản Hán, hết quyển 3.

9. PHẨM MỘT ĐỨA CON[1]

1. ƯU-BÀ-DI DẠY CON TRAI[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ví như người mẹ có tín tâm vững chắc, bà chỉ có đứa con trai duy nhất nên thường suy nghĩ: "Phải dạy dỗ thế nào để nó thành người?"

Các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là gốc của các pháp, những gì Ngài chỉ dạy, không ai là không thọ nhận. Cúi mong Thế Tôn giảng nói diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Nghe xong, chúng con sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, đức Thế Tôn liền dạy:

– Ưu-bà-di có tín tâm vững chắc kia dạy bảo đứa con trai của mình rằng: "Nếu sống tại gia thì con phải như trưởng giả Chất-đa, hoặc như đồng tử Tượng.[3] Vì sao? Vì đây là chuẩn mực, đây là khuôn phép. Trưởng giả Chất-đa và đồng tử Tượng chính là đệ tử đã chứng ngộ của Thế Tôn. Còn nếu con muốn cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, mặc ba pháp y thì nên như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Vì sao? Vì đây là chuẩn mực, đây là khuôn phép. Bởi vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đều thích tu học Chánh pháp, không làm điều tà, không khởi phi pháp. Nếu con khởi tâm nhiễm trước thì sẽ rơi vào ba đường ác."

---

[1] Nguyên tác: *Nhất tử phẩm* 一子品 (*T*.02. 0125.9. 0562a13).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.9.1. 0562a14). Tham chiếu: *S.* 17.6 - II. 229; *S.* 17.23 - II. 235; *S.* 17.24 - II. 236.

[3] Chất-đa trưởng giả (質多長者, Citta gahapati) và Tượng đồng tử (象童子, Hatthaka). Tham chiếu: *S.* 17.23 - II. 235: *Yādiso citto ca gahapati hatthako ca āḷavako* (Hãy giống như gia chủ Citta, hãy giống như Hatthaka ở Āḷava!), HT. Thích Minh Châu dịch.

Vì thế, các thầy cần phải chuyên tâm tu tập, điều gì chưa thành tựu thì phải thành tựu, điều gì chưa đạt được thì phải đạt được, điều chưa chứng ngộ thì nay cần phải chứng ngộ. Vì sao như thế? Này các Tỳ-kheo! Vì vật phẩm cúng dường của tín thí thật sự rất nặng, khó bề tiêu hóa, sẽ khiến các thầy không đến được đạo.

Thế nên, này các thầy Tỳ-kheo! Chớ khởi tâm nhiễm trước, nếu đã sanh khởi thì phải trừ diệt.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. ƯU-BÀ-DI DẠY CON GÁI[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Ưu-bà-di tín tâm vững chắc chỉ có đứa con gái duy nhất, bà ấy phải dạy bảo thế nào để nó thành người?

Các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này! Thế Tôn là gốc của các pháp, những gì Ngài chỉ dạy, không ai là không thọ nhận. Cúi mong Thế Tôn giảng nói diệu nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Nghe xong, chúng con sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ giảng về điều này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Ưu-bà-di tín tâm vững chắc sẽ dạy đứa con gái của mình như vầy: "Nếu con sống tại gia thì nên như ưu-bà-di Câu-thù-đa-la và Nan-đà Mẫu.[5] Vì sao? Vì đây là chuẩn mực, đây là khuôn phép. Ưu-bà-di Câu-thù-đa-la và Nan-đà Mẫu chính là đệ tử đã chứng ngộ của Thế Tôn. Còn nếu con muốn cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì nên như Tỳ-kheo-ni Sấm-ma và Tỳ-kheo-ni Ưu-bát

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.2. 0562b08). Tham chiếu: *S*. 17.6 - II. 229; *S*. 17.23 - II. 235; *S*. 17.24 - II. 236.

[5] Câu-thù-đa-la (拘鞞多羅, Khujjuttarā) và Nan-đà Mẫu (難陀母, Nandāmātā).

Hoa Sắc.[6] Vì sao? Vì đây là chuẩn mực, đây là khuôn phép. Bởi vì Tỳ-kheo-ni Sấm-ma và Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc đều thích tu học Chánh pháp, không làm điều tà, không khởi phi pháp. Nếu con khởi tâm đắm nhiễm sẽ rơi vào ba đường ác."

Vì thế, các thầy cần phải chuyên tâm tu tập, điều gì chưa thành tựu thì phải thành tựu, điều gì chưa đạt được thì phải đạt được, điều chưa chứng ngộ thì nay cần phải chứng ngộ. Vì sao như thế? Này các Tỳ-kheo! Vì vật phẩm cúng dường của tín thí thật sự rất nặng, khó bề tiêu hóa, sẽ khiến các thầy không đến được đạo. Thế nên, này các thầy Tỳ-kheo, chớ khởi tâm nhiễm trước, nếu đã sanh khởi thì phải trừ diệt!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. TÂM NHANH NHẠY[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Như Lai không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, không thể ví dụ, không[8] có phương pháp nào hay cách gì có thể đo lường được sự xoay chuyển mau lẹ của tâm. Cho nên, này các Tỳ-kheo, người phàm phu thì khó có thể quán sát được tâm ý.

Vì vậy, này các Tỳ-kheo! Phải luôn hàng phục tâm ý, khiến hướng theo đường lành và cần nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. TÂM VÔ THƯỜNG[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[6] Sấm-ma (讖摩, Khemā) và Ưu-bát Hoa Sắc (優鉢華色, Uppalavaṇṇā).

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.9.3. 0562c02). Tham chiếu: *SĀ.* 289; *S.* 12.61 - II. 94.

[8] Đoạn này vốn có 27 chữ (譬可喻猶如獼猴捨一取一心不專定心亦如是前想後想所不同者), nhưng ở đây lược bỏ theo bản Tống, Nguyên, Minh vì giữ nguyên sẽ bị trùng lặp với đoạn kinh kế tiếp.

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.9.4. 0562c10). Tham chiếu: *SĀ.* 289; *S.* 12.61 - II. 94.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Như Lai không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, khó có thể ví dụ, giống như khỉ vượn, vừa buông cành này liền chụp cành kia, lòng không an định. Tâm cũng như thế, niệm trước và niệm sau đã không giống nhau. Cho nên, này các Tỳ-kheo, người phàm phu không thể quán sát được tâm ý là do đây vậy.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn hàng phục tâm ý, khiến hướng theo đường lành.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. ĐỌA LẠC[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Như Lai thường quán sát và thấy được suy nghĩ trong tâm một người. Người này đọa vào địa ngục nhanh như khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Sở dĩ như vậy là do tâm ác. Tâm mà sanh bệnh, sẽ rơi vào địa ngục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ví như có một người, Trong lòng ôm sân hận,
Nghĩa này Ta giảng rộng, Các thầy hãy lắng nghe.
Ngay lúc ôm sân hận, Nếu người ấy qua đời,
Liền rơi vào địa ngục, Bởi tâm hành xấu ác.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải hàng phục tâm, chớ để sanh khởi những niệm xấu ác.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. SANH THIÊN[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.9.5. 0562c18). Tham chiếu: *A.* 1.43 - I. 8.

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.9.6. 0563a01). Tham chiếu: *A.* 1.44 - I. 8.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Như Lai thường quán sát và thấy được suy nghĩ trong tâm một người. Người này được sanh lên cõi trời nhanh như khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Sở dĩ được như vậy là nhờ tâm thiện. Đã khởi tâm thiện liền sanh lên cõi trời.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Nếu lại có một người, Thường khởi tâm thiện diệu,
Nghĩa này Ta giảng rộng, Các thầy hãy lắng nghe.
Lúc khởi tâm thiện diệu, Nếu người ấy qua đời,
Liền sanh lên cõi trời, Nhờ tâm hành thiện diệu.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải giữ gìn tâm ý trong sạch, chớ để sanh khởi những niệm xấu ác.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. SẮC NỮ[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào có sức lôi cuốn, tuyệt đẹp, mê hoặc người đời, khiến không được định tĩnh, bị gông cùm như lao ngục, không dễ thoát ra được như là người nam trông thấy sắc của người nữ, thấy rồi liền khởi tưởng đắm trước, nặng lòng yêu thương, khiến tâm không được định tĩnh, bị gông cùm như lao ngục, không dễ thoát ra được, lòng chẳng muốn rời xa, xoay vần qua lại đời này đời sau, trôi lăn năm đường, trải bao số kiếp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tiếng Phạm âm hòa nhã, Ta bảo: Khó thấy ra,
Buộc niệm ngay trước mặt, Có lúc sẽ thấy ra.
Đừng giao thiệp, chuyện trò, Lân la với người nữ,
Lưới nữ nhân trói giữ, Không đến được vô vi.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải dứt trừ sắc dục, chớ khởi tưởng đắm trước.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.9.7. 0563a13). Tham chiếu: *Phật thuyết Pháp thọ trần kinh* 佛說法受塵經 (*T.*17. 0792. 0736c21); *A.* 1.1/5 - I. 1.

8. SẮC NAM[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào có sức lôi cuốn, tuyệt đẹp, mê hoặc người đời, khiến không được định tĩnh, bị gông cùm như lao ngục, không dễ thoát ra được như là người nữ trông thấy sắc của người nam, thấy rồi liền khởi tưởng đắm trước, nặng lòng yêu thương, khiến tâm không được định tĩnh, bị gông cùm như lao ngục, không dễ thoát ra được, lòng chẳng muốn rời xa, xoay vần qua lại đời này đời sau, trôi lăn năm đường, trải bao số kiếp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu sinh tưởng tà vạy, Và khởi niệm ái ân,
Trừ ý niệm nhơ này, Các uế sẽ dứt ngay.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải dứt trừ sắc dục, chớ khởi tưởng đắm trước.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. DỤC TƯỞNG (1)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào mà không có tưởng dục liền khiến khởi tưởng dục, tưởng dục đã khởi lại khiến tăng trưởng; không có tưởng sân liền khiến khởi sân, sân hận đã khởi lại khiến tăng trưởng; không có tưởng thụy miên liền khiến khởi thụy miên, thụy miên đã khởi lại khiến tăng trưởng; không có tưởng trạo cử liền khiến khởi trạo cử, trạo cử đã khởi lại khiến tăng trưởng; không có tưởng nghi liền khiến khởi tưởng nghi, tưởng nghi đã khởi lại khiến tăng trưởng. Thế nên, cần phải quán tưởng bất tịnh ô uế nơi thân. Nếu tâm loạn tưởng thì dù không có tưởng dục liền khởi tưởng dục, tưởng dục đã khởi thì sẽ tăng trưởng; không có tưởng sân liền khởi sân, sân hận đã khởi thì sẽ tăng trưởng; không có tưởng thụy miên liền khởi thụy miên, thụy miên đã khởi thì sẽ tăng trưởng; không có tưởng trạo cử liền khởi trạo cử, trạo cử đã

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.9.8. 0563a27). Tham chiếu: *A*. 1.6/10 - I. 1.

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.9.9. 0563b11). Tham chiếu: *A*. 1.11/15 - I. 3.

khởi thì sẽ tăng trưởng; không có tưởng nghi liền khởi tưởng nghi, tưởng nghi đã khởi thì sẽ tăng trưởng.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ có loạn tưởng, phải luôn chánh niệm!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. DỤC TƯỞNG (2)[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào mà tưởng dục chưa sanh thì khiến tưởng dục không sanh, tưởng dục đã sanh thì khéo trừ diệt; tưởng sân chưa sanh thì khiến không sanh, tưởng sân đã sanh thì khéo trừ diệt; tưởng thụy miên chưa sanh thì khiến không sanh, tưởng thụy miên đã sanh thì khéo trừ diệt; tưởng trạo cử chưa sanh thì khiến không sanh, tưởng trạo cử đã sanh thì khéo trừ diệt; tưởng nghi chưa sanh thì khiến không sanh, tưởng nghi đã sanh thì khéo trừ diệt. Thế nên, cần phải quán tưởng bất tịnh ô uế nơi thân. Đã khéo quán tưởng bất tịnh ô uế rồi sẽ khiến tưởng dục chưa sanh sẽ không sanh, tưởng dục đã sanh liền bị trừ diệt; sân chưa sanh sẽ không sanh, sân đã sanh liền bị trừ diệt,... cho đến tưởng nghi chưa sanh sẽ không sanh, tưởng nghi đã sanh liền bị trừ diệt.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn chuyên tâm quán tưởng bất tịnh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[16]

Nhị tư cập Nhị tâm,
Nhất đọa, Nhất sanh thiên,
Nam nữ tưởng thọ lạc,
Nhị dục tưởng tại hậu.

---

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.9.10. 0563b23). Tham chiếu: *A*. 1.16/20 - I. 3.

[16] Nguyên tác Nhiếp tụng: 二斯及二心; 一墮, 一生天; 男女想受樂; 二欲想在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

10. PHẨM HỘ TÂM[1]

1. KHÔNG BUÔNG LUNG[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi, liền được thần thông, các hành tịch tĩnh,[3] đắc quả Sa-môn, đến cõi Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là hạnh không buông lung. Thế nào là hạnh không buông lung? Đó là phòng hộ tâm. Thế nào là phòng hộ tâm? Nghĩa là Tỳ-kheo phải luôn phòng hộ tâm hữu lậu, pháp hữu lậu; ngay khi phòng hộ tâm hữu lậu, pháp hữu lậu, vị ấy liền được hỷ lạc nơi pháp hữu lậu, cũng được tín lạc, an trụ không dời đổi, chuyên nhất tâm ý, tự lực cố gắng.

Như thế, này các Tỳ-kheo, tu tập hạnh không buông lung là phải luôn tự mình thận trọng; dục lậu chưa sanh thì khiến không sanh, dục lậu đã sanh liền khéo trừ diệt; hữu lậu chưa sanh thì khiến không sanh, hữu lậu đã sanh liền khéo trừ diệt; vô minh lậu chưa sanh thì khiến không sanh, vô minh lậu đã sanh liền khéo trừ diệt. Tỳ-kheo tu tập hạnh không buông lung ấy, an trú nơi vắng vẻ, hằng tự nhận biết để tự an vui, nên tâm dục lậu liền được giải thoát; tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu liền được giải thoát. Khi đã được giải thoát, liền được trí giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Không kiêu mạn, Niết-bàn, Buông lung ắt đọa lạc,
Không ngã mạn, không đọa, Buông lung ắt lầm than.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải nhớ tu tập hạnh không buông lung.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[1] Nguyên tác: *Hộ tâm phẩm* 護心品 (*T*.02. 0125.10. 0563c10).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.10.1. 0563c11). Tham chiếu: *It*. 23.

[3] Nguyên tác: Chư hành tịch tĩnh (諸行寂靜). Tham chiếu: *S*. 22.90 - III. 132: *Sabbasaṅkhārasamathe* (sự tịnh chỉ tất cả các hành).

2. KHÔNG BUÔNG BỎ THIỆN PHÁP[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, sẽ được thần thông, các hành tịch tĩnh, đắc quả Sa-môn, đến cõi Niết-bàn. Một pháp đó là gì? Đó là hạnh không buông lung đối với các thiện pháp. Thế nào là hạnh không buông lung? Nghĩa là không phiền nhiễu tất cả chúng sanh, không gây hại tất cả chúng sanh, không xúc não tất cả chúng sanh; đó là hạnh không buông lung.

Thiện pháp ấy là gì? Đó là tám đạo phẩm của bậc Hiền thánh, gồm có: Chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tư duy, chánh niệm và chánh định.[5] Đó gọi là thiện pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thí vật cho muôn loài, Thua thí pháp một người,
Thí muôn loài có phước, Thí pháp phước nhiều hơn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải tu tập thiện pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. THÍ CHỦ VÀ TỲ-KHEO[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Nên quán người bố thí, người thí chủ[7] như thế nào?

---

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.10.2. 0564a04).

[5] Đẳng kiến (等見) tức chánh kiến. Xem thêm *Kinh niệm xứ*, số 1, phẩm 12, tr. 87 trong tập này. Đẳng phương tiện (等方便) tức chánh tinh tấn, đẳng ngữ (等語) tức chánh ngữ, đẳng hành (等行) tức chánh nghiệp, đẳng mạng (等命) tức chánh mạng, đẳng trị (等治) tức chánh tư duy, đẳng niệm (等念) tức chánh niệm, đẳng định (等定) tức chánh định.

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.10.3. 0564a18).

[7] Nguyên tác: Đàn-việt thí chủ (檀越施主). Thí chủ (施主, *dānapati*): Người chủ của tài vật được đem ra bố thí. Đàn-việt (檀越, *dāyaka*) chỉ cho người bố thí nói chung, theo ngữ cảnh của kinh nhằm chỉ cho người đang phụ giúp thực hiện việc bố thí. Tham chiếu: *A*. 5.34 - III. 38: *Dāyako, sīha, dānapati bahuno janassa piyo hoti manāpo* (Người bố thí, này Sīha, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích), HT. Thích Minh Châu dịch.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thế Tôn là chủ của các pháp. Kính thỉnh Thế Tôn giảng nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Nghe xong, chúng con sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ nói rộng nghĩa này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Người bố thí, người thí chủ cung kính các Tỳ-kheo giống như con cái hiếu thuận cha mẹ, nuôi dưỡng, hầu hạ, khiến cho năm uẩn được tăng trưởng, ở nơi cõi Diêm-phù-lợi mà thành tựu được mọi mục đích. Hãy quán người bố thí, người thí chủ là người khéo giúp các Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu thấy nghe, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ và làm nhiều lợi ích cho các Tỳ-kheo, ở trong Tam bảo không có điều gì là chướng ngại. Họ sẵn sàng cúng dường y phục, thức ăn thức uống, giường đệm, ngọa cụ, cho đến thuốc thang trị bệnh cho các Tỳ-kheo.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải có tâm từ đối với người bố thí. Ân nhỏ còn chẳng quên huống là ân lớn! Hãy luôn trải tâm từ đến với người bố thí, giảng dạy cho họ về các hạnh thanh tịnh của thân, miệng, ý, vốn chẳng thể tính kể, cũng không có giới hạn. Thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ, để những vật phẩm người bố thí cúng dường không bị uổng phí, giúp họ được quả báo lớn, thành tựu phước lớn, tiếng lành vang xa, khiến cho pháp vị giải thoát truyền khắp thế gian.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Bố thí được của nhiều,
Sở nguyện thành tựu ngay,
Vua quan hay giặc cướp,
Không đoạt được của này.
Thí để được ngôi vua,
Nối Chuyển Luân Vương vị,
Bảy báu được đủ đầy,
Là nhờ phước bố thí.
Bố thí, được thân trời,
Đội mũ châu sáng ngời,
Cùng tiên nữ dạo chơi,
Là nhờ phước bố thí.
Bố thí, thành Đế-thích,
Vua trời oai lực đầy,
Ngàn mắt trang nghiêm mình,
Là nhờ phước bố thí.
Bố thí, Phật đạo thành,
Đủ ba mươi hai tướng,
Chuyển pháp luân vô thượng,
Nhờ bố thí mà nên.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. NGƯỜI THÍ VÀ NGƯỜI THỌ THÍ ĐỀU TÔN QUÝ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Người bố thí, người thí chủ nên phụng sự cúng dường các bậc Hiền thánh tinh tấn trì giới như thế nào?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn là vua các pháp. Kính thỉnh Thế Tôn giảng nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo! Nghe xong, chúng con sẽ thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ nói rộng nghĩa này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Người bố thí, người thí chủ mà phụng sự, cúng dường cho các bậc đa văn, tinh tấn trì giới thì giống như người lạc lối được chỉ đường, người thiếu thốn lương thực được trợ cấp, người sợ hãi được an ổn, người hoảng loạn được trấn an, người không chốn nương thân được bảo bọc che chở, người mù được sáng mắt, người bệnh được gặp thầy thuốc giỏi. Giống như nhà nông chăm sóc ruộng vườn, phải nhổ bỏ cỏ dại mới có thể thu hoạch được thóc lúa. Cũng vậy, Tỳ-kheo thường phải diệt trừ các bệnh nơi năm thủ uẩn, quyết tâm tiến vào thành trì Niết-bàn vô úy. Như vậy, này các Tỳ-kheo, người bố thí, người thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn, tinh tấn trì giới thì nên làm giống như vậy.

Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc[9] đang ở trong hội chúng, liền bạch với Thế Tôn:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn! Thật vậy, bạch Như Lai! Tất cả thí chủ và cả người nhận đều tôn quý như bình cát tường.[10] Những người nhận thí phải như Vua Tỳ-sa,[11] khuyên người thực hành bố thí phải như khuyên cha mẹ ruột, bởi

---

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.10.4. 0564b19).

[9] Nguyên tác: A-na-bân-trì (阿那邠持, Anāthapiṇḍika), còn gọi tên là Cấp Cô Độc.

[10] Cát tường bình (吉祥瓶) còn gọi là "đức bình" (德瓶). *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.13. 0154a07) ghi: Trời có một cái bình gọi là bình đức, nên đã nói rằng từ trong bình này sanh ra những vật cần yếu. Ai có bình này, muốn gì đều được (天與一器, 名曰德瓶, 而語之言: '所須之物, 從此瓶出'. 其人得已, 應意所欲, 無所不得).

[11] Tỳ-sa vương (毘沙王) cũng gọi là Vua Bình-sa, vị đệ tử ưu-bà-tắc của Thế Tôn rất hoan hỷ bố thí.

vì người nhận thí là ruộng phước cho họ ở đời sau. Tất cả thí chủ và người thọ nhận đều là những bậc hào quý.[12]

Thế Tôn bảo rằng:

– Đúng vậy, trưởng giả! Đúng như lời ông nói.

Trưởng giả Cấp Cô Độc lại thưa:

– Từ nay về sau, cửa nhà con sẽ không đóng kín, cũng không từ chối những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di và những người đi đường thiếu lương thực.

Lúc đó, trưởng giả lại thỉnh đức Phật:

– Kính mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh cầu của đệ tử!

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng hứa khả. Thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, trưởng giả liền đảnh lễ đức Phật, nhiễu quanh Thế Tôn ba vòng rồi ra về. Về đến nhà, ngay đêm đó, ông liền chuẩn bị đủ các món ăn thức uống ngon ngọt rất thịnh soạn, trải tọa cụ khắp nhà. Sáng hôm sau, ông đích thân đến bạch Phật:

– Vật thực dâng cúng đã bày biện xong, kính thỉnh Thế Tôn đúng thời quang lâm thọ thực!

Bấy giờ, Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả ở thành Xá-vệ. Đến nơi, mỗi người ngồi vào chỗ của mình, chúng Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ tự. Thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã an định rồi, trưởng giả liền tự tay dâng cúng đồ ăn thức uống cho từng vị. Sau khi Phật và chúng Tăng thọ trai xong, thu dọn bát, trưởng giả đến ngồi chỗ thấp phía trước Thế Tôn, muốn được nghe pháp. Lúc này, trưởng giả bèn thưa với Phật:

– Lành thay, Như Lai! Những vật cần dùng như ba y, bình bát, ống kim, tọa cụ, áo lót, chậu rửa và tất cả những vật dụng khác của Sa-môn, xin Ngài cho phép chúng Tỳ-kheo cần vật gì thảy được nhận tại nhà con.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu thầy nào cần y áo, bình bát, tọa cụ, chậu rửa cho đến tất cả những vật dụng khác của Sa-môn đều được phép đến đây thọ nhận, chớ có ngần ngại nhưng đừng khởi tâm đắm trước.

Bảo xong, Thế Tôn bèn giảng pháp vi diệu cho trưởng giả Cấp Cô Độc, rồi Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

[0565a02] Cũng ngay sau đó, trưởng giả Cấp Cô Độc lại bố thí rộng rãi khắp bốn cửa thành, rồi lần thứ năm bố thí ở chợ và lần thứ sáu bố thí tại nhà. Ai cần đồ ăn thì cho đồ ăn, cần thức uống thì cho thức uống; cần xe cộ, kỹ nhạc, hương xông, chuỗi ngọc, ông đều cấp cho cả.

---

[12] Nguyên tác: Cư sĩ (居士), nhằm chỉ cho giai cấp Phệ-xá (*Vessa*) trong hệ thống tập cấp của xã hội Ấn Độ cổ đại, là những người hào quý luôn nhận được sự tôn trọng của nhiều giai tầng. Ngoài ra, "cư sĩ" còn mang nghĩa là bậc tôn quý, vì "cư sĩ" là một trong bảy báu. Theo *DĀ.* 5 ghi: Cất chứa nhiều của báu, do vậy mọi người gọi họ là "cư sĩ" (多積財寶, 因是眾人名為居士).

Nghe tin trưởng giả Cấp Cô Độc bố thí rộng rãi khắp bốn cửa thành, bố thí người nghèo thiếu nơi chợ rộng lớn, lại còn bố thí không hạn lượng ngay trong nhà mình, khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Như Lai, vị ưu-bà-tắc hoan hỷ bố thí bậc nhất chính là trưởng giả Tu-đạt.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG (1)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ngồi một bên. Thế Tôn liền hỏi:

– Thế nào trưởng giả, có phải ông thường bố thí cho những người nghèo thiếu?

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con thường bố thí cho người nghèo thiếu, bố thí rộng rãi khắp bốn cửa thành, còn ở tại nhà thì cung cấp cho người những gì cần dùng. Bạch Thế Tôn, có lần con suy nghĩ, muốn bố thí cho tất cả loài cầm thú như chim muông, heo, chó. Con cũng chưa từng nghĩ rằng người này nên cho hay người này không nên cho. Con cũng không nghĩ người này nên cho nhiều, hay người này nên cho ít. Con luôn suy nghĩ, tất cả chúng sanh đều nhờ ăn uống mà được sống còn, có ăn thì sống, không ăn thì chết.

Thế Tôn bèn dạy:

– Lành thay, lành thay, trưởng giả! Với tâm hạnh Bồ-tát, ông đã một lòng một dạ bố thí rộng rãi. Thật vậy, chúng sanh đều nhờ ăn uống mà được sống, không ăn uống thì sẽ chết. Này trưởng giả! Ông sẽ gặt quả lớn, được danh xưng lớn, có phước báu lớn, tiếng thơm vang khắp mười phương, lại được pháp vị giải thoát. Vì sao như thế? Vì Bồ-tát luôn vận tâm bình đẳng để bố thí, một lòng một dạ nghĩ nhớ các loài chúng sanh đều nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được sống, không ăn uống thì sẽ chết. Này trưởng giả! Ông hãy vận tâm Bồ-tát mà bố thí rộng rãi.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Hãy bố thí muôn phương, Đừng khởi tâm lẫn tiếc,
Sẽ gặp được bạn hiền, Bờ kia ắt đến được.

Thế nên, trưởng giả! Cần phải bố thí rộng rãi với tâm bình đẳng.

---

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.10.5. 0565a10).

Thật vậy, này trưởng giả! Hãy học tập điều này.

Sau khi nghe Phật dạy xong, trưởng giả hoan hỷ phụng hành.

***

6. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG (2)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hôm nay, Ta xét biết rõ căn nguyên thú hướng của chúng sanh, cũng biết rõ phước báu của việc bố thí. Cho nên, một nắm cơm dư cuối cùng, Ta đã không dùng mà đem bố thí cho người khác. Lúc ấy, Ta không hề khởi tâm ganh ghét dù chỉ nhỏ bằng mảy lông, cọng tóc. Vì chúng sanh không biết quả báo của sự bố thí, còn Ta thì thấy biết rõ cả. Quả báo của bố thí, quả báo bình đẳng, tâm không thay đổi. Thế nên, chúng sanh vì không thể bố thí với tâm bình đẳng nên tự thân đọa lạc, luôn bị tâm keo kiệt, ganh ghét trói buộc tâm ý.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chúng sanh không thấu triệt Giáo nghĩa Ta xiển dương,
Luôn bố thí khắp miền, Bậc Chân nhân luôn hướng.
Nhờ tâm ý thanh tịnh, Nên được phước gấp đôi,
Thí bình đẳng vun bồi, Sau được quả báo lớn.
Lành thay! Nay bố thí, Hướng ruộng phước thênh thang,
Người này lìa thế gian, Ắt sanh lên thiên giới.
Đến cõi cao thượng rồi, Kỹ nhạc, tự vui chơi,
An lành và thảnh thơi, Mọi điều không thiếu thốn.
Nhờ oai đức thiên giới, Ngọc nữ thường chẳng rời,
Nhờ bố thí bình đẳng, Nên được bao phước lợi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. TẠO PHƯỚC[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.10.6. 0565b04). Tham chiếu: *It.* 26.

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.10.7. 0565b23). Tham chiếu: *MĀ.* 138.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ sợ có phước báu. Vì sao? Vì đây là báo ứng thọ lạc rất được yêu kính. Sở dĩ gọi là phước, là vì được quả báo lớn này. Các thầy lẽ ra nên sợ thiếu phước. Vì sao? Vì đây là nguồn gốc của các khổ, những thứ sầu, lo, khổ, não không thể tính kể, không được yêu thích. Đây gọi là vô phước. Này các Tỳ-kheo! Ta nhớ thuở xưa đã từng thực hành tâm từ suốt bảy năm. Nhờ đó, trải qua bảy kiếp không đến cõi này, lại trong bảy kiếp sanh vào cõi trời Quang Âm, lại trong bảy kiếp sanh vào cõi trời Không Phạm làm Đại Phạm thiên không ai sánh bằng, thống lãnh trăm nghìn thế giới, rồi ba mươi sáu lần làm thân trời Đế-thích và vô số đời làm Vua Chuyển Luân. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy siêng tạo phước, chớ có mỏi mệt. Vì sao? Vì đây là báo ứng thọ lạc rất được yêu kính, đó gọi là phước. Các thầy cần phải sợ vô phước. Vì sao? Vì đó là nguồn gốc của các khổ, những thứ sầu, lo, khổ, não không thể tính kể. Đây gọi là vô phước.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Vui thay có phước,
Chóng đạt Niết-bàn,
Cho dù số ức,
Cũng không thể quấy,
Họ luôn mong được,
Để dứt lụy phiền,
Sở nguyện viên thành,
Đến chỗ vô vi.
Thiên ma Ba-tuần,
Người có phước dày.
Đạo của Thánh hiền,
Đời sau hết khổ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy siêng tạo phước, lòng không biết chán.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. MA BA-TUẦN[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu ai phụng hành một pháp, không lìa một pháp thì Thiên ma Ba-tuần không có cơ hội, cũng không thể quấy nhiễu được người đó. Một pháp đó là gì? Đó là công đức phước nghiệp. Vì sao như vậy? Như Lai nhớ thuở xưa, khi cùng các Bồ-tát nhóm họp bên cội Bồ-đề, Tệ ma Ba-tuần dẫn hàng nghìn vạn ức binh chủng, đủ mọi tướng mạo, hình người đầu thú, không thể tính kể. Trời, rồng, quỷ thần, a-tu-la, ca-lâu-la, ma-hầu-la-già, v.v... đều đến tụ họp. Bấy giờ, Ma Ba-tuần nói với Như Lai:

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.10.8. 0565c14).

"Sa-môn! Ông hãy mau quỳ sát đất."

Lúc đó, Như Lai dùng thần lực phước đức hàng phục được bọn ma oán và rồi các trần cấu đều tiêu tan, không còn các uế nhiễm, liền thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân. Này các Tỳ-kheo! Hãy suy ngẫm nghĩa này: "Tỳ-kheo có đầy đủ công đức thì Tệ ma Ba-tuần không thể có cơ hội để phá hoại công đức ấy."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Có phước, an lạc, Không phước, khổ sầu,
Đời này, đời sau, Nhờ phước, an lạc.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy làm phước chớ mệt mỏi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. ĐƯỜNG DỮ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như có Tỳ-kheo tu hành một pháp mà không thể phá trừ đường dữ, tu hành một pháp đến được nẻo thiện, tu hành một pháp đến được Niết-bàn.

Thế nào là tu hành một pháp mà không thể phá trừ đường dữ? Đó là tâm không có niềm tin tha thiết. Tu hành một pháp này thì không thể phá trừ đường dữ.

Thế nào là tu hành một pháp sẽ đến được nẻo thiện? Đó là tâm tu tập với niềm tin tha thiết. Tu hành một pháp này thì đến được nẻo thiện.

Thế nào là tu hành một pháp đến được Niết-bàn? Đó là luôn giữ chánh niệm. Tu hành pháp này sẽ đến được Niết-bàn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy chuyên nhất tâm ý, nhớ nghĩ đến cội rễ điều lành.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. MỘT NGƯỜI[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.10.9. 0566a02).

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.10.10. 0566a13).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có một người mà khi xuất hiện ở thế gian thì chúng sanh cõi này liền tăng thêm tuổi thọ, dung mạo tươi sáng, khí lực mạnh mẽ, niềm vui tràn đầy, nói năng hòa nhã. Một người đó là ai? Đó là đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Đây là một người mà khi xuất hiện ở thế gian, khiến chúng sanh cõi này liền tăng thêm tuổi thọ, dung mạo tươi sáng, khí lực mạnh mẽ, niềm vui tràn đầy, nói năng hòa nhã.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn tinh chuyên nhất tâm niệm Phật.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[19]

Vô mạn nhị, Niệm đàn, Nhị thí, San vô yếm,
Thí phước, Ma Ba-tuần, Ác thú cập Nhất nhân.[20]

[19] Nguyên tác Nhiếp tụng: 無慢二, 念壇; 二施, 堅無厭; 施福, 魔波旬; 惡趣及一人. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

[20] Bản Hán, hết quyển 4.

11. PHẨM BẤT HOÀN[1]

1. THAM DỤC VÀ A-NA-HÀM[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy diệt trừ một pháp, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy thành bậc A-na-hàm.[3] Một pháp đó là gì? Đó là tham dục. Này các Tỳ-kheo! Hãy diệt trừ tham dục, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy đắc quả A-na-hàm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Bị tham dục buộc ràng, Đường ác mãi lang thang,
Siêng tu lìa tham dục, Liền chứng A-na-hàm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. SÂN HẬN VÀ A-NA-HÀM[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy diệt trừ một pháp, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy thành bậc A-na-hàm. Một pháp đó là gì? Đó là sân hận. Này các Tỳ-kheo! Hãy diệt trừ sân hận, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy đắc quả A-na-hàm.

---

[1] Nguyên tác: *Bất hoàn phẩm* 不還品 (*T*.02. 0125.11. 0566b05). Tên phẩm dựa theo 3 bản Tống, Nguyên, Minh. Bất hoàn (不還) nghĩa là không còn thọ sanh trở lại, dịch nghĩa của A-na-hàm (阿那含, *Anāgāmi*).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.1. 0566b06). Tham chiếu: *It*. 01.

[3] A-na-hàm (阿那含, *Anāgāmī*): Bậc Thánh quả thứ 3 trong 4 quả Thanh văn. Theo Câu-xá luận, vị này đã đoạn trừ hết 9 phẩm tư hoặc ở cõi dục và không còn thọ sanh trở lại cõi dục nữa.

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.2. 0566b14). Tham chiếu: *It*. 01.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Bị sân hận buộc ràng, Đường ác mãi lang thang,
Siêng tu lìa sân hận, Liền chứng A-na-hàm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. NGU SI VÀ A-NA-HÀM[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy diệt trừ một pháp, xa lìa một pháp, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy thành bậc A-na-hàm. Một pháp đó là gì? Đó là ngu si. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy diệt trừ ngu si, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy đắc quả A-na-hàm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nhiễm trước bởi ngu si, Đường ác lầm lũi đi,
Siêng tu, ngu si hết, Thành Na-hàm tức thì.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. XAN THAM VÀ A-NA-HÀM[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy diệt trừ một pháp, xa lìa một pháp, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy thành bậc A-na-hàm. Một pháp đó là gì? Đó là xan tham. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy diệt trừ xan tham, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy đắc quả A-na-hàm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nhiễm trước bởi xan tham, Khổ đường ác phải mang,
Xan tham siêng từ bỏ, Sẽ thành A-na-hàm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.11.3. 0566b22). Tham chiếu: *It.* 2.

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.11.4. 0566c01). Tham chiếu: *It.* 5.

5. TÂM KHÓ HÀNG PHỤC[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai hoàn toàn không thấy một pháp nào không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các quả khổ như là tâm. Này các Tỳ-kheo, tâm này không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các khổ báo. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm, khéo suy nghĩ đến các gốc rễ thiện.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TÂM DỄ HÀNG PHỤC[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai hoàn toàn không thấy một pháp nào dễ hàng phục, dễ có được thời cơ thích nghi, hưởng các quả báo tốt đẹp như là tâm. Này các Tỳ-kheo! Hãy phân biệt tâm, khéo suy nghĩ đến các gốc rễ thiện.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. ĐẮM NHIỄM ĂN UỐNG[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, nếu có người nào suy nghĩ điều gì, Như Lai đều biết rõ. Tuy rằng người này không vì ăn uống mà ở trong đại chúng nói lời giả dối,

---

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.11.5. 0566c09). Tham chiếu: *A.* 1.21/30 - I. 5.

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.11.6. 0566c16).Tham chiếu: *A.* 1.21/30 - I. 5.

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.11.7. 0566c22).Tham chiếu: *S.* 17.11 - II. 233; *S.* 17.12 - II. 233; *S.* 17.11/20 - II. 234.

nhưng vào lúc khác, Như Lai lại quán thấy người này sanh tâm đắm nhiễm, nghĩ nhiều đến tài vật nên đã ở trong chúng nói lời giả dối. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo, vì tâm đắm nhiễm tài vật rất khó dứt bỏ, khiến cho con người đọa vào ba đường ác, không đến được chỗ vô vi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu đã sanh tâm đắm nhiễm tài vật thì hãy dứt bỏ, còn nếu chưa sanh thì chớ để sanh.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. ĐẮM NHIỄM TÀI VẬT[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, có người tự nghĩ: "Thà bỏ thân mạng, quyết không nói dối ở trong đại chúng." Nhưng vào lúc khác, Như Lai lại quán thấy người này sanh tâm đắm nhiễm, nghĩ nhiều đến tài vật nên đã ở trong đại chúng nói lời giả dối. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo, vì tâm đắm nhiễm tài vật rất khó dứt bỏ, khiến cho con người rơi [vào] ba đường ác, không đến được chỗ vô vi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu đã sanh tâm đắm nhiễm tài vật thì hãy dứt bỏ, còn nếu chưa sanh thì chớ để sanh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA (1)[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Thế nào, này các Tỳ-kheo! Các thầy có thấy pháp của Đề-bà-đạt-đa thanh tịnh không? Thật ra, Đề-bà-đạt-đa tạo ác rất nặng, chịu tội một kiếp không thể cứu chữa. Trong giáo pháp của Như Lai, không thấy ông ấy tạo một chút điều lành nào để có thể ghi nhận. Vì thế, nay Như Lai mới nói cội gốc các tội của Đề-bà-đạt-đa là không thể cứu chữa. Giống như một người bị rơi vào hố phân

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.11.8. 0567a04). Tham chiếu: *S.* 17.11 - II. 233; *S.* 17.12 - II. 233; *S.* 17.11/20 - II. 234.

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.11.9. 0567a14). Tham chiếu: *A.* 3.27 - I. 126.

sâu, thân thể chìm ngập, không còn chỗ nào sạch sẽ. Bấy giờ, có người muốn đến cứu mạng người đó đặt lên chỗ sạch, bèn nhìn quanh hố phân và thân thể người đó xem còn chỗ nào sạch sẽ để đưa tay kéo lên, nhưng nhìn kỹ rồi không thấy chỗ nào sạch sẽ để nắm lấy, người ấy đành phải bỏ đi. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Như Lai xét thấy Đề-bà-đạt-đa là người ngu si vô trí, không có một chút pháp thiện nào có thể ghi nhận, chịu tội một kiếp, không thể cứu chữa. Sở dĩ như thế là vì Đề-bà-đạt-đa ương ngạnh, ngu si, tham đắm lợi dưỡng, tạo tội ngũ nghịch,[12] sau khi qua đời sẽ sanh vào đường ác. Thật vậy, này các Tỳ-kheo, xem nặng lợi dưỡng sẽ khiến con người không đến được nơi an ổn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đã sanh tâm lợi dưỡng thì hãy lìa bỏ, còn nếu chưa sanh thì chớ để phát sanh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA (2)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo nghe Như Lai thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa[14] sẽ chịu tội một kiếp không thể cứu chữa, vị ấy liền đến chỗ Tôn giả A-nan. Đến nơi, chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên, rồi Tỳ-kheo kia hỏi Tôn giả A-nan:

– Thưa Tôn giả A-nan! Thế Tôn đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đa, rồi sau đó thọ ký ông ta sẽ chịu tội một kiếp không thể cứu chữa ư? Liệu có nguyên do để thọ ký như vậy chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Lời Như Lai nói không bao giờ hư dối, những việc làm từ thân và miệng của Như Lai không hề đổi khác. Như Lai chắc thật thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ chịu tội rất nặng, trải qua một kiếp không thể cứu chữa.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bèn đứng dậy đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên và bạch:

– Có một Tỳ-kheo đến chỗ con và hỏi như vầy: "Thế nào, thưa Tôn giả A-nan, Như Lai đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đa, rồi sau đó thọ ký ông ta sẽ chịu tội một kiếp không thể cứu chữa ư? Liệu có nguyên do để thọ ký như vậy chăng?" Chất vấn xong, thầy ấy bỏ đi.

---

[12] Ngũ nghịch (五逆): Năm tội cực ác, gồm giết mẹ, giết cha, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng.

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.11.10. 0567b04).

[14] Nguyên tác: Điều-đạt (調達), tên khác của Đề-bà-đạt-đa.

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo đó hẳn là xuất gia tu học trễ muộn, đến với giáo pháp của Như Lai chưa được bao lâu. Những lời Như Lai nói ra không hề hư dối, sao lại khởi tâm nghi ngờ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Thầy hãy đến nói với Tỳ-kheo kia là Như Lai gọi.

A-nan đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Thế rồi, Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn đến chỗ Tỳ-kheo kia và bảo:

– Như Lai gọi thầy.

Tỳ-kheo kia đáp:

– Vâng, thưa Tôn giả!

Tỳ-kheo kia liền chỉnh sửa y phục, đi cùng A-nan đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tỳ-kheo kia:

– Này kẻ mê muội kia! Thầy không tin những gì Như Lai nói ư? Những gì Như Lai chỉ dạy không hề hư vọng mà nay thầy lại muốn tìm hư vọng nơi Như Lai.

Tỳ-kheo kia liền bạch Phật:

– Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thần lực lớn, có oai thế lớn. Vì sao Thế Tôn lại thọ ký ông ta chịu tội rất nặng trải qua một kiếp?

[0567c03] Phật bảo:

– Hãy cẩn thận lời nói của ông, chớ để mãi chịu khổ khôn cùng!

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Hành thiền chứng ngũ thông,[15] Rốt cuộc không giải thoát,
Chẳng đến được Niết-bàn, Lại còn đọa địa ngục.

Nếu Như Lai nhận thấy tự thân Đề-bà-đạt-đa có một mảy may thiện pháp thì Như Lai không bao giờ thọ ký ông ta sẽ chịu tội một kiếp không thể cứu chữa. Thế nhưng, này kẻ mê muội kia, vì Như Lai không thấy tự thân Đề-bà-đạt-đa có một mảy may thiện pháp nào nên mới thọ ký ông ta sẽ chịu tội một kiếp không thể cứu chữa.

Sở dĩ như thế là vì Đề-bà-đạt-đa ương ngạnh, ngu si, tham đắm lợi dưỡng, khởi tâm nhiễm trước, tạo ác ngũ nghịch, sau khi qua đời sẽ rơi vào địa ngục. Vì sao như vậy? Vì tâm lợi dưỡng sâu nặng sẽ phá nát gốc thiện, khiến con người không đến được nơi an ổn.

[15] Tham chiếu: *Cv.* 7.341-363.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu đã khởi tâm lợi dưỡng, liền phải tìm cách diệt trừ; nếu chưa sanh khởi tâm này thì chớ để sanh khởi.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

– Nay con xin tự hối lỗi, ngưỡng mong Thế Tôn từ bi tha thứ. Do vì ngu si nên con gây tạo những nghiệp bất thiện. Như Lai giảng thuyết không có hai lời, thế mà con đã ngu si khởi tâm nghi ngờ. Kính xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Con nguyện sẽ sửa đổi sai lầm trước đây, tu tập những điều thiện lành sắp đến.

Tỳ-kheo kia bạch như vậy ba lần xong. Thế Tôn bèn dạy:

– Lành thay, Tỳ-kheo! Thầy đã biết hối cải những suy nghĩ sai lầm của mình. Như Lai sẽ tha thứ những hiểu biết chưa thấu đáo của thầy, chớ có nghi ngờ đối với Như Lai! Nay Như Lai ghi nhận sự hối lỗi của thầy, về sau chớ làm thế nữa.

Đức Phật nhắc nhở ba lần như vậy.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu đã tạo tội nặng, Hối lỗi, nguyện xin chừa,
Lấy giới luật ngăn ngừa, Nhổ phăng gốc tội nặng.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia và bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[16]

Tứ chủng A-na-hàm, Nhị tâm cập Nhị thực,
Bà-đạt,[17] Nhị khế kinh, Trí giả đương giác tri.

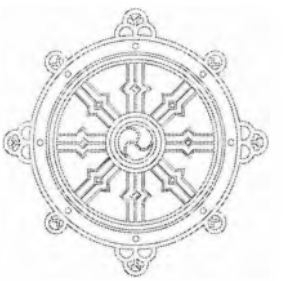

[16] Nguyên tác Nhiếp tụng: 四種阿那含; 二心及二食; 婆達, 二契經; 智者當覺知. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

[17] Bà-đạt (婆達) ở đây là viết tắt tên Đề-bà-đạt-đa (提婆達多).

12. PHẨM NHẤT NHẬP ĐẠO[1]

1. KINH NIỆM XỨ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có một lối vào đạo[3] làm thanh tịnh các hành của chúng sanh, diệt trừ buồn lo, không còn phiền não, được trí tuệ lớn, chứng đắc Niết-bàn. Đó là phải diệt trừ năm sự ngăn che[4] và tu tập bốn niệm xứ.[5]

Một lối vào là gì? Đó là tâm chuyên nhất. Thế nào là đạo? Đó là tám đạo phẩm của Hiền thánh, gồm chánh kiến, chánh tư duy,[6] chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,[7] chánh ngữ, chánh niệm và chánh định. Đó gọi là đạo. Đó gọi là một lối vào đạo.

Thế nào là diệt trừ năm sự ngăn che? Nghĩa là phải diệt trừ sự ngăn che của tham dục, sân hận, trạo cử, thụy miên và nghi ngờ. Đó gọi là diệt trừ năm sự ngăn che.

---

[1] Nguyên tác: *Nhất nhập đạo phẩm* 壹入道品 (*T*.02. 0125.12. 0567c29).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.1. 0568a01). Tham chiếu: *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T*.14. 0032. 0814b08); *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T*.01. 0026.31. 0467a28); *Niệm thân kinh* 念身經 (*T*.01. 0026.81. 0554c10); *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07); *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh đại niệm xứ*); *M*. 10, *Satipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh niệm xứ*); *M*. 119, *Kāyagatāsati Sutta* (*Kinh thân hành niệm*).

[3] Nguyên tác: Nhất nhập đạo (一入道). Tham chiếu: *SĀ*. 535: Nhất thừa đạo (一乘道); *MĀ*. 98, 189: Nhất đạo (一道); *A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận* 阿毘達磨法蘊足論 (*T*.26. 1537.02. 0463b04) gọi là nhất thú đạo (一趣道); *A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa luận* 阿毘達磨大毘婆沙論 (*T*.27. 1545.188. 943a19-c14) giải thích 21 nghĩa của nhất thú đạo.

[4] Nguyên tác: Ngũ cái (五蓋, *pañca nīvaraṇā*). Theo *DĀ*. 9; *SĀ*. 611, 5 thứ phiền não che lấp tâm tánh, làm cho pháp lành không phát sanh, đó là tham dục (貪欲, *kāmarāga*), sân khuể (瞋恚, *vyāpāda*), hôn trầm thụy miên (惛沈睡眠, *thinamiddha*), trạo cử (掉舉, *uddhacca*) và nghi (疑, *vicikicchā*).

[5] Nguyên tác: Tứ ý chỉ (四意止), theo giải thích của bản kinh này ở đoạn sau, chỉ cho bốn niệm xứ.

[6] Nguyên tác: Chánh trị (正治) còn gọi là chánh tư duy (正思惟).

[7] Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便) còn gọi là chánh tinh tấn (正精進).

Thế nào là tu tập[8] bốn niệm xứ? Ở đây, vị Tỳ-kheo quán thân nơi[9] nội thân,[10] diệt trừ niệm ác, không có buồn lo; quán thân nơi ngoại thân,[11] diệt trừ niệm ác, không có buồn lo; quán thân nơi nội, ngoại thân,[12] diệt trừ niệm ác, không có buồn lo. Kế đến, quán thọ nơi nội thọ,[13] quán thọ nơi ngoại thọ,[14] quán thọ nơi nội, ngoại thọ[15] để tự an trú.[16] Tiếp đó, quán tâm nơi nội tâm,[17] quán tâm nơi ngoại tâm,[18] quán tâm nơi nội, ngoại tâm[19] để tự an trú. Cuối cùng quán pháp nơi nội pháp,[20] quán pháp nơi ngoại pháp,[21] quán pháp nơi nội, ngoại pháp[22] để tự an trú.

Thế nào là Tỳ-kheo quán thân nơi thân[23] để tự an trú? Ở đây Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tính chất và sở hành của nó, quán từ trên đầu xuống đến chân, từ dưới chân lên đến đầu; quán bên trong thân này tất cả đều nhơ uế, không có gì đáng tham đắm.

Lại quán thân này có các thứ lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ cao, ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận, đều phải quán biết rõ ràng; nào là phẩn, tiểu, sanh tạng, thục tạng, nước mắt, đờm dãi, huyết mạch, mỡ, mật, đều

---

[8] Nguyên tác: Tư duy (思惟), dùng trong nghĩa tu tập (修習).

[9] Nguyên tác không có giới từ. Tham chiếu chữ "như" (如) trong 觀身如身 ở *MĀ.* 98 và tiếp đầu ngữ *anu* trong *M.* 10 nên bản dịch đã bổ sung.

[10] Nguyên tác: Nội tự quán thân (內自觀身). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī* (quán thân trên nội thân).

[11] Nguyên tác: Ngoại tự quán thân (外自觀身). Tham chiếu: *M.* 10: *Bahiddhā vā kāye kāyānupassī* (quán thân trên ngoại thân).

[12] Nguyên tác: Nội ngoại quán thân (內外觀身). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattabahiddhā vā kāye kāyānupassī* (quán thân trên nội, ngoại thân).

[13] Nguyên tác: Nội quán thống thống (內觀痛痛). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattaṃ vā vedanāsu vedanānupassī* (quán thọ trên các nội thọ).

[14] Nguyên tác: Ngoại quán thống thống (外觀痛痛). Tham chiếu: *M.* 10: *Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī* (quán thọ trên các ngoại thọ).

[15] Nguyên tác: Nội ngoại quán thống thống (內外觀痛痛). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattabahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī* (quán thọ trên các nội, ngoại thọ).

[16] Nguyên tác: Nhi tự ngô lạc (而自娛樂): Tự an trú. Hoặc tùy ngữ cảnh có thể dịch là "chứng đạt rồi an trú." Trong *Tăng nhất A-hàm*, cú ngữ này còn được sử dụng với các dạng thức như "tự du hý" (自遊戲), "nhi đắc khoái lạc" (而得歡樂), hoặc "du ư" (遊於),... Cú ngữ này ở *Trường A-hàm* gọi là "nhi tự ngô lạc" (而自娛樂); *Trung A-hàm* gọi là "thành tựu du" (成就遊); *Tạp A-hàm* gọi là "cụ túc trụ" (具足住), đều xuất phát từ hợp ngữ Pāli: *Upasampajja viharati* (chứng đạt và an trú).

[17] Nguyên tác: Nội quán tâm (內觀心). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattaṃ vā citte cittānupassī* (quán tâm trên nội tâm).

[18] Nguyên tác: Ngoại quán tâm (外觀心). Tham chiếu: *M.* 10: *Bahiddhā vā citte cittānupassī* (quán tâm trên ngoại tâm).

[19] Nguyên tác: Nội, ngoại quán tâm (內外觀心). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattabahiddhā vā citte cittānupassī* (quán tâm trên nội, ngoại tâm).

[20] Nguyên tác: Nội quán pháp (內觀法). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī* (quán pháp trên nội pháp).

[21] Nguyên tác: Ngoại quán pháp (外觀法). Tham chiếu: *M.* 10: *Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī* (quán pháp trên ngoại pháp).

[22] Nguyên tác: Nội, ngoại quán pháp (內外觀法). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī* (quán pháp trên nội, ngoại pháp).

[23] Nguyên tác: Nội quán thân (內觀身). Tham chiếu: *M.* 10: *Kāye kāyānupassī* (quán thân trên thân).

nên quán biết, không có gì đáng tham đắm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, luôn phải quán thân để tự an trú, diệt trừ niệm ác, không có buồn lo.

Lại nữa Tỳ-kheo, hãy tường tận quán sát thân này có yếu tố đất chăng? Có yếu tố nước, lửa, gió chăng? Như vậy, Tỳ-kheo quán sát thân này.

Lại nữa Tỳ-kheo, hãy quán sát thân này, phân biệt các chủng loại, thân này có bốn yếu tố. Giống như người đồ tể khéo giết mổ bò, hoặc học trò của người này mổ xẻ con bò ra từng phần để tự thấy rõ đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo kia phân biệt các chủng loại này để tự quán sát thân này có yếu tố đất, nước, lửa, gió. Như vậy, Tỳ-kheo quán thân để tự an trú.

[0568b01] Lại nữa Tỳ-kheo, hãy quán thân này có các lỗ thường tiết ra những chất nhơ bẩn. Giống như người nọ quán sát vườn trúc hay quán sát bụi lau, cũng vậy, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ thường tiết ra những chất nhơ bẩn.

Lại nữa Tỳ-kheo, hãy quán tử thi chết đã một ngày, hoặc chết đã hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày; thân thể sình trướng, hôi thối dơ bẩn. Tỳ-kheo lại quán thân mình và tử thi kia không khác nhau, thân ta rồi cũng không tránh khỏi nạn này.

Hoặc Tỳ-kheo quán tử thi đã bị loài quạ, chim thước, diều hâu đến ăn thịt; hoặc bị cọp, sói, chó hoang, các loài trùng thú đến ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình và tử thi kia không khác, thân ta rồi cũng không tránh khỏi nạn này. Đó gọi là Tỳ-kheo quán thân để tự an trú.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi đã bị ăn thịt hết phân nửa, rơi vãi trên đất, hôi thối dơ bẩn. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình và tử thi kia không khác, thân ta rồi cũng không tránh khỏi nạn này.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi đã bị ăn hết thịt, chỉ còn bộ xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại quán thân này của ta với thân tử thi kia cũng không khác biệt. Như vậy, Tỳ-kheo quán sát thân này.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi có những sợi gân ràng rịt như buộc củi. Tỳ-kheo lại quán tự thân và tử thi kia không khác. Như vậy, Tỳ-kheo quán sát thân này.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi từng đốt xương rời rạc vương vãi khắp nơi; nào là xương tay, xương chân, mỗi thứ rơi một nơi; nào là xương đùi, xương hông, xương cùng, xương cánh tay; nào là xương vai, xương sườn, xương sống, xương cổ, xương sọ. Lại quán thân này của ta cũng như thế kia, sẽ không tránh khỏi quy luật này, thân ta rồi cũng sẽ hư hoại. Như vậy, Tỳ-kheo quán thân để tự an trú.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi còn xương màu trắng, như màu ngọc trắng. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình và tử thi kia không khác, ta rồi cũng không tránh khỏi lẽ thật này. Đó gọi là Tỳ-kheo tự quán thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo hoặc quán tưởng tử thi còn bộ xương màu xanh bầm, không có gì đáng tham đắm; hoặc xương đồng màu với tro đất, không thể phân biệt. Như vậy, Tỳ-kheo tự quán thân để trừ niệm ác, không có buồn lo, thân này vô thường, sẽ bị phân tán. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân; quán thân nơi ngoại thân; quán thân nơi nội, ngoại thân, thấy rõ thân này không gì thật có.

Thế nào là Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ? Nghĩa là Tỳ-kheo khi có cảm thọ lạc, liền tự nhận biết rõ ta đang cảm thọ lạc; khi có cảm thọ khổ, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khổ; khi có cảm thọ không khổ không lạc, tự biết rõ rằng ta đang cảm thọ không khổ không lạc.

Hoặc khi có cảm thọ lạc bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ lạc bởi vật dục; hoặc khi có cảm thọ khổ bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khổ bởi vật dục; hoặc khi có cảm thọ không khổ không lạc bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ không khổ không lạc bởi vật dục.

Hoặc khi có cảm thọ lạc phi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ lạc phi vật dục; hoặc có cảm thọ khổ phi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khổ phi vật dục; hoặc khi có cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục. Như vậy, Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ.

[0568c09] Lại nữa, hoặc lúc Tỳ-kheo có cảm thọ lạc, bấy giờ không có cảm thọ khổ, lúc đó tự biết rõ ta đang cảm thọ lạc. Hoặc lúc có cảm thọ khổ, bấy giờ không có cảm thọ lạc, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khổ. Hoặc lúc có cảm thọ không khổ không lạc, bấy giờ không khổ không lạc, lúc đó tự biết rõ ta đang cảm thọ không khổ không lạc. Vị đó quán pháp tập khởi nơi các thọ để tự an trú, cũng quán pháp diệt tận, lại quán pháp tập khởi và diệt tận nơi các thọ để tự an trú. Hoặc lại có cảm thọ xuất hiện ở trước, có thể biết rõ, có thể nhận thấy; vị ấy tư duy nguồn gốc của nó, không nương tựa vào gì cả mà tự an trú, không khởi niệm tưởng về thế gian, cũng không kinh sợ đối diện với những cảm thọ ấy. Nhờ không kinh sợ mà đạt đến Niết-bàn, vị ấy như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Như vậy, Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ, trừ bỏ loạn niệm, không có buồn lo; quán thọ nơi ngoại thọ; quán thọ nơi nội, ngoại thọ, trừ bỏ loạn niệm, không có buồn lo. Như thế, Tỳ-kheo quán thọ nơi nội, ngoại thọ.

Thế nào là quán tâm nơi tâm[24] để tự an trú? Nghĩa là Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự nhận biết có tâm ái dục; không có tâm ái dục cũng tự nhận biết không có tâm ái dục. Có tâm sân hận, liền tự nhận biết có tâm sân hận; không có tâm sân hận, cũng tự nhận biết không có tâm sân hận. Hoặc có tâm ngu si, liền tự nhận biết có tâm ngu si; không có tâm ngu si, liền tự nhận biết không có tâm ngu si. Nếu có tâm thương nhớ, liền tự nhận biết có tâm thương nhớ; không có tâm

[24] Nguyên tác: Quán tâm tâm pháp (觀心心法).

thương nhớ, cũng tự nhận biết không có tâm thương nhớ. Có tâm thọ nhập,[25] liền tự nhận biết có tâm thọ nhập; không có tâm thọ nhập, cũng tự nhận biết không có tâm thọ nhập. Nếu có tâm loạn niệm, liền tự nhận biết có tâm loạn niệm; không có tâm loạn niệm, cũng tự nhận biết không có tâm loạn niệm. Có tâm phóng dật,[26] liền tự nhận biết có tâm phóng dật; không có tâm phóng dật, liền tự nhận biết không có tâm phóng dật. Có tâm rộng khắp,[27] liền tự nhận biết có tâm rộng khắp; không có tâm rộng khắp, cũng tự nhận biết không có tâm rộng khắp. Có tâm vô thượng,[28] liền tự nhận biết có tâm vô thượng; không có tâm vô thượng, cũng tự nhận biết không có tâm vô thượng. Có tâm vô lượng, liền tự nhận biết có tâm vô lượng; không có tâm vô lượng, cũng tự nhận biết không có tâm vô lượng. Có tâm định tĩnh,[29] liền tự nhận biết có tâm định tĩnh; không có tâm định tĩnh, cũng tự nhận biết không có tâm định tĩnh. Tâm chưa giải thoát, liền tự nhận biết tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát, cũng tự nhận biết tâm đã giải thoát. Như vậy, Tỳ-kheo quán sát tâm nơi tâm niệm xứ.[30]

Vị đó quán pháp tập khởi, quán pháp diệt tận, đồng thời quán pháp tập khởi và diệt tận; tu tập quán pháp để tự an trú, có thể biết rõ, có thể nhận thấy, có thể tư duy, không thể tư duy; vị ấy không nương tựa vào gì cả mà tự mình an trú, không khởi niệm tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng thì không sợ hãi, đã không sợ hãi liền được vô dư, đã được vô dư liền đạt Niết-bàn. Vị ấy như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Như vậy, Tỳ-kheo tu tập quán tâm nơi nội tâm niệm xứ,[31] diệt trừ loạn tưởng, không có buồn lo; quán tâm nơi ngoại tâm;[32] quán tâm nơi nội, ngoại tâm niệm xứ,[33] trừ bỏ loạn niệm, không có buồn lo. Như vậy, Tỳ-kheo tu tập quán tâm nơi tâm niệm xứ.

Thế nào là Tỳ-kheo quán niệm xứ[34] pháp nơi pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo tu niệm giác chi,[35] nương vào quán tưởng, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, trừ bỏ các pháp xấu ác; tu trạch pháp giác chi,[36] tu tinh tấn giác chi, tu hỷ giác

---

[25] Nguyên tác: Thọ nhập tâm (受入心). *A-tỳ-đàm Bát-kiền-độ luận* 阿毘曇八犍度論 (*T*.26. 1543.6. 0796a28-b01) giải thích là tâm dung nạp, tâm thâu nhiếp; *M.* 10 gọi là *saṅkhittaṃ citta* (tâm thâu nhiếp).

[26] Nguyên tác: Tán lạc tâm (散落心, *vikkhittaṃ citta*): Tâm lan man, thiếu tập trung, cũng gọi là tâm phóng dật.

[27] Nguyên tác: Phổ biến tâm (普遍心, *mahāggataṃ citt*a): Tâm rộng khắp.

[28] Nguyên tác: Đại tâm (大心, *anuttaraṃ citta*): Tâm nguyện rộng lớn, cầu đại Bồ-đề.

[29] Nguyên tác: Tam-muội tâm (三昧心, *samāhitaṃ citta*): Tâm định tĩnh, tập trung.

[30] Bản Tống, Nguyên, Minh: Tâm tâm tương quán ý chỉ (心心相觀意止). Tương quán (相觀) dùng như "quán sát" (觀察).

[31] Nguyên tác: Nội tự quán tâm tâm ý chỉ (內自觀心心意止). Tham chiếu: *M.* 10: *Ajjhattaṃ vā citte cittānupassī.*

[32] Nguyên tác: Ngoại quán tâm (外觀心). Xem chú thích 18, phẩm 12, tr. 88.

[33] Nguyên tác: Nội, ngoại quán tâm tâm ý chỉ (內外觀心心意止).

[34] Nguyên tác: Pháp pháp tương quán ý chỉ (法法相觀意止).

[35] Nguyên tác: Niệm giác ý (念覺意, *satisambojjhaṅga*): Niệm giác chi.

[36] Nguyên tác: Pháp giác ý (法覺意, *dhammavicayasambojjhaṅga*): Trạch pháp giác chi.

chi,[37] tu khinh an giác chi,[38] tu định giác chi,[39] tu xả giác chi,[40] nương vào quán tưởng, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, trừ bỏ các pháp xấu ác.[41] Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo đã thoát khỏi ái dục, trừ bỏ các pháp xấu, bất thiện, có giác có quán,[42] có hỷ và lạc do viễn ly sanh,[43] chứng nhập và an trú Thiền thứ nhất. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả giác, xả quán, tâm sanh hoan hỷ, ý niệm chuyên nhất, không còn giác và quán, có hỷ có lạc do định sanh,[44] chứng nhập và an trú Thiền thứ hai. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo ly hỷ, trú xả, luôn tự biết rõ thân trụ tịch tĩnh, điều mà các bậc Hiền thánh mong cầu, xả niệm thanh tịnh, chứng nhập và an trú Thiền thứ ba. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, không còn buồn vui, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, an trú Thiền thứ tư. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp.

Vị đó quán[45] pháp tập khởi, quán pháp diệt tận, đồng thời quán pháp tập khởi và diệt tận để tự an trú, liền được pháp niệm xứ ở ngay hiện tiền, có thể nhận biết, có thể thấy rõ; vị ấy diệt trừ loạn tưởng, không nương tựa gì cả, không khởi tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi, đã không sợ hãi liền như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Này các Tỳ-kheo, nương theo một lối vào đạo, giúp chúng sanh được thanh tịnh, xa lìa sầu lo, không còn niệm tưởng buồn vui, đạt được trí tuệ, chứng ngộ Niết-bàn. Đó chính là diệt trừ năm sự ngăn che và tu tập bốn niệm xứ vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[37] Bản chữ Hán ghi là "tu niệm giác ý" (修念覺意), hẳn là có nhầm lẫn, vì niệm giác ý đã trình bày ở trên.

[38] Nguyên tác: Ỷ giác ý (猗覺意, *passaddhisambojjhaṅga*): Khinh an giác chi.

[39] Nguyên tác: Tam-muội giác ý (三昧覺意, 定覺意, *samādhisambojjhaṅga*): Định giác chi.

[40] Nguyên tác: Hộ giác ý (護覺意, *upekkhāsambojjhaṅga*): Xả giác chi.

[41] Tham chiếu: *MĀ*. 10: Này Tỳ-kheo, hãy tư duy niệm giác chi, y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả ly; tư duy trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và giác chi thứ bảy là xả giác chi, y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả ly (比丘! 思惟初念覺支, 依離, 依無欲, 依於滅盡, 趣至出要, 法精進喜息定, 思惟第七捨覺支, 依離, 依無欲, 依於滅盡, 趣至出要).

[42] Nguyên tác: Hữu giác hữu quán (有覺有觀, *savitakkaṃ savicāraṃ*): Có tầm có tứ.

[43] Tham chiếu: *DĀ*. 2: Tư duy xa lìa tham dục và các pháp xấu bất thiện, có tầm có tứ, có hỷ có lạc do viễn ly sanh, chứng đắc Sơ thiền (思惟貪婬欲, 惡不善, 有覺, 有觀, 離生喜, 樂, 得第一禪).

[44] Tham chiếu: *DĀ*. 2: Xả tầm, xả tứ, tâm sanh hoan hỷ, tinh chuyên nhất ý, dẫn đến không tầm không tứ, có hỷ có lạc do định sanh, chứng nhập và an trú Nhị thiền (除滅覺, 觀, 內信歡悅, 斂心專一, 無覺, 無觀, 定生喜, 樂, 得第二禪).

[45] Nguyên tác: Hành (行), chỉ cho hành động, tạo tác, từ dùng thay thế từ "tương quán" (相觀) ở trên.

2. GANH GHÉT VÀ ĐỐ KỴ[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong đời này, Như Lai không thấy một pháp nào nhanh chóng đưa đến hoại diệt như là việc ganh ghét, đố kỵ người đồng Phạm hạnh.[47] Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải tu tập từ bi và nhẫn nhục, thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. TÔN KÍNH, THỪA SỰ NHƯ LAI[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có một người mà khi xuất hiện ở thế gian thì tôn quý bậc nhất, cao cả bậc nhất, vượt trên chư thiên, loài người, chúng ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai sánh bằng, đó là bậc phước điền đứng đầu, đáng thừa sự, đáng tôn kính. Người ấy là ai? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là một người mà khi xuất hiện ở thế gian thì tôn quý bậc nhất, cao cả bậc nhất, không ai sánh bằng, vượt hơn chư thiên, loài người, a-tu-la, chúng ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, đó là bậc phước điền đứng đầu, đáng cúng dường, đáng tôn kính. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải nên tôn kính thừa sự Như Lai.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. CHĂM SÓC BỆNH[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[46] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.2. 0569b13).

[47] Phạm hạnh (梵行, *Brahmacariya*): Hạnh thanh tịnh. Tham khảo: *Kinh Phạm chí Sanh Lậu* (2), số 9, phẩm 37, tr. 604 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.9. 0714c15-0715a14).

[48] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.3. 0569b19). Tham chiếu: *A.* 1.13 - I. 22.

[49] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.4. 0569b29). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.44.7. 0766b22); *S.* 35.74 - IV. 46.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người nào chăm sóc người bệnh, tức là đã chăm sóc Như Lai. Người nào thăm hỏi người bệnh, tức là đã thăm hỏi Như Lai. Vì sao như vậy? Vì Như Lai luôn muốn đích thân chăm sóc người bệnh tật.

Này các Tỳ-kheo, Như Lai không thấy một người nào mà khi bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này tối thượng, vượt hơn cả bố thí cho chư thiên, thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn. Hành thí như đây mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng tốt vang khắp, được pháp vị giải thoát. Đó chính là bố thí cúng dường đến Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Nên biết, trong các bố thí, đây là bố thí tối thượng hơn cả. Hành thí như đây mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Như Lai vì nhân duyên này mà nói rằng: "Chăm sóc người bệnh thì không khác gì như được chăm sóc Như Lai. Việc đó sẽ đem lại phước lợi lâu dài và to lớn cho các thầy."

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. KHEN NGỢI VÀ CHÊ BAI[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người nào khen ngợi vị tu hạnh A-lan-nhã[51] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai nay thường tự khen ngợi hạnh A-lan-nhã. Người nào chê bai hạnh A-lan-nhã tức là đã chê bai Như Lai.

Người nào khen ngợi vị tu hạnh khất thực[52] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai luôn khen ngợi người hành hạnh khất thực. Người nào chê bai hạnh khất thực nghĩa là đã chê bai Như Lai.

Người nào khen ngợi vị tu hạnh độc cư thiền định[53] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người hành độc cư thiền định. Ai chê bai người tu hạnh độc cư thiền định nghĩa là đã chê bai Như Lai.

---

[50] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.5. 0569c13).

[51] A-lan-nhã (阿蘭若, *āraññа*) còn gọi là "A-luyện-nhã", là chốn núi rừng nhàn tĩnh. Đây chỉ cho Tỳ-kheo A-lan-nhã (*āraññaka*), một trong 13 hạnh Đầu-đà, thường sống ở trong rừng.

[52] Vị tu hạnh khất thực (乞食, *piṇḍapātika*) ở đây chỉ cho Tỳ-kheo tu hạnh Đầu-đà, thường hành khất thực, không ăn tại nhà tín thí mời.

[53] Nguyên tác: Độc tọa (獨坐). Tham chiếu: *S.* 22.6 - III. 15: *Paṭisallīna* (tĩnh mặc). Trang Xuân Giang dịch sang Hán ngữ là "tĩnh tọa thiền tu" (靜坐禪修).

Người nào khen ngợi vị tu hạnh ngồi một lần ăn một bữa[54] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ngồi một lần ăn một bữa. Ai chê bai người này tức là đã chê bai Như Lai.

Người nào khen ngợi người tu hạnh ngồi bên gốc cây[55] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người tu hạnh ngồi bên gốc cây. Nếu ai chê bai người ngồi bên gốc cây nghĩa là đã chê bai Như Lai.

Ai khen ngợi người tu hạnh ngồi nơi đất trống[56] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người tu hạnh ngồi nơi đất trống. Ai chê bai người ngồi nơi đất trống nghĩa là đã chê bai Như Lai.

Ai khen ngợi người tu hạnh ở chốn núi rừng yên tĩnh là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ở chốn núi rừng yên tĩnh. Ai chê bai người ở chốn núi rừng yên tĩnh nghĩa là đã chê bai Như Lai.

Ai khen ngợi người tu hạnh khoác y năm mảnh[57] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người khoác y năm mảnh. Ai chê bai người khoác y năm mảnh tức là đã chê bai Như Lai.

Ai khen ngợi người tu hạnh trì ba y[58] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người trì ba y. Ai chê bai người trì ba y tức là đã chê bai Như Lai.

Ai khen ngợi người tu hạnh sống nơi bãi tha ma[59] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai luôn khen ngợi người sống nơi bãi tha ma. Ai chê bai người sống nơi bãi tha ma tức là đã chê bai Như Lai.

Ai khen ngợi người tu hạnh ăn đúng lượng một bát[60] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ăn đúng lượng một bát. Ai chê bai người ăn đúng lượng một bát tức là đã chê bai Như Lai.

Ai khen ngợi người tu hạnh ăn một bữa ngọ tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ăn một bữa ngọ. Ai chê bai người ăn một bữa ngọ tức là chê bai Như Lai.

---

[54] Nguyên tác: Nhất tọa nhất thực (一坐一食, *ekāsanika*), còn gọi "nhất tọa thực" (一坐食), là "tác nhất thực pháp" (*ekāsanika*), là một trong 13 hạnh Đầu-đà. Một ngày chỉ ăn một bữa và chỉ ngồi xuống ăn một lần, nếu đã đứng lên thì không ngồi xuống ăn trở lại.

[55] Nguyên tác: Tọa thọ hạ (坐樹下, *rukkhamūlika*): Thường ngồi bên gốc cây.

[56] Nguyên tác: Lộ tọa (露坐, *abbhokāsika*): Thường ngồi ngoài trời, giữa nơi đất trống.

[57] Nguyên tác: Ngũ nạp y (五納衣, *paṃsukūlika*) ở đây chỉ cho Tỳ-kheo trì y phấn tảo, lượm vải từ đống rác làm y.

[58] Nguyên tác: Trì ba y (持三衣, *tecīvarika*) tức luôn mang theo 3 y bên mình, ngay cả khi ăn và lúc ngủ nghỉ. Ba y gồm có: Y Tăng-già-lê (僧伽梨, *Saṅghāṭi*); Uất-đa-la-tăng (鬱多羅僧, *Uttarāsaṅga*); An-đà-hội (安陀會, *Antaravāsaka*).

[59] Nguyên tác: Trủng gian tọa (塚間坐, *sosānika*): Thường ngồi tại các bãi tha ma.

[60] Nguyên tác: Nhất thực (一食) tức chỉ cho ăn lượng vừa phải, tức khoảng một bát, nghĩa là biết tiết chế việc ăn uống. *Phật thuyết thập nhị hạnh Đầu-đà kinh* 佛說十二頭陀經 (*T*.17. 0783. 0721a14-25) ghi: Tiết lượng thực (節量食).

Ai khen ngợi người tu các hạnh Đầu-đà[61] tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người tu các hạnh Đầu-đà. Ai chê bai người tu các hạnh Đầu-đà tức là đã chê bai Như Lai.

Nay Như Lai dạy các Tỳ-kheo hãy học theo hạnh tu của Đại Ca-diếp, không để sót mất. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp có đầy đủ các hạnh này. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Việc tu học của các thầy phải giống như Đại Ca-diếp.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TÔN GIẢ ĐẠI CA-DIẾP[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sống ở a-lan-nhã, đến giờ thì đi khất thực, không phân biệt giàu nghèo, chỉ ngồi một chỗ trong khi ăn, không thích dời đổi. Tôn giả thường ngồi bên gốc cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc nơi yên vắng; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y; hoặc ở bãi tha ma; hoặc ăn đúng lượng một bát, hoặc ăn đúng ngọ. Ngài ấy tu hạnh Đầu-đà dù tuổi cao già cả.

Bấy giờ, sau khi thọ thực xong, Tôn giả Đại Ca-diếp liền đến bên gốc cây thiền định. Thiền định xong, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, đến chỗ Thế Tôn. Lúc ấy, Thế Tôn từ xa nhìn thấy Tôn giả Đại Ca-diếp đến, liền nói:

– Lành thay, Đại Ca-diếp!

Tôn giả Đại Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo:

– Này Đại Ca-diếp! Nay thầy cũng đã già rồi, thân sức yếu, hãy thôi hành pháp khất thực và các hạnh Đầu-đà. Thầy cũng nên nhận lời mời thỉnh từ các gia chủ và nhận cúng dường y mới.

Tôn giả Đại Ca-diếp thưa:

– Nay con không dám thuận theo lời dạy của Như Lai. Vì sao vậy? Vì nếu Như Lai không thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân thì con sẽ thành bậc Độc giác. Nhưng bậc Độc giác ấy dốc lòng hành hạnh A-lan-nhã, đến giờ đi khất thực, không phân biệt giàu nghèo; ngồi một chỗ ăn một bữa, không thích dời

---

[61] Hạnh Đầu-đà (頭陀行, *Dhutaṅga*). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

[62] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.12.6. 0570a23). Tham chiếu: *Kinh phó chúc Pháp bảo*, số 5, phẩm 41, tr. 715 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.41.5. 0746a21); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1141. 0301c07); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.114. 0416b08); *S.* 16.5 - II. 202.

đổi; thường ngồi bên gốc cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc nơi yên vắng; luôn khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y; hoặc ở bãi tha ma; hoặc ăn đúng lượng một bát, hoặc ăn đúng ngọ, hành hạnh Đầu-đà. Thật sự con nay không dám từ bỏ nếp sống cũ để tu học những hạnh khác.

Thế Tôn liền khen:

– Lành thay, lành thay, Đại Ca-diếp! Thầy đã tạo nhiều điều lợi ích, độ người vô lượng, tất cả trời, người đều được độ thoát. Vì sao như vậy? Này Đại Ca-diếp, hạnh Đầu-đà còn ở thế gian thì giáo pháp của Như Lai cũng tồn tại lâu dài ở đó. Nếu giáo pháp tồn tại ở đời thì chúng sanh cõi trời sẽ tăng, chúng sanh nơi ba đường dữ liền giảm. Đồng thời, người thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và Tam thừa[63] đều còn nơi thế gian.

Này các Tỳ-kheo! Các thầy nên tu tập giống như Đại Ca-diếp tu tập.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA THAM LỢI DƯỠNG[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tâm tham lợi dưỡng quá nặng sẽ khiến con người không đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo, Đề-bà-đạt-đa[65] mê muội kia thọ nhận năm trăm mâm thức ăn của Vương tử A-xà-thế[66] cúng dường. Nếu Vương tử kia không dâng cúng thì kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa sẽ không bao giờ tạo việc ác này. Vì Vương tử A-xà-thế ngày nào cũng đem năm trăm mâm thức ăn đến cúng dường nên Đề-bà-đạt-đa mới sanh khởi ác ngũ nghịch, khiến

---

[63] Tam thừa (三乘). *Bất thối chuyển pháp luân kinh* 不退轉法輪經 (*T*.09. 0267. 0226c25-26) định nghĩa: Thế nào gọi là Tam thừa? Phật dạy: Đó là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Phật thừa. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thường dạy như thế về pháp Tam thừa (云何名為三乘? 佛言: 所謂聲聞乘, 辟支佛乘, 佛乘, 釋迦牟尼佛常作如是說三乘法).

[64] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.7. 0570b20). Tham chiếu: *Kinh lợi dưỡng*, số 7, phẩm 23, tr. 263 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.7. 0614a18); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1064. 0276b20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.003. 0374b09); *S*. 17.35 - II. 241; *S*. 17.36 - II. 242; *A*. 4.68 - II. 73.

[65] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜).

[66] Nguyên tác: Bà-la-lưu-chi (婆羅留支, S. Balaruci). P. Kuṇika, Ajātasattu. Nghĩa của tên này là gãy một ngón tay (折指). *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (*T*.12. 0374.034. 0565c09-14), thuật lại lời của Đề-bà-đạt-đa, ông ta cho rằng, trước khi được sanh ra, các thầy tướng đoán tướng A-xà-thế sau khi sanh ra sẽ giết phụ vương, thế nên mọi người gọi thái tử là "Vị Sanh Oán" (未生怨). Hoàng hậu Vi-đề-hy biết được điều đó nên vừa sanh thái tử ở trên lầu cao liền ném xuống đất, làm bị thương một ngón tay của thái tử. Vì nhân duyên đó nên mọi người gọi thái tử là Bà-la-lưu-chi (婆羅留支).

sau khi qua đời đọa vào đại địa ngục A-tỳ.[67] Vì nguyên do này nên biết, tâm tham lợi dưỡng quá nặng, sẽ khiến con người không đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu tâm tham đắm lợi dưỡng chưa sanh thì chớ để sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì hãy trừ diệt.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA TẠO NGŨ NGHỊCH[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt.

Lúc bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa loạn phá chúng Tăng, đả thương chân Như Lai, xúi giục Thái tử A-xà-thế sát hại vua cha, lại còn giết vị Tỳ-kheo-ni đã chứng đắc A-la-hán. Hơn nữa, ở giữa đại chúng, ông ta còn tuyên bố: "Nơi nào có điều ác? Cái ác từ đâu sanh ra? Ai làm điều ác này để rồi phải chịu quả báo đó?[69] Ta đâu có làm điều ác này mà phải chịu quả báo đó?"

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực, nghe nói kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa ở giữa đại chúng đã tuyên bố: "Nơi nào có điều ác? Cái ác từ đâu sanh ra? Ai làm điều ác này để rồi phải chịu quả báo đó?" Nên sau khi ăn xong, các Tỳ-kheo liền thu xếp y bát, vắt tọa cụ[70] lên vai phải, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch với Thế Tôn:

– Đề-bà-đạt-đa u mê đã tuyên bố giữa đại chúng rằng: "Vì sao làm ác không bị tai ương, làm lành không được phước báu? Đó là vì không có quả báo thiện ác để lãnh chịu."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có làm việc ác ắt phải lãnh tội. Nghiệp thiện, nghiệp ác đều có báo ứng cả. Nếu kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa kia biết có quả báo thiện ác thì sẽ hao gầy, buồn rầu, không vui, máu trào ra đầy mặt. Do kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa kia không

---

[67] A-tỳ địa ngục (阿鼻地獄, Avīci): Địa ngục Vô Gián, một trong 8 địa ngục cực nóng. "A" là lửa lớn, "tỳ" là nóng bức. Lửa mạnh đốt tâm nên gọi là địa ngục A-tỳ. Theo *Phật thuyết quán Phật tam-muội hải kinh* 佛說觀佛三昧海經 (*T*.15. 0643.5. 0668b28).

[68] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.8. 0570c02).

[69] Nguyên tác: Thùy tác thử ác nhi thọ kỳ báo? (誰作此惡而受其報?). Tham chiếu: *DĀ*. 21: Việc thiện ác có quả báo hay không có quả báo? (善惡有報耶無報耶). Xem thêm *A*. 1: *Atthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko?* (Có quả dị thục của nghiệp thiện và bất thiện chăng?) Đây cũng là quan điểm của ngoại đạo Pūrana Kassapa được ghi nhận ở *D*. 2.

[70] Ni-sư-đàn (尼師壇): Tấm tọa cụ, tấm vải hình vuông dùng để trải trên mặt đất, hoặc trên ngọa cụ khi ngồi hoặc nằm. Mục đích của tọa cụ là để bảo hộ thân thể trước cỏ cây và côn trùng trên mặt đất. Theo *Tứ phần luật* 四分律 (*T*.22. 1428.19. 0694a25).

biết có quả báo thiện ác, cho nên mới tuyên bố giữa đại chúng: "Không có quả báo thiện ác, làm ác không bị tai ương, làm lành không được phước báu."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Kẻ ngu mới tự cho Làm ác không báo ứng,
Như Lai vốn biết rõ Thiện ác đều báo ứng.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy xa lìa việc ác, tạo phước không mệt mỏi.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. LỢI DƯỠNG HỦY HOẠI SỰ NGHIỆP[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Thọ nhận lợi dưỡng của thí chủ cúng dường thật sự rất nặng, không dễ chút nào, khiến con người không đến được cảnh giới vô vi. Vì sao như vậy? Vì quả báo của việc tham đắm lợi dưỡng sẽ cắt vào da người, cắt hết lớp da rồi qua lớp thịt, cắt hết lớp thịt rồi đến lớp xương, cắt hết lớp xương liền thấu đến tủy.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy quán sát việc này để biết rõ thọ nhận lợi dưỡng vốn dĩ rất nặng. Nếu tâm tham đắm lợi dưỡng chưa sanh thì chớ để sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì tìm cách trừ diệt.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. TỲ-KHEO SƯ-LỢI-LA[72]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thọ nhận lợi dưỡng của thí chủ cúng dường quả thật không dễ, khiến cho con người không đến được cảnh giới vô vi. Vì sao như vậy? Vì nếu không tham lợi dưỡng thì Tỳ-kheo Sư-lợi-la kia không giết hại vô lượng chúng sanh như thế, khiến sau khi qua đời phải rơi vào địa ngục.

---

[71] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.9. 0570c06). Tham chiếu: *S.* 17.28 - II. 237.

[72] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.10. 0571a05).

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nhận quá nhiều lợi dưỡng,
Tâm mình, luôn gắng giữ,
Lợi-sư nhờ đắc định,
Rồi mất dần thần thông,
Sẽ phá hạnh thanh cao,
Lợi dưỡng, chớ đắm vào.
Lên đến Đế-thích cung,
Đọa vào nơi chém giết.

Này các Tỳ-kheo! Hãy quán sát điều này, ắt sẽ biết rõ thọ nhận lợi dưỡng của tín thí quả thật không dễ. Nếu tâm tham lợi dưỡng chưa sanh thì phải điều phục không để sanh khởi, nếu đã sanh khởi tâm này thì phải tìm cách trừ diệt.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[73]

[73] Bản Hán, hết quyển 5.

13. PHẨM LỢI DƯỠNG[1]

1. BỎ ĐẠO VÌ LỢI DƯỠNG[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nhận lợi dưỡng của thí chủ thật sự không dễ dàng vì sẽ khiến con người không đến được cảnh giới vô vi. Vì sao như vậy? Vì nếu không tham lợi dưỡng thì Tỳ-kheo Tu-la-đà[3] sẽ không bao giờ ở trong pháp của Như Lai mà xả bỏ ba y để trở về sống đời tục gia.

[0571b02] Trước đây, Tỳ-kheo Tu-la-đà vốn tu theo hạnh A-lan-nhã, đến giờ thì đi khất thực, ngồi một lần ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngọ; hoặc ngồi bên gốc cây, hoặc ngồi nơi đất trống, thích nơi yên tĩnh; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y; hoặc thích sống nơi bãi tha ma, siêng tu khổ hạnh, hành hạnh Đầu-đà này. Nhưng về sau, Tỳ-kheo Tu-la-đà thường nhận đủ loại thức ăn ngon ngọt, được cúng dường mỗi ngày từ Quốc vương Bồ-hô.[4]

Thế rồi Tỳ-kheo ấy khởi tâm đắm nhiễm thức ăn nên dần dà rời xa hạnh A-lan-nhã, không còn thực hành pháp tu: Đến giờ thì khất thực, ngồi một lần ăn một bữa, ăn đúng giờ ngọ; ngồi bên gốc cây, hoặc ngồi nơi đất trống, thích nơi yên tĩnh; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y; hoặc thích sống nơi bãi tha ma, siêng tu khổ hạnh. Sau khi xa rời các hạnh này, ông ấy lại từ bỏ ba y, trở về thế tục, hành nghề đồ tể mổ bò, sát sanh vô số, không thể tính kể, nên sau khi qua đời ông ta đọa vào địa ngục.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy quán sát việc này để biết rõ lợi dưỡng thật sự rất nặng, khiến cho con người không đến được với đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu tâm tham lợi dưỡng chưa sanh hãy chế ngự chớ để sanh khởi, còn nếu đã sanh thì phải tìm cách trừ diệt.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[1] Nguyên tác: *Lợi dưỡng phẩm* 利養品 (*T*.02. 0125. 13. 0571a26).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.13.1. 0571a27).

[3] Tu-la-đà (修羅陀). Theo *Cv*. 7, có khả năng chỉ cho Tỳ-kheo Samuddadatta thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa.

[4] Bồ-hô (蒲呼). Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Mãn-hô (滿呼).

2. THAM VỊ NGON[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy diệt trừ một pháp, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy thành tựu thần thông,[6] dứt sạch các lậu. Một pháp đó là gì? Đó là tham đắm vị ngon. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy diệt trừ tâm tham đắm mùi vị, Như Lai sẽ ấn chứng cho các thầy thành tựu thần thông, dứt sạch các lậu.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

Chúng sanh đắm vị ngon, Chết đọa trong cõi ác,
Từ bỏ tâm đắm này, Liền thành A-la-hán.

Thế nên, này các thầy Tỳ-kheo! Phải diệt trừ niệm tưởng tham đắm vị ngon.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. KẺ ĐI TÌM CON[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một trưởng giả vừa mất một đứa con trai mà ông rất mực yêu thương, chưa từng rời xa. Thấy con đã chết, ông liền phát điên, lang thang khắp nơi, gặp ai cũng hỏi: "Có thấy con tôi không?"

[0571c03] Thế rồi, ông ấy đi dần đến tinh xá Kỳ Hoàn, đến chỗ Thế Tôn và đứng một bên. Bấy giờ, ông ta bạch với Thế Tôn:

– Sa-môn Cù-đàm! Ngài có thấy con tôi không?

Thế Tôn hỏi lại trưởng giả:

– Sao mặt mày ông bơ phờ, tướng mạo thất thần thế kia?

Trưởng giả thưa:

– Bạch Cù-đàm, sao tôi không ủ dột hốc hác được? Tôi chỉ có đứa con trai duy nhất, bởi vô thường đến nên nó bỏ tôi ra đi. Tôi rất yêu thương nó, chưa

---

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.13.2. 0571b17).

[6] Thần thông (神通, *abhiññā*): Tác dụng vô ngại tự tại, siêu việt nhân gian, không thể nghĩ bàn, nhờ tu tập mà đạt được.

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.13.3. 0571b28). Tham chiếu: *Ái sanh kinh* 愛生經 (*T*.01. 0026.216. 0800c20); *Bà-la-môn tử mạng chung ái niệm bất ly kinh* 婆羅門子命終愛念不離經 (*T*.01. 0091. 0915a04); *M.* 87, *Piyajātika Sutta* (*Kinh ái sanh*).

từng rời mắt. Vì quá thương tiếc đứa con này nên tôi phát điên. Nay xin hỏi Sa-môn Cù-đàm có thấy con của tôi ở đâu không?

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy trưởng giả! Đúng như những gì ông hỏi. Sanh, già, bệnh, chết là lẽ thường ở thế gian. Thương yêu mà chia lìa là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ. Đứa con trai rời bỏ ông vô thường như vậy, làm sao ông không thương tiếc được?

Bấy giờ, nghe Thế Tôn giảng nói, nhưng ông ấy lại không để tâm nên chẳng nhớ được gì rồi bỏ đi. Trên đường gặp ai, ông cũng vặn hỏi: "Sa-môn Cù-đàm bảo rằng, thương yêu mà chia lìa sẽ được vui vẻ. Cù-đàm nói như vậy, thật sự có đúng không?"

Người đi đường đáp:

– Thương yêu mà chia lìa thì làm sao vui được?

Ngay lúc đó, cách thành Xá-vệ không xa, có nhiều người đang đánh bạc với nhau. Bấy giờ, ông ta liền suy nghĩ: "Những người đàn ông này thông minh trí tuệ, không việc gì không biết. Nay ta nên đến hỏi họ việc này."

Thế rồi ông ta đến chỗ đánh bạc, hỏi mọi người:

– Sa-môn Cù-đàm bảo tôi rằng: "Thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ. Đây [đều] là niềm vui." Theo các ông thì thế nào?

Lúc đó những người đánh bạc trả lời:

– Thương yêu chia lìa có gì vui đâu! Nếu bảo việc này là vui thì thật không đúng.

Bấy giờ, ông ta lại nghĩ: "Lời Như Lai không bao giờ hư dối. Nhưng thương yêu xa lìa mà được vui vẻ ư? Lý này không đúng."

Rồi ông ấy vào thành Xá-vệ, đứng ngoài cửa cung nói to: "Sa-môn Cù-đàm dạy rằng: 'Thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ. Đây [đều] là niềm vui.'"

Bấy giờ, khắp thành Xá-vệ và trong cung đều truyền nhau lời này, không nơi nào mà không nghe, không biết. Ngay lúc đó, Đại vương Ba-tư-nặc[8] và phu nhân Mạt-lợi[9] đang ở trên lầu cao, nghe được lời này, Vua Ba-tư-nặc liền nói với phu nhân Mạt-lợi:

– Sa-môn Cù-đàm thật sự có nói: "Thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ. Đây đều là niềm vui" sao?

[0572a02] Phu nhân đáp:

– Thiếp chưa được nghe những lời dạy này từ Như Lai, nhưng nếu đúng Như Lai có dạy như vậy thì việc này chưa hẳn không đúng.

---

[8] Ba-tư-nặc (波斯匿, Pasenadi): Vua nước Xá-vệ.

[9] Nguyên tác: Ma-lợi (摩利, Mallikā), cũng gọi là Mạt-lợi (末利), phu nhân của Vua Ba-tư-nặc.

Vua Ba-tư-nặc bảo:

– Ví như người thầy dạy đệ tử: "Nên làm điều này, hãy bỏ điều này." Đệ tử sẽ đáp: "Xin vâng, Đại sư!" Nay Mạt-lợi nàng cũng giống như thế. Sa-môn Cù-đàm kia tuy nói lời như vậy mà nàng vẫn thuận theo, cho là đúng thật như vậy, không có hư dối. Vậy thì nàng hãy mau đi đi, không cần ở trước mặt ta nữa.

Bấy giờ, phu nhân Mạt-lợi bảo Bà-la-môn Trúc-bác:[10]

– Khanh hãy đến tinh xá Kỳ Hoàn, đến bên Như Lai, nhân danh ta, quỳ sát chân Thế Tôn rồi đem nghĩa này bạch đầy đủ lên Ngài ấy rằng: "Người khắp thành Xá-vệ và trong cung đang xôn xao về những lời mà Thế Tôn nói: 'Thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ. Đây đều là niềm vui.' Không rõ Thế Tôn có dạy điều này không?" Nếu Thế Tôn có dạy điều gì thì khanh hãy khéo ghi nhớ, trở về thuật lại cho ta hay.

Thế rồi, Bà-la-môn Trúc-bác vâng lệnh phu nhân, tìm đến tinh xá Kỳ Hoàn, đến chỗ Thế Tôn lễ bái chào hỏi; sau khi chào hỏi xong, bèn ngồi qua một bên. Lúc đó, Bà-la-môn Trúc-bác bạch với Thế Tôn:

– Mạt-lợi phu nhân nhờ con thay mặt xin được đảnh lễ sát chân Thế Tôn, thăm hỏi Thế Tôn đi đứng có an ổn, khí lực có mạnh khỏe không? Giáo hóa chúng sanh mê muội có cực nhọc lắm không? Và cũng muốn thỉnh hỏi một việc. Khắp nơi trong thành Xá-vệ này đều rao truyền, nói Sa-môn Cù-đàm dạy rằng: "Thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ. Đây đều là niềm vui." Không rõ Thế Tôn có dạy như thế chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Trúc-bác:

– Trong thành Xá-vệ này, có ông trưởng giả mất đứa con trai. Ông ta thương nhớ đứa con này đến nỗi phát điên, thất thần, đi lang thang khắp nơi, gặp ai cũng hỏi: "Có thấy con tôi không?" Như vậy, này Bà-la-môn, thương yêu chia lìa là khổ, oán ghét gặp gỡ là khổ. Việc này không có gì là vui vẻ cả.

Trước kia trong thành Xá-vệ này, từng có một người vì vô thường đến nên mẹ già ra đi, cũng phát điên dại, không biết gì cả.

Lại cũng có người vì vô thường đến mà mất đi cha già, cũng có người vì vô thường đến mà mất cả anh em, chị em. Do gặp phải vô thường, biến đổi nên khiến họ phát điên, thất thần, không còn biết gì.

Này Bà-la-môn! Trước kia trong thành Xá-vệ này, cũng có anh chàng mới rước về một cô vợ xinh đẹp đoan chánh. Nhưng không lâu sau cậu ta trở nên nghèo túng. Lúc ấy, cha mẹ vợ thấy cậu ta nghèo khổ, liền nảy sanh ý nghĩ: "Ta nên đòi lại con gái để gả cho người khác."

---

[10] Trúc-bác (竹膊, Nāḷijaṅgha).

Cậu ta trộm nghe được chuyện cha mẹ vợ muốn đoạt lại vợ mình để gả cho người khác, bèn giấu dao bén trong áo, đi đến nhà vợ. Lúc đó, cô vợ đang kéo tơ bên hiên nhà, cậu ta bước đến chỗ cha mẹ vợ và hỏi:

"Vợ con đang ở đâu?"

Mẹ vợ đáp:

"Vợ con đang kéo sợi dưới bóng mát ngoài hiên."

Cậu ta liền đi đến chỗ vợ và hỏi:

"Nghe nói cha mẹ nàng muốn đoạt nàng về để gả cho người khác phải không?"

Vợ đáp:

"Cha mẹ thật sự có nói như vậy, nhưng thiếp chẳng thích nghe những điều này."

Khi ấy, cậu ta liền rút dao bén đâm chết người vợ, rồi lại đâm vào bụng mình tự sát và nói: "Cả hai ta cùng chết."

Này Bà-la-môn, ông hãy quán sát việc này để biết rõ, thương yêu chia lìa là khổ, oán ghét gặp gỡ là khổ. Đây đều là việc đau buồn, không lời nào tả xiết.

[0572b13] Bấy giờ, Bà-la-môn Trúc-bác bạch Thế Tôn:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Gặp những chuyện buồn phiền này, quả thật rất đau khổ. Vì sao như vậy? Vì trước đây con có một đứa con trai, vì vô thường nên nó bỏ con ra đi, khiến con ngày đêm thương nhớ, không phút nào nguôi. Vì quá nhớ thương, khiến tâm con mê muội, lang thang khắp nơi, gặp ai cũng hỏi: "Thấy con tôi đâu không?" Nay những gì Ngài nói, quả đúng như vậy. Hiện tại việc nước bận rộn, con xin phép trở về.

Thế Tôn dạy:

– Ông hãy về đi!

Bà-la-môn Trúc-bác liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi rời đi. Về đến chỗ phu nhân Mạt-lợi, ông đem việc này tâu lại đầy đủ với phu nhân. Thế rồi phu nhân Mạt-lợi liền đến chỗ Vua Ba-tư-nặc thưa:

– Nay thiếp có điều muốn hỏi, mong Đại vương nghe qua rồi trả lời cho từng việc. Xin hỏi Đại vương! Đại vương có thương nhớ Vương tử Lưu-ly[11] không?

Vua đáp:

– Ta rất nhớ thương, canh cánh trong lòng.

Phu nhân lại hỏi:

– Nếu vương tử có mệnh hệ gì, Đại vương có buồn đau không?

Vua lại đáp:

– Đúng như khanh nói, ta rất buồn đau!

[11] Lưu-ly vương tử (琉璃王子, Viḍūḍabha): Thái tử nước Xá-vệ, con Vua Ba-tư-nặc (波斯匿, Pasenadi) và phu nhân Tát-la-đà (薩羅陀, Vāsabhā).

Phu nhân lại hỏi:

– Đại vương nên biết, thương yêu chia lìa đều dẫn đến buồn khổ. Thế nào, Đại vương có nhớ Vương tử Y-la[12] chăng?

Vua đáp:

– Ta rất thương quý.

Phu nhân hỏi:

– Đại vương! Nếu vương tử có mệnh hệ gì, Đại vương có buồn đau không?

Vua đáp:

– Ta rất buồn đau.

Phu nhân nói:

– Cứ theo việc này thì đủ thấy thương yêu mà chia lìa thì không bao giờ vui. Lại nữa, Đại vương có thương nhớ Tát-la-đà[13] dòng Sát-lợi không?

Vua đáp:

– Rất thương nhớ và yêu quý.

Phu nhân nói:

– Thưa Đại vương! Giả như phu nhân Tát-la-đà có mệnh hệ gì, Đại vương có buồn đau không?

[0572c01] – Ta buồn đau chứ.

– Đại vương nên biết, thương yêu mà chia lìa, điều này thật sự đau khổ.

Phu nhân lại hỏi:

– Đại vương có thương yêu thần thiếp không?

Vua đáp:

– Ta rất thương ái khanh.

– Giả sử bản thân thần thiếp có mệnh hệ gì, Đại vương có buồn đau không?

– Nếu khanh có mệnh hệ gì thì ta đương nhiên rất buồn đau.

– Đại vương hãy suy ngẫm việc này để biết rõ thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ thì không bao giờ hạnh phúc cả.

Phu nhân lại nói:

– Thế nào, Đại vương có thương tưởng đến dân chúng Ca-thi[14] và Câu-tát-la[15] không?

---

[12] Vương tử Y-la (伊羅王子). *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經) chú thích là Viḍūḍabha Senāpati, tức Tướng quân Viḍūḍabha. Theo lịch sử, Vương tử Lưu-ly khi lớn lên đã từng nhậm chức tướng quân (*senāpati*). Như vậy, nếu cho rằng Vương tử Y-la (伊羅王子) là Tướng quân Viḍūḍabha, cũng chính là thân phận về sau của Lưu-ly vương tử (琉璃王子, Viḍūḍabha). Trong khi đó, căn cứ vào nội dung bản kinh này thì đây là hai vị vương tử khác nhau. Như vậy, chú thích vừa nêu trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* đã có sự nhầm lẫn.

[13] Tát-la-đà (薩羅陀, Vāsabhā), một phu nhân khác của Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi).

[14] Ca-thi (迦尸, Kāsi), một trong 16 quốc gia ở thời Phật.

[15] Câu-tát-la (拘薩羅, Kosala) cũng gọi là Kiêu-tát-la (憍薩羅), tên khác của nước Xá-vệ (舍衛, Sāvatthi).

– Ta rất thương tưởng đến dân chúng Ca-thi và Câu-tát-la.

– Nếu như dân chúng Ca-thi và Câu-tát-la có biến cố gì, Đại vương có buồn đau không?

– Nếu dân chúng Ca-thi và Câu-tát-la có biến cố gì thì mạng ta cũng chẳng còn, nói gì đến đau buồn. Vì sao vậy? Vì ta nhờ vào sức lực của dân chúng nước Ca-thi và Câu-tát-la mới được tồn tại. Trong tình cảnh đó cũng đủ biết mạng ta còn không giữ được, nói gì đến buồn đau!

– Do đây mà biết, thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ đều chịu khổ đau, không hề vui vẻ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về Thế Tôn mà khen ngợi: "Thật kỳ diệu! Thật kỳ diệu! Đức Thế Tôn đã nói pháp này. Giá như Sa-môn Cù-đàm đến đây, vậy thì ta có thể cùng đàm luận với Ngài ấy."

Vua lại nói với phu nhân Mạt-lợi:

– Từ nay về sau ta càng xem trọng ái khanh hơn trước, nàng được phép mang phục sức giống với ta.

Bấy giờ, Thế Tôn biết việc phu nhân Mạt-lợi đưa ra những lập luận như vậy với đại vương, liền nói với các Tỳ-kheo:

– Phu nhân Mạt-lợi rất thông minh. Nếu Vua Ba-tư-nặc hỏi Như Lai những lời như vậy thì Như Lai cũng dùng nghĩa lý ấy để nói cho vua nghe, không khác những gì phu nhân đã nói.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Như Lai, ưu-bà-di có niềm tin kiên cố bậc nhất chính là phu nhân Mạt-lợi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. THÂN BỆNH, TÂM KHÔNG BỆNH[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, trong rừng Quỷ,[17] núi Thi-mục-ma-la,[18] nước Bạt-kỳ.[19]

Bấy giờ, trưởng giả cha của Na-ưu-la[20] đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Giây lát sau, ông rời chỗ ngồi, đến bạch Thế Tôn:

---

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.13.4. 0573a01). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.0107. 0033a06); *S.* 22.1 - III. 1.

[17] Quỷ lâm (鬼林). Pāli có thể là Bhesakalāvana (một vườn xoài ở xứ Bagga).

[18] Thi-mục-ma-la (尸牧摩羅, Sumsumāragiri).

[19] Bạt-kỳ (拔祇), theo chú thích của *Đại Chánh*, chỉ cho địa danh Bhagga.

[20] Na-ưu-la công (那憂羅公, Nakulapitā).

– Con nay già yếu, lại thêm bệnh tật, nhiều nỗi buồn lo. Ngưỡng mong Thế Tôn tùy thời dạy dỗ khiến chúng sanh được an ổn lâu dài!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả rằng:

– Đúng như những gì ông nói, thân này phải chịu nhiều lo sợ và đau đớn, đâu đáng để cậy nương. Nó chỉ có lớp da mỏng che đậy bên ngoài. Này trưởng giả, ông hãy nên biết, ai nương tấm thân này, cầu niềm vui thoáng chốc, kẻ đó lòng si mê, người trí không kính quý. Cho nên, này trưởng giả, dù thân có bệnh, cũng chớ để tâm bệnh. Thật vậy, này trưởng giả! Hãy học tập điều này.

Sau khi nghe những lời Phật dạy xong, trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi ra về.

Thế rồi, trưởng giả lại suy nghĩ: "Nay ta nên đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất để hỏi về điều này." Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất đang tĩnh tọa bên gốc cây cách đó không xa. Cha của Na-ưu-la bèn đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả:

– Hôm nay trưởng giả sắc diện tươi vui, các căn tịch tĩnh, hẳn là có nguyên do. Phải chăng trưởng giả đã được nghe pháp từ Thế Tôn?

Lúc đó, trưởng giả thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sắc mặt con không tươi vui sao được? Vui như vậy là vì vừa rồi con đã được Thế Tôn rót pháp vị giải thoát vào lòng.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Trưởng giả, Thế Tôn đã rót pháp vị giải thoát như thế nào?

Trưởng giả đáp:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, con bạch với Thế Tôn: "Con nay già yếu, thường mang tật bệnh, lắm nỗi khổ đau, không thể kể xiết. Ngưỡng mong Thế Tôn nói rõ về thân này, giúp khắp chúng sanh đều được an ổn." Bấy giờ, Thế Tôn liền nói với con: "Đúng thật như thế trưởng giả, thân này chịu nhiều sợ hãi và đau đớn, nào đáng để cậy nương. Nó chỉ có lớp da mỏng che đậy bên ngoài. Này trưởng giả, ông hãy nên biết, ai nương tấm thân này, cầu niềm vui thoáng chốc mà không biết lâu dài sẽ chịu khổ vô biên. Cho nên, này trưởng giả, dù thân có bệnh, cũng chớ để tâm bệnh. Thật vậy, này trưởng giả! Hãy học tập điều này." Thế Tôn đã đem pháp vị giải thoát này rót vào lòng con.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Này trưởng giả! Sao ông không hỏi thêm Thế Tôn nghĩa này: "Thế nào là thân có lo sợ nhưng tâm không lo sợ? Thế nào là thân có bệnh nhưng tâm không bệnh?"

Trưởng giả thưa:

– Đúng là con đã chưa hỏi thêm Thế Tôn về nghĩa lý: "Thân có lo sợ, tâm cũng có lo sợ; thân có lo sợ nhưng tâm không lo sợ." Tôn giả Xá-lợi-phất chắc hiểu rõ nghĩa lý này, mong ngài phân tích đầy đủ giúp cho!

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Tôi sẽ giảng rộng nghĩa này, ông hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Trưởng giả đáp:

– Xin vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất! Con sẽ ghi nhớ lời ngài dạy!

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo trưởng giả:

– Người phàm phu không gặp được Thánh nhân, không lãnh thọ Thánh giáo, không nghe theo lời giáo huấn, cũng không gặp được thiện tri thức, không cộng sự cùng thiện tri thức. Họ chấp sắc là ngã, sắc là của ngã, ngã là của sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc kia và sắc ta cùng tập hợp một chỗ. Sắc kia và sắc ta vì đã tập hợp một chỗ nên khi sắc hư hoại, thay đổi không dừng thì liền sanh khởi buồn, lo, khổ, não ngay trong đó. Cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Họ thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức kia và thức ta hòa hợp một chỗ. Thức kia và thức ta vì đã hòa hợp một chỗ nên khi thức hư hoại, dời đổi không dừng thì liền sanh khởi buồn, lo, khổ, não ngay trong đó. Như vậy, này trưởng giả, đó gọi là thân có lo sợ, tâm cũng có lo sợ.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thế nào là thân có lo sợ nhưng tâm không lo sợ?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Này trưởng giả, nghĩa là đệ tử Hiền thánh khéo phụng sự bậc Thánh hiền, tu tập hành trì giới cấm, biết cộng sự cùng thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức. Họ không thấy ngã là sắc, không thấy trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, không thấy sắc là của ngã, ngã là của sắc mà biết rõ sắc kia dời đổi không dừng. Nhờ thấy được sắc kia dời đổi không dừng nên vị ấy không sanh buồn, lo, khổ, não khi sắc kia tan hoại. Cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Họ không thấy trong thức có ngã, trong ngã có thức, cũng không thấy thức là của ngã, cũng không thấy ngã là của thức. Thức kia và thức ta hòa hợp một chỗ; khi thức bị hư hoại cũng không sanh khởi buồn, lo, khổ, não. Như vậy, này trưởng giả, đó gọi là thân có buồn lo mà tâm không buồn lo.

Thật vậy, này trưởng giả! Nên tu tập như vậy, buông bỏ cả thân, tâm, chớ nên đắm nhiễm. Này trưởng giả! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, cha của Na-ưu-la nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

5. VÍ DỤ TẤM VẢI[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng nghìn vạn người đang vây quanh. Lúc ấy, có Bà-la-môn Giang Trắc đang gánh một gánh nặng đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, ông đặt gánh xuống, đứng bên cạnh Thế Tôn, im lặng không nói gì. Khi ấy, Bà-la-môn này suy nghĩ: "Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp cho hàng nghìn vạn người vây quanh. Hiện tại ta cũng thanh tịnh không khác gì Sa-môn Cù-đàm. Sở dĩ như vậy là vì Sa-môn Cù-đàm dùng gạo cơm ngon cùng các loại thức ăn tốt, còn ta hiện nay chỉ ăn trái cây để tự nuôi sống."

Bấy giờ, biết rõ những suy nghĩ trong tâm Bà-la-môn này, Thế Tôn bèn nói với các Tỳ-kheo:

– Nếu chúng sanh nào mà tâm còn bị hai mươi mốt phiền não[22] trói buộc thì nên biết rõ người đó chắc chắn rơi vào đường dữ, không sanh về cõi lành. Hai mươi mốt phiền não đó là gì? Đó là tâm bị trói buộc bởi: Sân hận, não hại, thụy miên, trạo cử, nghi ngờ, phẫn nộ, oán hận, buồn rầu, ganh tị, ghét bỏ, không biết hổ, không biết thẹn, không thật, gian trá, giả dối, tranh đấu, tự kiêu, ngạo mạn, ghen ghét, tăng thượng mạn, tham lam.[23] Này các Tỳ-kheo, nếu người nào tâm bị hai mươi mốt phiền não này trói buộc thì nên biết rõ người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sanh về cõi lành.

Giống như chiếc áo dạ trắng mới tinh, vì để lâu ngày nên áo mục nát, bám nhiều bụi bẩn thì dù có muốn nhuộm thành màu xanh hoặc màu vàng, hay là màu đỏ, màu đen cũng không thể nào nhuộm được. Vì sao vậy? Vì nó đã dính quá nhiều bụi bẩn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu người nào bị hai mươi mốt phiền não này trói buộc tâm thì nên biết rõ người đó chắc chắn rơi vào đường dữ, không sanh về cõi lành.

Giả sử có người không bị hai mươi mốt phiền não này trói buộc tâm thì nên biết rõ, người này chắc chắn sanh lên cõi trời, không đọa địa ngục. Giống như chiếc áo dạ mới, trắng sạch, tùy ý muốn nhuộm thành bất cứ màu gì, hoặc màu xanh, vàng, đỏ, đen thì chắc chắn sẽ nhuộm thành, không hề hư hại. Vì sao

---

[21] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.13.5. 0573c01). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1185. 0321a24); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.98. 0408b25); *Thủy Tịnh Phạm chí kinh* 水淨梵志經 (*T*.02. 0026.93. 0575a19); *Phạm chí Kế Thủy Tịnh kinh* 梵志計水淨經 (*T*.01. 0051. 0843c13); *M*. 7, *Vatthūpama Sutta* (*Kinh ví dụ tấm vải*).

[22] Nguyên tác: Kiết (結), tên gọi khác của "phiền não" (*kilesa*).

[23] Sân (瞋, *dosa*). Khuể hại (恚害, *palāsa*): Ác ý, ác hiểm, hiểm độc; *MĀ*. 89 ghi: Ác ý (惡意). Thụy miên (睡眠, *middha*): Buồn ngủ, dã dượi. Điệu hý (調戲, *uddhacca*), tân dịch là "trạo cử" (掉舉). Nghi (疑, *vicikicchā*). Nộ (怒, *kodha*). Kỵ (忌) dùng như "oán hận" (怨恨, *upanāha*). Não (惱, *upāyāsa*): Buồn khổ, não nùng, ai oán. Tật (疾, *issā*); *MĀ*. 89 ghi: Tật đố (嫉妒). Tăng (憎, *dessa*): Ghét bỏ, đáng ghét, không ưa. Vô tàm (無慚, *ahirīka*). Vô quý (無愧, *anottappa*). Huyễn (幻, *māyā*). Gian (姦, *dhutta*). Ngụy (偽, *sātheyya*). Tranh (諍, *sārambha*). Kiêu (憍, *vidhā*). Mạn (慢, *māna*). Đố (妬, *usūyaka*). Tăng thượng mạn (增上慢, *adhimāna*). Tham (貪, *lobha*).

vậy? Vì sự tinh sạch của nó. Ở đây cũng vậy, người nào không bị hai mươi mốt phiền não này trói buộc tâm thì nên biết rõ người đó chắc chắn sanh lên cõi trời, không đọa đường ác.

Nếu đệ tử Hiền thánh kia vừa khởi tâm phiền não sân hận thì hãy nhận biết rõ, liền trừ được tâm này. Nếu khởi tâm phiền não giận hờn, não hại, thụy miên, trạo cử, nghi ngờ, phẫn nộ, oán hận, buồn rầu, ganh tị, ghét bỏ, không biết hổ, không biết thẹn, không thật, gian trá, giả dối, tranh đấu, tự kiêu, ngạo mạn, ghen ghét, tăng thượng mạn, tham lam thì hãy nhận biết rõ, liền diệt trừ được chúng.

[0574a06] Nếu đệ tử Hiền thánh kia không sân hận, không giận hờn, không có mê muội, tâm ý hòa vui, trải tâm từ đầy khắp một phương để tự an trú; hoặc ban rải khắp hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; cho đến bốn phương phụ, phương trên, phương dưới; ở trong tất cả, cũng như khắp cả thế gian, vị ấy tự an trú với tâm không sân hận, không giận hờn, vô lượng, vô hạn, không thể tính kể. Trải tâm từ này đầy khắp các phương, vị ấy ngay nơi đây liền được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh.

Lại trải tâm bi đầy khắp một phương để tự an trú; hoặc ban rải khắp hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; cho đến bốn phương phụ, phương trên, phương dưới cũng giống như vậy; ở trong tất cả, cũng như khắp cả thế gian, vị ấy tự an trú với tâm không sân hận, không giận hờn, vô lượng, vô hạn, không thể tính kể. Trải tâm bi này đầy khắp các phương, vị ấy ngay nơi đây liền được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh.

Lại trải tâm hỷ đầy khắp một phương để tự an trú; hoặc ban rải khắp hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; cho đến bốn phương phụ, phương trên, phương dưới cũng giống như vậy; ở trong tất cả, cũng như khắp cả thế gian, vị ấy tự an trú với tâm không sân hận, không giận hờn, vô lượng, vô hạn, không thể tính kể. Trải tâm hỷ này đầy khắp các phương, vị ấy ngay nơi đây liền được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh.

Lại trải tâm xả đầy khắp một phương để tự an trú; hoặc ban rải khắp hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; cho đến bốn phương phụ, phương trên, phương dưới cũng giống như vậy; ở trong tất cả, cũng như khắp cả thế gian, vị ấy tự an trú với tâm không sân hận, không giận hờn, vô lượng, vô hạn, không thể tính kể. Trải tâm xả đầy khắp các phương, vị ấy ngay nơi đây liền được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh.

Bấy giờ, vị ấy thành tựu niềm tin vững chắc đối với Như Lai, niềm tin đó không dời đổi. Vị ấy đã dựng ngọn cờ cao hiển mà chư thiên, long thần, a-tu-la, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc người thế gian không thể lay chuyển, từ đó được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh. Vị ấy tin chắc đây là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị ấy ngay nơi đây liền được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh.

Người ấy cũng lại thành tựu tín tâm đối với pháp; giáo pháp của Như Lai rất thanh tịnh, không thể dời đổi, được mọi người tôn kính, thế nên người trí quán sát điều này. Vị ấy ngay nơi đây mà được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh.

Người ấy lại thành tựu tín tâm đối với Thánh chúng; Thánh chúng của Như Lai rất thanh tịnh, tánh hạnh thuận hòa, thành tựu pháp và tùy pháp, thành tựu giới luật, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng gồm có bốn đôi tám bậc.[24] Đó là Thánh chúng của Như Lai, đáng được cung kính, đáng được cúng dường. Vị ấy ngay nơi đây mà được hoan hỷ, tâm ý liền thanh tịnh.

[0574b07] Với tam-muội này, tâm vị ấy thanh tịnh không tì vết, hết sạch các kiết sử, cũng không còn hoen ố, tánh hạnh nhu hòa mà chứng đắc thần thông, liền tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước, từ nơi nào đến, không gì là không biết; hoặc biết mọi việc trong một đời, hoặc hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, trăm ngàn đời; hoặc trong kiếp thành bại, kiếp không thành bại, kiếp vừa thành bại vừa không thành bại; kiếp vô số thành bại, kiếp vô số không thành bại; ta đã từng thọ thân tại đó, hiệu đó, tên đó, họ đó, sống như thế, ăn như thế, chịu khổ vui như thế, thọ mạng dài ngắn ra sao; chết từ chỗ kia sanh ra ở chỗ kia, chết từ chỗ kia sanh ra ở chỗ này. Như thế, vị ấy tự biết mọi việc trong vô số kiếp trước.

Với tam-muội này, tâm vị ấy thanh tịnh không tì vết, thấy biết mọi suy nghĩ trong tâm của chúng sanh. Vị ấy lại dùng thiên nhãn quán sát chúng sanh, thấy rõ có sanh ra, có chết đi; có người đẹp, có người xấu; có đường lành, có nẻo dữ; có tốt, có xấu; tùy vào tạo tác của chúng sanh mà đưa đến quả báo, vị ấy thảy đều biết rõ. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, chê bai Hiền thánh, tạo ra các nghiệp tà kiến để khi chết rồi rơi vào ba đường ác, đọa vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không chê bai Hiền thánh, chánh kiến chứ không tà kiến, nên sau khi qua đời được sanh về cõi trời. Đó gọi là dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát chúng sanh, thấy rõ có sanh ra, có chết đi; có người đẹp, có người xấu; có đường lành, có nẻo dữ; có tốt, có xấu; tùy vào tạo tác của chúng sanh mà đưa đến quả báo; vị ấy thảy đều biết rõ.

Với tam-muội này, tâm vị ấy thanh tịnh không tì vết, không có kiết sử, tâm tánh nhu nhuyến mà chứng đắc thần thông. Lại dùng Lậu tận thông để tự an trú. Vị ấy quán sát đây là khổ, như thật biết rõ đây là khổ; lại quán sát nguyên nhân của khổ, quán sát khổ diệt và quán sát về con đường đưa đến khổ diệt, vị ấy biết như thật về chúng. Vị ấy quán sát như vậy rồi, tâm dục lậu được giải thoát; tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu đều được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát, vị ấy như thật biết rõ: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

---

[24] Xem chú thích 11, trang 24.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, đệ tử Hiền thánh tâm đã được giải thoát, dù có ăn lúa gạo tốt nhất và các loại thức ăn ngon nhiều như Tu-di đi nữa thì cũng chẳng có tội gì. Vì sao vậy? Vì họ không còn dục ái, đã dứt sạch dục ái, không còn sân, hết sạch hận, không còn ngu si, đã dứt sạch ngu si. Đó gọi là Tỳ-kheo trong Tỳ-kheo, bên trong đã gột rửa hoàn toàn.

[0574c09] Bấy giờ, Bà-la-môn Giang Trắc bạch với Thế Tôn:

– Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài nên đến sông Tôn-đà-la[25] tắm rửa!

Thế Tôn bảo rằng:

– Này Bà-la-môn, vì sao gọi là nước sông Tôn-đà-la?

Bà-la-môn thưa:

– Dòng nước sông Tôn-đà-la là nơi hội tụ phước đức, là ánh sáng của thế gian. Nếu người nào tắm gội trong dòng nước sông ấy thì tất cả nhơ uế đều được tẩy sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Vô số kiếp thân ta,
Ngay đến các ao nhỏ,
Người ngu thích việc đó,
Thân dẫy đầy tội cũ,
Người tịnh luôn an lạc,
Người sạch làm hạnh sạch,
Trì giới, không trộm cướp,
Thành thật, không nói dối,
Nay ông tắm sông ấy,
Sông kia chảy về đâu,
Tắm gội nơi sông đó,
Đều đã tắm gội qua.
Vấy bẩn, thêm mê mờ,
Nước há tẩy sạch dơ?
Giới thanh tịnh thường vui,
Sở nguyện ắt tựu thành.
Hành từ, không sát sinh,
Tâm liền được an bình.
Chắc an ổn dài lâu,
Ông hoàn toàn mờ mịt.

Bấy giờ, Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

– Thôi, thôi, thưa Cù-đàm! Giống như giúp cho người lưng gù được duỗi thẳng, kẻ tối thấy ánh sáng, người lạc lối được chỉ đường, trong nhà tối được thắp đèn, người không có mắt được cho mắt, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện giảng nói Diệu pháp này cũng giống như vậy. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được xuất gia học đạo!

Bấy giờ, Bà-la-môn Giang Trắc liền được xuất gia tu tập, lãnh thọ giới Cụ túc, vì mục đích mà con nhà danh giá xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, cho đến biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Lúc ấy, Tôn giả Tôn-đà-la Đế-lợi[26] liền thành A-la-hán.

---

[25] Tôn-đà-la (孫陀羅, Sundarikā), một con sông thiêng ở nước Câu-tát-la (拘薩羅, Kosala) trong tín niệm của Bà-la-môn.

[26] Tôn-đà-la Đế-lợi (孫陀羅諦利, Sundarika Bhāradvāja), tên của Bà-la-môn Giang Trắc sau khi được đức Phật cho xuất gia thọ giới.

Bấy giờ, Tôn giả Tôn-đà-la Đế-lợi nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ phụng hành.

***

6. NGHIỆP THIỆN[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, khi ngày đã qua, trời đã gần tối, Thích-đề-hoàn-nhân đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân liền dùng kệ tụng để thưa hỏi Như Lai:

Cù-đàm, dòng đã vượt,
Đã thoát vực sanh tử,
Con thấy nghiệp phước đức,
Phẩm hạnh vốn khác nhau,
Thế Tôn tại Linh Thứu,
Để con rõ đường hay,
Chứng vô lậu, giảng bày,
Nay kính xin hỏi Ngài.
Bao chúng sanh tạo nên,
Thí ai, phước hơn hết?
Xin giảng giải nghĩa này,
Truyền đạt cho người thí.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ đáp:

Bốn hướng[28] phước rộng tạo,
Học, Vô học kiến đạo,
Người không tham, không sân,
Vượt qua mọi vực sâu,
Trong các chúng sanh ấy,
Phẩm hạnh có khác nhau,
Thí Tăng phước khôn lường,
Phước Thánh chúng cũng thế,
Đế-thích! Việc thiện ấy,
Được phước không nghĩ bàn,
Bốn quả[29] phước đủ đầy,
Nên tin phụng pháp này.
Dứt si, đạt vô lậu,
Thí họ được quả lớn.
Phước đức họ tạo nên,
Thí Tăng phước hơn hết.
Như biển cho trân bảo,
Diễn pháp khai trí tuệ.
Là cúng dường chúng Tăng,
Đây là điều Ta dạy.

Sau khi nghe Phật dạy, Thích-đề-hoàn-nhân liền đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ phụng hành.

***

---

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.13.6. 0575a05). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1124-1125. 0334a05-c05); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.52. 0390c27); *S*. 11.16 - I. 232.

[28] Nguyên tác: Tứ thú (四趣). Bốn hạng người trong tiến trình tu tập, thú hướng đến 4 quả là Tu-đà-hoàn hướng (須陀洹向), Tư-đà-hàm hướng (斯陀含向), A-na-hàm hướng (阿那含向) và A-la-hán hướng (阿羅漢向).

[29] Tứ quả (四果). Theo *SĀ*. 618, bốn quả Thanh văn là Tu-đà-hoàn quả (須陀洹果, *Sotāpannaphala*), Tư-đà-hàm quả (斯陀含果, *Sakadāgāmiphala*), A-na-hàm quả (阿那含果, *Anāgāmiphala*), A-la-hán quả (阿羅漢果, *Arahattaphala*).

7. ĐẾ-THÍCH THĂM BỆNH[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề cũng ở sườn núi Kỳ-xà quật, thành Vương Xá, làm riêng một chòi tranh để tự thiền định. Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề[31] thân đang lâm bệnh rất ư trầm trọng, tự mình suy nghĩ: "Cảm giác đau đớn này của ta từ đâu sanh, do đâu mất và sẽ đến nơi nào?" Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền trải tọa cụ nơi đất trống, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, tinh chuyên nhất tâm, kiết-già tĩnh tọa, tư duy về các nhập[32] để trấn áp cơn đau.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân biết được suy nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền ra lệnh Ba-giá-tuần[33] bằng bài kệ:

Thiện Nghiệp,[34] thoát buộc ràng, Bậc Giải không, định tĩnh,
Đang bệnh nặng trong mình, Hiện ở núi Linh Thứu.
Ông mau đến thăm nom, Chăm sóc bậc thượng tôn,
Sẽ nhận được phước lớn, Gieo đức không đâu hơn.

Ba-giá-tuần đáp:

– Xin vâng!

Rồi Thích-đề-hoàn-nhân dẫn năm trăm thiên chúng cùng với Ba-giá-tuần, chỉ trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, họ đã biến mất từ trời Ba Mươi Ba và xuất hiện tại núi Linh Thứu, cách Tôn giả Tu-bồ-đề không xa. Thích-đề-hoàn-nhân lại dùng lời kệ bảo Ba-giá-tuần:

Ông nên biết Thiện Nghiệp, Đang thiền định sâu xa,
Hãy dùng âm hòa nhã, Để ngài xuất thiền-na.

Ba-giá-tuần thưa:

– Xin vâng!

Ba-giá-tuần vâng lời Thích-đề-hoàn-nhân, chỉnh dây đàn lưu ly, rồi đến bên Tôn giả Tu-bồ-đề, ngâm bài kệ tán thán Tôn giả:

Bậc đã sạch kiết sử, Niệm loạn động tiêu tan,
Trần cấu sạch hoàn toàn, Mong người hãy xuất định!
Tâm tịch, vượt sanh tử, Thoát kiết sử, hàng ma,
Công đức tựa hải hà, Xin người mau xuất định!
Mắt tịnh như hoa sen, Uế trược thôi bám dính,

---

[30] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.13.7. 0575a29).

[31] Tu-bồ-đề (須菩提, Subhūti), một trong những đệ tử tối thắng của đức Phật, là người hiểu rõ và lý giải nghĩa không bậc nhất. Xem *MĀ*. 169.

[32] Nhập (入) cũng gọi là xứ (處, *āyatana*).

[33] Ba-giá-tuần (波遮旬, Pañcasikha): Ngũ Kế càn-thát-bà, vị thần âm nhạc của Thiên Đế-thích.

[34] Thiện Nghiệp (善業) tức là ngài Tu-bồ-đề (Subhūti).

Bậc người người quy kính,
Vượt bốn dòng,[35] vô vi,
Để thoát khổ hữu vi,
Năm trăm thiên chúng ấy,
Đến thăm Thánh tôn nhan,
Xin rời tam-muội Không!
Thấu rõ không già bệnh,
Mong ngài rời giấc định.
Cùng Đế-thích đích thân,
Bậc Giải không, xin dậy!

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền xuất định đứng dậy, khen ngợi Ba-giá-tuần:

– Lành thay, Ba-giá-tuần! Nay âm giọng của ông đã hòa quyện với âm thanh tiếng đàn không khác. Thật vậy, tiếng đàn hòa với giọng ngâm, giọng ngâm không tách rời tiếng đàn, cả hai hòa quyện với nhau nên mới có được âm thanh tuyệt diệu.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bèn đi đến chỗ Tôn giả Tu-bồ-đề, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, kế đó thăm hỏi Tôn giả:

– Thế nào rồi, thưa Tôn giả Thiện Nghiệp! Bệnh tình của Tôn giả có thuyên giảm chăng? Nay thân bệnh này là từ đâu sanh? Từ thân sanh hay từ ý sanh?

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhân:

– Lành thay, Câu-dực![36] Pháp pháp tự sanh, pháp pháp tự diệt, pháp pháp tác động qua lại, pháp pháp tự dừng lắng. Này Câu-dực, giống như có thuốc độc thì nhất định có thuốc giải độc. Ở đây cũng vậy, pháp pháp tác động qua lại, pháp pháp tự dừng, pháp có thể sanh ra pháp, pháp có thể diệt trừ pháp, pháp tối thì dùng pháp sáng để trị, pháp sáng thì dùng pháp tối để trị. Này Thiên Đế-thích, bệnh tham dục thì dùng pháp quán bất tịnh để trị, bệnh sân hận thì dùng tâm từ để trị, bệnh ngu si thì dùng trí tuệ để trị. Như vậy, Thích-đề-hoàn-nhân, tất cả "có" đều quy về "không", không ngã, không nhân, không thọ, không mạng; không sĩ, không phu, không hình, không bóng, không nam, không nữ. Này Thích-đề-hoàn-nhân, giống như gió lớn thì hại đến cây cối, cành lá rơi rụng; mưa đá thì hại đến mầm non, hoa quả. Hoa quả vừa sanh trưởng tươi tốt mà thiếu nước ắt sẽ héo tàn; nhờ trời mưa xuống, mầm sống mới hồi sanh. Cũng vậy, này Thiên Đế-thích, pháp pháp tác động qua lại, pháp pháp tự dừng lắng. Những đau nhức, khổ não của tôi trước đây, nay đã trừ hết, không còn bức bách khó chịu nữa.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Tôi cũng có buồn, lo, khổ, não, nhưng nay được nghe lời pháp này, tôi không còn buồn, lo nữa. Tôi muốn trở về trời, vì công việc rất nhiều, việc của chính mình và việc của chư thiên đều nhiều cả.

---

[35] Tứ lưu (四流, *cattāro oghā*) chỉ cho 4 dòng thác lũ là dục lưu (欲流), hữu lưu (有流), kiến lưu (見流) và vô minh lưu (無明流).

[36] Câu-dực (拘翼, Kosiya) còn được phiên âm là Kiêu-thi-ca (憍尸迦, Kosika). Tham chiếu: *Tạp* (*T*.02. 0099.1106. 0281a10): Thích-đề-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người là người của dòng tộc Kiêu-thi (憍尸). Do nhân duyên này nên Thích-đề-hoàn-nhân còn gọi là Kiêu-thi-ca (彼釋提桓因本為人時, 為憍尸族姓人. 以是因緣故, 彼釋提桓因復名憍尸迦).

Lúc này, Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Hiện đã đúng lúc, ông nên trở về.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Tôn giả Tu-bồ-đề, nhiễu quanh ba vòng rồi rời đi.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền nói kệ:

Năng Nhân dạy lời này, Trước sau thảy đủ đầy,
Người trí được nghe pháp, An ổn, bệnh dứt ngay.

Bấy giờ, sau khi nghe Tôn giả Tu-bồ-đề nói xong, Thích-đề-hoàn-nhân hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[37]

Điều-đạt cập nhị kinh, Bì cập Lợi-sư-la,
Trúc-bác, Tôn-đà-lợi, Thiện Nghiệp, Thích-đề-hoàn.[38]

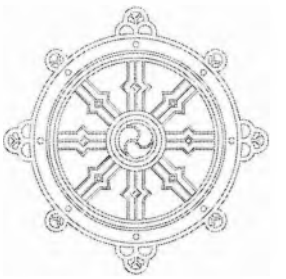

[37] Nguyên tác Nhiếp tụng: 調達及二經; 皮及利師羅; 竹膊, 孫陀利; 善業, 釋提桓. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bài kệ này tóm tắt 8 kinh, trong đó có 4 kinh thuộc phẩm 12, gồm 2 *Kinh Điều-đạt*, *Kinh bì* và *Kinh Lợi-sư-la*. Trong khi đó, phẩm này có 7 kinh thì chỉ nêu 4 kinh.

[38] Bản Hán, hết quyển 6.

14. PHẨM NGŨ GIỚI[1]

1. SÁT SANH[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ tạo thành nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; hoặc được sanh vào cõi người thì thọ mạng sẽ ngắn ngủi, như là việc sát sanh.

Này các Tỳ-kheo, nếu người nào ham thích sát sanh liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu được sanh vào cõi người thì thọ mạng ngắn ngủi. Vì sao như vậy? Vì họ đã tước đoạt mạng sống kẻ khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy luôn khởi tâm từ, chớ sát hại chúng sanh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. KHÔNG SÁT SANH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ được hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn như là pháp không sát sanh.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người nào không sát sanh cũng không nghĩ đến việc sát sanh thì thọ mạng sẽ dài lâu. Vì sao như vậy? Vì họ không tổn hại đến chúng sanh. Vậy nên, này các Tỳ-kheo, chớ sát hại chúng sanh!

---

[1] Nguyên tác: *Ngũ giới phẩm* 五戒品 (*T*.02. 0125.14. 0576a13).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.14.1. 0576a14).

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.14.2. 0576a23).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. TRỘM CƯỚP[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ tạo thành nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; hoặc được sanh vào cõi người thì rất nghèo túng, áo không đủ che thân, cơm chẳng đủ no bụng như là việc trộm cướp.

Này các Tỳ-kheo! Nếu người nào ưa thích trộm cướp, lấy của cải người khác sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu được sanh vào cõi người thì phải chịu cảnh nghèo túng. Vì sao như vậy? Vì họ đã cướp đi tài sản của người khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải từ bỏ hành động không cho mà lấy.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. BỐ THÍ[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ được hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, sẽ chứng đắc Niết-bàn như là pháp bố thí rộng rãi.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người nào bố thí rộng rãi thì hiện đời có được nhan sắc, sức khỏe dồi dào, phước đức đầy đủ, hưởng phước vô lượng ở cõi trời, cõi người. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy luôn thực hành bố thí, tâm chớ keo kiệt.

---

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.3. 0576b02).

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.4. 0576b12).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. TÀ DÂM[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ tạo thành nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu được sanh vào cõi người thì sanh vào nhà gian dâm, không có tịnh hạnh, bị người mỉa mai, thường bị khinh chê như là việc tà dâm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người nào dâm dật vô độ, thích xâm phạm vợ người, sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh ở cõi người thì bị sanh vào chốn khuê phòng dâm loạn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Thường phải chánh niệm, chớ khởi tưởng dâm, cẩn thận chớ xâm phạm người khác.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. KHÔNG TÀ DÂM[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ được hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng được Niết-bàn như là hạnh không tà dâm.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người nào trong sạch, không tà dâm thì sẽ hưởng phước cõi người, cõi trời. Thế nên, này các Tỳ-kheo, chớ hành tà dâm và khởi niệm dâm.

---

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.5. 0576b20).

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.6. 0576c01).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. NÓI DỐI[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ tạo thành nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu được sanh vào cõi người thì hơi miệng hôi hám, bị người chán ghét như là việc nói dối.

Này các Tỳ-kheo, nếu người nào nói dối, nói lời thêu dệt, nói chia rẽ đôi bên[9] sẽ đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Sở dĩ như vậy là do nói dối.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải thành thật, không được nói dối!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. KHÔNG NÓI DỐI[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ được hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn như là pháp không nói dối.

Này các Tỳ-kheo, người không nói dối thì hơi miệng thơm tho, tiếng lành đồn xa. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy thực hành không nói dối.

---

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.7. 0576c09).

[9] Theo bản Tống, Nguyên, Minh: Vọng ngôn, ỷ ngữ, đấu loạn bỉ thử (妄言, 綺語, 鬪亂彼此). Nguyên tác ghi thiếu ác khẩu (惡口): Nói lời hung ác. Xem thêm *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.17.1. 0780c25): 妄言, 綺語, 惡口, 兩舌鬪亂彼此.

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.8. 0576c18).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. UỐNG RƯỢU[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào mà khi được thực hành và thực hành thuần thục thì sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu được sanh cõi người thì ngu khờ, điên dại, không phân biệt đúng sai như là việc uống rượu.

Này các Tỳ-kheo, nếu người nào ham thích uống rượu thì sanh vào chốn nào cũng không có trí tuệ, thường chịu ngu muội. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ uống rượu.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. KHÔNG UỐNG RƯỢU[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, Như Lai không thấy một pháp nào vượt hơn pháp này, nếu đã thực hành và thực hành thuần thục sẽ được hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn như là pháp không uống rượu.

Này các Tỳ-kheo, nếu người nào không uống rượu thì sanh vào chốn nào cũng thông minh, trí tuệ, không bị ngu dốt, biết rộng nhớ nhiều, ý không nhầm lẫn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.9. 0576c25).

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.14.10. 0577a04).

Kệ tóm tắt:[13]

Đệ ngũ địa ngục kinh, Thử danh bất thiện hạnh,
Ngũ giả, thiên cập nhân, Linh tri thứ đệ số.

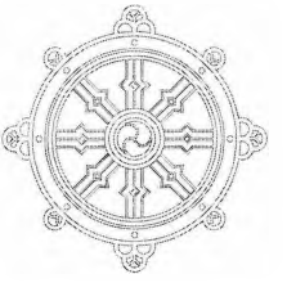

[13] Nguyên tác Nhiếp tụng: 第五地獄經; 此名不善行; 五者, 天及人; 令知次第數. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

15. PHẨM HỮU VÔ[1]

1. DỨT TRỪ HAI KIẾN[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các Tỳ-kheo nên biết, có hai loại kiến chấp.[3] Hai kiến chấp đó là gì? Đó là chấp có và chấp không.[4] Đối với hai loại kiến chấp này, các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã học tập, đã đọc tụng mà không thấu rõ pháp ấy, không biết đúng như thật thì chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn. Họ dự vào hàng Sa-môn thì làm trái pháp Sa-môn, dự vào hàng Bà-la-môn thì làm trái pháp Bà-la-môn. Các Sa-môn, Bà-la-môn này không bao giờ tự thân tác chứng để tự an trú.

Đối với hai loại kiến chấp này, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã học tập, đã đọc mà biết xả bỏ, khéo nhận chân, biết đúng như thật thì đó là Sa-môn, Bà-la-môn khéo biết hạnh Sa-môn, Bà-la-môn. Những vị ấy tự thân tác chứng để tự an trú và như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Cho nên, này các Tỳ-kheo! Đối với hai loại kiến chấp này, các thầy không nên học tập, không nên đọc tụng, cần phải dứt trừ.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[1] Nguyên tác: *Hữu vô phẩm* 有無品 (*T*.02. 0125.15. 0577a14).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.15.1. 0577a15).

[3] Kiến (見, *diṭṭhi*): Sự thấy, quan điểm, chủ trương, học thuyết. Do nêu dẫn giáo nghĩa của Bà-la-môn nên gọi là kiến chấp (見執).

[4] Nguyên tác: Hữu kiến vô kiến (有見無見, *bhavadiṭṭhi ca vibhavadiṭṭhi*). Theo *DĀ*. 9; *MĀ*. 103, "hữu kiến" cũng gọi là thường kiến (常見): Kiến chấp cho rằng thân tâm thường trụ không gián đoạn, xem vạn vật ở thế gian đều có thật thể và thường hằng bất biến. "Vô kiến" cũng gọi là đoạn kiến (斷見): Kiến chấp cho rằng thân tâm người ta đoạn diệt (chết) rồi không tiếp tục sanh ra nữa.

2. XẢ BỎ HAI KIẾN[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai loại kiến chấp. Hai kiến chấp đó là gì? Đó là chấp có và chấp không.

Thế nào là chấp có? Đó là chấp thật có cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

Thế nào là chấp thật có cõi dục? Đó chính là năm dục. Năm dục là gì? Đó là sắc mà mắt nhìn thấy, rất đáng yêu, đáng nhớ, thứ mà thế gian tôn sùng, chưa từng lìa bỏ; như tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp. Đó gọi là chấp có.

Thế nào là chấp không? Nghĩa là thấy có thường còn, thấy không thường còn; thấy có đoạn diệt, thấy không đoạn diệt; thấy có giới hạn, thấy không có giới hạn; thấy có thân, thấy không có thân; thấy có mạng, thấy không có mạng; thấy thân khác, thấy mạng khác. Sáu mươi hai loại kiến chấp[6] này gọi là chấp không và cũng không phải là thấy biết đúng đắn. Đó gọi là chấp không. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy xả bỏ hai loại kiến chấp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. HAI LOẠI BỐ THÍ[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai loại bố thí. Đó là bố thí pháp và bố thí tài vật. Này các Tỳ-kheo! Trong các loại bố thí thì không có gì sánh bằng bố thí pháp. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Thường phải thực hành bố thí pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.15.2. 0577a29).

[6] Nguyên tác: Lục thập nhị kiến (六十二見, *dvāsaṭṭhi vatthu*), 62 kiến giải của các trường phái tôn giáo, triết học ở Ấn Độ cổ xưa.

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.15.3. 0577b14). Tham chiếu: *A*. 2.141 - I. 92.

4. HAI LOẠI NGHIỆP[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai loại nghiệp. Đó là gì? Đó là pháp nghiệp[9] và tài nghiệp.[10] Trong các nghiệp, không gì vượt hơn pháp nghiệp. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập pháp nghiệp, chớ học tập tài nghiệp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. HAI LOẠI ÂN[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai loại ân. Đó là gì? Đó là pháp ân[12] và tài ân.[13] Trong các loại ân, không gì hơn pháp ân. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy thực hành pháp ân.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. HAI TƯỚNG[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người ngu sẽ có hai tướng biểu hiện ra bên ngoài. Đó là hai tướng gì? Đối với những việc không được phép làm, nhưng người ngu vẫn cố làm; những việc

---

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.15.4. 0577b20). Tham chiếu: *M.* 3, *Dhammadāyāda Sutta* (*Kinh thừa tự pháp*); *A.* 2.142 - I. 92.

[9] Pháp nghiệp (法業), theo *MĀ.* 197, tức là sống và thực hành theo giáo pháp.

[10] Tài nghiệp (財業): Xem tài sản là sự nghiệp.

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.15.5. 0577b26). Tham chiếu: *A.* 2.150 - I. 92.

[12] Pháp ân (法恩). Tham chiếu: *A.* 2.150 - I. 92: *Dhammānukampā* (ai mẫn giáo pháp).

[13] Tài ân (財恩). Tham chiếu: *A.* 2.150 - I. 92: *Āmisānukampā* (ai mẫn tài vật).

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.15.6. 0577c03).

cần làm thì họ lại chán bỏ. Này các Tỳ-kheo, với người ngu thì có hai tướng này hiện ra bên ngoài.

Lại nữa Tỳ-kheo, người trí cũng có hai tướng biểu hiện ra bên ngoài. Đó là hai tướng gì? Đối với những việc không được phép làm, người trí sẽ không làm; những việc cần làm thì họ không bao giờ chán bỏ.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Cần phải dứt bỏ hai tướng của người ngu và luôn suy niệm, thực hành theo hai tướng của người trí.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. TRÍ TUỆ VÀ DIỆT TẬN[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp này, cần phải tự mình suy xét, chí thành nhất tâm giống như kính lễ Như Lai. Đó là hai pháp gì? Một là trí tuệ, hai là Niết-bàn.[16] Này các Tỳ-kheo! Đối với hai pháp này, cần phải tự mình suy xét, chí thành nhất tâm giống như kính lễ Như Lai.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. LỰC VÀ VÔ ÚY[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp này, cần phải tự mình suy xét, chí thành nhất tâm giống như kính lễ Pháp bảo hay kính lễ nơi thờ tự Như Lai. Hai pháp đó là gì? Đó là có lực và có vô úy. Tỳ-kheo đối với hai pháp này cần phải tự mình suy xét, chí thành nhất tâm giống như kính lễ Pháp bảo hay kính lễ nơi thờ tự Như Lai.

---

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.15.7. 0577c13).

[16] Nguyên tác: Diệt tận (灭盡).

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.15.8. 0577c19).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. NHƯ LAI[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp này, cần phải tự mình suy xét, chí thành nhất tâm giống như kính lễ nơi thờ tự Như Lai. Hai pháp đó là gì? Tức là Như Lai không đồng đẳng với người thế gian và Như Lai có tâm đại từ, đại bi, thương tưởng đến mười phương. Này các Tỳ-kheo! Đối với hai pháp này, cần phải tự mình suy xét, chí thành nhất tâm giống như kính lễ nơi thờ tự Như Lai.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. CHÁNH KIẾN[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai nhân, hai duyên phát sanh chánh kiến. Đó là gì? Đó là lãnh thọ sự giáo hóa và tư duy pháp chỉ, pháp quán. Này các Tỳ-kheo, có hai nhân, hai duyên này phát sanh chánh kiến.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[20]

Nhị kiến cập Nhị thí,
Lễ Pháp, Như Lai, Miếu,
Ngu giả hữu nhị tướng,
Chánh kiến tối tại hậu.

---

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.15.9. 0577c26).

[19] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.15.10. 0578a04). Tham chiếu: *A*. 2.126 - I. 87.

[20] Nguyên tác Nhiếp tụng: 二見及二施; 愚者有二相; 禮法, 如來, 廟; 正見最在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

16. PHẨM LỬA TẮT[1]

1. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà ở trong vườn Tượng Hoa, tại thành Xá-vệ. Khi đang ở chốn thanh vắng, Tôn giả Nan-đà tự nghĩ: "Như Lai ức kiếp mới thị hiện ở đời, rất là hiếm có, thật sự khó gặp. Trải qua thời gian lâu xa Như Lai mới xuất hiện. Như loài hoa Ưu-đàm-bát rất lâu mới nở một lần. Cũng vậy, Như Lai ức kiếp mới thị hiện ở đời, rất là hiếm có, thật sự khó gặp. Để đạt được điều này cũng rất khó, đó là tất cả các hành đều dừng nghỉ, các ái hoàn toàn dứt sạch, không còn nhiễm ô, được diệt tận, Niết-bàn."

Bấy giờ, có một thiên ma[3] biết được những ý nghĩ trong tâm của Tôn giả Nan-đà, liền đến chỗ nàng Tôn-đà-lợi thuộc dòng họ Thích, ở giữa hư không, dùng kệ báo tin:

Cô hãy vui, trang điểm,
Nan-đà bỏ pháp phục,
Tấu đủ nhạc ngũ dục,
Sẽ đến cùng hưởng vui.

Sau khi nghe lời nhắn của thiên ma này, nàng Tôn-đà-lợi dòng họ Thích vui mừng hớn hở, phấn khởi vô cùng, liền tự trang điểm, sửa soạn nhà cửa, trải tọa cụ tốt, trỗi nhạc ca múa, giống như lúc Nan-đà còn ở tục gia.

Lúc này, Vua Ba-tư-nặc đang ở tại giảng đường Phổ Hội, nghe tin Tỳ-kheo Nan-đà trả lại pháp phục, trở về đời sống tục gia, bởi vì có vị trời ở giữa hư không báo tin với người vợ ông ấy như vậy. Nghe được những lời này, Vua Ba-tư-nặc trong lòng rất buồn, liền ngự xe voi trắng, tiến thẳng đến khu vườn Tượng Hoa. Đến nơi, từ xa nhìn thấy Tôn giả Nan-đà, vua liền tiến đến bên cạnh, đảnh lễ sát chân rồi lui ngồi một bên.

---

[1] Nguyên tác: *Hỏa diệt phẩm* 火滅品 (*T*.02. 0125.16. 0578a12).

[2] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.16.1. 0578a13). Tham chiếu: *Thag*. 2.19.

[3] Nguyên tác: Ma hạng thiên tử (魔行天子), còn gọi là thiên tử ma (天子魔). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.85.68. 0533c21-0534a06), là một trong bốn loại ma, gồm phiền não ma (煩惱魔), ngũ chúng ma (五眾魔), tử ma (死魔) và thiên tử ma (天子魔). Thiên tử ma là vua của dục giới, do đinh mắc sâu dày dục lạc thế gian và xem đó là sở đắc nên sanh tà kiến, ganh tị với hết thảy Hiền thánh, đạo pháp, Niết-bàn nên gọi là thiên tử ma (天子魔者, 欲界主, 深著世間樂, 用有所得故生邪見, 憎嫉一切賢聖涅槃道法, 是名天子魔).

[0578b04] Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà hỏi Vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương, sao đến nơi này với sắc diện khác lạ như thế? Ngài đến chỗ tôi hẳn có việc gì chăng?

Vua Ba-tư-nặc đáp:

– Thưa Tôn giả! Khi nãy tại giảng đường Phổ Hội, trẫm hay tin Tôn giả xả bỏ pháp phục trở về đời sống tục gia. Vì biết tin này nên trẫm vội đến đây. Chưa rõ Tôn giả xác tín việc ấy thế nào?

Lúc đó, Tôn giả Nan-đà mỉm cười và từ tốn nói với vua:

– Không đích thân thấy nghe, Đại vương dựa vào đâu mà quả quyết như thế? Lẽ nào ngài chưa nghe Như Lai chứng tri cho tôi đã dứt trừ các kiết sử và như thật biết rõ: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa, đã thành A-la-hán, tâm được giải thoát" ư?

Vua Ba-tư-nặc thưa:

– Trẫm chưa nghe Như Lai chứng tri cho Tỳ-kheo Nan-đà sanh tử đã chấm dứt, chứng đắc A-la-hán, tâm được giải thoát. Vì sao vậy? Bởi vì có vị trời đến báo cho nàng Tôn-đà-lợi dòng họ Thích sự việc như vậy, sau khi nghe tin ấy, nàng Tôn-đà-lợi liền trỗi kỹ nhạc, trang điểm phục sức, trải tọa cụ tốt. Trẫm nghe thế nên mới vội đến đây.

Tôn giả Nan-đà nói với vua:

– Không đích thân thấy nghe, Đại vương dựa vào đâu mà quả quyết như thế? Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, không ai là không vui với niềm vui tịch tĩnh, niềm vui thiện thệ, niềm vui của Sa-môn, niềm vui Niết-bàn này mà không tự thân quán sát hầm lửa dục lạc. Đã thấy rõ rồi, lại còn lao vào thì thật phi lý!

Quán sát thân này, xương như xích khóa, thịt tựa đá chồng, dục lạc như mật dính trên dao bén, tham chút lợi nhỏ sẽ không tránh khỏi họa lớn về sau. Như cây trĩu quả, dễ khiến gãy cành, như đã vay mượn thì phải sớm trả, như đầm lầy lớn cắm đầy kiếm nhọn, như thuốc độc hại, như lá cây độc, như hoa quả độc. Đã thấy dâm dục hiểm nguy như vậy mà tâm còn đắm trước thì thật phi lý!

Nếu không quán sát hầm lửa dục lạc, cho đến hiểm nguy như hoa quả độc mà muốn vượt qua dục lưu,[4] hữu lưu,[5] kiến lưu[6] và vô minh lưu[7] thì không bao giờ vượt được. Đã không vượt qua dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu mà lại muốn vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn mà nhập diệt[8] thì không bao giờ có việc này.

---

[4] Dục lưu (欲流, *kāmaogha*): Những phiền não trói buộc khiến chúng sanh lưu chuyển trong cõi dục.

[5] Hữu lưu (有流, *bhavogha*): Những phiền não tham, mạn, nghi trói buộc khiến chúng sanh lưu chuyển trong cõi sắc và cõi vô sắc.

[6] Kiến lưu (見流, *diṭṭhogha*): Những nhận thức sai lầm, tà kiến.

[7] Vô minh lưu (無明流, *avijjogha*): Ngu si là thứ phiền não khiến chúng sanh trôi lăn mãi trong ba cõi.

[8] Bát-niết-bàn (般涅槃, *Parinibbāna*): Niết-bàn tối hậu, không còn dư báo sắc thân.

Đại vương nên biết, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đã quán biết niềm vui tịch tĩnh, niềm vui thiện thệ, niềm vui Sa-môn, niềm vui Niết-bàn này thì không còn tham đắm dục lạc. Các vị ấy nhờ quán sát nên hiểu rõ hầm lửa dâm dục, do xương kết nối, nhờ thịt chất chồng, dục lạc như mật dính trên dao bén, như cây trĩu quả, dễ khiến gãy cành; như mượn chốc lát, lại như rừng kiếm, chẳng khác cây độc, như thuốc độc hại. Khi đã quán sát thấy rõ điều này, họ liền thấu tỏ đầu mối dấy khởi lửa dục, vị ấy liền vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu. Điều này là chắc chắn. Các vị ấy đã vượt qua dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu. Đây là lẽ tất nhiên.

Thế nào Đại vương, ngài thấy biết thế nào lại quả quyết như thế? Thưa Đại vương, nay tôi đã thành A-la-hán, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa, tâm đã được giải thoát.

[0578c11] Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc lòng đầy hoan hỷ, thiện tâm phát sanh, liền bạch với Tôn giả Nan-đà:

– Nay trẫm không còn mảy may nghi ngờ nào nữa, biết chắc rằng Tôn giả đã thành A-la-hán. Giờ đây trẫm xin được cáo từ, vì bận nhiều việc nước.

Tôn giả Nan-đà đáp:

– Nay đã đúng lúc.

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi cáo lui ra về.

Vua Ba-tư-nặc đi chưa bao lâu, thiên ma kia lại đến chỗ Tôn giả Nan-đà, đứng giữa hư không, dùng lời kệ này dụ dỗ Tôn giả Nan-đà:

Phu nhân mặt tựa trăng,
Nhớ vẻ đẹp của nàng,
Gảy đàn, trống, hát ca,
Mọi sầu lo dứt cả,
Thân đeo ngọc, bạc, vàng,
Thường vui nhạc ngũ dục.
Giọng âm thật hòa nhã,
Rừng này có gì vui?

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà liền suy nghĩ và nhận ra đây là thiên ma. Biết rõ như vậy nên Tôn giả bèn dùng kệ đáp trả:

Xưa tâm ta đã từng
Bị dâm dục buộc ràng,
Ta đã qua hố dục,
Vinh hoa toàn là khổ,
Nay ta hết kiết sử,
Dục lạc đã đoạn trừ,
Tham dục không biết chán,
Nào hay già, bệnh, chết.
Hết vấy bẩn, nhiễm ô,
Chỉ vui pháp chân như.
Dứt sạch dâm, nộ, si,
Kẻ ngu nên biết thế.

Sau khi nghe những lời này, thiên ma lòng đầy buồn rầu, liền biến mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế Tôn liền nói với các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo đoan chánh không ai hơn Tỳ-kheo Nan-đà, các căn thanh bạch cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà, không có tâm dục cũng là Tỳ-kheo Nan-đà,

không có sân hận cũng là Tỳ-kheo Nan-đà, không còn ngu muội cũng là Tỳ-kheo Nan-đà, thành A-la-hán cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Nan-đà đoan chánh, các căn tịch tĩnh.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử Thanh văn của Như Lai, người đoan chánh bậc nhất chính là Tỳ-kheo Nan-đà, người có các căn tịch tĩnh cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. NIẾT-BÀN GIỚI[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai loại Niết-bàn giới.[10] Đó là Hữu dư Niết-bàn giới[11] và Vô dư Niết-bàn giới.[12] Thế nào gọi là Hữu dư Niết-bàn giới? Nghĩa là Tỳ-kheo đã diệt năm hạ phần kiết sử, sẽ Bát-niết-bàn nơi kia và không còn trở lại thế gian này nữa. Đó gọi là Hữu dư Niết-bàn giới. Thế nào gọi là Vô dư Niết-bàn giới? Nghĩa là Tỳ-kheo dứt sạch hữu lậu, trở thành vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng rồi tự an trú và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đó gọi là Vô dư Niết-bàn giới. Đây là hai loại Niết-bàn giới.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để đạt đến Vô dư Niết-bàn giới. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[9] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.16.2. 0579a12). Tham chiếu: *It.* 38, 44.

[10] Niết-bàn giới (涅槃界, *Nibbānadhātu*): Cảnh giới Niết-bàn.

[11] Hữu dư Niết-bàn giới (有餘涅槃界). *It.* 38 giải thích: "Này các Tỳ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới có dư y? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại, ngang qua các căn ấy, vị ấy hưởng thọ khả ý, không khả ý vì rằng tự ngã không có thương hại cảm giác lạc, khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới có dư y" (HT. Thích Minh Châu dịch).

[12] Vô dư Niết-bàn giới (無餘涅槃界). *It.* 38 giải thích: "Này các Tỳ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới không có dư y? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ, ưa thích sẽ được lắng dịu. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới không có dư y" (HT. Thích Minh Châu dịch).

3. VÍ DỤ LOÀI QUẠ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói thí dụ về loài quạ, cũng sẽ nói thí dụ về loài heo. Các thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ, Như Lai sẽ giảng nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời, đức Phật dạy:

– Thế nào là người được ví như loài quạ? Giống như có người ở nơi vắng vẻ, thường sống theo thói dâm dục, tạo các nghiệp xấu ác, sau đó hổ thẹn, tự mình hối lỗi và bộc bạch với người khác về những việc đã làm. Vì sao vậy? Vì sợ bị những vị đồng Phạm hạnh biết được mà chê trách rằng: "Người này theo thói dâm dục, làm các việc xấu ác, sau khi làm các việc xấu ác rồi, tự biết hổ thẹn, hối lỗi với người." Giống như loài quạ kia thường chịu nạn đói khổ, đành ăn những thứ nhơ bẩn rồi vội vàng quẹt mỏ, sợ loài chim khác nhìn thấy sẽ chê bai loài quạ này ăn đồ nhơ bẩn. Đây cũng như vậy, nếu có người nào ở nơi vắng vẻ, thường học thói dâm dục, làm các việc xấu ác, sau đó hổ thẹn, tự mình hối lỗi, bộc bạch với người khác về những việc đã làm. Vì sao vậy? Vì sợ bị những vị đồng Phạm hạnh biết được mà chê trách rằng: "Người này theo thói dâm dục, làm các việc xấu ác." Đó gọi là hạng người giống như loài quạ.

Thế nào là người được ví như loài heo? Có người sống nơi vắng vẻ, mãi học theo thói dâm dục, làm các việc xấu ác, nhưng không biết hổ thẹn, cũng không hối lỗi, lại tự khen mình trước mọi người, luôn cống cao, tự đắc, khoe khoang bản thân được hưởng thú vui ngũ dục, còn những người khác thì không. Kẻ ấy đã tự làm những việc xấu ác, lại không biết hổ thẹn. Người này được ví như loài heo, thường ăn thức ăn uế tạp, nằm chỗ nhơ bẩn, chạy loăng quăng theo các con heo khác. Ở đây cũng vậy, có người sống nơi vắng vẻ, mãi học theo thói dâm dục, làm các việc xấu ác, nhưng không biết hổ thẹn, cũng không hối lỗi, lại tự khen mình trước mọi người, luôn cống cao, tự đắc, khoe khoang bản thân được hưởng thú vui ngũ dục, còn những người khác thì không. Đó gọi là hạng người ví như loài heo.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy trừ bỏ, hãy tránh xa việc làm này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[13] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.16.3. 0579a24).

4. VÍ DỤ CON LỪA[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói đến hạng người giống loài lừa và hạng người giống loài bò, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời, đức Phật liền dạy:

– Thế nào gọi là hạng người giống loài lừa? Như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Thế nhưng, bấy giờ người ấy các căn không định tĩnh, mắt vừa thấy sắc liền duyên theo mà khởi sắc tưởng, rồi tơ tưởng đủ điều. Do nhãn căn không thanh tịnh nên sanh ra các loạn tưởng, không thể chế ngự, những pháp xấu ác đồng loạt kéo đến, cũng không thể phòng hộ được nhãn căn. Hoặc khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, duyên theo đó mà sanh khởi nhận thức sai lầm rồi tơ tưởng đủ điều. Lúc này ý căn không thanh tịnh nên sanh ra các loạn tưởng, không thể chế ngự, những pháp xấu ác đồng loạt kéo đến, cũng không thể phòng hộ được ý căn, đến nỗi mất hết oai nghi lễ tiết, đi đứng, tiến lùi, co duỗi, cúi ngước, đắp y, ôm bát đều trái với giới cấm, liền bị những bạn đồng Phạm hạnh thấy biết bèn chê trách: "Ôi, người ngu này tợ như Sa-môn!"; lại bị hạch tội: "Nếu là Sa-môn, lẽ ra không nên như vậy." Kẻ kia lại chống chế: "Tôi cũng là Sa-môn! Tôi cũng là Sa-môn!" Giống như con lừa lạc trong đàn bò rồi tự bảo: "Ta cũng là bò! Ta cũng là bò!" Nhưng rõ ràng hai lỗ tai của nó lại không hề giống con bò, sừng cũng không giống, đuôi cũng không giống, cho đến tiếng kêu và tất cả đều khác. Bấy giờ, đàn bò kia hoặc dùng sừng húc, hoặc lấy chân đá, hoặc dùng miệng cắn con lừa này. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn không định tĩnh, mắt vừa thấy sắc liền duyên theo mà khởi sắc tưởng, rồi tơ tưởng đủ điều. Do nhãn căn không thanh tịnh nên sanh ra các loạn tưởng, không thể chế ngự, những pháp xấu ác đồng loạt kéo đến, cũng không thể phòng hộ nhãn căn. Hoặc khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, duyên theo đó mà sanh khởi nhận thức sai lầm rồi tơ tưởng đủ điều. Lúc này ý căn không thanh tịnh nên sanh ra các loạn tưởng, không thể chế ngự, những pháp xấu ác đồng loạt kéo đến, cũng không thể phòng hộ ý căn, đến nỗi mất hết oai nghi lễ tiết, đi đứng, tiến lùi, co duỗi, cúi ngước, đắp y, ôm bát đều trái với giới cấm, lại bị những bạn đồng Phạm hạnh thấy biết chê trách: "Ôi, người ngu này tợ như Sa-môn!"; lại bị hạch tội: "Nếu là Sa-môn, lẽ ra không

[14] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.16.4. 0579b21). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.828. 0212b18); *A.* 3.82 - I. 229.

nên như vậy." Kẻ kia lại chống chế: "Tôi là Sa-môn!" Giống như con lừa lạc trong đàn bò. Đó gọi là hạng người giống con lừa.

Thế nào gọi là hạng người giống với loài bò? Như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo. Bấy giờ, người này các căn định tĩnh, ăn uống biết tiết chế, kinh hành cả ngày chưa từng lìa bỏ, tâm ý luôn nhớ nghĩ đến ba mươi bảy đạo phẩm. Khi mắt thấy sắc, người ấy không khởi sắc tưởng, không khởi niệm tơ tưởng đủ điều. Bấy giờ, nhãn căn thanh tịnh, sanh khởi những niệm thiện, cũng khéo chế ngự, không còn các niệm xấu ác, thường phòng hộ nhãn căn. Hoặc khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp nhưng không sanh khởi nhận thức sai lầm. Bấy giờ, ý căn được thanh tịnh. Người này liền đến chỗ các vị đồng Phạm hạnh. Các vị đồng Phạm hạnh từ xa trông thấy, ai cũng gọi to: "Quý thay, đồng học!" và tùy thời cúng dường không để thiếu hụt. Giống như con bò tốt ở lẫn trong đàn bò và tự bảo: "Ta là bò!" Vì lông, đuôi, tai, sừng, tiếng kêu của nó thảy đều đúng là loài bò. Những con bò khác nhìn thấy đều đến liếm mình nó. Ở đây cũng như vậy, người này cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo với niềm tin kiên cố. Bấy giờ, các căn người này tịch tĩnh, ăn uống biết tiết chế, kinh hành suốt ngày chưa từng lìa bỏ, ý luôn nghĩ đến ba mươi bảy đạo phẩm. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không khởi sắc tưởng, không khởi niệm tơ tưởng đủ điều. Bấy giờ, nhãn căn được thanh tịnh, sanh khởi các niệm thiện, cũng khéo biết chế ngự, không còn những niệm xấu ác, thường phòng hộ nhãn căn. Hoặc khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp nhưng không sanh khởi nhận thức sai lầm. Bấy giờ, ý căn được thanh tịnh. Đây gọi là hạng người giống loài bò.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập hạnh như loài bò, chớ nên theo thói con lừa.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. THIỆN VÀ BẤT THIỆN[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói về hạnh thiện và bất thiện, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

[15] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.16.5. 0580a16).

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn dạy:

– Thế nào gọi là bất thiện? Thế nào gọi là thiện? Sát sanh là bất thiện, không sát sanh là thiện; không cho mà lấy là bất thiện, cho mới nhận là thiện; dâm là bất thiện, không dâm là thiện; nói dối là bất thiện, không nói dối là thiện; nói thêm bớt là bất thiện, không nói thêm bớt là thiện; nói lưỡi đôi chiều là bất thiện, không nói lưỡi đôi chiều là thiện; nói hai chiều là bất thiện, không nói hai chiều là thiện;[16] tham của người khác là bất thiện, không tham của người khác là thiện; tà kiến là bất thiện, chánh kiến là thiện. Như thế, này các Tỳ-kheo, nếu ai tạo các nghiệp xấu ác này, sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu người nào hành thiện, liền sanh về cõi người, cõi trời và các đường lành trong cõi a-tu-la. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy xa lìa việc xấu ác, tu tập hạnh lành.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. HAI PHÁP[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ nói pháp vi diệu cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện, cho đến phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn,[18] hoàn toàn thanh tịnh, thành tựu Phạm hạnh.[19] Đó là hai pháp. Nay Như Lai sẽ giảng nói đầy đủ, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

---

[16] Nguyên tác: Vọng ngữ... ỷ ngữ... lưỡng thiệt... đấu loạn bỉ thử (妄語... 綺語... 兩舌... 鬪亂彼此). Nói hai chiều và chia rẽ đôi bên (兩舌... 鬪亂彼此) thực chất chỉ là một vấn đề. Nguyên tác không đề cập đến ác khẩu (惡口), là một trong 4 yếu tố quan trọng của khẩu nghiệp. Khiếm khuyết này giống trường hợp ở *Kinh nói dối*, số 7, phẩm 14, tr. 122 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.14.7. 0576c09). Trong khi đó ở *Kinh Tu-bồ-đề*, số 3, phẩm 51, tr. 966 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.51.3. 0816b20) lại ghi đầy đủ: 妄言, 綺語, 惡口, 兩舌鬪亂彼此.

[17] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.16.6. 0580b02).

[18] Nguyên tác: Hữu vị (有味). Vị (味), ngoài nghĩa mùi vị, còn mang nghĩa văn từ (*byañjana*).

[19] Nguyên tác: Đắc tụ cụ túc Phạm hạnh chi pháp (得修具足梵行之法). Tham chiếu: *Kinh thành lũy ở biên cương*, số 4, phẩm 39, tr. 657 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.39.4. 0730c01): 具足清淨, 得修梵行. Xem thêm *MĀ*. 3: 具足清淨顯現梵行; *SĀ*. 53: 純一滿淨梵行清白. Bản dịch dựa trên những cơ sở tham chiếu này.

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời, Thế Tôn liền dạy:

– Thế nào là hai pháp? Đó là tà kiến và chánh kiến, tà tư duy và chánh tư duy, tà ngữ và chánh ngữ, tà nghiệp và chánh nghiệp, tà mạng và chánh mạng, tà tinh tấn và chánh tinh tấn, tà niệm và chánh niệm, tà định và chánh định. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp. Nay Như Lai đã giảng nói hai pháp này cho các thầy nghe. Những điều Như Lai cần làm, nay đã làm xong. Các thầy hãy khéo suy nghĩ, khéo tập tụng, chớ có biếng nhác. Nếu không hành trì ngay hôm nay, về sau hối tiếc thì cũng đã muộn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. PHÁP SOI SÁNG[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói về pháp soi sáng, cũng sẽ nói về những hạnh nghiệp thú hướng đến đạo nhờ sự soi sáng này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế nào gọi là soi sáng? Nghĩa là tham dâm, sân hận và ngu si đã hoàn toàn dứt sạch. Thế nào gọi là những hạnh nghiệp thú hướng đến đạo nhờ sự soi sáng này? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đó là những hạnh nghiệp thú hướng đến đạo nhờ sự soi sáng này. Như Lai đã vì các thầy mà nói về sự soi sáng, cũng nói về những hạnh nghiệp thú hướng đến đạo nhờ sự soi sáng này. Những việc Như Lai cần làm, nay đã làm xong. Các thầy hãy khéo suy nghĩ, tập tụng, chớ có biếng nhác. Nếu không hành trì ngay hôm nay, về sau hối tiếc thì cũng đã muộn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[20] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.16.7. 0580b15).

8. HAI LỰC[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai loại sức mạnh. Đó là hai loại nào? Là sức mạnh của nhẫn nhục và sức mạnh của tư duy. Nếu Như Lai không có hai sức mạnh này thì không thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, nếu không có hai sức mạnh này, Như Lai đã không thể khổ hạnh sáu năm ở xứ Ưu-lưu-tỳ,[22] cũng không thể hàng phục ma oán, an trụ nơi đạo tràng mà thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân. Vì Như Lai có lực nhẫn nhục và lực tư duy này nên mới có thể hàng phục quân ma, an trụ nơi đạo tràng mà thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để tu tập sức mạnh nhẫn nhục và sức mạnh tư duy để thành tựu đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, từ Vô dư Niết-bàn giới mà thể nhập Bát-niết-bàn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đang ở tại quê hương của mình là nước Câu-thi-na-kiệt.[24] Lúc ấy, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương cùng năm trăm chư thiên và hai mươi tám đại quỷ thần vương đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Đến nơi, họ đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, sau đó dùng lời kệ này khen ngợi A-na-luật:

Kính lễ bậc Thượng nhân, Đấng muôn người tôn kính,
Nay chúng tôi không biết, Ngài đang trú thiền nào?

Khi ấy, lại có Phạm chí tên Xà-bạt-tra, là đệ tử của Phạm-ma-du, cũng đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, rồi hỏi Tôn giả A-na-luật rằng:

---

[21] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.16.8. 0580b26).

[22] Ưu-lưu-tỳ (優留毘, Uruvela).

[23] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.16.9. 0580c09).

[24] Câu-thi-na-kiệt quốc (拘尸那竭國, Kusinārā).

– Xưa kia tôi sống trong vương cung nhưng chưa từng nghe mùi hương tự nhiên này. Chắc hẳn có người nào đến nơi đây? Là trời, rồng, quỷ thần, người hay loài chẳng phải người?

Tôn giả A-na-luật nói với vị Phạm chí:

– Vừa rồi có Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương cùng năm trăm chư thiên và hai mươi tám đại quỷ thần vương đồng đến chỗ tôi, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi dùng lời kệ này ca ngợi tôi:

Kính lễ bậc Thượng nhân, Đấng muôn người tôn kính,
Nay chúng tôi không biết, Ngài đang trú thiền nào?

Phạm chí lại hỏi:

– Sao tôi không thấy bóng dáng họ đâu cả? Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương đang ở chỗ nào?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Vì ông không có thiên nhãn cho nên không thấy được Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương cùng năm trăm chư thiên và hai mươi tám đại quỷ thần vương.

Phạm chí hỏi:

– Nếu tôi có thiên nhãn thì sẽ thấy được Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương cùng năm trăm chư thiên và hai mươi tám đại quỷ thần vương ư?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Nếu ông có thiên nhãn, ông sẽ thấy được Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương cùng năm trăm chư thiên và hai mươi tám đại quỷ thần vương. Tuy nhiên, này Phạm chí, thiên nhãn này cũng đâu có gì kỳ lạ. Có vị Phạm thiên tên là Thiên Nhãn. Ông ấy thấy được khắp ngàn thế giới này giống như người có mắt sáng ngắm nhìn vương miện của mình đang đặt trong lòng bàn tay. Vị Phạm thiên này cũng như vậy, có thể nhìn thấy ngàn thế giới này mà không chút chướng ngại. Tuy nhiên, vị Phạm thiên này lại không thể tự thấy phục sức mình đang mặc.

Phạm chí hỏi:

– Vì sao Phạm thiên Thiên Nhãn không thể tự thấy phục sức trên người mình?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Vì vị Phạm thiên kia không có con mắt trí tuệ vô thượng nên không thể tự thấy phục sức trên người mình.

Phạm chí hỏi:

– Nếu tôi được con mắt trí tuệ vô thượng thì có thể nhìn thấy phục sức trên thân mình hay không?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Nếu ông có con mắt trí tuệ vô thượng, ông có thể thấy được phục sức trên thân mình.

Phạm chí thưa:

– Xin Tôn giả giảng nói pháp vi diệu cho tôi nghe để tôi đạt được mắt trí tuệ vô thượng!

Tôn giả A-na-luật hỏi:

– Ông có giới không?

Phạm chí hỏi:

– Thế nào là giới?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Không làm các việc ác, không phạm điều phi pháp.

Phạm chí thưa:

– Giới là như vậy thì tôi xin được phụng trì giới này.

Tôn giả A-na-luật nói:

– Này Phạm chí, nay ông hãy giữ gìn giới cấm, chớ để mảy may sai sót, lại còn phải dứt trừ kiết sử kiêu mạn, chớ có khởi tưởng chấp trước ngô ngã.[25]

Lúc đó, Phạm chí lại hỏi Tôn giả A-na-luật:

– Thế nào là ngô? Thế nào là ngã? Thế nào là kiết sử kiêu mạn?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Ngô là thần thức, ngã là toàn bộ hình thể. Ngay trong đó khởi phân biệt có ngô ngã, đó chính là kiết sử kiêu mạn.

Cho nên, này Phạm chí! Hãy tìm cầu phương tiện dứt trừ các kiết sử này. Thật vậy Phạm chí! Hãy học tập điều này.

Phạm chí liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật, nhiễu quanh ba vòng rồi rời đi. Trên đường trở về nhà, ông luôn suy nghĩ về nghĩa này, nhân đó các trần cấu đều sạch, liền đắc Pháp nhãn tịnh.[26]

Bấy giờ, có vị trời là bạn thân trước đây của Phạm chí này, biết tâm của Phạm chí nay đã dứt sạch mọi trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Vị trời kia lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, sau đó dùng lời kệ này khen ngợi Tôn giả A-na-luật:

Phạm chí chưa đến nhà,　　Giữa đường đã thấy đạo,
Cấu sạch, đắc nhãn tịnh,　　Hết do dự, dứt nghi.

---

[25] Nguyên tác: Mạc kế ngô ngã nhiễm trước chi tưởng (莫計吾我染著之想). Ngô ngã (吾我) chỉ cho tự ngã, bản ngã độc tôn. Tham chiếu: *DĀ*. 5: 不恃吾我憍慢之心.

[26] Pháp nhãn tịnh (法眼淨): Con mắt pháp thanh tịnh, nhìn thấy rõ chân đế.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật dùng kệ đáp lời:

Ta vốn biết ông ấy, Giữa đường sẽ chứng đạo,
Vì thời Phật Ca-diếp, Đã từng nghe pháp này.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật rời khỏi trụ xứ ấy, du hành trong nhân gian, đi dần đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, Thế Tôn liền đem giáo pháp truyền dạy đầy đủ cho Tôn giả A-na-luật. Sau khi lãnh thọ lời Phật dạy, Tôn giả A-na-luật liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ra.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử Thanh văn của Như Lai, người được thiên nhãn bậc nhất chính là Tỳ-kheo A-na-luật.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. PHẬT DẠY LA-VÂN[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả La-vân tuy nghiêm trì giới cấm, không chút trái phạm, tội nhỏ còn tránh nói gì đến tội lớn, thế nhưng trong tâm vẫn chưa thoát khỏi hữu lậu. Khi ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, lui ngồi một bên, rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo La-vân nghiêm trì giới cấm, không chút sai phạm, nhưng sao tâm thầy ấy vẫn chưa thoát khỏi hữu lậu.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

Giữ giới luật trọn vẹn, Làm tịch tịnh các căn,
Tất cả các kiết sử, Dần dần sẽ tiêu trừ.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy luôn ghi nhớ tu tập theo Chánh pháp, không để thiếu sót.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[28]

Nan-đà, Niết-bàn, Ô, Lư, Bất thiện hữu nhị,
Chúc cập Nhẫn tư duy, Phạm chí cập La-vân.

---

[27] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.16.10. 0581b15).

[28] Nguyên tác Nhiếp tụng: 難陀, 涅槃, 烏; 驢, 不善有二; 燭及忍思惟; 梵志及羅雲. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

17. PHẨM QUÁN NIỆM HƠI THỞ[1]

1. TÔN GIẢ LA-VÂN CHỨNG A-LA-HÁN[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy đã đến giờ, Thế Tôn đắp y, ôm bát, dẫn La-vân[3] vào thành Xá-vệ khất thực.[4] Khi ấy, Thế Tôn quay sang bên phải rồi bảo La-vân:

– Con hãy quán tưởng sắc là vô thường.

La-vân thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn! Sắc là vô thường.

Thế Tôn lại bảo:

– Này La-vân! Thọ,[5] tưởng, hành, thức đều là vô thường.

La-vân thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Khi ấy, Tôn giả La-vân lại tự nghĩ: "Chắc hẳn có nhân duyên gì đây, hôm nay vừa đi vào thành khất thực, đang trên đường đi sao Thế Tôn lại trực tiếp dạy dỗ mình? Bây giờ, ta nên trở về trú xứ, không nên vào thành khất thực nữa."

Nghĩ xong, đang đi giữa đường, Tôn giả La-vân liền quay trở về tinh xá Kỳ Hoàn, cất y bát rồi đến dưới một bóng cây, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, chuyên nhất tâm ý, quán niệm sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường.

Bấy giờ, Thế Tôn khất thực ở thành Xá-vệ trở về. Sau khi thọ thực xong, Thế Tôn một mình kinh hành tại tinh xá Kỳ Hoàn, lần hồi đến chỗ La-vân. Đến rồi, đức Phật bảo:

---

[1] Nguyên tác: *An-ban phẩm* 安般品 (*T*.02. 0125.17. 0581b29). An-ban (安般, *ānāpāna*) nghĩa là theo dõi hơi thở vào ra, tức quán niệm hơi thở.

[2] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.1. 0581c01). Tham chiếu: *M.* 62, *Mahārāhulovāda Sutta* (*Đại kinh giáo giới La-hầu-la*).

[3] Còn gọi là La-hầu-la (Rāhula).

[4] Nguyên tác: Phân-vệ (分衛, *piṇḍāya*): Khất thực.

[5] Nguyên tác: Thống (痛): Đau đớn.

– Con hãy tu tập theo pháp quán niệm hơi thở.[6] Tu tập theo pháp này thì tất cả tâm tư buồn lo đều sẽ dứt trừ. Nay con cũng phải tu tập quán tưởng bất tịnh ghê tởm. Khi đã tu tập quán tưởng bất tịnh rồi thì tất cả tham dục đều sẽ tiêu trừ. Này La-vân, nay con cần phải tu tập tâm từ. Khi đã tu tập tâm từ rồi thì mọi sân hận sẽ được tiêu trừ. Này La-vân, nay con cần phải tu tập tâm bi. Khi đã tu tập tâm bi rồi thì tất cả tâm não hại sẽ được tiêu trừ. Này La-vân, nay con cần phải tu tập tâm hỷ. Khi đã tu tập tâm hỷ rồi thì tất cả tâm ganh ghét sẽ được tiêu trừ. Này La-vân, nay con cần phải tu tập tâm xả. Khi đã tu tập tâm xả rồi thì hết thảy tâm kiêu mạn sẽ được tiêu trừ.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này với La-vân:

Chớ khởi tưởng đắm trước,　　Chánh pháp luôn thực hành,
Như Hiền trí thanh danh,　　Được ngợi khen khắp chốn.
Trao cho người đuốc sáng,　　Xua tan màn vô minh,
Được trời, rồng quy kính,　　Như thờ bậc Trưởng tôn.

Lúc ấy, Tỳ-kheo La-vân lại dùng lời kệ này thưa với Thế Tôn:

Con không khởi đắm trước,　　Chánh pháp luôn thực hành,
Hạnh Hiền trí đã thành,　　Đủ trí năng hầu Phật.

[0582a02] Sau khi dạy bảo xong, Thế Tôn trở về tịnh thất. Lúc ấy, Tôn giả La-vân lại suy nghĩ: "Tu tập quán niệm hơi thở như thế nào để trừ được buồn lo, không có các tưởng?" Thế rồi La-vân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ đức Thế Tôn. Đến nơi, La-vân đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Một lúc sau, La-vân rời chỗ ngồi và bạch:

– Kính bạch Thế Tôn! Thực hành quán niệm hơi thở như thế nào để dứt được buồn lo, không còn các tưởng, được quả báo lớn, được vị giải thoát?

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, lành thay, La-vân! Con có thể đối trước Như Lai, rống lên tiếng rống sư tử để hỏi nghĩa này: "Thực hành quán niệm hơi thở như thế nào để dứt được buồn lo, không còn các tưởng, được quả báo lớn, được vị giải thoát?" Này La-vân, nay con hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ vì con mà giảng nói đầy đủ.

La-vân đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Sau khi Tôn giả La-vân vâng lời, Thế Tôn liền dạy:

– Thật vậy, La-vân! Nếu có Tỳ-kheo nào thích sống nơi yên vắng, lặng lẽ không người, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, không khởi niệm khác, buộc tâm trên chóp mũi. Hơi thở ra dài thì biết hơi thở ra dài. Hơi thở vào dài cũng biết hơi thở vào dài. Hơi thở ra ngắn thì biết hơi thở ra ngắn. Hơi thở vào ngắn cũng biết hơi thở vào ngắn. Hơi thở ra lạnh thì biết hơi

[6] Nguyên tác: An-ban (安般, *ānāpāna*). Xem chú thích 1, tr. 145.

thở ra lạnh. Hơi thở vào lạnh cũng biết hơi thở vào lạnh. Hơi thở ra ấm thì biết hơi thở ra ấm. Hơi thở vào ấm cũng biết hơi thở vào ấm. Cảm nhận toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra, thảy đều biết rõ. Lúc có hơi thở, cũng lại biết có hơi thở. Lúc không có hơi thở cũng biết không có hơi thở. Hoặc lúc thở ra, tâm liền nhận biết: "Tôi sẽ thở ra"; hoặc khi thở vào, tâm cũng nhận biết: "Tôi sẽ thở vào."

Như vậy, La-vân, người khéo thực hành quán niệm hơi thở sẽ không còn niệm tưởng buồn lo, sầu não, được quả báo lớn, được vị giải thoát.

Sau khi nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu đầy đủ xong, La-vân từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, sau đó nhiễu quanh ba vòng rồi rời đi. La-vân đến dưới một bóng cây trong vườn An-đà, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, kiết-già tĩnh tọa, không khởi niệm khác, buộc tâm trên chóp mũi. Hơi thở ra dài thì biết hơi thở ra dài. Hơi thở vào dài cũng biết hơi thở vào dài. Hơi thở ra ngắn thì biết hơi thở ra ngắn. Hơi thở vào ngắn cũng biết hơi thở vào ngắn. Hơi thở ra lạnh thì biết hơi thở ra lạnh. Hơi thở vào lạnh cũng biết hơi thở vào lạnh. Hơi thở ra ấm thì biết hơi thở ra ấm. Hơi thở vào ấm cũng biết hơi thở vào ấm. Cảm nhận toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra, thảy đều biết rõ. Lúc có hơi thở cũng lại biết có hơi thở. Lúc không có hơi thở cũng biết không có hơi thở. Hoặc lúc thở ra, tâm liền nhận biết: "Tôi sẽ thở ra"; hoặc khi thở vào, tâm cũng nhận biết: "Tôi sẽ thở vào."

[0582b05] Bấy giờ, La-vân tư duy quán tưởng như thế rồi, ngay đó tâm được lìa khỏi dục và các pháp bất thiện, có giác có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.

Lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng, thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán.

Lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm.

Khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó nên buông bỏ cả khổ và lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh.

La-vân nhờ sức tam-muội này nên tâm thanh tịnh không tì vết, thân thể nhu hòa, biết rõ mình từ đâu đến, nhớ rõ những việc đã làm trước kia, tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước; hoặc biết mọi việc trong một đời, hoặc hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, vạn đời, hàng ngàn vạn đời; hoặc trong kiếp thành, kiếp hoại, vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, ức năm không thể tính kể, ta đã từng thọ thân tại đó, hiệu đó, tên đó, họ đó, ăn như thế, chịu khổ vui như thế, thọ mạng dài ngắn ra sao, chết chỗ kia sanh ra ở đây, chết ở đây sanh ra chỗ kia.

La-vân nhờ tam-muội này nên tâm thanh tịnh không tì vết, cũng không còn các kiết sử, quán biết được những tâm niệm mà chúng sanh khởi tưởng. La-vân lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không tì vết, quán biết như thật các loài chúng sanh, thấy rõ có sanh ra, có chết đi; có người đẹp, có người xấu; có đường lành, có nẻo dữ; có tốt, có xấu; việc đã làm, điều đã tạo, thảy đều biết rõ. Hoặc có chúng

sanh thân hành ác, miệng nói ác, tâm tạo ác, chê bai Hiền thánh, tạo ra các nghiệp tà kiến, nên sau khi qua đời, rơi ba đường ác, đọa vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, miệng nói thiện, tâm hành thiện, không chê bai Hiền thánh, thường hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến, nên sau khi qua đời được sanh lên cõi trời. Đó gọi là dùng thiên nhãn thanh tịnh không tì vết, quán biết như thật các loài chúng sanh, thấy rõ có sanh ra, có chết đi; có người đẹp, có người xấu; có đường lành, có nẻo dữ; có tốt, có xấu; việc đã làm, điều đã tạo, thảy đều biết rõ.

Rồi lại vận dụng tâm ý, thành tựu tâm vô lậu, La-vân lại quán sát đây là khổ, như thật biết rõ đây là khổ; lại quán sát nguyên nhân của khổ, quán sát sự diệt hết khổ và quán sát con đường đưa đến sự diệt hết khổ, biết một cách như thật về chúng. La-vân quán sát như vậy rồi, tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu đều được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát, thầy ấy biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bấy giờ, Tôn giả La-vân thành A-la-hán.

[0582c05] Sau khi chứng quả A-la-hán rồi, Tôn giả La-vân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên rồi bạch Thế Tôn:

– Thưa Thế Tôn! Điều con mong cầu nay đã thành tựu, các lậu đã dứt sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong chúng đệ tử chứng A-la-hán, không ai sánh bằng La-vân. Luận về chúng đệ tử đã dứt sạch hữu lậu, cũng không ai sánh bằng Tỳ-kheo La-vân. Nói đến chúng đệ tử nghiêm trì giới luật, cũng không ai sánh bằng Tỳ-kheo La-vân. Vì sao như vậy? Vì các đấng Như Lai, Đẳng Chánh Giác ở đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-vân này. Muốn nói đến con Phật cũng là Tỳ-kheo La-vân, đích thân từ Phật sanh, là người thừa tự pháp.

Khi ấy, đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử Thanh văn của Như Lai, người trì giới bậc nhất chính là Tỳ-kheo La-vân.[7]

---

[7] Nguyên tác: Ngã Thanh văn trung đệ nhất đệ tử, năng trì cấm giới, sở vị La-vân Tỳ-kheo thị (我聲聞中第一弟子能持禁戒, 所謂羅雲比丘是). Tham chiếu: Kinh số 6, phẩm 4, tr. 38; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.6. 0558a07): 我聲聞中第一比丘... 不毀禁戒, 誦讀不懈, 所謂羅雲比丘是. Ở đây, giữa hai nghĩa 能持禁戒 và 不毀禁戒 của hai bản *Kinh Tăng nhất A-hàm* nêu trên về cơ bản không quá khác biệt nhau. Trong khi đó ghi nhận về bậc thầy giới luật là ngài Ưu-ba-ly thì kinh số 5, phẩm 4, tr. 37; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.5. 0557c16) lại ghi: 奉持戒律, 無所觸犯, 優波離比丘是. Như vậy, nội dung *Tăng nhất A-hàm* chưa minh định rõ sự khác biệt về phương diện giới luật giữa ngài Ưu-ba-ly và Tôn giả La-hầu-la, nếu không nói dường như quá đề cao ngài La-hầu-la qua bài kinh này. Trong khi đó ở *A*. 1.14 - I. 24 thì ghi nhận: "Trong các đệ tử Tỳ-kheo của Ta, ưa thích học tập, tối thắng là Rāhula" (*Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ sikkhākāmānaṃ yadidaṃ rāhulo*) và *A*. 1.14 - I. 24 cũng ghi: "Trong các vị đệ tử Tỳ-kheo của Ta, vị trì luật tối thắng là Upāli" (*Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ vinayadharānaṃ yadidaṃ upāli*). Có lẽ kinh số 1, phẩm 17, tr. 145; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.17.1. 0581c01) đã hiểu chữ *sikkhā* theo nghĩa học giới, giới luật, trong khi đó ở trường hợp của Tôn giả La-hầu-la thì chữ *sikkhā* cần được hiểu là sự học hỏi, học tập, rèn luyện nói chung.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Giữ giới luật trọn vẹn, Làm tịch tịnh các căn,
Tất cả các kiết sử, Dần dần sẽ tiêu trừ.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[8]

***

2. NHƯ LAI VÀ CHUYỂN LUÂN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu hai người này mà xuất hiện ở đời thì rất hiếm có. Hai người ấy là ai? Đó là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời thật là hiếm có, và Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời cũng rất hiếm có. Hai người này mà xuất hiện ở đời thì quả thật hiếm có.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. ĐỘC GIÁC VÀ A-LA-HÁN[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu hai người này mà xuất hiện ở đời thì rất hiếm có. Hai người ấy là ai? Đó là bậc Độc giác[11] xuất hiện ở đời thì rất hiếm có và bậc A-la-hán đệ tử của Như Lai đã dứt sạch các lậu xuất hiện ở đời cũng rất hiếm có. Này các Tỳ-kheo, hai hạng người này xuất hiện ở đời thì quả thật hiếm có.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[8] Bản Hán, hết quyển 7.

[9] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.2. 0582c26). Tham chiếu: *A*. 2.53 - I. 77.

[10] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.3. 0583a03). Tham chiếu: *A*. 2.56-57 - I. 77.

[11] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛). Xem chú thích 23, phẩm Tựa, trang 9.

4. HAI PHÁP GÂY PHIỀN NÃO[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có hai pháp này xuất hiện ở thế gian thì gây ra rất nhiều phiền não. Đó là hai pháp nào? Thứ nhất là pháp tạo mầm mống cho những việc ác, sanh khởi các oán thù. Thứ hai là pháp không gieo trồng hạnh lành và cội nguồn của những phước đức. Này các Tỳ-kheo, nếu có hai pháp này thì gây ra rất nhiều phiền não.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải nhận biết rõ pháp gây nên phiền não, cũng nên biết rõ pháp không gây phiền não. Các pháp gây phiền não thì phải khéo đoạn trừ, pháp không gây phiền não thì phải nhớ tu tập.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. TÀ KIẾN[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Những tà kiến mà chúng sanh nhớ nghĩ, hướng đến, cùng những việc làm khác, tất cả đều không có gì đáng quý, là những điều mà người thế gian không nên ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến này là bất thiện.

Giống như hạt của các loại quả đắng, như là quả mướp đắng, hạt sâm đắng, hạt cây đình lịch,[14] hạt tất-địa-bàn-trì, cho đến các loại hạt cây đắng khác, dù nó được gieo trồng ở vùng đất tốt thì vẫn sanh trưởng mầm đắng như xưa. Vì sao vậy? Vì bản chất của hạt ấy vốn đắng. Chúng sanh tà kiến này cũng như vậy. Những nghiệp từ thân, miệng, ý mà họ gây tạo; những gì họ hướng đến, những gì họ nhớ nghĩ, cho đến những nghiệp ác mà họ đã làm, tất cả đều không đáng quý, là những điều mà người thế gian không nên ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến này là xấu ác, là bất thiện.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy dứt trừ tà kiến, tu tập chánh kiến.

---

[12] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.4. 0583a10). Tham chiếu: *A*. 1.17 - I. 30.

[13] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.5. 0583a19). Tham chiếu: *A*. 1.314 - I. 31.

[14] Đình lịch (葶藶), tên cây, hạt có màu vàng đen, dùng làm vị thuốc.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. CHÁNH KIẾN LÀ THÙ THẮNG[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Những chánh kiến mà chúng sanh nhớ nghĩ, hướng đến, cùng những việc làm khác, tất cả đều rất đáng quý, là những điều mà người thế gian đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì chánh kiến này là cao đẹp. Giống như các loại quả có vị ngọt, như là cây mía, quả nho, cho đến tất cả loại quả có vị ngon ngọt khác. Nếu có người vun xới vùng đất tốt, rồi đem nó gieo trồng thì về sau sẽ cho ra những loại cây mà quả của chúng thảy đều ngon ngọt, khiến mọi người đều ưa thích. Vì sao vậy? Vì những hạt quả này vốn là ngon ngọt. Chúng sanh chánh kiến này cũng như vậy. Những gì họ nhớ nghĩ, hướng đến, cùng những việc làm khác của họ, tất cả đều đáng quý kính, là những điều mà người thế gian đáng ưa thích. Vì sao vậy? Vì chánh kiến này là cao đẹp. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu tập chánh kiến.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. THAM DỤC[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở nơi yên vắng, một mình tư duy, suy nghĩ như vầy: "Có những chúng sanh khởi niệm tưởng ái dục, ắt sẽ sanh dục ái, rồi ngày đêm huân tập thêm, không biết nhàm chán."

Bấy giờ trời đã gần tối, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, sau đó A-nan bạch Thế Tôn:

---

[15] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.17.6. 0583b03). Tham chiếu: *A.* 1.315 - I. 31

[16] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.17.7. 0583b15). Tham chiếu: *Tứ châu kinh* 四洲經 (*T.*01. 0026.60. 0494b09); *Đảnh Sanh vương cố sự kinh* 頂生王故事經 (*T.*01. 0039. 0822b12).

– Thưa Thế Tôn! Khi ở nơi yên vắng, con có suy nghĩ như vầy: "Có những chúng sanh khởi tưởng ái dục, liền sanh dục ái, rồi ngày đêm huân tập thêm, không biết nhàm chán."

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, A-nan! Đúng như những gì thầy nói: "Có những chúng sanh khởi tưởng ái dục, sẽ sanh dục ái, rồi ngày đêm huân tập thêm, không biết nhàm chán." Vì sao vậy? Này A-nan, xưa kia có vị Chuyển Luân Thánh vương tên là Đảnh Sanh,[17] luôn dùng giáo pháp để trị vì và giáo hóa dân chúng, không hề dối trá, thành tựu bảy báu, đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua lại có ngàn người con dũng mãnh cường tráng có thể hàng phục các kẻ ác, thống lãnh thiên hạ khắp bốn châu mà không cần đến binh đao. A-nan nên biết, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh bèn khởi niệm: "Nay ta đã có cõi Diêm-phù-đề này, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều. Ta cũng từng nghe các vị niên trưởng kỳ cựu nói: 'Phía Tây có nước Cù-da-ni,[18] nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều.' Nay ta phải đến thống lãnh đất nước ấy."

Thế rồi, này A-nan, Vua Đảnh Sanh vừa nảy sanh ý niệm như vậy, liền thống lãnh bốn bộ binh, rời đất Diêm-phù, đi qua nước Cù-da-ni.

[0583c06] Bấy giờ, dân chúng nước kia thấy Thánh vương đến, tất cả đều ra trước nghinh đón, quỳ lạy thưa hỏi: "Lành thay, Đại vương! Nay dân chúng nước Cù-da-ni này thịnh vượng, kính mong Thánh vương lưu lại nơi này để trị vì và giáo hóa dân chúng, khiến thuận theo giáo pháp."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền tiếp nhận thống lãnh dân chúng nước Cù-da-ni trải qua hàng trăm ngàn năm. Một thời gian sau, Thánh vương Đảnh Sanh ấy lại thầm suy nghĩ: "Ta có Diêm-phù-đề, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều, có mưa bảy báu ngập đến đầu gối. Nay lại có lãnh thổ Cù-da-ni này, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều. Ta cũng từng nghe các vị niên trưởng nói: 'Còn có lãnh thổ Phất-vu-đãi,[19] nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều.' Nay ta nên đến thống lãnh đất nước ấy, dùng pháp để trị vì và giáo hóa."

Này A-nan, lúc đó Thánh vương Đảnh Sanh vừa nảy sanh ý niệm như vậy, liền dẫn bốn bộ binh rời Cù-da-ni sang nước Phất-vu-đãi.

Khi ấy, dân chúng đất nước kia trông thấy Thánh vương đến, thảy đều ra trước nghinh đón, quỳ lạy thưa hỏi và đồng thanh nói: "Quý thay, Đại vương! Nay nước Phất-vu-đãi này nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều, kính xin

---

[17] Đảnh Sanh (頂生, Muddhāvasitta).

[18] Cù-đà-ni (瞿陀尼) tức Tây Ngưu Hóa châu (西牛貨洲, Goyāniya hoặc Aparagoyāna).

[19] Phất-vu-đãi (弗于逮), ngài Huyền Trang dịch là Tỳ-đề-ha (毘提訶, Videha), tức cõi Đông Thắng Thần châu (東勝神洲, Pubbavideha).

Đại vương lưu lại nơi này để trị vì và giáo hóa dân chúng, khiến thuận theo giáo pháp."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền tiếp nhận thống lãnh dân chúng đất nước Phất-vu-đãi, trải qua trăm ngàn vạn năm. Rồi lúc khác, Thánh vương Đảnh Sanh thầm nghĩ: "Ta ở Diêm-phù-đề, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều, có mưa bảy báu ngập đến đầu gối. Nay lại có lãnh thổ Cù-da-ni này, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều. Giờ lại có thêm nước Phất-vu-đãi này, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều. Ta cũng từng nghe những vị niên trưởng kỳ cựu nói: 'Còn có đất nước Uất-đan-việt, dân chúng ở đó đông đúc, châu báu cũng nhiều, đi lại tự do, không cần phòng thủ, thọ mạng không yểu, tuổi thọ lên đến ngàn năm. Thọ mạng nơi này hết, sẽ được sanh lên trời, không đọa vào đường khác, mặc áo kiếp-ba-dục,[20] ăn loại lúa gạo tự nhiên.' Nay ta nên đến thống lãnh quốc độ kia, dùng giáo pháp để trị vì và giáo hóa dân chúng."

[0584a03] Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh vừa nảy sanh ý niệm như vậy, liền dẫn bốn bộ binh rời Phất-vu-đãi, sang nước Uất-đan-việt. Từ xa, nhìn thấy đất nước ấy màu xanh tươi tốt, vua liền hỏi quần thần tùy tùng:

"Các khanh có thấy khắp vùng đất này một màu xanh tươi tốt chăng?"

Quần thần đáp:

"Vâng, chúng thần có thấy!"

Thánh vương lại nói với quần thần:

"Cỏ ở đây cũng mềm mại, mịn màng không khác áo chư thiên. Các Hiền thánh ở đây thường ngồi trên cỏ này."

Tiến về phía trước một đoạn, xa thấy vùng đất này có ánh lên màu vàng rực, Thánh vương liền hỏi quần thần:

"Các khanh có thấy khắp vùng đất phía trước có một màu vàng sáng rực không?"

Quần thần thưa:

"Chúng thần đều thấy!"

Đại vương nói:

"Đây gọi là lúa gạo tự nhiên. Những người hiền đức ở đây thường ăn thức ăn này. Nay các khanh cũng được ăn loại lúa gạo này."

Bấy giờ, Thánh vương tiến về phía trước một đoạn, lại thấy vùng đất ấy khắp nơi đều bằng phẳng, xa thấy lầu đài cao lớn hiện lên vô cùng kỳ đặc. Lại hỏi quần thần:

"Các khanh có nhìn thấy khắp vùng đất phía trước bằng phẳng không?"

---

[20] Kiếp-ba-dục (劫波育, kappāsika). *Phiên dịch danh nghĩa tập* (*T*.54. 2131.7. 1172a19) định nghĩa: Kiếp-ba-dục còn gọi là "kiếp-bối" (劫貝), tức là cây bông gòn. Gọi tên đúng của cây này là ka-ba-la (kappāsa), tên gọi theo hoa của loài cây này có thể dệt thành vải (劫波育, 或言劫, 即木綿也. 正言迦波羅. 此樹華名也, 可以為布).

Quần thần thưa:

"Dạ, chúng thần đều thấy như vậy!"

Đại vương nói:

"Đó là vùng chứa áo cây kiếp-ba-dục, các khanh sẽ được mặc áo cây này."

Này A-nan, bấy giờ dân chúng nước ấy thấy đại vương đến, đều ra trước nghinh đón, quỳ lạy thưa hỏi và đồng thanh nói:

"Quý thay, Thánh vương! Đất nước Uất-đan-việt này nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều, kính xin Đại vương lưu lại đây trị vì và giáo hóa dân chúng, khiến thuận theo giáo pháp."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền tiếp nhận thống lãnh dân chúng Uất-đan-việt, trải qua trăm ngàn vạn năm.

Rồi lần khác, Thánh vương Đảnh Sanh lại suy nghĩ: "Nay ta có đất Diêm-phù, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều, có mưa bảy báu ngập đến đầu gối. Nay lại có thêm Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cùng Uất-đan-việt này, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều. Ta cũng từng nghe các vị niên trưởng kỳ cựu nói: 'Còn có cõi trời Ba Mươi Ba,[21] khoái lạc ở đó không đâu sánh bằng, thọ mạng rất dài, y phục và thức ăn là tự nhiên có, ngọc nữ vây quanh không thể kể xiết.' Nay ta nên đến thống lãnh thiên cung kia, dùng pháp để trị vì và giáo hóa."

Này A-nan! Bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sanh vừa nảy sanh ý niệm như vậy, liền dẫn bốn bộ binh rời Uất-đan-việt, lên cõi trời Ba Mươi Ba. Lúc ấy, Thiên Đế-thích từ xa trông thấy Thánh vương Đảnh Sanh đến, liền nói:

"Quý thay, Đại vương! Mời đến đây cùng ngồi."

Bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sanh và Thiên Đế-thích ngồi cùng một tòa. Hai vị ngồi chung thật khó phân biệt, từ tướng mạo, cử chỉ, cho đến giọng nói, giống nhau như một, không chút khác biệt.

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh ở đó suốt hàng trăm ngàn năm. Sau đó Đảnh Sanh khởi niệm: "Nay ta có đất Diêm-phù này, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều, có mưa bảy báu ngập đến đầu gối, lại có thêm Cù-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đan-việt này, nhân dân thịnh vượng, châu báu lại nhiều. Ta lại đến cõi trời Ba Mươi Ba này, giờ đây ta nên hại Thiên Đế-thích, rồi ở đây một mình làm vua chư thiên."

Này A-nan, khi vừa khởi niệm này, ngay lập tức Thánh vương Đảnh Sanh từ trên tòa rơi thẳng xuống cõi Diêm-phù-đề, bốn bộ binh cũng đều rơi xuống theo vua. Lúc này, bánh xe báu cũng mất dạng, chẳng biết ở đâu. Voi báu, ngựa báu đồng thời chết hết, châu báu tự biến mất, còn ngọc nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu, thảy đều chết cả.

---

[21] Nguyên tác: Tam Thập Tam thiên (三十三天, Tāvatiṁsa), còn gọi là cõi trời Đao-lợi (忉利), một trong 6 tầng trời cõi dục (欲界).

[0584b15] Bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sanh thân lâm trọng bệnh, dòng tộc thân quyến đều cùng kéo đến thăm nom bệnh tình và hỏi:

"Thưa Đại vương! Giả sử sau khi Đại vương qua đời, có người đến hỏi rằng: 'Lúc sắp qua đời, Đại vương Đảnh Sanh có dặn dò gì không?' Nếu hỏi như vậy thì nên trả lời thế nào?"

Thánh vương Đảnh Sanh nói:

"Nếu sau khi ta qua đời, có người hỏi như vậy thì nên trả lời rằng: 'Vua Đảnh Sanh đã thống lãnh bốn châu thiên hạ mà còn không biết đủ, lại đến cõi trời Ba Mươi Ba, ở đó trải qua hàng trăm ngàn năm. Sau đó còn khởi tâm tham muốn hại Thiên Đế-thích, cho nên tự thân đọa lạc, chuốc lấy cái chết.'"

Này A-nan, thầy chớ hoài nghi, cũng chớ nghĩ rằng, Vua Đảnh Sanh lúc bấy giờ là người nào khác! Vì sao như vậy? Vì Vua Đảnh Sanh lúc đó chính là Như Lai đây. Khi ấy, Như Lai đã thống lãnh bốn châu thiên hạ này, lại còn đến cõi trời Ba Mươi Ba, ở trong năm dục không biết chán đủ.

Này A-nan, qua việc này đủ thấy, nếu khởi tâm tham dục, niệm tưởng ấy sẽ tăng trưởng gấp bội, không biết chán đủ đối với tham dục. Muốn cầu sự chán đủ thì phải cầu từ trong trí tuệ Thánh hiền.

Bấy giờ, ở giữa đại chúng, Thế Tôn liền nói kệ:

Lòng tham như mưa trút,
Vui ít, khổ lại nhiều,
Dù hưởng dục cõi trời,
Đâu bằng đoạn tâm ái,
Dẫu hưởng phước muôn đời,
Vui sướng được mấy thời,
Không chán đủ với dục,
Người trí nên đoạn dứt.
Nhạc ngũ dục vui chơi,
Xứng đệ tử Chí Chân.
Phước hết, rơi địa ngục,
Lại chịu khổ địa ngục.

Cho nên, này A-nan! Qua đây đủ thấy tham dục hiểm nguy, hãy mau dứt bỏ, vĩnh viễn không khởi tưởng này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. HAI LOẠI NGƯỜI[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[22] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.8. 0584c11). Tham chiếu: *Hà khổ kinh* 何苦經 (*T*.01. 0026.148. 0659b15); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.94. 0025c02); *Biệt Tạp*. 別譯 (*T*.02. 0100.260. 0465b06); *A*. 5.31 - III. 32.

Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi qua một bên. Sau đó, Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

– Nên xem người ác tri thức như thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Nên xem họ như xem mặt trăng!

Bà-la-môn hỏi:

– Nên xem người thiện tri thức như thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Nên xem họ như xem mặt trăng!

Bà-la-môn nói:

– Những gì Sa-môn Cù-đàm đang nói chỉ là lược nói những điều cốt yếu, chưa giảng rộng nghĩa lý. Kính xin Cù-đàm giảng rộng nghĩa lý, giúp người chưa hiểu được hiểu rõ!

Thế Tôn bảo:

– Này Bà-la-môn, Như Lai sẽ giảng rộng nghĩa này, ông hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Bà-la-môn thưa:

– Xin vâng, thưa Cù-đàm!

Sau khi Bà-la-môn Sanh Lậu vâng lời rồi, Thế Tôn liền dạy:

– Này Bà-la-môn, như về cuối tháng, ngày đêm xoay vần, trăng chỉ khuyết dần chứ không tròn thêm. Do trăng khuyết dần, hoặc lại có lúc nó không hiện nữa, chẳng ai nhìn thấy. Ở đây cũng vậy, này Bà-la-môn, người ác tri thức trải qua ngày tháng, mất dần niềm tin, giới cấm, đa văn, bố thí, trí tuệ. Do họ mất hết niềm tin, giới cấm, đa văn, bố thí, trí tuệ, nên sau khi chết liền vào địa ngục. Này Bà-la-môn, nên Như Lai bảo: "Người ác tri thức như trăng về cuối tháng."

Này Bà-la-môn, như trăng đầu tháng, qua dần ngày đêm, ánh sáng tăng dần, lần lần tròn đầy, cho đến ngày rằm, sáng tròn đầy nhất, hết thảy chúng sanh, loài nào cũng thấy. Ở đây cũng vậy, này Bà-la-môn, người thiện tri thức trải qua ngày tháng, càng vững niềm tin, giới cấm, đa văn, bố thí, trí tuệ. Chính do niềm tin, giới cấm, đa văn, bố thí, trí tuệ ngày càng lớn mạnh, nên sau khi chết họ liền sanh lên cõi trời cao đẹp. Này Bà-la-môn, nên Như Lai bảo: "Người thiện tri thức như trăng tròn đầy."

[0585a05] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ai khởi nhiều tham dục,
Dẫy đầy sân hận, si,
Điều lành giảm dần đi,
Như trăng về cuối tháng.
Ai không khởi tham dục,
Dứt sạch sân hận, si,
Điều lành dần tăng thêm,
Như trăng tròn đầy, sáng.

Cho nên, này Bà-la-môn! Hãy học theo hạnh thiện tri thức, nghĩa là như trăng đầu tháng.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

– Lành thay, Cù-đàm! Giống như giúp cho người lưng gù được duỗi thẳng, người tối tăm được thấy sáng, người lạc lối được chỉ đường, trong nhà tối được thắp đèn, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện giảng nói Diệu pháp này cũng giống như vậy. Nay con xin được quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Từ nay cho phép con làm ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh.[23]

Sau khi nghe Phật dạy xong, Bà-la-môn Sanh Lậu liền hoan hỷ phụng hành.

***

9. CHÂN NHÂN[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói về pháp ác tri thức và cũng sẽ nói về pháp thiện tri thức, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời, đức Phật liền dạy:

– Thế nào gọi là pháp ác tri thức? Này Tỳ-kheo, người ác tri thức sẽ khởi niệm này: "Ta thuộc dòng hào tộc xuất gia học đạo, còn các Tỳ-kheo khác thuộc dòng ti tiện." Họ ỷ vào dòng tộc của mình rồi chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Lại nữa, người ác tri thức lại khởi niệm này: "Ta rất siêng năng trì giới, các Tỳ-kheo khác thì không siêng năng trì giới." Họ cậy vào điều này để chê bai người khác mà tự kiêu ngạo. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Lại nữa, người ác tri thức cũng tự nghĩ: "Ta thành tựu thiền định, các Tỳ-kheo khác chưa thành tựu thiền định, tâm ý loạn động không chút định tĩnh." Họ ỷ vào thiền định này, thường tự kiêu ngạo, chê bai người khác, gọi là pháp ác tri thức.

---

[23] Nguyên tác: Tận hình thọ bất sát sanh (盡形壽不殺生). Đây là trường hợp viết tắt của 5 giới, vì vị Bà-la-môn này trong *Kinh kiếp số*, số 9, phẩm 50, tr. 962 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.9. 0813b23) đã thọ đầy đủ 5 giới: 盡其形壽不敢復殺, 乃至飲酒.

[24] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.17.9. 0585a18). Tham chiếu: *Chân nhân kinh* 真人經 (*T*.01. 0026.85. 0561a20); *Thị pháp phi pháp kinh* 是法非法經 (*T*.01. 0048. 0837c21); *M.* 113, *Sappurisa Sutta* (*Kinh Chân nhân*).

[0585b02] Lại nữa, người ác tri thức đã tự nghĩ: "Ta trí tuệ bậc nhất, các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ." Họ ỷ vào trí tuệ này, thường tự kiêu ngạo, hủy báng người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Lại nữa, người ác tri thức đã tự nghĩ: "Ta thường được thức ăn, giường đệm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, còn những Tỳ-kheo khác thì không được các vật cúng dường này." Họ ỷ vào vật dụng được cúng dường này mà tự kiêu ngạo, chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Do vậy, Tỳ-kheo! Người ác tri thức thực hành tà nghiệp như vậy.

Thế nào gọi là pháp thiện tri thức? Này các Tỳ-kheo, bậc thiện tri thức sẽ không tự nghĩ: "Ta thuộc dòng hào tộc, còn các Tỳ-kheo khác không thuộc dòng hào tộc." Luôn nhận thấy bản thân mình và người không có gì khác biệt. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

Lại nữa, người thiện tri thức sẽ không tự nghĩ: "Nay ta trì giới, còn các Tỳ-kheo khác không giữ giới hạnh." Vì họ nhận thấy mình và người không gì khác nhau. Người ấy hành trì theo giới này, không tự kiêu ngạo, không chê bai người khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

Lại nữa, người thiện tri thức không tự nghĩ rằng: "Ta thành tựu thiền định, còn các Tỳ-kheo khác thì loạn động không định tĩnh." Vì họ nhận thấy mình và người không hề khác nhau. Người ấy nương vào thiền định này, không tự kiêu ngạo, cũng không chê bai người khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

Lại nữa, Tỳ-kheo, người thiện tri thức cũng không tự nghĩ: "Ta thành tựu trí tuệ, còn các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ." Vì họ nhận thấy mình và người không gì khác biệt. Người ấy nương vào trí tuệ này, không tự kiêu ngạo, cũng không chê bai người khác. Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp thiện tri thức.

Lại nữa, Tỳ-kheo, người thiện tri thức không tự cho rằng: "Ta có thể được y phục, thức ăn, giường đệm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, còn các Tỳ-kheo khác thì không thể được y phục, thức ăn, giường đệm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh." Họ nhận thấy mình và người không gì khác biệt. Người ấy nương vào những lợi dưỡng này nhưng không tự kiêu ngạo, cũng không chê bai người khác. Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp thiện tri thức.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai đã phân biệt rõ cho các thầy về pháp ác tri thức và pháp thiện tri thức. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tránh xa pháp ác tri thức và luôn nhớ tu tập theo pháp thiện tri thức.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

[0585c02] Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC GIÁO HÓA[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Ni-câu-lưu[26] thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ.[27]

Bấy giờ, trong nước này có hơn năm trăm người hào quý thuộc dòng họ Thích, có điều muốn bàn luận nên tập hợp tại giảng đường Phổ Nghĩa.[28] Lúc ấy, Bà-la-môn Thế Điển đến chỗ những người họ Thích kia, nói với họ rằng:

– Thế nào các vị, trong đây có Sa-môn, Bà-la-môn, hay người thế tục nào có thể cùng luận nghị với tôi không?

Bấy giờ, rất nhiều người họ Thích nói với Bà-la-môn Thế Điển:

– Hiện nay, trong nước Ca-tỳ-la-vệ[29] này có hai người tài cao học rộng. Hai người này là ai? Một là, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc; hai là, Cù-đàm họ Thích, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Người mà trong chúng ít được nghe đến là hạng không có trí tuệ, nói năng vụng về, không phân biệt được đến hay đi, cần buông bỏ hay nên nắm giữ,[30] như là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc. Còn một người nữa mà trong cả nước Ca-tỳ-la-vệ này không ai biết đến, không ai nghe danh, cũng không thông minh trí tuệ, lại còn quê mùa xấu xí, như Ngài Cù-đàm. Nay ông có thể luận nghị cùng hai người này. Nếu như Bà-la-môn ông có thể luận nghị thắng được họ thì hơn năm trăm người chúng tôi đây sẽ tùy thời cúng dường ông mọi thứ cần dùng, cũng sẽ biếu tặng một ngàn lượng vàng ròng.

Bấy giờ, Bà-la-môn kia liền suy nghĩ: "Những người dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ này đều thông minh, có nhiều kỹ xảo, gian trá giả dối, không được ngay thẳng. Nếu ta luận nghị với hai người kia mà thắng thì đâu có gì lạ thường. Còn nếu họ thắng ta, tức là ta bị người ngu chiết phục. Nghĩ đến hai điều này, ta không chấp nhận cùng họ luận nghị." Thầm nghĩ vậy rồi, Bà-la-môn liền thoái lui ra về.

Khi ấy, đúng giờ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc ôm bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực. Lúc này, Bà-la-môn Thế Điển từ xa trông thấy Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đi đến, liền suy nghĩ: "Ta nên đến hỏi nghĩa với người kia." Rồi Bà-la-môn Thế Điển đi đến chỗ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

– Sa-môn tên gì?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói:

– Hãy thôi đi, Bà-la-môn! Ông hỏi tên làm gì? Sở dĩ ông đến đây là muốn hỏi nghĩa, giờ hãy hỏi đi!

---

[25] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.10. 0585c04).

[26] Ni-câu-lưu viên (尼拘留園, Nigrodhārāma), vườn cây đa ở ngoài thành Ca-tỳ-la-vệ (迦毗羅衛).

[27] Nguyên tác: Thích-sí (釋翅), tên gọi khác của thành Ca-tỳ-la-vệ.

[28] Phổ Nghĩa giảng đường (普義講堂, Santhāgārasālā), hội trường của họ Thích.

[29] Nguyên tác: Ca-tỳ-la-việt (迦毘羅越, Kapilavatthu), tức là Ca-tỳ-la-vệ.

[30] Nguyên tác: Khứ tựu (去就), thành ngữ Trung Hoa, mang nghĩa tới lui hoặc lấy bỏ.

[0586a01] Bà-la-môn nói:

– Sa-môn có thể luận nghị cùng tôi không?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói:

– Ta còn có thể luận nghị với Phạm thiên, huống gì với người mù không có mắt như ông.

Bà-la-môn nói:

– Người mù chẳng phải là người không có mắt ư? Không có mắt tức chẳng phải là mù sao? Đây chỉ là một nghĩa, đâu cần lặp lại phiền phức?

Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc liền phi thân lên hư không, hiện ra mười tám cách biến hóa. Lúc này, Bà-la-môn kia thầm nghĩ: "Vị Sa-môn này chỉ có thần túc, không biết luận nghị. Nếu ai giải rõ nghĩa này cho ta, ta sẽ làm đệ tử người ấy."

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất dùng thiên nhĩ nghe được những lời thách thức luận nghị giữa Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc với Bà-la-môn Thế Điển, nên Tôn giả Xá-lợi-phất liền biến thân mình thành Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, rồi làm ẩn hình Châu-lợi-bàn-đặc, không để lộ ra và nói với Bà-la-môn:

– Này Bà-la-môn! Nếu ông cho rằng: "Sa-môn này chỉ có thần túc, không biết luận nghị" vậy thì bây giờ ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ nói rõ, sẽ trả lời nghĩa lý mà ông vừa hỏi, căn cứ vào trọng tâm của vấn đề nghị luận này sẽ dẫn dụ thêm. Này Bà-la-môn, ông tên là gì?

Bà-la-môn đáp:

– Tôi tên Phạm Thiên.

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

– Ông là đàn ông phải không?

Bà-la-môn đáp:

– Tôi là đàn ông.

Lại hỏi:

– Ông là người phải không?

Bà-la-môn đáp:

– Là người.

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

– Thế nào, Bà-la-môn, đàn ông cũng là người, người cũng là đàn ông, đây cũng là một nghĩa, há chẳng phải là lặp lại phiền phức sao? Tuy nhiên, này Bà-la-môn, mù và không có mắt, nghĩa này không giống nhau.

Bà-la-môn hỏi:

– Sa-môn, thế nào gọi là mù?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

– Giống như không thấy rõ đời này đời sau; người sanh ra, kẻ chết đi; người đẹp, kẻ xấu; người thiện, kẻ ác; cho đến không biết đúng như thật những việc thiện hoặc ác mà chúng sanh đã tạo, mãi mãi không nhận thấy được thì gọi đó là mù.

Bà-la-môn hỏi tiếp:

– Thế nào là người không có mắt?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

– Mắt chính là con mắt trí tuệ vô thượng. Vì người kia không có mắt trí tuệ vô thượng này nên gọi là không có mắt.

Bà-la-môn nói:

– Thôi, thôi, Sa-môn! Hãy thôi luận bàn tạp loạn. Nay tôi muốn hỏi nghĩa lý sâu rộng. Thế nào, Sa-môn! Liệu có trường hợp nào không nương vào pháp mà được Niết-bàn chăng?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

– Có, đó là không nương vào năm thủ uẩn mà được Niết-bàn!

Bà-la-môn hỏi:

– Thế nào, Sa-môn! Năm thủ uẩn này là do duyên mà sanh hay không phải do duyên mà sanh?

[0586b01] Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

– Năm thủ uẩn này là do duyên mà sanh, chứ chẳng phải không do duyên mà sanh.

Bà-la-môn hỏi:

– Duyên của năm thủ uẩn là gì?

Tỳ-kheo Bàn-đặc đáp:

– Đó là ái.

– Thế nào là ái?

– Ái chính là sanh.

– Thế nào là sanh?

– Sanh chính là ái.

– Có con đường nào dẫn đến diệt tận ái không?

– Đó là tám đạo phẩm của bậc Hiền thánh, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đó gọi là tám đạo phẩm của bậc Hiền thánh.

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói pháp tường tận cho Bà-la-môn rồi. Sau khi Bà-la-môn được nghe giáo pháp từ Tỳ-kheo Bàn-đặc nói, mọi phiền não đều

dứt sạch, liền được Pháp nhãn tịnh. Ngay lúc đó, trong thân ông ta khởi lên ngọn gió bén như dao kiếm nên ông ấy qua đời.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất trở lại nguyên hình, bay trong hư không, trở về trụ xứ. Khi ấy, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến giảng đường Phổ Nghĩa,[31] nơi những người dòng họ Thích đang tụ họp, nói với họ:

– Mọi người hãy nhanh chóng sửa soạn bơ, dầu, củi đuốc, đem đến trà-tỳ Bà-la-môn Thế Điển.

Bấy giờ, những người dòng họ Thích liền sửa soạn bơ, dầu, củi đuốc mang đến trà-tỳ Bà-la-môn Thế Điển và xây tháp ở ngã tư đường để phụng thờ. Sau đó, họ cùng nhau đến chỗ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên và đồng hướng về Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc mà nói kệ:

Đã trà-tỳ, dựng tháp, Như lời Tôn giả dạy,
Chúng con được lợi lớn, Nhờ gặp việc phước này.

Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc dùng kệ đáp lại:

Chuyển pháp luân cao xa, Hàng phục các ngoại đạo,
Trí tuệ như biển cả, Đến nhiếp phục Phạm chí.
Việc thiện, ác đã làm, Khứ, lai và hiện tại,
Muôn kiếp không hề phai, Thế nên cần tạo phước.

Sau khi nghe Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc giảng rộng giáo pháp, những người dòng họ Thích đồng thanh thưa:

– Nếu Tôn giả cần y phục, đồ ăn thức uống, chăn giường ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, chúng con xin được cúng dường tất cả. Ngưỡng mong Tôn giả nhận lời thỉnh cầu này, chớ từ chối nguyện vọng nhỏ nhoi của chúng con.

Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc im lặng nhận lời.

Những người dòng họ Thích nghe Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

11. NGƯỜI DẪN ĐẦU[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Ca-lan-đà, trong Trúc Lâm, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Vương tử Bà-la-lưu-chi[33] và nói với vương tử:

---

[31] Bản Hán ghi nhầm là Phổ Tập giảng đường (普集講堂).

[32] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.17.11. 0586c03). Tham chiếu: *A*. 4.70 - II. 74; *J*. III. 334.

[33] Bà-la-lưu-chi (婆羅留支, Balaruci). Xem chú thích 66, phẩm 12, tr. 97; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.12.7. 0570b20).

– Xưa kia, thọ mạng con người rất dài, nhưng nay tuổi thọ còn không quá một trăm. Vương tử nên biết, mạng người vô thường, nếu chưa kịp lên ngôi vua, giữa chừng đã đoản mạng thì chẳng phải nuối tiếc lắm sao? Vậy nên, ngay lúc này Vương tử phải ra tay sát hại phụ vương để thống lãnh muôn dân, còn tôi sẽ giết Sa-môn Cù-đàm để trở thành Vô Thượng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Chúng ta sẽ là vua mới, Phật mới ở đất nước Ma-kiệt này, khác nào mặt trời xuyên qua mây, chiếu soi khắp chốn, ánh trăng không gợn mây, rực sáng giữa ngàn sao, thế không khoái thích lắm sao?

Nghe vậy, Vương tử Bà-la-lưu-chi liền bắt phụ vương giam vào ngục sắt, lập quần thần mới, thống lãnh dân chúng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực, nghe tin Đề-bà-đạt-đa xúi giục vương tử giam phụ vương vào ngục sắt, lập quần thần mới. Sau khi các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về trụ xứ, thu dọn y bát, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi bạch Thế Tôn:

– Sáng nay chúng con vào thành khất thực, nghe tin Đề-bà-đạt-đa xúi giục vương tử bắt giam phụ vương vào ngục sắt, lập quần thần mới. Ông ấy đã nói với vương tử: "Ông giết phụ vương, ta hại Như Lai. Làm vua mới, Phật mới ở nước Ma-kiệt này chẳng thích sao?"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu vua cai trị mà không dùng chánh lý, bấy giờ cận thần sẽ làm điều phi pháp. Cận thần đã làm điều phi pháp thì vương thái tử cũng làm điều phi pháp. Vương thái tử đã làm điều phi pháp thì quần thần, quan lớn cũng làm điều phi pháp. Quần thần, quan lớn đã làm điều phi pháp thì dân chúng trong nước cũng làm điều phi pháp. Dân chúng trong nước đã làm điều phi pháp thì quân đội, binh lính cũng làm điều phi pháp. Quân đội, binh lính đã làm điều phi pháp thì mặt trời, mặt trăng đảo lộn, chuyển vận không đúng thời. Mặt trời, mặt trăng đã đảo lộn, chuyển vận không đúng thời thì không có năm, tháng. Đã không có năm, tháng thì ngày, tháng sai lệch, không còn chính xác rõ ràng. Ngày, tháng đã không còn chính xác rõ ràng nên lúc này tinh tú hiện ra kỳ quái. Tinh tú đã hiện ra kỳ quái ắt sẽ có gió bão nổi lên. Đã có gió bão nổi lên thì chư thần linh giận dữ. Các thần linh đã giận dữ thì dẫn đến mưa, gió thất thường, tất cả lúa, ngô, hoa màu không tăng trưởng, con người và các loài động vật bò, bay, máy, cựa, cũng thay đổi sắc diện, tuổi thọ rút ngắn.

[0587a02] Còn nếu có vị vua cai trị theo Chánh pháp thì cận thần cũng thực hành theo Chánh pháp. Cận thần đã thực hành theo Chánh pháp thì vương thái tử cũng thực hành theo Chánh pháp. Vương thái tử đã thực hành theo Chánh pháp thì quan lại cũng thực hành theo Chánh pháp. Quan lại đã thực hành theo Chánh pháp thì muôn dân trong nước cũng thực hành theo Chánh pháp. Mặt trời, mặt trăng thuận lẽ thường; gió, mưa đúng thời, không có hiện tượng quái

dị, thần linh hoan hỷ; lúa, ngô được mùa; vua tôi hòa kính xem nhau như anh em, trước sau không thay đổi. Con người và loài vật được sắc diện tươi vui, thức ăn tự tiêu hóa, không có tai họa, tuổi thọ rất dài, được người yêu kính.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Như đàn bò lội sông,
Cả đàn đều sai hướng,
Trong loài người cũng vậy,
Còn làm điều xằng bậy,
Muôn dân chịu khổ, nghèo,
Vua làm điều bất chính,
Con đầu đi chệch hướng,
Cốt do sự dẫn đường.
Người dẫn dắt muôn dân,
Trách chi hạng dân thường.
Bởi phép nước bất minh,
Dân chúng cũng làm theo.

Như đàn bò qua sông,
Cả đàn sẽ đúng hướng,
Trong loài người cũng vậy,
Không làm điều xằng bậy,
Dân chúng thoát khổ, nghèo,
Vua làm điều chân chánh,
Con đầu không chệch hướng,
Cốt do sự dẫn đường.
Người dẫn dắt muôn dân,
Lo chi hạng bình dân.
Nhờ phép nước anh minh,
Nên dân chúng noi theo.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy từ bỏ việc phi pháp, thực hành theo Chánh pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[34]

[34] Bản Hán, hết quyển 8.

18. PHẨM TÀM QUÝ[1]

1. TÀM QUÝ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp tốt đẹp hộ trì thế gian. Là hai pháp nào? Đó là có tàm và có quý. Này các Tỳ-kheo, nếu không có hai pháp này thì con người ở thế gian sẽ không phân biệt được có cha có mẹ, có anh có em, vợ con, tri thức, tôn trưởng, lớn nhỏ, sẽ tương đồng với sáu loại gia súc như heo, gà, chó, ngựa, bò, dê. Nhờ thế gian có hai pháp này hộ trì nên con người trong thế gian mới phân biệt có cha mẹ, anh em, vợ con, tôn trưởng, lớn nhỏ, lại cũng không giống với sáu loại gia súc.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Cần phải học tập có tàm, có quý.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. CẤT GIẤU VÀ BỐ THÍ[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế gian có hai hạng người không biết chán đủ cho đến khi chết. Là hai hạng người nào? Đó là hạng người khi có được tài vật thì luôn cất giấu và hạng người khi có được tài vật thì thích chia sẻ cho người khác. Đó gọi là có hai hạng người không biết chán đủ cho đến khi chết.

---

[1] Nguyên tác: *Tàm quý phẩm* 慚愧品 (*T*.02. 0125.18. 0587b05).

[2] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.1. 0587b06). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1243. 0340c22); *A*. 2.9 - I. 51: *Hirottappa.*

[3] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.2. 0587b16). Tham chiếu: *A*. 2.9 - I. 51.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa lý tóm lược này! Thế nào là hạng người khi có được tài vật thì luôn cất giấu và hạng người khi có được tài vật thì thích chia sẻ cho người khác? Ngưỡng mong Thế Tôn giảng rộng giúp cho!

Thế Tôn bảo:

– Ta sẽ giảng rộng nghĩa này, các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

[Các] Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ở đây, có người thiện nam học các kỹ thuật, như học làm ruộng vườn, viết lách, kế toán, thiên văn, địa lý, xem tướng, hoặc học làm sứ thần hay quan đại thần, không quản ngại nắng rét, đói lạnh, khổ nhọc để tự mưu sanh. Người ấy dốc hết sức làm việc để được tài vật nhưng không dám ăn tiêu, cũng không lo cho vợ con, cũng chẳng cho tôi tớ hay bà con quyến thuộc. Tiền của tuy có được nhưng không cho ai cả. Những tài vật của người ấy có thể sẽ bị vua tước đoạt, hoặc bị giặc cướp đi; hoặc bị lửa thiêu, hoặc bị nước cuốn trôi đến nơi khác, không tìm lại được; hoặc là bị người thân trong nhà làm cho tiêu tán, không thể cất giữ. Này Tỳ-kheo, đây gọi là hạng người khi có được tài vật thì luôn cất giấu.

Thế nào gọi là người khi có được tài vật thì thích chia sẻ cho người khác? Như có người thiện nam học các kỹ thuật, như học làm ruộng vườn, viết lách, kế toán, thiên văn, địa lý, bói tướng, hoặc học làm sứ thần hay quan đại thần, không quản ngại nắng rét, đói lạnh, khổ nhọc để tự mưu sanh. Người ấy dốc hết sức làm việc để được tài vật, lại đem tài vật này phụng dưỡng cha mẹ, chu cấp cho vợ con, cúng dường rộng rãi đến Sa-môn, Bà-la-môn, phân phát cho tôi tớ, bố thí cho chúng sanh, lại còn tạo các công đức, gieo phước cõi trời. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hạng người khi có được tài vật thì thích bố thí.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai hạng người không biết chán đủ. Các thầy hãy tránh xa việc làm của hạng người thứ nhất, có tài vật mà cất giấu; hãy học theo hạnh của hạng người thứ hai, có tài vật mà biết bố thí rộng rãi!

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. THỪA TỰ PHÁP[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy là người thừa tự pháp, chớ nên làm kẻ thừa tự tài vật. Vì sao như vậy? Bởi vì các thầy đã được phước báu tốt đẹp. Nếu là đệ tử của Như Lai thì phải cung kính pháp, không tham lợi dưỡng. Người nào tham lợi dưỡng thì có lỗi lớn với Như Lai. Vì sao? Vì những chúng sanh không thấu hiểu giáo pháp, sẽ chê bai lời dạy của Thế Tôn. Đã chê bai lời dạy của Thế Tôn thì về sau không đến được đạo Niết-bàn. Điều đó làm Như Lai cảm thấy hổ thẹn. Vì sao vậy? Vì đệ tử của Như Lai mà lại tham đắm lợi dưỡng, không hành theo giáo pháp, không hiểu rõ giáo pháp, chê bai lời dạy của Thế Tôn, không thuận theo Chánh pháp. Đã chê bai lời dạy của Thế Tôn thì sẽ không đến được đạo Niết-bàn.

Này Tỳ-kheo, các thầy nên tư duy đến thừa tự pháp, chớ nhớ nghĩ đến thừa tự tài vật, các thầy sẽ được tiếng thơm vang khắp bốn phương. Các thầy biết cung kính pháp, không tham tài vật, vậy thì Như Lai không cảm thấy hổ thẹn. Vì sao vậy? Vì đệ tử của Như Lai chỉ mong thừa tự pháp, không tham nghĩ thừa tự vật dục.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nghĩ đến thừa tự pháp, chớ học tập thừa tự tài vật. Này các Tỳ-kheo, Như Lai nói nghĩa này, vì nhân nghĩa gì mà nói duyên này?

[0588a01] Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Kính xin Thế Tôn nói rõ từng việc!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Xưa kia, có một người thỉnh Như Lai đến để cúng dường. Khi ấy, Như Lai có để lại một ít thức ăn, có thể bỏ đi. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo từ phương xa đến, thân thể mệt mỏi, thần sắc bạc nhược. Khi ấy, Như Lai nói với hai Tỳ-kheo kia: "Có thức ăn dư, có thể bỏ đi. Nếu thấy cần thì các thầy cứ tùy ý lấy mà dùng."

Lúc ấy, một Tỳ-kheo tự nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn có thức ăn dư, có thể bỏ đi, ai cần thì cứ tùy ý lấy dùng. Nếu chúng ta không lấy ăn, thức ăn này cũng sẽ đem bỏ nơi đất sạch, hay bỏ vào trong nước. Vậy nay chúng ta nên dùng nó để ngăn cơn đói, lấy lại sức lực."

Nhưng sau đó vị Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: "Đức Phật cũng từng dạy, hãy sống thừa tự pháp, chớ nghĩ đến thừa tự tài vật. Vì sao vậy? Vì bố thí hơn hết, không gì hơn bố thí tài vật. Nhưng trong đó, bố thí pháp được tôn trọng nhất. Nay ta

[4] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.3. 0587c16). Tham chiếu: *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23); *M*. 3, *Dhammadāyāda Sutta* (*Kinh thừa tự pháp*).

chịu đựng suốt ngày không ăn, vẫn có thể tự vượt qua, không cần nhận phước từ tín thí kia." Nghĩ vậy nên Tỳ-kheo ấy quyết định không lấy thức ăn, dù cho thân thể mệt lả hoặc tính mạng bị lâm nguy.

Trong khi ấy, vị Tỳ-kheo còn lại tự mình suy nghĩ: "Thế Tôn còn thức ăn dư, có thể bỏ đi. Nếu chúng ta không lấy dùng sẽ khiến cho thân thể mệt lả. Nay ta nên dùng thức ăn này để ngăn cơn đói, lấy lại sức lực, giúp ta trọn ngày yên ổn." Thế rồi, Tỳ-kheo kia liền lấy ăn, nhờ vậy sức lực đầy đủ, trọn ngày yên ổn.

Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Tuy vị Tỳ-kheo sau đã nhận thức ăn cúng dường, trừ được cơn đói, sức lực đầy đủ, nhưng không bằng vị Tỳ-kheo trước, đáng kính, đáng quý, rất đáng tôn trọng. Tỳ-kheo ấy tiếng thơm vang xa lâu dài, giữ hạnh tri túc, không tham ăn uống.[5] Này các Tỳ-kheo! Hãy học thừa tự pháp, chớ nghĩ đến thừa tự tài vật. Những điều Như Lai vừa nói ở trên, chính do nhân duyên này.

Dạy như vậy xong, Thế Tôn rời chỗ ngồi đứng dậy trở về tịnh thất. Lúc ấy, các Tỳ-kheo lại phân vân: "Vừa rồi Thế Tôn chỉ nói tóm lược những điều cốt yếu, Ngài vẫn chưa giảng rộng mà đã rời chỗ ngồi đứng dậy trở về tịnh thất. Hiện nay trong hội chúng này ai có đủ khả năng giảng rộng nghĩa tóm lược này?"

Bấy giờ, phần lớn các Tỳ-kheo lại nghĩ: "Hiện nay, Tôn giả Xá-lợi-phất là người rất được Thế Tôn khen ngợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất."

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau lễ bái rồi ngồi qua một bên. Sau đó, các Tỳ-kheo đem nghĩa lý đã nghe được từ Thế Tôn trình bày tường tận với Tôn giả Xá-lợi-phất.

[0588b05] Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo:

– Thế nào là đệ tử Thế Tôn tham đắm lợi dưỡng, không tu tập theo giáo pháp? Thế nào là đệ tử Thế Tôn siêng tu tập giáo pháp, không tham lợi dưỡng?

Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa:

– Chúng con từ xa đến đây là muốn thưa hỏi nghĩa lý này để tu tập. Tôn giả Xá-lợi-phất là người có khả năng, xin hãy giảng nói tường tận giúp chúng con.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

– Tôi sẽ nói rộng nghĩa này, các vị hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Xin vâng!

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

– Điều mà đệ tử Thế Tôn cần tu tập chính là sống tịch tĩnh, an định, nhưng chúng đệ tử lại không học theo như vậy. Thế Tôn dạy những pháp cần phải diệt

[5] Nguyên tác: Dị mãn (易滿). *A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận* 阿毘曇毘婆沙論 (*T*.28. 1546.22. 0164c24) định nghĩa: Thế nào gọi là dị mãn? Đáp: Không tham lam ăn uống gọi là dị mãn (云何易滿?答曰: 不多食, 不多飲是也).

trừ nhưng các Tỳ-kheo cũng không diệt trừ pháp ấy, lại còn ở trong pháp ấy buông lung, khởi các loạn tưởng, việc cần làm thì không chịu làm theo, việc không cần làm thì lại ưa làm.

Này các Hiền giả! Tỳ-kheo trưởng lão cảm thấy hổ thẹn đối với ba việc. Đó là ba việc nào? Một là, Thế Tôn thường ưa thích nơi tịch tĩnh[6] nhưng các đệ tử không học theo điều này, nên Tỳ-kheo trưởng lão có sự hổ thẹn. Hai là, Thế Tôn dạy đệ tử phải diệt trừ pháp này nhưng các Tỳ-kheo lại không thực hành theo, nên Tỳ-kheo trưởng lão có sự hổ thẹn. Ba là, các Tỳ-kheo lại ở trong pháp đó mà khởi niệm loạn tưởng, ý không chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trưởng lão có sự hổ thẹn.

Các Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trung niên có sự hổ thẹn đối với ba việc. Đó là ba việc nào? Một là, Thế Tôn thường ưa thích nơi tịch tĩnh nhưng các đệ tử không học theo điều này, nên Tỳ-kheo trung niên cảm thấy hổ thẹn. Hai là, Thế Tôn dạy đệ tử phải diệt trừ pháp này nhưng các Tỳ-kheo lại không thực hành theo, nên Tỳ-kheo trung niên có sự hổ thẹn. Ba là, các Tỳ-kheo lại ở trong pháp đó mà khởi niệm loạn tưởng, ý không chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trung niên có sự hổ thẹn.

Các Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo tuổi trẻ có sự hổ thẹn đối với ba việc. Đó là ba việc nào? Một là, Thế Tôn thường ưa thích nơi tịch tĩnh nhưng các đệ tử không học theo điều này, nên Tỳ-kheo trẻ tuổi cảm thấy hổ thẹn. Hai là, Thế Tôn chỉ dạy đệ tử phải diệt trừ pháp này nhưng các Tỳ-kheo lại không thực hành theo, nên Tỳ-kheo trẻ tuổi có sự hổ thẹn. Ba là, các Tỳ-kheo lại ở trong pháp đó mà khởi niệm loạn tưởng, ý không chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trẻ tuổi có sự hổ thẹn.

Này các Hiền giả, đó gọi là tham đắm tài vật, không mong cầu nơi pháp.

[0588c03] Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thế nào là Tỳ-kheo tham cầu pháp, không [tham] đắm tài vật?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Này các Tỳ-kheo, nghĩa là Thế Tôn ưa thích nơi tịch tĩnh thì đệ tử cũng học theo Như Lai mà ưa thích nơi tịch tĩnh. Thế Tôn dạy hãy diệt trừ pháp này thì các Tỳ-kheo liền diệt trừ pháp ấy, không lười biếng, không loạn tưởng, điều đáng làm thì làm theo, điều không nên làm thì sẽ không làm.

Các Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trưởng lão có ba trường hợp được tiếng khen. Là ba trường hợp nào? Một là, Thế Tôn ưa thích nơi tịch tĩnh, đệ tử cũng ưa thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trưởng lão có được tiếng khen. Hai là, Thế Tôn dạy hãy diệt trừ pháp này, các Tỳ-kheo liền diệt trừ pháp ấy, nên Tỳ-kheo trưởng lão có được tiếng khen. Ba là, các Tỳ-kheo ở trong pháp đó mà không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trưởng lão có được tiếng khen.

---

[6] Nguyên tác: Tịch tĩnh chi xứ (寂靜之處, *viveka*), nghĩa là sống đời ẩn dật, viễn ly.

Các Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trung niên có ba trường hợp được tiếng khen. Là ba trường hợp nào? Một là, Thế Tôn ưa thích nơi tịch tĩnh, đệ tử cũng ưa thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trung niên có được tiếng khen. Hai là, Thế Tôn dạy hãy diệt trừ pháp này, các Tỳ-kheo liền diệt trừ pháp ấy, nên Tỳ-kheo trung niên có được tiếng khen. Ba là, các Tỳ-kheo ở trong pháp đó mà không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trung niên có được tiếng khen.

Các Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trẻ tuổi có ba trường hợp được tiếng khen. Là ba trường hợp nào? Một là, Thế Tôn ưa thích nơi tịch tĩnh, đệ tử cũng ưa thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trẻ tuổi có được tiếng khen. Hai là, Thế Tôn dạy hãy diệt trừ pháp này, các Tỳ-kheo liền diệt trừ pháp ấy, nên Tỳ-kheo trẻ tuổi có được tiếng khen. Ba là, các Tỳ-kheo ở trong pháp đó mà không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trẻ tuổi có được tiếng khen.

Các Hiền giả nên biết, tham chính là bệnh, là tai họa rất lớn, sân hận cũng vậy. Ai diệt được tham dâm, sân hận, liền được trung đạo, đắc Pháp nhãn tịnh, trí tuệ phát sanh, dứt hết trói buộc, đạt đến Niết-bàn. Xan tham, tật đố là bệnh, bệnh rất trầm trọng, bị phiền não thiêu đốt. Kiêu mạn sâu dày, lại thêm giả dối, không chân thật, không biết hổ thẹn, không biết xả ly, làm mất chánh hạnh. Mạn và tăng thượng mạn cũng không dứt bỏ. Nếu hai mạn này diệt, liền được trung đạo, đắc Pháp nhãn tịnh, trí tuệ phát sanh, dứt hết trói buộc, đạt đến Niết-bàn.

Tỳ-kheo thưa:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là được trung đạo, đắc Pháp nhãn tịnh, trí tuệ phát sanh, dứt hết trói buộc, đạt đến Niết-bàn?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Các Hiền giả nên biết, người thành tựu được tám đạo phẩm của bậc Hiền thánh, đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thì gọi là được trung đạo, đắc Pháp nhãn tịnh, trí tuệ phát sanh, dứt hết trói buộc, đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. TÔN GIẢ CA-DIẾP[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo an trú trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

[7] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.18.4. 0589a09).

Bấy giờ, đúng thời, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực trong một ngõ hẻm. Lúc ấy, tại ngõ hẻm kia có vợ của một Phạm chí muốn cúng dường cơm cho Bà-la-môn nên cô ta đi ra ngoài. Từ xa trông thấy Thế Tôn, cô ta liền đến chỗ Thế Tôn và hỏi:

– Ngài có thấy vị Bà-la-môn nào không?

Lúc này, Tôn giả Đại Ca-diếp đã có mặt tại con hẻm đó từ trước nên Thế Tôn liền đưa tay chỉ Tôn giả Đại Ca-diếp và nói:

– Đó là Bà-la-môn.

Người vợ Phạm chí nhìn chăm chú vào mặt Như Lai, lặng thinh không nói.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Người không dục, không sân, Dứt ngu, chẳng còn si,
A-la-hán lậu tận, Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục, không sân, Dứt ngu, chẳng còn si,
Đã dứt các kiết sử, Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục, không sân, Dứt ngu, chẳng còn si,
Đã trừ mạn, ta, người, Đó gọi là Phạm chí.
Người nào muốn biết pháp, Do bậc Chánh Giác[8] nói,
Hãy chí thành quy y Đấng Tối Tôn Vô Thượng.

Nói xong, Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Thầy hãy đến giúp vợ của Phạm chí thoát được tội cũ ngay nơi thân hiện tại.

Tôn giả Đại Ca-diếp vâng lời Phật dạy, đến nhà vợ Phạm chí, ngồi vào chỗ ngồi. Khi ấy, vợ Phạm chí kia liền bày biện các món ăn uống ngon bổ để cúng dường Tôn giả Đại Ca-diếp.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp liền thọ dụng vật thực. Vì muốn độ người nên Tôn giả đã vì cô ta mà nói kệ chú nguyện này:

Cúng tế, lửa trên hết, Kinh thư, tụng[9] đứng đầu,
Loài người, vua quý nhất, Các dòng, biển tối tôn.
Các sao, trăng sáng nhất, Ánh sáng, mặt trời hơn,
Soi bốn phương, trên dưới, Vùng miền, các phương xa.
Cõi trời đến loài người, Phật là bậc Tối Thượng,
Người nào muốn cầu phước, Nương Chánh Giác quy y.[10]

Sau khi nghe những lời dạy này, vợ Phạm chí thân tâm hoan hỷ, khôn xiết vui mừng, đến trước Tôn giả Đại Ca-diếp bạch:

– Kính xin Tôn giả nhận lời thỉnh cầu, thường đến thọ thực tại nhà của con!

---

[8] Nguyên tác: Tam Phật (三佛, *Sambuddha*) tức là đức Phật Chánh Giác.

[9] Tụng (頌) chỉ cho các thể loại kệ tụng trong văn chương Ấn Độ cổ đại nói chung.

[10] Bài kệ này tương tự như bài kệ trong *Kinh thừa sự Như Lai*, số 5, phẩm 34, tr. 533 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.34.5. 0694a20).

Thế rồi, Tôn giả Đại Ca-diếp chấp thuận lời mời. Thấy Tôn giả Đại Ca-diếp thọ thực đã xong, vợ Phạm chí liền lấy một chiếc ghế nhỏ đặt ngồi trước ngài. Lúc đó, Tôn giả Đại Ca-diếp lần lượt diễn nói pháp vi diệu cho cô ta nghe. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, dứt sạch các lậu là trên hết, xuất ly[11] là thiết yếu.

Khi biết rõ người vợ Phạm chí kia tâm ý đã khai mở, Tôn giả Đại Ca-diếp lòng rất vui mừng, liền đem tất cả giáo pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói cho vợ Phạm chí nghe. Bấy giờ, ngay tại chỗ ngồi, vợ Phạm chí tất cả trần cấu đều dứt sạch, được Pháp nhãn tịnh. Như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi bẩn, rất dễ nhuộm màu, vợ Phạm chí cũng giống như vậy, ngay tại chỗ ngồi được Pháp nhãn tịnh. Cô ta đã đắc pháp, thấy pháp, thấu rõ pháp ấy không chút hoài nghi, đến được vô úy, liền xin quy y Tam bảo là Phật, Pháp, Thánh chúng và thọ trì năm giới. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp một lần nữa thuyết pháp vi diệu cho vợ Phạm chí, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tôn giả Đại Ca-diếp đi chưa được bao lâu thì ông Phạm chí chồng cô ấy trở về đến nhà. Ông Phạm chí thấy sắc diện vợ tươi vui khác thường, liền hỏi nguyên do. Người vợ đem nhân duyên này kể lại đầy đủ với chồng. Sau khi nghe những lời này xong, Phạm chí liền dẫn vợ cùng đến tinh xá, đến chỗ Thế Tôn. Vị Phạm chí này chào hỏi Thế Tôn rồi ngồi qua một bên, còn cô vợ đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi cũng ngồi qua một bên. Phạm chí bạch Thế Tôn:

– Vừa rồi có vị Bà-la-môn đã đến nhà tôi, hiện giờ không biết ngài ấy ở đâu?

[0589c03] Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp ở cách Thế Tôn không xa, đang ngồi kiết-già, giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, tư duy về Diệu pháp.

Thế Tôn từ xa chỉ về Tôn giả Đại Ca-diếp và nói:

– Người này là Tôn trưởng Bà-la-môn.

Ông Phạm chí nói:

– Thưa ngài Cù-đàm, Sa-môn tức là Bà-la-môn ư? Sa-môn và Bà-la-môn lẽ nào không khác nhau?

Thế Tôn bảo:

– Ông muốn nói đến Sa-môn thì chính là bản thân Ta đây. Vì sao như vậy? Vì Ta chính là Sa-môn. Tất cả giới luật mà các Sa-môn phải hành trì thì Ta đều đã làm được. Nay ông muốn bàn về Bà-la-môn thì cũng chính là bản thân Ta đây. Vì sao như vậy? Vì Ta tức là Bà-la-môn. Tất cả những pháp hành mà các Bà-la-môn xưa kia đã vâng giữ thì Ta cũng biết tường tận. Cũng vậy, muốn nói đến Sa-môn thì chính là Đại Ca-diếp. Vì sao như vậy? Vì tất cả giới luật của Sa-môn thì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp đều hành trì trọn vẹn. Nay ông muốn bàn về Bà-la-môn thì cũng chính là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp. Vì sao như vậy? Vì tất cả

[11] Nguyên tác: Xuất gia (出家, *nekkhamma*). Đây chỉ cho sự xuất ly hay ly dục.

cấm giới mà các Bà-la-môn phụng trì thì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp đều phụng trì và tường tận.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ta không bao giờ bảo,
Sẽ sanh lên Phạm thiên,
Thoát trói, không nẻo sanh,
Phước cõi trời đã vượt,
Phạm chí giỏi chú thuật,
Bởi họ còn trói buộc.
Cởi bỏ mọi kiết phược,
Là Phạm chí, Sa-môn.

Bấy giờ, Phạm chí bạch Thế Tôn:

– Ngài nói kiết phược. Vậy thì những gì gọi là kiết?

Thế Tôn bảo:

– Dục ái là kiết. Sân hận là kiết. Ngu si là kiết. Như Lai không còn dục ái này, đã dứt sạch hoàn toàn. Sân hận, ngu si cũng đã dứt sạch. Như Lai không còn các kiết này.

Phạm chí thưa:

– Kính xin Thế Tôn nói pháp sâu xa vi diệu về sự không còn các kiết phược này!

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói pháp vi diệu cho vị Phạm chí kia, như nói về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, dứt sạch các lậu là trên hết, xuất ly là thiết yếu.

Khi Thế Tôn biết Phạm chí kia tâm ý đã khai mở, trong lòng rất hoan hỷ, liền đem tất cả giáo pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói cho Phạm chí nghe. Bấy giờ, Phạm chí ngay tại đó tất cả trần cấu đều dứt sạch, được Pháp nhãn tịnh. Như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi bẩn, rất dễ nhuộm màu, Phạm chí cũng như vậy, ngay tại chỗ ngồi liền đắc Pháp nhãn tịnh. Ông ấy đã đắc pháp, thấy pháp, thấu rõ pháp ấy không chút hoài nghi, đến được vô úy, liền xin quy y Tam bảo là Phật, Pháp, Thánh chúng và thọ trì năm giới, làm đệ tử chân thật của Như Lai, không còn thoái chuyển.

Bấy giờ, vợ chồng Phạm chí kia nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. THẾ TÔN HÀNG PHỤC VOI DỮ[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo an trú trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

[12] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.5. 0590a08). Tham chiếu: *Cv*. 7.3.2.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế có con voi tên Na-la-kỳ-lê[13] rất hung dữ, dũng mãnh, giỏi đánh bại kẻ thù. Nhờ sức mạnh của con voi này đã khiến khắp nơi đều quy phục đất nước Ma-kiệt.

Lần nọ, Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Vua A-xà-thế rồi nói như vầy:

– Đại vương nên biết, nay con voi hung dữ này có khả năng hàng phục các kẻ thù. Chúng ta hãy dùng rượu mạnh chuốc cho nó say. Sáng mai, Sa-môn Cù-đàm chắc chắn sẽ vào thành khất thực, lúc ấy hãy thả voi say này để giẫm chết ông ta!

Nghe theo lời xúi giục của Đề-bà-đạt-đa, Vua A-xà-thế liền truyền lệnh đến dân chúng trong nước: "Sáng sớm ngày mai [ta] sẽ thả voi say, cấm người dân đi lại mọi ngả đường trong thành."

Rồi Đề-bà-đạt-đa nói với Vua A-xà-thế:

– Nếu Sa-môn Cù-đàm kia có Nhất thiết trí,[14] biết được việc tương lai thì ngày mai ắt sẽ không vào thành khất thực.

Vua A-xà-thế nói:

– Đúng như lời ngài nói, nếu người có Nhất thiết trí thì sáng sớm ngày mai sẽ không vào thành khất thực.

Bấy giờ, tất cả nam nữ, già trẻ trong thành La-duyệt đều kính phụng Phật. Hay tin Vua A-xà-thế sớm mai sẽ thả voi say để hại Như Lai thì mọi người đều lo lắng. Họ cùng đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên rồi bạch Thế Tôn:

– Sáng sớm ngày mai xin Thế Tôn chớ vào thành! Bởi vì hôm nay Vua A-xà-thế có truyền lệnh rằng: "Ngày mai, tất cả người dân trong thành không được đi lại nơi các ngả đường. Trẫm muốn thả voi say để hại Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí thì sáng sớm ngày mai sẽ không vào thành khất thực." Vì vậy, kính xin Thế Tôn chớ vào thành nữa! Nếu Như Lai bị hại thì chẳng khác nào thế gian mất đi một con mắt, sẽ không còn ai cứu giúp.

[0590b01] Thế Tôn bảo:

– Thôi, thôi! Các ưu-bà-tắc chớ có buồn lo. Vì sao như vậy? Vì thân của Như Lai không giống như thân phàm tục, cho nên hoàn toàn không có việc bị người khác làm tổn hại. Các ưu-bà-tắc nên biết, đất đai cõi Diêm-phù-đề từ Đông sang Tây rộng bảy ngàn do-tuần, từ Nam đến Bắc dài hai mươi mốt ngàn do-tuần. Cõi Cù-da-ni[15] dài và rộng tám ngàn do-tuần, có dáng giống như hình bán nguyệt. Phất-vu-đãi[16] dài và rộng chín ngàn do-tuần, đất đai vuông vức.

---

[13] Na-la-kỳ-lê (那羅祇梨, Nālāgiri).

[14] Nhất thiết trí (一切智): Trí thấu rõ tất cả các pháp.

[15] Cù-da-ni (瞿耶尼) còn gọi là Cù-đà-ni (瞿陀尼), tức là Tây Ngưu Hóa châu (西牛貨洲, Goyāniya hoặc Aparagoyāna).

[16] Phất-vu-đãi (弗于逮, Videha), ngài Huyền Trang dịch là Tỳ-đề-ha (毘提訶), tức cõi Đông Thắng Thần châu (東勝神洲, Pubbavideha).

Uất-đan-việt dài và rộng mười ngàn do-tuần, thế đất hình tròn như trăng tròn đầy. Cho dù khắp bốn châu thiên hạ này nơi đâu cũng có đầy voi say, nhiều như lúa mè, cây cối trong rừng, nhưng cũng không thể tổn thương Như Lai dù chỉ mảy may, huống gì có thể hại Như Lai được sao. Không bao giờ có việc đó.

Ngoài bốn thiên hạ ra, lại còn có ngàn thiên hạ, ngàn mặt trời, mặt trăng, ngàn núi Tu-di, ngàn nước bốn biển, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù-da-ni, ngàn Phất-vu-đãi, ngàn Uất-đan-việt, ngàn Tứ Thiên Vương, ngàn cõi trời Ba Mươi Ba, ngàn cõi trời Đâu-suất, ngàn cõi trời Diệm, ngàn cõi trời Hóa Tự Tại, ngàn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, đây gọi là ngàn thế giới. Cho đến hai ngàn thế giới, đây gọi là trung thiên thế giới. Cho đến ba ngàn thế giới, đây gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Cho dù trong đó có đầy dẫy long vương Y-la-bát đi chăng nữa, cũng vẫn không thể tổn thương đến Như Lai dù chỉ mảy may, huống gì chỉ một con voi này mà muốn hại Như Lai được sao? Không bao giờ có chuyện đó. Vì sao như vậy? Vì thần lực của Như Lai là không thể nghĩ bàn. Như Lai xuất hiện ở đời, vĩnh viễn không ai có thể làm tổn hại được. Các vị hãy trở về nhà. Như Lai tự biết xử trí.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu rộng rãi cho bốn bộ chúng. Các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di sau khi nghe Chánh pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi ra về.

Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn đắp y, ôm bát chuẩn bị vào thành La-duyệt khất thực. Khi ấy Thiên vương Đề-đầu-lại-tra[17] dẫn chúng càn-thát-bà, v.v... từ phương Đông đến để theo hầu Thế Tôn. Lại có Thiên vương Tỳ-lưu-lặc[18] dẫn chúng câu-bàn-trà, từ phương Nam đến để theo hầu Như Lai. Ở phương Tây có Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa[19] dẫn các chúng rồng đến theo hầu Như Lai. Phương Bắc thì có Thiên vương Câu-tỳ-la[20] dẫn chúng quỷ la-sát đến để theo hầu Như Lai. Lại có Thích-đề-hoàn-nhân dẫn hàng ngàn vạn chúng chư thiên biến mất từ trời Đâu-suất mà hiện đến chỗ Thế Tôn. Lại có Phạm thiên vương dẫn hàng ngàn vạn chúng Phạm thiên từ cõi Phạm thiên đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương cùng hai mươi tám thiên nhân và đại quỷ thần vương nói với nhau: "Hôm nay, chúng ta phải xem thần voi và rồng đấu nhau. Ai là người thắng, ai là kẻ bại?"

[0590c04] Lúc này, bốn bộ chúng trong thành La-duyệt từ xa trông thấy Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo vào thành khất thực, người dân khắp thành đều lớn tiếng tung hô. Vua A-xà-thế nghe được âm thanh này, liền hỏi tùy tùng:

– Đó là âm thanh gì mà vang đến tận nơi đây?

---

[17] Đề-đầu-lại-tra (提頭賴吒, Dhataraṭṭha) còn gọi là Trì Quốc Thiên vương (持國天王).

[18] Tỳ-lưu-lặc (毘留勒, Virūḷhaka) còn gọi là Tăng Trưởng Thiên vương (增長天王).

[19] Tỳ-lưu-lặc-xoa (毘留波叉, Virūpakkha) còn gọi là Quảng Mục Thiên vương (廣目天王).

[20] Câu-tỳ-la (拘毘羅, Vessavaṇa) còn gọi là Tỳ-sa-môn Thiên vương (毘沙門天王) hoặc Đa Văn Thiên vương (多聞天王).

Cận thần đáp:

– Đó là tiếng tung hô của dân chúng khi thấy Như Lai vào thành khất thực.

Vua A-xà-thế nói:

– Sa-môn Cù-đàm không có Thánh đạo, cũng không biết được tâm người, hãy tạo biến cố để thử nghiệm xem sao.

Vua A-xà-thế liền bảo người huấn luyện voi:

– Khanh hãy mau cho voi uống rượu mạnh và để vòi quấn thanh kiếm bén, rồi lập tức thả cho nó chạy!

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đi đến cửa thành, vừa nhấc chân bước vào cửa thì đất trời rúng động mạnh, các vị trời và thần ở giữa hư không tung xuống các loại hoa. Khi ấy, năm trăm vị Tỳ-kheo nhìn thấy voi say lao đến, liền bỏ chạy tứ tán, không còn biết phương hướng. Bấy giờ, con voi dữ kia từ xa nhìn thấy Như Lai, nó liền lao đến. Thấy voi say đang lao đến, thị giả A-nan theo sau Thế Tôn lòng thấy bất an, bèn bạch Thế Tôn:

– Voi này rất hung dữ, sợ sẽ làm hại Như Lai. Cần phải tránh xa nó!

Thế Tôn bảo:

– A-nan, chớ sợ! Nay Như Lai sẽ dùng thần lực để hàng phục voi này.

Thế rồi, Thế Tôn quan sát con voi hung hãn đang lao đến một khoảng cách vừa tầm, không gần cũng không xa, Ngài liền biến hóa ra các sư tử chúa vây ở hai bên voi và sau lưng nó là hầm lửa lớn. Nhìn thấy hai bên có sư tử chúa và ngay phía sau là hầm lửa lớn, con voi dữ kia sợ đến vãi phẩn tiểu, không còn đường tháo chạy, đành tiến đến trước Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Ngươi chớ hại loài Rồng, Rồng hiện rất khó gặp,
Nhờ không hại đến Rồng, Mà được sanh chỗ thiện.

Khi nghe Thế Tôn nói kệ này, voi dữ cảm giác như bị lửa đốt, liền tự nhả thanh kiếm, đến trước Như Lai, sụp quỳ hai gối sát đất, rồi lấy vòi liếm chân Như Lai. Lúc này, Thế Tôn đưa tay phải xoa đầu voi và nói:

Sân hận đọa địa ngục, Làm rắn, rết, súc sanh,
Nên phải trừ sân hận, Khỏi thọ thân các loài.

Bấy giờ, các vị thiên thần ở giữa hư không dùng trăm ngàn loài hoa tung rải trên Như Lai. Khi đó, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho bốn bộ chúng cùng trời, rồng, quỷ thần. Sau khi thấy Phật hàng phục voi dữ, hơn sáu vạn thiện nam tín nữ được dứt sạch mọi trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh, tám vạn chư thiên cũng đắc Pháp nhãn tịnh. Lúc đó, trong thân voi say kia khởi lên ngọn gió bén như dao kiếm, khiến voi ngã ra chết, rồi sanh về cung trời Tứ Thiên Vương.

Bấy giờ, bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cùng với trời, rồng, quỷ thần nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà đắp y rất đẹp, màu sắc chói mắt, mang đôi giày viền bằng vàng, lại còn tô vẽ hai mắt, tay ôm bình bát, đi vào thành Xá-vệ.

Khi ấy, có các Tỳ-kheo từ xa nhìn thấy Tôn giả Nan-đà đắp y rất đẹp đi vào thành Xá-vệ khất thực, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Lát sau, các Tỳ-kheo liền rời chỗ ngồi, đến bạch Thế Tôn:

– Vừa rồi Tỳ-kheo Nan-đà đắp y đẹp lộng lẫy, màu sắc chói mắt, đi vào thành Xá-vệ khất thực, thưa Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

– Thầy hãy nhanh chóng đến nói với Tỳ-kheo Nan-đà là Như Lai cho gọi.

Tỳ-kheo kia đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Tỳ-kheo kia vâng lời, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà. Đến nơi, vị Tỳ-kheo này nói với Tỳ-kheo Nan-đà:

– Thế Tôn gọi thầy!

Nghe Tỳ-kheo kia nói vậy, Nan-đà liền đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, Nan-đà đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Thế Tôn bảo Nan-đà:

– Hôm nay, cớ sao thầy lại đắp y thật đẹp và mang giày viền bằng vàng để vào thành Xá-vệ khất thực?

Tôn giả Nan-đà im lặng không nói. Thế Tôn lại bảo:

– Sao vậy Nan-đà? Lẽ nào thầy không phải vì lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo ư?

Nan-đà thưa:

– Thật vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thầy là nam tử thuộc dòng hào tộc mà không hành theo giới luật. Vì lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo nhưng sao lại đắp y thật đẹp và trau chuốt ngoại hình để vào thành Xá-vệ khất thực. Vậy thì thầy đâu có khác gì những kẻ bạch y kia?

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Bao giờ Ta mới thấy,　　Nan-đà ưa thanh nhàn,
Tâm vui pháp Sa-môn,　　Khổ hạnh đạt Niết-bàn.

[21] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.18.6. 0591a08). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1067. 0277a10); *S.* 21.8 - II. 281.

– Nan-đà! Từ nay thầy chớ làm những việc như vậy nữa!

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà cùng bốn bộ chúng nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. HÓA ĐỘ NAN-ĐÀ[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà không kham nổi đời sống Phạm hạnh nên có ý định xả bỏ pháp y để sống đời bạch y. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Tỳ-kheo Nan-đà không kham nổi đời sống Phạm hạnh, muốn xả bỏ pháp y để sống đời tại gia.

Thế Tôn liền bảo một thầy Tỳ-kheo:

– Thầy hãy đến chỗ Nan-đà nói là Như Lai cho gọi!

Tỳ-kheo kia đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn, rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ sát chân Phật và lui ra, rồi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà kia, nói:

– Thế Tôn cho gọi thầy!

Nan-đà đáp:

– Xin vâng!

Bấy giờ, Tỳ-kheo Nan-đà đi theo vị Tỳ-kheo này cùng đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi Nan-đà:

– Sao vậy Nan-đà! Thầy không thích tu Phạm hạnh, muốn xả bỏ pháp y để sống đời bạch y sao?

Nan-đà thưa:

– Thật vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn hỏi:

– Vì sao vậy Nan-đà?

Nan-đà thưa:

– Vì lòng dục của con quá mạnh, không thể tự kiềm chế!

---

[22] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.7. 0591b04). Tham chiếu: *DhA*. 1.9.

Thế Tôn bảo:

– Sao thế Nan-đà? Chẳng phải thầy là nam tử dòng hào tộc xuất gia học đạo ư?

Nan-đà thưa:

– Thật vậy, Thế Tôn! Con là nam tử dòng hào tộc, vì lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

– Thầy là nam tử dòng hào tộc thì chẳng nên như vậy. Đã lìa xa gia đình để xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, do duyên cớ gì mà thầy lại từ bỏ Chánh pháp, muốn sống đời ô trược? Nan-đà nên biết! Có hai pháp không biết chán đủ. Nếu người nào sống theo hai pháp này thì không bao giờ biết chán đủ. Là hai pháp nào? Đó là dâm dục và uống rượu. Đó gọi là hai pháp không biết chán đủ. Nếu người nào vướng vào hai pháp này thì không bao giờ biết chán đủ. Do nghiệp quả này khiến không thể đạt đến chỗ vô vi. Cho nên, này Nan-đà! Thầy phải tâm niệm từ bỏ hai pháp này thì về sau nhất định sẽ thành tựu quả báo vô lậu. Nan-đà! Nay thầy hãy khéo tu Phạm hạnh, bởi vì đường đến đạo quả thảy đều do đây.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nhà lợp không kín,
Người không hành trì,
Trời mưa sẽ dột,
Sinh tham, sân, si.
Nhà khéo lợp kín,
Người khéo hành trì,
Trời mưa không dột,
Dứt tham, sân, si.

Thế Tôn lại tự nghĩ: "Nam tử dòng hào tộc này tâm dục quá nhiều. Nay Ta nên dùng lửa để dập tắt lửa."

Thế rồi, Thế Tôn liền dùng thần lực nắm tay Nan-đà, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài đã đưa Nan-đà lên đỉnh Hương Sơn. Bấy giờ, trên núi có một hang đá, trong đó có một con khỉ mù đang ở. Thế Tôn tay phải nắm tay Nan-đà bảo:

– Nan-đà, thầy có thấy con khỉ mù này không?

Đáp:

– Có thấy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Bên nào đẹp? Cô gái Tôn-đà-lợi họ Thích xinh đẹp hay con khỉ mù này xinh đẹp?

Nan-đà thưa:

– Giống như có người đả thương lỗ mũi con chó xấu xí, lại còn bôi thêm chất độc vào, khiến con chó kia càng thêm xấu xí. Ở đây cũng vậy, cô gái Tôn-đà-lợi họ Thích, nếu đem so sánh với con khỉ mù thì không thể nào so được.

Giống như đống lửa lớn đốt cháy núi rừng mà còn bỏ thêm củi khô vào thì lửa càng hừng hực. Ở đây cũng vậy, con nhớ cô gái dòng họ Thích kia, lòng không hề nguôi.

Bấy giờ, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Thế Tôn dẫn theo Nan-đà biến khỏi núi này, hiện đến cõi trời Ba Mươi Ba. Khi ấy, chư thiên trên cõi trời này đều tụ tập tại giảng đường Thiện Pháp. Cách giảng đường Thiện Pháp không xa, lại có cung điện với năm trăm ngọc nữ đang vui đùa với nhau, ở đây toàn là người nữ không có người nam. Nan-đà từ xa trông thấy năm trăm thiên nữ tự đánh đàn ca hát, vui đùa với nhau, bèn hỏi Thế Tôn:

– Đây là nơi nào mà có năm trăm thiên nữ đánh đàn ca hát, vui đùa với nhau?

Thế Tôn bảo:

– Nan-đà, thầy tự đến đó hỏi đi!

Tôn giả Nan-đà liền đến chỗ năm trăm thiên nữ, nhìn thấy cung điện, nhà cửa kia trải hàng trăm thứ tọa cụ tốt, ở đây chỉ có người nữ không có người nam. Tôn giả Nan-đà hỏi một thiên nữ:

– Các cô là thiên nữ thế nào mà chơi đùa với nhau vui vẻ như thế?

Thiên nữ đáp:

– Chúng thiếp có năm trăm người, thảy đều thanh tịnh, chưa có chồng. Chúng tôi nghe nói có đệ tử Thế Tôn tên là Nan-đà, là con của di mẫu đức Phật, đang tu Phạm hạnh thanh tịnh ở chỗ Như Lai. Sau khi qua đời, thầy ấy sẽ sanh về cõi này làm chồng của chúng tôi, cùng vui đùa với nhau.

Lúc này, Tôn giả Nan-đà vô cùng mừng rỡ, phấn khích tột cùng, liền suy nghĩ: "Hiện tại ta là đệ tử Thế Tôn, lại là con di mẫu. Những thiên nữ này đều sẽ làm vợ ta." Thế rồi, Nan-đà quay về chỗ Thế Tôn.

Thế Tôn hỏi:

– Thế nào Nan-đà, các ngọc nữ kia nói gì?

Nan-đà thưa:

– Các ngọc nữ kia nói: "Chúng thiếp đều chưa có chồng. Nghe nói có đệ tử Thế Tôn tên Nan-đà, con di mẫu Phật khéo tu Phạm hạnh, sau khi qua đời sẽ sanh về đây."

Thế Tôn bảo:

– Nan-đà! Ý thầy thế nào?

Nan-đà thưa:

– Bấy giờ, con tự suy nghĩ: "Mình là đệ tử Thế Tôn, lại là con của di mẫu đức Phật. Tất cả thiên nữ này đều sẽ làm vợ mình."

Thế Tôn bảo:

– Thích thật, Nan-đà! Hãy khéo tu Phạm hạnh, Ta sẽ xác chứng cho thầy để năm trăm người nữ này đều sẽ thuộc về thầy.

Thế Tôn lại bảo:

– Thế nào Nan-đà, cô gái Tôn-đà-lợi họ Thích xinh đẹp, hay là năm trăm thiên nữ này xinh đẹp?

Nan-đà thưa:

– Như con khỉ mù trên đỉnh núi đứng trước mặt nàng Tôn-đà-lợi thì nó chẳng chút xinh đẹp, không chút lộng lẫy. Ở đây cũng vậy, Tôn-đà-lợi nếu đứng trước mặt những thiên nữ kia, nàng ấy cũng chẳng chút xinh đẹp, lộng lẫy.

Thế Tôn bảo:

– Thầy khéo tu Phạm hạnh, Như Lai sẽ xác chứng cho thầy có được năm trăm thiên nữ này.

Thế Tôn lại nghĩ: "Nay Ta sẽ dùng lửa để dập tắt lửa của Nan-đà." Trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn tay phải cầm cánh tay Nan-đà, đưa đến địa ngục. Bấy giờ, chúng sanh trong địa ngục đang chịu biết bao đau khổ. Khi ấy, trong địa ngục kia có một cái vạc lớn trống rỗng không người. Nan-đà nhìn thấy, lòng rất sợ hãi, mình nổi gai ốc, đến trước Thế Tôn và bạch:

– Các chúng sanh ở trong địa ngục này đều chịu khổ đau, chỉ riêng cái vạc này vẫn còn trống rỗng chưa có người!

Thế Tôn bảo:

– Đây gọi là địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ, Nan-đà càng thêm khiếp sợ, thân nổi gai ốc, bạch Thế Tôn:

– Đây là địa ngục A-tỳ, nhưng sao riêng cái vạc này còn trống, không có tội nhân?

Thế Tôn bảo:

– Nan-đà, thầy tự đến đó hỏi xem!

Tôn giả Nan-đà liền đến đó hỏi:

– Sao vậy cai ngục, đây là ngục gì? Vì sao ngục này trống không, chưa có người?

Cai ngục đáp:

– Tỳ-kheo nên biết, đệ tử đức Phật Thích-ca tên là Nan-đà, đang tịnh tu Phạm hạnh ở chỗ Như Lai. Sau khi qua đời, ông ấy sanh về cõi trời tốt lành, sống lâu ngàn tuổi, tự vui đùa khoái lạc. Sau khi qua đời ở đó, ông ta sẽ rơi vào trong địa ngục A-tỳ này. Cái vạc trống này chính là dành cho ông ấy.

Tôn giả Nan-đà nghe xong những lời này, lòng rất lo sợ, thân nổi gai ốc, liền nghĩ: "Cái vạc trống này chính là dành cho ta ư?" Rồi trở lại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và bạch Phật:

– Xin Thế Tôn cho con sám hối, tội lỗi là do con, không lo tu Phạm hạnh lại còn phiền quấy Như Lai!

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà, liền nói kệ:

Đời người đâu đủ quý, Phước trời hết, cũng tàn,
Địa ngục khổ vô vàn, Niết-bàn vui hơn cả.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Nan-đà:

– Lành thay, lành thay! Đúng như lời thầy nói, Niết-bàn là vui hơn cả. Này Nan-đà! Như Lai cho phép thầy sám hối. Người mê muội như thầy đã tự biết có lỗi với Như Lai, nay Như Lai chấp thuận cho thầy sám hối, về sau chớ tái phạm.

Bấy giờ, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Thế Tôn dắt Nan-đà biến [mất] khỏi địa ngục, trở về đến vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, ở thành Xá-vệ. Lúc đó, Thế Tôn bảo Nan-đà:

– Này Nan-đà! Nay thầy hãy tu tập hai pháp. Là hai pháp gì? Đó là pháp chỉ và pháp quán. Lại phải tu thêm hai pháp. Là hai pháp gì? Đó là thấu rõ sanh tử không đáng vui và nhận biết Niết-bàn là an lạc. Đó là hai pháp. Lại tu thêm hai pháp. Là hai pháp gì? Đó là trí và biện.

Bấy giờ, Thế Tôn đem những pháp này giảng nói cho Nan-đà. Sau khi lãnh thọ lời Thế Tôn dạy xong, Tôn giả Nan-đà từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi rời đi. Đến rừng An-đà, Tôn giả ngồi kiết-già bên một gốc cây, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, buộc niệm trước mặt, tư duy lời dạy này của Như Lai.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà ở nơi vắng vẻ, thường tư duy lời dạy của Như Lai, không phút xao lãng, vì mục đích mà con nhà hào tộc do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, cho đến biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Lúc bấy giờ, Tôn giả Nan-đà liền thành A-la-hán.

Sau khi thành A-la-hán, Tôn giả Nan-đà rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Tôn giả bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn trước đây có hứa sẽ cho đệ tử năm trăm thiên nữ, nay con xin từ bỏ hết!

Thế Tôn bảo:

– Nay thầy sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu. Ta sẽ bỏ lời hứa!

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nay Như Lai đã thấy, Thầy hành pháp Sa-môn,
Xấu ác thảy không còn, Khổ hạnh không hề mất.

Lúc đó, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Người đắc A-la-hán, nay chính là Tỳ-kheo Nan-đà. Không còn tham, sân, si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. ĐẠI ÁI ĐẠO[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong dân chúng Thích-ca[24] tại vườn Ni-câu-lưu, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, Đại Ái Đạo Cù-đàm-di[25] đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi bạch Thế Tôn:

– Ngưỡng mong Thế Tôn giữ gìn sức khỏe để mãi giáo hóa chúng sanh ngu tối!

Thế Tôn bảo:

– Cù-đàm-di! Không nên nói như vậy với Như Lai. Như Lai thọ rất lâu, luôn biết chăm sóc bản thân.

Bấy giờ, Đại Ái Đạo Cù-đàm-di liền dùng kệ thưa:

Kính lễ bậc Tối Thắng, Vượt hơn hẳn thế gian,
Mọi hồ nghi khéo đoạn, Do đâu dạy như vậy?

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Ý tinh tấn luôn đủ, Tâm dũng mãnh hằng đầy,
Xem Thanh văn bình đẳng, Đó là lễ Như Lai.

Thế rồi, Đại Ái Đạo bạch Thế Tôn:

– Từ nay về sau, con luôn kính lễ Thế Tôn. Thế Tôn đã dạy: "Hãy xem tất cả chúng sanh với tâm bình đẳng." Trong cõi trời, loài người, cho đến cõi a-tu-la, Như Lai là tối thượng.

Khi ấy, Thế Tôn hứa khả lời thưa của Đại Ái Đạo. Bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui về.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất biết rộng hiểu nhiều chính là Đại Ái Đạo.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. PHỈ BÁNG VÀ KHÔNG PHỈ BÁNG[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[23] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.18.8. 0592c10).

[24] Nguyên tác: Thích-sí-sấu (釋翅瘦, Sakkesu), trong dân chúng Thích-ca. Ở đây, Sakka (Thích-ca) + *esu* (Hán dịch là "sấu" chỉ cho nơi chốn, số nhiều) = Sakkesu (trong dân chúng Thích-ca).

[25] Đại Ái Đạo Cù-đàm-di (大愛道瞿曇彌, Mahāpajāpatī Gotamī): Di mẫu của đức Phật.

[26] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.18.9. 0592c29). Tham chiếu: *A*. 2.25/26 - I. 60.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có hai hạng người này, trong chúng sẽ phát sanh phỉ báng Như Lai. Là hai hạng người nào? Một là, hạng người cho phi pháp là pháp. Hai là, hạng người cho pháp là phi pháp. Đó là hai hạng người phỉ báng Như Lai.

Lại có hai hạng người không phỉ báng Như Lai. Là hai hạng người nào? Một là, hạng người đối với phi pháp thì cho là phi pháp. Hai là, hạng người đối với thật pháp thì cho là thật pháp. Đó là hai hạng người không phỉ báng Như Lai.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phi pháp thì phải nói là phi pháp, thật pháp thì nên nói là thật pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. KHEN NGỢI ĐÚNG PHÁP[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai hạng người được phước vô lượng. Là hai hạng người nào? Một là, hạng người khen ngợi điều đáng khen ngợi. Hai là, hạng người không khen ngợi điều không đáng khen ngợi. Đó là hai hạng người được phước vô lượng.

Lại có hai hạng người chịu tội vô lượng. Là hai hạng người nào? Một là, hạng người đối với điều đáng khen ngợi thì lại chê bai. Hai là, hạng người đối với điều không đáng khen ngợi thì lại khen ngợi.

Này các Tỳ-kheo, chớ học theo hạng thứ hai này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[28]

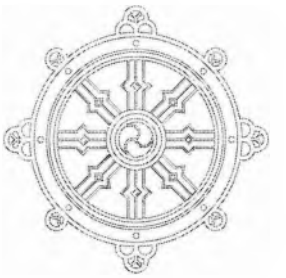

[27] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.18.10. 0593a09). Tham chiếu: *A*. 2.134 - I. 88.

[28] Bản Hán, hết quyển 9.

19. PHẨM KHUYẾN THỈNH[1]

1. PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật an trú tại Bồ-đề đạo tràng, thuộc nước Ma-kiệt.

Khi ấy, Thế Tôn thành đạo chưa bao lâu, liền tự suy nghĩ: "Giáo pháp sâu xa mà Ta chứng ngộ vốn khó hiểu, khó thấu, khó nhận biết được, không thể tư duy, tịch tĩnh vi diệu, chỉ có người trí mới thấu rõ được, mới có thể phân biệt nghĩa lý, tu tập không chán, đạt được hoan hỷ. Nếu Ta nói pháp vi diệu này cho tất cả mọi người thì họ sẽ không tin và cũng không thực hành theo, thế nên không những uổng công vô ích mà còn bị tổn hại. Do vậy Ta nên im lặng, không nên thuyết pháp."

[0593b01] Bấy giờ, trên cõi Phạm thiên, Phạm thiên vương biết được suy nghĩ của Như Lai nên trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông rời cõi Phạm thiên, hiện thân đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, sau đó bạch Thế Tôn:

– Cõi Diêm-phù-đề này chắc chắn sẽ bị tan hoại, ba cõi mất đi con mắt, bởi vì Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian lẽ ra sẽ giảng nói Pháp bảo, nhưng nay lại không diễn bày pháp vị. Ngưỡng mong Như Lai vì tất cả chúng sanh mà giảng rộng giáo pháp sâu xa. Lại nữa, căn tánh chúng sanh vốn dĩ dễ độ, nhưng nếu không được nghe giáo pháp thì họ vĩnh viễn không đạt được Pháp nhãn. Những chúng sanh này chính là những con người tiếp nối Phật pháp. Giống như hoa sen xanh,[3] hoa sen hồng,[4] hoa sen trắng,[5] tuy có những cánh hoa mới nhô lên khỏi bùn đất, nhưng vẫn chưa vươn lên khỏi mặt nước, cũng chưa nở bung ra. Bởi vì lúc ấy hoa kia chỉ mới bắt đầu tăng trưởng nên chưa vươn lên khỏi mặt nước, đến khi hoa đã vươn lên khỏi mặt nước thì chúng sẽ không bị dính nước. Các chúng sanh này cũng giống như vậy, lẽ ra khi nhận thấy sự bức bách của sanh, già, bệnh, chết thì các căn sẽ thuần thục, nhưng do không được nghe pháp nên bị đánh mất thiện căn. Như vậy không khổ lắm sao? Nay thật đúng thời, kính xin Thế Tôn hãy vì chúng sanh mà thuyết pháp!

---

[1] Nguyên tác: *Khuyến thỉnh phẩm* 勸請品 (*T*.02. 0125.19. 0593a23).

[2] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.1. 0593a24). Tham chiếu: *S*. 6.1 - I. 136.

[3] Nguyên tác: Ưu-bát liên hoa (優鉢蓮華, uppala).

[4] Nguyên tác: Câu-mâu-đầu hoa (拘牟頭華, kumuda).

[5] Nguyên tác: Phân-đà-lợi hoa (分陀利華, puṇḍarīka).

Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ suy nghĩ trong tâm Phạm thiên, đồng thời thương xót tất cả chúng sanh, nên nói kệ:

Nay Phạm thiên thỉnh cầu, Phật giảng pháp vi diệu,
Người nghe vững lòng tin, Phân biệt sâu pháp yếu.
Như đứng trên núi cao, Thấy khắp cả muôn loài,
Nay Ta đem Pháp bảo, Khai trí tuệ chúng sanh.

Khi ấy, Phạm thiên suy nghĩ: "Như Lai nhất định sẽ vì chúng sanh mà nói pháp vi diệu", cho nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi trở về trời.

Bấy giờ, Phạm thiên nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

2. HAI CỰC ĐOAN[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật an trú tại xứ Tiên Nhân, trong vườn Lộc Uyển,[7] thuộc nước Ba-la-nại. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai việc mà người học đạo không nên gần gũi. Là hai việc gì? Đó là tham đắm dục lạc, là pháp của kẻ phàm phu thấp kém và thực hành các pháp khổ hạnh bằng trăm cách khổ não. Đó gọi là hai việc mà người học đạo không nên gần gũi.

Như vậy, khi đã dứt bỏ hai việc này, Như Lai chọn con đường trung đạo để thành tựu Chánh giác, được Pháp nhãn, được trí tuệ, tâm ý tịch tĩnh, chứng các thần thông, đắc quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn. Đâu là con đường trung đạo thành tựu được Chánh giác, được Pháp nhãn, được trí tuệ, tâm ý tịch tĩnh, chứng các thần thông, đắc quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn? Đó là tám đạo phẩm Hiền thánh, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đó gọi là con đường trung đạo, giúp Như Lai thành tựu được Chánh giác, được Pháp nhãn, được trí tuệ, tâm ý tịch tĩnh, chứng các thần thông, đắc quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học dứt bỏ hai việc ấy và tu tập theo con đường trung đạo.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[6] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.2. 0593b24). Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0109.109. 03b02); *S*. 56.11 - V. 420.

[7] Lộc Uyển (鹿苑): Vườn Nai, nơi Thế Tôn lần đầu tiên chuyển pháp luân sau khi thành đạo. Theo *Kinh xuất diệu*, quyển 14, Lộc Uyển là nơi các thần tiên và những người chứng đắc ngũ thông thường tới lui, không phải chỗ ở của phàm phu, cho nên còn gọi là vườn Tiên Nhân.

Kệ tóm tắt mười kinh trên:

La-vân, Ca-diếp, Rồng, Hai Nan, Đại Ái Đạo,
Phỉ báng, Phi, Phạm thỉnh, Hai việc ở sau cùng.[8]

***

3. ĐOẠN ÁI DỤC[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên rồi cung kính bạch Thế Tôn:

– Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát, đạt đến chỗ rốt ráo an ổn, không còn nạn tai, được trời, người tôn kính?

Thế Tôn bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

– Này Câu-dực![10] Nếu Tỳ-kheo nào nghe pháp Không này mà thấu rõ được tất cả đều không thật có, tức đã hiểu rõ được tất cả các pháp và biết đúng như thật về các pháp. Tự thân nhận biết các pháp khổ, hoặc pháp lạc, hoặc pháp không khổ không lạc. Ngay nơi thân này, vị ấy tự quán biết tất cả đều vô thường, đều trở về không. Khi đã quán biết như thật về sự biến đổi của trạng thái không khổ không lạc này, vị ấy cũng không khởi tưởng. Do không khởi tưởng nên không sợ hãi, vì không sợ hãi nên đạt được Bát-niết-bàn. Vị ấy như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [Này] Thích-đề-hoàn-nhân! Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, được tâm giải thoát, an ổn rốt ráo, không còn nạn tai, được trời, người tôn kính.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân đảnh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi trở về trời.

Cũng ngay lúc đó, cách Thế Tôn không xa, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ngồi kiết-già, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: "Vừa rồi Đế-thích đã nhận ra dấu

---

[8] Nguyên tác: 羅云, 迦葉, 龍; 二難, 大愛道; 誹謗, 非, 梵{法}[請]; 二事最在後. Bài kệ Nhiếp tụng này tóm tắt 8 kinh của phẩm trước và 2 kinh đầu của phẩm này. Dường như có sự bất cập trong việc sắp xếp các bài kệ tóm tắt cũng như phân chia các kinh theo phẩm, điều mà ngài Đạo An đã nói là có hiệu chỉnh lại trong *Lời tựa*, nhưng hình như việc hiệu chỉnh ấy vẫn chưa hoàn thiện như thấy ở đây.

[9] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.3. 0593c13). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.505. 0133b24); *M*. 37, *Cūḷataṇhāsaṅkhaya Sutta* (*Tiểu kinh đoạn tận ái*); *A*. 7.61 - IV. 85.

[10] Câu-dực (拘翼) còn được phiên âm là Kiêu-thi-ca (憍尸迦, Kosiya). Tham chiếu: *Tạp* (*T*.02. 0099.1106. 0281a10): Thích-đề-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người là người của dòng tộc Kiêu-thi. Do nhân duyên này nên Thích-đề-hoàn-nhân còn gọi là Kiêu-thi-ca (彼釋提桓因本為人時, 為憍尸族姓人. 以是因緣故, 彼釋提桓因復名憍尸迦).

đạo[11] mà hỏi nghĩa, hay là chưa nhận ra dấu đạo mà hỏi nghĩa? Nay ta nên thử ông ấy xem sao."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng thần túc, chỉ trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay đã lên đến trời Ba Mươi Ba.

[0594a04] Thích-đề-hoàn-nhân từ xa trông thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến, liền đứng dậy tiếp đón và nói:

– Quý thay Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Đã lâu rồi Tôn giả không đến đây. Rất mong được luận bàn pháp nghĩa cùng Tôn giả. Mời Tôn giả ngồi đây.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Thích-đề-hoàn-nhân:

– Thế Tôn đã nói pháp đoạn ái dục cho ông. Tôi cũng muốn được nghe pháp ấy. Nay là lúc thích hợp, ông hãy nói lại cho tôi nghe.

Thích-đề-hoàn-nhân bạch rằng:

– Nay tôi bận việc chư thiên, vừa có việc riêng, lại vừa có việc của chư thiên. Những gì nghe được, tôi đã quên mất. Thưa ngài Mục-kiền-liên! Xưa kia khi đánh nhau với các a-tu-la, trận đánh hôm đó, chư thiên đắc thắng, a-tu-la thất bại. Bấy giờ, tôi cũng đích thân giao chiến, rồi dẫn chư thiên trở về thiên cung, ngồi tại giảng đường Tối Thắng.[12] Nhân vì chiến thắng nên gọi nơi này là giảng đường Tối Thắng. Nơi này đường bậc thang thành hàng, đường sá giao nhau, mỗi chỗ giao nhau đều có một vọng tháp.[13] Lại có bảy trăm lầu gác, trên mỗi một lầu gác đều có bảy ngọc nữ, mỗi một ngọc nữ đều có bảy người hầu. Mời Tôn giả Mục-liên đến đó ngắm xem.

Rồi Thích-đề-hoàn-nhân cùng Thiên vương Tỳ-sa-môn đi theo sau Tôn giả Mục-liên đến giảng đường Tối Thắng. Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ-sa-môn bạch với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Đây là giảng đường Tối Thắng, ngài có thể dạo xem.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Thiên vương:

– Chỗ này rất tuyệt diệu, đều nhờ phước đức đời trước đã gieo mới được đến bảo đường tự nhiên này. Giống như một vài nơi vui chơi ở chốn nhân gian, mỗi người tự hưởng niềm vui, cũng như ở thiên cung không khác, đều do đời trước tạo phước mà được.

Bấy giờ, đột nhiên ngọc nữ chung quanh Thích-đề-hoàn-nhân đều bỏ chạy tứ tán, họ đều ôm lòng hổ thẹn, giống như những nơi cấm kỵ ở nhân gian. Các ngọc nữ bên cạnh Thích-đề-hoàn-nhân cũng giống như vậy, từ xa trông thấy

---

[11] Nguyên tác: Đắc đạo tích (得道跡). *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.36.5. 0703b13) viết là Kiến đạo tích (見道跡). *DĀ.* 14 gọi là Kiến đạo đế (見道諦), tức thấy được dấu đạo, nhận ra chân lý, đồng thời liền đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Xem thêm *SĀ.* 604.

[12] Tối Thắng giảng đường (最勝講堂, Vejayanta pāsāda): Cung điện Chiến Thắng.

[13] Nguyên tác: Giai đầu (階頭, *niyyūha*): Vọng tháp. Cung điện Chiến Thắng có 100 vọng tháp. Mỗi vọng tháp có 700 ngôi lầu.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến, đều hổ thẹn bỏ chạy tứ tán. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: "Thích-đề-hoàn-nhân này tâm ý rất phóng dật. Ta phải khiến ông ấy sợ hãi mới được."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng ngón chân phải ấn xuống đất, làm cho cung điện sáu phen rung chuyển. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân cùng Thiên vương Tỳ-sa-môn vô cùng khiếp sợ, mình nổi gai ốc, suy nghĩ: "Đại Mục-kiền-liên này có thần túc lớn mới có thể khiến cho cung điện này sáu phen rung chuyển. Thật là kỳ đặc, thật chưa từng có!"

[0594b04] Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thầm nghĩ: "Nay Thích-đề-hoàn-nhân này đã kinh sợ rồi, ta nên hỏi về nghĩa sâu xa kia."

– Thế nào Câu-dực! *Kinh đoạn ái dục* mà Như Lai đã nói, nay là lúc thích hợp, xin ông nói lại cho tôi nghe.

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

– Thưa Tôn giả Mục-liên! Trước đây tôi có đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Lúc ấy, tôi liền bạch Thế Tôn: "Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát, đạt đến chỗ rốt ráo an ổn, không còn các phiền não, được trời, người tôn kính?" Bấy giờ, Thế Tôn nói với tôi: "Này Câu-dực! Nếu Tỳ-kheo nào nghe pháp rồi mà không còn gì để đắm trước, cũng không đắm vào sắc, thấu rõ được tất cả các pháp đều không thật có. Đã hiểu rõ được tất cả các pháp rồi, hoặc pháp khổ, hoặc pháp lạc, hoặc pháp không khổ không lạc, quán biết các pháp thảy đều vô thường, tịch lặng hoàn toàn, nhưng cũng không mất hẳn.[14] Nhờ quán sát như vậy rồi nên không còn gì để đắm trước. Do không khởi niệm tưởng đắm nhiễm các pháp thế gian nên không còn sợ hãi. Vì không sợ hãi nên được Niết-bàn và như thật biết rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.' Thích-đề-hoàn-nhân! Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, được tâm giải thoát, đạt đến chỗ cứu cánh vô vi, không còn khổ nạn, được trời, người tôn kính."

Sau khi nghe những lời dạy này rồi, tôi liền đảnh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng, rồi trở về cõi trời.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đem giáo pháp sâu xa này giảng nói tường tận cho Thích-đề-hoàn-nhân và Tỳ-sa-môn nghe. Sau khi đã thuyết pháp đầy đủ rồi, chỉ trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biến mất ở trời Ba Mươi Ba, trở về lại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở ngay trên tòa, bạch với Thế Tôn:

---

[14] Nguyên tác: Vô đoạn hoại (無斷壞). Tham chiếu: *Phật thuyết Phật mẫu Bảo Đức Tạng Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 佛說佛母寶德藏般若波羅蜜經 (*T*.08. 0229.1. 0678c29): Khi Nhất thiết trí thanh tịnh, như cõi hư không không hư hoại (若一切智清淨時, 如虛空界不斷壞).

– Trước đây Như Lai nói pháp diệt trừ ái dục cho Thích-đề-hoàn-nhân, nay kính xin Thế Tôn hãy nói lại cho con!

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Thầy nên biết, Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Rồi Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Ta nghĩa này: "Thưa Thế Tôn! Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát?" Bấy giờ, Ta nói với Thích-đề-hoàn-nhân rằng: "Này Câu-dực! Nếu Tỳ-kheo nào thấu rõ được tất cả đều không thật có, hoàn toàn không có gì, cũng không có cái gì để chấp trước. Tỳ-kheo ấy hiểu rõ tất cả các pháp vốn không thật có. Do quán biết tất cả các pháp là vô thường, tịch lặng hoàn toàn, nhưng cũng không mất hẳn. Nhờ quán sát như vậy nên không có gì để đắm trước. Do không khởi niệm tưởng đắm trước thế gian nên không còn sợ hãi. Do không sợ hãi nên đạt được Niết-bàn, vị ấy như thật biết rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.' Này Thích-đề-hoàn-nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát." Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi trở về cõi trời.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

4. HAI HẠNG KHÔNG SỢ HÃI[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế gian có hai hạng, dù có gặp phải sấm rền, sét giật cũng không sợ hãi. Đó là hai hạng nào? Là loài sư tử, vua của muông thú và bậc A-la-hán lậu tận.[16] Này Tỳ-kheo, đó là hai hạng ở thế gian, dù có gặp phải sấm rền, sét giật cũng không sợ hãi.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học theo bậc A-la-hán lậu tận.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[15] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.19.4. 0594c13). Tham chiếu: *A*. 2.59 - I. 77.

[16] Lậu tận A-la-hán (漏盡阿羅漢): Bậc A-la-hán đã dứt sạch các phiền não.

5. ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÓ TRÍ TUỆ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp làm cho con người không có trí tuệ. Là hai pháp nào? Một là, không thích học hỏi những người hơn mình. Hai là, chỉ ham ngủ nghỉ, tâm không tinh tấn. Này các Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho con người không được trí tuệ.

Lại có hai pháp khiến cho con người thành tựu trí tuệ lớn. Là hai pháp gì? Một là, thích hỏi nghĩa với người khác. Hai là, không ham ngủ nghỉ, tâm luôn tinh tấn. Này các Tỳ-kheo, có hai pháp này giúp cho con người có được trí tuệ. Các thầy hãy học xa lìa những pháp xấu ác!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TÀI SẢN[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp khiến người nghèo hèn, không có tài sản. Đó là hai pháp nào? Một là, khi thấy người khác cúng dường, bố thí thì tìm cách ngăn cản; hai là, bản thân không chịu cúng dường, bố thí. Này các Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến người nghèo hèn, không có tài sản.

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp khiến người giàu sang. Đó là hai pháp gì? Một là, khi thấy người khác bố thí tài vật cho người thì hoan hỷ trợ giúp; hai là, tự thân cũng thích bố thí. Này các Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến người giàu sang.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học hạnh bố thí, lòng chớ tham lam.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[17] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.5. 0594c20).

[18] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.6. 0594c29).

7. NGHÈO KHỔ VÀ HÀO TỘC[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp khiến chúng sanh sanh vào nhà nghèo khổ. Đó là hai pháp gì? Một là, bất hiếu với cha mẹ và các bậc Sư trưởng. Hai là, không kính phụng người giỏi hơn mình. Này các Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến chúng sanh sanh vào nhà nghèo khổ.

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp khiến chúng sanh sanh vào nhà quyền quý. Đó là hai pháp gì? Một là, biết cung kính cha mẹ, anh em, dòng họ. Hai là, bố thí tài sản của mình. Này các Tỳ-kheo, có hai pháp này sẽ khiến chúng sanh sanh vào nhà hào tộc.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. PHẠM NỮ TU-THÂM[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật nhập Niết-bàn chưa bao lâu.[21] Bấy giờ, có con gái Phạm chí tên là Tu-thâm đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la.[22] Đến nơi, cô ấy đảnh lễ sát chân Tôn giả rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, cô Tu-thâm con gái Phạm chí kia bạch Tôn giả Đại Câu-hy-la:

– Tôn giả Ưu-đạp-lam-phất,[23] La-lặc-ca-lam[24] ở trong pháp sâu mầu của Thế Tôn mà rốt cuộc lại không nhận sự giáo hóa, rồi qua đời. Thế Tôn thọ ký cho hai vị này rằng: "Một người sanh vào Bất dụng xứ,[25] một người sanh vào Hữu tưởng vô tưởng xứ.[26] Sau khi tuổi thọ hết, họ qua đời, một người sanh làm quốc vương vùng biên địa, gây hại cho lê dân không thể tính kể. Một người sanh làm loài chồn ác có cánh, những loài thú biết bay hoặc biết chạy nhảy đều

---

[19] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.19.7. 0595a09).

[20] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.19.8. 0595a18).

[21] Nguyên tác: Nhất thời, Phật tại Xá-vệ quốc Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên (一時, 佛在舍衛國祇樹給孤獨園). Câu quán ngữ này không phù hợp, vì trong nội dung bài kinh này đã xác định rằng đức Phật đã nhập Niết-bàn (如來以取涅槃). Do y cứ vào đó nên đã sửa lại phần mở đầu.

[22] Đại Câu-hy-la (大拘絺羅, Mahākoṭṭhita), một trong những đệ tử ưu tú bậc nhất của đức Phật.

[23] Ưu-đạp-lam-phất (優蹋藍弗, Uddaka Rāmaputta) còn gọi là Uất-đầu-lam-phất.

[24] La-lặc-ca-lam (羅勒迦藍, Āḷāra Kālāma).

[25] Bất dụng xứ (不用處, *Ākiñcaññāyatana*) còn gọi là Vô sở hữu xứ.

[26] Hữu tưởng vô tưởng xứ (有想無想處, *Nevasaññā-nāsaññāyatana*) còn gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

không thoát khỏi tay nó. Và rồi sau khi mạng chung, họ sẽ sanh vào trong địa ngục." Tuy nhiên, Thế Tôn lại không thọ ký cho họ bao giờ sẽ dứt hết tận cùng biên tế sự khổ.[27] Vì sao Thế Tôn không thọ ký cho họ sẽ dứt hết tận cùng biên tế sự khổ, thưa Tôn giả?

Bấy giờ, Tôn giả Đại Câu-hy-la nói với cô Tu-thâm:

– Sở dĩ Thế Tôn không thọ ký, bởi vì không có người hỏi nghĩa này. Cho nên, Thế Tôn không thọ ký họ bao giờ sẽ dứt hết tận cùng biên tế sự khổ.

[0595b02] Cô Tu-thâm thưa:

– Hiện tại Như Lai đã vào Niết-bàn, cho nên con không hỏi được. Nếu Thế Tôn còn tại thế, con sẽ đến hỏi nghĩa này. Vậy nay xin Tôn giả Đại Câu-hy-la hãy nói cho con biết lúc nào họ sẽ dứt hết tận cùng biên tế sự khổ?

Bấy giờ, Tôn giả Đại Câu-hy-la liền nói kệ:

Quả báo vốn không đồng, Cõi chúng sanh sai khác,
Với tự giác, giác tha, Tôi không giải rõ được.
Với thiền trí, giải thoát, Thiên nhãn, nhớ kiếp trước,
Khéo dứt gốc khổ đau, Tôi không biện giải được.

Lúc đó, cô Tu-thâm liền nói kệ:

Thiện Thệ có trí này, Không tì vết, chính trực,
Dũng mãnh, con kính phục, Cầu học hạnh Đại thừa.

Lúc này, Tôn giả Đại Câu-hy-la lại nói kệ:

Cô phát tâm hiếm có, Sẽ lãnh hội pháp mầu,
Trí tôi chưa thâm sâu, Biện việc phi thường đó.

Bấy giờ, Tôn giả nói đầy đủ pháp yếu cho Tu-thâm nghe, cô liền khởi tâm hoan hỷ. Sau đó, cô rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Tôn giả rồi lui ra.

Bấy giờ, cô Tu-thâm nghe Tôn giả Đại Câu-hy-la dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

9. TÔN GIẢ CA-CHIÊN-DIÊN[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên[29] hướng dẫn đại chúng gồm năm trăm vị Tỳ-kheo du hành đến bên cạnh một hồ sâu, tại nước Bà-na.[30]

---

[27] Nguyên tác: Khổ tế (苦際, *dukkhassanta*): Giới hạn tận cùng của khổ, cũng tức là thân cuối cùng chịu khổ sanh tử. Theo *Kinh Trung A-hàm*, quyển 15.

[28] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.19.9. 0595b21). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.547. 0141c16); *A*. 2.38 - I. 62.

[29] Nguyên tác: Ma-ha Ca-già-diên (摩訶迦遮延, Mahākaccāna), tức là Ma-ha Ca-chiên-diên.

[30] Bà-na (婆那). P. Gundāvana.

Bấy giờ, danh tiếng của Tôn giả Ca-chiên-diên đã vang khắp bốn phương. Đúng lúc ấy, trưởng lão Bà-la-môn Gian-trà[31] cũng đang du hóa ở đây. Nghe tin Tôn giả Ca-chiên-diên dẫn đại chúng gồm năm trăm vị Tỳ-kheo đang du hóa bên cạnh hồ này, Bà-la-môn bèn nghĩ: "Tôn giả Ca-chiên-diên công đức đầy đủ, nay ta nên đến thăm hỏi người này."

Bấy giờ, trưởng lão Bà-la-môn dẫn theo năm trăm đệ tử đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên, chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Bà-la-môn kia trách cứ Tôn giả Ca-chiên-diên:

– Theo như cách hành xử của Tôn giả Ca-chiên-diên thì quả thật không đúng pháp tắc, luật lệ. Là Tỳ-kheo trẻ tuổi sao lại không chịu hành lễ với các vị cao đức Bà-la-môn chúng tôi!

[0595c01] Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

– Bà-la-môn nên biết, đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác chúng tôi có nói đến hai địa vị. Là hai địa vị nào? Một là, địa vị lão niên.[32] Hai là, địa vị tráng niên.

Bà-la-môn hỏi:

– Thế nào gọi là địa vị lão niên? Thế nào là địa vị tráng niên?

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp:

– Này Bà-la-môn, cho dù tuổi đã tám mươi hay chín mươi, nhưng người kia chưa dừng được dâm dục, làm các hạnh xấu ác. Này Bà-la-môn, đây gọi là người tuy già cả, nhưng hiện đang ở địa vị tráng niên.

Bà-la-môn hỏi:

– Thế nào gọi là tráng niên mà ở địa vị lão niên?

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp:

– Bà-la-môn, nếu có Tỳ-kheo tuy ở độ tuổi hai mươi, ba mươi, bốn mươi hay năm mươi, nhưng người kia không học theo thói dâm dục, cũng không làm điều xấu ác. Này Bà-la-môn, đây gọi là tráng niên mà ở địa vị lão niên.

Bà-la-môn hỏi:

– Trong đại chúng này, có Tỳ-kheo nào không hành dâm dục, không tạo hạnh xấu ác chăng?

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp:

– Trong đại chúng của tôi không có Tỳ-kheo nào học theo dâm dục hay tạo hạnh xấu ác cả.

Lúc ấy, Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân các Tỳ-kheo và nói lời này:

---

[31] Gian-trà (姦荼, *kaṇḍarāyana*).

[32] Lão địa (老地, *vuddhabhūmi*).

– Nay, các thầy tuy tuổi trẻ nhưng ở địa vị lão niên, còn tôi tuổi đã già mà lại ở địa vị tráng niên!

Sau đó Bà-la-môn kia đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên, đảnh lễ sát chân rồi tự trình bày:

– Nay, con xin quy y Tôn giả Ca-chiên-diên và Tỳ-kheo-tăng, suốt đời không sát sanh!

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

– Ông chớ nên quy y tôi mà hãy hướng về nơi tôi đã quy y!

Bà-la-môn hỏi:

– Tôn giả Ca-chiên-diên đã quy y ai?

Tôn giả Ca-chiên-diên liền quỳ gối, hướng về nơi Như Lai đã Niết-bàn và nói:

– Có người dòng họ Thích đã xuất gia học đạo. Tôi luôn quy y Ngài ấy. Ngài ấy chính là thầy của tôi.

Bà-la-môn thưa:

– Sa-môn Cù-đàm hiện đang ở đâu? Nay con muốn được gặp Ngài ấy.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

– Đức Như Lai ấy đã vào Niết-bàn rồi!

Bà-la-môn thưa:

– Nếu Như Lai còn tại thế thì dù cách trăm ngàn do-tuần con cũng đến thăm hỏi Ngài. Vị Như Lai ấy tuy đã vào Niết-bàn, nhưng nay một lần nữa con xin quy y đảnh lễ Phật, Pháp và Thánh chúng, nguyện suốt đời không phạm sát sanh!

Bấy giờ, trưởng lão Bà-la-môn nghe Tôn giả Ca-chiên-diên dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. THUYẾT PHÁP[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai hạng người xuất hiện ở thế gian, rất khó gặp được. Là hai hạng người nào? Một là, người giỏi thuyết pháp xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp. Hai là, người hay nghe pháp và biết thọ trì phụng hành, thật là khó gặp. Này các Tỳ-kheo, đó là hai hạng người xuất hiện ở thế gian, thật khó gặp được.

[33] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.19.10. 0596a08).

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học thuyết pháp, hãy học nghe pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

11. AM-BÀ-BÀ-LỢI[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt, lần hồi đến thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ngài cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo an trú trong vườn Am-bà-bà-lợi,[35] phía Bắc thành Tỳ-xá-ly.

Lúc này, cô gái Am-bà-bà-lợi[36] nghe tin Thế Tôn và năm trăm vị Tỳ-kheo đang an trú trong vườn này, liền ngồi trên cỗ xe gắn lông chim quý[37] đi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến ngả rẽ hẹp, cô tự xuống xe và đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn từ xa trông thấy cô ấy đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

– Tất cả các thầy hãy nhất tâm, chớ khởi niệm tà!

Lúc ấy, cô gái đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật và ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho cô. Sau khi nghe pháp vi diệu rồi, cô ấy bạch với đức Phật:

– Cúi xin Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo-tăng nhận lời mời thỉnh của con!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Cô thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi xin phép trở về.

Bấy giờ, nam nữ lớn nhỏ trong thành Tỳ-xá-ly đều hay tin Thế Tôn cùng với đại chúng gồm năm trăm vị Tỳ-kheo đang an trú trong vườn Am-bà-bà-lợi. Lúc ấy, trong thành có năm trăm đồng tử cỡi các cỗ xe lộng lẫy. Trong đó có người thì cỡi xe trắng ngựa trắng, y phục, dù lọng, tràng phan, tùy tùng cũng đồng màu trắng. Có người thì cỡi xe đỏ ngựa đỏ, y phục, dù lọng, tràng phan, tùy tùng cũng đồng màu đỏ. Có người thì cỡi xe xanh ngựa xanh, y phục, dù lọng, tràng phan, tùy tùng cũng đồng màu xanh. Có người thì cỡi xe vàng ngựa vàng, y phục, dù lọng, tràng phan, tùy tùng cũng đồng màu vàng. Dung nghi phục sức giống như hàng vương tôn công tử. Họ rời khỏi thành Tỳ-xá-ly để đến chỗ Thế Tôn. Trên đường đi, họ va phải xe của cô Am-bà-bà-lợi đang ngồi trên chiếc xe trâu đang chạy vào thành. Khi ấy, các đồng tử hỏi cô:

---

[34] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.11. 0595c29). Tham chiếu: *D*. 16. *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*).

[35] Am-bà-bà-lợi viên (闇婆婆利園, Ambapālivana).

[36] Am-bà-bà-lợi nữ (闇婆婆利女, Ambapāliganikā).

[37] Vũ bảo chi xa (羽寶之車): Cỗ xe được trang hoàng bằng 5 loại lông chim quý, là nghi trượng của bậc đế vương. Theo *Nhất thiết kinh âm nghĩa* 一切經音義 (*T*.54. 2128.74. 0787b07); *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích* 四分律名義標釋 (*X*.44. 0744.22. 0570c24).

– Cô là con gái, lẽ ra nên biết xấu hổ! Sao lại đánh xe chạy gấp vào thành như vậy?

[0596b01] Cô đáp:

– Các bạn hiền nên biết, tôi có thỉnh Phật và các Tỳ-kheo-tăng ngày mai đến thọ trai, cho nên mới đánh xe nhanh như vậy!

Các đồng tử nói:

– Chúng tôi cũng muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo-tăng thọ trai. Bây giờ, chúng tôi cho cô một ngàn lượng vàng ròng, đổi lại buổi thỉnh ngày mai cô để chúng tôi cúng dường.

Cô gái đáp:

– Thôi đi, quý công tử! Tôi không đồng ý!

Các đồng tử lại nói:

– Vậy chúng tôi cho cô hai ngàn lượng, ba ngàn lượng, bốn ngàn lượng, năm ngàn lượng, cho đến trăm ngàn lượng vàng. Cô đồng ý cho chúng tôi ngày mai thỉnh Phật và Tỳ-kheo-tăng thọ thực hay không?

Cô gái đáp:

– Tôi không đồng ý. Vì sao vậy? Vì Thế Tôn thường dạy: "Có hai ước muốn mà người đời không thể dứt bỏ. Là hai ước muốn gì? Đó là ước muốn lợi lộc và ước muốn mạng sống." Ai có thể đảm bảo cho tôi đến ngày mai? Tôi đã thỉnh Như Lai trước nên hôm nay phải chuẩn bị đầy đủ.

Các đồng tử phẩy tay nói:

– Chúng ta bao nhiêu người như vầy mà chẳng bằng một cô gái!

Nói rồi, họ bỏ đi. Bấy giờ, các đồng tử đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Khi thấy các đồng tử đến, Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo các thầy hãy nhìn dung nghi, phục sức của các đồng tử này, không khác gì Thiên Đế-thích lúc ra ngoài dạo chơi.

Rồi Thế Tôn nói với các đồng tử:

– Thế gian có hai việc rất khó làm được. Đó là hai việc gì? Một là, biết đền ân. Hai là, thọ ân nhỏ còn thường chẳng quên, huống là ân lớn. Này các đồng tử, đó gọi là hai việc rất khó làm được. Các đồng tử nên biết, phải nghĩ đến đền ân và biết cách để không quên ân nhỏ, huống là ân lớn.[38]

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ai tri ân, báo đáp,
Được người trí quý mến,
Người dạy dỗ, chẳng quên,
Danh vang khắp trời, người.

[38] Đoạn này tương đương ý kinh trong *A.* I. 61.

Thật vậy, này các đồng tử! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu đầy đủ cho các đồng tử. Sau khi nghe xong, họ từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ra về.

Cũng vào tối hôm đó, cô gái kia bày biện sẵn các món ăn uống ngon ngọt, trải các tọa cụ. Sáng sớm hôm sau, cô đến bạch Phật:

– Hiện tại cũng đã đúng thời, kính thỉnh Thế Tôn quang lâm tệ xá!

Bấy giờ, Thế Tôn đắp y, ôm bát, dẫn chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau đi đến nhà cô gái trong thành Tỳ-xá-ly.

Khi thấy Thế Tôn đã an tọa, cô ấy liền tự tay dâng thức ăn lên Phật và Tỳ-kheo-tăng. Đức Phật cùng Tỳ-kheo-tăng dùng cơm và rửa tay bằng nước sạch xong, cô liền lấy chiếc ghế nhỏ chạm vàng, đặt ngồi phía trước Thế Tôn.

[0596c02] Bấy giờ, cô ấy bạch với Thế Tôn:

– Vườn Am-bà-bà-lợi này, con xin thành kính cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo-tăng để chúng Tăng quá khứ, hiện tại và tương lai được dừng nghỉ ở đây. Ngưỡng mong Thế Tôn từ bi chấp thuận!

Lúc bấy giờ, Thế Tôn vì cô ấy mà nhận khu vườn này, rồi ban lời chú nguyện:

Cúng vườn quả xanh mát,
Làm cầu, đò đưa người,
Dựng nhà xí[39] bên đường,
Giúp mọi người khinh an.
Phước ấy không kể xiết,
Đêm ngày thường an yên,
Thành tựu các cấm giới,
Mạng chung sanh cõi trời.[40]

Sau khi nói lời ghi nhận này xong, Thế Tôn liền đứng dậy ra về.

Bấy giờ, nàng Am-bà-bà-lợi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[41]

Đoạn ái cập Sư tử,
Vô trí, Thiểu ư Tài,
Gia bần, Tu-thâm nữ
Ca-chiên, Pháp thuyết, Nữ.[42]

[39] Thanh xí (圊厠): Nhà vệ sinh công cộng.

[40] Bài kệ này tương đương với bài kệ trong *S.* I. 33.

[41] Nguyên tác Nhiếp tụng: 斷愛及師子; 無智, 少於財; 家貧, 須深, 女; 迦旃, 法說, 女. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

[42] Bản Hán, hết quyển 10.

20. PHẨM THIỆN TRI THỨC[1]

1. THIỆN TRI THỨC[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Hãy gần gũi thiện tri thức, chớ học theo nghiệp ác và hãy tin vào nghiệp ác. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo, gần gũi thiện tri thức thì niềm tin tăng trưởng, học rộng nghe nhiều, mở lòng bố thí và trí tuệ thảy đều tăng trưởng. Nếu các Tỳ-kheo gần gũi thiện tri thức thì không học theo các hạnh xấu ác. Vì sao như vậy? Vì nếu gần gũi ác tri thức sẽ không có niềm tin, không có giới, không được học rộng nghe nhiều, không mở lòng bố thí và trí tuệ cũng chẳng tăng trưởng. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy gần gũi thiện tri thức, chớ gần gũi ác tri thức.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. ÁC TRI THỨC[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt, đức Phật thuyết pháp cho năm trăm vị đại Tỳ-kheo nghe.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa[4] dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi ngang qua, cách Như Lai không xa. Từ xa, Thế Tôn trông thấy Đề-bà-đạt-đa tự dẫn môn đồ đi, liền nói kệ:

Chớ gần ác tri thức,
Cũng đừng dại theo hầu,
Nên gần thiện tri thức,
Bậc Tối Thắng cõi người.
Người vốn không xấu ác,
Nhưng gần gũi người ác,
Nên gốc ác nảy mầm,
Ở mãi trong tối tăm.

---

[1] Nguyên tác: *Thiện tri thức phẩm* 善知識品 (*T*.02. 0125.20. 0596c21).

[2] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.1. 0596c22).

[3] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.2. 0597a02).

[4] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜).

Lúc đó, sau khi nghe đức Thế Tôn nói kệ này, năm trăm đệ tử của Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Một lát sau, họ rời chỗ ngồi, hướng về Thế Tôn hối lỗi:

– Chúng con mê muội không hiểu biết gì. Kính xin Thế Tôn cho chúng con sám hối!

Bấy giờ, Thế Tôn nhận sự sám hối của năm trăm vị Tỳ-kheo kia, rồi giảng nói giáo pháp, giúp họ có được niềm tin kiên cố.

Sau đó, năm trăm Tỳ-kheo này ở nơi vắng vẻ, tư duy pháp mầu. Vì sao như vậy? Do lòng tin kiên cố mà con nhà hào tộc xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích tu Phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ, năm trăm Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. TÔN GIẢ ĐÀM-MA-LƯU-CHI[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho vô số tín chúng vây quanh. Lúc đó, Tôn giả Đàm-ma-lưu-chi ở trong tịnh thất, một mình tư duy, nhập thiền tam-muội, quán thấy đời trước mình từng làm một con cá thân dài bảy trăm do-tuần sống trong biển lớn. Tức thì, Tôn giả rời tịnh thất, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, đến biển lớn kia, đi kinh hành trên xác chết cũ. Khi ấy, Đàm-ma-lưu-chi nói kệ:

Kiếp sanh tử vô số,
Lưu chuyển mãi không cùng,
Ai cũng muốn được an,
Nhưng lại luôn chịu khổ.
Đã thấy sắp lìa đời,
Còn muốn dựng nhà cửa,
Xương cốt đã rã rời,
Hình hài đâu còn nữa!
Tâm đã lìa các hành,
Ái nhiễm đã dứt sạch,
Không còn thọ thân nữa,
Vui mãi trong Niết-bàn.

[0597b06] Nói kệ xong, Tôn giả Đàm-ma-lưu-chi liền biến mất khỏi nơi đó, rồi xuất hiện đến chỗ Thế Tôn, tại tinh xá Kỳ Hoàn, nước Xá-vệ.

Khi ấy, Thế Tôn thấy Đàm-ma-lưu-chi đến, liền bảo:

– Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi! Lâu rồi mới đến đây.

---

[5] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.20.3. 0597a22). Đàm-ma-lưu-chi (曇摩留支, S. Dharmaruci P. Dhammaruci), vị Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng đệ tử Thanh văn của đức Phật thích đến nhiều nơi, giáo hóa dân chúng. Theo *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.4. 0557c12); *Phân biệt công đức luận* 分別功德論 (*T*.25. 1507.4. 0045b09).

Đàm-ma-lưu-chi bạch Thế Tôn:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn! Lâu lắm rồi con mới đến đây.

Bấy giờ, chư Thượng tọa và các Tỳ-kheo đều suy nghĩ: "Đàm-ma-lưu-chi này thường ở bên cạnh Thế Tôn, nhưng sao nay Thế Tôn lại nói: 'Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi! Lâu rồi mới đến đây'?"

Thế Tôn biết được suy nghĩ của các Tỳ-kheo. Vì muốn dứt trừ nghi ngờ của họ nên Thế Tôn bèn nói:

– Không phải vì Đàm-ma-lưu-chi lâu rồi mới đến đây mà Ta nói như vậy. Vì sao? Vì vô số kiếp quá khứ xưa kia, có Định Quang[6] Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời, giáo hóa tại đại quốc Bát-ma, cùng với đại chúng một trăm bốn mươi tám ngàn vị Tỳ-kheo. Bấy giờ, số lượng bốn bộ chúng đông không thể tính kể. Quốc vương, đại thần, quan lại, nhân dân, đều đến cúng dường, cung cấp những vật phẩm cần thiết.

Khi đó, có Phạm chí tên Da-nhã-đạt đang sống bên cạnh núi Tuyết, là người rất giỏi đoán biết những việc thần bí, thông thạo thiên văn, am tường địa lý, biết hết kinh sách, chữ nghĩa, thuộc làu một câu năm trăm từ, cũng khéo biết rõ tướng mạo của bậc đại nhân. Ông ta thờ các thần lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú và sớm tối dạy dỗ năm trăm đệ tử không biết mỏi mệt. Phạm chí Da-nhã-đạt có người đệ tử tên là Vân Lôi, tướng mạo đoan chánh, hiếm có trên đời, đôi mắt màu xanh biếc. Phạm chí Vân Lôi thông minh hiểu rộng, thông suốt mọi việc, thường được Da-nhã-đạt quý mến, gần gũi không rời. Thế nên tất cả những chú thuật mà Da-nhã-đạt am hiểu, đều đem truyền dạy lại cho Vân Lôi.

Bấy giờ, Phạm chí Vân Lôi khởi lên ý nghĩ: "Nay ta đã học hiểu hết những gì đáng học rồi." Nhưng sau đó lại nghĩ: "Sách vở có ghi: 'Những Phạm chí có học, đã biết làm pháp thuật thì phải báo ơn thầy.' Hiện nay những gì cần học, ta đều thông hiểu hết. Nay ta cần phải đền đáp ơn thầy. Nhưng ta lại nghèo thiếu, không có vật gì giá trị để cúng dường thầy. Ta nên đi khắp nơi trong nước, tìm những thứ đáng giá."

[0597c04] Rồi Phạm chí Vân Lôi liền đến bên thầy mình, trình bạch với thầy: "Những pháp thuật mà Phạm chí cần học, nay con đã biết hết. Tuy nhiên sách vở có dạy: 'Người học hiểu pháp thuật rồi phải biết báo ơn thầy.' Nhưng con lại nghèo thiếu, không có vàng bạc châu báu đáng giá để cúng dường. Nay con muốn đi khắp nơi tìm kiếm tài vật để cúng dường thầy."

Bấy giờ, Phạm chí Da-nhã-đạt thầm nghĩ: "Phạm chí Vân Lôi này là người ta quý mến, luôn quan tâm, dù ta có chết cũng không muốn xa lìa, huống gì hôm nay muốn bỏ ta đi. Nay ta phải làm sao để giữ lại được đây?"

---

[6] Định Quang (錠光, Dīpaṅkara).

Khi đó, Phạm chí Da-nhã-đạt liền nói với Vân Lôi: "Này Phạm chí, nay vẫn còn có điều mà Phạm chí cần phải học, con vẫn còn điều chưa biết." Phạm chí Vân Lôi liền bạch: "Kính xin thầy chỉ dạy những gì con chưa đọc tụng!"

Lúc này, Phạm chí Da-nhã-đạt liền suy nghĩ và làm ra một bài tụng năm trăm từ rồi nói với Vân Lôi: "Ta có sách này gọi là bài tụng năm trăm từ, con nên học thuộc."

Vân Lôi thưa: "Mong thầy truyền dạy, con muốn được đọc tụng!"

Các thầy Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Da-nhã-đạt liền truyền cho đệ tử Vân Lôi bài tụng năm trăm từ này, nhưng chỉ vài ngày sau vị đệ tử đã làu thông hết.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Da-nhã-đạt nói với năm trăm đệ tử: "Phạm chí Vân Lôi này đã học xong mọi phương thuật, không việc gì không biết. Nay ta đặt tên là Siêu Thuật. Phạm chí Siêu Thuật này thật sự rất có tài, thiên văn, địa lý thảy đều thấu suốt, biết hết kinh sách, chữ nghĩa."

Vài ngày sau, Phạm chí Siêu Thuật lại đến bạch thầy: "Những pháp thuật mà Phạm chí phải học, nay con đều học hết rồi. Nhưng sách vở có ghi: 'Những người đã học qua pháp thuật rồi phải báo ơn thầy.' Nhưng con thì nghèo thiếu, không có vàng bạc châu báu để cúng dường thầy. Nay con muốn đi khắp nơi trong nước tìm kiếm tài vật để cúng dường thầy. Kính xin thầy chấp thuận!" Bà-la-môn Da-nhã-đạt nói: "Con nên biết, đã đúng thời!"

Bà-la-môn Siêu Thuật liền đến trước, lạy sát chân thầy rồi ra đi.

[0598a02] Bấy giờ, ở đại quốc Bát-ma, cách thành không xa, có chúng Phạm chí đang tập hợp một chỗ, cùng thiết đại tế đàn và cũng để giảng luận. Lúc đó, có tám mươi bốn ngàn Phạm chí cùng tụ họp một nơi. Vị thượng tọa lớn nhất đọc tụng làu thông kinh sách Vệ-đà, thảy đều rất thành thạo, thiên văn, địa lý, tinh tú biến hiện lạ lùng thảy đều tinh tường. Khi chúng hội giải tán, họ đem năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, một chậu rửa bằng vàng và một ngàn con bò, dâng lên cúng dường cho vị thượng sư và thượng tọa lớn nhất.

Bấy giờ, Phạm chí Siêu Thuật hay tin cách đại quốc Bát-ma không xa, có tám mươi bốn ngàn Bà-la-môn đang tụ họp lại một nơi, họ cùng thi thố pháp thuật. Người thắng sẽ được năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, một chậu rửa bằng vàng và một ngàn con bò. Bà-la-môn Siêu Thuật nghĩ thầm: "Nay cớ gì ta phải đi xin từng nhà? Chi bằng đến chỗ hội chúng kia để cùng so tài nghệ." Thế rồi, Phạm chí Siêu Thuật liền đến nơi đó.

Bấy giờ, rất đông Phạm chí từ xa trông thấy Phạm chí Siêu Thuật đang đến, mỗi người đều tự hô to: "Lành thay, đàn chủ![7] Nay được lợi lớn mới khiến Phạm thiên đích thân giáng lâm."

Khi ấy, tám vạn bốn ngàn Bà-la-môn đều đứng dậy nghinh đón, đồng thanh nói rằng: "Quý thay, ngài đến đây, thiên thần Đại phạm!"

[7] Nguyên tác: Từ chủ (祠主), người đứng ra tổ chức tế đàn.

Bấy giờ, Phạm chí Siêu Thuật suy nghĩ: "Các Bà-la-môn này gọi ta là Phạm thiên, nhưng ta lại chẳng phải Phạm thiên!"

Rồi Bà-la-môn Siêu Thuật nói với các Bà-la-môn: "Thôi, thôi, chư Hiền! Đừng gọi tôi là Phạm thiên. Quý vị lẽ nào chưa từng nghe nói, phía Bắc núi Tuyết có vị đại sư của chúng Bà-la-môn tên là Da-nhã-đạt, rất thông thiên văn, rành địa lý ư?"

Các Bà-la-môn nói: "Chúng tôi có nghe danh nhưng chưa từng được gặp."

Phạm chí Siêu Thuật nói: "Tôi chính là đệ tử của vị ấy, tên là Siêu Thuật."

Rồi Phạm chí Siêu Thuật liền quay sang vị thượng tọa lớn nhất trong hội chúng ấy thưa: "Nếu ngài biết các pháp thuật, xin chỉ bày cho tôi!"

Bấy giờ, vị thượng tọa trong chúng kia liền quay sang Phạm chí Siêu Thuật tụng ba tạng Vệ-đà[8] không chút sai sót. Bà-la-môn Siêu Thuật lại nói với vị thượng tọa kia: "Một câu năm trăm từ, xin ngài hãy đọc giúp cho!"

Lúc đó, vị thượng tọa kia nói: "Tôi không hiểu ý này. Thế nào là một câu năm trăm từ?"

Lúc này, Bà-la-môn Siêu Thuật bảo: "Quý vị hãy yên lặng nghe tôi đọc một câu năm trăm từ nói về tướng của bậc đại nhân."

[0598b01] Các thầy Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật liền tụng thuộc ba tạng Vệ-đà và một câu năm trăm từ về tướng của bậc đại nhân. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn Bà-la-môn đều ngợi khen: "Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Trước đây chúng ta chưa nghe một câu năm trăm từ nói về tướng của bậc đại nhân. Nay Tôn giả xứng đáng đứng trên vị thượng tọa lớn nhất này."

Bấy giờ, Bà-la-môn Siêu Thuật được ngồi vào vị trí của thượng tọa, liền trở thành người đứng đầu trong hàng thượng tọa. Lúc đó, vị thượng tọa của hội chúng kia vô cùng tức giận, phát lời thệ nguyện: "Hôm nay, người này đã chiếm vị trí của ta để tự ngồi vào đó. Nay tất cả phước báu mà ta có được nhờ tụng kinh, trì giới, khổ hạnh, ta đều đem để hết vào lời thề này: 'Người này sanh ra bất cứ nơi đâu, muốn làm bất cứ việc gì, ta đều luôn đi theo phá hỏng công sức của hắn.'"

Lúc đó, thí chủ cúng tế liền bỏ ra năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, một chậu rửa bằng vàng, một ngàn con bò và một cô gái đẹp, đem dâng thượng tọa Siêu Thuật để chú nguyện.

Bấy giờ, thượng tọa Siêu Thuật nói với thí chủ: "Nay tôi xin nhận năm trăm lượng vàng, gậy vàng và chậu rửa bằng vàng này để cúng dường thầy tôi. Còn cô gái và một ngàn con bò này trả lại cho thí chủ. Vì sao như vậy? Vì tôi không học theo thói dục, cũng không cất chứa của cải."

Sau khi nhận gậy và chậu rửa bằng vàng xong, Phạm chí Siêu Thuật liền đi đến đại quốc Bát-ma. Vua nước ấy tên là Quang Minh. Bấy giờ, vua đang thỉnh

[8] Nguyên tác: Tam tạng chi thuật (三藏技術).

Định Quang Như Lai và chúng Tỳ-kheo để cúng dường y phục và thực phẩm nên đã thông báo với dân chúng trong thành: "Ai có hương hoa đều không được bán, nếu người nào bán sẽ bị phạt nặng. Trẫm sẽ chi tiền mua hết, không cần đem bán cho người khác." Lại truyền lệnh đến dân chúng quét dọn đường sá sạch sẽ, không để đất cát dơ bẩn, đồng thời treo giăng phướn lọng, rưới nước thơm trên mặt đất, trỗi kỹ nhạc xướng ca, trang nghiêm không kể xiết.

Bấy giờ, Phạm chí Siêu Thuật thấy vậy, liền hỏi người đi đường rằng: "Hôm nay là ngày gì mà quét dọn đường sá sạch sẽ, dọn dẹp rác bẩn, treo giăng phướn lọng không thể tính kể. Chẳng lẽ thái tử của Quốc vương kết hôn chăng?"

Người đi đường đáp: "Phạm chí không biết sao? Hôm nay, đức vua đại quốc Bát-ma có thỉnh Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác để cúng dường y phục và ẩm thực, nên mới truyền lệnh dọn dẹp đường sá, treo giăng phướn lọng." Hơn nữa, trong bí điển của Bà-la-môn cũng có ghi: "Như Lai thị hiện ở đời rất khó gặp được. Như Lai rất lâu mới thị hiện, thật khó có thể gặp. Như hoa Ưu-đàm-bát, rất lâu mới nở một lần." Đây cũng như vậy, Như Lai thị hiện ở đời, rất khó gặp được. Trong sách Bà-la-môn cũng có ghi: "Có hai hạng người xuất hiện ở đời, rất khó gặp được. Đó là Như Lai và Chuyển Luân Thánh vương. Hai người này xuất hiện ở đời, rất khó gặp được."

Bấy giờ, Phạm chí Siêu Thuật kia suy nghĩ: "Ta đâu cần vội báo ân thầy? Nay ta hãy đem năm trăm lượng vàng này dâng lên đức Định Quang Như Lai." Rồi ông lại suy nghĩ: "Kinh sách có ghi, đấng Như Lai không nhận vàng bạc châu báu, vậy ta nên đem năm trăm lượng vàng này để mua hương hoa rải cúng Như Lai."

[0598c08] Lúc đó, Phạm chí Siêu Thuật liền vào trong thành tìm mua hương hoa. Bấy giờ, người trong thành nói: "Phạm chí không biết sao? Quốc vương có lệnh, ai bán hương hoa sẽ bị phạt nặng." Lúc này, Phạm chí Siêu Thuật liền nghĩ: "Ta thật phước mỏng, tìm hương hoa chẳng được, biết làm thế nào?" Rồi ông trở ra ngoài thành, tựa cửa đứng đợi.

Khi ấy, có cô gái Bà-la-môn tên là Thiện Vị mang bình đi lấy nước, trên tay có cầm năm cành hoa. Phạm chí nhìn thấy, liền nói với cô gái kia:

"Này em gái, tôi đang cần hoa, em hãy bán cho tôi!"

Cô gái Bà-la-môn nói:

"Tôi là em gái ông khi nào? Ông có biết cha mẹ tôi không?"

Khi ấy, Phạm chí Siêu Thuật suy nghĩ, cô gái này tánh tình phóng khoáng, có ý đùa giỡn, nên Phạm chí mới nói lại:

"Thưa cô, tôi sẽ trả giá phải chăng, mong cô để lại cho tôi hoa này!"

Cô gái Bà-la-môn đáp:

"Ông lẽ nào không nghe Đại vương nghiêm cấm bán hương hoa sao?"

Phạm chí Siêu Thuật nói:

"Thưa cô, việc này không khó. Vua không làm gì cô đâu. Nay tôi cần gấp năm cành hoa này. Tôi có được hoa, cô được nhiều tiền."

Cô gái Bà-la-môn hỏi:

"Ông cần gấp hoa để làm gì?"

Phạm chí đáp:

"Nay tôi gặp được đất lành nên muốn trồng hoa này."

Cô gái Bà-la-môn nói:

"Hoa này đã đứt rễ, không thể sống được, sao ông lại nói muốn trồng?"

Phạm chí đáp:

"Hôm nay, tôi gặp ruộng lành, trồng tro nguội cũng sống, huống là hoa này."

Cô gái Bà-la-môn hỏi:

"Ruộng tốt gì mà trồng tro nguội cũng sống?"

Phạm chí đáp:

"Thưa cô, có Phật Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời."

Cô gái Bà-la-môn hỏi:

"Phật Định Quang Như Lai là người thế nào?"

Phạm chí đáp:

"Định Quang Như Lai là người có đức như vậy, có giới như vậy, đã thành tựu các công đức."

Cô gái Bà-la-môn nói:

"Giả như vị ấy có công đức thì ông muốn cầu phước gì?"

Phạm chí đáp:

"Nguyện đời sau tôi sẽ giống như Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Công đức trì giới cũng sẽ thành tựu như vậy."

[0599a03] Cô gái Bà-la-môn nói:

"Nếu ông hứa đời đời làm chồng tôi thì tôi sẽ cho ông hoa này."

Phạm chí Siêu Thuật nói:

"Hiện tại, điều mà tôi hành trì chính là tâm không đắm dục."

Cô gái Bà-la-môn nói:

"Thân tôi đời này không mong làm vợ ông, tôi chỉ mong đời sau được làm vợ ông."

Phạm chí Siêu Thuật nói:

"Việc làm của Bồ-tát là không có luyến ái. Nếu cô làm vợ tôi, tức là nhiễu hại tâm tôi."

Cô gái Bà-la-môn nói:

"Tôi quyết không hủy hoại tâm bố thí của ông. Cho dù ông đem thân tôi để bố thí cho người khác, tôi cũng tán thành tâm nguyện bố thí của ông."

Khi ấy, Phạm chí này liền đem năm trăm lượng vàng để mua năm cành hoa, rồi cùng lập thệ nguyện với người nữ kia, sau đó từ biệt ra đi.

Bấy giờ, Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác đúng thời, đắp y, ôm bát cùng với đại chúng Tỳ-kheo lần lượt đi vào đại quốc Bát-ma. Phạm chí Siêu Thuật từ xa trông thấy đức Định Quang Như Lai dung mạo đoan chánh, ai thấy cũng hoan hỷ, lại thêm các căn tịch tĩnh, bước đi chánh niệm, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, giống như nước lắng sạch, không có bợn dơ, như ánh sáng chiếu khắp, không gì ngăn ngại, như núi báu xuất hiện trên các núi. Thấy rồi, Phạm chí Siêu Thuật liền phát tâm hoan hỷ đối với Như Lai, bèn cầm năm cành hoa này đến chỗ Định Quang Như Lai, đến rồi đứng qua một bên. Sau đó, Phạm chí bạch Phật Định Quang:

"Kính xin Thế Tôn thọ nhận và thọ ký cho con! Nếu nay Thế Tôn không thọ ký, con sẽ chấm dứt sanh mạng ngay tại nơi này, không mong sống nữa."

Bấy giờ, Thế Tôn mới bảo:

"Này Phạm chí, không thể chỉ với năm cành hoa này mà muốn được thọ ký Vô Thượng Đẳng Chánh Giác."

Phạm chí thưa:

"Kính xin Thế Tôn nói cho con nghe pháp tu của Bồ-tát!"

Đức Phật Định Quang bảo:

"Pháp tu của Bồ-tát là không yêu tiếc."

Bấy giờ, Phạm chí liền nói kệ:

Không dám đem mẹ, cha, Bố thí cho người ngoài,
Chư Phật, bậc cao cả, Càng không dám cho ai.
Trời, trăng xoay giữa đời, Vật chẳng thể cho đi,
Còn lại đều cho hết, Ý quyết, chẳng khó gì.

Bấy giờ, Phật Định Quang dùng lời kệ đáp lại Phạm chí:

Sự thí mà ông nói, Chẳng phải pháp Như Lai,
Nếu trải muôn kiếp khổ, Thí đầu, mắt, mũi, tai,
Vợ, con, xe, ngựa, nước, Cùng tôi tớ, tiền tài,
Nếu ông đem cho cả, Ta thọ ký chẳng sai!

Bấy giờ, thanh niên Phạm chí[9] lại nói kệ này:

Núi lớn nóng như lửa, Dẫu muôn kiếp đội nâng,
Vẫn không hoại đạo tâm, Kính xin Ngài thọ ký.

[9] Nguyên tác: Ma-nạp (摩納, *māṇava*), chỉ cho Phạm chí trẻ tuổi.

Bấy giờ, Định Quang Như Lai lặng thinh không nói. Phạm chí kia tay cầm năm cành hoa, quỳ gối phải sát đất, dâng lên Định Quang Như Lai và nói:

"Nguyện nhờ phước lành này mà con đời sau được giống như Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, không có khác biệt."

Rồi ông tự trải tóc mình lên vũng bùn và bạch tiếp:

"Nếu Như Lai thọ ký cho con thì hãy giẫm chân lên tóc con mà đi qua."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Định Quang Như Lai quán biết suy nghĩ trong tâm Phạm chí, liền thọ ký cho Phạm chí:

"Vào đời tương lai, ông sẽ làm Phật Thích-ca,[10] Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác."

Bấy giờ, Phạm chí Siêu Thuật có người đồng học tên là Đàm-ma-lưu-chi đang đứng bên cạnh. Ông ta thấy Định Quang Như Lai thọ ký cho Phạm chí Siêu Thuật, lại còn dùng chân đạp lên tóc, liền nói:

"Sa-môn đầu trọc này sao nỡ giẫm chân lên tóc của Bà-la-môn thanh tịnh? Đây chẳng phải hành vi của con người."

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ nghĩ Phạm chí Da-nhã-đạt thuở xưa là người nào khác. Vì sao như thế? Vì Da-nhã-đạt thuở ấy, nay chính là Vua Tịnh Phạn. Vị thượng tọa của tám mươi bốn ngàn Bà-la-môn lúc đó, nay là Đề-bà-đạt-đa. Phạm chí Siêu Thuật lúc đó, nay chính là Như Lai. Cô gái Phạm chí bán hoa lúc đó, nay chính là Cù-di.[11] Đàn chủ lúc ấy, nay chính là Phạm chí Chấp Trượng.[12] Đàm-ma-lưu-chi tạo khẩu nghiệp, buông lời thô bỉ lúc đó nay chính là Đàm-ma-lưu-chi. Trong vô số kiếp sau đó, Đàm-ma-lưu-chi thường làm thân súc sanh, thọ thân sau cùng cũng làm thân cá dài bảy trăm do-tuần sống trong biển lớn. Thân cá đó sau khi qua đời thì sanh đến nơi này, theo hầu thiện tri thức, thường gần gũi thiện tri thức, học tập các pháp lành, các căn thông lợi. Nhờ nhân duyên này nên Như Lai mới nói với ông ấy: "Lâu rồi mới đến đây."

Đàm-ma-lưu-chi cũng tự trình bày:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn! Lâu rồi con mới đến đây.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Thường phải tu tập thân, khẩu, ý nghiệp.

---

[10] Nguyên tác: Thích-ca-văn (釋迦文), phiên âm từ Sākyamuni.

[11] Cù-di (瞿夷, Gopikā, Gopī, Gopā). Theo *Phật thuyết thập nhị du kinh* 佛說十二遊經 (*T*.04. 0195. 0146c19-26), Cù-di là đệ nhất phu nhân của Thái tử Tất-đạt-đa. Cù-di là con gái của trưởng giả Thủy Quang. Tương truyền, lúc cô gái này mới sanh thì ánh sáng mặt trời biến mất, chỉ còn ánh sáng chói lòa trong nhà của trưởng giả, nhân đó đặt tên là Cù-di, nghĩa là Minh Nữ (明女). Phu nhân thứ hai sanh La-hầu tên là Da-duy-đàn (耶惟檀, Yasodhara) và phu nhân thứ ba tên là Lộc Dã (鹿野). *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.17. 0182b13) dẫn *Kinh La-hầu-la mẫu bổn sanh* cho rằng, Bồ-tát Thích-ca-văn có 2 phu nhân, một người tên Tỳ-da, một người tên Da-thâu-đà-la, Da-thâu-đà-la là mẹ của La-hầu-la. (如'羅睺羅母本生經'中說: 釋迦文菩薩有二夫人, 一名毘耶, 二名耶輸陀羅. 耶輸陀羅, 羅睺羅母也).

[12] Nguyên tác: Chấp Trượng Phạm chí (執杖梵志, Daṇḍapāṇī).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. THÍ DỤ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói về hai hạng người, đó là hạng người giống như sư tử và hạng người giống như loài dê, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn dạy:

– Thế nào là người giống như sư tử? Ở đây, này các Tỳ-kheo, như có người được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm đệm lót, thuốc thang trị bệnh. Sau khi được cúng, vị ấy tự dùng, nhưng không khởi tâm đắm trước, cũng không có ý tham cầu, không khởi các tưởng, hoàn toàn không có những niệm này, tự biết pháp xuất yếu.[14] Cho dù vị ấy không được lợi dưỡng, cũng không khởi niệm tạp loạn, tâm luôn an định, giống như sư tử ăn thịt thú nhỏ. Khi ăn, loài sư tử này cũng không nghĩ: "Thịt con này ngon, thịt con kia dở, không khởi tâm đắm nhiễm, cũng không có ý tham cầu, không khởi các tưởng." Người này cũng như vậy, nếu được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm đệm lót, thuốc thang trị bệnh, vị ấy tự mình dùng, nhưng không khởi tâm đắm trước. Giả sử không được cúng dường, vị ấy cũng không khởi các niệm tưởng.

Trái lại, có người nhận cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm đệm lót, thuốc thang trị bệnh. Sau khi được cúng, vị ấy liền tự mình dùng, nhưng lại khởi tâm nhiễm trước, sanh tâm tham cầu, không biết pháp xuất yếu. Nếu như không được cúng dường thì vị ấy thường khởi niệm tưởng, còn nếu được cúng dường thì lại sanh tâm kiêu ngạo tự cao đối với các Tỳ-kheo khác, thường chê bai các Tỳ-kheo khác: "Ta được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm đệm lót, thuốc thang trị bệnh, các Tỳ-kheo khác không được cúng dường." Giống như trong bầy dê lớn, có một con dê rời khỏi bầy, đi đến đống phân lớn. Con dê này ăn phân no rồi, trở về bầy dê, tự mình kiêu ngạo tự cao: "Ta được thức ăn ngon, còn những con dê này không được ăn." Ở đây cũng vậy, có người được lợi dưỡng, y phục, giường nằm đệm lót, thuốc thang trị

[13] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.20.4. 0599c05).

[14] Xuất yếu (出要) đồng nghĩa với "xuất ly", con đường thiết yếu giúp ra khỏi sanh tử.

bệnh, liền khởi các loạn tưởng, sanh tâm đắm nhiễm, tự mình kiêu ngạo tự cao đối với các Tỳ-kheo khác: "Ta được cúng dường, còn các Tỳ-kheo này không được cúng dường."

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học như loài sư tử chúa, chớ học theo thói loài dê.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BÁO ĐÁP[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Nếu có người nào biết báo ân thì người ấy rất đáng kính, ân nhỏ còn không quên huống là ân lớn! Cho dù người đó ở cách xa Như Lai đến ngàn do-tuần, trăm ngàn do-tuần vẫn không hề xa, như ở gần bên Như Lai không khác. Vì sao như vậy? Tỳ-kheo nên biết, vì Như Lai luôn khen ngợi người biết báo đáp.

Nếu người nào không biết báo đáp, ân lớn còn quên huống gì ân nhỏ, người đó chẳng gần Như Lai, Như Lai không gần người đó. Cho dù họ có khoác Tăng-già-lê hầu hạ bên cạnh Như Lai thì cũng như cách xa Như Lai. Vì sao như vậy? Vì Như Lai chẳng bao giờ nhắc đến người không biết báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải thường nghĩ đến báo đáp, chớ tập theo tính không biết báo đáp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TINH TẤN[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Những ai lười biếng, gieo nghiệp bất thiện, sẽ bị tổn hại trong mọi việc làm. Người nào siêng năng, không hề biếng nhác, người này tuyệt diệu, sẽ được

[15] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.5. 0600a05). Tham chiếu: *A.* 2.32 - I. 62; *It.* 90.

[16] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.6. 0600a17).

tăng trưởng về các thiện pháp. Vì sao như vậy? Vì Bồ-tát Di-lặc còn trải qua ba mươi kiếp nữa mới thành Phật, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Như Lai nhờ vào sức tinh tấn và tâm dũng mãnh mà bỏ Di-lặc lại phía sau.[17] Vô số các Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác[18] ở thời quá khứ đều nhờ tinh tấn dũng mãnh mà được thành Phật. Do nhân duyên này mà biết, người nào lười biếng là khổ, tạo các nghiệp ác sẽ bị tổn hại trong mọi việc làm. Nếu ai có tâm tinh tấn dũng mãnh, vững chắc thì sẽ được tăng trưởng các công đức thiện lành.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy luôn tinh tấn, chớ có biếng lười.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. CHỈ VÀ QUÁN[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo ở chốn a-lan-nhã nên tu hành hai pháp. Đó là pháp chỉ và pháp quán.

Nếu Tỳ-kheo A-lan-nhã đạt được sự tĩnh chỉ thì thành tựu giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm giới, tạo các công đức. Nếu Tỳ-kheo A-lan-nhã đạt được pháp quán rồi, vị ấy liền quán đây là khổ, biết như thật rằng đây là khổ; lại quán nguyên nhân của khổ, quán sự diệt hết khổ và quán con đường đưa đến sự diệt hết khổ và biết một cách như thật về chúng. Vị ấy quán sát như vậy rồi nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Các vị Như Lai, Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác thời quá khứ, đều nhờ hai pháp này mà được thành tựu. Vì sao như vậy? Giống như khi Bồ-tát ngồi nơi cội Thọ vương,[20] trước tiên là tư duy pháp chỉ và pháp quán này. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đã được pháp chỉ rồi, sẽ có thể hàng phục các ma oán. Nếu Bồ-tát đã được pháp quán rồi thì lập tức thành tựu Tam đạt trí,[21] chứng đắc Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác.

---

[17] Đức Phật Thích-ca và Phật Di-lặc cùng phát tâm một lần, nhưng Phật Thích-ca thành Phật trước nhờ siêng năng tinh tấn.

[18] Nguyên tác: Đa-tát-a-kiệt, A-la-ha, Tam-da-tam Phật (多薩阿竭, 阿羅訶, 三耶三佛).

[19] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.7. 0600a29). Tham chiếu: *A.* 2.31 - I. 60.

[20] Thọ vương (樹王) chỉ cho cội Bồ-đề.

[21] Tam đạt trí (三達智) tức là Túc mạng trí (宿命智), Thiên nhãn trí (天眼智) và Lậu tận trí (漏盡智). Với bậc A-la-hán thì gọi là Tam đạt (三達), với đức Phật thì gọi là Tam minh (三明).

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo A-lan-nhã nên tìm phương tiện tu tập hai pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. TỲ-KHEO A-LAN-NHÃ[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo A-lan-nhã sống nơi yên tĩnh, không sống trong chúng thì thường phải cung kính, phát tâm hoan hỷ. Nếu như Tỳ-kheo A-lan-nhã sống nơi yên tĩnh mà không biết cung kính, không phát tâm hoan hỷ thì lúc ở giữa đại chúng sẽ bị người khác chê trách là không biết pháp của A-lan-nhã, họ bảo rằng: "Tỳ-kheo A-lan-nhã này không có tâm cung kính, không phát tâm hoan hỷ."

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo A-lan-nhã sống ở nơi yên tĩnh, không ở trong chúng thì thường phải tinh tấn, chớ có lười biếng, phải hiểu rõ yếu chỉ các pháp. Nếu Tỳ-kheo A-lan-nhã nào ở nơi yên tĩnh mà có tâm lười biếng, tạo các nghiệp ác thì vị ấy ở giữa đại chúng sẽ bị người khác chê trách: "Tỳ-kheo A-lan-nhã này lười biếng, không biết tinh tấn."

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo A-lan-nhã ở nơi yên tĩnh, không ở trong chúng thì thường phải quyết chí phát tâm hoan hỷ, chớ có biếng lười và không biết cung kính, thường nhớ tinh tấn, ý không lay chuyển, ắt sẽ đầy đủ tất cả thiện pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

[0600c02] Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. HAI HẠNG NGƯỜI[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[22] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.8. 0600b17).

[23] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.9. 0600c03).

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có hai hạng người không thể khéo giảng pháp cho họ. Là hai hạng người nào? Một là, giảng về niềm tin cho người không có niềm tin, việc này rất khó. Hai là, giảng về sự bố thí cho người tham lam, bỏn xẻn, đây cũng rất khó.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Nếu giảng pháp về niềm tin cho người không có niềm tin sẽ khiến họ nổi tâm sân hận, sanh tâm gây tổn hại. Giống như con chó dữ, lại còn bị thương [ở] lỗ mũi thì nó càng trở nên hung dữ.[24] Này các Tỳ-kheo, việc này cũng như vậy, nếu giảng pháp về niềm tin cho người không có niềm tin, sẽ khiến họ nổi tâm sân hận, sanh tâm gây tổn hại.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu giảng pháp về sự bố thí cho người tham lam, bỏn xẻn sẽ khiến họ nổi tâm sân hận, sanh tâm gây tổn hại. Giống như mụt nhọt chưa đến kỳ mà lại dùng dao khoét cắt, sẽ đau không chịu nổi. Việc này cũng như vậy, nếu giảng pháp về sự bố thí cho người tham lam, bỏn xẻn sẽ khiến họ nổi tâm sân hận, sanh tâm gây tổn hại.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai hạng người rất khó giảng pháp cho họ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, có hai hạng người rất dễ giảng pháp cho họ. Là hai hạng người nào? Một là, giảng về niềm tin cho người có niềm tin. Hai là, giảng về sự bố thí cho người không tham lam, bỏn xẻn. Này các Tỳ-kheo, thuyết pháp về niềm tin cho người có niềm tin thì họ liền phát tâm hoan hỷ, lòng không lay chuyển hay hối tiếc. Giống như người bị bệnh, được chỉ cho thuốc trừ bệnh thì bệnh được bình phục. Đây cũng như vậy, giảng pháp về niềm tin cho người có niềm tin thì họ liền hoan hỷ, tâm không dời đổi.

Nếu giảng pháp về sự bố thí cho người không tham lam, bỏn xẻn thì họ liền hoan hỷ, không có tâm hối tiếc. Giống như các chàng trai, cô gái xinh đẹp, đoan chánh, thích tắm rửa sạch sẽ, lại còn được người khác mang hoa đẹp đến đeo cho, khiến dung sắc càng thêm xinh tươi. Các chàng trai, cô gái này lại đem y phục, trang sức tốt đẹp của mình tặng lại những người kia. Người kia được vậy, lòng càng hoan hỷ. Đây cũng như vậy, giảng pháp về sự bố thí cho người không tham lam, bỏn xẻn, họ liền sanh tâm hoan hỷ, không có hối tiếc.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai hạng người dễ thuyết pháp cho họ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu tập về niềm tin, hãy tu tập về bố thí, chớ có xan tham.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[24] *S.* II. 42 cũng có ví dụ tương đương: "Ví như, này các Tỳ-kheo, đem bóp nát lá gan trước lỗ mũi một con chó dữ. Như vậy, con chó ấy lại càng dữ tợn bội phần" (HT. Thích Minh Châu dịch).

10. HAI PHÁP BỐ THÍ[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[0601a01] Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp bố thí làm cho người phàm phu được công đức lớn, được phước báu lớn, nếm vị giải thoát, đến chỗ vô vi. Là hai pháp nào?

Một là, cúng dường cho cha mẹ. Nếu cúng dường hai người này sẽ được công đức lớn, được phước báu lớn.

Hai là, cúng dường cho Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ[26] sẽ được công đức lớn, được phước báu lớn, nếm vị giải thoát, đến chỗ vô vi.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn nhớ hiếu thuận và phụng dưỡng cha mẹ.

Này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

11. HAI BẬC ÂN NẶNG[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có hai hạng người cho dù khuyến hóa họ làm điều thiện, cũng không thể nào báo đáp trọn vẹn ân đức. Đó là cha và mẹ.

Này các Tỳ-kheo, nếu có người vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ, trải qua trăm ngàn năm, chăm lo y phục, cơm nước, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, đại tiện, tiểu tiện ngay ở trên vai, cũng không thể nào báo đáp trọn vẹn ân đức. Tỳ-kheo nên biết, ân cha mẹ rất nặng, ẵm bồng, nuôi dưỡng, luôn bảo vệ chở che con cái không phút xao lãng, xem con cái như mặt trời, mặt trăng. Qua đó đủ thấy ân cha mẹ thật khó báo đáp.

---

[25] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.10. 0600c29).

[26] Nhất sanh bổ xứ (一生補處). Theo *Tam Di-lặc kinh sớ* 三彌勒經疏 (*T.*38. 1774. 0313a16), người còn chịu sanh tử lần cuối cùng, rồi sanh lại nhân gian và thành Phật ở một phương gọi là "Nhất sanh bổ xứ" (最後死而生人方成佛. 名一 生補處).

[27] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.11. 0601a10). Tham chiếu: *Kinh bốn hạng vợ*, số 9, phẩm 51, tr. 987 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.9. 0820c03); *Phật thuyết A-túc-đạt kinh* 佛說阿遫達經 (*T.*02. 0141. 0863a21); *Phật thuyết Ngọc-da nữ kinh* 佛說玉耶女經 (*T.*02. 0142a. 0863c15); *Ngọc-da nữ kinh* 玉耶女經 (*T.*02. 0142b. 0864c07); *Ngọc-da kinh* 玉耶經 (*T.*02. 0143. 0865c20); *A.* 2.33 - I. 60; *A.* 7.63 - IV. 91.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải biết phụng dưỡng cha mẹ, phải luôn hiếu thuận, không phút xao lãng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

12. HAI ANH EM CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Bàn-đặc[29] bảo người em là Châu-lợi-bàn-đặc:[30]

– Nếu chú không thể học thuộc giới thì hãy trở về làm cư sĩ.

Châu-lợi-bàn-đặc nghe những lời này rồi, liền đi đến tinh xá Kỳ Hoàn, đứng ở ngoài cửa mà rơi lệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh, quán thấy Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đang đứng bên ngoài cửa, buồn khóc không kiềm nén được. Khi ấy, Thế Tôn từ trong tịnh thất đi ra, giống như đang kinh hành, đến ngoài cửa tinh xá Kỳ Hoàn, hỏi Châu-lợi-bàn-đặc:

– Tỳ-kheo, sao thầy lại đứng đây khóc lóc?

Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

– Bạch Thế Tôn, anh con xua đuổi con, bảo nếu con không học thuộc giới thì trở về làm cư sĩ, không nên ở đây. Vì thế, con buồn khóc.

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo, chớ có lo sợ! Như Lai thành Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, không giống như cách chứng đạo của Bàn-đặc anh con.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn Châu-lợi-bàn-đặc về tịnh thất, chỉ chỗ ngồi. Sau đó, Thế Tôn lại bảo cầm chổi quét rồi dạy:

– Con hãy học thuộc chữ này, suy nghĩ xem nó có nghĩa gì?

Khi đó, Châu-lợi-bàn-đặc học thuộc chữ "quét" lại quên chữ "chổi." Nếu học thuộc chữ "chổi" thì quên chữ "quét." Cứ vậy, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc học hai chữ "chổi quét" này suốt hết mấy ngày. Mà hai chữ "chổi quét" này còn gọi là trừ bẩn. Châu-lợi-bàn-đặc suy nghĩ: "Thế nào là trừ? Thế nào là bẩn? Bẩn là tro, đất, ngói, đá. Trừ là làm cho sạch." Thầy ấy lại nghĩ: "Thế Tôn vì sao đem việc này để giáo huấn ta. Nay ta phải tư duy điều này." Vì tư duy điều này

---

[28] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.12. 0601a21). Tham chiếu: *A*. 1.14 - I. 24; *Ud*. 15; *DhA*. 2.3; *J*. I. 4.

[29] Bàn-đặc (槃特) chỉ cho ngài Đại Bàn-đặc (Mahāpanthaka).

[30] Châu-lợi-bàn-đặc (朱利槃特, Cūḷapanthaka).

nên thầy ấy lại nghĩ: "Nay trên thân ta cũng có bụi bẩn. Ta lấy tự thân làm thí dụ. Thế nào là trừ? Thế nào là bẩn?" Tôn giả ấy lại nghĩ: "Phiền não là bẩn. Trí tuệ là trừ. Nay ta có thể dùng chổi trí tuệ để quét sạch phiền não."

Thế rồi, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc tư duy về sự thành tựu và hoại diệt của năm thủ uẩn.[31] Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự hoại diệt của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi và sự hoại diệt của chúng. Sau khi Tôn giả tư duy năm thủ uẩn này rồi, tâm phiền não ở cõi dục được giải thoát; tâm phiền não ở cõi sắc và vô sắc, cho đến tâm phiền não vô minh trong ba cõi đều được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát, Tôn giả biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc liền thành A-la-hán.

Sau khi thành A-la-hán, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, sau đó bạch Thế Tôn:

– Nay con đã có trí, nay con đã có tuệ, nay con đã hiểu được ý nghĩa chổi quét.

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo, thầy hiểu như thế nào?

Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

– Trừ là trí tuệ. Bẩn là kiết phược.

Thế Tôn nói:

– Lành thay! Tỳ-kheo, đúng như lời thầy nói, trừ là trí tuệ, bẩn là kiết phược.

Bấy giờ, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc hướng về Thế Tôn mà nói kệ:

Nay con đã tụng thuộc, Như lời Thế Tôn dạy,
Trí tuệ trừ kiết phược, Chẳng do hạnh nào khác.

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo, đúng như lời thầy nói, nhờ vào trí tuệ chứ không dựa vào gì khác.

Bấy giờ, Tôn giả nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

13. LUYẾN ÁI[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[31] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm (五盛陰).

[32] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.13. 0601c02).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp không ai mong đợi, cũng chẳng ai yêu thích, bị người đời vứt bỏ. Là hai pháp gì? Một là, oán ghét mà lại gặp nhau; điều này không ai mong đợi, cũng chẳng ai yêu thích, bị người đời vứt bỏ. Hai là, thương yêu mà phải chia lìa; điều này không ai mong đợi, cũng chẳng ai yêu thích, bị người đời vứt bỏ. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp bị người đời không ưa, chẳng ai mong đợi.

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp mà người đời ưa thích, không hề chán bỏ. Là hai pháp gì? Một là, oán ghét được xa lìa, là điều người đời ưa thích. Hai là, thương yêu mà được sum họp, là điều người đời ưa thích. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp được người đời ưa thích.

Nay Như Lai đã nói về việc oán ghét gặp gỡ, thương yêu chia lìa; lại còn nói đến việc oán ghét xa lìa, thương yêu gặp gỡ, vậy các thầy có biết nó có ý nghĩa gì, có nhân duyên gì chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thế Tôn là chủ của các pháp. Ngưỡng mong Thế Tôn giảng dạy nghĩa này cho chúng con, Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ cùng phụng hành!

Thế Tôn bảo:

– Như Lai sẽ giảng nói tường tận nghĩa này, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Này các Tỳ-kheo, hai pháp này đều do luyến ái mà có, do luyến ái mà sanh, do luyến ái mà thành, do luyến ái mà khởi. Cho nên, các thầy phải tu tập dứt trừ luyến ái, chớ để sanh khởi!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[33]

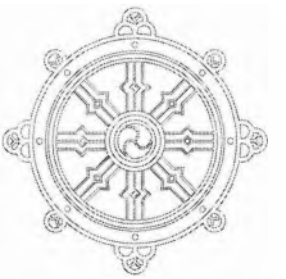

[33] Bản Hán, hết quyển 11.

21. PHẨM TAM BẢO[1]

1. BA ĐỨC TAM BẢO[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba phước đức quý báu cho những ai tự mình trở về nương tựa.[3] Đó là nương tựa Phật, được phước đức quý báu thứ nhất. Nương tựa Pháp, được phước đức quý báu thứ hai. Nương tựa Tăng, được phước đức quý báu thứ ba.

[0602a01] Vì sao gọi là được phước đức quý báu khi nương tựa Phật? Bởi vì trong tất cả chúng sanh, hoặc hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có hình sắc, không hình sắc; hoặc có tưởng, không tưởng; cho đến cõi trời Ni-duy-tiên[4] thì Như Lai là bậc Tối Tôn, Tối Thượng không ai có thể sánh bằng. Cũng như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc, từ lạc mà có tô, từ tô mà được đề-hồ. Trong các loại này thì đề-hồ là thức ngon thượng hạng, không gì sánh bằng. Cũng như vậy, trong tất cả chúng sanh, hoặc hai chân, hoặc bốn chân cho đến nhiều chân; hoặc có hình sắc, không hình sắc; hoặc có tưởng, không tưởng; cho đến cõi trời Ni-duy-tiên thì Như Lai là bậc Tối Tôn, Tối Thượng không ai có thể sánh bằng. Cho nên, những chúng sanh nào phụng thờ Phật, đó gọi là phụng thờ bậc có phước đức quý báu nhất. Đã nương tựa bậc có [phước] đức quý báu nhất này rồi sẽ hưởng phước cõi trời ngay trong cõi người. Đây gọi là được phước đức bậc nhất.

Vì sao gọi là được phước đức quý báu khi nương tựa Pháp? Bởi trong tất cả pháp, hoặc pháp hữu lậu, vô lậu; hữu vi, vô vi; vô dục, vô nhiễm; diệt tận, Niết-bàn thì pháp Niết-bàn là tối tôn, tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Cũng như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc, từ lạc mà có tô, từ tô mà có được đề-hồ. Trong các loại này thì đề-hồ là thức ngon thượng hạng, không gì sánh bằng. Cũng như vậy, trong tất cả các pháp, hoặc hữu lậu, vô lậu; hữu vi, vô vi; vô dục, vô nhiễm; diệt tận, Niết-bàn thì pháp Niết-bàn là tối tôn, tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Cho nên, chúng sanh nào phụng thờ Pháp, đó gọi là

---

[1] Nguyên tác: *Tam bảo phẩm*三寶品 (*T*.02. 0125.21. 0601c26).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.21.1. 0601c27). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.902. 0225c21); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.903. 0225c25); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.904. 0226a02); *A*. 4.34 - II. 34; *S.* 45.139/1 - V. 41; *It.* 87

[3] Nguyên tác: Tự quy (自歸). *Tạp A-hàm* ghi: Quy y (歸依). Tiếng Pāli tương đương: *Saraṇaṃ gacchāmi.*

[4] Ni-duy-tiên (尼維先, *Nevasaññināsaññino*): Phi tưởng phi phi tưởng.

sự phụng thờ được phước đức bậc nhất. Đã được phước đức bậc nhất này rồi, sẽ hưởng phước cõi trời ngay trong cõi người. Đây gọi là được phước đức bậc nhất.

Vì sao gọi là được phước đức quý báu khi nương tựa Thánh chúng? Bởi trong tất cả các Thánh chúng, tức là đại chúng do chúng sanh hữu hình nhóm họp lại thì chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không đại chúng nào có thể sánh bằng. Cũng như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc, từ lạc mà có tô, từ tô mà được đề-hồ. Trong các loại này thì đề-hồ là thức ngon thượng hạng, không gì sánh bằng. Cũng như vậy, trong tất cả các đại chúng do chúng sanh hữu hình nhóm họp lại thì chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không đại chúng nào có thể sánh bằng. Đây gọi là phụng thờ được phước đức bậc nhất. Đã được phước đức bậc nhất rồi, sẽ hưởng phước cõi trời ngay trong cõi người. Đây gọi là được phước đức bậc nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thứ nhất phụng thờ Phật,
Bậc Tối Thượng, Tối Tôn,
Kế đến phụng thờ Pháp,
Đạo vô dục, ly nhiễm.
Kính phụng Hiền thánh Tăng,
Ruộng phước lành tối thượng,
Người ấy trí bậc nhất,
Hưởng phước nhất trong đời.
Nếu sanh chốn trời, người,
Dẫn họ đi đường chánh,
Ngự bảo tòa thượng diệu,
An nhiên thọ cam lộ.
Thân mặc y bảy báu,
Được mọi người kính tôn,
Giới thành tựu vẹn toàn,
Các căn không khuyết mất.
Được trí tuệ như biển,
Dần đến cõi Niết-bàn,
Ai có Tam quy này,
Đến đạo không hề khó.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. BA PHƯỚC NGHIỆP[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba loại phước nghiệp. Là ba loại nào? Đó là phước nghiệp bố thí, phước nghiệp bình đẳng[6] và phước nghiệp tư duy.[7]

---

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.2. 0602b12). Tham chiếu: *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T.*01. 0001.9. 0050a19).

[6] Bình đẳng (平等), theo nội dung kinh nên hiểu là phước nghiệp của việc trì giới. Ở đây, có khả năng "bình đẳng" được trực dịch từ *sama*, vừa có nghĩa bình đẳng, vừa có nghĩa chân chánh. Đơn cử như *Samacārin* chỉ cho bậc Chánh hạnh (正行者).

[7] Nguyên tác: Tư duy (思惟). Theo *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (*T.*30. 1579.37. 0497c12) có nghĩa là tu tập, quán sát, thiền quán (謂居遠離, 樂思惟法, 推度其義, 解了決定). Nghĩa này gần tương đồng với chữ *bhāvanā* trong Pāli.

Thế nào gọi là phước nghiệp bố thí? Như có người mở lòng bố thí cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng, người cô độc, người không nơi nương tựa; ai cần thức ăn thì cho thức ăn, cần nước uống thì cho nước uống, cần y phục, đồ ăn thức uống, giường đệm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, hương hoa, chỗ ngủ nghỉ, tùy theo nhu cầu bản thân họ, người ấy đều bố thí hết, không gì luyến tiếc. Đó gọi là phước nghiệp bố thí.

Thế nào gọi là phước nghiệp bình đẳng? Như có người không sát sanh, không trộm cướp, thường biết hổ thẹn, không khởi niệm ác. Người ấy cũng không trộm cướp, thích bố thí cho người, không tham lam, không bỏn xẻn, nói năng hòa nhã, không làm tổn thương người. Người ấy cũng không gian dâm với vợ hoặc chồng người khác, tự tu Phạm hạnh, tự biết vừa đủ với tình cảm của vợ hoặc chồng mình. Người ấy cũng không vọng ngữ, luôn biết thành thật, không lời dối trá, được mọi người tôn kính, không có dời đổi. Người ấy cũng không uống rượu, luôn biết tránh xa loạn động, lại đem tâm từ ban rải khắp một phương; hai phương, ba phương và bốn phương cũng như vậy; cho đến tám phương, trên dưới, đầy khắp trong đó; không có hạn lượng, không thể tính kể, đem tâm từ này rải khắp tất cả, khiến được an ổn.

Vị ấy lại đem tâm bi, tâm hỷ, tâm xả ban rải khắp một phương; hai phương, ba phương và bốn phương cũng như vậy; cho đến tám phương, trên dưới, đầy khắp trong đó; không có hạn lượng, không thể tính kể, đem tâm bi, tâm hỷ, tâm xả[8] này ban rải khắp trong đó. Đó gọi là phước nghiệp bình đẳng.

[0602c02] Thế nào gọi là phước nghiệp tư duy? Nghĩa là Tỳ-kheo tu hành niệm giác ý,[9] nương vào vô dục, nương quán sát nghĩa không,[10] nương nơi diệt tận, nương vào xuất yếu. Vị ấy lại tu trạch pháp giác ý,[11] tu hỷ giác ý, tu khinh an giác ý,[12] tu định giác ý, tu xả giác ý,[13] nương vào vô dục, nương quán sát nghĩa không, nương nơi diệt tận, nương vào xuất yếu. Đó gọi là phước nghiệp tư duy. Như vậy, Tỳ-kheo, đó gọi là ba phước nghiệp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Bố thí và bình đẳng,
Từ tâm, xả, tư duy,
Ba nghiệp này tu trì,
Được người trí gần gũi.
Cõi người hưởng phước báu,
Sanh cõi trời cũng vậy,
Nhờ ba phước nghiệp ấy,
Nhất định sanh cõi trời.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện thành tựu ba phước nghiệp này.

---

[8] Nguyên tác: Hộ tâm (護心).

[9] Nguyên tác: Niệm giác ý (念覺意), còn gọi là "niệm giác chi" (念覺支).

[10] Nguyên tác: Y vô quán (依無觀).

[11] Nguyên tác: Pháp giác ý (法覺意), còn gọi là "trạch pháp giác chi" (擇法覺支).

[12] Nguyên tác: Ỷ giác ý (猗覺意), còn gọi là "ỷ" (猗), "ỷ tức" (猗息), "hưu tức" (休息), "chỉ tức" (止息), nghĩa là "khinh an" (輕安, *passaddhi*).

[13] Nguyên tác: Hộ giác ý (護覺意), còn gọi là "xả giác chi" (捨覺支).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. NHÂN DUYÊN THỌ THAI[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có ba trường hợp thức đến thọ thai. Đó là ba trường hợp nào?

Này các Tỳ-kheo, trong trường hợp người mẹ có tâm dục, cha mẹ cùng ở một chỗ và cùng ngủ chung, nhưng thức bên ngoài chưa đến kịp lúc thì bào thai không thể hình thành.[15]

Trường hợp thức muốn đến nhập thai, nhưng cha mẹ không hòa hợp thì bào thai không thể hình thành.

Trường hợp người mẹ không ham muốn, dù cha mẹ hòa hợp, lúc đó tâm dục của cha mạnh nhưng tâm dục người mẹ không ân cần thì bào thai không thể hình thành.

Trường hợp cha mẹ cùng hòa hợp một chỗ, lòng dục của người mẹ mạnh mà cha lại không ân cần thì bào thai cũng không thể hình thành.

Trường hợp cha mẹ hòa hợp một chỗ, nhưng cha mắc bệnh phong, mẹ có bệnh lạnh thì bào thai không thể hình thành.

Trường hợp khi cha mẹ hòa hợp một chỗ, nhưng mẹ bị bệnh phong, cha bị bệnh lạnh thì bào thai không thể hình thành.

Có lúc cha mẹ hòa hợp một chỗ, thân cha khí lạnh nhiều, mẹ không có chứng bệnh này thì bào thai cũng không thể hình thành.

Hoặc có khi cha mẹ hòa hợp một chỗ, tướng cha có con, nhưng tướng mẹ không có con thì bào thai cũng không thể hình thành.

Nếu khi cha mẹ hòa hợp một chỗ, tướng mẹ có con, nhưng tướng cha không [có] con thì bào thai cũng không thể hình thành.

Hoặc có lúc tướng cha mẹ đều không [có] con thì bào thai không thể hình thành.

---

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.3. 0602c16). Tham chiếu: *Trà-đế kinh* 嗏帝經 (*T.*01. 0026.201. 0766b28). *M.* 38, *Mahātaṇhāsaṅkhaya Sutta* (*Đại kinh đoạn tận ái*).

[15] Nguyên tác: Tam nhân duyên (三因緣), là 3 điều kiện căn bản, gồm: (i) Những yếu tố thuận lợi từ người cha; (ii) Những yếu tố thuận lợi từ người mẹ; (iii) Thần thức. Đoạn kinh sau liệt kê những bất cập, không gặp gỡ giữa 3 yếu tố này nên bào thai không thể thành hình.

[0603a02] Hoặc có lúc thần thức hướng đến thọ thai, đáng ra cha mẹ phải ở cùng nhau, nhưng người mẹ lại đi xa, không có mặt nên bào thai không thể hình thành. Hoặc có lúc cha mẹ đã hòa hợp một chỗ, thần thức có hướng đến, nhưng thân cha gặp bệnh nặng thì bào thai cũng không thể hình thành. Hoặc có lúc cha mẹ đã hòa hợp một chỗ, thần thức có đến, nhưng thân người mẹ mắc bệnh nặng thì bào thai không thể hình thành. Hoặc có lúc cha mẹ đã hòa hợp một chỗ, thần thức có đến, nhưng cha mẹ đều mắc bệnh thì bào thai không thể hình thành.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hòa hợp một chỗ, cha mẹ đều không bệnh, có thần thức hướng đến, đồng thời tướng cha mẹ đều có con, trong trường hợp này thì bào thai sẽ hình thành. Đó gọi là ba nhân duyên thần thức đến nhập thai.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm phương tiện đoạn trừ ba nhân duyên này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. BA NƠI NƯƠNG TỰA[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu những người nào muốn khởi tâm từ, có lòng tin chí thành, vâng lời phụng sự cha mẹ, anh em, dòng tộc, vợ con, bè bạn, tri thức... thì nên an lập họ vào ba nơi để tín tâm của họ không dời đổi. Là ba nơi nào?

Thứ nhất, nên khuyên họ phát tâm hoan hỷ nơi đức Như Lai bằng lòng tin không lay chuyển. Vì Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Thứ hai, khiến họ phát tâm đối với Chánh pháp. Pháp của Như Lai diễn bày vô ngại, cực kỳ vi diệu, nhờ pháp này mà thành tựu đạo quả. Như vậy, người trí cần phải học để biết pháp ấy.

Thứ ba, khiến họ phát tâm đối với Thánh chúng. Thánh chúng của Như Lai tất cả hòa hợp, không có lẫn lộn, thành tựu pháp và tùy pháp, thành tựu giới luật, thành tựu thiền định,[17] thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám bậc, mười hai

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.4. 0603a15). Tham chiếu: *A.* 3.75 - I. 222.

[17] Nguyên tác: Tam-muội (三昧).

Hiền thánh.[18] Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý, là ruộng phước vô thượng ở thế gian.

Tất cả các Tỳ-kheo nào học tập ba điều này, sẽ thành tựu quả báo lớn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. TỲ-KHEO CÙ-BA-LY[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Cù-ba-ly[20] đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Sau đó, Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã làm việc hung ác, tạo các nghiệp ác.

Thế Tôn bảo:

– Chớ nói như vậy, thầy hãy phát tâm hoan hỷ đối với đệ tử Như Lai. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên luôn làm việc lành, không làm việc xấu ác.

Khi đó, Tỳ-kheo Cù-ba-ly ba lần bạch Thế Tôn:

– Những điều Như Lai nói thật không hư vọng. Tuy nhiên, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã làm nhiều việc hung ác, không có gốc thiện.

Thế Tôn nói:

– Thầy là người mê muội, không chịu tin lời Như Lai nên mới nói Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên làm việc hung ác. Nay thầy tạo nghiệp ác này không lâu sau phải chịu khổ báo.

---

[18] Nguyên tác: Thập nhị hiền sĩ (十二賢士), một dạng thức điệp ngữ, mục đích làm cho câu văn đăng đối, tức là cộng lại từ bốn đôi (四雙) và tám bậc (八輩). Việc cộng lại này là một nhầm lẫn. Vì lẽ, bốn đôi và tám bậc chính là hướng Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, quả A-la-hán. Cú ngữ này có thể mang dấu ấn từ một bản kinh liên quan đến số lượng chúng Tăng, đó là *Kinh thập nhị hiền giả* (十二賢者經). Bản kinh này hiện chưa tìm thấy, nhưng tên gọi của bản kinh được *Xuất Tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T*.55. 2145.3. 0015c06) xác nhận, ngài Đạo An đã đưa bộ kinh này vào kinh lục của mình, gọi là *Đạo An lục* (道安錄). Mặc dù vậy, nhầm lẫn vừa nêu vẫn xuất hiện trong nhiều bản kinh như *Đại phương tiện Phật báo ân kinh* 大方便佛報恩經 (*T*.03. 0156.3. 0141b24); *Xuất diệu kinh* 出曜經 (*T*.04. 0212.8. 0654c10); *Phật thuyết chư đức phước điền kinh* 佛說諸德福田經 (*T*.16. 0683. 0778c12), v.v…

[19] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.21.5. 0603b02). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1278. 0351b12). *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.276. 0470a14); *S.* 6.9 - I. 323; *S.* 6.10 - I. 325; *A.* 10.89 - V. 170.

[20] Cù-ba-ly (瞿波離, Kokālika).

Bấy giờ, ngay tại chỗ ngồi, trên thân Tỳ-kheo kia liền mọc mụt nhọt độc, lớn bằng hạt cải, sau đó lớn dần bằng hạt đậu, rồi bằng quả a-ma-lặc, dần bằng quả óc chó, rồi lớn bằng nắm tay, máu mủ tuôn ra, ngay đó qua đời và sanh vào địa ngục Hoa Sen.[21]

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hay tin Cù-ba-ly qua đời, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Lát sau, Tôn giả rời chỗ ngồi, bạch Thế Tôn:

– Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo Cù-ba-ly sanh vào chốn nào?

Thế Tôn bảo:

– Người đó qua đời, đọa vào địa ngục Hoa Sen.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên bạch với Thế Tôn:

– Nay con muốn vào địa ngục đó để giáo hóa người này.

Thế Tôn bảo:

– Mục-liên, thầy không nên đến đó!

Mục-liên bạch Thế Tôn lần nữa:

– Con muốn đến địa ngục đó giáo hóa ông ấy.

Lúc này, Thế Tôn im lặng không đáp. Thế rồi, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biến mất khỏi thành Xá-vệ, hiện đến trong địa ngục lớn Hoa Sen. Đúng lúc đó, Tỳ-kheo Cù-ba-ly thân thể đang bị lửa thiêu đốt, lại có hàng trăm con trâu cày trên lưỡi ông ấy.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết-già ở giữa hư không, khảy móng tay báo Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy liền ngước lên hỏi:

– Ông là ai?

Mục-kiền-liên đáp:

– Cù-ba-ly, tôi là đệ tử đức Phật Thích-ca Mâu-ni,[22] tên Mục-kiền-liên, họ Câu-lợi-đà.

Khi nhìn thấy Mục-liên rồi, Tỳ-kheo ấy liền thốt ra lời hung dữ:

– Nay ta đã đọa vào đường ác này rồi mà vẫn không tránh khỏi phải đối mặt với ông ư?

Ông ấy vừa dứt lời, lập tức bị cả ngàn con trâu đến cày lên lưỡi.

[0603c03] Mục-liên thấy vậy, lòng càng buồn rầu, sanh lòng hối hận nên rời khỏi nơi đó. Khi trở về Xá-vệ, Tôn giả đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả đem nhân duyên này trình bạch đầy đủ với đức Phật.

---

[21] Liên Hoa địa ngục (蓮華地獄): Địa ngục Hoa Sen. Bản Pāli ghi rõ là địa ngục Sen Hồng (Padumaniraya).

[22] Nguyên tác: Thích-ca-văn (釋迦文, Sakyamuni). Văn (文) là phiên âm từ Muni.

Thế Tôn bảo:

– Như Lai đã nói với thầy trước rồi, không nên đến đó để gặp người ác kia.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Con người khi sanh ra,
Sở dĩ tự chém ta,
Người dừng, ta cũng nghỉ,
Nghiệp ác đã tạo thành,
Ác nhất trong các tội,
Dẫu tan nát hình hài,
Có một vạn ba ngàn,
Rơi vào đó là do,
Búa rìu sẵn trong miệng,
Là do lời cay nghiệt.
Cả hai vui điều lành,
Ắt phải rơi đường ác.
Là phỉ báng Như Lai,
Tội này còn chưa dứt!
Sáu mươi mốt ngục Tro,
Chê bai bậc Hiền thánh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy cần phải học ba pháp để thành tựu Phạm hạnh của mình. Là ba pháp nào? Đó là thân làm thiện, miệng nói thiện và ý nghĩ thiện.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TU TẬP BA PHÁP[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu ba pháp thì ngay trong hiện tại sẽ được an lạc, dũng mãnh tinh tấn, dứt sạch hữu lậu. Là ba pháp nào? Ở đây, này các Tỳ-kheo, đó là các căn tịch tĩnh, ăn uống biết tiết độ và không bỏ việc kinh hành.[24]

Thế nào là Tỳ-kheo có các căn tịch tịnh? Nghĩa là Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc mà không khởi tưởng dính mắc, không nhớ nghĩ phân biệt[25] thì nhãn căn được thanh tịnh. Vì mong cầu thoát khỏi các đắm nhiễm đó nên luôn phòng hộ nhãn căn, như tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp mà không khởi tưởng dính mắc, không nhớ nghĩ phân biệt thì ý căn được thanh tịnh. Vì mong cầu thoát khỏi các đắm nhiễm đó nên luôn phòng hộ ý căn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo có các căn tịch tịnh.

---

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.6. 0603c18). Tham chiếu: *A.* 3.16 - I. 113.

[24] Nguyên tác: Bất thất kinh hành (不失經行). Theo *Luật tứ phần*, quyển 59, một trong 5 lợi ích của kinh hành là làm cho tư duy tịch tĩnh (能靜思惟). *A.* 3.16 - I. 113 viết *Jāgariyaṃ anuyutto*: Tinh cần tỉnh giác.

[25] Nguyên tác: Bất khởi tưởng trước, bất hữu thức niệm (不起想著, 無有識念). *A.* 3.16 - I. 113: *Na nimittaggāhī hoti nānubyañjanaggāhī* (không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng).

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ? Nghĩa là Tỳ-kheo suy xét đồ ăn thức uống này từ đâu mà có, ăn không phải vì mong cầu khỏe đẹp mà chỉ vì muốn giữ gìn hình hài bốn đại được vẹn nguyên. Thường tự xét nghĩ: "Nay ta phải trừ cảm thọ cũ, khiến cảm thọ mới không sanh, giúp thân thể có [đủ] sức lực để thành tựu con đường tu tập, để Phạm hạnh không bị đoạn dứt." Giống như thân thể của người nam, người nữ mọc mụt nhọt độc, cần phải dùng cao thuốc thoa lên. Sở dĩ thoa lên mụt nhọt là muốn được nhanh khỏi. Ở đây cũng vậy, các Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ, tức là Tỳ-kheo suy xét đồ ăn thức uống từ đâu mà có, ăn không phải vì mong cầu khỏe đẹp mà chỉ vì muốn giữ gìn hình hài bốn đại được vẹn nguyên, thường tự xét nghĩ: "Nay ta phải trừ cảm thọ cũ, khiến cảm thọ mới không sanh, giúp thân thể có đủ sức lực để thành tựu con đường tu tập, để Phạm hạnh không bị đoạn dứt." Giống như chiếc xe chở nặng, sở dĩ bôi dầu mỡ vào trục bánh xe, là muốn xe chở nặng này được đi đến nơi. Tỳ-kheo cũng như vậy, ăn uống biết tiết độ, xét nghĩ đồ ăn thức uống từ đâu mà có, ăn không vì mong cầu khỏe đẹp mà chỉ muốn giữ gìn hình hài bốn đại được vẹn nguyên, thường tự xét nghĩ: "Nay ta phải trừ cảm thọ cũ, khiến cảm thọ mới không sanh, giúp thân thể có đủ sức lực để thành tựu con đường tu tập, để Phạm hạnh không bị đoạn dứt." Như vậy gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ.

[0604a13] Thế nào gọi là Tỳ-kheo không bỏ việc kinh hành? Ở đây có nghĩa là đầu hôm, cuối hôm, Tỳ-kheo luôn nhớ kinh hành không sai thời khóa, thường nhớ nghĩ để tâm an trụ trong đạo phẩm. Nếu là ban ngày, lúc đi hoặc khi ngồi luôn tư duy Diệu pháp để diệt trừ phiền não ngăn che.[26] Vào lúc đầu đêm, khi đi hoặc khi ngồi luôn tư duy đến Diệu pháp để diệt trừ phiền não ngăn che. Đến giữa đêm thì nằm nghiêng bên phải, tư duy buộc tâm vào ánh sáng. Rồi đến cuối đêm thức dậy, lúc đi hoặc khi ngồi luôn tư duy Diệu pháp để diệt trừ phiền não ngăn che. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không bỏ việc kinh hành.

Nếu Tỳ-kheo nào các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ việc kinh hành, thường nhớ nghĩ và an trụ tâm trong Diệu pháp[27] thì Tỳ-kheo này liền thành tựu một trong hai quả, ngay trong đời này sẽ chứng được chánh trí A-la-hán,[28] hoặc đắc quả A-na-hàm. Giống như người điều khiển xe giỏi, trên con đường bằng phẳng điều khiển xe bốn ngựa kéo, không có gì trở ngại, muốn đến nơi nào chắc chắn đến được, không gì phải nghi ngờ. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ việc kinh hành, thường nhớ nghĩ và an trụ tâm trong Diệu pháp thì Tỳ-kheo này liền thành tựu một trong hai quả, ngay trong hiện đời được dứt sạch các lậu, sẽ chứng được chánh trí A-la-hán, hoặc đắc quả A-na-hàm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[26] Ấm cái (陰蓋): Những phiền não che đậy tâm.

[27] Nguyên tác: Đạo phẩm (道品).

[28] Nguyên tác bị thiếu cụm từ 得阿羅漢若. Bản Tống, Nguyên, Minh đã bổ sung.

7. BA CHỨNG BỆNH NẶNG[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có ba chứng bệnh nặng. Là ba bệnh nào? Phong là bệnh nặng, đàm là bệnh nặng, lạnh rét là bệnh nặng. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là ba bệnh nặng. Lại có ba vị thuốc hay để trị ba bệnh nặng này. Là ba vị thuốc nào? Nếu mắc bệnh phong thì dùng tô[30] làm vị thuốc hay và dùng tô làm thức ăn. Nếu mắc bệnh đàm thì dùng mật làm vị thuốc hay và dùng mật làm thức ăn. Nếu mắc bệnh lạnh rét thì dùng dầu[31] làm vị thuốc hay và dùng dầu làm thức ăn. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh nặng và có ba vị thuốc hay này.

[0604b06] Như vậy, Tỳ-kheo cũng có ba bệnh nặng này. Là ba bệnh nào? Đó là tham dục, sân hận và ngu si. Tỳ-kheo, đó gọi là ba chứng bệnh nặng. Tuy nhiên, lại có ba vị thuốc hay để đối trị ba chứng bệnh nặng này. Là ba vị thuốc nào? Nếu khi tham dục khởi thì dùng pháp quán bất tịnh để đối trị và tư duy về pháp quán bất tịnh. Đối với bệnh nặng sân hận thì dùng tâm từ để đối trị và tư duy về pháp tu rải tâm từ. Đối với bệnh nặng ngu si thì dùng trí tuệ để đối trị và tư duy về nguyên nhân sanh khởi ngu si. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh nặng và có ba thứ thuốc hay này.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải tìm phương tiện để có được ba loại thuốc hay này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. BA NGHIỆP[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có ba nghiệp ác. Là ba nghiệp ác nào? Đó là thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tỳ-kheo, đó gọi là ba nghiệp ác. Các thầy phải tìm cầu phương tiện tu

---

[29] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.21.7. 0604a28). Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.45. 0882a11); *A*. 3.68 - I. 199; *A*. 10.108 - V. 219.

[30] Tô (酥) gồm sanh tô và thục tô.

[31] Du (油): Dầu, thường là dùng dầu mè.

[32] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.21.8. 0604b16). Tham chiếu: *It*. 58-9.

tập ba nghiệp thiện. Là ba nghiệp thiện nào? Nếu thân làm ác, phải tu tập thân hành thiện; miệng nói ác, phải tu tập miệng nói thiện; ý nghĩ ác, phải tu tập ý nghĩ thiện.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Hãy ngăn thân làm ác,
Thân học làm điều lành,
Giữ miệng không nói ác,
Miệng học nói điều lành,
Hãy ngăn tâm nghĩ ác,
Tâm nhớ nghĩ điều lành,
Lành thay, thân hành thiện,
Ý nghĩ cũng lành thay,
Giữ tâm, miệng trong ngần,
Làm sạch thân, miệng, ý,
Thân tu tập hạnh lành,
Thân nhớ buông việc ác.
Miệng tu tập hạnh lành,
Miệng nhớ không nói ác.
Tâm tu tập hạnh lành,
Tâm nhớ lìa niệm ác.
Miệng cũng nói lời hay,
Tất cả đều như vậy.
Việc ác lìa khỏi thân,
Đến chốn Phật,[33] vô vi.

[0604c04] Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy từ bỏ ba nghiệp ác, tu tập ba nghiệp thiện.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. NGUY HẠI CỦA DỤC[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo đến giờ, đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Lúc đó, có nhiều Tỳ-kheo suy nghĩ như vầy: "Giờ này còn quá sớm để chúng ta vào thành khất thực nên chăng cùng nhau đến chỗ Phạm chí ngoại đạo."[35] Thế rồi, nhiều vị Tỳ-kheo cùng đến chỗ Phạm chí ngoại đạo. Đến nơi, chào hỏi nhau xong, họ ngồi xuống một bên. Lúc đó, Phạm chí ngoại đạo hỏi các Tỳ-kheo:

– Đạo sĩ Cù-đàm thường luận bàn về dục, về sắc, về thọ, về tưởng. Như vậy, những luận thuyết này có gì khác nhau? Những gì Phạm chí chúng tôi luận bàn cũng là điều các Sa-môn nói. Những gì [các] Sa-môn nói cũng là điều chúng tôi luận bàn. Các vị thuyết pháp cũng giống sự thuyết pháp của chúng tôi, sự dạy dỗ cũng giống sự dạy dỗ của chúng tôi.

---

[33] Nguyên tác: Tiên (仙), chỉ cho đức Phật. Đức Phật Thích-ca còn được gọi là Đệ Thất Tiên. Tham chiếu: Phẩm Tựa, tr. 1 trong tập này; *Tự phẩm* 序品 (*T*.02. 0125.1. 0549b12).

[34] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.21.9. 0604c07). Tham chiếu: *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T*.01. 0026.99. 0584c08); *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T*.01. 0053. 0846c05); *M.* 13, *Mahādukkhakkhandha Sutta* (*Đại kinh khổ uẩn*).

[35] Dị học Phạm chí (異學梵志) giống như ngoại đạo Phạm chí.

Khi nghe những lời này rồi, các Tỳ-kheo không khẳng định đúng, không thừa nhận sai, liền từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi, đồng thời suy nghĩ: "Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi Thế Tôn."

Sau khi các Tỳ-kheo thọ trai xong, liền đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi đó, các Tỳ-kheo đem tất cả đầu đuôi sự việc từ chỗ Phạm chí trình bạch tường tận lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu Phạm chí kia hỏi như vậy, Tỳ-kheo các thầy nên đem nghĩa này hỏi lại họ: "Vị ngọt của dục là gì? Dục có nguy hại gì mà phải lìa bỏ? Vị ngọt của sắc là gì? Sắc có nguy hại gì mà phải lìa bỏ? Vị ngọt của thọ là gì? Thọ có nguy hại gì mà phải xa lìa?" Nếu các thầy đem những lời này đáp lại câu hỏi ấy thì các Phạm chí sẽ lặng im không trả lời được. Cho dù họ có trả lời chăng nữa cũng không thể giải thích được nghĩa sâu xa này mà chỉ càng lộ ra sự mờ mịt, rơi vào ngõ cụt. Vì sao vậy? Vì chẳng phải cảnh giới của họ. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, trong chúng ma cho đến Thiên ma, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương, Sa-môn, Bà-la-môn, người, loài phi nhân, không ai có thể hiểu nghĩa sâu mầu này; ngoại trừ Như Lai, bậc Đẳng Chánh Giác, hàng Thánh chúng của Như Lai, người nhận được sự dạy bảo từ Như Lai, với những hạng người này thì không bàn đến.[36]

[0605a02] Thế nào là vị ngọt của dục? Đó chính là năm dục. Năm dục gồm những gì? Nghĩa là sắc mà mắt nhìn thấy, làm sanh khởi nhãn thức, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích, như tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Từ trong năm dục này mà sanh tâm khổ, vui, đó gọi là vị ngọt của dục.

Dục nguy hại thế nào? Nếu có người thiện nam học tập các nghề nghiệp để tự mưu sanh, như học làm ruộng vườn, học viết lách, học làm thuê, học tính toán, học mẹo cân non, học chạm khắc, học làm sứ thần hay làm quan đại thần mà không quản ngại thân mình phải chịu nắng rét, mệt nhọc cần khổ, không được tự do. Người ấy làm việc cực khổ như thế chỉ mong cầu có được tiền tài sản nghiệp. Đó là tai họa lớn của dục.

Cả cuộc đời khổ đau, phiền muộn bởi thương yêu, ân oán, cũng đều do tham dục mà ra. Tuy nhiên, người thiện nam kia làm việc khổ nhọc như vậy nhưng không được của cải nên buồn lo, khổ não không thể tính kể, liền tự suy nghĩ: "Ta đã bỏ ra biết bao công lao, mất nhiều phương kế mà chẳng được tài vật gì." So sánh như vậy nên vị ấy nghĩ đến việc lìa bỏ. Đó gọi là lìa bỏ dục.

Lại nữa, hoặc khi người thiện nam kia bày ra phương kế để mưu cầu tài sản; khi đã được tài sản rồi thì phải tìm đủ mọi cách để giữ gìn, vì sợ vua chiếm đoạt, sợ giặc trộm cướp, sợ nước cuốn trôi, sợ lửa thiêu cháy. Vị ấy lại nghĩ: "Ta muốn

[36] Bản Thánh (聖): Thử tắc bất luận (此則不論).

chôn giấu tài sản, nhưng sợ về sau quên mất. Ta muốn cho vay để sanh lời, lại sợ không thu được; hoặc sợ con cái trong nhà hư hỏng tiêu phá tài sản của ta." Đó là tai họa lớn của dục, duyên nơi gốc rễ của dục mà đưa đến nguy hại này.

Lại nữa, người thiện nam kia luôn để tâm gìn giữ tài sản, nhưng sau đó tài sản vẫn bị vua chiếm đoạt, bị giặc cướp đi, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu cháy. Tài sản dù đã chôn giấu nhưng lại không tìm ra; cho vay để sanh lời thì không thu được; con cái trong nhà hư hỏng nên tiêu phá tài sản, tiền bạc cả ngàn vạn nhưng không giữ được một đồng, cho nên ôm lòng sầu, lo, khổ, não, đấm ngực kêu la: "Tài sản của ta đã tiêu tan hết cả!" Người này liền cuồng điên, tâm ý rối loạn. Thế mới nói, dục là mối nguy hại lớn, do gốc dục này mà không đến được cõi vô vi.

Lại nữa, vì gốc dục này mà con người mặc giáp, cầm gậy, đánh phá lẫn nhau. Họ dàn trận đánh nhau, hoặc tiến đánh bằng voi chiến, hoặc tiến đánh bằng ngựa chiến, hoặc tiến đánh bằng chiến xa, hoặc tiến đánh bằng binh lính; chứng kiến voi chiến đấu nhau, chứng kiến ngựa chiến đấu nhau, chứng kiến chiến xa đấu nhau, chứng kiến binh lính đấu nhau; hoặc chém nhau, bắn nhau, hoặc đâm nhau... Do đây mà biết, dục là họa lớn, dục là nguyên nhân xảy ra biến loạn này.

[0605b05] Lại nữa, do căn nguyên của dục mà con người mặc giáp, cầm gậy đánh chém lẫn nhau ngay ở cổng thành, hoặc ở trên thành; hoặc dùng giáo đâm, hoặc dùng bánh xe sắt nghiến đầu, hoặc rót sắt nung chảy, chịu biết bao đau đớn, chết chóc nhiều vô kể. Lại nữa, dục này cũng vô thường, thay nhau biến đổi không ngừng, không dừng lại, không thoát ra được. Vì dục này biến đổi vô thường nên nói dục này là họa lớn.

Vì sao phải lìa bỏ dục? Nếu người khéo tu hành dứt trừ tham dục, gọi đó là bậc lìa bỏ dục. Các Sa-môn, Bà-la-môn không biết tai họa của dục, lại cũng không biết nguyên do lìa bỏ dục thì những người này thật sự không hiểu biết Sa-môn và oai nghi của Sa-môn, không biết Bà-la-môn và oai nghi của Bà-la-môn. Những người này đã không phải là Sa-môn, cũng chẳng phải Bà-la-môn nên không thể tự thân tác chứng để tự an trú. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn nào biết rõ dục là tai họa lớn, khéo lìa bỏ dục, như thật không hư dối thì vị ấy biết Sa-môn có oai nghi của Sa-môn, biết Bà-la-môn có oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng để tự an trú. Đó gọi là lìa bỏ dục.

Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có con gái dòng Sát-đế-lợi, con gái dòng Bà-la-môn, con gái dòng trưởng giả, độ tuổi mười bốn, mười lăm, mười sáu, dáng người không cao, không thấp, không mập, không gầy, không trắng, không đen, xinh đẹp vô song, hiếm có ở đời; vừa nhìn thấy nhan sắc ấy, người kia liền khởi tưởng yêu thích. Đó gọi là vị ngọt của sắc.

Vì sao nói sắc là tai họa lớn? Lại nữa, nếu về sau nhìn thấy người con gái kia tuổi đã tám mươi, chín mươi, cho đến trăm tuổi, nhan sắc đổi khác, hết thời

thiếu niên, tráng niên; cô ấy răng rụng, tóc bạc, thân thể cáu bẩn, da chùng, mặt nhăn, lưng còng, thở dốc, thân như xe mục, thân thể run rẩy, phải chống gậy đi.

Thế nào, này các Tỳ-kheo, ban đầu thấy tuyệt sắc, về sau thấy đổi khác. Đây chẳng phải là tai họa lớn ư?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, nếu thấy cô gái kia thân mang trọng bệnh, nằm liệt trên giường, đại tiện, tiểu tiện không thể đứng dậy. Thế nào Tỳ-kheo, vốn là tuyệt sắc giai nhân, nay mắc bệnh này. Đây chẳng phải là tai họa lớn ư?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Này các Tỳ-kheo, vậy nên nói sắc là tai họa lớn.

[0605c02] Lại nữa, Tỳ-kheo, hoặc thấy cô gái kia tắt thở lìa đời, được đưa đến bãi tha ma. Thế nào, Tỳ-kheo, vốn là tuyệt sắc, nay đã biến đổi, ngay trong đó mà khởi tưởng khổ vui. Đây chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, hoặc thấy cô gái kia chết đã một ngày, hoặc chết đã hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày; thân thể sình trướng, hôi thối, dơ bẩn, rơi vãi khắp nơi. Thế nào, Tỳ-kheo, vốn là tuyệt sắc, nay thay đổi đến vậy, chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, nếu xác cô gái kia bị quạ, chim thước, diều hâu tranh nhau đến rỉa thịt; hoặc bị cáo, chó sói, hổ trông thấy liền đến cắn xé; hoặc bị các loài côn trùng nhỏ nhiệm biết ngọ nguậy nhìn thấy liền bu lại rúc rỉa. Thế nào, Tỳ-kheo, vốn là tuyệt sắc giai nhân, nay biến thành như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ vui, đây chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, hoặc thấy thân thể cô gái kia bị trùng, quạ ăn thịt hết phân nửa; phơi ruột, dạ dày, máu thịt ô uế dơ bẩn. Thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn là tuyệt sắc, nay biến thành như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ vui, đây chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, hoặc thấy thân thể cô gái kia đã hết máu thịt, chỉ còn bộ hài cốt liền nhau. Thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn là tuyệt sắc, nay biến thành như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ vui, chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, hoặc thấy thân thể cô gái kia đã hết máu thịt, chỉ còn những sợi gân ràng rịt như buộc củi. Thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn là tuyệt sắc, nay biến thành như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ vui, chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, hoặc thấy cô gái kia từng đốt xương rời rạc vương vãi khắp nơi; nào là xương chân một nơi, xương tay một nơi; hoặc xương đùi một nơi, xương hông một nơi; hoặc xương sườn, xương bả vai, mỗi thứ rơi một nơi; hoặc xương cổ một nơi, đầu lâu một nẻo. Thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn tuyệt đẹp, nay biến thành như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ vui, chẳng phải là tai họa lớn sao?

[0606a04] Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, nếu thấy cô gái kia xương cốt bạc trắng giống màu chim bồ câu. Thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn tuyệt đẹp, nay biến thành như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ vui, chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, nếu thấy cô gái kia, hài cốt trải qua nhiều năm, hoặc bị mục nát tan rã, cùng màu với màu đất. Thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn tuyệt đẹp, nay biến thành như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ vui, chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Lại nữa, sắc này vô thường biến đổi, không được lâu dài, không có bền vững. Thế nên nói sắc là tai họa lớn.

Vì sao nói phải xa lìa sắc? Nếu có thể ngay nơi sắc mà lìa bỏ sắc, trừ các loạn tưởng thì gọi là lìa bỏ sắc. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn thấy sắc liền đắm trước vào sắc, không biết sắc là tai họa lớn, cũng không biết xả ly, như thật mà không biết thì đây chẳng phải là Sa-môn, Bà-la-môn; dự vào hàng Sa-môn mà không biết oai nghi của Sa-môn, ở trong hàng Bà-la-môn mà không biết oai nghi của Bà-la-môn, không thể tự thân tác chứng để tự an trú. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy sắc mà không đắm trước nơi sắc, biết rất rõ sắc là tai họa lớn, khéo biết xả ly thì gọi là người dự vào hàng Sa-môn khéo biết oai nghi của Sa-môn, trong hàng Bà-la-môn khéo biết oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú. Đó gọi là đối với sắc đã lìa bỏ!

Thế nào là vị của thọ? Ở đây, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, biết rõ ta đang cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, liền biết rõ ta đang cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không khổ không lạc, biết rõ ta đang có cảm thọ không khổ không lạc. Khi có cảm thọ lạc bởi vật dục, liền biết rõ ta đang có cảm thọ lạc bởi vật dục. Hoặc khi có cảm thọ khổ bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khổ bởi vật dục; hoặc khi có cảm thọ không khổ không lạc bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ không khổ không lạc bởi vật dục. Hoặc khi có cảm thọ khổ không bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khổ không bởi vật dục; khi có cảm thọ lạc không bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ lạc không bởi vật dục; hoặc khi có cảm thọ không khổ không lạc không bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ không khổ không lạc không bởi vật dục.

[0606b03] Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, khi ấy không có cảm thọ khổ, cũng không có cảm thọ không khổ không lạc; bấy giờ ta tự biết chỉ có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, khi ấy không có cảm thọ lạc, cũng không có cảm thọ không khổ không lạc, bấy giờ ta tự biết chỉ có cảm thọ khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ không khổ không lạc, khi ấy không có cảm thọ lạc và cảm thọ khổ, bấy giờ ta tự biết chỉ có cảm thọ không khổ không lạc.

Lại nữa, thọ là pháp vô thường biến đổi. Đã biết thọ là pháp vô thường biến đổi, cho nên nói thọ là tai họa lớn.

Vì sao phải xa lìa thọ? Nếu có thể ngay nơi thọ mà lìa bỏ thọ, trừ các loạn tưởng thì gọi là lìa bỏ cảm thọ. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với thọ mà đắm trước thọ, không biết thọ là tai họa lớn, cũng không lìa bỏ, không biết đúng như thật thì đây chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn; dự vào hàng Sa-môn mà không biết oai nghi của Sa-môn, ở trong hàng Bà-la-môn mà không biết oai nghi của Bà-la-môn, không thể tự thân tác chứng để tự an trú. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngay nơi thọ mà không đắm trước thọ, biết rõ thọ là tai họa lớn, khéo biết lìa bỏ thì đây gọi là người dự vào hàng Sa-môn khéo biết oai nghi của Sa-môn, ở trong hàng Bà-la-môn khéo biết oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú. Thế nên phải xa lìa thọ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết đúng như thật về cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc mà lại chỉ dạy người khác thực hành theo, việc này không thích hợp. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể xả ly thọ, biết đúng như thật về thọ, lại khuyên dạy người xả ly thọ, như vậy thì thích hợp. Thế nên nói phải xả ly thọ.

Các thầy Tỳ-kheo, nay Như Lai đã nói về sự đắm trước dục, vị ngọt của dục, dục là tai họa lớn, phải khéo xả ly dục; cũng nói về việc đắm vào sắc, vị của sắc, sắc là tai họa lớn, phải khéo xả ly sắc; đã nói đến sự đắm trước thọ, vị của thọ, thọ là tai họa lớn, phải khéo xả ly thọ. Những gì Như Lai cần làm, những điều cần giảng nói thì Như Lai đã thực hành hoàn mãn. Các thầy phải luôn niệm tưởng an trụ ở gốc cây hoặc nơi yên vắng để tọa thiền tư duy, chớ có biếng nhác. Đó là lời dạy của Như Lai.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. KHÔNG BỀN CHẮC[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba thứ không bền chắc. Là ba thứ nào? Đó là thân không bền chắc, mạng không bền chắc và tài sản không bền chắc. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là ba thứ không bền chắc.

[37] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.10. 0606c01).

Như vậy, Tỳ-kheo, đối với ba thứ không bền chắc, phải tìm cách khiến chúng trở thành ba thứ bền chắc. Là ba trường hợp nào? Thân không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc. Mạng không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc. Tài sản không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc.

Thân không bền chắc phải tìm cầu sự bền chắc bằng cách nào? Nghĩa là biết khiêm cung, kính lễ, thường xuyên thăm hỏi. Đây gọi là thân không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc.

Mạng không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc bằng cách nào? Nghĩa là ở đây, người thiện nam, thiện nữ suốt đời không sát sanh, không dùng đao kiếm, thường biết hổ thẹn, có tâm từ bi, nhớ nghĩ đến tất cả chúng sanh; suốt đời không trộm cướp, thường niệm bố thí, tâm không bỏn xẻn; suốt đời không dâm dật, cũng không tà dâm với người khác; suốt đời không nói dối, thường nghĩ biết thành thật, không dối gạt mọi người; suốt đời không uống rượu, tâm ý không rối loạn, giữ gìn cấm giới của Phật. Đó là mạng không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc.

Tài sản không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc bằng cách nào? Như người thiện nam, người thiện nữ thường nhớ nghĩ cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho những người nghèo khó. Người cần thức ăn thì cho thức ăn, cần nước uống thì cho nước uống; y phục, đồ ăn thức uống, giường đệm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, nhà cửa, thành quách, những gì họ cần, thảy đều cho cả. Đó là tài sản không bền chắc, phải tìm cầu sự bền chắc.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo, có ba thứ không bền chắc, phải tìm cầu ba sự bền chắc này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Biết thân không kiên cố, Mạng cũng chẳng vững bền,
Tài sản quá bấp bênh, Nên tìm cầu vững chãi.
Thân người rất khó được, Mạng cũng chẳng dừng lâu,
Tài sản mãi giảm hao, Hãy thường vui bố thí.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[38]

Đệ nhất đức, Phước nghiệp, Tam nhân, Tam an, Cù,
Tam dạ, Bệnh, Ác hạnh, Khổ trừ, Bất lao yếu.

[38] Nguyên tác Nhiếp tụng: 第一德, 福業; 三因, 三安, 瞿; 三夜, 病, 恶行; 苦除, 不牢要. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

22. PHẨM BA BẬC CÚNG DƯỜNG[1]

1. BA BẬC CÚNG DƯỜNG[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba bậc xứng đáng được mọi người cúng dường. Ba bậc ấy là ai? Một là, Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, xứng đáng được mọi người cúng dường. Hai là, bậc A-la-hán sạch hết lậu hoặc, là đệ tử của đức Như Lai, xứng đáng được mọi người cúng dường. Ba là, Chuyển Luân Thánh vương, xứng đáng được mọi người cúng dường.

Do nhân duyên gì mà Như Lai xứng đáng được mọi người cúng dường? Bởi vì Như Lai khéo điều phục kẻ chưa được điều phục, hàng phục kẻ chưa được hàng phục, độ người chưa được độ, người chưa giải thoát sẽ giúp cho được giải thoát, người chưa được Niết-bàn sẽ giúp họ thành tựu Niết-bàn, cứu hộ người chưa được cứu hộ, làm mắt sáng cho người mù, là người chữa trị cho kẻ bệnh tật. Như Lai là bậc tôn quý bậc nhất, là ruộng phước đáng gieo trồng nhất, là bậc đáng kính, đáng quý trong chúng ma, hoặc thiên ma, cho đến cõi trời và loài người; là người dẫn đường giúp mọi người nhận biết con đường nào đúng; là Thầy chỉ dạy giáo pháp cho những ai chưa biết giáo pháp. Do nhân duyên này nên Như Lai xứng đáng được mọi người cúng dường.

Vì nhân duyên gì mà A-la-hán sạch hết lậu hoặc, là đệ tử của Như Lai xứng đáng được mọi người cúng dường? Tỳ-kheo nên biết, A-la-hán sạch hết lậu hoặc đã vượt ra khỏi dòng sanh tử, không còn thọ thân sau, đã đắc pháp vô thượng; dâm dục, sân hận và si mê đã dứt sạch, vĩnh viễn không còn, là ruộng phước của thế gian. Do nhân duyên này nên A-la-hán sạch hết lậu hoặc, xứng đáng được mọi người cúng dường.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà Chuyển Luân Thánh vương xứng đáng được mọi người cúng dường? Các Tỳ-kheo nên biết, Chuyển Luân Thánh vương dùng giáo pháp để trị vì và giáo hóa dân chúng, tự mình không sát sanh và dạy dỗ dân chúng không sát sanh; tự mình không trộm cướp và cũng dạy người

---

[1] Nguyên tác: *Tam cúng dường phẩm* 三供養品 (*T*.02. 0125.22. 0606c29).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.1. 0607a01).

khác không trộm cướp; tự mình không dâm dật và dạy người khác không dâm dật; tự mình không nói dối và dạy người khác không nói dối; tự mình không nói hai chiều khiến đôi bên tranh cãi, lại cũng dạy người khác không nói hai chiều; tự mình không đố kỵ, sân hận, si mê, cũng dạy người khác không học tập các thói này; tự mình hành theo chánh kiến và dạy người khác hành theo chánh kiến. Do nhân duyên này nên Chuyển Luân Thánh vương xứng đáng được người đời cúng dường.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. BA GỐC LÀNH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy A-nan:

– Có ba gốc lành không thể cùng tận, dẫn đến Niết-bàn. Là ba gốc lành nào? Một là, gieo trồng công đức nơi Như Lai, gốc lành này không thể cùng tận. Hai là, gieo trồng công đức nơi Chánh pháp, gốc lành này không thể cùng tận. Ba là, gieo trồng công đức nơi Thánh chúng, gốc lành này không thể cùng tận. Này A-nan, đó là ba gốc lành không bao giờ cùng tận, đưa đến Niết-bàn. Cho nên, A-nan, hãy tìm cầu phương tiện để được phước nơi ba gốc lành không thể cùng tận này.

Thế nên, này A-nan! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

3. BA LOẠI CẢM THỌ[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba loại cảm thọ. Đó là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc.

Này các Tỳ-kheo! Nên biết, cảm thọ lạc kia chính là kiết sử dục ái; cảm thọ khổ kia là kiết sử sân hận; cảm thọ không khổ không lạc kia là kiết sử si mê.

---

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.2. 0607a28).

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.3. 0607b09).

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ các kiết sử này. Vì vậy, các thầy hãy tự mình thắp sáng,[5] hãy tự mình thực hành theo pháp,[6] đắc pháp vô thượng không pháp nào sánh bằng. Các Tỳ-kheo nên biết, sau khi Như Lai Diệt độ, nếu có Tỳ-kheo nào nhớ tự mình thắp sáng, tu hành theo pháp đó, đắc pháp vô thượng không pháp nào sánh bằng thì người này chính là vị đệ tử[7] bậc nhất.

Này các Tỳ-kheo, phải tự mình thắp sáng, phải tự tu hành theo pháp, đắc pháp vô thượng không pháp nào sánh bằng này như thế nào? Đó là, Tỳ-kheo tự quán thân trên nội thân, tự quán thân trên ngoại thân, tự quán thân trên nội thân và ngoại thân để tự an trú; quán thọ trên nội thọ, quán thọ trên ngoại thọ, quán thọ trên nội ngoại thọ để tự an trú; quán tâm trên nội tâm, quán tâm trên ngoại tâm, quán tâm trên nội ngoại tâm để tự an trú; quán pháp trên nội pháp, quán pháp trên ngoại pháp, quán pháp trên nội ngoại pháp để tự an trú.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy tự mình thắp sáng, tự mình tu tập theo pháp này, đắc pháp vô thượng không pháp nào sánh bằng. Những Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, người ấy là đệ tử bậc nhất trong hàng Thanh văn của Như Lai.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. CHE KHUẤT VÀ HIỂN LỘ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba trường hợp, nếu che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt. Là ba trường hợp nào? Một là, người nữ; hai là, chú thuật Bà-la-môn; ba là, việc làm tà kiến. Này các Tỳ-kheo, đó là ba trường hợp che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.

[0607c02] Lại có ba trường hợp hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt. Là ba trường hợp nào? Mặt trời, mặt trăng và giáo pháp của Như Lai, hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là ba trường hợp mà hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.

---

[5] Nguyên tác: Đương tự xí nhiên (當自熾然). *MĀ.* 70 ghi: Đương tự nhiên pháp đăng (當自然法燈); *SĀ.* 36 ghi: Tự châu (自洲). Pāli: *attadīpā.*

[6] Nguyên tác: Đương tự tu hành pháp (當自修行法). *DĀ.* 2 ghi: Đương tự quy y (當自歸依). *MĀ.* 70 ghi: Tự quy kỷ pháp (自歸己法).

[7] Nguyên tác: Thanh văn (聲聞, *Sāvaka*), vừa có nghĩa là Thanh văn vừa có nghĩa là đệ tử, ở đây dùng với nghĩa đệ tử.

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.22.4. 0607b26). Tham chiếu: *A.* 3.131 - I. 282.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nữ nhân và chú thuật, Tà kiến, việc xấu ác,
Ba pháp này che khuất, Đời sống mãi lạc an.
Trời, trăng luôn soi sáng, Và Chánh pháp Như Lai,
Ba pháp này hiển bày, Đời sống luôn an lạc.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy hiển bày giáo pháp Như Lai, chớ để che khuất.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BA TƯỚNG HỮU VI[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Pháp hữu vi có ba tướng. Là ba tướng nào? Sự sanh khởi đã biết rõ, sự đổi thay đã biết rõ, sự diệt tận đã biết rõ.

Thế nào là sự sanh khởi đã biết rõ? Nghĩa là biết sự sanh ra, lớn lên thành hình hài năm uẩn, thành tựu các giới và xứ. Đó là sự sanh khởi đã biết rõ.

Thế nào là sự đổi thay đã biết rõ? Tức là biết sẽ xảy ra răng rụng, tóc bạc, khí cùng lực kiệt, tuổi cao sức yếu, thân thể rã rời. Đó gọi là sự đổi thay đã biết rõ.

Thế nào là sự diệt tận đã biết rõ? Nghĩa là biết sự chết, mạng sống mất đi, không còn tồn tại, vô thường, các uẩn tan hoại, dòng họ chia lìa, mạng căn đoạn dứt. Đó là sự diệt tận đã biết rõ.

Này Tỳ-kheo, đó là ba tướng của hữu vi, phải biết ba tướng hữu vi này và khéo phân biệt chúng.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. BA VIỆC CỦA NGƯỜI TRÍ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.5. 0607c13). Tham chiếu: *A*. 3.47 - I. 152.

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.6. 0607c24). Tham chiếu: *A*. 3.2 - I. 102; *A*. 3.3 - I. 102; *A*. 3.4 - I. 103; *A*. 3.5 - I. 103; *A*. 3.6 - I. 103; *A*. 3.7 - I. 104; *A*. 3.8 - I. 104; *A*. 3.9 - I. 105.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người ngu có ba biểu hiện, ba việc làm không thể trông cậy. Một là, tư duy đến những điều không nên tư duy; hai là, luận bàn những điều không nên luận bàn; ba là, thực hành những điều không nên thực hành.

Thế nào là người ngu tư duy đến những điều không nên tư duy? Nghĩa là người ngu nhớ nghĩ đến ba điều ác thuộc về ý nghiệp. Đó là, người ngu khởi tâm ganh ghét đối với tài sản và nữ sắc của người khác, tâm niệm và lời nói đều xấu ác ắt sẽ làm lớn mạnh tâm ganh ghét mà nghĩ rằng: "Những gì sở hữu của người kia, mong chúng sẽ thuộc về ta." Như thế gọi là người ngu tư duy những điều không nên tư duy.

[0608a03] Thế nào là người ngu luận bàn những điều không nên luận bàn? Nghĩa là người ngu gây tạo bốn lỗi thuộc về khẩu nghiệp. Người ngu thường thích nói dối, nói lời thêu dệt, nói lời thô ác, nói hai chiều gây tranh cãi đây kia. Đó là người ngu gây tạo bốn lỗi thuộc khẩu nghiệp.

Thế nào là người ngu thực hành những điều không nên thực hành, tạo các nghiệp ác? Tức là người ngu tạo ba điều ác thuộc về nghiệp của thân, thường sát sanh, trộm cướp, dâm dật. Đó là người ngu gây tạo nghiệp ác.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, người ngu có ba việc làm này, chỉ có người ngu si mới học theo ba việc này.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người trí có ba việc, phải nhớ thực hành. Là ba việc nào? Ở đây, người trí tư duy những điều đáng tư duy; luận bàn những điều đáng luận bàn; hành thiện những điều đáng hành thiện.

Thế nào là người trí tư duy những điều đáng tư duy? Nghĩa là người trí tư duy đến ba điều thiện thuộc về ý. Đó là không đố kỵ, không sân hận, không si mê; thường hành chánh kiến, thấy tài sản của người khác không khởi ý niệm mong cầu. Như vậy, người trí tư duy những điều đáng tư duy.

Thế nào là người trí luận bàn những điều đáng luận bàn? Nghĩa là người trí thành tựu bốn hạnh thuộc về miệng. Là bốn hạnh nào? Người trí không nói dối, cũng không dạy người khác nói dối, thấy người nói dối trong lòng không vui. Đó gọi là người trí biết gìn giữ nghiệp của miệng. Lại nữa, người trí không nói thêu dệt, không nói lời thô ác, không nói hai chiều gây tranh cãi đây kia, cũng không dạy người khác nói thêu dệt, hoặc nói lời thô ác, nói hai chiều gây tranh cãi đây kia. Như vậy, người trí thành tựu bốn hạnh thuộc về miệng.

Thế nào là người trí thành tựu ba hạnh thuộc về thân? Nghĩa là người trí tư duy đến việc làm của thân, không gây tổn thương, xúc phạm. Một là, người trí tự thân không sát sanh, cũng không dạy bảo người khác sát sanh, thấy người khác giết hại thì trong lòng không vui. Hai là, tự mình không trộm cướp, không dạy bảo người khác trộm cướp, thấy người khác trộm cướp trong lòng không

vui. Ba là, tự mình không dâm dật, nhìn thấy nữ sắc cũng không khởi tưởng dục nhiễm, cũng không dạy bảo người khác hành dâm dật. Nếu thấy người già thì xem như mẹ mình, người lớn hơn mình thì xem như chị, người nhỏ hơn thì xem như em, tâm không phân biệt đẹp xấu. Như vậy, người trí đã thành tựu ba hạnh thuộc về thân.

Đó gọi là việc làm của người trí.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, có ba tướng hữu vi này. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải lìa bỏ ba tướng của người ngu. Với ba việc làm của người trí thì đừng nên lìa bỏ, dù chỉ trong chốc lát.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

[0608b03] Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. BA PHÁP HIỀN THÁNH[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba pháp này, chưa từng thấu hiểu, chưa từng thấy, chưa từng nghe, trải qua nhiều lần sanh tử mà chưa từng được chiêm ngưỡng, trước đây Như Lai và các thầy cũng chưa từng thấy nghe. Là ba pháp nào? Đó là giới của bậc Hiền thánh, chưa từng thấu hiểu, chưa từng thấy, chưa từng nghe, trải qua nhiều lần sanh tử mà chưa từng được chiêm ngưỡng, trước đây Như Lai và các thầy cũng chưa từng được thấy nghe. Lại nữa, tam-muội và trí tuệ của bậc Hiền thánh, Như Lai và các thầy cũng chưa từng thấu hiểu, chưa từng thấy, chưa từng nghe. Giờ đây, Như Lai và các thầy thảy đều thấu hiểu cấm giới của Hiền thánh, tam-muội của Hiền thánh và trí tuệ của Hiền thánh, đều được thành tựu nên không còn thọ thân sau nữa, đã đoạn cội gốc ngọn nguồn sanh tử. Thế nên, các thầy Tỳ-kheo! Phải nhớ nghĩ tu hành ba pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.22.7. 0608b04).

8. BA ĐIỀU TRÂN QUÝ[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba trường hợp rất đáng trân quý, được người đời mong muốn. Là ba trường hợp nào? Một là, tuổi trẻ rất đáng trân quý, được người đời mong muốn. Hai là, không bệnh tật rất đáng trân quý, được người đời mong muốn. Ba là, tuổi thọ dài lâu rất đáng trân quý, được người đời mong muốn. Tỳ-kheo, đó gọi là ba trường hợp rất đáng trân quý, được người đời mong muốn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, tuy có ba trường hợp rất đáng trân quý, được người đời mong muốn này, nhưng cũng có ba trường hợp không được trân quý, người đời không mong muốn. Là ba trường hợp nào? Tỳ-kheo nên biết, tuy có tuổi trẻ nhưng ắt sẽ già, là trường hợp không được trân quý, người đời chẳng ai mong muốn. Tỳ-kheo nên biết, tuy có lúc không bệnh nhưng sẽ có lúc bệnh, là trường hợp không được trân quý, người đời chẳng ai mong muốn. Tỳ-kheo nên biết, tuy có người sống thọ nhưng rồi cũng sẽ chết, là trường hợp không được trân quý, người đời chẳng ai mong muốn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, tuy được tuổi trẻ trai tráng nhưng phải biết tìm cầu sự không già, chết, đến được Niết-bàn. Tuy có lúc không bệnh nhưng phải tìm phương tiện để mãi không bệnh tật. Đôi khi được sống thọ nhưng phải tìm phương tiện để không còn sanh tử nữa.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

[0608c02] Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. BA LOẠI TẬP KHÍ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ví như mùa xuân gặp trời tuôn mưa đá, cũng vậy, nếu Như Lai không thị hiện ở đời thì chúng sanh rơi vào địa ngục. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, do ba tập khí nên khiến chúng sanh sau khi qua đời sẽ rơi vào ba đường dữ. Là ba tập

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.22.8. 0608b16). Tham chiếu: *Nhu nhuyễn kinh* 柔軟經 (*T*.01. 0026.117. 0607c04); *A*. 3.39 - I. 145.

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.22.9. 0608c03). Tham chiếu: *A*. 3.129 - I. 281.

khí nào? Đó là tham dục, ngủ nghỉ và ganh ghét.[14] Do bị tập khí này trói buộc tâm ý nên sau khi qua đời, chúng sanh rơi vào ba đường ác.

Bấy giờ, người nữ vào địa ngục nhiều hơn so với người nam.[15] Vì sao vậy? Vì người nữ suốt ngày học theo ba tập khí và lấy đó làm vui. Là ba tập khí nào?[16] Sáng sớm, họ dùng tâm ganh ghét để trói buộc mình; buổi trưa, lại dùng ngủ nghỉ để trói buộc mình; đến chiều thì dùng tâm tham dục để trói buộc mình. Vì nhân duyên này khiến người nữ kia sau khi qua đời rơi vào ba đường dữ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải nhớ xa lìa ba nguyên nhân này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ba pháp ác: Tham dục, Ngủ nghỉ và ghét ganh,
Xô người xuống địa ngục, Đường giải thoát mịt mùng!
Vậy nên phải xa lìa, Thói ghét ganh, ham ngủ,
Và dứt trừ tham dục, Chớ tạo nghiệp xấu kia!

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải nhớ xa lìa lòng ganh ghét, tâm không bỏn xẻn, thường hành bố thí, không đắm ngủ nghỉ, thường quán bất tịnh, không nhiễm tham dục.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. BA VIỆC KHÔNG BIẾT ĐỦ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba tập tính này, nếu ai học theo nó, thân cận nó thì sẽ không biết chán đủ, cũng không đến được nơi tịch tĩnh. Là ba tập tính nào? Một là tham dục, người nào đã học theo tập tính này thì không bao giờ biết chán đủ. Hai là uống rượu, người nào đã học theo tập tính này thì không bao giờ biết chán đủ. Ba là ngủ nghỉ, người nào đã học theo tập tính này thì không bao giờ biết chán đủ.

---

[14] Nguyên tác: Điệu hý (調戲). Điệu hý trong ngữ cảnh này không mang ý nghĩa trạo cử mà là tâm ganh ghét, đố kỵ. Tham chiếu: *Hán ngữ đại từ điển* (漢語大辭典): 特指對婦女進行侮辱性的挑引戲弄. Ở đoạn kinh sau sẽ làm rõ ý nghĩa này.

[15] Câu này nằm ở trước đó, sau cụm từ: Chúng sanh rơi vào địa ngục. Điều này, có khả năng bản Hán nhảy chữ, để câu văn liền mạch, chúng tôi đưa xuống vị trí này.

[16] Ba tập khí gồm tham dục, ngủ nghỉ, đố kỵ. Bản Pāli nêu ba yếu tố khác: Xan lẫn (*macchera*), tật đố (*issā*) và dục tham (*kāmarāga*).

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.22.10. 0608c24). Tham chiếu: *A.* 3.108 - I. 261.

Này các Tỳ-kheo, người nào đã học theo ba tập tính này thì không bao giờ biết chán đủ và cũng không thể đạt đến Niết-bàn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải biết dứt bỏ ba tập tính này, không nên gần gũi nó.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[18]

Cúng dường, Tam thiện căn, Tam thống, Tam phú lộ,
Tướng, Pháp, Tam bất giác, Ái kính, Xuân, Vô túc.

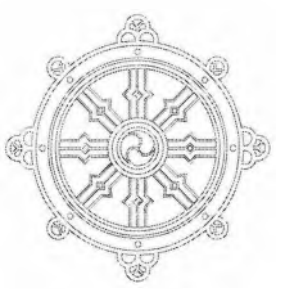

[18] Nguyên tác Nhiếp tụng: 供養, 三善根; 三痛, 三覆露; 相, 法, 三不覺; 愛敬, 春, 無足. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 12.

23. PHẨM ĐỊA CHỦ[1]

1. VUA ĐỊA CHỦ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc ban lệnh cho các quần thần:

– Các khanh hãy chuẩn bị cỗ xe gắn lông chim quý,[3] trẫm muốn đến chỗ Thế Tôn để lễ bái, thăm hỏi.

Khi ấy, quần thần vâng lệnh chuẩn bị cỗ xe gắn lông chim quý, xong đến tâu vua:

– Tâu Bệ hạ, ngựa xe đã sẵn sàng, thời gian đã thích hợp!

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc liền ngự cỗ xe được trang trí bằng lông chim quý, cùng với vài ngàn người đi bộ hoặc cỡi ngựa vây quanh trước sau, ra khỏi thành Xá-vệ, thẳng đến tinh xá Kỳ Hoàn, đến chỗ Thế Tôn. Theo phép của các vua, Vua Ba-tư-nặc liền cởi bỏ năm thứ nghi vệ là lọng, mũ, kiếm, giày và quạt vàng để ở một nơi rồi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, sau đó ngồi qua bên cạnh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết pháp sâu xa vi diệu cho vua nghe, khích lệ, chỉ dạy khiến vua khởi tâm hoan hỷ.

Sau khi nghe pháp xong, Vua Ba-tư-nặc bạch với Thế Tôn:

– Kính xin Thế Tôn chấp thuận cho con được cúng dường Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo-tăng trong ba tháng an cư, chớ đến nơi khác!

Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của Vua Ba-tư-nặc.

Thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời thỉnh cầu, Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi xin phép trở về.

Về đến thành Xá-vệ, vua ra lệnh cho các quần thần:

– Trẫm muốn cúng dường phẩm vật lên đức Phật và Tỳ-kheo-tăng trong ba tháng an cư, cung cấp những thứ cần dùng như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Các khanh cũng nên phát tâm hoan hỷ.

---

[1] Nguyên tác: *Địa chủ phẩm* 地主品 (*T*.02. 0125.23. 0609a13).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.1. 0609a14).

[3] Nguyên tác: Vũ bảo chi xa (羽寶之車). Xem chú thích 37, phẩm 19, tr. 196; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.19.11. 0595c29).

[0609b01] Quần thần đáp:

– Thưa vâng!

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc liền cho dựng bên ngoài cửa cung một giảng đường lớn, cực kỳ tráng lệ, treo giăng phướn lọng, rồi tấu các thứ kỹ nhạc, không thể kể xiết. Vua lại cho xây nhiều bể tắm, sửa soạn nhiều đèn dầu, chưng dọn nhiều món ăn có đến trăm loại. Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc liền đến bạch Phật:

– Đã đến giờ, kính thỉnh Thế Tôn thân lâm đến chốn này.

Bấy giờ, biết đã đến giờ, đức Thế Tôn bèn đắp y, ôm bát, dẫn chúng Tỳ-kheo-tăng tuần tự theo sau, vào thành Xá-vệ, rồi đến giảng đường ấy. Đến nơi, Thế Tôn vào chỗ ngồi, các Tỳ-kheo-tăng cũng theo thứ tự mà ngồi.

Khi đó, Vua Ba-tư-nặc hướng dẫn những người trong cung, tự tay dâng thức ăn đến và cung cấp những thứ cần dùng như y áo, thức ăn, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Suốt trong ba tháng, không để thiếu thốn.

Thấy Thế Tôn thọ thực xong, vua liền rải các loại hoa thơm cúng dường lên đức Phật và Tỳ-kheo-tăng, sau đó chọn một chiếc ghế nhỏ rồi ngồi xuống trước Như Lai và bạch:

– Con đã từng nghe Phật dạy về gốc ngọn nhân duyên như vầy: Nếu bố thí thức ăn cho súc sanh thì được phước trăm lần; cúng dường thức ăn cho người phạm giới thì được phước ngàn lần; cúng dường thức ăn cho người giữ giới thì được phước mười ngàn lần; cúng dường thức ăn cho Tiên nhân đã đoạn dục thì được phước trăm ngàn lần; cúng dường thức ăn cho vị hướng Tu-đà-hoàn thì được phước không thể tính kể, huống gì là cúng cho bậc đã chứng quả Tu-đà-hoàn; bậc hướng Tư-đà-hàm, bậc đã chứng quả Tư-đà-hàm; bậc hướng A-na-hàm, bậc đã chứng quả A-na-hàm; bậc hướng A-la-hán, bậc đã chứng quả A-la-hán; bậc hướng đến Độc giác, bậc đã chứng quả Độc giác; bậc hướng đến quả vị Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, bậc đã thành Phật, cho đến các Tỳ-kheo-tăng. Phước đức đó không thể tính kể. Vậy thì, hôm nay những việc làm công đức của con đã xong.

Thế Tôn bảo:

– Đại vương, chớ nói như vậy! Làm phước không bao giờ đủ, vì sao hôm nay lại nói việc làm công đức đã xong? Vì sao như vậy? Vì sanh tử dài lâu không thể tính kể.

Vào thời quá khứ xa xưa, có vị vua tên là Địa Chủ, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này. Vua ấy có đại thần tên là Thiện Minh, ngay từ thuở nhỏ đã kề cận vua, không ngại nguy khó. Bấy giờ, vua ấy chia nửa cõi Diêm-phù-đề cho đại thần đó trị vì.

Lúc đó, Tiểu vương Thiện Minh tự xây thành quách, bề dọc dài mười hai do-tuần, bề ngang bảy do-tuần, đất đai màu mỡ, dân chúng đông đúc. Thành ấy tên là Viễn Chiếu. Đệ nhất phu nhân của Vua Thiện Minh tên là Nhật Nguyệt

Quang, dáng người cân đối, không cao không thấp, không mập không gầy, không đen không trắng, dung mạo đoan chánh, hiếm có trên đời. Miệng nàng tỏa hương hoa sen, thân tỏa hương trầm. Không lâu sau, phu nhân mang thai, bèn đến tâu vua:

"Thần thiếp đã có thai."

Vua nghe lời này, vui mừng hớn hở không kiềm lòng được, liền sai những người hầu cận thiết trí giường đệm cực kỳ êm ái. Đến ngày khai hoa nở nhụy, phu nhân sanh một bé trai. Khi đang sanh, đất cõi Diêm-phù-đề bỗng nhiên rực sáng sắc vàng. Thái tử tướng mạo xinh đẹp, đủ ba mươi hai tướng tốt, toàn thân màu vàng. Đại vương Thiện Minh nhìn thấy thái tử lòng rất vui mừng, hạnh phúc vô cùng, liền mời các thầy xem tướng Bà-la-môn, đạo sĩ đến, rồi vua đích thân bế thái tử đến để họ xem tướng. Vua nói:

"Nay trẫm vừa sanh thái tử, các khanh hãy xem tướng và đặt tên cho."

[0609c10] Khi đó, các thầy tướng vâng lệnh vua, mỗi người đích thân bế thái tử để xem tướng mạo, rồi cùng tâu lên vua:

"Tâu Thánh vương, thái tử đoan chánh vô song, các căn không khuyết, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, nên thái tử sẽ có hai hướng đi: Một là, nếu sống ở đời thì thái tử sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, đầy đủ bảy báu, đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu; lại có một ngàn người con dũng mãnh kiên cường, giỏi dẹp trừ quân địch, không cần đến đao binh mà vẫn nhiếp phục được bốn biển. Hai là, nếu thái tử xuất gia học đạo thì sẽ thành Vô Thượng Chánh Giác, danh đức vang xa khắp cả thế giới. Vào ngày thái tử ra đời, ánh sáng tỏa chiếu rất xa, nên nay xin đặt tên cho thái tử là Đăng Quang."

Sau khi đặt tên xong, các thầy tướng liền rời khỏi chỗ mà ra về.

Bấy giờ, Vua Thiện Minh suốt ngày bồng bế thái tử, không chút rời mắt. Vua xây cho thái tử ba cung điện thích hợp với ba mùa: Thu, đông và hạ; cung nhân thể nữ đầy khắp trong cung, rồi để thái tử vui chơi trong đó.

Khi tròn hai mươi chín tuổi, với lòng tin vững chắc, vương thái tử xuất gia học đạo. Ngày xuất gia, ngay trong đêm đó thái tử thành Phật.

Bấy giờ, khắp cõi Diêm-phù-đề thảy đều hay tin: "Vương thái tử ấy đã xuất gia học đạo và thành Phật ngay trong ngày." Sáng sớm vua cha nghe tin vương thái tử đã xuất gia học đạo và thành Phật ngay trong đêm, liền suy nghĩ: "Tối hôm qua, ta nghe chư thiên ở giữa hư không thảy đều khen: 'Lành thay!' Đây ắt là điềm lành, chứ không phải điềm xấu. Nay ta nên đến gặp thái tử."

[0610a01] Thế rồi, vua dẫn bốn mươi ức nam nữ theo sau, đi đến chỗ Như Lai Đăng Quang. Đến nơi, vua đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức nam nữ đều cùng đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Lúc đó, Như Lai lần lượt nói pháp vi diệu cho vua cha và bốn mươi ức người đi cùng, như

luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là nhiễm ô, phiền não[4] là bất tịnh, giải thoát[5] là thiết yếu, được phước báu thanh tịnh.

Bấy giờ, đức Đăng Quang Như Lai quán sát tâm ý của những vị này, nhận thấy tâm tánh đã hòa dịu, liền đem giáo pháp mà chư Phật thường dạy là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói lại tường tận nghĩa này cho vua và bốn mươi ức người cùng nghe. Khi đó, khiến họ ngay tại chỗ ngồi liền dứt sạch mọi trần cấu, được Pháp nhãn tịnh.

Thế rồi bốn mươi ức người này bạch với Đăng Quang Như Lai:

"Chúng con nguyện cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo."

Đại vương nên biết! Bấy giờ, bốn mươi ức người đều được xuất gia học đạo, và ngay trong hôm đó họ đều thành A-la-hán.

Bấy giờ, Đăng Quang Như Lai dẫn bốn mươi ức Tăng chúng, đều là bậc Vô trước,[6] du hóa trong cõi nước ấy, được nhân dân trong nước cúng dường tứ sự, y áo, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, không để thiếu hụt.

Khi đó, Vua Địa Chủ hay tin con của mình là Thái tử Đăng Quang đã thành bậc Vô Thượng Chánh Chân, Đẳng Chánh Giác, đang dẫn bốn mươi ức Tăng chúng, đều là bậc Vô trước, du hóa trong nước kia, liền suy nghĩ: "Nay ta phải sai sứ giả đến thỉnh Như Lai sang du hóa tại đất nước mình. Nếu Như Lai đến thì ta mãn nguyện, còn Ngài ấy không đến, ta sẽ đích thân đến lễ lạy, thăm hỏi."

Vua liền chỉ dụ cho một đại thần:

"Khanh hãy đến đó, lấy danh nghĩa của trẫm, đảnh lễ sát chân, thăm hỏi Như Lai đời sống có nhẹ nhàng, đi đứng có khỏe mạnh không? Khanh hãy trình bạch: 'Vua Địa Chủ thăm hỏi Như Lai đời sống có nhẹ nhàng, đi đứng có khỏe mạnh không? Cúi xin Thế Tôn thân lâm về bản quốc!'"

Đại thần vâng theo lệnh vua, đi đến đất nước kia. Đến nơi, ông ấy đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên, sau đó thưa:

"Đại vương Địa Chủ kính đảnh lễ sát chân Như Lai, thăm hỏi Như Lai đời sống có nhẹ nhàng, đi đứng có khỏe mạnh không? Cúi xin Thế Tôn thân lâm về bản quốc!"

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu.

Thế rồi, Như Lai Đăng Quang dẫn theo đại chúng, lần lượt du hóa trong dân gian, đi đến chốn nào cũng đều được cung kính, cúng dường y áo, thức ăn thức uống, giường đệm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Như Lai và đại chúng dần đến đất nước của Vua Địa Chủ. Khi ấy, Vua Địa Chủ được tin Đăng Quang Như

---

[4] Nguyên tác: Lậu (漏), là tên gọi khác của phiền não.

[5] Nguyên tác: Xuất gia (出家, *nekkhamma*), được hiểu là xuất gia và mang cả nghĩa ly dục, ở đây chỉ cho sự xuất ly hay ly dục.

[6] Vô trước (無著) dịch nghĩa từ A-la-hán, tức là không còn chấp trước.

Lai cùng với bốn mươi ức đại Tỳ-kheo đã về đến nước mình, hiện đang an trú trong vườn Bà-la ở phía Bắc, liền nghĩ: "Nay ta nên đích thân đến nghinh đón."

Khi đó, Đại vương Địa Chủ cũng dẫn bốn mươi ức người cùng đến chỗ Như Lai Đăng Quang. Đến nơi, vua đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức người đi theo cũng đảnh lễ sát chân Như Lai rồi ngồi qua một bên.

[0610b04] Lúc này, Như Lai Đăng Quang lần lượt diễn nói pháp vi diệu cho vua và bốn mươi ức người cùng nghe, như luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là nhiễm ô, phiền não là bất tịnh, giải thoát là thiết yếu, sẽ được phước báu thanh tịnh.

Bấy giờ, đức Đăng Quang Như Lai quán sát tâm ý của những người này, nhận thấy tâm tánh đã hòa dịu, liền đem giáo pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói lại tường tận nghĩa này cho vua và bốn mươi ức người cùng nghe khiến họ ngay nơi chỗ ngồi, mọi trần cấu đều dứt sạch, được Pháp nhãn tịnh.

Thế rồi, bốn mươi ức người này bạch với Đăng Quang Như Lai:

"Chúng con nguyện cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo!"

Đại vương nên biết! Bấy giờ, bốn mươi ức người ấy đều được xuất gia học đạo và ngay hôm đó, họ đều thành A-la-hán. Còn Quốc vương Địa Chủ từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi rời đi.

Bấy giờ, Đăng Quang Như Lai dẫn tám mươi ức chúng Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán, du hóa trong cõi nước ấy, được nhân dân trong nước cúng dường bốn vật dụng cần thiết là y áo, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, cung cấp mọi thứ, không để thiếu hụt.

Một thời gian sau, Quốc vương Địa Chủ lại dẫn quần thần cùng đến chỗ Như Lai Đăng Quang, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi đó, Như Lai Đăng Quang giảng nói pháp vi diệu cho quốc vương nghe. Sau đó, Quốc vương Địa Chủ bạch với Như Lai:

"Kính xin Thế Tôn chấp thuận cho trẫm suốt đời cúng dường Ngài và Tỳ-kheo-tăng. Trẫm xin cúng dường y phục, thức ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, không để thiếu thốn thứ gì."

Bấy giờ, Như Lai Đăng Quang im lặng chấp thuận thỉnh cầu của vua.

Khi thấy đức Phật im lặng nhận lời, vua thưa với đức Phật lần nữa:

"Nay trẫm có điều thỉnh cầu với Thế Tôn, kính xin Thế Tôn hoan hỷ chấp thuận!"

Thế Tôn bảo:

"Trong pháp của Như Lai chỉ chấp thuận những thỉnh cầu đúng pháp."[7]

---

[7] Nguyên tác: Như Lai pháp giả, dĩ quá thử nguyện (如來法者, 以過此願). Tham chiếu: *Tứ phần luật* 四分律 (*T*.22. 1428.10. 0629b01): Như Lai chỉ hứa khả những thỉnh nguyện đúng như pháp (如來不與人過願).

Vua bạch:

"Thỉnh cầu của trẫm hôm nay rất tịnh diệu!"

Thế Tôn hỏi:

"Thỉnh cầu của Đại vương tịnh diệu như thế nào?"

Vua bạch Thế Tôn:

"Theo tâm nguyện của trẫm thì hôm nay chúng Tăng thọ trai bằng chiếc bát này, ngày mai nên dùng chiếc bát khác; hôm nay chúng Tăng mặc loại y phục này, ngày mai đổi lại loại y phục khác; hôm nay chúng Tăng ngồi loại tọa cụ này, ngày mai ngồi loại tọa cụ khác; hôm nay người này đến thừa sự chúng Tăng, ngày mai đổi lại người khác đến. Thỉnh cầu của trẫm chính là như vậy."

Như Lai Đăng Quang bảo:

"Tùy thuận tâm nguyện của Đại vương, nay là đúng lúc!"

[0610c03] Bấy giờ, Đại vương Địa Chủ vui mừng phấn khởi không kiềm nén được, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui về. Về đến hoàng cung, vua nói với quần thần:

"Nay trẫm phát nguyện trọn đời cúng dường Đăng Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo các thứ cần dùng như là y phục, thức ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Các khanh cũng nên hỗ trợ trẫm sắp đặt việc cúng dường."

Các đại thần đáp:

"Xin tuân lệnh Đại vương!"

Cách thành không xa, khoảng độ một do-tuần, vua cho xây dựng một ngôi giảng đường, điêu khắc chạm trổ năm màu rực rỡ; rồi cho treo giăng phướn lọng, trỗi các thứ kỹ nhạc, rưới nước thơm khắp mặt đất, sửa sang hồ tắm, trưng nhiều đèn dầu, dọn nhiều món ăn thức uống ngon ngọt, thiết trí chỗ ngồi. Sau đó, vua đến bạch Phật:

"Nay đã đúng thời, kính thỉnh Thế Tôn lân mẫn quang lâm!"[8]

Đăng Quang Như Lai biết đã đến giờ, liền đắp y, ôm bát, dẫn chúng Tỳ-kheo tuần tự theo sau, cùng đến giảng đường. Đến nơi, mỗi người theo thứ tự mà ngồi. Đại vương Địa Chủ thấy Phật và Tỳ-kheo-tăng đều đã an tọa, liền lệnh cho các thể nữ và các đại thần tự tay rót nước, bày biện thức ăn có đến trăm món.

Đại vương nên biết, thuở ấy Quốc vương Địa Chủ đã cúng dường Đăng Quang Như Lai và tám mươi ức vị A-la-hán suốt bảy mươi ngàn năm, chưa từng lười mỏi hay bỏ dở giữa chừng; còn đức Như Lai kia sau khi giáo hóa cùng khắp, liền ở nơi Vô dư Niết-bàn giới[9] mà thể nhập Bát-niết-bàn.

---

[8] Nguyên tác: Thời đáo, kim chánh thị thời, nguyện tôn khuất cố (時到, 今正是時, 願尊屈顧).

[9] Vô dư Niết-bàn giới (無餘涅槃界, *Anupādisesā Nibbānadhātu*): Đã đoạn hết nhân sanh tử, lại không còn quả sanh tử, đạt đến cảnh giới Niết-bàn rốt ráo gọi là Vô dư Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại vương Địa Chủ dùng hàng trăm loại hoa thơm để cúng dường, đồng thời cho xây dựng bốn ngôi tháp tại bốn giao lộ lớn. Mỗi tháp đều được làm bằng bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh... và treo giăng phướn lọng khắp trong đó. Tám mươi ức vị A-la-hán cũng lần lượt ở nơi Vô dư Niết-bàn giới mà thể nhập Bát-niết-bàn. Bấy giờ, Đại vương Địa Chủ thâu thập Xá-lợi của tám mươi ức Tỳ-kheo A-la-hán ấy, rồi xây dựng tháp, treo giăng phướn lọng, hương hoa cúng dường.

Đại vương nên biết, Đại vương Địa Chủ lại xây tháp phụng thờ Như Lai Đăng Quang và tám mươi ức vị A-la-hán, suốt bảy mươi ngàn năm, lúc nào cũng treo giăng phướn lọng, đốt đèn, rải hoa dâng lên cúng dường. Đại vương nên biết, mãi đến khi giáo pháp của Đăng Quang Như Lai để lại đã hoàn toàn mất đi, sau đó vị vua này mới Diệt độ.

Thuở ấy, Đại vương Địa Chủ đâu phải ai khác? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì Đại vương Địa Chủ lúc đó chính là Như Lai đây. Ta lúc bấy giờ, trong suốt bảy mươi ngàn năm, lúc nào cũng cúng dường đức Phật ấy y phục, thức ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, không để thiếu hụt. Sau khi đức Phật Đăng Quang vào Niết-bàn rồi, trong suốt bảy mươi ngàn năm tiếp theo, Ta luôn cúng dường hình tượng, Xá-lợi, thắp hương, đốt đèn, treo giăng phướn lọng, không để thiếu hụt. Lúc đó, Ta đem công đức này cầu được phước lành trong cõi sanh tử, không cầu giải thoát.

Đại vương nghĩ sao, bao nhiêu phước đức có được lúc đó, có còn dư lại đến hôm nay chăng? Chớ nghĩ như vậy! Hôm nay, Ta xét thấy phước đức kia không còn lại một chút nào, cho dù chỉ bằng mảy lông sợi tóc. Vì sao như vậy? Bởi lẽ sanh tử triền miên không thể tính kể, ở trong dòng sanh tử ấy đã hưởng hết phước, không còn sót lại một chút nào cả, cho dù chỉ bằng mảy lông sợi tóc. Cho nên, Đại vương chớ nên nguyện rằng: "Hôm nay, trẫm tạo phước đức đã xong." Đại vương nên nói rằng: "Hôm nay, những việc phước đức mà trẫm đã làm từ thân, miệng, ý, đều xin hồi hướng đến sự giải thoát, chứ không mong cầu hưởng phước trong sanh tử. Như thế sẽ được vô lượng an ổn lâu dài."

[0611a13] Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc trong lòng kinh sợ, toàn thân sởn gai ốc, vừa buồn vừa khóc, đưa tay gạt lệ, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi tự trình bày lỗi lầm:

– Con quá mê lầm ngu muội, không hiểu biết gì. Kính xin Thế Tôn cho con sám hối. Nay con xin gieo năm vóc sát đất, nguyện xin sửa đổi lỗi lầm trước đây, không nói những lời này nữa. Ngưỡng mong Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con!

Vua bạch như vậy ba lần.

Thế Tôn liền bảo:

– Lành thay, lành thay! Nay Đại vương đã ở trước Như Lai sám hối những việc sai trái mà mình đã từng làm và nguyện xin sửa đổi về sau. Nay Như Lai nhận sự sám hối của Đại vương, từ nay chớ tái phạm!

Bấy giờ, trong đại chúng có Tỳ-kheo-ni tên là Ca-chiên-diên, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi bạch Thế Tôn:

– Những điều hôm nay Thế Tôn giảng nói thật là vi diệu. Lại nữa, Thế Tôn nói với Vua Ba-tư-nặc: "Đại vương nên nguyện rằng: 'Hôm nay, những việc phước đức mà trẫm đã làm từ thân, miệng, ý, đều xin hồi hướng đến sự giải thoát, chứ không mong cầu hưởng phước trong sanh tử. Như thế sẽ được vô lượng an ổn lâu dài.'" Vì sao như vậy? Vì con nhớ lại ba mươi mốt kiếp về trước, có đức Như Lai Thi-khí,[10] Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,[11] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,[12] Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn[13] xuất hiện ở thế gian, du hóa tại thế giới Dã Mã.

Bấy giờ, đức Phật ấy đến giờ, đắp y, ôm bát vào thành Dã Mã khất thực. Lúc đó, trong thành có một người làm thuê tên là Thuần Hắc. Ông ta nhìn thấy Như Lai ôm bát vào thành khất thực, liền suy nghĩ rằng: "Nay Như Lai vào thành, hẳn là Ngài cần thức ăn nước uống." Ông ấy lập tức vào nhà mang thức ăn ra cúng dường Như Lai, đồng thời phát nguyện: "Nguyện đem công đức này, hồi hướng cho con không rơi vào ba đường ác, trong đời tương lai cũng sẽ được gặp vị Thánh Tôn như thế, cũng được nghe Thánh Tôn ấy thuyết pháp, khiến được giải thoát." Thế Tôn và Vua Ba-tư-nặc hẳn đều biết rõ! Người làm thuê Thuần Hắc lúc đó là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì người làm thuê Thuần Hắc lúc đó, nay chính là con.

[0611b08] Lúc cúng dường thức ăn cho Như Lai Thi-khí, con đã phát nguyện: "Nương công đức này, cầu mong cho con không rơi vào ba đường ác, trong đời tương lai cũng sẽ được gặp vị Thánh Tôn như thế, cũng được nghe Thánh Tôn ấy thuyết pháp, khiến được giải thoát." Nhờ vậy mà trong ba mươi mốt kiếp, con không đọa ba đường ác, được sanh trong cõi trời, cõi người và ở hiện tại được thọ thân này, được gặp Thánh Tôn, xuất gia học đạo, dứt hết lậu hoặc, thành A-la-hán. Đúng như những gì Thế Tôn giảng nói, rất là vi diệu.

Rồi Tỳ-kheo-ni nói với Vua Ba-tư-nặc:

– Những việc phước đức đã làm từ thân, miệng, ý đều nên hồi hướng đến sự giải thoát, chớ nên mong cầu hưởng phước trong sanh tử. Nếu tôi có gặp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di với tâm ý hoan hỷ hướng đến Như Lai, tôi liền suy nghĩ: "Vì sao tâm của những Hiền sĩ này vẫn còn do dự, chưa tôn kính cúng dường Như Lai?"[14] Nếu tôi gặp bốn bộ chúng, tôi sẽ đến hỏi: "Này các Hiền giả! Các vị cần gì? Y bát? Tọa cụ? Ống đựng kim? Bình nước rửa?

---

[10] Nguyên tác: Thức Cật Như Lai (式詰如來), còn gọi là Phật Thi-khí (Sikhī Buddha).

[11] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為, *Vijjācaraṇasampanno*).

[12] Nguyên tác: Vô Thượng Sĩ Đạo Pháp Ngự (無上士道法御, *Anuttaro Purisadammasārathi*).

[13] Nguyên tác: Chúng Hựu (眾祐, *Bhagavā*).

[14] Nguyên tác: Thử chư Hiền sĩ dụng ý do bất ái kính cúng phụng Như Lai? (此諸賢士用意猶不愛敬供奉如來?).

Cho đến các vật dụng khác của Sa-môn, tôi xin được cung cấp đầy đủ." Khi đã hứa điều này, tôi sẽ đi khất cầu khắp nơi. Nếu như có được thì đó là điều may mắn lớn. Giả như không được, tôi sẽ đến các châu như Uất-đan-việt, Cù-da-ni, Phất-vu-đãi khất cầu để cúng dường cho các vị ấy. Vì sao như vậy? Bởi vì nhờ bốn bộ chúng này mà được thành tựu Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn quán sát tâm ý của Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên rồi nói với các Tỳ-kheo:

– Các thầy đã từng thấy ai có tín tâm giải thoát giống như Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên này không?

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

– Không thấy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo-ni được tín giải thoát[15] bậc nhất chính là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên và Vua Ba-tư-nặc nghe Phật thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. TÔN GIẢ BÀ-CÂU-LƯ[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Tôn giả Bà-câu-lư đang vá y cũ ở bên sườn núi. Khi đó, Thích-đề-hoàn-nhân từ xa trông thấy Tôn giả Bà-câu-lư đang vá y cũ ở bên sườn núi, liền nghĩ: "Tôn giả Bà-câu-lư này đã chứng quả A-la-hán, mọi sự trói buộc đã được tháo gỡ, sống lâu vô lượng, luôn tự hàng phục, thường nhớ nghĩ đến vô thường, khổ, không, vô ngã, không vướng việc thế tục, lại cũng không nói pháp cho người khác, lặng lẽ tự tu, giống như hàng ngoại đạo dị học. Không rõ Tôn giả có khả năng nói pháp cho người khác, hay là không có khả năng này? Hôm nay, ta hãy nghiệm xem."

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân biến khỏi trời Ba Mươi Ba, hiện đến núi Kỳ-xà quật, đứng trước Tôn giả Bà-câu-lư, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, sau đó Thích-đề-hoàn-nhân nói kệ:

Bậc trí khen thuyết pháp, Sao thầy không giảng bày?
Phá kiết, được hạnh Thánh, Sao lặng lẽ ở đây?

---

[15] Tín giải thoát giả (信解脫者, *Saddhāvimutto*).

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.23.2. 0611c02).

Tôn giả Bà-câu-lư lại dùng kệ đáp lời Thích-đề-hoàn-nhân:

Có Phật, Xá-lợi-phất, A-nan, Bàn,[17] Quân-đầu,[18]
Cùng các bậc Tôn trưởng, Đều giỏi nói pháp mầu.

Thích-đề-hoàn-nhân bạch với Tôn giả Bà-câu-lư:

– Căn tánh của chúng sanh có rất nhiều chủng loại. Tôn giả nên biết, Thế Tôn cũng nói chủng loại chúng sanh nhiều hơn số bụi đất. Sao Tôn giả Bà-câu-lư lại không vì người khác mà thuyết pháp?

Bà-câu-lư đáp:

– Chủng loại chúng sanh khó có thể biết được. Thế giới có bao nhiêu quốc độ chẳng đồng, chúng sanh trong đó thảy đều chấp vào của ta và chẳng phải của ta. Vì thấy rõ nghĩa lý này nên tôi mới không thuyết pháp.

Thích-đề-hoàn-nhân nói:

– Kính xin Tôn giả nói cho tôi nghe nghĩa lý "của ta và chẳng phải của ta"!

Tôn giả Bà-câu-lư nói:

– Tự ngã, chúng sanh, thọ mạng,[19] hoặc nam, hoặc nữ, hết thảy mọi người đều nương vào thân mạng này mà được tồn tại. Nhưng này Câu-dực,[20] Thế Tôn cũng có dạy: "Tỳ-kheo nên biết, hãy tự mình thắp sáng, không khởi tà pháp và cũng nên im lặng như Hiền thánh." Vì thấy rõ nghĩa lý này, cho nên tôi an trú trong tịch lặng.

[0612a01] Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân chắp tay từ xa hướng về Thế Tôn và nói kệ:

Kính lạy đấng Thập Lực, Hào quang tỏa trong ngần,
Luôn vì mọi chúng sanh, Điều này rất kỳ đặc.

Tôn giả Bà-câu-lư hỏi:

– Tại sao Đế-thích lại nói: "Điều này rất kỳ đặc"?

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

– Tôi nhớ đã có lần đến chỗ Thế Tôn, sau khi lễ sát chân Thế Tôn, tôi liền hỏi nghĩa này: "Loài trời và loài người suy nghĩ những gì?" Bấy giờ, Thế Tôn nói với tôi: "Thế giới này có nhiều chủng loại, mỗi loài đều khác nhau, nguồn gốc cũng không đồng." Tôi nghe những lời này rồi, liền đáp: "Thật vậy, bạch Thế Tôn, đúng như những lời Thế Tôn đã nói, thế giới này có nhiều chủng loại, mỗi loài đều không giống nhau. Giả sử nói pháp cho những chúng sanh ấy, khiến họ đều thọ trì thì sẽ có người thành tựu đạo quả." Vì vậy nên tôi nói:

---

[17] Nguyên tác: Bàn (槃), chỉ cho Tỳ-kheo Bàn-đặc (槃特).

[18] Quân-đầu (均頭): Sa-di Quân-đầu (Cunda), thị giả của ngài Xá-lợi-phất.

[19] Nguyên tác: Ngã, nhân, thọ mạng (我, 人, 壽命). Các từ chỉ cho tự ngã. Tiếng Pāli tương đương: *Attā* (tự ngã), *puggala* (con người, cá thể), *jīva* (sanh mạng).

[20] Câu-dực (拘翼), tên gọi khác của Thích-đề-hoàn-nhân.

"Điều này rất kỳ đặc." Những điều mà Tôn giả Bà-câu-lư đã nói, cũng giống như vậy: "Thế giới này có nhiều chủng loại, mỗi loài đều không giống nhau."

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân liền nghĩ: "Tôn giả này có khả năng thuyết pháp cho người, chứ không phải không có khả năng." Thế rồi, Thích-đề-hoàn-nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghe Tôn giả Bà-câu-lư nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

***

3. NHỊ THẬP ỨC NHĨ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật an trú bên hồ Lôi Thanh,[22] tại thành Chiêm-ba.[23]

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ[24] đang ở nơi yên vắng, tự tu theo Chánh pháp, không bỏ mười hai hạnh Đầu-đà,[25] đêm ngày kinh hành, không lìa giáo lý ba mươi bảy phẩm trợ đạo; khi đi, khi ngồi luôn tu Chánh pháp; đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm luôn tự nỗ lực, không phút xao lãng, thế nhưng tâm của Tôn giả vẫn chưa giải thoát khỏi những phiền não trói buộc trong cõi dục.

Khi ấy, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ siêng năng kinh hành đến độ bàn chân rách nát, máu thấm ướt cả lối đi, giống như những nơi giết mổ trâu bò; quạ, diều nhìn thấy, kéo đến ăn máu, nhưng tâm của Tôn giả vẫn chưa giải thoát khỏi những phiền não trói buộc trong cõi dục.

Thế rồi, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ suy nghĩ: "Trong số đệ tử siêng năng tu tập khổ hạnh của đức Thế Tôn thì ta là người đứng đầu. Nhưng mãi đến hôm nay, tâm của ta vẫn chưa giải thoát khỏi những phiền não trói buộc trong cõi dục. Vả lại, gia nghiệp của ta cũng giàu có, nên chăng ta xả bỏ pháp phục, trở về sống đời cư sĩ, rồi đem tài vật bố thí rộng rãi. Làm Sa-môn như hiện nay thật sự khó quá, không hề dễ dàng."

Bấy giờ, Thế Tôn từ xa biết được tâm niệm của Nhị Thập Ức Nhĩ, liền nương hư không mà đi, đến chỗ Tôn giả đang kinh hành rồi trải tọa cụ ngồi. Khi đó, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên.

---

[21] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.23.3. 0612a17). Tham chiếu: *Sa-môn Nhị Thập Ức kinh* 沙門二十億經 (*T*.01. 0026.123. 0611c26); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.254. 0062b22); *A*. 6.55 - III. 374; *Mv.* 5.3.

[22] Lôi Thanh trì (雷聲池, Gaggarā Pokkharaṇī), một hồ nước lớn ở thủ đô Campā. Hồ này do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng, cũng còn gọi là hồ Già-già (伽伽), hồ Yết-già (揭伽).

[23] Chiêm-ba quốc (占波國, Campā), thành phố thủ đô của nước Ương-già (鴦伽, Aṅgā), một trong 16 quốc gia thời Phật.

[24] Nhị Thập Ức Nhĩ (二十億耳, Soṇa Koḷivīsa).

[25] Đầu-đà (頭陀). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

[0612b03] Thế Tôn hỏi Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ:

– Vừa rồi vì sao thầy lại có suy nghĩ: "Trong số đệ tử siêng năng tu tập khổ hạnh của đức Thế Tôn thì ta là người đứng đầu. Nhưng mãi đến hôm nay, tâm của ta vẫn chưa giải thoát khỏi những phiền não trói buộc trong cõi dục. Vả lại, gia nghiệp của ta cũng giàu có, nên chăng ta xả bỏ pháp phục, trở về sống đời cư sĩ, rồi đem tài vật bố thí rộng rãi. Làm Sa-môn như hiện nay thật sự khó quá, không hề dễ dàng."

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

– Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Nay Như Lai lại hỏi thầy, thầy theo đó mà trả lời. Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, trước kia khi còn tại gia, thầy giỏi đánh đàn phải không?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

– Đúng vậy, kính bạch Thế Tôn! Khi còn tại gia con rất giỏi đánh đàn.

Thế Tôn hỏi:

– Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, nếu dây đàn quá căng thì âm thanh không hòa hợp,[26] khi đó tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn lại bảo:

– Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, nếu dây đàn bị chùng thì tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn lại bảo:

– Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, nếu khi dây đàn không căng và cũng không chùng thì âm thanh tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Nếu dây đàn không chùng cũng không căng, lúc đó âm thanh tiếng đàn nghe rất hay.

Thế Tôn bảo:

– Việc này cũng như vậy. Nếu quá tinh tấn thì giống với trạo cử,[27] nếu biếng lười thì rơi vào tà kiến. Khéo trụ ở trung đạo, đó mới là pháp tu tối thượng. Thầy hãy tu tập như thế thì không bao lâu sẽ thành bậc vô lậu.

---

[26] Nguyên tác: Tề đẳng (齊等). Tham chiếu: *Địa Tạng Bồ-tát bổn nguyện kinh khoa chú* 地藏菩薩本願經科注 (*X*.21. 0384. 0713c20): "釋名, 釋親屬": 士庶人曰妻, 妻, 齊也. 夫賤不足以尊稱, 故齊等言也.

[27] Nguyên tác: Điệu hý (調戲).

Thế Tôn nói pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ xong, liền trở về an trú bên bờ hồ Lôi Âm.[28]

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ tư duy lời dạy của Thế Tôn không phút xao lãng. Thầy ấy ở nơi yên vắng, tinh chuyên tu tập pháp này, vì mục đích mà người thiện gia nam xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu Phạm hạnh vô thượng là để biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Khi ấy, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ liền thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử Thanh văn của Như Lai, người siêng năng tu khổ hạnh bậc nhất, chính là Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. TRƯỞNG GIẢ BÀ-ĐỀ[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có trưởng giả Bà-đề[30] mắc bệnh rồi qua đời. Do vì trưởng giả đó không có con cái nên toàn bộ gia sản đều sung vào cung vua.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc với thân thể dính đầy bụi bặm, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi vua:

– Đại vương có chuyện gì mà đến đây với thân hình đầy bụi như vậy?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Hôm nay, trong thành Xá-vệ này có trưởng giả tên là Bà-đề vừa qua đời. Ông ấy không có con cái nên trẫm đích thân đến trưng thu tài sản, sắp xếp việc sung công. Tài sản của ông ấy chỉ tính riêng vàng ròng thì đã có đến tám mươi ngàn cân, huống gì những vật linh tinh khác. Thế nhưng lúc còn sống, trưởng giả ấy toàn ăn những thức ăn rất dở tệ, không dùng đồ ngon, lại còn mặc y phục dơ bẩn, cỡi xe ngựa với con ngựa gầy yếu.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, Đại vương! Đúng như Đại vương vừa nói, người tham lam bỏn xẻn tuy được tiền của mà không dám ăn, không cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, cũng không tặng cho bạn bè hay người quen biết, cũng không cúng dường cho

---

[28] Lôi Âm (雷音). Phần đầu kinh viết Lôi Thanh.

[29] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.23.4. 0612c01). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1232. 0337a14); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.59. 0393c12); *S.* 3.19 - I. 89.

[30] Bà-đề trưởng giả (婆提長者) phiên âm từ chữ *Setṭhi gahapati*, là một trưởng giả giàu có, không phải tên riêng.

Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc tôn trưởng. Nếu người trí có được tài bảo này thì họ sẽ biết bố thí, cúng dường, cứu giúp rộng rãi, không gì luyến tiếc, cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc cao đức.

Khi đó, Vua Ba-tư-nặc hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Bà-đề này qua đời sẽ sanh vào chốn nào?

Thế Tôn bảo:

– Trưởng giả Bà-đề này qua đời sẽ đọa vào địa ngục Gào Khóc Lớn.[31] Vì sao vậy? Vì người này đã mất thiện căn nên sau khi chết đọa vào địa ngục Gào Khóc Lớn.

Vua Ba-tư-nặc liền hỏi:

– Trưởng giả Bà-đề đã mất thiện căn ư?

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, Đại vương! Như Đại vương đã nói, trưởng giả ấy đã đoạn mất thiện căn. Hơn nữa, vị trưởng giả ấy phước cũ đã hết nhưng lại không biết tạo thêm phước mới.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

– Trưởng giả kia không còn sót lại chút phước nào sao, thưa Thế Tôn?

Thế Tôn bảo:

– Không còn, Đại vương! Không còn sót lại một chút nào cả. Giống như người nhà nông kia chỉ thu hoạch mà không gieo trồng thì về sau sẽ trở thành nghèo nàn, khốn khổ, rồi dần qua đời. Vì sao vậy? Vì kẻ nhà nông này tiêu pha tài sản cũ mà không chịu làm ra tài sản mới. Trưởng giả này cũng như vậy, chỉ biết hưởng thụ phước cũ mà không tạo phước mới. Đêm nay, ông ta sẽ đọa vào địa ngục Thế Khốc [Lớn].

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc trong lòng kinh sợ, gạt lệ bạch Phật:

– Trước đây trưởng giả này đã gieo trồng công đức, phước nghiệp gì mà được sanh vào nhà giàu sang, nhưng lại gieo hạt giống bất thiện gì mà không được hưởng của cải giàu sang và cũng không được hưởng trọn niềm vui năm dục?

[0613a03] Bấy giờ, Thế Tôn nói với Vua Ba-tư-nặc:

– Vào thời Phật Ca-diếp ở quá khứ xa xưa, trưởng giả này là một nông dân, sống trong thành Xá-vệ. Khi ấy Phật đã nhập diệt, có bậc Độc giác[32] xuất hiện ở đời và đến nhà của trưởng giả này. Thấy bậc Độc giác đứng trước cửa nhà, trưởng giả này liền nghĩ: "Tôn giả này xuất hiện ở đời rất khó gặp được. Nay ta hãy mang đồ ăn thức uống đến cúng dường cho vị này."

Bấy giờ, trưởng giả liền cúng dường thức ăn cho vị Độc giác kia. Vị Độc giác nhận thức ăn rồi, liền nương hư không mà rời khỏi nơi đó.

---

[31] Thế Khốc đại địa ngục (涕哭大地獄, Mahāroruva).

[32] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛, Paccekabuddha). Xem chú thích 23, phẩm Tựa, tr. 9

Khi vị trưởng giả thấy vị Độc giác hiện thần túc, liền phát thệ nguyện: "Nguyện đem việc thiện này hồi hướng đời đời không đọa ba đường dữ, sanh đến nơi nào cũng luôn có nhiều của báu." Tuy nhiên sau đó, ông ta lại sanh tâm hối tiếc: "Số thức ăn vừa rồi ta nên đem cho tôi tớ, chẳng nên cho đạo nhân đầu trọc kia ăn."

Trưởng giả nhà nông lúc đó là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì trưởng giả nhà nông lúc đó, nay chính là trưởng giả Bà-đề.

Do vì cúng dường xong, ông ấy phát thệ nguyện này, cho nên nhờ công đức đó mà không đọa đường dữ, sanh ra nơi nào cũng luôn có nhiều của cải, sanh trong nhà giàu sang, không thiếu thốn thứ gì. Nhưng vì sau khi cúng dường rồi, lại khởi niệm hối tiếc, nghĩ ngợi: "Ta thà cho tôi tớ ăn, chẳng nên cho đạo nhân đầu trọc kia ăn."

Vì nguyên nhân này nên nay ông ấy không hưởng được của cải giàu có, cũng không được vui trong năm dục. Ông ấy không tự mình cúng dường, lại không cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn bè và người quen biết; cũng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc tôn trưởng, chỉ biết hưởng hết phước cũ mà không tạo phước mới. Thế nên, Đại vương, nếu là người trí, khi có được của cải thì nên bố thí rộng khắp, lòng không hối tiếc, rồi sau sẽ được của cải vô số. Thật vậy, Đại vương! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Từ nay về sau trẫm sẽ cúng dường không hạn lượng cho Sa-môn, Bà-la-môn và bốn bộ chúng. Nhưng các dị học ngoại đạo đến xin thức ăn thì trẫm không thể cho.

Thế Tôn bảo:

– Đại vương, chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì tất cả chúng sanh đều nhờ ăn uống mà tồn tại, không ăn uống thì sẽ chết.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Mở rộng lòng bố thí, Quyết không bỏ tâm lành,
Ắt sẽ gặp Hiền thánh, Vượt thoát dòng tử sanh.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Nay trẫm càng thêm hoan hỷ hướng về Như Lai. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều nhờ ăn uống mà tồn tại, không ăn uống thì sẽ chết.

Vua Ba-tư-nặc lại thưa:

– Từ nay về sau trẫm sẽ bố thí rộng khắp, lòng không hối tiếc.

[0613b06] Khi ấy, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho Vua Ba-tư-nặc. Nghe xong, vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ra.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

5. BA LOẠI HƯƠNG[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở nơi yên vắng, khởi niệm suy nghĩ: "Thế gian có loại hương nào khi ngược gió cũng thơm, khi xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm chăng?" Rồi Tôn giả A-nan rời chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và ngồi qua một bên. Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Con ở nơi yên vắng, có khởi ý nghĩ: "Thế gian có loại hương nào khi ngược gió cũng thơm, khi xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm chăng?"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Có loại diệu hương này, khi ngược gió cũng thơm, khi xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm.

A-nan bạch Thế Tôn:

– Đó là loại hương nào mà khi ngược gió cũng thơm, khi xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm, thưa Thế Tôn?

Thế Tôn bảo:

– Có loại hương này mà mùi hương của nó khi ngược gió cũng thơm, khi xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm.

A-nan bạch Phật:

– Đó là những loại hương nào, dù ngược gió cũng thơm, xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm?

Thế Tôn bảo:

– Có ba loại hương này dù ngược gió cũng thơm, xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm.

A-nan bạch:

– Là ba loại hương nào, thưa Thế Tôn?

Thế Tôn bảo:

– Đó là hương thơm của giới hạnh, hương thơm từ việc nghe pháp và hương thơm của bố thí. Này A-nan, đó là ba loại hương dù ngược gió cũng thơm, xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm. Trong các hương thơm có trên thế gian thì ba loại hương này tốt đẹp nhất, cao quý nhất, không hương

---

[33] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.23.5. 0613b10). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1073. 0278c08); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.12. 0376c15); *Phật thuyết giới đức hương kinh* 佛說戒德香經 (*T*.02. 116. 0507b11); *Phật thuyết giới hương kinh* 佛說戒香經 (*T*.02. 117. 0508a06); *A*. 3.79 - I. 225.

nào sánh bằng, không hương nào bì kịp. Cũng như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có tô, từ tô có đề-hồ thì đề-hồ này là thượng hạng, không loại nào sánh bằng, không loại nào bì kịp. Ở đây cũng vậy, trong các loại hương thơm có trên thế gian thì ba loại hương này tốt đẹp nhất, cao quý nhất, không hương nào sánh bằng, không hương nào bì kịp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Chiên-đàn và mộc mật,[34] Ưu-bát và các hương,
Trong tất cả các hương, Hương giới là hơn hết.
Thành tựu hương giới này, Các dục chẳng nhiễm vây,
Chánh trí mà giải thoát, Ma chẳng biết đường này.
Hương chiên-đàn, mộc mật, Tuy là hương diệu kỳ,
Nhưng hương giới diệu nhất, Mười phương khắp bay đi.
Chiên-đàn hương ngát bay, Ưu-bát cùng hương khác,
Hương nghe pháp thơm nhất, Trong tất cả hương này.
Chiên-đàn hương ngát bay, Ưu-bát cùng hương khác,
Hương bố thí thơm nhất, Trong tất cả hương này.

Đó gọi là có ba loại hương này, dù ngược gió cũng thơm, xuôi gió cũng thơm, dù ngược gió hay xuôi gió cũng thơm. Thế nên, này A-nan, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu ba loại hương này.

Thật vậy, này A-nan! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

6. ÁC TRI THỨC ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Hôm ấy, khi đã đến giờ, đức Thế Tôn liền đắp y, ôm bát rồi vào thành La-duyệt khất thực. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa[36] cũng vào thành khất thực. Đề-bà-đạt-đa đi vào một ngõ nhỏ, đức Phật cũng đến nơi đó. Thế nhưng, khi đức Phật từ xa nhìn thấy Đề-bà-đạt-đa đang đi đến thì Ngài muốn quay lại. Thấy vậy, A-nan bạch Thế Tôn:

– Vì sao Thế Tôn muốn tránh đi đường này?

---

[34] Mộc mật (木櫁): Nhựa của một loại cây khi bỏ vào nước thì chìm, thông tục gọi là "trầm hương", cách gọi đầy đủ là "trầm thủy mộc mật" (沈水木櫁).

[35] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.23.6. 0613c18). Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* 出曜經 (*T.*04. 0212.26. 0727b08).

[36] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜).

Thế Tôn bảo:

– Đề-bà-đạt-đa đang đi trên con đường này cho nên Như Lai phải tránh.

A-nan bạch Phật:

– Thế Tôn sao lại sợ Đề-bà-đạt-đa?

Thế Tôn bảo:

– Như Lai không sợ Đề-bà-đạt-đa nhưng không nên gặp hạng người xấu ác này.

A-nan thưa:

– Nhưng Thế Tôn có thể khiến cho Đề-bà-đạt-đa rời sang nơi khác mà?

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

Ta không hề khởi tâm, Khiến họ đi nơi khác,
Nghiệp người đó tạo tác, Dẫn họ đến nơi kia.

[0614a02] A-nan bạch Thế Tôn:

– Nhưng Đề-bà-đạt-đa có lỗi với Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

– Không nên gặp gỡ người mê muội!

Thế rồi, Thế Tôn quay nhìn A-nan mà nói kệ:

Không nên gặp người ngu, Chớ làm việc cùng họ,
Cũng đừng cùng chuyện trò, Việc đúng sai với họ.

Khi đó, A-nan lại dùng kệ hỏi Thế Tôn:

Người ngu giỏi việc gì, Người ngu có lỗi chi,
Nếu luận bàn với họ, Kết cuộc mất mát gì?

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ trả lời:

Người ngu tự tạo nghiệp, Việc làm đều trái ngang,
Thấy biết[37] trái lệ thường, Tà kiến càng lớn tiếp.

– Thế nên, này A-nan! Chớ thuận theo ác tri thức. Vì sao vậy? Vì thuận theo người mê muội sẽ không có niềm tin, không có giới hạnh, không được nghe pháp và không có trí tuệ. Còn như thuận theo thiện tri thức thì các công đức ngày càng tăng trưởng, giới hạnh được thành tựu đầy đủ.

Thật vậy, này A-nan! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[37] Nguyên tác: Chánh kiến (正見), nhận thức riêng của người nào đó.

7. LỢI DƯỠNG[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo an trú trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế mỗi ngày đều mang năm trăm mâm thức ăn đến cúng dường cho Đề-bà-đạt-đa. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa danh vang bốn phương, dân chúng lầm tưởng rằng thầy ấy giới đức đầy đủ, khắp nơi khen ngợi, mới có thể khiến cho Vua A-xà-thế cúng dường mỗi ngày.

Khi nghe tin Đề-bà-đạt-đa được lợi dưỡng như thế, các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn:

– Muôn dân trong nước đều khen ngợi Đề-bà-đạt-đa, danh tiếng vang xa, mới khiến cho Vua A-xà-thế thường đến cúng dường.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo các thầy chớ có tâm tham đắm lợi dưỡng giống như Đề-bà-đạt-đa. Vì sao vậy? Vì kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa đã gây tạo ba nghiệp từ thân, miệng, ý mà không hề kinh sợ, cũng không lo lắng. Kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa sẽ mất hết các công đức lành. Giống như bắt con chó dữ rồi đánh đau lỗ mũi của nó thì sẽ làm cho con chó càng hung dữ thêm.[39] Kẻ u mê Đề-bà-đạt-đa cũng hệt như vậy, nhận được lợi dưỡng này liền khởi tâm cống cao.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, các thầy chớ khởi tâm tham đắm lợi dưỡng. Tỳ-kheo nào tham đắm lợi dưỡng sẽ không thành tựu được ba pháp. Là ba pháp gì? Đó là giới đức của bậc Hiền thánh, tam-muội của Hiền thánh, trí tuệ của Hiền thánh, đều không được thành tựu. Tỳ-kheo nào không tham đắm lợi dưỡng thì sẽ thành tựu ba pháp. Là ba pháp gì? Đó là thành tựu giới đức của Hiền thánh, tam-muội của Hiền thánh, trí tuệ của Hiền thánh. Nếu muốn thành tựu ba pháp này thì nên phát thiện tâm, không tham đắm lợi dưỡng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[38] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.23.7. 0614a18). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1064. 0276b20); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 100.3. 0374b09); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.7. 0570b20); *S.* 17.35 - II. 241; *S.* 17.36 - II. 242; *A.* 4.68 - II. 73; *Cv.* 7.359.

[39] Tham chiếu: *S.* 17.36 - II. 242: *Seyyathāpi, bhikkhave, caṇḍassa kukkurassa nāsāya pittaṃ bhindeyyuṃ, evañhi so, bhikkhave, kukkuro bhiyyosomattāya caṇḍataro assa.* (Ví như, này các Tỷ-kheo, đem bóp nát lá gan (*pitta*: túi mật (BBT)) trước lỗ mũi một con chó dữ. Như vậy, con chó ấy lại càng dữ tợn bội phần), HT. Thích Minh Châu dịch.

8. GỐC RỄ THIỆN VÀ BẤT THIỆN[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có ba gốc rễ bất thiện. Là ba gốc rễ nào? Đó là gốc rễ bất thiện tham lam, gốc rễ bất thiện sân hận và gốc rễ bất thiện si mê. Tỳ-kheo nào có ba gốc rễ bất thiện này sẽ rơi vào ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Như vậy, Tỳ-kheo! Nếu người nào có ba gốc rễ bất thiện này thì sẽ có ba đường dữ.

Tỳ-kheo nên biết, có ba gốc rễ thiện. Là ba gốc rễ nào? Đó là gốc rễ thiện vô tham, gốc rễ thiện vô sân, gốc rễ thiện vô si. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba gốc rễ thiện. Nếu người nào có ba gốc rễ thiện này liền có hai đường lành và đường Niết-bàn là ba. Hai đường lành chính là cõi người và cõi trời. Tỳ-kheo, đó gọi là ai có ba gốc rễ thiện này sẽ sanh vào ba nơi tốt đẹp này.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy đoạn trừ ba gốc rễ bất thiện, tu tập ba gốc rễ thiện.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. BA TỤ[41]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba tụ này. Đó là chánh tụ,[42] tà tụ và bất định tụ.

Những gì là chánh tụ? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.[43] Đó gọi là chánh tụ.

Những gì là tà tụ? Đó là tà kiến, tà tư duy,[44] tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn,[45] tà niệm, tà định. Đó gọi là tà tụ.

---

[40] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.8. 0614b09).

[41] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.9. 0614b22).

[42] Nguyên tác: Đẳng tụ (等聚).

[43] Nguyên tác: Đẳng kiến (等見), đẳng trị (等治), đẳng ngữ (等語), đẳng nghiệp (等業), đẳng mạng (等命), đẳng phương tiện (等方便), đẳng niệm (等念), đẳng định (等定).

[44] Nguyên tác: Tà trị (邪治).

[45] Nguyên tác: Tà phương tiện (邪方便).

Những gì là bất định tụ? Đó là không biết thế nào là khổ, không biết thế nào là nguyên nhân của khổ, không biết thế nào là khổ diệt, không biết thế nào là con đường đưa đến khổ diệt, không biết thế nào là chánh tụ, không biết thế nào là tà tụ. Đó gọi là bất định tụ.

Các Tỳ-kheo nên biết, lại có ba tụ. Là ba tụ nào? Đó là thiện tụ, chánh tụ và định tụ.

Thế nào gọi là thiện tụ? Nghĩa là ba gốc thiện, gồm có: Gốc thiện vô tham, gốc thiện vô sân và gốc thiện vô si. Đó gọi là thiện tụ.

Thế nào gọi là chánh tụ? Chính là tám đạo phẩm của Hiền thánh, gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đó gọi là chánh tụ.

Thế nào gọi là định tụ? Nghĩa là biết rõ sự khổ, biết rõ nguyên nhân của khổ, biết rõ khi khổ diệt, biết rõ con đường đưa đến khổ diệt; biết rõ thiện tụ, biết rõ ác thú, biết rõ định tụ. Đó gọi là định tụ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Trong ba tụ này thì tà tụ và bất định tụ phải nên tránh xa! Đối với thiện tụ, chánh tụ và định tụ[46] thì nên phụng hành.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. BA NIỆM TƯỞNG[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba loại niệm tưởng. Là ba loại nào? Đó là niệm tưởng dục, niệm tưởng sân hận và niệm tưởng sát hại. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba loại niệm tưởng.

Tỳ-kheo nên biết, nếu người nào có niệm tưởng dục thì sau khi qua đời sẽ đọa vào địa ngục; nếu có niệm tưởng sân hận thì sau khi qua đời sẽ sanh trong loài súc sanh, làm loài gà, loài chó, hoặc sanh làm loài rắn độc; nếu có niệm tưởng sát hại thì sau khi qua đời sẽ sanh trong loài ngạ quỷ, thân thể bị thiêu đốt, khổ sở không kể xiết. Tỳ-kheo nên biết, những ai có ba niệm tưởng này sẽ rơi vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Lại cũng có ba niệm tưởng. Là ba niệm tưởng nào? Đó là niệm tưởng lìa dục, niệm tưởng không sát hại, niệm tưởng không sân hận. Người nào có niệm

[46] Nguyên tác: Thử chánh tụ (此正聚). Thử (此) dùng như chữ "như thử" (如此), mang tính liệt kê chỉ cho các tụ thuộc về chánh tụ.

[47] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.23.10. 0614c13).

tưởng lìa dục, sau khi qua đời sẽ sanh trong loài người. Người nào có niệm tưởng không sát hại, sau khi qua đời sẽ sanh cõi trời. Nếu người nào có niệm tưởng không sân hận, sau khi qua đời sẽ đoạn trừ năm kiết sử, ngay nơi đó mà nhập Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có ba niệm tưởng như vậy, các thầy luôn nhớ tu tập. Đối với ba niệm tưởng xấu ác thì cần phải dứt trừ.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[48]

Địa chủ, Bà-câu, Nhĩ,
Ngu, Thế, Tam bất thiện,
Bà-đề, Nghịch thuận hương,
Tam tụ, Quán tại hậu.

[48] Nguyên tác Nhiếp tụng: 地主, 婆拘, 耳; 婆提, 逆順香; 愚, 世, 三不善; 三聚, 觀在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 13.

24. PHẨM CAO TRÀNG[1]

1. NGỌN CỜ ĐẾ-THÍCH[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, trời Đế-thích bảo với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba: "Khi các khanh vào trận chiến lớn, nếu người nào có tâm lo lắng sợ hãi, hãy quay lại nhìn ngọn cờ cao lớn của ta, nếu ai thấy được ngọn cờ của ta thì không còn sợ hãi nữa. Nếu người nào không nhớ ngọn cờ của ta thì hãy nhớ ngọn cờ của Thiên vương Y-sa, đã nhớ ngọn cờ ấy thì tất cả sợ hãi sẽ tự tiêu tan. Nếu không nhớ cờ của ta và cờ của Thiên vương Y-sa, khi đó hãy nhớ ngọn cờ của Thiên vương Bà-lưu-na, đã nhớ ngọn cờ đó thì mọi sợ hãi sẽ tự tiêu tan."

Nay Như Lai cũng khuyên các thầy! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào trong lòng sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc, bấy giờ hãy nhớ nghĩ đến Phật, rằng: "Đây là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời." Nếu người nào có sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc thì khi niệm Phật mọi sợ hãi liền tự tiêu diệt.

Nếu như không thể nhớ nghĩ đến Phật, bấy giờ hãy nhớ nghĩ đến Pháp, rằng: "Pháp của Như Lai vô cùng nhiệm mầu, là sở học của người trí."[3] Đã nhớ nghĩ đến Pháp rồi thì tất cả sợ hãi liền tự tiêu diệt.

Nếu không thể nhớ nghĩ Phật, cũng không thể nhớ nghĩ đến Pháp, bấy giờ hãy nhớ nghĩ đến Tăng, rằng: "Thánh chúng của Như Lai tất cả hòa hợp, thành tựu pháp và tùy pháp, thành tựu giới, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến.[4] Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng cung kính, đáng phụng sự,

---

[1] Nguyên tác: *Cao tràng phẩm* 高幢品 (*T*.02. 0125.24. 0615a08).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.1. 0615a09). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.981. 0255a25); *S*. 11.2 - I. 217; *S*. 11.3 - I. 218.

[3] Tham chiếu: *S*. 11.3 - I. 218 viết đây là pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu.

[4] Nguyên tác: Giải thoát kiến tuệ thành tựu (解脫見慧成就). *Trường A-hàm* và *Tạp A-hàm* đều ghi: Giải thoát tri kiến (解脫知見).

là ruộng phước của thế gian. Đó gọi là Thánh chúng của Như Lai." Bấy giờ, nếu nhớ nghĩ đến Tăng thì mọi sợ hãi đều tự tiêu diệt.

Tỳ-kheo nên biết, Thích-đề-hoàn-nhân vẫn còn tham, sân, si, nhưng khi thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba nhớ nghĩ đến ông ta, liền không còn sợ hãi, huống gì Như Lai đã không còn tham, sân, si, lẽ nào nhớ nghĩ đến Như Lai mà còn sợ hãi sao? Nếu Tỳ-kheo nào có sợ hãi, khi nhớ nghĩ đến Như Lai thì mọi sợ hãi sẽ tự tiêu diệt.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nhớ nghĩ đến Phật, Pháp và Tăng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. ÁC QUỶ TỲ-SA[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong nước Bạt-kỳ có ác quỷ tên là Tỳ-sa,[6] vô cùng hung bạo, giết người vô số. Quỷ này mỗi ngày giết một người, hoặc một ngày giết hai người, hoặc ba người, bốn người, năm người, mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người. Bấy giờ, các quỷ thần, la-sát đầy khắp trong nước đó.

Lúc ấy, dân chúng Bạt-kỳ nhóm họp lại bàn với nhau:

– Chúng ta phải lánh khỏi nước này, trốn sang nước khác, không nên ở đây.

Bấy giờ, ác quỷ Tỳ-sa biết được suy nghĩ của dân chúng nước này, liền nói với họ:

– Các ngươi chớ rời xứ này để đến nước khác làm gì. Vì sao vậy? Bởi vì cuối cùng các ngươi cũng không thoát khỏi tay ta. Nếu mỗi ngày các ngươi cúng tế cho ta một người, ta sẽ không quấy nhiễu các ngươi nữa.

Khi ấy, dân chúng Bạt-kỳ mỗi ngày bắt một người để cúng tế cho ác quỷ kia. Ác quỷ kia ăn thịt người xong, liền ném hài cốt vào một ngọn núi ở vùng khác, thế nên ngọn núi đó chất đầy xương cốt.

Bấy giờ, có vị trưởng giả tên là Thiện Giác cũng sống tại đây, là người có nhiều của cải, tài sản vô số; lừa, ngựa, lạc đà không thể tính kể; vàng bạc, châu báu, xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách cũng không đếm xiết. Trưởng giả ấy chỉ có một đứa con trai duy nhất tên là Na-ưu-la, nên ông ấy rất mực yêu thương, không hề rời mắt. Chiếu theo kỳ hạn thì bấy giờ đến lượt cậu bé Na-ưu-la bị

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.2. 0615b07).

[6] Tỳ-sa (毘沙) còn gọi Tỳ-xá-xà (毘舍闍), quỷ chuyên hút tinh khí của người.

đem tế quỷ. Lúc đó, cha mẹ của Na-ưu-la tắm rửa cho cậu con trai và mặc y phục đẹp, rồi dẫn đến bãi tha ma nơi ở của con quỷ ấy. Đến nơi, cha mẹ cậu bé gào khóc kêu la vật vã, họ cùng nhau cầu xin:

– Xin các vị thần và thần đất hãy chứng minh cho. Chúng tôi chỉ có duy nhất đứa con này, xin các thần minh hãy chứng minh điều này. Cầu xin hai mươi tám vị vua quỷ thần lớn hãy gia hộ, cứu giúp chúng con thoát khỏi tai ách. Xin kính lễ hết thảy Bốn Thiên Vương, mong các vị bảo vệ đứa trẻ này, cứu nó thoát tai ách. Cũng xin đảnh lễ Thích-đề-hoàn-nhân, xin hãy cứu mạng đứa trẻ này. Lại xin đảnh lễ Phạm thiên vương, xin hãy cứu mạng đứa bé này. Lại xin đảnh lễ các quỷ thần bảo hộ thế gian, giúp thoát nạn này. Nay chúng con cũng xin kính lễ các vị A-la-hán đã sạch phiền não, đệ tử của Như Lai, giúp thoát nạn này. Cũng xin đảnh lễ các vị Độc giác không thầy chỉ dạy, tự mình giác ngộ, cứu thoát nạn này. Nay chúng con cũng xin kính lễ đức Như Lai, bậc hàng phục kẻ chưa được hàng phục, độ người chưa được độ, bảo hộ người chưa được bảo hộ, giúp người chưa giải thoát được giải thoát, giúp người chưa được Niết-bàn sẽ thành tựu Niết-bàn, cứu hộ người chưa được cứu hộ, làm mắt sáng cho người mù, là thầy thuốc giỏi chữa trị cho kẻ bệnh tật. Đối với trời, rồng, quỷ thần, tất cả nhân dân, chúng ma, hoặc thiên ma, Như Lai là bậc tôn quý bậc nhất, không ai có thể sánh bằng, là bậc đáng kính, đáng quý, làm ruộng phước lành cho mọi người gieo trồng, không ai vượt hơn Như Lai. Vậy nên, xin Như Lai hãy soi xét cho, xin Như Lai hãy soi thấu lòng thành này của chúng con.

Sau đó, cha mẹ Na-ưu-la phó thác con mình cho quỷ dữ rồi rời đi.

[0615c14] Bấy giờ, bằng thiên nhãn thanh tịnh và thiên nhĩ thấu suốt, nghe được những lời của cha mẹ Na-ưu-la khóc lóc van xin vật vã ấy, Thế Tôn liền dùng lực thần túc, đến chỗ ác quỷ ở trong núi kia. Lúc ấy, ác quỷ Tỳ-sa đang nhóm họp với quỷ thần ở phía Bắc núi Tuyết, Thế Tôn bèn đi vào nơi ở của ác quỷ Tỳ-sa và ngồi kiết-già, giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động.

Khi ấy, cậu bé Na-ưu-la lần hồi đi đến nơi ở của ác quỷ kia. Từ xa, Na-ưu-la trông thấy Như Lai đang ở chỗ ác quỷ, hào quang rực rỡ, thân ngay thẳng, ý bất động, buộc niệm ở trước, dung nghi đoan chánh hiếm có trên đời, các căn tịch tịnh, đầy đủ công đức, hàng phục các ma. Các đức như thế không thể tính kể. Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, như ngọn núi Tu-di vượt hơn các đỉnh núi khác. Gương mặt của Phật giống như mặt trời, mặt trăng, như ngọn núi vàng, ánh sáng chiếu xa. Thấy vậy rồi, Na-ưu-la phát tâm hoan hỷ, hướng về Như Lai mà khởi niệm tưởng: "Vị này chắc chắn không phải là ác quỷ Tỳ-sa. Vì sao vậy? Vì ta vừa thấy người ấy thì lòng vô cùng hoan hỷ. Nếu người ấy là ác quỷ thì cứ tùy ý ăn thịt ta."

Lúc đó, Thế Tôn liền bảo:

– Này Na-ưu-la, đúng như những gì con nghĩ. Ta chính là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đến để cứu con và hàng phục ác quỷ kia.

Na-ưu-la nghe được những lời này, vô cùng vui mừng không kiềm lòng được, liền đến bên Thế Tôn, cúi lạy chân Ngài rồi ngồi qua một bên.

[0616a02] Bấy giờ, Thế Tôn đem giáo lý nhiệm mầu giảng cho cậu bé nghe. Như luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là nhơ uế, là bất tịnh, giải thoát là thiết yếu, dứt trừ được các loạn tưởng.

Khi thấy cậu bé Na-ưu-la tâm ý hoan hỷ, tánh tình nhu hòa, Thế Tôn liền đem tất cả giáo pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói đầy đủ cho cậu bé nghe. Nghe xong, ngay tại chỗ ngồi, Na-ưu-la sạch hết mọi phiền não, đạt được cái thấy thanh tịnh với Chánh pháp. Cậu ấy thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tiếp nhận các pháp không chút nghi ngờ, hiểu rõ lời dạy Như Lai, liền phát tâm quy y Phật, Pháp, Tăng và thọ trì năm giới.

Lúc này, ác quỷ Tỳ-sa trở về lại nơi ở của mình. Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi ngay ngắn tư duy thiền định, thân không dao động, ác quỷ liền nổi cơn giận dữ, cho mưa tuôn, sấm rền, sét giật lên thân Như Lai; trút trận mưa đao kiếm nhắm vào Như Lai, nhưng khi chưa rơi xuống đất, tất cả đều biến thành hoa sen ưu-bát. Khi đó, ác quỷ kia càng thêm tức giận, tuôn xuống những trận mưa núi, sông, vách đá, nhưng khi những thứ ấy chưa rơi xuống đất đã biến thành các loại thức ăn nước uống. Lúc này, ác quỷ kia lại biến thành con voi lớn, gầm thét lao đến chỗ Thế Tôn, Thế Tôn liền hóa thành sư tử chúa. Ác quỷ kia lại biến thành sư tử chúa lớn hơn gấp đôi, phóng đến chỗ Thế Tôn, Thế Tôn liền hóa thành một đám lửa lớn. Ác quỷ Tỳ-sa càng thêm giận dữ, biến thành con rồng to lớn có bảy đầu, Thế Tôn liền hóa thành chim đại bàng cánh vàng. Khi đó, ác quỷ Tỳ-sa suy nghĩ: "Ta đã trổ hết toàn bộ thần lực, thế mà chẳng làm lay động chút mảy lông của Sa-môn. Nay ta nên đến hỏi ông ta về nghĩa lý sâu xa."

Khi đó, ác quỷ liền đến hỏi Thế Tôn:

– Ta là Tỳ-sa, nay muốn hỏi nghĩa lý sâu xa. Nếu ông không trả lời được, ta sẽ tóm hai chân ông ném xuống biển Nam.

Đức Thế Tôn bảo:

– Ác quỷ nên biết, Ta tự xét thấy không có vị trời hay người, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc phi nhân nào có thể nắm hai chân Ta ném xuống biển Nam được cả. Nhưng nay ngươi muốn hỏi nghĩa thì có thể hỏi.

Khi đó, ác quỷ hỏi:

– Sa-môn, thế nào là nghiệp cũ?[7] Thế nào là nghiệp mới? Thế nào là hết nghiệp?

---

[7] Nguyên tác: Hành (行, S. *saṃskāra* P. *saṅkhāra*). *Câu-xá luận tụng sớ luận bổn* 俱舍論頌疏論本 (*T*.41.1823.9. 0871b19) ghi: "Những nghiệp trong quá khứ gọi là hành" (宿諸業名行). Cố hành (故行, *purāṇakammaṃ*); tân hành (新行, *navakammaṃ*). Tham chiếu *S.* 35.145 - IV. 132: "Này các Tỳ-kheo, Ta thuyết về các nghiệp mới và cũ, sự đoạn diệt các nghiệp, con đường đưa đến sự đoạn diệt các nghiệp. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng! Này các Tỳ-kheo, thế nào là nghiệp cũ? Mắt, này các Tỳ-kheo, cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Các Tỳ-kheo, đây được gọi là nghiệp cũ" (HT. Thích Minh Châu dịch).

Thế Tôn bảo:

– Ác quỷ nên biết, mắt là nghiệp cũ, được tạo ra trong quá khứ, do duyên với thọ mà thành nghiệp. Tai, mũi, lưỡi,[8] thân, ý là các nghiệp cũ, được tạo ra trong quá khứ, do duyên với thọ mà thành nghiệp. Này ác quỷ, đây là nghiệp trong quá khứ.

[0616b01] Quỷ Tỳ-sa lại hỏi:

– Sa-môn, thế nào là nghiệp mới?

Thế Tôn đáp:

– Những gì do chính mình tạo tác hôm nay, gồm thân làm ba việc, miệng nói bốn việc, ý nghĩ ba việc, này ác quỷ, đó gọi là nghiệp mới.

Ác quỷ hỏi:

– Thế nào là hết nghiệp?

Thế Tôn bảo:

– Ác quỷ nên biết, nghiệp cũ được diệt hết, không còn sanh khởi, cũng không tạo nghiệp mới, làm chủ nghiệp này, khiến nó vĩnh viễn không còn sanh khởi, dứt hẳn không sót lại gì, đó gọi là hết nghiệp.

Bấy giờ, ác quỷ kia bạch Thế Tôn:

– Nay ta rất đói, sao lại đoạt mất thức ăn của ta? Đứa bé này chính là thức ăn của ta. Này Sa-môn, hãy trả đứa bé cho ta!

Thế Tôn bảo:

– Khi xưa, lúc Ta chưa thành đạo, từng làm Bồ-tát. Có con bồ câu bay tìm đến Ta, Ta còn không tiếc thân mạng để cứu nguy cho nó, huống gì ngày nay Ta đã thành Như Lai, sao có thể bỏ đứa bé này cho ngươi ăn thịt? Này ác quỷ, nay dù ngươi có dùng hết thần lực, Ta cũng quyết không trao đứa trẻ này cho ngươi. Vì sao vậy? Dưới thời Phật Ca-diếp, ngươi đã từng làm Sa-môn tu trì Phạm hạnh, nhưng về sau lại phạm giới nên sanh làm ác quỷ này.

Bấy giờ, ác quỷ Tỳ-sa nương oai thần của Phật, nhớ lại tất cả những nghiệp đã gây tạo trước đây. Nó liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và giãi bày:

– Con là kẻ u mê, không phân biệt đúng sai mới sanh tâm muốn hại Như Lai. Kính xin Thế Tôn cho con sám hối!

Ác quỷ trình bạch như vậy ba lần.

Thế Tôn bảo:

– Như Lai chấp thuận sự hối lỗi của ngươi, về sau chớ tái phạm!

---

[8] Bản *Đại Chánh* ghi là "khẩu" (口). Bản Thánh (聖) ghi là "thiệt" (舌).

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho quỷ Tỳ-sa, khiến ác quỷ sanh tâm hoan hỷ. Sau đó, ác quỷ tự tay dâng lên Thế Tôn mấy ngàn lượng vàng và bạch:

– Nay con xin dâng cúng hang núi này làm nơi cư trú cho chư Tăng trong bốn phương,[9] cùng với mấy ngàn lượng vàng này. Cúi xin Thế Tôn thọ nhận cho!

Tỳ-sa bạch ba lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn thọ nhận hang núi này, rồi nói kệ:

Cúng vườn quả xanh mát,
Cấp vật dụng đời sống,
Đêm ngày chẳng nghỉ ngơi,
Thành tựu pháp, nghĩa, giới,
Làm cầu bắc qua sông,
Hoặc làm tàu thuyền to,
Được phước không kể xiết,
Mạng chung sanh cõi trời.[10]

Khi đó, quỷ Tỳ-sa bạch Thế Tôn:

– Không biết Thế Tôn còn chỉ dạy gì nữa không?

Thế Tôn bảo:

– Nay ngươi hãy xả bỏ thân hình cũ, khoác ba y làm Sa-môn, vào thành Bạt-kỳ, đến bất kỳ nơi nào cũng truyền lời dạy này: "Quý vị nên biết, Như Lai thị hiện ở đời, hàng phục kẻ chưa được hàng phục, độ người chưa được độ, giải thoát cho người chưa được giải thoát, cứu hộ người chưa được cứu hộ, làm mắt sáng cho người mù. Trong chư thiên, loài người, trời, rồng, quỷ thần, chúng ma, hoặc thiên ma, hoặc người, hoặc chẳng phải người, Như Lai là bậc tôn quý bậc nhất, không ai có thể sánh bằng, là bậc đáng kính, đáng quý, làm ruộng phước tốt lành cho mọi người. Hôm nay, Thế Tôn đã cứu cậu bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa. Quý vị nên đến đó để được nhận lời chỉ dạy."

[0616c07] Quỷ Tỳ-sa đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Bấy giờ, quỷ Tỳ-sa liền biến làm Sa-môn, đắp ba pháp y đi vào thôn xóm, truyền lời chỉ dạy của Thế Tôn: "Hôm nay, Thế Tôn đã cứu cậu bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa. Quý vị nên đến đó để được nhận lời chỉ dạy."

Ngay lúc ấy, khắp nước Bạt-kỳ, dân chúng nô nức truyền tai nhau lời này. Bấy giờ, trưởng giả Thiện Giác nghe được lời này, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, dẫn tám mươi bốn ngàn người dân đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, trưởng giả cúi lạy chân Phật rồi ngồi qua một bên. Còn dân chúng thành Bạt-kỳ có người thì cúi lạy chân Phật, có người thì chắp tay xá chào.

Khi tám mươi bốn ngàn người đã ngồi xong, Thế Tôn lần lượt nói pháp vi diệu cho họ nghe. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là nhơ uế, là phiền não, là tai họa lớn.

---

[9] Nguyên tác: Chiêu-đề-tăng (招提僧, *Cātuddisa-saṅgha*): Chư Tăng trong bốn phương.

[10] Xem *S.* I. 33.

Bấy giờ, Thế Tôn quán sát tám mươi bốn ngàn người dân kia tâm ý đã hoan hỷ, liền đem tất cả giáo pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói đầy đủ cho họ nghe. Ngay tại chỗ ngồi, tất cả mọi người đều sạch hết phiền não, đạt được cái thấy thanh tịnh với Chánh pháp. Như chiếc áo sạch tinh, rất dễ nhuộm màu, tám mươi bốn ngàn người dân này cũng như vậy, tất cả mọi phiền não đều dứt sạch, đạt được cái thấy thanh tịnh với Chánh pháp, được pháp, thấy pháp, thấu rõ các pháp, không chút nghi ngờ, không còn sợ hãi, họ liền phát tâm quy y Phật, Pháp, Tăng và thọ trì năm giới.

Bấy giờ, trưởng giả cha của Na-ưu-la bạch Thế Tôn:

– Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của con!

Khi đó, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Sau khi thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời, trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Phật, rồi trở về nhà. Về đến nhà, ông ấy cho bày biện rất nhiều món ăn thức uống, đầy đủ các hương vị khác nhau. Sáng sớm hôm sau, trưởng giả đích thân đến thỉnh Thế Tôn.

Bấy giờ, đúng thời Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Bạt-kỳ, đến nhà trưởng giả và vào chỗ ngồi. Thấy Thế Tôn đã ngồi, trưởng giả tự tay dâng cúng rất nhiều thức ăn nước uống. Sau khi Thế Tôn thọ trai và dùng nước rửa tay xong, trưởng giả lấy một chiếc ghế nhỏ đặt ngồi xuống trước Như Lai và bạch:

– Lành thay, Thế Tôn! Nếu bốn bộ chúng cần y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, xin hãy đến nhà con để nhận.

[0617a05] Thế Tôn bảo:

– Quý thay, trưởng giả. Như lời ông nói.

Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho trưởng giả. Thuyết pháp xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Bấy giờ, như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Thế Tôn biến khỏi thành Bạt-kỳ, trở về lại tinh xá Kỳ Hoàn, ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Nếu bốn bộ chúng cần y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, hãy đến nhà trưởng giả cha của cậu bé Na-ưu-la mà nhận.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói với các Tỳ-kheo:

– Hiện nay, trong chúng đệ tử ưu-bà-tắc của Như Lai, người bố thí không lẫn tiếc bậc nhất, chính là cha của Na-ưu-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. ĐẤNG PHÁP VƯƠNG[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Ni-câu-lưu,[12] trong thành Ca-tỳ-la-vệ.[13]

Bấy giờ, có hàng ngàn người hào tộc thuộc dòng họ Thích cùng đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, họ cúi lạy chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, những người họ Thích bạch Phật:

– Nay Ngài nên làm vua chăm lo nước nhà để dòng họ chúng ta không bị diệt vong, không để ngôi Chuyển Luân Thánh vương đến Ngài thì chấm dứt. Nếu Thế Tôn không xuất gia, Ngài sẽ làm Chuyển Luân Thánh vương trong thiên hạ, thống lãnh bốn châu thiên hạ, có đủ ngàn người con. Dòng họ chúng ta vang danh khắp nơi, rằng dòng họ Thích sanh ra Chuyển Luân Thánh vương. Vậy nên, Thế Tôn, xin hãy trở về làm vua cai trị đất nước, đừng để dòng tộc vua chúa đoạn dứt!

Thế Tôn bảo:

– Nay Như Lai chính là vua, gọi là Pháp vương. Vì sao vậy? Nay Như Lai hỏi các vị. Thế nào, những người họ Thích, các vị cho rằng Chuyển Luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, có ngàn người con dũng mãnh là nhất ư? Nay Như Lai là bậc tôn quý nhất, cao cả nhất trong ba ngàn cõi nước lớn, không ai có thể sánh bằng, thành tựu bảy giác chi quý báu và hàng ngàn người con là những bậc Thanh văn vây quanh.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Vương vị kia được gì? Được rồi lại mất đi,
Ngôi Pháp vương bậc nhất, Không kết thúc, khởi đầu.
Tự thắng, không thể tranh, Thắng này hơn tất cả,
Phật hành vô lượng hạnh, Không dấu, chẳng truy cầu.[14]

Thế nên, các vị họ Thích! Hãy tìm cầu phương tiện trị vì đất nước bằng Chánh pháp.

Thật vậy, này các vị họ Thích! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, những người họ Thích nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.24.3. 0617a14).

[12] Ni-câu-lưu viên (尼拘留園, Nigrodhārāma): Vườn cây đa ở ngoài thành Ca-tỳ-la-vệ (迦毗羅衛).

[13] Nguyên tác: Thích-sí (釋翅), tên gọi khác của thành Ca-tỳ-la-vệ.

[14] Tham chiếu: *Kinh xuất diệu*, quyển 26, phẩm "Song yếu."

4. CHÚT ĐẤT ĐẦU MÓNG TAY[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Tỳ-kheo kia bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Có sắc nào thường còn, không biến đổi, tồn tại mãi ở thế gian mà không chuyển dời chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường còn, không biến đổi, tồn tại mãi ở thế gian mà không chuyển dời chăng?

Thế Tôn bảo:

– Này Tỳ-kheo, không có sắc nào thường còn, không biến đổi, tồn tại mãi ở thế gian. Cũng không có thọ, tưởng, hành, thức nào thường còn, không biến đổi, tồn tại mãi ở thế gian. Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có sắc nào thường còn, không biến đổi, tồn tại mãi ở thế gian thì người Phạm hạnh không thể phân biệt.[16] Nếu thọ, tưởng, hành, thức tồn tại mãi ở thế gian, không biến đổi thì người Phạm hạnh không thể phân biệt. Cho nên, này Tỳ-kheo, vì sắc không tồn tại mãi ở thế gian, cho nên người Phạm hạnh mới có thể phân biệt để dứt sạch tận cùng gốc khổ. Cũng không có thọ, tưởng, hành, thức nào tồn tại mãi ở thế gian, thế nên người Phạm hạnh mới có thể phân biệt để dứt sạch tận cùng gốc khổ.

Bấy giờ, Thế Tôn khảy một ít đất dính trong móng tay, rồi hỏi Tỳ-kheo kia:

– Thế nào Tỳ-kheo, thầy có thấy chút đất dính trên móng tay này không?

Tỳ-kheo đáp:

– Thưa Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Giả sử có sắc bằng số đất này thường còn ở thế gian thì người Phạm hạnh không thể phân biệt để dứt sạch tận cùng khổ đau. Vì thế, này Tỳ-kheo, vì không có chút sắc như đây thường còn ở thế gian nên người Phạm hạnh có thể được thực hành để dứt sạch tận cùng khổ đau. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, xưa kia Như Lai từng làm Đại vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, dùng giáo pháp để trị vì và giáo hóa, chăm lo muôn dân, đầy đủ bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu.

Tỳ-kheo nên biết, lúc bấy giờ, Ta làm Chuyển Luân Thánh vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, có tám mươi bốn ngàn voi thần, voi tên là Bồ-hô. Lại có tám mươi bốn ngàn cỗ xe gắn lông chim quý, có xe được phủ bằng da sư tử, có xe được phủ bằng da chó sói, thảy đều có treo giăng cờ lọng. Lại có tám mươi bốn ngàn lâu đài cao rộng, giống như chỗ ở của Thiên đế. Lại có tám mươi bốn

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.4. 0617b07). Tham chiếu: *S.* 22.97 - III. 147.

[16] Phân biệt (分別, *vibhajanā*): Sự lý giải.

ngàn giảng đường, giống như giảng đường Thiện Pháp.[17] Lại có tám mươi bốn ngàn ngọc nữ, giống như thiên nữ. Lại có tám mươi bốn ngàn tòa ngồi rộng lớn, thảy đều được làm bằng bảy báu như là vàng bạc,... Lại có tám mươi bốn ngàn y phục và trang sức, đều sáng đẹp, mềm mại. Lại có tám mươi bốn ngàn món ăn thức uống, với rất nhiều hương vị khác nhau.

[0617c09] Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, Ta cỡi một con voi lớn tên là Bồ-hô, màu trắng rất đẹp, miệng có sáu ngà, vàng bạc đeo đầy thân; nó có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình, cũng có thể biến thành lớn hoặc nhỏ. Có khi Ta cỡi một con ngựa thần tên là Mao vương, lông đuôi màu đỏ thắm, bước đi vững chắc, thân đeo nhiều vàng bạc; nó có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình, cũng có thể biến thành lớn hoặc nhỏ.

Bấy giờ, Ta sống tại một lâu đài trong số tám mươi bốn ngàn tòa lâu đài cao rộng. Lâu đài này tên là Tu-ni-ma, làm toàn bằng vàng. Lúc ấy, Ta nghỉ đêm trong giảng đường tên là Pháp Thuyết, làm toàn bằng vàng. Vào lúc bấy giờ, Ta cỡi cỗ xe gắn lông chim quý, làm bằng vàng ròng tên là Tối Thắng và dẫn theo một ngọc nữ để sai bảo, xem như chị em.

Thuở ấy, Ta từng ngồi trên một tòa trong số tám mươi bốn ngàn tòa cao rộng, được trang trí bằng vàng bạc, chuỗi ngọc không thể tính kể. Ta lúc đó mặc một bộ y phục đẹp tuyệt diệu, giống như y phục của chư thiên. Ta dùng thức ăn có hương vị giống như vị cam lộ.

Thuở bấy giờ, Ta làm Chuyển Luân Thánh vương, mỗi sáng đều có tám mươi bốn ngàn voi thần kéo đến ngoài cửa thành, gây tổn hại rất nhiều, không thể tính kể. Ta liền suy nghĩ: "Tám mươi bốn ngàn voi thần này sáng nào cũng kéo đến ngoài cửa thành gây tổn hại rất nhiều, không thể tính kể. Nay ý Ta muốn chia chúng thành hai nhóm. Mỗi sáng, bốn mươi hai ngàn con sẽ đến chúc tụng."

Này Tỳ-kheo, bấy giờ Ta suy nghĩ: "Xưa kia Ta đã tạo phước đức gì mà nay được uy lực này?" Sau đó, Ta lại nghĩ: "Nhờ ba nhân duyên mà Ta có được phước đức này. Đó là bố thí, nhân từ và tự gìn giữ."

Tỳ-kheo, hãy quán sát! Trong khi các pháp hữu vi đang bị diệt sạch vĩnh viễn, không chút dư tàn, vậy mà chúng sanh lại đắm mình trong dục vọng không biết chán đủ, nhưng lại thấy chán đủ đối với giới luật của Thánh hiền!

Thế nào, Tỳ-kheo, sắc này là thường hay vô thường?

[0618a03] Tỳ-kheo đáp:

– Là vô thường, bạch Thế Tôn!

– Nếu sắc là vô thường, là pháp biến đổi thì các thầy có nên sanh tâm cho rằng: "Cái này là của ta, ta thuộc về cái này" hay không?

[17] Nguyên tác: Pháp giảng đường (法講堂). Có thể là giảng đường Thiện Pháp.

Đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

– Vô thường, bạch Thế Tôn!

– Nếu là vô thường, là pháp biến đổi thì thầy có nên khởi tâm cho rằng: "Cái này là của ta, ta thuộc về cái này" hay không?

Đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Cho nên, này Tỳ-kheo, tất cả sắc ở quá khứ, tương lai hay hiện tại, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần đều chẳng phải của ta, ta không thuộc về sắc này. Đây là điều mà người trí cần phải hiểu rõ. Tất cả các thọ ở quá khứ, tương lai hay hiện tại,... hoặc xa hoặc gần, thọ này cũng chẳng phải của ta, ta không thuộc về thọ này. Đây là điều mà người trí cần phải hiểu rõ.

Này Tỳ-kheo, cần phải quán sát như vầy: "Hàng Thanh văn nhàm chán mắt, nhàm chán sắc, nhàm chán cái biết của mắt, cũng nhàm chán những khổ vui do duyên bởi mắt mà sanh. Cũng lại nhàm chán tai, nhàm chán âm thanh, nhàm chán cái biết của tai, cũng nhàm chán những khổ vui do duyên bởi tai mà sanh. Cũng nhàm chán mũi, lưỡi, thân, ý; cho đến nhàm chán hương, vị, xúc, pháp; cũng nhàm chán những khổ vui do duyên bởi mũi, lưỡi, thân, ý mà sanh. Đã nhàm chán rồi, liền được giải thoát. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, biết như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia được Thế Tôn chỉ dạy như vậy rồi, liền ở nơi yên vắng, tư duy thiền định, tự mình tu tập, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, lìa bỏ gia đình, tu Phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Tỳ-kheo kia liền thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

5. CHUYỂN PHÁP LUÂN[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngồi bên cội Bồ-đề ở nước Ma-kiệt. Lúc ấy, Thế Tôn vừa mới thành Phật.

---

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.5. 0618a27). Tham chiếu: *La-ma kinh* 羅摩經 (*T.*01. 0026.204. 0775c07); *M.* 26. *Ariyapariyesanā Sutta* (*Kinh Thánh cầu*); *Mv.* 1.13.

Bấy giờ, Thế Tôn suy nghĩ: "Nay Ta vừa chứng được pháp thâm sâu này, rất khó thấu, khó tỏ, khó rõ, khó biết, cực kỳ vi diệu, được giác tri bởi người trí. Nay Ta nên nói pháp này cho ai trước nhất? Ai là người thấu tỏ được pháp của Ta?"[19]

Thế Tôn lại suy nghĩ: "Ông La-lặc-ca-lam[20] các căn đã thuần thục, đáng được độ trước. Hơn nữa, ông ấy luôn trông đợi pháp của Ta."

Vừa nghĩ như vậy thì ở giữa hư không có vị trời bạch với Thế Tôn:

– La-lặc-ca-lam đã qua đời bảy ngày rồi!

[0618b05] Bấy giờ, Thế Tôn lại nghĩ: "Sao khổ thay, người ấy chưa được nghe pháp của Ta mà đã qua đời! Nếu được nghe pháp của Ta, người ấy sẽ được giải thoát."

Thế Tôn lại nghĩ: "Nay Ta nên nói pháp này cho ai trước nhất? Ai là người thấu tỏ được pháp của Ta? Ông Uất-đầu-lam-phất[21] đáng được độ trước, Ta sẽ nói pháp cho ông ấy. Nghe pháp của Ta rồi, ông ấy sẽ được giải thoát trước nhất."

Vừa nghĩ như vậy thì ở giữa hư không có vị trời bạch với Thế Tôn:

– Vào giữa đêm hôm qua, ông ấy đã qua đời!

Khi đó, Thế Tôn liền nghĩ: "Uất-đầu-lam-phất, sao khổ quá vậy! Ông chưa kịp nghe được pháp của Ta mà đã qua đời! Nếu được nghe pháp của Ta, ông sẽ được giải thoát."

Bấy giờ, Thế Tôn lại suy nghĩ: "Ai là người nghe pháp trước nhất và được giải thoát?"

Thế Tôn lại suy nghĩ: "Năm Tỳ-kheo đã từng mang lại cho Ta nhiều lợi ích, họ đã luôn theo Ta từ khi Ta mới sanh."

Thế Tôn lại nghĩ: "Năm Tỳ-kheo này hiện đang ở đâu?" Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng thiên nhãn quán sát, thấy năm Tỳ-kheo này đang ở trong Vườn Nai, trú xứ Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Thế Tôn nghĩ: "Nay Ta hãy đến đó nói pháp cho năm Tỳ-kheo này trước tiên, nghe pháp của Ta rồi, họ sẽ được giải thoát."

Bấy giờ, suốt bảy ngày liền, Thế Tôn chuyên chú nhìn vào cội Bồ-đề, mắt không máy động.

Lúc ấy, Thế Tôn nói kệ:

Nay Ta ngồi chốn đây,
Trải tử sanh lâu dài,
Nắm chặt búa trí tuệ,
Đoạn sạch cội nguồn mê.

---

[19] Tham chiếu: *M.* 26. *Ariyapariyesanā sutta* (*Kinh Thánh cầu*): "*Kassa nu kho ahaṃ paṭhamaṃ dhammaṃ deseyyaṃ; ko imaṃ dhammaṃ khippameva ājānissatī"ti.* (Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?), HT. Thích Minh Châu dịch.

[20] La-lặc-ca-lam (羅勒迦藍, Āḷārakālāma).

[21] Uất-đầu-lam-phất (欝頭藍弗, Uddakarāmaputta).

Thiên ma đến chốn này,
Ta khéo hàng phục chúng,
Nay nơi cội cây này,
Nhất thiết trí thành rồi,
Ta ngồi dưới cây này,
Đã dứt nguồn tử sanh,
Cùng ma oán bủa vây,
Nhận vị giải thoát đầy.
Tòa kim cang Ta ngồi,
Chứng đắc tuệ vô ngại.
Thấu rõ khổ tử sanh,
Già bệnh cũng đoạn sạch.

Nói kệ này xong, Thế Tôn rời chỗ ngồi đứng dậy, đi về hướng nước Ba-la-nại.

[0618c01] Lúc đó, Phạm chí Ưu-tỳ-già[22] từ xa trông thấy Thế Tôn hào quang rực rỡ, che khuất ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Thấy vậy, ông hỏi Thế Tôn:

– Cù-đàm! Thầy của ông hiện đang ở đâu? Ông theo ai xuất gia học đạo? Thường vui thích giảng dạy giáo pháp gì? Ông từ đâu đến? Và muốn đi đâu?

Thế Tôn hướng về Phạm chí kia và nói kệ:

Ta thành A-la-hán,
Giữa trời, người thế gian,
Tuy không thầy chỉ dạy,
Tôn quý chẳng ai qua,
Nay đến nước Ca-thi,[23]
Dùng thuốc cam lộ vị,
Ta đến Ba-la-nại,
Nơi có năm Tỳ-kheo,
Giúp họ sớm đạt đạo,
Dứt trừ nguồn pháp ác,
Thế gian không ai bằng,
Ta là bậc Tối thượng.
Nhưng không ai bằng Ta,
Tịch lặng, không dấy động.
Chuyển pháp luân vi diệu,
Khai mở người tối tăm.
Vương thổ nước Ca-thi,
Để nói pháp diệu kỳ.
Và được Lậu tận thông,
Nên Ta rất tối tôn.

Khi đó, Phạm chí kia thở dài, lắc đầu, xoa tay, búng ngón tay, rồi mỉm cười bỏ đi.

Bấy giờ, Thế Tôn đến Ba-la-nại. Năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thế Tôn đến, họ cùng bàn với nhau: "Đó là Sa-môn Cù-đàm, từ xa đến đây, tánh tình loạn động, tâm không chuyên nhất. Chúng ta đừng nói chuyện với ông ấy, cũng đừng đứng dậy đón tiếp, cũng chớ mời ngồi."

Bấy giờ, năm Tỳ-kheo kia nói kệ:

Người này không đáng kính,
Cũng đừng nói lời nào,
Chớ niềm nở đón chào,
Hay mời ngồi gì cả.

Năm Tỳ-kheo kia nói kệ rồi, họ cùng nhau im lặng. Bấy giờ, đức Thế Tôn tiến dần đến chỗ năm Tỳ-kheo. Lúc đó, năm Tỳ-kheo kia cũng từ từ đứng lên tiếp đón. Người thì trải chỗ ngồi, người thì mang nước đến. Khi ấy, Thế Tôn đến ngồi trước mặt họ và nghĩ: "Những người mê muội này, rốt cuộc không thể giữ đúng giao ước của mình."

---

[22] Ưu-tỳ-già (優毘伽, Upaka).

[23] Ca-thi (加尸, Kāsi), một trong 16 nước lớn với thủ đô là thành phố Ba-la-nại (Bārānasī).

Bấy giờ, năm người ấy gọi Thế Tôn bằng "bạn."[24] Thế Tôn nói với năm Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ gọi bậc Vô Thượng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác là bạn. Vì sao vậy? Vì nay Ta đã thành Vô Thượng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, chứng đạt quả vị bất tử an ổn. Các ông hãy chú tâm lắng nghe giáo pháp của Ta.

[0619a02] Bấy giờ, năm Tỳ-kheo kia nói với Thế Tôn:

– Cù-đàm, trước kia Ngài tu khổ hạnh vẫn không thể chứng được pháp thượng nhân, huống gì hôm nay tâm ý loạn động mà nói đã đắc đạo ư?

Thế Tôn bảo:

– Thế nào các vị, các vị đã từng nghe Ta nói dối chưa?

Năm Tỳ-kheo đáp:

– Chưa từng, thưa Cù-đàm!

Thế Tôn bảo:

– Như Lai, Đẳng Chánh Giác đã được giải thoát. Các thầy hãy chú tâm lắng nghe Như Lai nói pháp.

Khi đó, Thế Tôn lại nghĩ thầm: "Nay Ta đủ khả năng hàng phục năm người này."

Bấy giờ, Thế Tôn nói với họ:

– Các thầy nên biết, có bốn chân lý này. Là bốn chân lý nào? Đó là chân lý về sự khổ, chân lý về nguyên nhân của khổ, chân lý về khổ diệt và chân lý về con đường đưa đến khổ diệt.

Thế nào là chân lý về sự khổ? Nghĩa là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo lắng, buồn phiền khổ, sầu ưu khổ, không thể kể hết. Oán ghét gặp nhau là khổ, thương yêu chia lìa là khổ, điều mình mong cầu mà không được cũng khổ. Nói tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là chân lý về sự khổ.

Thế nào là chân lý về nguyên nhân của khổ? Nghĩa là thọ nhận thân phần do ái nhiễm, hành theo thói quen đó không biết nhàm chán, tâm ý thường tham đắm. Đó gọi là chân lý về nguyên nhân của khổ.

Thế nào là chân lý về khổ diệt? Nghĩa là có thể khiến cho tham ái kia hết sạch, không còn sót lại, cũng không sanh khởi nữa. Đó gọi là chân lý về khổ diệt.

Thế nào là chân lý về con đường đưa đến khổ diệt? Đó là tám đạo phẩm của Hiền thánh, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Đó gọi là giáo pháp bốn chân lý.

Lại nữa, này năm Tỳ-kheo, giáo pháp bốn chân lý này trước đây chưa từng được nghe. Chân lý về sự khổ làm phát sanh cái thấy, phát sanh trí, phát sanh minh, phát sanh giác, phát sanh ánh sáng, phát sanh trí tuệ, trước đây chưa từng

[24] Nguyên tác: Khanh (卿). Pāli ghi là *āvuso*, nghĩa là bạn.

được nghe. Lại nữa, chân lý về sự khổ này là chân thật, vững chắc, không dối, không giả, trọn không đổi khác, được Thế Tôn nói ra, cho nên gọi là chân lý về sự khổ.

Chân lý về nguyên nhân của khổ làm phát sanh cái thấy, phát sanh trí, phát sanh minh, phát sanh giác, phát sanh ánh sáng, phát sanh trí tuệ, trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, chân lý về nguyên nhân của khổ này là chân thật, vững chắc, không dối, không giả, trọn không đổi khác, được Thế Tôn nói ra, cho nên gọi là chân lý về nguyên nhân của khổ.

Chân lý về khổ diệt làm phát sanh cái thấy, phát sanh trí, phát sanh minh, phát sanh giác, phát sanh ánh sáng, phát sanh trí tuệ, trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, chân lý về khổ diệt này là chân thật, vững chắc, không dối, không giả, trọn không đổi khác, được Thế Tôn nói ra, cho nên gọi là chân lý về khổ diệt.

Chân lý về con đường đưa đến khổ diệt làm phát sanh cái thấy, phát sanh trí, phát sanh minh, phát sanh giác, phát sanh ánh sáng, phát sanh trí tuệ, trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, chân lý về con đường đưa đến khổ diệt này là chân thật, vững chắc, không dối, không giả, trọn không đổi khác, được Thế Tôn nói ra, cho nên gọi là chân lý về con đường đưa đến khổ diệt.

[0619b03] Năm Tỳ-kheo nên biết, pháp bốn chân lý này được Thế Tôn ba lần chuyển, gồm mười hai hành tướng.[25] Người nào không biết đúng như thật về pháp này thì không thành Vô Thượng Chánh Chân, Đẳng Chánh Giác. Vì Ta đã biết rõ ba lần chuyển có mười hai hành của bốn chân lý này và biết như thật về nó, cho nên mới thành Vô Thượng Chánh Chân, Đẳng Chánh Giác.

Thế Tôn nói pháp này xong, A-nhã Câu-lân[26] liền dứt hết mọi phiền não, đạt được cái thấy thanh tịnh với Chánh pháp. Lúc đó, Thế Tôn nói với A-nhã Câu-lân:

– Nay ông đã đến với pháp, đã chứng đắc pháp.

Câu-lân đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn! Con đã đến với pháp, đã chứng đắc pháp.

Khi đó, thần đất nghe được những lời này, liền thốt lời khen ngợi:

– Nay tại nước Ba-la-nại, Như Lai đã chuyển pháp luân, là điều mà chư thiên, loài người, chúng ma, thiên ma, người, cho đến loài phi nhân đều không chuyển được. Nay Như Lai chuyển pháp luân này, A-nhã Câu-lân liền được Pháp vị giải thoát.

---

[25] Tam chuyển thập nhị hành (三轉十二行). Tam chuyển là "thị chuyển" (chỉ cho thấy, đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo); "khuyến chuyển" (khuyến khích tu tập, đây là khổ nên biết, đây là tập nên đoạn, đây là diệt nên chứng, đây là đạo nên tu); "chứng chuyển" (tự thân tác chứng, đây là khổ đã thấy, đây là tập đã đoạn, đây là diệt đã chứng, đây là đạo đã tu). Như vậy, 3 lần chuyển với 4 chân lý, thành ra 12 hành tướng vậy.

[26] A-nhã Câu-lân (阿若拘隣, Aññāsi Koṇḍañña) còn gọi là A-nhã Kiêu-trần-như (阿若憍陳如).

Khi đó, thiên chúng cõi trời Tứ Thiên Vương nghe những lời thần đất khen ngợi, liền tiếp lời khen:

– A-nhã Câu-lân đã đắc Pháp vị giải thoát.

Lúc ấy, thiên chúng trời Ba Mươi Ba lại nghe từ thiên chúng trời Tứ Thiên Vương. Thiên chúng Diệm thiên nghe từ thiên chúng trời Ba Mươi Ba, cho đến thiên chúng cõi trời Đâu-suất lần lượt nghe được và thiên chúng cõi Phạm thiên cũng nghe được lời khen ngợi này: "Như Lai đã chuyển pháp luân, là điều mà chư thiên, loài người, chúng ma, thiên ma, người, cho đến loài phi nhân đều không chuyển được. Nay Như Lai chuyển pháp luân này, A-nhã Câu-lân đã được Pháp vị giải thoát." Do vậy nên Tôn giả Câu-lân mới có tên gọi là A-nhã Câu-lân.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

– Trong số các thầy, hai người ở lại để được chỉ dạy, ba người khác sẽ đi khất thực. Thức ăn ba người khất thực được thì sáu người cùng ăn. Sau đó ba người ở lại để được chỉ dạy, còn hai người khác đi khất thực. Thức ăn hai người khất thực được thì sáu người cùng ăn.

Những lời Thế Tôn chỉ dạy lúc ấy trở thành pháp Niết-bàn Vô sanh và năm vị Tỳ-kheo cũng đạt đến không sanh, không bệnh, không già, không chết. Lúc đó, cả thảy năm vị đều thành A-la-hán. Bấy giờ, ba ngàn đại thiên cõi nước có năm vị A-la-hán cùng với đức Phật là sáu.

Rồi Thế Tôn nói với năm Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy cùng nhau đi khất thực trong nhân gian, cẩn thận chớ đi riêng một mình. Đối với những chúng sanh căn tánh đã thuần thục thì phải nên hóa độ. Nay Ta sẽ đến thôn Ưu-lưu-tỳ[27] và thuyết pháp tại đó.

Bấy giờ, Thế Tôn liền đi đến thôn Ưu-lưu-tỳ. Lúc ấy, bên bờ sông Liên-nhã[28] có Ca-diếp[29] đang dừng trú ở đó. Người này giỏi về thiên văn, địa lý, không gì không thông suốt; toán số, cây lá, thảy đều biết rõ. Ông ấy dẫn năm trăm đệ tử ngày ngày đi giáo hóa. Cách nơi ở của Ca-diếp không xa có một động đá và có con rồng độc đang sống tại đó.

[0619c04] Thế Tôn đến chỗ Ca-diếp và bảo:

– Ta muốn ngủ nhờ tại động đá một đêm. Nếu ông đồng ý thì Ta sẽ đến ở.

Ca-diếp đáp:

– Tôi không tiếc gì, nhưng ở đó có một con rồng độc, sợ sẽ làm tổn hại đến Ngài.

---

[27] Ưu-lưu-tỳ (優留毘, Uruvelā).

[28] Liên-nhã (連若) còn gọi là sông Ni-liên-thiền (尼連禪, Nerañjarā), Ni-liên-thiền-na (尼連禪那), Ni-liên-nhiên (尼連然).

[29] Ưu-la-tỳ Ca-diếp (優羅毘迦葉, Uruvela Kassapa) còn gọi Uất-tỳ-la Ca-diếp (鬱毘羅迦葉), Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (優樓頻螺迦葉).

Thế Tôn bảo:

– Ca-diếp đừng lo, rồng dữ sẽ không hại Ta! Chỉ cần ông đồng ý, Ta sẽ nghỉ lại đó một đêm.

Ca-diếp đáp:

– Nếu Ngài muốn ở thì cứ tùy ý.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền đến động đá, trải tòa mà nghỉ. Ngài ngồi kiết-già giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, buộc niệm trước mặt. Lúc đó, rồng độc trông thấy Thế Tôn tọa thiền, nó liền phun lửa độc. Thế Tôn bèn nhập Từ tam-muội, rồi rời Từ tam-muội mà nhập Diệm quang tam-muội. Lúc này lửa của rồng và hào quang Phật cùng lúc phát ra. Lúc đó, Ca-diếp đang đêm thức dậy quan sát tinh tú, thấy trong động đá có ánh lửa lớn, liền nói với các đệ tử:

– Sa-môn Cù-đàm này dung mạo đoan nghiêm, nay bị rồng hại, thật đáng thương tiếc. Từ trước ta đã cảnh báo ông ấy, ở đó có rồng dữ, không thể nghỉ lại đêm!

Lúc đó, Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

– Các ông mang bình nước và chiếc thang dài đến đó dập lửa, giúp Sa-môn kia thoát khỏi nạn này.

Bấy giờ, Ca-diếp dẫn năm trăm đệ tử đến động đá để dập lửa. Người thì cầm nước rưới, người thì bắc thang, nhưng không thể dập tắt lửa. Đây đều do thần lực của Như Lai tạo nên.

Bấy giờ, Thế Tôn nhập Từ tam-muội, dần dần khiến cho rồng kia không còn sân hận nữa. Lúc này, rồng dữ kia trong lòng sợ hãi, bò lượn khắp nơi, muốn ra khỏi động đá, nhưng không thoát ra được. Khi đó, con rồng dữ kia bèn chui vào bình bát của Thế Tôn. Thế Tôn liền đưa tay phải vuốt nhẹ thân rồng dữ và nói kệ:

Rồng ra đời rất hiếm,
Chớ gây nên khổ đau,
Quá khứ hằng sa kiếp,
Ngươi do tâm hận, sân,
Phát tâm lành hướng Phật,
Độc sân hận dứt rồi,
Rồng với rồng gặp nhau,
Rồng ra đời rất hiếm.
Chư Phật nhập Niết-bàn,
Nên chưa từng được gặp.
Độc sân mau xa rời,
Liền sanh về thiên giới.[30]

[0620a10] Bấy giờ, rồng dữ kia thè lưỡi liếm tay và trìu mến nhìn Như Lai. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn tay cầm rồng dữ này đến chỗ Ca-diếp và bảo:

– Đây là rồng dữ vô cùng hung bạo. Nay nó đã được hàng phục.

Khi Ca-diếp nhìn thấy rồng dữ, lòng rất hoảng sợ, bạch Thế Tôn:

– Thôi, thôi, Sa-môn! Đừng tiến đến nữa, rồng sẽ hại tôi!

[30] Bản Hán, hết quyển 14.

Thế Tôn bảo:

– Ca-diếp, đừng sợ! Nay Ta đã hàng phục nó, về sau sẽ không gây hại nữa. Vì sao vậy? Vì rồng này đã được giáo hóa.

Bấy giờ, Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử khen ngợi việc chưa từng có:

– Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Sa-môn Cù-đàm uy thần rất lớn, có thể hàng phục được rồng dữ, khiến nó không làm ác, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật.[31]

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật:

– Đại Sa-môn, hãy nhận lời thỉnh cầu cúng dường trong chín mươi ngày của tôi. Những thứ cần dùng như y áo, thức ăn thức uống, giường nằm tọa cụ, thuốc thang trị bệnh, tôi xin được cung cấp đầy đủ.

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của Ca-diếp, sau đó đem rồng dữ này thả vào biển lớn. Rồng dữ kia tùy theo mạng sống dài ngắn, sau khi chết đi được sanh lên trời Tứ Thiên Vương. Bấy giờ, Thế Tôn trở về động đá nghỉ ngơi. Ca-diếp bày biện nhiều đồ ăn thức uống xong, đến bạch Thế Tôn:

– Thức ăn đã dọn, thỉnh Ngài đến dùng!

Thế Tôn bảo:

– Ông hãy về trước, Ta sẽ đến sau!

Ca-diếp đi rồi, Thế Tôn đến phía trên cõi Diêm-phù-đề, nhặt quả Diêm-phù[32] dưới gốc cây Diêm-phù, rồi quay trở về ngồi trong động đá của Ca-diếp. Lúc Ca-diếp về đến nơi, đã thấy Thế Tôn ở trong động đá, liền bạch Thế Tôn:

– Sa-môn, Ngài đến đây bằng đường nào vậy?

Phật bảo Ca-diếp:

– Sau khi ông đi, Ta đến phía trên cõi Diêm-phù-đề, nhặt quả Diêm-phù, rồi trở về ngồi đây. Ca-diếp nên biết, quả này rất thơm ngon, ông hãy lấy dùng.

[0620b03] Ca-diếp đáp:

– Tôi không cần đâu. Sa-môn hãy dùng đi!

Bấy giờ, Ca-diếp lại suy nghĩ: "Sa-môn này có thần thông siêu việt, có uy lực lớn, mới có thể đến phía trên cõi Diêm-phù-đề nhặt trái ngon này, tuy nhiên vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

---

[31] Đạo chân (道真, *arahā*). Thuật ngữ này ban đầu dùng chỉ chung cho các bậc Thánh. *Kinh Tương ưng bộ* (*S.* 3.11 - I. 77) đã đề cập một phần về thuật ngữ này trong cuộc hội đàm giữa Vua Ba-tư-nặc với đức Phật liên quan đến 6 vị giáo chủ. Về sau, Phật giáo sử dụng thuật ngữ này như một phẩm vị đặc thù chỉ cho bậc Thánh A-la-hán. Tham chiếu: *Mahāvagga* viết "*Mahiddhiko kho mahāsamaṇo mahānubhāvo, yatra hi nāma cattāropi mahārājāno upasaṅkamissanti dhammassavanāya, na tveva ca kho arahā yathā aha*"*nti*. (Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả bốn vị Đại Thiên Vương còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán [*Arahā*, bậc Thánh] giống như ta đây), Indacanda dịch.

[32] Diêm-phù quả (閻浮果, Jambupakka). *PED* xác định tên khoa học của loài cây này là *Eugenia Jambolana*, tức là cây trâm mốc, cũng gọi là cây trâm vối, có ở Ấn Độ và cả Việt Nam.

Thế Tôn dùng cơm xong, trở về động đá nghỉ ngơi. Sáng sớm hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn và thưa:

– Đã đến giờ cơm, thỉnh Ngài đến dùng!

Phật bảo Ca-diếp:

– Ông hãy về trước, Ta sẽ đến sau!

Ca-diếp đi rồi, Phật liền đến phía trên cõi Diêm-phù-đề, hái quả a-ma-lặc[33] rồi quay trở về ngồi trong động đá trước Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

– Sa-môn, Ngài đến đây bằng con đường nào?

Phật bảo:

– Sau khi ông đi, Ta đến phía trên cõi Diêm-phù-đề để hái quả này rồi về đây. Quả này rất thơm ngon, nếu cần thì hãy lấy dùng.

Ca-diếp đáp:

– Tôi không cần đâu. Sa-môn hãy dùng đi!

Khi đó, Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn này thần lực siêu việt, có uy thần lớn, sau khi ta về, đã đi hái quả này và đến đây trước ta, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

Sau khi dùng cơm xong, Thế Tôn trở về động đá nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, Ca-diếp lại đến chỗ Thế Tôn, thỉnh bạch:

– Đã đến giờ cơm, thỉnh Ngài đến dùng!

Phật bảo Ca-diếp:

– Ông hãy về trước, Ta sẽ đến sau!

Ca-diếp đi rồi, Thế Tôn đến phía Bắc cõi Uất-đan-việt lấy lúa gạo tự nhiên, rồi trở về động đá trước Ca-diếp. Ca-diếp hỏi Phật:

– Sa-môn, Ngài đến đây bằng đường nào?

Thế Tôn bảo:

– Ca-diếp nên biết, sau khi ông đi, Ta đến phía Bắc cõi Uất-đan-việt lấy lúa gạo tự nhiên rồi về đây. Gạo này rất thơm ngon. Ca-diếp, nếu cần thì hãy lấy dùng.

Ca-diếp đáp:

– Tôi không cần đâu. Sa-môn hãy dùng đi!

Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn này có thần thông lớn, có uy thần lớn, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

---

[33] A-ma-lặc (阿摩勒, āmalakī), loại cây này có tên khoa học là *Phyllanthus Emblica*. Quả của nó ở Ấn Độ, ngày nay gọi là quả amla, được sử dụng như một thực phẩm bổ sung sinh học. Ở Việt Nam gọi là me rừng, me mận hoặc chùm ruột núi...

Thế Tôn dùng cơm xong, trở về động đá nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn bạch:

– Đã đến giờ cơm, thỉnh Ngài đến dùng!

Phật bảo Ca-diếp:

– Ông hãy về trước, Ta sẽ đến sau!

Ca-diếp đi rồi, Thế Tôn liền đến cõi Cù-da-ni hái quả ha-lê-lặc,[34] rồi trở về động đá trước Ca-diếp.

[0620c01] Ca-diếp hỏi Phật:

– Sa-môn đến đây bằng con đường nào?

Phật nói với Ca-diếp:

– Sau khi ông đi, Ta đến cõi Cù-da-ni hái quả này về đây. Quả này vô cùng thơm ngon. Ca-diếp, nếu cần thì hãy lấy dùng.

Ca-diếp đáp:

– Tôi không cần đâu. Sa-môn hãy dùng đi!

Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn này có thần lực lớn, có uy thần lớn, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

Thế Tôn dùng cơm xong, trở về động đá nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn bạch:

– Đã đến giờ cơm, thỉnh Ngài đến dùng!

Phật bảo Ca-diếp:

– Ông hãy về trước, Ta sẽ đến sau!

Ca-diếp đi rồi, Thế Tôn đến cõi Phất-vu-đãi hái quả tỳ-hê-lặc,[35] rồi trở về ngồi trong động đá trước Ca-diếp. Ca-diếp hỏi Phật:

– Sa-môn đến đây bằng đường nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Sau khi ông đi, Ta đến cõi Phất-vu-đãi hái quả này rồi về đây. Quả này vô cùng thơm ngon. Ca-diếp, nếu cần thì hãy lấy dùng.

Ca-diếp đáp:

– Tôi không cần đâu. Sa-môn hãy dùng đi!

Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn này có thần lực lớn, có uy thần lớn, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

Thế Tôn dùng cơm xong, trở về động đá nghỉ ngơi.

---

[34] Ha-lê-lặc (呵梨勒, harītakī) có tên khoa học là *Terminalia Chebula*, mọc nhiều ở Ấn Độ và một số nước Đông Nam Á, trong đó có cả Việt Nam. Cây này còn được gọi là kha tử, chiêu liêu xanh, một vị thuốc trong Đông y hiện vẫn còn sử dụng.

[35] Tỳ-hê-lặc (毘醯勒, vibhītaka) có tên khoa học là *Terminalia Belerica*. Ở Việt Nam, cây này được gọi là cây bàng mốc, cây choại, nhút... được sử dụng như một vị thuốc.

Bấy giờ, Ca-diếp đang chuẩn bị cúng tế lớn. Năm trăm người đệ tử cầm búa chẻ củi, tay nâng búa lên nhưng không chẻ xuống được. Lúc đó, Ca-diếp suy nghĩ: "Việc này hẳn là do Sa-môn Cù-đàm." Khi đó, Ca-diếp đến hỏi Thế Tôn:

– Nay chúng tôi muốn chẻ củi, nhưng sao không hạ búa xuống được?

Thế Tôn hỏi:

– Muốn hạ búa phải không?

Đáp:

– Muốn hạ búa xuống.

Khi ấy búa liền hạ xuống, nhưng khi búa hạ xuống rồi thì lại không thể nhấc lên. Ca-diếp lại bạch Phật:

– Sao không thể nhấc búa lên được?

Thế Tôn hỏi:

– Muốn nhấc búa lên phải không?

Đáp:

– Muốn nhấc búa lên.

Búa liền nhấc lên được.

Bấy giờ, các đệ tử của Ca-diếp muốn nhóm lửa mà lửa không cháy. Ca-diếp lại nghĩ: "Đây chắc là do Sa-môn Cù-đàm gây ra." Ca-diếp liền bạch Phật:

– Vì sao nhóm lửa không cháy?

Phật hỏi Ca-diếp:

– Muốn cho lửa cháy phải không?

Đáp:

– Muốn cho cháy.

Tức thời lửa liền cháy, nhưng khi họ muốn dập lửa thì lửa không tắt. Ca-diếp lại bạch Phật:

– Vì sao dập lửa không tắt?

Phật hỏi Ca-diếp:

– Muốn cho lửa tắt phải không?

Đáp:

– Muốn cho tắt.

Lửa liền tắt. Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có buổi tế lễ lớn. Quốc vương và dân chúng sẽ đến đông đủ. Nếu họ thấy vị Sa-môn này thì ta sẽ không còn được cúng dường nữa. Ngày mai Sa-môn này không đến thì thật may mắn."

[0621a04] Lúc ấy, Thế Tôn biết được tâm niệm của Ca-diếp. Vì vậy, sáng hôm sau, Thế Tôn đến cõi Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy

sữa tươi, rồi đến suối A-nậu-đạt mà dùng bữa. Trọn ngày Thế Tôn an trú tại đó, đến chiều lại trở về động đá nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi:

– Sa-môn! Hôm qua, vì sao Ngài không đến?

Phật nói với Ca-diếp:

– Hôm qua, ông đã có ý nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có buổi tế lễ lớn. Quốc vương và dân chúng đều sẽ đến đông đủ. Nếu họ thấy Sa-môn này thì ta sẽ không còn được cúng dường nữa. Ngày mai Sa-môn này không đến thì thật may mắn." Ta biết được suy nghĩ này của ông nên mới đến Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa tươi, rồi đến suối A-nậu-đạt mà dùng bữa. Trọn ngày Ta ở đó, đến chiều mới trở về động đá nghỉ ngơi.

Khi ấy Ca-diếp lại nghĩ: "Đại Sa-môn này rất có thần túc, rất có oai thần, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

Thế Tôn dùng cơm xong, trở về động đá nghỉ ngơi. Ngay đêm hôm đó, Tứ Thiên Vương đến chỗ Thế Tôn để nghe kinh pháp. Tứ Thiên Vương cũng có hào quang sáng chói, đức Phật cũng phóng ánh hào quang lớn, chiếu khắp vùng núi sáng rực một màu.

Đêm hôm đó, Ca-diếp nhìn thấy ánh sáng nên rạng sáng hôm sau liền đến chỗ Thế Tôn, rồi bạch:

– Tối hôm qua có ánh sáng gì chiếu khắp vùng núi rừng này?

Thế Tôn bảo:

– Đêm qua, Tứ Thiên Vương đến chỗ Ta nghe pháp. Đó là ánh sáng của Tứ Thiên Vương ấy.

Bấy giờ, Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn này rất có thần lực, mới có thể khiến cho Tứ Thiên Vương đến nghe pháp, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

Thế Tôn dùng cơm xong, liền trở về động đá nghỉ ngơi. Đến nửa đêm, lại có Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Thế Tôn nghe pháp. Hào quang của Thiên đế này lại chiếu sáng khắp vùng rừng núi đó. Lúc ấy, Ca-diếp đang đêm trở dậy ngắm sao, thấy được ánh sáng này. Rạng sáng hôm sau, Ca-diếp liền đến chỗ Thế Tôn hỏi:

– Cù-đàm, tối qua tôi thấy có ánh sáng rất lạ. Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng này?

Thế Tôn bảo:

– Đêm qua, Thiên Đế-thích đến đây nghe kinh nên mới có ánh sáng như vậy.

[0621b01] Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, có uy thần lớn, mới có thể khiến cho Thiên Đế-thích đến nghe kinh pháp, tuy vậy vẫn không bằng ta đã được đạo chân thật."

Thế Tôn dùng cơm xong, trở về động đá nghỉ ngơi. Nửa đêm lại có Phạm thiên vương đến chỗ Thế Tôn nghe kinh pháp, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp núi này. Khi đó, Ca-diếp đang đêm thức dậy, nhìn thấy ánh sáng. Rạng sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi:

– Tối qua có ánh sáng chiếu xa hơn ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng này?

Thế Tôn bảo:

– Ca-diếp nên biết, tối qua có Thiên vương cõi trời Đại Phạm đến chỗ Ta nghe kinh pháp.

Lúc đó, Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, mới khiến Tổ phụ của ta đến chỗ Sa-môn này để nghe kinh pháp, tuy vậy vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

Bấy giờ, Thế Tôn được y năm mảnh cũ rách,[36] có ý muốn giặt, bèn nghĩ: "Ta nên giặt chiếc y này ở đâu?"

Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân biết được suy nghĩ của Thế Tôn, liền biến ra một cái ao, rồi bạch Thế Tôn:

– Ngài có thể giặt y ở đây.

Thế Tôn lại nghĩ: "Ta phải đứng ở đâu để giặt y này?"

Lúc đó, Tứ Thiên Vương biết được suy nghĩ của Thế Tôn, liền nhấc một tảng đá vuông lớn đặt ở mé nước, rồi bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn có thể đứng lên đây để giặt y.

Thế Tôn lại nghĩ: "Ta phơi y này ở đâu?"

Lúc đó, thần cây biết được suy nghĩ của Thế Tôn, liền rũ nhành cây xuống, rồi bạch Thế Tôn:

– Kính thỉnh Thế Tôn phơi y ở đây.

Sáng sớm hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn và hỏi:

– Nơi này vốn không có ao, nay có ao này; vốn không có [nhành] cây, nay có nhành cây; vốn không có tảng đá, nay có tảng đá. Do nhân duyên gì mà có sự thay đổi này?

Thế Tôn bảo:

– Đây là do hôm qua Thiên Đế-thích biết Ta muốn giặt y, cho nên biến ra ao tắm này. Ta lại suy nghĩ: "Nên đứng ở đâu để giặt y?" Tứ Thiên Vương biết suy nghĩ của Ta, liền mang tảng đá này đến. Ta lại nghĩ: "Nên phơi y này ở đâu?" Thần cây biết được suy nghĩ của Ta, liền rũ xuống nhành cây này.

Lúc đó, Ca-diếp lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm tuy có thần lực nhưng vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

---

[36] Tệ hoại ngũ nạp y (弊壞五納衣, *paṃsukūla*): Y phấn tảo.

Thế Tôn dùng cơm xong, trở về động đá nghỉ ngơi. Nửa đêm hôm ấy, mây đen kéo đến, trời đổ mưa lớn, khiến dòng sông lớn Liên-nhã[37] lũ tràn cuồn cuộn. Lúc đó, Ca-diếp suy nghĩ: "Con sông này lũ tràn cuồn cuộn, Sa-môn chắc là sẽ bị nước cuốn trôi. Nay ta ra xem thử."

Thế rồi, Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đi ra bờ sông. Lúc ấy, Thế Tôn đang đi trên mặt nước mà chân không dính nước. Từ xa trông thấy Thế Tôn đi trên mặt nước, Ca-diếp liền nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Sa-môn Cù-đàm có thể đi trên mặt nước. Ta cũng có thể đi trên mặt nước, nhưng chẳng thể khiến chân không dính nước. Sa-môn này tuy thật có thần lực nhưng vẫn không bằng ta đã đạt được đạo chân thật."

[0621c10] Khi đó, Thế Tôn nói với Ca-diếp:

– Ông không phải là A-la-hán, cũng không hiểu rõ đạo A-la-hán. Ông còn chưa biết danh xưng A-la-hán, nói gì đến đắc đạo? Ông là người mù, mắt chẳng thấy gì. Như Lai đã biến hiện những việc như vậy mà ông vẫn cứ bảo "không bằng ta đã đạt được đạo chân thật." Như ông vừa nói, ông có thể đi trên mặt nước. Nay thật đúng lúc, ông có thể cùng Ta đi trên mặt nước chăng? Nay ông hãy bỏ tâm niệm tà kiến, chớ để gánh chịu khổ não lâu dài.

Ca-diếp nghe Thế Tôn nói như vậy rồi, liền đến trước Phật, đảnh lễ sát chân và bạch:

– Nay con xin hối lỗi, đã biết rõ phi pháp mà còn xúc phạm Thế Tôn. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con sám hối!

Ca-diếp thưa như vậy ba lần.

Thế Tôn bảo:

– Ta chấp nhận sự sám hối của ông, ông đã tự biết lỗi xúc não Như Lai.

Lúc đó, Ca-diếp nói với năm trăm đệ tử:

– Mọi người cứ theo tâm ý của mình để tu tập. Ta nay nguyện xin quy y Sa-môn Cù-đàm!

Khi ấy, năm trăm đệ tử bạch với Ca-diếp:

– Chúng con từ trước cũng đã có thiện tâm đối với Sa-môn Cù-đàm. Ngay lúc Cù-đàm hàng phục rồng dữ, chúng con đã muốn nương tựa Ngài ấy. Nếu thầy đã quy y Cù-đàm thì năm trăm đệ tử chúng con cũng xin quy y Cù-đàm.

Ca-diếp nói:

– Nay thật đúng lúc. Chỉ vì tâm ta cố chấp ngu si, nhìn thấy bao nhiêu biến hóa của Thế Tôn mà tâm ý vẫn không tỏ ngộ nên mới tự cho mình "được đạo chân thật."

---

[37] Liên-nhã đại hà (連若大河): Sông lớn Liên-nhã, chỉ cho con sông Nerañjarā, tên gọi khác của sông Ni-liên-thiền.

Bấy giờ, Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử vây quanh trước sau, cùng đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy chân Phật rồi đứng qua một bên, bạch với Thế Tôn:

– Kính xin Thế Tôn cho phép chúng con được làm Sa-môn, tu hạnh thanh tịnh!

Theo pháp thường của chư Phật, nếu được gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo!" thì người ấy liền trở thành Sa-môn.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Ca-diếp:

– Thiện lai Tỳ-kheo![38] Pháp này vi diệu, ông hãy khéo tu Phạm hạnh.

Ngay khi ấy, y phục mà Ca-diếp đang mặc thảy đều biến thành cà-sa, tóc trên đầu tự rụng giống như tóc đã cạo được bảy ngày.

Bấy giờ, Ca-diếp đem tất cả dụng cụ học thuật và chú thuật ném hết xuống sông.

[0622a04] Tiếp đó, năm trăm người đệ tử cũng bạch Thế Tôn:

– Kính xin Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn!

Thế Tôn bảo:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Khi ấy, năm trăm đệ tử liền trở thành Sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng.

Bấy giờ, thuận dòng về phía hạ lưu, có Phạm chí tên Giang Ca-diếp,[39] sống bên bờ sông. Khi Giang Ca-diếp nhìn thấy dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, liền suy nghĩ: "Ôi chao! Đại huynh của ta bị nước dìm chết rồi!" Thế rồi Giang Ca-diếp liền dẫn ba trăm đệ tử men theo dòng sông đi lên phía thượng lưu để tìm thi thể của đại huynh. Từ xa, nhìn thấy Thế Tôn ngồi dưới tán cây, thuyết pháp cho đại huynh Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử vây quanh trước sau, ông liền đến trước Ca-diếp rồi hỏi:

– Việc này là tốt ư? Vốn làm thầy người khác, nay lại làm đệ tử. Đại huynh cớ sao lại làm đệ tử của Sa-môn?

Ca-diếp đáp:

– Nơi này tốt nhất, không đâu hơn nơi này.

Lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp quay sang Giang Ca-diếp nói kệ:

Trời, người kính vị này,　　Nay ta thờ làm Thầy,
Chư Phật hiện ở đời,　　Rất khó gặp lắm thay!

Lúc đó, Giang Ca-diếp nghe danh hiệu Phật, lòng rất hoan hỷ, phấn khởi vô cùng không kiềm lòng được, liền đến bạch Phật:

– Xin cho con được tu đạo!

---

[38] Thiện lai Tỳ-kheo (善來比丘, *Ehi Bhikkhu*). Theo *DA*. 001, là tác pháp truyền giới Cụ túc được thực hiện bởi riêng đức Thế Tôn. Nghĩa là do nguyện lực của người kia và oai thần lực của đức Phật, Phật hướng về người muốn xuất gia gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo!", người ấy liền trở thành Sa-môn, râu tóc tự nhiên như được cạo, mặc cà-sa, được giới Cụ túc.

[39] Giang Ca-diếp (江迦葉, Nadī Kassapa): Na-đề Ca-diếp.

Thế Tôn bảo:

– Thiện lai Tỳ-kheo! Hãy khéo tu Phạm hạnh để dứt sạch tận cùng khổ đau.

Khi đó, Giang Ca-diếp và ba trăm đệ tử liền thành Sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng. Thế rồi, Giang Ca-diếp cùng ba trăm đệ tử đem dụng cụ chú thuật ném hết xuống sông.

Bấy giờ, về phía hạ lưu, lại có Phạm chí tên là Già-di Ca-diếp[40] sống cạnh bên sông. Từ xa trông thấy dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, ông ấy liền nghĩ: "Ta có hai người anh đang tu đạo ở phía thượng nguồn. Nay dụng cụ chú thuật đều bị nước cuốn trôi, có lẽ hai đại huynh Ca-diếp cũng bị nước dìm." Nghĩ rồi, ông liền dẫn hai trăm đệ tử đi về phía thượng lưu con sông, đến chỗ học thuật. Từ xa, trông thấy hai anh đã làm Sa-môn, Già-di Ca-diếp liền nói:

– Việc này là tốt ư? Vốn được người tôn kính, nay lại làm đệ tử Sa-môn!

[0622b01] Ca-diếp đáp:

– Nơi này tốt nhất, không đâu hơn nơi này.

Già-di Ca-diếp suy nghĩ: "Hai anh của ta học rộng hiểu nhiều. Nơi này chắc là đất lành, mới khiến hai sư huynh của ta học đạo tại đây. Nay ta cũng nên học đạo tại đây." Thế rồi, Già-di Ca-diếp liền đến trước bạch với Thế Tôn:

– Kính xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn!

Thế Tôn bảo:

– Thiện lai Tỳ-kheo! Hãy khéo tu Phạm hạnh để dứt sạch tận cùng khổ đau.

Già-di Ca-diếp liền trở thành Sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng, giống như cạo đầu mới được bảy ngày.

Lúc đó, Thế Tôn đang an trú dưới bóng cây Ni-câu-luật, bên dòng sông ấy. Sau khi thành Phật chưa bao lâu, Ngài đã có một ngàn đệ tử đều là bậc tôn túc kỳ cựu.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng ba cách để giáo hóa. Là ba cách nào? Đó là giáo hóa bằng thần thông, giáo hóa bằng sự giảng dạy và giáo hóa bằng giáo giới.[41]

Thế nào là giáo hóa bằng thần thông? Nghĩa là Thế Tôn hoặc biến ra nhiều thân rồi hợp lại thành một; hoặc ẩn hoặc hiện; hoặc đi xuyên qua vách đá mà không chút trở ngại; hoặc dưới lòng đất vọt lên; hoặc chui vào lòng đất, giống như vào dòng nước, không gì làm trở ngại; hoặc ngồi kiết-già khắp giữa hư không, như chim bay liệng ở giữa bầu trời, chẳng bị chướng ngại; như ngọn núi lửa lớn, phun khói không thể lường; như mặt trời, mặt trăng kia có thần lực lớn, không thể hạn lượng mà có thể dùng tay với đến; hoặc hiện thân cao đến Phạm thiên. Thế Tôn hiện thần túc như vậy.

---

[40] Già-di Ca-diếp (伽夷迦葉, Gayā Kassapa).

[41] Thần túc giáo hóa, ngôn giáo giáo hóa, huấn hối giáo hóa (神足教化, 言教教化, 訓誨教化). Tham chiếu: *A.* 3.144 - I. 291: *Iddhipāṭihāriyena, ādesanāpāṭihāriyena, anusāsanīpāṭihāriyena* (Thần biến thần thông, ký thuyết thần thông, giáo giới thần thông).

Thế nào là giáo hóa bằng sự giảng dạy? Nghĩa là Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo nên từ bỏ điều này, nên giữ gìn điều kia; nên gần gũi điều này, nên xa lìa điều kia; nên nhớ nghĩ điều này, nên dứt trừ điều kia; nên quán điều này, không quán điều kia. Nên tu điều gì và không nên tu điều gì? Nên tu bảy giác chi,[42] diệt trừ ba kiết sử. Nên quán điều gì và không nên quán điều gì? Nên khéo quán sát ba sự tốt lành đối với hàng Sa-môn, đó là hỷ lạc do xuất ly, hỷ lạc do không còn giận dữ và hỷ lạc do không còn não hại.[43] Không nên quán điều gì? Đó là không nên quán ba sự khổ đối với hàng Sa-môn, đó là tham dục, giận dữ và não hại.[44]

Nên nhớ nghĩ những gì và không nhớ nghĩ những gì? Nghĩa là hãy thường nhớ nghĩ đến chân lý về sự khổ, chân lý về nguyên nhân của khổ, chân lý về khổ diệt, chân lý về con đường đưa đến khổ diệt. Không nhớ nghĩ đến những học thuyết sai lầm, như cho rằng thế gian là thường còn,[45] thế gian là không thường còn;[46] thế gian này có giới hạn, thế gian này không có giới hạn;[47] kia là mạng, kia là thân;[48] hoặc chấp kia không phải là mạng, kia không phải là thân;[49] Như Lai có mạng chung hay Như Lai không có mạng chung; hay Như Lai vừa có mạng chung vừa không có mạng chung; hay Như Lai cũng không có mạng chung cũng không có không mạng chung. Không nên nhớ nghĩ như vậy.

Thế nào là giáo hóa bằng giáo giới? Nghĩa là đức Phật răn dạy nên đi như vậy, không nên đi như vậy; nên đến như vậy, không nên đến như vậy; nên im lặng như vậy, nên nói năng như vậy; phải thọ trì y như vậy, không được thọ trì y như vậy; nên vào thôn xóm như vậy, không nên vào thôn xóm như vậy. Đây gọi là giáo hóa bằng giáo giới.

[0622c04] Bấy giờ, Thế Tôn dùng ba cách này để giáo hóa một ngàn Tỳ-kheo. Những Tỳ-kheo kia sau khi nhận được sự giáo hóa của đức Phật, thảy đều trở thành A-la-hán.

Khi ấy, Thế Tôn đã thấy một ngàn Tỳ-kheo được quả A-la-hán. Bấy giờ, cõi Diêm-phù-đề có một ngàn A-la-hán và năm Tỳ-kheo cùng với đức Phật là sáu. Thế rồi, Thế Tôn ngồi quay mặt hướng về Ca-tỳ-la-vệ. Lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp

---

[42] Nguyên tác: Thất giác ý (七覺意).

[43] Nguyên tác: Xuất yếu lạc, vô khuể lạc, vô nộ lạc (出要樂, 無恚樂, 無怒樂). Đây muốn nói 3 thiện tầm (Pāli: *Tayo kusalavitakkā*): Xuất ly, vô khuể, vô hại.

[44] Đây muốn nói 3 bất thiện tầm. Tham chiếu: *S.* 22.80 - III. 91 viết *Akusalavitakkā*: *Kāmavitakko, byāpādavitakko, vihiṁsāvitakko* (3 bất thiện tầm, gồm dục tầm, sân tầm và hại tầm).

[45] Thường kiến (常見): Kiến chấp cho rằng thế giới là thường trụ không biến đổi, tự ngã của con người là bất diệt, tự ngã này sau khi chết cũng không tiêu diệt, vẫn có khả năng tái sanh và tái diễn lại hiện trạng tương tục, tức nói ngã là thường trụ. Xem *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.34. 0241b12).

[46] Vô thường kiến (無常見), trái ngược với thường kiến.

[47] Hữu biên kiến, vô biên kiến (有邊見, 無邊見): Chấp thế gian có giới hạn, hoặc thế gian không có giới hạn.

[48] Bỉ mạng bỉ thân (彼命彼身): Mạng và thân là dị biệt.

[49] Phi mạng phi thân (非命非身): Mạng và thân không phải là một.

tự hỏi: "Vì sao Thế Tôn lại ngồi quay mặt hướng về Ca-tỳ-la-vệ?" Ưu-tỳ Ca-diếp liền đến quỳ trước Thế Tôn bạch:

– Chẳng rõ vì sao Như Lai ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ?

Thế Tôn đáp:

– Như Lai thị hiện ở thế gian, cần phải làm năm việc. Là năm việc gì? Một là, chuyển pháp luân; hai là, thuyết pháp cho cha; ba là, thuyết pháp cho mẹ; bốn là, dẫn dắt phàm phu lập hạnh Bồ-tát; năm là, thọ ký cho Bồ-tát. Này Ca-diếp, đó gọi là Như Lai thị hiện ở thế gian cần phải làm năm việc này.

Lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp chợt hiểu: "Như Lai vì nghĩ đến thân tộc và quê hương nên ngồi quay hướng về nơi đó."

Khi ấy, năm Tỳ-kheo kia lần hồi đi đến bờ sông Ni-liên,[50] đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Ưu-đà-da[51] từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ, liền nghĩ: "Nhất định Thế Tôn muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ để thăm thân quyến." Bấy giờ, Ưu-đà-da liền đến quỳ trước Thế Tôn, bạch:

– Nay con có điều muốn hỏi, kính xin Thế Tôn chỉ dạy!

Thế Tôn bảo:

– Có điều muốn hỏi thì thầy cứ hỏi!

Ưu-đà-da bạch Thế Tôn:

– Theo con nghĩ, phải chăng Thế Tôn có ý muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ?

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, như lời thầy nói. Ưu-đà-da nên biết, thầy hãy đến chỗ Bạch Tịnh vương[52] trước, Như Lai sẽ đến sau. Vì sao vậy? Vì phải báo cho chủng tộc Sát-lợi biết tin trước, sau đó Như Lai sẽ đến. Thầy đến đó bẩm với vua rằng, bảy ngày sau Như Lai sẽ về thăm vua.

Ưu-đà-da đáp:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Ưu-đà-da liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh lại y phục, cúi lạy chân Phật rồi rời khỏi chỗ Thế Tôn, đi về Ca-tỳ-la-vệ, rồi đến đứng trước hoàng cung, đến chỗ của Vua Chân Tịnh.

[0623a02] Bấy giờ, Vua Chân Tịnh đang ngồi trên đại điện cùng với các thể nữ. Khi ấy, Ưu-đà-da bay giữa hư không. Vua Chân Tịnh thấy Ưu-đà-da tay ôm bình bát, tay cầm tích trượng đến đứng trước mặt mình, lòng sợ hãi tự hỏi: "Đây là ai? Là người hay chẳng phải người? Là trời hay quỷ? Là dạ-xoa, la-sát, trời, rồng, quỷ thần nào đây?"

---

[50] Ni-liên (尼連), đoạn trên ghi là Liên-nhã (連若).

[51] Ưu-đà-da (優陀耶) cũng gọi là Ưu-đà-di (優陀夷, Udāyi).

[52] Bạch Tịnh vương (白淨王), đoạn dưới ghi là Chân Tịnh vương (真淨王), quen gọi là Tịnh Phạn vương (Suddhodana).

Thế rồi, Vua Chân Tịnh hỏi Ưu-đà-da:

– Ông là ai?

Lại dùng lời kệ để hỏi Ưu-đà-da:

Nay trẫm muốn được biết, Ông tên họ là gì,
Là trời hay là quỷ, Hay là càn-thát-bà?

Lúc ấy, Ưu-đà-da lại dùng kệ để trả lời vua:

Tôi chẳng phải là trời, Chẳng phải càn-thát-bà,
Là người Ca-tỳ-la, Do Đại vương cai quản.
Xưa diệt mười tám ức Quân Ba-tuần[53] xấu ác,
Là Thích-ca, Thầy tôi, Tôi đệ tử Ngài ấy.

Vua Chân Tịnh lại dùng kệ hỏi Ưu-đà-da:

Ai diệt mười tám ức, Quân Ba-tuần ác ma,
Ai hiệu là Thích-ca, Mà nay ông khen ngợi?

Ưu-đà-da lại nói bài kệ:

Lúc Như Lai đản sanh, Đất trời đều rung chuyển,
Quyết làm xong thệ nguyện, Vốn hiệu Tất-đạt-đa.
Ngài thắng mười tám ức, Quân Ba-tuần ác ma,
Ngài là đấng Thích-ca, Nay đã thành Phật đạo.
Còn tôi con dòng Thích, Đệ tử của Cù-đàm,
Hôm nay làm Sa-môn, Vốn tên Ưu-đà-da.

Vua Chân Tịnh nghe những lời này rồi, lòng rất vui mừng, không thể kiềm chế, liền hỏi Ưu-đà-da:

– Thế nào Ưu-đà-da, Thái tử Tất-đạt nay vẫn còn sao?

Ưu-đà-da đáp:

– Phật Thích-ca hiện vẫn còn.

Vua hỏi:

– Nay đã thành Phật rồi sao?

Ưu-đà-da đáp:

– Nay đã thành Phật.

[0623b01] Vua lại hỏi:

– Hôm nay, Như Lai đang ở đâu?

Ưu-đà-da đáp:

– Như Lai hiện đang ở dưới tàng cây Ni-câu-loại, tại nước Ma-kiệt.

Rồi vua lại hỏi:

– Đệ tử theo học Ngài là những ai?

---

[53] Ba-tuần (波旬, *Pāpiya*): Loài ác ma đoạn thiện căn và sanh mạng con người.

Ưu-đà-da đáp:

– Có hàng ức chư thiên và một ngàn Tỳ-kheo cùng với Tứ Thiên Vương luôn theo bên cạnh.

Vua lại hỏi:

– Y phục Ngài ấy mặc là loại nào?

Ưu-đà-da đáp:

– Y Như Lai mặc gọi là cà-sa.

Rồi vua hỏi:

– Ăn những loại thức ăn nào?

Ưu-đà-da đáp:

– Thân Như Lai dùng pháp làm thức ăn.

Vua lại hỏi:

– Thế nào Ưu-đà-da, trẫm có thể gặp được Như Lai không?

Ưu-đà-da đáp:

– Bệ hạ chớ buồn lo, bảy ngày sau Như Lai sẽ vào thành.

Lúc này, Vua Chân Tịnh vô cùng vui mừng không kiềm lòng được, tự tay rót nước cúng dường Ưu-đà-da. Bấy giờ, Vua Chân Tịnh đánh trống rền vang, lệnh cho nhân dân cả nước nào là sửa sang đường sá, dọn dẹp rác bẩn, rưới nước thơm khắp mặt đất, treo giăng phướn lọng, trỗi các kỹ nhạc nhiều không kể xiết. Vua lại truyền lệnh khắp trong cả nước, những người đui, điếc, ngọng, câm đều không được xuất hiện, vì bảy ngày sau Tất-đạt sẽ vào thành.

Vua Chân Tịnh được tin Phật sẽ vào thành trong bảy ngày nữa thì suốt bảy ngày ấy cũng không ngủ được.

Bấy giờ đã đến ngày thứ bảy, Thế Tôn suy nghĩ: "Nay Ta nên dùng lực thần túc để đến nước Ca-tỳ-la-vệ." Thế rồi Thế Tôn liền dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Đến nơi, Ngài vào vườn Tát-lư, phía Bắc thành.

Vua Chân Tịnh được tin Thế Tôn đã đến Ca-tỳ-la-vệ, đang an trú trong vườn Tát-lư, phía Bắc thành, vua liền dẫn những người họ Thích cùng đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, Thế Tôn lại nghĩ: "Nếu Vua Chân Tịnh đích thân đến, việc này không hợp lẽ. Nay Ta phải đi gặp vua. Vì sao vậy? Vì cha mẹ ân nặng, dưỡng dục tình thâm." Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo đi đến cửa thành, liền bay lên hư không, cách đất bảy nhận.[54] Vua Chân Tịnh nhìn thấy Thế Tôn đoan chánh vô cùng, thế gian hiếm có, các căn tịch tĩnh, không chút vọng niệm, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm thân, vua liền phát tâm hoan hỷ, cúi lạy chân Phật rồi nói:

[54] Nhận (仞): Đơn vị đo lường thời xưa, bằng 8 thước hay 7 thước cổ Trung Hoa.

– Tôi là vua dòng Sát-lợi, tên là Chân Tịnh.

Thế Tôn bảo:

– Chúc cho Đại vương hưởng thọ vô tận. Thế nên, Đại vương, hãy dùng Chánh pháp để trị nước, chớ dùng tà pháp. Đại vương nên biết, những ai dùng Chánh pháp trị nước, sau khi qua đời sẽ sanh vào đường lành hoặc cõi trời.

[0623c03] Khi đó, Thế Tôn đi giữa hư không, vào trong cung Vua Chân Tịnh. Đến nơi, Ngài ngồi vào tòa. Thấy Thế Tôn đã ngồi yên ổn, vua tự tay dâng cúng nhiều món ăn thức uống. Khi Thế Tôn ăn xong, dùng nước rửa tay rồi, vua đặt một chiếc ghế nhỏ, ngồi nghe Thế Tôn nói pháp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn tuần tự nói nghĩa vi diệu cho Vua Chân Tịnh, như luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, giải thoát là an lạc.

Khi thấy tâm ý của vua đã thông suốt, Thế Tôn liền đem giáo pháp mà chư Phật thường dạy là khổ, tập, diệt, đạo để giảng lại tường tận cho vua nghe. Khi đó, ngay tại chỗ ngồi, Vua Chân Tịnh sạch hết mọi phiền não, đạt được cái thấy thanh tịnh với Chánh pháp.

Thế Tôn thuyết pháp cho vua nghe xong, liền đứng dậy rời đi.

Lúc đó, Vua Chân Tịnh tập hợp toàn bộ người dòng họ Thích và nói:

– Các ông Sa-môn mặt mày đen xấu. Người dòng Sát-lợi mà dẫn theo chúng Bà-la-môn thì thật sự không thích hợp. Dòng họ Thích Sát-lợi phải có chúng Sát-lợi, như vậy mới tốt.

Những người họ Thích đáp:

– Đúng vậy, Đại vương! Như Đại vương dạy, dòng Sát-lợi phải có chúng Sát-lợi, như vậy mới tốt.

Bấy giờ, vua truyền lệnh trong nước: "Những gia đình nào có hai anh em trai thì một người phải đi xuất gia tu đạo. Nếu không theo lệnh sẽ bị xử phạt nặng."

Trong dòng họ Thích nghe lệnh vua ban: "Những gia đình nào có hai anh em trai thì một người phải đi xuất gia tu đạo. Nếu không theo lệnh sẽ bị xử phạt nặng." Lúc này, vương tử họ Thích là Đề-bà-đạt-đa[55] nói với Thích A-nan:

– Nay Vua Chân Tịnh có lệnh, nhà nào có hai anh em thì một người phải đi tu đạo. Nay em hãy đi xuất gia học đạo, còn anh sẽ ở nhà giữ gìn gia nghiệp.

Lúc đó, Thích A-nan vui mừng hớn hở nói:

– Em sẽ y theo lời anh dạy.

Bấy giờ, Vương tử Thích Nan-đà cũng nói với Thích A-na-luật:

– Vua Chân Tịnh có lệnh: "Những gia đình nào có hai anh em trai thì một người phải đi xuất gia tu đạo. Nếu không theo lệnh sẽ bị xử phạt nặng." Nay em hãy đi xuất gia, còn ta sẽ ở nhà.

[55] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜).

Thích A-na-luật nghe xong, vui mừng phấn khởi, không thể kiềm chế, liền nói:

– Vâng, như lời anh bảo.

Bấy giờ, Vua Chân Tịnh và Thích Hộc Tịnh, Thích Thúc Tịnh, Thích Cam Lộ,[56] bốn anh em cùng đi đến chỗ Thế Tôn. Vua Chân Tịnh ngự giá bằng xe bốn ngựa; xe trắng, lọng trắng, ngựa kéo xe cũng màu trắng. Vua Hộc Tịnh ngự giá bằng xe xanh, lọng xanh, ngựa kéo [xe] cũng màu xanh. Vua Thúc Tịnh ngự giá bằng xe màu vàng, lọng vàng, ngựa kéo [xe] màu vàng. Vua Cam Lộ ngự giá bằng xe màu đỏ, lọng đỏ, ngựa kéo [xe] màu đỏ. Khi ấy, cũng có những người họ Thích khác cỡi voi, cỡi ngựa theo sau, đồng đến chỗ Thế Tôn.

[0624a04] Từ xa trông thấy Vua Chân Tịnh dẫn chúng họ Thích đến, Thế Tôn bèn nói với các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy xem chúng họ Thích này, đồng thời nhìn những người đi theo Vua Chân Tịnh. Tỳ-kheo nên biết, vua trời Ba Mươi Ba lúc dạo vườn cũng giống như vậy, không có gì khác.

Khi đó, A-nan cỡi voi trắng lớn, mặc áo màu trắng, lọng cũng màu trắng. Thấy vậy, Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Các thầy có thấy Thích A-nan cỡi con voi trắng, mặc áo trắng kia không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa vâng, Thế Tôn, chúng con có thấy!

Phật lại nói với các Tỳ-kheo:

– Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành đa văn bậc nhất, chịu theo thị giả Như Lai. Lại nữa, các thầy có nhìn thấy A-na-luật kia không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa vâng, Thế Tôn, chúng con có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành thiên nhãn bậc nhất.

Khi ấy, bốn anh em Vua Chân Tịnh cùng với Nan-đà và A-nan đều đi bộ về phía trước, tháo năm món trang sức ra, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

– Tối hôm qua trẫm có suy nghĩ: "Chúng Sát-lợi không nên dẫn chúng Bà-la-môn mà nên dẫn chúng Sát-lợi thì mới thích hợp." Trẫm liền truyền lệnh trong nước, gia đình nào có hai anh em trai thì một người phải đi xuất gia tu đạo. Kính xin Thế Tôn cho phép họ xuất gia học đạo.

---

[56] Những người em của Vua Tịnh Phạn (淨飯, Suddhodana) gồm có: Hộc Tịnh (斛淨, Dhotodana), Thúc Tịnh (叔淨, Sukkodana), Cam Lộ (甘露, Amitodana).

Thế Tôn đáp:

– Quý thay, Đại vương! Điều này lợi ích vô cùng, trời, người được an vui. Vì sao vậy? Thiện tri thức này là ruộng phước tốt lành. Ta cũng nhờ thiện tri thức mà thoát được sanh, già, bệnh, chết.

Khi đó, chúng họ Thích liền được xuất gia.

Thế rồi, Vua Chân Tịnh bạch lại Thế Tôn:

– Ngưỡng mong Thế Tôn dạy dỗ những vị Tỳ-kheo mới này giống như dạy dỗ Ưu-đà-da! Vì sao vậy? Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực. Kính xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo Ưu-đà-da ở lại trong cung để giáo hóa, giúp cho mọi người được an ổn lâu dài. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo này rất có thần lực. Trẫm vừa gặp Tỳ-kheo Ưu-đà-da liền phát tâm hoan hỷ và khởi ý niệm: "Đệ tử còn có thần lực, huống gì Như Lai kia mà không có thần lực này ư?"

Thế Tôn đáp:

– Thật vậy, Đại vương, đúng như lời Đại vương nói, Tỳ-kheo Ưu-đà-da này có thần lực lớn, có uy đức lớn.

[0624b02] Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, đệ tử bậc nhất về hiểu rộng biết nhiều, được quốc vương nghĩ đến chính là Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân.[57] Khéo khuyến hóa nhân dân chính là Tỳ-kheo Ưu-đà-da. Có trí nhạy bén chính là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. Thường thích bay lên hư không chính là Tỳ-kheo Tu-bà-hưu. Qua lại giữa hư không chính là Tỳ-kheo Bà-phá. Có nhiều đệ tử là Tỳ-kheo Ưu-tỳ Ca-diếp. Thấu đạt lý Không là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp. Ý đạt pháp chỉ và quán chính là Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp.[58]

Khi ấy, Thế Tôn giảng rộng pháp vi diệu cho Vua Chân Tịnh. Vua nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Phật, rồi lui ra.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo cùng Vua Chân Tịnh nghe Phật nói pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.[59]

6. TRAI GIỚI[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[57] A-nhã Câu-lân (阿若拘鄰, Aññā Koṇḍañña) còn gọi là A-nhã Kiêu-trần-như (阿若憍陳如).

[58] Tượng Ca-diếp (象迦葉), tên khác của Già-da Ca-diếp (伽耶迦葉, Gayā Kassapa).

[59] Bản Hán, hết quyển 15.

[60] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.6. 0624b19). Tham chiếu: *Trì trai kinh* 持齋經 (*T.*01. 0026.202. 0770a16); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1117. 0295c10); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.46. 0389a10); *A.* 3.37 - I. 142; *A.* 3.38 - I. 143.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong mười lăm ngày thì có ba ngày trai. Là ba ngày nào? Đó là ngày mùng tám, ngày mười bốn và ngày rằm. Tỳ-kheo nên biết, nếu như ngày trai là ngày mùng tám thì vào ngày này, Tứ Thiên Vương sai các vị thiên sứ[61] đi xem xét thế gian có những ai làm lành, làm ác; những người nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc tôn trưởng; những người nào ưa thích bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, diễn rộng nghĩa kinh, giữ tám giới quan trai,[62] v.v... các thần đều rõ biết tất cả. Nếu không có người nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các bậc tôn trưởng, lúc đó thiên sứ sẽ trình với Tứ Thiên Vương:

"Hiện tại, trong thế gian này không có người nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, đạo sĩ, thực hành bốn tâm vô lượng,[63] thương xót chúng sanh."

Tứ Thiên Vương nghe xong, trong lòng sầu lo, buồn bã không vui. Bấy giờ, Tứ Thiên Vương liền lên trời Đao-lợi, đi đến giảng đường Thiện Pháp,[64] đem nhân duyên này trình bày đầy đủ lên Đế-thích:

"Thiên đế nên biết, hiện nay ở thế gian này không có người nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng bậc tôn trưởng."

Bấy giờ, Đế-thích và chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba nghe những lời này rồi, trong lòng sầu lo, buồn bã không vui. Bởi vì chúng chư thiên sẽ giảm, chúng a-tu-la sẽ tăng.

[0624c06] Lại cũng có lúc chúng sanh ở thế gian có người biết hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng bậc tôn trưởng; biết giữ tám giới quan trai, tu hạnh thanh tịnh, không mảy may phạm vào giới cấm. Bấy giờ, thiên sứ sẽ vui mừng phấn khởi không thể kiềm chế, bạch Tứ Thiên Vương:

"Nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng bậc tôn trưởng."

Tứ Thiên Vương nghe vậy, lòng rất vui mừng, liền đi đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, đem nhân duyên này trình bạch đầy đủ:

"Thiên đế nên biết, nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng bậc tôn trưởng."

Bấy giờ, Đế-thích và chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba thảy đều vui mừng không kiềm chế được, bởi vì chúng chư thiên sẽ tăng, chúng a-tu-la sẽ giảm, những sự tra khảo ở cõi địa ngục tự nhiên ngừng dứt, khổ sở không còn.

---

[61] Nguyên tác: Phụ thần (輔臣).

[62] Nguyên tác: Bát quan trai (八關齋, *aṭṭhaṅga samannāgata uposatha*), còn gọi là bát quan giới trai, bát chi trai giới, bát phần trai giới, bát quan trai, bát giới trai, bát giới, bát cấm... đều chỉ cho việc người Phật tử tại gia thọ trì tám giới cấm trong một ngày một đêm. Xem nội dung kinh.

[63] Nguyên tác: Tứ đẳng tâm (四等心).

[64] Thiện Pháp giảng đường (善法講堂, Sudhamma sabhā): Hội trường của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba (三十三天).

Nếu như ngày trai giới là ngày mười bốn thì thái tử được sai xuống quan sát thiên hạ, dò xét nhân dân làm thiện hoặc ác; xem có người nào tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo-tăng, hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng bậc tôn trưởng hay không? Có người nào ưa thích bố thí, thọ tám giới quan trai, đóng kín sáu căn, chế ngự năm dục hay không? Nếu không có chúng sanh nào tu theo Chánh pháp, hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn thì lúc đó thái tử sẽ trình bạch với Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương nghe xong, trong lòng sầu lo, buồn bã không vui, liền đi đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, đem nhân duyên này trình bạch đầy đủ:

"Đại vương nên biết, nay thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng bậc tôn trưởng."

Bấy giờ, Thiên Đế-thích và chư thiên trời Ba Mươi Ba thảy đều sầu lo, buồn bã không vui, vì chúng chư thiên sẽ giảm, chúng a-tu-la sẽ tăng.

Nếu trong chúng sanh, có người biết hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc tôn trưởng, giữ tám giới quan trai thì lúc bấy giờ, thái tử vui mừng phấn khởi không kiềm chế được, liền đến trình bạch với Tứ Thiên Vương:

"Đại vương nên biết, nay thế gian này, có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các tôn trưởng."

Tứ Thiên Vương nghe được những lời này, lòng rất vui mừng, liền đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, đem nhân duyên này bạch lại đầy đủ với Thiên đế:

"Thánh vương nên biết, nay thế gian này có rất nhiều người hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, biết nương tựa Ba ngôi báu, thật lòng khuyên can, thành tín không dối."

Lúc bấy giờ, Thiên đế, Tứ Thiên Vương cùng chư thiên trời Ba Mươi Ba đều rất mừng vui không kiềm chế được, vì chúng chư thiên sẽ tăng, chúng a-tu-la sẽ giảm.

[0625a07] Tỳ-kheo nên biết, vào ngày rằm, đến giờ thuyết giới,[65] có Tứ Thiên Vương đích thân xuống xem xét thiên hạ, quán sát dân chúng, xem có những người nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc tôn trưởng; ưa thích bố thí, giữ tám giới quan trai, là pháp trai giới của Như Lai. Nếu không có người nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng thì Tứ Thiên Vương lòng rất sầu lo, buồn bã không vui, đến chỗ Đế-thích, đem nhân duyên này trình bạch đầy đủ với Đế-thích:

"Đại vương nên biết, nay ở thế gian, không có người nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các tôn trưởng."

Thích-đề-hoàn-nhân và thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba thảy đều sầu lo, buồn bã không vui, vì chúng chư thiên sẽ giảm, chúng a-tu-la sẽ tăng.

---

[65] Ngày Bố-tát (布薩), chúng Tăng thuyết giới, tức tụng giới Ba-la-đề-mộc-xoa (波羅提木叉).

Nếu như lúc ấy, có chúng sanh biết hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, giữ tám giới quan trai thì bấy giờ Tứ Thiên Vương sẽ vui mừng phấn khởi không thể kiềm chế, liền đến chỗ Thiên đế, đem nhân duyên này trình bạch đầy đủ:

"Đại vương nên biết, nay ở thế gian có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng."

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân, thiên chúng trời Ba Mươi Ba, cùng Tứ Thiên Vương đều vui mừng phấn khởi không kiềm chế được, bởi vì chúng chư thiên sẽ tăng, chúng a-tu-la sẽ giảm.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Pháp thọ trì tám giới quan trai vào ngày rằm như thế nào?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Như Lai là vua các pháp, là khuôn mẫu của các pháp. Ngưỡng mong Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà giảng rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ phụng hành theo.

Thế Tôn bảo:

– Ta sẽ giảng nói tường tận, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ở đây, này các Tỳ-kheo, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào vào ngày mùng tám, mười bốn và rằm trong tháng, là ngày trì trai thuyết giới thì phải đến giữa bốn bộ chúng mà thưa như vầy:

"Hôm nay là ngày trai giới, con muốn lãnh thọ và giữ gìn tám giới quan trai. Kính xin Tôn giả vì con mà thuyết giới."

Bấy giờ, bốn bộ chúng[66] nên chỉ dạy và nói về tám giới quan trai. Trước hết nên bảo người đó:

"Này thiện nam, hãy tự xưng tên họ."

Người kia đã xưng tên họ rồi thì hãy nói tám giới quan trai cho họ. Bấy giờ, vị giáo thọ nên dạy người đó nói như vầy:

"Con nguyện vâng giữ trai giới của Như Lai từ hôm nay cho đến sáng sớm ngày mai; nguyện giữ giới thanh tịnh, trừ bỏ pháp ác. Nếu thân làm ác, miệng nói lời ác, ý sanh niệm ác; ba việc nơi thân, bốn việc nơi miệng, ba việc từ ý; các điều ác đã làm, đang làm; hoặc do tham dục mà gây tạo, hoặc vì sân hận mà gây tạo, hoặc vì ngu si mà gây tạo; hoặc vì quyền thế mà gây tạo, hoặc vì gần gũi bạn xấu mà gây tạo; hoặc có thể do thân đời này, thân đời sau, vô số thân; hoặc có thể do không hiểu Phật, không hiểu Pháp, hoặc tranh cãi với Tỳ-kheo-tăng; hoặc giết hại cha mẹ và các bậc tôn trưởng, nay con xin sám hối, không tự che giấu, nguyện nương theo giới, nương theo pháp để thành tựu các giới hạnh, thọ trì tám giới quan trai của Như Lai.

---

[66] Tứ bộ chúng (四部眾, *catuparisā*) gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Thế nhưng, chúng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di không thể truyền trai giới tám chi được. Ở đây nên hiểu là chỉ có hai bộ chúng là Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

[0625b14] Thế nào là tám giới quan trai? Nghĩa là gìn giữ tâm giống như bậc A-la-hán,[67] suốt đời không giết hại, không có lòng giết hại, có lòng lân mẫn và thương yêu đối với chúng sanh. Nay con tên là..., nguyện xin giữ gìn trai giới cho đến sáng sớm ngày mai, không giết hại, không có lòng giết hại và khởi lòng từ đối với tất cả chúng sanh.

Như bậc A-la-hán không có niệm tà, suốt đời không trộm cướp, vui thích bố thí. Nay con tên là..., xin giữ gìn trai giới từ hôm nay cho đến sáng sớm ngày mai, nguyện không trộm cướp.[68]

Như bậc A-la-hán suốt đời không dâm dật, không có niệm tà, thường tu Phạm hạnh, thân thể thanh khiết. Con nay xin giữ gìn trai giới không dâm, cũng không nghĩ đến vợ mình, cũng không nghĩ đến người nữ khác cho đến sáng sớm ngày mai, không có trái phạm.

Như bậc A-la-hán suốt đời không nói dối, luôn biết thành thật, không dối gạt người. Từ hôm nay đến sáng sớm ngày mai, con nguyện không nói dối; từ nay về sau không nói dối nữa.[69]

Như bậc A-la-hán suốt đời không uống rượu, tâm ý không loạn động, giữ gìn giới cấm của Phật, không chút trái phạm. Nay con cũng như vậy, từ hôm nay cho đến sáng sớm ngày mai sẽ không uống rượu, giữ gìn giới cấm của Phật, nguyện không trái phạm.

Như bậc A-la-hán suốt đời không phạm trai pháp,[70] luôn ăn đúng thời, ăn ít, biết đủ, không đắm mùi vị. Nay con cũng vậy, không phạm trai pháp, luôn ăn đúng thời, chỉ ăn vừa đủ, không đắm mùi vị, từ hôm nay cho đến sáng sớm ngày mai, nguyện không trái phạm.

[0625c03] Như bậc A-la-hán suốt đời không ngồi trên giường cao rộng.[71] Giường cao rộng nghĩa là giường làm bằng vàng hoặc bạc, hoặc ngà voi, hoặc bằng sừng, hoặc tòa của Phật, tòa của bậc Độc giác, tòa của A-la-hán, tòa của các Tôn sư. A-la-hán không ngồi trên tám loại tòa này, nay con cũng nguyện một ngày một đêm không ngồi vào những chỗ này.[72]

Như A-la-hán suốt đời không đeo hương hoa, trang điểm phấn sáp. Nay con cũng vậy, nguyện một ngày một đêm không đeo hương hoa, trang điểm phấn sáp.[73]

---

[67] Nguyên tác: Chân nhân (真人). Đây chỉ cho bậc A-la-hán. Xem *MĀ.* 202.

[68] Nguyên tác: Tận hình thọ (盡形壽): Suốt đời.

[69] Mệnh đề: Ngã tự kim dĩ hậu bất phục vọng ngữ (我自今以後不復妄語) không phù hợp với việc chỉ thọ giới một ngày một đêm.

[70] Trai pháp (齋法): Không ăn quá ngọ.

[71] Nguyên tác: Cao quảng chi sàng (高廣之床). *DĀ.* 21 ghi: Cao quảng đại sàng (高廣大床). Pāli: *Uccāsayanamahāsayanaṃ* (giường cao rộng).

[72] Văn đoạn này cũng thiếu lời nguyện "một ngày một đêm." Theo ngữ cảnh nên thêm vào.

[73] Điều học này còn thiếu phân nửa: Không ca, múa, xướng hát và cố ý đi xem nghe. Xem *MĀ.* 202.

Nay con tên là..., nguyện xa rời tám việc này, giữ gìn pháp tám giới quan trai để không rơi vào ba đường dữ. Xin nương công đức này mà không đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và trong tám nạn, thường được gần gũi bạn lành, không theo bạn xấu, luôn sanh vào gia đình có cha mẹ hòa thuận, không sanh đến vùng đất xa xôi không có Phật pháp, không sanh lên cõi trời Trường Thọ, chẳng làm tôi tớ cho người, không làm Phạm thiên, không làm thân Đế-thích, cũng không làm Chuyển Luân Thánh vương, thường sanh ra thời có Phật, tự mình được gặp Phật, tự mình được nghe pháp, giúp các căn không loạn động. Con nguyện tu tập hướng đến Ba thừa, chóng thành đạo quả."

Tỳ-kheo nên biết, nếu có ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào thọ trì tám giới quan trai này thì người thiện nam, thiện nữ đó sẽ sanh vào ba đường: Hoặc sanh cõi người, hoặc sanh lên trời, hoặc được Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Không sát sanh, trộm cướp,
Tránh rượu, xa phấn hương,
Không đắm vị, phạm trai,
Thọ trì tám quan trai,
Thoát khỏi khổ sanh tử,
Yêu thương không tụ hội,
Nguyện diệt khổ năm uẩn,
Được Niết-bàn, dứt khổ,
Không dâm dục, nói dối,
Múa ca và hát xướng.
Học hạnh A-la-hán,
Ngày đêm không quên sót.
Không còn hẹn luân hồi,
Hay oán ghét gặp nhau.
Các bệnh, sanh, tử, lão,
Nay con nguyện về nương.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào muốn giữ tám giới quan trai, xa lìa các khổ, đến được chốn lành, muốn sạch phiền não, vào thành Niết-bàn thì phải tìm cầu phương tiện thành tựu tám giới quan trai này. Vì sao vậy? Bởi vì danh vị cõi người chưa đáng là quý, niềm vui cõi trời mới là vô kể. Nếu người thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu phước báu vô thượng thì hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tám giới quan trai này.

[0626a04] Nay Như Lai răn dạy các thầy lần nữa, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào thành tựu tám giới quan trai, muốn cầu sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương thì sẽ được như nguyện. Người giữ giới kia sẽ được sở nguyện, cho nên Như Lai nói nghĩa này. Danh vị cõi người không đáng là quý. Nếu người thiện nam, thiện nữ nào giữ tám giới quan trai, sau khi chết sẽ sanh lên cõi trời tốt lành, hoặc sanh vào cõi Diệm thiên, hoặc trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại, không chút giả dối. Vì sao vậy? Vì người giữ giới kia sẽ đạt được sở nguyện.

Này các Tỳ-kheo, nay Như Lai nhắc lại cho các thầy rõ, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào giữ tám giới quan trai, sẽ sanh về các trời dục giới, sanh về các trời sắc giới, thành tựu như sở nguyện của mình. Vì sao như vậy? Vì người giữ giới kia sẽ đạt được sở nguyện.

Lại nữa, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào giữ tám giới quan trai mà muốn sanh về các trời vô sắc giới, cũng sẽ được như sở nguyện.

Tỳ-kheo nên biết, nếu người thiện nam, thiện nữ nào giữ tám giới quan trai, muốn sanh trong bốn chủng tánh,[74] cũng sẽ được như sở nguyện.

Lại nữa, người thiện nam, thiện nữ nào giữ tám giới quan trai để mong cầu làm vua một phương, hoặc hai phương, ba phương, bốn phương thì cũng được như sở nguyện; muốn cầu làm Chuyển Luân Thánh vương, cũng sẽ được như sở nguyện. Vì sao vậy? Vì người giữ giới kia sẽ đạt được sở nguyện.

Nếu người thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu thành bậc Thanh văn, Duyên giác, cho đến thành Phật, cũng sẽ thành tựu sở nguyện. Nay Như Lai thành Phật là nhờ giữ giới này. Nếu người giữ gìn năm giới, hoặc mười điều thiện thì mọi sở nguyện đều được thành tựu.

Này các Tỳ-kheo, nếu muốn thành tựu đạo nghiệp thì hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. BA SỰ XUẤT HIỆN[75]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có ba điều nếu chúng xuất hiện[76] thì khi ấy người thiện nam, người thiện nữ được phước vô lượng. Là ba điều nào? Một là, khi có sự xuất hiện về niềm tin thì người thiện nam, người thiện nữ được phước vô lượng. Hai là, khi có sự xuất hiện về tài vật[77] thì người thiện nam, người thiện nữ được phước vô lượng. Ba là, khi có sự xuất hiện của bậc giữ gìn Phạm hạnh[78] thì người thiện nam, người thiện nữ được phước vô lượng.

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Khi có ba điều này xuất hiện thì được phước vô lượng.

[0626b03] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

Tín, tài, Phạm khó được, Người thọ, bậc trì giới,
Rõ ba việc này rồi, Sẽ tùy thời bố thí.
Được lâu dài an lạc, Chư thiên luôn hộ trì,
Hưởng năm dục không chán, Ngay đó tự vui chơi.

---

[74] Tứ tánh (四姓, *cattāro vaṇṇā*) viết tắt của chữ "tứ chủng tánh" (四種姓), gồm Bà-la-môn (婆羅門), Sát-đế-lợi (剎帝利), Tỳ-xá (毗舍) và Thủ-đà-la (首陀羅).

[75] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.7. 0626a25). Tham chiếu: *A*. 3.41 - I. 150.

[76] Nguyên tác: Hiện tại tiền (現在前). *A*. 3.41 - I. 150: *Sammukhībhāvā*. Ở đây *sammukha* là hiện tiền và *bhāva* là sự có mặt, là hữu (有), là sự tồn tại (存在).

[77] Nguyên tác: Tài (財): Tài vật dùng để cúng dường, bố thí. Theo *A*. 3.41 - I. 150: Sự có mặt của tài vật bố thí (*deyyadhammassa*).

[78] Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Trì Phạm hạnh giả (持梵行者).

Thế nên, này các Tỳ-kheo, người thiện nam, thiện nữ hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu ba điều này!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. VUA TRƯỜNG THỌ[79]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la,[80] thành Câu-thâm.[81]

Bấy giờ, Tỳ-kheo ở Câu-thâm thường hay tranh cãi, phạm các việc ác, khích bác lẫn nhau,[82] có khi còn dùng cả dao gậy. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn đến chỗ các Tỳ-kheo kia. Đến nơi, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ tranh cãi, chớ nói chuyện thị phi. Các Tỳ-kheo phải cùng nhau hòa hợp, bạn cùng một thầy thì phải như nước hòa với sữa, vì cớ gì mà lại tranh cãi lẫn nhau?

Bấy giờ, [các] Tỳ-kheo ở Câu-thâm bạch với Thế Tôn:

– Xin Thế Tôn chớ lo điều này, chúng con sẽ tự cân nhắc! Tội trạng này, chúng con tự biết rõ nó.

Thế Tôn hỏi:

– Thế nào, các thầy vì lệnh vua[83] mà hành đạo, vì sợ hãi mà hành đạo hay vì đời sống thiếu thốn mà hành đạo?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Không phải như vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn lại hỏi:

– Thế nào các Tỳ-kheo, các thầy lẽ nào chẳng phải vì muốn chấm dứt sanh tử, cầu đạo giải thoát nên hành đạo sao? Thế thì các thầy thật sự không nên chấp giữ thân năm uẩn này.

---

[79] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.8. 0626b11). Tham chiếu: *Trường Thọ vương bổn khởi kinh* 長壽王本起經 (*T.*01. 0026.72. 0532c09); *Ngưu Giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 và (*T.*01. 0026.185. 0729b27); *M.* 31, *Cūḷagosiṅga Sutta* (*Tiểu kinh khu rừng Sừng Bò*); *M.* 48, *Kosambiya Sutta* (*Kinh Kosampiya*); *M.* 128, *Upakkilesa Sutta* (*Kinh tùy phiền não*); *Mv.* 10.

[80] Cù-sư-la viên (瞿師羅園, Ghositārāma).

[81] Câu-thâm (拘深), bản khác ghi là Câu-thiểm-di (俱睒弥, Kosambī).

[82] Nguyên tác: Diện tương đàm thuyết (面相談說). *DĀ.* 17 ghi: Diện tương hủy mạ (面相毀罵). *M.* 128: *Aññamaññaṃ mukhasattīhi vitudantā* (đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi), HT. Thích Minh Châu dịch.

[83] Nguyên tác: Vương chủng (王種): Nòi giống hoàng gia. Theo *Kinh chuyển pháp luân*, số 5, phẩm 24, tr. 277 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.5. 0623c18) ghi: 諸釋眾聞王教令: 諸有兄弟二人, 當取一人為道, 其不從教, 當重謫罰. Thế nên "vương chủng" (王種) ở đây được hiểu là lệnh của vua.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn, như lời Thế Tôn dạy, chúng con là những người thiện nam, sở dĩ xuất gia học đạo là vì cầu đạo giải thoát, dứt trừ chấp trước vào thân năm uẩn nên mới học đạo.

Thế Tôn bảo:

– Này các Tỳ-kheo, người tu đạo thì không nên tranh cãi nhau, đấm đá lẫn nhau, gặp mặt là buông lời thị phi, nói xấu lẫn nhau. Các thầy cần phải thành tựu hạnh này: Cùng tu một pháp, cùng học một thầy thì phải nên thực hành sáu pháp hàm dưỡng này;[84] cũng nên tu tập về nghiệp của thân, miệng, ý và cũng nên biết tôn kính[85] các bậc Phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo đáp rằng:

– Đây là việc của chúng con, Thế Tôn đừng quá lo nghĩ về điều này!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-thâm:

– Thế nào, những người mê muội, các thầy không tin lời Như Lai nói sao? Vậy nên các thầy mới bảo Như Lai chớ lo việc này. Thế thì các thầy phải tự gánh chịu báo ứng về tà kiến này.

[0626c01] Bấy giờ, Thế Tôn răn dạy các Tỳ-kheo kia:

– Quá khứ xưa kia, trong thành Xá-vệ này, có vị vua tên là Trường Thọ,[86] thông minh trí tuệ, giỏi giang mọi việc. Tuy rất giỏi về cách bày binh bố trận nhưng vương triều lại thiếu bảo vật, kho lẫm không đầy, của cải thiếu hụt, bốn bộ binh[87] cũng không nhiều, quần thần phò tá cũng lại ít ỏi.

Đương thời, ở nước Ba-la-nại, có vị vua tên là Phạm-ma-đạt, dũng mãnh kiên cường, hàng phục khắp nơi, tiền tài bảy báu thảy đều đầy kho, bốn bộ binh lại cũng không thiếu, quần thần phò tá đầy đủ.

Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt suy nghĩ: "Vua Trường Thọ này không có quần thần phò tá, cũng thiếu tài sản, không có châu báu. Nay ta nên đến chinh phạt nước này." Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt liền khởi binh chinh phạt nước kia.

Vua Trường Thọ hay tin Vua Phạm-ma-đạt dẫn [binh chủng] chinh phạt nước mình, liền lập phương kế: "Nay ta tuy không có tài sản bảy báu, quần thần phò tá, binh lính bốn bộ, còn vua kia lại có nhiều binh chủng. Dù vậy, hôm nay một mình ta cũng đủ sức tiêu diệt trăm ngàn binh chủng kia. Nhưng như vậy thì ta sẽ sát hại chúng sanh nhiều vô số kể. Ta không thể vì vinh quang một đời mà tạo tội muôn đời. Nay ta nên rời khỏi thành này, tránh sang nước khác để không xảy ra chiến tranh."

---

[84] Nguyên tác: Lục chủng chi pháp (六種之法): Sáu pháp dưỡng dục (六重養育). Ở phẩm 29 cũng trong bản kinh này ghi: Sáu pháp quý trọng (六重之法). *MĀ*. 142 gọi là 6 pháp an ủi, vỗ về (六慰劳法). *M*. 104: *Chayime,... dhammā sāraṇīyā* (sáu pháp khả niệm).

[85] Nguyên tác: Cúng dường (供養, *pujja*). Trong ngữ cảnh này nên hiểu là tôn kính.

[86] Trường Thọ (長壽, Dīghāyu).

[87] Nguyên tác: Tứ bộ chi binh (四部之兵): Tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh.

Bấy giờ, Vua Trường Thọ không báo với quần thần, âm thầm dẫn theo vương phi và một thứ phi cùng rời khỏi thành Xá-vệ, vào trong núi sâu. Lúc này, quần thần và nhân dân trong thành Xá-vệ vì không thấy Vua Trường Thọ đâu, đành sai sứ đưa tin đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt tấu trình:

"Cúi mong Đại vương hãy đến cai trị đất nước này. Nay Vua Trường Thọ không biết ở đâu."

Khi ấy, Vua Phạm-ma-đạt liền đến trị vì đất nước Ca-thi.

Bấy giờ, Vua Trường Thọ có hai vương phi đều mang thai sắp đến ngày sanh. Một vị vương phi mộng thấy sanh nở trong chốn đô thị, ngay lúc mặt trời vừa mọc, có bốn bộ binh cầm đao dài năm thước đứng vây xung quanh, chỉ sanh một mình, không người giúp đỡ. Thấy rồi, bà giật mình tỉnh giấc, đem sự việc này kể lại với Vua Trường Thọ. Vua bèn nói với vương phi:

"Chúng ta đang ở trong rừng sâu, chứ đâu phải đang ở thành Xá-vệ mà nàng bảo là sanh giữa chốn đô thị? Nay nàng muốn sanh thì phải sanh như loài nai."

Lúc ấy, phu nhân nói:

"Nếu thần thiếp không được sanh giống như vậy thì thần thiếp sẽ phải chết."

Vua Trường Thọ nghe thế, ngay trong đêm đó, liền thay đổi y phục, không dẫn theo người nào, một mình trở vào thành Xá-vệ.

[0627a05] Thuở ấy, Vua Trường Thọ có vị đại thần tên là Thiện Hoa, hai người rất quý trọng nhau. Vị này nhân có chút việc phải ra ngoài thành nên gặp Vua Trường Thọ đang đi vào thành. Đại thần Thiện Hoa nhìn sững nhà vua, rơi lệ thở than rồi đi. Lúc này, Vua Trường Thọ liền đuổi theo đại thần kia, đến chỗ khuất và căn dặn ông ấy:

"Xin khanh cẩn thận, chớ cho ai biết!"

Đại thần đáp:

"Thần sẽ y theo lời Đại vương dạy. Không biết Minh vương có chỉ dạy gì nữa không?"

Vua Trường Thọ nói:

"Nếu còn nhớ ơn xưa thì khanh nên đền đáp."

Đại thần thưa:

"Đại vương có sai bảo điều gì, thần đây sẽ lo liệu."

Vua Trường Thọ nói:

"Đêm qua, vương phi của trẫm mộng thấy sanh giữa đô thị, lại có bốn bộ binh đứng vây quanh; sanh được một thái tử rất đoan chánh. Nếu không sanh đúng như trong giấc mộng thì trong vòng bảy ngày vương phi sẽ chết."

Đại thần đáp:

"Thần có thể thu xếp việc này theo đúng như lời Đại vương dạy."

Nói xong, mỗi người đi mỗi đường.

Sau đó, đại thần liền đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt tâu:

"Tâu Đại vương, trong vòng bảy ngày nữa thần muốn điểm binh, xem quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ của Đại vương được bao nhiêu."

Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt liền lệnh cho tùy tùng:

"Hãy đốc thúc binh chủng làm theo lời của Đại thần Thiện Hoa!"

Khi ấy, chỉ trong bảy ngày, Đại thần Thiện Hoa đã tập hợp được binh chủng có mặt ở giữa đô thị Xá-vệ. Trong bảy ngày đó, vị vương phi kia cũng đã vào trong đô thị. Đại thần Thiện Hoa từ xa nhìn thấy vương phi đến, liền nói:

"Hãy đến đây, hiền nữ! Nay thật đúng lúc."

Bấy giờ, nhìn thấy bốn bộ binh, vương phi lòng vô cùng hoan hỷ, lệnh cho người hầu giăng một bức màn lớn. Đợi đến lúc mặt trời vừa lên, vương phi liền sanh một thái tử, đoan chánh vô song, hiếm có trên đời. Sau đó, vương phi bế thái tử trở về lại núi sâu. Vua Trường Thọ từ xa nhìn thấy vương phi bế hoàng nhi về, liền nói:

"Mong con sống lâu, thọ mạng vô cùng!"

Phu nhân tâu vua:

"Xin Bệ hạ đặt tên cho con trai!"

Vua liền đặt tên là Trường Sanh.[88]

Khi Thái tử Trường Sanh vừa được tám tuổi, vua cha Trường Thọ có chút việc phải vào thành Xá-vệ. Bấy giờ, có người tên là Kiếp-tỳ,[89] là cận thần trước đây của Vua Trường Thọ nhìn thấy vua đi vào thành, liền quán sát nhà vua rất kỹ từ đầu đến chân. Sau đó, Kiếp-tỳ vội đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt tâu:

"Tâu Đại vương! Thật là khinh suất, Vua Trường Thọ hiện nay đang ở trong thành này."

Vua Phạm-ma-đạt liền nổi giận, sai người hầu cận nhanh chóng tìm bắt Vua Trường Thọ.

[0627b06] Bấy giờ, các đại thần thân cận dẫn Kiếp-tỳ đi theo, truy lùng khắp nơi. Khi Kiếp-tỳ từ xa trông thấy Vua Trường Thọ, liền chỉ tay và nói với các đại thần:

"Đó chính là Vua Trường Thọ."

Họ liền đến bắt vua, dẫn đến trước Vua Phạm-ma-đạt, rồi tâu:

"Đại vương, người này chính là Vua Trường Thọ."

Bấy giờ, nhân dân trong nước thảy đều nghe tin Vua Trường Thọ đã bị bắt. Vương phi cũng được tin Vua Trường Thọ đã bị Phạm-ma-đạt bắt giữ, liền

---

[88] Trường Sanh (長生, Dīghāyu).

[89] Kiếp-tỳ (劫比). Xem chú thích 25, phẩm Tựa, tr. 11; *Tự phẩm* 序品 (*T*.02. 0125.1. 0549b09).

nghĩ: "Nay ta sống để làm gì? Thà chết cùng lúc với Đại vương." Thế rồi vương phi dẫn thái tử đi vào thành Xá-vệ, sau đó nói với thái tử:

"Nay con hãy tự đi tìm nơi để sinh sống."

Thái tử Trường Sanh nghe xong, im lặng không nói gì. Thế rồi vương phi một mình đi thẳng đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt. Từ xa nhìn thấy vương phi đến, Vua Phạm-ma-đạt vui mừng phấn khởi không kiềm chế được, lập tức lệnh cho đại thần dẫn vương phi và Vua Trường Thọ đưa đến ngã tư đường để phân thây thành bốn mảnh. Các đại thần tuân theo lệnh vua, trói ngược Vua Trường Thọ và vương phi rồi dẫn đi vòng quanh thành Xá-vệ để muôn dân đều nhìn thấy. Bấy giờ, hết thảy dân chúng đều rất đau lòng.

Khi ấy, Thái tử Trường Sanh cũng ở trong đám đông, thấy cha mẹ bị đem đến chợ để giết, cố giữ sắc mặt không đổi. Vua Trường Thọ ngoái lại căn dặn Trường Sanh:

"Con chớ nhìn xa, cũng chớ trông gần!"[90]

Rồi vua nói kệ:

Báo oán, oán chồng chất, Là định luật ngàn thu,
Không thù thắng hận thù, Là đạo lý bất hủ.

Lúc đó, các đại thần bảo nhau:

"Vua Trường Thọ này mê loạn quá rồi, Thái tử Trường Sanh là ai, sao lại trước mặt chúng ta mà nói bài kệ này?"

Vua Trường Thọ nói với quần thần:

"Ta không hề mê loạn. Chỉ có bậc trí ở trong chúng đây mới hiểu lời ta nói. Các vị nên biết, chỉ cần sức lực một mình ta cũng đủ tiêu diệt hàng trăm vạn người. Nhưng ta lại nghĩ: 'Số người bị giết chết thật không thể tính kể. Không nên chỉ vì một mình ta mà nhiều đời sau phải chịu tội.' Oán thù không thể được lắng dịu bởi oán thù, định luật này đã có từ ngàn xưa; không oán thù mới có thể chiến thắng oán thù, đạo lý này là bất hủ."[91]

[0627c03] Thế rồi quần thần đem Vua Trường Thọ và vương phi đến ngã tư đường phân thây thành bốn mảnh, sau đó bỏ đi. Thái tử Trường Sanh chờ đến chiều tối, thâu gom cây cỏ để hỏa táng cha mẹ rồi rời đi.

Lúc đó, Vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, xa thấy một cậu bé hỏa táng Vua Trường Thọ và vương phi, liền lệnh cho người hầu cận:

---

[90] Nguyên tác: Nhữ mạc kiến trường, diệc mạc kiến đoản (汝莫見長, 亦莫見短). Mệnh đề này tương tự như văn Pāli trong *Mahāvagga*: *Mā kho tvaṃ, tāta dīghāvu, dīghaṃ passa, mā rassaṃ* (Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần), Indacanda dịch. Cú ngữ này hàm nghĩa "đừng mong mỏi báo thù cho cha mẹ."

[91] Nguyên tác: 怨怨不休息, 自古有此法, 無怨能勝怨, 此法終不朽. Tham chiếu: *Mahāvagga*: *Na hi, tāta dīghāvu, verena verā sammanti; averena hi, tāta dīghāvu, verā sammantī'ti* (Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu), Indacanda dịch.

"Đây nhất định là thân quyến của Vua Trường Thọ. Các khanh hãy mau bắt về đây."

Các quần thần liền đến nơi đó, nhưng chưa đến kịp thì cậu bé đã chạy trốn.

Thái tử Trường Sanh suy nghĩ: "Vua Phạm-ma-đạt này đã giết cha mẹ ta, lại ở trong nước của ta. Nay ta phải báo thù cho cha mẹ." Thế rồi thái tử liền tìm đến chỗ thầy dạy đàn và nói:

"Nay con muốn học đánh đàn."

Thầy dạy đàn hỏi:

"Con họ gì? Cha mẹ đâu?"

Cậu bé đáp:

"Con không còn cha mẹ. Con vốn ở trong thành Xá-vệ này. Cha mẹ đã mất sớm."

Thầy dạy đàn bảo:

"Con muốn học thì học."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Thái tử Trường Sanh học đánh đàn và ca hát. Thái tử Trường Sanh vốn có bẩm chất thông minh nên học chưa được vài ngày mà đã có thể đánh đàn, ca hát và thành thạo mọi thứ.

Bấy giờ, Thái tử Trường Sanh ôm đàn đến gần cung Vua Phạm-ma-đạt, ngồi trong chuồng voi, đợi lúc vắng người, một mình đánh đàn và cất tiếng hát trong trẻo. Khi ấy, Vua Phạm-ma-đạt đang ngồi trên lầu cao nghe tiếng đàn ca, liền hỏi người hầu:

"Người nào ở trong chuồng voi, đánh đàn ca hát tự vui một mình vậy?"

Người hầu tâu:

"Trong thành Xá-vệ này có một cậu bé thường một mình đánh đàn ca hát tự vui."

Vua liền bảo thị vệ:

"Ngươi hãy bảo cậu bé ấy đến đây vui chơi. Trẫm muốn gặp nó."

Thị vệ theo lời vua, liền đi gọi cậu bé này đến chỗ vua. Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt hỏi cậu bé:

"Đêm qua, ngươi đàn trong chuồng voi phải không?"

Cậu bé đáp:

"Đúng vậy, tâu Đại vương!"

Phạm-ma-đạt lại hỏi:

"Nay ngươi hãy ở bên cạnh ta mà đánh đàn ca hát. Ta sẽ cung cấp quần áo, đồ ăn thức uống cho ngươi."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, Thái tử Trường Sanh ở trước Phạm-ma-đạt đánh đàn ca hát, âm thanh rất tuyệt diệu. Vua Phạm-ma-đạt nghe tiếng đàn này lòng rất hoan hỷ, liền bảo Thái tử Trường Sanh:

"Ngươi hãy giữ kho châu báu giúp ta."

Thái tử Trường Sanh tuân theo lệnh vua, trông giữ kho châu báu chưa từng thất thoát; lại thường thuận theo ý vua, mỉm cười trước khi nói, luôn thấu hiểu lòng vua. Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt lại truyền lệnh:

"Tốt lắm, tốt lắm! Ngươi là người rất thông minh. Nay trẫm cho phép ngươi vào nội cung. Ngươi hãy khéo lo liệu!"

Thái tử Trường Sanh ở trong nội cung, đem tiếng đàn dạy cho các cung nữ, cũng dạy thêm kỹ thuật cỡi voi, cỡi ngựa, không việc gì không biết.

[0628a08] Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt muốn ra khỏi cung dạo chơi ngắm cảnh, vui thú dục lạc, liền sai Thái tử Trường Sanh nhanh chóng chuẩn bị cỗ xe gắn lông chim quý. Thái tử Trường Sanh tuân theo lệnh vua, chuẩn bị cỗ xe gắn lông chim quý, trang bị yên cương, dây cương bằng vàng bạc xong, sau đó đến tâu vua:

"Tâu Bệ hạ, xe đã chuẩn bị xong và cũng đã đúng thời."

Vua Phạm-ma-đạt ngự cỗ xe có gắn lông chim quý, lệnh cho Thái tử Trường Sanh điều khiển, dẫn theo bốn bộ binh chủng.

Lúc này, Thái tử Trường Sanh điều khiển xe dẫn đường, thường giữ khoảng cách xa với quân binh. Khi ấy, Vua Phạm-ma-đạt hỏi Thái tử Trường Sanh:

"Hiện tại quân lính đang ở đâu?"

Trường Sanh tâu:

"Thần cũng không rõ quân lính hiện đang ở đâu, thưa Bệ hạ!"

Vua liền bảo:

"Hãy dừng xe lại. Thân ta mệt lả, muốn nghỉ ngơi một chút."

Thái tử Trường Sanh liền cho xe dừng lại để vua nghỉ ngơi, trong khi đó thì quân lính vẫn chưa đến.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Vua Phạm-ma-đạt kê đầu lên bắp vế Thái tử Trường Sanh rồi ngủ say. Thái tử Trường Sanh nhìn thấy vua ngủ, liền nghĩ: "Ông vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã giết chết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước của ta. Lúc này mà ta không báo thù thì đợi đến lúc nào nữa? Nay ta phải lấy mạng ông ấy." Thái tử Trường Sanh tay phải rút kiếm, tay trái tóm tóc vua, nhưng suy nghĩ lại: "Lúc cha ta sắp lâm chung đã căn dặn ta: 'Trường Sanh nên biết, con chớ nhìn xa, cũng chớ trông gần.'

Rồi còn nói kệ:

Báo oán, oán chồng chất, Là định luật ngàn thu,
Không thù thắng hận thù, Là đạo lý bất hủ.

Nay ta nên buông bỏ oán thù này."

Thế rồi, thái tử tra kiếm vào vỏ. Làm như vậy đến ba lần. Thái tử lại suy nghĩ: "Ông vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã giết chết cha mẹ ta, lại còn ở

trên đất nước của ta. Lúc này mà ta không báo thù thì đợi đến lúc nào nữa? Nay ta phải lấy mạng ông ấy, mới gọi là báo thù." Rồi thái tử lại nhớ đến lời vua cha dặn: '"Trường Sanh, con chớ nhìn xa, cũng chớ trông gần.' Phụ vương còn dạy:

Báo oán, oán chồng chất, Là định luật ngàn thu,
Không thù thắng hận thù, Là đạo lý bất hủ.

Ta nên buông bỏ oán thù này."

Thế rồi, thái tử tra kiếm vào vỏ.

[0628b07] Trong khi ấy, Vua Phạm-ma-đạt mộng thấy Thái tử Trường Sanh con trai Vua Trường Thọ muốn giết mình nên sợ hãi giật mình tỉnh giấc. Thấy vậy, Thái tử Trường Sanh hỏi:

"Đại vương! Cớ sao sợ hãi giật mình như vậy?"

Vua Phạm-ma-đạt nói:

"Lúc trẫm ngủ say, mộng thấy con trai Vua Trường Thọ là Thái tử Trường Sanh rút kiếm muốn giết trẫm. Vì thế nên trẫm hoảng sợ!"

Bấy giờ, Thái tử Trường Sanh suy nghĩ: "Nay ông vua này đã biết ta là Thái tử Trường Sanh." Nên thái tử liền tay phải rút kiếm, tay trái nắm tóc vua mà nói:

"Tôi chính là Thái tử Trường Sanh, con Vua Trường Thọ đây! Ông là kẻ thù lớn nhất của tôi, đã giết cha mẹ tôi, lại còn ở trên đất nước của tôi. Nay tôi không báo thù thì đợi đến lúc nào?"

Vua Phạm-ma-đạt liền nhìn Trường Sanh mà nói:

"Nay mạng của ta ở trong tay khanh, xin khanh rủ lòng tha ta toàn mạng!"

Trường Sanh đáp:

"Tôi có thể để Đại vương sống, nhưng sợ là Đại vương không để tôi toàn mạng!"

Vua hứa với Trường Sanh:

"Xin hãy tha mạng, ta sẽ không bao giờ giết khanh!"

Bấy giờ, Thái tử Trường Sanh và vua cùng thề: "Cùng tha mạng cho nhau, không bao giờ hại nhau."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, Thái tử Trường Sanh liền tha mạng cho vua. Lúc đó, Vua Phạm-ma-đạt nói với Thái tử Trường Sanh:

"Xin Thái tử hãy cùng ta sửa soạn cỗ xe để trở về nước!"

Bấy giờ, thái tử liền chuẩn bị cỗ xe gắn lông chim quý, rồi cả hai cùng ngồi xe đi thẳng về thành Xá-vệ. Vua Phạm-ma-đạt liền tập hợp quần thần lại và hỏi:

"Nếu các khanh gặp con trai Vua Trường Thọ, các khanh sẽ làm gì?"

Trong đó, có người thì nói: "Sẽ chặt chân tay", có người lại bảo: "Sẽ phân thân làm ba đoạn", hoặc có người đề nghị: "Nên giết chết."

Lúc đó, Thái tử Trường Sanh ngồi bên cạnh vua, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, tư duy về những lời này. Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt đích thân cầm tay thái tử, rồi nói với quần thần:

"Đây là Thái tử Trường Sanh, con trai Vua Trường Thọ chính là người này. Các khanh không được nói những lời như vậy. Vì sao? Vì Thái tử Trường Sanh đã tha mạng cho ta. Ta cũng tha mạng cho người này."

Quần thần nghe xong đều khen ngợi là việc chưa từng có:

"Đức vua và thái tử này thật là kỳ đặc, thật là hiếm có vì có thể đứng trước oán thù mà không báo thù."

[0628c06] Lúc đó, Vua Phạm-ma-đạt hỏi Trường Sanh:

"Lẽ ra khanh giết ta, nhưng do đâu mà lại tha mạng cho ta? Có nhân duyên gì? Nay trẫm muốn nghe."

Trường Sanh đáp:

"Đại vương hãy lắng nghe! Khi phụ vương tôi sắp băng hà đã căn dặn tôi: 'Trường Sanh, con chớ nhìn xa, cũng chớ trông gần.' Phụ vương còn dạy:

Báo oán, oán chồng chất, Là định luật ngàn thu,
Không thù thắng hận thù, Là đạo lý bất hủ.

Khi các đại thần nghe phụ vương tôi nói như vậy, liền bảo nhau: 'Vua Trường Thọ này mê loạn quá rồi, nói nhiều quá vậy, Trường Sanh là ai?' Vua Trường Thọ liền nói với quần thần: 'Các vị nên biết, chỉ có người trí trong đây mới hiểu lời ta nói.' Vì nhớ lại những lời này của phụ vương nên tôi mới tha mạng cho Đại vương."

Vua Phạm-ma-đạt nghe xong, khen ngợi:

"Khanh thật là người kỳ đặc và hiếm có thì mới có thể vâng giữ lời căn dặn của người cha đã mất, không hề làm trái."

Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt nói với thái tử:

"Nghĩa lý những lời khanh nói, trẫm vẫn chưa hiểu. Nay khanh hãy nói tường tận nghĩa này để trẫm được thông suốt!"

Thái tử Trường Sanh đáp:

"Đại vương, hãy lắng nghe! Tôi sẽ nói rõ: Nếu Vua Phạm-ma-đạt bắt giết Vua Trường Thọ thì quần thần thân tín Vua Trường Thọ lại bắt giết Vua Phạm-ma-đạt, rồi sau đó quần thần thân tín của Vua Phạm-ma-đạt sẽ lại bắt giết quần thần thân tín của Vua Trường Thọ. Như vậy gọi là báo thù thì oán thù không bao giờ dứt. Muốn dứt oán thù thì chỉ có cách là không báo thù. Vì tôi đã thấu rõ nghĩa này, cho nên không giết Đại vương."

Vua nghe xong, vui mừng phấn khởi không kiềm chế được, tự nghĩ: "Vị thái tử này rất là thông minh mới có thể giảng rộng nghĩa này."

Khi đó, Vua Phạm-ma-đạt liền hướng về thái tử hối lỗi:

"Là tội lỗi của ta, đã bắt giết Vua Trường Thọ."

Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt liền cởi vương miện trao cho Thái tử Trường Sanh đội lên, sau đó gả công chúa và giao nước Xá-vệ cùng nhân dân lại cho Trường Sanh thống lãnh, còn mình trở về cai trị đất nước Ba-la-nại.

[0629a01] Tỳ-kheo nên biết, thuở xưa các vị vua đã tuân theo pháp thường này. Tuy có sự tranh giành đất nước nhưng vẫn biết nhẫn nhịn nhau chứ không gây tổn hại lẫn nhau. Vậy mà, Tỳ-kheo các thầy đã xuất gia học đạo vì lòng tin kiên cố, xả bỏ tham dục, sân hận, ngu si thì lại tranh cãi không hòa thuận nhau, không ai nhịn ai, không chịu hối cải. Này các Tỳ-kheo! Hãy y theo câu chuyện này để biết rằng đấu tranh chẳng phải là điều nên làm; cùng học một thầy thì phải như nước hòa với sữa, chớ tranh cãi nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

Không tranh cũng không cãi, Lòng từ thương vạn loại,
Không oán ghét một ai, Điều Như Lai khen ngợi.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Cần phải tu hạnh nhẫn nhục.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Câu-thâm bạch đức Thế Tôn:

– Nguyện xin Thế Tôn chớ lo việc này. Chúng con sẽ tự phân giải. Thế Tôn tuy có lời chỉ dạy này nhưng sự việc không phải như vậy.

Khi ấy, Thế Tôn liền bỏ đi đến nước Bạt-kỳ.

Bấy giờ, trong nước Bạt-kỳ có ba vị thiện nam là A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la.[92] Những thiện nam này giao ước với nhau: "Vị nào ra ngoài đi khất thực thì vị ở lại phải rưới nước, quét dọn sạch sẽ, làm hết mọi việc. Vị đi khất thực về sẽ chia phần thức ăn cho. Đủ dùng thì tốt, không đủ thì san sẻ với nhau. Nếu có thức ăn dư thì sớt vào đồ đựng thức ăn, rồi để đó mà đi. Vị đi khất thực trở về sau cùng nếu có thức ăn đủ dùng thì tốt, nếu không đủ thì tự tay lấy thức ăn trong đồ đựng kia sớt vào bát mình mà dùng, kế đó mang bình nước cất vào một nơi. Mỗi ngày phải quét dọn phòng ốc, nhà cửa, rồi ở nơi yên vắng, giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, buộc niệm trước mặt, tư duy Diệu pháp, mỗi người tự giữ im lặng, không nói chuyện với nhau."

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật tư duy quán tưởng dục là bất tịnh,[93] tâm được ly sanh hỷ, lạc,[94] nên an trú vào Thiền thứ nhất. Lúc đó, Nan-đề và Kim-tỳ-la

---

[92] A-na-luật (阿那律, Anuruddha), Nan-đề (難提, Nandiya), Kim-tỳ-la (金毘羅, Kimbila): Ba vương tử họ Thích.

[93] Dục bất tịnh tưởng (欲不淨想): Quán tưởng dục là bất tịnh, còn gọi là "quán bất tịnh" (不淨觀, *asubhānupassanā*).

[94] Nguyên tác: Niệm trì hỷ an (念持喜安). Cũng ở kinh này, phẩm "Bất đãi" thứ 11 ghi: Hữu ỷ niệm lạc (有猗念樂); phẩm "An-ban" thứ 17 và phẩm "Thanh văn" thứ 28 ghi: Niệm trì hỷ an (念持喜安). Trong khi đó, *Trường A-hàm*, *Trung A-hàm* và *Tạp A-hàm* đều ghi: Ly sanh hỷ, lạc (離生喜, 樂).

biết được tâm niệm của A-na-luật nên cũng tư duy quán tưởng dục là bất tịnh, tâm được hỷ, lạc, nên an trú vào Thiền thứ nhất. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy và an trú vào Thiền thứ hai, Thiền thứ ba và Thiền thứ tư thì Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng tư duy và an trú vào Thiền thứ hai, Thiền thứ ba và Thiền thứ tư. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy để an trú vào Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy và an trú vào Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy và an trú vào Diệt tận định, bấy giờ Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy và an trú vào Diệt tận định. Các pháp như thế, các Hiền giả tư duy pháp này.

[0629b05] Bấy giờ, Thế Tôn đến vườn Sư Tử,[95] lúc đó người giữ vườn từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền thưa:

– Sa-môn, chớ có vào trong vườn! Vì sao vậy? Vì trong vườn này có ba vị thiện nam tên là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la đang tịnh tu, cho nên cẩn thận chớ gây phiền nhiễu.

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật dùng thiên nhãn thanh tịnh và Thiên nhĩ thông, nghe người giữ vườn nói với Thế Tôn như vậy, không cho Thế Tôn vào vườn. Tôn giả A-na-luật liền đi ra bảo người giữ vườn:

– Đừng ngăn cản! Nay Thế Tôn muốn đến thăm nơi này.

Thế rồi, Tôn giả A-na-luật liền đi vào báo với Tôn giả Kim-tỳ-la:

– Nhanh lên, Thế Tôn hiện đang ở ngoài cổng vườn.

Bấy giờ, cả ba Tôn giả liền xuất định, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên và mỗi vị tự thưa:

– Lành thay, Thế Tôn đã đến!

Tôn giả A-na-luật đón lấy bình bát của Thế Tôn, Tôn giả Nan-đề trải chỗ ngồi, còn Tôn giả Kim-tỳ-la thì lấy nước cho Thế Tôn rửa chân.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả A-na-luật:

– Ba thầy ở đây sống hòa hợp với nhau, không khởi niệm khác, khất thực như ý chứ?

A-na-luật thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn! Việc khất thực không gì khó nhọc. Vì sao vậy? Vì lúc con tư duy Thiền thứ nhất thì Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng tư duy Thiền thứ nhất. Nếu con tư duy Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Diệt tận định thì khi ấy Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng tư duy Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không xứ,

---

[95] Nguyên tác: Sư Tử quốc (師子國). Có lẽ là tên khu vườn chứ không phải tên nước. Theo ngữ cảnh dưới nên hiểu đây là một khu vườn. Có lẽ chữ viên (園) bị ghi nhầm thành chữ quốc (國). Theo các bản Tống, Nguyên, Minh ghi là viên (園), nên ở đây chọn chữ "viên" để đúng với ngữ cảnh.

Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Diệt tận định. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con tư duy về pháp này.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, lành thay, A-na-luật! Vào lúc đó các thầy có đạt pháp thượng nhân chứ?

A-na-luật thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn, chúng con đạt được pháp thượng nhân!

Thế Tôn bảo:

– Thế nào là pháp thượng nhân?

A-na-luật thưa:

– Có pháp vi diệu này vượt hơn cả pháp thượng nhân. Chẳng hạn như chúng con đem tâm từ trải đầy khắp một phương; hai phương, ba phương, bốn phương cũng lại như vậy; bốn phương phụ và phương trên, phương dưới cũng lại như vậy; trong tất cả, mỗi mỗi đều rải tâm từ trải đầy khắp trong đó, không có hạn lượng, không thể tính hết để tự an trú. Hoặc chúng con lại đem tâm bi, tâm hỷ, tâm trải đầy khắp một phương; hai phương, ba phương, bốn phương cũng lại như vậy; bốn phương phụ và phương trên, phương dưới cũng lại như vậy để tự an trú. Bạch Thế Tôn, đó gọi là chúng con lại được pháp thượng nhân này.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la nói với Tôn giả A-na-luật:

– Chúng tôi chưa từng đến hỏi Tôn giả nghĩa này, sao nay Tôn giả ở trước Thế Tôn lại tự nói ra vậy?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Các Hiền giả đúng là chưa từng đến hỏi tôi nghĩa này, nhưng chư thiên đã đến chỗ tôi để hỏi, cho nên tôi ở trước Thế Tôn nói như vậy. Lại nữa, lâu nay tôi đã rõ tâm ý của các Hiền giả, biết các Hiền giả đã đạt được tam-muội này, cho nên trước Thế Tôn tôi nói lời này.

Bấy giờ, trong lúc đang nói pháp này thì có Đại tướng Trường Thọ đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ chân Phật rồi ngồi qua một bên. Sau đó, Đại tướng Trường Thọ bạch Thế Tôn:

– Hôm nay, phải chăng Thế Tôn vì các Tỳ-kheo này mà thuyết pháp?

Lúc ấy, Thế Tôn đem sự việc trên kể lại tường tận cho Đại tướng Trường Thọ. Khi đó, đại tướng bạch Thế Tôn:

– Nước lớn Bạt-kỳ sắp được lợi ích lớn, vì có ba vị thiện nam là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la này du hóa.

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, đại tướng, như lời ông nói, nước lớn Bạt-kỳ sắp nhận được lợi ích tốt lành. Chẳng những nước lớn Bạt-kỳ mà nước lớn Ma-kiệt cũng được lợi

ích tốt lành vì có ba vị thiện nam này. Nếu như người dân trong nước Ma-kiệt nhớ nghĩ đến ba vị thiện nam này thì sẽ được an ổn lâu dài. Đại tướng nên biết, nếu huyện, ấp, hay thành thị nào có ba vị thiện nam này thì người dân ở trong thành thị đó sẽ được an ổn lâu dài. Gia đình nào sanh ra ba vị thiện nam này cũng được lợi ích lớn, vì đã sanh ra những bậc thượng tôn này. Nếu năm dòng họ thân tộc cha mẹ biết nhớ nghĩ đến ba Tôn giả này thì cũng được lợi lớn. Hoặc trời, rồng, quỷ thần nhớ nghĩ đến ba vị thiện nam này thì cũng được lợi lớn. Nếu người nào khen ngợi bậc A-la-hán thì cũng nên khen ngợi ba vị này. Nếu có người khen ngợi người không tham dục, không ngu si, không sân hận thì cũng nên khen ngợi ba vị này. Nếu người nào khen ngợi người ruộng phước này thì cũng nên khen ngợi ba vị này. Như Ta ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp tu tập tinh cần, thành tựu đạo Vô thượng, vì muốn giúp cho ba vị đây thành tựu nghĩa pháp này. Thế nên, đại tướng, cần phải khởi tâm hoan hỷ đối với ba vị thiện nam đây. Thật vậy, đại tướng! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, nghe Thế Tôn dạy xong thì đại tướng hoan hỷ phụng hành.

***

9. BA KIẾT SỬ[96]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba kiết sử trói buộc, khiến chúng sanh không thể từ bờ này đến bờ kia được. Là ba kiết nào? Đó là thân tà, giới đạo và nghi.[97]

Thế nào gọi là thân tà? Nghĩa là chấp thân có ngã, rồi khởi tưởng phân biệt có ngã, có chúng sanh, có mạng, có thọ, có nhân, có tự ngã,[98] có nhân duyên, có dính mắc. Đó gọi là sự trói buộc bởi thân tà.

Thế nào là giới đạo kiết? Cho rằng ta do giới này mà sanh vào gia đình vọng tộc, sanh trong nhà trưởng giả, sanh vào gia đình Bà-la-môn, hoặc sanh lên trời hay trong các thần. Đó gọi là sự trói buộc bởi giới đạo.

Thế nào là nghi kiết? Nghĩa là hồ nghi có ngã chăng? Vô ngã chăng? Có sanh chăng? Không sanh chăng? Có ngã, nhân, thọ, mạng chăng? Hay là không ngã, không nhân, không thọ, không mạng? Có cha mẹ chăng? Hay không có cha

---

[96] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.24.9. 0630a07).

[97] Thân tà (身邪), giới đạo (戒盜), nghi (疑) còn gọi là thân kiến (身見, *sakkāyadiṭṭhi*), giới thủ (戒取, *sīlabbataparāmāsa*) và nghi (疑, *vicikicchā*); hoặc còn gọi là hữu thân kiến (有身見), giới cấm thủ (戒禁取) và nghi (疑).

[98] Nguyên tác: Sĩ phu (士夫, *purisa*): Quan điểm chấp thường của ngoại đạo cho rằng có một linh hồn tồn tại bất biến. Các danh từ như "ngô ngã, chúng sanh, hữu mạng, hữu thọ, hữu nhân, hữu sĩ phu" (吾我, 眾生, 有命, 有壽, 有人, 有士夫) đều chỉ cho tính chất của một tự ngã, một linh hồn mà các ngoại đạo chấp là thường hằng.

mẹ? Có đời này đời sau chăng? Hay không đời này đời sau? Có Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Hay không Sa-môn, Bà-la-môn? Thế gian có A-la-hán chăng? Hay thế gian không có A-la-hán? Có người chứng đắc chăng? Hay không [có] người chứng đắc? Đó gọi là sự trói buộc bởi nghi ngờ.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, có ba kiết này trói buộc chúng sanh, khiến không thể từ bờ này đến được bờ bên kia. Giống như hai con bò có chung một ách, mãi không thể rời nhau. Chúng sanh cũng như vậy, bị ba kiết trói buộc, không thể từ bờ này đến được bờ kia.

Thế nào là bờ này? Thế nào là bờ kia? Bờ này chính là thân tà; bờ kia chính là thân tà đã diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ba kiết trói buộc chúng sanh, khiến không thể từ bờ này đến được bờ kia.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Cần phải tìm cách diệt trừ ba kiết này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. BA LOẠI TAM-MUỘI[99]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba loại tam-muội. Đó là Không tam-muội,[100] Vô tướng[101] tam-muội, Vô nguyện[102] tam-muội.

Thế nào là Không tam-muội? Không nghĩa là quán tất cả các pháp đều rỗng không, hư giả. Đó gọi là Không tam-muội.

Thế nào là Vô tướng tam-muội? Vô tướng nghĩa là tất cả các pháp đều không có tướng gì để nhớ nghĩ, cũng không thể thấy được. Đó gọi là Vô tướng tam-muội.

Thế nào là Vô nguyện tam-muội? Vô nguyện nghĩa là không mong cầu đối với tất cả các pháp. Đó gọi là Vô nguyện tam-muội.

Như thế, này các Tỳ-kheo, ai không đạt được ba tam-muội này thì ở mãi trong sanh tử, không thể tự giác ngộ.

---

[99] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.24.10. 0630b02). Tham chiếu: *A*. 3.182/352 - I. 299.

[100] Không tam-muội (空三昧, *Suññata samādhi*).

[101] Nguyên tác: Vô tưởng (無想, *Animitta*). Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Vô tướng (無相). *Trường A-hàm* cũng ghi: Vô tướng (無相).

[102] Vô nguyện (無願, *Appaṇihita*).

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện đạt được tam-muội này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, nghe Phật dạy xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[103]

Tràng, Tỳ-sa, Pháp vương, Cù-mặc, Thần túc hóa,
Trai giới, Hiện tại tiền, Trường Thọ, Kiết, Tam-muội.

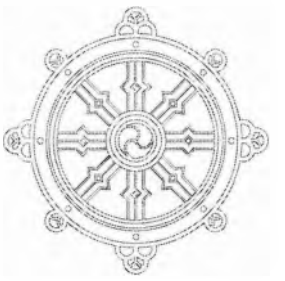

[103] Nguyên tác Nhiếp tụng: 幢, 毘沙, 法王; 瞿默, 神足化; 齋戒, 現在前; 長壽, 結, 三昧. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 16.

25. PHẨM BỐN CHÂN LÝ[1]

1. BỐN CHÂN LÝ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tu tập pháp bốn chân lý.[3] Là bốn chân lý nào? Một là, chân lý về sự khổ, nghĩa này không thể tận, nghĩa này không thể cùng, thuyết pháp cũng không cùng tận. Hai là, chân lý về nguyên nhân của khổ, nghĩa này không thể tận, nghĩa này không thể cùng, thuyết pháp cũng không cùng tận. Ba là, chân lý về khổ diệt, nghĩa này không thể tận, nghĩa này không thể cùng, thuyết pháp cũng không cùng tận. Bốn là, chân lý về con đường đưa đến khổ diệt, nghĩa này không thể tận, nghĩa này không thể cùng, thuyết pháp cũng không cùng tận.

Thế nào là chân lý về sự khổ? Nghĩa là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo lắng buồn phiền khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, thương yêu mà chia lìa là khổ, điều mình mong cầu mà không được cũng khổ. Nói tóm lại, năm thủ uẩn[4] là khổ. Đó gọi là chân lý về sự khổ.

Thế nào là chân lý về nguyên nhân của khổ? Nghĩa là khát ái tương ưng với dục, tâm thường đắm nhiễm. Đó gọi là chân lý về nguyên nhân của khổ.

Thế nào là chân lý về khổ diệt? Nghĩa là ái dục đã dứt sạch không còn sót lại, cũng không sanh khởi nữa. Đó gọi là chân lý về khổ diệt.

Thế nào là chân lý về con đường đưa đến khổ diệt? Đó là tám đạo phẩm của Hiền thánh, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.[5] Đó gọi là chân lý về con đường đưa đến khổ diệt.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, bốn chân lý này thật sự tồn tại, không hư dối, được Thế Tôn nói ra, cho nên gọi là chân lý. Trong các loài chúng sanh, từ loài hai chân, ba chân, bốn chân, cho đến nhiều chân; ở cõi dục, cõi sắc hoặc cõi vô

---

[1] Nguyên tác: *Tứ đế phẩm* 四諦品 (*T*.02. 0125.25. 0631a06).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.1. 0631a07). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.403. 0108a04); *S*. 56.21 - V. 431.

[3] Nguyên tác: Tứ đế (四諦). *Tạp A-hàm* viết: Tứ Thánh đế (四聖諦, *Cattāri Ariyasaccāni*).

[4] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm (五盛陰).

[5] Nguyên tác: Chánh tam-muội (正三昧).

sắc; hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng thì Như Lai là đấng Tối Thượng, đã thành tựu bốn chân lý này, nên gọi là bốn chân lý cao thượng.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, có bốn chân lý này, do vì chúng sanh không nhận biết rõ cho nên phải ở mãi trong sanh tử, xoay chuyển trong năm đường.[6] Ngày hôm nay, Như Lai đã thấu rõ bốn chân lý này nên mới từ bờ này đến được bờ kia, thành tựu nghĩa này, đoạn trừ cội gốc sanh tử, như thật biết rằng không còn tái sanh nữa.

[0631b02] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Với bốn sự thật này, Nếu không như thật biết,
Sanh tử mãi vần xoay, Không có ngày giải thoát.
Với bốn sự thật này, Nhận biết rõ ràng rồi,
Đoạn trừ gốc sanh tử, Vòng tái sanh hết xoay.

Trong bốn bộ chúng, nếu có người nào không thấu đạt chân lý này và không thể giác tri thì sẽ rơi vào năm đường.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn chân lý này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. BỐN PHÁP LỢI ÍCH[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn pháp đem đến nhiều lợi ích cho chúng sanh. Là bốn pháp nào? Một là nên gần gũi thiện tri thức.[8] Hai là nên nghe pháp. Ba là nên biết pháp.[9] Bốn là nên thực hành pháp và tùy pháp.[10] Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp đem đến nhiều lợi ích cho chúng sanh.

---

[6] Ngũ đạo (五道): Năm con đường thọ sanh tùy theo nghiệp của mỗi chúng sanh, gồm có trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.25.2. 0631b11). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.843. 0215b15).

[8] Nguyên tác: Thân cận thiện tri thức (親近善知識, *kalyāṇamittatā*).

[9] Nguyên tác: Tri pháp (知法). Trong *Tạp.* 雜 (*T.*02.0099.843. 0215b15), thuật ngữ này được dịch là "nội chánh tư duy" (內正思惟), là cách diễn dịch khác của "như lý tác ý" (如理作意, *yoniso manasikāya*).

[10] Nguyên tác: Pháp pháp tương minh (法法相明). Trong *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.843. 0215b15), thuật ngữ này được dịch là "pháp thứ pháp hướng" (法次法向). Pāli: *Dhammānudhammappaṭipanna* (thực hành pháp và tùy pháp).

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. PHÁP HY HỮU[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Khi Như Lai thị hiện ở đời thì sẽ có bốn pháp hy hữu xuất hiện ở đời. Là bốn pháp nào? Chúng sanh này phần nhiều bị chấp trước,[12] khi Như Lai thuyết pháp không chấp trước thì họ sẽ tiếp nhận, ghi nhớ, tu tập, thực hành theo pháp đó, tâm không rời xa. Nếu Như Lai thị hiện ở đời sẽ có bốn pháp hy hữu xuất hiện ở đời. Đây là pháp hy hữu thứ nhất xuất hiện ở đời.

Lại nữa, A-nan, chúng sanh luân chuyển không dừng, ở mãi trong năm đường, nếu Như Lai muốn thuyết pháp, chúng sanh sẽ tiếp nhận, tâm không rời xa. Khi Như Lai thị hiện ở đời sẽ có pháp hy hữu thứ hai này xuất hiện ở đời.

Lại nữa, A-nan, chúng sanh thường ôm lòng kiêu mạn, không chịu từ bỏ. Nếu Như Lai thuyết pháp, chúng sanh sẽ tiếp nhận, tâm không rời xa. Lại nữa, A-nan, chúng sanh thường ôm lòng kiêu mạn, không chịu từ bỏ dù chỉ trong chốc lát, nhưng nếu Như Lai thuyết pháp, chúng sanh cũng tiếp nhận. Đây là pháp hy hữu thứ ba xuất hiện ở đời.

[0631c03] Lại nữa, A-nan, chúng sanh đây bị vô minh che đậy. Nếu Như Lai thuyết pháp về trí sáng suốt[13] thì họ cũng tiếp nhận và không quên sót. Lại nữa, này A-nan, khi Như Lai thuyết pháp về trí sáng suốt và vô minh[14] thì tâm ý chúng sanh được nhu hòa, luôn vui thích tu hành. Này A-nan, đó gọi là khi Như Lai thị hiện ở đời sẽ có pháp hy hữu thứ tư này xuất hiện ở đời.

Nếu Như Lai thị hiện ở thế gian thì sẽ có bốn pháp hy hữu này xuất hiện ở đời.

Thế nên, này A-nan! Hãy phát tâm hoan hỷ hướng về Như Lai.

---

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.3. 0631b19). Tham chiếu: *A*. 4.128 - II. 131. Vị tằng hữu pháp (未曾有法, *abbhūtadhamma*): Pháp xưa nay chưa từng có.

[12] Nguyên tác: Sở trước (所著). Tham chiếu: *A*. 4.128 - II. 131: *Ālaya* (nắm giữ, chấp trước). Tác phẩm *Thành duy thức luận* 成唯識論 (*T*.31. 1585. 0015a28) gọi là a-lại-da (阿賴耶) và xem bản kinh này là một trong những cơ sở quan trọng để hình thành thức a-lại-da.

[13] Nguyên tác: Hữu minh (有明).

[14] Nguyên tác: Hữu minh, vô minh pháp (有明, 無明法). Bản Hán quá cô đọng nên nghĩa chưa rõ. Tham chiếu: *A*. II. 131: "Khi Như Lai thuyết pháp nhiếp phục vô minh" (HT. Thích Minh Châu dịch).

Thật vậy, A-nan! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

4. GÁNH NẶNG[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói về gánh nặng, cũng sẽ nói về người mang gánh nặng, cũng sẽ nói về nguyên nhân của gánh nặng và cũng sẽ nói về việc buông gánh nặng.[16] Các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, nay Như Lai sẽ giảng nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Bấy giờ, khi các Tỳ-kheo đã vâng lời Phật, đức Thế Tôn dạy:

– Thế nào gọi là gánh nặng? Đó là năm thủ uẩn,[17] gồm sắc, thọ, tưởng, hành và thức uẩn. Đó gọi là gánh nặng.

Thế nào gọi là người mang gánh nặng? Người mang gánh đó là thân người, tên gì, họ gì, được sanh ra như vậy, ăn uống như vậy, nhận khổ vui như vậy, thọ mạng dài ngắn như vậy. Đó gọi là người mang gánh nặng.

Thế nào là nguyên nhân của gánh nặng? Ái nhiễm là nguyên nhân, cùng đi với dục, tâm không lìa bỏ. Đó gọi là nguyên nhân của gánh nặng.

Thế nào gọi là buông gánh nặng? Nghĩa là ái nhiễm đã dứt sạch, không sót lại gì, đã dứt trừ, đã nhổ bỏ. Đó gọi là buông gánh nặng.

Như vậy, này Tỳ-kheo, nay Như Lai đã nói về gánh nặng, đã nói về nguyên nhân của gánh nặng, đã nói về người mang gánh nặng, đã nói về sự buông gánh nặng. Những gì mà đấng Như Lai cần làm thì nay Như Lai đã làm xong. Các thầy nên ở dưới bóng cây, hoặc nơi yên vắng, hoặc ngồi giữa trời, thường nhớ tọa thiền, chớ có buông lung.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Hãy nhớ buông gánh nặng, Và chớ đừng tạo thêm,
Gánh nặng bệnh thế gian, Buông gánh, an lạc nhất.

---

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.25.4. 0631c11). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.73. 0019a15); *S.* 22.22 - III. 25.

[16] Trọng đảm (重擔, *bhāra*): Gánh nặng. Hà trọng đảm (荷重擔, *bhārahāra*): Mang gánh nặng. Xả trọng đảm (捨重擔, *bhāranikkhepana*): Buông gánh nặng. Theo *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận* 阿毘達磨俱舍論 (*T.*29. 1558.30. 0155a27).

[17] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm (五盛陰).

Cũng nên trừ ái kiết, Buông bỏ nghiệp chẳng lành,
Xa lìa và dứt sạch, Sẽ không còn tái sanh.

[0632a04] Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện buông bỏ gánh nặng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BỐN HÌNH THỨC THỌ SANH[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn hình thức thọ sanh. Là bốn hình thức nào? Đó là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh.

Thế nào là noãn sanh? Nghĩa là những loài được sanh ra từ trứng, như là gà, chim, quạ, bồ câu, khổng tước, rắn, cá, kiến, v.v... đều sanh ra từ trứng. Đó gọi là noãn sanh.

Thế nào gọi là thai sanh? Nghĩa là những loài được sanh ra từ bào thai, như loài người, các loài súc sanh, cho đến các loài vật hai chân. Đó gọi là thai sanh.

Thế nào gọi là thấp sanh?[19] Nghĩa là những loài được sanh ra do ẩm thấp, như các loài trùng được sanh từ trong thớ thịt bị thối rữa, các loại trùng trong nhà xí, trùng trong thây chết... đều được gọi là thấp sanh.

Thế nào gọi là hóa sanh? Nghĩa là những loài được sanh ra từ sự biến hóa, như là chư thiên, địa ngục, ngạ quỷ, hoặc người, hoặc súc sanh. Đó gọi là hóa sanh.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn hình thức thọ sanh này. Các Tỳ-kheo hãy lìa bỏ bốn hình thức thọ sanh này, phải tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bốn chân lý cao thượng!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.5. 0632a07).

[19] Nguyên tác: Nhân duyên sanh (因緣生), tức là thấp sanh.

6. KIẾT SỬ[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

– Thế gian có bốn hạng người này. Là bốn hạng nào? Một là, người có kiết sử tiềm ẩn, bên trong có kiết sử mà không như thật nhận biết. Hai là, người có kiết sử tiềm ẩn, bên trong có kiết sử và như thật nhận biết là có. Ba là, người không có kiết sử tiềm ẩn, bên trong không có kiết sử mà không như thật nhận biết là không có. Bốn là, người không có kiết sử tiềm ẩn, bên trong không có kiết sử và như thật nhận biết không có.

Các Hiền giả nên biết, hạng người thứ nhất có kiết sử tiềm ẩn, bên trong có kiết sử mà không như thật nhận biết có. Trong hai hạng người có kiết sử thì hạng người này rất thấp kém.

Hạng người thứ hai có kiết sử tiềm ẩn, bên trong có kiết sử và như thật nhận biết có. Trong hai hạng người có kiết sử thì hạng người này tối ưu hơn.

Hạng người thứ ba không có kiết sử tiềm ẩn, bên trong không có kiết sử mà không như thật nhận biết. Trong hai hạng người không có kiết sử thì hạng người này thấp kém hơn.

Hạng người thứ tư không có kiết sử tiềm ẩn, bên trong không có kiết sử và như thật nhận biết không có kiết sử. Trong hai hạng người không có kiết sử thì hạng người này tối ưu hơn.

Các Hiền giả nên biết, thế gian có bốn hạng người này.

[0632b05] Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Vì lý do gì, trong hai hạng người cùng có kiết sử tiềm ẩn, nhưng một người thì thấp kém, một người thì tối ưu? Lại vì lý do gì, trong hai [hạng] người không có kiết sử tiềm ẩn mà một người thì thấp kém, một người thì tối ưu?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Bởi vì người có kiết sử tiềm ẩn, nhưng không như thật nhận biết bên trong có kiết sử, nên người ấy suy nghĩ: "Ta hãy quán tưởng thanh tịnh." Người ấy liền tư duy quán tưởng thanh tịnh. Lúc người ấy quán tưởng thanh tịnh thì lòng dục liền sanh khởi. Khi lòng dục đã sanh khởi rồi, người ấy qua đời với lòng tham dục, sân hận, ngu si. Người ấy đã không tìm cầu phương tiện để dứt trừ lòng dục này, cho nên qua đời với lòng tham dục, sân hận và ngu si.

---

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.6. 0632a20). Tham chiếu: *Uế kinh* 穢經 (*T*.01. 0026.87. 0566a13); *Cầu dục kinh* 求欲經 (*T* 01. 0049. 0839a05); *M.* 5, *Anaṅgaṇa Sutta* (*Kinh không uế nhiễm*).

Mục-liên nên biết, giống như có người đến chợ mua được chiếc bình bằng đồng, bụi bặm bám đầy, rất là nhơ nhớp và người ấy không thường xuyên lau chùi, không thường xuyên rửa sạch nên đồ dùng kia ngày càng thêm nhơ bẩn, hoen ố. Hạng người thứ nhất này cũng giống như vậy, cáu bẩn bám theo, bên trong có kiết sử mà không như thật nhận biết, nên người ấy suy nghĩ: "Ta sẽ tư duy quán tưởng thanh tịnh." Khi đã tư duy quán tưởng thanh tịnh, người ấy liền sanh khởi lòng dục. Khi lòng dục sanh khởi, người ấy không tìm cầu phương tiện để dứt trừ lòng dục này, cho nên qua đời với lòng tham dục, sân hận và ngu si.

Hạng người thứ hai có kiết sử tiềm ẩn, nhưng như thật nhận biết bên trong có kiết sử, cho nên suy nghĩ: "Nay ta nên xả bỏ quán tưởng thanh tịnh, tư duy quán tưởng bất tịnh." Người ấy liền xả bỏ quán tưởng thanh tịnh, tư duy quán tưởng bất tịnh. Khi người ấy đã tư duy quán tưởng bất tịnh thì không sanh khởi lòng tham dục. Vị ấy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, thành tựu những gì chưa thành tựu, không còn tham dục, sân hận, ngu si. Người ấy qua đời mà không có kiết sử.

Giống như có người vào chợ mua được chiếc bình bằng đồng có dính bụi bẩn. Biết vậy nên người ấy đã thường xuyên lau chùi, tẩy rửa sạch sẽ. Hạng người thứ hai này cũng giống như vậy, có kiết sử tiềm ẩn, nhưng như thật nhận biết bên trong có kiết sử. Cho nên, người này liền dứt trừ quán tưởng thanh tịnh, tư duy quán tưởng bất tịnh. Khi tư duy quán tưởng bất tịnh, người này tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người này qua đời với tâm không còn tham dục, không còn sân hận, không còn ngu si. Này Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người có kiết sử tiềm ẩn, nhưng một người thì thấp kém, một người lại tối ưu.

[0632c03] Tôn giả Mục-liên lại hỏi:

– Lại vì lý do gì khiến cho hai hạng người không có kiết sử tiềm ẩn, nhưng một người thì thấp kém, một người lại tối ưu?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Hạng người thứ ba không có kiết sử tiềm ẩn, bên trong không có kiết sử mà không như thật nhận biết. Người ấy liền tư duy: "Ta không tìm cầu phương tiện tư duy chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng." Cho nên, người ấy qua đời với tâm bị trói buộc bởi tham dục, sân hận, ngu si. Giống như có người ra chợ mua chiếc bình đồng [không] bị dính bụi bẩn,[21] nhưng không thường xuyên lau chùi, cũng không thường xuyên tẩy rửa, hạng người thứ ba này cũng giống như vậy, không

[21] Nguyên tác: Trần cấu sở nhiễm (塵垢所染). Nếu theo nội dung kinh trong đoạn này thì phải có phủ định từ, để phù hợp với hạng người bên trong không có kiết sử (內無結). Có thể bản Hán ghi nhầm, bản dịch hiệu chú theo cơ sở vừa nêu.

có kiết sử tiềm ẩn mà không như thật nhận biết bên trong không có kiết sử, cũng không học tập tư duy: "Ta nên tìm cầu phương tiện diệt trừ các kiết sử này." Cho nên, người ấy qua đời với tâm tham dục, sân hận và ngu si.

Hạng người thứ tư không dính mắc với kiết sử, bên trong không có kiết sử và như thật nhận biết bên trong không có kiết sử. Người ấy tự tư duy, tìm cầu phương tiện để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy qua đời mà không có các kiết sử. Giống như có người ra chợ mua được đồ đồng tốt và rất tinh sạch, lại thường xuyên chăm sóc lau chùi đồ dùng ấy. Bấy giờ, đồ dùng bằng đồng kia ngày càng sạch đẹp. Hạng người thứ tư này cũng lại như vậy, không có kiết sử tiềm ẩn, bên trong không có kiết sử và như thật nhận biết bên trong không có kiết sử. Người ấy tự tư duy, tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy qua đời với tâm không còn kiết sử tham dục, sân hận và ngu si.

Này Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người không có kiết sử tiềm ẩn, nhưng một người thì cao quý, một người lại thấp kém.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thế nào gọi là kiết sử?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Mục-liên nên biết, từ các pháp xấu, bất thiện mà sanh khởi các tà kiến, đó gọi là kiết sử. Hoặc lại có người suy nghĩ: "Mong Như Lai hỏi nghĩa ta trước, sau đó mới thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, chứ không phải hỏi nghĩa các Tỳ-kheo khác trước, sau đó thuyết pháp cho các Tỳ-kheo." Nhưng lại có lúc Thế Tôn hỏi nghĩa các Tỳ-kheo khác xong, sau đó thuyết pháp, chứ không hỏi nghĩa với Tỳ-kheo kia rồi mới thuyết pháp. Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: "Như Lai không hỏi nghĩa với ta mà đã thuyết pháp cho các Tỳ-kheo." [Tỳ-kheo như vậy] là có bất thiện, có tham dục. Đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

[0633a03] Hoặc lại có lúc vị Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta phải luôn đi trước các Tỳ-kheo khác khi vào thôn khất thực, chẳng để Tỳ-kheo khác đi trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khất thực." Tuy nhiên, có lúc Tỳ-kheo khác đi trước khi vào thôn khất thực, không để Tỳ-kheo ấy đi trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khất thực. Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ: "Ta không được đi trước Tỳ-kheo khi vào thôn khất thực." [Vị Tỳ-kheo suy nghĩ như vậy] là đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

Mục-liên nên biết, hoặc có lúc vị Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta sẽ ngồi phía trước các Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước, không để Tỳ-kheo khác ngồi trước các Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước." Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo khác ngồi phía trước các Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn

trước mà không để Tỳ-kheo ấy ngồi trước các Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước. Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ: "Ta không được ngồi phía trước các Tỳ-kheo, không được nhận nước trước, không được thức ăn trước." [Vị Tỳ-kheo suy nghĩ như vậy] là đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: "Khi ta dùng cơm xong sẽ thuyết pháp cho thí chủ, không để Tỳ-kheo khác thuyết pháp cho thí chủ sau khi ăn xong." Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác thuyết pháp cho thí chủ sau khi ăn xong, chứ không để cho Tỳ-kheo ấy thuyết pháp cho thí chủ sau khi ăn xong. Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ: "Ta không được thuyết pháp cho thí chủ sau khi ăn xong." [Vị Tỳ-kheo suy nghĩ như vậy] là đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo tự nghĩ: "Ta nên đến trong vườn để thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn, chẳng để Tỳ-kheo khác vào trong vườn mà thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn." Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác đến trong vườn mà thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn, không để Tỳ-kheo ấy đến trong vườn mà thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn. Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ: "Ta không được đến trong vườn thuyết pháp cho trưởng giả, Bà-la-môn." [Vị Tỳ-kheo suy nghĩ như vậy] là đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo tự nghĩ: "Nay ta phạm giới, mong các Tỳ-kheo khác không biết ta phạm giới." Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo ấy phạm giới và bị các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ấy phạm giới. Thế là vị ấy đã có bất thiện, lại thêm tham dục, cả hai việc này đều bất thiện.

[0633b01] Hoặc có lúc Tỳ-kheo tự nghĩ: "Nay ta dù phạm giới, nhưng ta không để Tỳ-kheo khác nói ta phạm giới." Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo ấy phạm giới, đã bị Tỳ-kheo khác nói Tỳ-kheo ấy phạm giới. Thế là vị ấy đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo ấy tự nghĩ: "Nay ta phạm giới, hãy để Tỳ-kheo thanh tịnh nói lỗi ta, không để Tỳ-kheo không thanh tịnh nói lỗi của ta." Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo ấy bị Tỳ-kheo không thanh tịnh nói là Tỳ-kheo ấy đã phạm giới. Thế là vị ấy đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

Hoặc có lúc Tỳ-kheo tự nghĩ: "Nay ta phạm giới, nếu có Tỳ-kheo nào nói lỗi của ta thì nên nói ở nơi khuất kín, không [nói] ở giữa đại chúng." Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo ấy phạm giới, đã bị Tỳ-kheo khác nói tội ở giữa đại chúng, không [nói] ở nơi khuất kín. Thế là vị ấy đã có bất thiện, lại thêm tham dục nên cả hai việc này đều bất thiện.

Mục-liên nên biết, gốc của các pháp này sanh khởi các hành vi này, gọi đó là kiết sử.

Mục-liên nên biết, những người trong bốn bộ chúng mà phạm vào các việc này thì mọi người đều nghe, đều biết. Cho dù có nói: "Tôi ở chốn a-lan-nhã, sống nơi thanh vắng, khoác y năm mảnh, thường hành khất thực không chọn giàu nghèo, đi không thô tháo, đến đi, dừng ở, đứng ngồi, động tịnh, nói năng hay im lặng đều trong an tịnh." Tỳ-kheo ấy tự nghĩ: "Cầu mong Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, các vị Phạm hạnh này thường đến cung kính cúng dường ta." Tỳ-kheo ấy tuy có nghĩ vậy, nhưng bốn bộ chúng cũng không tùy thời cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy chưa dứt trừ các việc ác, bất thiện mà mọi người đều thấy nghe, đều nghĩ biết. Giống như người nọ có chiếc bình đồng rất sạch đẹp, nhưng lại đem những vật dơ bẩn chất chứa trong chiếc bình, rồi lấy đồ dùng khác phủ lên trên, sau đó mang đi khắp nước. Mọi người nhìn thấy, liền hỏi người ấy: "Anh mang vật gì vậy? Chúng tôi muốn được thấy qua." Lúc đó, mọi người đều đã đói lả nên thốt lên rằng: "Ồ! Có lẽ là thức ăn uống ngon." Thế rồi họ mở nắp đậy ra, nhưng đều nhìn thấy những đồ vật dơ bẩn. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, tuy có ở chốn a-lan-nhã, tùy thời khất thực, mặc y năm mảnh, giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, buộc niệm ở trước, nhưng vị ấy chỉ khởi ý niệm: "Mong các vị Phạm hạnh tùy thời đến cúng dường ta." Thế nhưng các vị Phạm hạnh lại không tùy thời cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy vẫn chưa diệt hết kiết sử, pháp ác, bất thiện.

[0633c02] Mục-liên nên biết, những Tỳ-kheo nào không có pháp ác, bất thiện, kiết sử đã được trừ sạch, được mọi người thấy nghe, nghĩ biết thì dù vị ấy đi lại trong thành thị cũng vẫn là người trì pháp. Nếu được người thỉnh mời, hoặc được trưởng giả cúng dường, Tỳ-kheo ấy vẫn không khởi niệm tưởng tham dục. Khi ấy, bốn bộ chúng và các vị Phạm hạnh đều đến cúng dường. Vì sao như vậy? Vì vị Tỳ-kheo ấy việc làm thanh tịnh được mọi người thấy nghe, nghĩ biết.

Giống như người nọ có chiếc bình đồng đẹp tốt, đựng đầy thức ăn uống ngon, mùi vị rất thơm, lại lấy đồ vật đậy lên, rồi mang đi khắp nước. Mọi người nhìn thấy, liền hỏi người ấy: "Đây là vật gì? Chúng tôi muốn được xem qua." Thế rồi họ mở ra xem, nhìn thấy thức ăn uống ngon, cùng nhau lấy ăn. Ở đây cũng như vậy, Tỳ-kheo được mọi người thấy nghe, được nghĩ biết, tuy đi trong thành thị, được sự cúng dường của trưởng giả nhưng vị ấy không tự nghĩ: "Mong các vị Phạm hạnh đến cúng dường ta." Tuy vậy, các vị Phạm hạnh đều đến cúng dường vị ấy. Vì sao như vậy? Vì vị Tỳ-kheo ấy đã dứt trừ sạch các việc ác, bất thiện.

Cho nên, Mục-liên! Y cứ vào các việc làm này nên gọi là kiết sử.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khen ngợi:

– Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Vì sao? Trước kia tôi ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt này. Một hôm, đến giờ tôi đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực, đến nhà một người thợ, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy,

người thợ kia đang cầm búa đẽo gỗ; lại có một người thợ già có chút việc cần nên đến nhà người thợ này. Khi người thợ kia đang sửa bản gỗ thì người thợ già này nảy sanh ý nghĩ: "Chú thợ trẻ này đẽo gỗ như ý ta không? Nay ta phải xem thử." Lúc ấy, chú thợ trẻ này đẽo bỏ hết những chỗ không vừa ý, người thợ già kia thấy vậy, lòng rất hoan hỷ, nghĩ rằng: "Hay thay, hay thay! Chú này đẽo gỗ rất vừa ý ta."

Đây cũng như vậy, có những Tỳ-kheo tâm không nhu hòa, bỏ hạnh Sa-môn, có lòng dối trá, không theo pháp Sa-môn, tánh hạnh thô tháo, không biết hổ thẹn, dương mặt chịu nhục, hành vi thấp kém, không có dũng mãnh, hoặc thường lơ đễnh, không nhớ việc làm, tâm ý không định, việc làm nhầm lẫn, các căn không định, nay các vị ấy cần được Tôn giả Xá-lợi-phất quán sát tánh hạnh để mà sửa trị.

[0634a02] Những người thiện nam vì lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo, rất cung kính giới, không bỏ pháp Sa-môn Hiền thánh, không có giả dối, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói thường mỉm cười, không mích lòng người, tâm luôn chuyên nhất, không có thị phi, các căn không loạn. Những vị ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, liền tự vâng nhận, không để quên sót.

Giống như có những người nam, người nữ xinh đẹp vô cùng, thường tự tắm gội, mặc y phục mới, dùng hương thoa thân, lại được người khác tặng thêm hoa sen. Người ấy được hoa liền đội lên đầu, vui mừng hớn hở không kiềm chế được. Ở đây cũng vậy, nếu có người thiện nam nào vì lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo, cung kính giới luật, không trái pháp Sa-môn, không có giả dối, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói luôn mỉm cười, không phiền lòng người, tâm thường chuyên nhất, không có thị phi, các căn chẳng loạn. Người ấy được nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói những lời này rồi, lòng rất vui mừng không kiềm chế được, vâng nhận lời dạy. Như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói giáo pháp này cho các vị thiện nam.

Bấy giờ, mỗi vị Hiền giả được nghe những lời dạy này rồi đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. BỐN LOẠI TRÁI CÂY[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn loại trái cây. Là bốn loại nào? Hoặc có trái sống mà tợ như chín, hoặc có trái chín mà tợ như sống, hoặc có trái chín mà tợ như chín, hoặc có trái

[22] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.25.7. 0634a17). Tham chiếu: *A*. 4.105 - II. 106.

sống mà tợ như sống. Này các Tỳ-kheo, thế gian có bốn loại trái cây này. Ở trong thế gian có bốn hạng người cũng giống như vậy. Là bốn hạng nào? Hoặc có người sống mà tợ như chín, hoặc có người chín mà tợ như sống, hoặc có người sống mà tợ như sống, hoặc có người chín mà tợ như chín.

Thế nào gọi là hạng người sống mà tợ như chín? Như có Tỳ-kheo khi đi, khi bước không chút thô tháo, ánh mắt xem nhìn luôn theo giáo pháp, đắp y, ôm bát cũng đúng theo pháp; khi bước, khi đi mắt luôn nhìn xuống, không ngó hai bên, nhưng lại phạm giới, không theo chánh hạnh; chẳng phải Sa-môn mà tợ Sa-môn, không tu Phạm hạnh mà lại tự nói mình tu Phạm hạnh; làm thương tổn và hủy hoại Chánh pháp, gốc rễ hạt giống đã bị hư hoại. Người này gọi là sống mà tợ như chín.

Thế nào là hạng người chín mà tợ như sống? Như có Tỳ-kheo tánh hạnh như kẻ quê mùa, ánh mắt nhìn ngó trông không đứng đắn, đi đứng cũng không thuận theo Chánh pháp, thường liếc ngó hai bên, nhưng vị này lại siêng năng học hỏi, tu tập pháp lành, luôn giữ giới luật, không mất oai nghi, thấy chút việc phi pháp lòng liền lo sợ. Người này gọi là chín mà tợ như sống.

[0634b04] Thế nào là hạng người sống mà tợ như sống? Như vị Tỳ-kheo không giữ giới luật, không giữ oai nghi khi đi, khi bước; cũng không biết phép tắc ra vào, tới lui; cũng lại không biết cách thức đắp y, ôm bát; các căn loạn động, tâm ý đắm nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người ấy phạm giới, không tu Chánh pháp, không phải Sa-môn mà tợ Sa-môn, không tu Phạm hạnh mà tợ Phạm hạnh, là người mà gốc rễ đã hư hoại, không thể cứu chữa. Đó gọi là hạng người sống mà tợ như sống.

Thế nào là hạng người chín mà tợ như chín? Như có Tỳ-kheo giữ gìn giới cấm, ra vào, bước đi không trái lễ tiết, nhìn ngó không mất oai nghi; lại rất tinh tấn tu hành pháp thiện, oai nghi lễ tiết thảy đều thành tựu, thấy điều phi pháp nhỏ mà tâm đã lo sợ, huống gì lỗi lớn. Đây gọi là hạng người chín mà tợ như chín.

Này các Tỳ-kheo, thế gian có bốn hạng người giống như bốn loại trái cây này. Các thầy hãy học theo hạng người chín mà tợ như chín.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. GIÓ LỐC[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.25.8. 0634c18). Tham chiếu: *S.* 17.9 - II. 231.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hôm nay, trên bầu trời có gió lốc. Nếu như có con chim nào bay đến đó, hoặc là chim ô thước, hoặc là chim hồng hộc mà gặp cơn gió này thì đầu, não, lông, cánh mỗi thứ mỗi nơi. Ở đây, vị Tỳ-kheo cũng lại như vậy, sau khi đã bỏ giới cấm và sống đời cư sĩ thì lúc ấy sáu vật tùy thân như ba y, bình bát, ống đựng kim, v.v... mỗi thứ ở mỗi nơi, giống như cơn gió lốc thổi chết loài chim kia.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tu hành Phạm hạnh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. BỐN LOẠI CHIM[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo nên biết, có bốn loài chim. Là bốn loài nào? Hoặc có loài chim tiếng hót hay mà thân hình xấu xí. Hoặc có loài chim thân hình đẹp mà tiếng hót khó nghe. Hoặc có loài chim tiếng hót khó nghe mà thân hình cũng xấu xí. Hoặc có loài chim thân hình đẹp và tiếng hót cũng hay.

[0634c02] Loài chim nào tiếng hót hay mà thân hình xấu xí? Đó là chim câu-sí-la.[25] Chim này tiếng hót hay mà thân hình xấu xí.

Loài chim nào thân hình đẹp mà tiếng hót khó nghe? Đó là chim chí.[26] Chim này có thân hình đẹp mà tiếng hót khó nghe.

Loài chim nào tiếng hót khó nghe và thân hình cũng xấu xí? Đó là chim cú. Chim này tiếng hót khó nghe và thân hình cũng xấu xí.

Loài chim nào tiếng hót hay và thân hình cũng đẹp? Đó là chim công. Chim này tiếng hót hay và thân hình cũng đẹp.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại chim này, mọi người cần phải biết rõ.

Ở đây cũng vậy, thế gian cũng có bốn hạng người giống như loài chim, mọi người cần phải biết rõ. Là bốn hạng người nào?

Hạng người có thân hình đẹp mà tiếng không hay: Như có Tỳ-kheo dung mạo đoan chánh, ra vào, đi lại, đắp y, ôm bát, co duỗi, cúi ngước đầy đủ oai nghi, nhưng lại không thể đọc tụng được những kinh pháp mà đoạn đầu thiện,

---

[24] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.9. 0634b27).

[25] Câu-sí-la (拘翅羅, kokila) cũng gọi là chim ca-lan-đà (迦蘭陀, karaṇḍaka).

[26] Nguyên tác: Chí điểu (鷙鳥), chỉ cho các loài chim dữ như diều hâu, ó...

đoạn giữa thiện, đoạn cuối cũng thiện; không thể vâng lãnh giáo pháp, cũng lại không thể khéo trì tụng kinh. Đây là hạng người có thân hình đẹp mà tiếng không hay.

Hạng người có tiếng hay nhưng thân hình xấu xí: Như có Tỳ-kheo, ra vào, đi lại, co duỗi, cúi ngước, đắp y, ôm bát không đúng oai nghi, thường nói dông dài. Nhưng vị ấy lại siêng năng trì giới, nghe pháp liền biết chỗ nào cần học; lại thêm nghe hiểu tất cả các pháp mà đoạn đầu thiện, đoạn giữa thiện, đoạn cuối cũng thiện, hiểu sâu nghĩa lý, tu tập Phạm hạnh đầy đủ; lại còn khéo thọ trì, đọc tụng pháp ấy. Đây là hạng người có tiếng hay nhưng thân hình xấu xí.

Hạng người tiếng đã khó nghe mà thân hình cũng xấu xí: Như có người phạm giới, không siêng năng tu, không chịu nghe nhiều, những gì đã nghe thì liền quên lãng. Ở trong giáo pháp này thì cần phải thực hành đầy đủ Phạm hạnh, nhưng người này không vui kham nhận và thọ trì. Đây gọi là hạng người tiếng đã khó nghe mà thân hình cũng xấu xí.

Hạng người có tiếng hay và thân hình cũng đẹp: Như có Tỳ-kheo tướng mạo đoan chánh, ra vào, đi lại, đắp y, ôm bát, không ngó hai bên; lại còn siêng năng tu tập thiện pháp, giới luật đầy đủ, thấy điều phi pháp nhỏ liền lo sợ, huống gì lỗi lớn; lại còn nghe nhiều biết rộng, ghi nhận không quên, khéo tu tất cả pháp lành mà đoạn đầu thiện, ở giữa thiện và phần cuối cũng thiện. Những pháp như vậy, vị ấy khéo thọ trì, đọc tụng. Đây gọi là hạng người có tiếng hay và thân hình cũng đẹp.

Đó gọi là thế gian có bốn hạng người này ở đời, cần phải cùng nhau nhận biết.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập hạng người có tiếng hay và thân hình cũng đẹp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. BỐN LOẠI MÂY[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn loại mây. Là bốn loại nào? Một là, có mây, có sấm mà không có mưa. Hai là, có mây, có mưa mà không có sấm. Ba là, có mây, có mưa và cũng có sấm. Bốn là, có mây, không có mưa và cũng không có sấm. Đó gọi là bốn loại mây.

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.25.10. 0635a03). Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T.*02. 150A.10. 0877b04); *A.* 4.102 - II. 103.

Thế gian cũng có bốn hạng người giống như mây. Là bốn hạng người nào? Một là, hạng Tỳ-kheo có sấm mà không mưa. Hai là, hạng Tỳ-kheo có mưa mà không có sấm. Ba là, hạng Tỳ-kheo vừa không có mưa vừa không có sấm. Bốn là, hạng Tỳ-kheo vừa có mưa vừa có sấm.

Thế nào là Tỳ-kheo có sấm mà không có mưa? Như có Tỳ-kheo lớn tiếng đọc tụng: Khế kinh,[28] Kỳ-dạ,[29] Thọ quyết,[30] Kệ,[31] Bổn mạt,[32] Nhân duyên,[33] Dĩ thuyết,[34] Sanh kinh,[35] Tụng,[36] Phương đẳng,[37] Vị tằng hữu pháp,[38] Thí dụ.[39] Những pháp như vậy vị ấy đều khéo đọc tụng, không mất nghĩa lý, nhưng lại không rộng thuyết pháp cho người khác. Đây gọi là người có sấm mà không có mưa.

Thế nào là Tỳ-kheo có mưa mà không sấm? Như có Tỳ-kheo tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đến đi, tiến dừng thảy đều đầy đủ, tu các pháp lành không sót mảy may; nhưng lại không nghe rộng hiểu nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành: Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Bổn mạt, Nhân duyên, Dĩ thuyết, Sanh kinh, Tụng, Phương đẳng, Vị tằng hữu pháp, Thí dụ. Tuy vị ấy có học tập từ người khác và không quên sót, cũng ưa gần gũi thiện tri thức, cũng thích thuyết pháp cho người khác. Đây gọi là người có mưa mà không sấm.

Thế nào là Tỳ-kheo không có mưa và cũng không có sấm? Như Tỳ-kheo tướng mạo không đoan chánh, oai nghi ra vào, đến đi, tiến dừng thảy đều thiếu sót, không tu các pháp thiện; lại còn không học rộng hiểu nhiều, cũng không

---

[28] Khế kinh (契經, *Sutta*) cũng gọi là Quán kinh (貫經), Chánh kinh (正經).

[29] Kỳ-dạ (祇夜, *Geyya*): Thể kệ lặp lại nội dung đoạn kinh trước, gọi là Trùng tụng (重頌) hoặc Ứng tụng (應頌).

[30] Thọ quyết (受決) cũng gọi là Thọ ký (受記, *Veyyākaraṇa*).

[31] Kệ (偈, *Gāthā*) cũng gọi là Kệ-tha (偈他), Già-đà (伽陀), chỉ cho thể loại kinh văn thể hiện thông qua thi kệ như *Kinh Pháp cú*, *Trưởng lão Tăng kệ*, *Trưởng lão Ni kệ*...

[32] Bổn mạt (本末) cũng gọi là Bổn sự (本事), Thiên bổn (天本). Pāli gọi là *Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*).

[33] Nhân duyên (因緣) phiên âm là Ni-đà-na (尼陀那, *Nidāna*). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.33. 0307b05), Ni-đà-na nghĩa là giáo pháp mà chư Phật nói vốn phát khởi từ nhân duyên. Do nhân duyên gì mà Phật nói về việc đó. Do có người hỏi nên nói việc này. Theo *Luật tạng*, vì có người phạm lỗi này nên đã kết giới đó. Tất cả lời dạy của đức Phật đều phát khởi từ nhân duyên nên gọi là Ni-đà-na. (尼陀那者, 說諸佛法本起因緣, 佛何因緣說此事. 有人問故說是事. 毘尼中有人犯是事, 故結是戒. 一切佛語緣起事皆名尼陀那).

[34] Dĩ thuyết (已說) cũng gọi là Tự thuyết (自說), hoặc còn gọi là Ưu-đà-na (優陀那, *Udāna*).

[35] Sanh kinh (生經) cũng gọi là Sanh xứ (生處), Bổn duyên (本緣), hoặc phiên âm là Xà-đa-già (闍多伽, *Jātaka*).

[36] Tụng (頌) còn gọi là Đại giáo kinh (大教經), là thể tài kinh điển nhằm mở rộng nghĩa lý từ những lời dạy cô đọng của đức Phật. Thể tài này còn được gọi là Quảng diễn (廣演), hoặc Luận nghị (論議, S. *Upadeśa*, 優波提舍). Do vì thể tài này thường được quảng diễn từ một đoạn kệ tụng cô đọng và ngắn gọn, nên ở đây viết tắt là Tụng (頌).

[37] Phương đẳng (方等) cũng gọi là Quảng kinh (廣經), cũng viết là Phương quảng (方廣, *Vedalla*).

[38] Vị tằng hữu pháp (未曾有法, *Abbhutadhamma*) cũng gọi là A-phù-đa-đạt-ma (阿浮多達摩, *Abbhutadhamma*), chỉ cho thể loại giáo pháp vô cùng hy hữu và bất khả tư nghì.

[39] Thí dụ (譬喻) cũng gọi là Chứng dụ kinh (證喻經), là thể tài kinh điển dùng ví dụ để chứng minh, phiên âm là A-ba-đà-na (阿波陀那, *Avadāna*).

giỏi đọc tụng, lại không tu hành: Khế kinh,... (*cho đến*) Phương đẳng,[40] cũng lại không vì người khác thuyết pháp. Đây gọi là người vừa không có mưa cũng không có sấm.

Thế nào là Tỳ-kheo vừa có mưa vừa có sấm? Như người có tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đến đi, tiến dừng thảy đều đầy đủ; ham thích học hỏi, sở học không quên, cũng thích thuyết pháp cho người khác nghe, khuyến khích người khác khiến họ vâng nhận. Đó gọi là người vừa có mưa vừa có sấm.

Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này.

Thật vậy, [này các] Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[41]

Đế, Nhiêu ích, A-nan,
Tứ quả, Tùy lam phong,
Trọng đảm, Tứ sinh, Kiết,
Tứ điểu, Lôi tại hậu.

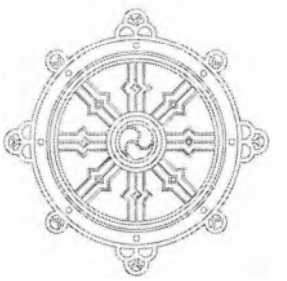

[40] Phương đẳng (方等). Thông thường, trong 12 thể tài kinh điển, Phương đẳng được sắp ở vị trí sau cùng. Ý là vị Tỳ-kheo này không đọc tụng, tu tập đầy đủ đến thể tài cuối cùng của 12 thể loại kinh.

[41] Nguyên tác Nhiếp tụng: 諦, 饒益, 阿難; 重擔, 四生, 結; 四果, 隨嵐風; 四鳥, 雷在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 17.

26. PHẨM BỐN Ý ĐOẠN[1]

1. BỐN Ý ĐOẠN[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Giống như núi sông, vách đá, cỏ cây, ngũ cốc đều nương nhờ đất mà sanh trưởng. Do đó, đất đai này là tôn quý nhất, quan trọng nhất. Ở đây cũng vậy, pháp ba mươi bảy đạo phẩm trụ trên đất không buông lung, khiến các pháp lành được tăng trưởng lớn mạnh.

Tỳ-kheo không buông lung tu bốn ý đoạn, tu tập thuần thục[3] về bốn ý đoạn. Là bốn ý đoạn nào? Ở đây, này các Tỳ-kheo, pháp ác chưa sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng không sanh, chuyên tâm không rời, luôn muốn khiến chúng không sanh. Pháp xấu ác đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng dứt sạch, chuyên tâm không rời, luôn muốn khiến chúng dứt sạch. Pháp thiện chưa sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng khởi sanh. Pháp thiện đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng tăng trưởng, không được xao lãng, siêng năng tu tập, tâm ý không quên. Như vậy, Tỳ-kheo tu tập bốn ý đoạn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện tu tập bốn ý đoạn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. PHÁP KHÔNG BUÔNG LUNG[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[1] Nguyên tác: *Tứ ý đoạn phẩm* 四意斷品 (*T*.02. 0125.26. 0635b10).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.26.1. 0635b11). Tham chiếu: *S*. 3.18 - I. 87. Tứ ý đoạn (四意斷) còn gọi là "tứ chánh cần" (四正勤).

[3] Nguyên tác: Đa tu (多修).

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.26.2. 0635b24).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo nên biết, tất cả vua chúa các nước nhỏ và nước lớn đều đến phò tá Chuyển Luân Thánh vương. Đối với họ, Chuyển Luân Thánh vương là tôn quý nhất, cao thượng nhất. Ở đây cũng vậy, trong những thiện pháp của ba mươi bảy đạo phẩm thì pháp không buông lung là tôn quý nhất.

Tỳ-kheo không buông lung tu bốn ý đoạn. Ở đây, này các Tỳ-kheo, pháp xấu ác chưa sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng không sanh, chuyên tâm không rời, luôn muốn khiến chúng không sanh. Pháp xấu ác đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng dứt sạch, chuyên tâm không rời, luôn muốn khiến chúng dứt sạch. Pháp thiện chưa sanh, hãy tìm phương tiện khiến chúng sanh khởi. Pháp thiện đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng tăng trưởng, không được xao lãng, siêng năng tu tập, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn ý đoạn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. HẠNH KHÔNG BUÔNG LUNG[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong số ánh sáng của các vì tinh tú thì ánh sáng mặt trăng là hơn hết. Ở đây cũng như vậy, trong những công đức lành của pháp ba mươi bảy đạo phẩm thì hạnh không buông lung là bậc nhất, là tôn quý hơn cả.

Tỳ-kheo không buông lung tu bốn ý đoạn. Thế nào là bốn ý đoạn? Ở đây, này Tỳ-kheo, pháp xấu ác chưa sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng không sanh. Pháp xấu ác đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng dứt sạch. Pháp thiện chưa sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng sanh khởi. Pháp thiện đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng tăng trưởng, không được xao lãng, siêng năng tu tập, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn ý đoạn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.26.3. 0635c07).

4. TU BỐN Ý ĐOẠN[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong các loại hoa, như là hoa chiêm-bặc,[7] hoa tu-ma-na[8] trên cõi trời hay ở cõi người thì hoa bà-sư[9] là bậc nhất. Ở đây cũng vậy, trong những công đức lành của pháp ba mươi bảy đạo phẩm thì hạnh không buông lung là bậc nhất, là tôn quý hơn cả.

Tỳ-kheo không buông lung tu bốn ý đoạn. Thế nào là bốn ý đoạn? Ở đây, này Tỳ-kheo, pháp xấu ác chưa sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng không sanh. Pháp xấu ác đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng dứt sạch. Pháp thiện chưa sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng sanh khởi. Pháp thiện đã sanh, hãy tìm cầu phương tiện khiến chúng tăng trưởng, không được xao lãng, siêng năng tu tập, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn ý đoạn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BỐN HẠNG NGƯỜI[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc ngự xe gắn lông chim quý rời thành Xá-vệ để đến tinh xá Kỳ Hoàn thăm viếng Thế Tôn. Theo phép tắc của các vua, Vua Ba-tư-nặc tháo năm bảo vật trang sức uy nghiêm[11] đặt sang một bên, đến trước Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nói với vua:

– Đại vương nên biết, thế gian có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Là bốn hạng nào? Hoặc có người trước tối sau sáng. Hoặc có người trước sáng sau tối. Hoặc có người trước tối sau tối. Hoặc có người trước sáng sau sáng.

---

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.4. 0635c18).

[7] Chiêm-bặc (瞻蔔, campaka), một loại hoa sứ vàng.

[8] Tu-ma-na (須摩那, sumanā) hoặc viết là "tô-ma-na" (蘇磨那).

[9] Bà-sư (婆師, vassika), một loài hoa nở vào mùa hè.

[10] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.5. 0636a06). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1146. 0304b27); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.69. 0398a01); *S.* 3.21 - I. 93; *A.* 4. 85 - II. 85.

[11] Ngũ uy dung (五威容). Theo *Kinh Vua Địa Chủ*, số 1, phẩm 23, tr. 245 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.23.1. 0609a21), "ngũ uy dung" gồm lọng, mũ thiên quan, kiếm, giày và quạt vàng (五飾, 所謂蓋, 天冠, 劍, 履屣及金拂).

Thế nào gọi là người trước tối sau sáng? Nghĩa là như có người sanh ra trong gia đình thấp hèn, như dòng tộc Chiên-đà-la,[12] dòng tộc làm nghề giết mổ, dòng tộc làm thợ thủ công, hoặc sanh trong gia đình làm nghề dâm loạn, hoặc sanh ra mà không có mắt, hoặc không có chân tay, hoặc lõa thể chân trần, hoặc các căn rối loạn; tuy nhiên thân họ biết thực hành pháp thiện, miệng tu pháp thiện, ý nhớ nghĩ pháp thiện. Người này nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn hay các bậc trưởng giả thì luôn biết cung kính lễ bái, không để lỡ dịp, vui vẻ chào đón, hoan hỷ tiễn đưa, tươi cười khi nói, tùy thời cung cấp. Khi họ gặp người ăn xin, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc người đi đường, hoặc người nghèo thiếu, nếu tự thân họ sẵn có tiền của liền đem bố thí cúng dường; còn nếu không có thì đến nhà trưởng giả cầu xin để đem cho. Nếu thấy người khác bố thí cúng dường thì thân tâm họ hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Thân họ biết thực hành pháp thiện, miệng tu pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện nên sau khi qua đời sẽ sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Giống như có người từ dưới đất lên trên giường, từ giường lên ngựa, từ ngựa cỡi voi, từ voi đi vào giảng đường. Do vậy mà ngày nay Như Lai nói người này trước tối sau sáng. Như thế, Đại vương, người này gọi là trước tối sau sáng.

Thế nào gọi là người trước sáng sau tối? Ở đây, như có người sanh trong gia đình giàu sang, hoặc sanh trong dòng tộc Sát-lợi, dòng tộc trưởng giả, dòng dõi Bà-la-môn, có nhiều tài sản, vật báu, vàng bạc, châu báu, xà cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly; tôi tớ, nô tỳ không thể kể hết; voi, ngựa, heo, dê đều có đầy đủ, lại còn có dung mạo xinh đẹp như màu hoa đào. Thế nhưng người này lại luôn ôm giữ tà kiến, cố chấp biên kiến, có kiến chấp rằng: "Không có bố thí, không có thọ nhận, cũng không có người thí thì làm gì có vật thí, cũng không có hành động thiện ác, cũng không có đời này đời sau, cũng không có người đắc đạo, ở thế gian không có bậc A-la-hán đáng thờ kính, cũng không có đời này đời sau [để] có thể tác chứng." Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không có tâm cung kính. Nếu thấy người khác bố thí thì lòng họ hằn học; thân, miệng, ý tạo các việc không chân chánh.[13] Do gây tạo những nghiệp phi pháp nên sau khi qua đời, người đó sanh vào địa ngục. Giống như có người từ giảng đường bước xuống voi, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống giường, từ giường xuống đất. Do vậy mà ngày nay Như Lai nói người này trước sáng sau tối. Như thế, Đại vương, người này gọi là trước sáng sau tối.

Thế nào gọi là người từ tối đến tối? Như có người sanh trong gia đình thấp kém, hoặc trong gia đình dòng tộc Chiên-đà-la, hoặc trong gia đình làm nghề giết mổ, hoặc trong gia đình thấp hèn cùng cực. Người này đã sanh vào những chốn này, hoặc lại có lúc các căn không đủ, tướng mạo xấu xí; hơn nữa, người này lại thường ôm giữ tà kiến, có kiến chấp rằng: "Không có đời này và đời sau,

[12] Chiên-đà-la (旃陀羅, Caṇḍāla).

[13] Nguyên tác: Bình quân (平均).

không có Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không [có] người đắc đạo, cũng không có A-la-hán đáng thờ kính, cũng không có đời này đời sau [để] có thể tác chứng." Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, tâm không cung kính. Nếu thấy người khác bố thí thì họ không hoan hỷ; thân, miệng, ý tạo các việc không chân chánh, phỉ báng Thánh nhân, hủy nhục Tam bảo. Người ấy tự mình đã không làm bố thí, lại còn ôm lòng hằn học khi thấy người khác bố thí. Do đã tạo nghiệp sân hận nên sau khi qua đời, người đó sanh vào địa ngục. Giống như có người từ tối đến tối, từ lửa bừng đến lửa bừng, bỏ trí tới ngu. Do vậy mà nói, người này đáng gọi là trước tối sau tối. Đại vương nên biết, nên gọi người này là từ tối đến tối.

Thế nào gọi là người từ sáng đến sáng? Như có người sanh trong gia tộc giàu sang, hoặc dòng tộc Sát-lợi, hoặc dòng dõi vua chúa, hoặc nhà đại thần, của cải vật báu không thể kể hết, lại còn được dung mạo xinh đẹp như màu hoa đào. Lại nữa, người này luôn có chánh kiến, tâm không loạn động, chánh kiến như vầy: "Có bố thí, có phước báu, có người nhận, có quả báo thiện ác, có đời này và đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn." Người ấy nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn liền khởi tâm cung kính, sắc diện tươi vui. Tự thân luôn thích bố thí, lại cũng khuyên người khác thực hành bố thí. Vào ngày bố thí thì thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Người ấy thân hành thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện nên sau khi qua đời được sanh về cõi lành. Giống như có người từ giảng đường đến giảng đường, từ cung điện đến cung điện. Do vậy mà ngày nay Như Lai nói người này là từ sáng đến sáng.

Thật vậy, Đại vương! Thế gian có bốn hạng người này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Vua nên biết, người nghèo,
Gặp Sa-môn, Phạm chí,[14]
Luôn tiếp rước ân cần,
Khi thí, nhiều hoan hỷ,
Bạn tốt, người này đây,
Thường vui hành chánh kiến,
Đại vương, người tốt kia,
Ở cung trời Đâu-suất,
Như người rất giàu có,
Nhu nhược, tham vô ngần,
Gặp Sa-môn, Phạm chí
Thường la mắng, đuổi đi,
Thấy thí lòng sân khởi,
Hạng làm điều vô sỉ,
Có tín, thích bố thí,
Những bậc đáng cúng dâng,
Khuyên hành theo chánh kiến,
Chẳng nghịch ý người cầu.
Trọn đời không làm ác,
Thường nghĩ tìm pháp lành.
Khi chết ắt sanh về
Là trước tối sau sáng.
Không tín, lại hay sân,
Giữ tà kiến chẳng bỏ.
Và những người đến xin,
Tà kiến rằng: Hết của,
Ngăn việc thí của người.
Gốc rễ ác càng sâu,

[14] Nguyên tác: Bà-la (婆羅), viết tắt của Bà-la-môn.

Với những hạng người ấy,
Sẽ sanh vào địa ngục,
Như có người bần tiện,
Toàn làm điều bất thiện,
Nếu gặp bậc Sa-môn,
Liền khinh khi, mạt sát,
Mình thí, thấy người thí,
Do những hạnh nghiệp ấy,
Với những hạng người ấy,
Sẽ sanh vào địa ngục,
Với những người giàu sang,
Chánh kiến, không niệm quấy,
Nếu gặp các đạo sĩ,
Liền tiếp rước ân cần,
Khi thí lòng hoan hỷ,
Bố thí không tiếc gì,
Người ấy sống hiền lương,
Nên biết, người thế ấy,
Sẽ sanh vào nẻo lành,

Chắc chắn khi mạng chung,
Là trước sáng, sau tối.
Không tín, thường sân si,
Tà kiến, chẳng niềm tin.
Những người đáng kính khác,
Bỏn xẻn, chẳng niềm tin.
Lòng chẳng chút vui gì,
Nẻo ác mãi bước đi.
Chắc chắn khi mạng chung,
Là trước tối, sau tối.
Có tín, ưa phát ban,
Pháp thiện hằng mong cầu.
Và những người đáng thí,
Học hành theo chánh kiến,
Luôn bình đẳng tư duy,
Thỏa lòng người thọ nhận.
Không làm điều sai quấy,
Chắc chắn khi mạng chung,
Là trước sáng, sau sáng.

Thế nên, Đại vương! Hãy học theo hạng người trước sáng và sau sáng, chớ nên học trước sáng mà sau tối.

Thật vậy, Đại vương! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

6. THÂN THỂ VÔ THƯỜNG[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, lát sau lại lấy hai tay sờ lên chân Như Lai rồi hôn lên chân Như Lai và than:

– Thân thể của Thiên Tôn sao lại thế này? Da thịt quá nhăn nheo! Thân thể Như Lai không còn giống như xưa nữa.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, A-nan, đúng như thầy nói. Nay thân Như Lai da thịt đã nhăn, thân thể hiện giờ không giống như trước. Bởi vì, hễ có thân ắt có bệnh bức bách.

[15] Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.6. 0637a18). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1240. 0339c19); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.67. 0397a09); *S.* 3.3 - I. 71; *S.* 48.41 - V. 216.

Chúng sanh thọ bệnh thì bị bệnh vây khốn, chúng sanh đúng thời phải chết thì bị sự chết bức bách. Nay Như Lai cũng đã già suy, đã hơn tám mươi rồi.[16]

A-nan nghe những lời này, buồn khóc nghẹn ngào không kiềm lòng được, liền than:

– Than ôi! Già yếu đã đến, ngay cả với Thế Tôn!

Bấy giờ, đã đúng thời, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thế Tôn đi khất thực lần hồi đến cung Vua Ba-tư-nặc. Lúc ấy, trước cửa cung Vua Ba-tư-nặc có vài chục cỗ xe hư cũ bị quăng bỏ một bên. Tôn giả A-nan nhìn thấy những cỗ xe bị quăng bỏ một bên như vậy, liền bạch Thế Tôn:

– Đây là những cỗ xe của Vua Ba-tư-nặc. Trước đây, lúc mới làm thành, tinh xảo, lộng lẫy, nhưng nay nhìn lại, màu sắc đã phai như màu gạch đá.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, A-nan, đúng như thầy nói. Tất cả những cỗ xe đang được thấy đây, xưa kia vốn rất tinh xảo, lộng lẫy, được làm bằng vàng bạc, nhưng nay chúng đã hư hoại, không dùng được nữa. Vật bên ngoài thân mà còn hư hoại như vậy, huống gì là trong thân.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ôi! Sự già, bệnh, chết,
Hủy hoại nhan sắc người,
Trước kia sống vui tươi,
Nay bị chết bức bách.
Dẫu sống lâu trăm tuổi,
Rồi cũng phải chết đi,
Tránh khổ được mấy khi,
Rốt cùng theo đường chết.
Trong thân ta mọi thứ,
Bị sự chết bủa vây,
Đến bên ngoài bốn đại,
Rốt cuộc trở về không.
Nên muốn cầu bất tử,
Chỉ có Niết-bàn đây,
Nơi ấy hết sanh tử,
Vắng bặt các hành này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền đến chỗ Vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc bày biện nhiều vật thực cúng dường Thế Tôn. Thấy Thế Tôn đã thọ thực xong, vua liền chọn một chiếc ghế nhỏ đặt ngồi phía trước Thế Tôn và bạch:

– Sao vậy, thưa Thế Tôn, thân thể của chư Phật bền chắc như kim cương mà cũng phải chịu già, bệnh, chết sao?

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, Đại vương! Như Đại vương nói. Như Lai cũng phải chịu sanh, già, bệnh, chết. Bởi nay Như Lai cũng là một con người trong loài người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên Ma-da, thuộc dòng Chuyển Luân Thánh vương.

[16] Niên quá bát thập (年過八十). Phần lớn các bản kinh liên quan đến tuổi tác của đức Phật như *M.* 89; *MĀ.* 213... đều cho rằng Ngài viên tịch lúc 80 tuổi. Riêng bản kinh này cho rằng đã hơn 80, đây cũng là điều kỳ đặc.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật thị hiện nhân gian, Cha tên là Chân Tịnh,
Mẹ tên Cực Thanh Diệu, Dòng Sát-lợi cao sang.
Đường chết rất nghiệt ngã, Nó chẳng kể hèn sang,
Phật còn chưa thoát ra, Huống hạng phàm tục khác.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ này cho Vua Ba-tư-nặc:

Cúng tế, lửa trên hết, Kinh thư, tụng[17] đứng đầu,
Loài người, vua quý nhất, Các dòng, biển tối tôn.
Các sao, trăng sáng nhất, Ánh sáng mặt trời hơn,
Tám phương, trên, dưới, giữa, Cùng vạn vật cõi này.
Cõi trời đến loài người, Phật là bậc Tối Thượng,
Ai muốn cầu phước đức, Nương Tam bảo[18] cúng dường.

Thế Tôn nói kệ này rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở về tinh xá Kỳ Hoàn, đến tòa mà ngồi. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn điều được người thế gian yêu quý. Là bốn điều gì? Sức khỏe của tuổi trẻ là điều được người thế gian yêu quý. Không có bệnh đau là điều được người thế gian yêu quý. Tuổi thọ dài lâu là điều được người thế gian yêu quý. Thương yêu đoàn tụ là điều được người thế gian yêu quý. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn điều này, được người thế gian yêu quý.

Lại nữa, Tỳ-kheo, cũng có bốn điều mà người thế gian không yêu quý. Là bốn điều nào? Tỳ-kheo nên biết, tuổi trẻ tráng kiện rồi sẽ đến lúc già bệnh là điều mà người thế gian không thích. Người không bệnh đau về sau sẽ có lúc bệnh đau là điều mà người thế gian không thích. Tuổi thọ lâu dài rồi sau cũng phải chết là điều mà người thế gian không thích. Thương yêu đoàn tụ, về sau cũng phải chia lìa là điều mà người thế gian không thích. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn điều này xoay chuyển thế gian. Chư thiên, loài người cho đến Chuyển Luân Thánh vương, hay chư Phật, Thế Tôn đều bị bốn điều này chi phối. Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn điều này xoay chuyển.

Lại nữa, có bốn pháp này, nếu người nào không thấu rõ thì sẽ trôi lăn trong sanh tử, xoay vần trong năm đường. Là bốn pháp nào? Đó là giới đức của Hiền thánh, thiền định của Hiền thánh, trí tuệ của Hiền thánh và giải thoát của Hiền thánh.

Do vậy, này các Tỳ-kheo, nếu người nào không thấu rõ bốn pháp này thì phải nhận chịu bốn điều không như ý ở trên. Nay Như Lai và các thầy nhờ thấu rõ bốn pháp Hiền thánh này nên dứt được cội gốc sanh tử, không còn thọ sanh nữa. Như thân thể Như Lai nay đã già yếu, phải chịu quả báo suy hao này. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu Niết-bàn tịch tịnh không sanh, không già,

[17] Tụng (頌) chỉ cho các thể kệ tụng.
[18] Nguyên tác: Tam Phật (三佛).

không bệnh, không chết, không còn thương yêu chia lìa, phải thường nhớ nghĩ đến vô thường biến đổi.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. PHÁP DỨT TRỪ BUỒN ĐAU[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc lệnh cho quan phụ tá chuẩn bị xe gắn lông chim quý để vua rời thành Xá-vệ đi xem xét xung quanh giảng đường. Lúc bấy giờ, mẹ của Vua Ba-tư-nặc vừa qua đời do tuổi già suy yếu, thọ gần một trăm tuổi. Bà là người mà nhà vua rất tôn kính nhớ thương, chưa từng rời mắt. Lúc đó, bên cạnh Vua Ba-tư-nặc có vị đại thần tên Bất-xà-mật, tài cao cái thế, được mọi người tôn trọng. Vị đại thần này suy nghĩ: "Mẫu thân của Vua Ba-tư-nặc thọ gần một trăm tuổi, nay vừa qua đời. Nếu nghe tin này, vua rất buồn đau, quên ăn bỏ uống mà sanh bệnh nặng. Nay ta phải tìm cách nào để vua không buồn đau, cũng giúp vua không sanh bệnh."

Bấy giờ, đại thần chuẩn bị năm trăm con voi trắng và năm trăm con ngựa tốt; lại chỉnh đốn năm trăm bộ binh, sắp đặt năm trăm kỹ nữ[20] và năm trăm cụ bà; cũng thỉnh mời năm trăm vị Bà-la-môn và năm trăm vị Sa-môn; lại chuẩn bị năm trăm bộ y phục, năm trăm món trân bảo; làm cỗ quan tài lớn cho người chết, sơn vẽ thật đẹp, tinh xảo vô cùng, treo giăng phướn lọng, trỗi các kỹ nhạc, muôn thứ nghiêm sức không thể kể hết, rồi đưa ra thành.

Lúc đó, vì có chút việc nên Vua Ba-tư-nặc trở lại trong thành. Từ xa nhìn thấy đoàn đưa tiễn người chết, vua hỏi người hầu:

– Người đó là ai mà được cúng bái long trọng đến thế?

Bất-xà-mật tâu:

– Trong thành Xá-vệ này có mẹ của vị trưởng giả vừa qua đời nên mới đưa tang trịnh trọng như thế.

Vua lại hỏi:

– Những voi, ngựa, xe cộ và cụ bà, v.v... dùng để làm gì?

---

[19] Tựa đề được đức Phật dạy cuối kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.7. 0638a02). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1227. 0335b09); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.54. 0392a26); *S.* 3.22 - I. 96.

[20] Kỹ nữ (妓女), ở đây chỉ cho những cô gái làm nghề múa hát.

Đại thần tâu:

– Năm trăm cụ bà này là dâng lên Vua Diêm-la để chuộc mạng người chết.

Vua liền cười và nói:

– Đây là việc làm của người ngu muội. Thân mạng khó giữ, làm sao có thể nắm giữ lại được? Như có người đã rơi vào miệng cá ma-kiệt[21] mà lại muốn thoát ra ngoài, điều này thật khó. Ở đây cũng vậy, đã rơi vào chỗ Vua Diêm-la mà muốn ra khỏi, điều này không thể.

Đại thần tâu:

– Năm trăm kỹ nữ này cũng dùng để chuộc mạng.

Vua bảo:

– Điều này cũng không thể.

Đại thần tâu:

– Nếu những kỹ nữ này mà cũng không thể chuộc được thì sẽ dùng người khác để chuộc.

Vua bảo:

– Như vậy cũng không thể.

– Nếu như vậy mà cũng không được thì phải dùng năm trăm món trân bảo để chuộc.

– Việc này cũng không thể.

[0638b01] – Nếu việc này cũng không được thì dùng năm trăm bộ y phục để chuộc.

– Như vậy cũng không được.

– Nếu dùng y phục này mà cũng không được, vậy thì phải dùng chú thuật của năm trăm vị Phạm chí này, nhờ chú thuật để giành lại mạng sống kia.

– Điều này cũng không thể.

– Nếu chú thuật của năm trăm Phạm chí này cũng không thể được thì lại phải nhờ đến những vị Sa-môn tài cao thuyết pháp để chuộc lại.

– Như vậy cũng không thể.

– Nếu thuyết pháp cũng không thể chuộc được, vậy thì sẽ tập hợp binh chủng, dàn trận đánh lớn để giành lại mạng sống kia.

Lúc này, Vua Ba-tư-nặc cười lớn mà nói:

– Đây là việc làm của người ngu muội. Vì đã rơi vào miệng cá ma-kiệt thì không bao giờ thoát ra được.

---

[21] Nguyên tác: Ma-kiệt ngư (摩竭魚), cũng viết là ma-già-la (摩伽羅, maṅkara). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.7. 0109a14), đây là loài cá lớn, có thể nuốt cả tàu thuyền.

Vua lại nói tiếp:

– Khanh nên biết, có người nào sanh ra mà không chết sao?

Đại thần tâu:

– Điều này thật không thể có.

Vua bảo:

– Thật không thể có điều này. Chư Phật cũng dạy: "Phàm có sanh thì có tử, mạng sống thật khó giữ gìn."

Lúc đó, Bất-xà-mật liền quỳ xuống tâu vua:

– Thế nên, Đại vương chớ quá buồn lo! Tất cả chúng sanh đều trở về cái chết.

Vua liền hỏi:

– Sao trẫm phải buồn lo?

Đại thần liền tâu:

– Tâu Đại vương, hôm nay, mẹ Đại vương đã qua đời!

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe những lời này xong, thở dài tám, chín lần, rồi nói với đại thần:

– Lành thay, như lời khanh nói! Khanh thật biết dùng phương tiện khéo léo.

Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc liền trở vào thành, bày biện các thứ hương hoa để phụng cúng vong mẫu. Cúng bái vong mẫu xong, vua lại lên xe để đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, vua đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi:

– Thân của Đại vương sao lại dính đầy bụi bặm như vậy?

Vua bạch Thế Tôn:

– Mẹ con đã qua đời, vừa đưa ra ngoài thành. Nay con đến chỗ Thế Tôn để hỏi nguyên do. Vì lẽ, lúc còn sống, mẹ con siêng năng giữ giới, thường tu pháp thiện, tuổi gần một trăm, nay đã qua đời nên con đến chỗ Thế Tôn. Nếu phải đem voi để chuộc mạng mẫu thân được thì con cũng sẽ dùng voi để chuộc. Nếu phải dùng ngựa để chuộc mạng được thì con cũng sẽ dùng ngựa để chuộc. Nếu phải dùng xe cộ để chuộc được mạng sống mẹ thì con sẽ dùng xe cộ để chuộc. Nếu phải dùng vàng bạc, châu báu để chuộc được thì con cũng sẽ dùng vàng bạc, châu báu để chuộc. Nếu phải dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc mạng được thì con cũng sẽ dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc. Nếu phải dùng dân chúng đất nước Ca-thi để chuộc mạng được thì con cũng sẽ dùng dân chúng đất nước Ca-thi để chuộc, không để mẹ con qua đời.

[0638c02] Thế Tôn bảo:

– Đại vương chớ quá bi thương, bởi lẽ tất cả chúng sanh đều trở về cái chết. Tất cả các pháp đều biến đổi, muốn chúng không biến đổi chắc chắn không

thể được. Đại vương nên biết, thân người giống như nắm tuyết, rốt cùng sẽ tan chảy. Cũng như nắm đất, rồi cũng vỡ vụn, không thể giữ lâu. Cũng như sóng nắng huyễn hóa, hư ngụy không thật. Cũng như nắm tay trống rỗng để gạt trẻ con. Thế nên, Đại vương chớ có bi thương, trông cậy thân này.

Đại vương nên biết, có bốn điều rất đáng sợ sẽ đến với thân này, không thể ngăn cản được, cũng không thể dùng ngôn ngữ, chú thuật, thuốc men, bùa chú để trừ khử được. Là bốn điều gì? Một là sự già nua, nó hủy hoại tuổi trẻ, khiến không còn dung sắc. Hai là bệnh tật, nó hủy hoại sự mạnh khỏe không bệnh. Ba là sự chết, nó hủy hoại mạng sống. Bốn là những vật thường còn rồi sẽ trở về vô thường. Đại vương, đó gọi là có bốn điều không thể ngăn cản được, chẳng thể dùng sức mạnh để hàng phục được.

Đại vương nên biết, giống như bốn phương có bốn ngọn núi lớn. Những núi này từ bốn phía dồn ép đến chúng sanh mà chẳng thể nào dùng sức để đẩy lùi được. Thế nên, Đại vương, thân mạng chẳng phải là vật kiên cố, không thể nương cậy. Do đó, Đại vương hãy dùng pháp để trị vì đất nước, chớ nên dùng phi pháp. Không bao lâu nữa Đại vương cũng đến biển sanh tử. Đại vương nên biết, những người dùng pháp để trị vì đất nước thì sau khi qua đời sẽ sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu người nào dùng phi pháp để cai trị thì sau khi qua đời sẽ sanh vào địa ngục.

Vậy nên, này Đại vương! Hãy dùng Chánh pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp.

Thật vậy, Đại vương! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Pháp này tên là gì? Nên thực hành như thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Pháp này tên là dứt trừ buồn đau.

Vua liền bạch Phật:

– Thật vậy, Thế Tôn, sở dĩ đúng như vậy, bởi vì khi con nghe pháp này rồi, mọi buồn đau đều không còn. Thưa Thế Tôn, việc nước bộn bề, con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

– Đại vương cứ tự nhiên!

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi rời đi.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

8. BỐN PHÁP NỀN TẢNG[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hôm nay, Như Lai không chỉ tôn quý bậc nhất trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di mà còn tôn quý bậc nhất trong tất cả loài người ở thế gian, vì có bốn pháp nền tảng mà Như Lai đã tự mình giác tri, tự thân tác chứng ở trong bốn bộ chúng, chư thiên và loài người. Là bốn pháp gì? Một là, tất cả các hành thảy đều vô thường, Như Lai đã tự mình giác tri, tự thân tác chứng ngay trong bốn bộ chúng, chư thiên và loài người. Hai là, tất cả các hành là khổ. Ba là, tất cả các hành là vô ngã. Bốn là, Niết-bàn là tịch tịnh mà Như Lai đã tự mình giác tri, tự thân tác chứng ngay trong bốn bộ chúng, chư thiên và loài người. Này Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp nền tảng. Thế nên, Như Lai là tôn quý bậc nhất trong cõi trời và cõi người.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. XÁ-LỢI-PHẤT NIẾT-BÀN[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị ngụ ở vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn đến thành La-duyệt để an cư kiết hạ. Xá-lợi-phất cũng muốn đến thành La-duyệt để an cư kiết hạ. Một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử cũng muốn đến thành La-duyệt để an cư kiết hạ. Tuy nhiên, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên khi an cư kiết hạ xong sẽ vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, v.v... đi đến tinh xá Trúc Lâm, vườn trúc Ca-lan-đà ở thành La-duyệt để an cư kiết hạ. Khi ấy, Thế Tôn nói với Xá-lợi-phất:

– Nay một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đã vì các thầy mà an cư kiết hạ tại đây. Tuy nhiên, thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên sắp Diệt độ rồi. Thế nào, Xá-lợi-phất, thầy có thể vì các Tỳ-kheo mà nói Diệu pháp không? Hôm nay, Như Lai đau lưng, muốn nghỉ một chút.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

---

[22] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.8. 0639a01). Tham chiếu: *A.* 4.185 - II. 176.

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.9. 0639a12). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.638. 0176b28); *S.* 47.13 - V. 161.

Bấy giờ, Thế Tôn tự xếp y Tăng-già-lê, rồi nằm nghiêng bên phải, hai bàn chân xếp chồng lên nhau, buộc tâm vào ánh sáng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

– Lúc tôi mới thọ giới, qua nửa tháng sau đã chứng đắc bốn biện tài,[24] tự thân tác chứng đầy đủ nghĩa lý. Nay tôi sẽ giảng nói và phân biệt rõ nghĩa này để các thầy hiểu và phân biệt rõ ràng. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng!

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất liền hỏi:

– Những gì là bốn biện tài mà tôi đã chứng được? Đó là nghĩa biện tài,[25] tôi đã chứng được; pháp biện, tôi đã chứng được; ứng biện,[26] tôi đã chứng được và tự biện,[27] tôi đã chứng được.

Nay tôi sẽ phân biệt rộng nghĩa này. Nếu trong bốn bộ chúng có ai còn hoài nghi thì hôm nay sẵn có tôi đây, hãy hỏi nghĩa ấy. Nếu các Hiền giả có ai còn hoài nghi đối với tứ thiền, hoặc có ai còn hoài nghi đối với bốn vô lượng tâm thì có thể hỏi, nay tôi sẽ nói. Nếu các Hiền giả có ai còn hoài nghi đối với bốn ý đoạn thì có thể hỏi, hôm nay tôi sẽ nói; hoặc có ai còn hoài nghi đối với bốn thần túc, bốn ý chỉ, bốn đế thì nên đến hỏi tôi nghĩa, hôm nay tôi sẽ giảng nói. Nay nếu không hỏi, về sau hối tiếc cũng vô ích. Nay cũng nên hỏi tôi về các pháp sâu xa của đức Thế Tôn, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, cũng như những việc mà Ngài ấy làm, tôi sẽ nói cho. Nếu không hỏi, về sau chớ hối tiếc.

[0639b11] Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đúng giờ đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực. Các Phạm chí chấp trượng[28] từ xa trông thấy Mục-liên đến, bèn bàn với nhau: "Đây là một trong những đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, không ai ưu tú hơn người này. Chúng ta cùng nhau bao vây hắn và đánh chết đi." Rồi những Phạm chí kia liền bao vây và dùng gạch đá đánh Tôn giả chết ngất rồi bỏ đi. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên toàn thân rách nát tả tơi, đau đớn khổ não không thể kể xiết. Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: "Các Phạm chí này vây đánh ta xương tan thịt nát, rồi bỏ ta mà đi. Nay khắp thân thể ta đều bị thương tích, đau nhức vô cùng, ta đã không còn sức lực, làm sao trở về Trúc viên được? Nay ta nên dùng thần túc để trở về tinh xá." Rồi Mục-liên liền dùng thần túc trở về tinh xá, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

---

[24] Tứ biện tài (四辯才) còn gọi là "bốn vô ngại biện" (四無礙辯) hay "bốn vô ngại giải" (四無礙解).

[25] Nghĩa biện (義辯) còn gọi là "nghĩa vô ngại giải" (義無礙解).

[26] Ứng biện (應辯) còn gọi là "từ vô ngại giải" (詞無礙解).

[27] Tự biện (自辯) còn gọi là "biện tài vô ngại giải" (辯才無礙解).

[28] Chấp trượng Phạm chí (執杖梵志): Ngoại đạo cầm gậy.

– Các Phạm chí chấp trượng vây đánh tôi xương thịt nát hết, thân thể đau nhức thật không chịu nổi. Nay tôi muốn vào Niết-bàn cho nên đến đây để từ giã thầy.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Trong hàng đệ tử của Thế Tôn, thầy là thần túc bậc nhất, có oai lực lớn, tại sao thầy không dùng thần túc mà tránh đi?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Xưa kia tôi tạo nghiệp quá sâu nặng, nay phải nhận lãnh quả báo, không thể tránh được; chẳng phải vô cớ mà nhận chịu quả báo này. Hôm nay, toàn thân tôi vô cùng đau nhức, cố đến từ giã thầy để nhập Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tu tập bốn thần túc, hiểu rộng nghĩa lý của nó, nếu người ấy muốn trụ lại một kiếp hay hơn một kiếp thì vẫn có thể không Diệt độ. Vì sao thầy không trụ mà lại Diệt độ?

[0639c03] Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

– Thật vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Như Lai có dạy: "Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tu bốn thần túc, muốn sống thọ qua nhiều kiếp cũng có thể được." Nhưng Như Lai chỉ trụ một kiếp nên tôi cũng trụ như vậy. Hiện tại, Thế Tôn không bao lâu nữa sẽ nhập Bát-niết-bàn. Chúng sanh thọ mạng quá ngắn. Hơn nữa, tôi không đành lòng nhìn Thế Tôn vào Bát-niết-bàn. Hiện giờ thân thể tôi rất đau đớn nên tôi muốn vào Bát-niết-bàn.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Mục-liên:

– Nay thầy hãy nán lại một chút, tôi xin Diệt độ trước!

Tôn giả Mục-liên im lặng không đáp. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên và bạch Thế Tôn:

– Nay con muốn Diệt độ, ngưỡng mong Thế Tôn cho phép!

Lúc đó, Thế Tôn im lặng không đáp. Tôn giả Xá-lợi-phất hai, ba lần bạch Thế Tôn:

– Nay là lúc thích hợp, con muốn vào Bát-niết-bàn!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Tại sao thầy không trụ một kiếp hay hơn một kiếp?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

– Chính con được nghe từ Thế Tôn và tự thân vâng nhận: Chúng sanh thọ mạng rất ngắn, tuổi thọ dài nhất không quá một trăm năm. Vì thọ mạng chúng sanh ngắn nên tuổi thọ của Như Lai cũng ngắn. Nếu Như Lai thọ một kiếp thì con cũng sẽ thọ một kiếp.

Thế Tôn bảo:

– Như lời Xá-lợi-phất nói, vì chúng sanh thọ mạng ngắn nên Như Lai thọ mạng cũng ngắn. Nhưng điều này cũng không thể luận bàn. Sở dĩ như vậy là vì quá khứ lâu xa vô số kiếp về trước, có vị Phật tên là Thiện Niệm Thệ Nguyện Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Vào thời đó, con người thọ tám mươi ngàn tuổi, không ai chết yểu giữa chừng. Đức Như Lai Thiện Niệm Thệ Nguyện kia ngay khi thành Phật, liền lúc đó hóa làm vô lượng Phật, an lập vô lượng chúng trụ trong hạnh Ba thừa, có người trụ vào địa vị Bất thoái chuyển; lại an lập vô lượng chúng sanh trụ trong bốn dòng tộc; lại an lập vô lượng chúng sanh trụ trong cung Tứ Thiên Vương, Diệm thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm-ca-di thiên, dục thiên, sắc thiên, vô sắc thiên. Cũng ngay trong ngày đó, Ngài ấy liền ở nơi Vô dư Niết-bàn giới[29] mà thể nhập Bát-niết-bàn. Nhưng nay Xá-lợi-phất nói, vì chúng sanh thọ mạng ngắn nên Như Lai thọ mạng cũng ngắn.

Thế nào, Xá-lợi-phất, thầy nói rằng: "Như Lai trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp, con cũng sẽ trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp." Nhưng chúng sanh lại không thể biết thọ mạng Như Lai dài, ngắn. Xá-lợi-phất nên biết, Như Lai có bốn điều không thể nghĩ bàn, chẳng phải là điều mà hàng Tiểu thừa[30] có thể biết rõ. Là bốn điều gì? Đó là thế giới không thể nghĩ bàn, chúng sanh không thể nghĩ bàn, long cung không thể nghĩ bàn và cõi Phật không thể nghĩ bàn. Này Xá-lợi-phất, đó gọi là bốn điều không thể nghĩ bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

– Thật vậy, Thế Tôn! Có bốn điều không thể nghĩ bàn đó là thế giới, chúng sanh, long cung và cõi Phật, thật không thể nghĩ bàn. Nhưng từ lâu con luôn có suy nghĩ rằng: "Phật Thích-ca rốt cuộc không trụ một kiếp." Lại nữa, chư thiên đến nói với con: "Phật Thích-ca trụ thế không lâu, tuổi thọ tám mươi." Vậy nay, Thế Tôn không còn bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn. Nay con không đành lòng nhìn Thế Tôn vào Bát-niết-bàn. Vả lại, chính con nghe Như Lai nói rằng: "Các đệ tử kiệt xuất của chư Phật quá khứ, chư Phật tương lai và chư Phật hiện tại đều vào Bát-niết-bàn trước, sau đó Phật mới vào Bát-niết-bàn. Và đệ tử cuối cùng cũng vào Bát-niết-bàn trước, sau đó không lâu Thế Tôn sẽ Diệt độ." Kính xin Thế Tôn cho phép con Diệt độ.

Thế Tôn bảo:

– Nay là đúng lúc.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi trước Như Lai, giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, buộc niệm ở trước mà an trú vào Thiền thứ nhất. Ra khỏi Thiền thứ

---

[29] Vô dư Niết-bàn giới (無餘涅槃界, *Anupādiṣesā Nibbānadhātu*): Đã đoạn hết nhân sanh tử, lại không còn quả sanh tử, đạt đến cảnh giới Niết-bàn rốt ráo, gọi là Vô dư Niết-bàn.

[30] Nguyên tác: Phi Tiểu thừa sở năng tri (非小乘所能知). Đây là lần đầu tiên và duy nhất, thuật ngữ Tiểu thừa (小乘) xuất hiện trong bốn bộ A-hàm.

nhất vào Thiền thứ hai. Ra khỏi Thiền thứ hai vào Thiền thứ ba. Ra khỏi Thiền thứ ba vào Thiền thứ tư. Ra khỏi Thiền thứ tư lại vào Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ra khỏi định Phi tưởng phi phi tưởng liền vào định Diệt tận. Ra khỏi định Diệt tận lại vào định Phi tưởng phi phi tưởng. Ra khỏi định Phi tưởng phi phi tưởng trở lại Vô sở hữu xứ, Thức xứ, Không xứ. Ra khỏi định Không xứ lại vào Thiền thứ tư. Ra khỏi Thiền thứ tư lại vào Thiền thứ ba. Ra khỏi Thiền thứ ba lại vào Thiền thứ hai. Ra khỏi Thiền thứ hai lại vào Thiền thứ nhất. Ra khỏi Thiền thứ nhất vào Thiền thứ hai. Ra khỏi Thiền thứ hai vào Thiền thứ ba. Ra khỏi Thiền thứ ba vào Thiền thứ tư. Ra khỏi Thiền thứ tư.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất ra khỏi Thiền thứ tư, liền nói với các Tỳ-kheo:

– Đây gọi là định Sư tử phấn tấn.[31]

Lúc này, các Tỳ-kheo khen ngợi:

– Thật chưa từng có, thật là kỳ đặc. Tôn giả Xá-lợi-phất nhập định nhanh chóng như vậy!

[0640b01] Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi rời đi. Ngay khi ấy có nhiều Tỳ-kheo đi theo sau Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả Xá-lợi-phất liền quay lại hỏi:

– Các Hiền giả, các vị muốn đi đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi muốn được đi theo để cúng dường Tôn giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

– Hãy thôi, các Hiền giả! Thế này đã là cúng dường rồi. Tôi có Sa-di chăm sóc đủ rồi. Các vị hãy trở về chỗ của mình để tư duy hóa đạo, khéo tu Phạm hạnh, dứt hết tận cùng sự khổ. Như Lai xuất hiện ở đời rất khó gặp được, rất lâu mới xuất hiện, giống như hoa Ưu-đàm-bát thật lâu mới nở. Như Lai cũng lại như vậy, ức kiếp mới thị hiện nơi đời. Thân người cũng khó được. Có tín thành tựu cũng khó. Muốn mong cầu xuất gia học pháp Như Lai cũng lại rất khó. Muốn cho tất cả các hành không diệt tận, điều này cũng rất khó. Các thầy hãy dứt sạch ái dục, không còn sót lại, sẽ đạt được Niết-bàn.

Nay có bốn pháp nền tảng mà Như Lai đã nói. Là bốn pháp nào? Tất cả các hành vô thường, đó là pháp nền tảng thứ nhất mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành là khổ, đó là pháp nền tảng thứ hai mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành vô ngã, đó là pháp nền tảng thứ ba mà Như Lai đã nói. Niết-bàn là tịch lặng rốt ráo, đó là pháp nền tảng thứ tư mà Như Lai đã nói.

Này các Hiền giả, đó là bốn pháp nền tảng mà Như Lai đã nói.

---

[31] Nguyên tác: Sư tử phấn tấn tam-muội (師子奮迅三昧). Theo *Niết-bàn kinh sớ tư ký* 涅槃經疏私記 (*X*.37. 0661.9. 0307a04), tam-muội này có uy lực lớn, giống như sự dũng mãnh, uy hùng của sư tử.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đều rơi lệ khóc than:

– Tôn giả Xá-lợi-phất sao Diệt độ nhanh như vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

– Thôi, thôi, các Hiền giả, chớ có buồn đau. Pháp biến đổi mà muốn chúng không biến đổi, việc này không hợp lý. Núi Tu-di mà còn biến đổi vô thường, huống gì thân người như hạt cải. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tôi mà tránh được tai họa này sao? Thân kim cương của Như Lai cũng không lâu nữa sẽ vào Bát-niết-bàn, huống gì là thân tôi. Vậy các thầy hãy tu tập pháp này sẽ dứt hết tận cùng sự khổ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất về đến tinh xá, thu xếp y bát, rời khỏi Trúc viên để trở về quê hương. Tôn giả Xá-lợi-phất đi khất thực lần hồi đến nước Ma-sấu.[32] Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất dừng trụ tại Ma-sấu, nơi Tôn giả đã sanh ra. Khi ấy, Tôn giả thân mang bệnh tật, đau nhức vô cùng, chỉ có Sa-di Quân-đầu[33] chăm sóc hầu hạ, dọn dẹp dơ bẩn, khiến cho sạch sẽ.

[0640c01] Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân biết được suy nghĩ của Tôn giả Xá-lợi-phất, liền trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi trời Ba Mươi Ba, xuất hiện tại trú xứ của ngài Xá-lợi-phất. Đến nơi, Thích-đề-hoàn-nhân đảnh lễ sát chân rồi đưa hai tay sờ chân Tôn giả Xá-lợi-phất, tự xưng tên họ, thưa:

– Con là Thiên vương Đế-thích.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Vui thay, chúc Thiên đế thọ mạng vô cùng!

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

– Nay con muốn được chăm sóc Tôn giả Xá-lợi-phất.[34]

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Thôi, được rồi Thiên đế! Thế này là đã chăm sóc rồi. Chư thiên thanh tịnh, a-tu-la, rồng, quỷ thần, cùng chúng chư thiên cũng thanh tịnh. Nay tôi đã có Sa-di để nhờ cậy là đủ rồi.

Thích-đề-hoàn-nhân hai, ba lần bạch với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Nay con muốn tạo phước nghiệp, xin cho con được toại nguyện. Nay con muốn được chăm sóc Tôn giả Xá-lợi-phất.

---

[32] Ma-sấu quốc (摩瘦國), tên gọi khác của nước Ma-kiệt-đà (摩竭陀, Magadha). *S.* 47.13 - V. 161 ghi nhận rằng, quê hương của ngài Xá-lợi-phất là thôn Nāla, thuộc nước Magadha. Theo *Đại Đường Tây Vức ký* 大唐西域記 (*T.*51. 2087.4. 0890b07), ở nước Ma-kiệt-đà (摩竭陀) có địa danh Mạt-thố-la (秣菟羅, Mathura), tại đây có tháp thờ Xá-lợi của ngài Xá-lợi-phất.

[33] Quân-đầu Sa-di (均頭沙彌, Cunda Samaṇuddesa).

[34] Nguyên tác: Cúng dường Tôn giả Xá-lợi (供養尊者舍利).

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng không đáp. Thích-đề-hoàn-nhân bèn đích thân đổ phẩn tiểu, không ngại khó nhọc. Thế rồi ngay trong đêm đó, Tôn giả Xá-lợi-phất vào Niết-bàn. Bấy giờ, mặt đất này sáu phen rúng động và có tiếng vang lớn. Chư thiên tung mưa hoa, trỗi các kỹ nhạc. Chư thiên có mặt đầy khắp hư không, chư thiên thần diệu cũng rải hoa câu-mâu-đầu, hoặc rải hương bột chiên-đàn để cúng dường. Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất đã Diệt độ, chư thiên ở giữa hư không đều bi thương khóc lóc không kiềm nén được. Lúc ấy, cũng lại như thế, ở giữa hư không, dục thiên, sắc thiên, vô sắc thiên đều cùng rơi lệ, giống như mưa phùn mùa xuân và họ đồng thanh than tiếc: "Nay Tôn giả Xá-lợi-phất đã vào Bát-niết-bàn, sao mà nhanh quá vậy!"

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân thâu gom tất cả các loại hương liệu để thiêu nhục thân Tôn giả Xá-lợi-phất. Cúng dường các thứ xong, sau đó thâu nhặt Xá-lợi và y bát trao lại cho Sa-di Quân-đầu rồi bảo:

– Đây là Xá-lợi và y bát của thầy ông, hãy đến dâng trình lên Thế Tôn. Đến nơi, ông hãy đem việc này bạch đầy đủ với Thế Tôn. Nếu Ngài có dạy điều gì thì cứ theo đó mà vâng làm.

Quân-đầu đáp:

– Thưa vâng, Câu-dực!

Bấy giờ, Sa-di Quân-đầu mang y bát và Xá-lợi đi đến chỗ A-nan, bạch với A-nan:

– Thầy con đã Diệt độ. Nay con mang y bát và Xá-lợi đến dâng lên Thế Tôn.

Tôn giả A-nan thấy xong, liền rơi lệ và bảo:

– Thầy hãy cùng tôi đến chỗ Thế Tôn, đem việc này cùng bạch Thế Tôn. Nếu Thế Tôn dạy điều gì, chúng ta theo đó vâng làm.

[0641a02] Quân-đầu đáp:

– Xin vâng, thưa Tôn giả!

Rồi A-nan dẫn Sa-di Quân-đầu đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi bạch:

– Sa-di Quân-đầu có đến chỗ con, thưa với con rằng: "Thầy con đã Diệt độ. Nay mang y bát dâng lên Như Lai." Hôm nay, lòng con buồn bã, tâm trí hoang mang, không còn biết gì cả. Nghe tin Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn, con quá đau lòng xót dạ!

Thế Tôn bảo:

– Thế nào, A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất dùng giới thân để nhập Niết-bàn ư?

A-nan thưa:

– Không phải vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn hỏi:

– Thế nào, A-nan, thầy ấy dùng định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát sở kiến thân[35] mà Diệt độ chăng?

A-nan bạch Phật:

– Tôn giả Xá-lợi-phất không dùng giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát sở kiến thân để Diệt độ. Nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất thường hay giáo hóa, thuyết pháp không biết chán, dạy giới cho các Tỳ-kheo cũng không biết chán. Nay con nhớ ân sâu của Tôn giả Xá-lợi-phất quá nhiều, cho nên buồn đau.

Thế Tôn bảo:

– Thôi, thôi, A-nan! Chớ buồn phiền nữa. Vật vốn vô thường, muốn chúng còn mãi thì việc này không thể được. Hễ có sanh thì có tử. Thế nào, A-nan, chư Phật quá khứ chẳng phải đều Diệt độ sao? Giống như ngọn đèn, dầu hết thì đèn tắt. Như từ thời đức Phật đến nay, bảy vị Phật cùng các đệ tử chẳng phải đều nhập Bát-niết-bàn sao? Cũng vậy, các bậc Độc giác như là Thẩm Đế, Cao Xưng, Viễn Văn, Ni-sa, Ưu-ni-bát-sa, Già-la, Ưu-bát-già-la, các bậc Độc giác này chẳng phải đều đã Diệt độ sao? Đầu thời Hiền kiếp có Thánh vương của đại quốc tên là Thiện Duyệt Ma-ha-đề-bà, cũng như Chuyển Luân Thánh vương thời hiện tại lẽ nào chẳng phải đều nhập Bát-niết-bàn sao?

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Các hành đều vô thường, Có sanh ắt có diệt,
Không sanh cũng không diệt, Bậc nhất là diệt này.[36]

[0641b07] Thế Tôn bảo A-nan:[37]

– Nay thầy hãy đưa Xá-lợi của Xá-lợi-phất đến đây!

A-nan thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Khi ấy, A-nan liền trao Xá-lợi của Tôn giả Xá-lợi-phất đến tay Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm Xá-lợi, rồi nói với các Tỳ-kheo:

– Đây là Xá-lợi của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Thầy ấy là người trí tuệ, thông minh, tài cao trí lớn, có đầy đủ các trí, như là trí không thể cùng, trí không bờ đáy, có trí nhanh nhạy, có trí nhẹ nhàng, có trí sắc bén, có trí sâu xa, có trí xét kỹ. Thầy ấy cũng là người ít muốn biết đủ, thích nơi yên tĩnh, ý chí dũng mãnh, việc làm chánh niệm, tâm không khiếp nhược, lòng luôn nhẫn nhục, dứt trừ

[35] Giải thoát sở kiến thân (解脫所見身) còn gọi là "giải thoát tri kiến uẩn" (解脫知見蘊), "giải thoát tri kiến chúng" (解脫知見眾). *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.87. 0670a03) giải thích: Dùng trí tuệ để phá tan những phiền não trói buộc, chứng đắc giải thoát chúng. Do vì thông đạt tri kiến, chứng đắc giải thoát, nên gọi là giải thoát tri kiến chúng (以是慧破諸煩惱縛, 得解脫眾. 了了知見證解脫故, 名解脫知見眾).

[36] Bản Hán, hết quyển 18.

[37] Bản Hán, bắt đầu quyển thứ 19.

điều ác, thể tánh nhu hòa, không thích tranh cãi, thường tu tinh tấn, hành trì tam-muội, tu tập trí tuệ, trì niệm giải thoát, tu hành giải thoát sở kiến thân.

Các Tỳ-kheo nên biết, giống như đại thụ mà không có cành, hôm nay trong chúng Tỳ-kheo-tăng, Như Lai là đại thụ, Xá-lợi-phất Diệt độ rồi, Như Lai giống như đại thụ mà thiếu cành nhánh. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đi đến phương nào thì phương đó vui mừng tung hô: "Xá-lợi-phất dừng lại nơi đây!" Sở dĩ được như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có tài luận nghị với các dị học ngoại đạo, hết thảy đều bị thầy ấy hàng phục.

Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên hay tin Xá-lợi-phất Diệt độ, liền dùng thần túc đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Sau đó, Đại Mục-kiền-liên bạch với Thế Tôn:

– Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã Diệt độ rồi. Nay con cũng xin từ biệt Thế Tôn, con muốn Diệt độ!

Khi ấy, Thế Tôn yên lặng không đáp. Tôn giả Mục-liên lại hai, ba lần bạch Thế Tôn:

– Con muốn Diệt độ!

Bấy giờ, Thế Tôn cũng lại yên lặng không đáp. Tôn giả Mục-liên thấy Thế Tôn im lặng không đáp, liền đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi rời đi. Tôn giả Mục-liên về đến tinh xá, thu xếp y bát và rời thành La-duyệt, tự mình trở về quê hương. Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo đi theo Tôn giả Mục-liên đến thôn Ma-sấu, Tôn giả Mục-liên du hóa tại đây, rồi sau đó mang trọng bệnh.

[0641c03] Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên tự thân trải tòa ở giữa đất trống mà ngồi, rồi an trú vào Thiền thứ nhất. Ra khỏi Thiền thứ nhất vào Thiền thứ hai. Ra khỏi Thiền thứ hai vào Thiền thứ ba. Ra khỏi Thiền thứ ba vào Thiền thứ tư. Ra khỏi Thiền thứ tư lại vào Không xứ. Xuất định Không xứ liền nhập Thức xứ. Xuất định Thức xứ rồi nhập Vô sở hữu xứ. Xuất định Vô sở hữu xứ liền nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Xuất định Phi tưởng phi phi tưởng xứ liền nhập tam-muội Hỏa quang. Xuất tam-muội Hỏa quang liền nhập tam-muội Thủy quang. Xuất tam-muội Thủy quang rồi nhập định Diệt tận.

Xuất định Diệt tận lại nhập tam-muội Thủy quang. Xuất tam-muội Thủy quang lại nhập tam-muội Hỏa quang. Xuất tam-muội Hỏa quang lại nhập định Phi tưởng phi phi tưởng. Xuất định Phi tưởng phi phi tưởng lại nhập Vô sở hữu xứ. Xuất định Vô sở hữu xứ lại nhập Thức xứ, rồi lần lượt đến Không xứ, Thiền thứ tư, Thiền thứ ba, Thiền thứ hai, Thiền thứ nhất. Ra khỏi Thiền thứ nhất rồi liền bay lên hư không với tư thế ngồi, nằm và kinh hành; trên thân bốc lửa, dưới thân tuôn nước, hoặc trên thân tuôn nước, dưới thân bốc lửa, tạo ra mười tám cách biến hóa thần túc.

Sau đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trở về tòa ngồi kiết-già, giữ thân ngay thẳng, tâm không loạn động, buộc niệm trước mặt, rồi an trú vào Thiền thứ

nhất. Ra khỏi Thiền thứ nhất vào Thiền thứ hai. Ra khỏi Thiền thứ hai vào Thiền thứ ba. Ra khỏi Thiền thứ ba vào Thiền thứ tư. Ra khỏi Thiền thứ tư liền nhập Không xứ. Xuất định Không xứ liền nhập Thức xứ. Xuất định Thức xứ rồi nhập Vô sở hữu xứ. Xuất định Vô sở hữu xứ liền nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Xuất định Phi tưởng phi phi tưởng xứ liền nhập tam-muội Hỏa quang. Xuất tam-muội Hỏa quang liền nhập tam-muội Thủy quang. Xuất tam-muội Thủy quang rồi nhập định Diệt tận. Xuất định Diệt tận lại nhập tam-muội Thủy quang, lần lượt đến tam-muội Hỏa quang, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ, Thức xứ, Không xứ, Thiền thứ tư, Thiền thứ ba, Thiền thứ hai, Thiền thứ nhất. Rồi ra khỏi Thiền thứ nhất vào Thiền thứ hai. Ra khỏi Thiền thứ hai vào Thiền thứ ba. Ra khỏi Thiền thứ ba vào Thiền thứ tư. Ra khỏi Thiền thứ tư rồi ngay đó Diệt độ.

Ngay khi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên Diệt độ, mặt đất rúng động rất mạnh, chư thiên bảo nhau cùng hiện đến lễ viếng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đồng thời mang vật dụng đến để cúng dường Tôn giả, hoặc mang nhiều loại hương hoa đến cúng dường. Chư thiên ở giữa hư không trỗi các kỹ nhạc, đánh đàn, ca múa để cúng dường lên Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

[0642a03] Khi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã Diệt độ, trong thôn Na-la-đà[38] chư thiên đầy kín trong phạm vi một do-tuần. Lúc ấy, cũng có rất nhiều Tỳ-kheo mang đủ các loại hương hoa rải lên thi thể của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

Bấy giờ, Thế Tôn từ thành La-duyệt cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo tuần tự khất thực và du hóa trong nhân gian, dần đến thôn Na-la-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên Diệt độ chưa bao lâu. Thế Tôn ngồi nơi đất trống, lặng thinh quán sát chúng Tỳ-kheo. Sau khi im lặng quán sát chúng Tỳ-kheo xong, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai quán sát trong chúng này, cảm thấy có sự mất mát quá lớn. Bởi vì từ nay trong chúng này không còn Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Trước đây, nơi nào có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến thì nơi đó không còn u tịch, mà truyền tin vui rằng: Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đang ở nơi này. Sở dĩ như vậy, bởi vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có thể hàng phục ngoại đạo tại đây.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Việc làm của chư Phật rất kỳ đặc, có hai đệ tử trí tuệ và thần túc nhập Bát-niết-bàn, nhưng Như Lai không có buồn lo. Ngay cả hằng sa Như Lai trong quá khứ cũng có đệ tử trí tuệ và thần túc này, cho đến chư Phật ra đời ở tương lai cũng sẽ có đệ tử trí tuệ và thần túc như vậy.

---

[38] Na-la-đà thôn (那羅陀村, Nālaka), một ngôi làng Bà-la-môn gần Vương Xá, là nơi sanh trưởng của ngài Xá-lợi-phất. Theo *DPPN*, nơi sanh của ngài Mục-kiền-liên tại Kolita, cũng là một ngôi làng gần Vương Xá.

Tỳ-kheo nên biết, thế gian có hai hình thức bố thí. Là hai hình thức nào? Đó là bố thí tài vật và bố thí pháp. Tỳ-kheo nên biết, nếu nói về bố thí tài vật thì hãy cầu nơi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Nếu muốn bố thí pháp thì hãy cầu ở Như Lai. Sở dĩ như vậy, bởi vì nay Như Lai không tiếp nhận bố thí tài vật; hiện tại các thầy nên cúng dường Xá-lợi của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

– Chúng con nên cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên như thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Nên gom góp các loại hương hoa và xây dựng bốn ngôi tháp tại bốn giao lộ lớn để cúng dường Xá-lợi. Vì sao phải làm như vậy? Bởi vì nếu có dựng tháp thì chỉ có bốn bậc này mới đáng dựng tháp để thờ phụng. Là bốn bậc nào? Đó là Chuyển Luân Thánh vương, A-la-hán dứt hết phiền não, bậc Độc giác và Như Lai mới xứng đáng được dựng tháp để thờ phụng.

[0642b01] Lúc này, A-nan bạch Thế Tôn:

– Vì nhân duyên gì mà Như Lai mới xứng đáng được dựng tháp? Lại vì nhân duyên gì mà bậc Độc giác, A-la-hán dứt hết phiền não và Chuyển Luân Thánh vương mới xứng đáng được dựng tháp?

Thế Tôn bảo:

– Các thầy nên biết, Chuyển Luân Thánh vương tự mình hành mười điều thiện, tu mười công đức; lại còn khuyên bảo người khác tu hành mười điều thiện và mười công đức. Những gì là mười điều thiện? Đó là tự mình không sát sanh, lại khuyên bảo người khác không sát sanh. Tự mình không trộm cướp, lại khuyên bảo người khác không trộm cướp. Tự mình không dâm dật, lại khuyên bảo người khác không dâm dật. Tự mình không nói dối, lại khuyên bảo người khác không nói dối. Tự mình không nói lời thêu dệt, lại khuyên bảo người khác không nói lời thêu dệt. Tự mình không ganh ghét, lại khuyên bảo người khác không ganh ghét. Tự mình không tranh cãi kiện tụng, lại khuyên bảo người khác không tranh cãi kiện tụng. Tự mình nhớ nghĩ chân chánh, lại khuyên bảo người khác nhớ nghĩ chân chánh. Tự mình hành chánh kiến, lại khuyên bảo người khác hành chánh kiến.

Tỳ-kheo nên biết, Chuyển Luân Thánh vương có mười công đức này, cho nên xứng đáng được dựng tháp cúng dường.

A-nan bạch Thế Tôn:

– Lại vì nhân duyên gì mà đệ tử của Như Lai xứng đáng được dựng tháp cúng dường?

Thế Tôn bảo:

– A-nan nên biết, A-la-hán dứt hết phiền não thì không còn thọ thân nữa, trong sạch như vàng ròng, ba độc và năm kiết sử vĩnh viễn không còn sanh khởi. Vì nhân duyên này mà đệ tử Như Lai xứng đáng được dựng tháp.

A-nan lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì mà bậc Độc giác xứng đáng được dựng tháp?

Thế Tôn bảo:

– Các bậc Độc giác không thầy mà tự ngộ, đã đoạn trừ các kiết sử, không còn tái sanh nữa, cho nên đáng được dựng tháp cúng dường.

A-nan bạch Thế Tôn:

– Lại vì nhân duyên gì mà Như Lai xứng đáng được dựng tháp?

Thế Tôn bảo:

– Này A-nan, bởi vì Như Lai có mười lực, bốn vô sở úy, là bậc hàng phục những ai chưa được hàng phục, độ người chưa được độ, giúp người chưa chứng đắc được chứng đắc, giúp người chưa được Niết-bàn thành tựu Niết-bàn. Những ai nhìn thấy Như Lai đều sanh tâm hoan hỷ. Này A-nan, vì thế nên Như Lai xứng đáng được dựng tháp cúng dường.

Đó gọi là Như Lai xứng đáng được dựng tháp.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. TÔN GIẢ BÀ-CA-LÊ[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[0642c01] Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê[40] thân mang bệnh nặng, nằm đại tiểu tiện tại chỗ nên có ý định dùng dao tự sát, nhưng không thể tự ngồi dậy được. Khi ấy, Tôn giả Bà-ca-lê bèn bảo thị giả:

– Con hãy mang dao đến đây! Ta muốn tự sát. Bởi vì trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca[41] hiện nay, người có Tín giải thoát[42] không ai vượt hơn ta. Thế mà mãi đến hôm nay, tâm hữu lậu của ta vẫn chưa giải thoát. Do vậy, khi gặp khổ não, ta là hàng đệ tử Như Lai cũng muốn dùng dao tự sát. Chỉ vì sanh mạng này mà ta không thể từ bờ này đến bờ bên kia.

---

[39] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.10. 0642b29). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1265. 0346b07); *S.* 22-87 - III. 119.

[40] Bà-ca-lê (婆迦梨, Vakkali).

[41] Nguyên tác: Thích-ca-văn Phật (釋迦文佛).

[42] Tín giải thoát (信解脫, *Saddhāvimutta*).

Bấy giờ, đệ tử của Bà-ca-lê xuất gia chưa được bao lâu nên chưa biết nghĩa lý đời này, đời sau, không biết từ bờ này đến bờ bên kia, cũng không biết chết đây rồi sanh nơi khác, liền đưa dao cho Tôn giả. Khi có dao rồi, Bà-ca-lê với lòng tin kiên cố, cầm dao tự đâm mình. Nhưng khi vừa đưa dao lên để tự đâm, Bà-ca-lê chợt nghĩ: "Trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca, nếu làm những việc phi pháp thì sẽ lãnh chịu quả xấu, chẳng được lợi ích tốt lành. Ở trong giáo pháp của Như Lai, ta vẫn chưa chứng ngộ, lẽ nào lại chọn cái chết!"

Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê liền tư duy về năm thủ uẩn: Đây là sắc, đây là tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Tôn giả ấy tư duy sâu xa về năm thủ uẩn này, các pháp có sanh thì ắt có diệt. Biết vậy rồi, tâm hữu lậu liền được giải thoát. Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê liền ở nơi Vô dư Niết-bàn giới mà thể nhập Bát-niết-bàn.

Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe Tôn giả Bà-ca-lê muốn dùng dao tự sát, bèn bảo A-nan:

– Hãy tập trung các Tỳ-kheo tại thành Xá-vệ về một chỗ, Như Lai có điều muốn chỉ dạy!

Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn, liền triệu tập các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Tập, rồi trở về bạch với Thế Tôn:

– Hôm nay, chúng Tỳ-kheo đã vân tập về một chỗ!

Lúc này, Thế Tôn liền dẫn chúng Tỳ-kheo-tăng tuần tự trước sau cùng đến tinh xá của Tôn giả Bà-ca-lê. Ngay khi ấy, Tệ ma Ba-tuần cũng muốn biết thần thức Tôn giả Bà-ca-lê đang ở chốn nào, trong loài người hay loài phi nhân, hay trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lưu-la, ma-hưu-lặc, dạ-xoa? Thần thức của Tôn giả này rốt cuộc đang ở đâu, sanh đến nơi nào, tìm xem khắp bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương phụ và trên, dưới vẫn không thấy thần thức Tôn giả ấy ở đâu. Khi ấy, thân thể Ma Ba-tuần đã rất mỏi mệt mà vẫn chưa biết thần thức ấy nơi đâu.

[0643a03] Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau cùng đến tinh xá kia. Thế Tôn quán thấy Ma Ba-tuần muốn biết thần thức Tôn giả Bà-ca-lê đang ở đâu, liền hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy có nghe trong tinh xá này có âm thanh lớn không? Lại còn có ánh sáng kỳ quái nữa?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa Thế Tôn, chúng con có nghe thấy!

Thế Tôn bảo:

– Đó là Tệ ma Ba-tuần muốn biết thần thức của Bà-ca-lê hiện đang ở đâu.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Cúi xin Thế Tôn cho chúng con được biết thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê hiện đang ở đâu?

Thế Tôn bảo:

– Thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê vĩnh viễn không còn trụ vào bất cứ nơi đâu. Người thiện gia nam tử kia đã vào Niết-bàn. Các thầy hãy nhận biết như vậy.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Tỳ-kheo Bà-ca-lê này đắc tứ đế khi nào?

Thế Tôn đáp:

– Đã đắc tứ đế vào ngày hôm nay.

A-nan bạch Phật:

– Tỳ-kheo này mắc bệnh đã lâu, vốn là người phàm.

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, A-nan! Đúng như lời thầy nói, Tỳ-kheo này chịu bệnh khổ rất lâu. Trong các đệ tử của Phật Thích-ca có Tín giải thoát thì vị này là hơn hết, nhưng vì tâm hữu lậu chưa được giải thoát nên thầy ấy mới suy nghĩ: "Nay ta nên dùng dao để tự sát." Trong lúc Tỳ-kheo này sắp tự đâm mình, liền tư duy đến công đức của Như Lai. Ngay khi xả bỏ thân mạng, vị ấy tư duy về năm thủ uẩn: Đây là tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Khi Tỳ-kheo ấy tư duy như vậy rồi, các pháp tập khởi đều được diệt tận, vị ấy đạt được Niết-bàn.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[43]

Tứ ý đoạn chi pháp,
A-di, Pháp bổn mạt,
Tứ ám, Lão suy pháp,
Xá-lợi, Bà-ca-lê.

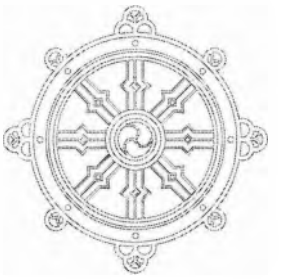

[43] Nguyên tác Nhiếp tụng: 四意斷之法; 四闇, 老耄法; 阿夷, 法本末; 舍利, 婆迦梨. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bài kệ này tóm tắt 7 bài kinh, trong khi phẩm này có 10 bài kinh.

27. PHẨM CÙNG HƯỚNG VỀ BỐN SỰ THẬT[1]

1. BỐN SỰ THẬT[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo! Pháp mà Như Lai thường thuyết giảng đó là pháp về bốn sự thật. Như Lai đã dùng vô số phương tiện để quán sát pháp này, phân biệt nghĩa lý và giảng rộng cho người. Bốn sự thật ấy là gì? Đó là pháp về sự thật khổ đau. Như Lai đã dùng vô số phương tiện để quán sát pháp này, phân biệt nghĩa lý và giảng rộng cho người; lại dùng vô số phương tiện để nói pháp về nguyên nhân của khổ, về khổ diệt và con đường đưa đến khổ diệt. Như Lai đã quán sát pháp này, phân biệt nghĩa lý và giảng rộng cho người.

[0643b03] Này các Tỳ-kheo! Các thầy nên gần gũi, tôn kính cúng dường Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất dùng vô số phương tiện nói pháp bốn sự thật này và giảng rộng cho mọi người. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất phân biệt nghĩa lý cho các chúng sanh và bốn bộ chúng, giảng rộng cho mọi người thì có vô số chúng sanh dứt sạch các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Này các Tỳ-kheo! Các thầy nên gần gũi, tôn kính cúng dường Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là cha mẹ của chúng sanh. Khi đã được sanh ra, người nuôi nấng khiến lớn khôn là Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nói pháp trọng yếu cho người, giúp họ thành tựu tứ đế. Còn Tỳ-kheo Mục-kiền-liên nói pháp trọng yếu cho người, giúp họ thành tựu đệ nhất nghĩa đế, thành tựu hạnh vô lậu. Vậy nên các thầy hãy gần gũi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên.

Sau khi dạy xong, Thế Tôn trở vào tịnh thất. Thế Tôn đi chưa bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

---

[1] Nguyên tác: *Đẳng thú tứ đế phẩm* 等趣四諦品 (*T*.02. 0125.27. 0643a25).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.1. 0643a26). Tham chiếu: *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T*.01. 0026.31. 0467a28); *Niệm xứ kinh* 念處經 (*T*.01. 0026.98. 0582b07); *Tứ đế kinh* 四諦經 (*T*.01. 0032. 0814b08); *M*. 141, *Saccavibhaṅga Sutta* (*Kinh phân biệt về sự thật*).

– Người nào có thể thấu đạt pháp về bốn sự thật thì người ấy sẽ nhanh chóng được lợi ích. Bốn sự thật ấy là gì? Đó là sự thật về khổ đau, hãy dùng vô số phương tiện để giảng rộng nghĩa lý này. Thế nào là sự thật về khổ đau? Nghĩa là khổ vì sanh, khổ vì già, khổ vì bệnh, khổ vì chết, khổ vì lo lắng, phiền muộn, khổ do ganh ghét gặp nhau, khổ bởi thương yêu xa lìa, khổ vì mong cầu không được. Nói tóm lại, năm thủ uẩn[3] là khổ. Đó gọi là sự thật về khổ.

Thế nào là sự thật về nguyên nhân của khổ? Nghĩa là do ái kiết[4] mà có khổ đau.

Thế nào là sự thật về khổ diệt?[5] Nghĩa là ái kiết đã dứt sạch, không còn sót lại gì. Đó gọi là diệt đế.

Thế nào là sự thật về con đường đưa đến khổ diệt? Nghĩa là tu tập tám đạo phẩm của Hiền thánh, gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy,[6] chánh ngữ, chánh tinh tấn,[7] chánh mạng, chánh nghiệp, chánh niệm và chánh định. Đó là con đường đưa đến khổ diệt. Chúng sanh chóng được lợi ích nếu khéo nghe pháp về bốn sự thật này.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất đang thuyết pháp này, có vô lượng chúng sanh không thể tính kể lắng nghe pháp này, mọi trần cấu đều dứt sạch, được Pháp nhãn thanh tịnh. Họ cùng nói: "Chúng con cũng sớm có được lợi ích, vì Thế Tôn đã nói pháp cho chúng con, giúp chúng con an vui nơi cõi phước."

Thế nên, bốn bộ chúng hãy tìm cầu phương tiện tu tập về bốn sự thật này!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. BỐN CHẤP THỦ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo suy nghĩ: "Giờ này hãy còn quá sớm để chúng ta vào thành khất thực, nên chăng chúng ta cùng nhau đến thôn của ngoại đạo dị học để luận nghị với họ."

---

[3] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm (五盛陰).

[4] Ái kiết (愛結): Tham ái trói buộc người.

[5] Nguyên tác: Tận đế (盡諦).

[6] Nguyên tác: Chánh trị (正治).

[7] Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便).

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.27.2. 0643c02). Tham chiếu: *Sư tử hống kinh* 師子吼經 (*T.*01. 0026.103. 0590b05); *M.* 11, *Cūḷasīhanāda Sutta* (*Tiểu kinh sư tử hống*).

Thế rồi, số đông Tỳ-kheo cùng đến thôn của ngoại đạo dị học. Đến nơi, chào hỏi nhau xong, ngồi xuống một bên. Lúc đó, Phạm chí dị học hỏi các Tỳ-kheo:

– Sa-môn Cù-đàm dạy pháp này cho các đệ tử: "Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hết lòng tu học pháp này, phải thấu hiểu tường tận, đã thấu hiểu tường tận rồi thì hãy cùng nhau hành trì." Chúng tôi cũng dạy cho các đệ tử pháp này, rằng: "Các ông cần hết lòng tu học pháp này, phải thấu hiểu tường tận, đã thấu hiểu tường tận rồi thì hãy cùng nhau hành trì." Sa-môn Cù-đàm có khác gì với chúng tôi đâu? Có hơn gì đâu? Nghĩa là Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp, chúng tôi cũng thuyết pháp; Sa-môn Cù-đàm dạy dỗ, chúng tôi cũng dạy dỗ.

Khi nghe những lời này rồi, các Tỳ-kheo không khẳng định đúng, cũng không thừa nhận sai, liền từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi và nói với nhau:

– Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi Thế Tôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực, sau khi thọ trai xong, họ thu xếp y bát, vắt tọa cụ lên vai trái và đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, các Tỳ-kheo đem sự việc này trình bạch tường tận lên Thế Tôn. Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu ngoại đạo kia hỏi như vậy thì các thầy nên hỏi lại rằng: "Cứu cánh thì có một hay có nhiều?" Hoặc có thể Phạm chí kia là người biết chính xác[9] thì họ sẽ đáp rằng: "Cứu cánh chỉ có một chứ chẳng phải có nhiều."

"Cứu cánh ấy là cứu cánh có tham dục hay cứu cánh không có tham dục?" Điều được gọi là cứu cánh ấy, phải nói là cứu cánh không có tham dục.

"Thế nào, cứu cánh kia là cứu cánh có sân hay cứu cánh không sân?" Cứu cánh ấy là cứu cánh không sân, chẳng phải là cứu cánh có sân.

"Thế nào, cứu cánh ấy là cứu cánh có si hay cứu cánh không si?" Cứu cánh ấy là cứu cánh không si.

"Thế nào, cứu cánh ấy là cứu cánh có ái hay cứu cánh không ái?" Cứu cánh ấy là cứu cánh không ái.

"Thế nào, cứu cánh ấy là cứu cánh có chấp thủ hay cứu cánh không có chấp thủ?"[10] Cứu cánh ấy là cứu cánh không có chấp thủ.

"Thế nào, cứu cánh ấy dành cho bậc trí hay chẳng phải bậc trí?" Đó là cứu cánh dành cho bậc trí.

---

[9] Nguyên tác: Bình đẳng (平等, *sama*). Theo ngữ cảnh, chữ "chân chánh" (真正, *sammā*) đúng hơn. Rất có thể vì âm đọc của "*sama*" (bình đẳng) và âm "*sammā*" (chân chánh) gần giống nhau nên dịch nhầm.

[10] Nguyên tác: Thọ (受), trong ngữ cảnh này dịch là "thủ", "chấp thủ" (取, 執取, *upādāna*). *M.* 11: *Sā niṭṭhā sa-upādānassa udāhu anupādānassā'ti?* (Đó là cứu cánh cho người có chấp thủ, hay cho người không còn chấp thủ?).

"Cứu cánh ấy là cứu cánh dành cho người phẫn nộ, hay cứu cánh dành cho người không phẫn nộ?"[11] Cứu cánh ấy phải nói là cứu cánh dành cho người không phẫn nộ.

[0644a05] Này các Tỳ-kheo! Có hai loại kiến chấp. Là hai loại nào? Đó là hữu kiến[12] và vô kiến.[13] Những Sa-môn, Bà-la-môn nào không hiểu rõ gốc ngọn của hai kiến này thì họ sẽ có tâm dục, tâm sân hận, tâm ngu si, tâm ái, tâm chấp thủ.[14] Họ là những người vô tri. Họ có tâm phẫn nộ, không tương ưng với Phạm hạnh.[15] Người ấy không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn, lo, khổ, não, nếm chịu chua cay muôn mối, không thoát khỏi khổ. Còn những Sa-môn, Bà-la-môn nào biết đúng như thật về hai kiến chấp này thì họ sẽ không có tâm ngu si, không có tâm sân hận, luôn tương ưng với Phạm hạnh, sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay Như Lai đã nói về nguồn gốc của khổ.

Này các Tỳ-kheo! Có Diệu pháp này có tên gọi là pháp bình đẳng. Những ai không hành theo pháp bình đẳng thì rơi vào năm nhận thức sai lầm.[16]

Nay Như Lai sẽ nói về bốn loại chấp thủ.[17] Là bốn loại chấp thủ nào? Đó là dục thủ, kiến thủ, giới thủ và ngã thủ. Đó là bốn loại chấp thủ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết hết tên gọi của dục thủ, người ấy tuy biết hết tên gọi của dục thủ nhưng lại không phải là người tương ưng. Người ấy tuyên bố rằng có thể phân biệt hết thảy tên gọi của các loại chấp thủ, nhưng chỉ phân biệt được tên gọi của loại chấp thủ đầu tiên là dục thủ, mà không phân biệt được tên gọi của kiến thủ, giới thủ và ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không khéo phân biệt tên gọi của ba loại chấp thủ này.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố rằng có thể phân biệt hết các loại chấp thủ này, nhưng họ chỉ phân biệt được dục thủ và kiến thủ, mà không phân biệt được giới thủ và ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không khéo phân biệt được hai loại chấp thủ này.

---

[11] Nguyên tác: Nộ giả sở cứu cánh (怒者所究竟), ở đây nên hiểu là không bất mãn với hoàn cảnh. *M.* 11: *Sā niṭṭhā anuruddhappaṭiviruddhassa udāhu ananuruddha-appaṭiviruddhassā'ti?* (Đó là cứu cánh cho người thuận tùng (lạc quan) hay người vi nghịch (bi quan), hay không thuận tùng, không vi nghịch?)

[12] Hữu kiến (有見, *Atthitā*) còn gọi là Thường kiến. *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T.*25. 1509.37. 0331b03) định nghĩa: Hoặc có chúng sanh cho rằng tất cả những gì do sáu căn nhận biết đều thực có, gọi đó là "Hữu kiến" (或有眾生謂一切六根所知法皆有, 是為有見).

[13] Vô kiến (無見, *Natthitā*) còn gọi là Đoạn kiến. *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T.*25. 1509.37. 0331b01) định nghĩa: Hoặc có chúng sanh cho rằng tất cả đều không, tâm chấp chặt nơi cái không đó. Vì chấp chặt nơi cái không đó nên gọi là Vô kiến (或有眾生謂一切皆空, 心著是空. 著是空故, 名為無見).

[14] Nguyên tác: Thọ (受), trong ngữ cảnh này dịch là "thủ", "chấp thủ" (取, 執取, *upādāna*).

[15] Nguyên tác: Bất dữ hạnh tương ưng (不與行相應). Hạnh là đạo lý (行, 道也), trong ngữ cảnh này chỉ cho Phạm hạnh (*Brahmacariyā*).

[16] Nguyên tác: Ngũ kiến (五見), tức là "ngũ chủng tà kiến" (五種邪見), gồm thân kiến (身見, *sakkāyadiṭṭhi*), biên kiến (邊見, *antaggāhadiṭṭhi*), tà kiến (邪見, *micchādiṭṭhi*), kiến thủ (見取, *diṭṭhiparāmāsa*) và giới cấm thủ (戒禁取, *sīlabbataparāmāsa*).

[17] Nguyên tác: Tứ thọ (四受). Pāli: *Cattārimāni upādānāni: kāmupādānaṃ, diṭṭhupādānaṃ, sīlabbatupādānaṃ, attavādu-pādāna* (Có 4 thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ).

Hoặc giả có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố rằng có thể phân biệt hết các loại chấp thủ, nhưng lại không thể phân biệt được đầy đủ. Họ có thể phân biệt dục thủ, kiến thủ, giới thủ, nhưng không phân biệt được ngã thủ. Sở dĩ như thế là vì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không khéo phân biệt ngã thủ. Cho nên, cũng có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tuyên bố rằng có thể phân biệt hết các loại chấp thủ, nhưng cũng không phân biệt được đầy đủ.

Đó là bốn loại chấp thủ. Chúng có nghĩa gì? Làm sao phân biệt? Bốn loại chấp thủ này là do ái sanh ra. Như vậy, Tỳ-kheo! Diệu pháp này cần phải phân biệt. Nếu không phân biệt được bốn loại chấp thủ này thì không được gọi là bình đẳng. Vì sao vậy? Bởi vì nghĩa của các pháp mà không khéo thấu rõ, không khéo nhận biết, như vậy thì chẳng phải là nghĩa của các pháp, chẳng phải là điều mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác[18] giảng nói. Tỳ-kheo nên biết! Như Lai có thể phân biệt tất cả các loại chấp thủ. Vì khéo phân biệt được tất cả các loại chấp thủ cho nên tương ưng với pháp, là phân biệt được dục thủ, kiến thủ, giới thủ và ngã thủ. Vì Như Lai khéo phân biệt hết các loại chấp thủ nên tương ưng với pháp, không chống trái pháp.

[0644b07] Bốn loại chấp thủ này do đâu mà sanh khởi? Bốn loại chấp thủ này do ái mà sanh khởi, do ái mà tăng trưởng. Nếu ai khéo phân biệt được các chấp này thì sẽ không còn sanh khởi các chấp thủ, do không sanh khởi các chấp thủ nên không còn sợ hãi; vì không còn sợ hãi nên thể nhập Niết-bàn và như thật biết rõ: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Có Diệu pháp như thế, các thầy nên biết đúng như thật, là căn bản của pháp hành, đầy đủ các pháp. Sở dĩ như vậy là vì pháp này vô cùng vi diệu, được chư Phật tuyên thuyết, giúp cho các Phạm hạnh không còn thiếu sót.

Ở đây, này các Tỳ-kheo! Có hạng Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư,[19] ngoài ra không còn hạng Sa-môn nào vượt hơn đây, không gì có thể vượt hơn các bậc này.

Đức Thế Tôn rống lên tiếng rống sư tử như thế.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[18] Nguyên tác: Tam-da-tam Phật (三耶三佛, *Sammāsambuddha*).

[19] Sơ Sa-môn, đệ nhị Sa-môn, đệ tam Sa-môn, đệ tứ Sa-môn (初沙門, 第二沙門, 第三沙門, 第四沙門): Tương ứng với 4 quả Thanh văn (聲聞): Tu-đà-hoàn quả (須陀洹果, *Sotāpannaphala*), Tư-đà-hàm quả (斯陀含, *Sakadāgāmiphala*), A-na-hàm quả (阿那含果, *Anāgāmiphala*), A-la-hán quả (阿羅漢果, *Arahattaphala*). Xem *Kinh độ Bạt-đề, Nan-đà*, số 1, phẩm 28, tr. 377 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.28.1. 0646c28).

3. PHƯỚC BÁU BỐ THÍ[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi trưởng giả:

– Thế nào, trưởng giả! Nhà ông vẫn thường bố thí phải không?

Trưởng giả bạch Phật:

– Nhà con vẫn thường bố thí, nhưng chỉ bố thí đồ ăn thức uống thô dở, không giống bình thường.

Thế Tôn bảo:

– Nếu khi bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít mà người bố thí không có lòng chí thành, lại không phát nguyện, cũng không có tín tâm thì do nghiệp báo này mà sẽ thọ sanh vào nơi không có được thức ăn ngon, vì tâm vị ấy không mong cầu an lạc, vì tâm vị ấy cũng không ưa thích mặc quần áo đẹp, vì vị ấy cũng không có tâm mong cầu gia nghiệp, ruộng vườn, cũng không có tâm ý ưa thích đối với năm dục; cho nên, dù người ấy có được tôi tớ, nô tỳ thì họ cũng không vâng lời. Sở dĩ như vậy là vì trong khi bố thí, người bố thí đó không đặt tâm vào, cho nên phải chịu quả báo này.

Nếu khi trưởng giả bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít thì phải có lòng chí thành, chớ có chểnh mảng, sơ sài mà đánh mất chiếc bè phương tiện sang sông ở đời sau. Được vậy thì khi sanh ra ở nơi nào trưởng giả cũng có thức ăn thức uống tự nhiên, bảy báu đầy đủ, tâm thường vui trong ngũ dục. Nếu có nô tỳ, tôi tớ thì họ luôn vâng lời. Sở dĩ như thế là nhờ trong lúc bố thí, trưởng giả đã phát tâm hoan hỷ.

[0644c05] Trưởng giả nên biết! Vào thuở quá khứ xa xưa, có vị Phạm chí tên Tỳ-la-ma,[21] là người có nhiều của cải và đồ vật quý báu như trân châu, hổ phách, xà cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly và rất thích bố thí. Bấy giờ, mỗi khi bố thí, ông dùng tám vạn bốn ngàn cái bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, lại đem tám vạn bốn ngàn cái bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn để bố thí. Ông ta cũng đem tám vạn bốn ngàn cái chậu rửa bằng vàng bạc ra để bố thí, lại đem tám vạn bốn ngàn con bò đều được ốp sừng bằng vàng bạc để bố thí. Ông ta còn đem tám vạn bốn ngàn ngọc nữ mặc trang phục đẹp đẽ để bố thí, lại đem tám vạn bốn ngàn chiếc ngọa cụ đều được may phủ bằng thảm lông thú có thêu hoa văn và tám vạn bốn ngàn bộ y phục để bố thí. Ông ấy còn đem tám vạn bốn ngàn voi quý được trang sức bằng vàng bạc,

---

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.3. 0644b19). Tham chiếu: *Tu-đạt-đa kinh* 須達哆經 (*T*.01. 0026.155. 0603b09); *Tam quy ngũ giới từ tâm yểm ly công đức kinh* 三歸五戒慈心厭離功德經 (*T*.01.0072. 0878c07); *Tu-đạt kinh* 須達經 (*T*.01. 0073. 0879a08); *Trưởng giả thí báo kinh*長者施報經 (*T*.01. 0074. 0880a09); *A*. 9.20 - IV. 392.

[21] Tỳ-la-ma (毘羅摩, Velāma).

cùng với tám vạn bốn ngàn con ngựa thảy được đóng yên cương bằng vàng bạc và tám vạn bốn ngàn cỗ xe để bố thí. Ông ấy bố thí rộng lớn như vậy. Ông ấy lại đem tám vạn bốn ngàn ngôi nhà để bố thí. Tại bốn cửa thành, những ai cần thức ăn thì cho thức ăn, cần áo mặc thì cho áo mặc; y phục, đồ ăn thức uống, giường chõng, tọa cụ, thuốc thang trị bệnh,... ông ấy đều cung cấp đầy đủ.

Trưởng giả nên biết, ông Tỳ-la-ma ấy tuy bố thí lớn như vậy, nhưng không bằng xây phòng xá để cúng dường cho chư Tăng mười phương.[22] Phước báu này không thể tính kể. Giả sử ông ấy bố thí như vậy, đồng thời xây dựng phòng xá để cúng dường cho chư Tăng mười phương, cũng không bằng tự thân thọ Ba quy y: Phật, Pháp và Thánh chúng. Phước báu này không thể tính kể. Giả sử ông ấy bố thí như vậy, lại còn xây dựng phòng xá và thọ Ba quy y, tuy có phước báu lớn nhưng vẫn không bằng phước báu thọ trì năm giới. Giả sử ông ấy có bố thí như vậy, lại còn xây dựng phòng xá, thọ Ba quy y và thọ trì năm giới, tuy có phước báu lớn nhưng vẫn không bằng phước báu khởi tâm từ đối với chúng sanh chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay. Công đức phước báu này không thể tính kể.

Giả sử người ấy bố thí như vậy, cho đến tạo dựng phòng xá, thọ Ba quy y, vâng giữ năm giới và khởi tâm từ đối với chúng sanh trong khoảnh khắc khảy móng tay, tuy có phước báu lớn nhưng vẫn không bằng phước báu trong chốc lát phát khởi niệm tưởng thế gian không gì đáng ưa thích. Công đức của phước báu này không thể tính kể.

Như vậy, những công đức mà người ấy tạo, Như Lai đều chứng biết cả. Phước xây dựng phòng xá cho chúng Tăng, Như Lai cũng biết rõ. Phước báu thọ Ba quy y, Như Lai cũng biết rõ. Phước báu thọ trì năm giới, Như Lai cũng biết rõ. Phước báu khởi tâm từ đối với chúng sanh trong khoảnh khắc khảy móng tay, Như Lai cũng biết rõ. Phước báu trong chốc lát phát khởi niệm tưởng thế gian không gì đáng ưa thích, Như Lai cũng biết rõ.

[0645a07] Đại thí chủ Phạm chí Tỳ-la-ma thuở đó, có phải là người nào khác chăng? Trưởng giả chớ nghĩ như vậy. Bởi vì người thí chủ khi ấy chính là Như Lai đây.

Trưởng giả nên biết, những công đức xưa kia mà Như Lai đã tạo là nhờ tín tâm chẳng dứt, không khởi tưởng chấp trước. Vậy nên, này trưởng giả! Khi muốn bố thí, dù nhiều hay ít, dù ngon hay dở, hãy luôn hoan hỷ ban cho, chớ khởi tưởng chấp trước. Tự tay mình bố thí, chớ sai bảo người khác, phát nguyện xin hồi hướng, sau đó cầu được phước thì trưởng giả sẽ được phước không cùng tận.

Thật vậy, trưởng giả! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, trưởng giả nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[22] Nguyên tác: Chiêu-đề-tăng (招提僧, *Catuddisāsaṅgha*): Chư Tăng bốn phương.

4. BỐN PHÁP VÍ DỤ[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Như khi mặt trời vừa lên, người dân cùng nhau làm ruộng, chim muông[24] hót vang, trẻ thơ la khóc. Tỳ-kheo nên biết! Nay Như Lai lấy đây làm ví dụ, các thầy hãy hiểu nghĩa của chúng. Nghĩa này phải hiểu thế nào?

Khi mặt trời vừa mọc là dụ cho Như Lai xuất hiện ở đời. Người dân cùng nhau làm ruộng là dụ cho đàn-việt thí chủ tùy thời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Chim muông hót vang là dụ cho bậc Pháp sư cao đức khéo thuyết pháp vi diệu cho bốn bộ chúng. Trẻ thơ khóc la là dụ cho Tệ ma Ba-tuần.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, giống như mặt trời mới mọc, Như Lai thị hiện nơi đời, xua tan bóng tối, soi sáng khắp nơi.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BỐN PHÁP NỀN TẢNG[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc bạch Thế Tôn:

– Bậc Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp để thực hành bố thí ba-la-mật, đầy đủ được sáu ba-la-mật, chóng thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân?

[0645b03] Phật nói với Bồ-tát Di-lặc:

– Nếu bậc Đại Bồ-tát thực hành bốn pháp nền tảng, đầy đủ sáu ba-la-mật, sẽ chóng thành Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác. Là bốn pháp nào? Nghĩa là Bồ-tát cúng dường bố thí, trên từ đức Phật, Độc giác,[26] dưới cho đến người phàm phu, thảy đều bình đẳng, không có tâm chọn lựa, luôn luôn nhớ nghĩ: "Tất cả đều nhờ ăn uống mà được tồn tại, không ăn thì sẽ chết." Đó gọi là Bồ-tát thành tựu pháp đầu tiên, đầy đủ sáu ba-la-mật.

---

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.27.4. 0645a16).

[24] Nguyên tác: Bách điểu (百鳥).

[25] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.27.5. 0645a28).

[26] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛). Xem chú thích 23, phẩm Tựa, tr. 9.

Lại nữa, khi Bồ-tát bố thí đầu, mắt, tủy, não, đất nước, tài sản, vợ con, với tâm luôn hoan hỷ khi bố thí, không khởi chấp trước. Giống như người đáng lẽ phải chết, nhưng khi sắp chết liền được sống lại nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Bồ-tát phát tâm hoan hỷ lúc bấy giờ cũng giống như vậy, thệ nguyện bố thí không khởi tâm chấp trước. Đó là Bồ-tát thành tựu pháp thứ hai, đầy đủ sáu ba-la-mật.[27]

Lại nữa, Di-lặc! Khi Bồ-tát bố thí đến khắp tất cả, không vì bản thân, khiến được thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân. Đó là Bồ-tát thành tựu pháp thứ ba, đầy đủ sáu ba-la-mật.

Lại nữa, Di-lặc! Bậc Đại Bồ-tát khi bố thí luôn tự tư duy: "Trong tất cả chúng sanh, Bồ-tát là đứng đầu, đầy đủ lục độ, thành tựu các cội gốc pháp." Vì sao? Bởi vì Bồ-tát các căn đã tịch tĩnh, luôn tư duy cấm giới, không khởi sân hận, tu tập tâm từ, dũng mãnh tinh tấn, tăng trưởng pháp thiện, trừ pháp bất thiện, luôn giữ tâm chuyên nhất, ý không loạn động, đầy đủ biện tài, pháp môn tu tập hoàn toàn không vượt thứ lớp, khiến cho các pháp bố thí này đầy đủ lục độ, thành tựu bố thí ba-la-mật.

Nếu bậc Đại Bồ-tát nào hành trì bốn pháp này, sẽ chóng thành tựu Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác.

Thế nên, này Di-lặc! Đại Bồ-tát lúc muốn bố thí thì nên phát thệ nguyện đầy đủ các hạnh này.

Thật vậy, Di-lặc! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

6. BỐN VÔ SỞ ÚY[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai thị hiện nơi đời thì có đủ bốn vô sở úy.[29] Nhờ thành tựu bốn vô sở úy này nên Như Lai trụ nơi thế gian mà không chấp trước, ở trong đại chúng rống tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp.[30]

---

[27] Câu này y cứ theo mạch văn mà thêm vào cho rõ nghĩa.

[28] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.27.6. 0645b26). Tham chiếu: *M.* 12: *Mahāsīhanāda Sutta* (*Đại kinh sư tử hống*); *A.* 8 - II. 8.

[29] Tứ vô sở úy (四無所畏, *cattārimāni tathāgatassa vesārajjāni*): Bốn điều tự tín khiến Như Lai không còn gì phải lo sợ. Theo kinh này là: (i) [Những việc cần làm] đã làm xong; (ii) Không thọ thân sau; (iii) Pháp lìa ngu si tăm tối; (iv) Dứt sạch mọi khổ đau (已辦, 不受胎, 離愚闇法, 盡苦).

[30] Nguyên tác: Phạm luân (梵輪, *Brahmacakkaṃ*). Bánh xe (*cakkha*), Phạm (梵, *Brahmā*) ở đây chỉ cho sự thanh tịnh, thù thắng. Cú ngữ này ở *DĀ.* 1; *MĀ.* 9 gọi là Pháp luân (法輪).

Thế nào là bốn vô sở úy? [Những việc cần làm, đối với] pháp này, ngày nay Như Lai đã làm xong,[31] giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, ma hoặc thiên ma, cho đến loài côn trùng bò, bay, cựa động ở trong đại chúng bảo rằng Như Lai chưa thành tựu pháp đó thì điều này không đúng. Ở trong đó, Như Lai đã đắc vô sở úy. Đó là vô sở úy thứ nhất.[32]

[0645c04] Ngày nay Như Lai đã dứt hết các lậu, không thọ thân sau nữa, giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc chúng sanh nào ở trong đại chúng nói Như Lai chưa dứt hết các lậu thì điều này không đúng. Đó là vô sở úy thứ hai.[33]

Ngày nay Như Lai đã lìa pháp si ám, mà muốn để pháp si ám quay lại thì điều này không bao giờ xảy ra. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, ma hoặc thiên ma, các loài chúng sanh ở trong đại chúng nói Như Lai quay lại pháp ngu tối thì điều này không đúng. Đó là vô sở úy thứ ba của Như Lai.[34]

Với pháp xuất ly[35] của các bậc Hiền thánh, [Như Lai] đã dứt sạch mọi khổ đau, dù muốn khiến [Như Lai] không xuất ly thì điều này quả thật phi lý. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, ma hoặc thiên ma, hay các loài chúng sanh nào ở trong đại chúng bảo rằng Như Lai chưa dứt hết khổ thì điều này không đúng. Đó là vô sở úy thứ tư của Như Lai.[36]

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. BỐN HẠNG BẬC NHẤT[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn hạng người thông minh, dũng mãnh, thông suốt cổ kim, thành tựu pháp và tùy pháp. Là bốn hạng người nào? Đó là Tỳ-kheo đa văn, thông suốt

---

[31] Nguyên tác: Dĩ biện (已辦), viết tắt của sở tác dĩ biện (所作已辯), nghĩa là những việc cần làm đã làm xong.

[32] *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.25. 0242a23) viết: Bậc có năng lực biết rõ hoàn toàn các pháp (正知一切法).

[33] *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.25. 0242a23) viết: Bậc đã diệt trừ tất cả phiền não và tập khí (盡一切漏及習).

[34] *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.25. 0242a24) viết: Bậc chỉ dạy con đường diệt trừ mọi thứ chướng ngại đạo (說一切障道法).

[35] Nguyên tác: Xuất yếu (出要, *nekkhamma*), cũng gọi là xuất ly, ly dục.

[36] *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.25. 0242a24) viết: Bậc chỉ dạy con đường dứt sạch mọi khổ đau (說盡苦道).

[37] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.27.7. 0645c18). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.873. 0220c04); *A.* 4.7 - II. 8.

cổ kim, ở trong đại chúng là người bậc nhất.[38] Tỳ-kheo-ni đa văn, thông suốt cổ kim, ở trong đại chúng là người bậc nhất. Ưu-bà-tắc đa văn, thông suốt cổ kim, ở trong đại chúng là người bậc nhất. Ưu-bà-di đa văn, thông suốt cổ kim, ở trong đại chúng là người bậc nhất. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn hạng người này, ở trong đại chúng là người bậc nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Dũng mãnh, không sợ hãi,
Là sư tử trong chúng,
Tỳ-kheo thành tựu giới,
Ưu-bà-tắc tin chắc,
Là bậc nhất trong chúng,
Trí tuệ họ sáng ngời,
Khéo thuyết pháp, đa văn,
Khéo dứt mọi yếu hèn.
Tỳ-kheo-ni đa văn,
Ưu-bà-di cũng vậy.
Khéo hòa thuận mọi người,
Như mặt trời vừa mọc.

[0646a04] Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học thông suốt cổ kim, thành tựu pháp và tùy pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. BỐN TÂM VÔ LƯỢNG[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn loại chim đại bàng cánh vàng.[40] Là bốn loại nào? Đó là chim đại bàng cánh vàng được sanh bằng trứng, chim đại bàng cánh vàng được sanh từ bào thai, chim đại bàng cánh vàng được sanh từ ẩm thấp, chim đại bàng cánh vàng được sanh từ biến hóa. Đó là bốn loại chim đại bàng cánh vàng. Cũng vậy, Tỳ-kheo! Có bốn loài rồng. Là bốn loại nào? Đó là loài rồng được sanh bằng trứng, loài rồng được sanh từ bào thai, loài rồng được sanh do ẩm thấp, loài rồng được sanh do biến hóa. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là có bốn loài rồng.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu khi chim đại bàng cánh vàng được sanh bằng trứng kia muốn ăn thịt loài rồng thì nó sẽ bay lên trên cây Thiết-xoa,[41] rồi tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia rộng sâu hai mươi tám vạn dặm, dưới đó có

---

[38] Xem *A.* 4.7 - II. 8: *Saṅghaṃ sobhenti* (những người ấy làm sáng chói Tăng chúng).

[39] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.27.8. 0646a07). Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T.*01. 0001.30.5. 0127a27).

[40] Kim Sí điểu (金翅鳥, Garuḷa).

[41] Thiết-xoa (鐵叉). Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T.*01. 0001.30.5. 0127b10) gọi là Cứu-la-thiềm-ma-la (究羅睒摩羅).

cung của bốn loài rồng. Có loài rồng sanh bằng trứng, có rồng sanh bằng thai, có rồng sanh từ ẩm thấp, có rồng sanh do biến hóa. Bấy giờ, chim đại bàng cánh vàng sanh bằng trứng sẽ dùng đôi cánh lớn quạt nước rẽ thành hai dòng và lao xuống bắt loài rồng sanh bằng trứng để ăn thịt. Nếu lúc ấy bắt nhầm loài rồng sanh bằng thai thì chim đại bàng cánh vàng sẽ mất mạng. Bấy giờ, chim đại bàng cánh vàng quạt nước bắt rồng, lúc nước chưa hợp dòng, nó đã quay trở lại cây Thiết-xoa.

Tỳ-kheo nên biết! Khi chim đại bàng cánh vàng sanh bằng thai muốn ăn thịt rồng, nó phải bay lên trên cây Thiết-xoa rồi lao mình xuống biển. Nước biển kia sâu rộng hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước lao xuống để bắt loài rồng sanh bằng thai. Nếu gặp loài rồng sanh bằng trứng, nó cũng có thể ngậm bắt chúng đưa ra khỏi biển. Nhưng nếu gặp phải loài rồng sanh từ ẩm thấp thì nó sẽ chết.

Tỳ-kheo nên biết! Khi chim đại bàng cánh vàng sanh do ẩm thấp muốn ăn thịt rồng, nó phải lên trên cây Thiết-xoa, tự lao mình xuống biển. Nước biển kia sâu rộng hai mươi tám vạn dặm. Nếu nó gặp loài rồng sanh từ trứng, rồng sanh từ bào thai, rồng sanh do ẩm thấp thì đều có thể bắt chúng. Còn nếu gặp phải loài rồng sanh do biến hóa thì chim này sẽ chết.

Này các Tỳ-kheo! Khi chim đại bàng cánh vàng sanh do biến hóa muốn ăn thịt rồng, nó phải lên trên cây Thiết-xoa, tự lao mình xuống biển. Nước biển đó sâu rộng hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước rẽ ra, lao xuống gặp loài rồng sanh từ trứng, rồng sanh từ thai, rồng sanh do ẩm thấp, rồng sanh do biến hóa, đều có thể bắt chúng. Khi hai dòng nước chưa kịp hợp lại, nó đã trở lên trên cây Thiết-xoa.

[0646b02] Tỳ-kheo nên biết! Nếu như rồng chúa biết phụng sự Phật thì khi ấy chim đại bàng cánh vàng sẽ không thể ăn thịt được. Vì sao như vậy? Bởi vì Như Lai thường thực hành bốn tâm vô lượng,[42] cho nên chim không thể ăn rồng. Thế nào là bốn tâm vô lượng? Như Lai thường hành tâm từ, thường hành tâm bi, thường hành tâm hỷ, thường hành tâm xả. Đó là, này các Tỳ-kheo! Như Lai luôn có bốn tâm vô lượng này; có sức mạnh lớn, có đại dũng mãnh, không gì có thể ngăn trở và phá hoại được. Vì vậy nên chim đại bàng cánh vàng không thể ăn rồng.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy thực hành bốn tâm vô lượng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[42] Nguyên tác: Tứ đẳng tâm (四等心).

9. BỐN CÁCH BỐ THÍ[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Khi bậc thiện tri thức bố thí, có bốn cách để bố thí. Là bốn cách nào? Bố thí đúng thời chứ không phải không đúng thời.[44] Tự tay bố thí chứ không sai bảo người khác.[45] Bố thí với vật thường trong sạch, chẳng phải vật không trong sạch.[46] Bố thí với vật rất tốt đẹp, chẳng phải vật ô uế.[47] Khi bậc thiện tri thức bố thí, có bốn cách để bố thí như vậy.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Những thiện nam, tín nữ khi bố thí cần phải có đầy đủ bốn cách này. Nếu có đủ bốn cách này thì sẽ được phước nghiệp lớn, được tịch diệt giải thoát. Phước đức này quả thật không thể tính kể, thế nên nói sẽ được phước nhiều như vậy, hư không cũng không thể dung chứa hết. Giống như nước biển không thể đong lường để nói là một hộc hay nửa hộc, một đấu hay nửa đấu.[48] Cũng vậy, phước nghiệp này không thể nào diễn đạt trọn vẹn. Như vậy, công đức thiện nam, tín nữ đã tạo không thể tính kể, được phước nghiệp lớn, được tịch diệt giải thoát, cho nên nói sẽ có phước đức như thế.

Thế nên, Tỳ-kheo! Thiện nam, tín nữ phải đầy đủ bốn cách bố thí này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. BỐN BẬC ĐÁNG TÔN QUÝ[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[43] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.27.9. 0646b11).

[44] Nguyên tác: Tri thời nhi thí, phi bất tri thời (知時而施, 非不知時). Tham chiếu: *A*. 5.36 - III. 41: *Kāladāna* (bố thí hợp thời); *akāladāna* (bố thí phi thời).

[45] Nguyên tác: Tự thủ huệ thí, bất sử tha nhân (自手惠施, 不使他人). Tham chiếu: *D*. 23 viết *sahatthadāna* (bố thí tự tay làm); *asahattha dāna* (bố thí không do tự tay mình làm).

[46] Nguyên tác: Bố thí thường tịnh khiết, phi bất tịnh khiết (布施常淨潔, 非不淨潔). Tham chiếu: Pāli viết *anavajja dāna* (bố thí vật trong sạch); *sāvajja dāna* (bố thí vật không trong sạch).

[47] Nguyên tác: Thí cực vi diệu, bất hữu ô trược (施極微妙, 不有穢濁). Tham chiếu: *D*. 23 viết *sakkacca dāna* (bố thí chu đáo); *asakkacca dāna* (bố thí không chu đáo).

[48] Nguyên tác: Hợp (合), còn gọi là hạp tử (盒子), là tên một đơn vị đo lường thể tích thời xưa, bằng 1/10 thăng.

[49] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.27.10. 0646b27).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hiện có bốn hạng người đáng kính, đáng quý, là ruộng phước của thế gian. Là bốn hạng người nào? Đó là bậc Tùy tín hành,[50] bậc Tùy pháp hành,[51] bậc Thân chứng[52] và bậc Kiến đáo.[53]

[0646c01] Thế nào gọi là người Tùy tín hành? Hoặc có một người lãnh thọ sự giáo giới của người khác, có lòng tin chí thành, tâm không nghi nan. Vị ấy có lòng tin đối với Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Người ấy cũng có lòng tin đối với lời dạy của Như Lai, lại cũng có lòng tin đối với lời dạy của Phạm chí, luôn tin vào lời những vị thầy khác, không dựa vào trí của mình. Đó gọi là người Tùy tín hành.

Thế nào gọi là người Tùy pháp hành? Như có người khéo phân biệt nơi pháp, không tin theo người khác, quán sát pháp và tự hỏi: "Pháp là có hay là không có, là thực hay hư." Người ấy lại suy nghĩ: "Pháp này là lời Như Lai, pháp này là lời của Phạm chí." Vì biết đây là lời của Như Lai, người ấy liền phụng trì. Khi biết đây là lời của ngoại đạo thì người ấy liền lìa xa. Đó gọi là người Tùy pháp hành.

Thế nào gọi là người Thân chứng? Như có người tự thân tác chứng, họ cũng không tin người khác, cũng không tin lời Như Lai, lại cũng không tin các ngôn giáo của các bậc tôn túc đã chỉ dạy, chỉ theo sự nhận biết của bản thân mà chứng nhập. Đó gọi là người Thân chứng.

Thế nào gọi là người Kiến đáo? Như có người đoạn trừ ba kiết sử, thành bậc Tu-đà-hoàn, không còn thoái chuyển. Người ấy có hiểu biết như vầy: Có bố thí, có người nhận, có quả báo thiện ác, có đời này và đời sau, có cha có mẹ, có A-la-hán, v.v... Người ấy vâng theo lời dạy, tự thân tin tưởng và tác chứng để tự mình chứng nhập. Đó gọi là người Kiến đáo.

Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là có bốn hạng người này. Hãy nhớ trừ bỏ ba hạng người trước, nhớ nghĩ và tu tập rồi tự thân chứng ngộ theo hạng người sau cùng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[54]

---

[50] Nguyên tác: Trì tín (持信), còn gọi là Tùy tín hành (隨信行, *Saddhānusārī*), đây là bậc thấp nhất trong 7 bậc Thánh Thanh văn.

[51] Nguyên tác: Phụng pháp (奉法), còn gọi là Tùy pháp hành (隨法行, *Dhammānusārī*), bậc thứ 2 từ dưới lên trong 7 bậc Thánh Thanh văn.

[52] Thân chứng (身證, *Kāyasakkhi*), bậc thứ 5 từ dưới lên, nhảy hàng 3 và 4. Trong liệt kê này, nguyên tác bỏ qua hàng thứ 3, tức là Tín giải thoát (信解脫, *Saddhāvimutta*).

[53] Kiến đáo (見到, *Diṭṭhippatta*) còn gọi là Kiến chí (見至), bậc chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn và đang hướng về các Thánh quả cao hơn.

[54] Bản Hán, hết quyển 19.

28. PHẨM THANH VĂN[1]

1. ĐỘ BẠT-ĐỀ, NAN-ĐÀ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo an trú trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

[0647a01] Bấy giờ, có bốn vị đại Thanh văn là Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Tân-đầu-lô, cùng nhóm họp một chỗ và bàn với nhau:

– Chúng ta cùng nhau quán sát trong thành La-duyệt này xem có người nào không biết tạo công đức cúng dường Phật, Pháp, Thánh chúng, chỉ vì họ không có tín tâm. Chúng ta hãy đến khuyên bảo, khiến họ tin theo pháp của Như Lai.

Bấy giờ, có vị trưởng giả tên là Bạt-đề, tiền bạc của cải nhiều không kể xiết; vàng bạc, trân bảo, xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, kẻ hầu người hạ đều có đầy đủ, nhưng lại bỏn xẻn không chịu bố thí. Đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, ông không gieo chút thiện duyên gì, cũng chẳng hề kính tin, phước cũ đã dùng hết, lại không biết tạo phước mới. Ông ấy thường chấp giữ tà kiến, cho rằng không có bố thí, không có phước đức, cũng không có người nhận, cũng không có quả báo thiện ác đời này và đời sau, cũng không có cha mẹ và người chứng đắc A-la-hán, lại cũng không có quả vị để chứng đắc. Nhà trưởng giả ấy có bảy lớp cửa, mỗi lớp cửa đều có người canh giữ không cho kẻ xin ăn đến. Ông ta lại còn dùng lưới sắt vây trùm khắp sân, vì sợ chim bay vào.

Trưởng giả này có người chị tên là Nan-đà, tánh tình cũng bỏn xẻn không chịu bố thí, không biết gieo trồng cội rễ công đức, phước cũ đã hưởng hết mà không chịu tạo thêm phước mới. Bà ta cũng chấp giữ tà kiến, cho rằng không có bố thí, không có phước đức, cũng không có người nhận, cũng không có quả báo thiện ác đời này và đời sau, cũng không có cha mẹ hay người chứng đắc A-la-hán, lại cũng không có quả vị để chứng đắc. Cửa nhà bà Nan-đà cũng có bảy lớp, cũng có người canh giữ không cho những kẻ xin ăn đến; lại còn dùng lồng lưới sắt vây phủ lên trên, không cho chim bay vào trong nhà.

---

[1] Nguyên tác: *Thanh văn phẩm* 聲聞品 (*T*.02. 0125.28. 0646c28).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.1. 0646c29). Tham chiếu: *DhA*. 4.5.

Bốn vị Tôn giả bàn với nhau:

– Hôm nay, chúng ta hãy khiến cho Nan-đà kính tin Phật, Pháp, chúng Tăng.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, trưởng giả Bạt-đề đang ngồi ăn bánh. Khi ấy, Tôn giả A-na-luật đúng giờ đắp y, ôm bát, rồi từ dưới lòng đất trong nhà trưởng giả vọt lên, chìa bát cho trưởng giả. Lúc này, trưởng giả rất buồn phiền, đặt vào bát Tôn giả A-na-luật một ít bánh. Tôn giả A-na-luật được bánh rồi, liền trở về trụ xứ.

Bấy giờ, trưởng giả liền sanh tức giận, mắng người giữ cửa:

– Ta đã có lệnh không để cho ai vào trong nhà. Tại sao các ông lại cho người vào?

Người canh cửa thưa:

– Cửa nẻo rất kiên cố, không biết Đạo sĩ này vào bằng đường nào?

Bấy giờ, ông trưởng giả lặng thinh không nói.

[0647b01] Ăn bánh xong, trưởng giả lại ăn tiếp thịt cá. Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp đắp y, ôm bát, đến nhà trưởng giả, từ dưới đất vọt lên, chìa bát về phía trưởng giả. Trưởng giả lòng rất buồn phiền, đành sớt cho Tôn giả một ít thức ăn. Ca-diếp được thức ăn rồi liền biến mất, trở về trụ xứ.

Lúc này, trưởng giả lại càng tức giận hơn trước, mắng người canh cửa:

– Từ trước ta đã ra lệnh không cho người vào trong nhà. Tại sao các ngươi lại để hai Sa-môn vào nhà khất thực?

Người canh cửa thưa:

– Chúng tôi không biết các Sa-môn này vào nhà bằng đường nào nữa?

Trưởng giả bảo:

– Sa-môn đầu trọc này khéo dùng huyễn thuật để mê hoặc người thế gian, thật không có chánh hạnh!

Bấy giờ, vợ trưởng giả ngồi cách đó không xa trông thấy hết mọi việc. Người vợ này là em của trưởng giả Chất-đa,[3] được cưới về từ Ma-sư-san.[4] Lúc đó, người vợ nói với trưởng giả:

– Ông hãy giữ gìn khẩu nghiệp, chớ nói các Sa-môn học huyễn thuật. Vì sao? Bởi vì các Sa-môn này có oai thần lớn. Họ mà đến nhà là có nhiều lợi ích cho ông. Trưởng giả! Ông có biết vị Tỳ-kheo đến trước là ai không?

Trưởng giả đáp:

– Tôi không biết.

---

[3] Chất-đa trưởng giả (質多長者, Citta gahapati). *S.* 41.1 - IV. 281 có ghi nhận về sự việc này.

[4] Ma-sư-san (摩師山) phiên âm từ Macchikāsaṇḍa. Theo *S.* 41.1 - IV. 281, đó là một thị trấn ở Kāsi.

Người vợ nói:

– Trưởng giả có nghe nói về con trai Vua Hộc Tịnh, nước Ca-tỳ-la-vệ, tên là A-na-luật, ngay khi vừa chào đời thì mặt đất sáu lần rúng động, chung quanh hoàng cung trong vòng một do-tuần có các kho báu tự nhiên hiện ra hay không?

Trưởng giả đáp:

– Tôi có nghe nói A-na-luật nhưng chưa được gặp.

Người vợ nói với trưởng giả:

– Người con trai nhà hào tộc này đã rời xa gia đình để xuất gia học đạo, tu hành Phạm hạnh, chứng A-la-hán, là vị có thiên nhãn bậc nhất không ai hơn được. Chính Như Lai cũng nói: "Trong hàng đệ tử của Ta, người có thiên nhãn bậc nhất là Tỳ-kheo A-na-luật." Lại nữa, ông có biết vị Tỳ-kheo thứ hai vào nhà mình khất thực là ai không?

Trưởng giả đáp:

– Tôi không biết.

Người vợ trưởng giả bảo:

– Trưởng giả! Ông có nghe trong thành La-duyệt này có vị đại Phạm chí tên Ca-tỳ-la[5] của cải rất nhiều, không thể kể hết, có đến chín trăm chín mươi chín con bò cày ruộng không?

Trưởng giả đáp:

– Tôi có biết Phạm chí này.

Người vợ trưởng giả nói tiếp:

– Trưởng giả! Ông có nghe nói con trai của vị Phạm chí này tên là Tỳ-ba-la-da-đàn-na,[6] thân thể có màu vàng ròng, có vợ sắp cưới tên là Bà-đà,[7] là người đẹp nhất trong phái nữ không? Giả sử đem vàng tử-ma[8] đến đặt trước cô ấy thì cũng giống như đem sắc đen mà so với sắc trắng.

Trưởng giả đáp:

– Tôi có nghe vị Phạm chí này có con trai tên là Tỳ-ba-la-da-đàn-na, nhưng lại chưa gặp.

[0647c02] Người vợ trưởng giả nói:

– Chính là vị Tỳ-kheo đến sau vừa rồi đó. Ông ấy đã từ bỏ ngọc nữ quý báu này để xuất gia học đạo, nay đã chứng đắc A-la-hán, thường hành hạnh Đầu-đà. Người có đầy đủ các pháp hạnh Đầu-đà, không ai vượt hơn Tôn giả Đại Ca-diếp này. Thế Tôn cũng nói: "Trong hàng đệ tử của Ta, Tỳ-kheo hành hạnh Đầu-đà[9]

---

[5] Ca-tỳ-la (迦毘羅) phiên âm từ Kapila, tên người Bà-la-môn, là thân phụ ngài Đại Ca-diếp.

[6] Tỳ-ba-la-da-đàn-na (比波羅耶檀那), P. Pippali, tên của Tôn giả Đại Ca-diếp.

[7] Bà-đà (婆陀), tên của ngài Bhaddhā Kāpilāni.

[8] Nguyên tác: Tử-ma kim (紫磨金), một loại vàng thượng đẳng.

[9] Đầu-đà (頭陀). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

bậc nhất chính là Đại Ca-diếp.” Hôm nay, trưởng giả được rất nhiều lợi lành mới khiến các vị Hiền thánh đến nơi này khất thực. Tôi đã quán biết được nghĩa lý này, cho nên mới khuyên ông khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chớ phỉ báng bậc Hiền thánh, chớ nói rằng họ làm trò huyễn thuật. Ông nên khen ngợi các vị đệ tử của đức Phật Thích-ca đều có phẩm đức trong sạch.

Bấy giờ, lại có Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đắp y, ôm bát, phi thân lên hư không bay đến nhà trưởng giả, phá bỏ lưới sắt rồi ngồi kiết-già ở giữa hư không. Trưởng giả Bạt-đề thấy Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi giữa hư không, liền sợ hãi nói:

– Ngài là trời chăng?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Tôi không phải trời.

– Ngài là càn-thát-bà chăng?

– Tôi không phải càn-thát-bà.

– Ông là quỷ ư?

– Tôi chẳng phải quỷ.

– Ông là quỷ la-sát ăn thịt người chăng?

– Tôi cũng không phải là quỷ la-sát ăn thịt người.

Bấy giờ, trưởng giả Bạt-đề liền nói bài kệ:

Là trời, càn-thát-bà, La-sát, quỷ thần chăng?
Đáp rằng chẳng phải trời, La-sát, hay quỷ thần.
Không giống càn-thát-bà, Nơi du hành đến đi,
Vậy ông tên là gì, Nay tôi muốn được biết?

Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên lại dùng kệ đáp:

Không phải trời, càn-thát, Cũng chẳng phải la-sát,
Ta đây là thân người, Ba đời được giải thoát.
Khéo hàng phục chúng ma, Thành tựu đạo Vô thượng,
Thích-ca là Thầy ta, Ta tên Đại Mục-liên.

Bấy giờ, trưởng giả Bạt-đề nói với Tôn giả Mục-liên:

– Tỳ-kheo có điều gì dạy bảo tôi không?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

– Nay tôi muốn nói pháp cho ông nghe, hãy khéo ghi nhớ.

Khi ấy, trưởng giả lại nghĩ: “Các Đạo sĩ này lúc nào cũng để tâm đến việc ăn uống. Nay muốn luận bàn, chắc sẽ luận bàn về việc ăn uống mà thôi. Nếu xin ta thức ăn thì ta sẽ nói ‘không.’” Rồi ông ấy lại nghĩ: “Dù sao hôm nay ta cũng nên nghe thử xem người này nói điều gì.”

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên biết được tâm niệm của trưởng giả, liền nói bài kệ:

Như Lai nói hai thí, Pháp thí và tài thí,
Nay tôi nói pháp thí, Ông thành ý lắng nghe.

[0648a08] Khi ông trưởng giả nghe Tôn giả Mục-kiền-liên nói sẽ giảng về pháp thí thì trong lòng rất vui và thưa với Tôn giả Mục-liên:

– Mong thầy diễn nói. Tôi sẽ lắng nghe và hiểu rõ.

Mục-liên đáp:

– Trưởng giả nên biết, Như Lai nói về năm sự bố thí lớn, suốt đời hãy ghi nhớ tu hành.

Khi ấy, trưởng giả lại nghĩ: "Tôn giả Mục-liên vừa rồi muốn nói đến pháp thí, sao bây giờ lại nói có năm sự bố thí lớn?"

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên biết được tâm niệm của trưởng giả, liền nói với trưởng giả:

– Như Lai nói có hai sự bố thí lớn, đó là pháp thí và tài thí. Nay tôi sẽ nói về pháp thí, không nói đến tài thí.

Trưởng giả liền hỏi:

– Thế nào là năm sự bố thí lớn?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Một là, không được sát sanh, đây gọi là bố thí lớn, trưởng giả nên suốt đời hành trì. Hai là, không trộm cướp, đây gọi là bố thí lớn, trưởng giả nên suốt đời hành trì. Ba là, không tà dâm. Bốn là, không nói dối. Năm là, không uống rượu, trưởng giả nên suốt đời hành trì. Này trưởng giả, đó gọi là có năm sự bố thí lớn, cần phải nhớ nghĩ mà hành trì.

Trưởng giả Bạt-đề nghe những lời này xong, lòng rất hoan hỷ, tự nghĩ: "Lời đức Phật Thích-ca nói rất là vi diệu. Những giới điều được giảng nói hôm nay không cần dùng đến của báu. Như hôm nay Phật bảo không được sát sanh, điều này ta có thể phụng hành. Vả lại, nhà ta của cải rất nhiều, chắc chắn sẽ không trộm cướp, đây cũng là việc làm của ta. Lại nữa, trong nhà ta đã có phụ nữ tuyệt đẹp nên nhất định không tà dâm, đây cũng là việc làm của ta. Ta không thích người nói dối, huống gì tự mình nói dối, đây cũng là việc làm của ta. Nay ta không hề nghĩ đến rượu, huống chi tự mình uống, đây cũng là việc làm của ta." Thế rồi, trưởng giả thưa với Tôn giả Mục-liên:

– Tôi có thể thực hành theo năm điều bố thí này.

Bấy giờ, trưởng giả thầm nghĩ: "Nay ta nên mời Tôn giả Mục-liên dùng cơm." Trưởng giả liền ngẩng đầu lên mời Tôn giả Mục-liên:

– Thỉnh thầy hạ cố an tọa dưới này!

[0648b01] Tôn giả Mục-liên liền hiện thân xuống và an tọa.

Bấy giờ, trưởng giả Bạt-đề đích thân bày biện các món ăn thức uống dâng cúng Tôn giả Mục-liên. Tôn giả Mục-liên thọ thực xong, lấy nước rửa tay. Trưởng giả lại nghĩ: "Ta nên đem một tấm dạ để cúng dường Tôn giả Mục-liên." Rồi ông vào kho chọn một tấm dạ trắng,[10] định lấy loại xấu, nhưng lại cầm đúng tấm dạ tốt nên ông ấy bỏ lại và lựa tấm khác, nhưng vẫn cầm đúng tấm tốt, ông ấy lại bỏ để chọn tấm khác.

Mục-liên biết được tâm niệm của trưởng giả, bèn nói bài kệ:

Thí với tâm so đo, Phước này Thánh hiền bỏ,
Khi thí chớ cân đo, Đúng thời tùy tâm thí.

Bấy giờ, trưởng giả liền nghĩ: "Tôn giả Mục-liên đã biết được tâm niệm của ta." Thế rồi, ông liền dâng tấm dạ trắng cúng dường Tôn giả Mục-liên. Khi ấy Tôn giả Mục-liên chú nguyện:

Xét rằng, thí bậc nhất, Là biết hàng Thánh nhân,
Thí này là hơn cả, Ruộng tốt sanh quả lành.

Khi chú nguyện xong, Tôn giả Mục-liên nhận lấy tấm dạ trắng ấy, khiến trưởng giả được phước vô cùng. Bấy giờ, trưởng giả liền ngồi qua một bên. Tôn giả Mục-liên lần lượt diễn nói pháp vi diệu cho ông ấy nghe. Như luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, xuất ly là an vui. Tôn giả Mục-liên bấy giờ cũng đem những giáo pháp mà chư Phật, Thế Tôn đã nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói lại tường tận cho trưởng giả. Bấy giờ, ngay tại chỗ ngồi, trưởng giả ấy được Pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm lụa mới trắng tinh, rất dễ nhuộm màu; cũng vậy, trưởng giả Bạt-đề ngay tại chỗ ngồi được Pháp nhãn thanh tịnh. Ông đã thấy pháp, đắc pháp, thấu rõ pháp ấy, không còn hoài nghi, xin trì năm giới, quy y Tam bảo là Phật, Pháp và Thánh chúng.

Sau khi thấy trưởng giả đã được Pháp nhãn thanh tịnh, Tôn giả Mục-liên liền nói kệ này:

Kinh giáo Như Lai thuyết, Căn nguyên thảy vẹn toàn,
Mắt tịnh, không chút nhiễm, Không do dự, nghi nan.

Khi ấy, trưởng giả kính thỉnh Tôn giả Mục-liên:

– Từ nay về sau, kính xin Tôn giả và bốn bộ chúng hãy thường xuyên nhận lời thỉnh cầu của con. Con xin cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh mà không chút hối tiếc.

Sau khi nói pháp cho trưởng giả xong rồi, Tôn giả Mục-liên đứng dậy rời đi.

Bấy giờ, hai đại Thanh văn là Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Tân-đầu-lô:

– Chúng tôi đã độ trưởng giả Bạt-đề. Nay thầy hãy đến hàng phục lão bà Nan-đà kia.

---

[10] Nguyên tác: Bạch điệp (白氎).

[0648c01] Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

– Việc này rất ý nghĩa.

Bấy giờ, lão bà Nan-đà đang tự tay làm bánh sữa. Đúng thời, Tôn giả Tân-đầu-lô đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực, tuần tự đến nhà lão bà Nan-đà. Tôn giả từ dưới lòng đất vọt lên, tay cầm chiếc bát đưa đến trước mặt lão bà Nan-đà để khất thực. Khi thấy Tôn giả Tân-đầu-lô, lão bà nổi cơn tức giận, buông lời mắng nhiếc:

– Tỳ-kheo nên biết! Dù ông có nài nỉ đến lòi con mắt, tôi cũng không bao giờ cho ông thức ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền nhập định khiến hai mắt lòi ra. Khi đó, lão bà Nan-đà lại càng thêm tức giận, buông lời thậm tệ:

– Dù Sa-môn ông có treo ngược thân giữa hư không, tôi cũng quyết không cho ông thức ăn!

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng định lực treo ngược thân ở giữa hư không. Khi đó, lão bà Nan-đà nổi giận gấp bội, buông lời hung ác:

– Dù toàn thân Sa-môn ông có bốc khói, tôi cũng nhất định không cho ông thức ăn!

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng định lực khiến toàn thân bốc khói. Lão bà thấy vậy, càng thêm giận dữ nói:

– Dù toàn thân Sa-môn có bốc cháy, tôi đây cũng dứt khoát không cho ông thức ăn!

Tôn giả Tân-đầu-lô liền dùng định lực khiến toàn thân mình bốc cháy. Lão bà thấy vậy, lại nói:

– Dù toàn thân Sa-môn có ra nước, tôi cũng cương quyết không cho ông thức ăn!

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng định lực khiến khắp thân tuôn nước. Lão bà thấy vậy, lại nói:

– Dù Sa-môn ông có chết trước mặt tôi, tôi cũng nhất định không cho ông thức ăn!

Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lô liền nhập Diệt tận định, không còn hơi thở ra vào, chết trước mặt lão bà. Lão bà thấy Tôn giả đã tắt thở, lòng rất sợ hãi, toàn thân nổi gai ốc, nghĩ thầm: "Sa-môn dòng họ Thích này được nhiều người biết đến, quốc vương cũng kính trọng. Nếu họ nghe tin ông ấy chết tại nhà ta thì chắc chắn ta phải đi hầu quan, sợ là không tránh khỏi liên lụy." Thế rồi bà ta liền nói:

– Sa-môn hãy tỉnh lại đi! Tôi sẽ cho ông thức ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền xuất định. Khi ấy, lão bà Nan-đà lại nghĩ: "Cái bánh này lớn quá. Ta nên làm lại cái nhỏ hơn để cho ông ấy." Thế là lão bà lấy

một ít bột gạo để làm cái bánh khác, nhưng cái bánh càng lớn hơn trước. Lão bà thấy vậy, lại nghĩ: "Bánh này lớn quá! Phải làm cái nhỏ lại." Thế nhưng cái bánh mới làm lại càng lớn hơn. Bà nghĩ: "Nên lấy cái làm đầu tiên để cho." Nhưng khi bà lấy chiếc bánh đầu tiên thì các chiếc bánh lại dính vào nhau. Lúc này, lão bà Nan-đà nói với Tôn giả Tân-đầu-lô:

– Thầy Tỳ-kheo, ông cần ăn thì tự lấy mà ăn. Đâu cần phải phiền toái nhau thế!

[0649a03] Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

– Đại tỷ nên biết, tôi không cần thức ăn, chỉ muốn nói vài lời với lão bà mà thôi!

Lão bà Nan-đà nói:

– Tỳ-kheo muốn khuyên bảo điều gì?

Tôn giả Tân-đầu-lô nói:

– Lão bà nên biết, nay bà hãy mang bánh này đến chỗ Thế Tôn. Nếu Thế Tôn dạy bảo điều gì, chúng ta sẽ cùng làm theo.

Lão bà đáp:

– Việc này rất thú vị!

Thế rồi, lão bà tự mình mang bánh theo sau Tôn giả Tân-đầu-lô đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, Tôn giả đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lô bạch Thế Tôn:

– Lão bà Nan-đà này là chị của trưởng giả Bạt-đề, tánh tình ích kỷ, tham ăn một mình, không chịu bố thí. Kính xin Thế Tôn nói pháp phát khởi tín tâm, giúp bà ta được khai mở.

Khi ấy, Thế Tôn nói với lão bà Nan-đà:

– Bà hãy mang bánh đến cúng cho Như Lai và các Tỳ-kheo!

Lão bà Nan-đà liền dâng bánh cúng dường Như Lai và các vị Tỳ-kheo khác. Nhưng rồi bánh vẫn còn dư. Lão bà Nan-đà bạch Thế Tôn:

– Số bánh vẫn còn dư.

Thế Tôn bảo:

– Cúng dường lần nữa cho Phật và Tỳ-kheo-tăng!

Lão bà Nan-đà vâng lời Phật dạy, đem bánh cúng dường lần nữa cho Phật và chúng Tỳ-kheo. Nhưng rồi bánh vẫn còn dư. Đức Phật lại bảo lão bà Nan-đà:

– Nay bà hãy đem số bánh này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni và chúng ưu-bà-tắc, ưu-bà-di!

Thế nhưng bánh vẫn còn. Thế Tôn lại bảo:

– Hãy đem số bánh này bố thí cho những người nghèo khổ!

Nhưng rồi bánh vẫn còn dư. Thế Tôn lại bảo:

– Hãy đem số bánh này để nơi đất sạch, hoặc cho vào trong nước thật sạch. Sở dĩ làm như vậy, bởi vì Như Lai chắc chắn không tìm thấy Sa-môn, Bà-la-môn, trời hay người nào có thể tiêu hết số bánh này, ngoại trừ Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Bà thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Khi ấy, lão bà Nan-đà liền đem số bánh này thả vào trong nước sạch, ngay lập tức lửa bùng lên. Lão bà Nan-đà thấy vậy, lòng rất sợ hãi, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự nói pháp cho bà nghe, như là luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, phiền não là nhiễm ô, giải thoát là thiết yếu. Bấy giờ, Thế Tôn nhận thấy lão bà Nan-đà tâm ý đã khai mở, liền đem giáo pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói tường tận cho bà nghe.

[0649b02] Sau khi nghe pháp, ngay tại chỗ ngồi, lão bà được Pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu, cũng vậy, bà ấy bấy giờ đã dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Bà ta đã đắc pháp, thành tựu pháp, không còn hồ nghi, vượt thoát do dự, được vô sở úy, liền phụng sự Tam bảo, thọ trì năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn giảng nói pháp lần nữa, khiến bà phát tâm hoan hỷ. Lão bà Nan-đà khi ấy bạch Thế Tôn:

– Từ nay về sau, xin Thế Tôn cho bốn bộ chúng đến nhà con nhận cúng dường. Từ giờ trở đi, con luôn hành bố thí, tu các công đức, phụng thờ Hiền thánh.

Sau đó, bà từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi rời đi.

Trưởng giả Bạt-đề và lão bà Nan-đà có người em trai tên Ưu-bà-ca-ni, là bạn thân với Vua A-xà-thế từ thuở nhỏ, hai người rất quý mến nhau. Bấy giờ, trưởng giả Ưu-bà-ca-ni đang canh tác ruộng nương, nghe tin anh Bạt-đề và chị Nan-đà đã được Như Lai giáo hóa nên thân tâm ông hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, suốt bảy ngày liền không thể ngủ nghỉ cũng chẳng ăn uống được. Sau khi công việc đồng áng đã xong, trưởng giả Ưu-bà-ca-ni quay về thành La-duyệt. Trên đường đi, ông nghĩ thầm: "Nay ta nên đến chỗ Thế Tôn trước, sau đó mới về nhà." Thế rồi trưởng giả bèn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, trưởng giả bạch Thế Tôn:

– Anh Bạt-đề cùng chị Nan-đà [của] con đã được Như Lai giáo hóa rồi chăng?

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, trưởng giả! Nay Bạt-đề và Nan-đà đã thấy được bốn sự thật và tu các pháp lành.

Trưởng giả Ưu-bà-ca-ni bạch Thế Tôn:

– Gia đình chúng con đã được lợi ích rất lớn.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, này trưởng giả! Đúng như lời ông nói. Nay cha mẹ ông được lợi ích rất lớn, đã gieo phước đời sau.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho trưởng giả. Trưởng giả nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ra. Trưởng giả đi đến chỗ Vua A-xà-thế và ngồi một bên.

Vua hỏi trưởng giả:

– Anh và chị của khanh đã được Như Lai giáo hóa rồi ư?

Trưởng giả tâu:

– Đúng vậy, Đại vương!

Vua nghe lời này, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền gióng chuông trống truyền lệnh khắp trong thành: "Từ nay trở về sau, những nhà nào không thờ Phật thì phải nộp thuế. Còn những ai phụng sự Phật thì được chào đón khi đến, lúc đi được tiễn đưa, bởi vì họ là anh em đồng đạo với trẫm."

[0649c02] Bấy giờ, Vua A-xà-thế ban cho trưởng giả Ưu-bà-ca-ni nhiều đồ ăn thức uống. Trưởng giả suy nghĩ: "Ta chưa bao giờ nghe Thế Tôn chỉ dạy hàng ưu-bà-tắc nên ăn thức ăn như thế nào? Nên uống loại thức uống như thế nào? Nay ta nên đến chỗ Thế Tôn trước để hỏi vấn đề này, sau đó mới ăn." Trưởng giả liền bảo một người hầu cận:

– Ông hãy đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật, rồi trình bạch lời của ta lên Thế Tôn rằng: "Trưởng giả Ưu-bà-ca-ni thỉnh hỏi Thế Tôn pháp của ưu-bà-tắc[11] phải hành trì bao nhiêu giới? Nếu phạm bao nhiêu giới thì không được gọi là ưu-bà-tắc? Nên ăn loại thức ăn như thế nào, uống loại thức uống ra sao?"

Người kia vâng lời trưởng giả, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Sau đó, người hầu cận kia lấy danh nghĩa trưởng giả, bạch lên Thế Tôn:

– Kính bạch Thế Tôn! Pháp của hàng ưu-bà-tắc cần phải giữ bao nhiêu giới? Phạm bao nhiêu giới thì chẳng phải là ưu-bà-tắc? Nên ăn loại thức ăn như thế nào và uống loại thức uống thế nào?

Thế Tôn đạy:

– Nay ông nên biết, thức ăn có hai trường hợp. Là hai trường hợp nào? Đó là trường hợp đáng thân cận và trường hợp không đáng thân cận. Nếu là thức ăn mà khi dùng khiến sanh khởi pháp bất thiện, làm tổn giảm pháp thiện thì thức ăn này không thể thân cận. Nếu là thức ăn mà khi dùng khiến tăng trưởng pháp thiện, làm tổn giảm pháp bất thiện thì thức ăn này đáng thân cận.

[11] Nguyên tác: Thanh tín sĩ (清信士), còn gọi là ưu-bà-tắc (優婆塞), cận sự nam (近事男), cư sĩ nam (居士男).

Thức uống cũng có hai trường hợp. Nếu là thức uống mà khi dùng lại khiến sanh khởi pháp bất thiện, tổn giảm pháp thiện thì không nên thân cận. Nếu thức uống mà khi dùng khiến tổn giảm pháp bất thiện, tăng trưởng pháp thiện thì nên thân cận.

Pháp của hàng ưu-bà-tắc, giới hạn có năm giới. Trong đó có thể giữ một giới, hoặc hai giới, hoặc ba giới, bốn giới cho đến năm giới, đều có thể thọ trì. Khi lãnh thọ, người trao truyền phải hỏi ba lần, người nào có thể thọ trì thì mới cho thọ trì. Nếu ưu-bà-tắc nào phạm một giới điều thì sau khi qua đời sẽ sanh vào địa ngục. Nếu ưu-bà-tắc nào phụng trì một giới, sẽ được sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời, huống là giữ được hai giới, ba giới, bốn giới cho đến năm giới.

Người hầu cận kia sau khi nghe đức Phật dạy xong, đảnh lễ sát chân Phật rồi rời đi.

Người kia đi chưa xa, bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Từ nay về sau, Như Lai cho phép các thầy truyền năm giới và Ba tự quy cho hàng ưu-bà-tắc. Như khi Tỳ-kheo muốn truyền giới cho hàng cư sĩ nam, cư sĩ nữ thì phải dạy họ để lộ cánh tay, chắp tay, xưng họ tên, phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, ba lần như vậy. Khi đã xưng họ tên và phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi, sau đó tự phát nguyện, thưa: "Nay con đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Giống như đức Phật Thích-ca lần đầu tiên đã cho năm trăm khách buôn thọ Tam quy, con nguyện suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu." Nếu thọ trì một giới thì còn lại bốn giới, nếu thọ trì hai giới thì còn lại ba giới, nếu thọ trì ba giới thì còn lại hai giới, nếu thọ bốn giới thì còn lại một giới, nếu thọ trì năm giới tức là thọ trì đầy đủ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. BỐN SỰ CHE LẤP[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Mặt trời, mặt trăng bị bốn sự vật che khuất, khiến chúng không thể phóng ra ánh sáng. Là bốn vật gì? Một là mây, hai là gió bụi, ba là khói, bốn là a-tu-luân.[13] Bốn sự vật này đã che khuất mặt trời, mặt trăng, khiến chúng không phóng ánh sáng được. Này các Tỳ-kheo, mặt trời, mặt trăng bị bốn sự che khuất

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.28.2. 0650a08). Tham chiếu: *A.* 4.50 - II. 53.

[13] A-tu-luân (阿須倫). *A.* 4.50 - II. 53: *Rāhu asurinda.*

này, khiến chúng không thể phóng ánh sáng lớn. Ở đây cũng vậy, Tỳ-kheo bị bốn kiết sử che lấp tâm, khiến tâm không thể khai mở. Là bốn kiết sử gì? Một là dục kiết sử, che lấp tâm người, khiến tâm không khai mở được; hai là sân hận; ba là ngu si; bốn là lợi dưỡng, đã che lấp tâm người, khiến tâm không khai mở được.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn kiết sử này che lấp tâm người, khiến tâm không khai mở được. Các thầy hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ bốn kiết này!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. BỐN LOẠI TÒA NGỒI[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật an trú gần bên ngôi miếu A-la-tỳ.[15] Bấy giờ, khí trời lạnh buốt, cây cối điêu tàn. Khi ấy, con trai của trưởng giả Thủ A-la-bà[16] ra khỏi thành ấy, đi dạo bên ngoài, dần đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, cậu ta đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi sang một bên, sau đó bạch Thế Tôn:

– Không biết tối qua Thế Tôn ngủ có an giấc không?

Thế Tôn đáp:

– Này đồng tử! Thật sự Như Lai ngủ rất an giấc.

Con trai trưởng giả bạch Phật:

– Lúc này thời tiết lạnh buốt, muôn vật điêu tàn, Thế Tôn chỉ ngồi đệm cỏ, mặc y phục mỏng manh, sao Thế Tôn lại nói: "Ta ngủ rất an giấc"?

Đức Phật bảo:

– Đồng tử, hãy lắng nghe! Nay Như Lai hỏi lại, con y theo đó mà trả lời. Chẳng hạn như nhà của trưởng giả được che kín chắc chắn, phòng ốc không có gió bụi. Trong nhà đó có giường, đệm, thảm, đầy đủ mọi thứ. Có bốn ngọc nữ nhan sắc xinh đẹp, mặt như hoa đào, hiếm có trên đời, nhìn không biết chán. Đèn đuốc sáng trưng. Vậy trưởng giả ấy có thể ngủ an giấc không?

[0650b04] Đồng tử đáp:

– Kính bạch Thế Tôn! Có giường nằm tốt thì ngủ rất an giấc.

Thế Tôn bảo:

– Thế nào, con trai của trưởng giả! Nếu người kia đang ngủ an giấc mà lòng dục phát khởi. Do lòng dục này có khiến mất ngủ không?

---

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.28.3. 0650a20). Tham chiếu: *A.* 3.34 - I. 136.

[15] A-la-tỳ (阿羅毘, Ālavī).

[16] Thủ A-la-bà (手阿羅婆, Hatthaka).

Con trưởng giả thưa:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn! Nếu người kia sanh khởi lòng dục, sẽ ngủ không an giấc.

Thế Tôn bảo:

– Người kia lòng dục nhiều, trong khi Như Lai đã dứt sạch không sót, không còn gốc rễ, sẽ không sanh khởi nữa. Thế nào, con trai của trưởng giả! Người ôm lòng sân hận, khởi tâm ngu si, lẽ nào ngủ an giấc chăng?

Đồng tử thưa:

– Không an giấc được. Sở dĩ như vậy là vì trong tâm người ấy có ba độc.

Thế Tôn bảo:

– Như Lai hôm nay không còn tâm này, dứt sạch không sót, cũng không còn gốc rễ. Đồng tử nên biết, nay Như Lai sẽ nói về bốn loại chỗ ngồi. Là bốn loại nào? Đó là chỗ ngồi bậc thấp, chỗ ngồi chư thiên, chỗ ngồi Phạm thiên và chỗ ngồi của Phật.

Đồng tử nên biết, chỗ ngồi bậc thấp là chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh vương. Chỗ ngồi chư thiên đó chính là chỗ ngồi của Thích-đề-hoàn-nhân. Chỗ ngồi Phạm thiên chính là chỗ ngồi của Phạm thiên vương. Chỗ ngồi của Phật chính là bốn chân lý.

Chỗ ngồi bậc thấp là chỗ ngồi của người hướng đến quả Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi chư thiên là chỗ ngồi của bậc đã chứng đắc Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi của bậc hướng đến quả Tư-đà-hàm. Chỗ ngồi của Phật chính là bốn niệm xứ.

Chỗ ngồi bậc thấp là chỗ ngồi của người đã chứng đắc Tư-đà-hàm. Chỗ ngồi chư thiên là chỗ ngồi của bậc hướng đến A-na-hàm. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi của bậc đã chứng đắc A-na-hàm. Chỗ ngồi của Phật chính là bốn tâm vô lượng.

Chỗ ngồi bậc thấp là chỗ ngồi của người ở cõi dục. Chỗ ngồi chư thiên là chỗ ngồi của người ở cõi sắc. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi của người ở cõi vô sắc. Chỗ ngồi của Phật chính là bốn thần túc.

Thế nên, này đồng tử! Như Lai lấy bốn thần túc làm chỗ nằm, cho nên ngủ rất an giấc. Ở đó không còn khởi tham, sân, si. Do không khởi ba độc này nên ở nơi cõi Vô dư Niết-bàn mà thể nhập Bát-niết-bàn và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Thế nên, này con trai của trưởng giả! Như Lai đã quán sát nghĩa này rồi nên mới nói: "Như Lai ngủ rất an giấc."

[0650c01] Bấy giờ, con trai của trưởng giả liền nói bài kệ:

Từ lâu con đã biết,　　Phạm chí vào Niết-bàn,
Nhờ nương lực Như Lai,　　Thấu rõ mà Diệt độ.

Tòa thấp và tòa thiên, Tòa Phạm, cùng tòa Phật,
Như Lai đều phân biệt, Nên giấc ngủ an nhiên.
Tự quy Nhân Trung Tôn, Cũng quy Nhân Trung Thượng,
Con nay chưa biết được, Phải nương những thiền nào?

Con trai của trưởng giả nói kệ xong, Thế Tôn liền hứa khả cho cậu ta. Bấy giờ, con trai trưởng giả nghĩ thầm: "Được Thế Tôn hứa khả, Ta rất vui mừng, lòng đầy hớn hở", rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật mà rời đi.

Bấy giờ, đồng tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

4. PHẠM CHÍ LỘC ĐẦU[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo an trú trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Thế Tôn rời tịnh thất, cùng Phạm chí Lộc Đầu[18] đi xuống núi Linh Thứu, lần hồi du hành đến một bãi tha ma rất đáng kinh sợ. Khi ấy, Thế Tôn cầm một chiếc đầu lâu của người chết trao cho Phạm chí và nói:

– Này Phạm chí! Ông giỏi xem tinh tú, lại thông thạo y dược, có thể điều trị các chứng bệnh, biết rõ các hướng thọ sanh, cũng có thể biết được nhân duyên của người đã chết. Nay Như Lai hỏi ông, đây là đầu lâu của người nào? Là nam hay là nữ? Do bệnh gì mà qua đời?

Lúc này, Phạm chí liền cầm chiếc đầu lâu xoay qua xoay lại để quan sát, lại dùng tay gõ vào đó rồi bạch Thế Tôn:

– Đây là đầu lâu của người nam, không phải của người nữ.

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, Phạm chí! Đúng như lời ông nói. Đây là đầu lâu của người nam, chẳng phải của người nữ.

Thế Tôn hỏi:

– Vì sao người này qua đời?

Phạm chí lại dùng tay gõ vào chiếc đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người này mắc nhiều thứ bệnh, trăm đốt xương khớp đau nhức nên đã qua đời.

Thế Tôn lại hỏi:

– Phải điều trị bằng phương thuốc nào?

---

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.4. 0650c12). Tham chiếu: *DhA*. 26.37.

[18] Lộc Đầu Phạm chí (鹿頭梵志) vốn là người dòng Bà-la-môn, xuất gia theo ngoại đạo, cuối cùng theo Phật và trở thành vị Trưởng lão A-la-hán. Ông có biệt tài gõ vào đầu lâu mà biết người chết sanh về đâu.

Phạm chí Lộc Đầu bạch Phật:

– Phải dùng quả ha-lê-lặc[19] hòa chung với mật ong, sau đó uống vào thì bệnh sẽ khỏi.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay! Đúng như lời ông nói, nếu người này được uống vị thuốc này thì cũng chưa qua đời. Sau khi qua đời, người này sanh về nơi nào?

Phạm chí nghe Phật hỏi, liền lấy tay gõ vào đầu lâu rồi bạch Thế Tôn:

– Người này qua đời đọa trong ba đường ác, không sanh về cõi lành.

[0651a02] Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, Phạm chí! Như lời ông nói. Người này đọa trong ba đường ác, không được sanh về cõi lành.

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một chiếc đầu lâu khác đưa cho Phạm chí, rồi hỏi:

– Đây là người nào? Là nam hay nữ?

Lúc này, Phạm chí lại lấy tay gõ vào đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Đầu lâu này vốn là thân người nữ.

Thế Tôn lại hỏi:

– Do bệnh gì mà chết?

Lúc này, Phạm chí Lộc Đầu lại lấy tay gõ vào [đầu lâu], rồi bạch Thế Tôn:

– Người nữ này do mang thai mà mất mạng.

Thế Tôn lại hỏi:

– Người nữ này tại sao lại chết khi mang thai?

Phạm chí bạch Phật:

– Thai chưa đủ tháng, người nữ này do sanh non nên qua đời.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Phạm chí! Đúng như lời ông nói. Lại nữa, bệnh của cô ta phải điều trị bằng phương thuốc gì?

Phạm chí bạch Phật:

– Căn bệnh này vốn dĩ cần có bơ và đề-hồ tốt để uống thì sẽ khỏi.

Thế Tôn bảo:

– Đúng thế, đúng thế! Như lời ông nói. Nay người nữ này đã sanh về nơi nào?

Phạm chí bạch Phật:

– Người nữ này qua đời đọa làm súc sanh.

---

[19] Ha-lê-lặc (呵梨勒, harītakī, harītaka) còn gọi là quả kha tử (訶子), một vị thuốc được sử dụng trong Đông y. Xem chú thích 34, kinh số 5, phẩm 24, tr. 286.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Phạm chí! Đúng như lời ông nói.

Thế Tôn lại cầm một chiếc đầu lâu khác đưa cho Phạm chí và hỏi:

– Đây là nam hay nữ?

Phạm chí lại lấy tay gõ vào đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Đầu lâu này vốn là thân người nam.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói. Người này do bệnh gì mà chết?

Phạm chí lại đưa tay gõ vào chiếc đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người này chết vì ăn uống quá độ, bị thổ tả mà chết.

Thế Tôn bảo:

– Chứng bệnh này nên điều trị thế nào?

Phạm chí bạch Phật:

– Nhịn ăn trong ba ngày liền thì bệnh sẽ khỏi.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói. Lại nữa, người này qua đời sanh vào chốn nào?

Lúc này, Phạm chí lại đưa tay gõ vào đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người này qua đời đọa làm ngạ quỷ. Sở dĩ như vậy là vì ý niệm luôn nghĩ về nước.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói.

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một chiếc đầu lâu nữa, đưa cho Phạm chí và hỏi:

– Đây là nam hay là nữ?

Phạm chí lúc này lấy tay gõ chiếc đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Chiếc đầu lâu này vốn là thân người nữ.

[0651b01] Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói. Người này do bệnh gì mà qua đời?

Phạm chí lại gõ, rồi bạch Thế Tôn:

– Người này đang sanh con thì qua đời.

Thế Tôn bảo:

– Tại sao lại chết lúc đang sanh con?

Phạm chí lại gõ vào chiếc đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người nữ này sức lực suy kiệt, lại bị đói khát dẫn đến mất mạng.

Thế Tôn bảo:

– Người này qua đời sanh về chốn nào?

Lúc này, Phạm chí đưa tay gõ đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người này qua đời được sanh làm người.

Thế Tôn bảo:

– Thông thường người chết vì đói mà sanh vào cõi lành thì không hợp lẽ, đọa vào ba đường ác thì đúng lý hơn!

Lúc này, Phạm chí lại dùng tay gõ vào đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người nữ này giữ giới đầy đủ cho đến khi qua đời.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói. Người nữ kia giữ giới đầy đủ đến khi qua đời. Vì sao như vậy? Vì hễ người nam, người nữ nào giữ giới đầy đủ thì sau khi qua đời sẽ sanh về hai đường, đó là cõi trời hoặc cõi người.

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một chiếc đầu lâu khác, đưa cho Phạm chí và hỏi:

– Đây là đầu của nam hay nữ?

Lúc này, Phạm chí lại đưa tay gõ chiếc đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Đầu lâu này là thân người nam.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói, nhưng người này do bệnh gì mà qua đời?

Phạm chí lại đưa tay gõ vào đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người này không bệnh mà do bị người khác hại dẫn đến mất mạng.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói, người này bị người khác hại mà mất mạng.

Thế Tôn lại hỏi:

– Người này qua đời sanh đến chốn nào?

Lúc này, Phạm chí lấy tay gõ vào đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Người này qua đời sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời.

Thế Tôn bảo:

– Theo như lời ông nói thì ý trước và ý sau không khớp với nhau.

Phạm chí bạch Phật:

– Sao lại không khớp với nhau?

Thế Tôn bảo:

– Bởi vì những người nam, người nữ nào mà bị người khác hại dẫn đến chết thì đều sanh về ba đường ác. Sao ông lại nói người này sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời?

Phạm chí lại đưa tay gõ vào đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Vì người này giữ năm giới và tu tập mười điều thiện nên sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói. Người nào giữ giới, không trái phạm, sẽ được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời.

[0651c01] Thế Tôn lại hỏi:

– Người này đã giữ được bao nhiêu giới trước khi qua đời?

Bấy giờ, Phạm chí nhất tâm tinh chuyên, không khởi tạp niệm, đưa tay gõ chiếc đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Là giữ một giới chăng? Không phải. Hay là giữ hai, ba, bốn, năm giới? Cũng không phải. Người này đã giữ giới bát quan trai.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói. Người này giữ giới bát quan trai trước khi qua đời.

Bấy giờ, tại phía Nam ngọn núi Phổ Hương, nằm ở hướng Đông, có Tỳ-kheo Ưu-đà-diên an trụ cõi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Khi ấy, Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, đã đến lấy chiếc đầu lâu của vị Tỳ-kheo kia đưa cho Phạm chí và hỏi:

– Đây là nam hay nữ?

Lúc này, Phạm chí lại lấy tay gõ chiếc đầu lâu, rồi bạch Thế Tôn:

– Tôi xem xét chiếc đầu lâu này, nhận thấy nguồn gốc của nó không phải người nam cũng chẳng phải người nữ. Vì sao như vậy? Bởi vì khi quán sát chiếc đầu lâu này, tôi không thấy có sự sanh cũng chẳng thấy có sự diệt,[20] cũng không thấy xoay vần qua lại. Vì sao như vậy? Bởi vì tôi xem xét khắp tám phương và trên dưới đều không thấy tung tích người này. Nên tôi chưa rõ đầu lâu này là của ai?

Thế Tôn nói:

– Thôi được rồi, Phạm chí! Chắc chắn ông sẽ không biết đây là đầu lâu của ai. Ông nên biết, chiếc đầu lâu này không có khởi đầu cũng không có kết thúc, cũng không có sanh tử, cũng không trụ vào nơi nào trong tám phương và trên dưới. Đây chính là đầu lâu của Tỳ-kheo Ưu-đà-diên tại phía Nam núi Phổ

[20] Nguyên tác: Đoạn (斷).

Hương, ở hướng Đông, đã an trụ cõi Vô dư Niết-bàn mà thể nhập Niết-bàn. Đây là đầu lâu của một vị A-la-hán.

Sau khi Phạm chí nghe những lời này xong, khen là việc chưa từng có, rồi bạch Thế Tôn:

– Nay tôi quán sát loài trùng, loài kiến này từ nơi nào đến, tôi đều biết cả. Nghe âm thanh của chim muông, cầm thú liền có thể phân biệt rõ con nào đực, con nào cái. Thế nhưng khi tôi quán sát vị A-la-hán này thì hoàn toàn không thấy được gì, không thấy nơi đến, cũng không biết chốn đi. Chánh pháp Như Lai rất là kỳ đặc. Vì sao như vậy? Vì nguồn gốc giáo pháp đều được nói ra từ kim khẩu của Như Lai, còn A-la-hán thì được sanh ra từ gốc rễ của kinh pháp.

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, Phạm chí! Đúng như lời ông nói. Gốc rễ của giáo pháp được nói ra từ kim khẩu Như Lai. Ngay đến chư thiên, người đời, ma hoặc thiên ma cũng không thể biết chỗ đến của bậc A-la-hán.

Bấy giờ, Phạm chí đảnh lễ và bạch Phật:

– Con có thể biết hết chỗ hướng đến của chín mươi sáu loại đạo. Thảy đều biết tất cả, nhưng chỗ mà pháp của Như Lai hướng đến thì con không thể biết được. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được vào đạo.

[0652a02] Thế Tôn bảo:

– Lành thay, Phạm chí! Ông hãy tu Phạm hạnh, như vậy thì không có người nào biết được chỗ ông hướng đến.

Bấy giờ, Phạm chí liền được xuất gia học đạo. Ông ở nơi yên vắng tư duy lý đạo, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y,... cho đến như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Lúc này, Phạm chí Lộc Đầu trở thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Đầu bạch Thế Tôn:

– Nay con đã biết pháp tu của A-la-hán.

Thế Tôn bảo:

– Thầy hiểu thế nào về pháp tu của A-la-hán?

Tôn giả Lộc Đầu bạch Phật:

– Có bốn loại giới. Là bốn loại nào? Đó là đất, nước, lửa, gió. Thưa Thế Tôn, đó gọi là có bốn giới này. Khi một người qua đời, những gì thuộc đất sẽ trở về với đất, nước trở về với nước, lửa trở về với lửa, gió trở về với gió.

Thế Tôn lại hỏi:

– Thế nào, Tỳ-kheo, nay có bao nhiêu loại giới?

Tôn giả Lộc Đầu bạch Phật:

– Thật sự là có bốn loại giới, nhưng xét về nghĩa thì có tám.

Thế Tôn hỏi:

– Thế nào là bốn loại giới, nhưng về nghĩa thì có tám?

Tôn giả Lộc Đầu bạch Phật:

– Nay có bốn loại giới. Những gì là bốn giới? Đó là đất, nước, lửa, gió. Đây gọi là bốn loại giới.

Tại sao xét về nghĩa thì có tám loại giới? Bởi vì loại đất có hai, đó là loại đất bên trong và loại đất bên ngoài. Những gì là loại đất bên trong? Đó là tóc, lông, móng, răng, thân thể, da, gân, cốt, tủy, não, ruột, bao tử, gan, mật, tỳ, thận. Đây gọi là loại đất bên trong. Thế nào là loại đất bên ngoài? Những gì cứng chắc thì gọi là loại đất bên ngoài. Đây gọi là hai loại đất.

Thế nào là loại nước? Loại nước cũng có hai, đó là loại nước bên trong và loại nước bên ngoài. Loại nước bên trong gồm có đờm dãi, nước mắt, nước tiểu, máu, tủy. Đó gọi là loại nước bên trong. Các vật mềm ướt bên ngoài thì gọi là loại nước bên ngoài. Đây gọi là hai loại nước.

Thế nào là loại lửa? Loại lửa có hai, đó là loại lửa bên trong và loại lửa bên ngoài. Thế nào là loại lửa bên trong? Đó là sự tiêu hóa tất cả những vật được ăn vào, không còn dư sót. Đó gọi là loại lửa bên trong. Thế nào là loại lửa bên ngoài? Những vật ở bên ngoài có chức năng giữ nhiệt, gọi là loại lửa bên ngoài.

Thế nào là loại gió? Loại gió cũng có hai, đó là loại gió bên trong và loại gió bên ngoài. Loại gió bên trong là gì? Đó là gió ở môi, gió ở mắt, gió nơi đầu, gió ở hơi thở ra, gió ở hơi thở vào, gió trong sự cử động hai tay, hai chân. Đó gọi là loại gió bên trong. Thế nào là loại gió bên ngoài? Đó là những vật làm dao động nhẹ, hoặc dao động mạnh. Đó gọi là loại gió bên ngoài. Bạch Thế Tôn, đó gọi là có hai loại gió. Cho nên, sự thật thì có bốn loại giới, nhưng chi tiết là có tám loại giới.

Thật vậy, bạch Thế Tôn! Con quán sát nghĩa này, nhận thấy con người sau khi qua đời, mỗi loại trong bốn giới sẽ trở về cội gốc của chúng.

[0652b05] Thế Tôn dạy:

– Pháp vô thường cũng không thể hợp chung với pháp thường. Vì sao như vậy? Vì loại đất có hai, là loại đất bên trong và loại đất bên ngoài. Bấy giờ, loại đất bên trong là pháp vô thường, là pháp biến đổi; còn loại đất bên ngoài là pháp thường còn, không biến đổi.[21] Đó gọi là loại đất có hai loại, không tương ưng với thường và vô thường. Ba loại còn lại cũng giống như vậy, cũng không

[21] Nguyên tác: Ngoại địa chủng giả, hằng trụ, bất biến dị (外地種者, 恒住, 不變易). Sự hằng trụ, bất biến của ngoại địa giới này khi so sánh với nội địa giới mang nghĩa tương đối. Vì lẽ, khi chết đi, nội địa giới phải trở về với ngoại địa giới.

tương ưng với pháp thường và pháp vô thường. Vậy nên, này Lộc Đầu! Tuy có tám loại, nhưng sự thật chỉ có bốn. Thật vậy, Lộc Đầu! Hãy học tập điều này.[22]

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Đầu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

5. BỐN GIÁO PHÁP LỚN[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ giảng nghĩa rộng rãi về bốn giáo pháp lớn.[24] Là bốn loại nào? Đó là Khế kinh, Luật, Luận[25] và Giới. Đó gọi là bốn.

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Tỳ-kheo từ phương Đông đến, biết tụng kinh, trì pháp và phụng hành cấm giới. Vị ấy nói rằng: "Tôi có thể tụng kinh, trì pháp, vâng giữ cấm giới và học rộng nghe nhiều." Giả sử, Tỳ-kheo ấy có nói những gì thì các thầy khoan vội thừa nhận và cũng chớ dốc lòng tin ngay mà hãy cùng Tỳ-kheo kia nghị luận y cứ theo pháp. Thế nào là y cứ theo pháp để cùng nghị luận? Y cứ theo pháp để nghị luận, nghĩa là y cứ vào bốn giáo pháp lớn này để nghị luận, tức là y cứ theo Khế kinh, Luật, Luận và Giới. Các thầy nên hướng đến Tỳ-kheo ấy để thuyết Khế kinh, nói rõ Luật, phân biệt pháp. Giả sử khi thuyết Khế kinh, khi giảng rõ Luật và phân biệt pháp, nếu như những điều vị Tỳ-kheo kia nói ra tương ưng với Khế kinh, tương ưng với Luật và tương ưng với pháp thì nên thọ trì; nếu không tương ưng với Khế kinh, với Luật và Luận thì hãy trả lời với vị Tỳ-kheo kia rằng: "Hiền giả nên biết, đây chẳng phải là những lời dạy của Như Lai. Những lời thầy nói, chẳng phải gốc của chánh kinh. Vì sao như vậy? Bởi vì nay tôi thuyết Khế kinh, Luật, Luận đều không tương ưng với lời của Hiền giả." Do không tương ưng nên các thầy phải hỏi về giới hạnh. Nếu như không tương ưng với giới hạnh thì các thầy nên nói với Tỳ-kheo kia: "Đây chẳng phải là kho báu của Như Lai!" rồi lập tức đuổi Tỳ-kheo kia đi. Đây gọi là gốc rễ ý nghĩa của Giáo pháp lớn thứ nhất được giảng thuyết.

[0652c02] Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo từ phương Nam đến rồi nói rằng: "Tôi có thể tụng kinh, trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều." Giả sử, Tỳ-kheo ấy có nói những gì thì các thầy khoan vội thừa nhận

---

[22] Câu trả lời của Thế Tôn hơi đặc dị. Bản Pāli tham chiếu không có phần này.

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.5. 0652b13). Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0011a07); *D*. 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*); *A*. 4.180 - II. 167.

[24] Nguyên tác: Kim hữu tứ đại quảng diễn chi nghĩa (今有四大廣演之義). Đây là bốn y cứ để thẩm sát những điều do chính Phật nói. *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0017c01) ghi: Tứ đại giáo pháp (四大教法).

[25] Nguyên tác: A-tỳ-đàm (阿毘曇).

và cũng chớ dốc lòng tin ngay mà hãy cùng Tỳ-kheo kia nghị luận. Giả sử những điều Tỳ-kheo kia nói ra mà không tương ưng với nghĩa thì nên đuổi đi. Nếu tương ưng với nghĩa thì hãy nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Đây là nghĩa được nói, nhưng không phải gốc chánh kinh." Bấy giờ, các thầy nên ghi nhận nghĩa đó, chứ không cho đó là gốc chánh kinh. Vì sao như vậy? Bởi vì nghĩa là cội nguồn để hiểu kinh. Đây gọi là gốc rễ ý nghĩa Giáo pháp lớn thứ hai được giảng thuyết.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo từ phương Tây đến, biết tụng kinh, trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều thì các thầy nên nói với Tỳ-kheo kia về Khế kinh, Luật, Luận. Tuy nhiên, Tỳ-kheo kia chỉ dẫn giải về ngôn từ mà không giảng nghĩa thì các thầy hãy nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Chúng tôi không rõ những điều thầy nói đó có phải là những lời được thuyết bởi Như Lai hay không." Giả sử khi vị ấy thuyết Khế kinh, Luật, Luận mà chỉ dựa trên ngôn từ, chứ không giải nghĩa thì tuy lắng nghe Tỳ-kheo kia nói, nhưng các thầy không nên khen hay, cũng chớ vội chê dở mà nên đem giới hạnh để hỏi Tỳ-kheo kia. Nếu những điều vị ấy nói tương ưng với giới hạnh thì ghi nhớ và tiếp nhận. Vì sao như vậy? Bởi vì giới hạnh tương ưng với ngôn từ, dù nghĩa lý chưa thể sáng tỏ. Đây gọi là gốc rễ ý nghĩa Giáo pháp lớn thứ ba được giảng thuyết.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo từ phương Bắc đến, biết tụng kinh, trì pháp, phụng hành cấm giới, rồi nói rằng: "Các Hiền giả, nếu có nghi vấn thì hãy đến hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho." Giả sử Tỳ-kheo kia có nói điều gì thì các thầy chớ vội thọ trì và cũng không nên đọc tụng mà phải hỏi Tỳ-kheo kia về Khế kinh, Luật, Luận và Giới. Nếu những lời của Tỳ-kheo ấy nói tương ưng với Khế kinh, Luật, Luận và Giới thì nên hỏi nghĩa. Nếu lời của Tỳ-kheo ấy nói cũng tương ưng với nghĩa thì nên khen ngợi vị Tỳ-kheo kia rằng: "Lành thay, lành thay, Hiền giả! Đây chính là nghĩa mà Như Lai đã nói, không nhầm lẫn, tất cả đều tương ưng với Khế kinh, Luật, Luận và Giới." Bấy giờ, các thầy hãy tiếp đãi cúng dường Tỳ-kheo kia đúng như pháp. Vì sao như vậy? Vì Như Lai cung kính pháp. Những ai cung kính pháp tức là đã cung kính Như Lai. Người nào thấy pháp thì người đó đã thấy Như Lai.[26] Người nào có pháp thì người ấy có Như Lai. Đã có pháp thì có Tỳ-kheo-tăng. Có pháp thì có bốn bộ chúng. Có pháp thì có bốn dòng dõi ở đời. Vì sao như vậy? Bởi vì nhờ có pháp ở đời nên trong Hiền kiếp có Đại Oai Vương ra đời, từ đó về sau liền có bốn dòng dõi ở đời.

Nếu pháp có nơi đời, liền có bốn dòng dõi ở đời. Đó là dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, dòng thợ thủ công và dòng cư sĩ. Nếu pháp có ở đời thì sẽ có ngôi vị Chuyển Luân Thánh vương tiếp nối không dứt. Nếu pháp có ở đời thì có Tứ Thiên Vương và trời Đâu-suất, trời Diệm, trời Hóa Tự Tại và trời Tha Hóa Tự

[26] Nguyên tác: Kỳ quán pháp giả, tắc quán ngã dĩ (其觀法者, 則觀我已). Tham chiếu: *S.* 22.87 - III. 119: *Dhammaṃ passati so maṃ passati* (Ai thấy pháp, người ấy thấy Ta).

Tại xuất hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có trời dục giới, trời sắc giới, trời vô sắc giới xuất hiện ở thế gian. Nếu pháp có ở đời, liền có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Độc giác, Phật thừa xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy khéo cung kính pháp, tùy thời cúng dường, cung cấp mọi thứ cần dùng cho Tỳ-kheo kia. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Hay thay, hay thay! Đúng như lời thầy nói: 'Những lời thầy nói hôm nay, đúng thật như lời Như Lai đã nói.'"

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có ý nghĩa của bốn giáo pháp lớn được giảng thuyết.

[0653a14] Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy giữ tâm, nhiếp ý thực hành bốn điều này, chớ để quên sót.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TRƯỚC KHỔ SAU VUI[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trời vừa hừng sáng, Vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn binh chủng, ngự trên cỗ xe gắn lông chim quý, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi đại vương:

– Đại vương từ đâu đến mà thân thể dính đầy bụi vậy? Tập hợp bốn binh chủng có chuyện gì sao?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Đất nước hiện tại đang có nạn giặc lớn hoành hành. Nửa đêm hôm qua, con dẫn binh truy bắt nên thân thể mệt mỏi, muốn trở về cung, nhưng trên đường về con lại suy nghĩ: "Ta nên đến chỗ Như Lai trước đã, sau đó mới về cung." Vì nạn giặc này mà con ngủ nghỉ không yên. Nay đã dẹp yên giặc giã, thân tâm con hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, cho nên đến đảnh lễ vấn an Thế Tôn. Nếu tối hôm qua con không hưng binh thì không thể bắt được giặc.

Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, Đại vương! Như lời Đại vương nói. Đại vương nên biết, có bốn điều tuy trước khổ mà sau vui. Là bốn điều gì? Sáng thức dậy sớm thì trước khổ mà sau vui. Nếu ăn dầu, bơ thì trước khổ mà sau vui. Uống thuốc trị bệnh thì trước khổ mà sau vui. Lo cho gia nghiệp, tổ chức cưới gả thì trước khổ mà sau vui. Đại vương, đó gọi là có bốn điều trước khổ mà sau vui.

---

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.28.6. 0653a18).

[0653b04] Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn nói rất hợp lẽ, thật sự có bốn điều trước khổ sau vui này. Vì sao như vậy? Như ngày hôm nay, con nhìn thấy bốn điều này rõ như nhìn hạt châu trên bàn tay, đều là nghĩa trước khổ mà sau vui.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho Vua Ba-tư-nặc, khiến vua phát tâm hoan hỷ. Sau khi nghe pháp rồi, vua bạch Thế Tôn:

– Việc nước bận rộn, con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

– Đại vương cứ tùy ý!

Vua Ba-tư-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân và nhiễu quanh Phật ba vòng rồi rời đi. Vua đi chưa lâu, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Nay có bốn điều này, trước khổ mà sau vui. Là bốn điều gì? Đó là tu tập Phạm hạnh thì trước khổ mà sau vui. Tụng tập văn kinh thì trước khổ mà sau vui. Tọa thiền niệm định thì trước khổ mà sau vui. Đếm hơi thở ra vào thì trước khổ mà sau vui. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là thực hành theo bốn điều này thì trước khổ nhưng sau được an vui.

Nếu có Tỳ-kheo nào thực hành theo pháp trước khổ sau vui này, nhất định về sau sẽ được an vui với bốn quả Sa-môn. Là bốn quả nào?

Tỳ-kheo siêng năng tu pháp này, lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.[28] Đó gọi là đạt được lạc trú thứ nhất của quả Sa-môn.

Kế đến, lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán.[29] Đó gọi là lạc trú thứ hai của quả Sa-môn.

Kế nữa, lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm.[30] Đó gọi là được lạc trú thứ ba của quả Sa-môn.

Kế nữa, khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó nên buông bỏ cả khổ và lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh.[31] Đây là lạc trú thứ tư của quả Sa-môn. Đó gọi là có bốn lạc trú của quả Sa-môn.

---

[28] Nguyên tác: 若有比丘勤於此法, 無欲惡法, 念持喜安, 遊心初禪.

[29] Nguyên tác: 復次, 有覺, 有觀息, 內[有喜心, 專精一意, 無覺, 無觀, 念持喜安, 遊於二禪.

[30] Nguyên tác: 復次, 無念遊心於護, 恒自覺知, 覺身有樂, 諸賢聖所喜望者, 護念樂, 遊心三禪.

[31] Nguyên tác: 復次, 苦樂已盡, 先無有憂慼之患, 無苦無樂, 護念清淨, 遊心四禪.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Tỳ-kheo nào thực hành pháp trước khổ sau vui này, về sau sẽ được hỷ lạc với bốn quả Sa-môn, đoạn trừ ba kiết,[32] thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn bất thoái chuyển, nhất định đến được Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu vị nào đã đoạn trừ ba kiết, giảm bớt tham, sân, si thì sẽ chứng quả Tư-đà-hàm, nhưng còn phải sanh lại cõi này để đoạn sạch gốc khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Tỳ-kheo nào đoạn trừ năm hạ phần kiết sử[33] sẽ thành tựu quả A-na-hàm, ở đó chứng nhập Niết-bàn, không trở lại cõi đời này nữa.

[0653c03] Lại nữa, Tỳ-kheo! Tỳ-kheo nào dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, chứng đạt tâm giải thoát và tuệ giải thoát, ngay trong pháp hiện tại, tự thân tác chứng để tự an trú và biết như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Đó gọi là Tỳ-kheo tu tập pháp trước khổ sau vui, về sau được hỷ lạc với bốn quả Sa-môn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu pháp trước khổ sau vui này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. BỐN HẠNG SA-MÔN[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn hạng Sa-môn xuất hiện ở đời. Là bốn hạng nào? Có hạng Sa-môn giống như hoa sứ,[35] có hạng Sa-môn giống như hoa sen trắng,[36] có hạng Sa-môn nhu hòa, có hạng Sa-môn nhu hòa trong nhu hòa.

Thế nào là Sa-môn giống như hoa sứ? Nghĩa là nếu có một người dứt trừ ba kiết sử, sẽ thành tựu pháp bất thoái chuyển Tu-đà-hoàn, nhất định đến được

---

[32] Tam kiết (三結): Hữu thân kiến kiết (有身見結, *sakkāyadiṭṭhi*), giới cấm thủ kiết (戒禁取結, *sīlabbataparāmāsa*) và nghi kiết (疑結, *vicikicchā*).

[33] Ngũ hạ phần kiết (五下分結, *pañca orambhāgiya saṃyojana*), theo *MĀ*, gồm có: tham dục (貪欲, *kāmarāga*), sân khuể (瞋恚, *vyāpāda*), thân kiến (身見, *sakkāyadiṭṭhi*), giới cấm thủ (戒禁取, *sīlabbataparāmāsa*), nghi (疑, *vicikicchā*).

[34] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.28.7. 0653c11). Tham chiếu: *A*. 4.88 - II. 88.

[35] Nguyên tác: Hoàng lam hoa (黃藍花), cũng viết là hoàng hoa (黃花), kim sắc hoa (金色花), chiêm-bác-ca (瞻博迦), chiêm-bặc (瞻蔔), chiêm-ba (詹波). Theo *Nhất thiết kinh âm nghĩa*, quyển 13, 27, 28, 32, 52, loài hoa này quả đúng như kinh nói: Sáng hái, chiều mọc lại (朝取暮長).

[36] Nguyên tác: Phân-đà-lợi hoa (邠陀利花, puṇḍarīka), chỉ cho hoa sen trắng.

Niết-bàn, chậm nhất là trải qua bảy lần sanh lại cõi này; hoặc thành bậc Gia gia,[37] Nhất chủng,[38] giống như hoa sứ sáng hái, chiều mọc lại. Tỳ-kheo này cũng như vậy, ba kiết đã dứt sạch, thành tựu pháp bất thoái chuyển Tu-đà-hoàn, nhất định đến được Niết-bàn, chậm nhất là trải qua bảy lần sanh lại cõi này. Nếu vị nào phát tâm dũng mãnh tìm cầu phương tiện, hoặc thành bậc Gia gia, hoặc thành bậc Nhất chủng, rồi chắc chắn chứng nhập Niết-bàn. Đó gọi là hàng Sa-môn giống như hoa sứ.

Thế nào gọi là Sa-môn giống như hoa sen trắng? Như người đã dứt sạch ba kiết, giảm bớt tham, sân, si, chứng quả Tư-đà-hàm, nhưng còn phải sanh lại cõi này để dứt sạch gốc khổ. Nếu người hơi chậm thì trở lại cõi này một lần nữa để dứt sạch gốc khổ. Nếu người dũng mãnh thì ngay trong đời này dứt sạch gốc khổ. Giống như hoa sen trắng sáng nở, chiều khô tàn. Đó gọi là Sa-môn giống như hoa sen trắng.

Thế nào là hàng Sa-môn nhu hòa? Như người đoạn năm hạ phần kiết sử, sẽ chứng quả A-na-hàm, rồi ở đó chứng nhập Niết-bàn, không trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là hàng Sa-môn nhu hòa.

Thế nào là hàng Sa-môn nhu hòa trong nhu hòa? Như người dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, chứng đạt tâm giải thoát và tuệ giải thoát; ngay trong pháp hiện tại, tự thân tác chứng để tự an trú và biết như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đó gọi là hàng Sa-môn nhu hòa trong nhu hòa.

[0654a04] Tỳ-kheo! Đây gọi là có bốn hạng người này xuất hiện ở đời. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy tìm cầu phương tiện để làm Sa-môn nhu hòa trong nhu hòa.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[39]

Tu-đà, Tu-ma, Quân, Tân-đầu-lô, Ế, Thủ,
Lộc-đầu, Quảng diễn, Nghĩa, Hậu lạc, Nhu nhuyến kinh.

---

[37] Gia gia (家家), một trong 18 bậc thánh Hữu học của hàng Thanh văn, gồm có: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng, Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu Sắc Cứu Cánh.

[38] Nhất chủng (一種), một trong 18 bậc Thánh Hữu học của hàng Thanh văn.

[39] Nguyên tác Nhiếp tụng: 須陀, 修摩, 均; 賓頭盧, 翳, 手; 鹿頭, 廣演, 義; 後樂, 柔軟經. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bài kệ này tóm tắt đến 10 bài kinh, nhưng phẩm này chỉ có 7 bài kinh. Thật ra, *Kinh Tu-đà*, *Tu-ma* và *Quân-đầu* thuộc phẩm "Tu-đà", số 30. Bản Hán, hết quyển 20.

29. PHẨM KHỔ VUI[1]

1. TRƯỚC VUI SAU VUI[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Là bốn hạng nào? Hoặc có hạng người trước khổ sau vui, hoặc có hạng người trước vui sau khổ, hoặc có hạng người trước khổ sau cũng khổ, hoặc có hạng người trước vui sau cũng vui.

Hạng người nào trước khổ sau vui? Như có người sanh ra trong gia đình nghèo hèn, hoặc gia đình làm nghề giết mổ, hoặc gia đình làm thợ thủ công, hoặc sanh trong gia đình tà đạo, cho đến sanh trong các gia đình bần cùng khốn khổ, áo cơm chẳng đủ. Tuy sanh vào những gia đình đó nhưng người ấy không có tà kiến mà luôn ý thức rằng: "Có cúng dường, có bố thí, có người nhận, có đời này và đời sau, có Sa-môn và Bà-la-môn, có cha có mẹ, có A-la-hán, có người lãnh thọ giáo pháp và cũng có quả báo thiện ác." Nếu người ấy thấy gia đình nào giàu có, liền biết đó là nhờ phước cúng dường, bố thí trước kia và không buông lung phóng túng. Nếu người ấy thấy nhà nào cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc thì biết rằng do họ không tạo phước bố thí, cúng dường nên phải luôn chịu nghèo thiếu. Người ấy tự suy xét: "Nay ta chịu cảnh nghèo khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, đều do ngày xưa ta không tạo phước, dối gạt người khác, làm điều sai trái. Do quả báo từ các việc xấu ác này nên ngày nay ta phải chịu cảnh nghèo hèn, áo cơm thiếu hụt." Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn tu pháp thiện, người ấy liền hướng tâm cầu sám hối, sửa đổi lỗi lầm xưa kia. Tất cả của cải có dư, thảy đem chia đều cho mọi người. Người này sau khi qua đời sẽ sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu sanh vào cõi người thì sẽ có nhiều tiền tài của báu, không bị thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước khổ sau vui.

Hạng người nào trước vui sau khổ? Như có người sanh vào nhà dòng dõi quyền quý, hoặc sanh vào dòng Sát-lợi, dòng Tỳ-xá, hoặc sanh vào trong gia đình danh gia vọng tộc, cho đến những gia đình giàu sang, áo cơm dư dật. Tuy được sanh vào trong những gia đình như thế, nhưng người ấy lại luôn ôm lòng

---

[1] Nguyên tác: *Khổ lạc phẩm* 苦樂品 (*T*.02. 0125.29. 0655a05).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.29.1. 0655a06).

tà kiến, chấp giữ biên kiến, có kiến chấp rằng: "Không có bố thí, không có người nhận, cũng không có quả báo đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, ở thế gian không có bậc A-la-hán, cũng không có người chứng đắc, lại cũng không có quả báo thiện ác." Người ấy có những tà kiến như vậy. Nếu thấy gia đình giàu sang, họ liền nghĩ: "Người này lâu nay vẫn có của báu này, người nam lâu nay vẫn là người nam, người nữ lâu nay vẫn là người nữ, súc sanh lâu nay vẫn là súc sanh." Người ấy không thích bố thí, không giữ giới luật. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn trì giới, họ liền nổi giận rồi cho rằng: "Người này thật dối trá, làm gì có chỗ để cảm ứng phước báu?" Người này sau khi qua đời sẽ sanh vào địa ngục. Nếu được làm người thì sanh vào gia đình nghèo khổ, áo cơm chẳng đủ, thân thể lõa lồ, ăn mặc thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước vui sau khổ.

[0655b09] Hạng người nào trước khổ sau cũng khổ? Như có người sanh trong gia đình nghèo khó, hoặc trong gia đình làm nghề giết mổ, hoặc trong dòng tộc làm thợ thủ công, cho đến những gia đình thấp hèn, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Đã sanh trong những gia đình như thế, người này lại còn ôm lòng tà kiến, chấp giữ biên kiến, luôn có kiến chấp: "Không có bố thí, không có người nhận, cũng không có quả báo thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, thế gian không có A-la-hán." Người ấy không thích bố thí, không vâng giữ giới. Nếu gặp Sa-môn và Bà-la-môn, người ấy liền sanh tâm sân hận đối với các bậc Hiền thánh. Khi thấy người nghèo khổ thì họ cho rằng lâu nay đã như vậy, thấy người giàu sang thì cho rằng lâu nay vốn vậy, thấy cha thì nghĩ xưa nay vốn là cha, thấy mẹ họ cũng nghĩ xưa nay đã là mẹ. Người này sau khi qua đời sẽ sanh vào địa ngục, nếu được làm người thì rất nghèo hèn, áo cơm thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước khổ sau cũng khổ.

Hạng người nào trước vui sau cũng vui? Như có người sanh trong gia đình giàu sang, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc dòng Bà-la-môn, hoặc dòng dõi vua chúa, hoặc trong gia đình Tỳ-xá, cho đến sanh trong những gia đình giàu có dư dật. Nơi họ sanh ra không bị thiếu thốn. Tuy được sống trong những gia đình như vậy, nhưng người này lại luôn có chánh kiến, không có tà kiến. Họ hiểu biết rằng: "Có bố thí, có người nhận, có đời này đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, cũng có quả báo thiện ác, có cha có mẹ, thế gian có A-la-hán." Người này nếu thấy gia đình giàu sang, tiền của dư dật, liền nghĩ: "Người này nhờ xưa kia biết bố thí." Nếu lại thấy gia đình nghèo khổ, liền nghĩ: "Người này do trước kia không biết bố thí. Vậy nay ta nên tùy thời bố thí, chớ để về sau phải sanh vào nhà nghèo khổ." Vì thế, người ấy thường thích bố thí cho người. Nếu thấy Sa-môn, Đạo sĩ thì họ tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, v.v... thảy đều cúng dường đầy đủ. Nên sau khi qua đời, người này sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu sanh vào cõi người thì được sanh trong gia đình giàu sang, tiền của dư dật. Người này gọi là trước vui sau cũng vui.

[0655c06] Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Con thấy ngay trong đời này có chúng sanh trước khổ sau vui, cũng có chúng sanh trước vui sau khổ, hoặc có chúng sanh trước khổ sau cũng khổ, hoặc có chúng sanh trước vui sau cũng vui.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tỳ-kheo kia:

– Vì nhân duyên này khiến chúng sanh trước khổ sau vui, cũng có chúng sanh trước vui sau khổ, lại có chúng sanh trước khổ sau cũng khổ, cũng có chúng sanh trước vui sau cũng vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì mà trước khổ sau vui? Vì nhân duyên gì trước vui sau khổ? Vì nhân duyên gì trước khổ sau cũng khổ? Vì nhân duyên gì trước vui sau cũng vui?

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo nên biết! Như người sống một trăm năm, tức là mười lần mười năm như vậy, người ấy sống trọn qua các mùa đông, hạ, xuân, thu. Này Tỳ-kheo, trong một trăm năm đó, người ấy đã tạo các công đức; rồi cũng trong một trăm năm đó, người ấy gây tạo các ác nghiệp và các tà kiến. Vậy thì ở một thời điểm khác, người ấy mùa đông được sung sướng, nhưng mùa hạ chịu khổ sở. Nếu trong một trăm năm, người ấy tạo công đức đầy đủ, chưa từng thiếu sót; thế nhưng trong vòng một trăm năm đó, người ấy cũng có tạo các tà kiến, làm điều bất thiện; do đó, người ấy trước chịu tội, sau thọ phước.

Hoặc có người lúc nhỏ làm phước, khi lớn gây tội thì ở đời sau, lúc nhỏ hưởng phước, khi lớn chịu tội.

Nếu lúc nhỏ tạo tội, lớn lên cũng tạo tội thì ở đời sau, người ấy trước khổ sau cũng khổ.

Nếu lúc nhỏ tạo các công đức, cúng dường,[3] bố thí; khi lớn cũng tạo các công đức, cúng dường, bố thí thì ở đời sau, người ấy trước vui sau cũng vui.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên này mà có chúng sanh trước khổ sau vui; cũng do nhân duyên này mà có chúng sanh trước vui sau khổ; cũng do nhân duyên này mà có chúng sanh trước khổ sau cũng khổ; cũng do nhân duyên này mà có chúng sanh trước vui sau cũng vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào muốn trước vui sau cũng vui thì nên thực hành bố thí để cầu phước báu trước vui sau cũng vui này.

---

[3] Nguyên tác: Phân đàn bố thí (分檀布施). Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Phân đoạn bố thí (分段布施). Chú giải *EĀ*. 29.1 của *Đài Đại Sư Tử Hống Phật học chuyên trạm* (台大獅子吼佛學專站) cho rằng sửa sang, bày biện vật thực để bố thí (分送物資而布施).

[0656a01] Thế Tôn bảo:

– Đúng vậy, Tỳ-kheo, đúng như lời thầy nói. Nếu có chúng sanh nào muốn thành tựu Niết-bàn, cho đến quả vị A-la-hán và quả vị Phật thì phải hành bố thí, tạo các công đức.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. THÂN TÂM ĐỀU VUI[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế gian có bốn hạng người. Là bốn hạng người nào? Đó là có hạng người thân vui mà tâm không vui; có hạng người tâm vui mà thân không vui; có hạng người tâm không vui, thân cũng không vui; có hạng người thân, tâm đều vui.

Những hạng người nào thân vui mà tâm không vui? Đó là hạng phàm phu biết tạo phước, họ tuy được cúng dường đầy đủ bốn món cần dùng như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc thang trị bệnh nhưng không thoát khỏi ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không thoát khỏi đường ác. Đây gọi là hạng người thân vui mà tâm không vui.

Những hạng người nào tâm vui mà thân không vui? Đó là bậc A-la-hán không tạo phước,[5] tuy không được cúng dường đầy đủ bốn món cần dùng, điều kiện sống khó khăn,[6] nhưng vị ấy vẫn thoát được nỗi khổ trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Giống như Tỳ-kheo La-hán Duy Dụ.[7] Đó gọi là người tâm vui mà thân không vui.

Những hạng người nào thân không vui, tâm cũng không vui? Đó là hạng phàm phu không biết tạo phước, họ đã không được cung cấp đầy đủ bốn món cần dùng như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, lại cũng không thoát khỏi ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Đó gọi là người thân không vui, tâm cũng không vui.

Những hạng người nào thân, tâm đều vui? Đó là các bậc A-la-hán biết tạo phước đức, các vị ấy vừa được cúng dường đầy đủ bốn món y phục, đồ ăn thức

---

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.2. 0656a06).

[5] Nguyên tác: Công đức (功德).

[6] Nguyên tác: Chung bất năng đắc (終不能得).

[7] Nguyên tác: Duy Dụ Tỳ-kheo (唯喻比丘). Trường hợp vị Tỳ-kheo tuy chứng A-la-hán nhưng mãi luôn đói khổ, đến lúc sắp chết mới được no bụng một lần, được ghi nhận trong *Soạn tập Bách duyên kinh* 撰集百緣經 (*T*.04. 0200.94. 0251b29-0252b16), gọi là Tỳ-kheo Lê-quân-chi (梨軍支, S. Lekuñcikaḥ). Trong *Chuyện tiền thân*, số 41 (*J*. I. 234), gọi là Tỳ-kheo Losakatissa.

uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, lại cũng thoát khỏi ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Giống như Tỳ-kheo Thi-ba-la.[8] Đó gọi là người thân, tâm đều vui.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Thế nên, các thầy Tỳ-kheo phải cầu phương tiện tu tập, phải giống như Tỳ-kheo Thi-ba-la!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. BỐN PHƯỚC CỦA PHẠM THIÊN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[0656b01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai sẽ nói về bốn phước của Phạm thiên. Là bốn phước nào? Thiện nam, tín nữ nào xây dựng tháp miếu ở những nơi chưa có tháp miếu, đây là phước báu thứ nhất của Phạm thiên. Thiện nam, tín nữ nào tu sửa tinh xá cũ, đây là phước báu thứ hai của Phạm thiên. Thiện nam, tín nữ nào góp phần hòa hợp Thánh chúng, đây là phước báu thứ ba của Phạm thiên. Lại nữa, khi Như Lai[10] lần đầu chuyển pháp luân, họ đã vì chư thiên và người đời mà khuyến thỉnh Như Lai chuyển pháp luân, đây là phước báu thứ tư của Phạm thiên. Đó gọi là bốn phước báu của Phạm thiên.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Phước của Phạm thiên nhiều hay ít?

Thế Tôn bảo:

– Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, nay Như Lai sẽ giảng nói!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Cõi nước Diêm-phù-đề từ Đông sang Tây, rộng bảy ngàn do-tuần, từ Nam sang Bắc rộng hai mươi mốt ngàn do-tuần, địa hình giống như bánh xe. Công đức của tất cả chúng sanh ở cõi này có được cũng chỉ bằng công đức của một vị Chuyển Luân Thánh vương.

Lại có cõi Cù-da-ni dọc ngang ba mươi hai vạn dặm, có hình bán nguyệt. Các Tỳ-kheo nên biết, công đức của tất cả mọi người trong cõi Diêm-phù-đề

[8] Nguyên tác: Thi-ba-la (尸波羅).

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.3. 0656a29).

[10] Nguyên tác: Đa-tát-a-kiệt (多薩阿竭), phiên âm của Như Lai (如來, Tathāgata).

cộng với công đức của một Chuyển Luân Thánh vương chỉ bằng phước của một người ở Cù-da-ni này.

Lại nữa, Tỳ-kheo, cõi nước Phất-vu-đãi dọc ngang ba mươi sáu vạn dặm, địa hình vuông vức. Nếu ước tính thì phước của cả hai châu là Diêm-phù-đề và Cù-da-ni vẫn không bằng phước của một người ở cõi Phất-vu-đãi này.

Tỳ-kheo nên biết, cõi Uất-đan-việt dọc ngang bốn mươi vạn dặm, địa hình giống như mặt trăng tròn. Nếu ước tính thì phước của tất cả người dân trong ba cõi trên cũng không bằng phước của một người ở cõi Uất-đan-việt.

Tỳ-kheo nên biết, nếu ước tính thì phước của mọi người trong bốn châu thiên hạ đó vẫn không bằng phước của Tứ Thiên Vương. Nếu ước tính thì phước của mọi người dân trong bốn châu thiên hạ và phước của Tứ Thiên Vương cũng không bằng phước của cõi trời Ba Mươi Ba. Nếu ước tính thì phước của bốn châu thiên hạ cộng với phước của Tứ Thiên Vương và trời Ba Mươi Ba, cũng không bằng phước của một vị Thích-đề-hoàn-nhân. Nếu ước tính thì phước của bốn châu thiên hạ cộng với Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba và Thích-đề-hoàn-nhân cũng không bằng phước của một vị ở cõi Diệm thiên. Nếu ước tính thì phước của bốn châu thiên hạ cộng với Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba và Thích-đề-hoàn-nhân cho đến cõi Diệm thiên, cũng không bằng phước của một vị ở cõi trời Đâu-suất. Nếu ước tính thì phước của cả bốn châu thiên hạ cho đến phước của cõi trời Đâu-suất, cũng không bằng phước của một vị ở trời Hóa Tự Tại. Nếu ước tính thì phước của bốn châu thiên hạ cho đến trời Hóa Tự Tại cũng không bằng phước của một vị ở trời Tha Hóa Tự Tại. Nếu ước tính thì phước từ khắp bốn châu thiên hạ cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại cũng không bằng phước đức của một Phạm thiên vương.

[0656c04] Tỳ-kheo nên biết, đây là phước của Phạm thiên. Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào mong cầu được phước này thì y theo đây mà lượng biết.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, muốn cầu phước Phạm thiên thì phải tìm cầu phương tiện để thành tựu công đức này!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. BỐN LOẠI THỨC ĂN[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.29.4. 0656c09). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.371. 0101c25); *S.* 12.11 - II. 11.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Chúng sanh nhờ bốn loại thức ăn để được nuôi lớn. Là bốn loại nào? Đó là đoàn thực gồm có thô và tế, xúc thực,[12] niệm thực và thức thực. Đây là bốn loại thức ăn.

Thế nào là đoàn thực? Đoàn thực là thức ăn của con người hiện nay, những vật có thể vo lại đưa vào miệng để ăn. Đây gọi là đoàn thực.

Thế nào là xúc thực? Xúc thực là những thứ khiến thân thể có cảm giác thoải mái như là y phục, dù lọng, hương hoa, lò sưởi, dầu thơm, gần gũi người nữ. Đây gọi là xúc thực.

Thế nào là niệm thực? Đó là tất cả những niệm tưởng, những tư duy từ trong tâm, hoặc do miệng nói, hoặc do thân xúc chạm, cho đến những gì được ghi nhớ. Đây gọi là niệm thực.

Thế nào là thức thực? Những gì được niệm tưởng bởi thức, được nhận biết bởi ý. Bắt đầu từ cõi Phạm thiên cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng đều dùng thức làm thức ăn. Đây gọi là thức thực.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại thức ăn này. Chúng sanh do bốn loại thức ăn này mà xoay vần trong sanh tử từ đời này sang đời khác.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy xa lìa bốn loại thức ăn này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BỐN LOẠI BIỆN TÀI[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn loại biện tài. Là bốn loại nào? Đó là nghĩa biện tài, pháp biện tài, từ biện tài và ứng biện tài.

Thế nào là nghĩa biện tài? Nghĩa biện tài là có khả năng phân biệt ý nghĩa đối với những gì được nói bởi người này hoặc người kia, hoặc được nói từ trời, rồng, quỷ thần. Đó gọi là nghĩa biện tài.

[0657a01] Thế nào là pháp biện tài? Tức là có khả năng thấu suốt nghĩa lý tất cả mười hai loại kinh được Như Lai tuyên thuyết, gồm có: Khế kinh, Kỳ-dạ, Bổn mạt, Kệ, Nhân duyên, Thọ ký, Tự thuyết, Tạo tụng, Sanh kinh, Phương

[12] Nguyên tác: Cánh lạc thực (更樂食).

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.29.5. 0656c26).

đẳng, Hợp tập, Vị tằng hữu, cho đến các pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, các Pháp bảo không thể phá hoại. Đây gọi là pháp biện tài.

Thế nào là từ biện tài? Tức là có khả năng thuyết pháp tùy theo căn nguyên của chúng sanh, tùy theo từng trường hợp mà dùng lời nói có âm điệu dài hoặc ngắn, hoặc dùng lời của người nam, hoặc dùng lời của người nữ, hoặc dùng lời của Phật, lời của Bà-la-môn, trời, rồng, quỷ thần, hoặc dùng lời của a-tu-la, ca-lưu-la, chân-đà-la để nói pháp. Đây gọi là từ biện tài.

Thế nào là ứng biện tài? Tức là khi thuyết pháp thì không có khiếp nhược, không có sợ hãi, khéo làm vui hòa bốn bộ chúng. Đó gọi là ứng biện tài.

Nay Như Lai khuyên dạy các thầy hãy như thầy Ma-ha Câu-hy-la.[14] Vì sao vậy? Vì Ma-ha Câu-hy-la có đủ bốn biện tài này, có khả năng phân biệt giảng nói rộng rãi cho bốn bộ chúng. Nay Như Lai quán sát trong bốn chúng, không ai có được bốn biện tài hơn Ma-ha Câu-hy-la. Bốn biện tài này, Như Lai có đầy đủ.

Này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn biện tài này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. BỐN ĐIỀU KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn điều không thể nghĩ bàn. Là bốn điều gì? Đó là chúng sanh không thể nghĩ bàn, thế giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn và cảnh giới cõi Phật không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì không phải do bốn điều này mà đến được diệt tận, Niết-bàn.

Thế nào là chúng sanh không thể nghĩ bàn? Nghĩa là không thể lý giải các chúng sanh này từ đâu đến và đi về đâu? Từ đâu sanh khởi? Chết ở đây sẽ sanh về đâu? Đây gọi là chúng sanh không thể nghĩ bàn.

Thế nào là thế giới không thể nghĩ bàn? Vì những người tà kiến cho rằng: Thế giới là đoạn diệt, hoặc cho rằng thế giới là không đoạn diệt; thế giới này có giới hạn, hoặc thế giới này không có giới hạn; hoặc chấp mạng là thân; hoặc chấp chẳng phải mạng, cũng chẳng phải thân; hoặc chấp thế giới này do Phạm thiên tạo ra, hoặc do các đại quỷ thần tạo ra.

---

[14] Ma-ha Câu-hy-la (摩訶拘絺羅, Mahākoṭṭhita), vị được Phật khen là Biện tài đệ nhất.

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.6. 0657a18). Tham chiếu: *A*. 4.77 - II. 80.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phạm thiên tạo con người,
Quỷ thần tạo thế gian,
Hay các quỷ tạo tác,
Điều đó ai quyết được?
Phạm thiên, người, quỷ thần
Bị dục, sân trói buộc,
Tâm không được tự tại,
Phải chịu khổ thế gian.

[0657b05] Này Tỳ-kheo, đây gọi là thế giới không thể nghĩ bàn.

Thế nào là cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn? Thế nào, giọt mưa này là từ miệng rồng phun ra ư? Điều này không thể lý giải. Vì sao như vậy? Vì giọt mưa chẳng phải từ miệng rồng phun ra. Vậy thì từ mắt, tai, mũi của rồng phun ra ư? Điều này cũng không thể lý giải. Vì sao vậy? Vì giọt mưa không phải là từ mắt, tai, mũi của rồng phun ra mà chỉ khi trong ý của rồng khởi niệm, dù là niệm ác hay niệm thiện đều khiến tuôn mưa. Hoặc do bản hạnh mà tạo mưa này. Vì sao như vậy? Như ở lưng chừng núi Tu-di có một vị trời tên là Đại Lực, có khả năng biết được suy nghĩ của chúng sanh. Vị trời này cũng có thể tạo mưa, nhưng mưa không từ miệng, mắt, tai, mũi của vị trời này tuôn ra mà đều do thần lực của vị trời ấy tạo ra. Thật vậy, Tỳ-kheo, cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn.

Thế nào là cảnh giới cõi Phật không thể nghĩ bàn? Thân Như Lai là do cha mẹ tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai hấp thụ các khí trời, thanh tịnh không cấu uế.

Thân Như Lai là do con người tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai vượt ra khỏi việc làm của con người.

Thân Như Lai là thân trời chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai thì không thể tạo tác, chư thiên không thể sánh được.

Thọ mạng Như Lai là ngắn chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai có bốn thần túc.

Như Lai thọ mạng lâu dài chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai xoay vần cùng thế gian, tương ưng với các phương tiện khéo léo.

Thân của Như Lai không thể đo lường, không thể nói cao hay thấp. Âm thanh của thế gian cũng không thể định chuẩn Phạm âm của Như Lai. Trí tuệ và biện tài của Như Lai không thể nghĩ bàn, người thế gian không thể sánh được. Đây gọi là cảnh giới cõi Phật không thể nghĩ bàn.

Như vậy, Tỳ-kheo, có bốn trường hợp này không thể nghĩ bàn, không phải là điều mà người thường tình có thể nghĩ bàn, nhưng bốn điều này cũng không phải cội gốc của việc thiện, cũng chẳng phải pháp giúp thành tựu Phạm hạnh, cũng không phải là pháp khiến đoạn trừ phiền não và cũng không đưa đến Niết-bàn. Chỉ khiến con người trở nên mê lầm, tâm ý thác loạn, khởi các nghi kiết.

[0657c02] Vì sao như vậy? Các Tỳ-kheo nên biết, quá khứ xưa kia, trong thành Xá-vệ này có một người suy nghĩ như vầy: "Nay ta phải tư duy về thế giới." Thế rồi, người kia rời khỏi thành Xá-vệ, đến bên một ao sen, ngồi kiết-già tư duy về thế giới: "Thế giới này hình thành như thế nào? Tan hoại ra sao? Ai tạo ra thế giới này? Chúng sanh này từ đâu đến? Từ đâu xuất hiện? Sanh ra lúc nào?" Lúc người ấy đang tư duy thì thấy trong ao nước có bốn binh chủng đi ra đi vào. Người ấy liền nghĩ: "Ta nay thật mê lầm, tâm ý thác loạn. Điều ở thế gian không hề có mà nay ta lại thấy." Thế rồi, người ấy bèn trở vào thành Xá-vệ, đến một ngõ phố, nói với mọi người: "Các Hiền giả nên biết, điều ở thế gian không hề có mà nay tôi lại thấy."

Bấy giờ, có khá nhiều người đến hỏi người ấy: "Vì sao điều mà thế gian không hề có, nay ông lại thấy?" Người kia trả lời: "Thời gian qua, vì để tư duy về thế giới từ đâu sanh ra, tôi đã rời khỏi thành Xá-vệ, đến bên ao sen, khởi tâm tư duy: 'Thế giới từ đâu mà có? Ai tạo ra thế giới này? Những chúng sanh này từ đâu đến? Do ai sanh ra? Sau khi qua đời sanh về chốn nào?' Lúc đang tư duy như vậy, tôi thấy trong ao nước có bốn binh chủng đi ra đi vào. Điều ở thế gian không hề có mà nay tôi lại thấy."

Bấy giờ, mọi người nói với ông ấy: "Cái thấy của ông quả thật mê lầm. Trong ao nước làm gì có bốn binh chủng. Ông là người mê muội nhất trong thế gian."

Thế nên, này các Tỳ-kheo, Như Lai đã thấy rõ nghĩa lý này nên mới chỉ dạy cho các thầy. Vì sao vậy? Vì đây không phải cội gốc của việc thiện, cũng chẳng phải là pháp giúp thành tựu Phạm hạnh, cũng không phải là pháp khiến đoạn trừ phiền não, cũng không đưa đến Niết-bàn. Tư duy như vậy chỉ khiến con người trở nên mê lầm, tâm ý tán loạn.

Tuy nhiên, các Tỳ-kheo nên biết, người kia thật sự có thấy bốn binh chủng. Vì sao vậy? Bởi vì xưa kia chư thiên và a-tu-la đánh nhau. Trong trận chiến ấy, chư thiên chiến thắng, a-tu-la thất bại. Lúc đó, a-tu-la rất sợ hãi, liền biến thân thâu lại cực nhỏ và chui vào lỗ ngó sen, chỉ có mắt Phật mới thấy, người khác không thể thấy.[16]

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tư duy về bốn chân lý. Vì sao như vậy? Vì bốn chân lý này có ý nghĩa, có đạo lý, giúp thành tựu Phạm hạnh, là pháp mà hàng Sa-môn tu tập đạt đến Niết-bàn.

Vì vậy, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy xa lìa các pháp thế gian, phải tìm phương tiện để tư duy bốn chân lý.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[16] Câu chuyện 4 binh chủng đi vào trong đóa sen cũng được ghi nhận trong *S.* 56.41 - V. 446.

7. BỐN THẦN TÚC[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn loại thần túc. Là bốn loại nào? Đó là tự tại tam-muội hành tận thần túc, tâm tam-muội hành tận thần túc, tinh tấn tam-muội hành tận thần túc và giới tam-muội hành tận thần túc.

Thế nào là tự tại tam-muội hành tận thần túc? Nghĩa là những ai đạt được tam-muội này sẽ tự tại đối với lòng mong cầu, tâm ưa thích; có khả năng khiến thân thể nhẹ nhàng, có khả năng biến thân cực nhỏ. Đây là thần túc thứ nhất.

Thế nào là tâm tam-muội hành tận thần túc? Nghĩa là tâm nhận biết pháp trùm khắp mười phương, có thể xuyên qua vách đá, không gì trở ngại. Đây là tâm tam-muội hành tận thần túc.

Thế nào là tinh tấn tam-muội hành tận thần túc? Nghĩa là người đạt tam-muội này thì không còn biếng nhác, cũng không sợ hãi, ý chí dũng mãnh. Đây gọi là tinh tấn tam-muội hành tận thần túc.

Thế nào là giới tam-muội hành tận thần túc? Nghĩa là người đạt được tam-muội này, có khả năng biết được tất cả niệm tưởng sanh diệt trong tâm chúng sanh, biết được người ấy có tâm tham hay không tâm tham, có tâm sân hay không tâm sân, có tâm si hay không tâm si, có tâm đố kỵ hay không có tâm đố kỵ, có tâm loạn động hay không có tâm loạn động, có tâm nhỏ hẹp hay không có tâm nhỏ hẹp, có tâm rộng lớn hay không có tâm rộng lớn, có tâm tính toán hay không có tâm tính toán, có tâm an định hay không có tâm an định, có tâm giải thoát hay không có tâm giải thoát, tất cả đều biết rõ. Đây gọi là giới tam-muội hành tận thần túc.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, có bốn loại thần túc. Nếu muốn biết tâm niệm của tất cả chúng sanh thì hãy tu hành bốn thần túc này!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. ĐẮM TRƯỚC TỨ SỰ[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.29.7. 0658a05). Tham chiếu: *S.* 51.11 - V. 254.

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.29.8. 0658a27). Tham chiếu: *A.* 4.9 - II. 10.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có bốn nguyên nhân khiến tâm ái sanh khởi. Như khi Tỳ-kheo khởi tâm ưa thích thì tâm ái sanh khởi. Đó là bốn nguyên nhân nào? Tỳ-kheo do duyên với y phục nên ái sanh khởi; do duyên với khất thực nên ái sanh khởi; do duyên với chỗ nằm, ngồi nên ái sanh khởi; do duyên với thuốc thang nên ái sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là có bốn nguyên nhân khiến tâm ái sanh khởi và có đắm trước.

[0658b03] Nếu có Tỳ-kheo đắm trước y phục thì Như Lai không hoan hỷ với người này. Vì sao như vậy? Vì khi không được y phục, người ấy liền sanh tâm sân hận, khởi niệm đắm trước.

Nếu có Tỳ-kheo đắm trước thức ăn thì Như Lai không hoan hỷ với người này. Vì sao vậy? Vì khi khất thực chưa được thức ăn, người ấy liền sanh tâm sân hận, khởi niệm đắm trước.

Nếu có Tỳ-kheo đắm trước chỗ nằm, chỗ ngồi thì Như Lai không hoan hỷ với người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được chỗ nằm, chỗ ngồi, người ấy liền sanh tâm sân hận, khởi niệm đắm trước.

Nếu có Tỳ-kheo đắm trước vị thuốc tốt thì Như Lai không hoan hỷ với người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được vị thuốc tốt, người ấy liền sanh tâm sân hận, khởi niệm đắm trước.

Các Tỳ-kheo nên biết, nay Như Lai sẽ nói đến trường hợp nên thân cận và không nên thân cận đối với y phục.

Trường hợp nào thì nên thân cận? Trường hợp nào không nên thân cận? Nếu khi được y phục, vì quá đắm trước y phục mà khởi pháp bất thiện, vậy thì không nên thân cận. Nếu khi được y phục mà khởi pháp thiện, tâm không đắm trước, vậy thì nên thân cận. Nếu khi khất thực mà khởi pháp bất thiện, vậy thì không nên thân cận. Nếu khi khất thực mà khởi pháp thiện, vậy thì nên thân cận. Nếu được chỗ nằm, chỗ ngồi mà khởi pháp bất thiện, vậy thì không nên thân cận. Nếu được chỗ nằm, chỗ ngồi mà khởi pháp thiện, vậy thì nên thân cận. Đối với thuốc thang cũng giống như vậy.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy thân cận pháp thiện, trừ bỏ pháp ác.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo, các thầy hãy học tập điều này để giúp đàn-việt thí chủ kia có được công đức, hưởng phước vô cùng, nếm vị giải thoát.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Được cúng dường y phục, Cùng những thứ cần dùng,
Với chúng hãy thong dong,[19] Không sanh vào muôn cõi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[19] Nguyên tác: Ư trung mạc khởi ái (於中莫起愛).

9. CON DÒNG HỌ THÍCH[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn dòng sông lớn được bắt nguồn từ hồ A-nậu-đạt.[21] Là bốn dòng sông nào? Đó là dòng sông Hằng-già,[22] sông Tân-đầu,[23] sông Bà-xoa[24] và sông Tư-đà.[25] Nước sông Hằng-già kia bắt nguồn từ Ngưu Đầu khẩu[26] chảy về hướng Đông. Sông Tân-đầu bắt nguồn từ Sư Tử khẩu[27] chảy về hướng Nam. Sông Tư-đà bắt nguồn từ Tượng khẩu[28] chảy về hướng Tây. Sông Bà-xoa bắt nguồn từ Mã khẩu[29] chảy về hướng Bắc.

[0658c04] Bấy giờ, bốn dòng sông lớn vây quanh ao A-nậu-đạt, dòng Hằng-già chảy vào biển Đông, dòng Tân-đầu chảy vào biển Nam, dòng Bà-xoa chảy vào biển Tây và dòng Tư-đà chảy vào biển Bắc.[30] Khi bốn dòng sông lớn này đã chảy vào biển thì không còn tên gọi trước kia nữa mà chỉ gọi chung là biển.

Ở đây cũng vậy, có bốn dòng họ. Là bốn dòng họ nào? Đó là dòng họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la. Nếu người nào đã phát nguyện cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, làm đệ tử Như Lai thì không còn dòng họ cũ, chỉ còn gọi là Sa-môn dòng họ Thích-ca. Vì sao vậy? Vì Tăng đoàn của Như Lai ví như biển lớn, bốn chân lý ví như bốn dòng sông lớn, diệt trừ kiết sử, vào được thành trì Niết-bàn vô úy.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, những ai trong bốn dòng họ phát nguyện cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, người ấy sẽ từ bỏ tên họ trước kia, tự xưng là đệ tử Thích-ca. Vì sao như vậy? Vì Như Lai hiện nay chính là con của dòng họ Thích-ca, xuất thân từ dòng họ Thích mà xuất gia học đạo.

---

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.9. 0658b26).

[21] A-nậu-đạt (阿耨達, Anotatta) còn được gọi là A-na-đà-đáp-đa (阿那陀答多), A-na-a-đạt-đa (阿那阿達多), A-na-bà-đạt-đa (阿那婆達多), A-na-bà-đáp-đa (阿那婆答多), dịch là Vô Nhiệt (無熱), Vô Nhiệt Não (無熱惱), nghĩa là không bị sức nóng làm cho khổ não. Suối A-nậu-đạt (阿耨達泉) là nguồn của 4 con sông lớn (四河): sông Hằng-già (恆伽河, S. = P. Gaṅgā), sông Tân-đầu (辛頭河, S. Sindhu), sông Bà-xoa (婆叉河, S. Vaksu), sông Tư-đà (私陀河, S. = P. Sītī).

[22] Hằng-già (恒伽, S. = P. Gaṅgā): Sông Hằng, con sông linh thiêng ở Ấn Độ.

[23] Tân-đầu (新頭, S. Sindhu).

[24] Bà-xoa (婆叉, S. Vaksu) còn gọi là sông Phược-sô (嚩芻), Bà-thâu (婆輸), Hòa-xoa (和叉).

[25] Tư-đà (斯陀, S. = P. Sītī) còn gọi là sông Đà (陀河), Tư-đà (斯陀) Tư-đa-hà (斯多), Tất-đà (悉陀).

[26] Ngưu Đầu khẩu (牛頭口, Usabhamukha).

[27] Sư Tử khẩu (師子口, Sīhamukha).

[28] Tượng khẩu (象口, Hatthimukha).

[29] Mã khẩu (馬口, Assamukha).

[30] Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.1. 0116c16).

Các Tỳ-kheo nên biết! Muốn nói đến ý nghĩa của đứa con được sanh ra, nên gọi là Sa-môn con dòng họ Thích. Vì sao vậy? Vì các Sa-môn đều do Như Lai sanh ra, từ pháp mà phát khởi, từ pháp mà hình thành.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để được làm con dòng họ Thích.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. BỐN PHẠM ĐƯỜNG[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn tâm vô lượng. Là bốn tâm nào? Đó là tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả.

Vì sao bốn loại tâm đó được gọi là bốn Phạm đường? Tỳ-kheo nên biết, có Phạm thiên, Đại Phạm thiên, không ai sánh bằng, không có ai vượt hơn, thống lãnh ngàn cõi nước, nhà của vị ấy gọi là Phạm đường. Này các Tỳ-kheo, bốn Phạm đường này rất có uy lực, vì có thể quan sát khắp ngàn cõi nước, cho nên được gọi là Phạm đường.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo hoặc bốn bộ chúng nào muốn vượt qua trời cõi dục để lên cõi vô dục thì phải tìm cầu phương tiện thành tựu bốn Phạm đường này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[32]

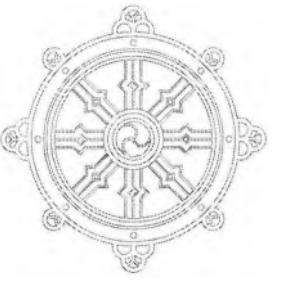

[31] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.29.10. 0658c18).

[32] Bản Hán, hết quyển 21.

30. PHẨM TU-ĐÀ[1]

1. SA-DI TU-ĐÀ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại núi Ba-sa, thuộc nước Ma-kiệt-đà.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn rời tịnh thất ra bên ngoài kinh hành. Lúc đó, Sa-di Tu-đà kinh hành theo sau Thế Tôn. Khi ấy, Thế Tôn quay lại bảo Sa-di:

– Nay Như Lai muốn hỏi con về nghĩa lý. Con hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Sa-di Tu-đà đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Sắc hữu thường và sắc vô thường là một nghĩa hay nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

– Sắc hữu thường và sắc vô thường vốn có nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa. Vì sao như vậy? Vì sắc hữu thường thì ở bên trong, sắc vô thường thì ở bên ngoài,[3] cho nên có nhiều nghĩa chứ chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Tu-đà! Đúng như lời con nói, con đã khéo nói nghĩa này. Sắc thường và sắc vô thường thì có nhiều nghĩa chứ chẳng phải một nghĩa. Thế nào, Tu-đà! Nghĩa hữu lậu và nghĩa vô lậu là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà thưa:

– Nghĩa hữu lậu và nghĩa vô lậu là nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa. Vì sao như vậy? Vì nghĩa hữu lậu là phiền não sanh tử, nghĩa vô lậu là pháp Niết-bàn, cho nên có nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa.

---

[1] Nguyên tác: *Tu-đà phẩm* 須陀品 (*T*.02. 0125.30. 0659a05).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.30.1. 0659a06). Tham chiếu: *DhA*. 6.80.

[3] Nguyên tác: Hữu thường sắc giả thị nội, vô thường sắc giả thị ngoại (有常色者是內, 無常色者是外). Hữu thường sắc giả thị nội (有常色者是內), chỉ cho cảnh giới giải thoát thường hằng của chư Phật thì luôn tồn tại bên trong. Tham chiếu: *Đại pháp cổ kinh* 大法鼓經 (*T*.09. 0270.1. 0292c10): Giải thoát thường hằng không phải là tên gọi, vì an trú trong Báo thân trạm nhiên, chẳng phải là cảnh giới của Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát (常解脫非名, 妙色湛然住, 非聲聞緣覺, 菩薩之境界).

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Tu-đà! Đúng như lời con nói. Hữu lậu là sanh tử, vô lậu là Niết-bàn.

Thế Tôn lại hỏi:

– Pháp tụ, pháp tán là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

– Sắc của pháp tụ và sắc của pháp tán là nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa. Vì sao như vậy? Vì sắc của pháp tụ là thân tứ đại, sắc của pháp tán là khổ diệt,[4] cho nên là nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Tu-đà! Đúng như lời con nói. Sắc của pháp tụ và sắc của pháp tán có nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa. Thế nào, Tu-đà! Nghĩa của thủ[5] và nghĩa của uẩn là một nghĩa hay có nhiều nghĩa?

[0659b02] Sa-di Tu-đà bạch Phật:

– Nghĩa của thủ và nghĩa của uẩn thì có nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa. Vì sao như vậy? Vì thủ thì vô hình không thể thấy, uẩn thì có sắc nên có thể thấy, cho nên có nhiều nghĩa chứ không phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Tu-đà! Đúng như lời con nói. Thủ và uẩn có nhiều nghĩa chứ chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn lại hỏi:

– Chữ "hữu" và chữ "vô" có nhiều nghĩa hay là một nghĩa?

Sa-di bạch Phật:

– Chữ "hữu" và chữ "vô" có nhiều nghĩa, không phải một nghĩa. Vì sao như vậy? Vì chữ "hữu" là phiền não sanh tử, chữ "vô" là Niết-bàn, cho nên có nhiều nghĩa chứ chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Tu-đà! Đúng như lời con nói. Chữ "hữu" là phiền não sanh tử, chữ "vô" là Niết-bàn.

Thế Tôn lại hỏi:

– Thế nào, Tu-đà! Vì sao nói chữ "hữu" là sanh tử, chữ "vô" là Niết-bàn?

---

[4] Nguyên tác: Khổ tận đế (苦盡諦). Đây là cách viết khác của "khổ diệt." Tham chiếu: *Kinh chuyển pháp luân*, số 5, phẩm 24, tr. 277 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.5. 0619a15): Thế nào là chân lý về sự diệt sạch khổ đau? Nghĩa là có thể khiến cho tham ái kia hết sạch, không sót lại gì, cũng không sanh khởi nữa. Đó gọi là chân lý về khổ diệt. (云何苦盡諦? 能使彼愛滅盡無餘, 亦不更生, 是謂苦盡諦).

[5] Nguyên tác: Thọ (受), trong ngữ cảnh này dịch là "thủ", "chấp thủ" (取, 執取, *upādāna*).

Sa-di bạch Phật:

– Chữ "hữu" nghĩa là có sanh, có tử, có kết thúc, có khởi đầu. Chữ "vô" tức là không sanh, không tử, không kết thúc, không khởi đầu.

Thế Tôn bảo:

– Hay thay, hay thay, Tu-đà! Đúng như lời con nói. Chữ "hữu" là pháp sanh tử, "vô" là pháp Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Sa-di:

– Con trình bày rất giỏi. Nay Như Lai cho phép con làm đại Tỳ-kheo.[6]

Bấy giờ, Thế Tôn trở về giảng đường Phổ Tập nói với các Tỳ-kheo:

– Đất nước Ma-kiệt sắp được lợi lành mới khiến cho Sa-di Tu-đà đến nơi này. Nếu ai biết cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh thì sẽ được lợi lành. Cha mẹ của thầy ấy cũng được lợi ích vì đã sanh ra Tỳ-kheo Tu-đà này. Nếu Tỳ-kheo Tu-đà sanh trong gia đình nào, gia đình ấy liền được may mắn lớn. Nay Như Lai khuyên các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Tu-đà rất là thông minh, thuyết pháp thông suốt và không khiếp nhược.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. SA-DI TU-MA-NA[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

[0659c01] Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh trước sau. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo trưởng lão đang ở trong hội chúng này ngồi duỗi chân về phía Thế Tôn mà ngủ gật. Lúc này, cách Thế Tôn không xa, có Sa-di Tu-ma-na mới tám tuổi đang kiết-già tĩnh tọa, an trú trong chánh niệm.

Bấy giờ, Thế Tôn từ xa trông thấy Tỳ-kheo trưởng lão đang duỗi chân ngủ gật, lại thấy Sa-di ngồi ngay ngắn tư duy, khi đã thấy rồi, Thế Tôn liền nói kệ này:

Được gọi là Trưởng lão, Chẳng phải cạo tóc, râu,
Cho dù tuổi tác cao, Không tránh khỏi ngờ nghệch.

---

[6] Nguyên tác: Khoái thuyết thử ngôn, kim tức thỉnh nhữ vi đại Tỳ-kheo (快說此言,今即聽汝為大比丘). Theo *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận* 阿毘達磨俱舍論 (*T*.29. 1558.14. 0074b25-c01), quan điểm của các Luận sư thuộc bộ phái Tỳ-bà-sa chủ trương có 10 loại đắc giới. Trường hợp của Sa-di Tô-đà-di (蘇陀夷) do khéo trả lời đúng câu hỏi của Thế Tôn nên đắc giới Cụ túc dù chưa đủ 20 tuổi.

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.30.2. 0659b29).

Ai thấy được chân lý,
Các hạnh xấu buông nhanh,
Nay Ta gọi Trưởng lão,
Vì gốc thiện khéo tu,
Dù tuổi tác còn nhỏ,
Bậc Trưởng lão xứng danh,
Không não hại chúng sanh,
Mới xứng danh Trưởng lão.
Không vì xuất gia trước,
Chánh hạnh phân biệt được.
Nhưng các căn tịnh thanh,
Hiểu, thực hành Chánh pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Các thầy có thấy Tỳ-kheo trưởng lão ấy ngồi duỗi chân ngủ gật không?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy!

Thế Tôn bảo:

– Trong năm trăm kiếp trước, vị Tỳ-kheo trưởng lão này thường làm thân rắn.[8] Đời này, sau khi qua đời cũng sẽ sanh vào loài rắn. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo ấy không có tâm cung kính Phật, Pháp và Tăng. Nếu người nào không có tâm cung kính Phật, Pháp và Tăng thì sau khi qua đời sẽ sanh vào loài rắn. Các thầy có thấy Sa-di Tu-ma-na mới tám tuổi, đang tọa thiền cách Như Lai không xa không?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy!

Khi ấy, Thế Tôn lại nói với các Tỳ-kheo:

– Bảy ngày sau, Sa-di này sẽ chứng đắc bốn thần túc và pháp bốn sự thật, đạt được tự tại trong bốn thiền, khéo tu bốn chánh đoạn. Vì sao như vậy? Vì Sa-di Tu-ma-na này có tâm cung kính Phật, Pháp và Tăng. Thế nên, các thầy phải dốc lòng cung kính Phật, Pháp và Tăng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. THIẾU NỮ TU-MA-ĐỀ[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[8] Nguyên tác: Long (龍, *nāga*). *Nāga* còn được Hán dịch là con voi (象), con rồng (龍) hay con rắn (蛇). Theo ngữ cảnh kinh văn này nên hiểu là con rắn.

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.30.3. 0660a01). Tham chiếu: *Tu-ma-đề nữ kinh* 須摩提女經 (*T*.02. 0128a. 0835c16); (*T*.02. 0128b. 0837c09); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da dược sự* 根本說一切有部毘奈耶藥事 (*T*.24. 1448.3. 0010a17); S. *Divyāvadāna* (*Thiên nghiệp thí dụ*), truyện Pūrṇāvadāna.

Bấy giờ, có vị trưởng giả tên Cấp Cô Độc[10] là người giàu có, của cải dồi dào, vàng bạc, châu báu, xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thạch anh, lưu ly, voi, ngựa, trâu, dê; nô tỳ, tôi tớ không thể tính kể. Lúc ấy, trong thành Mãn Phú cũng có vị trưởng giả tên là Mãn Tài, cũng là người giàu có, của cải dồi dào, xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thạch anh, lưu ly; voi, ngựa, trâu, dê; nô tỳ, tôi tớ không thể tính kể. Ông lại là bạn cũ từ thời niên thiếu của trưởng giả Cấp Cô Độc. Họ quý mến nhau chưa từng lãng quên. Trưởng giả Cấp Cô Độc luôn có hàng chục ngàn món hàng châu báu được mua bán trao đổi trong thành Mãn Phú kia, giao cho trưởng giả Mãn Tài quản lý trông coi. Còn trưởng giả Mãn Tài cũng có hàng chục ngàn món hàng châu báu được mua bán trong thành Xá-vệ, giao cho trưởng giả Cấp Cô Độc quản lý trông coi.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc có cô con gái tên là Tu-ma-đề,[11] nhan sắc xinh đẹp như màu hoa đào, thế gian hiếm có. Khi ấy, trưởng giả Mãn Tài có chút việc vào thành Xá-vệ, sau đó đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả ra tiếp đón mời ông vào chỗ ngồi. Lúc này, cô Tu-ma-đề từ trong phòng riêng đi ra, đến quỳ lạy cha mẹ, kế đó quỳ lạy trưởng giả Mãn Tài, rồi trở về phòng riêng.

Trưởng giả Mãn Tài nhìn thấy cô Tu-ma-đề có nhan sắc xinh đẹp như màu hoa đào, thế gian hiếm có, liền hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

– Đây là con gái nhà ai?

Cấp Cô Độc đáp:

– Đó là con gái của tôi.

Trưởng giả Mãn Tài hỏi:

– Tôi có đứa con trai chưa hôn ước. Ông có thể làm thông gia với tôi không?

Trưởng giả Cấp Cô Độc liền đáp:

– Điều này không thích hợp.

Trưởng giả Mãn Tài liền hỏi:

– Tại sao không thích hợp? Vì dòng tộc hay vì tài sản?

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

– Dòng tộc và tài sản đều tương xứng, nhưng việc thờ thần, cúng tế thì ông không giống với tôi. Con gái tôi quy y Phật và chúng Tăng. Còn gia đình ông lại phụng thờ hàng ngoại đạo, bởi vậy tôi không thể chiều ý ông được!

Khi ấy, trưởng giả Mãn Tài nói:

– Gia đình tôi sẽ phụng thờ theo tín ngưỡng của chúng tôi. Còn con gái ông cứ phụng thờ theo tín ngưỡng của riêng mình.

---

[10] Nguyên tác: A-na-bân-đề (阿那邠邸).

[11] Tu-ma-đề (修摩提). S. Sumati.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nói:

– Nếu như con gái tôi phải gả đến nhà ông thì của cải bỏ ra không thể tính kể. Trưởng giả cũng phải bỏ ra của cải không thể kể xiết.

[0660b02] Trưởng giả Mãn Tài hỏi:

– Nay ông muốn thách cưới bao nhiêu?

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

– Nay tôi cần sáu vạn lượng vàng.

Trưởng giả Mãn Tài liền trao cho trưởng giả Cấp Cô Độc sáu vạn lượng vàng. Khi ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: "Ta đã tìm cách để từ khước ông ta trước, nhưng vẫn không được." Thế rồi, trưởng giả Cấp Cô Độc nói với trưởng giả Mãn Tài:

– Nếu như tôi gả con gái thì tôi phải đến thưa hỏi đức Phật trước đã. Thế Tôn dạy bảo thế nào, tôi sẽ làm theo như vậy.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc xếp đặt tươm tất mọi việc rồi rời khỏi nhà, đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, ông đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

– Trưởng giả Mãn Tài trong thành Mãn Phú muốn cưới con gái Tu-ma-đề của con cho con trai ông ấy. Con có nên đồng ý không, thưa Thế Tôn?

Thế Tôn bảo:

– Nếu con gái của ông được gả đến thành Mãn Phú, sẽ mang lại nhiều lợi ích vì sẽ hóa độ người dân nơi đó nhiều không tính kể.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: "Thế Tôn đã dùng Trí phương tiện bảo ta nên gả con gái sang thành kia." Thế rồi, trưởng giả đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi rời đi. Về đến nhà, ông cho người bày biện nhiều món ăn thức uống thơm ngon thết đãi trưởng giả Mãn Tài. Trưởng giả Mãn Tài nói:

– Đâu cần ông thết đãi tôi ăn uống thế này. Nay ông có chịu gả con gái cho con trai tôi không?

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

– Ông đã muốn vậy, tôi sẽ thuận theo ý ông. Mười lăm ngày sau, ông bảo con trai ông đến đây.

Bàn chuyện xong, họ từ biệt nhau.

Bấy giờ, trưởng giả Mãn Tài chuẩn bị đầy đủ những vật dụng cần thiết, ngồi xe gắn lông chim quý, vượt qua khoảng tám mươi do-tuần[12] để đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc. Trong khi đó, gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc cũng lo trang điểm, tắm gội, xông hương cho con gái mình, rồi đánh xe gắn lông chim quý

[12] Nguyên tác: Do-diên (由延).

đưa con gái đi đón con trai trưởng giả Mãn Tài. Khi họ gặp nhau, trưởng giả Mãn Tài đón con dâu đưa về thành Mãn Phú.

Đương thời, nhân dân trong thành Mãn Phú đã có điều lệ: "Nếu gia đình nào gả con gái mình đến thành khác, hoặc đến thành khác cưới vợ về, cũng đều phải chịu hình phạt nặng." Người dân trong thành đều tuân theo điều lệ này. Khi ấy, trong thành này có sáu ngàn vị Bà-la-môn.[13] Nếu ai làm trái quy định thì phải đãi cơm cho sáu ngàn Bà-la-môn đó.

Bấy giờ, trưởng giả Mãn Tài tự biết mình đã trái phạm quy định nên phải lo đãi cơm cho sáu ngàn Bà-la-môn. Tuy nhiên, thức ăn của các Bà-la-môn đều được chế biến bằng thịt heo, canh cũng phải có thịt heo, cho đến rượu uống cũng phải được chưng cất lại. Lại nữa, y phục của các Bà-la-môn này chất liệu bằng dạ trắng, hoặc bằng lông thú. Phép tắc của các Bà-la-môn này là mỗi khi vào thành thì phải vắt y lên vai phải để lộ nửa thân.

[0660c03] Bấy giờ, trưởng giả Mãn Tài đến trụ xứ của các Bà-la-môn này thỉnh bạch:

– Cũng đã đến giờ, thức ăn uống đã bày biện đầy đủ.

Khi ấy, sáu ngàn Bà-la-môn đều vắt y lên vai để lộ nửa thân, đi đến nhà trưởng giả. Thấy các Bà-la-môn đến, trưởng giả đi bằng hai đầu gối ra cửa tiếp đón, cung kính lễ lạy. Vị Bà-la-môn lớn nhất đưa tay xoa đầu ban phước và choàng tay qua cổ trưởng giả, sau đó đến ngồi vào vị trí. Các Bà-la-môn khác cũng theo thứ tự mà ngồi.

Sau khi sáu ngàn Bà-la-môn đã an định chỗ ngồi, trưởng giả nói với Tu-ma-đề:

– Con hãy thành kính lễ lạy thầy chúng ta!

Cô Tu-ma-đề thưa:

– Dạ không đâu, thưa cha! Con không lễ lạy những người khỏa thân đó được.

Trưởng giả nói:

– Các vị này không phải là những người khỏa thân không biết xấu hổ. Cách ăn mặc đó chính là pháp phục của họ.

Cô Tu-ma-đề thưa:

– Họ là những người không biết hổ thẹn, thân thể đều để lộ ra ngoài, có mặc pháp phục gì đâu. Xin cha hãy nghe con! Thế Tôn cũng nói, có hai nhân duyên được người thế gian quý trọng, đó là biết tự thẹn với mình, biết xấu hổ với người. Nếu không có hai điều này thì đối với cha mẹ, anh em, dòng họ, thân tộc sẽ không biết phân biệt được tôn ti thứ lớp. Như vậy thì có khác gì loài gà, chó, heo, dê, lừa, la, không có tôn ti. Nhờ có hai pháp này tồn tại trên thế gian

[13] Nguyên tác: Phạm chí (梵志).

nên con người mới biết tôn ti thứ lớp.[14] Vậy mà những người ấy lại lìa bỏ hai pháp này, thế thì họ đồng hàng với loài gà, chó, heo, dê, lừa, la. Thật tình con không thể lễ lạy họ được.

Lúc này, chồng Tu-ma-đề liền bảo vợ mình:

– Nay cô hãy lễ lạy thầy chúng ta! Những vị này đều là đấng tối cao mà tôi phụng sự.

Cô Tu-ma-đề đáp:

– Thôi đi, công tử! Tôi không lễ lạy những người lõa hình không biết hổ thẹn đó đâu. Tôi là con người, cớ sao phải lễ lạy hạng người không khác loài lừa, loài chó!

Người chồng lại nói:

– Thôi đi, cô nương! Chớ nói như vậy, cẩn thận lời nói, đừng nên xúc phạm. Họ chẳng phải loài lừa, v.v..., cũng chẳng phải người cuồng mê. Thứ họ đang mặc chính là pháp y.

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề rơi lệ khóc than, nhan sắc biến đổi, nói:

– Thà rằng cha mẹ dòng họ của tôi mất mạng, thân thể tôi dù bị phân thành năm đoạn, tôi quyết không rơi vào tà kiến này.

Lúc này, sáu ngàn Bà-la-môn đồng thanh nói lớn:

– Thôi, thôi, trưởng giả! Sao lại để con tiện tỳ này mắng chửi như thế? Nếu đã thỉnh mời thì hãy bày biện đồ ăn thức uống ra đi!

Trưởng giả cùng chồng cô Tu-ma-đề liền bày biện các món thịt heo, canh thịt heo và rượu chưng nóng, phục vụ sáu ngàn vị Bà-la-môn ăn uống đầy đủ. Các Bà-la-môn ăn xong, bàn luận đôi điều rồi đứng dậy ra về.

[0661a04] Sau đó, trưởng giả Mãn Tài ngồi trên lầu cao, buồn phiền oán giận, một mình suy nghĩ: "Ta đón cô gái này về chỉ khổ tan nhà nát cửa, khiến gia đình ta nhục nhã."

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn tên là Tu-bạt, đã chứng ngũ thông và đắc tứ thiền, rất được trưởng giả Mãn Tài quý trọng. Bà-la-môn Tu-bạt này suy nghĩ: "Ta và trưởng giả Mãn Tài đã lâu không gặp, nay ta nên ghé thăm ông ấy." Thế rồi, Bà-la-môn Tu-bạt vào thành Mãn Phú, đến nhà trưởng giả hỏi người gác cửa:

– Trưởng giả hiện đang làm gì?

Người gác cửa thưa:

– Trưởng giả hiện ở trên lầu, đang rất buồn bã, không muốn nói năng gì.

Bà-la-môn Tu-bạt liền đi thẳng lên lầu, gặp được trưởng giả, Bà-la-môn liền hỏi:

– Vì sao ông sầu muộn đến nỗi này? Bị tai họa quan phủ, trộm cướp, nước, lửa xâm phạm chăng? Hay là gia đình ông không được hòa thuận?

[14] Xem thêm *A*. 1.9 - I. 51.

Trưởng giả đáp:

– Không hề bị họa quan phủ hay trộm cướp. Chỉ là trong gia đình tôi có chút chuyện không như ý.

Bà-la-môn hỏi:

– Mong được nghe nguyên do sự việc!

Trưởng giả đáp:

– Hôm qua, vì cưới vợ cho con trai, tôi đã làm trái quy định trong nước, nên dòng tộc chịu nhục. Gia đình có mời các thầy Bà-la-môn đến nhà đãi cơm, tôi bảo đứa con dâu đến lễ lạy các thầy, nhưng đứa con dâu này không vâng lời.

Bà-la-môn Tu-bạt hỏi:

– Ông cưới dâu gần, xa? Nhà cô này ở nước nào?

Trưởng giả đáp:

– Con dâu tôi là con gái của trưởng giả Cấp Cô Độc, ở trong thành Xá-vệ.

Bà-la-môn Tu-bạt nghe xong, quá đỗi kinh ngạc, hai tay bịt tai nói:

– Ối chao, trưởng giả! Thật kỳ lạ! Thật hiếm có! Cô gái này vẫn có thể sống mà không tự sát, không gieo mình xuống lầu, như vậy thật vô cùng may mắn. Vì sao như vậy? Vì những vị thầy mà cô gái này phụng thờ đều là bậc Phạm hạnh. Hôm nay, cô ta còn sống, quả thật rất diệu kỳ.

Trưởng giả nói:

– Nghe ông nói vậy, tôi muốn phì cười. Vì sao vậy? Vì ông là ngoại đạo dị học, sao lại đi khen hạnh tu của hàng Sa-môn dòng họ Thích? Thầy mà cô gái này phụng thờ có oai đức gì? Có thần biến gì?

Bà-la-môn đáp:

– Này trưởng giả! Ông muốn biết phẩm đức cao quý của Thầy cô gái này ư? Nay tôi sẽ nói sơ qua điều này.

Trưởng giả thưa:

– Tôi mong được nghe!

[0661b01] Bà-la-môn nói:

– Trước kia, khi đến phía Bắc ngọn Tuyết Sơn, tôi đi khất thực trong nhân gian. Được thức ăn rồi, tôi bay đến bên suối A-nậu-đạt. Trời, rồng, quỷ thần nơi đó từ xa thấy tôi, đều cầm đao kiếm tiến đến bảo: "Tiên ông Tu-bạt! Ông chớ đến bên suối này, chớ làm bẩn dòng suối. Nếu không nghe lời, ta sẽ lấy mạng ông ngay." Tôi nghe họ nói vậy, liền rời khỏi dòng suối này một khoảng không xa để ngồi thọ thực.

Trưởng giả nên biết, vị Thầy mà cô gái này phụng thờ có người đệ tử Sa-di nhỏ tuổi tên là Quân-đầu. Sa-di này cũng đến phía Bắc Tuyết Sơn khất thực, sau đó bay đến suối A-nậu-đạt, trên tay có cầm cái áo của người chết dính đầy máu từ bãi tha ma. Khi ấy, đại thần ở suối A-nậu-đạt, cùng với trời, rồng, quỷ

thần đều đứng dậy tiến đến nghinh đón, cung kính thăm hỏi: "Kính chào vị thầy của loài người! Mời thầy đến đây ngồi." Sa-di Quân-đầu liền đến an tọa bên dòng suối.

Lại nữa, này trưởng giả! Chính giữa dòng suối này có một cái bàn dài bằng vàng ròng. Bấy giờ, Sa-di Quân-đầu đem cái áo của người chết ngâm vào trong nước, sau đó ngồi thọ trai. Thọ trai xong, rửa bát, rồi Sa-di đến ngồi kiết-già trên cái bàn bằng vàng này, tư duy thiền định, buộc niệm trước mặt rồi an trú vào Thiền thứ nhất. Xuất định Thiền thứ nhất rồi nhập Thiền thứ hai. Xuất định Thiền thứ hai rồi nhập Thiền thứ ba. Xuất định Thiền thứ ba rồi nhập Thiền thứ tư. Xuất định Thiền thứ tư rồi lại nhập Không xứ. Xuất định Không xứ, lại nhập Thức xứ. Xuất định Thức xứ, lại nhập Vô sở hữu xứ. Xuất định Vô sở hữu xứ, lại nhập Phi tưởng phi phi tưởng. Xuất định Phi tưởng phi phi tưởng, lại nhập Diệt tận định. Xuất định Diệt tận định, lại nhập Diệm quang tam-muội. Xuất Diệm quang tam-muội, lại nhập Thủy khí tam-muội. Xuất Thủy khí tam-muội, lại nhập Diệm quang tam-muội. Kế đó lại lần lượt thể nhập Diệt tận tam-muội, Phi tưởng phi phi tưởng xứ tam-muội, Vô sở hữu xứ tam-muội, Thức xứ tam-muội, Không xứ tam-muội, Thiền thứ tư, Thiền thứ ba, Thiền thứ hai, Thiền thứ nhất. Sau đó, Sa-di xuất định Thiền thứ nhất rồi đến giặt áo của người chết. Lúc ấy, trời, rồng, quỷ thần cùng đến trợ giúp, vị thì vò giặt chiếc áo, vị thì giội nước lên áo, vị thì đi lấy nước sạch mời Sa-di uống. Chiếc áo giặt xong, được hong phơi chỗ nắng. Sau đó, Sa-di Quân-đầu thu lại áo, phi thân lên hư không, trở về trụ xứ.

Trưởng giả nên biết, lúc đó tôi chỉ từ xa nhìn thấy chứ không được đến gần vị Sa-di kia. Người đệ tử nhỏ nhất của vị Thầy cô gái này phụng thờ còn có thần lực như vậy, huống nữa là đệ tử lớn thì có ai bì kịp? Huống chi vị Thầy kia là đức Như Lai, Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác thì ai có thể sánh bằng? Xét biết nghĩa này nên tôi mới nói: "Thật kỳ lạ! Thật hiếm có! Cô gái này vẫn có thể sống, không tự sát!"

[0661c05] Lúc đó, trưởng giả Mãn Tài hỏi Bà-la-môn:

– Chúng tôi có thể gặp vị Thầy mà cô gái này phụng thờ không?

Bà-la-môn đáp:

– Nên hỏi cô ấy!

Trưởng giả bèn hỏi Tu-ma-đề:

– Nay ta muốn gặp vị Thầy mà con phụng thờ. Con có thể mời Ngài ấy đến không?

Nghe xong, Tu-ma-đề vui mừng hớn hở, liền thưa:

– Xin hãy chuẩn bị đồ ăn thức uống đầy đủ! Ngày mai Như Lai sẽ đến đây cùng với chúng Tỳ-kheo.

Trưởng giả nói:

– Hôm nay, con đích thân thỉnh mời nhé! Ta không biết cách.

Bấy giờ, Tu-ma-đề tắm gội sạch sẽ, tay bưng lò hương đi lên lầu cao, chắp tay hướng về Thế Tôn mà bạch:

– Kính xin Thế Tôn, đấng Vô Năng Kiến Đảnh,[15] hãy khéo quán sát! Thế Tôn không việc gì không biết rõ, không việc gì không tường tận. Nay con đang ở nơi nguy khốn này, ngưỡng mong Thế Tôn quán sát rõ cho!

Rồi cô dùng kệ ca ngợi Thế Tôn:

Con mắt Phật quán sát,
Hàng phục quỷ thần vương,
Có quỷ ăn thịt người,
Còn muốn hại mẹ mình,
Lúc ở thành La-duyệt,
Khi thấy, liền quy phục,
Phật đến nước Mã-đề,
Thấy Lực sĩ Mật Tích,[16]
Bao trường hợp hiểm nguy,
Nay con đang gặp nguy,
Bấy giờ, hương xông ngát,[17]
Quyện bay đến Kỳ Hoàn,
Khắp hư không thiên chúng,
Trước mặt, hương thơm bay,
Họ liền tuôn mưa hoa,
Đầy khắp rừng Kỳ Hoàn,
Thấy rõ khắp thế gian,
Và loài quỷ tử mẫu.
Xâu ngón tay thành chuỗi,
Nhưng được Phật quy phục.
Voi dữ đến hại Ngài,
Chư thiên khen: Lành thay!
Gặp long vương hung ác,
Long vương tự quy mạng.
Ngài khiến vào chánh đạo,
Xin Thế Tôn chiếu cố.
Như mây giữa hư không,
Và dừng ở trước Phật.
Hoan hỷ lễ Như Lai,
Biết Ma-đề khẩn thỉnh.
Nhiều không sao tính kể,
Phật mỉm cười phóng quang.

[0662a04] Bấy giờ, thấy trong Kỳ Hoàn có mùi hương kỳ diệu này, Tôn giả A-nan bèn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Sau đó, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Kính bạch Thế Tôn! Đây là hương gì mà xông ngát tinh xá Kỳ Hoàn?

Thế Tôn bảo:

– Hương thơm này là hương thỉnh Phật, do tín nữ Tu-ma-đề ở trong thành Mãn Phú phụng thỉnh. Nay thầy hãy gọi các Tỳ-kheo vân tập về một chỗ rồi tác pháp hành trù[18] với thông tri rằng: "Những Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, đã đắc thần túc thì hãy nhận thẻ, ngày mai vào thành Mãn Phú nhận lời thỉnh của Tu-ma-đề."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

---

[15] Vô năng kiến đảnh (無能見頂) còn gọi là "vô kiến đảnh tướng" (無能頂相), là một trong 80 vẻ đẹp của Phật.

[16] Mật Tích Lực sĩ (密迹力士): Thần dạ-xoa bảo hộ Phật pháp.

[17] Từ câu: "Bấy giờ, hương xông ngát... cho đến… Phật mỉm cười, phóng quang" là phần kinh văn tiếp theo, không phải lời của Tu-ma-đề.

[18] Nguyên tác: Hành trù (行籌, *salākā*): Phát thẻ để kiểm đếm số lượng Tăng chúng.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, nhóm họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội, rồi thưa:

– Những vị nào đã chứng A-la-hán thì hãy lấy thẻ, ngày mai đến thành Mãn Phú theo lời thọ thỉnh của Tu-ma-đề.

Lúc đó, trong chúng Tăng có vị Thượng tọa tên là Quân-đầu-ba-hán[19] mới chứng Tu-đà-hoàn, kiết sử chưa dứt sạch, cũng chưa được thần túc. Thượng tọa này suy nghĩ: "Nay trong đại chúng, ta là hàng Thượng tọa lớn nhất, nhưng kiết sử chưa dứt, cũng chưa được thần túc. Ngày mai, ta không được đến thành Mãn Phú thọ thỉnh. Tuy nhiên, trong chúng của Như Lai có Sa-di hạ tọa nhỏ nhất tên là Quân-đầu, người này có thần túc, có oai lực lớn, được đến đó thọ thỉnh. Nay ta cũng sẽ đến đó thọ thỉnh." Bấy giờ, vị Thượng tọa này dùng tâm thanh tịnh, trụ vào địa Hữu học mà nhận thẻ.

Lúc đó, Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy Quân-đầu-ba-hán đang trụ trong địa Hữu học mà nhận thẻ, rồi đạt được địa Vô học, Thế Tôn liền nói với các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Như Lai, người khéo nhận thẻ bậc nhất chính là Tỳ-kheo Quân-đầu-ba-hán.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo có thần túc, gồm có: Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Tu-bồ-đề, Ưu-tỳ Ca-diếp, Ma-ha Ca-thất-na, La-hầu-la, Châu-lợi-bàn-đặc và Sa-di Quân-đầu:

– Các thầy hãy dùng thần túc để đến thành ấy trước!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, thưa Thế Tôn!

Sáng sớm hôm sau, người cận sự của chúng Tăng tên là Càn-trà, vác cái chõ lớn bay trên không trung để đến thành kia.

[0662b01] Lúc đó, trưởng giả Mãn Tài và nhân dân bách tính trong thành đều đi lên lầu cao mong được nhìn thấy Thế Tôn. Xa thấy cận sự của chúng Tăng vai vác cái chõ bay đến, trưởng giả bèn dùng kệ để hỏi Tu-ma-đề:

Cư sĩ tóc dài kia, Phi thân nhanh như gió,
Lại vác cái chõ lớn, Là Thầy con đó ư?

Cô Tu-ma-đề cũng dùng kệ đáp:

Chẳng phải, đệ tử Phật, Là cận sự Thế Tôn,
Chứng tam đạo,[20] ngũ thông,[21] Vốn tên là Càn-trà.

---

[19] Quân-đầu-ba-hán (君頭波漢, Kuṇḍadhāna), theo *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.3. 0557b18), gọi là Quân-đầu-ba-mạc (軍頭波漠), là vị xứng đáng nhận thẻ, không trái phép tắc.

[20] Tam đạo (三道), theo *Đại trí độ luận*大智度論 (*T*.25. 1509.18. 0195a26), tức Kiến đạo (見道), Tu đạo (修道) và Vô học đạo (無學道).

[21] Trừ Lậu tận thông (漏盡通) là chưa chứng đắc.

Bấy giờ, cận sự Càn-trà nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cùng lúc đó, Sa-di Quân-đầu hóa ra năm trăm cây hoa đủ các màu sắc, thảy đều nở rộ, rực rỡ đẹp tươi, giống như hoa sen ưu-bát; đủ các loại hoa như vậy, không thể kể hết, đều được mang đến thành kia.

Từ xa nhìn thấy Sa-di đến, trưởng giả liền dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Lại có vị thần túc, Biến hóa trong hư không,
Vô vàn hoa rực rỡ, Đó phải Thầy con không?

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề lại dùng kệ đáp:

Vị Sa-di bên suối, Tu-bạt nói trước đây,
Đó chính là người này, Đệ tử Xá-lợi-phất.

Sa-di Quân-đầu khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cùng lúc đó, Tôn giả Bàn-đặc hóa ra năm trăm con bò lông xanh, rồi Tôn giả ngồi kiết-già trên lưng con bò để đến thành kia.

Từ xa nhìn thấy Tôn giả Bàn-đặc đến, trưởng giả Mãn Tài lại dùng kệ để hỏi Tu-ma-đề:

Đàn bò to lớn đó, Lông toàn một màu xanh,
Người ngồi trên lưng nó, Phải chăng là Thầy con?

Cô Tu-ma-đề lại dùng kệ đáp:

Hóa hiện ngàn Tỳ-kheo, Trong khu vườn Kỳ-vực,
Thần trí luôn sáng rực, Bàn-đặc, chính người này.

Bấy giờ, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nhiễu quanh thành kia ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Kế đó, Tôn giả La-hầu-la cũng hóa ra năm trăm con khổng tước, đủ các màu sắc rồi ngồi kiết-già trên lưng khổng tước mà bay đến thành kia.

[0662c01] Trưởng giả trông thấy, lại dùng kệ này để hỏi Tu-ma-đề:

Năm trăm con khổng tước, Đẹp có một không hai,
Chắc Đại tướng quân kia, Là Thầy con có phải?

Cô dùng kệ đáp:

Giới cấm Như Lai lập, Ngài không phạm mảy may,
Nghiêm trì giới luật đây, Là La-vân, con Phật.

Bấy giờ, La-vân nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Ca-thất-na hóa ra năm trăm con chim Cánh Vàng vô cùng dũng mãnh rồi ngồi kiết-già trên lưng chim mà đến thành kia.

Từ xa trông thấy, trưởng giả lại dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Năm trăm chim Cánh Vàng, Dũng mãnh thật vô song,
Người ngồi không sợ hãi, Đó là Thầy con chăng?

Cô Tu-ma-đề liền dùng kệ đáp:

Khéo hành pháp hít thở, Tâm luôn tu thiện hạnh,
Sức tuệ thật dũng mãnh, Đó là Ca-thất-na.

Tôn giả Ca-thất-na khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Tiếp đó, Tôn giả Ưu-tỳ Ca-diếp hóa ra năm trăm con rồng đều có bảy đầu, Tôn giả ngồi kiết-già trên lưng rồng mà đến thành kia.

Từ xa nhìn thấy, trưởng giả lại dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Loài rồng bảy đầu này, Tướng mạo thật đáng nể,
Người đến nhiều vô kể, Đó là Thầy con chăng?

Tu-ma-đề đáp:

Luôn có ngàn đệ tử, Thần túc độ Tỳ-sa,
Ngài Ưu-tỳ Ca-diếp, Đích thật là vị này.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-tỳ Ca-diếp nhiễu quanh thành này ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề hóa ra ngọn núi lưu ly, rồi vào trong đó ngồi kiết-già mà bay đến thành kia.

Từ xa trông thấy, trưởng giả liền dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Ngọn núi này tuyệt đẹp, Làm toàn bằng lưu ly,
Người đang ngồi trong đó, Là Thầy của con ư?

[0663a02] Cô Tu-ma-đề lại dùng kệ đáp:

Công đức ngày nay được, Là nhờ phước bố thí,
Người thành tựu ruộng phước, Giải không, Tu-bồ-đề.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên lại hóa ra năm trăm con thiên nga có lông màu trắng tinh, rồi cùng bay đến thành kia.

Từ xa trông thấy, trưởng giả bèn dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Năm trăm thiên nga trắng, Bay liệng khắp hư không,
Vị đi giữa chúng đó, Là Thầy con đó chăng?

Tu-ma-đề lại dùng kệ đáp:

Khéo phân biệt nghĩa, cú, Khế kinh Phật giảng tuyên,
Giảng rõ kiết sử, tụ, Đó là Ca-chiên-diên.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Ly-việt hóa ra năm trăm con hổ rồi ngồi trên lưng hổ mà đến thành kia.

Trưởng giả trông thấy, dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Năm trăm con hổ đó, Lông chúng thật mượt mà,
Người ngồi trên lưng nó, Phải chăng là Thầy con?

Tu-ma-đề lại dùng kệ đáp:

Trước kia tại Kỳ Hoàn, Sáu năm bất động loạn,
Người thiền định bậc nhất, Ly-việt, tên vị này.

Tôn giả Ly-việt khi ấy nhiễu xung quanh thành ấy ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả A-na-luật hóa ra năm trăm con sư tử rất dũng mãnh rồi ngồi trên lưng chúng mà đến thành kia.

Trưởng giả trông thấy, liền dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Năm trăm sư tử này, Dũng mãnh thật đáng sợ,
Người đang ngồi trên đó, Có phải Thầy con không?

Tu-ma-đề lại dùng kệ đáp:

Đất rung chuyển khi sinh, Châu báu đầy mặt đất,
Vị ấy được nhãn tịnh, A-na-luật, em Phật.

Tôn giả A-na-luật khi ấy nhiễu xung quanh thành này ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cùng lúc đó, Tôn giả Đại Ca-diếp hóa ra năm trăm con tuấn mã có màu lông đỏ thẫm, đều được trang sức bằng vàng bạc. Sau đó, Tôn giả đến ngồi trên lưng tuấn mã, rồi làm cơn mưa hoa trời mà đi đến thành kia.

[0663b02] Từ xa trông thấy, trưởng giả liền dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Năm trăm ngựa vàng ròng, Màu lông đều đỏ thẫm,
Đó là Vua Chuyển Luân, Hay là Thầy của con?

Cô lại dùng kệ đáp:

Hành Đầu-đà bậc nhất, Hay thương kẻ bần cùng,
Nhận nửa tòa của Phật, Là Đại Ca-diếp đây.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp nhiễu quanh thành này ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hóa ra năm trăm con voi trắng sáu ngà, có bảy chỗ đầy đặn, chúng đều được trang sức bằng vàng bạc. Tôn giả ngồi trên lưng voi mà đến thành kia, lại phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới; ở giữa hư không, trỗi xướng các loại kỹ nhạc không thể kể xiết, lại tuôn mưa hoa đủ loại và treo giăng phướn lọng khắp giữa hư không, vô cùng kỳ diệu.

Từ xa trông thấy, trưởng giả liền dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Cỡi voi trắng sáu ngà, Như Thiên vương ngự tọa,
Kỹ nhạc tuyệt diệu quá, Phải chăng Thích-ca-văn?

Cô Tu-ma-đề liền dùng kệ đáp:

Từng trên ngọn núi lớn, Độ long vương Nan-đà,
Vị thần túc bậc nhất, Tên là Đại Mục-liên.

Chỉ chúng đệ tử đến, Thầy con chưa thân lâm,
Khi Thánh sư con đến, Ánh sáng rực khắp trời.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khi ấy nhiễu quanh thành này ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Bấy giờ, Thế Tôn biết đã đúng thời, liền khoác Tăng-già-lê bay lên hư không cách đất bảy nhận;[22] đứng hầu bên phải Như Lai là Tôn giả A-nhã Câu-lân, bên trái Như Lai là Tôn giả Xá-lợi-phất. Khi ấy, Tôn giả A-nan nương oai thần Phật, tay cầm phất tử theo sát phía sau Như Lai. Lại có một ngàn hai trăm đệ tử vây quanh trước sau, Thế Tôn ở vị trí chính giữa. Ngay đến các đệ tử có thần túc như: A-nhã Câu-lân hóa làm Nguyệt thiên tử, Xá-lợi-phất hóa làm Nhật thiên tử; các Tỳ-kheo có thần túc khác thì có vị hóa làm Thích-đề-hoàn-nhân, có vị hóa làm Phạm thiên, hoặc có vị hóa làm Đề-đầu-lại-tra, hoặc làm Tỳ-lưu-lặc, hoặc làm Tỳ-lưu-bác-xoa, hoặc hóa làm Tỳ-sa-môn để lãnh đạo các quỷ thần, hoặc có vị hóa làm Chuyển Luân Thánh vương, cũng có vị nhập Hỏa quang tam-muội, cũng có vị nhập Thủy tinh tam-muội, có vị thì phóng ánh sáng, có vị thì phun khói, hóa hiện vô số thần biến.

Lúc này, Phạm thiên vương hầu bên phải Như Lai, Thích-đề-hoàn-nhân tay cầm phất tử hầu bên trái Như Lai, Lực sĩ Kim Cang Mật Tích tay cầm chày kim cang hầu phía sau Như Lai, Tỳ-sa-môn Thiên vương tay cầm lọng bảy báu đứng giữa hư không để che cho Như Lai, vì sợ có bụi bặm bám thân Ngài. Cùng lúc này, Ban-giá-tuần[23] khảy đàn lưu ly tán thán công đức Như Lai, cho đến các thiên thần đều ở giữa hư không tấu lên ngàn vạn thứ kỹ nhạc, đồng thời tuôn mưa hoa trời để cúng dường Như Lai.

[0663c12] Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc, trưởng giả Cấp Cô Độc và nhân dân trong thành Xá-vệ đều thấy Như Lai ở giữa hư không, cách mặt đất bảy nhận, họ đều vui mừng phấn khởi, hớn hở vô cùng. Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc liền nói kệ:

Như Lai thần diệu thật, Thương muôn loại như con,
Vui thay! Tu-ma-đề, Sẽ nhận pháp của Phật.

Lúc bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc và trưởng giả Cấp Cô Độc cũng rải các loại danh hương và các thứ hoa để cúng dường.

Khi ấy, Thế Tôn dẫn các chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, cùng với nhiều thiên thần đông không kể xiết, tựa như phượng hoàng bay giữa hư không mà đến thành kia.

Bấy giờ, Ban-giá-tuần dùng kệ ca ngợi Phật:

Bậc dứt hẳn trói buộc, Ý niệm luôn chánh chân,
Bụi trần hết chướng ngăn, Tự tại vào thành ấy.

---

[22] Nhận (仞): Đơn vị đo lường thời xưa, bằng 8 thước hay 7 thước cổ của Trung Hoa.

[23] Ban-giá-tuần (般遮旬) còn gọi là Ban-giá-dực (般遮翼), nhạc thần càn-thát-bà Ngũ Kế (Pañcasikha), thần âm nhạc của Thiên chủ Đế-thích.

Bậc thể tính thanh tịnh, Sạch ác niệm, tà ma,
Công đức như biển cả, Nay vào đất nước kia.
Dung mạo Ngài đẹp lạ, Não phiền trọn lìa xa,
Vì người, luôn hành hóa, Nay vào đất nước kia.
Người vượt bốn thác dữ,[24] Sanh, già, chết không còn,
Gốc tái sanh đã đoạn, Nay vào đất nước kia.

[0664a01] Lúc ấy, trưởng giả Mãn Tài thấy đức Thế Tôn từ xa đi lại, các căn tịch tĩnh hiếm có trên đời, sạch như vàng ròng, trên thân có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm. Thế Tôn giống như ngọn núi Tu-di vượt hơn các núi, lại như khối vàng tỏa ánh sáng lớn.

Khi ấy, trưởng giả Mãn Tài dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Nắng mặt trời phải chăng? Nắng này chưa từng thấy,
Ngàn vạn ức ánh quang, Thật không dám nhìn thẳng.

Bấy giờ, Tu-ma-đề quỳ gối, chắp tay hướng về Như Lai, dùng kệ đáp:

Chẳng phải, nhưng cũng phải, Người tỏa ngàn ánh quang,
Vì giáo hóa muôn loại, Đó chính là Thầy con.
Người người ca ngợi Phật, Như trên đã trình bày,
Muốn được phước lớn này, Phải cúng dường cần mẫn.

Bấy giờ, trưởng giả Mãn Tài quỳ gối phải sát đất, lại dùng kệ ca ngợi Như Lai:

Tự quy đấng Mười Lực, Thân vàng ròng, hào quang,
Được trời, người ngợi khen, Nay con xin quy mạng.
Ngài là đấng Nhật Vương, Như trăng giữa ngàn sao,
Độ người chưa được độ, Nay con xin quy mạng.
Ngài như bậc Thiên Đế, Bậc Phạm hạnh tâm từ,
Tự độ, độ chúng sanh, Nay con xin quy mạng.
Bậc nhất trong trời, người, Vượt các quỷ thần vương,
Hàng phục chúng ngoại đạo, Nay con xin quy mạng.

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề quỳ gối, chắp tay ca ngợi Thế Tôn:

Tự hàng, hàng phục người, Tự sửa, khéo sửa người,
Tự độ, cũng độ người, Tự thoát, giải thoát người.
Tự tịnh, giúp người tịnh, Tự soi, soi quần sinh,
Hết thảy đều được độ, Trừ loạn, không đấu tranh.
An trụ trong tịch tịnh, Tâm ý chẳng chuyển dời,
Đấng Mười Lực cứu đời, Con xin thành kính lễ.

[0664b02] Thế Tôn có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả;[25] đầy đủ Không, Vô tướng, Vô nguyện, là đấng Tôn Quý bậc nhất trong cõi dục, vượt trên cõi trời, đầy đủ bảy

[24] Tứ lưu (四流): Kiến lưu (見流), dục lưu (欲流), hữu lưu (有流), vô minh lưu (無明流).
[25] Nguyên tác: Hộ (護).

Thánh tài.[26] Các hàng trời, người, đấng Tự nhiên,[27] hàng Phạm sanh[28] cũng không ai sánh bằng, tướng mạo cũng không ai bì được. Nay con xin quy mạng.

Bấy giờ, sáu ngàn Bà-la-môn thấy Thế Tôn hóa hiện các thần biến như thế, họ tự bảo nhau: "Chúng ta nên rời nước này để sang nước khác. Sa-môn Cù-đàm đã hàng phục tất cả dân chúng trong nước này." Thế rồi, sáu ngàn Bà-la-môn liền rời khỏi đất nước này, không trở lại nữa. Ví như sư tử, vua của loài thú, khi ra khỏi hang núi, nó quan sát bốn phương, rồi gầm rống ba lần sau đó mới đi tìm mồi. Chim muông, cầm thú nghe thấy tiếng gầm ấy đều bỏ chạy tứ tán, chẳng còn biết phương hướng, vội vàng lẩn trốn. Ngay đến loài voi có thần lực, khi nghe tiếng rống của sư tử, chúng cũng tìm đường bỏ chạy, không dám ở yên. Vì sao như vậy? Vì sư tử kia là vua của muông thú, rất có oai thần. Ở đây cũng vậy, sáu ngàn Bà-la-môn kia nghe tiếng của Thế Tôn, thảy đều bỏ chạy, không ở yên được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có oai lực lớn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn xả thần túc, trở về bình thường, rồi đi vào trong thành Mãn Phú. Khi chân Thế Tôn vừa đặt lên ngạch cửa, lập tức trời đất rúng động mạnh, chư thiên, tôn thần đều rải hoa cúng dường. Dân chúng nhìn thấy dung nhan Thế Tôn các căn tịch tĩnh, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, họ liền ca ngợi:

Đấng Lưỡng Túc vi diệu, Bà-la-môn kinh sợ,
Lầm thờ Bà-la-môn, Nhỡ mất Nhân Trung Tôn.

Thế Tôn vào nhà trưởng giả, đến tòa tĩnh tọa. Bấy giờ, dân chúng ở đất nước này rất đông. Nhà trưởng giả lúc ấy có đến tám vạn bốn ngàn người cùng nhau kéo đến để được chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo, khiến nhà cửa trưởng giả gần như muốn hư sập. Bấy giờ, Thế Tôn tư duy: "Với tình hình này thì dân chúng ở đây chắc sẽ bị tổn hại. Ta nên dùng thần lực giúp cho nhân dân cả nước đều được nhìn thấy Ta và chúng Tỳ-kheo."

Thế rồi Thế Tôn liền biến nhà cửa của trưởng giả Mãn Tài trở thành nhà bằng lưu ly, có thể nhìn suốt trong ngoài, giống như xem viên minh châu trong lòng bàn tay. Khi ấy, cô Tu-ma-đề đến trước Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật với tâm trạng buồn vui lẫn lộn và nói kệ này:

Đấng Trí Tuệ vẹn toàn, Vượt qua tất cả pháp,
Cắt đứt lưới dục ái, Nay con xin quy mạng.
Thà để cha mẹ con, Hủy hoại đôi mắt con,
Đừng để con đến đây, Trong ngũ nghịch, tà kiến.
Xưa gây nghiệp ác gì, Mà nay bị đến đây?
Như chim sa lưới bẫy, Nguyện dứt mối nghi này.

---

[26] Thất tài (七財) còn gọi là "thất Thánh tài", là 7 loại tài sản của bậc Thánh. Theo *MĀ*. 86 gồm có: Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài (七財信財戒慚愧聞施慧財).

[27] Tự nhiên (自然), tên khác chỉ Phạm thiên (*Brahman*).

[28] Phạm sanh (梵生): Được sanh bởi Phạm thiên (*Brahman*), chỉ cho hàng chư thiên thượng đẳng.

[0664c08] Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Nay con chớ phiền muộn,
Cũng đừng khởi tưởng chấp,
Con vốn không do tội,
Mà vì con từng nguyện,
Gốc khổ hãy nhổ sạch,
Trong ngàn vạn chúng sanh,
Hãy trừ sạch phiền não,
Khiến trời, người, muôn loại,
Định tĩnh mở lòng mình,
Ta giảng giải phân minh.
Khiến phải đến nơi đây,
Muốn độ chúng sanh này.
Không đọa ba đường ác,
Con sẽ được độ trước.
Được mắt tuệ sáng soi,
Thấy con như xem châu.

Cô Tu-ma-đề nghe những lời này xong, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng.

Bấy giờ, trưởng giả dẫn tùy tùng của mình dâng cúng nhiều loại món ăn thức uống thơm ngon. Thấy Thế Tôn thọ trai xong, đã dùng nước rửa tay, trưởng giả bèn chọn một chiếc ghế nhỏ đặt ngồi trước Như Lai, các tùy tùng và tám vạn bốn ngàn người dân cũng theo thứ tự mà ngồi, cũng có người tự xưng tên họ rồi mới ngồi.

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt diễn nói pháp vi diệu cho trưởng giả Mãn Tài và tám vạn bốn ngàn người dân kia nghe. Như luận về trì giới, luận về bố thí, luận về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, phiền não là nhiễm ô, giải thoát là thiết yếu.

Khi Thế Tôn nhận thấy trưởng giả Mãn Tài và Tu-ma-đề cùng tám vạn bốn ngàn người dân tâm ý đã khai mở, liền đem giáo pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường nói là khổ, tập, diệt, đạo để giảng nói lại tường tận cho họ. Mọi người ngay tại chỗ ngồi liền dứt sạch các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải trắng tinh thì rất dễ nhuộm màu; ở đây cũng như vậy, trưởng giả Mãn Tài và cô Tu-ma-đề cùng tám vạn bốn ngàn người dân đều sạch các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh, không còn hồ nghi, đạt đến trạng thái không còn sợ hãi. Thế rồi họ đều phát nguyện quy y Tam bảo, thọ trì năm giới.

[0665a02] Khi ấy, Tu-ma-đề ở trước Phật nói kệ:

Như Lai tai trong suốt,
Giáng thần đến nơi đây,
Nghe con gặp khổ này,
Mọi người được Pháp nhãn.

Thế Tôn nói pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về trú xứ.

Lúc này, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Cô Tu-ma-đề vốn đã tạo nhân duyên gì mà được sanh trong gia đình giàu sang? Lại tạo nhân duyên gì mà bị gả vào nhà tà kiến này? Lại nhờ công đức lành gì mà nay được Pháp nhãn thanh tịnh? Lại tạo công đức gì mà giúp tám vạn bốn ngàn người đều được Pháp nhãn thanh tịnh?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có đức Phật Ca-diếp, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài cùng đại chúng hai vạn vị Tỳ-kheo đi du hóa ở

nước Ba-la-nại. Thuở ấy, vua nước này tên là Ai Mẫn có cô công chúa tên là Tu-ma-na. Cô công chúa này rất có tâm cung kính hướng về Như Lai Ca-diếp, vâng giữ giới cấm, thường thích bố thí và cúng dường bốn việc. Là bốn việc gì? Một là bố thí, hai là ái kính, ba là lợi người, bốn là đồng lợi.[29] Cô luôn hướng về đức Như Lai Ca-diếp mà tụng Pháp cú. Ở trên lầu cao, cô lớn tiếng tụng tập và phát thệ nguyện: "Con luôn thực hành đầy đủ bốn nhiếp thọ[30] này, thường đối trước Như Lai mà tụng Pháp cú. Nhân việc làm này, nếu được chút phước, con nguyện hồi hướng đời sau không rơi vào ba đường dữ, cũng không sanh trong gia đình nghèo khổ. Ở đời vị lai, con nguyện sẽ được gặp bậc tối tôn giống như Ngài, giúp con được Pháp nhãn thanh tịnh ngay trong thân nữ."

Nhân dân trong thành sau khi nghe công chúa phát thệ nguyện này, đều cùng nhau đến chỗ cô và nói: "Ngày nay công chúa rất có lòng kính tin, tạo các công đức, thực hành đầy đủ bốn việc: Bố thí, kiêm ái, lợi người, đồng lợi, lại cũng phát nguyện đời sau được gặp bậc Thế Tôn như vậy, được Ngài nói pháp cho và chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Nay công chúa đã phát thệ nguyện này thì xin hãy nguyện cho nhân dân cả nước chúng ta cũng đều được độ."

Bấy giờ, công chúa đáp: "Tôi nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả mọi người, chúng ta cùng được nghe Như Lai thuyết pháp, cùng được độ thoát."

[0665b01] Tỳ-kheo các thầy vẫn nghi ngờ chăng? Đừng khởi tưởng như vậy. Vua Ai Mẫn lúc ấy, nay chính là trưởng giả Tu-đạt. Công chúa lúc ấy, nay chính là Tu-ma-đề. Nhân dân trong nước lúc ấy, nay chính là tám vạn bốn ngàn người dân. Nhờ thệ nguyện đó mà nay cô ấy được gặp Như Lai, được nghe pháp và chứng đạo, cho đến dân chúng kia cũng đều được Pháp nhãn thanh tịnh.

Đó chính là nguyên do, các thầy hãy ghi nhớ phụng hành. Vì sao như vậy? Vì bốn nhiếp sự này là ruộng phước tốt nhất. Nếu có Tỳ-kheo nào thân cận bốn nhiếp sự, sẽ được thành tựu bốn sự thật. Thế nên, các thầy phải tìm cầu phương tiện thành tựu bốn nhiếp sự!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[31]

---

[29] Tứ sự (四事) còn gọi "bốn nhiếp sự" (四攝事), gồm bố thí (佈施), ái ngữ (愛語), lợi hành (利行) và đồng sự (同事).

[30] Tứ thọ chi pháp (四受之法) được hiểu là "bốn pháp nhiếp thọ" (四法攝受), tức "bốn nhiếp pháp" (四攝法) hay "bốn nhiếp sự" (四攝事) (*cattāri saṅgahavatthūni*).

[31] Bản Hán, hết quyển 22.

31. PHẨM TĂNG THƯỢNG[1]

1. HẠNH A-LAN-NHÃ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu[3] đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau xong ngồi sang một bên. Khi ấy, Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

– Thật khổ thay khi sống trong hang sâu rừng vắng! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó!

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, Bà-la-môn, đúng như lời ông nói: "Thật khổ thay khi sống trong hang sâu rừng vắng! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó!" Sở dĩ như vậy là vì thuở xưa, lúc còn hành hạnh Bồ-tát, chưa thành Phật đạo, Như Lai thường suy nghĩ: "Thật khổ thay khi sống trong hang sâu rừng vắng! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó!"

Bà-la-môn bạch Phật:

– Trong số những thiện nam con nhà hào tộc xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố thì Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất, đem lại nhiều lợi ích, làm người dẫn đường cho chúng sanh.

Thế Tôn nói:

– Thật vậy, Bà-la-môn, đúng như lời ông nói: "Trong số các thiện nam con nhà hào tộc xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố thì Như Lai là bậc nhất, đem lại nhiều lợi ích, làm người dẫn đường cho các chúng sanh." Giả sử thấy Như Lai, họ đều cảm thấy hổ thẹn rồi đến ẩn cư trong núi sâu hang vắng.

Bấy giờ, Như Lai suy nghĩ: "Có những Sa-môn, Bà-la-môn có thân nghiệp[4] không thanh tịnh mà đến nơi vắng vẻ để tu tập với thân nghiệp không thanh tịnh thì cũng chỉ nhọc công vô ích. Đó chẳng phải là hạnh tu chân thật mà là pháp xấu ác, bất thiện, đáng kinh sợ. Còn nay Như Lai ở nơi vắng vẻ với thân nghiệp

---

[1] Nguyên tác: *Tăng thượng phẩm* 增上品 (*T*.02. 0125.31. 0665b16).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.1. 0665b17). Tham chiếu: *M*. 4. *Bhayabherava Sutta* (*Kinh sợ hãi và khiếp đảm*).

[3] Sanh Lậu (生漏, Jāṇussoṇi).

[4] Thân hành (身行): Nghiệp do thân tạo tác.

đã thanh tịnh. Trong số những người có thân nghiệp không thanh tịnh mà thích ở nơi vắng vẻ, nhất định không có Như Lai. Vì sao như vậy? Vì nay thân nghiệp của Như Lai đã thanh tịnh. Trong số các bậc A-la-hán có thân nghiệp thanh tịnh, lại thích ở nơi vắng vẻ thì Như Lai là bậc nhất." Như vậy, này Bà-la-môn! Như Lai tự quán sát việc làm của thân đã thanh tịnh, lại thích ở nơi vắng vẻ, nên càng tăng thêm hỷ lạc.

[0665c10] Lúc đó, Như Lai lại suy nghĩ: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào với ý nghiệp không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh mà thích ở nơi vắng vẻ thì dù họ có hạnh này, nhưng vẫn không phải chân chánh. Họ dẫy đầy những pháp xấu ác, bất thiện, còn Như Lai hoàn toàn không có. Vì sao như vậy? Vì những việc làm từ thân, miệng, ý, mạng của Như Lai đều thanh tịnh. Trong số các Sa-môn, Bà-la-môn có thân, miệng, ý, mạng đều thanh tịnh, lại thích sống nơi vắng vẻ, nhất định có Như Lai. Vì sao như vậy? Vì nay những việc làm từ thân, miệng, ý, mạng của Như Lai đều thanh tịnh. Trong số các bậc A-la-hán có thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, lại thích ở nơi vắng vẻ thì Như Lai là bậc nhất." Như vậy, này Bà-la-môn! Khi Như Lai có thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, lại thích ở nơi vắng vẻ, nên càng tăng thêm niềm hỷ lạc.

Bấy giờ, Như Lai lại suy nghĩ: "Sa-môn, Bà-la-môn tâm còn nhiều sợ hãi mà ở nơi vắng vẻ, bấy giờ họ liền sợ hãi pháp xấu ác, bất thiện, nhưng nay Như Lai thích ở nơi vắng vẻ với tâm hoàn toàn không còn sợ hãi. Trong số các Sa-môn, Bà-la-môn có tâm sợ hãi mà thích ở nơi vắng vẻ thì nhất định không có Như Lai. Vì sao như vậy? Vì nay Như Lai đã hoàn toàn không còn sợ hãi, ở nơi vắng vẻ với tâm tự tại an vui. Trong số những người có tâm sợ hãi mà thích ở nơi vắng vẻ, nhất định không có Như Lai. Vì sao như vậy? Vì nay Như Lai đã dứt hết khổ đau, cho nên không giống với họ." Như vậy, này Bà-la-môn! Như Lai đã thấy rõ nghĩa lý này, không còn sợ hãi, nên càng tăng thêm hỷ lạc.

"Có những Sa-môn, Bà-la-môn thường khen mình, chê người thì dù ở nơi vắng vẻ, vẫn có niệm tưởng không thanh tịnh, nhưng này Bà-la-môn, Như Lai không chê bai người khác, cũng không tự khen mình. Trong số những người tự khen mình và chê bai người khác, nhất định không có Như Lai. Vì sao như vậy? Vì nay Như Lai không có tâm khinh mạn. Trong số các bậc Hiền thánh không có tâm khinh mạn thì Như Lai là bậc nhất." Như Lai thấy rõ nghĩa lý này rồi nên càng tăng thêm hỷ lạc.

[0666a03] "Có những Sa-môn tham cầu lợi dưỡng, không tự biết đủ, nhưng Như Lai ngày nay thì không tham cầu lợi dưỡng. Vì sao như vậy? Vì nay Như Lai không có tâm mong cầu nơi người khác, cũng tự mình biết đủ. Trong số những người biết đủ thì Như Lai là bậc nhất." Như Lai đã thấy rõ nghĩa lý này nên càng tăng thêm hỷ lạc.

"Có những Sa-môn, Bà-la-môn tâm thường biếng nhác, không siêng năng tinh tấn lại thích ở nơi vắng vẻ, còn Như Lai thì không. Vì sao như vậy? Vì nay

Như Lai có tâm dũng mãnh, không hề biếng nhác. Trong số các bậc Hiền thánh có tâm dũng mãnh thì Như Lai là bậc nhất." Như Lai thấy rõ nghĩa lý này rồi nên càng tăng thêm hỷ lạc.

Bấy giờ, Như Lai lại suy nghĩ: "Có những Sa-môn, Bà-la-môn tâm thường xao lãng mà thích ở nơi vắng vẻ thì tuy có hạnh này, họ vẫn sanh khởi pháp xấu ác, bất thiện. Còn nay Như Lai đã không còn tâm xao lãng. Lại nữa, này Bà-la-môn! Trong số những người có tâm xao lãng, nhất định không có Như Lai. Trong các bậc Hiền thánh không có tâm xao lãng thì Như Lai là bậc nhất." Nay Như Lai thấy rõ nghĩa lý này rồi nên ở nơi vắng vẻ, càng tăng thêm hỷ lạc.

Rồi Như Lai lại suy nghĩ: "Có những Sa-môn, Bà-la-môn tâm ý tán loạn, bất định thì họ liền sanh khởi pháp xấu ác, bất thiện, cùng với việc làm ác. Còn nay Như Lai tâm không loạn động, luôn trụ chánh niệm. Trong số những người tâm ý tán loạn, bất định, chắc chắn không có Như Lai. Vì sao như vậy? Vì Như Lai luôn an trụ trong chánh niệm. Trong các bậc Hiền thánh có tâm chánh niệm, định tĩnh thì Như Lai là bậc nhất." Nay Như Lai đã thấy rõ nghĩa lý này, cho nên ở nơi vắng vẻ, càng tăng thêm hỷ lạc.

Lúc ấy, Như Lai lại suy nghĩ: "Có những Sa-môn, Bà-la-môn mê muội tăm tối chẳng khác gì loài dê, họ thường sanh khởi pháp xấu ác, bất thiện. Trong số những người mê muội đó, nhất định không có Như Lai. Như Lai luôn có trí tuệ, không chút mê muội, thích ở nơi vắng vẻ. Giả như có người mê muội lại thích ở nơi vắng vẻ thì trong số đó không có Như Lai. Ngày hôm nay, Như Lai đã thành tựu trí tuệ. Trong số các bậc Hiền thánh thành tựu trí tuệ thì Như Lai là bậc nhất." Nay Như Lai đã thấy rõ nghĩa lý này, cho nên ở nơi vắng vẻ, càng tăng thêm hỷ lạc.

Khi Như Lai ở nơi vắng vẻ, giả sử lúc đó cây cối gãy đổ, chim muông, cầm thú bay chạy tứ tán. Bấy giờ, Như Lai suy nghĩ: "Đây là khu rừng đáng kinh sợ." Nhưng Như Lai lại nghĩ: "Nếu có điều kinh sợ xảy đến, Ta sẽ tìm cách khiến nó không xảy đến." Khi Như Lai đi kinh hành, nếu có điều đáng sợ xảy đến, lúc đó Như Lai không ngồi, cũng không nằm, cốt yếu để dứt trừ tâm kinh sợ, sau đó mới ngồi. Khi Như Lai đứng, nếu có điều đáng sợ xảy đến, lúc ấy Như Lai không kinh hành, cũng không ngồi, cốt yếu để dứt trừ được tâm kinh sợ, sau đó mới ngồi. Khi Như Lai ngồi, nếu có điều đáng sợ xảy đến, lúc ấy Như Lai không đi kinh hành, cốt yếu để dứt trừ được sự kinh sợ, sau đó mới đi kinh hành. Khi Như Lai nằm, nếu điều đáng sợ xảy đến, lúc ấy Như Lai không đi kinh hành, cũng không ngồi, cốt yếu để dứt trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi.

[0666b09] Bà-la-môn nên biết, có những Sa-môn, Bà-la-môn không hiểu đạo lý ban ngày và ban đêm, Như Lai nói người ấy rất mê muội. Nhưng này Bà-la-môn, Như Lai hiểu rõ đạo lý ban ngày và ban đêm,[5] nên tâm càng thêm

[5] Tham chiếu *M.* 4: "Này Bà-la-môn, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ rằng ngày giống như đêm, nghĩ rằng đêm giống như ngày. Như vậy, Ta nói rằng những Sa-môn, Bà-la-môn ấy sống trong si ám. Này Bà-la-môn, Ta nghĩ rằng đêm là đêm, nghĩ rằng ngày là ngày" (HT. Thích Minh Châu dịch).

dũng mãnh, không có hư dối, ý không tán loạn, luôn giữ nhất tâm, không có niệm tham dục, có giác có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Này Bà-la-môn, đó là tâm thứ nhất mà Như Lai tự thân chứng đạt rồi tự an trú[6] ngay trong hiện tại.

Kế đến, lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng, thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán. Này Bà-la-môn, đó là tâm thứ hai mà Như Lai tự thân chứng đạt rồi tự an trú ngay trong hiện tại.

Kế nữa, lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Này Bà-la-môn, đó là tâm thứ ba [mà Như Lai tự thân chứng đạt rồi tự an trú ngay trong hiện tại].

Khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó nên buông bỏ cả khổ và lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh. Này Bà-la-môn, đó là tâm tăng thượng thứ tư mà Như Lai tự thân chứng đạt rồi tự an trú [ngay trong hiện tại].

Khi Như Lai ở nơi vắng vẻ, đã đạt được bốn tâm tăng thượng này. Như Lai dùng tâm định tĩnh thanh tịnh, không chút cấu nhiễm, cũng không còn kiết sử này mà thành tựu vô sở úy, tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước. Bấy giờ, Như Lai nhớ lại mọi việc trong một đời, hoặc hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, hoặc trong kiếp thành, kiếp hoại, thảy đều biết rõ. Ta đã từng thọ thân tại đó, hiệu đó, tên đó, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui như thế, chết chỗ kia sanh ra ở đây, chết ở đây sanh ra chỗ kia, mọi nhân duyên gốc ngọn, Như Lai đều biết tường tận.

Bà-la-môn nên biết! Vào đầu hôm, khi Như Lai chứng được Minh thứ nhất[7] thì vô minh từ quá khứ liền bị trừ sạch, không còn mê tối nữa, tâm vui thích sống nơi vắng vẻ mà tự giác tri.

Lại nữa, Như Lai với tâm định tĩnh, không chút cấu nhiễm, cũng không còn các kiết sử, tâm ý an định, được vô sở úy, biết rõ sự sanh ra và chết đi của chúng sanh. Như Lai lại dùng thiên nhãn quán biết các loài chúng sanh, thấy rõ có sanh ra, có chết đi, có người đẹp, có kẻ xấu, có đường lành, có nẻo dữ, có người tốt, có người xấu, tùy theo nghiệp thiện ác của họ, Như Lai đều biết tường tận. Có những chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, chê bai Hiền thánh,

---

[6] Nguyên tác: Nhi tự ngộ lạc (而自娛樂) tức "tự an trú", hoặc tùy ngữ cảnh có thể dịch "chứng đạt rồi an trú." Trong *Tăng nhất A-hàm*, cú ngữ này còn được sử dụng với các dạng thức như "tự du hý" (自遊戲), "nhi đắc khoái lạc" (而得歡樂), hoặc "du ư" (遊於)... Cú ngữ này ở *Trường A-hàm* gọi là "nhi tự ngộ lạc" (而自娛樂), *Trung A-hàm* gọi là "thành tựu du" (成就遊), *Tạp A-hàm* gọi là "cụ túc trụ" (具足住), đều xuất phát từ hợp ngữ Pāli: *Upasampajja viharati* (chứng đạt và an trú).

[7] Túc mạng minh (宿命明). *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.885. 0223b12) giải thích: Trí hiểu rõ tường tận về kiếp sống quá khứ của bậc Vô học gọi là Túc mạng minh.

luôn chấp giữ tà kiến, sống với tà kiến, nên sau khi qua đời đọa vào địa ngục. Có những chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không chê bai Hiền thánh, thường tu chánh kiến, sống với chánh kiến, nên sau khi qua đời sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Như Lai lại dùng thiên nhãn thanh tịnh, không chút cấu nhiễm quán biết các loài chúng sanh, thấy rõ có sanh ra, có chết đi, có người đẹp, có kẻ xấu, có đường lành, có nẻo dữ, có người tốt, có người xấu, tùy theo nghiệp thiện ác của họ, Như Lai đều biết tường tận.

[0666c12] Bà-la-môn nên biết, vào lúc giữa đêm, Như Lai chứng được Minh thứ hai,[8] không còn mê tối nữa, vui thích ở nơi vắng vẻ mà tự giác tri.

Như Lai với tâm định tĩnh thanh tịnh, không chút cấu nhiễm, cũng không kiết sử, tâm ý an định, được vô sở úy, thành tựu tâm vô lậu, biết rõ như thật không hư dối: "Đây là khổ." Ngay khi Như Lai có được tâm này, tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu đều được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Này Bà-la-môn! Vào lúc cuối đêm, Như Lai chứng được Minh thứ ba,[9] không còn bị mê tối nữa.

Thế nào, Bà-la-môn! Như Lai có những tâm này chăng? Như Lai có tâm dục, tâm sân hận, tâm ngu si chưa được dứt trừ mà ở nơi vắng vẻ chăng? Này Bà-la-môn, chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì ngày nay Như Lai đã hoàn toàn dứt trừ các lậu, thường thích ở nơi vắng vẻ, không thích chốn đông người. Nay Như Lai đã quán biết hai nghĩa này rồi nên thích ở nơi vắng vẻ. Đó là hai nghĩa nào? Đó là tự mình an trú nơi vắng vẻ và độ thoát hết thảy chúng sanh không thể tính kể.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Phật:

– Ngài vì thương xót chúng sanh mà nguyện độ cho tất cả.

Rồi Bà-la-môn lại bạch Phật:

– Xin hãy ngừng lại, thưa Thế Tôn! Những điều Ngài dạy đã là quá nhiều. Con như người gù được dựng thẳng lưng, như kẻ lạc đường được chỉ lối, như người mù được sáng mắt, như trong tối thấy được ánh sáng. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện để thuyết pháp cho con. Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay về sau con nguyện thọ trì năm giới, nguyện không sát sanh, làm ưu-bà-tắc.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[8] Thiên nhãn minh (天眼明): *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.885. 0223b12) giải thích: Trí hiểu rõ tường tận về cảnh giới sanh tử của bậc Vô học.

[9] Lậu tận minh (漏盡明). *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.885. 0223b12) giải thích: Trí hiểu rõ tường tận về việc đoạn trừ tất cả lậu hoặc của bậc Vô học.

2. VUA ƯU-ĐIỀN HỌC THIỀN[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư, nước Câu-thâm, nơi bốn đức Phật thời quá khứ đã từng cư ngụ.

Bấy giờ, Vua Ưu-điền[11] cùng phu nhân Xá-di và năm trăm cung nữ muốn đến vườn Cù-sư dạo chơi ngắm cảnh. Lúc ấy, trong thành Xá-vệ có vị Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta xa Thế Tôn đã lâu, nay ta nên đến đảnh lễ thăm hỏi Ngài." Khi ấy cũng đã đến giờ, vị Tỳ-kheo này đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, vị ấy thu xếp y bát, tọa cụ, rồi dùng thần túc bay lên hư không để đến nước Câu-thâm. Đến nơi, Tỳ-kheo ấy xả thần túc rồi đi vào rừng, đến nơi vắng vẻ ngồi kiết-già tĩnh tọa, giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, buộc niệm trước mặt.

Khi ấy, phu nhân Xá-di dẫn năm trăm cung nữ đi đến khu rừng này. Phu nhân Xá-di từ xa trông thấy Tỳ-kheo dùng thần túc bay đến ngồi dưới tàng cây, bà liền đến đảnh lễ sát chân rồi chắp tay đứng trước Tỳ-kheo này. Năm trăm cung nữ cũng đồng đến đảnh lễ và chắp tay đứng xung quanh.

Lúc ấy, Vua Ưu-điền từ xa trông thấy năm trăm cung nữ chắp tay đứng xung quanh Tỳ-kheo này, liền nghĩ: "Ở đó chắc có bầy nai, hoặc là loài thú nào đó, nhất định như vậy, không nghi ngờ gì!" Thế rồi, vua liền phi ngựa tức tốc đến chỗ các cung nữ đang tụ tập.

Phu nhân Xá-di từ xa nhìn thấy nhà vua phi ngựa đến, liền nghĩ: "Vua Ưu-điền vô cùng hung ác, có thể sẽ hại vị Tỳ-kheo này." Phu nhân bèn đưa cánh tay phải lên, tâu vua:

– Thưa Đại vương! Đây là Tỳ-kheo, Đại vương chớ làm kinh động.

Vua liền xuống ngựa, thâu lại cung tên, đến chỗ Tỳ-kheo và nói:

– Này thầy Tỳ-kheo! Hãy nói pháp cho trẫm nghe!

Vị Tỳ-kheo ấy đưa mắt nhìn vua, rồi lặng thinh không nói lời nào.

Vua lại bảo Tỳ-kheo:

– Hãy mau nói pháp cho trẫm nghe!

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy lại đưa mắt nhìn vua, nhưng vẫn im lặng không nói.

Khi ấy, nhà vua suy nghĩ: "Nay ta nên hỏi những vấn đề về thiền. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho ta, ta sẽ suốt đời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Còn nếu thầy ấy không chịu nói pháp cho ta nghe thì ta sẽ giết." Thế rồi, nhà vua lại bảo Tỳ-kheo:

– Này thầy Tỳ-kheo! Hãy nói pháp cho ta!

Vị Tỳ-kheo kia vẫn im lặng không nói gì.

---

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.2. 0667a04).

[11] Ưu-điền (優填, Udena), quốc vương nước Kosambī, Hán dịch là Câu-thâm (拘深).

[0667b03] Bấy giờ, thần cây biết được tâm niệm của vua, liền hóa ra một bầy nai ở đằng xa, cố ý làm loạn tai mắt, muốn nhà vua phân tán tư tưởng. Vua từ xa nhìn thấy bầy nai liền suy nghĩ: "Ta tạm thời tha cho Sa-môn này. Thầy ấy cũng không trốn đâu thoát." Nghĩ rồi, vua liền phi ngựa rượt bắn bầy nai.

Lúc này, phu nhân bèn hỏi vị Tỳ-kheo:

– Nay thầy định đến đâu?

Tỳ-kheo đáp:

– Tôi muốn đến trú xứ của bốn đức Phật để đảnh lễ thăm hỏi Thế Tôn.

Phu nhân thưa:

– Tỳ-kheo! Nay đã đúng lúc. Thầy hãy mau đến đó, đừng ở đây nữa mà bị vua sát hại, như vậy thì vua sẽ mang tội rất nặng.

Khi ấy, Tỳ-kheo kia liền đứng lên, thu xếp y bát rồi bay lên hư không đi được một khoảng xa. Thấy Tỳ-kheo đã bay cao giữa hư không, phu nhân liền từ xa nói với vua:

– Mong Đại vương hãy ngước nhìn vị Tỳ-kheo kia, thầy ấy có đại thần túc, có thể bay lên hư không và ẩn hiện rất tự tại. Tỳ-kheo ấy còn có thần lực như vậy, huống gì đức Phật Thích-ca[12] thì ai có thể sánh kịp?

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy đến vườn Cù-sư, buông xả thần túc, trở lại bình thường mà đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo:

– Thế nào, Tỳ-kheo! Thầy an cư mùa hạ ở thành Xá-vệ có nhọc nhằn chăng? Tùy thời khất thực có mệt mỏi không?

Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn! Con ở thành Xá-vệ không có gì mệt mỏi.

Phật lại hỏi Tỳ-kheo:

– Hôm nay, thầy đến đây có việc gì sao?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Con muốn đến đảnh lễ và vấn an sức khỏe Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

– Nay thầy thấy được Như Lai và trụ xứ của bốn đức Phật thời quá khứ rồi phải không? Thầy đã thoát khỏi tay vua, điều này rất hy hữu, nhưng sao thầy không nói pháp cho vua nghe? Hơn nữa, Vua Ưu-điền cũng đã nói: "Này Tỳ-kheo! Hãy nói pháp cho ta. Nay tại sao thầy không thuyết pháp cho ta nghe?" Nếu thầy thuyết pháp cho Vua Ưu-điền thì vua sẽ rất hoan hỷ. Khi đã hoan hỷ, vua sẽ suốt đời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh.

[12] Nguyên tác: Thích-ca-văn (釋迦文), tức là đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

– Vì vua muốn hỏi những vấn đề liên quan đến thiền, cho nên con không trả lời.

Thế Tôn hỏi:

– Này Tỳ-kheo! Tại sao thầy không nói cho vua nghe những vấn đề về thiền?

[0667c01] Tỳ-kheo thưa:

– Vua Ưu-điền học pháp thiền này để làm gì? Trong khi lòng dạ nhà vua vốn hung bạo, không có tâm từ, sát hại chúng sanh nhiều vô số kể, mãi sống trong dục, ba độc lẫy lừng, chìm trong vực sâu, không thấy Chánh pháp, nghi hoặc vô tri, toàn làm chuyện ác, hành xử kiêu mạn, cậy quyền thế vua, tham đắm tiền của, xem thường người khác, giống như người mù không có đôi mắt. Hạng người như thế, tu thiền làm gì? Pháp thiền vốn dĩ là pháp vi diệu trong tất cả các pháp, khó thấu rõ được, không có hình tướng, không phải cảnh giới suy lường của tâm, hạng người bình thường khó lòng đạt đến, chỉ có người trí mới thấy biết được. Vì những lẽ đó nên con không nói pháp thiền cho vua.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy:

– Như chiếc áo dơ cũ, cần phải giặt giũ mới sạch. Cũng vậy, tâm tham dục lớn mạnh, cần phải quán tưởng bất tịnh mới dứt trừ được. Nếu tâm sân hận lớn mạnh thì phải dùng tâm bi để đối trị. Tâm ngu si lớn mạnh thì dùng pháp mười hai duyên mới có thể dứt trừ. Này Tỳ-kheo! Vì sao thầy không nói pháp cho Vua Ưu-điền nghe? Nếu thầy nói pháp, vua sẽ rất hoan hỷ. Đến như ngọn lửa bùng cháy cỡ nào, vẫn còn dập được, huống nữa con người?

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia im lặng không nói. Đức Phật lại dạy Tỳ-kheo:

– Như Lai độ đời cũng rất kỳ diệu và cũng đặc thù. Dù là trời, rồng, quỷ thần, hay càn-thát-bà muốn hỏi nghĩa lý Phật pháp, Như Lai cũng sẽ giảng nói. Giả sử quốc vương, đại thần, hay là thường dân hỏi về đạo lý, Như Lai đều sẽ giảng nói. Nếu dòng Sát-đế-lợi và bốn chủng tánh đến hỏi đạo lý, Như Lai cũng sẽ giảng nói. Vì sao như vậy? Vì nay Như Lai đã thành tựu bốn vô sở úy, thuyết pháp không có khiếp nhược; cũng chứng đắc bốn thiền, tự tại trong bốn thiền; đồng thời đạt được bốn thần túc chẳng thể tính kể, lại cũng hành trì bốn tâm vô lượng. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không có khiếp nhược, hàng A-la-hán, hay bậc Độc giác[13] không thể sánh kịp. Vậy nên Như Lai thuyết pháp không khó.

Này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy tìm phương tiện để thực hành bốn tâm vô lượng là từ, bi, hỷ, xả. Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

---

[13] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛). Xem chú thích 23, phẩm Tựa, tr. 9.

Vì sao như vậy? Nếu Tỳ-kheo gặp chúng sanh, thiện tri thức, cha mẹ, cho đến thân bằng quyến thuộc, đều nên lấy bốn điều này để chỉ dạy, giúp họ thấu hiểu pháp Phật. Bốn điều ấy là gì:

Một là, nên cung kính Phật, bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, đấng Độ Người Vô Lượng.

Hai là, nên cầu Giáo pháp, là phương pháp tu hành theo chân chánh, trừ bỏ việc xấu ác. Đây là pháp tu của người trí.

Ba là, nên siêng năng[14] cúng dường chúng Tăng. Thánh chúng của Như Lai luôn hòa hợp, không tranh cãi, thành tựu pháp và tùy pháp, thành tựu giới luật, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám bậc, mười hai Hiền thánh.[15] Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý, là ruộng phước vô thượng ở thế gian.

Bốn là, nên khuyến hóa người khác hành trì theo pháp và giới luật của bậc Hiền thánh, không có nhiễm ô, tịch tịnh vô vi. Nếu có Tỳ-kheo nào muốn tu đạo thì phải hành trì đầy đủ bốn điều này.[16] Vì sao thế? Vì pháp cúng dường Tam bảo là tôn quý nhất, là cao thượng nhất, không gì sánh bằng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. BỐN CON ĐƯỜNG TU HÀNH[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn con đường.[18] Là bốn đường nào? Có con đường an vui mà sự chứng đắc chậm lụt,[19] đây là con đường thứ nhất. Có con đường an vui mà sự

---

[14] Nguyên tác: Phương tiện (方便).

[15] Nguyên tác: Thập nhị Hiền sĩ (十二賢士). Xem chú thích 18, kinh số 5, phẩm 21, tr. 222.

[16] Nguyên tác: Tứ sự chi pháp (四事之法): Bốn pháp phụng thờ, tức kính Phật, Pháp, Tăng và giới.

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.3. 0668a12). Tham chiếu: *A.* 4.162 - II. 149.

[18] Nguyên tác: Tứ sự hành tích (四事行跡, *catasso paṭipadā*), còn gọi là "tứ chủng thông hành" (四種通行), "tứ chánh hành" (四正行). *A.* 4.162 - II. 149: *paṭipadā*, thường được dịch là "đạo" (道), "hành đạo" (行道), "đạo tích" (道跡) đều mang nghĩa là phương pháp tu tập, con đường tu tập.

[19] Nguyên tác: Lạc hành tích sở hành ngu hoặc (樂行跡所行愚惑). *A.* 4.162 - II. 149: *Sukhā paṭipadā dandhābhiññā* (Đạo hành lạc, thắng tri chậm), HT. Thích Minh Châu dịch.

chứng đắc nhanh chóng.[20] Có con đường khổ mà sự chứng đắc chậm lụt.[21] Có con đường khổ mà sự chứng đắc nhanh chóng.[22]

Thế nào gọi là con đường an vui mà sự chứng đắc chậm lụt? Như người có tâm tham dục, sân hận và ngu si lớn mạnh, phương pháp hành trì rất khó nhọc, vì không phù hợp với căn cơ. Người ấy với năm căn ngu tối, không được lanh lợi. Năm căn ấy là gì? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Do căn tánh chậm lụt mà cầu thành tựu tam-muội, dứt sạch hữu lậu nên gọi đó là con đường an vui của người độn căn đắc đạo.

Thế nào gọi là con đường an vui mà sự chứng đắc nhanh chóng? Như người không có tham cầu, không dâm dục, luôn tự giảm thiểu và không ân cần đối với tham dục; tận lực giảm thiểu tâm sân hận và ngu si; năm căn lanh lợi, không có buông lung. Là năm căn nào? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn, đó là năm căn. Nhờ năm căn này mà thành tựu tam-muội, dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu nên gọi đó là con đường an vui của người lợi căn đắc đạo.

Thế nào gọi là con đường khổ mà sự chứng đắc chậm lụt? Như người có tâm dâm dục lớn mạnh; tâm sân hận, ngu si cũng lớn mạnh. Người ấy nương những pháp đó rồi tự an trú, dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu. Đó gọi là con đường khổ của người độn căn đắc đạo.

[0668b01] Thế nào gọi là con đường khổ mà sự chứng đắc nhanh chóng? Như người mà tâm dục và tâm dâm cạn mỏng, không có sân hận, cũng không khởi tưởng, tu tập ba pháp này. Bấy giờ, người ấy cũng có đầy đủ năm căn, không bị khiếm khuyết. Là năm căn nào? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn, đó là năm căn. Người ấy nhờ tu tập pháp này mà thành tựu tam-muội, dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu. Đó gọi là con đường khổ của người lợi căn đắc đạo.

Do đó, này Tỳ-kheo! Có bốn con đường này. Các thầy hãy tìm phương tiện dứt bỏ ba con đường trước, phụng trì con đường sau cùng. Vì sao như vậy? Vì lẽ, với con đường khổ, tuy khó chứng đắc tam-muội, nhưng khi đã chứng đắc thì sẽ thành tựu đạo quả, tồn tại lâu dài ở đời. Vì sao? Bởi vì chẳng thể dùng vui để cầu vui, nhờ khổ tu nên về sau mới thành đạo.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy thường dùng phương tiện để thành tựu con đường sau cùng này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[20] Nguyên tác: Lạc hành tích sở hành tốc tật (樂行跡所行速疾). *A.* 4.162 - II. 149: *Sukhā paṭipadā khippābhiññā* (Đạo hành lạc, thắng tri nhanh), HT. Thích Minh Châu dịch.

[21] Nguyên tác: Khổ hành tích sở hành ngu hoặc (苦行跡所行愚惑). *A.* 4.162 - II. 149: *Dukkhā paṭipadā dandhābhiññā* (Đạo hành khổ, thắng tri chậm), HT. Thích Minh Châu dịch.

[22] Nguyên tác: Khổ hành tích sở hành tốc tật (苦行跡所行速疾). *A.* 4.162 - II. 149: *Dukkhā paṭipadā khippābhiññā* (Đạo hành khổ, thắng tri nhanh), HT. Thích Minh Châu dịch.

4. BỐN PHÁP ẤN[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, có bốn Bà-la-môn đều đã chứng đắc ngũ thông, tu tập thiện pháp, nhóm họp lại một chỗ rồi cùng nhau bàn luận: "Lúc thần chết[24] đến, người có thế lực cũng không thể trốn khỏi. Vì vậy, mỗi chúng ta hãy lo ẩn nấp để thần chết không thể tìm thấy."

Bấy giờ, một vị Bà-la-môn bay lên hư không, mong được thoát chết nhưng chẳng tránh khỏi, nên chết trong hư không. Vị Bà-la-môn thứ hai thì lặn xuống đáy biển lớn, mong được thoát chết, nhưng cũng bỏ mạng dưới lòng biển cả. Vị Bà-la-môn thứ ba lại chui vào lòng núi Tu-di, mong được thoát chết, nhưng rồi cũng chết ở trong lòng núi. Còn vị Bà-la-môn thứ tư thì chui xuống lòng đất, đến trốn trong vùng đất rắn chắc như kim cương, mong được thoát chết, nhưng rồi cũng chết ở đó.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn xem thấy bốn Bà-la-môn kia, mỗi người đều muốn trốn khỏi thần chết, nhưng rồi tất cả đều đã chết. Thế Tôn liền nói kệ này:

Ẩn hư không, biển cả,
Chui núi thẳm, hang sâu,
Nhưng không một nơi nào,
Thoát khỏi tay thần chết.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở đây, này các Tỳ-kheo! Có bốn Bà-la-môn tập trung một chỗ, bàn bạc với nhau, mong được thoát chết. Mỗi người trốn chạy một nơi, rồi cũng không thoát chết. Một người bay lên hư không, một người lặn xuống đáy biển, một người ẩn vào lòng núi, một người chui xuống lòng đất, nhưng tất cả đều đã chết.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu muốn thoát chết thì phải tư duy bốn pháp nền tảng.[25] Là bốn pháp nào?

Tất cả các hành đều vô thường, đó là pháp căn bản thứ nhất, hãy nhớ tu tập.

Tất cả các hành là khổ, đó là pháp căn bản thứ hai, hãy cùng tư duy.

Tất cả các pháp đều vô ngã, đó là pháp căn bản thứ ba, hãy cùng tư duy.

Diệt tận là Niết-bàn, đó là pháp căn bản thứ tư, hãy cùng tư duy.

Như thế, này các Tỳ-kheo! Hãy cùng tư duy bốn pháp nền tảng này. Vì sao như vậy? Vì muốn thoát khỏi cội nguồn của nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não này.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn pháp này.

---

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.4. 0668b14). Tham chiếu: *Dh*. v. 127-28.

[24] Nguyên tác: Tứ mạng (伺命): Giám sát sanh mạng, tức là thần chết.

[25] Nguyên tác: Tứ pháp bản (四法本): Bốn pháp ấn (四法印).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BỐN KHU VƯỜN VÀ AO TẮM[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Cõi trời Ba Mươi Ba có bốn khu vườn cảnh, chư thiên thường đến đó dạo chơi, thưởng thức năm loại âm nhạc. Là bốn khu vườn nào? Đó là vườn Nan-đàn-bàn-na,[27] vườn Thô Sáp,[28] vườn Họa Lạc[29] và vườn Tạp Chủng.[30]

Trong bốn khu vườn đó có bốn ao tắm. Có ao tắm nước rất lạnh, có ao tắm nước thơm hương, có ao tắm nước rất dễ chịu, có ao tắm nước trong vắt. Là bốn ao tắm nào? Đó là ao tắm Nan-đà, ao tắm Nan-đà-đảnh, ao tắm Tô-ma, ao tắm Hoan Duyệt.

Tỳ-kheo nên biết! Bốn ao tắm trong bốn khu vườn này giúp cho thân thể chư thiên thơm sạch, không còn bụi nhơ.

Vì sao gọi là vườn Nan-đàn-bàn-na? Vì khi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào khu vườn Nan-đàn-bàn-na, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, ở trong đó mà thỏa thích vui chơi, cho nên gọi là vườn Nan-đàn-bàn-na.

Vì sao gọi là vườn Thô Sáp? Vì khi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào trong khu vườn này thì thân thể họ trở nên sần sùi. Ví như đến mùa đông, người ta phải bôi hương liệu lên thân, khiến cho thân thể trở nên sần sùi. Ở đây cũng như vậy, nếu chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào trong khu vườn này thì thân thể trở nên sần sùi, không giống bình thường. Vì thế nên gọi là vườn Thô Sáp.

Vì sao gọi là vườn Họa Lạc? Vì khi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào trong khu vườn này thì nhan sắc sẽ đổi khác, trở thành nhiều dáng vẻ khác nhau. Giống như người nữ mặc rất nhiều loại xiêm y khác nhau; mỗi lần đổi xiêm y, hình dáng sẽ không giống với ban đầu. Ở đây cũng vậy, nếu chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào trong vườn này, sẽ biến thành nhiều dáng vẻ khác nhau, không giống lúc ban đầu. Vì thế nên gọi là vườn Họa Lạc.

---

[26] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.5. 0668c12). Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.8. 0131a03).

[27] Nan-đàn-bàn-na (難檀槃那, Nandanavana), Hán dịch là vườn Đại Hỷ (大喜園), vườn Hoan Hỷ (歡喜園).

[28] Thô Sáp (麤澀, Phārusa).

[29] Nguyên tác: Trú dạ (晝夜). Theo giải thích đoạn sau, bản Hán có khả năng nhầm. Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.8. 0131b27) ghi: Viên lâm danh viết Họa Lạc (園林名曰晝樂).

[30] Tạp Chủng (雜種, Missaka).

[0669a04] Vì sao gọi là vườn Tạp Chủng? Vì khi các vị trời bậc thượng và các vị trời bậc trung, cho đến các vị trời bậc thấp đã vào khu vườn này rồi thì đều trở thành ngang hàng với nhau. Nếu là trời bậc thấp nhất thì không được vào ba khu vườn trên. Ví dụ như khu vườn mà Vua Chuyển Luân đã vào thì các vị vua khác không được vào khu vườn ấy để tắm rửa. Còn hàng thường dân thì chỉ có thể nhìn ngắm từ xa. Ở đây cũng vậy, nếu là khu vườn mà vị trời tối cao đã vào tắm rửa thì các vị trời bậc thấp không được vào. Vì thế nên gọi là vườn Tạp Chủng.

Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà?[31] Vì khi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào trong ao tắm này thì trong lòng rất vui vẻ. Thế nên gọi là ao tắm Nan-đà.

Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà-đảnh? Vì khi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào ao tắm này, tắm gội bằng cách dùng hai bàn tay xoa chà đảnh đầu. Đối với thiên nữ cũng giống như vậy. Thế nên gọi là ao tắm Nan-đà-đảnh.

Vì sao gọi là ao tắm Tô-ma? Vì khi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào trong ao tắm này thì dung mạo chư thiên hoàn toàn giống như dung mạo loài người, không có gì khác. Thế nên gọi là ao tắm Tô-ma.

Vì sao gọi là ao tắm Hoan Duyệt? Vì khi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vào trong ao tắm này rồi thì tất cả đều không còn tâm kiêu mạn phân biệt cao thấp, lòng buồn giận vơi đi, chỉ chuyên tâm tắm gội. Thế nên gọi là ao tắm Hoan Duyệt. Này các Tỳ-kheo! Vì nhân duyên này, mà có tên gọi như vậy.

Nay trong Chánh pháp của Như Lai cũng giống như vậy, cũng có bốn khu vườn. Là bốn khu vườn gì? Đó là vườn Từ, vườn Bi, vườn Hỷ và vườn Xả. Này các Tỳ-kheo, trong Chánh pháp Như Lai có bốn khu vườn này.

Vì sao gọi là vườn Từ? Tỳ-kheo nên biết, nhờ thân cận vườn Từ này mà được sanh lên cõi Phạm thiên; từ cõi trời Phạm thiên đó qua đời, sẽ sanh trong gia đình tôn quý, có nhiều của cải, luôn được thưởng thức năm loại kỹ nhạc, chưa từng rời mắt. Vì vậy nên gọi là vườn Từ.

Vì sao gọi là vườn Bi? Tỳ-kheo nên biết, nếu khéo thân cận vườn Bi này thì tâm được giải thoát, sanh lên cõi trời Phạm Quang Âm. Nếu sanh lại trong loài người thì được sanh vào gia đình tôn quý, không có sân hận, cũng được giàu có của cải. Vì vậy nên gọi là vườn Bi.

[0669b02] Vì sao gọi là vườn Hỷ? Nếu người hay thân cận vườn Hỷ thì sanh lên cõi trời Quang Âm. Nếu sanh lại trong loài người thì được sanh vào gia đình vua chúa, tâm luôn hoan hỷ. Vì thế nên gọi là vườn Hỷ.

Vì sao gọi là vườn Xả? Nếu người nào thân cận với vườn Xả thì sẽ sanh lên cõi trời Vô Tưởng, thọ tám vạn bốn ngàn kiếp. Nếu sanh lại trong loài người thì được sanh vào gia đình ở chốn thành thị, không có tâm sân hận, luôn từ bỏ tất cả việc làm phi pháp. Vì thế nên gọi là vườn Xả.

---

[31] Nan-đà (難陀), Hán dịch là Hoan Hỷ (歡喜).

Tỳ-kheo nên biết, trong Chánh pháp của Như Lai lại có bốn khu vườn này, giúp chúng Thanh văn được vui chơi ở đó. Trong bốn khu vườn này cũng có bốn ao tắm để chúng Thanh văn tắm gội và tự vui chơi trong ấy, khiến dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, không còn bụi bẩn. Là bốn ao nào? Đó là ao tắm có giác có quán; ao tắm không giác không quán; ao tắm xả niệm[32] và ao tắm không khổ không lạc.

Vì sao gọi là ao tắm có giác có quán? Như khi Tỳ-kheo nào đã chứng đắc Thiền thứ nhất thì luôn có giác có quán đối với các pháp, tư duy các pháp, trừ bỏ kiết sử trói buộc, vĩnh viễn không còn sót lại. Vì thế nên gọi là ao tắm có giác có quán.

Vì sao gọi là ao tắm không giác không quán? Giống như Tỳ-kheo đã đắc Thiền thứ hai thì lìa bỏ giác và quán, dùng thiền định làm thức ăn. Vì thế nên gọi là ao tắm không giác không quán.

Vì sao gọi là ao tắm xả niệm? Như khi Tỳ-kheo đã chứng đắc Thiền thứ ba thì lìa bỏ giác và quán, không giác không quán, luôn lạc trú trong xả và có chánh niệm. Vì thế nên gọi là ao tắm xả niệm.

Vì sao gọi là ao tắm không khổ không lạc? Như khi Tỳ-kheo chứng đắc Thiền thứ tư rồi thì không nhớ đến lạc, cũng không còn nghĩ khổ, cũng không nhớ nghĩ đến quá khứ hay vị lai, chỉ dụng tâm ở trong pháp hiện tại. Vì thế nên gọi là ao tắm không khổ không lạc.

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Trong Chánh pháp của Như Lai có bốn ao tắm này để chúng Thanh văn tắm gội trong đó, khiến diệt trừ hai mươi mốt kiết sử,[33] vượt biển sanh tử, vào thành Niết-bàn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu muốn vượt biển sanh tử này, các thầy hãy tìm phương tiện dứt trừ hai mươi mốt kiết sử để vào thành Niết-bàn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. RẮN ĐỘC VÀ CÁC VÍ DỤ[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[32] Nguyên tác: Hộ niệm (護念).

[33] Nhị thập nhất kết (二十一結). Theo *MĀ*. 93 thì 21 cấu uế gồm tâm cấu uế do tà kiến, tâm cấu uế do dục vọng bất chánh, tâm cấu uế do tham muốn lệch lạc, tâm cấu uế do tà pháp, tâm cấu uế do dục tham, tâm cấu uế do sân hận, tâm cấu uế do mê ngủ, tâm cấu uế do loạn động, tâm cấu uế do nghi hoặc, tâm cấu uế do phẫn nộ, tâm cấu uế do che giấu, tâm cấu uế do bỏn xẻn, tâm cấu uế do ganh ghét, tâm cấu uế do dối gạt, tâm cấu uế do dua nịnh, tâm cấu uế do không tự thẹn, tâm cấu uế do không xấu hổ, tâm cấu uế do mạn, tâm cấu uế do đại mạn, tâm cấu uế do ngạo mạn và tâm cấu uế do buông lung. (邪見, 非法欲, 惡貪, 邪法, 貪, 恚, 睡眠, 掉悔, 疑惑, 瞋纏, 不語結, 慳, 嫉, 欺誑, 諛諂, 無慚, 無愧, 慢, 大慢, 憍憿, 放逸).

[34] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.6. 0669c02). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1172. 0313b14); *S*. 35.238 - IV. 172.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ví như có bốn con rắn độc rất to và hung dữ bị nhốt chung trong một cái lồng. Nếu có người ở phương khác đến mong cầu được sống, không muốn chết, mong muốn được vui, không muốn khổ, không mê muội, không u tối, không loạn tâm, không bị trói buộc. Khi ấy, nếu vua hay đại thần của vua gọi người này đến và ra lệnh: "Nay có bốn con rắn độc rất to và hung bạo. Ông hãy tùy thời nuôi nấng và tắm rửa sạch sẽ cho chúng; tùy thời cho ăn uống, đừng để chúng thiếu thốn. Nay thật đúng lúc, ông hãy bắt đầu làm việc đi."

Người kia trong lòng sợ hãi không dám tiến về phía trước, liền bỏ chạy thục mạng, chẳng còn biết phương hướng. Ông ta lại còn được vua cảnh báo rằng: "Nay ta sẽ sai năm người cầm đao kiếm đuổi theo ông. Nếu họ bắt được thì họ sẽ lấy mạng ông. Cho nên ông không được chậm trễ."

Bấy giờ, người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm đuổi theo nên cắm đầu chạy thục mạng, không còn biết phương hướng. Ông ta lại được vua cảnh báo rằng: "Nay ta sẽ sai sáu kẻ oan gia đuổi theo ông. Nếu họ bắt được, họ sẽ lấy mạng ông. Ông muốn làm gì thì mau làm đi."

Bấy giờ, người kia sợ bốn con rắn độc, lại sợ năm người cầm đao kiếm và sợ sáu kẻ oan gia, cho nên cứ cắm đầu chạy thật nhanh. Ông ta nhìn thấy một ngôi làng hoang vắng, muốn vào bên trong lẩn trốn, nhưng khi vào đó thì chỉ thấy nhà cửa trống không, tường vách sụp đổ, không có chỗ nào kiên cố; lại thấy các vật dụng đều trống rỗng, chẳng có thứ gì. Khi ấy, có một người bạn muốn giúp ông ta thoát nạn nên mới khuyên: "Nơi hoang vắng này có nhiều giặc cướp, ông muốn làm gì thì hãy làm nhanh đi."

Người kia đã sợ bốn con rắn độc, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ sáu tên oan gia, lại càng sợ ngôi làng hoang vắng kia, cho nên bỏ chạy như bay. Người này chạy về phía trước, gặp một con sông lớn vừa sâu vừa rộng, nhưng không có người dân hay cầu, đò để có thể qua được bờ bên kia. Hơn nữa, nơi ông ấy đang đứng lại có nhiều giặc cướp hung ác. Lúc đó, người ấy suy nghĩ: "Con sông này rất sâu và rộng, lại có nhiều giặc cướp, bây giờ ta phải làm sao để qua được bờ bên kia? Nay ta nên gom nhặt cây cối, dùng cỏ kết chúng lại thành chiếc bè, rồi nương chiếc bè này để đi từ bờ này qua bờ kia." Thế rồi, người ấy liền gom nhặt cây cỏ để kết làm chiếc bè và đi qua được bờ kia, chí không dời đổi.

[0670a02] Các Tỳ-kheo nên biết! Nay Như Lai nêu ra ví dụ, các thầy hãy suy nghĩ để hiểu rõ chúng. Như Lai nói những ví dụ này là có ý nghĩa gì?

Bốn con rắn độc là dụ cho bốn đại. Bốn đại là những gì? Đó là đất, nước, gió và lửa. Năm người cầm kiếm là dụ cho năm thủ uẩn.[35] Năm thủ uẩn là gì? Đó là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Sáu kẻ oan gia là dụ

[35] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm (五盛陰).

cho ái dục. Ngôi làng hoang vắng là dụ cho sáu căn bên trong. Sáu căn bên trong ấy là gì? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn.

Nếu người có trí tuệ khi dùng mắt quán sát thì nhận thấy hết thảy đều không thật có, chỉ do nhân duyên sanh, không có gì bền chắc. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý phân biệt pháp, nhận biết hết thảy đều không thật có, chỉ do nhân duyên sanh, đều là hư dối, đều là tịch lặng, không gì bền chắc.

Dòng sông là dụ cho bốn lưu.[36] Bốn lưu là gì? Đó là dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu và kiến lưu.

Chiếc bè lớn là dụ cho tám đạo phẩm của bậc Hiền thánh. Tám đạo phẩm là gì? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đó là tám đạo phẩm của bậc Hiền thánh.

Muốn vượt qua dòng sông là dụ cho sức mạnh tinh tấn, phương tiện khéo léo. Bờ này là dụ cho thân kiến.[37] Bờ kia là dụ cho thân kiến đã diệt. Bờ này là chỉ cho lãnh thổ của Vua A-xà-thế. Bờ kia chỉ cho lãnh thổ của Vua Tỳ-sa. Bờ này chỉ cho cõi nước của Ba-tuần. Bờ kia là cõi nước của Như Lai.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. TU TẬP VÀ TÁI SANH[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có vị ưu-bà-tắc vừa qua đời và tái sanh vào gia đình của một trưởng giả giàu có tại thành Xá-vệ, ở trong thai của vị phu nhân chính thất. Bằng thiên nhãn thanh tịnh không chút cấu nhiễm, Thế Tôn thấy vị ưu-bà-tắc này sanh vào gia đình trưởng giả giàu nhất thành Xá-vệ. Ngay ngày hôm đó, lại có vị Bà-la-môn qua đời đọa vào địa ngục. Bấy giờ, cũng bằng thiên nhãn, Thế Tôn thấy rõ việc này. Trong ngày đó, trưởng giả Cấp Cô Độc qua đời, được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Cũng bằng thiên nhãn, Thế Tôn thấy rõ việc này. Ngay hôm đó, cũng có một vị Tỳ-kheo chứng nhập Niết-bàn. Cũng bằng thiên nhãn, Thế Tôn thấy rõ việc này.

[0670b01] Bấy giờ, Thế Tôn nhìn thấy bốn việc này rồi, Ngài liền nói kệ này:

Con người sống ở đời, Tạo ác đọa địa ngục,
Làm thiện sanh cõi trời, Vô lậu nhập Niết-bàn.

---

[36] Tứ lưu (四流). Xem định nghĩa về "tứ lưu" tại *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.9. 0672b19-c04).

[37] Nguyên tác: Thân tà (身邪) cũng gọi là "hữu thân kiến" (有身見, *sakkāyadiṭṭhi*).

[38] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.7. 0670a21).

Nay người hiền ở đời, Phạm chí vào địa ngục,
Tu-đạt sanh cõi trời, Tỳ-kheo được Diệt độ.

Khi ấy, Thế Tôn rời tịnh thất, đi đến giảng đường Phổ Tập an tọa, rồi Ngài dạy các Tỳ-kheo:

– Có bốn điều này, nếu người nào khéo tu tập thì sau khi qua đời sẽ được sanh trong loài người. Bốn điều ấy là gì? Nghĩa là thân, miệng, ý và mạng đều thanh tịnh, không chút cấu nhiễm, sau khi qua đời sẽ được sanh trong loài người.

Này các Tỳ-kheo! Lại có bốn điều, nếu ai hành theo thì người đó sẽ đọa vào địa ngục. Bốn điều ấy thế nào? Đó là thân, miệng, ý và mạng không thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo, đó là bốn điều mà ai thân cận thì sau khi qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Lại có bốn pháp, nếu ai tu tập theo thì sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Bốn pháp ấy là gì? Đó là huệ thí, nhân ái, lợi người, đồng lợi.[39] Này các Tỳ-kheo! Người nào tu tập bốn pháp này, sau khi qua đời sẽ sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Lại có bốn pháp, nếu ai thực hành thì sẽ dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bốn pháp ấy là gì? Đó là thiền có giác có quán; thiền khổ, lạc diệt; thiền không giác không quán; thiền xả niệm; thiền khổ, lạc diệt.[40] Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là có bốn pháp này, nếu ai tu tập sẽ dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu có thiện gia nam tử hoặc chúng sanh trong bốn bộ chúng muốn được sanh vào cõi người thì hãy tìm phương tiện thực hành thân, miệng, ý và mạng thanh tịnh. Nếu muốn được sanh lên cõi trời thì phải tìm phương tiện tu tập bốn nhiếp sự. Nếu muốn dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát thì cũng phải tìm phương tiện tu tập bốn thiền.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[39] Huệ thí (惠施), nhân ái (仁愛), lợi nhân (利人), đẳng lợi (等利), tức là "bốn nhiếp sự" (四攝事): Bố thí (佈施), ái ngữ (愛語), lợi hành (利行), đồng sự (同事).

[40] Tương ứng với tứ thiền. Xem kinh số 5, tr. 448 ở trước.

8. KHỔ HẠNH CỦA THẾ TÔN[41]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ trong khu rừng bên ngoài thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Xưa kia, lúc chưa thành đạo, Như Lai ở ẩn trong núi Đại Úy. Dù là người có lòng dục hay không có lòng dục, một khi đã vào trong núi này rồi thì toàn thân nổi gai ốc. Gặp lúc thời tiết nóng bức, quáng nắng chiếu dọc ngang, Như Lai để mình trần mà tĩnh tọa, ban đêm thì vào rừng sâu. Nếu gặp lúc trời lạnh buốt, gió mưa dồn dập thì ban ngày Như Lai vào rừng sâu, ban đêm thì tĩnh tọa ngoài trời.

Bấy giờ, Như Lai tụng bài kệ mà trước đây chưa từng nghe, chưa từng thấy:

Giữa núi rừng Đại Úy, Đêm lặng lẽ vô thanh,
Lộ hình tu khổ hạnh, Là thệ nguyện của Ta.

Cũng có khi Như Lai đến bãi tha ma, lấy áo của người chết để che thân mình. Lúc đó, người trong thôn Án-trá có người lấy cành cây chọc vào tai hoặc vào mũi Như Lai; có người thì nhổ nước bọt, hoặc lấy nước tiểu, hay lấy tro đất bôi trét lên thân Như Lai. Thế nhưng Như Lai vẫn không hề khởi niệm gì với họ, vì lúc đó Như Lai có tâm xả. Có khi Như Lai đến nơi chuồng bò, nếu thấy phân bê, Như Lai liền cầm lên ăn; nếu không có phân bê thì ăn phân bò. Khi ăn loại đồ ăn này, Như Lai suy nghĩ: "Nay Ta ăn để làm gì, hay là trọn ngày không ăn." Lúc Như Lai khởi niệm này, chư thiên liền đến nói với Như Lai:

"Thế Tôn chớ nên tuyệt thực nữa. Nếu Ngài tuyệt thực mãi, chúng con sẽ dâng vị cam lộ để Thế Tôn hồi phục sức khỏe, duy trì mạng sống."

Bấy giờ, Như Lai lại suy nghĩ: "Nay Ta đã quyết tuyệt thực, cớ gì lại để chư thiên đem cam lộ cho Ta? Như vậy là tự lừa dối mình." Sau đó, Như Lai lại nghĩ: "Nay Ta có thể ăn mè và gạo."

Bấy giờ, mỗi ngày Như Lai ăn một hạt mè và một hạt gạo, cho nên thân thể suy nhược, xương cốt dính nhau, đỉnh đầu mọc mụt nhọt và da thịt bị hư hoại. Giống như trái bầu bị khô vỡ, không lành lặn, đầu của Như Lai lúc ấy cũng vậy, trên đỉnh [đầu] mọc mụt nhọt, da thịt hư hoại, đều do nhịn ăn. Lúc ấy, mắt Như Lai sâu thẳm, giống như sao trời hiện trong đáy giếng, đều do nhịn ăn. Giống như chiếc xe cũ kỹ hư mục, thân thể Như Lai cũng giống như vậy, hư rã toàn bộ, không theo ý mình. Cũng như dấu chân của con lạc đà, hai bàn tọa của Như Lai cũng thế. Khi Như Lai đưa tay ấn vào bụng thì chạm đến xương sống, nếu ấn vào xương sống, lại chạm vào da bụng. Thân thể Như Lai gầy yếu như vậy, đều do nhịn ăn.

---

[41] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.31.8. 0670c02). Tham chiếu: *M.* 12. *Mahāsīhanāda Sutta* (*Đại kinh sư tử hống*).

[0671a04] Bấy giờ, mỗi ngày Như Lai ăn một hạt mè và một hạt gạo, nhưng rồi cuối cùng cũng chỉ vô ích, vẫn không chứng ngộ được pháp vô thượng. Lúc Như Lai đi đại tiện, tiểu tiện thì bị ngã quỵ xuống đất, không thể tự đứng dậy. Bấy giờ, chư thiên nhìn thấy, liền nói: "Sa-môn Cù-đàm đã Diệt độ rồi!" Cũng có chư thiên bảo: "Vị Sa-môn này vẫn chưa qua đời, nhưng hôm nay chắc sẽ qua đời." Có chư thiên lại nói: "Vị Sa-môn này sẽ không qua đời! Sa-môn này là bậc A-la-hán. Pháp tu của bậc A-la-hán là phải hành trì khổ hạnh như vậy."

Bấy giờ, thần thức Như Lai vẫn còn, có thể nhận biết ngoại cảnh, nên lại suy nghĩ: "Nay Ta sẽ nhập thiền nén hơi thở." Thế rồi Như Lai liền nhập thiền nén hơi thở, theo dõi hơi thở ra vào. Do theo dõi hơi thở ra vào nên Như Lai biết rõ hơi thở thoát ra từ lỗ tai; khi ấy, tiếng gió mà nghe giống như tiếng sấm. Như Lai lại nghĩ: "Nay Ta nên ngậm miệng, bịt tai, không cho hơi thở thoát ra ngoài." Do hơi thở không thể thoát ra từ miệng và tai, cho nên thoát ra từ tay và chân. Ngay khi hơi không thoát ra từ tai, mũi, miệng thì bên trong cơ thể có âm thanh giống như tiếng sấm rền. Bấy giờ, Như Lai cũng có trạng thái như vậy. Lúc ấy, thần thức vẫn còn lưu chuyển theo thân.

Như Lai lại nghĩ: "Ta nên vào lại thiền nén hơi thở." Khi ấy, Như Lai phong bế hết các lối thoát hơi thở. Vì phong bế các đường ra vào của hơi thở khiến cho đỉnh đầu Như Lai đau nhức dữ dội, giống như có người lấy cái dùi khoan mà khoan vào đầu. Như Lai cũng vậy, ở trên đỉnh đầu đau nhức vô cùng.

Bấy giờ, thần thức Như Lai vẫn còn, rồi Như Lai lại tự suy nghĩ: "Nay Ta nên nhập thiền, đè nén hơi thở, không cho hơi thở ra vào." Khi ấy, Như Lai liền bít lối hơi thở ra vào, cho nên toàn bộ hơi thở đều dồn xuống bụng. Lúc này, hơi thở di chuyển rất yếu ớt, toàn thân Như Lai vô cùng đau đớn, giống như sự đau đớn của một con bò khi bị đồ tể cầm đao giết nó, Như Lai cũng vậy, vô cùng đau đớn. Như một người yếu ớt bị hai người mạnh khỏe tóm lấy rồi quăng lên đống lửa đỏ rực, sự đau đớn này không thể nào chịu nổi. Như Lai cũng vậy, sự đau đớn này không thể tả xiết. Lúc này, thần thức Như Lai vẫn còn tồn tại. Như Lai tọa thiền đè nén hơi thở như vậy mỗi ngày, dẫn đến hình sắc không giống con người. Có người nhìn thấy Như Lai, liền nói: "Vị Sa-môn này hình sắc đen quá." Cũng có người nói: "Sắc diện vị này giống như người chết."

Này các Tỳ-kheo! Suốt sáu năm ròng Như Lai tu hành khổ hạnh như vậy, nhưng không chứng ngộ được pháp tối thượng.

[0671b04] Bấy giờ, Như Lai suy nghĩ: "Nay mỗi ngày Ta nên ăn một quả trái cây." Thế rồi Như Lai mỗi ngày ăn một quả trái cây. Khoảng thời gian đó, thân thể Như Lai yếu ớt, không thể đi đứng, giống như người già một trăm hai mươi tuổi, từng đốt xương rời rạc, không thể tự chống đỡ. Tỳ-kheo nên biết, một quả trái cây khi ấy chỉ bằng một quả táo nhỏ hiện nay. Bấy giờ, Như Lai lại nghĩ: "Phương pháp tu này chẳng phải cội gốc giúp Ta thành đạo, Ta phải nên tìm một phương pháp khác."

Khi ấy, Như Lai suy nghĩ và hồi ức lại những ngày trước kia: "Lúc tĩnh tọa dưới cội cây của Phụ vương, Ta không có niệm tham dục, trừ bỏ pháp xấu ác bất thiện, an trú Thiền thứ nhất. Lìa bỏ giác và quán, không giác không quán, an trú Thiền thứ hai. Lạc trú trong xả, chánh niệm thanh tịnh, không có các tưởng, an trú Thiền thứ ba. Không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, an trú Thiền thứ tư. Những trạng thái này có thể là đạo. Nay Ta nên tìm đạo này."

Trong suốt sáu năm, Như Lai tinh tấn tu tập khổ hạnh để mong đạt đạo, nhưng không kết quả. Có lúc Như Lai nằm trên bụi gai, có lúc thì nằm trên ván đóng đinh, có khi treo ngược thân thể lên cao cách xa mặt đất, hai chân lên trời đầu chúi ngược xuống đất. Có lúc bắt tréo chân mà ngồi xổm; hoặc để râu, tóc dài mà không cạo hớt; hoặc ngồi giữa trời nắng như lửa đốt, hoặc mùa đông lạnh buốt mà ngồi trên tảng băng, ngâm mình trong nước; hoặc im lặng không nói; hoặc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày ăn một bữa, hoặc ba ngày ăn một bữa, hoặc bốn ngày ăn một bữa, cho đến bảy ngày ăn một bữa; hoặc ăn rau quả, hoặc ăn lúa mè, hoặc ăn rễ cỏ, hoặc ăn trái cây, hoặc ăn hương của hoa, hoặc ăn các loại dưa. Có lúc thì Như Lai để mình trần, có lúc thì mặc y phục rách nát, có lúc lại mặc y bằng cỏ gấu,[42] có lúc thì mặc y bằng lông thú, có lúc lại lấy tóc của người khác để mà che thân; có lúc để tóc dài, có lúc lấy tóc [của] người khác đội thêm lên đầu.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Trước kia Như Lai khổ hạnh đến thế, nhưng vẫn không đạt được cội gốc của bốn pháp. Đó là bốn pháp nào? Nghĩa là giới luật Hiền thánh khó hiểu, khó biết; trí tuệ Hiền thánh khó hiểu, khó biết; giải thoát Hiền thánh khó hiểu, khó biết; tam-muội Hiền thánh khó hiểu, khó biết. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp mà xưa kia Như Lai tu khổ hạnh nhưng không đạt được cội gốc của bốn pháp này.

Bấy giờ, Như Lai lại suy nghĩ: "Nay Ta nhất định phải tìm được đạo Vô thượng." Thế nào là đạo Vô thượng? Đó là hướng về bốn pháp này: Giới luật Hiền thánh, tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh và giải thoát Hiền thánh.

Rồi Như Lai lại nghĩ: "Không thể cầu đạo Tối thượng với thân hình gầy yếu này. Ta nên ăn một ít để có chút khí lực nuôi dưỡng thân thể. Có sức khỏe tốt thì mới có thể tấn tu đạo nghiệp."

Khi Như Lai thọ nhận thức ăn, thân thể có chút khí lực thì năm Tỳ-kheo đã rời bỏ Như Lai, vì họ nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm này tu hành sai trái, đã từ bỏ pháp môn chân chánh để theo đường tà."

[0671c07] Lúc đó, Như Lai rời chỗ ngồi đứng dậy, đi kinh hành theo hướng Đông, đồng thời suy nghĩ: "Vị trí mà hằng sa chư Phật thời quá khứ xa xưa thành đạo là nơi nào?" Ngay khi ấy, có thiên thần đứng giữa hư không nói với Như Lai:

[42] Nguyên tác: Sa thảo (莎草), cũng gọi là "hương phụ" (香附).

"Hiền sĩ nên biết, hằng sa chư Phật, Thế Tôn thời quá khứ đều ngồi dưới bóng mát của cội Bồ-đề mà thành Phật."

Rồi Như Lai lại nghĩ: "Ngồi nơi nào để thành Phật? Là ngồi hay là đứng?"

Chư thiên lại nói với Như Lai:

"Hằng sa chư Phật, Thế Tôn thời quá khứ đều ngồi trên đệm cỏ để thành Phật."

Khi ấy, cách Như Lai không xa, có Bà-la-môn Cát Tường đang cắt cỏ. Như Lai liền đến đó hỏi thăm:

"Ông là ai? Tên họ là gì?"

Bà-la-môn đáp:

"Tôi tên Cát Tường, họ là Phất Tinh."

Như Lai liền nói với người ấy:

"Lành thay, lành thay! Người có họ tên như thế rất hiếm trên đời. Danh tánh không hư vọng sẽ thành tựu tên gọi này. Cầu mong cho ông đời hiện tại tốt lành, không gặp điều bất lợi, không còn sanh, già, bệnh, chết. Ông họ Phất Tinh thật phù hợp với Ta. Nay Ta muốn xin ông một ít cỏ."

Cát Tường hỏi:

"Thưa Cù-đàm! Hôm nay, Ngài dùng cỏ này để làm gì?"

Như Lai liền đáp:

"Ta muốn trải dưới gốc Thọ vương[43] để tìm cầu bốn pháp. Bốn pháp ấy là gì? Đó là giới luật Hiền thánh, tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh và giải thoát Hiền thánh."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Bà-la-môn Cát Tường đích thân đem cỏ đến trải dưới gốc Thọ vương. Như Lai liền lên tòa cỏ, kiết-già tĩnh tọa, thân tâm ngay thẳng, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Như Lai dứt trừ tham dục và các pháp xấu ác bất thiện, an trú Thiền thứ nhất, có giác có quán; trừ bỏ giác và quán, an trú Thiền thứ hai; lạc trú trong xả và có chánh niệm, an trú Thiền thứ ba; trừ sạch hỷ và ưu, an trú Thiền thứ tư.

Bấy giờ, Như Lai với tâm thanh tịnh, dứt sạch các kiết sử, thành tựu vô sở úy, tự biết mọi hình hài, đời sống trong vô lượng đời trước. Như Lai nhớ rõ mọi việc trong vô lượng đời trước; hoặc biết việc trong một đời, hoặc hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, trăm ngàn đời, vạn đời; hoặc trong kiếp thành, kiếp hoại, vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, vô số kiếp vừa thành vừa hoại; Ta từng chết ở đây sanh ra chỗ kia, chết chỗ kia sanh ra ở đây; tường tận nhân duyên của từng cảnh giới. Mọi việc trong vô số đời trước như thế, Như Lai đều nhớ rõ.

---

[43] Thọ vương (樹王) chỉ cho cây Bồ-đề.

[0672a06] Như Lai lại dùng thiên nhãn thanh tịnh, không chút cấu nhiễm, quán biết như thật các loài chúng sanh, thấy rõ có sanh ra, có chết đi; có người đẹp, có người xấu; có đường lành, có nẻo dữ; có tốt, có xấu; tùy theo hạnh nghiệp của họ, Như Lai thảy đều biết rõ. Hoặc có chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, chê bai Hiền thánh, tạo ra các nghiệp tà kiến, sống với tà kiến, nên sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Hoặc có chúng sanh thân làm việc thiện, miệng nói thiện, tâm nghĩ thiện, không chê bai Hiền thánh, sống với chánh kiến, nên sau khi qua đời, được sanh vào cõi người. Đây là chúng sanh mà thân, miệng, ý không tạo tà nghiệp.

Như Lai lại dùng tâm tam-muội thanh tịnh, không chút cấu nhiễm, dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được trí tuệ giải thoát và biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bấy giờ, Như Lai thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân.

Này các Tỳ-kheo! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết rõ các đường tái sanh thì những đường này vốn dĩ xưa kia Như Lai đều đã kinh qua, ngoại trừ cõi trời Tịnh Cư thì Như Lai chưa đến, vì đã sanh lên cõi đó thì sẽ không còn tái sanh trở lại cõi này. Đối với một số Sa-môn, Bà-la-môn thì đó là nơi đáng để tái sanh, nhưng Như Lai lại không sanh lên đó, do không thích hợp. Vì đã sanh lên cõi trời Tịnh Cư thì không còn trở lại thế gian này nữa.

Tỳ-kheo các thầy đạt được giới luật Hiền thánh mà Như Lai đã đạt được. Các thầy đạt được tam-muội Hiền thánh mà Như Lai đã đạt được. Các thầy đạt được giải thoát Hiền thánh mà Như Lai đã đạt được. Các thầy đạt được giải thoát tri kiến Hiền thánh mà Như Lai đã đạt được. Như Lai đã cắt đứt gốc rễ của sự thọ sanh, sanh tử vĩnh viễn chấm dứt, không còn tái sanh nữa.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm phương tiện thành tựu bốn pháp. Vì sao? Vì Tỳ-kheo nào được bốn pháp này thì sẽ dễ dàng thành tựu đạo quả. Như nay Như Lai thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân, đều là nhờ bốn pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. BỐN NIỀM VUI[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[44] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.9. 0672b03). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.567. 0153c05); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.161. 0435a06); *S.* 1.11 - I. 5.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vào thời quá khứ lâu xa, ở cõi trời Ba Mươi Ba, Thích-đề-hoàn-nhân cùng các ngọc nữ đến vườn Nan-đàn-bàn-na[45] dạo chơi. Khi ấy, có một vị trời[46] nói kệ này:

Chưa dạo vườn Nan-đàn, Chưa biết rõ diệu lạc,
So với cõi trời khác, Không đâu hơn nơi này.

Bấy giờ, có một vị trời khác nói với vị trời kia:

"Ông đúng là không có trí tuệ, không biết phân biệt chánh lý. Sự vật buồn khổ mà lại cho đó là vui. Sự vật không bền chắc mà cho là bền chắc. Sự vật vô thường, lại cho là thường còn. Sự vật không kiên cố, lại bảo là kiên cố. Vì sao như vậy? Lẽ nào ông chưa từng được nghe Như Lai nói bài kệ này ư?

Các hành đều vô thường, Có sanh ắt có tử,
Không sanh thì không tử, Tịch diệt mới chân thường.

Đã có nghĩa lý này, còn có bài kệ này, vậy sao ông lại nói chốn này vui nhất? Nay ông nên biết, Như Lai cũng nói pháp về bốn dòng thác.[47] Nếu chúng sanh nào chìm trong những dòng thác này thì mãi mãi không đạt đạo. Bốn dòng thác ấy là gì? Đó là dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

Thế nào là dục lưu? Đó là năm món dục. Nghĩa là mắt thấy sắc liền khởi tưởng phân biệt, tai nghe tiếng liền khởi tưởng phân biệt, mũi ngửi mùi liền khởi tưởng phân biệt, lưỡi nếm vị liền khởi tưởng phân biệt, thân xúc chạm liền khởi tưởng phân biệt. Đó gọi là dục lưu.

Thế nào là hữu lưu? Đó là ba hữu, gồm có: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Đó là hữu lưu.

Thế nào gọi là kiến lưu? Nghĩa là chấp thế gian là thường, thế gian là vô thường; thế gian là có giới hạn, thế gian là không có giới hạn; kia là thân, kia là mạng; kia chẳng phải thân, kia chẳng phải mạng; hoặc chấp rằng Như Lai có chết, Như Lai không chết; hoặc Như Lai vừa có chết vừa không chết, cũng chẳng phải Như Lai vừa có chết vừa không chết. Đó gọi là kiến lưu.

Thế nào là vô minh lưu? Vô minh nghĩa là không hiểu biết, không tin nhận, không thấy rõ tâm ý tham dục, luôn luôn mong cầu và có năm thứ che đậy, đó là che đậy bởi tham dục, che đậy bởi sân hận, che đậy bởi ngủ nghỉ, che đậy bởi trạo cử và che đậy bởi nghi ngờ. Lại còn không biết rõ sự khổ, không biết nguyên nhân của khổ, không biết sự khổ diệt, không biết con đường đưa đến khổ diệt. Đó gọi là vô minh lưu.

---

[45] Nguyên tác: Nan-đàn-bàn-na viên (難檀槃那園), cũng gọi là vườn Hoan Hỷ (歡喜園, Nandana).

[46] Nguyên tác: Thiên nhân (天人), chỉ cho chúng sanh cõi trời.

[47] Tứ lưu (四流): Bốn dòng chảy, chỉ cho kiến lưu (見流), dục lưu (欲流), hữu lưu (有流) và vô minh lưu (無明流).

Thiên tử nên biết, Như Lai nói bốn dòng thác này. Nếu ai rơi vào bốn dòng thác này thì không thể chứng đạo."

[0672c06] Khi vị trời kia nghe lời này xong, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, đã rời khỏi cõi trời Ba Mươi Ba, đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, sau đó bạch Như Lai:

"Lành thay, thưa Thế Tôn! Ngài đã khéo nói nghĩa này. Thế Tôn đã giảng nói về bốn dòng thác. Nếu hàng phàm phu nào không được nghe về bốn dòng thác này thì không có được bốn niềm vui. Bốn niềm vui ấy là gì? Đó là niềm vui tịch tĩnh, niềm vui Chánh giác, niềm vui Sa-môn và niềm vui Niết-bàn. Nếu người phàm phu nào không biết rõ bốn dòng thác thì không có được bốn niềm vui này."

Ông ấy nói xong, Như Lai liền bảo:

"Thật vậy, thiên tử! Đúng như lời ông nói, nếu không thấy rõ bốn dòng thác thì không cảm nhận được bốn niềm vui này."

Rồi Như Lai tuần tự nói pháp cho vị trời kia nghe. Như luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên, dục là bất tịnh, lậu hoặc là tai họa lớn, giải thoát là an vui.

Khi ấy, vị trời đã phát tâm hoan hỷ, Như Lai liền diễn nói rộng về pháp bốn dòng thác và bốn sự an lạc. Bấy giờ, vị trời kia chuyên tâm nhất ý tư duy pháp này, ngay đó các trần cấu dứt sạch, được Pháp nhãn thanh tịnh. Ngày nay Như Lai cũng nói về bốn dòng thác và bốn niềm vui này, giúp cho tất cả chứng được pháp bốn chân lý.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. VÔ THƯỜNG[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nên tu tập về tưởng vô thường, nên lưu bố rộng khắp về tưởng vô thường. Đã khéo tu tập tưởng vô thường, lưu bố rộng khắp tưởng vô thường thì sẽ đoạn trừ tham ái ở cõi dục, tham ái ở cõi sắc, tham ái ở cõi vô sắc, trừ sạch vô minh, dứt hết kiêu mạn. Giống như châm lửa đốt cỏ cây thì tất cả đều cháy rụi. Ở đây cũng vậy, nếu tu tập tưởng vô thường thì dứt sạch hết tất cả kiết sử. Vì sao như

[48] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.10. 0672c22).

vậy? Vì thuở xưa, có một thiên tử dẫn theo năm trăm ngọc nữ đến dạo chơi trong vườn Nan-đàn-bàn-na, đi dần đến dưới bóng cây Ca-ni, vui hưởng niềm vui năm dục. Bấy giờ, vị thiên tử kia leo lên cây để chơi đùa, do tâm ý bông đùa, dang tay hái hoa nên rơi xuống đất mà chết. Khi ấy, ông ta tái sanh vào gia đình của một đại trưởng giả trong thành Xá-vệ này. Lúc đó, năm trăm ngọc nữ đấm ngực gào khóc, vật vã không nguôi.

[0673a04] Như Lai dùng thiên nhãn trông thấy thiên tử vừa chết đã tái sanh vào gia đình một đại trưởng giả trong thành Xá-vệ. Khoảng tám, chín tháng sau, phu nhân hạ sanh một bé trai vô cùng đoan chánh, đẹp như màu hoa đào. Khi đứa con trai dần dần khôn lớn, vợ chồng trưởng giả cưới vợ cho con. Lấy vợ chưa được bao lâu, con trai trưởng giả đã vội qua đời, sanh làm loài rồng sống trong biển lớn. Khi ấy, tất cả mọi người trong gia đình trưởng giả đều than khóc tiếc thương, đau khổ vô cùng. Bấy giờ, con rồng kia không lâu sau lại bị loài chim Cánh Vàng ăn thịt, sau khi chết rồi sanh trong địa ngục. Các long nữ lúc này cũng đau xót tiếc thương rồng, không thể tả hết.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Lúc thiên tử hái hoa,
Như lũ cuốn thôn làng,
Khi ấy các ngọc nữ,
Người dung mạo đoan chánh,
Cõi người cũng khóc than,
Cưới vợ xong, đoản mạng,[49]
Làm rồng, long nữ hầu,
Rồng bảy đầu dũng mãnh,
Đọa địa ngục chịu khổ,
Ở cõi người cũng vậy,
Pháp bốn đế mầu nhiệm,
Có sanh phải có chết,
Hãy khởi tưởng quán sát,
Nhất định lìa khổ não,
Tâm ý loạn, chẳng an,
Nhấn chìm không cứu được.
Cùng vây quanh khóc than,
Thích hoa mà mất mạng.
Vì mất đi khúc ruột,
Vô thường làm tiêu tan.
Chúng rồng đều khao khát,
Chết bởi chim Cánh Vàng.[50]
Cõi trời đã buồn đau,
Long nữ càng ưu sầu.
Chân thật, lại chẳng hay,
Chẳng thoát biển lớn này.
Pháp thanh tịnh gắng hành,
Không còn họa tử sanh.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải tu tập tưởng vô thường, lưu bố rộng khắp tưởng vô thường sẽ đoạn trừ tham ái ở cõi dục, tham ái ở cõi sắc và tham ái ở cõi vô sắc, cũng trừ được kiêu mạn, dứt sạch hoàn toàn vô minh.

Như thế, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[49] Nguyên tác: Tầm phục thủ mạng chung (尋復取命終). Câu kệ tiếng Việt được dịch theo ý văn kinh phía trên.

[50] Chuyện chim Cánh Vàng ăn thịt rồng, xem tại *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 001.30.5. 0127a27).

11. KHÔNG TRANH TỤNG[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đệ tử của Tôn giả Mục-liên và đệ tử của Tôn giả A-nan nói với nhau:

– Hai chúng ta cùng nhau tụng kinh xem ai giỏi hơn!

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo nghe được hai người này thảo luận như vậy, nghe xong bèn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Sau đó, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Hôm nay, có hai Tỳ-kheo bàn luận với nhau rằng: "Hai chúng ta cùng nhau tụng kinh xem ai giỏi hơn!"

Thế Tôn liền bảo một Tỳ-kheo:

– Thầy hãy đi gọi hai Tỳ-kheo ấy đến đây!

Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Tỳ-kheo này vâng lời Phật dạy, đến gặp hai Tỳ-kheo kia và nói:

– Thế Tôn cho gọi hai thầy!

Hai Tỳ-kheo kia nghe vậy, liền đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nói với hai thầy Tỳ-kheo ấy:

– Các thầy là người thiếu trí tuệ. Thật sự các thầy có nói rằng: "Chúng ta cùng nhau tụng kinh xem ai giỏi hơn", phải không?

Hai Tỳ-kheo đáp:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

– Các thầy có từng nghe Như Lai nói pháp "cạnh tranh với nhau" này chưa? Nếu có pháp này thì đâu khác gì những Bà-la-môn?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng con chưa nghe Như Lai nói pháp này.

Thế Tôn bảo:

– Do từ trước đến nay Như Lai không chỉ dạy pháp này cho các Tỳ-kheo, vì vậy mà các thầy phân tranh hơn thua sao? Ngày nay sở dĩ Như Lai nói pháp là muốn hàng phục mọi người, giáo hóa cho người. Những Tỳ-kheo nào khi thọ lãnh pháp, phải nhớ tư duy về pháp bốn duyên, nghĩa là xem xét có khế ứng với Kinh, Luật, Luận hay không? Nếu khế ứng thì hãy nhớ hành trì theo.

---

[51] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.11. 0673b01). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1138. 0300b09); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.113. 0415a05); *S*. 16.6 - II. 203. *Dh*. v. 376.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

Tụng nhiều có ích gì,
Giống như đếm số bò,
Đọc tụng nhiều hay ít,
Cách này tối thượng vị,
Tuy tụng đến ngàn chương,
Chẳng bằng tụng một câu,
Tuy tụng cả ngàn lời,
Chẳng bằng tụng một nghĩa,
Một mình trên chiến trường,
Đâu bằng tự thắng mình,
Mầu nhiệm chi cách đó,
Chẳng phải pháp Sa-môn.
Cốt nương pháp hành trì,
Đáng gọi pháp Sa-môn.
Vô nghĩa, ích gì đâu!
Nghe xong liền đắc đạo.
Vô nghĩa, ích gì đâu!
Nghe xong chứng đạo mầu.
Chiến thắng ngàn quân địch,
Là chiến công tối thượng.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Từ nay trở đi, các thầy chớ nên tranh tụng, chớ có tâm hơn thua. Vì sao như vậy? Bởi vì là Tỳ-kheo thì phải nhớ cảm hóa tất cả mọi người. Nếu Tỳ-kheo nào có tâm hơn thua, có tâm cạnh tranh thì phải dùng pháp cùng với giới luật để mà trị phạt. Vì thế, này các Tỳ-kheo! Hãy tự tiến tu.

Bấy giờ, hai thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và phát nguyện sám hối:

– Từ nay về sau, chúng con không dám tái phạm. Ngưỡng mong Thế Tôn chấp thuận sự sám hối của chúng con!

Thế Tôn lại nói:

– Giáo pháp Như Lai rất hoan hỷ với người biết hối lỗi, người tự biết mình có tâm hơn thua. Nay Như Lai chấp thuận sự sám hối của các thầy. Này các Tỳ-kheo! Chớ nên tái phạm.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:[52]

Tăng thượng, Tọa, Hành tích,
Vô lậu, Vô tức, Thiền,
Vô thường, Viên quán trì,
Tứ lạc, Vô tránh tụng.

[52] Nguyên tác Nhiếp tụng: 增上, 坐, 行跡; 無常, 園觀池; 無漏, 無息, 禪; 四樂, 無諍訟. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bài kệ này chỉ có 10 bài kinh, trong khi phẩm này có 11 bài kinh. Bản Hán, hết quyển 23.

32. PHẨM THIỆN TỰ[1]

1. NĂM CĂN[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hôm nay, Như Lai sẽ nói về nhóm các pháp thiện, các thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi, Thế Tôn liền nói:

– Thế nào gọi là nhóm các pháp thiện? Đó chính là năm căn. Năm căn gồm có tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Này các Tỳ-kheo, có năm căn này. Nếu Tỳ-kheo nào tu tập năm căn, chắc chắn sẽ chứng quả Tu-đà-hoàn, được bất thoái chuyển và nhất định sẽ thành tựu đạo Vô thượng. Tu tập tiến thêm, sẽ chứng quả Tư-đà-hàm và còn trở lại cõi đời này một lần nữa để dứt sạch gốc khổ. Tu tập tiến thêm nữa, sẽ chứng quả A-na-hàm, không còn sanh lại cõi đời này nữa, đưa đến Bát-niết-bàn. Tu tập tiến lên thêm nữa, sẽ dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự an trú và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Nhóm các pháp thiện chính là năm căn. Vì sao vậy? Vì đây là nhóm lớn nhất, là vi diệu nhất trong các nhóm. Nếu ai không tu tập những pháp này thì không đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Độc giác, cho đến Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Nếu ai có được năm căn này thì sẽ thành tựu bốn quả vị và Ba thừa. Nói đến nhóm các pháp thiện thì năm căn này là hơn hết.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện tu tập năm căn này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[1] Nguyên tác: *Thiện tụ phẩm* 善聚品 (*T*.02. 0125.32. 0673c19).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.1. 0673c20). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.644. 0182b02); *S*. 48.3 - V. 194; *A*. 5.2 - III. 2.

2. NĂM TRIỀN CÁI[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hôm nay, Như Lai sẽ nói về nhóm các pháp bất thiện, các thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi, Thế Tôn liền nói:

– Thế nào gọi là nhóm các pháp bất thiện?[4] Đó chính là năm triền cái. Năm triền cái gồm có: Tham dục, sân hận, thụy miên, trạo cử[5] và nghi. Đó gọi là năm triền cái. Nên biết, nhóm các pháp bất thiện chính là năm triền cái. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo, nếu người nào có năm triền cái này thì sẽ dự phần trong ba đường ác là súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Tất cả các điều bất thiện đều từ năm triền cái này mà sanh khởi. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để diệt trừ năm triền cái là tham dục, sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. CÔNG ĐỨC LỄ PHẬT[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thừa sự và kính lễ đức Phật sẽ được năm công đức. Đó là năm công đức gì? Một là, thân tướng tốt đẹp. Hai là, có giọng nói hay. Ba là, của cải dồi dào. Bốn là, được sanh vào nhà trưởng giả. Năm là, sau khi qua đời sẽ được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Sở dĩ được như vậy là do Như Lai không ai có thể sánh bằng, Như Lai đã thành tựu niềm tin, thành tựu giới hạnh, thành tựu nghe nhiều, thành tựu trí tuệ và thành tựu tướng hảo, nhờ đây mà được thành tựu năm công đức.

---

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.2. 0674a11). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.725. 0195b0); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.767. 0200b23); *S.* 47.5 - V. 145; *A.* 5.52 - III. 65.

[4] Bất thiện tụ (不善聚, *akusalarāsi*).

[5] Nguyên tác: Điệu hý (調戲, *uddhacca*): Sự phóng dật, sự trạo cử, sự phóng tâm, phóng túng.

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.3. 0674a23).

Lại nữa, vì sao kính lễ đức Phật lại được thân tướng tốt đẹp? Vì nhờ chiêm ngưỡng hình tướng Như Lai nên phát tâm hoan hỷ. Vì nhân duyên này mà được thân tướng tốt đẹp.

Vì sao kính lễ đức Phật lại được giọng nói hay? Vì nhờ chiêm ngưỡng hình tướng Như Lai nên tự niệm danh hiệu Phật ba lần: "Kính lạy đức Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác." Vì nhân duyên này mà được giọng nói hay.

Vì sao kính lễ đức Phật lại được của cải dồi dào? Vì nhờ chiêm ngưỡng hình tướng Như Lai nên liền phát tâm bố thí rộng lớn, rải hoa, đốt đèn, cho đến bố thí nhiều phẩm vật khác. Vì nhân duyên này mà được của cải dồi dào.

Lại nữa, vì sao kính lễ đức Phật lại được sanh vào gia đình trưởng giả? Vì nhờ chiêm ngưỡng hình tướng Như Lai nên tâm sẽ không khởi niệm đắm nhiễm, quỳ gối sát đất, chắp tay chí thành đảnh lễ đức Phật. Nhờ nhân duyên này mà được sanh vào gia đình trưởng giả.

Lại nữa, vì sao kính lễ đức Phật thì sau khi qua đời sẽ được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời? Theo thường pháp của chư Phật, Thế Tôn, nếu chúng sanh nào dùng năm duyên sự để kính lễ Như Lai thì người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời.

Này các Tỳ-kheo, đó là năm nhân duyên mà người kính lễ đức Phật được năm công đức. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người thiện nam, thiện nữ nào muốn có được năm công đức này thì hãy tìm cầu phương tiện kính lễ đức Phật.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. HÌNH PHẠT TRONG ĐỊA NGỤC[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Giống như căn nhà có hai cửa đối nhau và có người sống trong đó. Lại có người đứng ở trên quán sát bên dưới nhà, nếu ai ra vào, đến đi thảy đều thấy biết

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.4. 0674b16). Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.4. 0121b28); *Khởi thế kinh* 起世經 (*T*.01. 0024. 0310a02); *Khởi thế nhân bổn kinh* 起世因本經 (*T*.01. 0025. 0365a11); *Thiên sứ kinh* 天使經 (*T*.01. 0026.64. 0503a21); *Thiết thành nê-lê kinh* 鐵城泥犁經 (*T*.01. 0042. 0826c26); *Diêm-la vương ngũ thiên sứ giả kinh* 閻羅王五天使者經 (*T*.01. 0043. 0828b12); *Phân biệt bố thí kinh* 分別布施經 (*T*.01. 0084. 0903b23); *Ngũ khổ chương cú kinh*五苦章句經 (*T*.17. 0741. 0543c03); *M.* 130, *Devadūta Sutta* (*Kinh thiên sứ*); *A*. 3.36 - I. 138.

rõ tất cả.[8] Cũng giống như vậy, Như Lai bằng thiên nhãn quán sát tất cả các loại chúng sanh, thấy có sanh ra, có chết đi; có đường lành, có nẻo dữ; có người đẹp, có kẻ xấu; có người tốt, có người xấu, tùy theo nghiệp lực mà họ gieo trồng, Như Lai đều biết rõ tất cả.

Hoặc có chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không chê bai Hiền thánh, thường tu chánh kiến, sống với chánh kiến, sau khi qua đời sẽ sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Đó gọi là chúng sanh làm thiện.

Hoặc có chúng sanh tu tập theo pháp thiện này, không tạo nghiệp ác, sau khi qua đời thì được sanh vào cõi người.

Hoặc có chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, tạo nghiệp bất thiện, sau khi qua đời thì bị đọa vào ngạ quỷ.

Hoặc có chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền thánh, sống với tà kiến, sau khi qua đời thì bị đọa vào súc sanh.

Hoặc có chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền thánh, sau khi qua đời thì bị đọa vào địa ngục.

[0674c01] Khi ấy, cai ngục dẫn tội nhân này đến trình Vua Diêm-la[9] rồi nói: "Đại vương nên biết, người này khi còn sống ở nhân gian, thân làm ác, miệng nói ác,[10] ý nghĩ ác, tạo các nghiệp ác, nên bị đọa vào địa ngục này. Đại vương hãy xem xét người này nên xử về tội gì?"

Bấy giờ, Vua Diêm-la lần lượt tra hỏi riêng với người ấy về những tội mà ông ta đã tạo. Vua Diêm-la hỏi:

"Thế nào, ông kia! Khi còn làm thân người ở nhân gian, lẽ nào ông không thấy con người được sanh ra, được làm thân người thật khó hay sao? Khi ở trong thai kỳ thì vô cùng nguy khốn, đau đớn không thể chịu nổi, đến lúc lớn lên lại phải nuôi dưỡng, cho bú mớm, tắm rửa vất vả biết bao!"

Tội nhân đáp:

"Tôi thật có thấy, thưa Đại vương!"

Diêm vương lại hỏi:

"Thế nào, ông kia! Ông không tự biết việc cần phải làm đối với đời sống quý báu[11] này hay sao? Đó là thân, miệng, ý phải tu tập các hạnh lành."

Tội nhân đáp:

"Thật vậy, Đại vương! Đúng như Đại vương dạy, chỉ vì ngu si nên tôi không biết rõ những hạnh lành."

---

[8] Tham chiếu: *M.* 130: *Seyyathāpi, bhikkhave, dve agārā sadvārā, tattha cakkhumā puriso majjhe ṭhito passeyya manusse gehaṃ pavisantepi nikkhamantepi aṇucaṅkamantepi anuvicarantepi.* (Ví như, này các Tỷ-kheo, có hai nhà có cửa; ở đây, một người có mắt đứng chính giữa có thể thấy những người đi vào nhà, đi ra khỏi nhà, đi qua, đi lại), HT. Thích Minh Châu dịch.

[9] Diêm-la (閻羅, Yama).

[10] Để bản thiếu "ác khẩu" (惡口), theo văn trên nên bổ sung.

[11] Nguyên tác: Sanh pháp (生法, *jātidhamma*): Những pháp thuộc về sự sống.

Diêm vương bảo:

"Đúng như ông nói, không sai chút nào. Ta cũng biết rõ những việc mà thân, miệng, ý của ông không làm. Nhưng hôm nay, ta chỉ sẽ tra xét những tội trạng mà ông đã tạo ra do buông lung, không phải do cha mẹ ông làm, cũng chẳng phải do vua hay đại thần gây ra. Xưa kia ông tự mình tạo tội thì ngày nay phải tự nhận quả báo."

Vua Diêm-la hỏi tội người kia, rồi chiếu theo đó mà trị phạt xong thì lại có thiên sứ thứ hai tra hỏi người kia:

"Khi còn làm thân người ở nhân gian, lẽ nào ông không thấy người già, thân thể yếu ớt, cất bước khó khăn, áo quần dơ bẩn, đi đứng run rẩy, hơi thở nặng nề, không còn sức sống sao?"

Lúc ấy, tội nhân đáp:

"Thưa vâng, Đại vương! Tôi có thấy."

Vua Diêm-la nói:

"Lẽ ra ông phải tự nhận biết rằng: 'Thân thể của ta cũng sẽ già suy,[12] tuổi già bức bách, cần phải tu tập hạnh lành.'"

Tội nhân đáp:

"Thật vậy, Đại vương! Nhưng lúc ấy tôi thật sự chưa tin điều này."

Diêm vương bảo:

"Ta cũng biết rõ những việc mà thân, miệng, ý của ông không làm, nên ta sẽ trị phạt để về sau ông không tái phạm. Những việc ác do ông gây tạo, không phải do cha mẹ ông làm, cũng chẳng phải do vua, đại thần, hay nhân dân gây ra. Ông đã tự mình tạo tội thì phải tự mình thọ báo."

Diêm vương sai thiên sứ thứ hai này chỉ bảo xong thì lại có thiên sứ thứ ba tra hỏi người kia:

"Khi còn làm thân người ở nhân gian, lẽ nào ông không thấy có người bệnh nặng phải nằm trên phẩn tiểu, không thể tự đứng dậy được hay sao?"

Tội nhân đáp:

"Thưa vâng, Đại vương! Tôi thật có thấy."

Diêm vương lại hỏi:

"Thế nào, ông kia! Sao ông không tự biết rằng, như ta đây rồi cũng mắc bệnh như vậy và không thể tránh khỏi tai họa này!"

Tội nhân đáp:

"Thật vậy, thưa Đại vương! Tôi thật sự không thấu hiểu điều này!"

---

[12] Nguyên tác: Hình lão chi pháp (形老之法, *jarādhamma*): Những pháp thuộc về sự già suy của thân thể.

Diêm vương nói:

"Ta cũng biết rằng ông ngu si không hiểu nên ta sẽ trị phạt để về sau ông không tái phạm. Tội này ông đã gây tạo, không phải do cha hay mẹ ông tạo ra, cũng chẳng phải quốc vương hoặc đại thần gây tạo."

[0675a05] Vua Diêm-la sau khi nói lời này xong thì lại có thêm thiên sứ thứ tư hỏi tội người kia:

"Thế nào, ông kia! Ông đã từng nhìn thấy thân hình như cây khô, hơi nóng không còn, hơi thở đã ngừng, không còn tri giác, bà con thân quyến vây quanh khóc lóc chưa?"

Tội nhân đáp:

"Thưa vâng, Đại vương! Tôi đã được thấy."

Diêm vương nói:

"Sao ông không nghĩ, rồi mình cũng không thoát khỏi sự chết giống y như vậy?"

Tội nhân đáp:

"Đúng vậy, Đại vương! Tôi thật sự chưa tỏ ngộ."

Diêm vương nói:

"Ta cũng tin là ông chưa tỏ ngộ pháp này, nên ta sẽ trị phạt để về sau ông không tái phạm. Tội bất thiện này vốn không phải do cha hay mẹ ông gây tạo, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần hay nhân dân tạo ra, mà chính do ông đã tạo ra nó, nên nay ông phải tự mình chịu tội."

Bấy giờ, Vua Diêm-la lại sai thiên sứ thứ năm tra hỏi người kia:

"Khi còn làm thân người ở nhân gian, lẽ nào ông không thấy những việc như: Bọn giặc cướp đến đục tường phá nhà, lấy tài sản người khác, hoặc dùng lửa đốt, hoặc che giấu trên đường. Nếu bị vua bắt được thì bị chặt tay chân, hoặc bị giết chết, hoặc bị giam vào lao ngục, hoặc bị trói ngược mang đi bêu ngoài chợ, hoặc sai vác cát đá, hoặc đem treo ngược, hoặc bắn tên, hoặc lấy nước đồng sôi dội lên mình, hoặc lấy lửa nướng thân, hoặc lột da ra rồi bắt tự ăn, hoặc mổ bụng ra lấy cỏ nhét vào, hoặc bỏ vào nước sôi nấu, hoặc dùng dao chặt, lấy bánh xe nghiến đầu, hoặc cho voi giày chết, hoặc treo lên ngọn cây cho đến chết đi?"

Tội nhân đáp:

"Tôi thật có thấy."

Diêm vương nói:

"Vậy thì tại sao ông lại còn lén trộm đồ vật của người khác? Trong lòng đã biết có hình phạt ấy, sao lại còn phạm?"

Tội nhân đáp:

"Thưa vâng, Đại vương! Tôi thật ngu muội."

Diêm vương nói:

"Ta cũng tin lời ông nên ta sẽ trị phạt để về sau ông không còn tái phạm. Tội này vốn không phải cha hay mẹ ông gây tạo, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần hay nhân dân tạo ra, mà do ông tạo, nên nay ông phải tự mình chịu tội."

Sau khi hỏi tội xong, Diêm vương liền sai cai ngục:

"Mau đem giam người này vào ngục!"

Khi ấy, cai ngục tuân lệnh Diêm vương, liền đem tội nhân này giam vào địa ngục. Xung quanh địa ngục lửa cháy dữ dội. Thành quách bằng sắt, mặt đất cũng bằng sắt. Có bốn cửa thành hôi thối nồng nặc, như thể phẩn tiểu, trông thật nhơ bẩn. Lại có núi đao, rừng kiếm vây quanh bốn bề. Lại có lồng sắt phủ chụp lên trên.

[0675b04] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bốn vách, bốn cửa thành, Rộng dài thật cứng chắc,
Phía trên phủ lồng sắt, Không kỳ hạn ra thành.
Lúc ấy, trên nền sắt, Lửa dữ dội bốc cao,
Trăm do-tuần tường vách, Cháy đỏ rực một màu.
Chính giữa có bốn trụ, Vừa nhìn đã hãi hùng,
Phía trên, kiếm làm khung, Quạ mỏ sắt chực mổ.
Quá hôi không thể ở, Vừa thấy sởn da gà,
Nhiều khí cụ đáng sợ, Mười sáu chốn khảo tra.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ cai ngục dùng nhiều loại khí cụ tàn độc để tra khảo người này. Khi tội nhân kia bước chân vào ngục thì máu thịt đã tuôn chảy hết, chỉ còn trơ bộ xương. Khi ấy, cai ngục lại dẫn tội nhân này đi, sau đó dùng búa chặt chẻ thân thể, đau đớn không kể xiết, muốn chết cũng không thể được, chỉ khi nào hết sạch tội thì sau đó mới mong thoát khỏi. Người kia phải trả cho hết những nghiệp tội mà mình đã từng làm khi ở trong nhân gian thì sau đó mới mong thoát khỏi.

Cai ngục lại bắt tội nhân này leo lên leo xuống trên một thân cây có nhiều đao kiếm. Khi tội nhân ở trên cây, lại còn bị quạ mỏ sắt mổ rỉa thịt ăn, hoặc mổ đầu lấy não ăn, hoặc mổ tay chân, hoặc mổ xương lấy tủy, nhưng tội vẫn chưa hết, chỉ khi nào hết sạch tội thì sau đó mới mong thoát khỏi.

Bấy giờ, cai ngục lại bắt tội nhân kia ngồi ôm cột đồng cháy. Do vì đời trước tham đắm dâm dật dẫn đến tội này, bị tội đuổi theo không thể thoát khỏi. Có lúc cai ngục lại rút gân từ gót chân lên đến trên cổ, kéo về phía trước, hoặc dùng xe để rút, hoặc tiến hoặc lùi, không phút nghỉ ngơi, thống khổ nơi này không thể tính kể, chỉ khi nào hết sạch tội thì sau đó mới mong thoát khỏi.

Cai ngục lại bắt tội nhân kia đặt lên núi lửa, rượt đuổi chạy lên rồi lại chạy xuống, mãi cho đến khi tội nhân chín nhừ, sau đó mới mong thoát khỏi. Dù phải chịu tội như vậy nhưng ngay lúc đó tội nhân muốn chết cũng không chết được, chỉ khi nào trả hết sạch tội thì sau đó mới mong thoát khỏi.

[0675c02] Cai ngục lại rút lưỡi tội nhân kéo ra sau lưng, thống khổ nơi này không thể tính kể, muốn chết chẳng được. Cai ngục lại ném tội nhân lên núi đao, hoặc chặt chân, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Cai ngục lại dùng lá sắt nóng lớn phủ lên thân tội nhân, giống như mặc áo khi họ còn sống. Lúc này, người kia đau đớn khổ sở cùng cực, cũng vì tham dục nên phải chuốc lấy tội này. Khi ấy, cai ngục lại bắt tội nhân chịu năm khổ hình, xô cho ngã xuống rồi lấy đinh sắt đóng vào chân tay, rồi lại lấy đinh đóng vào tim tội nhân, thống khổ nơi này thật không kể xiết, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Cai ngục lại bắt tội nhân treo ngược thân lên, rồi đưa vào trong vạc nấu. Bấy giờ, phần thân dưới chín nhừ, lật lại thân trên cũng đã chín nhừ, bốn phía thân thể đều chín rục hết, đau đớn khổ sở không thể tính kể, phần ngoài cũng nhừ, phần trong cũng nhừ. Như cái nồi lớn nấu hạt đậu đỏ, có phần ở trên, có phần ở dưới, nấu tội nhân này cũng giống như vậy, phần ngoài cũng nhừ, phần trong cũng nhừ, thống khổ nơi đây thật không kể xiết, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Tỳ-kheo nên biết, trong địa ngục ấy hoặc lại có lúc phải qua nhiều năm cửa Đông mới mở. Khi ấy tội nhân đua nhau chạy đến thì cửa ngục tự nhiên đóng lại, rồi những người ấy đều ngã quỵ xuống và phải ở trong đây chịu bao thống khổ, không thể tính kể. Thế rồi mỗi người lại oán trách nhau: "Chính vì các ông mà tôi không được thoát ra khỏi cửa!"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Kẻ ngu thường thích thú, Như ở trời Quang Âm,
Người trí thường lo nghĩ, Như sống trong ngục tù.

Ở trong địa ngục lớn này trải qua trăm ngàn vạn năm thì cửa Bắc lại mở. Bấy giờ tội nhân ùa về cửa Bắc, nhưng cửa liền đóng, chỉ khi hết tội mới mong thoát ra. Tội nhân kia phải trải qua hàng trăm vạn năm mới được thoát khỏi, cho đến khi nào những tội đã tạo khi còn làm người đã được trừ hết.

[0676a01] Cai ngục lại dùng búa sắt chặt thân tội nhân, trải qua rất nhiều khổ hình như vậy, khiến cho sửa đổi, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Tỳ-kheo nên biết, lại cũng có lúc cửa Đông địa ngục mở ra lần nữa. Lúc ấy, những tội nhân kia chạy đến cửa Đông, nhưng rồi cửa kia liền tự đóng lại, không ai ra được. Dù thoát ra được thì bên ngoài cửa địa ngục lại có một ngọn núi lớn, nếu phải chạy tiếp vào trong núi thì lại bị hai vách núi ép chặt, như ép dầu mè, thống khổ nơi này, thật không kể xiết, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Bấy giờ, tội nhân tiến về phía trước thì lại gặp địa ngục Tro Nóng,[13] ngang dọc hàng ngàn vạn do-tuần. Ở trong ngục này, tội nhân chịu khổ không thể kể hết, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

[13] Nhiệt Hôi địa ngục (熱灰地獄).

Tiến lên trước nữa, lại có địa ngục Dao Đâm.[14] Khi tội nhân vào trong địa ngục Đao Kiếm này, liền có gió mạnh thổi qua, phá nát gân cốt thân thể tội nhân, thống khổ nơi này thật không kể xiết, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Kế đến lại có địa ngục Tro Nóng Lớn.[15] Khi tội nhân vào trong địa ngục Tro Nóng Lớn này thì thân thể nát nhừ, chịu khổ vô lượng, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Bấy giờ, tội nhân tuy thoát khỏi địa ngục Tro Nóng Lớn này, nhưng lại gặp địa ngục Đao Kiếm,[16] ngang dọc hàng ngàn vạn dặm. Khi tội nhân vào trong địa ngục Đao Kiếm này, ở đây chịu khổ không thể kể hết, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Kế đến lại có địa ngục Phân Sôi,[17] trong đó có loài trùng nhỏ, sẽ ăn rúc tận xương tủy tội nhân. Tuy ra được địa ngục này, nhưng lại gặp ngay cai ngục. Lúc này, cai ngục liền hỏi tội nhân: "Các ông từ đâu đến và muốn đi đâu?" Các tội nhân đáp: "Chúng tôi không biết từ chỗ nào đến, lại cũng không biết sẽ phải đi đâu. Nhưng bây giờ, chúng tôi vô cùng đói khổ, rất muốn được ăn." Cai ngục nói: "Chúng tôi sẽ cung cấp cho." Khi ấy, cai ngục bảo tội nhân nằm ngửa, rồi bắt phải nuốt hòn sắt nóng lớn. Như vậy, tội nhân chịu khổ không sao tính kể. Lúc đó, hòn sắt nóng từ miệng chạy xuống, ruột và dạ dày đều chín nhừ hết. Tội nhân chịu khổ không thể kể hết, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Tuy nhiên, những tội nhân kia không thể chịu nổi những thống khổ này nên đành quay lại địa ngục Phân Sôi, địa ngục Đao Kiếm và địa ngục Tro Nóng Lớn. Khi quay trở lại các địa ngục này, các chúng sanh kia càng không chịu nổi những sự thống khổ, bèn quay đầu lại địa ngục Phân Sôi. Lúc ấy, cai ngục hỏi những chúng sanh kia: "Các ông từ đâu đến và muốn đi đâu?" Tội nhân liền đáp: "Chúng tôi không biết từ nơi nào đến, lại cũng không biết sẽ phải đi đâu." Cai ngục lại hỏi: "Nay các ông cần gì?" Tội nhân liền đáp: "Chúng tôi rất khát, muốn có nước uống." Khi ấy, cai ngục bắt tội nhân nằm ngửa, rồi lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng cho chảy xuống bụng. Ở đây, tội nhân chịu khổ khôn cùng, chỉ khi hết tội mới mong thoát khỏi.

Bấy giờ, những tội nhân kia không sao chịu nổi những thống khổ này nên lần lượt quay trở vào địa ngục Phân Sôi, địa ngục Rừng Kiếm, địa ngục Tro Nóng, rồi lại trở vào đại địa ngục.

[0676b09] Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy tội nhân chịu khổ đau đớn, khó lòng tả hết. Giả sử tội nhân kia mắt dù có thấy sắc, nhưng tâm không hề thọ lạc; nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp đều khởi

[14] Đao Thích địa ngục (刀刺地獄).
[15] Đại Nhiệt Hôi địa ngục (大熱灰地獄).
[16] Đao Kiếm địa ngục (刀劍地獄).
[17] Phất Thỉ địa ngục (沸屎地獄).

tâm sân hận. Sở dĩ như thế là vì xưa kia không gieo nhân lành mà thường tạo nghiệp ác, cho nên đưa đến tội này.

Bấy giờ, Diêm vương bảo những tội nhân kia:

"Các ông không được lợi lành. Trước kia, khi ở cõi người hưởng phước cõi người, vậy mà thân, miệng, ý lại làm những việc trái với đạo lý, cũng không biết bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự,[18] vậy nên ngày nay phải chịu khổ này. Nghiệp ác này chẳng phải do cha mẹ tạo, cũng không phải do quốc vương hay đại thần tạo ra. Những chúng sanh nào thân, miệng, ý thanh tịnh, không nhiễm ô thì giống như ở cõi trời Quang Âm. Còn chúng sanh nào tạo các hạnh ác thì họ giống như ở trong địa ngục. Vì thân, miệng, ý của các ông không thanh tịnh, cho nên phải chuốc lấy tội này."

Các Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Vua Diêm-la lại nói: "Ngày nào ta mới thoát khổ nạn này, được sanh làm người? Nếu được làm người thì ta sẽ xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo."

Vua Diêm-la mà còn nghĩ được như vậy, huống là các thầy, đời nay đã được thân người, lại được làm Sa-môn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nhớ tu tập thân, khẩu, ý nghiệp, chớ có buông lung. Hãy dứt trừ năm kiết sử và tu tập năm căn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. THỌ TUẾ[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Đông Viên, giảng đường Lộc Tử Mẫu,[20] thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào ngày rằm tháng Bảy, Thế Tôn trải tòa ngồi giữa khoảnh đất trống, đại chúng Tỳ-kheo ngồi vây quanh trước sau. Khi ấy, Phật bảo A-nan:

– Hôm nay, tại khoảnh đất trống này, thầy hãy mau đánh kiền chùy. Vì sao vậy? Vì ngày rằm tháng Bảy là ngày thọ tuế.[21]

---

[18] Nguyên tác: Huệ thí, nhân ái, lợi nhân, đẳng lợi (惠施, 仁愛, 利人, 等利): Bốn nhiếp sự (四攝事).

[19] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.32.5. 0676b28) Tham chiếu: *Thỉnh thỉnh kinh* 請請經 (*T*.01. 0026.121. 0610a08); *Thọ tân tuế kinh* 受新歲經 (*T*.01. 0061. 0858a11); *Tân tuế kinh* 新歲經 (*T*.01. 0062. 0859a25); *Giải hạ kinh* 解夏經 (*T*.01. 0063. 0861b10); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1212. 0330a04); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.228. 0457a29); *S*. 8.7 - I. 190 (2nd ed-410).

[20] Nguyên tác: Đông Uyển Lộc Mẫu viên trung (東苑鹿母園中), còn gọi là Đông Viên Lộc Tử Mẫu giảng đường (東園鹿子母講堂, Pubbārāma Migāramātupāsāda): Giảng đường Lộc Tử Mẫu, do bà Visākhā xây dựng ở Đông Viên (東園, Pubbārāma).

[21] Thọ tuế (受歲): Thêm một tuổi đạo, tức ngày chư Tăng tự tứ sau 3 tháng kết thúc an cư.

[0676c03] Lúc ấy, Tôn giả A-nan quỳ gối phải sát đất, chắp tay kính thỉnh Thế Tôn bằng kệ:

Đấng Tịnh Nhãn Vô Thượng, Mọi việc đều quán thông,
Trí tuệ không đắm trước, Thọ tuế là thế nào?

Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng kệ trả lời A-nan:

Thọ tuế giúp ba nghiệp, Thân, khẩu, ý sạch làu,
Hai Tỳ-kheo đối nhau, Tự trình bày khuyết điểm.
Tự xưng tên và bạch: "Nay chúng Tăng thọ tuế,
Tôi cũng tịnh tâm thọ, Cúi xin chỉ lỗi cho."

Tôn giả A-nan lại dùng kệ hỏi nghĩa này:

Vô số Phật quá khứ, Độc giác và Thanh văn,
Pháp này của chư Phật, Hay riêng của Thế Tôn?[22]

Đức Phật lại dùng kệ trả lời A-nan:

Vô số Phật quá khứ, Tâm thanh tịnh Thanh văn,[23]
Đều là pháp chư Phật, Chẳng riêng của Thế Tôn.
Độc giác không đệ tử, Không thọ tuế pháp này,
Độc giác không bạn lữ, Không thuyết pháp cho người.[24]
Phật, Thế Tôn vị lai, Vô số không thể kể,
Cũng thực hành thọ tuế, Như pháp Phật hôm nay.[25]

Sau khi nghe những lời này rồi, Tôn giả A-nan thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền lên giảng đường, tay cầm kiền chùy rồi thưa:

– Nay tôi đánh kiền chùy này để truyền tín lệnh của Thế Tôn. Tất cả chúng đệ tử Như Lai đều phải vân tập đầy đủ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan lại nói kệ này:

Hàng phục mọi ma oán, Trừ kiết chẳng còn gì,
Đất trống đánh kiền chùy, Tỳ-kheo nghe đến dự.
Những ai muốn nghe pháp, Vượt thoát biển tử sanh,
Nghe kiền chùy diệu âm, Hãy về đây vân tập.

[0677a01] Sau khi đánh kiền chùy xong, Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên và bạch Thế Tôn:

– Nay đã đúng thời, kính thỉnh Thế Tôn chỉ dạy!

---

[22] Nguyên tác: Thích-ca-văn (釋迦文).

[23] Nguyên tác: Đệ tử thanh tịnh tâm (弟子清淨心). P. *Sāvaka*, vừa mang nghĩa là đệ tử vừa có nghĩa là bậc Thánh, hàng Thanh văn.

[24] Nguyên tác: Bất dữ tha thuyết pháp (不與他說法). Đây là nói về hành hoạt của vị Độc giác trước khi chứng đắc, do cần phải nỗ lực tu tập nên không chú tâm đến việc thuyết pháp. Tham chiếu *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (*T*.30. 1579.34. 0477c07): Bản tánh của bậc Độc giác trước khi chứng đắc quả vị Bồ-đề kia có hạt giống thương yêu chưa lớn mạnh. Do nhân duyên này nên đối với việc thuyết giảng Chánh pháp, làm lợi ích cho hữu tình thì tâm không yêu thích (本性獨覺先未證得彼菩提時有薄悲種姓, 由是因緣於說正法利有情事心不愛樂).

[25] Nguyên tác: Như kim Cù-đàm pháp (如今瞿曇法).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Các thầy hãy ngồi theo thứ tự! Như Lai tự biết thời.

Bấy giờ, Thế Tôn ngồi xuống tòa cỏ, rồi bảo các Tỳ-kheo:

– Tất cả các thầy hãy ngồi xuống đệm cỏ.

Chúng Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo đều ngồi xuống đệm cỏ. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng quán sát chúng Tỳ-kheo rồi hỏi:

– Nay Như Lai muốn thọ tuế! Đối với đại chúng, Như Lai có lỗi gì không? Thân, miệng, ý có phạm lỗi gì không?

Như Lai hỏi xong, các Tỳ-kheo đều im lặng không đáp. Khi ấy, đức Phật ba lần hỏi các Tỳ-kheo:

– Nay Như Lai muốn thọ tuế! Đối với đại chúng, Như Lai có lỗi gì không?

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chắp tay bạch Thế Tôn:

– Các chúng Tỳ-kheo đều xét thấy thân, miệng, ý của Như Lai không có lỗi gì cả. Vì sao như vậy? Bởi vì Thế Tôn đã độ người chưa được độ, giúp người chưa giải thoát được giải thoát, giúp người chưa Niết-bàn sẽ thành tựu Niết-bàn, cứu hộ người chưa được cứu hộ, làm mắt sáng cho người mù, là thầy thuốc giỏi chữa trị cho kẻ bệnh tật, là bậc tôn quý bậc nhất trong ba cõi, không ai có thể sánh bằng, là bậc đáng kính đáng quý, giúp người chưa phát đạo tâm được phát đạo tâm, giúp người chưa thức tỉnh được thức tỉnh, giúp người chưa nghe pháp được nghe pháp mầu, giúp người mê lầm thấy được lối đi, dẫn họ về Chánh pháp. Do duyên sự này nên Thế Tôn không có lỗi đối với mọi người, đồng thời thân, miệng, ý của Thế Tôn cũng không có lỗi.

Rồi Xá-lợi-phất lại bạch Thế Tôn:

– Nay con xin hướng về Như Lai, xin tự phát lồ! Không biết đối với Như Lai và chúng Tỳ-kheo, con có lỗi gì không?

Thế Tôn bảo:

– Này Xá-lợi-phất! Thân, miệng, ý của thầy không làm những việc trái với Phạm hạnh. Vì sao vậy? Bởi vì thầy có trí tuệ không ai sánh bằng, đầy đủ các loại trí tuệ, như là trí tuệ vô lượng, trí tuệ vô biên, trí không gì sánh bằng; có trí nhạy bén, có trí nhanh nhẹn, có trí sâu xa, có trí bình đẳng; ít muốn biết đủ, thích nơi yên vắng, có nhiều phương tiện, tâm không tán loạn, đạt tam-muội tổng trì, đầy đủ căn nguyên, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, dũng mãnh, khéo nhẫn, không nói lời ác, không làm điều phi pháp, tâm tánh an tường cẩn trọng, không vội vàng khinh suất. Giống như thái tử lớn của Chuyển Luân Thánh vương, sẽ

nối ngôi vua, chuyển bánh xe pháp. Xá-lợi-phất cũng vậy, chuyển bánh xe pháp vô thượng mà chư thiên, loài người, cho đến rồng, quỷ [thần], ma và thiên ma đều không thể chuyển. Những lời nói của thầy về nghĩa lý luôn đúng với Chánh pháp, chưa từng trái lý.

[0677b03] Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền bạch Phật:

– Năm trăm Tỳ-kheo này cũng muốn thọ tuế. Năm trăm Tỳ-kheo này đều không có lỗi gì đối với Như Lai chăng?

Thế Tôn dạy:

– Những việc làm từ thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này cũng không có gì đáng quở trách. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất, đại chúng trong đây rất mực thanh tịnh, không chút nhiễm ô. Vị ngồi ở chỗ thấp nhất trong đại chúng này cũng đã chứng quả Tu-đà-hoàn, nhất định sẽ tiến đến pháp bất thoái chuyển. Vì vậy nên Như Lai không chê trách gì đại chúng này.

Khi ấy, Tôn giả Đa-kỳ-xa[26] rời khỏi chỗ ngồi, đến trước Thế Tôn đảnh lễ sát chân rồi bạch:

– Con có vài điều xin được thưa thỉnh!

Thế Tôn bảo:

– Thầy muốn nói điều gì thì nay thật đúng lúc.

Đa-kỳ-xa liền đối trước đức Phật rồi dùng kệ ca ngợi Phật và chúng Tăng:

Vào ngày rằm thanh tịnh, Nhóm năm trăm Tỳ-kheo,
Đã đoạn sạch phiền não, Không ái, không thọ sanh.
Như Chuyển Luân Đại Thánh, Được quần thần vây quanh,
Đi khắp các thế giới, Thế gian và cõi trời.
Cõi người, bậc Đại tướng, Vì chúng sanh dẫn đường,
Đệ tử vui theo bước, Đủ Ba minh, Sáu thông.
Đều là đệ tử Phật, Bụi dơ chẳng còn gì,
Dứt sạch mọi dục ái, Nay con xin quy y.

Khi ấy, Thế Tôn liền ghi nhận những lời của Đa-kỳ-xa. Tôn giả Đa-kỳ-xa thấy Như Lai đã ghi nhận lời mình nói nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền đứng dậy lễ Phật rồi trở lại chỗ ngồi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Đệ tử giỏi làm kệ tụng bậc nhất trong hàng Thanh văn của Như Lai chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa. Lời nói không có gì phải ngờ vực cũng chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[26] Đa-kỳ-xa (多耆奢, Vaṅgīsa).

6. NĂM TƯỚNG SUY HAO[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, ở cõi trời Ba Mươi Ba có một thiên tử hiện ra năm tướng suy hao, báo hiệu sắp chết. Đó là năm tướng nào? Một là, vòng hoa trên đầu tự héo; hai là, y phục dơ bẩn; ba là, dưới nách tiết mồ hôi; bốn là, không còn ưa thích ngôi vị của mình; năm là, ngọc nữ xa lánh. Khi ấy, thiên tử kia buồn rầu, khổ não, đấm ngực than thở. Thích-đề-hoàn-nhân nghe vị thiên tử ấy buồn rầu, khổ não và đấm ngực than thở, liền sai một thiên tử đi xem xét đó là âm thanh gì mà vang đến tận nơi này.

[0677c06] Thiên tử kia trở về tâu:

– Thưa Thiên vương, hôm nay có một thiên tử sắp mạng chung, hiện ra năm tướng suy hao, báo hiệu sắp chết. Đó là vòng hoa trên đầu tự héo, y phục dơ bẩn, nách tiết mồ hôi, không còn ưa thích ngôi vị của mình, ngọc nữ xa lánh.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân đi đến chỗ vị thiên tử sắp mạng chung, rồi hỏi vị ấy:

– Vì sao hôm nay ông buồn rầu, khổ não đến như vậy?

Thiên tử đáp:

– Thưa Thích-đề-hoàn-nhân! Làm sao tôi không buồn khổ được khi mạng sống của tôi sắp hết, hiện ra năm tướng báo hiệu sắp mạng chung, đó là vòng hoa trên đầu tự héo, y phục dơ bẩn, dưới nách tiết mồ hôi, không còn ưa thích ngôi vị của mình, ngọc nữ xa lánh. Cung điện bảy báu này rồi sẽ mất đi, năm trăm ngọc nữ sẽ bị phân tán, món cam lộ mà tôi ăn cũng không còn mùi vị.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nói với thiên tử ấy:

– Lẽ nào ông chưa từng nghe Như Lai nói kệ:

Các pháp là vô thường, Có sanh phải có tử,
Không sanh thì không tử, Tịch diệt mới chân thường.

Vì cớ gì mà ông lại buồn rầu đến như vậy? Tất cả các pháp là vô thường mà ông muốn nó thường còn, điều này không thể được.

Thiên tử đáp:

– Thưa Thiên đế! Làm sao tôi không buồn rầu được? Bởi vì hiện tại tôi là thân trời thanh tịnh không nhiễm ô, giống như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng khắp mọi nơi. Nhưng sau khi xả bỏ thân này, tôi sẽ sanh làm loài heo trong thành La-duyệt, khi sống thì ăn thức ăn cặn bã, lúc chết lại bị nỗi khổ xẻ thây.

---

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.32.6. 0677b28).

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bảo thiên tử kia:

– Nay ông nên phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tăng thì lúc lâm chung ông sẽ không bị đọa vào ba đường dữ.

Thiên tử thưa:

– Quy y Tam bảo có thể không đọa vào ba đường dữ hay sao?

Thích-đề-hoàn-nhân nói:

– Đúng vậy, này thiên tử! Những ai quy y Tam bảo sẽ không bị đọa vào ba đường dữ.

Như Lai cũng đã nói kệ này:

Những ai quy y Phật, Không đọa ba đường dữ,
Sạch lậu làm người, trời, Niết-bàn dễ đến nơi.[28]

[0678a03] Bấy giờ, thiên tử kia hỏi Thích-đề-hoàn-nhân:

– Thưa Đế-thích! Như Lai hiện đang ở đâu?

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

– Như Lai hiện đang ở cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt, nước Ma-kiệt-đà.

Thiên tử nói:

– Nay tôi không còn đủ sức để đến đó thăm hỏi Như Lai nữa.

Thích-đề-hoàn-nhân bảo:

– Này thiên tử! Ông hãy quỳ gối sát đất, chắp tay hướng về Thế Tôn và thưa thỉnh như sau: "Kính xin Thế Tôn khéo quán sát cho. Nay con sắp rơi vào chỗ khốn cùng, cầu mong Ngài thương xót. Con xin quy y Tam bảo, đấng Như Lai, Vô Sở Trước."

Bấy giờ, thiên tử kia vâng lời Thích-đề-hoàn-nhân, liền quỳ gối, chắp tay hướng về Thế Tôn, tự xưng tên họ và phát nguyện quy y Phật, Pháp, Tăng; suốt đời làm người Phật tử chân chánh, không màng ngôi vị thiên tử. Nói như thế ba lần. Sau khi phát nguyện quy y xong, thiên tử không còn bị đọa làm heo nữa mà được sanh vào gia đình trưởng giả.

Vị thiên tử kia sau khi thấy được nhân duyên này, liền hướng về Thích-đề-hoàn-nhân và nói kệ này:

Duyên này thật phước thiện, Vì pháp, chẳng vì tiền,
Dẫn tôi vào chánh đạo, Ngài đây đáng ngợi khen.
Nhờ ngài, tôi không đọa, Làm thân heo khốn cùng,
Được sanh nhà trưởng giả, Nhân đó gặp Thế Tôn.

[28] Nguyên tác: Chư hữu tự quy Phật, bất đọa tam ác thú, tận lậu xử thiên nhân, tiện đương chí Niết-bàn (諸有自歸佛, 不墮三惡趣, 盡漏處天人, 便當至涅槃). Tham chiếu: *D.* 20: *Ye keci buddhaṃ saraṇaṃ gatāse, na te gamissanti apāyabhūmiṃ; Pahāya mānusaṃ dehaṃ, devakāyaṃ paripūressanti.* (Những ai quy y Phật, sẽ không đọa ác thú; sau khi bỏ thân người, sẽ sanh làm chư thiên), HT. Thích Minh Châu dịch.

Khi ấy, thiên tử thuận theo thọ mạng dài ngắn rồi tái sanh vào gia đình trưởng giả trong thành La-duyệt. Lúc đó, vợ trưởng giả tự biết mình đã mang thai, gần mười tháng sau sanh ra một bé trai khôi ngô tuấn tú, hiếm có trên đời. Khi biết cậu bé ấy đã lên mười, Thích-đề-hoàn-nhân thường xuyên đến nhắc:

– Ông hãy nhớ lại duyên lành xưa kia đã gieo! Ông đã từng nói: "Tôi sẽ nhờ nhân duyên đó mà được gặp Phật." Nay thật đúng lúc. Ông hãy đến gặp Thế Tôn. Nếu không đến, sau này nhất định sẽ hối tiếc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đúng thời đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực, dần dần đến nhà trưởng giả kia, đứng yên lặng ngoài cửa. Khi ấy, con trai trưởng giả nhìn thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát, dung mạo phi phàm, liền đến trước Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

– Thưa Tôn giả, ngài là ai? Ngài là đệ tử của ai? Ngài đang thực hành pháp gì?

[0678b01] Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Thầy ta từ dòng họ Thích-ca mà xuất gia học đạo. Thầy ta được tôn xưng là đấng Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Ta theo Ngài ấy thọ pháp.

Lúc này, cậu bé liền hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất và nói kệ này:

Tôn giả đứng lặng thinh, Ôm bát, dáng đoan chánh,
Những gì ngài mong muốn, Vì ai mà đứng đây?

Tôn giả Xá-lợi-phất dùng kệ đáp:

Ta không xin của cải, Cũng chẳng cầu áo cơm,
Ta đến đây vì cậu, Hãy lắng nghe lời ta!
Trên cõi trời thuở xưa, Cậu đã từng phát nguyện,
Làm người, sẽ gặp Phật, Nên đến nhắc duyên xưa.
Hiếm như hoa Ưu-đàm, Phật ra đời khó gặp,
Hiếm được nghe giáo pháp, Thân người đâu dễ làm.
Nay cậu theo tôi đến Diện kiến đức Thế Tôn,
Ngài sẽ dạy pháp yếu, Khiến cậu đến cõi lành.

Sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói, cậu bé liền đến gặp cha mẹ, cúi lạy sát chân rồi đứng qua một bên và thưa với cha mẹ:

– Xin cha mẹ cho phép con đến chỗ Thế Tôn để cúng dường, đảnh lễ, vấn an sức khỏe Ngài!

Cha mẹ cậu ấy đáp:

– Nay là lúc thích hợp.

Khi ấy, cậu bé liền mang hương hoa và xấp vải trắng tốt, đi theo Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, họ cùng đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

– Cậu con trai trưởng giả này sống tại thành La-duyệt, chưa biết Tam bảo. Kính xin Thế Tôn hãy thuyết pháp, giúp đứa bé này được độ thoát!

Khi ấy, bé trai nhìn thấy Thế Tôn uy dung đoan chánh, các căn tịch tịnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, uy nghiêm như núi chúa Tu-di, gương mặt giống như mặt trời, mặt trăng, nhìn mãi không chán, liền đến trước Phật, đảnh lễ sát chân rồi đứng sang một bên. Kế đó, cậu ta rải hương hoa lên Như Lai, lại đem tấm vải dạ trắng mới dâng cúng Như Lai rồi đảnh lễ sát chân và đứng sang một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự nói pháp cho cậu ấy như giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, chỉ rõ dục là bất tịnh, lậu hoặc là tai họa lớn, xuất gia là việc thiết yếu. Khi thấy tâm ý của cậu bé đã khai mở, có thể lãnh thọ Chánh pháp, Thế Tôn liền đem giáo pháp mà chư Phật thường dạy là khổ, tập, diệt và đạo[29] để giảng lại tường tận cho cậu ấy nghe.

[0678c02] Lúc đó, ngay nơi chỗ ngồi, con trai trưởng giả sạch hết mọi phiền não, được Pháp nhãn thanh tịnh, không còn chút nhiễm ô.

Thế rồi, cậu ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

– Kính xin Thế Tôn cho phép con được xuất gia làm Sa-môn!

Thế Tôn bảo:

– Phàm là người xuất gia học đạo, nếu chưa từ biệt cha mẹ thì không được làm Sa-môn.

Lúc ấy, con trai trưởng giả bạch Thế Tôn:

– Con sẽ xin phép cha mẹ!

Thế Tôn bảo:

– Nay là lúc thích hợp.

Bấy giờ, cậy ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi rời đi. Về đến nhà, cậu ấy thưa với cha mẹ:

– Cúi xin cha mẹ cho phép con được làm Sa-môn!

Cha mẹ cậu ấy đáp:

– Hiện tại cha mẹ chỉ có mình con, hơn nữa, tài sản nhà ta giàu có dồi dào, còn việc thực hành theo pháp Sa-môn cũng chẳng dễ dàng.

Cậu con trai thưa:

– Như Lai thị hiện ở đời ức kiếp mới có một lần, thật khó gặp được, rất lâu mới xuất hiện. Giống như hoa Ưu-đàm-bát rất lâu mới nở; cũng vậy, Như Lai ức kiếp mới hiện ra nơi đời.

Lúc này, cha mẹ của cậu bé đều thở dài và nói:

– Nay đã đúng lúc, thôi tùy ý con!

Lúc ấy, cậu bé lạy sát chân cha mẹ rồi từ biệt mà đi, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Sau đó, cậu ấy cung kính bạch Thế Tôn:

[29] Nguyên tác: Khổ (苦), tập (習), tận (盡), đạo (道).

– Cha mẹ con đã cho phép. Cúi xin Thế Tôn cho phép con xuất gia học đạo!

Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thầy hãy độ cậu bé này làm Sa-môn!

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy, độ con trai trưởng giả, cho làm Sa-di, hằng ngày dạy dỗ.

Bấy giờ, chú Sa-di này đến nơi yên vắng, tinh tấn tu tập, vì mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng là để chấm dứt khổ đau. Không lâu sau, chú Sa-di thành tựu quả vị A-la-hán, liền đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật và trình bạch:

– Nay con đã thấy Phật, nghe pháp, không có nghi ngờ gì nữa.

Thế Tôn hỏi:

– Con đã thấy Phật, nghe pháp như thế nào mà không có nghi ngờ gì nữa?

Sa-di bạch Phật:

– Theo thấy biết của con thì sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Đây là điều được người trí thấy biết. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Đây là điều được người trí thấy biết. Năm thủ uẩn[30] này là vô thường, khổ, không, vô ngã, không thật có, gây nhiều khổ não, không thể chữa trị, bất tịnh nhơ uế, không được bền lâu, hoàn toàn không có ngã. Hôm nay, con quán sát pháp như vậy nên thấy được Như Lai.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, lành thay, Sa-di! Nay Như Lai cho phép con được làm đại Sa-môn.

Bấy giờ, Sa-di nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

7. KINH DỨT TRỪ BUỒN LO[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Na-la-đà[32] trú trong rừng trúc của một vị trưởng giả, tại nước Ba-la-lê.[33] Bấy giờ, chánh hậu của Vua Văn-trà[34] qua đời. Bà là người

[30] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm (五盛陰).

[31] Tựa đề được Phật dạy trong phần cuối kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.7. 0679a08). Tham chiếu: *A.* 5.50 - III. 57.

[32] Nguyên tác: Na-la-đà (那羅陀, Nārada).

[33] Ba-la-lê quốc (波羅梨國, Pāṭaliputta) còn được dịch là Ba-liên-phất (巴連弗, Pāṭaliputta) hoặc Hoa Thị thành (華氏城).

[34] Văn-trà vương (文荼王, Muṇḍa). Theo *A.* 5.50 - III. 57, vị chánh hậu này có tên là Bhaddā.

được vua sủng ái và nhớ thương không lúc nào quên. Khi ấy, có người đến tâu vua:

– Tâu Đại vương! Hoàng hậu đã qua đời.

Được tin hoàng hậu qua đời, nhà vua vô cùng đau buồn, lập tức lệnh cho người đến báo tin:

– Các khanh hãy mau tẩm thi hài hoàng hậu trong dầu mè để trẫm được nhìn thấy.

Người kia vâng lệnh vua, liền đưa thi hài hoàng hậu đến tẩm trong dầu mè.

Sau khi hoàng hậu mất, vua rất đau buồn, không thiết ăn uống, không màng vương pháp, cũng chẳng còn tâm trí để xử lý việc triều đình. Bấy giờ, trong số quần thần có người tên là Thiện Niệm,[35] thường cầm kiếm hầu cận đại vương. Ông ấy tâu vua:

– Muôn tâu Đại vương! Trong nước ta có vị Sa-môn tên là Na-la-đà đã chứng A-la-hán, có đại thần túc, hiểu rộng biết nhiều, tinh tường mọi việc, biện tài dũng tuệ, niềm nở ân cần.[36] Kính xin Đại vương hãy thử đến đó để nghe vị ấy thuyết pháp. Nghe pháp xong, Đại vương sẽ không còn đau buồn, sầu khổ nữa.

Vua đáp:

– Tốt lắm, tốt lắm, lời này rất hay! Này Thiện Niệm, khanh hãy mau đến đó báo trước với Sa-môn ấy. Vì sao? Bởi vì thông lệ của Chuyển Luân Thánh vương muốn đến nơi nào thì sai người đi báo trước. Nếu không sai người báo trước thì không hợp lẽ.

Thiện Niệm thưa:

– Tuân lệnh Đại vương!

Thế rồi Thiện Niệm liền đi vào vườn trúc của trưởng giả, đến chỗ Sa-môn Na-la-đà, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Thiện Niệm thưa với Tôn giả Na-la-đà:

– Thưa Tôn giả! Hoàng hậu vừa qua đời. Bởi quá thương tiếc nên Đại vương không thiết ăn uống, cũng không còn tâm trí để xử lý việc nước. Nay vua muốn đến gặp ngài. Xin ngài hãy khéo nói pháp cho vua nghe, giúp vua không còn buồn đau.

[0679b01] Tôn giả Na-la-đà nói:

– Nay là lúc thích hợp, ông hãy mời Đại vương đến!

Thiện Niệm nghe xong, liền đảnh lễ sát chân rồi rời đi. Trở về cung, Thiện Niệm liền tâu vua:

– Thần đã báo cho Sa-môn, kính xin Đại vương biết thời!

---

[35] Thiện Niệm (善念, Piyaka).

[36] Nguyên tác: Ngữ thường hàm tiếu (語常含笑).

Vua liền bảo Thiện Niệm:

– Khanh hãy mau chuẩn bị cỗ xe gắn lông chim quý, nay trẫm muốn đến gặp Sa-môn!

Thiện Niệm liền chuẩn bị cỗ xe gắn lông chim quý, rồi đến tâu vua:

– Tâu Đại vương! Hạ thần đã chuẩn bị xong. Mời ngài ngự giá xuất cung.

Bấy giờ, vua liền ngự xe gắn lông chim quý ra khỏi thành, vào trong vườn trúc của trưởng giả, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Tôn giả Na-la-đà. Y theo pháp của các bậc đế vương, vua tháo bỏ năm tín vật trang nghiêm[37] đặt ở một nơi, sau đó đảnh lễ sát chân Tôn giả Na-la-đà rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Tôn giả Na-la-đà nói với vua:

– Đại vương nên biết, các pháp ở thế gian vốn là mộng huyễn, như bong bóng nước, như bọt tuyết trắng, như hoa đốm giữa hư không. Vậy nên Đại vương chớ vì các pháp hư vọng này mà buồn đau. Vì sao như vậy? Bởi vì Như Lai từng dạy: "Thế gian có năm điều không thể ngăn chặn được. Năm điều ấy là gì? Sự vật nào đã đến lúc phải mất đi mà muốn nó không mất thì điều này không bao giờ được. Sự vật nào đã đến thời kỳ hoại diệt mà muốn nó không hoại diệt thì điều này không thể được. Thân người đến thời kỳ già nua mà muốn nó không già thì điều này không thể được. Lại nữa, có thân thì có bệnh mà muốn không bệnh tật thì điều này không thể được. Lại nữa, con người ai cũng sẽ chết mà muốn không chết thì điều này không thể được." Này Đại vương, đó là năm điều không thể được mà Như Lai đã giảng nói.

Bấy giờ, Tôn giả Na-la-đà nói kệ:

Không thể dùng buồn đau,
Nếu giữ chặt buồn đau,
Nếu là người có trí,
Ngoại cảnh phải cúi đầu,
Giữ oai nghi lễ tiết,
Phương pháp này nên cầu,
Với năm điều "không thể",
Dứt hoạn nạn, sầu lo,
Để mong cầu hạnh phúc,
Ngoại cảnh càng ép thúc.
Thì không buồn khổ lâu,
Vì không sai khiến được.
Hành bố thí rộng sâu,
Sẽ được phước lợi lớn.
Ta và người hiểu rõ,
Phước quả không tính kể.

Đại vương nên biết, những gì đến lúc phải mất đi thì nó sẽ mất. Thế nhưng khi nó mất đi, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn thốt lên: "Sự vật ta yêu thích nay đã mất rồi!" Đây gọi là sự vật đến lúc phải mất đi thì nó sẽ mất. Thế nhưng khi nó mất đi, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn không nguôi. Này Đại vương, đây là chiếc gai buồn lo thứ nhất đâm vào tâm ý. Điều này là lẽ thường của hàng phàm phu, họ không hề biết sanh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

---

[37] Ngũ uy dung (五威容). Theo *Kinh Vua Địa Chủ*, số 1, phẩm 23, tr. 245 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.23.1. 0609a14), "ngũ uy dung" gồm có lọng, mũ thiên quan, kiếm, giày và quạt vàng (五飾, 所謂蓋, 天冠, 劍, 履屣及金拂).

[0679c04] Đệ tử của bậc Hiền thánh đa văn, khi đối diện với những sự mất mát như thế thì vị ấy không buồn rầu, khổ não mà luôn tư duy rằng: "Sự mất mát này chẳng phải chỉ xảy đến với riêng ta mà tất cả mọi người đều bị quy luật này chi phối. Nếu ta buồn rầu, khổ não khi gặp điều này thì thật không thích hợp; hoặc sẽ làm cho thân quyến của ta buồn khổ, còn kẻ oan gia thì lại vui mừng. Cũng vì buồn đau mà ăn uống không tiêu hóa, dẫn đến bệnh tật, thân thể bức bách khó chịu. Vì nguyên nhân này dẫn đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy nhổ bỏ chiếc gai buồn lo, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, không còn khổ đau, hoạn nạn.

Lại nữa Đại vương, sự vật đến lúc phải hoại diệt thì nó sẽ hoại diệt. Thế nhưng khi nó hoại diệt, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn thốt lên: "Vật ta yêu thích nay đã hoại diệt." Đó gọi là sự vật đến lúc phải hoại diệt thì nó sẽ hoại diệt. Thế nhưng khi nó hoại diệt, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn không nguôi. Này Đại vương, đây là chiếc gai buồn lo thứ hai đâm vào tâm ý. Điều này là lẽ thường của hàng phàm phu, họ không hề biết sanh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

Đệ tử của bậc Hiền thánh đa văn, khi đối diện với những sự hoại diệt như thế thì vị ấy không buồn rầu, khổ não mà luôn tư duy rằng: "Sự hoại diệt này chẳng phải chỉ xảy đến với riêng ta mà tất cả mọi người đều bị quy luật này chi phối. Nếu ta buồn rầu, khổ não khi gặp điều này thì thật không thích hợp; hoặc sẽ làm cho thân quyến của ta buồn khổ, còn kẻ oan gia lại vui mừng. Cũng vì buồn đau mà ăn uống không tiêu hóa, dẫn đến bệnh tật, thân thể bức bách khó chịu. Vì nguyên nhân này dẫn đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy nhổ bỏ chiếc gai buồn lo, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, không còn khổ đau, hoạn nạn.

Lại nữa Đại vương, sự vật đến lúc phải già thì nó sẽ già. Thế nhưng khi nó già, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn thốt lên: "Vật ta yêu thích nay đã già." Đó gọi là sự vật đến lúc phải già thì nó sẽ già. Thế nhưng khi nó già, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn không nguôi. Này Đại vương, đây là chiếc gai buồn lo thứ ba đâm vào tâm ý. Điều này là lẽ thường của hàng phàm phu, họ không hề biết sanh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

Đệ tử của bậc Hiền thánh đa văn, khi đối diện với những sự già nua như thế thì vị ấy không buồn rầu, khổ não mà luôn tư duy rằng: "Sự già nua này chẳng phải chỉ xảy đến với riêng ta mà tất cả mọi người đều bị quy luật này chi phối. Nếu ta buồn rầu, khổ não khi gặp điều này thì thật không thích hợp; hoặc sẽ làm cho thân quyến của ta buồn khổ, còn kẻ oan gia lại vui mừng. Cũng vì buồn đau mà ăn uống không tiêu hóa, dẫn đến bệnh tật, thân thể bức bách khó chịu. Vì nguyên nhân này dẫn đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy nhổ bỏ chiếc gai buồn lo, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, không còn khổ đau, hoạn nạn.

[0680a05] Lại nữa Đại vương, sự vật đến lúc phải bệnh thì nó sẽ bệnh. Thế nhưng khi nó bệnh, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn thốt lên: "Vật

ta yêu thích nay đã bệnh rồi." Đó gọi là sự vật đến lúc phải bệnh thì nó sẽ bệnh. Thế nhưng khi nó bệnh, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn không nguôi. Này Đại vương, đây là chiếc gai buồn lo thứ tư đâm vào tâm ý. Điều này là lẽ thường của hàng phàm phu, họ không hề biết sanh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

Đệ tử của bậc Hiền thánh đa văn, khi đối diện với những sự bệnh tật như thế thì vị ấy không buồn rầu, khổ não mà luôn tư duy rằng: "Sự bệnh tật này chẳng phải chỉ xảy đến với riêng ta mà tất cả mọi người đều bị quy luật này chi phối. Nếu ta buồn rầu, khổ não khi gặp điều này thì thật không thích hợp; hoặc sẽ làm cho thân quyến của ta buồn khổ, còn kẻ oan gia lại vui mừng. Cũng vì buồn đau mà ăn uống không tiêu hóa, dẫn đến bệnh tật, thân thể bức bách khó chịu. Vì nguyên nhân này dẫn đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy nhổ bỏ chiếc gai buồn lo, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, không còn khổ đau, hoạn nạn.

Lại nữa Đại vương, sự vật đến lúc phải chết thì nó sẽ chết. Thế nhưng khi nó chết, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn thốt lên: "Vật ta yêu thích nay đã chết rồi!" Đó gọi là sự vật đến lúc phải chết thì nó sẽ chết. Thế nhưng khi nó chết, lại khiến chúng ta buồn rầu, khổ não, đau đớn không nguôi. Này Đại vương, đây là chiếc gai buồn lo thứ năm đâm vào tâm ý. Điều này là lẽ thường của hàng phàm phu, họ không hề biết sanh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

Đệ tử của bậc Hiền thánh đa văn, khi đối diện với những sự chết này thì vị ấy không buồn rầu, khổ não mà luôn tư duy rằng: "Sự chết này chẳng phải chỉ xảy đến với riêng ta mà tất cả mọi người đều bị quy luật này chi phối. Nếu ta buồn rầu, khổ não khi gặp điều này thì thật không thích hợp; hoặc sẽ làm cho thân quyến của ta buồn khổ, còn kẻ oan gia lại vui mừng. Cũng vì buồn đau mà ăn uống không tiêu hóa, dẫn đến bệnh tật, thân thể bức bách khó chịu. Vì nguyên nhân này dẫn đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy nhổ bỏ chiếc gai buồn lo, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, không còn khổ đau, hoạn nạn.

Bấy giờ, nhà vua hỏi Tôn giả Na-la-đà:

– Đây gọi là pháp gì và nên phụng hành như thế nào?

Tôn giả Na-la-đà đáp:

– Đây gọi là *Kinh dứt trừ buồn lo*.[38] Đại vương hãy ghi nhớ phụng hành!

Nhà vua nói:

– Thật đúng như lời Tôn giả nói, đây là *Kinh dứt trừ buồn lo*. Lý do vì sao? Bởi vì sau khi nghe lời kinh này rồi, tất cả mọi buồn khổ trong lòng trẫm đã được trừ sạch. Nay kính thỉnh Tôn giả thường xuyên vào cung chỉ dạy Phật pháp để trẫm được cúng dường, nhờ đó nhân dân trong nước được hưởng phước không cùng. Cũng xin Tôn giả diễn rộng pháp này, khiến cho Phật pháp còn mãi ở thế gian, giúp bốn bộ chúng được an ổn lâu dài. Giờ đây, trẫm xin được quy y với Tôn giả Na-la-đà.

[38] Nguyên tác: Thử kinh danh viết trừ ưu chi hoạn (此經名曰除憂之患).

[0680b05] Tôn giả Na-la-đà nói:

– Đại vương chớ quy y với tôi mà hãy quy y đức Phật.

Lúc đó, vua liền hỏi:

– Đức Phật hiện ở đâu?

Tôn giả Na-la-đà đáp:

– Đại vương nên biết, đức Phật vốn là thái tử con vua nước Ca-tỳ-la-vệ, tên là Tất-đạt, xuất thân từ họ Thích, thuộc dòng Chuyển Luân Thánh vương, xuất gia học đạo, nay tự mình giác ngộ thành Phật, hiệu là Thích-ca. Đại vương hãy quy y với Ngài ấy.

Nhà vua lại hỏi:

– Đức Phật hiện đang ở đâu? Cách đây bao xa?

Tôn giả Na-la-đà đáp:

– Như Lai đã vào Niết-bàn.

Nhà vua nói:

– Sao Như Lai lại Diệt độ sớm quá vậy! Nếu Thế Tôn còn tại thế, dù cách xa ngàn vạn do-tuần, trẫm cũng sẽ đến lễ bái thăm hỏi.

Bấy giờ, nhà vua rời chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay thưa:

– Con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, nguyện trọn đời làm ưu-bà-tắc, giữ giới không sát sanh!

Sau đó, vua lại nói:

– Vì việc nước bận rộn, trẫm xin phép trở về cung.

Tôn giả Na-la-đà nói:

– Xin Vua hãy tùy ý!

Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân và nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi rời đi.

Bấy giờ, sau khi nghe Tôn giả Na-la-đà chỉ dạy, Vua Văn-trà hoan hỷ phụng hành.

***

8. NGƯỜI BỆNH[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[39] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.8. 0680b19). Tham chiếu: *A.* 5.123 - III. 143.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có năm điều này, nếu người bệnh nào phạm phải thì khó có thể lành bệnh, nằm mãi trên giường không thể dậy nổi. Đó là năm điều nào? Một là, không biết lựa chọn đồ ăn thức uống. Hai là, không ăn uống đúng giờ. Ba là, không gần gũi thuốc thang. Bốn là, nhiều lo lắng, sân hận. Năm là, không trân quý người nuôi bệnh. Này Tỳ-kheo, đó là năm điều mà người bệnh nào phạm phải thì khó có thể lành bệnh.

Lại có năm điều, nếu người nào hành theo thì bệnh sẽ mau khỏi. Đó là năm điều nào? Một là, biết lựa chọn đồ ăn thức uống. Hai là, ăn uống đúng giờ. Ba là, thường gần gũi thuốc thang. Bốn là, lòng không buồn lo. Năm là, biết trân quý người nuôi bệnh. Này Tỳ-kheo, đó là năm điều mà bệnh nhân nào thực hành theo thì sẽ mau lành bệnh.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy nhớ từ bỏ năm điều trước và thực hành theo năm điều sau.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. NGƯỜI NUÔI BỆNH[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm điều này, nếu người nuôi bệnh nào phạm phải thì người bệnh sẽ khó lành, nằm mãi trên giường không thể dậy nổi. Đó là năm điều nào? Một là, người nuôi bệnh không hiểu rõ về thuốc thang. Hai là, lười biếng, không nhiệt tình. Ba là, thường sân hận và ham ngủ nghỉ. Bốn là, chăm sóc người bệnh chỉ vì sự ăn uống. Năm là, không chăm sóc người bệnh đúng cách và không chuyện trò, chia sẻ với người bệnh. Này các Tỳ-kheo, nếu người nuôi bệnh nào phạm phải năm điều này thì bệnh nhân sẽ khó lành bệnh.

Này các Tỳ-kheo! Lại có năm điều, nếu người nuôi bệnh nào thực hành theo thì bệnh nhân sẽ mau lành bệnh, không nằm mãi trên giường. Đó là năm điều nào? Một là, người nuôi bệnh hiểu rõ về thuốc thang, cũng không lười biếng. Hai là, thức trước người bệnh và ngủ sau người bệnh. Ba là, biết cách chia sẻ với người bệnh và không ham ngủ nghỉ. Bốn là, chăm sóc người bệnh đúng cách và không ham ăn uống. Năm là, khéo nói pháp cho người bệnh. Này các Tỳ-kheo, nếu người nuôi bệnh nào thực hành theo năm điều này thì bệnh nhân sẽ mau lành bệnh.

---

[40] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.9. 0680c03). Tham chiếu: *A*. 5.124 - III. 144.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, người chăm sóc bệnh nhân phải xa rời năm điều trước và thực hành theo năm điều sau.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. CÔNG ĐỨC BỐ THÍ[41]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong rừng Di Hầu, tại thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử[42] đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Phật hỏi Đại tướng Sư Tử:

– Thế nào, gia đình ông có thường bố thí không?

Đại tướng Sư Tử bạch Phật:

– Con luôn tùy thời bố thí bên ngoài bốn cửa thành và trong chốn thành thị, không để thiếu sót. Ai cần thức ăn thì cung cấp thức ăn,... cho đến y phục, hương hoa, xe cộ, tọa cụ; họ cần những gì thì con đều cung cấp đầy đủ.

Phật bảo Đại tướng Sư Tử:

– Lành thay, lành thay! Ông có thể bố thí mà không chút hối tiếc. Người thí chủ, người bố thí[43] nào mà biết tùy thời bố thí thì sẽ được năm công đức. Đó là năm công đức gì? Tiếng thơm của người thí chủ, người bố thí vang xa, mọi người đều khen ngợi: "Tại thôn làng kia có người thí chủ, người bố thí luôn hết lòng tiếp đón Sa-môn, Bà-la-môn, cúng dường mọi thứ cần dùng, không để thiếu sót." Này Đại tướng Sư Tử, đây là công đức thứ nhất mà người thí chủ, người bố thí nhận được.

Lại nữa, này Đại tướng Sư Tử! Khi người thí chủ, người bố thí này đến trong chúng Sa-môn, Sát-lợi, Bà-la-môn, hay hàng trưởng giả thì lòng không hổ thẹn, cũng không sợ hãi. Giống như sư tử, vua của loài thú ở giữa bầy nai, không hề lo sợ. Này Đại tướng Sư Tử, đây là công đức thứ hai mà người thí chủ, người bố thí nhận được.

---

[41] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.10. 0680c18). Tham chiếu: *Kinh bố thí bình đẳng*, số 6, phẩm 52, tr. 1006 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.52.6. 0826a01); *A.* 5.34 - III. 38.

[42] Sư Tử đại tướng (師子大將, Sīhasenapati).

[43] Nguyên tác: Thí chủ đàn-việt (施主檀越). Thí chủ (施主, *dānapati*): Người chủ của tài vật được đem ra bố thí. Đàn-việt (檀越, *dāyaka*) chỉ cho người bố thí nói chung, theo ngữ cảnh của kinh nhằm chỉ cho người đang phụ giúp thực hiện việc bố thí. Tham chiếu: *A.* 5.34 - III. 38: *Dāyako, sīha, dānapati bahuno janassa piyo hoti manāpo* (Người bố thí, này Sīla, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích), HT. Thích Minh Châu dịch.

Lại nữa, này Đại tướng Sư Tử! Người thí chủ, người bố thí này được mọi người kính ngưỡng, ai thấy cũng vui mừng, giống như con gặp cha, ưa thích nhìn mãi. Này Đại tướng Sư Tử, đây là công đức thứ ba mà người thí chủ, người bố thí nhận được.

Lại nữa, này Đại tướng Sư Tử! Người thí chủ, người bố thí này sau khi qua đời sẽ được sanh lên cõi trời, hoặc được sanh trong cõi người. Nếu sanh lên cõi trời thì được chư thiên kính trọng, nếu sanh trong cõi người thì được mọi người quý mến. Này Đại tướng Sư Tử, đây là công đức thứ tư mà người thí chủ, người bố thí nhận được.

Lại nữa, Đại tướng Sư Tử! Người thí chủ, người bố thí này sẽ có trí tuệ vượt hơn mọi người, đời này dứt sạch các lậu, không còn sanh lại cõi đời này nữa. Này Đại tướng Sư Tử, đây là công đức thứ năm mà người thí chủ, người bố thí nhận được. Như vậy, người biết bố thí, cúng dường thì sẽ được năm công đức luôn theo bên mình.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tâm luôn thích bố thí, Công đức sẽ tràn đầy,
Đến đâu không nghi ngại, Chẳng sợ hãi điều gì.
Người trí nên bố thí, Tâm chưa từng tiếc than,
Được sanh trời Đao-lợi,[44] Ngọc nữ thường vây quanh.

Đại tướng Sư Tử nên biết! Do vì nhân duyên như vậy nên người thí chủ, người bố thí sẽ được sanh vào hai cõi lành; đời này dứt hết các lậu hoặc thì sẽ đạt đến chốn giải thoát vô vi.

Khi ấy, Thế Tôn lại nói kệ này:

Thí để phước đời sau, Đưa đến nơi rốt ráo,
Thiện thần theo hộ trì, Tâm luôn được hoan hỷ.

Vì sao vậy? Đại tướng Sư Tử nên biết, vì khi bố thí mà lòng luôn hoan hỷ, thân tâm kiên định nên các công đức lành thảy đều đầy đủ, tâm được thành tựu tam-muội, cũng không tán loạn; đồng thời biết như thật rằng: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường diệt khổ", vị ấy biết đúng như vậy.

Cho nên, này Đại tướng Sư Tử! Hãy tìm cầu phương tiện để tùy thời bố thí, nếu muốn chứng đắc quả vị Thanh văn hay quả vị Độc giác cũng đều được như ý.

Thật vậy, này Đại tướng Sư Tử! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[44] Nguyên tác: Tam Thập Tam thiên (三十三天), tức cõi trời Ba Mươi Ba, cũng gọi là cõi trời Đao-lợi (忉利天).

11. NĂM PHÁP BỐ THÍ[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người thí chủ, người bố thí có năm pháp bố thí để thành tựu năm công đức. Đó là năm pháp bố thí nào? Một là, bố thí sanh mạng. Hai là, bố thí tài vật.[46] Ba là, bố thí sự an ổn. Bốn là, bố thí sức lực. Năm là, bố thí biện tài. Đó là năm pháp bố thí.

Lại nữa, người thí chủ, người bố thí thành tựu năm công đức gì? Một là, bố thí sanh mạng thì được phước trường thọ. Hai là, bố thí tài vật thì được phước xinh đẹp. Ba là, bố thí sự an ổn thì được phước không bệnh tật. Bốn là, bố thí sức lực thì được phước có sức mạnh hơn người. Năm là, bố thí biện tài thì được biện tài vô thượng chánh chân.

Tỳ-kheo nên biết, đây gọi là người thí chủ, người bố thí khi bố thí thì sẽ được năm công đức này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bố thí đủ năm thứ, Mạng, sắc, an, sức, biện,
Sẽ được năm công đức, Sau hưởng phước vô biên.
Người trí nên bố thí, Trừ tâm dục, tham lam,
Đời nay được tiếng thơm, Sanh cõi trời cũng vậy.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn được năm công đức này thì hãy thực hành năm pháp bố thí như trên.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

12. BỐ THÍ ĐÚNG THỜI[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[45] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.32.11. 0681a29). Tham chiếu: *Thực thí hoạch ngũ phước báo kinh* 食施獲五福報經 (*T*.02. 0132a. 0854c04); *Thực thí hoạch ngũ phước báo kinh* 食施獲五福報經 (*T*.02. 0132b. 0855a14); *A*. 5.37 - III. 42.

[46] Nguyên tác: Sắc (色), theo *Đạo hạnh Bát-nhã kinh từ điển* (道行般若經詞典) nghĩa là sắc chất, tài vật (*rūpa*).

[47] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.32.12. 0681b16). Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.15. 0878a23); *A*. 5.36 - III. 41.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Bố thí đúng thời[48] có năm trường hợp. Đó là năm trường hợp nào? Một là, bố thí cho người từ xa đến. Hai là, bố thí cho người sắp đi xa. Ba là, bố thí cho người bệnh tật. Bốn là, bố thí cho người trong lúc khốn khó.[49] Năm là, cúng dường cho bậc tinh tấn trì giới những loại cây trái mới hái, hoặc ngũ cốc vừa thu hoạch, rồi sau đó mình mới ăn. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là bố thí đúng thời có năm trường hợp này.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

Người trí thí đúng thời,
Niềm tin không đoạn dứt,
Ngay đó được an vui,
Sanh thiên đủ công đức.
Tùy thời thường bố thí,
Được phước như tiếng vang,
Vĩnh viễn không nghèo thiếu,
Sanh đâu cũng giàu sang.
Thí đủ đầy thiện hạnh,
Đạt quả vị tối tôn,
Niệm lẫn tiếc không còn,
Niềm vui càng thêm lớn.
Giữ tâm luôn chánh niệm,
Ý loạn động tiêu tan,
Biết thân thường tịnh an,
Tâm liền được giải thoát.
Vậy nên người có trí,
Bất luận nữ hay nam,
Hãy hành năm pháp thí,
Phải đúng pháp, đúng thời.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu thiện nam, thiện nữ muốn cúng dường bố thí đúng thời thì hãy nhớ thực hành theo năm trường hợp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:

Thiện, Bất thiện, Lễ Phật,
Thiên sứ, Tuế, Ngũ thụy,
Văn-trà, Thân, Chiêm bệnh,
Ngũ thí, Tùy thời thí.[50]

---

[48] Ứng thời thí (應時施, *kāladāna*): Bố thí đúng thời điểm.

[49] Nguyên tác: Tứ giả kiệm thời thí (四者儉時施). Kiệm (儉) ở đây chỉ cho sự suy bại (指衰敗). Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.15. 0878a23): Bố thí khi lúa gạo khó khăn (穀貴時布施). *A*. 5.36 - III. 41: *Dubbhikkhe dānaṃ deti* (Bố thí trong thời đói), HT. Thích Minh Châu dịch.

[50] Nguyên tác Nhiếp tụng: 善, 不善, 禮佛; 天使, 歲, 五瑞; 文荼, 親, 瞻病; 五施, 隨時施. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bài kệ này tóm tắt 11 bài kinh, trong khi phẩm này có 12 bài kinh. Bản Hán, hết quyển 24.

33. PHẨM NĂM VUA[1]

1. NĂM VUA[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có năm vị quốc vương lớn do Vua Ba-tư-nặc đứng đầu, cùng nhóm họp và bàn luận với nhau. Năm vị đó gồm những ai? Đó là Vua Ba-tư-nặc,[3] Vua Tỳ-sa,[4] Vua Ưu-điền,[5] Vua Ác Sanh[6] và Vua Ưu-đà-diên.[7]

Năm vua tập hợp ở một nơi và cùng nhau bàn luận:

– Chư Hiền nên biết! Như Lai nói về năm dục. Năm dục gồm những gì? Như mắt thấy sắc đáng yêu thì ưa thích nghĩ nhớ, là chỗ tìm cầu của người đời. Như tai thích nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, lưỡi ham nếm vị, thân ưa sự tiếp xúc dễ chịu, Như Lai gọi đó là năm dục. Trong năm dục này thì dục nào là tối diệu? Mắt thấy sắc là tối diệu chăng? Tai nghe tiếng là tối diệu chăng? Mũi ngửi mùi là tối diệu chăng? Lưỡi biết vị là tối diệu chăng? Thân ưa sự tiếp xúc dễ chịu là tối diệu chăng? Trong năm dục này thì dục nào là tối diệu?

Bấy giờ, có vị quốc vương nói: "Sắc là tối diệu." Hoặc có vị luận: "Thanh là tối diệu." Hoặc có vị luận: "Hương là tối diệu." Hoặc có vị luận: "Vị là tối diệu." Hoặc có vị luận: "Xúc dễ chịu là tối diệu."

Trong đó, người nói sắc tối diệu là Vua Ưu-đà-diên. Người nói thanh tối diệu là Vua Ưu-điền. Người nói hương tối diệu là Vua Ác Sanh. Người nói vị

---

[1] Nguyên tác: *Ngũ vương phẩm* 五王品 (*T*.02. 0125.33. 0681c15).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.1. 0681c16). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099. 1149. 0306a21); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.72. 0399b28); *S*. 3.12 - I. 79.

[3] Ba-tư-nặc (波斯匿, Pasenadi). Xem chú thích 14, phẩm 6, tr. 48; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.6.3. 0560a07).

[4] Tỳ-sa (毘沙, Bimbisāra). Xem chú thích 12, phẩm 6, tr. 48; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.6.3. 0560a06).

[5] Ưu-điền (優填). Theo *Đại Đường Tây Vức ký* 大唐西域記 (*T*.51. 2087.5. 0898a07), cổ dịch là Ưu-điền (優填), tân dịch là Ô-đà-diễn-na (鄔陀衍那), còn gọi là Ưu-đà-diên (優陀延), hoặc Ưu-đà-diên-na (優陀延那, S. Udayana, P. Udena), trùng tên với vị vua được đề cập trong bản kinh này. Xem chú thích 7, ở dưới.

[6] Ác Sanh (惡生) còn gọi là A-xà-thế (阿闍世, Ajātasattu). Xem chú thích 16, phẩm 6, tr. 48; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.6.3. 0560a08).

[7] Ưu-đà-diên (優陀延). Theo *SĀ*. 1165, gọi là Ưu-đà-diên-na (優陀延那, Udayana), vua nước Bà-sa (婆蹉, Vaṃsā), là một trong 16 quốc gia hùng mạnh thời Phật, thủ đô là Kosambī. Nhà vua thâm tín Phật pháp, từng tham vấn với Tôn giả Ānanda, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja và cúng dường nhiều y phục quý đến 2 vị Tôn giả này. Xem thêm chú thích 17, phẩm 6, tr. 49; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.6.3. 0560a08).

tối diệu là Vua Ba-tư-nặc. Người nói xúc dễ chịu tối diệu là Vua Tỳ-sa. Năm vua liền bảo nhau:

– Chúng ta bàn luận về năm dục này nhưng vẫn không biết dục nào là tối diệu.

[0682a06] Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bảo bốn vua:

– Như Lai hiện ở gần đây, tại nước Xá-vệ, trong rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Chúng ta cùng nhau đến chỗ đức Thế Tôn để hỏi nghĩa này, nếu đức Thế Tôn có điều gì dạy bảo thì chúng ta nên nương theo đó mà vâng làm.

Các vua nghe Vua Ba-tư-nặc nói xong, liền cùng nhau đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Vua Ba-tư-nặc đem việc bàn luận về năm dục bạch lại đầy đủ với đức Như Lai.

Lúc ấy, Thế Tôn liền dạy năm vua:

– Các Đại vương bàn luận dựa theo ý thích của mỗi người. Vì sao như thế? Vì người có tánh hạnh đam mê, dính mắc với sắc, ngắm mãi không chán thì người ấy sẽ cho sắc là tối diệu, tối thượng không có gì hơn. Khi đó, người ấy sẽ không dính mắc vào âm thanh, hương, vị và cả sự xúc chạm. Đối với người này, sắc được xem là tối diệu nhất trong năm dục.

Nếu có người với tánh hạnh đắm nhiễm âm thanh, khi được nghe âm thanh hay, người ấy cực kỳ hoan hỷ, không biết đủ cũng không biết chán. Đối với người này, âm thanh là tối thượng, tối diệu. Trong năm dục, âm thanh là tối diệu.

Nếu có người với tánh hạnh dính mắc hương, khi được ngửi mùi thơm, người ấy cực kỳ hoan hỷ, không biết đủ cũng không biết chán. Đối với người này, hương là tối thượng, tối diệu. Trong năm dục, hương là tối diệu.

Nếu có người với tánh hạnh mê đắm vị, khi được nếm vị, người ấy cực kỳ hoan hỷ, không biết đủ cũng không biết chán. Đối với người này, vị là tối thượng, tối diệu. Trong năm dục, vị là tối diệu.

Nếu có người với tánh hạnh ưa thích sự tiếp xúc dễ chịu, khi được tiếp xúc, người ấy cực kỳ hoan hỷ, không biết đủ cũng không biết chán. Đối với người này, sự tiếp xúc dễ chịu là tối thượng, tối diệu. Trong năm dục, sự tiếp xúc dễ chịu là tối diệu.

Nếu như tâm của người kia đã dính mắc với sắc thì sẽ không dính mắc với các pháp như thanh, hương, vị và xúc. Nếu như tánh hạnh của người kia đắm nhiễm với âm thanh thì sẽ không dính mắc với các pháp như sắc, hương, vị và sự tiếp xúc dễ chịu. Nếu như tánh hạnh của người kia ham thích vị thì sẽ không dính mắc các pháp như sắc, thanh, hương và sự tiếp xúc dễ chịu. Nếu như tánh hạnh của người kia ưa thích sự tiếp xúc dễ chịu thì sẽ không dính mắc vào các pháp như sắc, thanh, hương và vị.

[0682b02] Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Khi lòng dục hừng hực,　　Thích rồi, cố cầu mong,
Được rồi càng vui thích,　　Thỏa nguyện chẳng còn nghi.

Sắc dục thỏa nguyện rồi,
Lấy đó làm niềm vui,
Hoặc lúc tai nghe tiếng,
Nghe rồi càng vui thích,
Nghe đã thỏa nguyện rồi,
Lấy đó làm niềm vui,
Hoặc khi mũi ngửi mùi,
Ngửi rồi càng vui thích,
Ngửi mùi thỏa nguyện rồi,
Lấy đó làm niềm vui,
Hoặc khi lưỡi nếm vị,
Nếm rồi càng vui thích,
Nếm vị thỏa nguyện rồi,
Lấy đó làm niềm vui,
Lúc được xúc dễ chịu,
Chạm rồi càng vui thích,
Được xúc dễ chịu rồi,
Lấy đó làm niềm vui,
Lòng tham dục không bỏ,
Nương đó làm tối diệu.
Thích rồi, cố cầu mong,
Thỏa nguyện chẳng còn nghi.
Lòng tham dục không bỏ,
Nương đó làm tối diệu.
Thích rồi, cố cầu mong,
Thỏa nguyện chẳng còn nghi.
Lòng tham dục không bỏ,
Nương đó làm tối diệu.
Thích rồi, cố cầu mong,
Thỏa nguyện chẳng còn nghi.
Lòng tham dục không bỏ,
Nương đó làm tối diệu.
Thích rồi, cố cầu mong,
Thỏa nguyện chẳng còn nghi.
Lòng tham dục không bỏ,
Nương đó làm tối diệu.

Thế nên Đại vương! Nếu nói sắc là tối diệu thì nên chân thật mà bàn luận. Vì sao như thế? Vì sắc có vị ngọt. Nếu như sắc không có vị ngọt thì chúng sanh đã không dính mắc. Do vị ngọt đó nên trong năm dục, sắc là tối diệu. Tuy nhiên, sắc cũng chứa đựng sự nguy hiểm. Nếu như sắc không nguy hiểm thì chúng sanh đã không nhàm chán. Vì sắc nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán. Sắc có tánh xuất ly. Nếu như sắc không có tánh xuất ly thì các loài chúng sanh sẽ không ra khỏi biển sanh tử. Do vì sắc có tánh xuất ly nên chúng sanh mới vào được trong bảo thành Niết-bàn không sợ hãi. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

[0682c01] Lại nữa, Đại vương! Nếu nói âm thanh là tối diệu thì nên chân thật mà bàn luận. Vì sao như thế? Vì âm thanh có vị ngọt. Nếu như âm thanh không có vị ngọt thì chúng sanh đã không dính mắc. Do vị ngọt đó nên trong năm dục, âm thanh là tối diệu. Tuy nhiên, trong âm thanh cũng chứa đựng sự nguy hiểm. Nếu như âm thanh không nguy hiểm thì chúng sanh đã không nhàm chán. Vì âm thanh nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán. Âm thanh cũng có tánh xuất ly. Nếu như âm thanh không có tánh xuất ly thì các loài chúng sanh sẽ không ra khỏi biển sanh tử. Do vì âm thanh có tánh xuất ly nên chúng sanh mới vào được trong bảo thành Niết-bàn không sợ hãi. Trong năm dục, âm thanh là tối diệu.

Đại vương nên biết! Nếu nói hương là tối diệu thì nên chân thật mà bàn luận. Vì sao như thế? Vì hương có vị ngọt. Nếu như hương không có vị ngọt thì chúng sanh đã không dính mắc. Do vị ngọt đó nên trong năm dục, hương là tối diệu. Tuy nhiên, trong hương cũng chứa đựng sự nguy hiểm. Nếu như hương không nguy hiểm thì chúng sanh đã không nhàm chán. Vì hương nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán. Hương cũng có tánh xuất ly. Nếu như hương không

có tánh xuất ly thì các loài chúng sanh sẽ không ra khỏi biển sanh tử. Do vì hương có tánh xuất ly nên chúng sanh mới vào được trong bảo thành Niết-bàn không sợ hãi. Trong năm dục, hương là tối diệu.

Lại nữa, Đại vương! Nếu nói vị là tối diệu thì nên chân thật mà bàn luận. Vì sao như thế? Vì vị có vị ngọt. Nếu như vị không có vị ngọt thì chúng sanh đã không dính mắc. Do vị ngọt đó nên trong năm dục, vị là tối diệu. Tuy nhiên, trong vị cũng chứa đựng sự nguy hiểm. Nếu như trong vị không nguy hiểm thì chúng sanh đã không nhàm chán. Vì vị nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán. Vị cũng có tánh xuất ly. Nếu như vị không có tánh xuất ly thì các loài chúng sanh sẽ không ra khỏi biển sanh tử. Do vì vị có tánh xuất ly nên chúng sanh mới vào được trong bảo thành Niết-bàn không sợ hãi. Trong năm dục, vị là tối diệu.

Lại nữa, Đại vương nên biết! Nếu nói sự tiếp xúc dễ chịu là tối diệu thì nên chân thật mà bàn luận. Vì sao như thế? Vì sự tiếp xúc dễ chịu có vị ngọt. Nếu như sự tiếp xúc dễ chịu không có vị ngọt thì chúng sanh đã không dính mắc. Do vị ngọt đó nên trong năm dục, sự tiếp xúc dễ chịu là tối diệu. Tuy nhiên, trong sự tiếp xúc dễ chịu cũng chứa đựng nguy hiểm. Nếu như sự tiếp xúc dễ chịu không nguy hiểm thì chúng sanh đã không nhàm chán. Vì sự tiếp xúc dễ chịu nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán. Sự tiếp xúc dễ chịu cũng có tánh xuất ly. Nếu như sự tiếp xúc dễ chịu không có tánh xuất ly thì các loài chúng sanh sẽ không ra khỏi biển sanh tử. Do vì sự tiếp xúc dễ chịu có tánh xuất ly nên chúng sanh mới vào được trong bảo thành Niết-bàn không sợ hãi. Trong năm dục, sự tiếp xúc dễ chịu là tối diệu.

Thế nên, Đại vương! Nơi nào có sự ưa thích thì tâm liền dính mắc. Quả thật như thế, Đại vương nên biết điều này.

Bấy giờ, năm vua nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. TÔN GIẢ THI-BÀ-LA[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có trưởng giả Nguyệt Quang rất giàu có, voi, ngựa, bảy báu đều đầy đủ, vàng bạc, của cải không thể đếm hết, thế nhưng trưởng giả Nguyệt Quang lại không [có] con cái. Do vì không có con nên trưởng giả đã cầu khẩn các vị thiên thần, như thần mặt trời, mặt trăng, thiên thần, địa thần, quỷ tử mẫu, Tứ Thiên Vương, hai mươi tám vị đại quỷ thần vương, Đế-thích và Phạm thiên, thần núi, thần cây, thần ngũ đạo, thần cây cối, dược thảo... nơi nào cũng đến đảnh lễ cầu xin, mong các ngài ban cho một đứa con trai.

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.33.2. 0683a06). Tham chiếu: *Ud.* 15; *Ap.* 545; *DhA.* 7.9; *ThagA.* 1.60: *Sīvalittheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Sīvalī*); *J.* I. 100.

Vài ngày sau, phu nhân của trưởng giả Nguyệt Quang tự cảm hoài thai, liền nói với trưởng giả:

– Thiếp đã có thai!

Nghe xong, trưởng giả thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền sắm sửa cho phu nhân giường nằm tốt đẹp, bồi bổ thức ăn ngon, sắm cho quần áo đẹp. Tám, chín tháng sau, phu nhân liền hạ sanh một đứa con trai, nhan sắc đoan chánh, đẹp như hoa đào, thế gian hiếm có. Khi vừa sanh ra, hai tay đứa bé cầm bảo châu ma-ni vô giá, rồi nói kệ:

Nhà này nhiều tiền của, Báu vật và thức ăn,
Nay tôi muốn bố thí, Cho mọi kẻ nghèo hèn.
Nếu không có tiền của, Báu vật và thức ăn,
Dùng bảo châu vô giá, Ban cho kẻ nghèo hèn.

Vừa nghe kệ xong, người thân trong nhà đều bỏ chạy tứ tán vì nghĩ rằng: "Tại sao lại sanh ra loài quỷ mị này?" Chỉ có cha mẹ vì thương xót con nên vẫn ở lại.

Người mẹ liền hướng về con rồi dùng kệ hỏi:

Là trời, càn-thát-bà?[9] Quỷ mị hay la-sát?
Là ai? Tên họ gì? Nay ta muốn được rõ.

Lúc đó, đứa trẻ liền dùng kệ trả lời mẹ:

Chẳng phải càn-thát-bà, Trời, quỷ mị, la-sát,
Cha mẹ đã sanh con, Là người, đừng nghi nữa.

[0683b03] Phu nhân nghe xong, lòng mừng khấp khởi, liền đem chuyện này tỏ rõ đầu đuôi với trưởng giả Nguyệt Quang.

Trưởng giả liền nghĩ: "Đây là duyên gì? Ta nên đem việc này thưa hỏi đạo sĩ Ni-kiền tử." Rồi ông ẵm đứa bé đến chỗ Ni-kiền tử, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, trưởng giả đem chuyện đã nêu nói lại đầy đủ cho vị Ni-kiền tử nghe. Nghe xong, Ni-kiền tử liền bảo:

– Đứa bé này là kẻ bạc phước, không đem lợi lạc đến cho người thân, nên giết ngay đi. Nếu như không giết thì gia đình sẽ lâm vào cảnh suy hao và người thân sẽ chết hết.

Lúc ấy, trưởng giả Nguyệt Quang suy nghĩ: "Từ trước đến nay, ta vốn muộn màng con cái. Bởi vậy mới cầu thỉnh trời đất ở khắp mọi nơi, trải qua bao năm mới sanh được đứa con này. Ta không thể giết nó được. Thôi, hãy đi hỏi thêm các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác để dứt nghi cho ta."

Khi ấy, đức Như Lai thành Phật chưa được bao lâu. Mọi người gọi Ngài là Đại Sa-môn. Trưởng giả Nguyệt Quang liền nghĩ: "Ta có thể đem câu chuyện này thỉnh thị với vị Đại Sa-môn."

---

[9] Nguyên tác: Càn-đạp-hòa (乾沓和, P. gandhabba), tên gọi khác của "càn-thát-bà" (乾闥婆), "kiện-thát-bà" (揵撻婆), còn được dịch là "kiện-đạt-phược" (健達縛).

Rồi trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, ẵm đứa bé đến chỗ đức Thế Tôn. Giữa đường ông lại chợt nghĩ: "Đã từng hỏi vị trưởng lão Phạm chí, tuổi vào hàng cao niên, thông minh trí tuệ, được mọi người cung kính mà ông ta còn không thông tỏ, huống gì vị Sa-môn Cù-đàm này, tuổi thì còn trẻ, học đạo chưa bao lâu, làm sao có thể biết được việc này? E rằng không thể giải được mối nghi ngờ của ta. Phải chăng ta nên quay bước trở về nhà."

Lúc ấy, có một vị thiên thần vốn là bạn cũ của trưởng giả, biết tâm niệm của ông, liền ở trên hư không nói với trưởng giả:

– Trưởng giả nên biết! Chỉ cần tiến lên một chút ắt sẽ được lợi lạc, được phước quả lớn, vì sẽ đưa đến cõi bất tử. Như Lai xuất hiện ở đời rất khó gặp. Như Lai giáng mưa cam lộ, đúng thời mới có.

Lại nữa, này trưởng giả! Có bốn việc tuy nhỏ nhưng chớ xem thường. Là bốn việc nào? Quốc vương tuy nhỏ nhưng không thể xem thường, đốm lửa tuy nhỏ nhưng không thể xem thường, rồng tuy nhỏ nhưng không thể xem thường, người học đạo dù tuổi còn trẻ nhưng không thể xem thường. Thật vậy, này trưởng giả! Có bốn sự việc không thể xem thường.

[0683c01] Lúc ấy, thiên thần liền nói kệ:

Quốc vương tuy tuổi nhỏ, Quyền định đoạt trong tay,
Chút lửa dù nhỏ nhoi, Sẽ thiêu tàn rừng thẳm.
Thần rồng tuy hiện nhỏ, Tuôn mưa xuống tùy thời,
Đạo nhân ít tuổi đời, Độ người không hạn lượng.[10]

Nghe xong kệ này, tâm trí của trưởng giả Nguyệt Quang bừng sáng, ông mừng rỡ vô vàn, liền đi đến chỗ của đức Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi ngồi sang một bên, rồi bạch với đức Phật về nhân duyên con cái.

Thế Tôn bảo trưởng giả:

– Đứa trẻ này có phước rất lớn, khi lớn lên sẽ dẫn theo năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta xuất gia học đạo và chứng quả A-la-hán. Trong hàng đệ tử của Ta, vị này là người phước đức bậc nhất, không ai sánh bằng.

Trưởng giả nghe Phật dạy xong thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền bạch đức Thế Tôn:

– Xin tuân lời Phật dạy, chẳng nghe Ni-kiền tử nói càn!

Ngay khi ấy, trưởng giả Nguyệt Quang lại bạch Thế Tôn:

– Cúi mong đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo thương xót chúng con và đứa bé này mà nhận lời cầu thỉnh thọ trai vào ngày mai!

Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời.

Thấy Phật yên lặng nhận lời, trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát đất rồi ra về. Trở về nhà, ông bày biện các món ăn thức uống thượng vị và sắp đặt chỗ ngồi trang nghiêm. Sáng sớm hôm sau, ông đến bạch Phật:

[10] Xem thêm bài kệ tương đương trong *S.* 3.1 - I. 68.

– Đã đến giờ, kính thỉnh Thế Tôn quang lâm!

Biết giờ thọ trai đã đến, Thế Tôn liền cùng các Tỳ-kheo tuần tự trước sau vào thành Xá-vệ, đến nhà trưởng giả và an tọa vào chỗ ngồi. Thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã an tọa, trưởng giả liền bày các món ăn uống, tự mình dâng cơm nước trong trang nghiêm, hoan hỷ. Khi thấy đức Phật cùng đại chúng thọ thực xong và đã rửa tay cất bình bát, ông liền lấy một ghế nhỏ an tọa trước Như Lai, vì muốn nghe đức Phật thuyết Diệu pháp. Trưởng giả Nguyệt Quang bạch Thế Tôn:

– Hôm nay, con đem tất cả sản nghiệp như nhà cửa, ruộng vườn giao phó cho đứa trẻ này. Cúi mong đức Thế Tôn hãy đặt tên cho nó!

Thế Tôn dạy:

– Lúc đứa trẻ này mới sanh ra, mọi người đều bỏ chạy, vì tưởng quỷ Thi-bà-la. Nay Ta sẽ đặt tên, gọi là Thi-bà-la.[11]

Thế Tôn tuần tự giảng dạy giáo pháp vi diệu cho vợ chồng trưởng giả. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về việc sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, phiền não là tai họa lớn, giải thoát là vi diệu.

Biết vợ chồng trưởng giả tâm ý đã khai mở, không còn hồ nghi, Thế Tôn liền giảng nói cho trưởng giả tất cả các pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường thuyết là khổ, tập, diệt,[12] đạo, khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngay tại chỗ ngồi, vợ chồng trưởng giả liền dứt sạch các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải trắng mới thì dễ nhuộm màu, vợ chồng trưởng giả cũng vậy, ở ngay tại chỗ ngồi được Pháp nhãn thanh tịnh. Họ đã thấy pháp, thông đạt giáo pháp, vượt qua do dự, không còn hoài nghi, được vô sở úy, hiểu được nghĩa sâu mầu của pháp Như Lai, liền thọ năm giới.

[0684a08] Thế Tôn liền nói kệ:

Thờ tự, lửa trên hết,
Loài người, vua quý nhất,
Với sao, trăng sáng nhất,
Tám phương và trên, dưới,
Giữa những người cầu phước,
Các luận, tụng dẫn đầu,
Biển, nguồn cội muôn sông.
Ánh sáng mặt trời hơn,
Trong vạn vật sanh ra,
Tối cao nhất, Phật-đà.

Thế Tôn nói bài kệ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy rồi rời đi.

Bấy giờ, trưởng giả tìm năm trăm đồng tử để hầu hạ Thi-bà-la. Vào năm hai mươi tuổi, Thi-bà-la đến trước cha mẹ và thưa:

– Cúi xin cha mẹ cho con xuất gia học đạo!

Song thân liền chấp thuận. Vì sao như thế? Vì đức Thế Tôn đã thọ ký trước rồi: "Ông sẽ dẫn năm trăm đồng tử đến chỗ Thế Tôn cầu làm Sa-môn."

Lúc đó, Thi-bà-la và năm trăm người cúi lạy cha mẹ rồi đi đến chỗ đức Thế Tôn, lạy sát chân Ngài và đứng sang một bên. Thi-bà-la bạch Thế Tôn:

---

[11] Nguyên tác: Thi-bà-la (尸婆羅, Sīvali).

[12] Nguyên tác: Tận (盡).

– Cúi xin Thế Tôn chấp thuận cho con vào đạo!

Thế Tôn liền chấp thuận cho Thi-bà-la làm Sa-môn. Chỉ vài ngày sau, Tôn giả liền chứng quả A-la-hán, đầy đủ Lục thông diệu dụng cùng tám món giải thoát. Khi ấy, năm trăm đồng tử đến bạch với đức Thế Tôn:

– Cúi mong Thế Tôn cho chúng con làm Sa-môn!

Thế Tôn yên lặng đồng ý. Xuất gia chưa được vài ngày, tất cả các vị này đều chứng A-la-hán.

Tôn giả Thi-bà-la trở về làng cũ tại nước Xá-vệ. Mọi người kính ngưỡng, đem bốn thứ cần dùng cúng dường như y phục, thức ăn nước uống, giường nằm và thuốc thang trị bệnh. Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la liền nghĩ: "Ở trong làng thật phiền phức vì ồn náo, ta nên đi du hóa trong nhân gian!"

Đúng thời, Tôn giả Thi-bà-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về chỗ cũ thu dọn tọa cụ, đắp y, ôm bát rời khỏi tinh xá Kỳ Hoàn, cùng năm trăm Tỳ-kheo tuần tự trước sau du hóa trong nhân gian. Đi đến đâu, chư vị cũng được cúng dường đầy đủ các thứ y phục, thức ăn nước uống, giường nằm và thuốc thang trị bệnh, vì thường có chư thiên báo cho thôn xóm:

– Có Tôn giả Thi-bà-la, vị phước đức bậc nhất đã chứng quả A-la-hán cùng năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian. Chư Hiền nên đến để cúng dường! Hôm nay không cúng dường, ngày sau hối tiếc vô ích.

[0684b09] Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la nghĩ: "Ta thật mệt mỏi với sự cúng dường này, phải tránh nơi nào để không có người biết chỗ của ta." Ngài liền vào núi sâu. Chư thiên lại báo cho từng người trong thôn xóm:

– Nay Tôn giả Thi-bà-la ở trong núi này, hãy đến đó mà cúng dường! Hôm nay không cúng dường ngày sau hối tiếc vô ích.

Dân chúng nghe chư thiên báo liền mang thức ăn nước uống đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la và thỉnh cầu:

– Cúi xin Tôn giả vì chúng con mà lưu trú nơi đây!

Tôn giả Thi-bà-la cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo tuần tự du hóa trong nhân gian, đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt, cũng được cúng dường y phục, ẩm thực, giường nằm và thuốc men. Tôn giả Thi-bà-la lại nghĩ: "Nay ta phải đi đâu để nhập hạ, sao cho người đừng biết chỗ của ta?" Rồi ngài lại nghĩ: "Nên đến phía Đông núi Kỳ-xà, phía Tây núi Quảng Phổ mà nhập hạ." Thế rồi, ngài dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo đến núi đó nhập hạ.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân biết Thi-bà-la trong tâm suy nghĩ như thế, liền ở trong núi biến hóa đầy đủ chùa tháp, vườn quả, rừng cây, xung quanh có hồ tắm và đồng thời lại hóa ra năm trăm đài cao, năm trăm sàng tòa lớn, năm trăm sàng tòa nhỏ, năm trăm giường dây, dâng thức ăn cam lộ của chư thiên.

Tôn giả Thi-bà-la liền nghĩ: "Nay kiết hạ đã xong, lâu ngày chưa gặp Như Lai, nay ta phải đích thân đến hầu Phật." Tôn giả liền dẫn năm trăm Tỳ-kheo

đến thành Xá-vệ. Bấy giờ, tiết trời nóng bức, chúng Tỳ-kheo đổ mồ hôi, thân thể dơ bẩn. Tôn giả Thi-bà-la liền nghĩ: "Hôm nay, thân thể chúng Tỳ-kheo nóng bức, ước gì có đám mây nhỏ trên trời, một trận mưa nhỏ, một hồ tắm nhỏ và có nước uống thì hay biết bao."

Tôn giả vừa nghĩ xong, trên hư không liền có đám mây lớn và xuất hiện một cơn mưa nhỏ, lại gặp ngay hồ tắm và có bốn phi nhân gánh nước mát lành do Tỳ-sa-môn vương sai đến, với lời thưa:

– Cúi mong Tôn giả và chúng Tỳ-kheo thọ nhận nước ngon ngọt này!

Tôn giả nhận nước rồi cùng uống với chúng Tỳ-kheo.

Tôn giả Thi-bà-la lại nghĩ: "Ta nên nghỉ qua đêm ở nơi đây." Thích-đề-hoàn-nhân biết tâm niệm của Tôn giả Thi-bà-la, liền tức khắc hóa ra năm trăm phòng nhà với giường nằm đầy đủ ở bên đường. Lúc ấy, chư thiên dâng lên thức ăn uống. Tôn giả Thi-bà-la thọ thực xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi.

Bấy giờ, người chú của Tôn giả Thi-bà-la ở thành Xá-vệ rất giàu có, không thiếu món gì nhưng lại tham lam không chịu bố thí, không tin Tam bảo, không tạo công đức. Những người thân tộc bảo ông ta:

– Trưởng giả dùng của cải này làm gì mà không tạo tư lương cho đời sau?

Trưởng giả nghe lời khuyên, nội trong một ngày, đem ngàn lượng vàng bố thí cho Phạm chí ngoại đạo, chẳng hướng về Tam bảo. Tôn giả Thi-bà-la nghe chú mình đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo dị học, không cúng dường cho Tam bảo. Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la liền đến chỗ đức Thế Tôn ở tinh xá Kỳ Hoàn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho Thi-bà-la. Tôn giả Thi-bà-la nghe Như Lai thuyết pháp xong, từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ Thế Tôn, đi nhiễu bên phải ba vòng rồi lui ra.

Ngay trong ngày ấy, Tôn giả Thi-bà-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ tuần tự khất thực, đến trước nhà chú mình rồi đứng lặng yên bên cửa. Trưởng giả thấy Tôn giả Thi-bà-la ở ngoài cửa khất thực, liền bảo:

– Ngày hôm qua sao thầy không đến? Tôi vừa bố thí cả trăm ngàn lượng vàng. Giờ đây, tôi chỉ có thể cúng dường cho thầy một tấm vải được chăng?

Tôn giả Thi-bà-la đáp:

– Tôi chẳng dùng vải để làm gì! Hôm nay tôi đến đây chỉ để khất thực.

Trưởng giả đáp:

– Hôm qua, tôi đã bố thí cả trăm ngàn lượng vàng nên không thể bố thí nữa.

Vì muốn độ cho trưởng giả nên Tôn giả Thi-bà-la bay lên không trung, trên thân phun nước, dưới thân phun lửa, ngồi, nằm, kinh hành tùy nghi tự tại. Trưởng giả thấy sự biến hóa của Tôn giả, liền nói:

– Xin Tôn giả hãy xuống ngay đây, an tọa nơi này! Tôi sẽ phát tâm bố thí.

[0685a04] Tôn giả Thi-bà-la liền xả thần túc, trở về chỗ ngồi. Trưởng giả liền đem thức ăn nước uống dở tệ, thô xấu cúng cho Tôn giả Thi-bà-la. Tôn giả Thi-bà-la vốn sanh trong nhà hào tộc, ăn uống đủ vị, nhưng vì muốn độ cho trưởng giả ấy nên đã thọ thức ăn. Thọ thực xong, Tôn giả Thi-bà-la trở về chỗ của mình.

Đêm ấy, thiên nhân ở trên hư không báo cho trưởng giả:

Thiện thí, thí lớn nhất, Thí cho Thi-bà-la,
Bậc vô dục giải thoát, Dứt ái, chẳng còn nghi.

Lúc nửa đêm và khi gần sáng, thiên nhân lại nói kệ này:

Thiện thí, thí lớn nhất, Thí cho Thi-bà-la,
Bậc vô dục giải thoát, Dứt ái, chẳng còn nghi.

Nghe thiên nhân nói, trưởng giả liền nghĩ: "Hôm qua, ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không có sự linh ứng này. Hôm nay, ta lấy thức ăn dở tệ bố thí cho Thi-bà-la mà có cảm ứng đến thế. Đợi khi trời sáng, ta sẽ tự tay đem trăm ngàn lượng vàng hiến cúng cho Tôn giả Thi-bà-la."

Ngay trong ngày đó, trưởng giả kiểm đếm gia sản trong nhà có đủ trăm ngàn lượng vàng, liền đem đến cúng dường Tôn giả Thi-bà-la. Đến nơi, trưởng giả cúi lạy sát đất và đứng sang một bên. Lúc ấy, trưởng giả kính dâng trăm ngàn lượng vàng lên Tôn giả Thi-bà-la và thưa:

– Cúi mong ngài thọ nhận trăm ngàn lượng vàng này!

Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la đáp:

– Cầu mong trưởng giả hưởng phước vô biên, trường thọ cùng trời đất! Thế nhưng đức Như Lai không cho phép Tỳ-kheo thọ nhận trăm ngàn lượng vàng.

Trưởng giả liền đến chỗ đức Thế Tôn. Đến nơi, trưởng giả cúi lạy sát đất rồi ngồi sang một bên, bạch Phật:

– Cúi mong Thế Tôn cho phép ngài Thi-bà-la nhận trăm ngàn lượng vàng để con được hưởng phước!

Thế Tôn dạy một Tỳ-kheo:

– Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Thi-bà-la rồi bảo rằng Như Lai gọi!

Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Vâng lời Phật dạy, Tỳ-kheo kia đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la, chuyển lời của đức Thế Tôn.

[0685b01] Nghe vị Tỳ-kheo kia truyền gọi, Tôn giả Thi-bà-la liền đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo Thi-bà-la:

– Nay thầy có thể nhận trăm ngàn lượng vàng của trưởng giả để cho ông ta được phước quả. Đây là nghiệp duyên đời trước nên có phước báu này.

Ngài Thi-bà-la đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la liền nói kệ rằng:

Bố thí y, vật dụng,
Sanh nhân loại, chư thiên,
Từ nhân loại, chư thiên,
Cõi vô vi Niết-bàn,
Huệ thí không ngăn ngại,
Nên khởi lòng thương yêu,
Muốn nhờ phước đức này,
Để hưởng vui năm dục.
Vượt qua không ách nạn,
Chư Phật thường an trú.
Nhờ vậy được phước nhiều,
Tạo phước không lười mỏi.

Tôn giả Thi-bà-la bảo trưởng giả:

– Ông có thể đem trăm ngàn lượng vàng này để ở phòng tôi.

Vâng lời dạy, trưởng giả đem trăm ngàn lượng vàng này sắp đặt trong phòng của Tôn giả Thi-bà-la rồi lui ra.

Ngài Thi-bà-la bảo các Tỳ-kheo:

– Vị nào có thiếu thốn vật gì, hãy đến đây mà lấy. Nếu cần y phục, thức ăn, giường đệm, thuốc men thì nên đến chỗ tôi mà lấy, chớ cầu chỗ khác. Hãy truyền báo cho mọi người rõ điều này.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Ngài Thi-bà-la này xưa tạo phước lành gì mà sanh trong nhà trưởng giả, đoan chánh vô song, đẹp như hoa đào? Lại tạo phước gì mà hai tay nắm hạt châu khi vừa sanh ra từ trong thai mẹ? Lại tạo phước gì mà dẫn năm trăm người đến chỗ đức Thế Tôn xuất gia học đạo, gặp Như Lai xuất hiện ở đời? Lại tạo phước gì mà đi đến đâu cũng có cơm áo tự nhiên, không lo thiếu thốn? Các Tỳ-kheo khác không ai sánh bằng?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vào thời quá khứ lâu xa, cách nay chín mươi mốt kiếp, có đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng,[13] Chánh Biến Tri,[14] Minh Hạnh Túc,[15] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,[16] Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, giáo hóa ở nước Bàn-đầu cùng sáu mươi vạn tám ngàn chúng, đầy đủ bốn món cúng dường như y phục, ẩm thực, giường đệm, thuốc men. Bấy giờ, có Phạm chí tên là Da-nhã-đạt[17] đang ở nước đó, có nhiều tiền của, vàng bạc, châu báu, xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách nhiều không tính kể.

---

[13] Nguyên tác: Chí Chân (至真).

[14] Nguyên tác: Đẳng Chánh Giác (等正覺).

[15] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為).

[16] Nguyên tác: Đạo Pháp Ngự (道法御).

[17] Da-nhã-đạt (耶若達).

Bấy giờ, Da-nhã-đạt ra khỏi nước, đến chỗ Như Lai Tỳ-bà-thi. Đến rồi cùng thăm hỏi và ngồi sang một bên. Đức Như Lai Tỳ-bà-thi tuần tự thuyết pháp khiến ông phát tâm hoan hỷ. Khi ấy, Da-nhã-đạt bạch Phật Tỳ-bà-thi:

"Cúi mong Ngài hãy nhận lời cầu thỉnh của con, con muốn cúng dường ngọ trai cho Phật và chúng Tỳ-kheo."

Lúc ấy, đức Như Lai yên lặng nhận lời. Thấy đức Thế Tôn yên lặng nhận lời, Phạm chí Da-nhã-đạt liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi đi. Về nhà, ông chuẩn bị thức ăn nước uống hợp vị.

[0685c09] Vào khoảng giữa đêm, Da-nhã-đạt chợt nghĩ: "Nay ta đã làm xong thức ăn và nước uống, chỉ thiếu tô lạc. Sáng sớm ngày mai ta sẽ vào thành, ai bán tô lạc, ta sẽ mua hết."

Sáng sớm, Da-nhã-đạt sửa soạn chỗ ngồi trang nghiêm ở tư gia, rồi đến cửa thành để tìm tô lạc. Ngay khi ấy, có người chăn bò tên là Thi-bà-la mang tô lạc đi cúng tế. Phạm chí Da-nhã-đạt bảo người chăn bò:

"Ông hãy bán tô lạc đi, tôi sẽ mua với giá cao nhất."

Thi-bà-la nói:

"Phần tô lạc này tôi đã dành vào việc cúng tế."

Phạm chí bảo:

"Ông cúng tế thiên thần để cầu việc gì? Hãy bán tô lạc cho ta, ta sẽ trả ông một cách xứng đáng."

Người chăn bò tò mò hỏi:

"Này ông Phạm chí! Ông dùng tô lạc này để làm gì?"

Phạm chí đáp:

"Tôi đang thiết trai cúng dường đức Như Lai Tỳ-bà-thi và chúng Tỳ-kheo. Các món ẩm thực đã bày biện đủ, chỉ thiếu tô lạc."

Thi-bà-la hỏi Phạm chí:

"Đức Như Lai Tỳ-bà-thi tướng mạo thế nào?"

Phạm chí đáp:

"Đức Như Lai không có ai bằng, giới hạnh thanh tịnh, tuệ, định tam-muội không ai bì kịp. Dù ở cõi trời hay ở chốn nhân gian nhưng sẽ không có ai sánh với Ngài được."

Lúc ấy, Phạm chí Da-nhã-đạt tán thán công đức Như Lai. Nghe xong, Thi-bà-la tâm ý khai mở liền bảo Phạm chí:

"Nay tôi sẽ đích thân đem tô lạc này đến cúng Như Lai, cúng trời ích gì."

Phạm chí Da-nhã-đạt đưa người chăn bò về nhà, rồi đến bạch Phật:

"Giờ thọ trai đã đến, cúi mong đức Thế Tôn quang lâm."

Biết đã đến giờ, Như Lai liền đắp y, ôm bát cùng các Tỳ-kheo tuần tự trước sau đến nhà Phạm chí Da-nhã-đạt. Đại chúng ngồi theo thứ lớp.

Bấy giờ, người chăn bò thấy Như Lai có dung mạo hiếm có trên đời, các căn thuần tịnh, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân tướng trang nghiêm, ví như mặt trời, mặt trăng với ánh sáng chiếu xa, nơi đâu cũng soi đến và đức cao chất ngất như núi chúa Tu-di. Người ấy thấy rồi, hoan hỷ đến trước Thế Tôn và thưa:

"Công đức Như Lai thật đúng như lời Phạm chí nói, do vậy con xin cúng Như Lai và tất cả chúng Tăng một bình đầy tô lạc."

Rồi Thi-bà-la bạch Thế Tôn:

"Xin Ngài nhận tô lạc này."

Đức Như Lai đưa bát nhận tô lạc, sau đó theo thứ lớp cúng cho tất cả chúng Tỳ-kheo mà tô lạc vẫn còn dư.

[0686a07] Người chăn bò thưa Thế Tôn:

"Vẫn còn dư tô lạc."

Như Lai bảo:

"Vậy ông hãy đem tô lạc này dâng cho Phật và chúng Tỳ-kheo lần nữa."

"Xin vâng, thưa Thế Tôn!"

Người chăn bò sau đó lại chia tô lạc một lần nữa, thế nhưng tô lạc cũng còn dư. Người chăn bò lại bạch Phật:

"Con đã cúng hai lần mà vẫn còn dư tô lạc."

Đức Thế Tôn bảo người ấy:

"Vậy ông hãy đem tô lạc này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di khiến cho các vị ấy được no đủ."

Sau khi cúng xong cho các vị này, tô lạc vẫn còn dư. Phật bảo người chăn bò:

"Vậy ông hãy đem tô lạc này phân chia cho chủ nhân và các người lo việc cúng dường."

"Xin vâng, thưa Thế Tôn!"

Người chăn bò tiếp tục đem chia tô lạc cho chủ nhân và các người lo việc cúng dường xong nhưng vẫn còn dư. Ông lại đem bố thí cho người bần khổ, ăn xin. Bố thí xong thì tô lạc cũng còn dư. Người chăn bò liền đến bạch Phật:

"Con đã bố thí cho mọi người mà tô lạc vẫn còn dư."

Phật bảo:

"Vậy ông hãy đem tô lạc này bỏ ở chỗ đất sạch, hoặc đổ trong nước. Vì sao thế? Vì Ta không thấy có ai trong hàng trời, người có thể tiêu hóa được tô lạc này, ngoại trừ đức Như Lai."

Vâng lời Phật dạy, người chăn bò đem tô lạc này bỏ vào trong nước. Ngay lúc ấy trong nước có ngọn lửa sáng rực bốc cao vài chục thước.[18] Trông thấy điều quái lạ như thế, người chăn bò khen ngợi là điều chưa từng có rồi trở về chỗ Thế Tôn cúi lạy sát đất, chắp tay lập thệ nguyện này:

"Nay con đã đem tô lạc cúng dường cho bốn bộ chúng. Nhờ phước đức này cầu mong cho con không bị đọa vào chốn tám nạn, chớ sanh vào nhà nghèo khổ, khi sanh ra được mặt mũi đoan chánh, sáu căn đầy đủ và chẳng thích sống đời tại gia. Mong ở đời tương lai con cũng được gặp bậc Thánh Tôn như hôm nay vậy."

Tỳ-kheo nên biết, ba mươi mốt kiếp về trước, lại có đức Phật xuất hiện ở đời hiệu là Thi-khí Như Lai. Khi ấy, đức Thi-khí[19] Như Lai du hóa trong cõi Dã Mã cùng với đại chúng Tỳ-kheo mười vạn người.

Bấy giờ, đức Như Lai Thi-khí đến giờ đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Trong thành có một thương khách lớn tên là Thiện Tài. Ông từ xa trông thấy đức Như Lai Thi-khí, các căn tịch tĩnh, dung mạo đoan chánh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân tướng trang nghiêm như mặt trời, mặt trăng. Thấy rồi, ông liền phát tâm hoan hỷ, tiến đến trước đức Thế Tôn cúi lạy sát đất rồi ngồi sang một bên. Vị khách buôn đem châu báu thượng hạng cúng dường lên thân của đức Như Lai. Ngay khi ấy, ông phát khởi thệ nguyện:

"Nguyện nhờ công đức này, nơi nào con sanh ra, tiền tài luôn đầy đủ, châu báu luôn sung túc, không vật gì thiếu thốn, trong tay con lúc nào cũng đong đầy tiền của, cho đến trong thai mẹ cũng nắm giữ tiền tài."

[0686b09] Vào thời Trung kiếp, lại có đức Tỳ-xá-la-bà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Bấy giờ, có trưởng giả tên là Thiện Giác nhiều tiền lắm của, đã thỉnh đức Tỳ-xá-la-bà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và chúng Tỳ-kheo. Do vì lúc ấy thiếu người sai việc nên trưởng giả tự thân bày biện các món thức ăn nước uống ngon ngọt dâng lên đức Như Lai với lời thệ nguyện:

"Nguyện đem công đức này, mong rằng khi được sanh ra ở nơi đâu, con thường được gặp Tam bảo, không thiếu thốn điều gì, thường có nhiều người phụ trợ, khiến đời sau được gặp Thế Tôn như hôm nay."

Vào trong Hiền kiếp này, có đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có trưởng giả Đa Tài, lại thỉnh đức Như Lai Câu-lưu-tôn và chúng Tỳ-kheo thọ thực trong bảy ngày. Ông cúng dường y phục, thức ăn nước uống, giường đệm và thuốc men cùng với lời nguyện:

---

[18] Nguyên tác: Nhận (仞). Nhà Chu (周) định 8 thước là một "nhận."

[19] Nguyên tác: Thức-cật Như Lai (式詰如來).

"Nơi nào con sanh ra thường có nhiều tiền của, không sanh vào nhà bần cùng khốn khổ. Nơi nào con sanh ra, nơi ấy thường được bốn món cúng dường. Dù bốn bộ chúng như quốc vương, dân chúng... nhưng khi trông thấy con thảy đều tôn kính. Ngay cả trời, rồng, quỷ thần, người và phi nhân khi thấy con đều hoan hỷ tiếp rước, đãi ngộ."

Các Tỳ-kheo nên biết! Phạm chí Da-nhã-đạt là người khác sao? Chớ nghĩ như thế! Vì sao như vậy? Vì đó chính là trưởng giả Nguyệt Quang. Người chăn bò Thi-bà-la đem tô lạc cúng dường Phật, nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Khách buôn Thiện Tài đâu phải ai xa lạ. Chớ nghĩ như thế! Vì đó cũng chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Trưởng giả Thiện Giác là ai khác sao? Chớ nghĩ như thế! Vì đó cũng là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Cũng vậy, trưởng giả Đa Tài là người nào khác? Chớ nghĩ như thế! Vì đó cũng là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

[0686c03] Các Tỳ-kheo nên biết! Tỳ-kheo Thi-bà-la phát thệ nguyện như vầy: "Khiến tôi sanh ra thường được đoan chánh, không ai sánh bằng, thường sanh trong nhà phú quý, khiến trong đời tương lai được gặp Thế Tôn. Nếu Ngài vì tôi thuyết pháp, tôi sẽ được giải thoát, được xuất gia làm Sa-môn." Do công đức này nên Tỳ-kheo Thi-bà-la được sanh trong nhà phú quý, đoan chánh vô song, khi gặp được Ta, liền đắc A-la-hán.

Tỳ-kheo nên biết! Do vì ông ấy đã lấy bảo châu cúng dường trên thân Như Lai, do công đức này nên ở trong thai mẹ đã cầm hai hạt châu quý báu mà sanh ra, có giá trị bằng cõi Diêm-phù-đề. Khi vừa sanh ra, Thi-bà-la liền biết nói.

Ông đã cúng dường đức Như Lai Câu-lưu-tôn với lời nguyện được nhiều người để phụ trợ, nay đã dẫn theo năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta, xuất gia học đạo và đắc A-la-hán.

Và trong bảy ngày, ông đã cúng dường đức Như Lai Câu-lưu-tôn với lời cầu mong luôn được bốn món cúng dường. Hôm nay, thầy ấy chẳng thiếu y phục, thức ăn thức uống, giường đệm và thuốc men. Do những công đức này nên các Tỳ-kheo khác không sánh kịp. Thích-đề-hoàn-nhân tự thân đến cúng dường các món cần thiết, lại có chư thiên loan tin để cho làng trên xóm dưới đều hay, khiến cho bốn bộ chúng biết ngài Thi-bà-la do bởi những ý nghĩa như thế.

Trong hàng đệ tử của Ta, bậc phước đức lớn nhất là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. NĂM HẠNG CHIẾN SĨ[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.33.3. 0686c20). Tham chiếu: *A*. 5.75 - III. 89.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm hạng trượng phu mạnh mẽ, có thể chiến đấu, xuất hiện ở đời. Là năm hạng nào?

Ở đây, có người mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, từ xa trông thấy gió bụi liền sanh lòng sợ hãi, đó là hạng chiến sĩ thứ nhất.

Hạng chiến sĩ thứ hai, mặc giáp, cầm gậy muốn vào trận chiến, thấy gió bụi tuy không sợ hãi, nhưng thấy ngọn cờ đối phương giương cao liền ôm lòng sợ hãi, không thể tiến đánh, đó là hạng thứ hai.

Hạng chiến sĩ thứ ba, mặc giáp, cầm gậy muốn vào trận chiến đấu, thấy gió bụi hay cờ xí tuy không sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sợ hãi, không thể chiến đấu, đó là hạng thứ ba.

Hạng chiến sĩ thứ tư, mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, thấy gió bụi, cờ xí hoặc cung tên tuy không sợ hãi, nhưng khi lâm trận bị kẻ địch bắt hoặc giết chết, đó là hạng thứ tư.

Hạng chiến sĩ thứ năm, mặc giáp, cầm gậy muốn vào trận đánh, thấy gió bụi, cờ xí hoặc thấy cung tên, hoặc bị quân địch bắt, thậm chí giết chết cũng không sợ hãi, có thể phá tan quân địch trong ngoài bờ cõi mà thống lãnh dân chúng, đó là hạng thứ năm.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Thế gian có năm hạng người này và nay trong chúng Tỳ-kheo cũng có năm hạng người như vậy xuất hiện trong đời. Là năm hạng nào?

Hoặc có Tỳ-kheo du hành trong thôn xóm, thầy ấy nghe trong thôn có người phụ nữ đoan chánh vô song, mặt tựa hoa đào. Nghe xong, thầy ấy đến giờ khất thực thì đắp y, ôm bát vào làng, gặp cô gái nhan sắc vô song này liền khởi lòng dục, rồi xả ba y, bỏ giới cấm của Phật, làm người cư sĩ. Ví như người chiến sĩ nọ, thấy gió bụi đã sợ hãi, Tỳ-kheo này cũng như thế.

Hoặc có Tỳ-kheo nghe trong thôn xóm có cô gái đoan chánh, không ai sánh bằng. Đến giờ khất thực, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào làng, tuy gặp cô gái và không khởi lòng dục, nhưng nếu cùng cô gái ấy đùa cợt, chuyện trò; do sự đùa cợt này, thầy ấy liền bỏ pháp phục trở về làm cư sĩ. Trường hợp này giống như hạng chiến sĩ thứ hai, thấy gió bụi không sợ, nhưng thấy cờ xí đối phương tung bay liền ôm lòng sợ hãi, Tỳ-kheo này cũng như vậy.

Hoặc có Tỳ-kheo nghe trong thôn xóm có cô gái dung mạo đoan chánh, như sắc hoa đào, hiếm gặp ở đời. Đến giờ khất thực, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào làng, dù thấy cô gái và không khởi lòng dục, giả như được cùng cô giỡn cười thì cũng không khởi lòng dục. Thế nhưng khi cùng cô gái kia nắm tay nhau, hoặc cùng xúc chạm vuốt ve, liền khởi lòng dục, Tỳ-kheo liền bỏ ba pháp y, trở lại làm người cư sĩ, tập tành gia nghiệp. Trường hợp này như hạng chiến sĩ thứ ba, lúc vào trận thấy gió bụi, thấy cờ xí không sợ hãi, nhưng khi thấy cung tên liền ôm lòng lo sợ.

Hoặc có Tỳ-kheo nghe trong thôn xóm có cô gái mặt mũi đoan chánh, thế gian hiếm có. Đến giờ khất thực, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào làng, dù trông thấy cô gái nhưng thầy ấy không khởi lòng dục, giả như có chuyện trò thì cũng không khởi lòng dục. Thế nhưng khi được cô gái kia xúc chạm, vuốt ve liền khởi lòng dục, nhưng vị ấy không cởi bỏ pháp phục mà tập tành gia nghiệp. Trường hợp này như hạng chiến sĩ thứ tư, khi vào quân trận bị địch bắt hoặc đoạt mạng sống, không thể thoát khỏi.

[0687b04] Hoặc có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, thầy ấy nghe trong thôn có cô gái. Đến giờ khất thực, thầy ấy đắp y, ôm bát vào làng, dù thấy cô gái cũng không khởi lòng dục, hoặc cùng nói cười cũng không khởi lòng dục, hoặc bị vuốt ve cũng không khởi lòng dục. Khi ấy, Tỳ-kheo quán ba mươi sáu thứ dơ bẩn, bất tịnh trong thân: "Ai đắm trước vào đây? Do đâu mà khởi dục? Dục này an trú ở đâu? Ở đầu chăng? Xuất phát từ thân thể chăng? Quán các vật này không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như thế, đều thuộc ngũ tạng, không phải tưởng tượng, cũng không phải từ nơi khác đến." Thầy ấy quán sát nguồn gốc nhân duyên của dục vọng và chẳng biết từ đâu đến! Tỳ-kheo lại nghĩ: "Ta quán dục này từ nhân duyên sanh."

Quán sát như thế rồi, Tỳ-kheo ấy tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu,[21] liền chứng trí giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Như người chiến sĩ thứ năm kia, không ngại quân địch mà tự do tung hoành. Vì lý do đó nên Ta nói rằng, người này xả bỏ ái dục, vào nơi không sợ hãi, đến được thành Niết-bàn. Do vậy, Tỳ-kheo! Có năm hạng người này xuất hiện trong đời.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Dục, ta biết gốc ngươi, Ngươi sanh từ tư tưởng,
Nếu ta không nghĩ tưởng, Thì ngươi làm sao sanh?

Do đó, các Tỳ-kheo! Muốn trừ bỏ sắc dục thì hãy quán sát dâm dục là hạnh bất tịnh, là sự dơ bẩn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[21] Dục lậu (欲漏, *kāmāsava*): Hết thảy phiền não trong cõi dục, ngoại trừ "vô minh", gọi là "dục lậu." Hữu lậu (有漏, *bhavāsava*): Hết thảy phiền não trong cõi sắc và vô sắc, trừ "vô minh", gọi là "hữu lậu." Vô minh lậu (無明漏, *avijjāsava*): Tổng nhiếp vô minh trong cả ba cõi, gọi đó là "vô minh lậu." Theo *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (*T*.30. 1579.89. 0802a13).

4. CHIẾN SĨ VÀ TỲ-KHEO[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm hạng chiến sĩ xuất hiện ở đời. Là năm hạng nào?

Hoặc có người mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu. Khi thấy gió bụi, ông ta lo sợ nên chẳng dám xông pha vào trong trận lớn, đó là hạng người thứ nhất.

[0687c02] Hạng chiến sĩ thứ hai, mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu. Khi thấy gió bụi, ông ta không sợ hãi, nhưng khi nghe tiếng trống trận liền kinh sợ, đó là hạng người thứ hai.

Hạng chiến sĩ thứ ba, mặc giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu. Khi thấy gió bụi, ông ta không sợ hãi, dù nghe tiếng trống, tiếng tù và, cũng không làm ông lo sợ. Tuy nhiên, khi thấy ngọn cờ đối phương giương cao, ông ta liền sợ hãi, chẳng thể chiến đấu, đó là hạng người thứ ba.

Hạng chiến sĩ thứ tư, mặc giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu. Khi thấy gió bụi, ông ta không sợ hãi, dù nghe tiếng trống, tiếng tù và, cũng không làm ông lo sợ, hoặc thấy ngọn cờ đối phương giương cao, cũng không thể làm ông sợ hãi. Thế nhưng, ông ta có thể bị địch bắt và giết chết, đó là hạng người thứ tư.

Thứ năm, có người mặc giáp, cầm gậy vào quân trận tham chiến. Ông ta có khả năng phá tan quân địch hoàn toàn, mở mang bờ cõi, đó là hạng chiến sĩ thứ năm xuất hiện ở đời.

Tỳ-kheo nên biết! Chúng Tỳ-kheo ngày nay cũng có năm hạng người xuất hiện ở đời. Là năm hạng nào?

Hoặc có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, thầy ấy biết có người con gái đoan chánh vô song, sắc đẹp tựa hoa đào. Đến giờ khất thực, Tỳ-kheo ấy đắp y, ôm bát vào làng, không giữ gìn căn môn, chẳng hộ trì thân, miệng, ý. Nếu thấy người con gái thì thầy ấy liền khởi lòng dục, xả bỏ giới cấm, thực hành pháp cư sĩ. Như hạng người đầu tiên kia, khi nghe tiếng gió bụi nổi lên thì không thể chiến đấu, sanh lòng sợ hãi. Do vậy nên Ta nói về hạng người này.

Hoặc có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, vị ấy biết trong thôn có cô gái đoan chánh vô song, sắc mặt đẹp tựa hoa đào, liền bỏ giới cấm, thực hành pháp cư sĩ. Như hạng chiến sĩ thứ hai kia, vừa nghe tiếng trống, tiếng tù và thì không thể chiến đấu. Vị Tỳ-kheo này cũng như vậy.

Hoặc có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, nghe có cô gái ở thôn xóm kia. Vừa nghe xong ông ta liền khởi lòng dục. Nếu thấy cô gái, ông ta không khởi dục tưởng, chỉ khi nào cùng người con gái đó đùa cợt thì khi đó mới bỏ giới cấm,

[22] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.33.4. 0687b27) Tham chiếu: *A*. 5.76 - III. 93.

thực hành pháp cư sĩ. Như hạng chiến sĩ thứ ba kia, từ xa trông thấy cờ địch liền sợ hãi, không thể chiến đấu. Do vậy nên Ta nói về hạng người này. Đó là hạng chiến sĩ thứ ba.

Hoặc có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, Tỳ-kheo đó nghe trong thôn có người con gái. Nghe rồi liền đắp y, ôm bát vào làng khất thực, chẳng giữ gìn thân, miệng và ý. Khi thấy người con gái đoan chánh vô song, thầy ấy liền khởi lòng dục, hoặc cùng người con gái ấy đụng chạm, hoặc dùng tay vuốt ve, liền xả bỏ giới cấm trở về làm cư sĩ. Như hạng chiến sĩ thứ tư kia, ở trong đại quân bị địch bắt và giết chết. Do vậy nên Ta nói về hạng người này.

[0688a07] Hoặc có Tỳ-kheo nghe trong thôn xóm có người con gái xinh đẹp hiếm có ở đời. Tuy nghe như thế, thầy ấy không khởi lòng dục. Đến giờ khất thực, vị Tỳ-kheo ấy giữ gìn thân, miệng và ý; đắp y, ôm bát vào làng. Tuy thấy người con gái nhưng thầy ấy không khởi lòng dục, không có niệm tà, dù cùng người con gái đó trò chuyện cũng chẳng khởi lòng dục, cũng không niệm tà. Nếu như cùng người con gái đó xúc chạm, nắm tay, lúc ấy Tỳ-kheo liền khởi lòng dục, thân, miệng và ý liền buông lung. Khi lòng dục quá độ, thầy ấy trở về chốn a-lan-nhã, đến chỗ Tỳ-kheo trưởng lão, đem nhân duyên này thưa với trưởng lão Tỳ-kheo:

"Chư Hiền nên biết! Nay tôi lòng dục quá độ, khó tự kiềm chế. Cúi mong chư Hiền thuyết pháp khiến cho tôi thoát khỏi sự nhơ nhớp, bất tịnh của lòng dục."

Bấy giờ, trưởng lão Tỳ-kheo bảo:

"Ông nên quán lòng dục này từ đâu sanh? Từ đâu diệt? Như Lai đã dạy: 'Người muốn trừ dục nên dùng pháp quán bất tịnh để trừ. Vì pháp quán bất tịnh là một phương pháp tu hành.'"

Tỳ-kheo trưởng lão liền nói kệ:

Nếu biết lòng điên đảo,
Hãy trừ tâm dấy tưởng,
Khiến tâm thêm bừng bừng,
Lòng dục liền dứt ngưng.

"Chư Hiền nên biết, lòng dục này do vọng tưởng sanh, vì dấy niệm tưởng liền sanh lòng dục. Lòng dục này có thể hại mình và hại người, sanh khởi nhiều tai họa nguy khốn, ở hiện đời đã chịu khổ, lo toan, đời sau phải chịu khổ vô lượng. Lòng dục đã trừ, không tự hại mình, cũng chẳng hại người khác, phước báu hiện đời không thọ khổ đau. Thế nên, nay hãy dứt trừ niệm tưởng. Do không còn niệm tưởng thì không có lòng dục, đã không có lòng dục thì sẽ không loạn tưởng."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhận lời dạy bảo liền tư duy tưởng bất tịnh. Do tư duy tưởng bất tịnh nên tâm được giải thoát khỏi phiền não, đạt đến chỗ vô vi, như người thứ năm kia mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu. Dù thấy quân địch nhưng ông ta không hề sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm ông ta không dao động, có thể phá diệt giặc thù ngoài biên, mở mang bờ cõi. Do vậy nên nói

hạng người này có thể phá chúng ma, diệt trừ loạn tưởng, đạt đến chỗ vô vi. Đó là hạng người thứ năm xuất hiện trên đời.

Tỳ-kheo nên biết! Thế gian này có năm hạng người xuất hiện ở đời. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nhớ tu hành, dục là tưởng bất tịnh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. QUÉT ĐẤT[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người quét đất do năm việc nên không có công đức. Là năm việc nào? Ở đây, người quét đất chẳng biết ngược gió, chẳng biết thuận gió, không biết gom lại, không quét sạch dơ bẩn và quét xong rồi nhưng chỗ đã quét lại không sạch sẽ. Do vậy, này Tỳ-kheo! Người quét đất do năm việc nên không có công đức lớn.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Người quét đất thành tựu năm công đức. Là năm công đức nào? Ở đây, người quét đất biết được thuận gió, biết khi ngược gió, biết cách gom lại, biết cách quét sạch dơ bẩn nhưng không bỏ sót và làm cho mọi nơi sạch sẽ, tốt đẹp. Do vậy, này Tỳ-kheo! Nhờ năm việc này sẽ thành tựu công đức lớn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên trừ bỏ năm việc trước, tu năm pháp sau.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. QUÉT THÁP[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.33.5. 0688b09).

[24] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.33.6. 0688b21).

– Có người quét tháp[25] nhưng không được năm thứ công đức. Là năm công đức nào? Đó là, quét tháp nhưng không lấy nước rưới đất; không gom nhặt ngói, đá; không sửa sang cho bằng phẳng; không chánh niệm khi quét tháp và không tẩy sạch dơ bẩn. Do vậy, này Tỳ-kheo! Người quét tháp nhưng không thành tựu năm công đức.

Tỳ-kheo nên biết! Người quét tháp thành tựu năm công đức. Là năm công đức nào? Ở đây, người quét tháp lấy nước rưới đất; gom nhặt ngói, đá; san bằng đất đai; chánh niệm trong khi quét và tẩy sạch dơ bẩn. Do vậy, này Tỳ-kheo! Có năm việc khiến người quét tháp được công đức.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Người muốn cầu công đức nên làm năm việc này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. DU HÀNH[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người du hành nhiều có năm trở ngại. Là năm trở ngại nào? Ở đây, người thường du hành không đọc tụng giáo pháp, hay lãng quên giáo pháp vốn đã đọc tụng, tâm không định tĩnh, tuy đạt được định[27] nhưng lại đánh mất và nghe pháp nhưng không ghi nhớ. Như vậy, này Tỳ-kheo! Người du hành nhiều có năm trở ngại này.

Tỳ-kheo nên biết! Người không du hành nhiều có năm công đức. Là năm công đức nào? Pháp chưa từng nghe thì sẽ được nghe; đã nghe rồi thì không quên mất; nghe nhiều và có thể giữ gìn điều đã nghe; tâm được định tĩnh và đã đạt được định thì không đánh mất nữa.

Do vậy, này Tỳ-kheo! Người không du hành nhiều có năm công đức này.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Chớ nên du hành nhiều.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[25] Nguyên tác: Thâu-bà (偷婆, *thūpa*). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0020b03) ghi: Tháp miếu (塔廟).

[26] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.7. 0688c04). Tham chiếu: *A*. 5.221 - III. 257.

[27] Nguyên tác: Tam-muội (三昧, *samādhi*): Chánh định; ngoài ra còn có các phiên âm khác như tam-ma-địa (三摩地), tam-ma-đề (三摩提).

8. CHƯỚNG NGẠI KHI TRỤ LÂU MỘT CHỖ[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có Tỳ-kheo trụ lâu một chỗ sẽ có năm điều phi pháp. Là năm điều nào? Ở đây, vị Tỳ-kheo ở một chỗ thì tâm sẽ dính mắc vào nhà cửa, sợ người khác chiếm đoạt; hoặc tâm dính mắc vào tài sản nên sợ người [khác] chiếm đoạt; hoặc tích chứa nhiều vật dụng giống như người đời;[29] dính mắc vào đồ chúng, không muốn cho người khác qua lại nhà của đồ chúng và thường giao du qua lại với cư sĩ. Do vậy, này Tỳ-kheo! Người ở một chỗ có năm điều phi pháp này.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện, chớ ở một chỗ.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. LỢI ÍCH KHI KHÔNG TRỤ LÂU MỘT CHỖ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người không trụ một chỗ có năm công đức. Là năm công đức nào? Không tham đắm nhà cửa, không tham đắm đồ vật, không chứa nhiều tài vật, không dính mắc bà con và chẳng qua lại giao thiệp với cư sĩ. Như thế, này Tỳ-kheo! Người không trụ một chỗ có năm công đức này.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện thực hành năm việc này.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[28] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.8. 0688c16). Tham chiếu: *A*. 5.223 - III. 258.

[29] Nguyên tác: Bạch y (白衣). *SĀ*. 1032 gọi là "cư gia bạch y" (居家白衣); *MĀ*. 63 ghi: Tại gia bạch y (在家白衣).

[30] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.9. 0688c25). Tham chiếu như kinh trên.

10. CÂY KHÔ CHÁY[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ bên hồ Quang Minh, thuộc nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo đi du hóa trong nhân gian.

Khi ấy, đức Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt cháy. Thấy rồi, Như Lai ngồi xuống bên một gốc cây rồi bảo các Tỳ-kheo:

– Thế nào, Tỳ-kheo! Thà đem thân này nhảy vào trong lửa hay nên cùng giao du với người nữ đoan chánh?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Nên cùng người nữ tiếp xúc giao du chứ không nên nhảy vào trong lửa. Vì sao như thế? Vì lửa này nóng bức, không thể diễn tả, nó sẽ đoạn dứt mạng sống, chịu khổ vô biên.

Đức Thế Tôn bảo:

– Nay Ta bảo các thầy: Không phải hàng Sa-môn mà nhận là Sa-môn, không phải bậc Phạm hạnh mà nhận là bậc Phạm hạnh, chưa nghe Chánh pháp mà bảo rằng từng nghe Chánh pháp. Người như thế chẳng có gì trong sạch, thà nhảy vào đống lửa này chứ không nên cùng người nữ giao thiệp. Vì sao như vậy? Vì kẻ kia tuy phải chịu đau khổ cùng cực khi nhảy vào trong lửa, còn hơn là phải đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng.

Thế nào, Tỳ-kheo! Thà được người cung kính lễ bái hay phải chịu người dùng kiếm bén cắt đứt chân tay.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Nên để người cung kính lễ bái, còn hơn là phải bị người dùng kiếm bén cắt đứt chân tay? Vì sao như vậy? Vì chặt tay chân đau đớn không tả xiết.

Thế Tôn dạy:

– Nay Ta bảo các thầy: Không phải hàng Sa-môn mà nhận là Sa-môn, không phải bậc Phạm hạnh mà nhận là Phạm hạnh, chưa từng nghe Chánh pháp mà bảo rằng đã nghe Chánh pháp, đây là hạng người không trong sạch, mất hết căn lành. Người như thế, thà đưa thân mình chịu chém, còn hơn là không giới hạnh mà nhận sự cung kính của người. Vì sao như thế? Vì nỗi đau do bị đao kiếm chỉ thoáng chốc mà thôi, thế nhưng thống khổ ở địa ngục thì không thể tính kể.

Thế nào, Tỳ-kheo! Thà thọ nhận y phục của người, còn hơn là phải bị lấy dây sắt nóng quấn lấy thân?

Các Tỳ-kheo đáp:

---

[31] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.10. 0689a04). Tham chiếu: *Mộc tích dụ kinh* 木積喻經 (*T*.01. 0026.5. 0425a16); *A*. 7.68 - IV. 128.

– Nên thọ nhận y phục của người chứ không thể chịu đựng nỗi thống khổ này. Vì sao như thế? Vì điều thống khổ ấy không thể tính kể.

Thế Tôn dạy:

– Ta nhắc lại một lần nữa để các thầy biết: Người không giới hạnh thì thà lấy dây sắt nóng quấn vào thân, chớ không nên thọ nhận y phục của người. Sở dĩ như vậy là vì sự thống khổ do sắt nóng quấn thân chỉ trong chốc lát, còn sự đau khổ ở chốn địa ngục thì lâu dài không thể tính kể.

Thế nào, Tỳ-kheo! Thà nhận thức ăn của tín thí hay nên nuốt hòn sắt nóng?

[0689b04] Các Tỳ-kheo đáp:

– Nên nhận thức ăn của tín thí chứ không thể nuốt hòn sắt nóng. Sở dĩ như vậy là vì nuốt hòn sắt nóng quá đau đớn không thể chịu đựng.

Thế Tôn dạy:

– Nay Ta bảo các thầy: Thà nuốt hòn sắt nóng chứ không nên không có giới hạnh mà thọ nhận của tín thí. Vì sao như thế? Vì nuốt hòn sắt nóng chỉ khổ đau trong chốc lát, chớ nên thọ của tín thí mà lại không giới hạnh.

Thế nào, Tỳ-kheo! Nên nhận giường chiếu, ngọa cụ của người hay phải chịu nằm trên giường sắt nóng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con nên nhận giường chiếu, ngọa cụ của người, chứ không chịu nằm trên giường sắt nóng. Sở dĩ như thế là vì nằm trên giường sắt nóng đau khổ muôn vàn.

Thế Tôn dạy:

– Kẻ ngu si kia, không có giới hạnh, chẳng phải Sa-môn mà nhận là Sa-môn, không tu Phạm hạnh mà bảo tu Phạm hạnh thì thà nằm trên giường sắt nóng, chớ nên không có giới hạnh mà thọ của tín thí. Sở dĩ như thế là vì nằm trên giường sắt nóng chịu khổ chốc lát, chớ nên thọ của tín thí mà không giới hạnh.

Tỳ-kheo nên biết! Hôm nay, Ta nói về thọ báo của người không giới hạnh. Nếu người ấy ở trong nhân gian thì hình hài khô héo, hộc máu miệng, máu mũi mà chết.

Do vậy, chớ nên cùng người nữ giao du, không có đức hạnh thì chớ nhận người kính lễ và cũng không nên thọ nhận y phục, thực phẩm, giường chiếu, ngọa cụ và thuốc thang của người. Do vì người không giới hạnh này chẳng e dè tội lỗi đời trước hoặc đời sau, chẳng đoái hoài đến mạng sống nên phải chịu sự khổ đau cùng cực này. Người không giới hạnh sẽ bị đọa vào ba đường ác. Vì sao như thế? Vì tạo hạnh xấu ác nên phải bị đọa lạc vào đây.

Hôm nay, Như Lai cũng nói về phước quả của người làm lành, dù họ bị đau đớn do đao kiếm cắt thân, hay bị đoạn mạng sống. Vì sao như vậy? Vì họ chấp nhận xả bỏ thân này để hưởng phước của cõi trời và sẽ sanh vào cõi lành. Quả báo thù thắng đó là do phước báu từ việc lành ở đời trước đem đến.

Do vậy, này Tỳ-kheo! Phải thường nhiếp niệm sự tu hành về giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân. Muốn đời này có phước báu, thấy rõ con đường bất tử thì tuy phải thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nằm và thuốc thang nhưng không được lầm lỗi, khiến cho đàn-việt được phước lạc vô biên.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

[0689c01] Lúc đức Phật dạy bài pháp này thì sáu mươi Tỳ-kheo được tâm giải thoát, phiền não dứt sạch và cũng có sáu mươi Tỳ-kheo từ bỏ pháp phục trở về làm cư sĩ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:

Ngũ vương cập Nguyệt Quang, Thi-bà, Nhị chủng đấu,
Nhị tảo, Nhị hành pháp, Khứ trụ hữu nhị chủng,
Khô thụ tối tại hậu.[32]

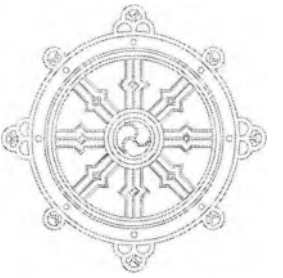

[32] Nguyên tác Nhiếp tụng: 五王及月光; 尸婆, 二種鬥; 二掃, 二行法; 去住有二種; 枯樹最在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 25.

34. PHẨM ĐẲNG KIẾN[1]

1. TỲ-KHEO NÊN TƯ DUY[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng thăm hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa:

– Tỳ-kheo trì giới thì nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Tỳ-kheo trì giới nên tư duy năm thủ uẩn[3] là vô thường, khổ đau, phiền não và nhiều lo sợ; cũng nên tư duy về khổ, không và vô ngã. Là năm thủ uẩn nào? Đó là sắc uẩn, thọ uẩn,[4] tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Tỳ-kheo trì giới tư duy về năm uẩn này, liền chứng quả vị Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả đáp:

– Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn cũng nên tư duy năm thủ uẩn này là khổ đau, phiền não và nhiều lo sợ, cũng nên tư duy về khổ, không và vô ngã. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn tư duy về năm uẩn này sẽ thành tựu quả vị Tư-đà-hàm.

Các Tỳ-kheo hỏi:

– Tỳ-kheo Tư-đà-hàm nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả đáp:

– Tỳ-kheo Tư-đà-hàm cũng nên tư duy năm thủ uẩn này là khổ đau, phiền não và nhiều lo sợ; cũng nên tư duy về khổ, không và vô ngã. Tỳ-kheo Tư-đà-hàm tư duy về năm thủ uẩn này sẽ thành tựu quả vị A-na-hàm.

---

[1] Nguyên tác: *Đẳng kiến phẩm* 等見品 (*T*.02. 0125.34. 0689c13). Căn cứ vào *Kinh Tăng nhất A-hàm*, ở các kinh: 10.2; 19.2, 23.9; 24.5… phần nói về tám chi Thánh đạo, có thể xác định rằng, đẳng kiến (等見) chính là tên gọi khác của chánh kiến (正見).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.1. 0689c14). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.259. 0065b05); *S*. 22.122 - III. 167.

[3] Nguyên tác: Thạnh ấm (盛陰).

[4] Nguyên tác: Thống ấm (痛陰).

[0690a02] Các Tỳ-kheo thưa:

– Tỳ-kheo A-na-hàm nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả đáp:

– Tỳ-kheo A-na-hàm cũng nên tư duy năm thủ uẩn này là khổ đau, phiền não và nhiều lo sợ; cũng nên tư duy về khổ, không và vô ngã. Tỳ-kheo A-na-hàm tư duy về năm thủ uẩn sẽ thành tựu quả vị A-la-hán.

Các Tỳ-kheo hỏi:

– Tỳ-kheo A-la-hán nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả đáp:

– Điều các thầy hỏi có vượt xa quá chăng? Tỳ-kheo A-la-hán việc làm đã xong, không còn tạo nghiệp, tâm hữu lậu đã được giải thoát, không còn trôi lăn trong biển sanh tử năm đường, không còn thọ thân sau thì còn tạo tác gì nữa? Thế nên, chư Hiền! Tỳ-kheo trì giới, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm nên tư duy về năm thủ uẩn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. VƯƠNG NẠN TỲ-LƯU-LY[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Uyển, trú xứ của chư tiên, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, đức Như Lai thành đạo chưa lâu, thế gian tôn xưng Ngài là bậc Đại Sa-môn. Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc mới lên ngôi, nối ngôi. Nhà vua thầm nghĩ: "Ta mới lên ngôi nên cưới con gái dòng họ Thích. Nếu được họ gả thì ta sẽ mãn nguyện, bằng không, ta sẽ dùng vũ lực để bức ép."

Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc sai một vị đại thần:

– Khanh hãy đi đến vương cung dòng họ Thích ở thành Ca-tỳ-la-vệ, nhân danh ta báo cho họ biết rằng: "Vua Ba-tư-nặc vấn an sức khỏe, mong cuộc sống luôn luôn thuận lợi." Rồi hãy bảo họ rằng, ta muốn cưới con gái dòng họ Thích. Nếu chấp thuận thì ta sẽ ghi mãi ơn đức, nếu như trái lời thì ta sẽ dùng vũ lực đến áp bức.

Tuân lệnh vua, đại thần liền đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, năm trăm người dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ cùng tập hợp một chỗ. Đến nơi, đại thần liền nhân danh Vua Ba-tư-nặc rồi truyền lệnh rằng:

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.2. 0690a13). Tham chiếu: *DhA*. 4.3; *J*. IV. 465.

– Vua Ba-tư-nặc ân cần hỏi thăm sức khỏe, mong cuộc sống luôn luôn thuận lợi. Nhà vua muốn cưới con gái họ Thích, nếu thuận tình thì quả là đại phúc, ngược lại nếu như trái lời thì nhà vua sẽ dùng vũ lực áp bức.

Nghe xong, dòng họ Thích vô cùng tức giận: "Chúng ta là dòng dõi cao quý sao lại kết thân với kẻ hèn?" Trong chúng có người bảo nên thuận theo, cũng có người bàn ngược lại.

[0690b01] Bấy giờ, trong những người họ Thích có người tên Ma-ha-nam bảo rằng:

– Chư Hiền chớ sân hận. Vì sao như thế? Vua Ba-tư-nặc là người bạo ác, nếu chống cự thì ông ta sẽ chinh phạt nước ta. Tôi sẽ đích thân hội kiến nhà vua rồi cùng bàn về sự tình này.

Lúc ấy, người tỳ nữ trong nhà Ma-ha-nam có một cô con gái dung mạo đoan chánh, hiếm có trên đời. Ma-ha-nam sai người tắm rửa, cho mặc áo đẹp, rồi dùng xe trang trí bằng lông chim quý, đưa cô ta đến chỗ Vua Ba-tư-nặc rồi tâu:

– Đây là con gái tôi, ngài có thể thành thân với nó.

Lấy được cô gái này, Vua Ba-tư-nặc hết sức vui mừng, liền lập cô làm đệ nhất phu nhân. Ít lâu sau, phu nhân mang thai, trải qua tám, chín tháng sanh ra một đứa trẻ đoan chánh vô song, thế gian hiếm có. Vua Ba-tư-nặc liền triệu tập các thầy tướng để đặt tên cho thái tử.

Xem thái tử xong, các thầy tướng liền tâu rằng:

– Tâu Đại vương! Lúc ngài xin lập Hoàng hậu, dòng họ Thích tranh luận với nhau, có người nói "nên gả", kẻ nói "không nên", khiến đôi bên chia rẽ. Nay nên theo đó đặt tên là Tỳ-lưu-lặc.[6]

Đặt tên xong, các thầy tướng đứng dậy ra về.

Vua Ba-tư-nặc rất mực yêu thương thái tử, chưa từng rời mắt. Khi Thái tử Lưu-ly tròn tám tuổi, nhà vua bảo rằng:

– Nay con đã lớn, hãy đến thành Ca-tỳ-la-vệ học bắn cung.

Khi đó, Vua Ba-tư-nặc sai những người hầu, cỡi voi lớn đưa thái tử đến vương cung dòng họ Thích, vào nhà Ma-ha-nam rồi thưa rằng:

– Phụ thân bảo con đến đây học cách bắn cung. Cúi mong ông bà ngoại dạy dỗ mọi sự.

Ma-ha-nam bảo:

– Muốn học bắn cung thì phải siêng năng tập luyện.

Thích Ma-ha-nam liền tập hợp năm trăm trẻ con cùng học bắn cung. Lúc ấy, Thái tử Lưu-ly cùng học bắn cung với năm trăm đứa trẻ này.

Bấy giờ, trong thành Ca-tỳ-la-vệ mới dựng một giảng đường. Trời, người, ma và thiên ma đều chưa từng ở đó. Những người họ Thích nói với nhau:

---

[6] Tỳ-lưu-lặc (毘婁勒, Viḍūḍabha) còn gọi là Tỳ-lưu-ly.

– Giảng đường này vừa mới hoàn thành, sơn vẽ đã hoàn tất, không khác gì cung trời. Trước hết, chúng ta nên thỉnh Như Lai và chúng Tỳ-kheo vào đây để cúng dường, sẽ được phước vô cùng.

Khi ấy, dòng họ Thích trang hoàng giảng đường bằng các loại tọa cụ, treo kết phướn lọng, rưới dầu thơm trên đất, đốt các loại hương quý, chuẩn bị nước sạch, thắp sáng đèn đuốc. Bấy giờ, Thái tử Lưu-ly dẫn năm trăm đứa trẻ đến giảng đường, rồi leo ngay lên tòa sư tử. Thấy vậy, những người họ Thích hết sức giận dữ, liền đến nắm tay thái tử, kéo ra ngoài cửa rồi cùng nhau mắng nhiếc:

– Này đứa tiện tỳ! Chư thiên và người đời chưa có ai dám vào đây, nhà ngươi là con của tiện tỳ sao lại dám vào đây ngồi?

Rồi họ xô Thái tử Lưu-ly ngã lăn xuống đất. Thái tử Lưu-ly đứng bật dậy, ngoái nhìn phía sau rồi thở dài. Khi đó, có người con của Phạm chí tên là Hiếu Khổ đang đứng hầu, Thái tử Lưu-ly liền bảo Hiếu Khổ rằng:

– Họ Thích sỉ nhục ta như vậy, sau này nếu ta nối ngôi vua, ông nên nhắc lại chuyện này.

[0690c12] Hiếu Khổ, con của Phạm chí đáp:

– Xin tuân lệnh thái tử!

Từ đó, mỗi ngày người con của Phạm chí kia tâu thái tử ba lần:

– Hãy nhớ mối nhục họ Thích!

Rồi nói kệ:

Tất cả sẽ lụi tàn, Quả chín cũng sẽ rụng,
Hội họp ắt sẽ tan, Có sanh thì có chết.

Đến khi mãn duyên ở trần thế, Vua Ba-tư-nặc băng hà, Thái tử Lưu-ly lên nối ngôi vua. Phạm chí Hiếu Khổ liền tâu rằng:

– Tâu Đại vương! Hãy nhớ xưa kia bị họ Thích sỉ nhục.

Vua Lưu-ly đáp:

– Lành thay, lành thay! Khéo nhớ việc cũ.

Khi ấy, Vua Lưu-ly liền nổi trận lôi đình hỏi quần thần:

– Hiện nay, ai là chúa tể của muôn dân?

Quần thần tâu:

– Muôn dân hiện nay do Đại vương thống lãnh.

Vua Lưu-ly bảo:

– Các ngươi cấp tốc chuẩn bị triệu tập bốn binh chủng.[7] Ta muốn chinh phạt dòng họ Thích.

[7] Tứ bộ binh (四部兵) gồm tượng binh (象兵), mã binh (馬兵), xa binh (車兵) và bộ binh (步兵). Theo *Chuyển Luân Thánh vương tu hành kinh* 轉輪聖王修行經 (*T*.01. 0001.6. 0040a07).

Quần thần đáp:

– Xin tuân lệnh Đại vương!

Nhận lệnh vua, quần thần liền tập hợp bốn binh chủng. Vua Lưu-ly dẫn bốn binh chủng đến nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, hay tin Vua Lưu-ly chinh phạt họ Thích, chúng Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi đứng sang một bên, đem nhân duyên này thuật lại tường tận với Ngài. Nghe xong, đức Thế Tôn liền ra tiếp đón Vua Lưu-ly. Ngài đến một cây khô không có cành lá rồi ngồi kiết-già. Từ xa, thấy đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, nhà vua liền xuống xe đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát đất rồi đứng sang một bên.

[0691a03] Bấy giờ, Vua Lưu-ly bạch đức Thế Tôn:

– Có những cây tốt, cành lá sum suê như cây Ni-câu-lưu... Sao Ngài lại ngồi bên cội cây khô này?

Đức Thế Tôn đáp:

– Bóng của thân tộc mát hơn người ngoài.

Vua Lưu-ly liền nghĩ: "Hôm nay, đức Thế Tôn đã vì thân tộc, ta nên quay về nước mình, không nên chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ."

Vua Lưu-ly liền cáo từ rồi lui binh. Khi ấy, Phạm chí Hiếu Khổ lại tâu vua:

– Hãy nhớ khi xưa bị họ Thích làm nhục!

Nghe xong, nhà vua lại nổi giận:

– Các ngươi mau sửa soạn xe cộ, tập hợp bốn binh chủng. Ta muốn chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.

Quần thần lập tức triệu tập bốn bộ binh chủng ra khỏi thành Xá-vệ đến Ca-tỳ-la-vệ chinh phạt họ Thích. Khi ấy, chúng Tỳ-kheo nghe tin liền đến bạch Thế Tôn:

– Vua Lưu-ly đang hưng binh tấn công dòng họ Thích.

Nghe vậy, đức Thế Tôn liền dùng thần túc đến bên vệ đường, tĩnh tọa bên cội cây khô. Từ xa trông thấy, nhà vua liền xuống xe đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Vua Lưu-ly thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Còn có những cây tốt sao Ngài không đến ngồi, lý do gì mà phải ngồi bên cội cây khô này?

Đức Thế Tôn đáp:

– Bóng của thân tộc mát hơn người ngoài.

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ:

Bóng mát của thân tộc,
Đều cành lá của Ta,
Phật, dòng Thích sanh ra,
Nên ngồi bên cây này.

Vua Lưu-ly lại nghĩ: "Đức Thế Tôn vốn xuất thân từ dòng họ Thích. Ta không nên chinh phạt mà nên lui binh về nước."

Vua Lưu-ly liền trở về thành Xá-vệ. Phạm chí Hiếu Khổ lại tâu vua:

– Đại vương hãy nhớ khi xưa bị họ Thích làm nhục!

Nghe xong, nhà vua lại triệu tập bốn bộ binh chủng kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Khi ấy, hay tin Vua Lưu-ly chinh phạt dòng họ Thích, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

– Hôm nay, Vua Lưu-ly triệu tập bốn bộ binh chủng đi chinh phạt dòng họ Thích. Con có khả năng ném Vua Lưu-ly và bốn bộ binh chủng sang thế giới khác.

[0691b03] Đức Thế Tôn bảo:

– Thầy có thể ném nghiệp duyên đời trước của dòng họ Thích sang phương khác được chăng?

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

– Quả thật con không thể ném nghiệp duyên đời trước sang phương khác.

Đức Thế Tôn lại bảo Mục-liên:

– Thầy hãy về chỗ ngồi đi.

– Con có thể dời thành Ca-tỳ-la-vệ này đặt giữa hư không.

Thế Tôn bảo:

– Thầy có thể dời nghiệp duyên đời trước của dòng họ Thích đặt giữa hư không chăng?

Mục-liên đáp:

– Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật bảo Mục-liên:

– Thầy hãy về chỗ của mình!

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên lại bạch Phật:

– Cúi mong đức Thế Tôn cho phép con lấy lồng sắt che phủ lên thành Ca-tỳ-la-vệ!

Đức Thế Tôn bảo:

– Này Mục-liên! Thầy có thể lấy lồng sắt che phủ lên nghiệp duyên đời trước chăng?

Mục-liên đáp:

– Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

– Thầy hãy trở về chỗ đi! Hôm nay, nghiệp duyên đời trước của dòng họ Thích đã chín muồi, đã đến lúc phải lãnh thọ quả báo.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Khiến hư không thành đất, Đất biến thành hư không,
Bị duyên xưa trói dẫn, Nghiệp này vẫn chưa tan.

Lúc ấy, Vua Lưu-ly tiến đến thành Ca-tỳ-la-vệ. Dòng họ Thích nghe tin Vua Lưu-ly đem bốn bộ binh chủng đến công phạt, họ liền tụ tập bốn bộ binh chủng trong khoảng một do-tuần để nghinh chiến.

Khi ấy, từ khoảng cách một do-tuần, dòng họ Thích bắn tên vào Vua Lưu-ly, hoặc bắn vào tai mà không gây thương tổn đến tai, hoặc bắn vào búi tóc nhưng không tổn thương đầu, hoặc bắn cho cung gãy, hoặc bắn đứt dây cung nhưng không tổn hại đến người, hoặc bắn áo giáp nhưng không thương tổn người, hoặc bắn vào chỗ ngồi nhưng không hại người, hoặc bắn hỏng bánh xe nhưng không thương tổn người, hoặc làm gãy cờ xí nhưng không hại người.

Bấy giờ, Vua Lưu-ly thấy việc này liền sợ hãi nên bảo quần thần:

– Các khanh xem cung tên này từ đâu bay tới?

Quần thần đáp:

– Do các Thích tử bắn cách đây một do-tuần.

Vua Lưu-ly bảo:

– Nếu họ cố ý muốn hại ta thì chúng ta đã chết cả rồi! Hãy mau trở về Xá-vệ!

Bấy giờ, Phạm chí Hiếu Khổ đến tâu rằng:

– Đại vương chớ sợ! Những Thích tử này đều trì giới, côn trùng còn chẳng làm hại huống là hại người. Nay ta nên tiến quân ắt có thể tiêu diệt được họ Thích.

[0691c02] Vua Lưu-ly đưa quân tiến về phía họ Thích. Dòng họ Thích rút vào trong thành. Vua Lưu-ly ở ngoài thành truyền lệnh rằng:

– Các ngươi mau mở cổng thành! Nếu không tuân lệnh, ta sẽ đánh chiếm và giết sạch các ngươi!

Bấy giờ, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có đứa trẻ họ Thích, tuổi mới mười lăm tên là Xa-ma, nghe Vua Lưu-ly đang ở ngoài cửa liền mặc giáp, cầm gậy, lên trên thành một mình quyết chiến với Vua Lưu-ly. Khi ấy, đồng tử Xa-ma giết hại nhiều binh lính khiến họ chạy tán loạn và tự hỏi:

– Đây là người nào? Là trời hay là quỷ thần? Nhìn từ xa trông giống như đứa bé.

Lúc ấy, Vua Lưu-ly quá sợ hãi liền vào hang trú ẩn.

Khi ấy, dòng họ Thích nghe binh lính của Vua Lưu-ly bị hại, họ liền gọi đồng tử Xa-ma đến bảo rằng:

– Ngươi tuổi còn nhỏ, cớ sao dám làm nhục gia phong chúng ta? Lẽ đâu chẳng biết họ Thích thực hành pháp lành? Chúng ta đã không thể hại côn trùng huống là mạng người? Chúng ta có thể tiêu diệt quân lính này, một người địch muôn người, nhưng đã nghĩ rằng: "Như vậy là giết hại chúng sanh nhiều không

kể xiết." Thế Tôn đã dạy: "Phàm ai giết mạng người, chết sẽ đọa địa ngục. Nếu sanh trong loài người, thọ mạng sẽ ngắn ngủi." Ngươi mau đi đi, không được ở đây nữa.

Khi ấy, đồng tử Xa-ma liền đi ra khỏi nước, không trở lại Ca-tỳ-la-vệ nữa. Vua Lưu-ly lại đến giữa cửa bảo người gác thành rằng:

– Hãy mau mở cửa thành, chớ để ta đợi lâu!

Khi ấy, những người dòng họ Thích vẫn đang phân vân: "Nên mở cửa thành hay không?"

Bấy giờ, Tệ ma Ba-tuần ở trong họ Thích, biến thành một Thích tử và bảo:

– Các ông nên mở cửa thành, chớ để hôm nay cùng chịu khổ nạn!

Họ Thích liền cho mở cửa thành. Khi ấy, Vua Lưu-ly liền bảo quần thần:

– Dân chúng họ Thích rất đông, đao kiếm không thể tàn sát hết được, hãy bắt tất cả binh lính chôn chân trong đất, rồi sau cho voi dữ giày chết.

Bấy giờ, quần thần vâng lệnh vua, liền cho voi giày chết cả.

Vua Lưu-ly ra lệnh quần thần:

– Các khanh hãy chọn cho ta năm trăm thiếu nữ dung nhan xinh đẹp của họ Thích!

Tuân lệnh vua, quần thần liền chọn năm trăm cô gái đoan chánh đem đến chỗ vua. Khi ấy, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Vua Lưu-ly rồi bảo rằng:

– Xin cho tôi một ân huệ!

[0692a02] Vua Lưu-ly nói:

– Ông cần ân huệ gì?

Ma-ha-nam bảo:

– Tôi sẽ lặn xuống nước, trong khoảng thời gian đó, hãy cho những người họ Thích được chạy trốn! Đến khi tôi ngoi lên mặt nước thì các ông cứ tùy ý chém giết.

Vua Lưu-ly nói:

– Việc này hợp lý!

Thích Ma-ha-nam liền nhảy xuống nước, cột tóc vào gốc cây để tự vẫn. Khi ấy, những người họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ, ra từ cửa Đông lại đi vào cửa Nam, hoặc ra từ cửa Nam lại đi vào cửa Bắc, hoặc ra từ cửa Tây lại đi vào cửa Bắc. Bấy giờ, Vua Lưu-ly bảo quần thần:

– Tổ phụ Ma-ha-nam cớ sao lại ẩn dưới nước đến giờ chưa ngoi lên?

Các quần thần nghe lệnh vua, nhảy xuống nước kéo Ma-ha-nam lên nhưng ông đã chết.

Chứng kiến cái chết của Ma-ha-nam, Vua Lưu-ly cảm thấy hối hận và bảo:

– Ông ngoại của ta đã chết vì yêu thân tộc. Ta không biết trước nên để ông tự vẫn. Nếu biết thế, ta không bao giờ chinh phạt họ Thích.

Khi ấy, Vua Lưu-ly đã giết chín ngàn chín trăm chín mươi vạn người, máu chảy thành sông, thiêu rụi thành Ca-tỳ-la-vệ, rồi đến vườn Ni-câu-lưu.[8] Bấy giờ, Vua Lưu-ly bảo năm trăm cô gái họ Thích rằng:

– Các khanh yên tâm, chớ có sầu lo, ta là phu quân của các khanh, các khanh là thê thiếp của ta, hãy cùng vui chơi thỏa thích!

Khi ấy, Vua Lưu-ly liền vung tay bắt một cô, muốn đùa cợt. Cô gái hỏi:

– Đại vương muốn làm gì vậy?

Vua đáp:

– Muốn cùng cô giao tình!

Cô gái đáp:

– Sao ta phải cộng giao với con của nô tỳ?

Vua Lưu-ly vô cùng giận dữ, ra lệnh cho quần thần:

– Mau đem cô gái này chặt tay chân rồi quẳng xuống hầm sâu!

Quần thần tuân lệnh vua chặt tay chân cô gái, quẳng cô xuống hầm. Năm trăm cô gái đều mắng nhiếc vua:

– Tiếc gì mạng sống mà phải thông giao với con của nô tỳ?

Vua giận dữ bắt hết năm trăm cô gái chặt tay chân và xô xuống hầm sâu.

Sau khi đã phá hủy hết Ca-tỳ-la-vệ rồi, Vua Lưu-ly liền trở về thành Xá-vệ.

Bấy giờ, Thái tử Kỳ-đà ở trong thâm cung vui đùa cùng kỹ nữ. Vua Lưu-ly nghe tiếng đàn hát liền hỏi:

– Âm thanh gì vang vọng đến đây?

[0692b01] Quần thần tâu:

– Đó là tiếng ca múa, đàn hát vui chơi của Vương tử Kỳ-đà ở trong thâm cung.

Vua Lưu-ly liền sai người hầu:

– Hãy quay voi đến chỗ Vương tử Kỳ-đà!

Từ xa trông thấy vua đến, người giữ cửa liền tâu:

– Đại vương hãy thong thả, Vương tử Kỳ-đà đang vui thú năm dục ở trong cung, xin chớ quấy nhiễu!

Vua Lưu-ly liền rút gươm giết người giữ cửa. Vương tử Kỳ-đà nghe Vua Lưu-ly đứng ở ngoài cửa, chẳng kịp từ giã kỹ nữ, liền đi ra ngoài để vấn an:

– Quý hóa thay vì Đại vương đến! Mời ngài vào đây tạm nghỉ ngơi.

[8] Ni-câu-lưu (尼拘留, Nigrodha).

Vua Lưu-ly bảo:

– Ngươi không biết ta đánh nhau với họ Thích sao?

Kỳ-đà đáp:

– Có nghe!

Vua Lưu-ly nói:

– Sao ngươi vui đùa với kỹ nữ mà không chịu giúp ta?

Vương tử Kỳ-đà đáp:

– Ta không thể giết hại mạng sống chúng sanh.

Vua Lưu-ly hết sức giận dữ, rút gươm chém chết Vương tử Kỳ-đà. Sau khi qua đời, Vương tử Kỳ-đà sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, lại vui chơi cùng năm trăm thiên nữ.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quán sát, thấy Vương tử Kỳ-đà qua đời đã sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, liền nói kệ này:

Phẩm hạnh của Kỳ-đà,
Làm lành sau hưởng quả,
Trước lo, sau cũng lo,
Làm ác sau chịu khổ,
Nên nương vào phước lực,
Hoặc riêng một mình làm,
Làm ác biết ác báo,
Hoặc riêng một mình làm,
Trong trời, người hưởng phước,
Làm lành sau hưởng quả,
Trước lo, sau cũng lo,
Làm ác sau thọ khổ,
Cõi trời, người hưởng phước,
Do hạnh nghiệp hiện đời.
Lưu-ly lo hai nơi,
Do hạnh nghiệp hiện đời.
Trước sau làm không ngưng,
Hoặc làm người chẳng biết.
Trước sau làm như nhau,
Hoặc làm không ai biết.
Phước dày cả hai nơi,
Do hạnh nghiệp hiện đời.
Làm ác lo hai nơi,
Do hạnh nghiệp hiện đời.

[0692c01] Bấy giờ, năm trăm cô gái họ Thích nhớ đến đức Phật, kêu gào danh hiệu Như Lai và than:

– Như Lai xuất thân ở đây, cũng từ đây xuất gia học đạo, về sau thành Phật, thế mà hôm nay chẳng thấy Ngài nhớ nghĩ đến chúng con, chẳng biết chúng con gặp khổ não, chịu đau đớn cùng tột này. Thế Tôn vì sao không thấy, không nghĩ đến chúng con?

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ thông suốt, Thế Tôn nghe các cô gái dòng họ Thích than oán với Ngài. Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy đến đây, cùng Như Lai đi thăm Ca-tỳ-la-vệ và những người thân vừa qua đời.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-vệ đến Ca-tỳ-la-vệ. Từ xa, trông thấy Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến, năm trăm cô gái họ Thích đều rất hổ thẹn.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ-sa-môn đứng quạt hầu sau Thế Tôn. Đức Thế Tôn quay lại bảo Thích-đề-hoàn nhân:

– Những cô gái họ Thích này đều rất hổ thẹn.

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Thích-đề-hoàn-nhân liền lấy y trời trùm lên thân thể năm trăm cô gái này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên vương Tỳ-sa-môn:

– Các cô gái này đói khát lâu ngày, ông nên làm điều gì cho thuận hợp.

Thiên vương Tỳ-sa-môn bạch Phật:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Rồi Thiên vương Tỳ-sa-môn liền bày biện các thức ăn tự nhiên của cõi trời làm cho các cô gái họ Thích đều được no đủ. Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp vi diệu cho họ nghe. Ngài dạy:

– Con người hay vạn vật đều phải ly tán, đã hội ngộ tất phải biệt ly. Các cô nên biết, năm thủ uẩn này đều phải chịu các đau khổ, phiền não, đọa trong năm đường. Phàm thọ thân năm thủ uẩn, ắt sẽ chịu nghiệp báo này, đã có nghiệp báo liền có thọ thai, đã thọ thai thì phải chịu quả báo khổ vui. Nếu không có năm thủ uẩn thì không thọ thân nữa. Nếu không thọ thân thì không có sanh. Vì không sanh nên sẽ không già, vì không già thì không có bệnh, đã không có bệnh thì không chết, đã không có chết thì không có khổ não vì hội họp biệt ly. Thế nên, các cô nên nhớ nghĩ sự biến đổi thành bại của năm ấm này. Sở dĩ như thế, vì khi biết năm ấm thì biết năm dục, đã biết năm dục thì biết ái pháp,[9] đã biết ái pháp thì biết pháp nhiễm trước. Biết các điều này rồi thì không tái sanh nữa, đã không tái sanh thì không sanh, già, bệnh, chết.

Bấy giờ, Thế Tôn lại tuần tự thuyết pháp này cho các cô gái họ Thích. Ngài giảng nói về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, giải thoát là an vui. Bấy giờ, Thế Tôn quán sát tâm ý của các cô gái này đã khai mở, Ngài liền thuyết giảng cho họ về những pháp khổ, tập, diệt, đạo, như pháp mà chư Phật, Thế Tôn đều thuyết.

Bấy giờ, các cô gái sạch hết trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh, lâm chung ngay tại đó và đều được sanh lên cõi trời.

[0693a06] Khi ấy, Thế Tôn đến cửa thành phía Đông, thấy khói lửa ngùn ngụt, liền nói kệ này:

---

[9] Ái pháp (愛法): Các pháp ái nhiễm. Ngoài ra, "ái pháp" còn chỉ cho vô minh (愛法即是無明). Theo *Ma-ha chỉ quán* 摩訶止觀 (*T*.46. 1911.5. 0065c06).

Tất cả hành vô thường, Có sanh ắt có tử,
Không sanh thì không tử, Tịch diệt, vui tối thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tất cả các thầy hãy đến vườn Ni-câu-lưu, theo thứ lớp mà ngồi!

Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Đây là vườn Ni-câu-lưu. Thuở xưa, Ta ở đây thuyết giảng giáo pháp cho các Tỳ-kheo nhưng ngày nay trống vắng chẳng có bóng người! Ngày xưa hàng ngàn vạn chúng ở đây đắc đạo, được Pháp nhãn thanh tịnh. Từ đây về sau, Như Lai chẳng còn đến đây nữa!

Thế Tôn thuyết pháp xong thì cùng các Tỳ-kheo rời khỏi chỗ ngồi đi đến Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Sau bảy ngày nữa, Vua Lưu-ly và binh lính chẳng còn một ai.

Bấy giờ, Vua Lưu-ly nghe Thế Tôn dự ký rằng nhà vua và quân lính sau bảy ngày sẽ chẳng còn một ai, liền khiếp sợ, bảo quần thần:

– Nay Như Lai đã dự ký rằng Vua Lưu-ly chẳng còn ở đời lâu, sau bảy ngày sẽ cùng binh lính bị tận diệt. Các khanh hãy quan sát ngoài biên cương xem có các nạn giặc cướp, nước, lửa hay nguy biến đến xâm phạm đất nước chăng? Vì sao như vậy? Vì chư Phật, Như Lai không có hai lời, những gì nói ra chắc chắn không sai.

Bấy giờ, Phạm chí Hiếu Khổ tâu:

– Đại vương chớ sợ hãi! Nay bên ngoài không có giặc cướp đáng sợ, cũng không có nạn nước, lửa hay nguy biến, nên Đại vương cứ thỏa thích hưởng lạc.

Vua Lưu-ly nói:

– Phạm chí nên biết, chư Phật, Thế Tôn không bao giờ sai lời.

Vua Lưu-ly sai người đếm ngày, đến đầu ngày thứ bảy, đại vương vô cùng mừng rỡ, phấn khởi tột cùng, liền dẫn các binh chủng cùng các thể nữ đến bên bờ sông A-chi-la[10] vui chơi rồi nghỉ ở đó. Nửa đêm, mây đen bất ngờ kéo đến, gió giật mưa tuôn, Vua Lưu-ly và quân lính bị nước cuốn trôi, chẳng ai sống sót, sau khi chết rồi, đọa vào trong địa ngục A-tỳ. Cung điện, thành quách lại bị lửa trời thiêu rụi.

[0693b04] Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thấy Vua Lưu-ly và bốn bộ binh chủng bị nước cuốn trôi, chết đọa địa ngục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tạo nghiệp ác cùng cực, Do thân, miệng khiến xui,
Thân khổ não gian truân, Thọ mạng cũng ngắn ngủi.

[10] A-chi-la (阿脂羅, Aciravatī).

Lúc sống ở nhân gian, Lửa khổ đau thiêu đốt,
Khi thọ mạng không còn, Ắt đọa vào địa ngục.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Vua Lưu-ly và bốn bộ binh chủng đã qua đời rồi sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

– Vua Lưu-ly bị đọa vào trong địa ngục A-tỳ.

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Dòng họ Thích thuở xưa tạo nhân duyên gì mà ngày nay bị Vua Lưu-ly làm hại?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, trong thành La-duyệt này có một làng đánh cá. Khi ấy gặp thời đói kém cùng cực, dân chúng phải ăn rễ cây để sống, giá một đấu vàng bằng một đấu gạo. Khi ấy trong làng có ao nước lớn có rất nhiều cá. Dân chúng trong thành La-duyệt đều đến bắt ăn. Lúc đó, trong ao có hai con cá. Một tên Câu Tỏa, hai tên Lưỡng Thiệt, chúng bảo với nhau: "Ta đâu lầm lỗi với những người này, ta vốn là loài phải sống trong nước, không sống trên bờ, nay không duyên cớ, bọn họ kéo đến ăn thịt chúng ta. Nếu trong đời trước có bao phước đức, ta sẽ dùng hết, quyết trả thù này."

Khi đó trong làng có một đứa bé vừa tròn tám tuổi. Nó không đánh bắt cũng không giết cá, nhưng khi thấy cá chết la liệt quanh bờ ao thì đứa bé đó vui mừng hớn hở.

– Tỳ-kheo nên biết! Các thầy đừng nghĩ dân chúng trong thành La-duyệt thuở ấy là ai xa lạ mà chính là những người họ Thích hôm nay. Con cá Câu Tỏa lúc đó, nay là Vua Lưu-ly. Con cá Lưỡng Thiệt lúc đó, nay là Phạm chí Hiếu Khổ. Đứa bé thấy cá trên bờ liền mừng rỡ lúc đó, nay chính là Ta. Họ Thích thuở xưa, bắt cá giết ăn, bởi nghiệp duyên này nên phải đọa vào địa ngục đã vô số kiếp, ngày nay cũng phải trả món nợ xưa. Thuở ấy Ta thấy, sanh lòng cười vui, do nghiệp duyên đó nên nay đầu Ta đau như đá đè, tựa hồ dùng đầu đội núi Tu-di. Vì sao như thế? Vì Như Lai đã không còn thọ thân, xả bỏ tạo tác,[11] qua hết ách nạn. Vậy nên, này các Tỳ-kheo! Do nhân duyên này nên nay phải chịu quả báo như vậy. Các Tỳ-kheo nên giữ gìn hành động của thân, miệng và ý, nên nhớ cung kính thừa sự người Phạm hạnh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành

***

[11] Nguyên tác: Xả chúng hành (捨眾行): Buông bỏ mọi tạo tác. *SĀ*. 0064 ghi: Vô sở vi tác (無所為作, *anabhisaṅkhata*).

3. KHI MÃN PHƯỚC TRỜI[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nên biết thiên tử khi sắp mạng chung sẽ có năm điềm báo ứng hiện ra trước. Là năm điềm nào? Một là hoa trên mũ héo. Hai là y phục dơ bẩn. Ba là thân thể hôi hám. Bốn là không thích chỗ ngồi của mình. Năm là thiên nữ lảng tránh xa. Đó là năm điềm báo ứng của thiên tử lúc sắp mạng chung. Bấy giờ, thiên tử hết sức sầu lo, đấm ngực than khóc. Khi ấy, các thiên tử khác đến chỗ thiên tử này rồi bảo:

– Tương lai ông có thể sanh vào cõi lành, đã sanh cõi lành, ắt được thiện lợi, đã được thiện lợi nên nhớ an trú nơi thiện nghiệp.

Khi đó, các vị trời khuyên nhủ thiên tử như thế.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Trời Ba Mươi Ba được sanh cõi lành là thế nào? Thế nào là chóng được thiện lợi? Thế nào là an trú nơi thiện nghiệp?

Thế Tôn dạy:

– Đối với chư thiên, cõi người là cõi lành. Được thiện lợi là được sanh vào nhà chánh kiến, thân cận bậc thiện tri thức, có tín căn trong pháp Như Lai. Đó gọi là ắt được thiện lợi. Thế nào gọi là an trú thiện nghiệp? Đã có tín căn đối với pháp Như Lai, cạo bỏ râu tóc, do lòng tin kiên cố nên xuất gia học đạo. Khi đã học đạo, giới tánh đầy đủ, các căn toàn vẹn, ăn uống tiết độ, siêng năng kinh hành, chứng đắc Tam minh, như thế gọi là an trú thiện nghiệp.

Thế Tôn liền nói kệ này:

Người, cõi lành của trời, Bạn tốt là thiện lợi,
Xuất gia là nghiệp lành, Dứt lậu, thành vô lậu.

[0694a02] Tỳ-kheo nên biết, trời Ba Mươi Ba tham đắm vào năm dục. Họ cho rằng cõi người là cõi lành, ở trong pháp Như Lai được xuất gia, thực hành thiện lợi mà được Tam minh.[13] Vì sao như thế? Chư Phật, Thế Tôn đều xuất hiện ở cõi người, chẳng phải do nơi cõi trời mà đạt được. Thế nên, Tỳ-kheo! Qua đời ở cõi này sẽ sanh lên cõi trời.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

– Thế nào gọi là Tỳ-kheo sẽ sanh về cõi lành?

---

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.3. 0693c10). Tham chiếu: *It*. 76.

[13] Tam đạt (三達) tức Tam minh (三明).

Thế Tôn dạy:

– Niết-bàn là cõi lành của Tỳ-kheo. Này Tỳ-kheo, các thầy nên tìm cầu phương tiện để đạt Niết-bàn!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. NĂM PHÁP KHINH CHÊ[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Sa-môn xuất gia có năm điều bị khinh chê. Là năm điều nào? Một là để tóc dài. Hai là để móng tay dài. Ba là y phục bẩn thỉu. Bốn là chẳng biết thời nghi. Năm là bàn luận quá nhiều.

Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo bàn luận nhiều lại có năm điều. Là năm điều nào? Một là nói không ai tin. Hai là chẳng ai nghe mình dạy. Ba là không ai muốn gặp. Bốn là nói dối. Năm là tranh đấu lẫn nhau.

Người bàn luận nhiều có năm điều như vậy. Tỳ-kheo nên từ bỏ năm điều này, không nên suy nghĩ sai lệch!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. THỪA SỰ NHƯ LAI[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi đó, Vua Tần-bà-sa-la[16] ra lệnh cho quần thần:

– Mau sửa soạn cỗ xe gắn lông chim quý[17] để trẫm đến thành Xá-vệ thăm viếng đức Thế Tôn!

---

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.34.4. 0694a10).

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.34.5. 0694a20).

[16] Nguyên tác: Tần-tỳ-sa-la (頻毘娑羅, Bimbisāra), vị vua trị vì Ma-kiệt-đà.

[17] Bảo vũ chi xa (寶羽之車), cỗ xe được trang hoàng bằng 5 loại lông chim quý, là nghi trượng của bậc đế vương. Theo *Nhất thiết kinh âm nghĩa* 一切經音義 (*T.*54. 2128.74. 0787b07); *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích* 四分律名義標釋 (*X.*44. 0744.22. 0570c24).

Tuân lệnh vua, quần thần sửa soạn xe xong, đến trước vua, tâu:

– Xe đã sẵn sàng, xin Bệ hạ ngự giá!

Bấy giờ, Vua Tần-bà-sa-la lên xe quý ra khỏi thành La-duyệt đi đến thành Xá-vệ, đến nơi rồi vào tinh xá Kỳ Hoàn. Phàm theo pháp của vị vua Quán đảnh phải luôn có năm sự tôn nghiêm, vua đều cởi bỏ sang một bên, đi đến trước Thế Tôn đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp vi diệu cho vua. Nghe pháp xong, nhà vua bạch đức Thế Tôn:

– Cúi mong đức Như Lai hãy an cư tại thành La-duyệt, con sẽ cúng dường y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men trị bệnh!

[0694b02] Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của Vua Tần-bà-sa-la. Biết Thế Tôn yên lặng nhận lời thỉnh rồi, vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân, đi nhiễu ba vòng rồi hồi cung, trở về thành La-duyệt. Khi ấy, Vua Tần-bà-sa-la ở nơi vắng vẻ chợt nghĩ: "Ta đủ sức cúng dường Như Lai và chúng Tỳ-kheo cho đến trọn đời về y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men, nhưng cũng nên đoái thương những người thấp kém khác."

Thế rồi, Vua Tần-bà-sa-la bảo các quần thần:

– Hôm qua, trẫm suy nghĩ như vầy: "Ta đủ sức cúng dường Như Lai và chúng Tỳ-kheo cho đến trọn đời về y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men, nhưng cũng nên đoái thương những người thấp kém khác." Các khanh nên dốc sức, thay nhau dâng cúng thực phẩm cho Như Lai và chư Hiền, sẽ được hưởng phước lâu dài không cùng tận.

Khi ấy, vua nước Ma-kiệt liền xây một giảng đường lớn trước cung điện, lại bày biện vật dụng đựng thức ăn.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo ra khỏi nước Xá-vệ, du hóa trong nhân gian, dần dần đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thành La-duyệt. Nghe Thế Tôn đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, Vua Tần-bà-sa-la liền lên xe quý đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

– Con ở chỗ nhàn vắng suy nghĩ như vầy: "Nay ta có thể cúng dường y phục, thực phẩm, giường đệm, thuốc men, rồi nhớ đến người thấp kém khác", con liền bảo quần thần: "Các khanh nên đích thân sắm sửa thực phẩm, thay nhau cúng dường thức ăn lên Phật." Kính bạch Thế Tôn, việc này có nên làm chăng?

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, lành thay! Đại vương đã tạo nhiều lợi ích. Vì trời, người mà làm ruộng phước.

Vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

– Cúi mong Thế Tôn ngày mai vào cung thọ thực!

Lúc ấy, thấy Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu. Vua Tần-bà-sa-la liền đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ra.

Sáng hôm sau, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành đi đến cung vua, mỗi người ngồi theo thứ lớp. Khi ấy, nhà vua sửa soạn món ăn trăm vị, tự tay dâng cúng, chú tâm hoan hỷ. Khi thấy Thế Tôn thọ thực xong, đã dọn rửa bát, nhà vua liền đặt một ghế thấp rồi ngồi trước Như Lai.

[0694c03] Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp vi diệu, khiến nhà vua phát tâm hoan hỷ. Thế Tôn lại thuyết pháp vi diệu cho vua và các đại thần như bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, dâm dục là xấu ác, giải thoát là an vui.

Khi biết tâm của các chúng sanh này đã khai mở, không còn hoài nghi, Thế Tôn liền thuyết giảng cho họ về khổ, tập, diệt, đạo, như pháp mà chư Phật thường giảng nói. Hơn sáu mươi người liền dứt sạch các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Sáu mươi đại thần và năm trăm thiên nhân cũng xa lìa các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ tụng cho Vua Tần-bà-sa-la và đại chúng:

Tế tự, lửa trên hết,
Kinh thư, tụng dẫn đầu,
Loài người, vua quý nhất,
Biển là nguồn muôn sông.
Giữa ánh sáng trăng, sao,
Mặt trời rực rỡ nhất,
Trên, dưới và bốn phương,
Khắp hết thảy vạn vật.
Cõi trời cùng loài người,
Phật, bậc tôn quý nhất,
Ai muốn cầu phước đức,
Nên phụng sự chư Phật.[18]

Nói kệ này rồi, Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở về. Bấy giờ, dân chúng trong thành La-duyệt, tùy theo gia cảnh sang hèn, người nhiều kẻ ít đều cúng dường thức ăn đến Phật và chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, đức Phật ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, dân chúng trong thành này đều cúng dường Ngài. Đến lượt các Phạm chí trong thành La-duyệt cúng thức ăn. Lúc đó, họ nhóm họp lại một chỗ và cùng nhau bàn luận:

– Mỗi người nên bỏ ra ba lượng tiền vàng để sắm sửa vật thực cúng dường.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có Phạm chí Kê-đầu rất mực nghèo khó, chỉ đủ đắp đổi qua ngày, không có tiền để nộp, liền bị các Phạm chí trục xuất ra khỏi chúng. Khi ấy, Phạm chí Kê-đầu trở về nhà bảo vợ:

– Này bà! Ta bị các Phạm chí xua đuổi, không cho ở trong chúng. Vì sao ư? Vì ta không có tiền.

[0695a01] Người vợ bảo:

– Ông hãy vào thành vay mượn người ta, ắt cũng sẽ có. Rồi khất chủ nợ: "Bảy ngày sau sẽ trả, nếu không trả được thì vợ chồng tôi sẽ làm tôi tớ."

Nghe lời vợ, Phạm chí liền vào trong thành, đi khắp nơi hỏi mượn, nhưng chẳng ai cho, trở về bảo vợ:

– Ta không vay mượn được, làm sao bây giờ?

[18] Bài kệ này cũng xuất hiện trong kinh *D.* 5: *Kūtadanta Sutta* (*Kinh Cứu-la-đàn-đầu*) và trong *Cứu-la-đàn-đầu kinh* 究羅檀頭經 (*T.*01. 0001.23. 0096c16).

Người vợ nói:

– Phía Đông thành La-duyệt có đại trưởng giả tên Bất-xà-mật-đa-la lắm tiền nhiều của, có thể đến vay ông ấy, bảo rằng: "Hãy đồng ý cho vay ba lượng tiền vàng, sau bảy ngày sẽ đem trả lại. Nếu không trả được, vợ chồng tôi sẽ làm tôi tớ."

Nghe theo lời vợ, Phạm chí đến nhà Bất-xà-mật-đa-la để mượn tiền vàng, bảo rằng: "Nội trong bảy ngày sẽ đem trả, nếu không thể thì vợ chồng tôi sẽ đem thân làm tôi tớ."

Bất-xà-mật-đa-la liền đưa tiền cho. Phạm chí Kê-đầu liền đem số tiền này về nói với vợ:

– Đã vay được tiền, ta phải nên làm gì?

Người vợ bảo:

– Nên đem tiền này nộp cho chúng Phạm chí!

Phạm chí cầm tiền đến chúng nộp. Các Phạm chí kia bảo:

– Chúng tôi đã sắm sửa đầy đủ rồi, ông hãy đem tiền về đi, ở đây không cần nữa!

Phạm chí liền trở về nhà, thuật lại với vợ. Người vợ bảo:

– Hai chúng ta cùng đến chỗ đức Thế Tôn để thưa trình thiển ý.

Bấy giờ, Phạm chí cùng vợ đến chỗ Thế Tôn, vấn an Ngài rồi ngồi sang một bên. Người vợ cũng đảnh lễ sát chân Phật và ngồi một bên. Khi ấy, Phạm chí đem chuyện này bạch đức Thế Tôn. Thế Tôn bảo Phạm chí:

– Ông hãy bày biện thực phẩm để cúng dường Như Lai và chúng Tỳ-kheo!

Phạm chí liền bàn bạc với vợ. Người vợ đáp:

– Hãy vâng theo lời Phật dạy, chớ có nghi ngờ!

Bấy giờ, Phạm chí đứng dậy đến trước Phật, thưa:

– Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo hãy nhận lời mời của con!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân đang chắp tay đứng hầu sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo:

– Ông hãy giúp vị Phạm chí này sửa soạn thức ăn!

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

– Xin vâng, bạch Thế Tôn!

[0695b01] Thế rồi, cách Như Lai không xa, Thiên vương Tỳ-sa-môn dẫn theo các chúng quỷ thần đông không tính kể, quạt hầu Thế Tôn. Thích-đề-hoàn-nhân bảo Thiên vương Tỳ-sa-môn:

– Ông cũng nên giúp vị Phạm chí này sửa soạn phẩm vật!

Tỳ-sa-môn đáp:

– Xin vâng, thưa Thiên vương!

Thiên vương Tỳ-sa-môn đến trước Phật đảnh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi tự ẩn thân trời, hiện thành hình người, cùng năm trăm quỷ thần sửa soạn thức ăn. Lúc đó, Thiên vương Tỳ-sa-môn bảo các quỷ thần:

– Các ông hãy mau đến rừng chiên-đàn, lấy gỗ chiên-đàn [mang về dựng nhà bếp]!

Bấy giờ, trong nhà bếp có năm trăm quỷ thần cùng sửa soạn thức ăn.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bảo thiên tử Tự Tại:

– Hôm nay, Tỳ-sa-môn đã dựng nhà bếp để chuẩn bị thức ăn dâng Phật và chúng Tỳ-kheo. Ông hãy hóa làm giảng đường để Phật và chúng Tỳ-kheo thọ trai trong đó.

Thiên tử Tự Tại đáp:

– Việc này rất tốt!

Khi ấy, nghe lời Thích-đề-hoàn-nhân, thiên tử Tự Tại liền hóa ra một giảng đường bảy báu, gần thành La-duyệt. Bảy báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, mã não, xích châu và xà cừ. Lại hóa làm bốn cầu thang bằng vàng, bạc, thủy tinh và lưu ly. Trên cầu thang vàng hóa làm cây bạc, trên cầu thang bạc hóa làm cây vàng; rễ vàng, thân bạc, cành bạc, lá bạc. Nếu ở trên cầu thang vàng thì hóa làm lá bạc, cành bạc. Trên cầu thang thủy tinh hóa làm cây lưu ly, cũng đủ các loại không thể tính kể. Lại dùng đủ loại báu chất ở giữa, bảy báu trùm lên trên, bốn phía đều treo các linh vàng lộng lẫy. Các linh đó đều phát ra tám loại âm thanh. Lại hóa ra giường ghế tốt, trải đệm tốt đẹp, treo kết cờ phướn, lọng dù, hiếm có ở đời. Họ lại dùng Ngưu Đầu chiên-đàn đốt lửa nấu thức ăn, khiến mười hai do-tuần ở gần thành La-duyệt ngào ngạt hương thơm. Vua nước Ma-kiệt bảo các quần thần:

– Ta lớn lên trong thâm cung, chưa từng ngửi thấy mùi hương này. Bên thành La-duyệt do đâu lại thoảng mùi hương này?

Quần thần tâu vua:

– Đây là hương thơm của gỗ chiên-đàn cõi trời được đốt từ nhà bếp của Phạm chí Kê-đầu. Mùi hương hiếm lạ này từ loại gỗ đó.

Vua Tần-bà-sa-la bảo các quần thần:

– Mau sửa soạn xe quý, ta muốn đến chỗ Thế Tôn thưa hỏi nguyên do này!

[0695c01] Các quần thần đáp vua:

– Xin vâng, thưa Đại vương!

Vua Tần-bà-sa-la liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên. Thấy trong nhà bếp có năm trăm người đang chế biến thức ăn, nhà vua hỏi:

– Ai là người sửa soạn thực phẩm này vậy?

Các quỷ thần hình người đáp:

– Phạm chí Kê-đầu thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo nên sửa soạn để cúng dường.

Quốc vương lại thấy ở xa có giảng đường cao rộng, liền hỏi người hầu:

– Ai đã tạo lập giảng đường này? Thuở xưa chưa có? Ai đã dựng nên?

Quần thần đáp:

– Chúng thần không biết việc này!

Khi ấy, Vua Tần-bà-sa-la nghĩ: "Ta nên đến chỗ Thế Tôn thưa hỏi điều này, vì Phật, Thế Tôn thông tỏ mọi sự việc."

Bấy giờ, Vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt đến chỗ Thế Tôn cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Nhà vua thưa:

– Thưa Thế Tôn! Trước đây không có giảng đường cao rộng này, sao nay lại xuất hiện? Ngày xưa chẳng thấy nhà bếp này, hôm nay lại thấy? Chúng được làm bằng gì và do ai biến hóa ra?

Thế Tôn bảo:

– Đại vương nên biết! Thiên vương Tỳ-sa-môn tạo dựng nhà bếp, thiên tử Tự Tại lập giảng đường này.

Vừa nghe việc đó, vua nước Ma-kiệt cảm động buồn khóc, chẳng thể cầm lòng. Thế Tôn liền hỏi:

– Đại vương! Vì sao lại rơi lệ sầu thương đến thế?

Vua Tần-bà-sa-la thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Con không dám buồn khóc, chỉ nghĩ đến nhân loại đời sau chẳng gặp được bậc Thánh ra đời. Người đời sau bỏn xẻn, tham đắm tài vật chẳng có oai đức, ngay cả tên của báu vật kỳ diệu này còn chưa được nghe, huống là được thấy? Nay nhờ ân đức Như Lai mà có sự biến hóa lạ lùng này xuất hiện ở đời, thế nên con cảm động buồn khóc.

Thế Tôn bảo:

– Đời sau, quốc vương và dân chúng chẳng thể thấy được sự biến hóa này.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho quốc vương, khiến phát tâm hoan hỷ. Vua nghe pháp rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy lui ra. Lúc ấy, Thiên vương Tỳ-sa-môn bảo Phạm chí Kê-đầu:

– Ông đưa bàn tay phải ra!

Kê-đầu liền xòe bàn tay phải. Thiên vương Tỳ-sa-môn trao cho một thỏi vàng rồi bảo:

– Hãy ném thỏi vàng này xuống đất!

Phạm chí ném thỏi vàng xuống đất, nó liền biến thành trăm ngàn lượng vàng. Thiên vương Tỳ-sa-môn bảo:

– Hãy đem số vàng này vào trong thành mua đủ loại thực phẩm đem về đây.

[0696a01] Vâng lời Thiên vương, Phạm chí liền đem vàng vào thành mua sắm đủ các loại thực phẩm đem về nhà bếp. Khi ấy, Thiên vương Tỳ-sa-môn tắm rửa cho Phạm chí, cho mặc y phục sang trọng, tay bưng lư hương rồi dạy lời thỉnh cho Phạm chí:

– Giờ đã đến, nay đã đúng thời. Mong Thế Tôn lân mẫn!

Khi ấy, Phạm chí vâng lời tay bưng lư hương, thưa:

– Đã đến giờ, cúi mong [Thế Tôn] lân mẫn!

Biết đã đúng thời, Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng chúng Tỳ-kheo đi đến giảng đường rồi ngồi theo thứ lớp. Chúng Tỳ-kheo-ni cũng tuần tự ngồi theo thứ tự. Phạm chí Kê-đầu thấy thức ăn rất nhiều mà chúng Tăng lại ít, liền đến trước bạch Thế Tôn:

– Hôm nay, phẩm vật cúng dường quá nhiều mà chúng Tỳ-kheo lại ít, con chưa biết phải xử lý ra sao?

Thế Tôn bảo:

– Này Phạm chí! Ông hãy bưng lư hương lên trên đài cao, hướng về Đông, Tây, Nam và Bắc rồi thưa rằng: "Hết thảy đệ tử của Phật Thích-ca được sáu thần thông, lậu tận A-la-hán, kính thỉnh các ngài vân tập về giảng đường này."

Phạm chí bạch:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Vâng lời Phật dạy, Phạm chí liền lên trên lầu để thỉnh các bậc A-la-hán lậu tận. Khi ấy, phương Đông có hai vạn một ngàn A-la-hán quang lâm nơi giảng đường. Phương Nam có hai vạn một ngàn, phương Tây có hai vạn một ngàn và phương Bắc có hai vạn một ngàn A-la-hán vân tập tại giảng đường này. Bấy giờ, trên giảng đường có tám vạn bốn ngàn A-la-hán cùng vân tập. Vua Tần-bà-sa-la cùng quần thần đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài và chúng Tỳ-kheo. Khi ấy, được diện kiến chúng Tỳ-kheo, Phạm chí Kê-đầu thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền dâng thức ăn cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo, tự tay dâng cúng, hoan hỷ không hề mỏi mệt, nhưng thức ăn vẫn còn rất nhiều. Phạm chí Kê-đầu đến trước bạch đức Thế Tôn:

– Con đã cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo xong nhưng thức ăn vẫn không hết.

Thế Tôn dạy:

– Ông nên thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo, xin được cúng dường bảy ngày!

Phạm chí đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Khi ấy, Phạm chí Kê-đầu quỳ trước Thế Tôn, thưa:

– Con xin kính thỉnh và nguyện cúng dường đức Phật và chúng Tỳ-kheo trong bảy ngày, con xin dâng cúng y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men!

Thế Tôn yên lặng nhận lời. Khi ấy, trong đại chúng có Tỳ-kheo-ni tên Xá-cưu-lợi bạch Phật:

– Con đang thầm nghĩ, còn đệ tử lậu tận A-la-hán nào của Phật Thích-ca không vân tập ở đây? Rồi con dùng thiên nhãn quán sát khắp bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc thấy hết thảy đều vân tập. Trong đại pháp hội này thuần là La-hán Chân nhân vân tập.

[0696b06] Thế Tôn bảo:

– Đúng thế! Này Xá-cưu-lợi. Đúng như lời cô nói. Đại pháp hội này toàn là Chân nhân; Đông, Tây, Nam, Bắc thảy đều vân tập.

Bấy giờ, Thế Tôn đem nhân duyên này hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy có thấy trong hàng Tỳ-kheo-ni, có vị nào thiên nhãn thấy suốt như Tỳ-kheo-ni Xá-cưu-lợi không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng con không thấy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn dạy:

– Đệ tử [Ni] có thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta, chính là Tỳ-kheo-ni Xá-cưu-lợi.

Phạm chí Kê-đầu cúng dường Thánh chúng y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men trị bệnh suốt bảy ngày, lại dùng hương hoa rải trên Như Lai. Khi ấy, hoa kết ở trên hư không hóa thành đài châu ngọc, bảy báu. Thấy đài châu ngọc, Phạm chí thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng rồi đến trước bạch Phật:

– Cúi mong Thế Tôn cho phép con được vào đạo, được làm Sa-môn!

Bấy giờ, Phạm chí Kê-đầu liền được vào đạo, các căn tịch tịnh, tự rèn ý chí, trừ bỏ ngủ nghỉ, khi mắt thấy sắc cũng không khởi niệm tưởng, nhãn căn cũng không rong ruổi theo các niệm tưởng xấu ác, luôn biết phòng hộ nhãn căn. Hoặc tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm cũng chẳng khởi tưởng xúc chạm, ý biết pháp cũng như thế. Lúc ấy, Phạm chí liền diệt được năm kiết sử che lấp tâm người, khiến mất trí tuệ; cũng không có ý niệm sát hại, tâm luôn thanh tịnh, không giết, không nghĩ giết, không bảo người giết, tay không cầm dao gậy, khởi lòng từ với tất cả chúng sanh; trừ bỏ tâm không cho mà lấy, chẳng khởi tâm trộm cướp, tâm luôn thanh tịnh, thường có tâm bố thí cho tất cả chúng sanh nên khiến cho họ không trộm cướp; tự mình không dâm dật, cũng dạy người không dâm dật, thường tu Phạm hạnh, thanh tịnh không chút cấu nhiễm, luôn an trú trong Phạm hạnh mà tịnh tâm mình. Tự mình không nói dối, cũng không dạy người nói dối, tâm luôn thành thật, không dối trá lừa gạt thế gian, luôn tịnh tâm mình; lại không nói đôi chiều, cũng không dạy người nói đôi chiều; nếu nghe điều gì ở đây, không truyền đến chỗ khác; nếu nghe từ chỗ khác, không truyền đến nơi này, tâm luôn an trú, thanh tịnh.

Đối với sự ăn uống, vị ấy biết đủ, không tham đắm mùi vị, chẳng dính mắc sắc đẹp, không chấp thủ dáng vóc, da dẻ, chỉ muốn duy trì thân thể, bảo toàn

tính mạng; muốn diệt trừ cảm thọ cũ, ngăn cảm thọ mới, tu hành đắc đạo, an trú vô vi. Ví như người nam hay nữ dùng thuốc bôi lên vết thương vì chỉ muốn cho mau lành; ở đây cũng như thế, sở dĩ đối với thức ăn, vị ấy biết đủ là muốn khiến cho cảm thọ cũ được trừ, cảm thọ mới chẳng sanh.

[0696c08] Lúc này, vị ấy tu tập từ lúc tinh sương, không bỏ thời nào, luôn thực hành ba mươi bảy đạo phẩm, khi ngồi lúc đi đều đoạn trừ sự chướng ngại của ngủ nghỉ. Đầu hôm, khi ngồi hoặc đi đều đoạn trừ sự chướng ngại của ngủ nghỉ. Đến nửa đêm, nằm nghiêng hông phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, buộc tâm vào ánh sáng. Vào cuối đêm, lúc ngồi hoặc kinh hành đều giữ tâm thanh tịnh.

Khi ăn uống, vị ấy luôn biết đủ, kinh hành đúng thời, trừ bỏ dục và các tưởng bất tịnh, không còn hạnh xấu ác, liền nhập Thiền thứ nhất có giác có quán. Vị ấy giữ tâm chuyên nhất, trải nghiệm hỷ, lạc[19] mà vào Thiền thứ hai; ly hỷ, giữ tâm thanh tịnh, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh mong cầu, giữ niệm thanh tịnh mà vào Thiền thứ ba. Vị ấy khổ, vui đã diệt, không còn sầu lo, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh mà vào Thiền thứ tư.

Với tâm định, thanh tịnh không chút cấu nhiễm, đạt được vô sở úy, vị ấy chứng đắc tam-muội, nhớ được vô số đời trước. Vị ấy liền nhớ việc quá khứ, hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, ngàn đời, vạn đời, nhiều ngàn vạn đời, kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại: "Ta từng sanh ở chỗ kia, họ đó tên đó, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui như thế, thọ mạng dài ngắn, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây", nhân duyên gốc ngọn đều biết tường tận. Vị ấy lại dùng tâm định, thanh tịnh không chút cấu nhiễm, chứng vô sở úy, quán sát sự sanh tử của chúng sanh. Lại dùng thiên nhãn quán sát chúng sanh: Người sanh, kẻ chết; cõi lành, đường ác; sắc lành, sắc dữ; hoặc đẹp, hoặc xấu, tùy theo hạnh nghiệp đã tạo, thảy đều biết cả. Hoặc có chúng sanh thân, miệng và ý tạo ác, chê bai Hiền thánh, tạo gốc nghiệp tà, sau khi qua đời đọa vào địa ngục. Lại có chúng sanh thân, miệng và ý làm lành, không chê bai Hiền thánh, sau khi qua đời sanh vào đường lành, cõi trời. Lại dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát chúng sanh hoặc đẹp, hoặc xấu; nẻo lành, đường dữ; sắc lành, sắc ác thảy đều biết cả, được vô sở úy. Lại vận tâm đã sạch hết phiền não để quán đây là khổ và như thật biết rằng: Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khi khổ đã diệt và đây là con đường đưa đến sự diệt khổ. Quán sát như thế rồi, tâm vị ấy giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đã giải thoát rồi liền được trí giải thoát, biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bấy giờ, Phạm chí Kê-đầu liền chứng đắc A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Kê-đầu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[19] Nguyên tác: Ỷ hoan lạc (猗歡樂).

6. NĂM VIỆC KHÓ CẦU[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế gian có năm việc rất khó để đạt được. Là năm việc nào? Vật đáng bị mất mà không muốn cho mất thì điều này không thể được. Pháp phải hoại diệt mà muốn không hoại diệt thì điều này không thể được. Pháp phải già mà muốn cho không già thì điều này không thể được. Pháp phải bệnh mà muốn cho không bệnh thì điều này không thể được. Pháp phải chết mà muốn không chết thì điều này không thể được.

Này Tỳ-kheo! Đó là năm việc mà chung cuộc không thể đạt được. Cho dù Như Lai xuất hiện hay không thì thế giới này vẫn luôn tồn tại theo cách như vậy, ngay cả những tên gọi về sự sanh, già, bệnh, chết cũng không hề thay đổi, không bị diệt mất. Những gì được sanh ra hoặc phải chết đi đều trở về cội gốc. Này Tỳ-kheo! Do vậy nên Ta nói năm việc này rất khó đạt được.

Hãy tìm cầu phương tiện tu hành năm căn. Là năm căn nào? Nghĩa là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Tỳ-kheo tu tập năm căn này rồi, sẽ chứng quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm,[21] thành Tư-đà-hàm; kế đến diệt năm kiết sử, thành A-na-hàm rồi nhập Niết-bàn ở đó, không trở lại đời này nữa; tiến thêm nữa là diệt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú rồi biết như thật rằng không còn thọ thân sau nữa.

Hãy tìm cầu phương tiện trừ bỏ năm việc trước, rồi sau đó tu tập năm căn!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. NĂM HẠNG NGƯỜI[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm hạng người không thể chữa trị. Là năm hạng người nào? Người dua nịnh, không thể chữa trị. Người gian tà, không thể chữa trị. Người nói lời

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.34.6. 0697a12). Tham chiếu: *A.* 5.48 - III. 54.

[21] Nguyên tác: Gia gia (家家).

[22] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.34.7. 0697b02).

ác không thể chữa trị. Người ganh ghét không thể chữa trị. Người không biết báo đáp không thể chữa trị.

Này các Tỳ-kheo! Đó là năm hạng người không thể chữa trị.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người ác khẩu, gian tà, Ganh ghét, không báo đáp,
Hạng này không thể chữa, Bị người trí tránh xa.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Thường nên học tập tâm ý ngay thẳng, từ bỏ ganh ghét, giữ gìn oai nghi, nói năng như pháp; phải biết báo ân, nhớ ân dưỡng dục, ân nhỏ chẳng quên, huống là ân lớn; chớ tham lam bỏn xẻn; đừng tự khen mình, cũng đừng chê người.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. TỲ-MA-CHẤT-ĐA[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, Thích-đề-hoàn-nhân nói với các vị trời Ba Mươi Ba rằng: "Khi các vị đánh nhau với a-tu-la, nếu a-tu-la thua, chư thiên thắng thì các vị hãy bắt a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la trói năm vòng rồi đưa đến đây."

Lúc đó, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại bảo các a-tu-la:

"Hôm nay, các ông đánh nhau với chư thiên, nếu thắng hãy trói Thích-đề-hoàn-nhân đưa đến đây!"

Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ, hai bên đánh nhau, chư thiên thắng, a-tu-la thua, các vị trời Ba Mươi Ba bắt a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la trói lại đem đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân rồi để ngoài cổng. Thấy mình bị trói năm vòng, vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nghĩ: "Pháp của chư thiên là chánh, còn a-tu-la làm điều phi pháp. Nay ta không thích làm a-tu-la nữa, ta muốn sống ở cung điện chư thiên này." Khi ấy, do suy nghĩ "pháp của chư thiên là chánh, còn a-tu-la làm điều phi pháp", nên vừa nghĩ như vậy xong, lập tức vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền tự cảm thấy thân không còn bị trói nữa mà còn được vui hưởng năm dục thỏa thích. Giả sử, lúc đó vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la suy nghĩ như vầy: "Chư thiên là phi pháp, a-tu-la là chánh, ta không muốn ở cung trời Ba Mươi Ba này,

[23] Tỳ-ma-chất-đa (毘摩質多, Vepaciti). Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.34.8. 0697b16). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1110. 0292b14); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.39. 0386a16); *S.* 11.4 - I. 220.

ta muốn trở về cung a-tu-la", khi ấy thân vua a-tu-la liền bị trói năm vòng, thú vui năm dục tự nhiên biến mất.

[0697c06] Tỳ-kheo nên biết, không có sự trói buộc nào nhanh chóng hơn việc này, nhưng bị ma trói buộc lại còn nhanh hơn thế. Nếu khởi kiết sử liền bị ma trói buộc; dao động thì ma trói buộc, không dao động thì thoát khỏi ràng buộc của ma. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện khiến tâm chẳng bị trói buộc, ưa thích nơi nhàn vắng. Sở dĩ như thế, vì các kiết sử này là cảnh giới ma. Nếu các thầy ở trong cảnh giới ma thì không thể giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, chẳng thoát khỏi ưu, bi, khổ, não. Nay Ta sẽ nói về sự dứt khổ này. Nếu có Tỳ-kheo tâm không dao động, chẳng dính mắc các kiết sử thì liền thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Ta đã nói về sự dứt khổ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên học như vầy: Không có kiết sử thì vượt khỏi cảnh giới của ma.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. PHÁP DIỆT TẬN[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng sang một bên. Tôn giả thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là diệt tận? Những pháp gì được gọi là diệt tận?[25]

Thế Tôn dạy:

– Này A-nan! Sắc là vô vi,[26] do bởi nhân duyên nên có tên này. Vô dục, vô vi là pháp vắng lặng.[27] Do vì chúng vắng lặng nên gọi là pháp diệt tận.[28] Thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô vi, vô tác,[29] đều là pháp vắng lặng, vô dục, vô nhiễm. Do vì chúng đã diệt tận nên gọi là vắng lặng.

---

[24] *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.9. 0697c18). Tựa đề dựa theo *S*. 23.19 - III. 197, *Khayadhamma Sutta* (*Kinh tận pháp*).

[25] Diệt tận pháp (灭盡法). *S*. 23.19 - III. 197: *Khayadhamma.*

[26] Vô vi (無為) mang nghĩa là không tạo tác. Tham chiếu: *Kinh du thiên pháp bổn*, số 5, phẩm 36, tr. 565 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.36.5. 0707c19): Hết thảy các pháp thảy đều vắng lặng, không tạo, không tác (一切諸法皆悉空寂,無造, 無作).

[27] Nguyên tác: Diệt tận pháp (灭盡法, *nirodhadhamma*).

[28] Nguyên tác: Tận (盡, *vaya*): Biến hoại, đoạn diệt.

[29] Nguyên tác: Vô vi, vô tác (無為, 無作). Tương tự ý kinh vừa dẫn trên: 無造, 無作.

A-nan nên biết, năm thủ uẩn cũng là vô dục, vô tác, vì chúng là pháp vắng lặng. Do vì chúng đã bị diệt tận nên gọi là vắng lặng. Năm thủ uẩn này khi đã vắng lặng hoàn toàn, không còn sanh khởi trở lại thì được gọi là diệt tận.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. PHẠM CHÍ SANH LẬU[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

[0698a01] Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu[31] đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

– Thưa Cù-đàm! Do nhân duyên gì, có hạnh nghiệp xưa nào khiến cho loài người có tận, có diệt, có giảm bớt? Xưa là thành quách, nay đã tan hoại; xưa có dân chúng, ngày nay hoang vắng?

Thế Tôn bảo:

– Phạm chí nên biết! Do loài người này thực hành phi pháp nên khiến xưa có thành quách, ngày nay tan hoang; xưa đông dân chúng, ngày nay hoang vắng, đều do dân chúng bị bỏn xẻn trói buộc, quen hành ái dục mà gây nên, khiến gió mưa trái mùa; do mưa trái mùa nên cây giống gieo trồng không sanh trưởng được, lúc ấy người chết đầy đường. Phạm chí nên biết, do nhân duyên này, khiến đất nước bị hủy hoại, dân chúng không đông đúc.

Lại nữa, Phạm chí, dân chúng làm điều phi pháp khiến sấm chớp, sét giật tự nhiên ứng hiện, trời tuôn mưa đá, hư hoại mùa màng. Bấy giờ, dân chúng chết chóc nhiều không kể xiết.

Lại nữa, Phạm chí, do dân chúng làm điều phi pháp, cùng đánh nhau, hoặc dùng tay đấm, lấy gạch đá ném nhau, hai bên đều tổn hại tính mạng.

Lại nữa, Phạm chí, dân chúng kia đã đấu tranh nhau, chẳng thể ở yên; quốc vương không an, hai bên hưng binh công phạt lẫn nhau, khiến dân chúng chết nhiều không kể xiết, hoặc chết do đao, hoặc chết bởi giáo, tên. Như thế, Phạm chí! Do nhân duyên này khiến dân chúng giảm thiểu, chẳng còn đông đúc nữa.

Lại nữa, Phạm chí, dân chúng làm điều phi pháp nên khiến thần linh không đoái hoài, ban phước, kẻ gặp nguy khốn, người bệnh liệt giường, hiếm ai lành bệnh, người [bị] bệnh dịch chết nhiều. Này Phạm chí! Do nhân duyên này khiến dân chúng giảm thiểu, không thể đông đúc.

---

[30] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.34.10. 0697c29).

[31] Nguyên tác: Sanh Lậu Phạm chí (生漏梵志, Jāṇussoṇi).

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

– Bạch Cù-đàm! Lời Ngài thật hay khi nói về nghĩa giảm thiểu của con người thuở xưa. Đúng như Ngài dạy, xưa có thành quách, hôm nay tan hoang; xưa có dân chúng, ngày nay hoang vắng. Vì sao như thế? Do có phi pháp liền sanh keo kiệt, ganh ghét; đã sanh keo kiệt, ganh ghét liền sanh nghiệp tà; đã sanh nghiệp tà nên khiến trời mưa không đúng thời, ngũ cốc không chín, dân chúng chẳng mạnh, nên khiến phi pháp lưu hành, trời giáng tai ương làm hư mầm hạt. Đó là do dân chúng làm điều phi pháp, dính mắc, tham lam, keo kiệt, ganh ghét. Khi đó, quốc vương chẳng yên, hai bên hưng binh, công phạt lẫn nhau, người chết la liệt, nên khiến đất nước hoang tàn, nhân dân ly tán. Hay thay những điều Thế Tôn nói! Do phi pháp đưa đến tai họa này. Như bị người bắt, đoạn dứt mạng sống; cũng vậy, do phi pháp nên sanh tâm trộm cướp, đã sanh tâm trộm cướp thì sẽ bị vua giết, vì sanh niệm tà nên bị phi nhân chi phối, cũng vì lẽ này, khiến phải mất mạng, nhân dân giảm bớt, nên khiến không có thành quách để ở.

[0698b07] Thưa Cù-đàm! Những gì Ngài nói hôm nay đã quá nhiều. Ví như người gù được thẳng, người mù được đôi mắt, trong bóng tối được ánh sáng. Ngài làm mắt sáng cho người không có mắt. Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp. Con lại xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, mong được làm ưu-bà-tắc, suốt đời không dám sát sanh nữa. Sa-môn Cù-đàm! Khi gặp Ngài, cho dù con cỡi voi, cỡi ngựa, cũng xin Ngài nhận sự cung kính của con. Sở dĩ như thế, bởi vì Vua Ba-tư-nặc, Vua Tần-bà-sa-la, Vua Ưu-điền, Vua Ác Sanh và Vua Ưu-đà-diên đều nhận sự ban phước từ con. Con sợ thất đức. Nếu con bày vai phải, cúi mong Thế Tôn nhận biết con đang lễ bái! Nếu đang đi bộ mà gặp Cù-đàm đến, con sẽ cởi giày, cúi mong Thế Tôn nhận biết sự cung kính của con!

Bấy giờ, Thế Tôn gật đầu hứa khả. Phạm chí Sanh Lậu thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, tiến đến trước Phật, thưa:

– Con xin quy y Sa-môn Cù-đàm một lần nữa! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc!

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, khiến ông phát tâm hoan hỷ. Nghe pháp xong, Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy lui ra.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.[32]

[32] Bản Hán, hết quyển 26.

35. PHẨM TÀ TỤ[1]

1. NHẬN BIẾT XẤU - TỐT[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người sống trong tà kiến thì có dấu hiệu như thế nào, nhân duyên ra sao?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Đức Như Lai là vua của các pháp, tối cao trong các pháp. Lành thay, thưa đức Thế Tôn! Hãy vì chúng Tỳ-kheo mà giảng nói nghĩa này. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ vâng làm.

Thế Tôn dạy:

– Ta sẽ giảng về nghĩa này, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Thế Tôn dạy:

– Người sống trong tà kiến thì sẽ có năm dấu hiệu để nhận biết. Do thấy năm dấu hiệu này mà biết người kia sống trong tà kiến. Là những dấu hiệu nào? Đáng cười mà không cười, đáng hoan hỷ mà không hoan hỷ, đáng khởi lòng thương mà không khởi lòng thương, làm ác mà không biết xấu hổ và nghe lời tốt đẹp mà không chú tâm thì nên biết người này sống trong tà kiến. Nếu có chúng sanh đang sống trong tà kiến thì nên dùng năm dấu hiệu này để nhận biết.

Lại nữa, nếu có chúng sanh sống với những điều chân chánh thì có những dấu hiệu nào, nhân duyên ra sao?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Đức Như Lai là vua của các pháp, tối cao trong các pháp. Lành thay, thưa đức Thế Tôn! Hãy vì chúng Tỳ-kheo mà giảng nghĩa này. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ vâng làm.

---

[1] Nguyên tác: *Tà tụ phẩm* 邪聚品 (*T*.02. 0125.35. 0698c05).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.35.1. 0698c06).

Thế Tôn dạy:

– Ta sẽ giảng về nghĩa này, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Thế Tôn dạy:

– Người sống với những điều chân chánh sẽ dựa vào năm việc mà biết. Do thấy năm việc này thì sẽ biết người này sống với những điều chân chánh. Là năm việc nào? Đáng cười thì cười, đáng hoan hỷ thì hoan hỷ, đáng khởi lòng thương thì khởi lòng thương, đáng xấu hổ thì xấu hổ và nghe những điều tốt đẹp thì chú tâm. Nên biết người này đang sống với những điều chân chánh.

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy trừ diệt những tập tính xấu và sống với những điều tốt đẹp, chân chánh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. VIỆC CỦA NHƯ LAI[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Khi Như Lai xuất hiện ở đời sẽ vì năm việc. Là năm việc nào? Một là, chuyển pháp luân. Hai là, độ thoát cha mẹ. Ba là, khởi lập niềm tin vững chắc cho người không có niềm tin. Bốn là, khiến cho người chưa phát tâm Bồ-tát sẽ phát tâm Bồ-tát. Năm là, thọ ký cho vị Phật tương lai.

Đấng Như Lai xuất hiện ở đời sẽ thực hiện năm việc này. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải khởi lòng biết ơn[4] đối với Như Lai.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.35.2. 0699a03).

[4] Nguyên tác: Đương khởi từ tâm hướng ư Như Lai (當起慈心向於如來). Ở đây, một trong những nghĩa ít phổ dụng của từ tâm (慈心) chính là lòng biết ơn. Tham chiếu: *Đạo hạnh Bát-nhã kinh* 道行般若經 (*T.*08. 0224.9. 0468c21) do Chi-lâu-ca-sấm dịch vào thời Hậu Hán. Nguyên tác: 阿難! 當作是念: 般若波羅蜜莫使缺減. 何以故? 今佛現在, 有慈心佛恩德, 欲報佛恩具足供養者, 汝設有慈心於佛者, 當受持般若波羅蜜, 當恭敬作禮供養, 設有是行, 汝悉為供養佛報.

3. BỐ THÍ KHÔNG ĐƯỢC PHƯỚC VÀ ĐƯỢC PHƯỚC[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm việc bố thí mà không được phước. Là năm việc nào? Một là, lấy dao thí cho người. Hai là, lấy độc thí cho người. Ba là, lấy bò rừng thí cho người. Bốn là, lấy dâm nữ thí cho người. Năm là, xây dựng miếu thờ thần. Đó là, này Tỳ-kheo, có năm việc bố thí mà không được phước.

Tỳ-kheo nên biết, lại có năm việc bố thí sẽ được phước lớn. Là năm việc nào? Một là, làm nhà dịch trạm.[6] Hai là, trồng cây gây rừng. Ba là, xây dựng cầu, đường. Bốn là, tạo thuyền lớn giúp người qua sông, biển. Năm là, tạo phòng ốc, chốn ăn ở miễn phí cho khách mười phương. Đó là, này Tỳ-kheo, bố thí năm việc này sẽ được phước.

Thế Tôn liền nói kệ này:

Làm dịch trạm, đường sá,
Trồng rừng tạo bóng mát,
Ai làm đủ năm việc,
Thêm giới, định trọn vẹn,
Cầu, thuyền cho người qua,
Nhà cho khách phương xa.
Ngày đêm hưởng phước lành,
Chắc chắn sẽ sanh thiên.[7]

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nhớ tu hành năm công đức bố thí.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI NỮ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người nữ có năm thế lực sẽ xem thường chồng. Là những thế lực nào? Một là, sức mạnh của sắc đẹp. Hai là, sức mạnh của dòng tộc. Ba là, sức mạnh của gia nghiệp. Bốn là, sức mạnh của con cái. Năm là, sức mạnh do tự phòng

---

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.35.3. 0699a11).

[6] Tạo tác viên quán (造作園觀). Viên quán là ngôi nhà công cộng thời cổ đại, là nơi dừng chân, nghỉ ngơi cho khách lữ hành và cũng là nơi các đạo sĩ trao đổi, học hỏi lẫn nhau.

[7] Xem thêm bài kệ tương đương trong kinh *S.* I. 33.

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.35.4. 0699a28). Tham chiếu: *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.19. 0380a16); *S.* 37.27 - IV. 246; *S.* 37.28 - IV. 246.

hộ. Như vậy, người nữ có năm sức mạnh này. Tỳ-kheo nên biết, người nữ đã dựa vào năm sức mạnh này mà xem thường chồng.

Tuy nhiên, người chồng cũng có một sức mạnh, che phủ hết những sức mạnh của người nữ. Thế nào là một sức mạnh? Đó là sức mạnh của phú quý. Với sức mạnh phú quý của người chồng thì sức mạnh của sắc đẹp, dòng tộc, gia nghiệp, con cái và tự bảo hộ đều không thể sánh bằng. Đó là do một sức mạnh mà thắng bao nhiêu sức mạnh.

[0699b07] Nay Tệ ma Ba-tuần cũng có năm sức mạnh. Là những sức mạnh nào? Đó là sức mạnh của sắc, sức mạnh của thanh, sức mạnh của hương, sức mạnh của vị và sức mạnh của xúc. Kẻ phàm phu mê muội do đắm trước các pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc nên không thể vượt qua được cảnh giới của Ma Ba-tuần.

Nếu vị Thánh đệ tử thành tựu một sức mạnh thì sẽ thắng bấy nhiêu sức mạnh đó. Thế nào là một sức mạnh? Đó là sức mạnh không buông lung. Nếu đệ tử của bậc Hiền thánh thành tựu không buông lung thì sẽ không bị sắc, thanh, hương, vị và xúc trói buộc. Vì không bị năm dục trói buộc nên có thể thấu suốt các pháp sanh, già, bệnh, chết; thắng năm sức mạnh của ma, không rơi vào cảnh giới ma, vượt qua được các nạn đáng sợ, chứng đắc Niết-bàn.[9]

Thế Tôn liền nói kệ này:

Giới là đường bất tử,
Không tham thì không chết,
Buông lung là đường chết,
Lạc lối là mất mình.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Phải nhớ tu hành, chớ có buông lung!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. ƯỚC VỌNG CỦA NGƯỜI NỮ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người nữ thường suy tư về năm ước vọng. Là những ước vọng nào? Một là, sanh vào nhà hào quý. Hai là, được gả cho nhà giàu sang. Ba là, sai khiến chồng, chồng sẽ nghe theo. Bốn là, có nhiều con cái. Năm là, một mình quyết

[9] Nguyên tác: Vô vi (無為), tên gọi khác của Niết-bàn.

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.35.5. 0699b22).

đoán mọi việc trong nhà. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Người nữ thường suy tư về năm ước vọng đó.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo của Ta cũng nên tư duy về năm ước vọng. Là những ước vọng nào? Một là, giữ giới. Hai là, nghe nhiều. Ba là, thành tựu thiền định. Bốn là, có trí tuệ. Năm là, có trí tuệ giải thoát. Đó là năm ước vọng mà Tỳ-kheo cần phải tư duy.

[0699c01] Thế Tôn liền nói kệ này:

Mong sanh dòng hào tộc,
Có thể sai khiến chồng,
Muốn có nhiều con cái,
Tuy có ước mong này,
Mong tín, giới tròn đủ,
Trí tuệ cũng tròn đầy,
Muốn được thành đạo quả,
Nguyện thẳng đến Niết-bàn,[11]
Được gả nhà giàu sang,
Vô phước, không thành tựu.
Phấn sáp trau thân mình,
Vô phước, không thành tựu.
Tam-muội vững không lay,
Biếng nhác, không thành tựu.
Chẳng dạo vực tử sanh,
Biếng nhác, không thành tựu.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện, thực hành pháp lành, trừ bỏ pháp ác, dần dần thẳng tiến, tâm không hối tiếc giữa chừng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành

***

6. LỄ LẠY ĐÚNG LÚC[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm khoảng thời gian không nên lễ người. Là năm lúc nào? Một là, lúc ở trong tháp,[13] không nên lễ. Hai là, lúc ở trong đại chúng, không nên lễ. Ba là, lúc trên đường đi, không nên lễ. Bốn là, lúc bệnh tật nằm trên giường, không nên lễ. Năm là, lúc đang ăn uống, không nên lễ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, có năm khoảng thời gian không nên làm lễ với người.

Lại có năm lúc hợp thời để làm lễ. Là năm lúc nào? Một là, không ở trong tháp. Hai là, không ở trong đại chúng. Ba là, không ở trên đường đi. Bốn là, lúc không đau bệnh. Năm là, không phải khi ăn uống. Đó là những lúc hợp thời để làm lễ.

---

[11] Niết-bàn (涅槃, Nibbāna).

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.35.6. 0699c14).

[13] Thâu-bà (偷婆, S. *stūpa*, P. *thūpa*).

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Nên tùy phương tiện mà thực hành, hợp thời hãy thực hiện.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. PHƯỚC BÁU CÚNG NƯỚC[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-đầu-bàn:

– Thầy hãy vào thành La-duyệt xin một ít nước nóng, vì hôm nay Ta bị trúng gió nên đau lưng!

Tôn giả Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Thế rồi, vâng lời Phật dạy, Tôn giả Ưu-đầu-bàn đến giờ đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt xin nước nóng. Tôn giả Ưu-đầu-bàn liền nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn sai ta đi xin nước nóng? Đấng Như Lai thì đã trừ sạch mọi kiết sử, vô số điều lành đã tụ hội về, vậy mà Như Lai lại còn bảo rằng: 'Ta bị trúng gió.' Hơn nữa, Thế Tôn còn không cho biết tên họ của thí chủ nên không biết phải đến nhà ai?"

[0700a03] Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đầu-bàn dùng thiên nhãn quán sát mọi người trong thành La-duyệt xem người nào đáng độ. Khi ấy, Tôn giả biết được trong thành La-duyệt có trưởng giả tên Tỳ-xá-la-tiên, chưa từng trồng căn lành, không hành giới luật, không có niềm tin, theo tà kiến, có cái nhìn cực đoan đối với Phật, Pháp và Tăng. Ông ta chấp giữ quan điểm: "Không thí, không cho, không người nhận, cũng không có quả báo thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không cha, không mẹ, đời này không có Sa-môn, Bà-la-môn nào chứng Thánh quả, hoặc tự thân tác chứng và an trú, dù đời này hay cả đời sau."

Thọ mạng của ông ta rất ngắn, sau năm ngày nữa sẽ qua đời. Ông lại thờ cả Ngũ Đạo đại thần.[15] Bấy giờ, Ưu-đầu-bàn suy nghĩ: "Như Lai muốn độ trưởng giả này. Sở dĩ như vậy, là vì trưởng giả này sau khi qua đời sẽ đọa trong địa ngục Gào Khóc."[16]

Khi đó, Ưu-đầu-bàn liền mỉm cười. Từ xa, Ngũ Đạo đại thần thấy Tôn giả mỉm cười liền ẩn thân của mình, biến hóa thành thân người thường rồi đến chỗ

---

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.35.7. 0699c24). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1181. 0319b15); *Biệt Tạp*. 別譯雜 (*T*.02. 0100.95. 0407b13); *S*. 7.13 - I. 174.

[15] Ngũ Đạo đại thần (五道大神): Các vị thần lớn trong 5 cõi, gồm trời, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Ở đây chỉ cho vị trưởng giả tin theo tín niệm đa thần.

[16] Nguyên tác: Đề Khốc địa ngục (啼哭地獄, Roruva), một trong 8 đại địa ngục.

Ưu-đầu-bàn để ngài sai khiến. Tôn giả Ưu-đầu-bàn dẫn người này đến ngoài cửa nhà trưởng giả và đứng yên lặng. Dõi mắt trông ra, thấy có đạo nhân đứng ngoài cửa, trưởng giả liền nói kệ:

Này ông đứng yên lặng, Cạo tóc, mặc cà-sa,
Muốn gì ở nơi ta, Nhân việc gì mà đến?

Ưu-đầu-bàn liền dùng kệ đáp:

Đấng Vô Trước Như Lai, Hôm nay bị gió nhập,
Nếu như có nước ấm, Như Lai muốn tẩy trần.

Trưởng giả lặng im không đáp. Ngũ Đạo đại thần bảo Tỳ-xá-la-tiên:

– Trưởng giả nên lấy nước nóng để bố thí, chắc chắn được phước vô lượng, sẽ được phước báu bất tử.

Trưởng giả đáp:

– Ta tự có Ngũ Đạo đại thần. Cần Sa-môn này làm gì? Đâu tăng thêm ích lợi?

Ngũ Đạo đại thần nói kệ này:

Thuở Như Lai đản sanh, Thiên đế đã hầu hạ,
Ai vượt qua điều này, Ai có thể so sánh?
Nương Ngũ Đạo được gì, Không giúp ông hữu ích,
Cúng dường Thầy dòng Thích, Được phước quả lớn lao.

[0700b04] Bấy giờ, Ngũ Đạo đại thần lại bảo trưởng giả:

– Ông nên giữ gìn nghiệp của thân, miệng, ý. Ông chẳng biết oai lực của Ngũ Đạo đại thần hay sao?

Khi ấy, Ngũ Đạo đại thần liền hóa thân làm quỷ thần lớn, tay phải cầm kiếm rồi bảo trưởng giả:

– Ta chính là Ngũ Đạo đại thần. Mau lấy nước nóng cúng cho Sa-môn này, chớ nên do dự.

Khi ấy, trưởng giả liền nghĩ: "Kỳ diệu thay! Lạ lùng thay! Đã là Ngũ Đạo đại thần lại còn bắt ta cúng dường cho Sa-môn này."

Trưởng giả liền lấy nước nóng thơm đưa cho Đạo nhân, lại lấy đường phèn đưa cho Sa-môn. Ngũ Đạo đại thần tự bưng nước thơm này, cùng Ưu-đầu-bàn đến chỗ đức Thế Tôn, dâng lên cho Ngài. Thế Tôn lấy nước nóng thơm tắm rửa thân thể, liền hết bị gió, không còn đau nữa.

Thế rồi, năm ngày sau, trưởng giả từ trần liền sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương. Nghe tin trưởng giả qua đời, Tôn giả Ưu-đầu-bàn liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên và bạch:

– Bạch Thế Tôn, vị trưởng giả này qua đời rồi sanh về nơi nào?

Thế Tôn dạy:

– Sau khi qua đời, trưởng giả này đã sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương.

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

– Sau khi qua đời ở đó thì trưởng giả lại sanh về đâu?

Thế Tôn dạy:

– Qua đời ở đó sẽ sanh trong cõi trời Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba cho đến sanh trong cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ở Tha Hóa Tự Tại qua đời thì sẽ sanh lại vào cõi trời Tứ Thiên Vương. Trưởng giả trải qua sáu mươi kiếp không đọa vào đường ác, thân sau cùng sanh trong cõi người, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thành bậc Độc giác. Sở dĩ được như thế là nhờ công đức bố thí nước nóng nên được phước như vậy.

Thế nên, Ưu-đầu-bàn, phải luôn nhớ lo nước tắm cho chúng Tăng và siêng nghe pháp!

Thật vậy, Ưu-đầu-bàn! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

8. DIỆT TÂM THAM DỤC[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo không thích tu Phạm hạnh, muốn xả giới cấm trở về làm cư sĩ.

Thế rồi, Tỳ-kheo ấy đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi ngồi sang một bên. Vị Tỳ-kheo đó bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay con không thích tu Phạm hạnh, muốn xả giới trở về làm cư sĩ.

[0700c03] Thế Tôn hỏi:

– Vì sao thầy không thích tu Phạm hạnh mà muốn xả giới trở về làm cư sĩ?

Tỳ-kheo thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Hiện tại lòng con hừng hực, trong thân như lửa đốt. Những khi con thấy cô gái xinh đẹp, đoan chánh thì lúc ấy con nghĩ: "Ước gì được cùng nàng ấy giao tình." Rồi con lại nghĩ: "Điều này là phi pháp, nếu ta cứ để tâm ý rong ruổi theo điều này thì thật sai trái." Lúc ấy, con lại nghĩ: "Đây là thuận với pháp xấu ác, không thuận theo điều thiện. Đây là pháp xấu ác, chẳng phải pháp thiện." Nay con muốn xả giới cấm trở về làm cư sĩ. Giới cấm của Sa-môn thực sự không thể phạm. Con nguyện làm người thế tục và thực hành các hạnh bố thí.

---

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.35.8. 0700b27).

Thế Tôn bảo:

– Người nữ có năm thứ uế trược. Là những thứ nào? Một là, bất tịnh ô uế. Hai là, nói đôi chiều. Ba là, ganh ghét. Bốn là, sân hận. Năm là, ít biết báo ân.[18]

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Buồn, vui do tài lợi, Trong ác, ngoài hiện hiền,
Hại người lìa đường thiện, Như chim ưng bỏ ao.[19]

Thế nên, Tỳ-kheo! Nên trừ bỏ những suy nghĩ không trong sạch, tư duy về quán bất tịnh. Tỳ-kheo khi đã tư duy quán sát và thành tựu về quán bất tịnh sẽ đoạn hết dục ái, sắc ái và vô sắc ái, đoạn hết vô minh, kiêu mạn. Này Tỳ-kheo, lòng dục từ đâu sanh? Từ tóc sanh chăng? Nhưng tóc dơ bẩn chẳng sạch. Đều do huyễn hóa, dối gạt người đời. Tay, móng, răng... và những chi phần của thân thể đều là chỗ bất tịnh. Chỗ nào là chân? Chỗ nào là thật? Từ đầu đến chân thảy đều như thế. Gan, mật, ngũ tạng và những cơ phần hữu hình, không một chỗ nào đáng để tham đắm. Vậy thì chân thật ở đâu? Này Tỳ-kheo, lòng dục của thầy từ đâu sanh? Thầy hãy khéo tu Phạm hạnh, giáo pháp của Như Lai sẽ giúp thầy tận diệt khổ đau. Mạng người rất ngắn, chẳng thọ dài lâu. Tuy được trường thọ nhưng có mấy người vượt qua trăm tuổi.

Tỳ-kheo nên biết, Như Lai xuất hiện ở đời rất khó gặp, việc nghe Chánh pháp cũng khó như thế, được thân bốn đại cũng lại gian nan, các căn đầy đủ cũng khó muôn phần, thật sự cũng khó được sanh vào cõi nước phồn vinh, được gặp thiện tri thức cũng là việc khó khăn, được nghe Diệu pháp cũng khó bội phần, phân biệt nghĩa lý cũng là việc khó, thành tựu pháp và thứ lớp giáo pháp cũng là việc gian nan.

Này Tỳ-kheo! Nay Ta nói tóm lược về nghĩa này. Nếu được thân cận với thiện tri thức thì nhờ đó mà có thể phân biệt các pháp và cũng nên giảng giải nghĩa lý rộng rãi cho người. Nếu đã nghe pháp xong thì sẽ biết phân biệt, đã biết phân biệt pháp rồi thì có thể nói rõ nghĩa lý. Không có nghĩ tưởng về tham dục, sân hận, ngu si thì sẽ lìa xa ba độc, liền giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.

[0701a05] Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng nhận lời Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn rồi lui ra.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng, tư duy về pháp này. Sở dĩ một người thiện nam dám cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo là vì muốn tu Phạm hạnh vô thượng và đã thấy biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia liền thành A-la-hán.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[18] Nguyên tác: Phản phục (反復, *katavedī*): Báo ân, đền ơn.

[19] Nguyên tác: Như ưng xả ô trì (如鷹捨污池). Bản Minh (明) dùng chữ "vu" (于) thay chữ "ô" (污). Bản dịch căn cứ vào bản Minh.

9. NGUỒN GỐC CỦA DỤC[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Khi ấy, đã đến giờ khất thực nên Tôn giả A-nan và Tôn giả Đa-kỳ-xa đắp y, ôm bát vào thành. Bất chợt, trong một ngõ nhỏ, Tôn giả Đa-kỳ-xa trông thấy cô gái rất mực đoan chánh, hiếm có ở đời. Sau khi thấy rồi, lòng dạ Tôn giả bối rối không yên, nôn nao khó tả.

Lúc đó, Tôn giả Đa-kỳ-xa dùng kệ nói với ngài A-nan:

Bị lửa dục nung nấu, Tâm ý nóng bừng bừng,
Xin chỉ cách dứt ngưng, Để tôi nhiều lợi ích.

A-nan lại dùng kệ đáp:

Biết dục pháp điên đảo, Làm tâm ý nóng bừng,
Hãy trừ tâm tưởng tượng, Lòng dục liền tự ngưng.

Đa-kỳ-xa lại dùng kệ nói:

Tâm là gốc thân hình, Mắt là cội ngóng trông,
Nằm ngủ thấy bay bổng, Hình tựa cỏ úa nhàu.

Tôn giả A-nan liền tiến tới, dùng tay phải xoa đầu Đa-kỳ-xa rồi nói kệ này:

Niệm Phật dứt tham dục, Diệt dục cho Nan-đà,
Xem trời, thăm địa ngục, Giữ ý, lìa năm đường.

[0701b01] Nghe Tôn giả A-nan nói xong, Đa-kỳ-xa liền ngăn:

– Thôi, thôi, A-nan! Hãy cùng khất thực xong, trở về chỗ Thế Tôn.

Lúc ấy, cô gái từ xa thấy Đa-kỳ-xa liền mỉm miệng cười. Đa-kỳ-xa thấy cô gái cười, liền nghĩ như vầy: "Thân thể của cô gái kia là do da thịt ràng rịt, cũng như bình gốm họa vẽ bên ngoài mà bên trong chứa đầy bất tịnh, dối gạt người đời, khiến họ khởi loạn tưởng."

Bấy giờ, Tôn giả Đa-kỳ-xa quán cô gái ấy từ đầu đến chân: "Trong thân thể này có gì đáng tham? Ba mươi sáu thứ thảy đều bất tịnh. Các vật uế này từ đâu sanh ra?"

Tôn giả Đa-kỳ-xa lại nghĩ: "Ta quán thân thể người khác thì chẳng bằng tự quán trong thân của mình. Dục này từ đâu sanh? Từ đất sanh chăng? Từ nước, lửa, gió sanh chăng? Nếu từ đất sanh, đất cứng cỏi không thể tan hoại. Nếu từ nước sanh, nước thì mềm nhuyễn không thể nắm giữ. Nếu từ lửa sanh, lửa dao động nên khó nắm giữ. Nếu từ gió sanh, gió không hình tướng nên không thể nắm giữ." Tôn giả liền nghĩ: "Dục này chỉ từ tư tưởng sanh."

---

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.35.9. 0701a12). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1214. 0331a18); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.230. 0458a25); *S*. 8.6 - I. 188.

Bấy giờ, Tôn giả liền nói kệ này:

Dục, ta biết gốc ngươi, Ngươi sinh từ tư tưởng,
Nếu ta không nghĩ tưởng, Thì ngươi làm sao sinh?

Nói kệ này rồi, Tôn giả Đa-kỳ-xa chú tâm suy tư về tưởng bất tịnh, ngay tại chỗ đó, tâm hữu lậu được giải thoát.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan và Đa-kỳ-xa ra khỏi thành La-duyệt, trở về chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Đa-kỳ-xa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Con rất vui mừng vì hôm nay thành tựu thiện lợi, vì được giác ngộ một phần.

Thế Tôn bảo:

– Thầy tự mình giác ngộ thế nào?

Đa-kỳ-xa bạch Phật:

– Sắc không bền chắc, cũng không kiên cố, chẳng thể xem thấy, hư ảo không thật. Thọ[21] không bền chắc, cũng không kiên cố, cũng như bọt nước, hư ảo không thật. Tưởng không bền chắc, cũng không kiên cố, hư ảo không thật, cũng như quáng nắng.[22] Hành không bền chắc, cũng không kiên cố, như ruột cây chuối. Thức không bền chắc, cũng không kiên cố, hư ảo không thật.

Tôn giả lại bạch Phật:

– Thân năm uẩn này không bền chắc, cũng không kiên cố, hư ảo không thật.

Tôn giả Đa-kỳ-xa liền nói kệ này:

Bậc Tối Thắng thường dạy: Sắc giống như đám bọt,
Thọ như bóng nước trôi, Tưởng như quáng nắng trời,
Hành như ruột chuối thôi, Thức là pháp huyễn hóa.
Con suy ngẫm thế rồi, Nhớ lời Thiện Thệ dạy,
Quán hết thảy các hành, Tất cả đều vắng lặng,
Không hành nào chân chánh, Đều từ thân này sanh.
Nên đoạn diệt ba pháp, Thấy sắc là bất tịnh,
Thân này vốn uế tạp, Hư ảo không chánh chân.
Đều là pháp tổn hại, Năm uẩn chẳng chắc bền,
Thấu tỏ pháp vô thường, Con đang đi đúng hướng.

[0701c08] Như thế, bạch Thế Tôn! Những điều con vừa nói chính là sự giác ngộ của con.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, Đa-kỳ-xa! Thầy khéo quán sát nguồn cội của năm uẩn này. Thầy phải nên biết, là người tu hành nên quán sát nguồn gốc của năm uẩn đều không

[21] Nguyên tác: Thống (痛).

[22] Nguyên tác: Dã mã (野馬, *marīci*) còn gọi là "dương diệm" (陽焰), tức ảo hóa từ ánh sáng của mặt trời.

bền chắc. Vì sao như vậy? Vì Ta đã từng quán thân năm uẩn này khi ở bên cội Bồ-đề để thành Vô thượng Chánh đẳng giác, cũng như thầy đang quán sát hôm nay.

Lúc Phật nói pháp này, có sáu mươi Tỳ-kheo ngay tại chỗ ngồi của mình đã đoạn sạch phiền não, được tâm giải thoát.

Khi ấy, Tôn giả Đa-kỳ-xa nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. TÔN GIẢ TĂNG-CA-MA[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tăng-ca-ma,[24] con của trưởng giả, đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát đất và ngồi sang một bên rồi bạch Phật rằng:

– Kính mong Thế Tôn cho con nhập đạo.

Lúc ấy, con vị trưởng giả liền được nhập đạo, ở chỗ vắng vẻ, kiểm thúc tu hành, đạt được pháp vị, thấy ra lẽ thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đó là lý do mà một người thiện nam dám cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo là để chứng đạt. Khi ấy, Tăng-ca-ma liền thành A-la-hán.

Bấy giờ, ở chỗ nhàn tĩnh, ngài khởi suy niệm: "Như Lai xuất hiện vô cùng khó gặp. Vì Như Lai[25] đúng thời mới hiện, cũng như hoa sen đúng lúc mới nở. Điều này cũng thế, Như Lai xuất hiện ở đời đúng thời mới gặp, tất cả các hành tịch tĩnh là điều khó gặp, việc xuất ly cũng khó, diệt hết ái dục, đến được vô dục, vào cõi Niết-bàn, là những điều quan yếu."

Bấy giờ, mẹ vợ Tăng-ca-ma nghe con rể xuất gia tu đạo, không còn đắm trước dục lạc, từ bỏ cả gia nghiệp, lại còn làm thương tổn con gái mình vì đã bỏ nàng như bỏ đống nước bọt.

Người mẹ liền đến chỗ con gái, hỏi:

– Chồng con thật đã đi tu rồi ư?

[0702a01] Cô gái đáp:

– Con cũng không rõ chàng đi tu hay chưa.

Mẹ của cô gái bảo:

– Hôm nay, con nên trang điểm và chưng diện thật đẹp, ẵm con trai và cả con gái cùng ta đến chỗ Tăng-ca-ma.

---

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.35.10. 0701c15). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1072. 0278b11); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.11. 0376b21); *Ud.* 5.

[24] Tương đương Pāli: Saṅgāmaji.

[25] Đa-tát-a-kiệt (多薩阿竭) phiên âm từ Tathāgatha.

Bấy giờ, hai mẹ con cùng đến chỗ Tăng-ca-ma. Tôn giả Tăng-ca-ma đang ngồi kiết-già bên một gốc cây. Hai người đến trước mặt, đứng lặng yên. Khi ấy, người mẹ và cô gái đứng nhìn Tăng-ca-ma từ đầu đến chân rồi bảo Tăng-ca-ma rằng:

– Vì sao anh không nói chuyện với con gái tôi? Còn hai đứa trẻ này là con của anh. Những việc anh làm hôm nay quả là phi lý, không thể chấp nhận. Suy nghĩ của anh không phải là hành vi của con người.

Khi ấy, Tôn giả Tăng-ca-ma liền nói kệ này:

Ngoài nơi đây, không thiện, Ngoài nơi đây, không diệu,
Ngoài nơi đây, không thật, Niệm lành không đâu hơn.

Bấy giờ, mẹ vợ bảo Tăng-ca-ma:

– Con gái ta có tội tình gì? Nó có làm điều gì phi pháp? Lý do gì anh lại bỏ con gái ta rồi xuất gia học đạo?

Tăng-ca-ma liền nói kệ này:

Hạnh nhơ uế, bất tịnh, Sân hận, ưa dối trá,
Ganh ghét, tâm không ngay, Là điều Như Lai dạy.

Bà mẹ bảo Tăng-ca-ma:

– Không riêng gì con gái ta có những điều này mà tất cả người nữ đều giống như vậy. Dân chúng trong thành Xá-vệ hễ thấy con gái ta thì tâm tư đều bấn loạn, muốn cộng giao với nó, như kẻ khát thèm nước uống, ngắm mãi không chán, sanh lòng say đắm. Hôm nay, không những anh bỏ nó để học đạo mà còn chê bai nó thậm tệ là vì lý do gì? Nếu anh không thương con gái ta nữa thì hai đứa con này ta giao luôn để anh tự lo liệu.

Tăng-ca-ma lại nói kệ này:

Ta cũng không con cái, Sản nghiệp và gia tài,
Chẳng tùy tùng, quyến thuộc, Chẳng tôi tớ bảo sai.
Đi một mình, không bạn, Vui ở nơi yên nhàn,
Thực hành pháp Sa-môn, Cầu chánh đạo của Phật.
Người có trai, có gái, Tập hạnh của người ngu,
Thân ta còn chẳng có, Há lại có gái, trai?

[0702b02] Khi đó, mẹ, vợ và hai con nghe kệ này rồi đều tự nghĩ rằng: "Theo như ta thấy, ý ông ta hôm nay đã quyết không trở về nhà."

Và rồi, họ lại ngắm nhìn Tôn giả từ đầu đến chân, thở dài áo não rồi đến trước quỳ xuống nói:

– Nếu như thân, miệng, ý có điều gì không phải, cầu mong ngài tha lỗi cho!

Rồi họ nhiễu quanh ngài ba vòng rồi trở về nhà.

Khi ấy, Tôn giả A-nan đến giờ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, từ xa thấy bà mẹ và cô gái, liền hỏi:

– Vừa rồi các vị có gặp Tăng-ca-ma chăng?

Người mẹ bảo:

– Tuy gặp cũng như không gặp.

A-nan hỏi:

– Có nói chuyện không?

Người mẹ đáp:

– Tuy có nói chuyện nhưng chẳng hợp ý tôi.

Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

Muốn khiến lửa sinh nước, Lại khiến nước sinh lửa,
Pháp không, muốn thành có, Không dục, muốn có dục.

Tôn giả A-nan khất thực xong trở về vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, đến chỗ Tăng-ca-ma, ngồi một bên rồi bảo Tăng-ca-ma:

– Thầy đã biết pháp chân như chưa?

Tăng-ca-ma đáp:

– Tôi đã giác ngộ pháp chân như.

A-nan bảo:

– Thầy giác ngộ pháp chân như thế nào?

Tăng-ca-ma đáp:

– Sắc là vô thường. Do nghĩa vô thường này nên đó cũng là khổ. Khổ chính là vô ngã, vô ngã tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức thảy đều vô thường, nghĩa vô thường này tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Năm thủ uẩn này là nghĩa vô thường. Nghĩa vô thường tức là khổ. Ta không thuộc về chúng và chúng không thuộc về ta.

Khi ấy, Tăng-ca-ma liền nói kệ này:

Khổ sinh khổ triền miên, Vượt khổ, vượt tất cả,
Tám đạo phẩm Thánh hiền, Dẫn đến nơi tịch diệt.
Không trở lại đời này, Cõi trời, người lưu chuyển,
Nguồn khổ đau cạn kiệt, Mãi vắng lặng, chẳng lay.
Nẻo Không, tôi đã thấy, Như lời Phật giảng bày,
Nay đắc A-la-hán, Trọn không còn tái sanh.[26]

[0702c01] Khi ấy, Tôn giả A-nan khen ngợi:

– Lành thay! Pháp chân như, thầy đã khéo thấu triệt.

Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

Khéo giữ đường Phạm hạnh, Nẻo chánh đạo tiến tu,
Mọi kiết sử đoạn trừ, Chánh chân Phật, đệ tử.

[26] Nguyên tác: Bất thọ bào thai (不受胞胎), chỉ cho sự không còn tái sanh.

Tôn giả A-nan nói kệ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát đất rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đem nhân duyên này bạch lại đầy đủ cho Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu chân chánh luận bàn về bậc A-la-hán thì vị đáng nói nhất là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Giỏi hàng phục quyến thuộc ma cũng là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo Tăng-ca-ma đã hàng ma đến bảy lần, nay mới thành đạo. Từ nay về sau, Ta cho phép được bảy lần ra vào đạo, nếu quá giới hạn này là phi pháp.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Ta, Tỳ-kheo hàng phục ma bậc nhất, nay mới thành đạo, chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[27]

[27] Bản Hán, hết quyển 27.

36. PHẨM NGHE PHÁP[1]

1. NGHE PHÁP ĐÚNG THỜI[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nghe pháp đúng thời có năm công đức, vì khi thọ nhận đúng thời sẽ không quên thứ lớp. Là những công đức nào? Một là, điều chưa từng nghe sẽ được nghe. Hai là, điều đã nghe sẽ được tụng đọc thuần thục. Ba là, hiểu biết không bị tà lệch. Bốn là, không có nghi ngờ. Năm là, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa.

Nghe pháp đúng thời có năm công đức. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để nghe pháp đúng thời.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. TẠO LẬP NHÀ TẮM[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tạo lập nhà tắm có năm công đức. Là những công đức nào? Một là, ngăn gió. Hai là, bệnh sẽ lành. Ba là, trừ bỏ cáu bẩn. Bốn là, thân thể nhẹ nhàng. Năm là, được khỏe đẹp.[4]

Như vậy, này Tỳ-kheo! Tạo lập nhà tắm có năm công đức như thế. Do đó, các Tỳ-kheo! Nếu bốn bộ chúng muốn cầu năm công đức này thì nên tìm phương tiện tạo lập nhà tắm.

---

[1] Nguyên tác: *Thính pháp phẩm* 聽法品 (*T*.02. 0125.36. 0702c22).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.36.1. 0702c23). Tham chiếu: *A*. 5.202 - III. 248.

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng* 增 (*T*.02. 0125.36.2. 0703a02). Tham chiếu: *Phật thuyết ôn thất tẩy dục chúng Tăng kinh* 佛說溫室洗浴眾僧經 (*T*.16. 701. 0802c05).

[4] Đắc phì bạch (得肥白): Được trắng trẻo và mập mạp. Trong quan điểm mỹ học ở Ấn Độ cổ đại, béo mập là tiêu chuẩn lý tưởng của sức khỏe và cái đẹp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. CÚNG TĂM XỈA RĂNG[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Bố thí tăm xỉa răng cho người có năm công đức. Là những công đức nào? Một là, ngăn gió. Hai là, trừ bệnh tăng tiết nước bọt.[6] Ba là, dạ dày dễ tiêu hóa. Bốn là, miệng không hôi. Năm là, mắt luôn sáng rõ.[7]

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Bố thí tăm xỉa răng có năm công đức. Nếu người thiện nam, người thiện nữ nào muốn cầu năm công đức này thì nên bố thí tăm xỉa răng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. NGHIỆP GIẾT HẠI[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy có thấy người nào tạo nghiệp giết hại trâu, bò thì về sau được cỡi xe, cỡi ngựa, cỡi voi lớn chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

---

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.36.3. 0703a10). Tham chiếu: *Thập tụng luật* 十誦律 (*T*.23. 1435.40. 0289b28-c03); *A*. 5.208 - III. 250.

[6] Nguyên tác: Tiên thóa (涎唾).

[7] Nguyên tác: 一者除風, 二者除涎唾, 三者生藏得消, 四者口中不臭, 五者眼得清淨. Công đức thứ nhất (除風) trùng với kinh số 2 ở trên. Theo *A*. 5.208 - III. 250, năm công đức đó là: "Con mắt không bị ảnh hưởng, miệng không hôi thối, thần kinh vị được trong sạch, nước mật và đàm không dính vào đồ ăn, ăn thấy ngon" (HT. Thích Minh Châu dịch). *Thập tụng luật* 十誦律 (*T*.23. 1435.40. 0289b28-c03) đề cập cả 2 thể loại công đức này: Một là, miệng không đắng; hai là, miệng không hôi; ba là, ngăn gió; bốn là trừ bệnh nóng sốt; năm là, trừ bệnh về đàm. Lại có 5 lợi ích: Một là, ngăn gió; hai là, trừ nóng bức; ba là, khẩu vị tinh tế; bốn là, bảo đảm việc ăn uống; năm là, mắt sáng rõ. (一者口不苦, 二者口不臭, 三者除風, 四者除熱病, 五者除痰癊. 復有五利益: 一者除風, 二者除熱, 三者口滋味, 四者能食,五者眼明).

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.36.4. 0703a18).

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, các Tỳ-kheo! Ta cũng không thấy, không nghe có người giết hại trâu, bò về sau lại được cỡi xe, cỡi ngựa, cỡi voi lớn. Vì sao như vậy? Vì Ta chưa hề thấy ai giết hại trâu, bò mà được cỡi xe, cỡi ngựa, cỡi voi lớn, vì không bao giờ có lý này. Thế nào, Tỳ-kheo! Các thầy có thấy những ai tạo việc ác như giết hại dê, heo, săn bắn hươu, nai để có được tài sản, rồi về sau lại được cỡi xe, cỡi ngựa, cỡi voi lớn chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, các Tỳ-kheo! Ta cũng không thấy, không nghe có người giết trâu, bò, sát hại các sinh vật rồi được cỡi xe, cỡi ngựa, cỡi voi lớn, vì không bao giờ có lý này. Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy có người tuy giết hại trâu, bò mà được cỡi xe, cỡi ngựa là nhờ công đức đời trước, chẳng phải phước đời này, đều là do phước cũ của đời trước đem đến. Nếu các thầy thấy có người giết dê lại được cỡi xe, cỡi ngựa, nên biết người này đã gieo trồng phước đức ở đời trước. Vì sao họ lại làm như thế? Vì chưa từ bỏ tâm sát sanh. Vì sao như vậy? Vì nếu có kẻ gần gũi người ác, ưa thích việc sát sanh thì gieo trồng tội đọa địa ngục. Nếu trở lại làm người thì mạng sống rất ngắn ngủi. Nếu có kẻ ưa thích trộm cướp thì cũng gieo trồng tội địa ngục như người giết hại trâu, bò kia. Với những kẻ mua rẻ bán đắt, dối gạt thế gian, không theo Chánh pháp thì cũng giống như người giết hại trâu, bò. Do tâm sát sanh gây ra tội lỗi nên không được cỡi xe, cỡi ngựa, cỡi voi lớn. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Nên khởi tâm từ đối với tất cả chúng sanh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. DU THIÊN PHÁP BỔN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ đức Thế Tôn cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

---

[9] *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.36.5. 0703b13). *Du thiên pháp bổn* (遊天法本), tên kinh do chính đức Phật đặt, nằm ở cuối bản kinh. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.506. 0134a07); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.988. 0257a28); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.989. 0257b15); *S.* 40.10 - IV. 269.

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Thế Tôn:

– Theo lời Phật dạy, đấng Như Lai xuất hiện ở đời ắt sẽ vì năm điều. Là năm điều nào? Một là, sẽ vận chuyển bánh xe pháp. Hai là, sẽ độ cha mẹ. Ba là, dựng lập lòng tin cho người không tin. Bốn là, người chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát. Năm là, trong thời gian đó sẽ có người được thọ ký thành Phật. Đây là năm nhân duyên Như Lai xuất hiện ở đời. Hiện nay, Phật mẫu[10] ở cõi trời Ba Mươi Ba muốn được nghe pháp. Như Lai đang ngụ tại cõi Diêm-phù-đề với bốn bộ chúng vây quanh, quốc vương, dân chúng thảy đều vân tập. Lành thay, Thế Tôn! Ngưỡng mong Ngài đến cõi trời Ba Mươi Ba thuyết pháp cho Phật mẫu!

Khi ấy, Thế Tôn yên lặng nhận lời.

Long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà liền nghĩ: "Các Sa-môn đầu trọc này bay phía trên ta. Ta nên tìm cách khiến họ không di chuyển được."

Khi ấy, long vương giận dữ phun lửa khói lớn khiến cõi Diêm-phù-đề bốc cháy hừng hực. Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn, vì sao có lửa khói trong cõi Diêm-phù-đề này?

Thế Tôn bảo:

– Do hai long vương nghĩ rằng: "Sa-môn đầu trọc thường bay phía trên ta, chúng ta phải tìm cách khống chế, không cho vượt lên hư không", rồi nổi giận phun luồng lửa khói này. Do nhân duyên ấy nên có biến cố xảy ra.

[0703c02] Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đến thu phục chúng!

Thế Tôn bảo:

– Hai long vương này cực kỳ hung ác, khó có thể giáo hóa, thầy hãy về chỗ ngồi đi!

Tôn giả A-na-luật liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn đến hàng phục long vương kia!

Thế Tôn bảo:

– Hai long vương này vô cùng hung bạo, rất khó thu phục, thầy hãy trở về chỗ ngồi đi!

Các Tôn giả như Ly-việt, Tôn giả Ca-chiên-diên, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Ưu-đà-di, Tôn giả Bà-kiệt đều từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng con muốn đến hàng phục long vương!

Thế Tôn bảo:

– Hai long vương này vô cùng hung ác, rất khó giáo hóa. Các thầy hãy về chỗ đi!

[10] Nguyên tác: Như Lai mẫu (如來母).

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con muốn đến đó hàng phục long vương!

Thế Tôn bảo:

– Hai long vương này vô cùng hung ác, rất khó giáo hóa, thầy làm sao cảm hóa họ được?

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, khi con đến, trước tiên con sẽ biến thân mình thật lớn khiến cho rồng kia khiếp vía. Sau đó, con lại biến thân mình thành cực nhỏ rồi mới dùng phép thường để hàng phục chúng.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, Mục-liên! Thầy có khả năng đảm trách việc hàng phục long vương, nhưng này Mục-liên! Phải kiên trì tâm ý, chớ khởi loạn tưởng. Vì sao như thế? Bởi rồng kia rất hung ác, luôn sẵn sàng quấy phá thầy.

Tôn giả Mục-liên đảnh lễ sát chân Phật, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay liền biến mất, hiện trên núi Tu-di. Bấy giờ, long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà lượn quanh núi Tu-di bảy vòng, sân hận tột độ, phun khói lửa ngùn ngụt. Khi ấy, Mục-liên ẩn mình, rồi hóa thành long vương cực lớn có mười bốn đầu, lượn quanh núi Tu-di mười bốn vòng, phun khói lửa dữ dội ở ngay phía trên hai long vương kia.

Bấy giờ, long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà thấy long vương cực lớn có mười bốn đầu nên vô cùng sợ hãi, bảo nhau:

– Chúng ta nên thử oai lực của long vương này xem có thắng hay không?

Long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà quẫy đuôi trong biển cả, vẩy nước khắp cõi trời Ba Mươi Ba nhưng không trúng vào thân Mục-liên. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng hiện quẫy đuôi trong biển cả, nước tung tóe lên đến trời Phạm-ca-di[11] và vẩy trên thân hai long vương.

[0704a02] Khi ấy, hai long vương liền bảo nhau: "Chúng ta đã sử dụng hết thế lực để vẩy nước lên đến cõi trời Ba Mươi Ba, nhưng long vương cực lớn này lại vượt xa hơn nữa. Chúng ta chỉ có bảy đầu, long vương này lại có đến mười bốn đầu. Chúng ta nhiễu quanh núi Tu-di bảy vòng, long vương này nhiễu quanh núi Tu-di đến mười bốn vòng. Chúng ta nên hợp sức chiến đấu."

Khi ấy, hai long vương nổi cơn thịnh nộ phóng sấm sét rền trời, phun lửa ngùn ngụt. Tôn giả Mục-liên liền nghĩ: "Khi đấu tranh, rồng thường sử dụng lửa, sấm sét, nếu ta cũng dùng lửa, sấm sét chiến đấu thì dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề và cõi trời Ba Mươi Ba đều sẽ bị tổn hại. Ta nên biến hóa thân hình cực nhỏ để chiến đấu."

[11] Phạm-ca-di (梵迦夷, Brahmakāyika): Cõi Phạm thiên, thuộc Sơ thiền.

Mục-liên liền hóa thân hình cực nhỏ, chui vào miệng rồng rồi thoát ra nơi lỗ mũi, hoặc vào từ lỗ mũi rồi thoát ra lỗ tai, hoặc vào lỗ tai rồi thoát ra con mắt, khi ra khỏi mắt thì đi trên lông mi.

Khi đó hai long vương vô cùng kinh sợ, nghĩ rằng: "Vị long vương lớn này oai lực cực thâm hậu mới có thể chui vào miệng rồi thoát ra nơi lỗ mũi, từ lỗ mũi rồi thoát ra mắt. Hôm nay, chúng ta thật sự đã thua cuộc. Loài rồng chúng ta có bốn chủng loại: Sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ nơi ẩm ướt và sanh do biến hóa, không ai có thể vượt qua nổi chúng ta. Oai lực của long vương này như vầy thì ta không thể kháng cự được. Chúng ta sẽ bị mất mạng ngay."

Cả hai đều hoảng sợ, lông toàn thân dựng đứng. Thấy long vương quá sợ hãi, Mục-liên lại ẩn mình, hiện nguyên hình rồi đi trên mí mắt rồng. Sau khi thấy Đại Mục-liên, hai long vương bảo nhau:

– Đây là Sa-môn Mục-liên, không phải long vương. Thật là kỳ diệu! Vị này oai lực thâm hậu mới có thể đánh nhau với chúng ta.

Bấy giờ, hai long vương nói với Mục-liên:

– Sao Tôn giả lại quấy nhiễu chúng tôi như thế? Ngài muốn răn dạy điều gì chăng?

Mục-liên bảo:

– Có phải hôm qua các ông nghĩ như vầy: "Sa-môn đầu trọc sao lại có thể bay phía trên chúng ta? Chúng ta nên ngăn cản việc đó."

Long vương đáp:

– Đúng thế, thưa ngài Mục-liên!

Mục-liên bảo:

– Long vương nên biết! Núi Tu-di này là đường đi của chư thiên, chẳng phải nơi các ông cư ngụ.

Long vương thưa:

– Mong ngài tha thứ cho! Chúng tôi chẳng biết điều quan trọng này, từ nay về sau sẽ không dám quấy nhiễu, nghĩ xấu, làm ác, cúi xin ngài thâu nhận chúng tôi làm đệ tử!

[0704b02] Mục-liên đáp:

– Các ông chớ quy y ta, hãy đến quy y nơi ta đã quy y!

Long vương nói với Mục-liên:

– Hôm nay, chúng con xin tự quy y Như Lai!

Mục-liên đáp:

– Các ông không thể quy y Thế Tôn ở núi Tu-di này, hãy cùng ta đến thành Xá-vệ mới quy y được!

Rồi trong khoảng thời gian như co duỗi cánh tay, Mục-liên dẫn hai long vương rời núi Tu-di đến thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đông vô số. Mục-liên bảo hai long vương:

– Các ông nên biết! Hôm nay, Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đông vô số, các ông không thể đến diện kiến đức Phật bằng hình hài này được!

Long vương bảo:

– Đúng vậy, thưa ngài Mục-liên!

Long vương liền ẩn hình rồng, hóa thành hình người không cao, không thấp, dung mạo đoan chánh như màu hoa đào rồi cùng Tôn giả Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Mục-liên bảo long vương:

– Bây giờ đã đúng thời, hãy bước ra thưa thỉnh!

Nghe Mục-liên nói, long vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ xuống chắp tay bạch Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn! Hai chúng con tên là Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà xin quy y Như Lai, thọ trì năm giới. Cúi mong Thế Tôn cho phép chúng con làm ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh nữa!

Thế Tôn tùy hỷ chấp thuận.[12] Hai long vương trở về chỗ ngồi, muốn được nghe pháp.

Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc liền nghĩ: "Có nhân duyên gì khiến trong cõi Diêm-phù-đề khói lửa như thế?" Nhà vua liền lên xe gắn lông chim quý, ra khỏi thành Xá-vệ đến chỗ đức Thế Tôn. Khi ấy, từ xa thấy nhà vua đến, dân chúng thảy đều đứng dậy tiếp đón:

– Đại vương vạn tuế, xin mời đến đây ngồi!

Hai long vương vẫn ngồi yên lặng. Vua Ba-tư-nặc cúi lạy sát chân đức Thế Tôn rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, nhà vua thưa:

– Con có điều muốn thưa hỏi, cúi mong Thế Tôn chỉ bày để con tỏ tường!

Thế Tôn bảo:

– Ngài có điều gì thưa hỏi, bây giờ quả là đúng thời!

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Do nhân duyên gì khiến cõi Diêm-phù-đề này khói lửa như thế?

Thế Tôn bảo:

– Do long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà gây ra, nhưng Đại vương chớ sợ hãi, từ nay không còn biến cố khói lửa nữa.

---

[12] Nguyên tác: Đàn chỉ (彈指). Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh văn cú* 妙法蓮華經文句 (*T*.34. 1718.10. 0142a06), "đàn chỉ" là tên gọi khác của "tùy hỷ" (彈指者, 隨喜也).

[0704c01] Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc liền nghĩ: "Ta là vua của một nước, nhân dân thảy [đều] tôn kính, danh vang khắp bốn phương. Chẳng biết hai kẻ này từ đâu đến, thấy ta đến đây cũng không đứng dậy nghinh tiếp? Nếu ở trong nước thì ta sẽ bắt giam, nếu ở nước khác đến thì ta sẽ giết chết."

Biết tâm của Vua Ba-tư-nặc đang nghĩ như thế, long vương liền nổi giận, nghĩ: "Chúng ta chẳng có lỗi gì với ông vua này, thế mà ông ấy lại muốn hại ta. Chắc ta phải bắt quốc vương và dân chúng nước Ca-di[13] giết hết."

Long vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Thế Tôn rồi lui ra, rời khỏi Kỳ Hoàn chẳng bao xa thì biến mất. Thấy họ đi rồi, một lát sau nhà vua bạch Thế Tôn:

– Quốc sự bận rộn, con xin hồi cung!

Thế Tôn bảo:

– Nên biết đúng thời!

Vua Ba-tư-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy lui ra rồi bảo quần thần:

– Hai người vừa rồi đi đường nào? Mau bắt chúng lại!

Tuân lệnh vua, quần thần liền đuổi theo, tìm mãi không thấy liền trở về cung.

Khi đó, long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà cùng nghĩ: "Chúng ta không có lỗi với ông vua kia nhưng vừa rồi ông ta lại muốn bắt để giết hại. Chúng ta nên giết hết dân chúng của ông ấy không để sót một ai."

Khi ấy long vương lại nghĩ rằng: "Dân chúng trong nước này đâu có tội lỗi gì? Nên bắt dân chúng trong thành Xá-vệ giết hại hết." Rồi lại nghĩ: "Dân chúng thành Xá-vệ nào có lỗi lầm gì với chúng ta. Nên đem các quan lại thuộc hạ trong vương cung giết sạch."

Bấy giờ, biết tâm tư của long vương, đức Phật liền bảo Tôn giả Mục-liên:

– Thầy hãy cứu giúp Vua Ba-tư-nặc, chớ để cho long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà làm hại!

Mục-liên đáp:

– Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vâng lời Phật dạy, Mục-liên cúi lạy sát chân rồi đi. Tôn giả ngồi kiết-già, ẩn thân trong cung vua. Hai long vương kéo đến sấm sét vang rền, gió mưa vần vũ nơi cung vua. Có lúc mưa ngói đá, hoặc mưa đao kiếm nhưng chưa rơi xuống đất đã biến thành hoa sen xanh[14] trong hư không. Khi ấy, long vương càng thêm tức giận, tuôn mưa biến thành ngọn núi sừng sững trong cung điện, Mục-liên lại hóa thành đủ loại thực phẩm. Long vương lại nổi giận đùng đùng, trút mưa đao kiếm, Mục-liên lại biến thành y phục tuyệt đẹp. Long vương càng thêm giận

[13] Ca-di quốc (迦夷國) cũng gọi là Ca-thi (迦尸, Kāsi), là một trong 16 quốc gia thời Phật, có giai đoạn là thuộc quốc của Vua Ba-tư-nặc.

[14] Ưu-bát liên hoa (優鉢蓮華, uppala).

dữ, dội mưa cát, sỏi đá trên cung Vua Ba-tư-nặc, cát đá chưa rơi xuống đất lại hóa thành bảy báu.

[0705a04] Bấy giờ, thấy trong cung điện mưa tuôn đủ loại bảy báu, Vua Ba-tư-nặc thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền nghĩ: "Trong cõi Diêm-phù-đề, không ai có đức hơn ta, chỉ trừ Như Lai. Vì sao như thế? Trong nước ta, gieo một gốc lúa thu hoạch được một đấu lúa, nấu cơm với nước mía vô cùng thơm ngon. Nay ở trên cung điện lại có mưa bảy báu, chẳng lẽ ta được làm Chuyển Luân Thánh vương ư?"

Vua Ba-tư-nặc ra lệnh các thể nữ thu nhặt bảy báu. Khi ấy, hai long vương bảo nhau:

– Sao lại thế này? Khi đến đây, chúng ta muốn làm hại Vua Ba-tư-nặc, nay lại biến hóa ra như thế. Bao nhiêu thế lực hôm nay đã vận dụng hết nhưng không thể động đến Vua Ba-tư-nặc mảy may nào.

Khi ấy, long vương thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết-già nơi cung điện, thân đoan ý chánh, không hề nghiêng lệch, họ liền nghĩ: "Những việc này chắc chắn do ngài Mục-liên làm."

Nhìn thấy Tôn giả Mục-liên, hai long vương liền bỏ đi. Mục-liên thấy long vương đi rồi liền xả thần túc, trở về trước Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Khi đó, Vua Ba-tư-nặc nghĩ: "Các thực phẩm này không nên dùng trước. Nên dâng lên Như Lai rồi sau mới dùng."

Vua Ba-tư-nặc liền dùng xe chở châu báu và đủ loại thực phẩm đến chỗ Thế Tôn rồi thưa:

– Hôm qua, trời rưới mưa bảy báu và các loại thực phẩm này, cúi mong Thế Tôn nạp thọ!

Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên ngồi cách Thế Tôn không xa. Phật bảo nhà vua:

– Đại vương nên đem thực phẩm và bảy báu này dâng cúng cho Đại Mục-liên. Vì sao như thế? Nhờ ơn Mục-liên mà Đại vương được tái sanh trên đất Thánh hiền.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Ngài nói con được tái sanh?

Thế Tôn bảo:

– Sáng hôm qua chẳng phải Đại vương đã đến đây nghe pháp hay sao? Lúc ấy, có hai người cũng đến nghe pháp. Ông nghĩ như vầy: "Ở đất nước này, ta là bậc hào quý đệ nhất, được mọi người kính nể, nhưng hai người này từ đâu đến, thấy ta mà không đứng dậy tiếp đón?"

Nhà vua bạch Phật:

– Quả thật như vậy! Bạch đức Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

– Họ không phải là người mà chính là hai long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà. Biết tâm của vua nên bảo nhau: "Chúng ta không có lỗi đối với ông vua cõi người này, cớ sao muốn hại ngược lại ta? Chúng ta nên tìm phương cách tiêu diệt đất nước này." Ta quán sát được ý của long vương liền sai Mục-liên: "Ông nên cứu giúp Vua Ba-tư-nặc, đừng để bị rồng làm hại." Vâng lời Ta dạy, thầy ấy ẩn hình nơi cung điện và tạo ra sự biến hóa này. Khi ấy, long vương hết sức giận dữ, tuôn mưa cát, ngói và đá ở trên cung điện, nhưng chưa rơi xuống đất đã hóa thành đủ loại thực phẩm, y phục và bảy báu. Do nhân duyên này nên Như Lai nói hôm nay Đại vương như được tái sanh.

Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc rất đỗi kinh sợ, toàn thân sởn gai ốc, quỳ gối tiến lên đến trước Như Lai rồi thưa:

– Nhờ ơn sâu dày của Thế Tôn mà sanh mạng của con được cứu sống.

Nhà vua lại lạy sát chân Tôn giả Mục-liên, cung kính thưa:

– Nhờ ơn của Tôn giả mà con được cứu mạng sống.

Bấy giờ, quốc vương liền nói kệ này:

Mong Thế Tôn trường thọ, Luôn cứu hộ mạng con,
Độ thoát khổ, khốn cùng, Nhờ Ngài được thoát nạn.

Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc dùng hương hoa cõi trời rải trên thân Như Lai và thưa:

– Con xin đem bảy báu này dâng lên ngôi Tam bảo, cúi mong nạp thọ!

Rồi nhà vua cúi lạy sát chân, nhiễu Phật ba vòng rồi ra về.

Khi ấy, đức Thế Tôn nghĩ: "Bốn bộ chúng này đa phần biếng nhác, không muốn nghe pháp, cũng không tìm cầu phương tiện để tự thân chứng đắc, cũng chẳng mong cầu chứng đạt được điều chưa chứng đạt, chứng đắc điều chưa chứng đắc. Nay Ta phải khiến cho bốn bộ chúng khát ngưỡng giáo pháp."

Bấy giờ, Thế Tôn không báo cho bốn bộ chúng biết, cũng chẳng dẫn theo thị giả, trong khoảng thời gian như co duỗi cánh tay liền biến mất khỏi Kỳ Hoàn, đi đến cõi trời Ba Mươi Ba. Từ xa nhìn thấy Thế Tôn đến, Thích-đề-hoàn-nhân liền dẫn chúng trời ra trước nghinh đón, cúi lạy sát chân rồi thỉnh Thế Tôn an tọa, thưa:

– Lành thay, Thế Tôn đến! Xa cách đã lâu, chúng con không được hầu cận Ngài!

Khi ấy, Thế Tôn nghĩ: "Ta sẽ dùng thần túc tự ẩn hình khiến mọi người không thấy Ta ở đâu."

Rồi Thế Tôn lại nghĩ: "Ta đang ở cung trời Ba Mươi Ba nên hóa thân cực lớn."

Khi ấy, giảng đường Thiện Pháp của cõi trời có tảng đá bằng vàng, chu vi một do-tuần, Thế Tôn ngồi kiết-già vừa trọn trên ấy. Phật mẫu Ma-da dẫn các thiên nữ đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên, thưa:

– Xa cách quá lâu, hôm nay Ngài đến đây thật là đại hạnh! Tôi hằng mong nhớ, khát khao được gặp Ngài, nay Như Lai mới đến.

Sau khi Phật mẫu Ma-da cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên, Thích-đề-hoàn-nhân cũng đảnh lễ Như Lai rồi ngồi một bên. Chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba cũng đảnh lễ sát chân Phật [rồi] ngồi sang một bên. Khi chư thiên trông thấy Như Lai thì chúng trời tăng thêm, chúng a-tu-la giảm bớt.

[0705c09] Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp vi diệu cho chư thiên nghe. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, dâm là xấu ác, giải thoát là an vui.

Bấy giờ, Thế Tôn quán sát tâm ý của đại chúng nghe pháp và chư thiên đã khai mở, Ngài liền giảng thuyết về khổ, tập, diệt và đạo, như pháp chư Phật, Thế Tôn thường thuyết. Hết thảy đại chúng ngay tại chỗ ngồi của mình, sạch hết trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Lại có mười tám ức thiên nữ thấy được đạo, ba vạn sáu ngàn chúng trời được Pháp nhãn thanh tịnh. Khi ấy, Phật mẫu Ma-da liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật rồi trở về cung. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

– Con nên dùng loại thực phẩm nào để dâng lên Như Lai? Dùng thực phẩm của cõi người hay thực phẩm tự nhiên của cõi trời?

Thế Tôn bảo:

– Nên dùng thực phẩm của cõi người để dâng lên Như Lai. Vì sao như vậy? Bởi thân Ta sanh ra ở nhân gian, trưởng thành ở nhân gian và thành Phật ở nhân gian.

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Thích-đề-hoàn-nhân lại thưa:

– Theo thời gian cõi trời hay theo thời gian của cõi người?

Thế Tôn bảo:

– Theo thời gian của cõi người.

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân liền sửa soạn thực phẩm của cõi người, lại theo thời gian cõi người dâng lên Như Lai.

Bấy giờ, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba bảo nhau:

– Nay chúng ta mới được thấy Như Lai dùng cơm mỗi ngày.

Thế Tôn liền nghĩ: "Ta nên vào Như thị tam-muội,[15] muốn chư thiên đến thì chư thiên đến, muốn chư thiên lui ra thì họ tự lui ra." Khi ấy, Thế Tôn nhập vào định này khiến chư thiên đến, đi tùy thời.

[15] Như thị tam-muội (如是三昧), một loại tam-muội có thể khiến người khác làm theo ý mình.

Bốn bộ chúng ở nhân gian đã lâu không được gặp Như Lai, họ liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

– Hiện nay Như Lai đang ở đâu? Chúng con rất mong được gặp Ngài.

[0706a01] Tôn giả A-nan đáp:

– Chúng tôi cũng không biết Như Lai đang cư ngụ nơi nào.

Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc và Vua Ưu-điền đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

– Hiện thời Như Lai đang ở đâu?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đại vương! Tôi cũng chẳng biết trú xứ hiện tại của Như Lai.

Vì quá nhớ mong, muốn diện kiến Như Lai nên cả hai vua đều rất đau buồn. Bấy giờ, quần thần đến chỗ Vua Ưu-điền, tâu:

– Bệ hạ lâm bệnh gì sao?

Vua đáp:

– Ta vì buồn rầu sanh bệnh.

Quần thần tâu vua:

– Vì cớ gì mà buồn rầu thành bệnh?

Nhà vua đáp:

– Do không gặp được Như Lai. Nếu không thể diện kiến đức Như Lai, chắc trẫm sẽ chết mất.

Quần thần liền nghĩ: "Phải dùng phương cách nào đó, chẳng lẽ để Vua Ưu-điền băng hà sao? Chúng ta nên tạo dựng tôn tượng Như Lai!"

Quần thần tâu vua:

– Chúng thần muốn tạo dựng tôn tượng Như Lai để có thể cung kính, cúng dường, lễ bái.

Vua nghe như vậy, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền bảo quần thần:

– Lành thay! Điều các khanh vừa nói rất vi diệu.

Quần thần tâu:

– Tâu Đại vương! Nên dùng báu vật nào để tạo tôn tượng của Như Lai?

Nhà vua liền truyền lệnh cho những bậc thầy giỏi về mỹ thuật trong nước:

– Nay trẫm muốn tạo dựng tôn tượng Như Lai.

Những người thợ đáp:

– Xin tuân lệnh, Đại vương!

Vua Ưu-điền liền dùng gỗ Ngưu Đầu chiên-đàn tạo tôn tượng Như Lai cao năm thước.

Lúc ấy, nghe tin Vua Ưu-điền tạo tôn tượng Phật cao năm thước để cúng dường, Vua Ba-tư-nặc liền triệu tập thợ khéo trong nước và ra lệnh:

– Trẫm muốn tạo dựng tôn tượng Như Lai, các ông phải tiến hành ngay!

Vua Ba-tư-nặc nghĩ: "Nên dùng báu vật nào để tạc tôn tượng Như Lai?" Lát sau, vua lại nghĩ: "Hình thể Như Lai ánh vàng như màu vàng cõi trời nên sử dụng vàng ròng để tạc tôn tượng Như Lai."

Vua Ba-tư-nặc liền lấy vàng tử-ma[16] thuần chất để tạo tôn tượng Như Lai cao năm thước. Và từ đây, hai tôn tượng Như Lai mới hiện hữu trong cõi Diêm-phù-đề này. Khi ấy, bốn bộ chúng đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

– Chúng con khát ngưỡng Như Lai, luôn nhớ nghĩ, muốn hầu cận Ngài. Nay Như Lai đang du hóa nơi đâu?

A-nan đáp:

– Chúng tôi cũng chẳng biết Như Lai đang cư ngụ nơi nào. Bây giờ, chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-na-luật thưa hỏi việc này. Vì sao như vậy? Vì Tôn giả A-na-luật thiên nhãn bậc nhất, thanh tịnh không chút cấu nhiễm. Tôn giả sẽ dùng thiên nhãn quán sát một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn đại thiên thế giới. Tôn giả ấy có thể thấy biết.

[0706b03] Bốn bộ chúng cùng A-nan đến trước Tôn giả A-na-luật. A-nan thưa:

– Bốn bộ chúng này đến chỗ tôi hỏi: "Hiện nay Thế Tôn đang du hóa nơi đâu?" Cúi mong Tôn giả dùng thiên nhãn quán sát Như Lai đang ngụ tại trú xứ nào?

Tôn giả A-na-luật bảo:

– Các ông hãy chờ giây lát. Tôi sẽ quán sát xem Như Lai đang cư ngụ nơi nào.

Khi ấy, Tôn giả A-na-luật thân tâm đoan chánh, giữ niệm trước mặt, dùng thiên nhãn quán sát trong cõi Diêm-phù-đề nhưng không thấy. Tôn giả lại dùng thiên nhãn quán sát các cõi Cù-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đan-việt[17] cũng chẳng thấy. Lại quán sát cõi trời Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba, cõi Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại, rồi quán sát đến cõi Phạm thiên mà chẳng thấy Như Lai đâu. Lại quán sát ngàn cõi Diêm-phù-đề, ngàn cõi Cù-da-ni, ngàn cõi Uất-đan-việt, ngàn cõi Phất-vu-đãi, ngàn cõi Tứ Thiên Vương, ngàn cõi Diệm thiên, ngàn cõi trời Đâu-suất, ngàn cõi trời Hóa Tự Tại, ngàn cõi trời Tha Hóa Tự Tại và ngàn cõi Phạm thiên cũng không thể tìm thấy Như Lai. Lại quán sát khắp ba ngàn đại thiên cõi nước mà cũng chẳng thấy.

---

[16] Tử-ma kim (紫磨金), một loại vàng thượng hạng.

[17] Cù-da-ni (拘耶尼), Phất-vu-đãi (弗于逮), Uất-đan-viết (鬱單曰) là tên khác của ba cõi Tây Ngưu Hóa châu (西牛貨洲, Goyāniya hoặc Aparagoyāna), Đông Thắng Thần châu (東勝神洲, Pubbavideha) và Bắc Câu-lô châu (北俱盧洲, Uttarakuru).

Tôn giả A-na-luật liền từ tòa đứng dậy, nói với Tôn giả A-nan:

– Tôi đã quán sát khắp ba ngàn đại thiên cõi nước vẫn không thấy Như Lai.

Bấy giờ, A-nan và bốn bộ chúng đứng lặng yên. A-nan nghĩ: "Như Lai sẽ không nhập Niết-bàn chứ?"

Khi đó, chúng trời Ba Mươi Ba bảo nhau:

– Chúng ta vui mừng vì được thiện lợi. Cúi mong bảy vị Phật thường xuất hiện ở đời để trời và người được thấm nhuần lợi lạc!

Có vị trời bảo rằng:

– Đừng mong đủ bảy vị Phật, giả sử chỉ có sáu vị Phật cũng đã quá tốt rồi!

Vị trời khác lại nói:

– Giả sử chỉ có năm vị Phật.

Hoặc có vị nói bốn vị Phật, ba vị Phật, hai vị Phật xuất hiện ở đời sẽ thấm nhuần lợi ích.

Thích-đề-hoàn-nhân bảo chư thiên:

– Hãy dừng ý nghĩ bảy vị Phật cho đến hai vị Phật. Giả sử hiện tại đức Phật Thích-ca trụ lâu ở đời thì được nhiều lợi ích rồi!

Bấy giờ, ý Như Lai muốn chư thiên đến thì chư thiên liền đến, ý muốn cho chư thiên đi thì chư thiên liền đi. Lúc ấy, chúng trời Ba Mươi Ba bảo nhau:

– Cớ sao Như Lai lại thọ thực suốt ngày vậy?

Thích-đề-hoàn-nhân bảo chúng trời:

– Như Lai thọ trai theo thời gian của cõi người, không phải theo thời gian cõi trời.

Trải qua ba tháng, đức Thế Tôn suy nghĩ: "Bốn bộ chúng ở Diêm-phù-đề không gặp Ta đã lâu, chắc họ rất trông mong, khát ngưỡng. Ta nên xả thần túc khiến cho hàng Thanh văn biết Như Lai đang cư ngụ tại cõi trời Ba Mươi Ba." Khi ấy, Thế Tôn liền xả thần túc.

[0706c06] Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả A-na-luật, thưa:

– Bốn bộ chúng đang rất khát ngưỡng mong diện kiến Như Lai. Đức Như Lai không phải đã Diệt độ chứ?

Tôn giả A-na-luật bảo A-nan:

– Đêm qua có vị trời đến báo cho tôi rằng: "Như Lai đang ngụ tại giảng đường Thiện Pháp cõi trời Ba Mươi Ba. Thầy hãy chờ giây lát. Tôi sẽ quán sát nơi Như Lai đang cư ngụ."

Tôn giả A-na-luật liền ngồi kiết-già, thân tâm ngay thẳng, tâm không dao động, dùng mắt trời quán sát cõi trời Ba Mươi Ba, thấy Thế Tôn đang an tọa trên tảng đá ngang dọc khoảng một do-tuần. Khi ấy, Tôn giả A-na-luật xả chánh định, bảo A-nan:

– Đức Như Lai đang ở cõi trời Ba Mươi Ba thuyết pháp cho thân mẫu.

Tôn giả A-nan và bốn bộ chúng thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. A-nan hỏi bốn bộ chúng:

– Vị nào có thể đảm nhận đến cõi trời Ba Mươi Ba thăm hỏi đức Thế Tôn?

Tôn giả A-na-luật nói:

– Tôn giả Mục-liên thần thông bậc nhất, mong Tôn giả vận thần thông đến thăm hỏi Như Lai.

Khi ấy, bốn bộ chúng bạch Tôn giả Mục-liên:

– Đức Như Lai đang cư ngụ tại cõi trời Ba Mươi Ba. Cúi mong Tôn giả nhân danh bốn chúng thăm hỏi Như Lai. Lại thưa đức Phật ý như vầy: "Thế Tôn chứng đạo ở cõi Diêm-phù-đề. Ngưỡng mong Ngài thu nhiếp thần lực, trở về thế gian."

Mục-liên bảo:

– Lành thay, chư Hiền!

Nhận lời của bốn bộ chúng, trong khoảng thời gian như co duỗi cánh tay, Mục-liên lên cõi trời Ba Mươi Ba, đến chỗ Như Lai. Từ xa, Thích-đề-hoàn-nhân và chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba thấy Mục-liên đến, họ đều nghĩ: "Vị này chắc là sứ giả của chúng Tăng, cũng giống như sứ giả của các vua?" Bấy giờ, chư thiên đều đứng dậy nghinh đón.

– Kính chào Tôn giả!

Từ xa, Tôn giả Mục-liên thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng, liền nghĩ: "Thế Tôn ở trong cõi trời này cũng bị phiền phức, ồn náo." Mục-liên đến trước Thế Tôn cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, Mục-liên bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Bốn bộ chúng hỏi thăm Như Lai được mạnh khỏe, nhẹ nhàng thư thái.

Lại thưa:

– Như Lai sanh trưởng trong Diêm-phù-đề, đắc đạo ở cõi người. Cúi mong Thế Tôn trở lại thế gian. Bốn bộ chúng khát ngưỡng muốn diện kiến Thế Tôn!

[0707a04] Thế Tôn bảo:

– Mong bốn bộ chúng tiến tu đạo nghiệp, không biết mệt mỏi. Thế nào Mục-liên! Bốn bộ chúng du hóa vất vả không? Có hòa hợp không? Ngoại đạo dị học không xúc nhiễu chứ?

Mục-liên đáp:

– Bạch đức Thế Tôn! Bốn bộ chúng hành đạo không mỏi mệt.

– Nhưng này Mục-liên! Vừa rồi thầy nghĩ rằng Như Lai ở đây cũng bị phiền phức, ồn náo. Việc này không đúng. Vì sao như thế? Vì thời thuyết pháp của Ta

không lâu, khi Ta nghĩ: "Muốn cho chư thiên đến, họ liền đến, muốn chư thiên không đến thì họ không đến." Này Mục-liên! Thầy hãy trở về thế gian, sau bảy ngày nữa, Như Lai sẽ về đến Tăng-già-thi,[18] bên cạnh hồ nước lớn.

Lúc ấy, trong khoảng thời gian như co duỗi cánh tay, Tôn giả Mục-liên liền trở về thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, đến báo với bốn bộ chúng rằng:

– Chư Hiền nên biết! Bảy ngày nữa Như Lai sẽ trở lại cõi Diêm-phù-đề bên hồ nước lớn, ở thành Tăng-già-thi.

Bấy giờ, bốn bộ chúng nghe xong thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Vua Ba-tư-nặc, Vua Ưu-điền, Vua Ác Sanh, Vua Ưu-đà-diên và Vua Tần-bà-sa-la hay tin sau bảy ngày nữa, Như Lai sẽ về đến bên hồ nước lớn ở Tăng-già-thi, mọi người đều vô cùng hoan hỷ, phấn khởi tột độ. Khi ấy, dân chúng thành Tỳ-xá-ly, dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ và dân chúng Câu-di-la-việt nghe tin Như Lai sẽ trở về Diêm-phù-đề, họ đều vui mừng hớn hở, phấn khởi tột cùng.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc ra lệnh triệu tập bốn bộ binh chủng đến bên hồ nước, muốn cung đón Thế Tôn. Năm vua đều triệu tập binh lính đến chỗ Thế Tôn, vì họ muốn đích thân được thăm viếng Như Lai và dân chúng. Dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ và bốn bộ chúng đều đến chỗ Thế Tôn, muốn được cung đón Như Lai.

Đầu ngày thứ bảy, Thích-đề-hoàn-nhân bảo thiên tử Tự Tại:

– Ông hãy tạo ba con đường từ đỉnh núi Tu-di đến hồ nước ở Tăng-già-thi. ta quán sát Như Lai sẽ không vận dụng thần thông khi trở lại cõi Diêm-phù-đề.

Thiên tử Tự Tại đáp:

– Việc này quá quý hóa! Sẽ hoàn thành đúng lúc.

Bấy giờ, thiên tử Tự Tại liền hóa ra ba con đường bằng vàng, bạc và thủy tinh. Con đường bằng vàng ở giữa, hai bên là hai con đường bằng bạc và thủy tinh, có hàng cây bằng vàng. Ngay lúc ấy, hết thảy chư thiên tôn thần diệu đều đến nghe pháp trong bảy ngày.

[0707b04] Thế Tôn thuyết pháp cho nhiều ngàn vạn chúng vây quanh. Ngài dạy: "Năm thủ uẩn là khổ. Là năm loại nào? Đó là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Thế nào là sắc uẩn? Nghĩa là thân bốn đại, sắc được tạo bởi bốn đại nên gọi là sắc uẩn.

Thế nào gọi là thọ uẩn? Nghĩa là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc gọi là thọ uẩn.

Sao gọi là tưởng uẩn? Nghĩa là hội tụ cả ba đời nên gọi là tưởng uẩn.

Sao gọi là hành uẩn? Đó là nghiệp của thân, nghiệp của miệng và nghiệp của ý nên gọi là hành uẩn.

---

[18] Tăng-già-thi (僧迦尸, Sankassa), một Thánh tích đã được ngành khảo cổ Ấn Độ ngày nay xác chứng, thuộc bang Uttar Pradesh, Ấn Độ, cách thị trấn Farrukhabad khoảng 47km.

Sao gọi là thức uẩn? Nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý gọi là thức uẩn.

Thế nào gọi là sắc? Lạnh cũng là sắc, nóng cũng là sắc, đói cũng là sắc, khát cũng là sắc.

Thế nào gọi là thọ? Thọ nghĩa là cảm nhận. Cảm nhận điều gì? Cảm nhận khổ, cảm nhận lạc và cảm nhận không khổ không lạc, gọi là cảm nhận.

Thế nào gọi là tưởng? Tưởng cũng là biết. Biết xanh, biết vàng, biết trắng, biết đen, biết khổ vui, nên gọi là biết.

Thế nào gọi là hành? Hành là tạo tác nên gọi là hành. Tạo tác điều gì? Hoặc tạo tác nghiệp ác, hoặc tạo thành nghiệp thiện, nên gọi là hành.

Thế nào gọi là thức? Biết phân biệt đúng sai, cũng nhận biết các vị, đây gọi là thức.

Các thiên tử nên biết, có năm thủ uẩn này thì biết có ba đường: Đường ác, đường cõi trời và đường cõi người. Năm thủ uẩn này diệt liền biết có đường Niết-bàn."

Lúc đức Phật thuyết pháp này xong, có sáu vạn cư dân cõi trời đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Thế Tôn thuyết pháp cho chư thiên xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu-di nói kệ này:

Với Phật, Pháp, Thánh chúng, Hãy siêng học, chuyên cần,
Đường chết sẽ lấp dần, Như voi bị điều phục.
Ai không chút biếng nhác, Với pháp khéo hành trì,
Gốc tử sanh sẽ đoạn, Nguồn đau khổ tiêu tan.

[0707c01] Nói kệ này rồi, Thế Tôn liền đến con đường ở giữa. Khi ấy Phạm thiên ở con đường bằng bạc bên phải Thế Tôn, Thích-đề-hoàn-nhân ở con đường thủy tinh, chư thiên ở giữa hư không rải hoa, đốt hương, ca múa, hòa nhạc làm vui lòng Như Lai.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc[19] nghe tin hôm nay Như Lai sẽ trở lại cõi Diêm-phù-đề, bên hồ nước lớn ở Tăng-già-thi, liền nghĩ: "Bốn bộ chúng, quốc vương, đại thần và dân chúng trong nước không ai là không đến. Ta không nên đến bằng cách thông thường. Ta sẽ biến thành thân Chuyển Luân Thánh vương đến yết kiến Thế Tôn." Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền ẩn hình, hóa thành Chuyển Luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu. Bảy báu gồm xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, binh chủ báu và điển tạng báu.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề đang vá y bên sườn núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt. Nghe tin hôm nay đức Thế Tôn sẽ trở về cõi Diêm-phù-đề, bốn bộ chúng đều đến diện kiến, Tôn giả Tu-bồ-đề liền nghĩ: "Ta nên đến thăm hỏi lễ bái Như Lai." Thế rồi, Tôn giả Tu-bồ-đề liền ngừng việc vá y, từ chỗ ngồi đứng

[19] Ưu-bát Hoa Sắc (優鉢華色, Uppalavaṇṇā) còn được dịch nghĩa là Liên Hoa Sắc (蓮華色): Vị Tỳ-kheo-ni được tôn xưng là Thần thông đệ nhất trong chúng Tỳ-kheo-ni thời đức Phật.

lên, khi bàn chân phải vừa chạm đất, ngài bỗng nghĩ rằng: "Thân thể của Như Lai, cái gì gọi là Thế Tôn? Có phải là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chăng? Người đến diện kiến cũng là đất, nước, gió, lửa ư? Tất cả các pháp thảy đều vắng lặng, không tạo, không tác. Như lời kệ Thế Tôn từng dạy:

Nếu người muốn lễ Phật,
Phải quán tất cả uẩn,
Chư Phật thuở quá khứ,
Cùng đức Phật hiện tại,
Những ai muốn lễ Phật,
Hoặc ở trong hiện tại,
Nếu người muốn lễ Phật,
Cùng chư Phật hiện tại,
Và những bậc Tối tôn,
Xứ, giới đều vô thường.
Các Phật ở tương lai,
Tất cả đều vô thường.
Quá khứ và tương lai,
Nên quán sát pháp Không.
Quá khứ và tương lai,
Nên quán pháp vô ngã.

Trong thân thể này không có ngã, không thọ mạng, không chúng sanh, không tạo tác, cũng không có hình dáng, không có người giáo hóa, không có người được giáo hóa, tất cả các pháp đều rỗng rang vắng lặng, vậy cái gì là ngã? Ngã vốn không có chủ. Ta nên trở về nương tựa tánh không."[20]

Thế rồi, Tôn giả Tu-bồ-đề quay trở lại ngồi vá y.

[0708a02] Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc hóa làm Chuyển Luân Thánh vương, đem theo bảy báu đến cung đón Thế Tôn.

Từ xa, năm vị quốc vương thấy Chuyển Luân Thánh vương đến, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền nói với nhau:

– Thật là vi diệu! Thật là đặc thù! Thế gian xuất hiện hai loại báu quý: Như Lai và Chuyển Luân Thánh vương.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng nhiều vạn cư dân cõi trời, từ đỉnh núi Tu-di bước xuống bên hồ nước. Khi chân của Thế Tôn vừa chạm đất, ba ngàn đại thiên thế giới này sáu phen rung động. Khi ấy, hóa thân Chuyển Luân Thánh vương dần dần tiến đến trước Thế Tôn. Quốc vương các nước nhỏ và dân chúng đều tránh ra. Khi gần đến trước Thế Tôn, hóa thân Chuyển Luân Thánh vương liền trở lại hình hài như cũ, thành Tỳ-kheo-ni cúi lạy sát chân Thế Tôn. Thấy vậy, cả năm vị vua than thở với nhau:

– Hôm nay, chúng ta thật là sơ suất. Đáng lẽ chúng ta được diện kiến Như Lai trước, nhưng Tỳ-kheo-ni này đã gặp Như Lai trước rồi.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni đến chỗ Thế Tôn cúi lạy sát chân, bạch Phật:

– Kính lễ đấng Tối Thắng! Hôm nay, con được thăm viếng Ngài đầu tiên. Con là Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, đệ tử của Như Lai.

---

[20] Ngã kim quy mạng chân pháp chi tụ (我今歸命真法之聚). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.90. 0698b21), Chân pháp (真法) là tên gọi khác của tánh không. Nguyên văn: Nhất thiết pháp tánh không, thị chư Phật chân pháp (一切法性空, 是諸佛真法).

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ bảo Liên Hoa Sắc:

Thiện Nghiệp[21] đã lễ Ta, Không ai trước hơn được,
Cửa giải thoát Không, vô, Đây là nghĩa lễ Phật.
Những ai muốn lễ Phật, Tương lai và quá khứ,
Nên quán pháp Không, vô, Đây là nghĩa lễ Phật.

Khi ấy, năm vua và dân chúng đông không thể tính kể đều đến chỗ Thế Tôn tự xưng tên: Con là Ba-tư-nặc, vua nước Ca-thi; con là vua nước Bạt-kỳ tên là Ưu-điền; con là vua của dân chúng Ngũ Đô tên là Ác Sanh; con là Vua Nam Hải tên là Ưu-đà-diên; con là Vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, mười một na-do-tha[22] dân chúng tập hợp cùng các bậc trưởng thượng được tôn trọng nhất của bốn bộ chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

Vua Ưu-điền hai tay thỉnh tượng Ngưu Đầu chiên-đàn, hướng về Như Lai nói bài kệ:

Con xin kính hỏi Ngài, Đấng Từ Bi Cứu Độ,
Người tạo hình tượng Phật, Được phước quả ra sao?

[0708b02] Đức Thế Tôn cũng dùng kệ đáp:

Như Lai giảng sơ lược, Phước quả của thế nhân,
Đúc tạo hình tượng Phật, Đại vương hãy lắng nghe.
Nhờ phước tạo tượng Phật, Mắt bất hoại muôn đời,
Về sau được mắt trời, Phân tỏ mọi thiện, ác.
Nhờ phước tạo tượng Phật, Sáu căn luôn vẹn toàn,
Tâm chánh, không mê loạn, Thế lực vượt người thường.
Nhờ phước tạo tượng Phật, Đường ác mãi lìa xa,
Vĩnh viễn sanh cõi trời, Làm vua trên thiên giới.
Nhờ phước tạo tượng Phật Đức lớn chẳng nghĩ bàn,
Chẳng phước nào sánh ngang, Tiếng thơm vang bốn biển.

– Lành thay, lành thay! Việc làm của Đại vương đem đến nhiều lợi ích, trời, người đều mong nhờ.

Bấy giờ, Vua Ưu-điền thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng.

Thế Tôn thuyết giảng các pháp vi diệu cho bốn bộ chúng và năm vua. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, lậu là tai họa lớn, giải thoát là nhiệm mầu.

---

[21] Thiện Nghiệp (善業) là tên gọi khác của ngài Tu-bồ-đề (須菩提, Subhūti).

[22] Na-thuật (那術) tức na-do-tha (那由他, *nayuta*), được hiểu qua ba định mức, gồm mười vạn, một trăm vạn hoặc một ngàn vạn; nghĩa thường dùng là mười vạn.

Khi ấy, biết rõ tâm ý bốn bộ chúng đã khai mở, Thế Tôn liền thuyết pháp khổ, tập, diệt, đạo, như pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường thuyết. Bấy giờ, hơn sáu vạn cư dân cõi trời và loài người, ngay tại chỗ ngồi sạch hết các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, năm vua bạch Thế Tôn:

– Chốn này có phước đức vi diệu tối thắng, quả là đất thiêng, nên Như Lai mới từ cõi trời Đâu-suất xuống đây thuyết pháp. Nay con muốn tạo dựng nơi này, khiến cho tồn tại mãi, không bị hư hoại.

Thế Tôn bảo:

– Này năm vua các ông! Hãy dựng lập một ngôi tháp[23] ở chốn này để hưởng phước lâu dài không cho hư hoại.

Các vua hỏi:

– Chúng con phải xây tháp ra sao?

Bấy giờ, Thế Tôn duỗi tay phải, từ dưới đất hiện ra tháp của Như Lai Ca-diếp.

Đức Phật nhìn năm vua rồi bảo:

– Muốn tạo dựng tháp thiêng nên lấy đây làm khuôn mẫu!

Khi đó, năm vua cho xây dựng một tháp thiêng to lớn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hằng sa Như Lai đời quá khứ có tùy tùng bao nhiêu, cũng như Ta hôm nay nhiều bấy nhiêu không khác. Ngay đến chư Phật, Thế Tôn trong tương lai có tùy tùng bao nhiêu, cũng như Ta hôm nay nhiều bấy nhiêu không khác. Nay kinh này được đặt tên là *Du thiên pháp bổn*.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, bốn bộ chúng và năm vị quốc vương nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[24]

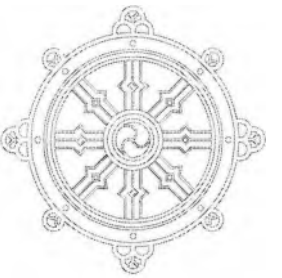

[23] Thần tự (神寺): Ngôi tháp. Theo *Kinh Vua Địa Chủ*, số 1, phẩm 23, tr. 245 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.23.1. 0610c23); *Kinh không có tín căn*, số 7, phẩm 43, tr. 773; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.43.7. 0764a10); *Kinh kính lễ tháp*, số 1, phẩm 50, tr. 937; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.1. 0806b12).

[24] Bản Hán, hết quyển 28.

37. PHẨM SÁU PHÁP QUÝ TRỌNG[1]

1. SÁU PHÁP QUÝ TRỌNG[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy phải thường nhớ nghĩ đến sáu pháp quý trọng, cần được cung kính, tôn trọng và gìn giữ trong tâm, chớ để quên mất. Là sáu pháp nào?

Ở đây, này các Tỳ-kheo! Thân hành niệm từ, cả trước mặt lẫn sau lưng,[3] đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Lại nữa, khẩu hành niệm từ, ý hành niệm từ, đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Lại nữa, khi có được các vật dụng, tài lộc đúng pháp thì nên dùng chung với các vị đồng Phạm hạnh, không nên tham tiếc. Pháp này đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Lại nữa, giữ gìn các giới cấm không bị mục nát, không bị hư hoại, rất mực trọn vẹn, không để khiếm khuyết, được người trí quý trọng. Lại muốn cho giới này lan tỏa khắp loài người, khiến họ được nếm chung nghĩa vị. Pháp này đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Lại nữa, chánh kiến Hiền thánh dẫn đến xuất ly. Có chánh kiến như thế và muốn cùng với người đồng Phạm hạnh tu theo pháp này, cũng đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Do vậy, này Tỳ-kheo! Có sáu pháp quý trọng đáng kính, đáng quý này, chớ để quên mất.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Thường nên tu hành nghiệp của thân, nghiệp của miệng và nghiệp của ý. Nếu được các vật dụng lợi dưỡng nên nhớ phân chia, không nên khởi tưởng tham đắm.

---

[1] Nguyên tác: *Lục trọng phẩm* 六重品 (*T*.02. 0125.37. 0708c10).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.1. 0708c11). Tham chiếu: *D*. 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh phúng tụng*); *A*. 6.11 - III. 288; *A*. 6.12 - III. 289.

[3] Như kính thị kỳ hình (如鏡視其形): Như ngắm hình trong gương. Tham chiếu: *A*. 6.12 - III. 289: *Āvi ceva raho ca* (ở ngay trước mặt và cả nơi kín đáo).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. THI TRIỂN THẦN THÔNG[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ bên suối A-nậu-đạt,[5] hết thảy đều là bậc A-la-hán, chứng đắc Ba minh[6] cùng Sáu thần thông, thần túc tự tại, tâm không sợ hãi, chỉ trừ một vị Tỳ-kheo là A-nan.

[0709a01] Bấy giờ, Thế Tôn ngồi trên tòa hoa sen vàng, cọng sen bằng bảy báu và năm trăm Tỳ-kheo cũng đều ngồi trên tòa hoa sen báu. Lúc ấy, long vương A-nậu-đạt đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

Sau khi quán sát khắp Thánh chúng xong, long vương bạch Thế Tôn:

– Con quán sát trong chúng, thấy chưa đầy đủ, vẫn còn thiếu Tôn giả Xá-lợi-phất. Cúi mong Thế Tôn cho một Tỳ-kheo thỉnh Tôn giả Xá-lợi-phất đến.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang vá y cũ ở tinh xá Kỳ Hoàn. Thế Tôn bảo Mục-liên:

– Thầy hãy đến chỗ Xá-lợi-phất và bảo: "Long vương A-nậu-đạt muốn được diện kiến thầy."

Mục-liên đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Khi ấy, trong khoảng thời gian như co duỗi cánh tay, Tôn giả Đại Mục-liên đi đến tinh xá Kỳ Hoàn, gặp Tôn giả Xá-lợi-phất và nói:

– Như Lai dạy: "Long vương A-nậu-đạt muốn được diện kiến thầy."

Xá-lợi-phất đáp:

– Tôn giả hãy về trước, tôi sẽ đến sau.

Mục-liên nói:

– Tất cả Thánh chúng và long vương A-nậu-đạt mong nhớ tôn nhan của Tôn giả, muốn được diện kiến. Mong Tôn giả đi ngay, chớ nên chậm trễ.

Xá-lợi-phất đáp:

– Tôn giả hãy đến đó trước, tôi sẽ đến sau.

---

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.2. 0708c28).

[5] A-nậu-đạt (阿耨達, Anotatta). Xem chú thích 21, kinh số 9, phẩm 29, tr. 415.

[6] Tam đạt (三達).

Mục-liên tiếp lời:

– Thế nào, Xá-lợi-phất! Trong số những người có thần túc, Tôn giả có khả năng hơn tôi hay sao mà bảo tôi đi trước? Nếu Tôn giả không đi bây giờ, tôi sẽ nắm cánh tay đưa đến bờ suối kia.

Khi ấy, Xá-lợi-phất nghĩ: "Mục-liên đang tìm cách trêu đùa ta đây."

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất tháo dải y Tăng-kỳ-chi[7] để xuống đất, bảo Mục-liên:

– Nếu thầy là người có thần túc bậc nhất thì hãy nhấc dải y này khỏi mặt đất trước, rồi hãy nắm cánh tay tôi đưa đến suối A-nậu-đạt.

Mục-liên liền nghĩ: "Xá-lợi-phất lại đùa cợt ta, muốn thử sức ta chăng? Cớ sao lại tháo dải y để xuống đất rồi nói: 'Hãy nhấc nó lên trước, sau đó mới nắm cánh tay ta đưa đến bên bờ suối.'" Mục-liên lại nghĩ: "Việc này ắt có nguyên nhân, nếu không thì đâu có khổ công như vậy."

Lúc ấy, Mục-liên liền duỗi tay nắm dải y nhấc lên, nhưng dải y không mảy may lay động. Khi đó, Mục-liên gắng hết sức để di chuyển dải y nhưng không thể khiến nó lay động. Xá-lợi-phất liền lấy dải y cột vào cành cây Diêm-phù, Tôn giả Mục-liên vận hết sức thần [lực] muốn nhấc dải y lên nhưng không thể lay chuyển. Ngay lúc nhấc dải y, mặt đất cõi Diêm-phù-đề rung chuyển mạnh.

[0709b03] Khi ấy Xá-lợi-phất liền nghĩ: "Tỳ-kheo Mục-liên có thể khiến cõi Diêm-phù-đề rung chuyển, huống chi dải y này! Ta nên dùng dải y buộc vào hai cõi nước."

Bấy giờ, Mục-liên nhấc lần nữa. Xá-lợi-phất lại cột dải y vào ba cõi nước, bốn cõi nước, Mục-liên cũng có thể nhấc lên như nhấc chiếc áo nhẹ.

Xá-lợi-phất lại nghĩ: "Tỳ-kheo Mục-liên đủ sức nhấc bốn cõi nước cũng chưa là gì cả. Ta sẽ cột dải y này giữa thân núi Tu-di." Khi ấy, Mục-liên làm lay động khắp núi Tu-di, chấn động đến cung trời Tứ Thiên Vương và cung trời Ba Mươi Ba.

Xá-lợi-phất lại buộc dải y vào một ngàn cõi nước, Mục-liên cũng có thể khiến cho chấn động. Xá-lợi-phất lại buộc dải y vào hai ngàn cõi nước, ba ngàn cõi nước cũng bị Mục-liên làm chấn động. Khi ấy đất trời rung chuyển mạnh, chỉ có chỗ ngồi của Như Lai ở suối A-nậu-đạt là bất động, ví như lực sĩ đùa nghịch với lá cây thì không chút mảy may trở ngại nào.

Khi ấy, long vương A-nậu-đạt liền hỏi:

– Bạch Thế Tôn, tại sao trời đất bỗng nhiên rung chuyển?

Thế Tôn liền nói rõ nguyên nhân. Long vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thần lực của hai vị này, ai vượt trội hơn?

---

[7] Kiệt-chi (竭支) còn gọi là Kỳ-chi (祇支) hoặc Tăng-kỳ-chi (僧祇支), một loại áo lót mặc bên trong của người xuất gia.

Thế Tôn bảo:

– Thần lực của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc nhất.

Long vương thưa:

– Bạch Thế Tôn, lúc trước, chẳng phải Thế Tôn đã thọ ký cho Tỳ-kheo Mục-liên là vị thần túc bậc nhất, không ai vượt qua hay sao?

Thế Tôn bảo:

– Này long vương! Ông nên biết, có bốn thần túc. Là bốn loại nào? Đó là dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, nhất tâm như ý túc và quán như ý túc.[8] Này long vương! Đây là năng lực của bốn thần túc. Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào có bốn thần lực này, luôn giữ gìn và hành trì không buông bỏ thì đạt được thần lực bậc nhất.

Long vương A-nậu-đạt bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Mục-liên không đạt được bốn thần lực này ư?

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo Mục-liên cũng đạt được bốn thần lực này, giữ gìn hành trì không buông bỏ. Tỳ-kheo Mục-liên muốn kéo dài tuổi thọ đến hết kiếp cũng có thể làm được, nhưng chánh định mà Xá-lợi-phất đã nhập thì Tỳ-kheo Mục-liên không biết tên gọi.

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất lại nghĩ: "Mục-liên có thể di chuyển trong ba ngàn đại thiên cõi nước, khiến côn trùng bị chết không thể kể xiết, nhưng đích thân ta biết thì tòa của Như Lai không thể lay chuyển. Ta nên dùng dây này buộc vào tòa của Như Lai."

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên lại dùng thần túc nhấc dải y lên, nhưng không chút lay động. Mục-liên liền nghĩ: "Thần túc của ta bị suy giảm rồi sao? Ta không thể nhấc dải y này lên nổi! Ta nên đến chỗ Thế Tôn để hỏi về điều này."

[0709c06] Tôn giả Mục-liên liền buông dải y, vận thần túc đến chỗ Thế Tôn, từ xa đã thấy Xá-lợi-phất ngồi trước đức Như Lai. Thấy vậy, Mục-liên suy nghĩ: "Trong hàng đệ tử của Thế Tôn, thần túc bậc nhất không ai hơn ta, nhưng ta chẳng bằng Xá-lợi-phất sao?"

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên thưa:

– Bạch Thế Tôn, thần túc của con có bị suy giảm không? Vì sao như thế? Con rời tinh xá Kỳ Hoàn trước, Xá-lợi-phất đi sau. Vậy mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất lại đến trước, ngồi trước Như Lai.

---

[8] Tự tại tam-muội thần lực, tinh tấn tam-muội thần lực, tâm tam-muội thần lực, thí tam-muội thần lực (自在三昧神力, 精進三昧神力, 心三昧神力, 試三昧神力). Tứ thần túc còn gọi là "tứ như ý túc", (四如意足, *catuiddhipāda*) là phần thứ 3 trong 37 phẩm trợ đạo. Các pháp này tùy theo năng lực mong muốn, nỗ lực, tâm niệm, quán sát mà đạt được định, rồi tùy theo định ấy mà có được các loại thần biến, gọi là "tứ thần túc."

Đức Phật bảo:

– Thần túc của thầy không hề suy giảm, nhưng pháp thần túc chánh định mà Xá-lợi-phất nhập, thầy không thể biết. Vì sao như thế? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trí tuệ không giới hạn, tâm được tự tại. Tâm của thầy không bằng Xá-lợi-phất. Tâm thần túc của Xá-lợi-phất đã tự tại, nếu tâm của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nghĩ đến điều gì thì luôn tự tại.

Tôn giả Đại Mục-liên liền im lặng.

Khi ấy, long vương A-nậu-đạt thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng:

– Thần lực của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cao thâm chẳng thể nghĩ bàn, khi nhập chánh định, Tỳ-kheo Mục-liên còn không thể biết tên gọi.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho long vương A-nậu-đạt, sách tấn khiến long vương hoan hỷ. Cũng tại nơi này, Thế Tôn đã thuyết giới cho long vương.

Sáng sớm hôm sau, đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo trở về thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Khi ấy, các Tỳ-kheo bảo nhau:

– Thế Tôn đích thân thọ ký rằng: "Trong hàng đệ tử của Ta, người có thần túc bậc nhất là Tỳ-kheo Mục-liên." Nhưng hôm nay Tôn giả ấy không thể sánh bằng Xá-lợi-phất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo khởi tâm khinh mạn đối với Mục-liên. Thế Tôn liền nghĩ: "Các Tỳ-kheo này sanh tâm khinh mạn đối với Mục-liên, sẽ chịu tội không thể tính kể."

Ngài bảo Mục-liên:

– Thầy hãy hiển bày thần lực cho đại chúng nhìn thấy, đừng để đại chúng khởi tâm khinh mạn!

Mục-liên đáp:

– Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Bấy giờ, Mục-liên đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất từ chỗ Như Lai, đi đến phương Đông, cách bảy hằng sa cõi Phật, ở đó có đức Phật hiệu là Kỳ Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Mục-liên mặc y phục thường nhật đến cõi ấy, rồi đi quanh trên miệng bát. Dân chúng cõi nước đó hình thể rất to lớn. Trông thấy Mục-liên như thế, các Tỳ-kheo liền nói với nhau:

– Các thầy hãy xem! Con sâu này giống như Sa-môn.

Các Tỳ-kheo bắt lại, đem đến chỗ đức Phật, thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Có một con sâu trông giống Sa-môn.

[0710a07] Như Lai Kỳ Quang bảo các Tỳ-kheo:

– Ở phương Tây cách đây bảy hằng sa cõi nước, có đức Phật hiệu là Thích-ca, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Vị này là đệ tử thần túc bậc nhất của Ngài.

Bấy giờ, Như Lai Kỳ Quang bảo Tôn giả Mục-liên:

– Các Tỳ-kheo này khởi tâm khinh mạn, thầy hãy hiển bày thần lực cho đại chúng được thấy!

Mục-liên đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Vâng lời Phật dạy, Mục-liên dùng bình bát chứa đầy năm trăm Tỳ-kheo cõi ấy đem lên trời Phạm thiên. Khi ấy, Mục-liên nhấc chân trái đặt lên núi Tu-di, chân phải bước lên cõi trời Phạm thiên, rồi nói kệ:

Phải luôn nhớ chuyên cần, Hành trì pháp của Phật,
Hàng phục các ma oán, Như điều phục được voi.
Với pháp này khéo trụ, Thực hành chẳng buông lung,
Khổ đau sẽ cạn nguồn, Không còn mọi ưu não.

Bấy giờ, âm thanh của Mục-liên ngân vang khắp tinh xá Kỳ Hoàn. Các Tỳ-kheo nghe rồi, liền đến bạch Phật:

– Mục-liên đang ở đâu mà nói kệ này?

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo Mục-liên đang ở cách cõi này bảy hằng sa cõi Phật về phía Đông, dùng bình bát chứa đầy năm trăm Tỳ-kheo ở cõi đó, chân trái bước lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm thiên mà nói kệ này.

Các Tỳ-kheo khen ngợi:

– Thật là điều chưa từng có, thật là kỳ diệu! Tỳ-kheo Mục-liên có thần túc thù thắng như thế, nhưng chúng con lại khởi tâm khinh mạn Tôn giả ấy. Cúi mong Thế Tôn cho phép Tôn giả Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo ấy đến nơi này.

Khi ấy, Thế Tôn từ xa hiển bày đạo lực[9] khiến Mục-liên hiểu ý. Tôn giả liền đem năm trăm Tỳ-kheo đến vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho hàng ngàn vạn chúng. Mục-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến trước đức Thế Tôn. Hàng đệ tử của Phật Thích-ca ngước nhìn chúng Tỳ-kheo ấy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở thế giới phương Đông đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo ấy rằng:

– Các thầy từ đâu đến? Là đệ tử của ai? Đi đường mất bao lâu?

[0710b04] Năm trăm Tỳ-kheo kia bạch Phật Thích-ca:

– Cõi nước của chúng con hiện ở phương Đông. Đức Phật hiệu là Như Lai Kỳ Quang, chúng con là đệ tử của Ngài, nhưng hiện nay chúng con chẳng biết từ đâu đến, đã trải qua mấy ngày.

Thế Tôn bảo:

– Các thầy có biết cõi Phật hiện tại không?

[9] Theo *PQĐTĐ*, lực dụng vô úy được phát khởi từ thể của đạo, gọi là "đạo lực" (由道體所發出無畏之力用, 稱爲道力).

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Các thầy muốn trở về cõi Phật kia không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng con muốn được trở về cõi ấy.

Rồi Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng cho các thầy về pháp sáu giới![10] Hãy suy nghĩ thật tường tận!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi. Thế Tôn bảo:

– Thế nào gọi là pháp sáu giới? Này các Tỳ-kheo nên biết! Con người do sáu giới, hấp thụ tinh khí của cha mẹ mà sanh ra. Những gì là sáu giới? Nghĩa là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Như thế, này các Tỳ-kheo, có sáu giới như vậy. Thân người hấp thụ tinh huyết mà sanh ra sáu nhập.[11] Những gì là sáu nhập? Nghĩa là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập.[12] Như vậy, này các Tỳ-kheo, sáu nhập này nhờ cha mẹ mà có được. Nương nhờ sáu nhập mà có sáu thức thân. Những gì là sáu thức thân? Nếu thức nương nơi mắt thì gọi là nhãn thức thân, và tương tự là nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân và ý thức thân. Như vậy, này các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu thức thân.

Tỳ-kheo nào thông hiểu sáu giới, sáu nhập và sáu thức này, có thể vượt qua sáu trời dục giới,[13] rồi thọ thân trở lại. Hết tuổi thọ ở đó, sanh trở lại cõi này, thông minh tài cao, dứt sạch phiền não,[14] ngay thân hiện tại được vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-liên:

– Thầy hãy đưa các Tỳ-kheo này trở về cõi Phật kia.

Mục-liên đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Khi ấy, Mục-liên lại dùng bát chứa năm trăm Tỳ-kheo, nhiễu Phật ba vòng rồi lui ra, trong khoảng thời gian như co duỗi cánh tay, đã đến cõi Phật kia. Sau khi đặt các Tỳ-kheo xuống, Mục-liên đảnh lễ [sát] chân Phật rồi trở về cõi ta-bà[15] này.

---

[10] Lục giới (六界) còn được gọi là lục đại (六大).

[11] Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.5. 0100b24): Từ trong danh sắc sanh ra mắt... cho đến sáu căn, gọi là lục nhập (是名色中生眼等六情, 是名六入).

[12] Nhập (入). *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.90. 0696b15) giải thích: Vì làm chỗ nương tựa cho sáu căn nên gọi là lục nhập (為六情依止住處故, 但說六入).

[13] Lục thiên (六天).

[14] Kiết sử (結使). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.7. 0110b04), "kiết sử" là tên gọi khác của "phiền não."

[15] Nhẫn giới (忍界, *saḥāloka*) chỉ cho cõi ta-bà (娑婆世界), nơi cần phải kham nhẫn, vì chúng sanh ở cõi này phải chịu nhiều điều xấu ác.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo cõi kia nghe sáu giới này rồi, liền sạch hết các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Ta, vị Thanh văn có thần túc bậc nhất khó ai sánh kịp, đó là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. VƯỜN NGƯU SƯ TỬ[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Sư Tử,[17] thuộc nước Bạt-kỳ.

Khi ấy có năm trăm Tỳ-kheo với oai đức và thần túc như: Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, Hiền giả Ca-diếp, Hiền giả Ly-việt, Hiền giả A-nan,... thảy đều vân tập.

Vào sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-na-luật đi đến trú xứ của Tôn giả Xá-lợi-phất. Lúc ấy, Tôn giả A-nan từ xa trông thấy ba vị đại Thanh văn đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, liền bảo Tôn giả Ly-việt rằng:

– Ba vị đại Thanh văn đang đi đến ngài Xá-lợi-phất, chúng ta cũng nên đến trú xứ của Tôn giả ấy. Vì sao như thế? Vì để được nghe ngài Xá-lợi-phất thuyết giảng pháp vi diệu.

Tôn giả Ly-việt đáp:

– Chúng ta cũng nên làm như thế.

Thế rồi, hai Tôn giả Ly-việt và A-nan đi đến trú xứ của Tôn giả Xá-lợi-phất. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Lành thay, chư Hiền! Xin mời ngồi vào chỗ này.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất bảo A-nan:

– Tôi có điều muốn hỏi, ở trong vườn Ngưu Sư Tử thật sự đáng yêu,[18] hương trời tự nhiên tỏa khắp muôn phương. Thử hỏi, điều gì khiến cho khu vườn này trở nên đáng yêu như vậy?

A-nan đáp:

– Tỳ-kheo nào nghe nhiều không quên mất, thông đạt nghĩa lý của các pháp, tu hành hạnh thanh tịnh trọn vẹn, đối với những pháp như thế luôn đầy

---

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.3. 0710c05). Tham chiếu: *Ngưu Giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 (*T*.01. 0026.184. 0726c25); *Sanh kinh* 生經 (*T*.03. 0154.16. 0080c26); *M*. 32, *Mahāgosiṅga Sutta* (*Đại kinh rừng Sừng Bò*).

[17] Còn gọi là Ngưu Sư Tử (牛師子) hay Ngưu Giác Sa-la (牛角娑羅, Gosiṅgasālavanadāya), tên một khu rừng ở gần Nādika, xứ Bạt-kỳ (跋耆, Vajjī).

[18] Cực vi khoái lạc (極為快樂, *ramaṇīya*): Rất mực khả ái.

đủ, không bao giờ thiếu sót, thuyết pháp cho bốn bộ chúng không quên thứ lớp, cũng không thô tháo, không có loạn tưởng. Tỳ-kheo với những đức tánh như thế sẽ khiến cho khu vườn Ngưu Sư Tử trở nên đáng yêu.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Ly-việt:

– Vừa rồi, Tôn giả A-nan đã trình bày xong quan điểm của mình, nay tôi cũng muốn hỏi thầy về ý nghĩa này: "Điều gì khiến cho khu vườn Ngưu Sư Tử này lại trở nên đáng yêu như thế? Thầy hãy nói thêm về ý nghĩa ấy như thế nào?"

Tôn giả Ly-việt đáp:

– Tỳ-kheo nào ưa thích nơi nhàn vắng, hành thiền tư duy, tương ưng với chánh quán. Tỳ-kheo với những đức tánh như thế sẽ khiến cho khu vườn Ngưu Sư Tử trở nên đáng yêu.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo A-na-luật:

– Mong thầy trình bày ý nghĩa của sự đáng yêu!

A-na-luật đáp:

– Tỳ-kheo có thiên nhãn, mắt thấy thông suốt, quán sát các loại chúng sanh: Người qua đời, kẻ tái sanh; sắc thiện, sắc ác; cõi lành, cõi dữ; hoặc đẹp, hoặc xấu, thảy đều biết cả. Hoặc có chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, chê bai Hiền thánh, sau khi qua đời đọa vào địa ngục. Hoặc có chúng sanh thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ lành, chẳng chê bai Hiền thánh, giống như có người ngước nhìn không trung, thấy rõ mồn một. Tỳ-kheo có thiên nhãn cũng lại như thế, quán sát cõi nước không hề ngăn ngại. Tỳ-kheo với những đức tánh như thế sẽ khiến cho khu vườn Ngưu Sư Tử trở nên đáng yêu.

[0711a05] Tôn giả Xá-lợi-phất nói với ngài Ca-diếp:

– Đến lượt Hiền giả trình bày! Chư Hiền đã nói về ý nghĩa của sự đáng yêu như thế. Mong Hiền giả hãy nói tiếp về điều này!

Tôn giả Ca-diếp đáp:

– Tỳ-kheo thực hành hạnh vắng lặng,[19] dạy cho người khác thực hành hạnh vắng lặng, khen ngợi công đức của sự nhàn tịnh, thân mặc y chắp vá, chỉ dạy cho người khác thực hành hạnh Đầu-đà.[20] Tự mình biết đủ, ở nơi nhàn tịnh, dạy bảo cho người khác tu theo hạnh này. Chính mình thành tựu giới đức, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến,[21] dạy cho người khác thực hành pháp này, khen ngợi pháp này rồi khuyến hóa, dạy bảo người khác thực hành pháp này, giáo huấn không biết mệt mỏi. Tỳ-kheo với những đức tánh như thế sẽ khiến cho khu vườn Ngưu Sư Tử này đáng yêu không gì sánh bằng.

---

[19] A-luyện-nhã hạnh (阿練若行, *Araññaka*): Tu theo hạnh chỉ sống trong rừng, nơi thanh vắng.

[20] Đầu-đà (頭陀, *Dūtaṅga*). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

[21] Giải thoát kiến tuệ (解脫見慧).

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Đại Mục-kiền-liên:

– Chư Hiền đã nói về ý nghĩa của sự đáng yêu. Mong Tôn giả giảng giải thêm về nghĩa đáng yêu trong vườn Ngưu Sư Tử không gì sánh bằng. Ý thầy muốn nói như thế nào?

Mục-liên đáp:

– Ở đây, Tỳ-kheo có thần túc cao thâm, tự tại đối với thần túc ấy. Chư vị có thể biến hóa vô số sự việc không hề ngăn ngại, có khả năng phân chia một thân thành vô số thân, hoặc thu nhiếp lại thành một thân, xuyên qua vách đá, ẩn hiện tự tại, như thuyền lướt trên sông, như chim bay trên không chẳng lưu dấu vết. Ví như bão lửa thiêu đốt rừng thẳm, cũng như mặt trời, mặt trăng chiếu soi cùng khắp, cũng có thể đưa tay chạm đến mặt trời, mặt trăng, cũng có khả năng hóa thân đến cõi Phạm thiên. Tỳ-kheo với những đức tánh như thế sẽ khiến cho khu vườn Ngưu Sư Tử trở nên đáng yêu.

Khi ấy Mục-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Chúng tôi đã tuần tự trình bày về ý nghĩa như trên. Bây giờ, chúng tôi muốn hỏi Hiền giả Xá-lợi-phất về sự đáng yêu trong vườn Ngưu Sư Tử. Hạng Tỳ-kheo nào sẽ thích hợp để được sống trong khu vườn đó?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Nếu Tỳ-kheo có khả năng hàng phục tâm và tâm của vị đó không thể nào hàng phục được Tỳ-kheo, giả sử Tỳ-kheo ấy muốn an trụ chánh định tức thời vị ấy có thể an trụ chánh định. Vị ấy muốn thành tựu chánh định nhanh hay chậm, liền thành tựu chánh định tùy ý. Ví như nhà ông trưởng giả có y phục tốt đẹp đựng đầy rương tráp, khi muốn sử dụng loại y phục nào thì lấy theo ý muốn, không hề nghi ngại, việc có thể tùy ý nhập vào chánh định nêu trên cũng giống như vậy. Vì Tỳ-kheo có khả năng sai sử tâm, chứ không phải tâm sai sử Tỳ-kheo,[22] rồi tùy ý nhập vào chánh định không hề nghi ngại. Như vậy, Tỳ-kheo có

---

[22] Nguyên tác: Tâm năng sử Tỳ-kheo, phi Tỳ-kheo năng sử tâm (心能使比丘, 非比丘能使心). Mặc dù cú ngữ này trong Cao Ly tạng và Gia Hưng tạng đều ghi nhận như vậy, nhưng theo chúng tôi thì đây là sự nhầm lẫn từ truyền bản ban đầu. Bản dịch Việt có sự thay đổi trật tự và kết cấu dựa trên ba cơ sở. Thứ nhất, phần kết của đoạn kinh này đã xác định: Như thị Tỳ-kheo năng sử tâm, phi tâm sử Tỳ-kheo (如是比丘能使心, 非心使比丘). Thứ hai, *Ngưu Giác Sa-la lâm kinh*, thượng 牛角娑羅林經, 上 (*T*.01. 0026.184. 0727c28) ghi nhận: Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo tùy ý vận tâm tự tại, không bị lệ thuộc tâm, vị ấy nếu muốn an trú chánh định vào lúc nào thì đều được tùy ý, muốn thành tựu vào buổi sáng thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi sáng; vị ấy nếu muốn an trú chánh định vào buổi trưa, buổi chiều thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi trưa, buổi chiều. (賢者目揵連! 如是. 若有比丘隨用心自在而不隨心, 彼若欲得隨所住止, 中前遊行, 即彼住止, 中前遊行. 彼若欲得隨所住止, 日中, 晡時遊行, 即彼住止, 日中, 晡時遊行). Thứ ba, *Sanh kinh* 生經 (*T*.03. 0154.16. 0081c15): Giả sử Tỳ-kheo chế ngự tâm tự tại, không còn bị thân sai khiến, ở nơi thật riêng, chỉ trong khoảnh khắc tác ý thể nhập thiền định thì dù buổi sáng, buổi trưa hay khi chiều tối nhưng vẫn chuyên niệm, định tâm thể nhập thiền định; dù giữa đêm hay cuối đêm nhưng vẫn tự chủ trong cảnh giới thiền định thường được tự tại không gì ngăn ngại. (假使比丘制心自在不隨身教自於其室三昧正受發意之頃明旦日中日冥定意一心人定夜半後夜自由所行常得自在無所罣礙). Phụ chú: Theo *Hiển dương Thánh giáo luận* 顯揚聖教論 (*T*.31. 1602.19. 0575b18), "sở hành" (所行) chỉ cho cảnh giới thiền định (三摩地境界).

khả năng sai sử tâm, chứ không phải tâm sai sử Tỳ-kheo. Tỳ-kheo với đức tánh như thế sẽ thích hợp để sống trong vườn Ngưu Sư Tử.

[0711b07] Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo chư Hiền:

– Chúng ta đã tùy theo sự thông đạt của mình mà trình bày, mỗi người đều có những phương cách để giảng giải rõ ràng về ý nghĩa này. Bây giờ, chúng ta nên đến thưa hỏi đức Thế Tôn: "Tỳ-kheo với những đức tánh thế nào thì sẽ khiến cho khu vườn Ngưu Sư Tử trở nên đáng yêu?" Nếu Thế Tôn có giảng dạy điều gì, chúng ta sẽ phụng hành."

Các Tỳ-kheo đáp:

– Đúng vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất!

Bấy giờ, các đại Thanh văn cùng nhau đến chỗ đức Thế Tôn. Đến nơi, chư vị cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Các đại Thanh văn trình bày đầy đủ nhân duyên ấy với Phật.

Nghe xong, đức Thế Tôn dạy:

– Lành thay! Thật đúng như lời A-nan nói. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo A-nan lúc nghe pháp, có khả năng ghi nhớ, thấu hiểu trọn vẹn các pháp, tu hành Phạm hạnh đầy đủ. Đối với các pháp như thế, khéo léo ghi nhớ không quên, cũng không có cái thấy sai lệch, thuyết pháp cho bốn bộ chúng, lời nói không nhầm lẫn, cũng chẳng thô tháo.

Thật hoan hỷ thay với những điều mà Tỳ-kheo Ly-việt đã nói! Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo Ly-việt thích ở chỗ nhàn vắng, không ở trong dân chúng đông đúc, thường hành thiền định, chẳng thích tranh cãi, luôn tương ưng với chỉ và quán, sống an nhàn, vắng lặng.

Thật hoan hỷ thay với những điều mà Tỳ-kheo A-na-luật đã nói! Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo A-na-luật thiên nhãn bậc nhất. Thầy ấy dùng thiên nhãn quán sát khắp ba ngàn cõi nước, giống như người có mắt ngắm hạt châu trong lòng bàn tay. Tỳ-kheo A-na-luật cũng như thế. Thầy ấy dùng thiên nhãn quán sát khắp ba ngàn đại thiên cõi nước, không chút trở ngại.

Thật hoan hỷ thay với những điều mà Tỳ-kheo Đại Ca-diếp đã nói! Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp thực hành hạnh Đầu-đà, luôn tán thán hạnh an yên nơi thanh vắng, tự mình khất thực, hay khen ngợi công đức khất thực; thân mặc y thô rách, lại thường khen ngợi công đức mặc y thô rách; tự mình biết đủ, lại thường khen ngợi công đức biết đủ; tự mình ở hang núi, lại thường khen ngợi công đức ở hang núi; tự mình thành tựu về giới, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu về giải thoát tri kiến, lại thường khuyên dạy người khác thành tựu năm phần pháp thân này; tự thân có khả năng giáo hóa, lại thường dạy người khác thực hành pháp này.

[0711c03] Lành thay, lành thay! Thật đúng như lời Mục-liên đã nói. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo Mục-liên có oai lực cao thâm, thần túc bậc nhất, tâm được

tự tại, tâm thầy ấy muốn làm điều gì, đều có khả năng thành tựu; hoặc biến hóa một thân thành vạn ức thân, hoặc thu nhiếp lại thành một thân, xuyên qua vách đá không chút cản trở, ẩn hiện tự tại như thuyền lướt trên mặt nước không hề chướng ngại, như chim bay trong không, chẳng lưu lại dấu vết. Ví như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tỏa sáng khắp nơi, Tôn giả có năng lực hóa thân đến cõi trời Phạm thiên.

Lành thay! Thật đúng như lời Xá-lợi-phất đã nói. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có khả năng hàng phục tâm, chứ không phải tâm hàng phục Xá-lợi-phất. Khi thầy ấy muốn nhập chánh định, liền an trú chánh định không chút trở ngại. Ví như trưởng giả có y phục tốt đẹp, sử dụng tùy thích không hề ngăn ngại; Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng như thế, có khả năng hàng phục tâm, chứ không phải tâm hàng phục Xá-lợi-phất, nhập chánh định tùy ý, tất cả đều hiển hiện ngay trước mắt.

Lành thay, lành thay! Các Tỳ-kheo! Các thầy đã trình bày theo từng cách khác biệt, nhưng bây giờ hãy lắng nghe Như Lai nói: Vị Tỳ-kheo nào có được sự an lạc khi sống trong vườn Ngưu Sư Tử? Nếu Tỳ-kheo cư ngụ trong thôn xóm, đúng thời, vị ấy đắp y, ôm bát vào xóm làng khất thực. Khất thực xong, vị ấy trở về nơi cư ngụ, rửa tay, rửa mặt, ngồi kiết-già bên gốc cây, thân tâm ngay thẳng, giữ niệm trước mặt. Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: "Ta sẽ không rời bỏ nơi này, cho đến khi dứt sạch phiền não, thành tựu vô lậu."[23] Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy được giải thoát khỏi tâm hữu lậu. Tỳ-kheo với những đức tánh như vậy thì sẽ thích hợp để sống trong vườn Ngưu Sư Tử.

Tỳ-kheo thường siêng năng, không chút biếng nhác thì ở đâu cũng được tôn sùng, kính trọng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. SÁU ĐỨC CỦA BỐ THÍ[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai sẽ nói về sự chú nguyện có sáu đức, các thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

---

[23] Vô lậu (無漏, *anāsava*): Dứt sạch phiền não, thanh tịnh giải thoát, không còn trở lại 3 cõi nữa.

[24] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.37.4. 0711c25). Tham chiếu: *A*. 6.37 - III. 336.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo lắng nghe lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

– Những gì gọi là sáu đức? Ở đây, người thí chủ, người bố thí[25] thành tựu ba pháp. Thế nào gọi là người thí chủ, người bố thí thành tựu ba pháp? Đó là, người thí chủ, người bố thí thành tựu tín căn, thành tựu giới đức, thành tựu sự nghe. Đó gọi là người thí chủ, người bố thí thành tựu ba pháp. Vật phẩm bố thí cũng thành tựu ba pháp. Là ba pháp nào? Vật phẩm dùng để bố thí thành tựu về màu sắc, thành tựu về mùi vị, thành tựu về hương thơm. Có ba pháp như vậy. Này [các] Tỳ-kheo! Có sáu đức này thì đạt được công đức lớn, tiếng tăm và đức độ vang xa, đạt được phước quả Niết-bàn.[26]

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu muốn thành tựu sáu đức này thì nên nhớ bố thí!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. NĂM PHẦN PHÁP THÂN[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đông vô số. Khi ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi trong pháp hội, nghĩ rằng: "Ước gì ta được Như Lai dạy bảo riêng pháp nào đó." Biết tâm của Tỳ-kheo ấy đang nghĩ gì, đức Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Mong Như Lai đích thân giáo huấn cho ta." Tỳ-kheo ấy giới hạnh phải thanh tịnh vẹn toàn, không chút cấu nhiễm, thực hành chỉ và quán,[28] ưa thích chỗ nhàn vắng. Nếu Tỳ-kheo ấy có tâm muốn tìm cầu y phục, thực phẩm, giường đệm, thuốc men thì cũng chỉ vì thành tựu giới đức, thường ở nơi vắng vẻ tự tu hành, tương ưng với chỉ và quán.

Nếu Tỳ-kheo thường biết đủ, luôn suy niệm về sự vẹn toàn giới đức, ở nơi nhàn vắng tự tu hành, tương ưng với chỉ và quán.

---

[25] Nguyên tác: Thí chủ đàn-việt (施主檀越). Xem chú thích 43, phẩm 32, tr. 489; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.10. 0680c18).

[26] Nguyên tác: Cam lộ (甘露), tên khác của bất tử, Niết-bàn.

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.5. 0712a09). Tham chiếu: *A*. 6.2 - III. 280.

[28] Nguyên tác: Chỉ quán (止觀). Chỉ (止) còn gọi là xa-ma-tha (奢摩他, *samatha*). Quán (觀) còn gọi là tỳ-bà-xá-na (毘婆舍那, *vipassana*). *Đại Bát-niết-bàn kinh, Sư Tử Hống Bồ-tát phẩm* 大般涅槃經, 師子吼菩薩品 (*T*.12. 0375.22.4. 0792c08) định nghĩa: Xa-ma-tha (奢摩他) gọi là năng lực diệt trừ, vì có thể diệt trừ tất cả phiền não buộc ràng. Lại nữa, xa-ma-tha gọi là năng lực điều phục, vì có thể điều phục các căn xấu ác, bất thiện... Tỳ-bà-xá-na (毘婆舍那) gọi là thấy biết chân chánh, cũng gọi là thấy biết rõ ràng, năng lực thấy biết, thấy biết khắp cả, thấy biết tuần tự, thấy từng tướng riêng, đó gọi là tuệ.

Nếu Tỳ-kheo muốn bốn bộ chúng, quốc vương, dân chúng và các loài có hình hài trông thấy và hiểu biết mình, vị ấy phải có đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo muốn đạt được tứ thiền, không có tâm hối tiếc, cũng không thay đổi, vị ấy phải thành tựu giới đức.

Nếu Tỳ-kheo muốn đạt được bốn thần túc thì giới đức cũng phải đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo muốn thành tựu tám môn giải thoát không chướng ngại thì phải vẹn toàn giới đức.

Nếu Tỳ-kheo muốn chứng đắc thiên nhĩ, thông suốt hết tiếng cõi trời, loài người thì giới đức cũng phải đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo muốn biết tâm người khác đang nghĩ gì, các căn đầy đủ hay thiếu sót, vị ấy cũng phải thành tựu vẹn toàn giới đức.

Nếu Tỳ-kheo muốn biết rõ tâm ý chúng sanh: Tâm có tham dục, tâm không tham dục; tâm có sân hận, tâm không sân hận; tâm có ngu si, tâm không ngu si, đều biết rõ như thật. Tâm có ái, tâm không [có] ái; tâm có thọ, tâm không có thọ, đều biết rõ như thật. Tâm có tán loạn, tâm không tán loạn; tâm ganh ghét, tâm không ganh ghét; tâm nhỏ hẹp, tâm không nhỏ hẹp; tâm có giới hạn, tâm không giới hạn; tâm có cảm thọ, tâm không cảm thọ; tâm có chánh định, tâm không có chánh định; tâm có giải thoát, tâm không giải thoát, đều biết rõ như thật. Vị nào muốn được như thế thì phải vẹn toàn giới đức.

[0712b06] Nếu Tỳ-kheo muốn được vô lượng thần túc, phân chia một thân thành vô số thân, rồi thu nhiếp lại thành một thân, ẩn hiện đều tự tại, hóa thân lên đến cõi Phạm thiên thì vị ấy cần phải đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo muốn nhớ được mọi việc trong vô số kiếp đời trước: Hoặc một đời, hai đời, cho đến ngàn đời, trăm ngàn ức đời, kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại, không thể tính kể: "Ta từng chết ở đây sanh nơi kia, tên đó, họ đó; hoặc chết ở nơi kia, đến sanh nơi cõi này", tự nhớ mọi việc trong vô số kiếp như thế thì phải nhớ nghĩ vẹn toàn giới đức, không nghĩ điều gì khác.

Nếu có Tỳ-kheo muốn thành tựu thiên nhãn, quán sát rõ các hạng chúng sanh ở cõi lành, cõi ác; sắc lành, sắc ác; hoặc đẹp hoặc xấu; đều rõ biết như thật. Hoặc có chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, khinh chê Hiền thánh, sau khi qua đời liền bị đọa vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân làm điều thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ thiện, chẳng phỉ báng Hiền thánh, tâm ý ngay thẳng, sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, cõi trời. Vị nào muốn được như thế thì giới đức phải đầy đủ.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo với tâm mong muốn đoạn trừ phiền não, thành tựu tâm vô lậu giải thoát, trí tuệ giải thoát, biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Vị ấy cần phải vẹn toàn giới đức, chánh niệm tư duy không hề loạn tưởng, thường ở nơi nhàn vắng.

Này các Tỳ-kheo! Cần phải vẹn toàn giới đức, không có các tạp niệm, đầy đủ các oai nghi, lỗi nhỏ còn thường sợ, huống là lỗi lớn! Tỳ-kheo nào muốn luận đàm với Như Lai thì giới đức phải luôn trọn vẹn. Giới đức đã tròn đầy thì nghe phải đầy đủ, khi nghe đã đầy đủ thì bố thí phải đầy đủ, khi bố thí đã đầy đủ thì trí tuệ phải đầy đủ, giải thoát tri kiến thảy đều đầy đủ.

Tỳ-kheo nào đầy đủ thân giới, thân định, thân tuệ, thân giải thoát và thân giải thoát tri kiến, liền được trời, rồng, quỷ thần khi thấy biết đều cúng dường, cung kính, quý trọng, được hàng trời, người phụng thờ.

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Nên biết, vẹn toàn năm phần pháp thân là ruộng phước của thế gian, không gì vượt hơn đây.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[29]

***

6. PHÁP SÁM HỐI[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

– Con vừa an cư ở thành Xá-vệ xong, nay con muốn đi du hóa trong nhân gian!

Thế Tôn bảo:

– Nay thật đúng thời!

Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật rồi lui ra. Tôn giả Xá-lợi-phất rời đi chưa bao lâu, có vị Tỳ-kheo với tâm chê trách đến bạch Thế Tôn rằng:

– Xá-lợi-phất tranh cãi với các Tỳ-kheo mà không sám hối, nay lại hành hóa trong nhân gian.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

– Thầy hãy mau truyền lời Ta, bảo Xá-lợi-phất đến đây!

Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên và Tôn giả A-nan:

– Các thầy hãy mời hết thảy Tỳ-kheo trong từng phòng đến đây. Vì sao như thế? Vì Xá-lợi-phất sẽ nhập chánh định, sẽ rống tiếng sư tử trước Như Lai.

---

[29] Bản Hán, hết quyển 29.

[30] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.37.6. 0712c12). Tham chiếu: *Sư tử hống kinh* 師子吼經 (*T*.01. 0026.24. 0452b22); *A*. 9.11 - IV. 373.

Vâng lời Phật dạy, các Tỳ-kheo đều vân tập đến trước Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, vâng lời Phật dạy, Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

– Như Lai muốn gặp Tôn giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất đến trước đức Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Lúc thầy vừa rời khỏi đây, có một Tỳ-kheo xấu tánh đến chỗ Ta, thưa rằng: "Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tranh cãi với các Tỳ-kheo mà không chịu sám hối, lại du hóa trong nhân gian", quả thật có việc đó không?

[0713a02] Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Như Lai vốn dĩ biết điều này.

Đức Thế Tôn bảo:

– Ta đã biết rõ, nhưng đại chúng đang hoài nghi. Do vậy, thầy phải tự mình giãi bày để làm sáng tỏ việc này trước đại chúng.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Từ khi sanh ra đến nay tuổi đã gần tám mươi, con thường suy nghĩ: "Bản thân chưa từng sát sanh, cũng không nói dối, giả sử trong khi đùa giỡn cũng không nói dối, cũng chưa hề cãi vã với người này người kia. Hoặc giả có lúc tâm không chuyên nhất, mới có thể làm điều này." Bạch Thế Tôn! Nay tâm con thanh tịnh, cớ sao lại tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh? Cũng như mặt đất này, thu nhận hết thảy những vật trong sạch và cả vật dơ bẩn. Dù là phân tiểu nhơ uế đất đều nhận hết, ngay cả máu mủ đờm dãi đất cũng chẳng hề chối bỏ. Tuy vậy, mặt đất này cũng chẳng chê là xấu dơ, cũng chẳng khen là tốt đẹp. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn! Tâm con không lay chuyển, cớ sao lại tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh rồi bỏ đi du hóa? Những ai tâm không chuyên nhất mới hành xử như thế. Nay tâm con ngay thẳng, lẽ nào lại tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh rồi bỏ đi du hóa? Cũng như nước có công năng rửa sạch mọi vật tốt đẹp, cũng có thể rửa sạch những vật không tốt, nhưng nước kia cũng chẳng nghĩ rằng: "Ta rửa sạch vật này, không rửa vật này." Con cũng như thế, không nghĩ sai khác. Sao con lại có thể tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh rồi bỏ đi du hóa? Ví như bão lửa càn quét rừng thẳm, không chọn tốt xấu, chẳng chút suy tư. Con cũng như thế, sao lại có tâm tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh được? Cũng như chổi quét, không chọn sạch dơ, thảy đều quét sạch, không hề nghĩ ngợi. Giống như con bò không có hai sừng, rất mực hiền lành, chẳng hề hung dữ, dễ dàng chăn dắt, đi đâu tùy ý, không chút trở ngại. Thật vậy, bạch đức Thế Tôn! Tâm con giống như thế, không bao giờ khởi ý niệm làm thương tổn ai, sao con lại có thể tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh rồi bỏ đi du hóa?

Cũng như thiếu nữ dòng dõi hạ tiện[31] mặc áo cũ rách, đi xin ăn khắp nơi cũng chẳng bị ai cấm đoán. Con cũng như thế, bạch Thế Tôn! Con không bao giờ có ý niệm ấy, sao lại có thể tranh cãi rồi bỏ đi xa? Cũng như chảo mỡ rỉ chảy xung quanh, người có mắt thảy đều thấy rõ mọi chỗ rỉ ra. Con cũng như thế, bạch Thế Tôn! Trong chín lỗ thường rỉ chảy các thứ nhơ uế, sao con có thể tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh? Ví như thiếu nữ xuân sắc đoan chánh, lại lấy tử thi buộc vào cổ mình rồi nhờm gớm nó. Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, con nhờm gớm thân này chẳng khác gì thiếu nữ kia, sao con lại có thể tranh cãi với người có hạnh thanh tịnh rồi bỏ đi xa? Điều này không đúng! Bạch đức Thế Tôn! Ngài đã biết rõ điều đó! Mong Tỳ-kheo kia cũng nên biết cho! Giả sử xảy ra việc này thì mong Tỳ-kheo ấy nhận sự sám hối của con.

[0713b04] Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

– Nay thầy phải đích thân sám hối. Vì sao như thế? Nếu thầy không sám hối, đầu thầy sẽ vỡ làm bảy mảnh.

Khi ấy, Tỳ-kheo kia khiếp đảm, toàn thân sởn gai ốc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Như Lai rồi thưa:

– Hôm nay, con biết mình đã xúc phạm Tôn giả Xá-lợi-phất, ngưỡng mong Thế Tôn cho con sám hối!

Thế Tôn bảo:

– Này Tỳ-kheo! Thầy hãy hướng về Xá-lợi-phất mà sám hối, nếu không đầu thầy sẽ vỡ làm bảy mảnh!

Tỳ-kheo ấy liền hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi lạy sát chân rồi thưa:

– Cúi mong Tôn giả cho con sám hối, vì ngu si nên con không phân biệt được lẽ thật!

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thầy hãy nhận lời sám hối của Tỳ-kheo này đi, nên lấy tay xoa đầu thầy ấy. Vì sao như thế? Nếu thầy không nhận sự sám hối này thì đầu thầy ấy sẽ vỡ làm bảy mảnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền lấy tay xoa đầu Tỳ-kheo kia, bảo rằng:

– Tôi nhận lời sám hối của thầy. Bởi ngu si mê mờ, nhưng pháp Phật rất mực độ lượng, nên tùy thời mà sám hối. Lành thay! Nay cho phép thầy sám hối, về sau chớ tái phạm.

Tôn giả lặp lại ba lần như thế.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo kia:

– Thầy đừng tái phạm! Vì sao như thế? Có sáu pháp đọa vào địa ngục, sáu pháp sanh lên cõi trời và sáu pháp đạt đến Niết-bàn.

---

[31] Chiên-đà-la (旃陀羅, *Caṇḍāla*) còn gọi là Chiên-đồ-la (旃荼羅), là giai cấp hạ tiện, cùng đinh, không thuộc giai cấp nào trong 4 giai cấp của xã hội Ấn Độ cổ đại (*outcaste or untouchable*).

Những gì là sáu pháp đọa vào địa ngục? Một là, muốn làm hại người khác. Hai là, rất vui mừng và phấn khích với ý niệm "ta đã khởi tâm làm hại." Ba là, với ý niệm khởi tâm làm hại ấy, lại nghĩ "ta sẽ dạy người kia làm hại kẻ khác." Bốn là, đã làm hại người khác rồi, trong lòng vui mừng. Năm là, "ta sẽ được tra hỏi về điều tiếng chẳng thơm này." Sáu là, sự việc ấy chưa xảy ra thì ôm lòng buồn lo. Đó gọi là sáu pháp khiến người đọa vào đường ác.

Những gì là sáu pháp đưa người đến cõi lành? Nghĩa là thân giới đầy đủ, khẩu giới đầy đủ, ý giới đầy đủ, mạng căn thanh tịnh, không có tâm sát hại và chẳng có tâm ganh ghét. Đó gọi là sáu pháp khiến người được sanh vào cõi lành.

Thế nào là tu tập sáu pháp đạt đến Niết-bàn? Nghĩa là tư duy về sáu pháp. Là sáu pháp nào? Thân hành từ, không chút cấu nhiễm. Miệng hành từ, không chút cấu nhiễm. Ý hành từ, không chút cấu nhiễm. Nếu có vật dụng, tài lợi đều phân chia cho mọi người mà không tham tiếc. Giữ gìn giới cấm không sai phạm, được người trí quý mến; giữ gìn trọn vẹn hết thảy giới cấm. Phân biệt rõ ràng tất cả các sự thấy biết: Các loại tà kiến, chánh kiến, sự giải thoát của bậc Hiền thánh, có khả năng chấm dứt nguồn gốc khổ đau. Đó gọi là sáu phương pháp đạt đến Niết-bàn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy nên tìm cầu phương tiện tu tập theo sáu pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

[0713c06] Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại một lần nữa từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Tôn giả Xá-lợi-phất và thưa:

– Hôm nay, cho con xin sám hối lần nữa! Con như kẻ ngu si mê muội, không phân biệt được đâu là lẽ thật. Cúi mong Tôn giả Xá-lợi-phất cho con sám hối, con nguyện về sau sẽ không tái phạm.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

– Tôi nhận lời sám hối của thầy! Pháp của Hiền thánh rất mực độ lượng, phải tự sửa đổi những lỗi lầm trong quá khứ, tu tập, hành thiện ở tương lai, chớ có tái phạm.

Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

7. PHÁP TỐI THƯỢNG[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[32] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.37.7. 0713c12). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.335. 0092c12).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng về pháp Không, là pháp tối thượng bậc nhất, các thầy hãy suy nghĩ thật kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy:

– Vì sao gọi pháp Không là pháp tối thượng bậc nhất? Như lúc mắt trông thấy thì liền thấy, cũng không biết cái thấy đó từ đâu đến. Lúc cái thấy diệt thì diệt hẳn, cũng chẳng biết cái thấy đó diệt về đâu, vì chỉ là pháp giả danh,[33] do nhân duyên sanh.

Thế nào là pháp giả danh, do nhân duyên sanh? Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc,[34] xúc duyên thọ,[35] thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên ưu, bi, khổ, não, chẳng thể tính kể. Như thế, do nhân duyên tạo thành một khối khổ đau này.

Do cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì tử diệt, tử diệt thì ưu, bi, khổ, não thảy đều diệt, hết thảy pháp nhân duyên[36] đều diệt. Các pháp về tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như thế. Lúc khởi liền khởi lên, cũng không biết từ đâu đến; lúc diệt thì diệt đi, cũng chẳng biết diệt về đâu, chỉ là pháp giả danh. Pháp giả danh chính là, cái này khởi thì cái kia khởi, cái này diệt thì cái kia diệt.

Sáu nhập này không có người tạo tác. Do danh sắc nên thành pháp sáu nhập. Sáu nhập cũng chẳng có người tạo tác, do cha mẹ mà hoài thai, cũng là không, do nhân duyên mà có. Do vậy nên gọi là giả danh. Điều cốt yếu là trước phải có sở duyên, sau đó mới khởi sanh tồn tại. Ví như dùi cây lấy lửa, vì trước phải có các duyên, sau đó mới có lửa. Lửa không phải từ cây, cũng không thể lìa cây mà có. Nếu có người chẻ cây tìm lửa thì không bao giờ có được, đều do nhân duyên nhóm họp rồi sau mới có lửa.[37] Sáu căn[38] này khởi bệnh cũng lại

---

[33] Trừ giả hiệu pháp (除假號法). Trừ (除): Chỉ có. Giả hiệu pháp (假號法): Pháp giả danh. Trừ giả hiệu pháp nghĩa là pháp giả danh, do nhân duyên hòa hợp tạo thành. Theo *Phóng quang Bát-nhã kinh* 放光般若經 (*T*.08. 0221.18. 0128c28): Phật bảo Tu-bồ-đề: "Tên gọi không thật có, do giả danh mà có tên, giả danh là ngũ ấm, giả danh là chúng sanh, giả danh là nam, giả danh là nữ..." (佛告須菩提: 名字者不真, 假 號為名, 假號為五陰, 假名為人, 為男, 為女...).

[34] Nguyên tác: Cánh lạc (更樂).

[35] Nguyên tác: Thống (痛): Đau đớn.

[36] Nguyên tác: Giả hiệu chi pháp (假號之法).

[37] Ví dụ "chẻ cây tìm lửa" tương đương với ví dụ trong *D*. 23, *Pāyāsi Sutta* (*Kinh Tệ-túc*).

[38] Nguyên tác: Lục tình (六情).

như thế, do hội đủ nhân duyên, sau đó mới sanh bệnh. Khi sáu căn này khởi thì liền khởi, cũng không thấy từ đâu đến. Khi diệt thì liền diệt, cũng chẳng thấy diệt về đâu, chỉ là pháp giả danh, bởi do cha mẹ gặp gỡ mà có.

[0714a11] Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Trước tiên thọ bào thai,
Dần dần như váng sữa,
Rồi lại như khối thịt,
Sau mới tượng hình hài.
Trước có đầu, cổ, gáy,
Dần sanh ngón chân, tay,
Các chi, xương dần đủ,
Đến tóc, lông, móng, răng.
Nếu lúc mẹ ăn uống,
Các loại thức ăn ngon,
Tinh khí nuôi mạng sống,
Nguồn gốc của thọ thai.
Hình thể đã vẹn toàn,
Các căn không thiếu sót,
Từ mẹ được sanh ra,
Thọ thai khổ như thế.[39]

Tỳ-kheo nên biết, do nhân duyên nhóm họp mà có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo! Trong thân người có ba trăm sáu mươi đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, có năm trăm mạch máu, có năm trăm sợi gân, tám vạn vi trùng. Tỳ-kheo nên biết! Thân sáu nhập có những tai họa như thế. Tỳ-kheo nên tư duy về tai họa như thế. Ai tạo ra xương cốt này? Ai hợp thành gân mạch này? Ai tạo ra tám vạn vi trùng này?

Bấy giờ, Tỳ-kheo tư duy như thế rồi liền đạt hai quả vị, là A-na-hàm hoặc A-la-hán. Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Chư Phật xưa từng dạy,
Xương trong thân thể này,
Ba trăm sáu mươi đốt,
Ta cũng nói như đây.
Gân, mạch máu mỗi loại,
Nhiều đến số năm trăm,
Vi trùng, tám vạn loại,
Lông, chín vạn chín ngàn.
Quán sát thân như thế,
Tỳ-kheo phải siêng năng,
Mau chứng đắc La-hán,
Thẳng đến cõi Niết-bàn.
Pháp này đều vắng lặng,
Do tham thành kẻ si,
Bậc trí tâm hoan hỷ,
Rõ gốc pháp Không này.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Đây gọi là pháp Không, là pháp tối thượng bậc nhất, Ta đã giảng nói cho các thầy. Pháp tu hành mà Như Lai đã thuyết giảng, Như Lai đã khởi tâm từ bi thương xót, việc cần làm đã làm xong. Các thầy thường ghi nhớ, tu hành pháp này, ở nơi nhàn vắng, ngồi thiền tư duy, chớ có biếng nhác. Hôm nay không tu tập, ngày sau hối tiếc cũng vô ích. Đây là lời giáo huấn của Ta.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[39] Tham chiếu: *S.* 10.1 - I. 206.

8. PHẠM CHÍ SANH LẬU (1)[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu[41] đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi Ngài rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, Phạm chí bạch Thế Tôn:

– Thưa Cù-đàm! Hiện tại, dòng dõi Sát-đế-lợi[42] muốn cầu điều gì? Có hành nghiệp gì? Theo giáo nghĩa nào? Xem điều gì là mục đích? Dòng dõi Bà-la-môn[43] muốn cầu điều gì? Có hành nghiệp gì? Theo giáo nghĩa nào? Xem điều gì là mục đích? Hiện tại, quốc vương mong ước điều gì? Có hành nghiệp gì? Theo giáo nghĩa nào? Lấy điều gì làm mục đích? Hiện tại, giặc cướp muốn cầu điều gì? Có hành nghiệp gì? Theo giáo nghĩa nào? Lấy điều gì làm mục đích? Thiếu nữ mong ước điều gì? Có hành nghiệp gì? Nghe giáo lý nào? Lấy điều gì làm mục đích?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm chí:

– Dòng dõi Sát-đế-lợi ưa thích chiến đấu, tranh luận, có rất nhiều kỹ thuật, ưa thích làm việc, khi đã làm thì làm đến cùng, không bao giờ bỏ dở.

Phạm chí hỏi:

– Phạm chí muốn cầu điều gì?

Thế Tôn bảo:

– Phạm chí ưa thích chú thuật, phải tạo dựng gia nghiệp, ưa thích nơi nhàn vắng, mong cầu pháp Phạm thiên.

Phạm chí lại hỏi:

– Quốc vương cầu việc gì?

Thế Tôn bảo:

– Phạm chí nên biết! Quốc vương luôn muốn sở hữu quyền cai trị bờ cõi, thường để tâm vào binh đao, tham đắm tài sản, châu báu.

Phạm chí lại hỏi:

– Trộm cướp muốn được điều gì?

Thế Tôn bảo:

– Kẻ trộm thì luôn có ý trộm cướp, tâm luôn gian tà, mong muốn cả nhân loại không biết việc mình đã làm.

---

[40] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.8. 0714b13). Tham chiếu: *Hà dục kinh* 何欲經 (*T.*01. 0026.149. 0660c01); *A.* 6.52 - III. 362.

[41] Sanh Lậu (生漏, Jāṇussoṇi).

[42] Sát-lợi (剎利): Giai cấp vua chúa, giai cấp thứ 2 trong 4 giai cấp Ấn Độ.

[43] Bà-la-môn (婆羅門, *Brāhmaṇa*): Giai cấp cao nhất trong 4 giai cấp của Ấn Độ xưa.

[0714c01] Phạm chí lại hỏi:

– Người nữ mong muốn điều gì?

Thế Tôn bảo:

– Người nữ luôn để ý người nam, tham đắm tài sản, châu báu, tâm luôn vương vấn chuyện nam nữ, lòng ưa phóng khoáng, tự do.

Bấy giờ, Phạm chí bạch Thế Tôn:

– Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Thế Tôn biết rõ bấy nhiêu sự việc, như thật không hư dối. Như vậy, còn Tỳ-kheo mong muốn điều gì?

Thế Tôn bảo:

– Giới đức đầy đủ, tâm an trú nơi đạo pháp, chú tâm vào bốn Thánh đế, muốn đạt đến Niết-bàn. Đó là điều mong cầu của Tỳ-kheo.

Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Hạnh nguyện của Tỳ-kheo không thể thay đổi. Điều này thật như thế. Thưa Cù-đàm! Niết-bàn thật là đáng thích. Những điều Như Lai dạy quả là sâu xa. Ví như người mù được nhìn thấy, người điếc được nghe tiếng, nơi tối tăm thấy được ánh sáng. Những điều Như Lai đã nói hôm nay cũng như thế, không hề sai khác. Nay con bận việc nước nên phải trở về.

Thế Tôn bảo:

– Ông cứ tùy ý!

Khi ấy, Phạm chí Sanh Lậu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

9. PHẠM CHÍ SANH LẬU (2)[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, Phạm chí bạch Thế Tôn:

– Trong chúng đây, liệu có Tỳ-kheo nào tu hành Phạm hạnh không chút thiếu sót, tu hành Phạm hạnh luôn thanh tịnh?

---

[44] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.37.9. 0714c15). Tham chiếu: *Methunā Sutta* (*A*. 7.50 - IV. 54).

Đức Thế Tôn bảo:

– Nếu có người giữ gìn giới luật trọn vẹn, không mảy may sai phạm thì được gọi là tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Lại nữa, Phạm chí! Những ai có mắt thấy sắc mà không khởi tưởng dính mắc, không khởi tưởng phân biệt, diệt trừ tưởng xấu ác, xa lìa pháp bất thiện, được nhãn căn trọn vẹn, người như thế được gọi là tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp đều không có tưởng phân biệt, không khởi tưởng nhớ nghĩ, tu hành Phạm hạnh thanh tịnh, ý căn được trọn vẹn, người tu hành Phạm hạnh như thế không có thiếu sót.

Phạm chí lại bạch Phật:

– Những người nào không tu hành Phạm hạnh? Không vẹn toàn hạnh thanh tịnh?

Đức Thế Tôn bảo:

– Nếu người ưa thích tụ tập thì gọi là chẳng phải Phạm hạnh.

Phạm chí bạch Phật:

– Những ai được xem là thiếu sót, tu hành không trọn vẹn?

Thế Tôn bảo:

– Những ai tiếp xúc với người nữ, hoặc đụng chạm tay chân, ấp ủ trong lòng không nguôi. Những người như thế, này Phạm chí, gọi là người tu hành không trọn vẹn, bị dâm dục gây khổ não, liên hệ với dâm dục, sân hận và ngu si.

[0715a02] Lại nữa, này Phạm chí! Hoặc có người bỡn cợt, lân la qua lại với người nữ, người như thế, này Phạm chí, là người tu hành không trọn vẹn, bị dâm dục, sân hận và ngu si gây khổ não, nên Phạm hạnh chẳng thể đầy đủ để tu hành hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, này Phạm chí! Những ai nhìn ngắm người nữ một cách đắm đuối bằng đôi mắt nhiễm ô, liền khởi tâm dâm dục, sân hận và ngu si, sanh khởi các vọng niệm, tán loạn. Những người như thế, này Phạm chí, gọi là Phạm hạnh không thanh tịnh, không thể tu hành hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, này Phạm chí! Hoặc có người thoáng nghe văng vẳng, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc nghe tiếng cười, liền khởi tâm dâm dục, sân hận, ngu si, khởi các vọng niệm, tán loạn. Những người như thế, này Phạm chí, gọi là không thanh tịnh tu hành Phạm hạnh, liên hệ với dâm dục, sân hận và ngu si thì Phạm hạnh không thể trọn vẹn.

Lại nữa, này Phạm chí! Nếu có người gặp qua một cô gái, sau đó lại khởi lòng tơ tưởng, nhớ lại khuôn mặt của cô gái ấy. Lúc ở nơi vắng vẻ, khởi tâm dâm dục, sân hận, ngu si, liên hệ với hạnh xấu. Này Phạm chí! Người như thế chẳng thể tu hành Phạm hạnh.

Khi ấy, Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

– Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Sa-môn Cù-đàm biết rõ về Phạm hạnh và cũng biết điều gì chẳng phải Phạm hạnh, biết Phạm hạnh bị thiếu sót, cũng biết Phạm hạnh trọn vẹn. Vì sao như thế? Con cũng đang nghĩ như vầy: "Nếu những ai xúc chạm tay chân với nữ giới, khởi các loạn tưởng, con liền suy nghĩ: 'Hạnh của người này chẳng thanh tịnh, liên hệ với dâm dục, sân hận và ngu si.'" Cảm thọ vui sướng nhất của họ là người nữ. Điều thỏa mãn nhất của họ là khi hai người nhìn nhau. Người nữ hoặc nói, hoặc cười, hoặc nắm chéo áo người nam, hoặc cùng nhau nói chuyện rồi nắm lấy chéo áo người nam. Khi ấy, con liền nghĩ: "Cả thảy sáu hạng người vừa nêu đều làm hạnh không thanh tịnh."

Hôm nay, Như Lai đã dạy pháp thật sâu xa. Ví như người mù được mắt sáng, người mê tìm thấy đường, người ngu nghe được đạo, người có mắt được thấy sắc. Như Lai thuyết pháp cũng như thế. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Từ nay về sau con không sát sanh nữa, cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc.

Bấy giờ, Phạm chí nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. NI-KIỀN TỬ TÁT-GIÁ[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo ngụ tại khu rừng ngoại thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Tôn giả Mã Sư[46] đến giờ đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Khi ấy, trông thấy Tôn giả Mã Sư từ xa đi đến, Ni-kiền tử Tát-giá[47] liền hỏi:

– Thầy của ông giảng thuyết những nghĩa lý gì? Giáo huấn những gì? Dạy bảo hàng đệ tử bằng pháp gì?

[0715b04] Tôn giả Mã Sư đáp:

– Này Phạm-chí! Sắc là vô thường. Có vô thường tức là khổ. Khổ tức là vô ngã. Vô ngã tức là không. Pháp không nghĩa là cái này không phải của tôi,[48]

---

[45] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.10. 0715a28). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.110. 0035a17); *M.* 35, *Cūlasaccaka Sutta* (*Tiểu kinh Saccaka*).

[46] Mã Sư (馬師, Assaji) còn được dịch là Mã Thắng (馬勝).

[47] Tát-giá Ni-kiền tử (薩遮尼健子, Niganṭhaputta Saccaka).

[48] Bỉ bất ngã hữu (彼不我有, *netaṃ mama*). Bỉ (彼) trong trường hợp này được hiểu như một chỉ thị đại từ nói chung. Cấu trúc tương tự gồm có: 彼一切非我有 trong *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (*T.*01. 0026.162. 0690c17); *A-lê-tra kinh* 阿梨吒經 (*T.*01. 0026.200. 0764c17); 彼非我有 trong kinh số 1, phẩm 31, tr. 437 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.1. 0665c23); kinh số 10, phẩm 35, tr. 560; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.35.10. 0702b22); kinh số 10, phẩm 37, tr. 606; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.10. 0715b08).

tôi không thuộc về cái này.[49] Đó là điều người trí đã học. Thọ,[50] tưởng, hành, thức đều vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không nghĩa là cái này không phải của tôi, tôi không thuộc về cái này. Thầy của ta dạy bảo những nghĩa lý như thế, giảng thuyết cho các đệ tử nghĩa lý như thế. Đó là những điều ông muốn biết.

Khi ấy, Ni-kiền tử dùng hai tay bịt tai lại, thốt lên:

– Thôi, thôi, Mã Sư! Tôi không thích nghe những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy như vậy, tôi thật lòng chẳng muốn nghe. Vì sao như thế? Theo nghĩa của tôi thì sắc là thường còn, nghĩa của Sa-môn ấy là vô thường. Hôm nào đó, tôi sẽ gặp Sa-môn Cù-đàm để cùng biện luận, sẽ trừ sạch tâm điên đảo của Sa-môn Cù-đàm.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có năm trăm đồng tử tụ tập một chỗ cùng nhau bàn luận. Ni-kiền tử đến chỗ năm trăm đồng tử, bảo rằng:

– Các người hãy cùng ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như thế? Ta muốn tranh luận cùng Sa-môn kia, khiến ông ấy thấy được đạo chân chánh. Sa-môn nói sắc là vô thường, nhưng theo nghĩa của ta, sắc là thường. Ví như lực sĩ tay nắm lấy con dê lông dài, rồi dẫn đi khắp nơi tùy ý, không gì trở ngại. Ta cũng như thế, nếu cùng tranh luận nghĩa lý với Sa-môn kia, tùy thời cơ buông hay bắt đối với ta không chút trở ngại. Ví như con voi mạnh mẽ, hung tợn có sáu ngà, vui đùa ở trong núi sâu, không hề chướng ngại. Ta cũng như thế, cùng tranh luận với Sa-môn ấy không chút khó khăn. Ví như hai người đàn ông lực lưỡng bắt giữ một kẻ yếu ớt, đặt nướng trên lửa, tùy ý xoay trở không gì trở ngại. Ta cùng ông ấy tranh luận nghĩa lý cũng không chút khó khăn. Trong lý luận của ta, voi còn có thể bị hại huống chi là người. Ta có khả năng khiến voi chạy bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, đối với người thì ăn thua gì? Ngay cả những vật vô tình như kèo cột trong giảng đường này, ta còn có thể khiến cho di chuyển, huống hồ hai người cùng tranh luận, dễ gì thắng được ta? Ta sẽ khiến ông ấy trào máu miệng mà chết.

[0715c02] Trong số đó, có một đồng tử nói:

– Ni-kiền tử không có khả năng tranh luận với Sa-môn, chỉ e Sa-môn Cù-đàm sẽ biện luận lại Ni-kiền tử mà thôi.

Hoặc đồng tử khác lại nói:

– Sa-môn không thể biện luận với Ni-kiền tử, chỉ Ni-kiền tử mới có đủ khả năng biện luận cùng Sa-môn.

Khi ấy, Ni-kiền tử liền nghĩ rằng: "Giả sử những luận thuyết của Sa-môn Cù-đàm đã nói, đúng như lời Tỳ-kheo Mã Sư thì đủ cho ta đối đáp. Nếu có những luận nghĩa khác, cứ nghe xong sẽ biết cách."

---

[49] Ngã phi bỉ hữu (我非彼有, *nesohamasmi*).

[50] Nguyên tác: Thống (痛).

Thế rồi, Ni-kiền tử liền dẫn năm trăm đồng tử tuần tự trước sau, cùng đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, Ni-kiền tử hỏi đức Thế Tôn:

– Này Cù-đàm! Giáo lý của ông là gì? Ông dạy giáo lý gì cho các đệ tử?

Đức Phật bảo Ni-kiền tử:

– Ta đã giảng nói: Sắc là vô thường. Có vô thường tức có khổ. Có khổ tức vô ngã. Vô ngã tức là không. Không nghĩa là cái này không phải của tôi, tôi không thuộc về cái này. Năm thủ uẩn thọ, tưởng, hành và thức thảy đều vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không nghĩa là cái này không phải sở hữu của ta, ta không phải sở hữu của cái này. Giáo lý Ta đã giảng nói, nghĩa lý như thế.

Ni-kiền tử đáp:

– Tôi không thích nghe nghĩa lý này. Vì sao như thế? Vì theo nghĩa tôi hiểu, sắc là thường.

Thế Tôn bảo:

– Ông hãy giữ tâm ý chuyên nhất, tư duy về diệu lý thật kỹ rồi hãy nói.

Ni-kiền tử đáp:

– Tôi cho rằng sắc là thường. Năm trăm đồng tử này cũng hiểu như thế.

Thế Tôn lặp lại:

– Ông bảo rằng sắc là thường. Năm trăm đồng tử này cũng hiểu như vậy?

Rồi Thế Tôn nói tiếp:

– Hôm nay, chỉ một mình ông đến tranh biện, cớ sao lại dẫn theo năm trăm người kia?

Ni-kiền tử đáp:

– Tôi cho rằng sắc là thường. Sa-môn muốn biện luận thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Ta nói: Sắc là vô thường. Sắc cũng là vô ngã. Do giả hợp nên có sắc này, nó không thật có, không chắc chắn, ví như nắm tuyết, là pháp hủy diệt, là pháp biến đổi. Lúc nãy, ông cho rằng sắc là thường. Ta hỏi lại ông, hãy trả lời tùy ý. Thế nào, này Ni-kiền tử! Chuyển Luân Thánh vương được tự tại nơi cõi nước của mình không? Đại vương ấy có quyền thả người không đáng được thả, bắt trói người không đáng bị bắt, có được như thế không?

[0716a02] Ni-kiền tử đáp:

– Thánh vương này có năng lực tự tại như thế, có thể giết người không đáng giết, có thể trói người chẳng đáng trói.

Thế Tôn bảo:

– Thế nào, Ni-kiền tử! Chuyển Luân Thánh vương có bị già không? Tóc sẽ bạc, mặt nhăn, áo quần dơ bẩn hay không?

Khi ấy, Ni-kiền tử im lặng không trả lời. Thế Tôn hỏi lại hai, ba lần. Ông ta cũng hai, ba phen im lặng chẳng đáp. Khi ấy, Lực sĩ Kim Cang Mật Tích tay cầm chày kim cang ở trên hư không, bảo:

– Nếu ông không trả lời câu hỏi này thì ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh ngay trước Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ni-kiền tử:

– Ông hãy nhìn lên không trung xem!

Lúc ấy, Ni-kiền tử ngước nhìn lên hư không, thấy Lực sĩ Kim Cang Mật Tích, lại nghe giữa hư không có tiếng nói: "Nếu ông không trả lời câu hỏi của Như Lai, ta sẽ đập vỡ đầu ông thành bảy mảnh." Nghe thấy rồi, Ni-kiền tử vô cùng kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc liền bạch Thế Tôn:

– Cúi mong Cù-đàm hãy cứu giúp cho! Ngài hãy hỏi lại, tôi sẽ trả lời.

Thế Tôn bảo:

– Thế nào, Ni-kiền tử! Chuyển Luân Thánh vương có bị già không? Có bị tóc bạc, răng rụng, da chùng, mặt nhăn hay không?

Ni-kiền tử đáp:

– Sa-môn Cù-đàm! Tuy Ngài nói như vậy nhưng theo nghĩa lý của tôi, sắc là thường còn.

Thế Tôn bảo:

– Ông hãy suy nghĩ thật kỹ rồi sau hãy trả lời. Nghĩa lý ông nói trước và sau chẳng hề ăn nhập với nhau. Ta chỉ hỏi ông, Chuyển Luân Thánh vương có bị già không? Có bị tóc bạc, răng rụng, da chùng, mặt nhăn hay không?

Ni-kiền tử đáp:

– Chuyển Luân Thánh vương sẽ bị già.

Thế Tôn bảo:

– Chuyển Luân Thánh vương luôn được tự tại ở cõi nước của mình, nhưng tại sao không thể đẩy lùi được già, đẩy lùi được bệnh, đẩy lùi được chết? Hay cho rằng ta không thể già, bệnh, chết; ta là thường hằng? Muốn cho thường hằng, nghĩa này đúng không?

Ni-kiền tử im lặng không đáp, buồn rầu, lo lắng, lặng thinh không hé nửa lời. Bấy giờ, toàn thân Ni-kiền tử vã mồ hôi, thấm ướt y phục, ướt sũng chỗ ngồi, thấm ướt mặt đất.

Thế Tôn bảo:

– Ni-kiền tử! Ông ở trong đại chúng rống lên tiếng sư tử: "Này các đồng tử! Hãy cùng ta đến chỗ Cù-đàm để cùng tranh luận, ta sẽ hàng phục ông ta như

bắt dê lông dài, dắt đi khắp nơi tùy ý, không hề trở ngại. Cũng như voi lớn vào vùng nước sâu, đi lại tùy ý, không hề lo sợ. Như hai người đàn ông lực lưỡng bắt một người yếu ớt đem nướng trên lửa, xoay trở tùy thích." Ông cũng đã nói: "Khả năng tranh luận của ta có thể đánh bại voi chúa. Nếu ta cùng tranh luận với những vật vô tình như cột kèo, cây cỏ, ta có thể khiến chúng cúi đầu khuất phục, cũng có thể khiến chúng toát mồ hôi nách."

[0716b04] Bấy giờ, Thế Tôn vén ba y lên, chỉ cho Ni-kiền tử:

– Hãy nhìn xem! Như Lai chẳng có tí mồ hôi nào. Còn ông thì ngược lại, mồ hôi ướt sũng, thậm chí thấm xuống đất.

Ni-kiền tử lắng lặng, chẳng nói năng gì. Bấy giờ, trong chúng đó có đồng tử tên Đầu-ma.[51] Đồng tử ấy liền bạch Thế Tôn:

– Con có một ví dụ tương đương[52] với việc đang diễn ra và muốn được trình bày!

Thế Tôn bảo:

– Ông hãy nói xem!

Đồng tử Đầu-ma bạch Phật:

– Ví như cách làng xóm không xa, có ao tắm tốt đẹp, nhưng ao tắm ấy có trùng nhiều chân. Dân chúng trong thôn, già, trẻ, trai, gái đều đến ao tắm vớt trùng lên, thay nhau lấy gạch, đá đập nát chân của nó. Trùng muốn trở lại hồ nước thì cũng không bao giờ được. Ni-kiền tử này cũng như thế, ban đầu hung hăng muốn tranh luận cùng Như Lai với tâm xấu ác, bảo thủ, ngạo mạn. Như Lai đã diệt hết không sót mảy may nào. Ni-kiền tử này không bao giờ dám đến tranh luận với Như Lai thêm một lần nào nữa.

Bấy giờ, Ni-kiền tử bảo đồng tử Đầu-ma rằng:

– Ngươi thật ngu si, không phân biệt được đúng sai, ta không tranh luận với ngươi, ta chỉ tranh luận với Sa-môn Cù-đàm mà thôi.

Thế rồi, Ni-kiền tử bạch Phật:

– Tôi chỉ hỏi về nghĩa lý, xin Ngài lặp lại cho!

Thế Tôn bảo:

– Thế nào, này Ni-kiền tử! Chuyển Luân Thánh vương muốn già, bệnh, chết không đến với mình có được chăng? Vị Thánh Đại vương kia thật sự có được toại nguyện không?

Ni-kiền tử đáp:

– Thật sự không được toại nguyện.

– Muốn cho có sắc này, muốn cho không có sắc này, có được chăng?

---

[51] Đầu-ma (頭摩, Dummukha).

[52] Kham nhậm (堪任). Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh từ điển* (妙法蓮華經詞典), "kham nhậm" có nghĩa tương đương: Tự chứng Niết-bàn, không gì sánh bằng (已得涅槃, 無所堪任).

Ni-kiền tử đáp:

– Không thể được, thưa Cù-đàm!

Thế Tôn bảo:

– Thế nào, Ni-kiền tử! Sắc là thường hay vô thường?

– Sắc là vô thường.

– Nếu là vô thường, chính là pháp biến đổi. Ông có thấy cái này là của ta, ta là sở hữu của cái này chăng?

– Không phải thế, thưa Cù-đàm!

– Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường.

– Đã là vô thường, tức là pháp biến đổi. Ông thấy pháp đó là thật có chăng?

– Thưa không!

– Năm thủ uẩn này là thường hay vô thường?

– Là vô thường.

– Đã là vô thường, tức là pháp biến đổi. Ông có thấy pháp đó là thật có chăng?

– Thưa không!

– Thế nào, này Ni-kiền tử! Ông đã cho là thường, như vậy không trái với nghĩa lý này sao?

[0716c05] Khi ấy, Ni-kiền tử bạch Phật:

– Con thật là mê muội, không phân biệt được pháp chân thật nên mới khởi tâm muốn tranh luận với Cù-đàm, cho rằng sắc là thường. Ví như loài mãnh thú sư tử, xa thấy người đến bỗng sợ hãi hay sao? Không bao giờ có việc ấy! Hôm nay, Như Lai cũng như thế, không chút mảy may sợ hãi. Nay con cuồng dại, mê mờ, không rõ nghĩa lý sâu xa, mới dám xúc phạm, phiền nhiễu đến Ngài. Những điều Sa-môn Cù-đàm dạy quả là sâu xa, ví như người mù được mắt sáng, người điếc được nghe tiếng, người mê được thấy đường, người không có mắt được thấy sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng như thế. Ngài dùng vô số phương tiện để thuyết pháp cho con. Nay con xin quy y Sa-môn Cù-đàm, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo. Từ nay về sau, con xin trọn đời làm ưu-bà-tắc, không sát sanh nữa. Cúi mong Cù-đàm và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con. Con muốn cúng dường cơm trưa đến Phật và Tỳ-kheo-tăng.

Bấy giờ, Thế Tôn yên lặng nhận lời. Thấy đức Thế Tôn đã nhận lời thỉnh, Ni-kiền tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu quanh Phật ba vòng, cúi lạy sát chân rồi đi. Lúc ấy, ông ta đến chỗ của các đồng tử ở thành Tỳ-xá-ly. Đến nơi, ông bảo các đồng tử rằng:

– Các ngươi định cung cấp cho ta những vật dụng gì thì nên cung cấp ngay bây giờ, chớ để chậm trễ. Ta đã thỉnh Sa-môn Cù-đàm và chúng Tỳ-kheo thọ thực vào ngày mai.

Khi ấy, các đồng tử cùng nhau sắm sửa đủ các loại thực phẩm đem đến cho ông ta. Ngay đêm hôm đó, Ni-kiền tử bày biện đủ loại thực phẩm hảo hạng, trải tọa cụ tốt đẹp, rồi đến bạch Phật:

– Bây giờ là đúng thời, cúi mong Ngài chiếu cố!

Đến giờ, Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng chúng Tỳ-kheo đi vào thành Tỳ-xá-ly, đến nhà Ni-kiền tử. Đến nơi, Ngài liền an tọa. Chúng Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ lớp. Thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã ngồi yên, Ni-kiền tử liền tự tay dâng thực phẩm. Khi thấy Phật và chúng Tỳ-kheo dùng bữa xong và đã rửa tay, ông liền lấy một ghế nhỏ đến ngồi trước Như Lai, muốn được nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết giảng giáo pháp vi diệu cho ông ta. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là nhơ uế, dâm dục là hạnh không trong sạch, giải thoát là an vui.

Lúc ấy, thấy Ni-kiền tử tâm ý đã khai mở, Thế Tôn liền thuyết giảng tường tận cho ông ta về khổ, tập, diệt và đạo, theo pháp của chư Phật, Thế Tôn thường thuyết.

Khi đó, ngay tại chỗ ngồi của mình, Ni-kiền tử liền dứt sạch các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

[0717a05] Thế Tôn liền nói kệ này:[53]

Cúng tế, lửa trên hết,
Loài người, vua quý nhất,
Giữa ánh sáng trăng, sao,
Trên dưới và bốn phương,
Cõi trời cùng loài người,
Ai muốn cầu phước đức,
Kinh thư, tụng đứng đầu,
Biển là nguồn muôn sông.
Mặt trời rực rỡ nhất,
Khắp hết thảy vạn vật.
Phật, bậc tôn quý nhất,
Phụng Phật là tối thượng.[54]

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra. Lúc đó, năm trăm đệ tử của Ni-kiền tử nghe thầy mình được Phật giáo hóa, liền bảo nhau rằng:

– Sao đại sư của chúng ta lại tôn thờ Cù-đàm làm thầy?

Rồi họ cùng nhau ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đứng chờ ở giữa đường. Lúc ấy, Ni-kiền tử đi đến chỗ Phật nghe pháp. Thế Tôn liền thuyết pháp cho Ni-kiền tử, sách tấn khiến cho ông hoan hỷ. Nghe pháp xong, Ni-kiền tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ra.

Thấy thầy của mình đến từ xa, đệ tử của Ni-kiền tử liền bảo nhau:

– Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang trên đường đi đến! Chúng ta hãy dùng đá, ngói ném chết ông ta.

---

[53] Bài kệ này có nội dung tương đương ở *Kinh thừa sự Như Lai*, số 5, phẩm 34, tr. 535 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.34.5. 0694c13).

[54] Tam Phật vi tối thượng (三佛為最上). Tam Phật (三佛, Sambuddha): Bậc Chánh Giác.

Nghe Ni-kiền tử bị đệ tử giết, các đồng tử liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi xuống một bên. Các đồng tử bạch Thế Tôn:

– Ni-kiền tử đã được Như Lai giáo hóa, bây giờ bị đệ tử giết chết rồi. Nay đã qua đời, vậy ông ấy sanh về chốn nào?

Thế Tôn bảo:

– Ông ấy là người có phước đức, đầy đủ pháp bốn Thánh đế, đã diệt ba kiết sử, thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn, chắc chắn đã dứt sạch nguồn gốc khổ đau. Hôm nay qua đời, ông ấy được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba. Khi được diện kiến Phật Di-lặc rồi, ông ấy dứt sạch nguồn gốc khổ đau. Nghĩa này như vậy, nên ghi nhớ mà tu hành.

Bấy giờ, các đồng tử bạch Thế Tôn:

– Thật là kỳ lạ! Thật là vi diệu! Ni-kiền tử này đến chỗ Thế Tôn đòi tranh luận, rồi bị chính sự tranh luận của mình trói buộc và nhận sự giáo hóa của Như Lai. Hễ người nào gặp được Như Lai thì không bao giờ uổng phí. Ví như có người vào biển lấy châu báu thì chắc chắn sẽ lấy được, không bao giờ về tay không. Điều này cũng như thế, nếu chúng sanh nào đến chỗ Thế Tôn thì sẽ được pháp bảo, chẳng bao giờ về tay không.

[0717b04] Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho các đồng tử, khiến họ hoan hỷ.

Các đồng tử nghe Phật thuyết pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, cúi lạy sát chân rồi lui ra.

Bấy giờ, các đồng tử nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[55]

[55] Bản Hán, hết quyển 30.

38. PHẨM SỨC MẠNH[1]

1. SÁU SỨC MẠNH[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu sức mạnh hiện hữu trong đời. Là sáu loại nào? Một là, trẻ con lấy tiếng khóc làm sức mạnh, muốn đòi hỏi điều gì, trước tiên phải khóc la. Hai là, phụ nữ lấy sân hận làm sức mạnh, sân hận nổi lên trước, kế đó mới phát ngôn. Ba là, Sa-môn và Bà-la-môn lấy nhẫn nhục làm sức mạnh, thường nghĩ về kẻ dưới, khiêm hạ với người, rồi sau mới nói về mình. Bốn là, quốc vương lấy kiêu ngạo làm sức mạnh, lấy hào quý và thế lực của mình để thể hiện bản thân. Năm là, bậc A-la-hán lấy sự tinh chuyên làm sức mạnh để khẳng định mình. Sáu là, chư Phật, Thế Tôn thành tựu đại từ bi, lấy đại từ bi làm sức mạnh để giáo hóa rộng rãi, làm lợi ích cho chúng sanh. Do đó, này các Tỳ-kheo! Có sáu sức mạnh hiện hữu trong đời như thế. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải nhớ tu hành theo hạnh từ bi rộng lớn này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. VÔ THƯỜNG TƯỞNG[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên tư duy, quán chiếu về vô thường, truyền bá rộng rãi cách quán chiếu về vô thường. Đã tư duy, truyền bá rộng rãi cách quán chiếu về vô

---

[1] Nguyên tác: *Lực phẩm* 力品 (*T*.02. 0125.38. 0717b16).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.1. 0717b17). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.692-693. 0188b02-08); *A*. 8.27 - IV. 223.

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.2. 0717b28).

thường rồi, các thầy sẽ đoạn dứt luyến ái cõi dục, luyến ái cõi sắc, luyến ái cõi vô sắc, cũng đoạn trừ hết vô minh, kiêu mạn. Ví như lấy lửa thiêu đốt cây cỏ, cháy rụi không sót thứ gì, cũng chẳng còn dấu vết. Ở đây cũng vậy, nếu tu tập quán chiếu về vô thường thì đoạn trừ hết luyến ái cõi dục, luyến ái cõi sắc, luyến ái cõi vô sắc, vô minh, kiêu mạn, không còn sót lại gì. Vì sao như thế? Này các Tỳ-kheo! Trong khi tu tập quán chiếu về vô thường, vị ấy không có tâm tham dục, đã không có tâm tham dục thì có thể phân biệt các pháp, tư duy về nghĩa lý các pháp, không có sầu lo, khổ đau, phiền não. Vị ấy đã tư duy về nghĩa lý các pháp thì không còn ngu si, mê hoặc. Khi tu tập, nếu thấy có ai tranh cãi, vị ấy liền nghĩ: "Các Hiền sĩ không tu tập quán chiếu về vô thường, không truyền bá rộng rãi cách quán chiếu về vô thường nên mới dẫn đến sự tranh cãi như vậy. Khi đã tranh cãi thì không thể quán sát được nghĩa lý này, đã không quán sát được nghĩa lý này thì tâm bị mê hoặc, rồi bám víu vào sự ngu si mê muội này, sau khi qua đời sẽ đọa vào ba đường ác là ngạ quỷ, súc sanh và địa ngục."

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên tu tập quán chiếu về vô thường, truyền bá rộng rãi cách quán chiếu về vô thường thì sẽ không còn sân hận, ngu si mê mờ, có khả năng quán sát các pháp, quán sát được nghĩa lý các pháp. Nếu tu tập được như vậy, sau khi qua đời sẽ sanh vào ba đường lành là sanh trong cõi trời, sanh trong loài người và đạt đến Niết-bàn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. PHẬT LÀ AI?[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ bên bờ sông Ưu-ca-chi,[5] thuộc nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, Thế Tôn đến bên một cội cây, tự trải tòa ngồi, thân ngay thẳng, tâm định tĩnh, buộc niệm trước mặt.

Lúc đó, có một Phạm chí đang đến nơi ấy. Khi thấy dấu chân của đức Thế Tôn thật là kỳ diệu, Phạm chí liền nghĩ: "Dấu chân này của hạng người nào? Là của trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, loài người hay loài chẳng phải người? Hay là thủy tổ Phạm thiên của ta chăng?"

Thế rồi, Phạm chí lần theo dấu chân tiến về phía trước. Từ xa, thấy đức Thế Tôn ngồi bên một cội cây, thân ngay thẳng, tâm định tĩnh, buộc niệm trước mặt, Phạm chí liền hỏi:

---

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.3. 0717c18). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.0101. 0028a20); *A*. 4.36 - II. 37.

[5] Ưu-ca-chi (憂迦支, Ukkaṭṭha).

– Ngài có phải là thiên thần không?

Thế Tôn đáp:

– Ta không phải là thiên thần.

– Là càn-thát-bà chăng?[6]

– Ta không phải là càn-thát-bà.

– Là rồng chăng?

– Ta chẳng phải là rồng.

– Là dạ-xoa chăng?

– Ta chẳng phải là dạ-xoa.

– Là thủy tổ [Phạm thiên] chăng?

– Ta chẳng phải là thủy tổ [Phạm thiên].

[0718a01] Lúc ấy, Phạm chí hỏi Thế Tôn:

– Vậy Ngài là ai?

Thế Tôn bảo:

– Người có ái thì có thủ,[7] có thủ thì có ái, do nhân duyên hội tụ rồi cùng sanh ra đủ chủng loại về sau. Như thế, năm thủ uẩn[8] không bao giờ gián đoạn hay chấm dứt. Đã biết rõ về ái thì biết năm dục, cũng biết sáu trần bên ngoài, sáu căn bên trong, tức biết rõ gốc ngọn của thủ uẩn này.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thế gian có năm dục, Nuôi dưỡng ý thứ sáu,
Biết sáu thứ trong ngoài, Phải nghĩ đoạn dứt khổ.

Thế nên, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ sáu căn bên trong và sáu trần bên ngoài.

Thật vậy, Phạm chí! Hãy học tập điều này.

Lúc ấy, nghe lời Phật dạy như thế, Phạm chí liền chuyên tâm luyện tập, lòng không buông bỏ, ngay tại chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Phạm chí nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[6] Càn-đạp-hòa (乾沓和), cách phiên âm khác của càn-thát-bà (乾闥婆, gandhabba).

[7] Nguyên tác: Thọ (受), trong ngữ cảnh này dịch là "thủ", "chấp thủ" (取, 執取, *upādāna*).

[8] Ngũ khổ thạnh ấm (五苦盛陰).

4. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, lúc Ta còn là Bồ-tát, chưa thành tựu quả vị Phật, Ta khởi niệm như vầy: "Thế gian này thật là khổ đau, có sanh, có già, có bệnh, có chết, nhưng không thể đoạn trừ tận gốc rễ của năm thủ uẩn này." Và rồi, Ta lại nghĩ: "Do nhân duyên nào mà có sanh, có già, có bệnh, có chết? Lại do nhân duyên nào đưa đến tai họa này?" Lúc Ta đang tư duy như thế, ý niệm này lại phát sanh: "Có sanh ắt có già, có bệnh, có chết." Lúc đang tư duy về điều này, ý niệm này lại phát sanh: "Do nhân duyên nào có sanh? Sanh do hữu mà có." Rồi ý niệm này lại phát sanh: "Hữu do đâu mà có?" Trong lúc Ta tư duy như vậy, ý niệm này lại phát sanh: "Hữu do thủ mà có." Lại nghĩ: "Thủ này do đâu mà có?" Bấy giờ, Ta dùng trí quán sát: "Do ái mà có thủ." Lại suy nghĩ thêm: "Ái này do đâu mà sanh?" Ta quán sát lần nữa: "Do thọ[10] mà có ái." Lại suy nghĩ thêm: "Thọ này do đâu mà sanh?" Lúc ấy, Ta quán sát như vầy: "Do xúc[11] mà có thọ." Lại tư duy tiếp: "Xúc này do đâu mà có?" Ta liền khởi niệm: "Do sáu nhập mà có xúc này." Rồi Ta lại tư duy: "Sáu nhập này do đâu mà có?" Lúc quán sát như vậy, Ta biết: "Do danh sắc mà có sáu nhập." Rồi Ta lại nghĩ rằng: "Danh sắc do đâu mà có?" Ta quán sát thì biết: "Do thức mà có danh sắc." Ta lại nghĩ rằng: "Thức này do đâu mà có?" Ta quán sát thì biết: "Do hành sanh thức." Rồi Ta lại nghĩ: "Hành do đâu mà sanh?" Ta quán sát thì biết: "Hành do vô minh[12] sanh." Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên sầu, ưu, khổ, não, nhiều không tính kể. Như thế gọi là sự tập khởi của một khối khổ đau.

[0718b07] Bấy giờ, Ta lại nghĩ: "Do nhân duyên nào mà diệt được sanh, già, bệnh, chết?"

Thế rồi Ta quán sát: "Sanh diệt thì già diệt, bệnh diệt, chết diệt." Rồi Ta nghĩ: "Do đâu mà không có sanh?" Ta quán sát nguồn gốc của sanh thì thấy: "Do hữu diệt thì sanh sẽ diệt." Lại nghĩ: "Do đâu mà không có hữu?" Ta quán sát thì thấy: "Do thủ diệt thì hữu sẽ diệt." Rồi Ta lại nghĩ: "Do đâu mà thủ diệt?" Ta quán sát thì thấy: "Do ái diệt thì thủ diệt." Ta lại nghĩ như vầy: "Do đâu mà ái diệt?" Ta quán sát thêm nữa: "Thọ diệt thì ái diệt." Lại tư duy: "Do đâu mà

---

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.38.4. 0718a13). Tham chiếu: *Đại bổn kinh* 大本經 (*T.*01. 0001.1. 0001b11); *Thất Phật kinh* 七佛經 (*T.*01. 0002. 0150a03); *Tỳ-bà-thi Phật kinh* 毘婆尸佛經 (*T.*01. 0003. 0154b05); *Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh* 七佛父母姓字經 (*T.*01. 0004. 0159a24); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.287. 0080b24); *D.* 14, *Mahāpadāna Sutta* (*Kinh đại bổn*); *S.* 12.65 - II. 104.

[10] Thống (痛).

[11] Cánh lạc (更樂).

[12] Si (癡).

thọ diệt?" Quán sát thì thấy: "Xúc diệt thì thọ diệt." Lại tư duy: "Xúc do đâu mà diệt?" Quán sát thì thấy: "Sáu nhập diệt thì xúc diệt." Lại tư duy: "Do đâu mà sáu nhập này diệt?" Lúc ấy, Ta quán sát thấy: "Danh sắc diệt thì sáu nhập diệt." Ta lại quán: "Danh sắc do đâu mà diệt?" Quán sát nên biết: "Thức diệt thì danh sắc diệt." Ta lại quán sát: "Thức này do đâu mà diệt?" Quán sát thì biết: "Hành diệt thì thức diệt." Lại tư duy: "Hành này do đâu mà diệt?" Quán sát thì biết: "Vô minh diệt thì hành diệt." Hành diệt thì thức diệt. Thức diệt thì danh sắc diệt. Danh sắc diệt thì sáu nhập diệt. Sáu nhập diệt thì xúc diệt. Xúc diệt thì thọ diệt. Thọ diệt thì ái diệt. Ái diệt thì thủ diệt. Thủ diệt thì hữu diệt. Hữu diệt thì sanh diệt. Sanh diệt thì già, bệnh diệt. Già, bệnh diệt thì chết diệt. Đó gọi là năm thủ uẩn diệt.

Rồi Ta lại nghĩ như vầy: "Thức này là nguồn gốc tiên quyết đưa chúng sanh đến sanh, già, bệnh, chết; nhưng chúng sanh chẳng thể biết nguồn gốc của sanh, già, bệnh, chết này." Ví như có người men theo con đường mòn nhỏ đi vào rừng núi, từ từ tiến lên phía trước, liền thấy một con đường lớn mà ngày xưa mọi người qua lại nơi đây. Bấy giờ, người ấy liền men theo con đường này, đi thêm một quãng thì thấy thành quách, vườn cảnh, ao tắm cổ xưa vẫn còn tốt đẹp, nguyên vẹn, tuy nhiên trong thành kia không có dân cư. Thấy vậy, người đó liền quay trở về nước, tâu vua rằng: "Hôm qua, thần dạo chốn núi rừng thấy có thành quách đẹp đẽ, cây cối sum suê, nhưng trong thành đó không có dân chúng. Tâu Đại vương! Đại vương nên cho dân chúng vào thành đó ở." Bấy giờ, sau khi nghe như vậy, nhà vua liền cho dân chúng đến ở và thành quách này trở nên đông đúc dân cư như xưa, an lạc hiếm có không đâu sánh bằng.

[0718c05] Các Tỳ-kheo nên biết! Thuở xưa, lúc Ta chưa thành Bồ-tát, học đạo ở trong rừng núi, thấy chốn hành hóa của chư Phật thời xưa, liền theo con đường ấy mà biết được nguồn gốc sanh khởi của sanh, già, bệnh, chết; có sanh, có diệt thảy đều phân biệt rõ ràng. Biết rõ khổ của sanh, sự tập khởi của sanh, sự đoạn diệt của sanh và con đường đoạn diệt sanh,[13] thảy đều thông đạt. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng lại như thế. Vô minh khởi thì hành khởi. Hành tạo tác là do thức. Nay Ta đã biết tường tận về thức nên giảng nói điều căn bản này cho bốn bộ chúng để cho tất cả đều biết nơi phát sanh nguồn gốc này: Biết khổ, biết tập, biết diệt, biết đạo, được nhận hiểu rõ ràng. Đã biết sáu nhập thì biết sanh, già, bệnh, chết. Sáu nhập diệt thì sanh, già, bệnh, chết diệt.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện diệt trừ sáu nhập.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[13] Nguyên tác: Tri sanh khổ, sanh tập, sanh tận, sanh đạo (知生苦, 生習, 生盡, 生道).

5. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT BỊ MÙ[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số trăm ngàn vạn chúng. Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật đang ngồi ngủ gục giữa đại chúng. Thấy A-na-luật ngủ gục, đức Phật liền nói kệ này:

Nghe pháp ưa ngủ gục, Nhưng tâm hằng định yên,
Pháp Thánh hiền tuyên thuyết, Khiến người trí tịnh an.
Như nước ở vực sâu, Lắng trong không bẩn cáu,
Cũng thế, nghe pháp mầu, Khiến tâm tịnh, an lạc.
Như tảng đá lớn nặng, Gió không thể chuyển lay,
Với người tâm an định, Khen, chê chẳng lung lay.

Thế rồi, Thế Tôn bảo Tôn giả A-na-luật:

– Có phải thầy sợ pháp luật của vua chúa hay sợ giặc cướp mà hành đạo chăng?

A-na-luật đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật hỏi A-na-luật:

– Vì nguyên do nào mà thầy xuất gia học đạo?

[0719a01] A-na-luật bạch Phật:

– Bởi con chán ngán sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, vì bị khổ bức bách nên muốn từ bỏ. Vì thế, con xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

– Này người thiện nam![15] Thầy đã có lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Hôm nay, Thế Tôn đang thuyết pháp, tại sao thầy lại ngồi ngủ gục?

Tôn giả A-na-luật liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai bên phải, quỳ gối chắp tay thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Từ nay về sau, cho dù có tan thân mất mạng, con quyết không bao giờ ngủ gục trước Như Lai.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật thức suốt đến sáng, không hề chợp mắt, nhưng không thể thoát khỏi cơn buồn ngủ mà mắt thầy ấy lại bị tổn thương. Khi ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

– Thầy đã chuyên cần mà lại thêm tinh tấn thì sẽ tương ưng với trạo cử, nếu như biếng nhác thì sẽ khế hợp với các kiết sử. Thầy nên thực hành đúng mực.

---

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.5. 0718c17).

[15] Tộc tánh tử (族姓子, *kulaputta*) còn gọi là tộc tánh nam (族姓男), cũng gọi là thiện nam tử (善男子).

A-na-luật bạch Phật:

– Trước đây, con đã phát lời nguyện trước Như Lai, nay con không thể làm trái lời nguyện của mình được.

Thế rồi, Thế Tôn bảo Kỳ-bà:[16]

– Ông hãy chữa trị mắt cho A-na-luật!

Kỳ-bà thưa:

– Nếu Tôn giả A-na-luật chịu ngủ một chút, con mới chữa lành mắt được.

Thế Tôn bảo A-na-luật:

– Thầy nên ngủ nghỉ. Vì sao như thế? Vì tất cả các pháp đều nhờ thức ăn mà tồn tại, không ăn thì không thể tồn tại. Con mắt lấy giấc ngủ làm thức ăn, tai lấy âm thanh làm thức ăn, mũi lấy hương làm thức ăn, lưỡi lấy mùi vị làm thức ăn, thân lấy xúc chạm làm thức ăn, ý lấy pháp làm thức ăn. Ta cũng khẳng định rằng Niết-bàn cũng có thức ăn.

A-na-luật bạch Phật:

– Niết-bàn lấy những gì làm thức ăn?

Phật bảo A-na-luật:

– Niết-bàn lấy không buông lung làm thức ăn, nương vào không buông lung đạt đến Niết-bàn.[17]

A-na-luật bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tuy rằng giấc ngủ là thức ăn của mắt, nhưng con chẳng thiết ngủ nghỉ.

Bấy giờ, A-na-luật vá lại y phục cũ. Khi ấy, mặc dù mắt đã bị hư tổn nhưng Tôn giả đã đắc thiên nhãn, không còn chút cấu nhiễm. A-na-luật dùng cách vá y như những người thường nên không thể xâu chỉ qua lỗ kim. Thế rồi, A-na-luật liền nghĩ: "Xin các bậc A-la-hán đắc đạo trong thế gian, hãy xâu kim giúp tôi!"

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, Thế Tôn nghe được âm thanh: "Xin các bậc A-la-hán đắc đạo trong thế gian, hãy xâu kim giúp tôi!" Thế Tôn liền đến chỗ A-na-luật rồi bảo:

– Thầy đưa kim đây, Như Lai xâu cho!

[0719b01] A-na-luật bạch Phật:

– Vừa rồi con có nguyện rằng: "Những ai ở thế gian muốn cầu phước này, hãy xâu kim cho con."

Thế Tôn bảo:

– Người cầu phước ở thế gian không ai hơn Ta. Với sáu pháp, Như Lai không bao giờ nhàm chán. Là sáu pháp nào? Một là, bố thí. Hai là, dạy dỗ. Ba

[16] Kỳ-vực (耆域) còn gọi là Kỳ-bà (耆婆, Jīvaka), tên của vị lương y thời đức Phật.

[17] Vô vi (無為).

là, nhẫn nhục. Bốn là, nói pháp, giảng nghĩa. Năm là, cứu giúp chúng sanh. Sáu là, cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Này A-na-luật! Đó là sáu điều Như Lai không hề nhàm chán.

A-na-luật thưa:

– Thân của Như Lai là Pháp thân chân thật thì còn mong cầu pháp nào nữa? Như Lai đã qua khỏi biển sanh tử, thoát khỏi ái nhiễm tham đắm, nhưng nay đối với việc làm phước, vì sao Ngài vẫn đặc biệt chú trọng?

Thế Tôn bảo:

– Đúng thế, A-na-luật. Đúng như lời thầy nói. Như Lai cũng biết sáu pháp này, không bao giờ nhàm chán. Nếu chúng sanh biết nguồn gốc của tội ác đều do thân, miệng và ý tạo ra thì vĩnh viễn không đọa trong ba đường ác. Vì chúng sanh kia không biết nguồn gốc tội ác nên mới bị đọa trong ba đường ác.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Mọi sức mạnh thế gian, Đến cả trời, người tạo,
Sức mạnh phước đứng đầu, Nhờ phước thành Phật đạo.

Thế nên, này A-na-luật! Nên tìm cầu phương tiện để thành tựu sáu pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. ƯƠNG-QUẬT-MA-LA[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực, nghe bên ngoài cổng cung Vua Ba-tư-nặc có đám đông dân chúng khua tay, kêu la oán trách: "Trong nước có tên giặc Ương-quật-ma-la[19] cực kỳ hung ác, giết người như rạ, không chút lòng từ thương xót chúng sanh. Dân chúng trong nước đều căm phẫn. Mỗi ngày, hắn đều bắt người rồi giết hại, lấy ngón tay xâu lại làm vòng hoa, gọi là 'Vòng hoa ngón tay.' Cúi mong Đại vương hãy đến tiêu diệt hắn!"

Khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá Kỳ Hoàn, thu dọn y bát, xếp tọa cụ[20] lên vai, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, những Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

---

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.38.6. 0719b20). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1077. 0280c18); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.118. 0417a23); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.119. 0417c09); *Xuất diệu kinh* 出曜經 (*T.*04. 0212.17. 0702b07); *M.* 86, *Aṅgulimāla Sutta* (*Kinh Aṅgulimāla*).

[19] Nguyên tác: Ương-quật-ma (鴦掘魔), còn gọi là Ương-quật-ma-la (央掘魔羅, Aṅgulimāla), tên của một kẻ sát nhân, lấy ngón tay kết làm vòng hoa, về sau được đức Phật chuyển hóa và chứng quả A-la-hán.

[20] Ni-sư-đàn (尼師檀, *nisīdana*) dịch là tọa cụ, tức tấm vải dùng để trải ngồi lúc tọa thiền, thuyết pháp...

– Số đông Tỳ-kheo chúng con vào thành Xá-vệ khất thực, thấy dân chúng ở trước cổng cung vua kêu than, oán trách: "Nay nước nhà có tên giặc Ương-quật-ma-la là người hung ác, bạo tàn, không có lòng từ, giết bất cứ ai hắn gặp, dân chúng chết chóc, đất nước điêu đứng đều do kẻ này, vì hắn lấy ngón tay người làm vòng hoa."

[0719c05] Bấy giờ, nghe Tỳ-kheo kia nói xong, đức Thế Tôn liền từ tòa đứng dậy, yên lặng rời đi.

Khi ấy, Thế Tôn tìm đến chỗ tên giặc kia. Những người lượm củi, gánh cỏ hoặc những người chăn trâu, chăn dê thấy Thế Tôn đi đến đoạn đường đó, liền can Phật rằng:

– Sa-môn! Sa-môn! Chớ đi vào đường đó! Vì sao như vậy? Vì bên vệ đường đó có tên giặc Ương-quật-ma-la ẩn núp. Những ai muốn đi con đường này, dù phải đi thành từng nhóm mười người, hoặc hai mươi người, hoặc ba mươi, bốn mươi, năm mươi người mà còn không thể vượt qua, đều bị Ương-quật-ma-la bắt hết. Sa-môn Cù-đàm lại đi một mình không có bạn, sẽ bị Ương-quật-ma-la làm hại, việc này không thể không dè chừng!

Dù được dân chúng can ngăn như vậy, nhưng Thế Tôn không dừng lại mà vẫn đi tiếp.

Bấy giờ, mẹ của Ương-quật-ma-la mang thức ăn đến cho ông ta. Lúc ấy, Ương-quật-ma-la nghĩ: "Vòng ngón tay của ta không biết đã đủ chưa?" Thế rồi, ông ta liền đếm ngón tay, thấy chưa đủ số. Ông ta đếm lại một lần nữa, thấy chỉ thiếu một ngón. Ương-quật-ma-la liền nhìn xung quanh tìm người muốn bắt giết để lấy ngón tay, nhưng nhìn bốn phía cũng chẳng thấy ai, liền nghĩ: "Thầy ta có dạy: 'Những ai có thể làm hại mẹ mình, sẽ được sanh lên cõi trời.' Bây giờ, mẹ ta tự đến đây, ta nên bắt giết, gom đủ số ngón tay thì chắc chắn sẽ sanh lên cõi trời."

Thế rồi, Ương-quật-ma-la dùng tay trái giữ đầu của mẹ, tay phải rút kiếm, nói rằng:

– Mẹ ơi, hãy dừng lại một lát!

Khi ấy, Thế Tôn liền nghĩ: "Ương-quật-ma-la này sẽ phạm năm tội cực ác."[21] Lập tức, Ngài liền phóng hào quang giữa chặng mày chiếu sáng khắp cả núi rừng kia. Thấy ánh sáng, Ương-quật-ma-la liền hỏi mẹ:

– Ánh sáng gì chiếu khắp rừng núi này? Có phải nhà vua tập hợp binh lính để vây đánh ta chăng?

Người mẹ bảo:

– Con nên biết! Ánh sáng này không phải là ánh lửa của mặt trời hay mặt trăng, cũng không phải là ánh sáng của Đế-thích hay Phạm thiên vương.

---

[21] Ngũ nghịch (五逆) còn gọi là "ngũ nghịch tội" (五逆罪) hoặc "ngũ vô gián nghiệp" (五無間業), tức 5 trọng tội. Phạm 5 tội này sẽ bị đọa vào địa ngục Vô Gián. Theo *SA*. 792, 5 trọng tội này bao gồm giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, ác tâm làm thân Phật chảy máu (謂殺父, 殺母, 殺阿羅漢, 破僧, 惡心出佛身血).

Bấy giờ, người mẹ liền nói kệ này:

Ánh sáng này không phải Của Thích, Phạm, trời, trăng,
Chim muông chẳng kinh hãi, Hót vang hơn ngày thường.
Ánh sáng cực thanh tịnh, Khiến người rất hân hoan,
Ắt hẳn đấng Chánh Giác, Mười Lực đến vì mình.
Trong cõi trời, loài người, Dùng thiên nhãn quán sát,
Vì muốn con độ thoát, Nên Phật đã đến đây.

[0720a06] Khi vừa nghe đến tiếng Phật, Ương-quật-ma-la thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng liền nói:

– Thầy ta cũng đã từng dạy: "Nếu ngươi giết được mẹ và giết cả Sa-môn Cù-đàm, nhất định sẽ được sanh lên cõi trời."

Ương-quật-ma-la bảo mẹ:

– Mẹ cứ để cơm ở đó. Con giết Sa-môn Cù-đàm trước đã, rồi sẽ ăn sau.

Nói rồi, Ương-quật-ma-la buông mẹ ra, đuổi theo Thế Tôn. Từ xa, thấy Thế Tôn đi đến như khối vàng tỏa sáng khắp nơi, Ương-quật-ma-la liền mỉm cười rồi nói:

– Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm rơi vào tay ta, nhất định sẽ chết không nghi ngờ gì nữa. Dân chúng muốn đi đường này đều phải tập hợp thành nhóm, còn Sa-môn Cù-đàm chỉ đi một mình, không có bạn bè, nay ta sẽ bắt giết.

Khi ấy, Ương-quật-ma-la liền rút kiếm chạy đến đón đường Thế Tôn. Đức Thế Tôn liền quay trở lại, thong thả bước đi. Ương-quật-ma-la cố sức đuổi theo Như Lai, nhưng không tài nào đuổi kịp. Ông ta giục Thế Tôn:

– Dừng lại, Sa-môn hãy dừng lại!

Thế Tôn bảo:

– Như Lai đã dừng lâu rồi, còn ông mới chưa dừng lại!

Ương-quật-ma-la vừa chạy vừa nói kệ này:

Đang đi, bảo đã dừng, Cho rằng tôi không dừng,
Hãy giúp tôi hiểu nghĩa, Ngài dừng, tôi chẳng dừng?

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ đáp:

Ta bảo Ta đã dừng, Vì không hại ai cả,
Ông đang tâm sát hại, Nguồn ác chẳng thoát ra.
Ta trụ đất tâm từ, Thương giúp khắp tất cả,
Ông gieo khổ địa ngục, Nguồn ác chẳng thoát ra.

Nghe bài kệ xong, Ương-quật-ma-la liền nghĩ: "Ta đã làm ác thật sao? Thầy ta bảo rằng: 'Đây là tế đàn lớn, được quả báo lớn. Nếu ai có thể giết ngàn người, lấy ngón tay làm vòng hoa thì sẽ đạt kết quả như mong muốn. Ai làm được như thế, sau khi qua đời, sẽ được sanh vào cõi lành, cõi trời.' Nếu ai giết mẹ và Sa-môn Cù-đàm sẽ được sanh lên cõi Phạm thiên."

Khi ấy, Phật dùng oai thần khiến thần trí[22] ông ta bừng tỉnh. Ương-quật-ma-la liền nghĩ: "Các sách vở Phạm chí cũng dạy như vầy: 'Như Lai ra đời rất hiếm gặp, hơn cả ức kiếp mới xuất hiện. Lúc Ngài xuất hiện ở đời, người chưa độ sẽ được độ, người chưa giải thoát sẽ được giải thoát. Pháp của Ngài giảng thuyết để diệt trừ sáu kiến chấp. Là những kiến chấp nào? Một là, với người chấp ngã kiến, Ngài liền thuyết pháp diệt trừ ngã kiến.[23] Hai là, với người chấp không có ngã kiến, Ngài liền thuyết pháp diệt trừ không có ngã kiến. Ba là, với người chấp vừa có ngã kiến vừa không có ngã kiến, Ngài liền thuyết pháp diệt trừ vừa có ngã kiến vừa không có ngã kiến. Bốn là, Ngài tự mình quán sát, thuyết pháp dùng để quán sát. Năm là, tự thuyết pháp vô ngã. Sáu là, thuyết những pháp chẳng phải do Ta giảng nói, cũng chẳng phải do Ta không giảng nói.' Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, Ngài sẽ thuyết pháp để diệt trừ sáu kiến chấp này. Hơn nữa, lúc ta chạy có thể đuổi kịp voi, ngựa, xe cộ và hết thảy loài người, nhưng Sa-môn này đi rất thư thả, vậy mà ta chẳng theo kịp. Chắc chắn đây là Như Lai."

[0720b15] Lúc ấy, Ương-quật-ma-la liền nói kệ này:

Vì con, Ngài đã thuyết, Nghĩa kệ rất nhiệm mầu,
Kẻ ác thấy lẽ chân, Đều nhờ uy thần Phật.
Con ném ngay kiếm bén Vào tận trong hầm sâu,
Kính lễ sát chân Phật, Mong được làm Sa-môn.

Ương-quật-ma-la liền đến trước bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Cúi mong Ngài cho con được làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Ương-quật-ma-la lập tức trở thành Sa-môn, mặc ba pháp y. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tóc ông cạo thế nào, Trừ kiết cũng thế đó,
Dứt não phiền, thấy đạo, Sẽ hết khổ, buồn, lo.

Khi ấy, Ương-quật-ma-la nghe xong, lập tức sạch hết các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Ương-quật-ma-la trở về tinh xá Kỳ Hoàn trong thành Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc đang tập hợp bốn bộ binh chủng, muốn đến dẹp trừ sát nhân Ương-quật-ma-la. Khi ấy, nhà vua nghĩ: "Ta nên đến trình bày nhân duyên này với Thế Tôn. Nếu Thế Tôn dạy làm như thế nào, ta sẽ vâng theo." Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc liền tập hợp bốn bộ binh chủng và đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn hỏi vua:

---

[22] Thần thức (神識).

[23] Ngôn hữu ngã kiến giả, tức thuyết diệt lục kiến chi pháp (言有我見者, 即說滅六見之法). Có khả năng ghi nhầm giữa "ngã" (我) thành "lục" (六). Theo ngữ cảnh thì câu kinh này phải là 言有我見者, 即說滅我見之法. Chúng tôi hiệu chú theo quan điểm này.

– Hôm nay, Đại vương định đi đâu mà bụi bặm đầy mình như thế?

[0720c04] Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Hiện nay trong nước con có tên giặc Ương-quật-ma-la vô cùng hung ác, không có lòng từ đối với tất cả chúng sanh, khiến đất nước điêu đứng, dân tình tứ tán, đều do tên giặc này. Kẻ đó giết người rồi lấy ngón tay làm vòng hoa. Đây là ác quỷ chứ chẳng phải là người. Nay con muốn giết chết hắn.

Thế Tôn bảo:

– Nếu bây giờ Đại vương thấy Ương-quật-ma-la có lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo thì nhà vua sẽ làm gì?

Vua thưa:

– Còn biết làm sao nữa! Con sẽ phụng sự cúng dường, tùy thời lễ bái, nhưng thưa Thế Tôn! Ương-quật-ma-la là kẻ ác, không có một mảy may thiện lành, luôn giết hại thì làm sao có thể phát tâm xuất gia học đạo được? Việc này hoàn toàn không thể có được!

Khi ấy, Ương-quật-ma-la đang ngồi kiết-già cách Thế Tôn chẳng xa, thân đoan chánh, tâm định tĩnh, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải chỉ cho nhà vua rồi bảo:

– Người này là Ương-quật-ma-la.

Nhà vua nghe xong liền kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc.

Thế Tôn bảo:

– Đừng nên kinh sợ, hãy đến trước vị ấy, rồi nhà vua sẽ hiểu ý.

Vua nghe Phật nói như thế, liền đến trước Ương-quật-ma-la rồi hỏi:

– Ngài họ gì vậy?

Ương-quật-ma-la đáp:

– Tôi họ Già-già, tên mẹ là Mãn-túc.

Nhà vua cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Thế rồi, nhà vua thưa:

– Thầy hãy an trú trong Chánh pháp này, chớ có biếng nhác, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, sẽ dứt trừ hết nguồn gốc khổ đau. Tôi sẽ trọn đời cúng dường y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men chữa bệnh.

Ương-quật-ma-la im lặng không đáp. Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi trở lại chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, nhà vua bạch Phật:

– Người không quy hàng khiến phải quy hàng, người không khuất phục khiến phải khuất phục. Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Ngài có thể hàng phục những kẻ cực ác. Ngưỡng nguyện Thế Tôn thọ mạng vô cùng để nuôi dưỡng chúng sanh. Nhờ ân đức của Thế Tôn mà chúng con thoát khỏi hoạn nạn này. Việc nước quá bề bộn, nay con muốn trở về thành.

Thế Tôn bảo:

– Đại vương, nay đã đúng lúc!

Lúc ấy, nhà vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân rồi ra về.

[0721a01] Bấy giờ, Ương-quật-ma-la tu hạnh tịch tĩnh, đắp y phấn tảo, đến giờ ôm bát đến từng nhà khất thực, đi giáp vòng rồi trở lại từ đầu, đắp y rách vá rất thô xấu, ngồi nơi trống trải, không gì che thân. Tôn giả Ương-quật-ma-la luôn ở nơi vắng vẻ, tự tu Phạm hạnh. Mục đích của người thiện nam xuất gia học đạo là muốn tu Phạm hạnh vô thượng để biết một cách như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Thế rồi, Ương-quật-ma-la chứng đắc A-la-hán, Sáu thông thanh tịnh trong sáng, không chút bụi nhơ, vì đã thành tựu A-la-hán.

Lúc ấy, đến giờ Tôn giả đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi đó có một sản phụ đang lâm bồn vô cùng nguy nan. Thấy vậy, Tôn giả nghĩ: "Các loài chúng sanh phải chịu sự đau khổ cùng cực của sự thọ thai, thật không tả xiết."

Thế rồi, sau khi thọ trai, Ương-quật-ma-la liền thu dọn y bát, xếp tọa cụ lên vai đến trước Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Ương-quật-ma-la bạch Phật:

– Con vừa đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, thấy một sản phụ đang lâm bồn thật nguy nan. Khi ấy con nghĩ rằng: "Do đâu chúng sanh phải chịu khổ não đến nông nỗi này?"

Thế Tôn bảo:

– Thầy hãy đến chỗ sản phụ và nói: "Từ khi được sanh ra trong pháp Hiền thánh đến nay, tôi chưa từng sát sanh." Hãy nói lời chân thật này khiến sản phụ kia lâm bồn yên ổn.

Ương-quật-ma-la thưa:

– Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thế rồi, ngay hôm ấy, Ương-quật-ma-la liền đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ, đến nhà sản phụ kia rồi bảo:

– Từ khi được sanh ra trong pháp Hiền thánh đến nay, tôi chưa từng sát sanh. Với lời nói chân thật như vầy, nguyện cho thai nhi được sanh ra dễ dàng.

Khi ấy, sản phụ kia liền lâm bồn.

Bấy giờ, Ương-quật-ma-la đi khất thực trong thành, ai ai trông thấy cũng đều bảo nhau:

– Ông này là Ương-quật-ma-la, đã giết hại chúng sanh nhiều không thể tính kể, nay lại vào thành khất thực.

Thế rồi, dân chúng trong thành liền lấy ngói, đá ném vào thầy ấy. Có người lấy dao chém khiến thầy ấy bị thương tích khắp đầu mặt, y phục rách nát, máu tươm khắp thân. Bấy giờ, Tôn giả liền ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn.

Từ xa, nhìn thấy Ương-quật-ma-la đầu mặt đầy thương tích, máu tươm thấm y đang đi đến, Thế Tôn liền bảo:

– Thầy nên kham nhẫn. Vì sao như thế? Vì những tội lỗi thầy đã gây ra nên phải chịu khổ đau lâu dài.

Khi ấy, Ương-quật-ma-la đến trước Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên, rồi nói kệ này:

Nghe pháp luôn chăm chú,
Bạn tốt cố thân gần,
Con vốn là giặc ác,
Bị trôi theo dòng tà,
Đã thấy nghiệp quả mình,
Đã chứng đắc Tam minh,
Con vốn tên Vô Hại,
Nay tên Chân Đế Thật,
Giả như thân, miệng, ý,
Đã gọi "Không Sát Hại",
Bậc trí điều thân này,
Thợ mộc đẽo gỗ, cây,
Dẫu bị roi, gậy vụt,
Đánh trả con chẳng màng,
Trước là người làm ác,
Sẽ thắp sáng thế gian,
Trước là người làm ác,
Sẽ thắp sáng thế gian,
Tỳ-kheo già hay trẻ,
Sẽ thắp sáng thế gian,
Tỳ-kheo già hay trẻ,
Sẽ thắp sáng thế gian,
Nay con chịu đau ít,
Mọi khổ đau thoát hẳn,
Hết theo chân thần chết,
Nay chỉ đợi đúng thời,

Pháp Phật gắng hành trì,
Liền đến nơi diệt tận.
Tên Ương-quật-ma-la,
Nhờ Thế Tôn cứu vớt.
Thấy gốc pháp chân thật,
Thành tựu hạnh nghiệp Phật.
Lại hại nhiều vô ngần,
Không làm hại một ai.
Đều không có tâm hại,
Tưởng hại làm sao sanh?
Như thợ cung nắn góc,
Trị thủy dẫn nước đầy.[24]
Bị xúc xiểm, vu oan,
Nay con tự hàng phục.
Về sau không tái phạm,
Như mây tan, trăng hiện.
Về sau không tái phạm,
Mây tan, mặt trời hiện.
Nương pháp Phật tu hành,
Như trăng lên, mây tán.
Nương pháp Phật tu hành,
Mặt trời lên, mây tán.
Biết đủ với uống, ăn,
Duyên xưa đã đoạn trừ.
Cũng chẳng thiết ở đời,
Hân hoan không tán loạn.

Lúc ấy, Như Lai ấn khả lời thưa của Ương-quật-ma-la.

Thấy Như Lai hứa khả rồi, Ương-quật-ma-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

---

[24] Bốn câu kệ này tương đương với 4 câu kệ trong *Pháp cú kinh* 法句經 (*T*.04. 0210.1. 0564a09): 弓工調角, 水人調船, 材匠調木, 智者調身 (Như thợ giỏi vuốt cung, người đi thuyền khéo chống, thợ mộc chuyên gỗ cây, bậc trí rõ thân này). Tham chiếu: *Dh*. v. 80, 145; *Thag*. v. 19, 877.

[0721c03] Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Ương-quật-ma-la vốn tạo công đức gì mà nay được trí tuệ sáng suốt, diện mạo đoan chánh, hiếm có ở đời? Đã tạo nghiệp ác gì mà đời này sát hại chúng sanh nhiều vô kể? Đã tạo công đức nào mà nay được gặp Thế Tôn, được đắc quả A-la-hán?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, vào thời quá khứ lâu xa, trong thời Hiền kiếp có đức Phật hiệu Ca-diếp Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Sau khi đức Như Lai Ca-diếp nhập diệt, có Vua Đại Quả thống lãnh cõi nước ở Diêm-phù-đề. Vua có đến tám vạn bốn ngàn cung phi thể nữ, nhưng vẫn không có con. Bấy giờ, Vua Đại Quả khẩn cầu hết thảy các thần cây, thần núi, thần mặt trời, mặt trăng và các vì sao, mong có con cái. Thế rồi, đệ nhất phu nhân mang thai, trải qua tám, chín tháng sau, sanh được một bé trai, dung mạo đoan chánh, hiếm có ở đời. Nhà vua liền nghĩ: "Ta vốn không có con, trải qua thời gian lâu mới sanh được nên phải đặt tên để con ta an hưởng trong năm dục."

Khi ấy, nhà vua cho mời những quần thần biết xem tướng đến rồi bảo:

"Ta đã hạ sanh thái tử, nay nhờ các khanh đặt tên!"

Quần thần nghe lệnh vua, liền tâu:

"Thái tử thật là kỳ diệu, đoan chánh không ai bì, mặt như màu hoa đào, chắc chắn sẽ có thế lực lớn. Ta hãy đặt tên cho thái tử là Đại Lực."

Đặt tên cho thái tử xong, các thầy tướng đứng dậy đi ra.

Quốc vương rất mực yêu chiều thái tử, chưa hề rời mắt. Lúc vừa tám tuổi, thái tử dẫn theo các hầu cận đến chỗ phụ vương, chào hỏi viếng thăm. Vua cha liền nghĩ: "Thái tử thật là đặc biệt, hiếm thấy", rồi bảo rằng:

"Ta muốn cưới vợ cho con có được không?"

Thái tử tâu vua:

"Con còn thơ ấu, cưới vợ làm gì!"

Vua cha liền tạm hoãn không cưới vợ cho thái tử. Đến lúc thái tử hai mươi tuổi, vua lại bảo rằng:

"Ta muốn cưới vợ cho con."

Thái tử tâu:

"Con không cần lấy vợ."

Nhà vua truyền lệnh cho quần thần và dân chúng:

"Ta vốn không con, trải qua thời gian lâu dài mới sanh được một thái tử. Nay thái tử không chịu lấy vợ, muốn thanh tịnh không vấy cấu nhiễm."

Bấy giờ, nhà vua đổi tên cho thái tử là Thanh Tịnh.

[0722a02] Khi Thái tử Thanh Tịnh tròn ba mươi tuổi, vua lại ra lệnh cho quần thần:

"Nay ta tuổi cao suy yếu, lại hiếm con cái, chỉ có Thái tử Thanh Tịnh. Nay ngai vàng cao tột của ta phải truyền cho thái tử, nhưng thái tử chẳng màng năm dục, làm sao lo việc nước?"

Quần thần đáp:

"Phải dùng mọi cách để thái tử ưa thích năm dục."

Khi ấy, nhà vua truyền lệnh gióng trống, khua chiêng, loan báo cho dân chúng trong nước: "Ai có thể khiến cho Thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục, ta sẽ ban cho ngàn vàng và nhiều châu báu."

Bấy giờ, có một thiếu nữ tên là Dâm Chủng, thông thạo sáu mươi bốn cách mua vui. Nghe vua truyền lệnh: "Ai có thể khiến thái tử ưa thích năm dục, sẽ được ban cho ngàn vàng và nhiều châu báu", thiếu nữ ấy liền vào cung, tâu vua:

"Được ban cho ngàn vàng và nhiều châu báu, thần sẽ khiến cho thái tử quen dần với năm dục."

Vua đáp:

"Quả thật nếu ngươi làm được như vậy thì trẫm trọng thưởng, sẽ không trái lời."

Kỹ nữ liền hỏi nhà vua:

"Cung điện của thái tử ở nơi nào?"

Vua đáp:

"Ở tòa nhà phía Đông, không có nữ giới, có duy nhất một thanh niên hầu cận."

Thiếu nữ tâu:

"Cúi mong Đại vương truyền lệnh khắp nội cung, nếu ai gặp tôi xin đừng cản trở để tôi được tùy ý ra vào."

Thế rồi, vào canh hai đêm ấy, thiếu nữ đứng bên cửa phòng thái tử, cất tiếng khóc than. Nghe tiếng phụ nữ khóc, thái tử liền gọi người hầu đến hỏi:

"Người nào đang khóc thế?"

Hầu cận đáp:

"Có một thiếu nữ đang đứng khóc bên cửa."

Thái tử bảo:

"Ngươi hãy mau đến hỏi xem tại sao lại khóc?"

Người hầu liền đến hỏi cô ta vì sao khóc. Kỹ nữ đáp:

"Tôi bị chồng bỏ nên mới than khóc."

Người hầu trở vào tâu thái tử:

"Người phụ nữ này bị chồng bỏ, lại sợ bọn cướp, vì thế mà khóc lóc."

Thái tử bảo:

"Hãy dẫn cô ta đến chuồng voi."

Đến đó, cô ta cũng khóc, lại dẫn đến chuồng ngựa, cô ta cũng tiếp tục khóc. Thái tử bảo người hầu:

"Đưa cô ta vào đây."

Người hầu liền dẫn cô ta vào cung. Vào cung của thái tử rồi, cô ta lại đứng khóc than. Thái tử đích thân đến hỏi:

"Tại sao vẫn còn khóc?"

Kỹ nữ đáp:

"Thưa Thái tử! Phận nữ nhi yếu đuối cô đơn, vô cùng sợ hãi vì thế tôi khóc."

Thái tử bảo:

"Lên giường của ta đi, có thể cô sẽ hết sợ hãi."

Thế rồi, thiếu nữ im lặng không nói, thôi không khóc nữa. Rồi cô ta cởi bỏ y phục, nắm tay thái tử để lên ngực mình. Thái tử bỗng thoáng chốc e dè, nhưng rồi dục tưởng dần dần khởi lên. Tâm dục đã khởi, thái tử liền thành thân với cô ta.

[0722b03] Sáng sớm hôm sau, Thái tử Thanh Tịnh đến chỗ phụ vương. Từ xa trông thấy sắc diện của con khác hơn thường ngày, vua cha liền nói:

"Điều con mong muốn, nay thành rồi chăng?"

Thái tử đáp:

"Đúng như lời Phụ vương nói."

Lúc ấy, vua cha thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, bảo rằng:

"Con muốn điều gì, ta sẽ ban cho?"

Thái tử nói:

"Ban cho con rồi không nên hối tiếc thì con sẽ cầu xin."

Nhà vua bảo:

"Ta giữ đúng lời, không hề hối tiếc. Con muốn cầu xin điều gì?"

Thái tử tâu:

"Phụ vương! Hiện tại, Phụ vương thống lãnh cõi Diêm-phù-đề, được toàn quyền tự do, tất cả các cô gái chưa xuất giá trong Diêm-phù-đề phải đến thành thân với con trước, sau đó mới được lấy chồng."

Vua đáp:

"Ta sẽ làm theo lời con."

Vua liền ra lệnh cho dân chúng trong nước: "Ai có con gái chưa xuất giá, trước tiên phải cho đến ở với Thái tử Thanh Tịnh, sau đó mới được gả chồng."

Bấy giờ, trong thành có một thiếu nữ tên là Tu Man, theo thứ tự phải đến lượt vào cung. Lúc ấy, con gái trưởng giả tên Tu Man liền khỏa thân, đi chân trần vào giữa đám đông, không chút hổ thẹn. Mọi người trông thấy liền bảo nhau:

"Cô này là con gái ông trưởng giả nổi tiếng khắp nơi, cớ sao lại khỏa thân đi giữa đám đông, chẳng khác gì con lừa?"

Cô gái bảo mọi người:

"Tôi chẳng phải con lừa, tất cả các người mới chính là con lừa. Mọi người có thấy phụ nữ nào gặp phụ nữ lại xấu hổ không? Hết thảy trong thành này đều là phụ nữ, chỉ có Thái tử Thanh Tịnh là đàn ông! Khi đi đến cửa cung của Thái tử Thanh Tịnh, tôi sẽ mặc y phục."

Khi ấy, dân chúng trong thành bảo nhau:

"Lời cô ta nói thật là hợp ý tôi. Chúng ta đúng là phụ nữ, chẳng đáng mặt đàn ông. Chỉ có Thái tử Thanh Tịnh mới là đàn ông. Hôm nay, chúng ta sẽ hành động theo cách của đàn ông!"

Thế rồi, dân chúng trong thành chuẩn bị dụng cụ để chiến đấu. Họ mặc áo giáp, cầm gậy gộc vào tận cung vua, tâu rằng:

"Chúng thần muốn cầu xin hai điều, xin Vua chấp thuận!"

Vua hỏi:

"Hai điều ấy là gì?"

Dân chúng tâu:

"Nếu Đại vương muốn sống, hãy giết Thái tử Thanh Tịnh. Nếu Thái tử muốn sống, hôm nay chúng tôi sẽ giết vua. Chúng tôi không thể phụng sự Thái tử Thanh Tịnh, làm nhục phép nước!"

[0722c01] Khi ấy, nhà vua liền nói kệ này:

Vì nhà, mất một người, Vì làng, mất một nhà,
Vì nước, mất một làng, Vì thân, mất thế gian.

Vua nói kệ xong, bảo dân chúng rằng:

"Ngay lúc này đây, tùy ý các ngươi!"

Thế rồi, dân chúng liền bắt Thái tử Thanh Tịnh, trói hai tay dẫn ra ngoài thành rồi bảo nhau:

"Chúng ta cùng lấy ngói, đá ném cho chết. Đâu cần một người giết?"

Lúc sắp chết, Thái tử Thanh Tịnh nói:

"Các ngươi giết ta thật oan uổng, chính vua cha ban ước nguyện ấy cho ta. Hôm nay, ta chịu chết cũng chẳng dám oán than. Mong đời sau ta sẽ báo được thù này, lại khiến ta gặp được bậc Chân nhân La-hán mau được giải thoát."

Sau khi giết thái tử xong, dân chúng liền giải tán.

Này các Tỳ-kheo! Các thầy đừng nghĩ Vua Đại Quả thuở xưa là người nào khác mà chính là thầy của Ương-quật-ma-la hiện nay. Nàng kỹ nữ lúc đó nay chính là người vợ của ông thầy ấy. Dân chúng thuở xưa, chính là tám vạn dân bị giết ngày nay đó. Thái tử Thanh Tịnh là Tỳ-kheo Ương-quật-ma-la hiện nay. Lúc sắp chết ông ấy phát lời nguyền như vậy, nay trở lại báo oán không sót một

ai, do nhân duyên này nên ông ta giết hại vô số. Lời nguyện sau cùng, ông ấy muốn được gặp Phật nên hiện tại được giải thoát, chứng đắc A-la-hán. Nguyên do và ý nghĩa của việc này như thế, nên ghi nhớ phụng hành.

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Trong hàng đệ tử của Ta, người có trí thông minh lanh lợi chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma-la."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[25]

***

7. CÁC TÊN GỌI CỦA NÚI KỲ-XÀ QUẬT[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo ngụ tại núi Kỳ-xà quật[27] thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nhìn thấy ngọn núi Linh Thứu này chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn! Có thấy.

– Các thầy nên biết, thuở quá khứ lâu xa, ngọn núi này có tên khác. Các thầy nhìn thấy ngọn núi Quảng Phổ[28] không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn! Có thấy.

– Các thầy nên biết, thuở quá khứ lâu xa, ngọn núi này lại có tên khác, không giống tên gọi ngày nay. Các thầy thấy ngọn núi Bạch Thiện[29] chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn! Có thấy.

– Thuở quá khứ lâu xa, núi này lại có tên khác, không giống tên gọi ngày nay. Các thầy nhìn thấy ngọn núi Phụ Trọng[30] này không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn! Có thấy.

---

[25] Bản Hán, hết quyển 31.

[26] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.38.7. 0723a06). Tham chiếu: *M.* 116, *Isigili Sutta* (*Kinh thôn tiên*).

[27] Theo *Từ điển Phật học tinh tuyển*, Kỳ-xà quật (耆闍崛, Gijjhakūta) còn gọi là Linh Sơn (靈山), Linh Thứu Sơn (靈鷲山), Thứu Phong (鷲峰), hoặc Thứu Lãnh (鷲嶺), tên ngọn núi nằm ở Đông Bắc thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà. Thánh tích này hiện tại nằm ở phía Đông Rajgir của Ấn Độ.

[28] Quảng Phổ Sơn (廣普山, Vepulla). Theo *Pháp Hoa văn cú ký* 法華文句記 (*T.*34. 1719.1. 0164c09): Quảng Phổ là tên khác của núi Linh Thứu: 佛在靈鷲告諸比丘, 久遠同名靈鷲, 更有別名, 汝等知不? 亦名廣普山, 負重山, 仙人窟山...

[29] Bạch Thiện (白善, Paṇḍava).

[30] Phụ Trọng (負重, Vebhāra).

– Các thầy nhìn thấy ngọn núi Tiên Nhân[31] này chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn! Có thấy.

– Ngọn núi này từ thuở quá khứ lâu xa cũng chỉ có một tên, không có tên khác. Vì sao như vậy? Vì núi Tiên Nhân này thường là nơi cư ngụ của hàng Bồ-tát thần thông, bậc La-hán đắc đạo, là chỗ ở của Thần tiên, các bậc Độc giác cũng thường qua lại nơi đây. Hôm nay, Ta sẽ giảng nói về danh hiệu các bậc Độc giác, các thầy hãy lắng nghe, suy nghĩ thật kỹ!

Có các bậc Độc giác hiệu là A-lợi-tra, bậc Độc giác Bà-lợi-tra, bậc Độc giác Thẩm Đế Trùng, bậc Độc giác Thiện Quán, bậc Độc giác Cứu Cánh, bậc Độc giác Thông Minh, bậc Độc giác Vô Cấu, bậc Độc giác Đế-xà Niệm Quán, bậc Độc giác Vô Diệt, bậc Độc giác Vô Hình, bậc Độc giác Thắng, bậc Độc giác Tối Thắng, bậc Độc giác Cực Đại, bậc Độc giác Cực Lôi Điện Quang Minh. Này Tỳ-kheo! Khi Như Lai chưa xuất hiện, có năm trăm bậc Độc giác cư ngụ nơi ngọn núi này.

Như Lai ở cung trời Đâu-suất, lúc muốn giáng sanh, thiên tử Tịnh Cư sẽ đích thân đến đây loan báo: "Khắp cõi thế gian, hãy làm sạch như cõi Phật, hai năm sau, Như Lai sẽ xuất hiện ở đời."

Nghe thiên tử nói xong, các vị Độc giác bay lên hư không, nói kệ này:

Chư Phật chưa xuất hiện, Hiền thánh ngụ nơi đây,
Bậc Độc giác tự ngộ, Thường ở trong núi này.
Nên gọi núi Tiên Nhân, Nơi bậc Độc giác ngụ,
La-hán và Tiên nhân, Không lúc nào thiếu vắng.

[0723b06] Khi ấy, các bậc Độc giác trụ trong hư không, tự hỏa thiêu và nhập Niết-bàn. Vì sao như thế? Vì thế gian không thể đồng thời tồn tại hai danh hiệu Phật nên các Ngài nhập diệt. Trong một đoàn lái buôn, không thể có hai người dẫn đường. Trong một nước không thể tồn tại hai vua. Trong một cảnh giới Phật, không thể có hai tôn hiệu. Vì sao như thế? Thuở quá khứ lâu xa, trong thành La-duyệt này có nhà vua tên Hỷ Ích. Nhà vua thường nhớ nghĩ đến nỗi thống khổ của địa ngục, cũng nghĩ về sự khổ đau của ngạ quỷ, súc sanh. Lúc ấy, vua nghĩ rằng: "Ta thường nhớ nghĩ đến nỗi thống khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không nên vào lại ba đường ác này. Ta hãy bỏ hết ngôi vị quốc vương, vợ con, tôi tớ, với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo."

Khi ấy, Đại vương Hỷ Ích nhàm chán sự khổ đau, liền bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, ở nơi thanh vắng, chế ngự bản thân, quán năm thủ uẩn,[32] quán rõ lý vô thường. Nghĩa là đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Thọ,[33] tưởng, hành, thức cũng như thế, thảy đều vô

[31] Tiên Nhân quật (仙人掘, Isigili).

[32] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm (五盛陰).

[33] Nguyên tác: Thống (痛): Đau đớn.

thường. Lúc đang quán sát năm thủ uẩn này, thấy rằng các pháp có thể tập khởi đều là pháp diệt vong. Quán sát pháp này như thế xong, về sau thành tựu quả vị Độc giác. Khi ấy, bậc Độc giác Hỷ Ích đã thành tựu quả vị Phật, liền nói kệ này:

Ta nhớ khổ địa ngục, Súc sanh, cả năm đường,
Nay xa lìa, học đạo, Đi một mình, chẳng lo.

Khi ấy, bậc Độc giác này cư ngụ trong núi Tiên Nhân. Tỳ-kheo nên biết! Nhờ lẽ đó mới biết trong ngọn núi này thường có hàng Bồ-tát thần thông, bậc Chân nhân đắc đạo và người tu tập đạo Tiên thường cư trú, nên mới có tên gọi là núi Tiên Nhân, không có tên nào khác. Lúc Như Lai chưa xuất hiện ở đời, trong ngọn núi Tiên Nhân này, chư thiên thường đến kính ngưỡng. Vì sao như thế? Vì trong núi này toàn là bậc Chân nhân, không lẫn lộn hạng người nào khác. Cho đến khi đức Phật Di-lặc giáng trần thì tên các ngọn núi đều thay đổi, chỉ riêng núi Tiên Nhân này không hề có tên khác. Trong Hiền kiếp này, tên ngọn núi này cũng chẳng khác. Này các Tỳ-kheo! Các thầy nên gần gũi ngọn núi này, phụng sự cung kính thì sẽ được tăng trưởng các công đức.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. SÁU SINH VẬT[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên tự mình tu tập bằng cách trú tâm vào một chỗ.[35] Thế nào gọi là trú tâm vào một chỗ? Ở đây, này Tỳ-kheo! Khi đi biết mình đi, lúc cử động, tiến dừng, co duỗi, cúi ngước, mặc áo, ngủ nghỉ, thức tỉnh, hoặc nói hoặc im, đều phải tỉnh giác trong những lúc ấy. Tỳ-kheo nào tâm ý chuyên chánh, Tỳ-kheo ấy dục lậu[36] chưa sanh liền chẳng sanh, đã sanh liền trừ diệt; hữu lậu[37] chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh liền trừ diệt; vô minh lậu[38] chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh khiến trừ diệt. Nếu trú tâm vào việc phân biệt sáu nhập[39] thì không bao giờ bị đọa vào đường ác.

---

[34] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.8. 0723c06). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1170. 0312c24); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1171. 0313a14); *S*. 35.247 - IV. 198.

[35] Chuyên niệm (專念).

[36] Dục lậu (欲漏): Phiền não ở dục giới (欲界), một trong 3 lậu (三漏) gồm dục lậu (欲漏, *kāmāsava*), hữu lậu (有漏, *bhavāsava*) và vô minh lậu (無明漏, *avijjāsava*).

[37] Hữu lậu (有漏): Phiền não ở sắc giới (色界) và vô sắc giới (無色界).

[38] Vô minh lậu (無明漏): Phiền não, si mê tồn tại ở ba cõi.

[39] Lục nhập (六入): Nội lục nhập là sáu căn (六根), ngoại lục nhập là sáu trần (六塵).

Vì sao gọi sáu nhập là đường ác? Mắt thấy sắc này, hoặc đẹp hoặc xấu, thấy đẹp thì vui thích, thấy xấu thì chán ghét. Tai nghe tiếng hoặc hay hoặc dở, nghe hay thì vui thích, nghe dở thì chán ghét. Mũi, miệng, thân và ý cũng giống như thế. Ví như có sáu loại sinh vật, nghiệp chủng mỗi loài một khác, không hề giống nhau. Nếu có người lấy dây cột những loài cầm thú như chó, cáo, khỉ, cá, rắn và chim vào chung một chỗ rồi thả ra. Sáu con vật ấy, mỗi con một tánh nết riêng, con chó thì muốn chạy vào thôn xóm, con cáo thì muốn chạy ra gò mả, cá thì muốn xuống nước, khỉ thì muốn vào rừng, rắn độc thì muốn bò vào hang, còn chim thì muốn bay lên trời. Sáu loại sinh vật, mỗi con đều có những tánh nết chẳng giống nhau.

Nếu có người đem sáu sinh vật này nhốt chung một chỗ, khiến chúng không thể chạy quanh bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc. Khi ấy, sáu sinh vật này tuy cũng chuyển động, nhưng không thể rời khỏi chỗ. Sáu căn này[40] cũng lại như thế, mỗi loại đều có chủ sở hữu riêng biệt, không hề giống nhau. Đối tượng quán sát cũng sai khác, hoặc tốt hoặc xấu. Lúc ấy, Tỳ-kheo buộc sáu căn này vào một chỗ.

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy tinh chuyên trú tâm vào một chỗ, tâm không tán loạn thì Tệ ma Ba-tuần sẽ không bao giờ có dịp làm hại, sẽ thành tựu trọn vẹn các công đức. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên hộ trì[41] nhãn căn cũng như tất cả các căn,[42] ở trong đời hiện tại được chứng đắc hai quả vị: Hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. BẬC ĐỘC GIÁC THIỆN MỤC[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo ngụ tại vườn Lộc Dã,[44] nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên tư duy, quán chiếu về vô thường, truyền bá rộng rãi cách quán chiếu về vô thường. Đã tư duy, quán chiếu về vô thường, truyền bá rộng

[40] Nguyên tác: Nội lục tình (內六情). Sáu giác quan của con người gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.5. 0100b25).

[41] Niệm (念), theo *Đại thừa nghĩa chương* 大乘義章 (*T*.44. 1851.12. 0710c13), giữ tâm vào một đối cảnh, gọi là "niệm" (守境名念).

[42] Cụ túc nhãn căn (具足眼根). Chúng tôi đã bổ sung sau khi tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1171. 0313a14); *S*. IV. 198.

[43] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.38.9. 0724a07).

[44] Còn gọi là Lộc Uyển (鹿苑) hay Lộc Dã Uyển (鹿野苑, Sarnath), là nơi đức Phật chuyển pháp luân. Thánh tích này ngày nay nằm ở bang Uttar Pradesh, Đông Ấn Độ, cách Varanasi 13km về phía Đông Bắc, gần ngã ba sông Hằng và sông Gormati.

rãi cách quán chiếu về vô thường rồi thì sẽ đoạn trừ tham ái cõi dục, đoạn trừ tham ái cõi sắc và đoạn trừ tham ái cõi vô sắc, đoạn trừ hết kiêu mạn, vô minh. Vì sao? Thuở xưa, thời quá khứ lâu xa, có bậc Độc giác hiệu là Thiện Mục, dung mạo đoan chánh, mặt như màu hoa đào, ngắm mãi không chán, miệng thơm hương hoa sen xanh,[45] thân thơm hương chiên-đàn.

Khi ấy, vị Độc giác Thiện Mục đến giờ đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực, dần dần đi đến nhà đại trưởng giả, đứng yên lặng bên ngoài cửa. Thế rồi, con gái trưởng giả từ xa trông thấy có vị đạo sĩ đứng ngoài cửa, đoan chánh không ai sánh bằng, dung mạo thù thắng hiếm có ở đời, miệng tỏa hương hoa sen xanh, thân thơm hương chiên-đàn, nàng liền khởi lòng dục nên bảo Sa-môn ấy rằng:

"Thầy thật là đoan chánh, mặt như màu hoa đào, rất hiếm có ở đời! Thiếp tuy phận nữ nhi, nhưng cũng đoan chánh, hai ta nên cùng nhau sum vầy. Nhà thiếp châu báu dồi dào, tài sản không thể tính kể, Thầy làm Sa-môn quá ư khổ nhọc."

Vị Độc giác liền hỏi:

"Này cô gái! Cô thích Ta chỗ nào?"

Nàng ấy đáp:

"Tôi quá thích đôi mắt của Thầy, miệng lại tỏa hương hoa sen xanh, thân thơm hương chiên-đàn."

Vị Độc giác liền xòe tay trái ra, dùng tay phải móc mắt đặt vào lòng bàn tay ấy rồi bảo:

"Đây chính là vật cô bảo là con mắt yêu thích. Này cô gái! Bây giờ, cô mê đắm chỗ nào? Ví như mụt nhọt, không có chút nào đáng ưa thích, trong con mắt này cũng rỉ chảy ra những thứ bất tịnh. Cô nên biết! Mắt như bọt nước, không hề chắc bền, giả dối không thật, mê hoặc thế gian. Mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý đều không bền chắc, giả dối chẳng chân thật. Miệng là nơi khạc nhổ ra những thứ bất tịnh. Thân là nơi chứa nhóm khổ đau, toàn là xương trắng, là pháp hoại diệt, nơi luôn chứa những thứ hôi hám, vi trùng hủy hoại. Cũng như cái bình, bên ngoài có họa tiết đẹp, nhưng bên trong chứa đầy những thứ bất tịnh. Này cô gái! Cô còn mê đắm chỗ nào? Vì thế, cô nên chuyên tâm tư duy pháp này là giả huyễn, không chân thật. Nếu cô tư duy về mắt, thấy sắc là vô thường thì tưởng tham dục đắm trước sẽ tự tiêu diệt. Tai, mũi, miệng, thân và ý thảy đều vô thường. Tư duy như thế rồi, những tâm niệm tham dục của cô sẽ tự tiêu trừ, tư duy về sáu nhập thì sẽ không còn nghĩ tưởng về dục."

[0724b08] Khi ấy, nàng ta khiếp sợ, liền đến trước đảnh lễ sát chân bậc Độc giác, bạch rằng:

"Từ nay trở đi, con xin sửa lỗi làm lành, không dám khởi tưởng dục nữa. Cúi mong Ngài cho con sám hối."

---

[45] Ưu-bát hoa hương (優鉢華香, uppala).

Nàng thưa ba lần như vậy.

Vị Độc giác bảo:

"Thôi, thôi! Này cô gái! Đây chẳng phải là lỗi của cô mà chính là tội lỗi của Ta thuở xưa, nay phải thọ thân hình này khiến cho ai thấy cũng khởi tình ý mê đắm. Hãy quán sát kỹ con mắt này: Mắt này không phải ta, ta cũng chẳng phải do mắt mà có, cũng không phải ta tạo ra mắt, mắt cũng không phải tự có, từ nơi không có mà sanh, có sanh ắt sẽ bị tan rã, cũng không phải đời trước, không phải đời này, cũng chẳng phải đời sau mà đều do nhân duyên nhóm họp. Nhân duyên nhóm họp là do duyên như vậy nên hiện hữu như vậy, cái này khởi thì cái kia khởi, cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt. Mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý cũng lại như thế, thảy đều rỗng rang vắng lặng. Thế nên, này cô gái! Chớ đắm trước nhãn sắc, vì không đắm trước sắc thì sẽ đạt đến sự an ổn, không có dục tình. Thật vậy, này cô gái! Nên học tập điều này."

Sau khi thuyết giảng bốn pháp vô thường cho cô ấy rồi, vị Độc giác liền bay lên hư không, hiện mười tám pháp thần biến rồi trở về bản xứ.

Bấy giờ, cô gái kia liền quán sát mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý, biết rõ không có sở hữu, ở nơi nhàn vắng mà tư duy pháp này. Cô ấy lại tư duy sáu căn không có chủ tể, liền được an trụ trong bốn tâm bình đẳng,[46] sau khi qua đời được sanh lên cõi Phạm thiên.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu tư duy, quán chiếu về vô thường, truyền bá rộng rãi cách quán chiếu về vô thường, sẽ đoạn trừ hết tham ái ở cõi dục, tham ái ở cõi sắc và tham ái ở cõi vô sắc; kiêu mạn, vô minh thảy đều trừ sạch.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. SÁU CÔNG ĐỨC[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bảo người đánh xe:

– Khanh hãy sửa soạn xe gắn lông chim quý,[48] ta muốn xem xét bên ngoài thành!

---

[46] Tứ đẳng tâm (四等心): Bốn tâm bình đẳng, đó là tâm từ (慈, *mettā*), tâm bi (悲, *karuṇā*), tâm hỷ (喜, *muditā*) và tâm xả (捨, *upekkhā*); còn gọi "tứ vô lượng tâm" (四無量心), "tứ Phạm hạnh" (四梵行) hay "tứ Phạm trú" (四梵住).

[47] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.38.10. 0724b28). Tham chiếu: *Pháp trang nghiêm kinh* 法莊嚴經 (*T*.01. 0026.213. 0795b17); *M.* 89, *Dhammacetiya Sutta* (*Kinh pháp trang nghiêm*); *A*. 10.30 - V. 65.

[48] Nguyên tác: Vũ bảo chi xa (羽寶之車). Xem chú thích 37, phẩm 19, tr. 196; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.19.11. 0595c29).

Tuân lệnh vua, người hầu liền sửa soạn xe xong, đến trước vua, tâu:

– Đã sửa soạn xe gắn lông chim quý xong, xin Đại vương đi cho kịp lúc!

[0724c03] Vua Ba-tư-nặc bảo người hầu đánh xe ra khỏi thành Xá-vệ đến khu vườn kia, quan sát muôn loài cây cỏ, thấy bốn bề yên ắng, không một bóng người, vắng lặng như tờ. Thấy như vậy rồi, nhà vua chợt nhớ lời Như Lai giảng nói về nguồn gốc của các pháp. Khi đó, người hầu cầm quạt đứng phía sau hầu quạt nhà vua. Vua bảo:

– Vườn hoa trái, cây cối này không hề có tiếng động, không một bóng người, vắng vẻ tịch lặng. Ta muốn thỉnh đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác đến du hóa ở đây, nhưng chẳng biết đức Như Lai đang ở đâu, ta muốn đến thăm hỏi Ngài.

Người hầu cận tâu:

– Dòng họ Thích có ngôi làng tên Lộc Đường. Đức Như Lai đang du hóa ở đó.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

– Làng Lộc Đường cách đây bao xa?

Người hầu tâu vua:

– Trú xứ của Như Lai cách đây không xa, quãng đường đến đó chừng ba do-tuần.[49]

Vua Ba-tư-nặc bảo:

– Mau lấy xe gắn lông chim quý, trẫm muốn tiếp kiến đức Như Lai!

Tuân lệnh vua, người hầu liền chuẩn bị xe gắn lông chim quý xong, đến trước vua, tâu:

– Nay xe đã sẵn sàng, xin Đại vương đi cho kịp lúc!

Vua liền lên xe đi đến ngôi làng kia.

Khi ấy, chúng Tỳ-kheo đang kinh hành ở khoảng đất trống. Nhà vua liền xuống xe đến chỗ các Tỳ-kheo, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên. Vua thưa các Tỳ-kheo:

– Đức Như Lai đang ở đâu? Con muốn được diện kiến Ngài.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Đức Thế Tôn đang ngụ trong giảng đường, Đại vương hãy đến gặp, chẳng trở ngại gì!

Nhà vua liền nhẹ nhàng bước vào, không gây ra tiếng động. Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc quay lại nhìn người hầu cận, ông ta liền nghĩ: "Đại vương muốn một mình đến gặp Thế Tôn. Ta nên đứng hầu ở đây."

---

[49] Do-tuần (由旬, *yojana*): Đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ cổ đại. Theo *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*, p. 431, 1 do-tuần bằng khoảng 9 dặm Anh, 1 dặm Anh bằng 1,6km.

Thế rồi, nhà vua đi một mình đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, bằng thiên nhãn quán sát nên đức Thế Tôn trông thấy Vua Ba-tư-nặc đứng ở ngoài cửa, Ngài liền từ tòa đứng dậy mở cửa cho nhà vua. Nhìn thấy đức Thế Tôn, nhà vua liền cúi lạy sát chân và xưng tên họ ba lần:

– Con là Vua Ba-tư-nặc.

Thế Tôn bảo:

– Ông là nhà vua, còn Ta dòng họ Thích, xuất gia học đạo.

Vua thưa:

– Ngưỡng mong Thế Tôn thọ mạng không cùng tận để cho hàng trời, người luôn được an ổn!

Thế Tôn bảo:

– Nguyện cho Đại vương được thọ mạng không cùng tận, dùng pháp trị dân, chẳng dùng phi pháp. Những ai dùng pháp trị dân đều được sanh lên cõi trời, cõi lành. Giả như sau khi chết thì danh xưng bất hủ, nhân gian sẽ loan truyền rằng: "Thuở xưa có vị Quốc vương dùng pháp trị dân, chưa từng áp bức." Dân chúng trong nước thảy đều ca ngợi công đức của vua, nhớ mãi không quên. Lúc vua ở cõi trời lại được tăng thêm sáu công đức. Là những công đức nào? Một là, thọ mạng cõi trời. Hai là, sắc đẹp cõi trời. Ba là, thú vui cõi trời. Bốn là, thần túc cõi trời. Năm là, oai đức cõi trời. Sáu là, ánh sáng cõi trời. Thế nên, Đại vương! Hãy dùng pháp trị nước, chớ dùng phi pháp. Hiện tại, do tự thân Ta có công đức này nên xứng đáng nhận người cung kính lễ bái.

[0725a09] Vua bạch Phật:

– Công đức Như Lai xứng đáng nhận lễ bái của người khác.

Thế Tôn bảo:

– Vì sao Đại vương lại cho rằng Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái?

Vua bạch Phật:

– Như Lai có sáu công đức, xứng đáng được người lễ bái. Là những công đức nào? Chánh pháp của Như Lai rất thâm sâu vi diệu, được người trí tu hành. Đó là công đức đầu tiên của Như Lai đáng phụng thờ, đáng kính ngưỡng.

Lại nữa, Thánh chúng của Như Lai rất mực hòa thuận, thành tựu tất cả các pháp; thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát và thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng gồm bốn đôi tám bậc,[50] đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng cung kính, đáng quý trọng, là ruộng phước lớn của thế gian. Đó là công đức thứ hai của Như Lai.

---

[50] Tứ song bát bối (四雙八輩): Bốn đôi tám bậc, tức là Dự lưu đạo (預流道), Dự lưu quả (預流果); Nhất lai đạo (一來道), Nhất lai quả (一來果); Bất lai đạo (不來道), Bất lai quả (不來果); A-la-hán đạo (阿羅漢道), A-la-hán quả (阿羅漢果). Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.21. 0219a06) định nghĩa: Trong hàng chúng Tăng có bậc A-la-hán, hướng A-la-hán,… cho đến Tu-đà-hoàn, hướng Tu-đà-hoàn, [gọi là] tứ song bát bối (僧中有阿羅漢, 向阿羅漢, 乃至須陀洹, 向須陀洹, 四雙八輩).

Lại nữa, bốn bộ chúng của Như Lai đều thực hành các pháp đã được học tập, không phiền nhiễu Như Lai thêm lần nào nữa. Đó là công đức thứ ba của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con thấy dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn, các vị tài cao khắp thiên hạ đều đến hội họp luận bàn: "Chúng ta hãy đem điều tranh luận này đến hỏi Như Lai. Nếu Sa-môn Cù-đàm không giải đáp được sự tranh luận này tức ông ta có khuyết điểm. Nếu ông ấy trả lời được thì chúng ta sẽ khen ngợi." Bấy giờ, bốn chủng tộc đều cùng nhau đến chỗ Thế Tôn để hỏi về sự tranh luận, cũng có người im lặng. Thế Tôn thuyết pháp cho họ. Nghe pháp xong, không ai hỏi lại điều gì nữa, huống hồ là tranh luận. Họ đều tôn Như Lai làm thầy. Đó là công đức thứ tư của Như Lai.

Lại nữa, những người có sáu mươi hai luận thuyết, dối gạt thế gian, không hiểu Chánh pháp, do vậy dẫn đến sự ngu si, nhưng Thế Tôn có khả năng dập tắt những luận thuyết sai lầm ấy khiến họ tu theo chánh kiến. Đó là công đức thứ năm của Như Lai.

Lại nữa, chúng sanh thân, miệng và ý tạo nghiệp ác, lúc sắp qua đời, nhớ nghĩ công đức của Như Lai liền lìa xa ba đường ác, được sanh lên cõi trời. Cho dù người cực ác cũng được sanh lên cõi trời. Đó là công đức thứ sáu của Như Lai. Chúng sanh nào thấy được Như Lai cũng đều khởi tâm cung kính, cúng dường.

[0725b04] Thế Tôn bảo:

– Lành thay, lành thay! Đại vương có thể ở trước Như Lai rống tiếng sư tử, diễn nói các công đức của Như Lai. Thế nên, Đại vương! Nên thường khởi tâm nhớ nghĩ đến Như Lai.

Thật vậy, này Đại vương! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, đức Thế Tôn giảng nói pháp vi diệu cho Vua Ba-tư-nặc, khiến cho nhà vua hoan hỷ. Đại vương nghe Phật giảng pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân rồi lui ra.

Lát sau, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên giữ gìn, tôn trọng và khéo đọc tụng, nhớ nghĩ về pháp này. Vì sao như vậy? Vì đây là lời của Vua Ba-tư-nặc đã nói. Các thầy cũng nên thuyết giảng rộng rãi nghĩa lý này cho bốn bộ chúng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

11. ĐẠI DỊCH THÀNH TỲ-XÁ-LY[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo ngụ tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế bảo quần thần:

– Các khanh mau chuẩn bị xe gắn lông chim quý, trẫm muốn đến diện kiến đức Thế Tôn.

Tuân lệnh vua, quần thần liền sửa soạn xe gắn lông chim quý rồi đến trước vua, tâu:

– Xe đã chuẩn bị xong, Đại vương đi cho kịp lúc.

Nhà vua cỡi xe ấy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế bạch Thế Tôn:

– Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh của con mà an cư chín mươi ngày ở thành La-duyệt.

Thế Tôn yên lặng nhận lời. Thấy Thế Tôn yên lặng nhận lời thỉnh, vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân rồi lui ra.

Thế rồi, Vua A-xà-thế tùy thời cúng dường y phục, thực phẩm, giường đệm và các loại thuốc men.

Bấy giờ, quỷ thần tại thành Tỳ-xá-ly rất lộng hành khiến dân chúng chết chóc nhiều không tính kể. Chỉ trong một ngày mà chết cả trăm người. Quỷ thần, la-sát, đầy dẫy trong đó. Người bệnh sắc mặt vàng vọt, trải qua ba, bốn ngày rồi qua đời. Dân chúng trong thành Tỳ-xá-ly kinh sợ khiếp vía, tập trung một chỗ rồi bàn luận với nhau: "Trong thành lớn này vốn rất phồn vinh, đất tốt được mùa, dân chúng giàu có, vui sướng vô hạn như cung điện của trời Đế-thích. Vậy mà hôm nay bị quỷ thần làm hại, rồi chúng ta sẽ chết hết, nơi đây sẽ hoang vu như rừng thẳm. Ai có oai thần, đức độ để đẩy lùi tai họa này?"

[0725c03] Thế rồi họ bảo nhau: "Chúng ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm hễ đi đến đâu thì những ma quỷ xấu ác không thể đến gần quấy phá. Nếu Như Lai đến đây thì quỷ thần này sẽ chạy tứ tán, nhưng nay Thế Tôn đang cư ngụ ở trong thành La-duyệt, được Vua A-xà-thế cúng dường, e rằng Ngài sẽ không đến đây du hóa."

Có người bảo: "Đức Như Lai có lòng từ bi rộng lớn, thương xót chúng sanh. Ngài sẽ quán sát khắp tất cả, khiến người chưa được độ sẽ được độ, không bỏ tất cả chúng sanh, như mẹ yêu con. Nếu có người thỉnh thì Như Lai đến ngay, Vua A-xà-thế cũng chẳng giữ được Ngài. Ai nhận lãnh trọng trách đi đến cõi nước của Vua A-xà-thế bạch với Thế Tôn rằng: 'Trong thành chúng con gặp việc nguy khốn như vầy, cúi mong Thế Tôn từ mẫn chiếu cố!'"

---

[51] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.38.11. 0725b14). Tham chiếu: *DhA.* 21.1.

Khi ấy, đại trưởng giả Tối Đại cũng đang có mặt trong chúng hội kia. Mọi người nói với trưởng giả: "Chúng tôi nghe Sa-môn Cù-đàm đi đến đâu thì các ma quỷ tà ác không thể hại được. Nếu Như Lai đến đây thì tai họa này có thể trừ được. Ông hãy đến chỗ Thế Tôn bạch với Ngài đầy đủ như thế để thành quách này tồn tại mãi."

Trưởng giả im lặng nhận lời của mọi người, từ chỗ ngồi đứng dậy trở về nhà. Thế rồi, ông sửa soạn hành trang lên đường, dẫn theo người hầu đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, trưởng giả bạch Thế Tôn:

– Dân chúng trong thành Tỳ-xá-ly đang gặp tai họa, người chết rất nhiều, trong một ngày, xe chở xác chết trong thành lên đến số trăm. Cúi xin Thế Tôn thương xót cứu giúp để những người còn lại được an ổn, không còn lo sợ! Chúng con được nghe: "Thế Tôn đi đến đâu thì trời, rồng, quỷ thần đều không dám quấy nhiễu." Cúi mong Ngài rủ lòng chiếu cố đến thành kia, độ cho dân chúng an ổn, không còn lo sợ.

Thế Tôn bảo:

– Ta đã nhận lời thỉnh của Vua A-xà-thế ở thành La-duyệt. Chư Phật, Thế Tôn không nói hai lời, nếu Vua A-xà-thế bằng lòng thì Như Lai sẽ đến.

Trưởng giả Tối Đại bạch Phật:

– Việc này rất khó, Vua A-xà-thế chắc chắn không thể bằng lòng để Như Lai đến nước con. Vì sao như thế? Vua A-xà-thế không hề có chút mảy may thân thiện với nước con, lúc nào cũng tìm phương chước muốn hại dân chúng nước con. Nếu Vua A-xà-thế trông thấy con là giết ngay, huống là chịu nghe con phân giải! Nếu nghe được dân chúng nước con bị quỷ thần làm hại thì ông ta sẽ vui mừng vô hạn.

[0726a04] Thế Tôn bảo:

– Chớ nên sợ hãi! Ông hãy đến trước vua và tâu như vầy: "Như Lai thọ ký cho vua, không hề dối trá, không có hai lời. Phụ vương của ngài vô tội mà bị giết. Đáng lẽ ngài phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ suốt một kiếp, nhưng hôm nay, ngài đã lìa bỏ lỗi lầm này, sửa đổi tội lỗi, thành tựu tín căn đối với pháp Như Lai. Do cội gốc công đức này mà diệt trừ được tội lỗi kia, không còn sót lại mảy may nào. Thân đời này mất, ngài sẽ đọa vào địa ngục Phách Cầu.[52] Qua đời ở đó, ngài được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương. Qua đời ở đây, lại sanh lên cõi Diệm thiên, qua đời ở cõi này, ngài được sanh lên cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại, cõi trời Tha Hóa Tự Tại, rồi trở lại cõi trời Tứ Thiên Vương. Đại vương nên biết! Trong hai mươi kiếp ngài không bị đọa vào đường ác, luôn được sanh trong loài người, cõi trời, nhờ có lòng tin kiên cố nên thân cuối cùng, ngài cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thành bậc Độc giác hiệu

[52] Theo *Pháp Hoa kinh huyền tán yếu tập* 法華經玄贊要集 (*X*.34. 0638.11. 0418b21): Đọa địa ngục trong chốc lát, gọi là Phách Cầu (墮地獄速疾, 名拍毬).

là Trừ Ác." Vua kia nghe xong thì thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, sẽ bảo ông rằng: "Ngươi cầu xin điều gì tùy ý, ta sẽ chấp thuận."

Lúc ấy, trưởng giả bạch Thế Tôn:

– Nay con sẽ nương oai thần của Thế Tôn để đến cung vua ấy!

Thế rồi, trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân, đi đến cung vua.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế cùng các quần thần đang bàn luận ở trên điện. Đại trưởng giả đi đến trước vua. Từ xa trông thấy, vua hỏi quần thần:

– Nếu kẻ kia đến đây thì các khanh muốn xử trí thế nào?

Có người nói:

– Chúng ta sẽ bắt đem chặt thành năm khúc.

Có người nói:

– Nên bêu đầu!

Vua A-xà-thế ra lệnh:

– Các khanh hãy bắt giết nhanh đi, đừng để gã gặp trẫm!

Nghe như vậy, trưởng giả vô cùng kinh sợ, vội lớn tiếng nói:

– Thần là người được Phật sai đến.

Vua nghe tiếng Phật liền rời tòa, quỳ gối phải sát đất, hướng về phía Phật đang ngụ rồi hỏi trưởng giả ấy rằng:

– Như Lai sai ông đến dạy bảo điều gì?

Trưởng giả đáp:

– Thế Tôn đã thọ ký trước cho Thánh vương, không hề dối trá, lời dạy từ chính Ngài phát ra, không có hai lời. Như Lai dạy: "Đại vương đã giết hại vua cha, do phạm tội này lẽ ra phải đọa vào địa ngục A-tỳ suốt một kiếp, nhưng về sau, Đại vương lại biết sám hối lỗi lầm với Như Lai, nên sẽ bị đọa trong địa ngục Phách Cầu. Qua đời ở cõi đó, Đại vương sẽ được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, lần lượt sanh lên cõi trời Tha Hóa Tự Tại, rồi sanh trở lại cõi trời Tứ Thiên Vương. Trong hai mươi kiếp, Đại vương không rơi vào ba đường ác, luôn được sanh trong loài người, cõi trời. Do có niềm tin kiên cố nên lúc thọ thân cuối cùng, Đại vương xuất gia học đạo, thành bậc Độc giác hiệu là Trừ Ác, xuất hiện trong đời."

[0726b08] Vua nghe xong, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền bảo đại trưởng giả:

– Ông muốn cầu xin điều gì, ta sẽ ban cho!

Trưởng giả tâu:

– Điều thần cầu xin, mong Đại vương chấp thuận!

Vua A-xà-thế bảo:

– Ông cầu xin điều gì, ta sẽ chấp thuận hết!

Trưởng giả tâu vua:

– Dân chúng thành Tỳ-xá-ly gặp tai họa, bị quỷ thần làm hại, khổ không tả xiết. Hiện tại quỷ thần, la-sát rất hung bạo. Cúi mong Đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến nước thần, khiến tất cả quỷ thần bỏ chạy tứ tán. Vì sao như thế? Chúng thần từng nghe: "Như Lai đi đến đâu thì trời, rồng, quỷ thần không thể làm hại. Cúi mong Đại vương hứa khả để Thế Tôn đến nước của thần."

Nghe xong, vua liền thở dài rồi bảo trưởng giả:

– Việc này quá lớn với người bình thường, không xử lý được. Nếu ông xin ta thành quách, làng xóm, của cải, quốc gia hay vợ con thì ta chẳng tiếc. Ta không ngờ ông đến cầu khẩn Thế Tôn, nhưng lúc nãy ta đã hứa chấp thuận mong cầu của ông, nên nay đành phải làm theo vậy.

Lúc ấy, trưởng giả rất đỗi vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cáo từ rồi lui ra. Thế rồi, trưởng giả trở về trú xứ của Thế Tôn, thưa:

– Vua A-xà-thế đã chấp thuận để Thế Tôn đến nước con.

Thế Tôn bảo:

– Ông hãy trở về trước. Như Lai tự biết lúc nào thân lâm.

Trưởng giả liền cúi lạy sát chân, nhiễu Phật ba vòng rồi lui ra.

Sáng sớm, Thế Tôn cùng các chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau, cùng rời khỏi vườn trúc Ca-lan-đà đi đến thành Tỳ-xá-ly. Vua A-xà-thế đang ở trên lầu cao cùng với một người hầu cầm lọng che, trông thấy Thế Tôn đi về phía nước kia liền than thở bảo quần thần:

– Chúng ta đã bị ông trưởng giả kia lừa dối. Trẫm sống có ích gì nữa khi để Như Lai ra khỏi nước này!

[0726c01] Thế rồi, Vua A-xà-thế sai đem năm trăm chiếc lọng tiễn chân Thế Tôn, vì sợ bụi bặm bám thân Ngài. Dân chúng trong thành La-duyệt cũng đem năm trăm chiếc lọng báu theo sau đức Thế Tôn. Thích-đề-hoàn-nhân biết ý Thế Tôn nên cũng đem năm trăm chiếc lọng báu che giữa hư không, vì sợ bụi đất bám vào thân Như Lai. Các vị thần sông cũng cầm năm trăm lọng báu che giữa hư không. Bấy giờ, dân chúng thành Tỳ-xá-ly nghe tin hôm nay Thế Tôn sẽ vào thành, cũng đem năm trăm lọng báu đến trước cung đón Thế Tôn. Lúc ấy, có cả thảy hai ngàn năm trăm lọng báu treo giữa hư không.

Trông thấy các lọng báu như vậy, Thế Tôn liền mỉm cười. Theo thường pháp của chư Phật, Thế Tôn, khi Như Lai mỉm cười, trong miệng của Ngài phóng ra ánh sáng năm màu gồm màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đen và màu đỏ.

Thị giả A-nan thấy ánh sáng này liền thầm nghĩ: "Do nhân duyên gì mà có điều này? Thế Tôn cười ắt có nhân duyên, không phải vô cớ." Tôn giả A-nan liền quỳ xuống chắp tay bạch Thế Tôn:

– Như Lai mỉm cười không phải vô cớ, nhất định phải có nhân duyên.

Thế Tôn bảo:

– Thầy có thấy hai ngàn năm trăm lọng báu đang cúng dường Như Lai chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

– Thưa thấy, bạch đức Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Nếu Như Lai không xuất gia học đạo thì trong hai ngàn năm trăm kiếp sẽ làm Chuyển Luân Thánh vương cai trị dân chúng. Vì Như Lai xuất gia học đạo nên không nhận lọng báu này. A-nan nên biết! Thuở quá khứ lâu xa có vị vua tên Thiện Hóa Trị, ở nước Mật-hy-la, dùng pháp cai trị, thu nạp các phương, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề, mọi người đều phục lệnh. Bấy giờ, vua có tám vạn bốn ngàn phu nhân và thể nữ đều thuộc dòng Sát-lợi. Đệ nhất phu nhân tên là Nhật Quang cũng không có con nối dõi.

Bấy giờ, nhà vua liền nghĩ: "Ta thống trị cõi Diêm-phù-đề, nhưng không có con cái." Vua liền cầu khẩn thần núi, thần cây, thần ánh sáng trong trời đất mong được một đứa con. Một thời gian sau, phu nhân hoài thai. Thế rồi, Hoàng hậu Nhật Quang báo tin: "Đại vương nên biết! Thiếp biết đã mang thai, hãy cùng thiếp giữ gìn." Trải qua tám, chín tháng, hoàng hậu hạ sanh một thái tử, nhan sắc đoan chánh như màu hoa đào. Trông thấy con, hoàng hậu vô cùng mừng rỡ báo tin cho vua. Khi thấy con, nhà vua thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Tám vạn bốn ngàn phu nhân biết tin thái tử mới sanh, ai cũng phấn khởi.

[0727a02] Lúc ấy, quốc vương cho triệu tập quần thần, quốc sư và đạo sĩ đến xem tướng, cho đặt tên để dân chúng xưng hô. Bấy giờ, các thầy tướng tâu vua: "Thái tử mới sanh rất mực đoan chánh, khác với thế gian, ai ai trông thấy cũng đều yêu mến, ta nên đặt tên là Ái Niệm."

Đặt tên cho thái tử xong, mọi người liền ra về. Bấy giờ, quốc vương thương yêu thái tử chưa hề rời mắt, liền cho xây cung điện ba mùa, lại ban cho đông đảo thể nữ cùng an hưởng với thái tử trong cung điện ấy.

Bấy giờ, thái tử liền nghĩ: "Thể nữ ở cung điện này có thường còn, không lìa thế gian, cũng không biến đổi chăng? Ta quán sát thấy tất cả mọi người ở đây thảy đều vô thường, chẳng ai còn mãi ở đời, tức là huyễn hóa, hư dối, không chân thật, lại khiến nhân loại đắm nhiễm yêu thích, không ai biết lìa bỏ. Nay ta sử dụng họ làm gì? Nên bỏ hết mà học đạo."

Thế rồi, trong ngày hôm đó, Thái tử Ái Niệm cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo. Ngay đêm ấy, thái tử dứt sạch mọi phiền não trói buộc, tư duy pháp có tập khởi đều là pháp hoại diệt, liền thành tựu quả vị Độc giác. Thành Phật rồi, Ngài liền nói kệ này:

Tham dục, pháp vô thường, Biến đổi không chắc thật,
Biết đây là họa lớn, Đi riêng, không chung đường.

Nói kệ xong, bậc Độc giác liền bay lên hư không, vòng quanh thành Mật-hy-la ba vòng.

Bấy giờ, quốc vương đang ngự trên điện cao cùng vui đùa với các cung phi, thấy vị Độc giác bay quanh thành ba vòng nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, bảo: "Thái tử của ta đang bay trên không trung như chim bay." Vua không biết thái tử đã thành bậc Độc giác nên bảo:

"Này con! Hãy xuống cung điện để vui chơi cùng trẫm."

Bấy giờ, này A-nan! Vị Độc giác xuống cung điện vì muốn độ cho cha mẹ. Nhà vua bảo:

"Này Thái tử! Sao hôm nay con lại mặc áo thể nữ, cạo bỏ râu tóc khác người thế kia?"

Phật Độc giác đáp:

"Y phục con mặc rất cao quý, tao nhã, chẳng phải cách của người thường."

Vua lại hỏi:

"Vì sao con không vào cung?"

Phật Độc giác đáp:

"Từ nay về sau, con không theo thói dục tình nữa, cũng không ham thích năm thứ dục lạc."

Nhà vua bảo:

"Nếu không ham thích năm dục này thì đến ở sau vườn của trẫm."

[0727b02] Thế rồi, quốc vương đích thân vào trong vườn, tạo dựng nhà cửa. Bấy giờ, vì muốn độ cho cha mẹ nên bậc Độc giác đến cư ngụ trong khu vườn ấy, nhận lãnh sự cúng dường của vua một thời gian rồi nhập vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Vua đem nhục thân hỏa thiêu,[53] thu Xá-lợi rồi dựng một ngôi tháp[54] lớn ở đó. Một ngày kia, nhà vua lại đến thăm khu vườn, thấy ngôi tháp ấy hư hoại điêu tàn, liền nghĩ: "Đây là ngôi tháp của con trai ta, nay đã bị hư hoại." Thế rồi, do lòng thương yêu chưa dứt nên nhà vua liền lấy lọng của mình che lên ngôi tháp kia.

Thế nên, này A-nan! Chớ có nghĩ người nào khác. Vua Thiện Hóa thuở ấy chính là Ta. Ta đã vì con mà lấy lọng che trên ngôi tháp. Do nguồn gốc công đức này lưu chuyển trong trời, người mà mấy trăm ngàn lần Ta làm Chuyển Luân Thánh vương, hoặc làm Đế-thích, Phạm thiên. Lúc ấy, Ta không biết con Ta là bậc Độc giác. Nếu Ta biết là bậc Độc giác thì công đức không thể đo lường. Nếu Như Lai không thành đạo Vô thượng Chánh chân thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh vương cai trị thiên hạ thêm hai ngàn năm trăm lần nữa. Vì Ta đã thành đạo nên hôm nay có hai ngàn năm trăm chiếc lọng tự nhiên ứng hiện. Vì

[53] Da-duy (耶維) phiên âm từ *jhāpeti*, tân dịch là trà-tỳ (荼毗), nghĩa là hỏa thiêu.

[54] Thần tự (神寺).

thế, này A-nan! Do nhân duyên này nên Như Lai mỉm cười. Phụng sự chư Phật thì công đức không thể kể xiết. Thế nên, này A-nan! Hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chư Phật, Thế Tôn.

Thật vậy, này A-nan! Hãy học tập điều này.

Thế rồi, đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo vào thành Tỳ-xá-ly. Ngài đứng giữa cửa thành nói kệ này:

Ta đã thành Chánh Giác,
Cao quý nhất thế gian,
Đây là lời chánh chân,
Tỳ-xá-ly hết nạn.
Đây là Pháp chân thật,
Đưa đến cõi Niết-bàn,
Đây là lời chân thật,
Tỳ-xá-ly bình an.
Đây là Tăng chân thật,
Chúng Hiền thánh thượng tôn,
Đây là lời chánh chân,
Tỳ-xá-ly yên ổn.
Loài hai chân an ổn,
Loài bốn chân cũng thế,
Người đi đường bình an,
Người đến đây cũng thế.
Ngày đêm thường an ổn,
Không một ai nhiễu phiền,
Đây là lời chân thật,
Khiến Tỳ-xá bình yên.

[0727c03] Như Lai nói kệ này xong, la-sát, quỷ thần bỏ chạy tứ tán, không chốn yên thân, không dám trở vào thành Tỳ-xá-ly nữa, ai mắc bệnh gì cũng đều chữa khỏi.

Bấy giờ, đức Thế Tôn cư ngụ bên ao Di Hầu, dân chúng trong nước phụng sự cúng dường đầy đủ y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men, tùy theo khả năng của mình để cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo, cũng thọ trì bát quan trai giới, không bỏ lỡ dịp nào.

Lúc ấy, nhóm lục sư[55] đang du hóa trong thành Tỳ-xá-ly. Lục sư gồm Bất-lan Ca-diếp, A-di-chuyên, Cù-da-lâu, Bỉ-hưu Ca-chiên, Tiên-tỷ Lô-trì và Ni-kiền tử. Các vị lục sư nhóm họp một chỗ, nói như vầy: "Sa-môn Cù-đàm ở thành Tỳ-xá-ly được dân chúng cúng dường, còn chúng ta chẳng được ai cúng, chúng ta hãy đến tranh luận với ông ta, xem ai thắng, ai thua."

Bất-lan Ca-diếp nói: "Có các Sa-môn, Bà-la-môn chưa bị người khác chỉ trích liền tìm cách đến cật vấn, đây chẳng phải là pháp của Sa-môn, Bà-la-môn. Sa-môn Cù-đàm này chưa bị người khác chỉ trích mà tìm cách đến cật vấn thì chúng ta đâu được tranh luận với ông ta."

A-di-chuyên nói: "Không bố thí, không thọ nhận, cũng không có người cho, cũng chẳng có chúng sanh đời này, chẳng có chúng sanh đời sau, cũng không có quả báo thiện ác."

Cù-da-lâu nói: "Bên bờ này của sông Hằng thì giết hại dân chúng không thể tính kể, thây chất thành núi, ở bên kia bờ sông Hằng thì tạo lập các công đức. Do duyên như vậy nên không hề có quả báo thiện ác."

[55] Lục sư (六師): Sáu vị giáo chủ ngoại đạo nổi tiếng ở thời Phật.

Bỉ-hưu Ca-chiên nói: "Dù cho ở bên kia bờ sông Hằng có bố thí, trì giới, tùy thời cung cấp không để thiếu thốn thì cũng chẳng có chút phước báu nào."

Tiên-tỷ Lô-trì nói: "Không có lời nói, cũng không có quả báo của lời nói. Chỉ có im lặng là an lạc hiếm có."

Ni-kiền tử nói: "Có lời nói, cũng có quả báo của lời nói. Sa-môn Cù-đàm cũng là người, chúng ta cũng là người, điều Sa-môn Cù-đàm biết, chúng ta cũng biết. Sa-môn Cù-đàm có thần túc, chúng ta cũng có thần túc. Nếu Sa-môn kia hiện một thần túc, chúng ta sẽ hiện hai thần túc. Ông ấy hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn thần túc. Ông ấy hiện bốn thần túc, ta sẽ hiện tám thần túc. Ông ấy hiện tám thần túc, ta hiện mười sáu thần túc. Ông ấy hiện mười sáu thần túc, ta hiện ba mươi hai thần túc, khiến tăng thêm nhiều lần, không bao giờ chịu thua, chúng ta đủ sức thi thố cùng ông ấy. Nếu ông ấy không chịu tranh luận với chúng ta thì đó là lỗi của ông ấy, dân chúng nghe được sẽ không cúng dường nữa, chúng ta sẽ nhận được sự cúng dường."

[0728a04] Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo-ni nghe tin nhóm lục sư hội họp một chỗ, cùng nhau bàn luận: "Nếu Sa-môn Cù-đàm không chịu tranh luận với người khác thì chúng ta hoàn toàn thắng cuộc." Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Thâu-lô liền bay lên hư không, hướng về nhóm lục sư nói kệ này:

Thầy ta không ai sánh,
Tôn quý không ai hơn,
Ta là đệ tử Ngài,
Tỳ-kheo-ni Thâu-lô.
Nếu ngươi đủ trí tài,
Hãy cùng ta tranh biện,
Ta giải đáp từng việc,
Như sư tử bắt nai.
Ngoài Tôn sư Như Lai,
Chẳng ai bằng Ngài được,
Ta là Tỳ-kheo-ni,
Đủ sức hàng ngoại đạo.

Tỳ-kheo-ni nói kệ này xong, nhóm lục sư chẳng dám ngước nhìn dung nhan, huống hồ đòi tranh luận.

Bấy giờ, từ xa trông thấy Tỳ-kheo-ni ở trên hư không, cùng tranh luận với nhóm lục sư nhưng họ không thể trả lời, dân chúng trong thành Tỳ-xá-ly thảy đều vui mừng, hoan hỷ khôn xiết: "Hôm nay, nhóm lục sư bị khuất phục rồi."

Thế rồi, nhóm lục sư buồn bã vô hạn rời khỏi thành Tỳ-xá-ly, không trở vào thành nữa.

Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghe tin Tỳ-kheo-ni Thâu-lô thắng nhóm lục sư khi tranh luận. Nghe như vậy rồi, họ liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy sát chân rồi trình bày đầy đủ sự việc này với Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo-ni Thâu-lô có thần túc cao siêu, có oai thần rộng lớn, trí tuệ, nghe nhiều. Ta vẫn thường nghĩ: "Không có ai tranh luận nổi với nhóm lục sư, chỉ có Như Lai và Tỳ-kheo-ni này."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy có thấy Tỳ-kheo-ni nào khác có thể hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo-ni này không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Này các Tỳ-kheo! Trong hàng đệ tử của Ta, Tỳ-kheo-ni hàng phục ngoại đạo bậc nhất là Tỳ-kheo-ni Thâu-lô.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

12. SÁU NHẬP[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu xúc xứ.[57] Là những xứ nào? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn. Đó là sáu căn thân.[58] Hàng phàm phu khi mắt thấy sắc liền khởi tâm dính mắc, không thể xả bỏ. Bởi do thấy sắc liền khởi tâm tham ái tột độ nên phải lưu chuyển trong sanh tử, không có kỳ hạn giải thoát. Các căn[59] còn lại cũng như vậy, khởi tâm tham nhiễm, đắm trước, không thể xả bỏ, do đó mãi trôi lăn, không có kỳ hạn giải thoát.

Nếu là đệ tử Hiền thánh của Thế Tôn thì khi mắt thấy sắc sẽ không tham nhiễm, đắm trước, không có tâm nhiễm ô. Vị ấy có khả năng phân biệt như: Mắt này là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp không, là pháp vô ngã. Đối với các căn còn lại cũng vậy, không khởi tâm nhiễm ô, phân biệt được các căn này là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp không, là pháp vô ngã. Khi quán chiếu như vậy, ngay trong đời này liền chứng đắc hai quả vị: Hoặc chứng đắc A-na-hàm hoặc chứng A-la-hán. Ví như, có người quá đói, muốn chà xát vỏ lúa, sàng sảy cho sạch rồi nấu ăn để hết đói khát. Bậc đệ tử Hiền thánh cũng vậy, đối với sáu căn này nên quán chiếu là ô uế bất tịnh, liền chứng thành đạo quả, nhập Vô dư Niết-bàn.

Thế nên, Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ [ái nhiễm của] sáu căn này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[60]

---

[56] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.12. 0728b01).

[57] Nguyên tác: Lục tế hoạt canh lạc nhập (六細滑更樂入), theo *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (*T*.01. 0026.163. 0692b29), gọi là lục canh lạc xứ (六更樂處, *cha phassāyatanā*), tức sáu xúc xứ.

[58] Nguyên tác: Lục nhập (六入), theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.90. 0696b14) là chỗ nương tựa và tồn tại của 6 căn (六根) nên gọi là "lục nhập" (為六情依止住處故, 但說六入).

[59] Nguyên tác: Lục tình (六情) chỉ cho 6 căn, phần trên đã nói nhãn căn (眼根) nên ở đây chỉ cho các căn còn lại.

[60] Bản Hán, hết quyển 32.

39. PHẨM ĐẲNG PHÁP[1]

1. BẢY PHÁP TỐI THƯỢNG[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp thì ngay trong hiện đời được an vui vô cùng, muốn trừ sạch phiền não cũng sẽ trừ được. Là bảy pháp nào? Đó là Tỳ-kheo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết về mình, biết vừa đủ,[3] lại biết sống trong chúng và biết quán sát hội chúng. Đó là bảy pháp.

[0728c02] Thế nào là Tỳ-kheo biết pháp? Tỳ-kheo biết pháp là biết: Khế kinh,[4] Kỳ-dạ,[5] Kệ,[6] Nhân duyên,[7] Thí dụ,[8] Bổn mạt,[9] Quảng diễn,[10] Phương đẳng,[11] Vị tằng hữu,[12] Quảng phổ,[13] Thọ quyết,[14] Sanh kinh.[15] Tỳ-kheo không biết pháp là không biết mười hai thể loại kinh điển, người này chẳng phải là Tỳ-kheo. Bởi vì, Tỳ-kheo thì phải có khả năng hiểu rõ pháp, gọi là biết pháp. Như thế gọi là Tỳ-kheo thông đạt pháp.

---

[1] Nguyên tác: *Đẳng pháp phẩm* 等法品 (*T*.02. 0125.39. 0728b25).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.1. 0728b26). Tham chiếu: *Thiện pháp kinh* 善法經 (*T*.01. 0026.1. 0421a12); *Thất tri kinh* 七知經 (*T*.01.0027. 0810a03); *A*. 7.68 - IV. 113.

[3] Nguyên tác: Tri túc (知足). Theo *Thiện pháp kinh* 善法經 (*T*.01. 0026.1. 0421b09) gọi là "tri tiết" (知節, *mattaññū*) tức là biết tiết độ.

[4] Khế kinh (契經) phiên âm là Tu-đa-la (修多羅), P. *Sutta*.

[5] Kỳ-dạ (祇夜, *Geyya*): Thể kệ lặp lại nội dung đoạn kinh trước, còn gọi là Trùng tụng (重頌) hoặc Ứng tụng (應頌).

[6] Kệ (偈) phiên âm là Già-đà (伽陀, *Gāthā*).

[7] Nhân duyên (因緣) phiên âm là Ni-đà-na (尼陀那, *Nidāna*).

[8] Thí dụ (譬喻) phiên âm là A-ba-đà-na (阿波陀那, *Avadāna*).

[9] Bổn mạt (本末) cũng gọi là Bổn sự (本事). Pāli gọi là *Itivuttaka* (Phật thuyết như vậy).

[10] Quảng diễn (廣演) cũng gọi là Luận nghị (S. *Upadeśa,* P. *Upadesa*).

[11] Phương đẳng (方等) cũng viết là Phương quảng (方廣, *Vedalla*).

[12] Vị tằng hữu (未曾有) là cách nói lược của Vị tằng hữu pháp (*Abbhutadhamma*).

[13] Quảng phổ (廣普). Sanskrit ghi: *Udāra*, nghĩa là rộng rãi. Trong Pāli tương đương chính là thể loại *Kinh tự thuyết* (自說, *Udāna*). Đáng chú ý, cả Sanskrit và Pāli khi nói đến 9 thể tài kinh điển đều viết bằng một tự dạng là *Udāna*. Ở đây, có khả năng do sự nhầm lẫn về tự dạng hoặc phát âm sai, nên từ *Udāna* đã trở thành *Udāra*. Đây là điểm khác biệt đặc thù về tên gọi của một thể tài kinh điển giữa Hán tạng và Nikāya.

[14] Thọ quyết (授決) cũng gọi là Thọ ký (受記, *Veyyākaraṇa*).

[15] Sanh kinh (生經) tức *Bổn sanh* (*Jātaka*).

Thế nào là Tỳ-kheo hiểu rõ nghĩa lý? Đó là, Tỳ-kheo biết nơi quy hướng của Như Lai, hiểu rõ nghĩa lý thâm sâu, không chút nghi ngờ. Nếu Tỳ-kheo không thông đạt nghĩa lý thì không phải Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo có khả năng thấu đạt nghĩa lý sâu xa nên gọi là thông hiểu nghĩa lý. Như thế gọi là Tỳ-kheo có khả năng hiểu rõ nghĩa lý.

Thế nào là Tỳ-kheo biết thời nghi? Đó là, Tỳ-kheo biết đúng thời, lúc nên tu quán thì tu quán, lúc nên tu chỉ thì tu chỉ, lúc nên im lặng thì biết im lặng, lúc nên hành trì thì biết hành trì, lúc nên tụng đọc thì biết tụng đọc, lúc nên dạy bảo cho người thì biết dạy bảo cho người, lúc cần nói thì biết phải nói. Nếu Tỳ-kheo chẳng biết những điều này, chẳng biết nên tu chỉ hay tu quán, chẳng biết tiến tới hay dừng lại thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nào biết đúng thời, không để mất thời nghi thích hợp, đó gọi là tùy thời thích hợp. Như thế gọi là Tỳ-kheo biết rõ thời nghi.

Thế nào là Tỳ-kheo có khả năng tự mình tu tập? Đó là, Tỳ-kheo có khả năng tự biết rõ chính mình: "Ta có sự thấy, nghe, nhớ nghĩ, hiểu biết, có trí tuệ như thế, lúc đi, khi bước, tiến hay dừng, luôn thuận theo Chánh pháp." Tỳ-kheo nào không có khả năng tự biết đúng thời nghi theo sự hiểu biết của mình, khi ra, lúc vào, khi đi, lúc đến, vị ấy không phải Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo có khả năng tự mình tu tập, khi tiến lúc dừng đều thích hợp. Đây gọi là vị tự mình biết tu trì. Như thế gọi là Tỳ-kheo có khả năng tự biết rõ về mình.

Thế nào là Tỳ-kheo tự biết đủ? Đó là, Tỳ-kheo có khả năng tự tiết chế và thích nghi đối với sự ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, lúc tiến, khi dừng đều có thể biết vừa đủ. Tỳ-kheo nào không biết tiết chế như thế thì chẳng phải Tỳ-kheo. Tỳ-kheo có khả năng hiểu rõ điều này gọi là biết đủ. Như thế gọi là vị Tỳ-kheo biết đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo biết cách hành xử trong chúng? Đó là, Tỳ-kheo biết phân biệt đại chúng: "Đây là dòng Sát-lợi, đây là chúng Bà-la-môn, đây là chúng trưởng giả, đây là chúng Sa-môn. Ta sẽ dùng phép tắc này để ứng xử thích nghi với chúng đó", lúc nên nói hay nên im lặng đều hành xử phù hợp. Nếu Tỳ-kheo chẳng biết cách hành xử trong chúng thì chẳng phải Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo biết hành xử trong chúng nên gọi là vị biết nhập chúng. Như thế gọi là Tỳ-kheo biết hành xử trong chúng.

[0729a04] Thế nào là Tỳ-kheo biết căn cơ của mọi người? Tỳ-kheo nên biết! Có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng thứ nhất muốn đến tinh xá để thăm hỏi Tỳ-kheo, còn hạng thứ hai không thích đến gặp Tỳ-kheo. Hạng người muốn đến tinh xá để thăm hỏi Tỳ-kheo là hạng tối thắng bậc nhất.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng thứ nhất tuy đến chỗ Tỳ-kheo nhưng không tùy nghi tham vấn. Hạng thứ hai thì chẳng vào trú xứ gặp Tỳ-kheo. Hạng người đến trú xứ là tối thắng bậc nhất.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng thứ nhất đến gặp Tỳ-kheo rồi tùy nghi thưa hỏi. Hạng thứ hai không đến gặp Tỳ-kheo để tùy nghi thưa hỏi. Hạng người đến trú xứ tối thắng hơn hạng vừa nêu.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng thứ nhất đến chỗ Tỳ-kheo chú tâm nghe pháp. Hạng người thứ hai không đến chỗ Tỳ-kheo, cũng chẳng chú tâm nghe pháp. Đối với hai hạng người trên, hạng người chú tâm nghe pháp là tối thắng bậc nhất.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng người thứ nhất có khả năng quán sát các pháp, thọ trì, đọc tụng. Hạng người thứ hai không thể thọ trì, đọc tụng. Đối với hai hạng người trên, hạng người thọ trì, đọc tụng là tối thắng bậc nhất.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng người thứ nhất nghe pháp rồi hiểu nghĩa. Hạng người thứ hai nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Đối với hai hạng người trên, hạng người nghe pháp hiểu nghĩa là tối thắng bậc nhất.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng người thứ nhất nghe pháp rồi thực hành theo pháp. Hạng người thứ hai chẳng nghe pháp, chẳng thực hành theo pháp. Đối với hai hạng người trên, hạng người nghe pháp rồi thực hành theo pháp là bậc nhất.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Là hai hạng nào? Hạng người thứ nhất nghe pháp rồi có thể kham nhẫn tu hành, hiểu rõ và hộ trì Chánh pháp. Hạng người thứ hai chẳng thể kham nhẫn tu hành theo pháp ấy. Đối với hai hạng người trên, hạng người có khả năng tu hành theo pháp kia là tối thắng bậc nhất. Cũng giống như từ sữa bò mới có lạc, từ lạc mới có tô, từ tô mới có đề-hồ, đề-hồ là tối thắng hơn cả, không gì sánh bằng.[16] Ở đây cũng vậy, những ai có thể tu hành, người ấy là tối thắng bậc nhất, không ai sánh bằng. Đó gọi là Tỳ-kheo biết quán sát căn cơ của người khác. Những ai không biết rõ điều này thì chẳng phải Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nghe pháp, thông đạt nghĩa lý như vậy, là vị tối thắng bậc nhất. Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát căn cơ của người khác.

Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này thì ngay trong đời hiện tại được Niết-bàn an lạc, trong tâm muốn đoạn trừ phiền não thì không trở ngại gì.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[16] Đề-hồ (醍醐). Trong văn hóa ẩm thực ở Ấn Độ cổ đại, có 5 loại thực phẩm có nguồn gốc từ sữa, gọi là "ngũ vị" (五味, *pañca rasā*) và tối thắng nhất trong số chúng chính là đề-hồ (醍醐, *maṇḍa*).

2. CÂY TRÚ ĐỘ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Cây Trú Độ[18] ở cõi trời Ba Mươi Ba, gốc cây to năm mươi do-tuần, cao một trăm do-tuần, bóng cây che phủ bốn phía rộng năm mươi do-tuần. Chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba vui chơi ở đó suốt bốn tháng. Tỳ-kheo nên biết! Cho đến lúc hoa lá của cây Trú Độ úa vàng rơi rụng trên mặt đất. Lúc thấy điềm lành này, hết thảy chư thiên đều vui vẻ, hân hoan trong lòng: "Cây này chẳng bao lâu sẽ đơm hoa kết trái."[19]

Tỳ-kheo nên biết! Đến lúc hoa trái của cây Trú Độ rơi rụng đầy mặt đất. Bấy giờ, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba càng thêm vui mừng, liền bảo nhau: "Cây này không bao lâu sẽ chuyển thành màu xám tro."

Tỳ-kheo nên biết! Trải qua một khoảng thời gian, cây ấy chuyển thành màu xám tro. Bấy giờ, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba lại rất vui mừng bảo nhau: "Cây này đã chuyển sang màu xám tro, chẳng bao lâu sẽ ươm nụ."[20] Chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba thấy cây Trú Độ đã ươm nụ, chẳng bao lâu sẽ ướm nụ tròn.[21] Thấy rồi, chư vị ấy rất hoan hỷ: "Hôm nay, cây này đã ướm nụ tròn, chẳng bao lâu sẽ nở hoa."[22]

Tỳ-kheo nên biết! Thấy hoa dần dần nở trên cây, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba liền vui mừng: "Hoa đã dần nở trên cây, chẳng bao lâu hoa sẽ nở đầy khắp thân cây."

Tỳ-kheo nên biết! Đến lúc hoa nở đầy khắp thân cây, mọi người đều hoan hỷ: "Hôm nay, hoa đã nở đầy khắp thân cây." Bấy giờ, hương thơm bay ngược gió, dù cách xa một trăm do-tuần nhưng ai cũng ngửi được mùi thơm. Lúc ấy, chư thiên vui chơi suốt bốn tháng ở đó, thích thú vô ngần.

[0729c03] Cũng vậy, đệ tử Hiền thánh lúc muốn xuất gia học đạo, cũng giống như cây kia lúc sắp rụng lá.

---

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.2. 0729b11). Tham chiếu: *Trú Độ thọ kinh* 晝度樹經 (*T*.01. 0026.2. 0422a18); *Viên Sanh thọ kinh* 園生樹經 (*T*.01. 0028. 0810c03); *A*. 7.69 - IV. 117.

[18] Trú Độ thọ (晝度樹, Pārichattaka). Viên Sanh thọ (圓生樹), cây trên trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa), làm chuẩn để tính ngày.

[19] Đương cánh sanh hoa thật (當更生華實): Hoa cùng với quả. *Trú Độ thọ kinh* 晝度樹經 (*T*.01. 0026.2. 0422a24) ghi: Đương hoàn sanh (當還生, *jālakajāto*).

[20] Đương sanh la võng (當生羅網). Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh từ điển* (妙法蓮華經詞典), "la võng" (羅網) có nghĩa là cái nụ tròn (*jāla*). Theo *PED*, *jāla* có nghĩa là cái kén hoa (*jaṭita*).

[21] Đương sanh bạc tiết (當生雹節). Bản Tống, Nguyên, Minh đọc 雹 là "pháo" (皰). Như vậy, 皰節 là cái kén hoa đã tròn trịa, cũng gọi là nụ hoa. *Trú Độ thọ kinh* 晝度樹經 (*T*.01. 0026.2. 0422a27) ghi: Đương sanh như điểu uế (當生如鳥喙, *kuṭumalakajāto*), nghĩa là giống như cái mỏ chim.

[22] Khai phu (開敷). *Trú Độ thọ kinh* 晝度樹經 (*T*.01. 0026.2. 0422a29) ghi: Đương khai như bát (當開如鉢), nghĩa là hoa nở như cái bát. Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh từ điển* (妙法蓮華經詞典), "khai phu" (開敷) chính là nở hoa. Sanskrit ghi: *supuṣpita*. Pāli ghi: *sabbaphāliphullo*.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh từ bỏ vợ con, tài sản, xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, cạo bỏ râu tóc cũng giống như cây kia rụng lá đầy mặt đất.

Tỳ-kheo nên biết! Đệ tử Hiền thánh lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự xa lìa, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, như cây Trú Độ chuyển màu xám tro.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng, thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán, ví như cây đã ươm nụ.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, giống như cây kia đã ướm nụ tròn.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó nên buông bỏ cả khổ và lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh, giống như cây kia dần dần nở hoa.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự thân chứng ngộ, biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa", giống như cây kia nở hoa đầy khắp.

Bấy giờ, hương giới đức của đệ tử Hiền thánh tỏa khắp bốn phương, ai cũng khen ngợi. Suốt cả bốn tháng an vui thiền lạc, tâm an trú vào Thiền thứ tư, muôn hạnh đầy đủ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm phương tiện thành tựu hương giới đức.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. BẢY VÍ DỤ VỀ NƯỚC[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ nói bảy ví dụ về nước liên quan đến bảy hạng người.[24] Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Khéo suy nghĩ về điều này.

---

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.3. 0729c24). Tham chiếu: *Thủy dụ kinh* 水喻經 (*T*.01. 0026.4. 0424a13); *Hàm thủy dụ kinh* 鹹水喻經 (*T*.01. 0029. 0811b01); *A*. 7.15 - IV. 11.

[24] Nguyên tác: Thất sự thủy dụ, nhân diệc như thị (七事水喻, 人亦如是). Nếu dịch sát nghĩa là 7 ví dụ về nước, con người cũng như vậy. Bản dịch điều chỉnh, bổ sung vài từ nhằm góp phần hoàn thiện nghĩa kinh. Tham chiếu: *A*. 7.15 - IV. 11: *Sattime, bhikkhave, udakūpamā puggalā santo saṁvijjamānā lokasmiṁ*. (Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người được ví dụ với nước, có mặt hiện hữu ở đời), HT. Thích Minh Châu dịch.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Thế nào gọi là bảy ví dụ về nước liên quan đến bảy hạng người. Ví như, có người bị chìm xuống đáy nước, có người tạm ngoi lên mặt nước rồi chìm xuống lại, có người ngoi lên mặt nước rồi ngước nhìn, có người ngoi lên mặt nước rồi đứng lại, có người bơi trong nước, có người ra khỏi nước muốn đến bờ bên kia, có người đã lên hẳn trên bờ. Đó là, này [các] Tỳ-kheo! Có bảy ví dụ về nước xuất hiện ở đời.

[0730a03] Thế nào là hạng người chìm xuống đáy nước không ra khỏi được? Đó là, có người khắp thân bị bủa vây bởi các pháp bất thiện, trải qua kiếp số không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm xuống đáy nước.

Thế nào là hạng người ngoi lên khỏi mặt nước rồi chìm xuống lại? Đó là, người có lòng tin mỏng manh, suy giảm, tuy có pháp lành nhưng không bền chắc. Người ấy thân làm lành, miệng nói lời hòa dịu, ý suy nghĩ thiện lành nhưng về sau thân làm ác, miệng nói lời ác và ý luôn nghĩ ác. Sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào địa ngục. Đó gọi là người vừa ngoi lên khỏi mặt nước lại chìm xuống.

Thế nào là hạng người ngoi lên khỏi mặt nước rồi ngước nhìn? Đó là, người có niềm tin vào gốc rễ điều lành; thân, miệng, ý đều làm lành nhưng không tăng trưởng, chỉ ngừng lại tại đó. Người ấy sau khi qua đời, sanh trong loài a-tu-la. Đó gọi là người ngoi lên khỏi mặt nước rồi ngước nhìn.

Thế nào là hạng người ngoi lên khỏi mặt nước rồi đứng lại? Đó là, hạng người có lòng tin, luôn siêng năng, đoạn trừ ba kiết sử,[25] lòng không thoái chuyển, chắc chắn đạt được đạo Vô thượng rốt ráo. Đó gọi là người ngoi lên khỏi mặt nước rồi đứng lại.[26]

Thế nào là hạng người muốn bơi ra khỏi nước? Đó là, hạng người có tín căn và tinh tấn, thường giữ lòng hổ thẹn, đoạn trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham dục, sân hận và ngu si, chỉ còn trở lại cõi này một lần nữa để rồi đoạn dứt tất cả khổ đau. Đó gọi là người muốn bơi ra khỏi nước.[27]

Thế nào là người muốn đến bờ bên kia? Đó là, người có tín căn và tinh tấn, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử,[28] thành tựu quả vị A-na-hàm, liền nhập Niết-bàn, không trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là người muốn đến bờ bên kia.

---

[25] Tam kiết sử (三結使) gồm thân kiến (身見, *sakkāyadiṭṭhi*), giới cấm thủ (戒禁取, *sīlabbataparāmāsa*) và nghi (疑, *vicikicchā*).

[26] Chỉ cho bậc Dự lưu (預流, Sotāpanna).

[27] Chỉ cho bậc Nhất lai (一來, Sakadāgāmi).

[28] Theo *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T*.01. 0001.9. 0051b10): Ngũ hạ phần kiết (五下分結, *pañca orambhāgiyāni saṃyojanāni*) gồm tham dục (貪欲, *kāmarāga*), sân khuể (瞋恚, *vyāpāda*), thân kiến (身見, *sakkāyadiṭṭhi*), giới cấm thủ (戒禁取, *sīlabbataparāmāsa*), nghi (疑, *vicikicchā*).

Thế nào là người đã đến bờ bên kia? Đó là, hoặc người có tín căn và tinh tấn, luôn biết hổ thẹn, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tự an vui ngay trong đời này vì biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa", an trú vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Đó gọi là người đã qua đến bờ bên kia.

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy ví dụ về nước và người, Ta vừa thuyết giảng cho các thầy. Giáo pháp của chư Phật, Thế Tôn cần phải thực hành để tiếp độ chúng sanh, nay đã được thực hành. Các thầy nên ở nơi vắng lặng, hoặc ở bên gốc cây, hãy nhớ tọa thiền, chớ có lười biếng. Đó là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. THÀNH LŨY Ở BIÊN CƯƠNG[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Bậc Thánh vương cai trị cõi nước ở vùng biên viễn, nếu thành tựu bảy pháp thì chẳng bị oan gia hay giặc cướp bắt bớ, không ai có thể xâm phạm. Là những pháp nào? Thành quách rất cao lớn, sửa sang tề chỉnh, gọi là vị vua ấy thành tựu pháp thứ nhất.

Lại nữa, cửa thành thật kiên cố, đó gọi là thành ấy thành tựu pháp thứ hai.

Lại nữa, bên ngoài thành có lũy cao, hào sâu, đó gọi là thành ấy thành tựu pháp thứ ba.

Lại nữa, trong thành chứa nhiều lúa gạo, kho lẫm tràn đầy, đó gọi là thành ấy thành tựu pháp thứ tư.

Lại nữa, thành ấy lại chứa nhiều củi đốt, đó gọi là thành ấy thành tựu pháp thứ năm.

Lại nữa, thành ấy lại có nhiều binh khí, đầy đủ các khí cụ chiến đấu, đó gọi là thành ấy thành tựu pháp thứ sáu.

Lại nữa, người chủ thành kia lại thông minh tài cao, biết rõ lòng người, đáng dùng roi vọt thì dùng roi vọt, đáng trị tội thì trị tội, đó gọi là thành ấy thành tựu pháp thứ bảy, khiến cho bên ngoài không thể đến xâm phạm.

Này Tỳ-kheo! Vị thủ thành nào thành tựu được bảy pháp như vậy thì người ngoài không thể đến xâm phạm.

---

[29] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.4. 0730b02). Tham chiếu: *Thành dụ kinh* 城喻經 (*T*.01. 0026.3. 0422c09); *A*. 7.67 - IV. 106.

Tỳ-kheo cũng vậy, nếu thành tựu được bảy pháp thì Tệ ma Ba-tuần không có cơ hội. Là những pháp nào? Đó là, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai đức, nếu như lỡ phạm dù chỉ là điều nhỏ nhặt thì đã rất sợ hãi, huống gì phạm tội lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất, khiến Tệ ma Ba-tuần không có cơ hội, ví như thành kia, cao rộng nghiêm ngặt, không thể phá hoại.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nếu mắt thấy sắc chẳng khởi tưởng dính mắc, cũng không khởi niệm, nhãn căn thanh tịnh, giữ gìn nhãn căn không để thiếu khuyết. Vị ấy giữ gìn tai đối với tiếng, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc và ý đối với pháp cũng như vậy, cũng chẳng khởi tưởng, ý căn thanh tịnh, không hề loạn tưởng, giữ gìn ý căn trọn vẹn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai, khiến Tệ ma Ba-tuần không có cơ hội, như cửa thành kiên cố.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều chẳng quên, luôn nhớ nghĩ, tư duy về Chánh pháp mà đức Phật đã giảng dạy, trải qua nhiều kiếp xưa đều hiểu biết trọn vẹn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba, khiến Tệ ma Ba-tuần không có cơ hội, như hào lũy bên ngoài thành vừa sâu, vừa rộng.

Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện đối với các pháp phần đầu thiện, ở giữa thiện và phần cuối cũng thiện, thanh tịnh tròn đầy, thành tựu Phạm hạnh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư, như thành quách kia có nhiều lúa gạo, giặc bên ngoài không dám đến xâm lấn.

[0730c03] Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy bốn pháp tăng thượng tâm,[30] không hề thiếu sót. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm, khiến Tệ ma Ba-tuần không có cơ hội, như thành quách có nhiều củi đốt, người ngoài không thể đến quấy phá.

Lại nữa, Tỳ-kheo thành tựu bốn thần túc[31] thì mọi việc không bị trở ngại. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu, khiến Tệ ma Ba-tuần không có cơ hội, như trong thành có đầy đủ binh khí.

Lại nữa, Tỳ-kheo có khả năng thông hiểu trọn vẹn uẩn, xứ, giới, cũng như hiểu rõ pháp sanh khởi của mười hai nhân duyên. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy, khiến Tệ ma Ba-tuần không có cơ hội, như người chủ thành quách thông minh tài cao, những gì đáng thâu nhận thì thâu nhận, đáng buông bỏ liền buông bỏ. Tỳ-kheo cũng như vậy, hiểu biết đầy đủ và rõ ràng về những họa hoạn của uẩn, xứ, giới.[32]

Nếu Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này thì Tệ ma Ba-tuần sẽ không có cơ hội. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để hiểu rõ về uẩn, xứ, giới

---

[30] Tứ tăng thượng tâm (四增上心): Bốn tâm định tĩnh trong 4 thiền chứng. Tham chiếu: *Hoàng lô viên kinh* 黃盧園經 (*T*.01. 0026.157. 0679c15-29).

[31] Tứ thần túc (四神足). Phần thứ 3 trong 37 phẩm trợ đạo, gồm dục thần túc (欲神足), tinh tấn thần túc (精進神足), nhất tâm thần túc (一心神足) và quán thần túc (觀神足). Tham chiếu: *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (*T*.30. 1579.14. 0350b02): 又在四種, 為欲住心, 為得勝定, 修方便者. 心住如意, 能生長門. 一, 樂出離欲; 二, 受持讀誦,悔過精進; 三, 能取賢善定相之心; 四, 住空閑處, 觀察諸法.

[32] Ám trì nhập chư bệnh (陰, 持, 入諸病).

và mười hai nhân duyên, chẳng mất thứ lớp, liền vượt thoát khỏi cảnh giới của ma, không còn ở trong đó nữa.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. BẢY TRÚ XỨ CỦA THỨC[33]

[0730c19] Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ thuyết giảng về bảy trú xứ của thức, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế nào gọi là bảy trú xứ của thức? Nghĩa là có chúng sanh có nhiều loại thân với nhiều loại tưởng khác nhau, như cõi trời và cõi người.

Lại nữa, có chúng sanh nhiều loại thân nhưng chỉ có một tưởng như trời Phạm-ca-di[34] khi mới xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, có chúng sanh chỉ một thân nhưng có nhiều tưởng như trời Quang Âm.

Lại nữa, có chúng sanh chỉ một thân, một tưởng đó là trời Biến Tịnh.

Lại nữa, có chúng sanh với vô lượng không, như trời Không Xứ.

Lại nữa, có chúng sanh với vô lượng thức, như trời Thức Xứ.

Lại nữa, có chúng sanh không có nơi chốn, như trời Vô Sở Hữu Xứ.

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy trú xứ của thức. Nay Ta đã giảng nói xong bảy trú xứ của thức, chư Phật, Thế Tôn đối với những việc cần làm để hóa độ chúng sanh hôm nay đã hoàn mãn. Các thầy nên ở bên gốc cây, hoặc nơi vắng vẻ, siêng năng tu hành, chớ có biếng nhác. Đây là lời giáo huấn của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[33] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.39.5. 0730c19). Tham chiếu: *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T*.01. 0001.9. 0049b26); *Đại nhân kinh* 大因經 (*T*.01. 0026.97. 0578b07); *D*. 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh phúng tụng*); *D*. 34, *Dasuttara Sutta* (*Kinh thập thượng*); *A*. 7.44 - IV. 39.

[34] Phạm-ca-di (梵迦夷, Brahmakāyika): Cõi trời Sơ thiền thuộc sắc giới.

6. BỆNH TẬT VÀ BẢY GIÁC CHI[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Quân-đầu lâm bệnh nặng, nằm liệt giường không thể tự ngồi dậy. Thế rồi, Tôn giả liền nghĩ: "Hôm nay, con chẳng thấy Như Lai, Thế Tôn rủ lòng lân mẫn, con đang bệnh nặng, không thể tiếp nhận thuốc thang, mạng sống cũng chẳng còn bao lâu nữa. Con cũng nghe Thế Tôn nói rằng: 'Nếu một người chưa được độ thì Như Lai không bao giờ từ bỏ.' Nhưng nay con thấy Thế Tôn đã bỏ rơi con, còn gì đau khổ hơn thế!"

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ, Thế Tôn nghe Tỳ-kheo Quân-đầu nói những lời than trách như thế. Lúc ấy, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy tập hợp, cùng Ta đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu để thăm bệnh thầy ấy.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo dần đi đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Bấy giờ, thấy Thế Tôn từ xa đi đến, Tỳ-kheo Quân-đầu liền gieo mình xuống đất. Khi ấy, Thế Tôn bảo Quân-đầu rằng:

– Thầy đang bị bệnh rất nặng, không cần phải xuống giường. Như Lai tự có chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

– Bệnh của thầy tăng hay giảm, hay không tăng không giảm? Có thể lãnh hội lời dạy của Như Lai không?

Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

– Hôm nay, đệ tử bệnh rất nặng, chỉ có tăng chứ không giảm, có uống thuốc thang nhưng cũng chẳng tác dụng gì.

Thế Tôn hỏi:

– Ai săn sóc bệnh cho thầy?

Tỳ-kheo Quân-đầu thưa:

– Các vị Phạm hạnh đến chăm sóc con.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

– Thầy có thể nói pháp bảy giác chi[36] cho Ta nghe không?

---

[35] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.6. 0731a05). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.727. 0195b29); *S*. 46.16 - V. 81. Điểm khác biệt lớn ở hai bản kinh là *S*. 46.16 - V. 81 cho rằng, người bệnh là đức Thế Tôn, nhờ Sa-di Quân-đầu tụng thất giác chi khiến Thế Tôn khỏi bệnh.

[36] Thất giác ý (七覺意): Bảy phương cách tu tập khiến trí tuệ phát sanh, đạt đến giải thoát giác ngộ, một chi phần trong 37 phẩm trợ đạo.

Quân-đầu liền nêu đề mục bảy giác chi ba lần rồi thưa:

– Con có thể đối trước Như Lai để nói về pháp bảy giác chi.

Thế Tôn bảo:

– Nếu có thể đối trước Như Lai mà nói thì thầy hãy nói ngay đi!

Khi ấy, Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

– Bảy giác chi là những pháp mà Như Lai đã dạy. Là những pháp nào? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi,[37] tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi,[38] định giác chi và xả giác chi.[39] Bạch Thế Tôn, đây là bảy giác chi, thứ lớp như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Quân-đầu vừa nói xong thì bệnh tật lành hẳn, không còn chút đau đớn nào.

Thế rồi, Quân-đầu liền bạch Thế Tôn:

– Phương thuốc hiệu nghiệm nhất trong các phương thuốc chính là pháp bảy giác chi này. Ý con muốn nói, trong tất cả các phương thuốc, không phương thuốc nào hay hơn bảy giác chi này. Nhờ tu tập về bảy giác chi này mà hết thảy bệnh tật của con đều được lành hẳn.

[0731b05] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy thọ trì pháp bảy giác chi này, hãy khéo suy nghĩ tụng đọc, chớ khởi nghi ngờ đối với Phật, Pháp và Tăng, bất cứ ai nếu như mắc bệnh thì cũng được lành hẳn. Vì sao như vậy? Vì bảy giác chi này rất khó thấu hiểu. Với tất cả các pháp, nếu đã thông suốt thì sẽ làm sáng tỏ tất cả các pháp. Cũng như thuốc hay thì sẽ chữa lành các loại bệnh tật, cũng như vị cam lộ ăn mãi không chán. Nếu không thông đạt bảy giác chi này thì chúng sanh mãi lưu chuyển trong sanh tử. Các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[37] Pháp giác ý (法覺意), theo *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T*.01. 0026.58. 0493a18), gọi là trạch pháp giác chi (擇法覺支).

[38] Ỷ giác ý (猗覺意): Khinh an. *Kinh niệm xứ*, số 1, phẩm 12, tr. 87 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.1. 0569a21) ghi "ỷ" (猗); *Lõa hình Phạm chí kinh* 倮形梵志經 (*T*.01. 0001.25. 0103b17) và *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T*.01. 0026.58. 0493a19) đều ghi "tức" (息), "chỉ" (止); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.931. 0237c27) ghi "ỷ tức" (猗息), "hưu tức" (休息), "chỉ tức" (止息).

[39] Hộ giác ý (護覺意). *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T*.01. 0026.58. 0493a19) ghi: Xả giác chi (捨覺支). *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.182. 0047c07) ghi: Xả giác phần (捨覺分).

7. BẢY GIÁC CHI VÀ BẢY BÁU[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian thì có bảy báu cùng xuất hiện. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có bảy báu xuất hiện trong thế gian.

Lúc Như Lai xuất hiện ở thế gian, có báu bảy giác chi cùng xuất hiện. Là những giác chi nào? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi và xả giác chi cùng xuất hiện ở đời. Lúc Như Lai xuất hiện [ở] thế gian, liền có bảy giác chi quý báu này cùng xuất hiện. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG[41]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền chọn lựa đất tốt để xây thành quách, phía Đông, phía Tây hai mươi do-tuần. Phía Nam, phía Bắc bảy do-tuần, đất đai màu mỡ, đời sống sung túc, an lạc hạnh phúc không thể tính kể. Bấy giờ, bên ngoài thành quách ấy có bảy lớp thành bao quanh, được làm bằng bảy báu. Bảy báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, mã não và xà cừ. Đó gọi là bảy báu. Thành ấy lại có bảy lớp hào bằng bảy báu vây quanh, rất sâu và rộng, khó vượt qua được, toàn cát vàng trong ấy. Lại có bảy lớp cây mọc ở đó. Các loại cây ấy lại có bảy màu: Vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, xà cừ, mã não và hổ phách. Chung quanh thành có bảy lớp cửa kiên cố, cũng làm bằng bảy báu. Khung cửa bạc thì cánh cửa bằng vàng, khung cửa vàng thì cánh cửa bằng bạc, khung cửa thủy tinh thì cánh cửa bằng lưu ly, khung cửa

---

[40] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.7. 0731b14). Tham chiếu: *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T.*01. 0026.58. 0493a10); *Luân Vương thất bảo kinh* 輪王七寶經 (*T.*01. 0038. 0821a18). *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.721. 0194a05); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.722. 0194a23); *S.* 46.42 - V. 99.

[41] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.8. 0731b26). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.722. 0194a23); *M.* 129, *Bālapaṇḍita Sutta* (*Kinh hiền ngu*).

lưu ly thì cánh cửa thủy tinh, khung cửa mã não thì cánh cửa hổ phách, an vui vô cùng, thật không thể diễn tả hết. Bốn mặt trong thành có bốn hồ tắm. Mỗi hồ tắm dài rộng một do-tuần, có nước bằng vàng, bạc, thủy tinh, tự nhiên tạo thành. Hồ nước bạc đông lại thành báu bạc. Hồ nước vàng đông lại thành báu vàng. Chuyển Luân Thánh vương sử dụng châu báu ở các hồ nước ấy.

[0731c14] Bấy giờ, trong thành lại có bảy loại âm thanh. Là những loại nào? Đó là tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống con, tiếng chuông, tiếng trống tế yêu,[42] tiếng ca múa và tiếng hát xướng. Đó là bảy loại âm thanh. Lúc ấy, dân chúng cùng nhau thưởng thức những âm thanh ấy. Những chúng sanh cõi ấy không bị nóng lạnh, không bị đói khát, cũng không tật bệnh. Vị Chuyển Luân Thánh vương sống ở đời, thành tựu được bảy báu này và bốn thần túc, không chút thiếu thốn, chẳng bị mất mát. Thế nào là Chuyển Luân Thánh vương thành tựu bảy báu? Đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Lại có một ngàn người con hết sức dũng mãnh, có thể hàng phục giặc bên ngoài. Đối với cõi Diêm-phù-đề này thì không sử dụng dao gậy để giáo hóa dân chúng.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Chuyển Luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như thế nào?

Thế Tôn trả lời:

– Bấy giờ, vào sáng sớm ngày rằm, Chuyển Luân Thánh vương tắm rửa, gội đầu rồi ngự trên điện lớn, các ngọc nữ vây quanh. Thế rồi, bánh xe báu đầy đủ ngàn căm từ phương Đông đến trước điện, ánh sáng chiếu rực rỡ, không phải do người tạo ra, cách mặt đất bảy nhận,[43] dần dần đến trước vua rồi dừng lại. Thấy vậy, Chuyển Luân Thánh vương liền nghĩ: "Ta nghe người xưa nói, vào ngày rằm, Chuyển Luân Thánh vương tắm rửa, gội đầu, rửa tay rồi ngự trên điện. Bánh xe báu từ phương Đông đến dừng ở trước vua. Bây giờ, ta hãy thử bánh xe báu này!" Thế rồi, Chuyển Luân Thánh vương đưa tay phải nắm bánh xe báu và nói: "Ngươi hãy xoay chuyển cho đúng pháp, chớ xoay chuyển phi pháp." Bấy giờ, bánh xe báu tự nhiên xoay chuyển rồi dừng lại giữa hư không. Chuyển Luân Thánh vương dẫn theo bốn bộ binh cũng trụ giữa hư không. Lúc ấy, bánh xe báu đi về hướng Đông, Chuyển Luân Thánh vương cũng theo bánh xe báu đi về phương ấy. Lúc bánh xe báu dừng thì Chuyển Luân Thánh vương và chúng tùy tùng cũng dừng giữa hư không. Khi ấy, vua và dân chúng các nước nhỏ[44] ở phương Đông từ xa thấy Chuyển Luân Thánh vương đến, đều đứng lên nghinh đón, lại đem bát vàng đựng đầy bạc, bát bạc đựng đầy vàng, dâng lên Chuyển Luân Thánh vương và tâu:

---

[42] Tế yêu cổ thanh (細腰鼓聲, *paṇavasadda*), âm thanh của một loại nhạc cụ, còn gọi là "yêu cổ" (腰鼓), 2 tang trống thì lớn, ở giữa thắt lại, vì vậy mà có tên.

[43] Nhận (仞): Đơn vị đo chiều dài ngày xưa, 7 thước là một "nhận."

[44] Túc tán vương (粟散王). Theo *PQĐTĐ*, rất đông vua các nước nhỏ, số nhiều giống như vãi lúa, nên gọi là "túc tán."

"Lành thay, Thánh vương đến! Xứ này dân chúng đông đúc, an lạc hiếm có, không thể tính kể. Kính mong Đại vương hãy cai trị chốn này."

Chuyển Luân Thánh vương bảo dân chúng rằng:

"Các ngươi nên sống theo phép tắc, chớ làm việc phi pháp, cũng đừng sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Cẩn thận chớ làm việc phi pháp."

Bấy giờ, bánh xe báu lại di chuyển đến phương Nam, phương Tây và phương Bắc. Chuyển Luân Thánh vương đi đến đâu cũng vỗ về, khuyên nhủ dân chúng. Rồi bánh xe báu quay trở về cõi nước vua cai trị, trụ cách mặt đất bảy nhận.

Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như vậy.

[0732a17] Lúc ấy, Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Chuyển Luân Thánh vương thành tựu voi báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo nên biết! Vào ngày rằm, Chuyển Luân Thánh vương tắm rửa rồi ngự trên điện lớn. Khi ấy, voi báu từ phương Nam đến, có sáu ngà, bộ lông trắng muốt, bảy chỗ đầy đặn, được trang sức bằng vàng bạc, châu báu, có thể bay lên giữa hư không. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh vương thấy vậy liền nghĩ: "Voi báu này rất thù thắng, vi diệu, hiếm có ở đời, tánh nết nhu hòa, không hung bạo. Ta hãy thử cỡi nó." Thế rồi, vào sáng sớm, khi mặt trời vừa lên, Chuyển Luân Thánh vương liền cỡi voi báu này dạo khắp bốn biển, cai trị dân chúng. Chuyển Luân Thánh vương thành tựu voi báu như thế.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Chuyển Luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa báu liền từ phương Tây đến, lông thuần màu xanh thẫm, lông đuôi ánh đỏ, bước đi vững chãi, có thể bay giữa hư không, không hề chướng ngại. Vua thấy xong, rất đỗi vui mừng liền nói: "Ngựa báu này rất thù thắng, vi diệu, ta nên sử dụng nó. Tánh nó lại hiền lành, không hề trở chứng. Nay ta hãy thử ngựa báu." Lúc ấy, Chuyển Luân Thánh vương liền cỡi ngựa này đi khắp bốn châu thiên hạ, cai trị dân chúng, rồi trở về cõi nước vua đang cai trị. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như thế.

[0732b05] Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lại do nhân duyên gì, Chuyển Luân Thánh vương thành tựu được châu báu?

Thế Tôn bảo:

– Này Tỳ-kheo! Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời, châu báu liền từ phương Đông đến, có tám góc, bốn mặt tỏa ánh sáng, dài một thước sáu tấc. Thấy rồi, Chuyển Luân Thánh vương liền nghĩ: "Châu báu này rất thù

thắng, vi diệu, nay ta sẽ thử nó." Vào nửa đêm, Chuyển Luân Thánh vương liền triệu tập bốn bộ binh, đem báu ma-ni này đặt trên ngọn cờ cao, ánh sáng của ngọc chiếu xa mười hai do-tuần trong cõi nước ấy. Bấy giờ, dân chúng trong thành thấy ánh sáng này, họ liền bảo nhau: "Mặt trời đã mọc, hãy lo việc nhà!" Lúc ấy, Chuyển Luân Thánh vương ngự trên điện, thấy khắp dân chúng rồi, liền trở về cung, đem báu ma-ni này đặt trong cung, trong ngoài đều sáng, chiếu khắp mọi nơi. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu châu báu như thế.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

– Chuyển Luân Thánh vương thành tựu ngọc nữ báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo nên biết! Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời, có ngọc nữ báu này tự nhiên xuất hiện, dung mạo đoan chánh, mặt tựa hoa đào, không cao không thấp, không trắng không đen, tánh nết nhu hòa, không hề hung dữ, miệng thơm hương hoa sen xanh, thân thơm hương chiên-đàn, luôn hầu hạ bên cạnh Thánh vương, không trái thời khắc, diện mạo luôn tươi tắn, hòa nhã khi nhìn vua. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu ngọc nữ báu này như thế.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

– Chuyển Luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời, liền có cư sĩ báu này xuất hiện ở thế gian. Vị ấy không cao không thấp, thân thể hồng hào, tài trí cao siêu, việc gì cũng thông suốt, lại đạt được thiên nhãn thông. Lúc ấy, cư sĩ đến chỗ vua, tâu rằng: "Ngưỡng mong Thánh vương thọ mạng vô cùng! Nếu Đại vương cần vàng bạc, châu báu, tôi sẽ cung cấp đầy đủ." Thế rồi, cư sĩ dùng thiên nhãn quán sát, thấy hết khắp nơi, ở đâu có kho báu hay không có kho báu. Vua cần báu gì thì cung cấp đúng lúc. Chuyển Luân Thánh vương muốn thử cư sĩ này, liền đưa cư sĩ qua sông. Khi chưa đến bờ bên kia, vua liền bảo cư sĩ: "Ta đang cần vàng bạc, châu báu, phải chuẩn bị ngay bây giờ." Cư sĩ đáp: "Bước lên bờ hạ thần sẽ cung cấp cho." Chuyển Luân Thánh vương bảo: "Ta cần ngay bây giờ, không thể đợi lên bờ." Bấy giờ, cư sĩ liền quỳ gối, chắp tay hướng xuống mặt nước, bảy báu trong nước tức thời vọt lên. Lúc đó, Chuyển Luân Thánh vương bảo cư sĩ: "Thôi, thôi! Cư sĩ! Ta không cần châu báu nữa!" Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như thế.

[0732c11] Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

– Chuyển Luân Thánh vương thành tựu điển binh báu thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Này Tỳ-kheo! Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời, liền có điển binh báu này tự nhiên đến hầu, thông minh cái thế, biết rõ lòng người, thân thể hoàn mỹ, đến trước Chuyển Luân Thánh vương, tâu rằng: "Ngưỡng mong Thánh vương cứ tự nhiên hưởng thụ khoái lạc. Lúc nào Thánh vương cần binh lính, biết rõ thời nghi, tiến dừng đúng lúc, thần sẽ cung cấp ngay." Thế rồi, điển binh báu tùy thuận ý vua, tập hợp binh chủng, đứng hầu bên cạnh vua. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh vương muốn thử điển binh báu, liền bảo: "Hãy khiến cho binh chủng của ta tập hợp ngay!" Tức thời, binh chủng liền tập hợp ngoài cửa thành. Chuyển Luân Thánh vương muốn binh chủng dừng, họ liền dừng, muốn tiến, họ liền tiến. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu điển binh báu này như thế.

Tỳ-kheo nên biết! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu được bảy báu như thế.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

– Chuyển Luân Thánh vương làm thế nào để thành tựu bốn thần túc, được thiện lợi nhanh chóng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Đó là, Chuyển Luân Thánh vương có dung mạo đoan chánh, hiếm có ở đời, vượt hẳn mọi người, dù cho thiên tử cũng không sánh bằng. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ nhất như thế.

Lại nữa, Chuyển Luân Thánh vương thông minh tuyệt đỉnh, thông thạo mọi việc, là bậc hùng mạnh trong loài người, không ai có trí tuệ hơn bậc Chuyển Luân Thánh vương này. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ hai như thế.

[0733a01] Lại nữa, Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương không có tật bệnh, thân thể tráng kiện, thực phẩm vào thân tự nhiên tiêu hóa, không lo đại tiện, tiểu tiện. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu được thần túc thứ ba như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thọ mạng dài lâu không thể tính kể, không ai có thể sống lâu hơn Chuyển Luân Thánh vương. Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ tư như thế.

Này Tỳ-kheo! Chuyển Luân Thánh vương thành tựu bốn thần túc như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Phật:

– Sau khi qua đời, Chuyển Luân Thánh vương sẽ sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

– Sau khi qua đời, Chuyển Luân Thánh vương sẽ sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba, sống lâu ngàn tuổi. Vì sao như thế? Chuyển Luân Thánh vương không tự mình sát sanh, lại dạy người khác không sát sanh; tự mình không trộm cướp, lại

dạy người khác không trộm cướp; tự mình không dâm dục, lại dạy người khác không dâm dục; tự mình không nói sai sự thật, lại dạy người khác không nói sai sự thật; tự mình thực hành mười điều lành, lại dạy người khác thực hành mười điều lành. Tỳ-kheo nên biết! Do công đức này, Chuyển Luân Thánh vương sau khi qua đời sẽ sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền nghĩ: "Chuyển Luân Thánh vương rất đáng được ngưỡng mộ, tuy gọi là người, nhưng lại không phải là người, kỳ thực không phải là trời mà thực thi việc của trời, thọ nhận các lạc thú thù thắng, chẳng đọa vào ba đường ác. Nếu hôm nay ta nỗ lực trì giới, ta sẽ có phước, vào đời sau sẽ được làm Chuyển Luân Thánh vương thì thật là vui thích."

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm Tỳ-kheo ấy, liền bảo:

– Ở trước Như Lai, thầy đừng nên suy nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Chuyển Luân Thánh vương tuy thành tựu bảy báu, có bốn thần túc không ai sánh bằng, nhưng vẫn chưa thoát khỏi ba đường ác là địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Vì sao như thế? Vì Chuyển Luân Thánh vương chưa chứng đắc bốn thiền, chưa chứng đắc bốn thần túc và chưa thông đạt bốn Thánh đế, do nhân duyên này, lại đọa vào ba đường ác. Thân người rất khó được, gặp phải tám nạn, mong cầu thoát ra cực kỳ khó khăn. Được sanh ở cõi nước phồn vinh cũng chẳng phải dễ dàng, mong gặp được bạn hiền thiện cũng không phải dễ, muốn gặp được bậc thiện tri thức cũng chẳng dễ dàng, muốn theo học đạo trong giáo pháp Như Lai cũng rất khó gặp. Như Lai xuất hiện thật khó được gặp. Giáo pháp được diễn thuyết cũng khó gặp như thế. Các pháp giải thoát, pháp bốn Thánh đế và pháp bốn phi thường[45] thật chẳng thể được nghe. Đối với bốn pháp này, Chuyển Luân Thánh vương cũng không thể đạt được rốt ráo.

Này Tỳ-kheo! Lúc Như Lai xuất hiện ở đời, bảy báu liền xuất hiện ở thế gian, đó là báu bảy giác chi của Như Lai, đạt đến sự rốt ráo không giới hạn, trời và người đều khen ngợi. Trong hiện tại, nếu Tỳ-kheo khéo tu Phạm hạnh thì sẽ trừ sạch gốc khổ ngay trong đời này, vậy thì cần gì bảy báu của Chuyển Luân Thánh vương?

[0733b06] Khi ấy, Tỳ-kheo kia nghe Như Lai dạy như thế rồi, liền ở nơi thanh vắng, tư duy về giáo pháp mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, vì muốn tu chánh nghiệp vô thượng, liền biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia liền thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[45] Tứ phi thường (四非常) tức vô thường, khổ, không và vô ngã.

9. ĐÀO NÚI[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Đồng Chân Ca-diếp[47] ngụ ở vườn Trú Ám,[48] thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, Tôn giả Ca-diếp đang kinh hành. Có vị trời đến chỗ Tôn giả Ca-diếp, ở giữa hư không rồi nói với Tôn giả rằng:

– Tỳ-kheo nên biết! Ngôi nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày bị lửa thiêu đốt. Có Bà-la-môn bảo người có trí rằng: "Bây giờ, ông hãy cầm dao đào núi. Khi đào núi, chắc chắn sẽ gặp gánh nặng, ông hãy nhấc nó lên, rồi tiếp tục đào núi. Khi đào núi, chắc chắn sẽ thấy núi, ông hãy bỏ núi ấy đi và hãy tiếp tục đào núi. Khi đào núi, ông sẽ thấy con ễnh ương, hãy bỏ qua con ễnh ương rồi hãy tiếp tục đào núi. Khi đào núi, ông sẽ thấy một đống thịt. Thấy đống thịt rồi, hãy rời bỏ và tiếp tục đào núi. Khi đào núi, ông sẽ gặp gông cùm, hãy rời bỏ gông cùm rồi tiếp tục đào núi. Khi đào núi, ông sẽ thấy hai con đường, hãy bỏ qua hai con đường để rồi tiếp tục đào núi. Khi đào núi, ông sẽ thấy cành cây, thấy cành cây rồi, hãy bỏ qua nó để tiếp tục đào núi. Cuối cùng, ông sẽ thấy con rồng. Thấy rồng rồi, ông đừng trò chuyện mà hãy quy y, cung kính khiến ông được nơi an trú."

Này Tỳ-kheo! Hãy khéo suy nghĩ về ý nghĩa này. Nếu ông không hiểu, hãy đến thành Xá-vệ thưa hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa này. Nếu Như Lai có dạy bảo điều gì, hãy khéo ghi nhớ và thực hành. Vì sao như vậy? Vì tôi chẳng thấy có người nào, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, ma hay thiên ma có thể hiểu được nghĩa này, chỉ trừ đức Như Lai và đệ tử của Ngài. Theo tôi được nghe như vậy.

[0733c02] Tôn giả Ca-diếp đáp:

– Việc này quả thật tuyệt!

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Ca-diếp đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên, đem nhân duyên này thưa lại đầy đủ với Thế Tôn:

– Nay con xin thưa hỏi đức Như Lai về những điều vị trời muốn nói có ý nghĩa gì? Vì sao lại nói: "Nên biết ngôi nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày sẽ bị lửa đốt?" Vì sao gọi là Bà-la-môn? Sao gọi là người trí? Lại nói là đào núi, ý nghĩa này như thế nào? Lại nói về dao, con cũng không hiểu. Vì sao gọi là gánh nặng? Sao gọi là núi, nghĩa này thế nào? Vì sao lại nói ễnh ương? Sao lại nói đống thịt? Sao lại nói gông cùm? Vì cớ gì lại nói hai con đường? Cành cây, nghĩa này thế nào? Sao lại gọi là rồng?

---

[46] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.39.9. 0733b12). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1079. 0282a22); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.95. 0407b13); *M.* 23, *Vammika Sutta* (*Kinh gò mối*).

[47] Đồng Chân Ca-diếp (童真迦葉) tức Kumāra Kassapa.

[48] Trú Ám viên (晝闇園). *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.57. 0013c10) ghi: An-đà lâm (安陀林, Andhavana), là một khu rừng phía Nam thành Xá-vệ.

Thế Tôn dạy:

– Ngôi nhà chính là thân thể do bốn đại tạo thành, thọ nhận tinh cha huyết mẹ, dần dần khôn lớn, được nuôi dưỡng bằng thức ăn, không để thiếu thốn, là pháp phân tán. Ban đêm bốc khói là chỉ tâm niệm của chúng sanh. Ban ngày lửa thiêu đốt chính là thân, miệng và ý tạo các nghiệp. Bà-la-môn chính là A-la-hán. Người trí là người có học. Đào núi chính là tâm siêng năng. Con dao chính là trí tuệ. Gánh nặng là năm kiết sử. Núi là kiêu mạn. Ễnh ương là tâm sân hận. Đống thịt là tham dục. Gông cùm là năm dục. Hai con đường là sự nghi ngờ. Cành cây là vô minh. Rồng chính là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Những điều vị trời ấy nói có ý nghĩa như thế. Thầy hãy suy nghĩ thật kỹ càng, không bao lâu sẽ dứt sạch hết phiền não.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp tiếp nhận lời dạy của Như Lai xong, liền đến nơi thanh vắng để tự tu tập. Sở dĩ người thiện nam cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo là vì muốn tu Phạm hạnh, để biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Khi ấy, Tôn giả Ca-diếp liền thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. TÔN GIẢ MÃN NGUYỆN TỬ[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ ở vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Khi ấy, Tôn giả Mãn Nguyện Tử[50] cùng năm trăm Tỳ-kheo đang đi du hóa ở quê nhà.

Bấy giờ, sau khi an cư chín mươi ngày ở thành La-duyệt xong, Thế Tôn tuần tự du hóa trong nhân gian rồi đến vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, nhiều Tỳ-kheo cư ngụ đây đó trong nhân gian cũng đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

[0734a06] Khi ấy, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy đã an cư ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng con an cư ở quê hương.

---

[49] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.10. 0733c28). Tham chiếu: *Thất xa kinh* 七車經 (*T*.01. 0026.9. 0429c28); *M*. 24, *Rathavinīta Sutta* (*Kinh trạm xe*).

[50] Mãn Nguyện Tử (滿願子). *Thất xa kinh* 七車經 (*T*.01. 0026.9) gọi là Mãn Từ Tử (滿慈子); *M*. 24 ghi là Puṇṇa Mantāniputta.

Thế Tôn bảo:

– Này các thầy! Quê hương của các thầy chính là ở trong chúng Tỳ-kheo. Các thầy phải siêng năng thực hành hạnh A-lan-nhã,[51] lại khen ngợi hạnh A-lan-nhã. Tự mình thực hành hạnh khất thực và dạy người khác thực hành hạnh khất thực, không trái thời nghi. Tự mình mặc y chắp vá, lại dạy người khác mặc y chắp vá. Tự mình tu hạnh biết đủ, lại hay khen ngợi hạnh biết đủ. Tự mình thực hành hạnh ít muốn, lại khen ngợi hạnh ít muốn. Tự mình ưa thích nơi nhàn vắng, lại khuyên người khác nên ở chỗ nhàn vắng. Tự mình giữ gìn những hạnh này, lại khuyên người khác giữ gìn những hạnh này. Tự mình thành tựu giới hạnh thanh tịnh trọn vẹn, lại dạy người khác thực thành giới hạnh thanh tịnh trọn vẹn. Tự mình thành tựu chánh định, lại dạy người khác thực hành chánh định. Tự mình thành tựu trí tuệ, lại khiến người thành tựu trí tuệ. Tự mình thành tựu giải thoát, lại dạy người khác thực hành pháp giải thoát. Tự mình thành tựu giải thoát tri kiến, lại dạy người thành tựu pháp này, tự mình giáo hóa không biết nhàm chán, thuyết pháp không hề mệt mỏi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Trong chúng Tỳ-kheo này, có Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử luôn siêng năng giáo hóa, chính mình tu tập hạnh A-lan-nhã, cũng lại khen ngợi hạnh A-lan-nhã; thân mặc y chắp vá, ít muốn biết đủ, siêng năng dũng mãnh, hành hạnh khất thực, ưa chỗ nhàn vắng, thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, lại dạy người khác khiến thực hành pháp này, tự mình giáo hóa, thuyết pháp không hề mệt mỏi.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo. Lắng nghe Phật thuyết pháp rồi, các Tỳ-kheo nán lại giây lát rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách Thế Tôn không xa, đang ngồi kiết-già, thân tâm ngay thẳng, buộc niệm trước mặt rồi nghĩ: "Mãn Nguyện Tử sẽ mau được thiện lợi. Vì sao như vậy? Vì các Tỳ-kheo Phạm hạnh khen ngợi đức hạnh của Tôn giả và điều này đã được đức Thế Tôn ấn chứng, không hề phản đối. Hôm nào đó, ta nên diện kiến và đàm luận cùng Tôn giả ấy."

[0734b04] Bấy giờ, Tôn giả Mãn Nguyện Tử đang ở quê nhà, đi khất thực và giáo hóa trong nhân gian, dần dần đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn tuần tự thuyết pháp cho Tôn giả ấy. Nghe thuyết pháp xong, Tôn giả Mãn Nguyện Tử từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật rồi lui ra, xếp tọa cụ lên vai phải, đi về vườn Trú Ám.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo trông thấy Tôn giả Mãn Nguyện Tử xếp tọa cụ trên vai phải, đang đi đến khu vườn kia, liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

---

[51] Nguyên tác: A-luyện-nhã (阿練若), sống ở rừng núi, tu trong rừng.

– Tôn giả Mãn Nguyện Tử, vị thường được Phật khen ngợi, vừa đến chỗ Thế Tôn nghe pháp, hiện đang trú trong khu vườn này. Tôn giả nên biết, nay đã đúng thời.

Nghe Tỳ-kheo kia nói như thế, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đứng dậy, xếp tọa cụ lên vai phải, đi đến khu vườn kia.

Lúc ấy, Tôn giả Mãn Nguyện Tử đang ngồi kiết-già bên một gốc cây. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đến bên một gốc cây, ngồi ngay ngắn tư duy. Thế rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đứng dậy, đi đến chỗ của Tôn giả Mãn Nguyện Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất liền hỏi Tôn giả Mãn Nguyện Tử:

– Thưa Tôn giả Mãn Nguyện Tử! Có phải do nương nơi Thế Tôn mà Tôn giả nguyện làm đệ tử và tu học Phạm hạnh chăng?

Tôn giả Mãn Nguyện Tử đáp:

– Đúng thế, đúng thế!

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Có phải nhân nơi Thế Tôn mà Tôn giả tu tập giới thanh tịnh chăng?

Mãn Nguyện Tử đáp:

– Không phải vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Có phải do tâm thanh tịnh đối với Như Lai mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh?

Mãn Nguyện Tử đáp:

– Không phải vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Có phải do thấy biết thanh tịnh đối với Như Lai mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh?

Mãn Nguyện Tử đáp:

– Không phải vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Vậy có phải do bởi không do dự mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh?

Mãn Nguyện Tử đáp:

– Không phải vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Có phải do nương theo pháp tu thanh tịnh[52] mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh?

---

[52] Hành tích thanh tịnh (行跡清淨). "Hành tích" nghĩa là dấu vết trên con đường, cũng mang nghĩa là phương pháp tu tập. *Thất xa kinh* 七車經 (*T*.01. 0026.9. 0430c01) gọi là biết rõ hoàn toàn đường chánh và nẻo tà (道非道知見淨).

Mãn Nguyện Tử đáp:

– Không phải vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Vậy có phải do trí thanh tịnh về con đường tu tập[53] mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh?

Mãn Nguyện Tử đáp:

– Không phải vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Có phải do tri kiến thanh tịnh[54] mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh?

[0734c01] Tôn giả Mãn Nguyện Tử đáp:

– Không phải vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Tôi đã hỏi Tôn giả: "Có phải nương nơi Như Lai mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh chăng?" Tôn giả đã trả lời: "Đúng thế!" Tôi lại hỏi: "Có phải do vì trí tuệ, tâm thanh tịnh, đạo và tri kiến thanh tịnh mà Tôn giả tu tập Phạm hạnh chăng?" Tôn giả đáp: "Không phải vậy!" Vậy thì, tại sao Tôn giả lại nương theo Như Lai để tu tập Phạm hạnh?

Tôn giả Mãn Nguyện Tử đáp:

– Do giới thanh tịnh nên tâm thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh nên thấy biết thanh tịnh. Do thấy biết thanh tịnh nên không do dự thanh tịnh. Do không do dự thanh tịnh nên pháp tu thanh tịnh. Do pháp tu thanh tịnh nên có trí thanh tịnh về con đường tu tập. Do con đường tu tập thanh tịnh nên tri kiến thanh tịnh. Do tri kiến thanh tịnh nên đạt đến Niết-bàn. Đó gọi là nương theo Như Lai để tu tập Phạm hạnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Ý nghĩa Tôn giả đã nói, mục đích là gì?

Tôn giả Mãn Nguyện Tử đáp:

– Tôi sẽ dùng ví dụ để giải nghĩa này. Người trí nhờ ví dụ mà hiểu nghĩa nên người trí tự mình giác ngộ. Ví như hôm nay, Vua Ba-tư-nặc đi từ thành Xá-vệ đến nước Bạt-kỳ,[55] khoảng cách giữa hai nước đặt bảy cỗ xe. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc ra khỏi thành, ngồi xe thứ nhất đi đến xe thứ hai, lên xe thứ hai bỏ xe thứ nhất; đi thêm một đoạn lại bỏ xe thứ hai, lên xe thứ ba; đi thêm một đoạn lại bỏ xe thứ ba, lên xe thứ tư; đi thêm một đoạn lại bỏ xe thứ tư, lên xe thứ năm;

---

[53] Ư đạo chi trung trí tu thanh tịnh (於道之中智修清淨). Bản Tống, Nguyên, Minh không có chữ "tu" (修).

[54] Tri kiến thanh tịnh (知見清淨). Tri kiến (知見) là tên khác của trí tuệ. Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh từ điển* (妙法蓮華經詞典).

[55] Nguyên tác: Bà-kỳ (婆祇), phiên âm khác của nước Bạt-kỳ (Vajjī).

đi thêm một đoạn lại bỏ xe thứ năm, lên xe thứ sáu; đi thêm một đoạn lại bỏ xe thứ sáu, lên xe thứ bảy rồi vào đến nước Bạt-kỳ. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đã vào trong cung. Nếu có người hỏi: "Hôm nay, Đại vương dùng xe nào đến cung này?" Nhà vua sẽ đáp thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Nếu có người hỏi, vua sẽ đáp thế này: "Tôi ra khỏi thành Xá-vệ. Trước hết, ngồi xe thứ nhất, lên xe thứ hai, rồi bỏ xe thứ hai lên xe thứ ba, lại bỏ xe thứ ba lên xe thứ tư, bỏ xe thứ tư lên xe thứ năm, lại bỏ xe thứ năm lên xe thứ sáu, lại bỏ xe thứ sáu lên xe thứ bảy, rồi đến nước Bạt-kỳ. Vì sao như thế? Tất cả đều do từ xe đầu tiên đến xe thứ hai, lần lượt tiếp nối nhau mà đến được nước kia." Nếu có người hỏi, vua sẽ đáp như thế.

Tôn giả Mãn Nguyện Tử đáp:

– Ý nghĩa giới thanh tịnh cũng như thế. Do tâm thanh tịnh nên được thấy biết thanh tịnh. Do thấy biết thanh tịnh đưa đến không do dự thanh tịnh. Do không do dự thanh tịnh nên đưa đến pháp tu thanh tịnh. Do pháp tu thanh tịnh nên đưa đến trí thanh tịnh về con đường tu tập. Do trí thanh tịnh về con đường tu tập nên đưa đến tri kiến thanh tịnh. Do tri kiến thanh tịnh nên đưa đến Niết-bàn, nên nương theo Như Lai để tu tập Phạm hạnh.

Bởi vì sao? Vì giới thanh tịnh là tướng của đối đãi,[56] thế nhưng, Như Lai nói nên xa lìa sự đối đãi. Tâm thanh tịnh cũng là tướng đối đãi, thế nhưng, Như Lai nói nên xa lìa sự đối đãi,... cho đến do tri kiến cũng là đối đãi và Như Lai nói nên xa lìa sự đối đãi,... cho đến Niết-bàn, nên nương theo Như Lai để tu tập Phạm hạnh.

Nếu vì giới thanh tịnh mà nương theo Như Lai tu tập Phạm hạnh thì kẻ phàm phu cũng sẽ được giải thoát. Vì sao như vậy? Vì phàm phu cũng có giới pháp này. Thế Tôn đã giảng nói, do thứ lớp mà chứng thành đạo quả, đạt đến cảnh giới Niết-bàn, chứ không phải chỉ riêng giới thanh tịnh mà được giải thoát.

Ví như có người muốn lên đến lầu bảy tầng, chắc chắn phải lên theo thứ tự. Giới thanh tịnh cũng như vậy, từ giới thanh tịnh dần dần đưa đến tâm thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh đưa đến thấy biết thanh tịnh. Do thấy biết thanh tịnh đưa đến không do dự thanh tịnh. Do không do dự thanh tịnh đưa đến pháp tu thanh tịnh. Do pháp tu thanh tịnh mà có trí thanh tịnh về con đường tu tập. Do trí thanh tịnh về con đường tu tập nên đưa đến tri kiến thanh tịnh. Do tri kiến thanh tịnh nên đạt đến Niết-bàn.

[0735a18] Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền khen ngợi:

– Lành thay, lành thay! Tôn giả giảng nói ý nghĩa này thật hay. Tôn giả tên họ là gì? Các Tỳ-kheo Phạm hạnh gọi Tôn giả bằng tên gì?

---

[56] Thọ nhập (受入) đồng nghĩa với tiếp nạp (接納). Theo *Hán ngữ đại từ điển* (漢語大辭典), "tiếp nạp" có nghĩa là tiếp đãi (接待).

Tôn giả Mãn Nguyện Tử đáp:

– Các Tỳ-kheo gọi tôi là Mãn Nguyện Tử. Mẹ tôi họ Di-đa-da-ni.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Lành thay, lành thay! Tôn giả Mãn Nguyện Tử! Trong pháp Hiền thánh thật không ai sánh bằng, Tôn giả đã giữ gìn pháp bất tử[57] để rồi ban rải cùng khắp. Tôi đã thưa hỏi nghĩa lý thâm sâu mà Tôn giả đều diễn nói thông suốt. Giả sử các vị Phạm hạnh có đội Tôn giả trên đầu rồi đi khắp thế gian, cũng không thể báo đáp được ân này. Những ai đến gần gũi thưa hỏi, người ấy sẽ nhanh chóng được lợi ích. Nay tôi cũng được lợi ích nhờ tiếp nhận những lời dạy bảo này.

Tôn giả Mãn Nguyện Tử nói:

– Lành thay, lành thay! Như lời Tôn giả nói. Tôn giả tên họ là gì? Các Tỳ-kheo gọi Tôn giả là gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Tôi tên Ưu-ba-đề-xá. Mẹ tên là Xá-lợi. Các Tỳ-kheo gọi tôi là Xá-lợi-phất.

Tôn giả Mãn Nguyện Tử nói:

– Hôm nay, tôi được cùng đàm luận với bậc Đại nhân. Trước đó, tôi không hề biết rằng bậc Tướng quân của Chánh pháp đã đến đây! Nếu tôi biết Tôn giả Xá-lợi-phất đến, tôi đã không đối đáp, biện luận với Tôn giả thế này. Tuy nhiên, nghĩa lý Tôn giả đã hỏi rất thâm sâu nên tôi cứ tùy nghi giải đáp. Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả là bậc thượng thủ trong hàng đệ tử của Phật, thường dùng pháp vị giải thoát để tự an vui. Giả sử các vị Phạm hạnh đội Tôn giả Xá-lợi-phất trên đầu rồi đi khắp thế gian, hết năm này qua năm khác, cũng không thể nào báo đáp được một chút ân này. Chúng sanh nào đến thăm hỏi, gần gũi Tôn giả, người ấy chắc chắn được lợi ích. Chúng tôi cũng chóng được lợi ích.

Bấy giờ, hai Hiền giả cùng đàm luận trong khu vườn như thế.

Thế rồi, hai Tôn giả cùng lắng nghe nhau xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt mười bài kinh trên:

Đẳng pháp cập Trú Độ,
Thủy cập Thành quách dụ,
Thức, Quân-đầu, Nhị luân,
Ba Mật cập Thất xa.[58]

[57] Cam lộ (甘露).

[58] Nguyên tác Nhiếp tụng: 等法及晝度; 水及城郭喻; 識, 均頭, 二輪; 波蜜及七車. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 33.

40. PHẨM BẢY MẶT TRỜI[1]

1. KIẾP THÀNH, KIẾP HOẠI[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, sau giờ thọ trai, chúng Tỳ-kheo cùng nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội rồi bàn luận như vầy:

– Núi Tu-di[3] này rất cao lớn, các ngọn núi khác không thể sánh bằng, rất kỳ diệu, hiếm có, cao lớn hùng vĩ. Tuy vậy, chẳng bao lâu nữa ngọn núi này sẽ bị sụp đổ, không còn lại gì. Những ngọn núi lớn khác dựa vào núi Tu-di cũng bị sụp đổ theo.

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ, đức Thế Tôn nghe những Tỳ-kheo bàn luận như thế, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến giảng đường rồi ngồi xuống.

Khi ấy, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy ở đây bàn luận điều gì? Muốn thực hành điều gì chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng con nhóm họp ở đây để bàn luận về các pháp, những điều chúng con vừa bàn luận đều như pháp.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay! Tỳ-kheo! Các thầy xuất gia, khi bàn luận cần phải đúng pháp, cũng không nên xa lìa pháp im lặng của Hiền thánh. Vì sao như vậy? Vì khi Tỳ-kheo cùng nhóm họp một chỗ, có hai việc cần phải làm. Thứ nhất, cùng nhau đàm luận Phật pháp. Thứ hai, im lặng như Hiền thánh. Các thầy thực hành đúng theo hai điều này thì sẽ luôn an ổn, không trái thời nghi. Vừa rồi, các thầy bàn luận nghĩa lý như pháp như thế nào?

---

[1] Nguyên tác: *Thất nhật phẩm* 七日品 (*T*.02. 0125.40. 0735b19).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.1. 0735b20). Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.9. 0137b01); *Thất nhật kinh* 七日經 (*T*.01. 0026.8. 0428c07); *D*. 27, *Aggañña Sutta* (*Kinh khởi thế nhân bổn*); *A*. 7.66 - IV. 100.

[3] Tu-di sơn (須彌山, Sineru): Núi Tu-di còn gọi là Diệu Cao (妙高), Diệu Quang (妙光), tên một ngọn núi cao lớn nhất trong thần thoại Ấn Độ cổ đại, là trung tâm của một tiểu thế giới.

[0735c05] Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng con nhóm họp ở giảng đường này, bàn luận như vầy: "Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Núi Tu-di này rất cao lớn. Tuy cao lớn là vậy nhưng chẳng bao lâu nữa núi Tu-di này sẽ bị sụp đổ, những ngọn núi Thiết Vi ở bốn phía sẽ bị sụp đổ như thế." Chúng con nhóm họp ở đây vừa bàn luận những điều như pháp như vậy.

Thế Tôn dạy:

– Các thầy có muốn nghe sự biến đổi và tan rã của cõi thế gian này không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Quả thật đúng lúc, cúi mong Thế Tôn diễn nói việc hợp thời, khiến cho tâm của nhiều loài chúng sanh được giải thoát.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ trong lòng.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

– Núi Tu-di ấy rất cao lớn, những ngọn núi khác không thể sánh bằng. Tỳ-kheo nên biết! Núi Tu-di cao hơn mực nước khoảng tám vạn bốn ngàn do-tuần,[4] chìm sâu dưới nước cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi Tu-di do bốn loại báu tạo thành: Vàng, bạc, thủy tinh và lưu ly. Bốn góc cũng được tạo thành bởi bốn loại báu: Vàng, bạc, thủy tinh và lưu ly. Thành bằng vàng thì tường bằng bạc, thành bằng bạc thì tường bằng vàng, thành [bằng] thủy tinh thì tường bằng lưu ly, thành lưu ly thì tường bằng thủy tinh. Trên núi Tu-di có năm cung trời cư ngụ, đều do nhân duyên nhiều kiếp mà được cư ngụ ở đó. Đó là năm cung trời nào? Cung trời Tế Cước cư ngụ trong thành bằng bạc. Cung trời Thi-lợi-sa cư ngụ trong thành bằng vàng, cung trời Hoan Duyệt cư ngụ trong thành bằng thủy tinh và cung trời Lực Thạnh cư ngụ trong thành bằng lưu ly. Ở giữa thành vàng và thành bạc có vua trời Tỳ-sa-môn cùng các dạ-xoa,[5] nhiều không thể tính kể cư ngụ. Ở giữa thành vàng và thành thủy tinh có vua trời Tỳ-lưu-bác-xoa cùng các long thần cư ngụ. Ở giữa thành thủy tinh và thành lưu ly có vua trời Tỳ-lưu-lặc-xoa cư ngụ. Ở giữa thành lưu ly và thành bạc có vua trời Đề-đầu-lại-tra cư ngụ.

---

[4] Do-tuần (由旬). *Trú Độ thọ kinh* 晝度樹經 (*T*.01. 0026.2. 0422b04) ghi là do-diên (由延); *Pháp trang nghiêm kinh* 法莊嚴經 (*T*.01. 0026.213. 0795c01) ghi là câu-lâu-xá (拘婁舍, *yojana*). Theo *PED*, do tuân là đơn vị đo chiều dài, khoảng 7 dặm Anh.

[5] Duyệt-xoa (閱叉). *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0117c11) và *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.101. 0028b01) ghi là dạ-xoa hoặc duyệt-xoa (夜叉/悅叉), *Ngưu Giác Sa-la lâm kinh* 牛角娑羅林經 (*T*.01. 0026.185. 0730c26) ghi là "quỷ thiên" (鬼天, *yakkha*). Theo *Phật học đại từ điển* (佛學大辭典), "dạ-xoa" là 1 loài trong 8 bộ chúng, được phân làm 3 loại: Loại thứ nhất ở trên mặt đất, loại thứ 2 ở giữa hư không, loại thứ 3 ở trên các cõi trời.

Tỳ-kheo nên biết! Phía dưới núi Tu-di là nơi ở của a-tu-la.[6] Nếu lúc a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, trước hết họ đánh nhau với chư thiên Tế Cước, nếu đánh thắng, họ lại đến thành bằng vàng đánh với chư thiên Thi-lợi-sa. Thắng chư thiên Thi-lợi-sa rồi, họ lại đến thành thủy tinh đánh chư thiên Hoan Duyệt. Thắng rồi, họ lại đến thành lưu ly đánh chư thiên Lực Thạnh. Thắng được chư thiên cõi trời này, cuối cùng mới đánh nhau với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba.

[0736a06] Tỳ-kheo nên biết! Cõi trời Ba Mươi Ba tọa lạc trên đỉnh núi Tu-di, ánh sáng chiếu soi cả ngày lẫn đêm. Ngọn núi này tự phát ra ánh sáng chiếu soi nên mới như thế. Mặt trời, mặt trăng nương vào núi Tu-di mà vận hành. Thành quách của Nhật thiên tử chu vi năm mươi mốt do-tuần, thành quách của Nguyệt thiên tử chu vi ba mươi chín do-tuần. Ngôi sao lớn nhất chu vi một do-tuần, ngôi sao nhỏ nhất chu vi hai trăm bộ.[7] Trên đỉnh Tu-di, chu vi bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc rộng tám mươi bốn ngàn do-tuần. Về phía Nam, gần núi Tu-di có dãy núi Đại Thiết Vi, dài tám mươi bốn ngàn dặm, cao tám ngàn dặm. Ở phía ngoài dãy núi này, có dãy núi Ni-di-đà bao bọc xung quanh. Kế dãy núi Ni-di-đà lại có dãy núi Khư-la. Kế dãy núi này lại có dãy núi Tỷ-sa. Kế dãy núi này lại có dãy núi Mã Đầu, rồi lại đến dãy núi Tỳ-na-da. Kế dãy núi Tỳ-na-da lại có dãy Thiết Vi và Đại Thiết Vi.

Ở giữa núi Thiết Vi có tám địa ngục lớn. Mỗi địa ngục lớn đều chia thành mười sáu ngục nhỏ. Núi Thiết Vi này đem lại rất nhiều lợi ích cho cõi Diêm-phù-đề. Nếu không có núi Thiết Vi này thì cõi Diêm-phù-đề thường có mùi xú uế. Bên ngoài dãy Thiết Vi có ngọn núi Hương Tích, có tám vạn bốn ngàn voi chúa trắng sinh sống bên sườn núi này, mỗi con có sáu ngà, được trang sức bằng vàng, bạc. Trong ngọn núi Hương Tích có tám vạn bốn ngàn hang động, những loài voi ở trong đó đều được tạo thành bởi vàng, bạc, thủy tinh và lưu ly. Thích-đề-hoàn-nhân cỡi voi thù thắng nhất, còn Chuyển Luân Thánh vương cỡi voi bậc thấp nhất. Bên cạnh núi Hương Tích có hồ nước Ma-đà, được bao phủ đầy hồ bởi hoa sen xanh[8] và hoa sen trắng,[9] những loài voi kia đào củ sen để ăn. Bên cạnh hồ nước Ma-đà là ngọn núi Ưu-xà-già-la, có vô số chủng loại cây cỏ, chim muông và côn trùng sinh sôi ở trong ấy. Lại có những bậc đắc đạo có thần thông cùng cư ngụ trong ngọn núi này. Kế đó lại có ngọn núi Bàn-trà-bà, kế đó nữa có ngọn núi Kỳ-xà quật,[10] đây chính là nơi nương tựa của cõi Diêm-phù-đề.

---

[6] A-tu-luân (阿須倫). Theo *Phật học đại từ điển* (佛學大辭典), "a-tu-luân" dịch là phi thiên (非天), một trong 8 bộ chúng, thường đánh nhau với cõi trời Đế-thích.

[7] Bộ (步). Theo *Hán-Việt đại từ điển* (漢越大辭典): Đơn vị đo chiều dài thời xưa, thời nhà Chu (周) định 8 thước là một bộ, thời nhà Tần (秦) định 6 thước là một bộ.

[8] Ưu-bát liên hoa (優鉢蓮華): Hoa sen xanh.

[9] Câu-mâu-đầu hoa (拘牟頭華) còn gọi câu-vật-đầu (拘勿頭): Hoa sen trắng.

[10] Kỳ-xà quật (耆闍崛, Gijjhakūta), tên một ngọn núi gần thành Vương Xá (Rājagaha), còn gọi là núi Thứu Phong (鷲峰山), Linh Thứu (靈鷲山). Do tảng đá trên ngọn núi có hình con chim kên kên, nhân đó mà đặt tên.

[0736b01] Tỳ-kheo nên biết! Cho đến lúc, khi thế gian này sắp tan hoại, lúc ấy trời hạn hán, tất cả hạt giống đều không thể nảy mầm, hết thảy khe suối, sông hồ đều khô cạn. Các pháp hữu vi đều thuộc vô thường, không tồn tại mãi.

Tỳ-kheo nên biết! Cho đến lúc bốn dòng sông lớn là sông Hằng-già,[11] sông Tư-đầu, sông Tử-đà và sông Bà-xoa cũng đều khô cạn, không còn một giọt nước. Thật vậy, này Tỳ-kheo! Vô thường biến đổi trăm lần, chính là điều này.

Này Tỳ-kheo! Cho đến lúc thế gian này xuất hiện hai mặt trời, khi ấy tất cả cỏ cây, hoa lá đều rơi rụng, điêu tàn. Thật vậy, này Tỳ-kheo! Vô thường biến đổi, chẳng gì bền lâu. Bấy giờ, các nguồn nước nhỏ như khe, suối, thảy đều cạn kiệt. Tỳ-kheo nên biết, khi hai mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn thảy đều khô cạn cả một trăm do-tuần, cạn dần đến bảy trăm do-tuần, nước tự nhiên khô cạn dần.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc thế gian có ba mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn tự nhiên khô cạn cả một ngàn do-tuần, cạn dần đến bảy ngàn do-tuần, nước tự nhiên khô cạn.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc bốn mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước trong bốn biển lớn chỉ còn sâu một ngàn do-tuần. Thật vậy, này Tỳ-kheo! Các pháp hữu vi đều thuộc vô thường, không tồn tại mãi.

Tỳ-kheo nên biết! Cho đến lúc năm mặt trời xuất hiện ở thế gian, khi đó nước trong bốn biển lớn còn bảy trăm do-tuần, dần dần rút hết chỉ còn một trăm do-tuần.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc năm mặt trời xuất hiện, khi ấy nước biển chỉ còn một do-tuần rồi dần dần khô cạn không còn một giọt. Đến lúc năm mặt trời xuất hiện, mực nước chỉ còn đúng bảy thước. Lúc năm mặt trời xuất hiện, bốn biển khô cạn không còn một giọt. Tỳ-kheo nên biết! Các pháp hữu vi, đều thuộc vô thường, không tồn tại mãi.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc sáu mặt trời xuất hiện, mặt đất dày sáu vạn tám ngàn do-tuần này thảy đều bốc khói. Núi Tu-di cũng dần dần tan chảy. Lúc sáu mặt trời xuất hiện, ba ngàn đại thiên cõi nước này đều tan chảy hết, ví như người thợ gốm nung đồ gốm. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên cõi nước cũng lại như thế, lửa cháy hừng hực, bao trùm khắp nơi.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc sáu mặt trời xuất hiện, tám địa ngục lớn cũng bị hủy diệt, loài người đều bị chết sạch. Năm chư thiên ở cõi trời núi Tu-di cũng đều mạng chung, cõi trời Ba Mươi Ba, cõi Diệm thiên cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại cũng đều mạng chung, cung điện trống trơn. Lúc sáu mặt trời xuất hiện, núi Tu-di và ba ngàn đại thiên cõi nước đều trống không, chẳng còn sót lại gì. Thật vậy, này Tỳ-kheo! Các pháp hữu vi đều thuộc vô thường, không tồn tại mãi.

---

[11] Hằng-già (恒伽, Gaṅgā), một con sông lớn ở phía Bắc Trung bộ Ấn Độ, chảy theo hướng Đông Nam qua Bangladesh và đổ vào vịnh Bengal.

[0736c03] Tỳ-kheo nên biết! Cho đến lúc bảy mặt trời xuất hiện ở đời, mặt đất này tuy dày đến sáu vạn tám ngàn do-tuần và có đến ba ngàn đại thiên cõi nước nhưng đều bốc lửa. Lúc bảy mặt trời xuất hiện, núi Tu-di dần dần tan chảy, trong khoảng một trăm ngàn do-tuần tự nhiên sụp đổ, không sót lại gì, chẳng thể nhìn thấy một chút khói bụi, huống hồ là thấy tro tàn. Khi ấy, tất cả cung điện từ cung trời Ba Mươi Ba cho đến trời Tha Hóa Tự Tại đều bốc lửa, ánh lửa hực nóng đến trời Phạm thiên. Thiên tử mới sanh ở cung trời ấy, vì chưa bao giờ chứng kiến kiếp thiêu,[12] nên khi thấy ánh lửa nóng này thì rất hoảng sợ, lo lắng sẽ bị lửa đốt, nhưng những vị thiên tử sống lâu, đã từng chứng kiến kiếp thiêu liền đến an ủi những thiên tử mới sanh: "Các ngươi chớ khiếp sợ, ngọn lửa ấy không bao giờ cháy đến nơi này."

Tỳ-kheo nên biết! Lúc bảy mặt trời xuất hiện, từ cõi này đến sáu tầng trời cõi dục, cho đến ba ngàn đại thiên cõi nước đều biến thành tro đất, không còn dấu vết của hình hài, vật chất. Thật vậy, này Tỳ-kheo! Các pháp hữu vi thảy đều vô thường, chẳng thể giữ lâu, đều phải diệt tận. Khi ấy, loài người qua đời hết, rồi tái sanh vào những cõi nước phương khác hoặc sanh lên cõi trời. Những chúng sanh ở trong địa ngục nếu tội cũ đã hết thì được sanh lên cõi trời hoặc những cõi nước phương khác. Tỳ-kheo nên biết! Lúc bảy mặt trời xuất hiện, không còn dấu vết của ánh sáng mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Khi đó mặt trời, mặt trăng đã tiêu tan, không còn ngày đêm. Này Tỳ-kheo! Đó là do duyên nghiệp báo ứng nên mới bị tan hoại như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo nên biết! Cho đến khi kiếp thành tựu trở lại, lúc ấy lửa tự biến mất, có đám mây lớn xuất hiện giữa hư không, rồi dần dần mưa xuống. Thế rồi nước tràn ngập khắp ba ngàn đại thiên thế giới, lên đến cõi trời Phạm thiên. Tỳ-kheo nên biết! Khi ấy nước dần dần tụ lại rồi tự rút hết. Lại có cơn gió nổi lên, tên là Tùy-lam[13] thổi nước này tụ vào một chỗ. Thế rồi, cơn gió kia thổi lên một ngàn núi Tu-di, một ngàn núi Kỳ-di-đà, một ngàn núi Ni-di-đà, một ngàn núi Khư-la, một ngàn núi Y-sa, một ngàn núi Tỳ-na, một ngàn núi Thiết Vi, một ngàn núi Đại Thiết Vi. Lại sanh tám ngàn địa ngục, lại hiện ra một ngàn núi Mã Đầu, một ngàn núi Hương Tích, một ngàn núi Bàn-trà-bà, một ngàn núi Ưu-xà-già, một ngàn cõi Diêm-phù-đề,[14] một ngàn cõi Cù-da-ni,[15] một ngàn

[12] Kiếp thiêu (劫燒): Đại hỏa tai (大火災). Kiếp nạn lửa lớn xảy ra trong chu kỳ kiếp hoại.

[13] Tùy-lam (隨嵐): Ngọn gió mang hơi ẩm của rừng núi.

[14] Diêm-phù-đề (閻浮提, Jambudīpa) hoặc Thiệm-bộ châu (贍部洲): Châu lục nằm phía Nam núi Tu-di (須彌山, Sineru). Theo *Thế kỷ kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0115b19): Phía Nam núi Tu-di có thiên hạ tên là Diêm-phù-đề, đất đai phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, ngang rộng 7 ngàn do-tuần, mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

[15] Cù-da-ni (瞿耶尼) hoặc Cù-đà-ni (瞿陀尼): Tây Ngưu Hóa châu (西牛貨洲, Goyāniya hoặc Aparagoyāna), nằm phía Tây núi Tu-di. Theo *Thế kỷ kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0115b17): Phía Tây núi Tu-di có thiên hạ tên là Cù-da-ni (拘耶尼), địa hình như nửa mặt trăng, ngang rộng 8 ngàn do-tuần, mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

cõi Phất-vu-đãi,[16] một ngàn cõi Uất-đan-việt,[17] lại sanh ra nước trong một ngàn biển cả, lại sanh một ngàn cung trời Tứ Thiên Vương, một ngàn cõi trời Ba Mươi Ba, một ngàn cõi Diệm thiên, một ngàn cõi trời Đâu-suất, một ngàn cõi trời Hóa Tự Tại, một ngàn cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

[0737a05] Tỳ-kheo nên biết! Lúc ấy, nước biển mất, mặt đất được khôi phục. Khi ấy, có lớp đất màu mỡ phủ lên mặt đất tự nhiên, cực kỳ thơm ngon, hơn cả vị cam lộ. Mùi vị của lớp đất màu mỡ này ngọt ngon được ví như vị ngọt của rượu nho.[18]

Tỳ-kheo nên biết! Khi ấy, chư thiên cõi trời Quang Âm bảo nhau: "Chúng ta nên đến cõi Diêm-phù-đề để xem thử hình dáng cõi ấy lúc mới khôi phục." Chư thiên cõi trời Quang Âm liền xuống thế gian, thấy trên mặt đất phủ một lớp đất màu mỡ này, liền dùng tay bốc đưa vào miệng nếm thử. Thế rồi, hễ thiên tử nào ăn lớp đất màu mỡ này càng nhiều thì càng trở nên mất hết oai thần, cũng không còn ánh sáng, thân thể trở nên nặng nề rồi sanh ra xương thịt, mất hết thần túc, không bay được nữa. Còn thiên tử nào ăn ít đất màu mỡ này thì thân thể không nặng, không bị mất thần túc, còn có thể bay trong hư không.

Khi các thiên tử mất hết thần túc, liền than khóc và bảo nhau: "Hôm nay, chúng ta thật là nguy khốn, bị mất hết thần túc, phải ở lại thế gian, không thể về trời được nữa!" Họ liền ăn lớp đất màu mỡ này và nhìn ngắm nhan sắc của nhau. Thế rồi, thiên tử nào lòng dục nhiều thì trở thành thân nữ, rồi cùng hành dâm, cùng nhau thỏa thích.

Do vậy, này Tỳ-kheo! Khi cõi nước này mới hình thành thì pháp dâm dục này cũng bắt đầu lan khắp thế gian. Đây cũng là lẽ thường cổ xưa khi có người nữ xuất hiện ở thế gian, là sự trở về pháp cổ xưa, chẳng phải mới hiện hữu.

Khi ấy, các thiên tử còn lại trên cõi trời Quang Âm, thấy các thiên tử này bị đọa lạc, đều đến trách mắng họ: "Cớ sao các ngươi lại làm hạnh bất tịnh này?" Thế rồi, các chúng sanh liền nghĩ: "Chúng ta phải tìm phương cách nào đó để sống chung với nhau mà chẳng ai nhìn thấy." Rồi dần dần họ làm nhà cửa để che đậy thân thể. Này Tỳ-kheo! Đó là nguyên nhân mà ngày nay có nhà cửa.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc ấy, lớp đất màu mỡ tự nhiên hòa lẫn vào mặt đất, về sau lúa gạo mọc lên, rất mực tốt tươi, sạch sẽ không có vỏ trấu, lại cực kỳ thơm

---

[16] Phất-vu-đãi (弗于逮) hoặc Tỳ-đề-ha (毘提訶): Đông Thắng Thần châu (東勝神洲, Pubbavideha), nằm phía Đông núi Tu-di. Theo *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0115b15): Phía Đông núi Tu-di có một thiên hạ tên là Phất-vu-đãi, lãnh thổ tròn trịa, ngang rộng 9 ngàn do-tuần, mặt người cũng tròn, giống như hình đất.

[17] Uất-đan-viết (鬱單曰) hoặc Uất-đan-việt (鬱單越): Bắc Câu-lô châu (北俱盧洲), nằm phía Bắc núi Tu-di. Theo *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0115b13): "Phật bảo các Tỳ-kheo: Phía Bắc núi Tu-di có một thiên hạ tên là Uất-đan-việt, lãnh thổ vuông vức, ngang rộng một vạn do-tuần, mặt người cũng vuông, giống như hình đất." Trong bản dịch thống nhất dùng âm "Uất-đan-việt."

[18] Bồ đào tửu (蒲桃酒): Rượu nho.

ngon, khiến con người ăn vào luôn khỏe đẹp,[19] hễ thu hoạch buổi sáng thì chiều lúa gạo sanh ra, nếu thu hoạch buổi chiều thì sáng mai lại sanh. Này Tỳ-kheo! Tên gọi lúa gạo cũng từ đây mà có.

Này Tỳ-kheo! Thuở ấy dân chúng biếng nhác, không siêng năng làm lụng, họ lại nghĩ như vầy: "Mỗi ngày chúng ta thu hoạch gạo thóc làm gì? Nên để hai ngày thu hoạch một lần." Khi ấy, cứ hai ngày mọi người mới thu hoạch một lần. Bấy giờ, dân chúng lần lượt mang thai. Từ đây mới có sự sanh sản.

[0737b04] Lại có người bảo người kia rằng:

"Chúng ta hãy cùng nhau thu hoạch lúa gạo."

Người kia đáp:

"Tôi đã tích trữ lương thực cho hai ngày rồi."

Người này nghe xong liền nghĩ: "Ta nên dự trữ lương thực cho bốn ngày." Rồi người ấy liền dự trữ lương thực cho bốn ngày.

Lại có người bảo người kia rằng:

"Chúng ta hãy cùng nhau thu hoạch lúa gạo."

Người này đáp:

"Tôi đã thu hoạch lương thực cho bốn ngày rồi."

Người kia nghe xong, liền nghĩ: "Ta nên chuẩn bị lương thực cho tám ngày." Và rồi, người ấy lo dự trữ thực phẩm cho tám ngày. Khi ấy, lúa gạo kia không sanh ra nữa.

Bấy giờ, mọi người đều nghĩ: "Thế gian này có tai nạn lớn. Hiện nay, lúa gạo này không còn như trước nữa. Phải phân chia lúa gạo này ra." Rồi họ chia lúa gạo cho nhau. Lúc ấy, dân chúng lại nghĩ: "Ta hãy đem giấu lúa gạo của mình rồi trộm cướp lúa gạo của người khác." Thế rồi, chúng sanh kia giấu lúa gạo của mình rồi lấy trộm lúa gạo của người khác. Người chủ bắt gặp kẻ trộm lúa gạo, bảo rằng:

"Cớ sao lại lấy lúa gạo của ta? Lần này ta tha tội cho ngươi, chớ có tái phạm."

Bấy giờ, ở thế gian này bắt đầu xuất hiện người có tâm trộm cướp.

Lại có chúng sanh biết được việc này, liền nghĩ: "Ta nên giấu lúa gạo của mình rồi lấy trộm lúa gạo của người khác." Thế rồi, chúng sanh kia cất giấu lúa gạo của mình rồi lấy trộm của người khác. Người chủ kia bắt gặp, liền bảo người ấy rằng:

"Cớ sao ông lại lấy cắp lúa gạo của ta?"

Người ấy im lặng không đáp. Lúc đó, người chủ liền dùng tay đánh kẻ kia rồi bảo: "Từ nay về sau chớ có xâm phạm."

---

[19] Phì bạch (肥白). Trong quan điểm mỹ học ở Ấn Độ cổ đại, béo mập là tiêu chuẩn lý tưởng của sức khỏe và cái đẹp.

Khi ấy, dân chúng đều nghe mọi người trộm cướp lẫn nhau, họ cùng hội họp và cùng bảo nhau:

"Đã xảy ra việc phi pháp ở thế gian, vì mọi người trộm cướp lẫn nhau. Chúng ta hãy cắt cử người giữ ruộng để giữ gìn ruộng vườn. Có vị nào thông minh tài cao, hãy lập làm chủ giữ ruộng."

Bấy giờ, họ tuyển chọn điền chủ và bảo với người này:

"Các ông nên biết! Đã xuất hiện sự trộm cướp, phi pháp ở thế gian. Các ông hãy gìn giữ ruộng vườn, sẽ được trả công xứng đáng, những ai đến lấy lúa gạo của người khác thì trừng phạt họ."

Khi ấy, họ liền lập điền chủ.

Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ, những người gìn giữ ruộng đất được gọi là dòng Sát-lợi.[20] Đây là pháp thức thuở xưa, chẳng phải pháp mới được lập.

[0737c01] Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Trước tiên dòng Sát-lợi, Tối thượng trong các dòng,
Tài cao lại thông minh, Được trời, người cung kính.

Lúc ấy, hễ có ai xâm phạm tài vật của người khác, sẽ bị dòng Sát-lợi trừng phạt. Nhưng nếu người kia vẫn không ăn năn hối cải, cố ý tái phạm thì chúa dòng Sát-lợi sẽ ra lệnh dùng đao, gậy để bắt giữ, chém đầu. Thế rồi, từ đây thế gian mới bắt đầu có sát sanh. Dân chúng khi nghe lệnh: "Ai trộm cướp lúa gạo của người khác, sẽ bị chúa dòng Sát-lợi bắt giết", họ liền kinh sợ, sởn cả gai ốc. Thế rồi, có người dựng am tranh để ngồi thiền, tu tập Phạm hạnh, nhất tâm chuyên chú, xả bỏ gia nghiệp, vợ con thê thiếp, ở nơi nhàn tịnh, quyết chí tu tập Phạm hạnh. Nhân đây, mới xuất hiện dòng họ Bà-la-môn.[21] Như thế, đã có hai dòng họ xuất hiện trên thế gian.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc đó, do trộm cướp mà có sát sanh, do sát sanh nên có đao, gậy.

Bấy giờ, chúa dòng Sát-lợi loan báo trong dân chúng: "Người nào đoan chánh tài cao, hãy cho thống lãnh dân chúng này." Chúa dòng Sát-lợi lại loan báo: "Nếu người dân nào trộm cướp thì sẽ bị trị tội." Khi đó, dòng họ Tỳ-xá[22] liền xuất hiện ở đời.

Lúc ấy, có nhiều chúng sanh nghĩ rằng: "Hiện nay, chúng sanh giết hại lẫn nhau đều do nghề nghiệp mà ra. Ta nên đi giúp việc khắp nơi để tự kiếm sống." Bấy giờ, dòng họ Thủ-đà-la[23] liền xuất hiện ở thế gian.

---

[20] Sát-lợi (刹利, *Khattiya*): Giai cấp thứ 2 trong 4 giai cấp của Ấn Độ, giai cấp vua chúa.

[21] Bà-la-môn (婆羅門, *Brāhmaṇa*): Giai cấp cao nhất trong 4 giai cấp của Ấn Độ, giai cấp tu sĩ, tế tự.

[22] Tỳ-xá (毘舍, *Vessa*) hoặc gọi Phệ-xá (吠舍): Giai cấp thứ 3 trong 4 giai cấp của Ấn Độ, giai cấp thương nhân.

[23] Thủ-đà-la (首陀羅, *Sudda*): Giai cấp nô lệ, giai cấp thứ tư trong 4 giai cấp của Ấn Độ.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Trước tiên dòng Sát-lợi, Kế đến Bà-la-môn,
Thứ ba là Tỳ-xá, Sau cùng Thủ-đà-la.
Bốn chủng tộc sống chung, Mầm cạnh tranh lớn dần,
Đều là thân trời xuống, Nên tánh nết tương đồng.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc có tâm giết hại và trộm cướp thì lúa gạo không còn tự nhiên hiện ra nữa. Bấy giờ, có năm loại hạt giống hoa màu: Một là, hạt giống từ rễ. Hai là, hạt giống từ thân cây. Ba là, hạt giống từ cành. Bốn là, hạt giống từ hoa. Năm là, hạt giống từ trái. Các loại hạt giống khác được sanh ra từ năm loại này. Năm loại hạt giống này đều theo cơn gió từ cõi nước phương khác thổi đến, người ta lấy để trồng trọt, sử dụng để sanh sống.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Thế gian có những điềm lành và cũng có sanh, già, bệnh, chết. Cho đến hôm nay, dù đã có thân năm uẩn[24] này, nhưng vẫn chưa diệt sạch nguồn gốc khổ đau.

Như vậy là sự biến đổi của kiếp thành, kiếp hoại, Ta đã giảng nói với các thầy. Điều mà chư Phật, Thế Tôn thường thực hiện, nay Ta đã giảng nói hết cho các thầy. Các thầy hãy tìm yên vui nơi vắng vẻ, nên ngồi thiền quán sát, chớ khởi tưởng biếng nhác. Hôm nay không gắng siêng năng, ngày sau hối hận vô ích. Đây là lời dạy của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. BẢY PHÁP BẤT THOÁI[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.[26]

Bấy giờ, Vua A-xà-thế[27] nước Ma-kiệt[28] ra lệnh cho quần thần:

– Nước Bạt-kỳ[29] rất thịnh vượng, dân cư đông đúc. Ta sẽ chinh phạt, thống trị nước đó.

---

[24] Ngũ thạnh ấm thân (五盛陰身). *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T*.01. 0001.9. 0051b08) và *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.13. 0002c01) đều ghi: Ngũ thọ ấm (五受陰); *Độ kinh* 度經 (*T*.01. 0026.13. 0435c28) và *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.10.4. 0564c03) đều ghi: Ngũ thạnh ấm (五盛陰): Đó là sắc thủ uẩn (色取蘊), thọ thủ uẩn (受取蘊), tưởng thủ uẩn (想取蘊), hành thủ uẩn (行取蘊) và thức thủ uẩn (識取蘊). Xem *Kinh người thí và người thọ thí đều tôn quý*, số 4, phẩm 10, tr. 72 trong tập này.

[25] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.2. 0738a11). Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0011a07); *Vũ-thế kinh* 雨勢經 (*T*.01. 0026.142. 0648a24); *D.* 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*); *A.* 7.22 - IV. 17.

[26] La-duyệt (羅閱), tên khác của thành Vương Xá (王舍, Rājagaha), một thời là kinh đô của vương quốc Ma-kiệt-đà hùng mạnh, hiện nay là Rajgir thuộc bang Bihar miền Đông Bắc Ấn.

[27] A-xà-thế (阿闍世, Ajātasattu).

[28] Ma-kiệt (摩竭) tức Ma-kiệt-đà (摩揭陀, Magadha).

[29] Bạt-kỳ (拔祇) cũng viết Bạt-kỳ (跋祇, Vajjī).

Lúc ấy, Vua A-xà-thế bảo Bà-la-môn Bà-lợi-ca:[30]

– Khanh hãy đến chỗ đức Thế Tôn, nhân danh ta kính thỉnh an Ngài, cung kính lễ bái rồi thưa giúp trẫm rằng: "Vua A-xà-thế kính bạch đức Thế Tôn: Nhà vua có ý muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, việc đó có nên chăng?" Nếu Như Lai có dạy bảo điều gì, ngươi hãy khéo ghi nhớ rồi về tâu lại cho trẫm. Vì sao như thế? Vì Như Lai không nói hai lời.

Tuân lệnh vua, Bà-la-môn liền đến chỗ Thế Tôn, thưa hỏi Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

– Vua A-xà-thế kính lễ đức Thế Tôn, nhờ con kính lời thăm hỏi Ngài.

Và lại bạch thêm:

– Nhà vua muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ nên đến thỉnh ý Phật trước, việc đó có nên chăng?

Khi ấy, Bà-la-môn kia lấy áo che trên đầu, chân mang giày bằng ngà voi, lưng đeo kiếm bén, nên đức Phật không thuyết pháp cho ông ta.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Nếu dân chúng nước Bạt-kỳ thực hành theo bảy pháp này thì vĩnh viễn không bị giặc bên ngoài phá hoại. Là những pháp nào?

Nếu như dân chúng của nước Bạt-kỳ tập hợp một chỗ, không chia bè kết phái thì sẽ không bị nước khác phá hoại. Đó gọi là pháp đầu tiên để không bị giặc bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan! Nếu dân chúng nước Bạt-kỳ trên thuận dưới hòa thì dân chúng nước Bạt-kỳ không bị người ngoài bắt giữ. Này A-nan! Đó là pháp thứ hai để không bị giặc bên ngoài phá hoại.

[0738b02] Lại nữa, A-nan! Nếu dân chúng nước Bạt-kỳ không dụ dỗ hay chiếm đoạt vợ con người khác, đó là pháp thứ ba để không bị giặc bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan! Nếu dân chúng nước Bạt-kỳ không lan truyền việc nơi này đến nơi kia, cũng không đem việc nơi kia thuật lại nơi này, đó là pháp thứ tư để không bị giặc bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan! Nếu dân chúng nước Bạt-kỳ biết cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, biết thân cận và lễ kính người Phạm hạnh thì đó là pháp thứ năm để không bị giặc bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan! Nếu dân chúng nước Bạt-kỳ không tham lam tài sản quý báu của người khác thì đó là pháp thứ sáu để không bị giặc bên ngoài phá hoại.

[30] Bà-lợi-ca (婆利迦, Vassakāra).

Lại nữa, A-nan! Nếu dân chúng nước Bạt-kỳ đều chung một lòng, tôn trọng tháp miếu,[31] giữ tâm chuyên nhất thì chẳng bị giặc bên ngoài phá hoại. Đó là pháp thứ bảy không bị giặc bên ngoài phá hoại.

Như vậy, này A-nan! Dân chúng Bạt-kỳ thực hành theo bảy pháp này thì không bao giờ bị giặc bên ngoài phá hoại.

Khi ấy, Bà-la-môn[32] bạch Phật:

– Giả sử dân chúng nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp thôi, cũng không ai có thể phá hoại được, huống gì đến bảy pháp thì làm sao phá hoại được? Thôi, thôi! Bạch đức Thế Tôn, việc nước bề bộn, con xin trở về.

Bấy giờ, Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy rồi lui ra.

Bà-la-môn rời đi chưa bao xa, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ giảng nói bảy pháp không thoái chuyển, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy:

– Thế nào là bảy pháp không thoái chuyển? Tỳ-kheo nên biết! Nếu Tỳ-kheo nhóm họp một chỗ, hòa thuận với nhau, kính trên nhường dưới, giúp nhau hướng thượng, tu các pháp lành, lòng không thoái chuyển, cũng không để ma có cơ hội. Đó là pháp không thoái chuyển đầu tiên.

Lại nữa, chúng Tăng hòa hợp, thuận theo giáo pháp, ngày một thẳng tiến, lòng không thoái chuyển, chẳng bị Ma vương phá hoại. Đó là pháp không thoái chuyển thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo không đam mê thế sự,[33] không huân tập việc thế gian, ngày một thẳng tiến, không để Thiên ma có cơ hội. Đó là pháp không thoái chuyển thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo không tụng đọc sách vở tạp loạn, suốt ngày thúc liễm tâm ý, ngày một thẳng tiến, không để Ma vương có cơ hội. Đó là pháp không thoái chuyển thứ tư.

[0738c02] Lại nữa, Tỳ-kheo siêng năng tu tập theo giáo pháp, trừ bỏ sự ngủ nghỉ, luôn tự cảnh tỉnh mình, ngày một thẳng tiến, không để Tệ ma[34] có cơ hội. Đó là pháp không thoái chuyển thứ năm.

---

[31] Thần tự (神寺, *cetiya*). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0011b07) ghi: Tông miếu (宗廟). *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603b14) ghi: Tự (寺). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.585. 0155c01) ghi: Tháp sở (塔所).

[32] Nguyên tác: Phạm chí (梵志).

[33] Bất trước sự vụ (不著事務). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0011c08) ghi: Bất hảo đa vi (不好多為). *Vũ-thế kinh* 雨勢經 (*T*.01. 0026.142. 0649c11) ghi: Bất nhạo ư nghiệp (不樂於業).

[34] Tệ ma (弊魔) tức Ma vương Ba-tuần (魔王波旬).

Lại nữa, Tỳ-kheo không học tập toán số, chú thuật, cũng không dạy người khác học tập theo, ưa thích nơi vắng lặng, tu tập theo giáo pháp, ngày một thẳng tiến, không để Tệ ma có cơ hội. Đó là pháp không thoái chuyển thứ sáu.

Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tưởng rằng, tất cả thế gian không có gì đáng ưa thích, tu tập thiền định, kiên nhẫn đối với giáo pháp, ngày một thẳng tiến, không để ma vương có cơ hội. Đó là pháp không thoái chuyển thứ bảy. Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này, luôn hòa thuận với nhau thì ma vương không có cơ hội quấy phá.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Buông mọi sự thế gian,
Nếu không hành pháp đó,
Sống an lạc trong pháp,
Thực hành pháp lạc an,
Lìa tư duy tạp loạn,
Sẽ không đắc chánh định.
Nghĩa lý hiểu rõ ràng,
Tỳ-kheo đắc chánh định.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu bảy pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. BẢY GIÁC CHI[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng nói về bảy thứ phiền não sai khiến,[36] các thầy hãy khéo ghi nhớ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn bảo:

– Đó là những thứ nào? Một là, bị sai khiến bởi tham dục.[37] Hai là, bị sai khiến bởi sân hận.[38] Ba là, bị sai khiến bởi kiêu mạn.[39] Bốn là, bị sai khiến bởi

---

[35] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.3. 0738c20). Tham chiếu: *A*. 7.11 - IV. 9.

[36] Sử (使, *anuseti*), tên gọi khác của phiền não (煩惱). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.15. 0003a18) ghi: Tùy sử sử (隨使使).

[37] Tham dục sử (貪欲使) chỉ cho tham dục phiền não, một trong 10 căn bản phiền não. Tham dục phiền não trói buộc chúng sanh khiến trôi lăn trong 3 cõi. *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0054b27) ghi là "dục ái sử" (欲愛使); *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603c14) ghi là dục sử (欲使); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.470. 0120a16) ghi: Tham sử (貪使) hoặc "tham dục sử" (貪欲使).

[38] Sân khuể sử (瞋恚使). *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603c14) ghi là "khuể sử" (恚使).

[39] Kiêu mạn sử (憍慢使). *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0054b27) và *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603c14) đều ghi: Mạn sử (慢使).

si mê.[40] Năm là, bị sai khiến bởi nghi ngờ, do dự.[41] Sáu là, bị sai khiến bởi tà kiến[42] và bảy là bị sai khiến bởi tham muốn thế gian.[43]

Này Tỳ-kheo, đó là bảy loại phiền não sai khiến. Nó sai khiến chúng sanh ở mãi trong u tối, khiến thân bị trói buộc, luân chuyển trong thế gian không hề ngừng nghỉ, cũng không thể biết đâu là cội nguồn sống chết. Ví như có hai con trâu, một con trâu đen và một con trâu trắng cùng mang một cái ách, cùng kéo với nhau, không thể tách rời. Những chúng sanh này cũng như thế, bị phiền não tham dục, phiền não vô minh sai khiến, trói buộc không thể chia lìa. Năm thứ phiền não sai khiến, trói buộc còn lại kia cũng thường đuổi theo. Năm thứ phiền não sai khiến đeo bám, đuổi theo thì bảy thứ cũng như thế. Phàm phu nào bị bảy phiền não sai khiến này trói buộc thì lưu chuyển trong sanh tử, không được giải thoát, không thể biết rõ nguồn gốc khổ đau.

[0739a04] Tỳ-kheo nên biết! Do bảy phiền não sai khiến này mà có ba đường ác: Địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Do bảy phiền não sai khiến này mà không thể vượt qua khỏi cảnh giới của Tệ ma. Tuy nhiên, có bảy phương thuốc để đối trị bảy phiền não sai khiến này. Là những phương thuốc nào? Dùng niệm giác chi[44] để đối trị phiền não bị tham dục sai khiến. Dùng trạch pháp giác chi[45] để đối trị phiền não bị sân hận sai khiến. Dùng tinh tấn giác chi[46] để đối trị phiền não bị tà kiến sai khiến. Dùng hỷ giác chi[47] để đối trị phiền não bị tham muốn thế gian sai khiến. Dùng khinh an giác chi[48] để đối trị phiền não kiêu mạn sai khiến. Dùng định giác chi[49] để đối trị phiền não nghi ngờ, do dự sai khiến. Dùng

---

[40] Si sử (癡使) tức "vô minh." *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0054b28) và *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603c15) đều ghi: Vô minh sử (無明使); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.490. 0127a29) ghi: Vô minh sử (無明使) hoặc si sử (癡使).

[41] Nghi sử (疑使). Theo *Đại thừa nghĩa chương* 大乘義章 (*T*.44. 1851.5. 0561b21), gọi là "sử", vì luôn trói buộc tâm ý, "sử" này tức phiền não, như tội nhân ở thế gian bị bắt bớ, giam cầm, phiền não này cũng như thế, giam cầm chúng sanh lâu dài, trói buộc trong 3 cõi, không thể thoát ra được nên gọi là "sử".

[42] Kiến sử (見使) tức "tà kiến sử" (邪見使).

[43] Dục thế gian sử (欲世間使). *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001. 0054b27) và *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.490. 0127a28) đều ghi: Hữu ái sử (有愛使); *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603c14) ghi: Hữu sử (有使).

[44] Niệm giác ý (念覺意). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0012a02) ghi: Niệm giác ý (念覺意); *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0432c17) ghi: Niệm giác chi (念覺支); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.182. 0047b28) ghi: Niệm giác phần (念覺分).

[45] Pháp giác ý (法覺意). *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T*.01. 0026.58. 0493a18) ghi: Trạch pháp giác chi (擇法覺支); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.182. 0047c06) ghi: Trạch pháp giác phần (擇法覺分).

[46] Tinh tấn giác ý (精進覺意). *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T*.01. 0026.58. 0493a18) ghi: Tinh tấn giác chi (精進覺支); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.182. 0047c06) ghi: Tinh tấn giác phần (精進覺分).

[47] Hỷ giác ý (喜覺意). *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T*.01. 0026.58. 0493a18) ghi: Hỷ giác chi (喜覺支); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.182. 0047c07) ghi: Hỷ giác phần (喜覺分).

[48] Ỷ giác ý (猗覺意) tức khinh an. *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0012a04) ghi: Ỷ giác ý (猗覺意); *Đẳng tâm kinh* 等心經 (*T*.01. 0026.21. 0449a01) ghi: Tức (息); *Hà nghĩa kinh* 何義經 (*T*.01. 0026.042. 0485a25) ghi: Chỉ (止); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.109. 0035a09) ghi: Ỷ tức (猗息), *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.255. 0064b05) ghi: Hưu tức (休息), *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.212. 0053c26) ghi: Chỉ tức (止息).

[49] Định giác ý (定覺意).

xả giác chi[50] để đối trị phiền não si mê sai khiến. Này Tỳ-kheo! Đó là bảy giác chi[51] dùng để đối trị với bảy phiền não sai khiến.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc Ta chưa thành Phật, đang thực hành hạnh Bồ-tát, khi ngồi bên cội cây Bồ-đề, Ta khởi niệm như vầy: "Chúng sanh trong cõi dục bị những gì trói buộc?" Rồi lại nghĩ: "Chúng sanh bị bảy thứ phiền não sai khiến trói buộc, luân chuyển trong sanh tử, vĩnh viễn không giải thoát được. Ta cũng đang bị bảy thứ phiền não sai khiến này trói buộc nên không thể giải thoát." Lúc ấy Ta lại nghĩ: "Bảy thứ phiền não sai khiến này dùng pháp gì để đối trị?" Ta lại suy nghĩ tiếp: "Sẽ dùng bảy giác chi để đối trị bảy thứ phiền não sai khiến này", nên Ta tư duy về bảy giác chi. Trong lúc Ta tư duy về bảy giác chi thì dứt sạch tâm hữu lậu, liền được giải thoát, về sau thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân. Ta lại ngồi kiết-già trong bảy ngày, tư duy về bảy giác chi này thêm một lần nữa.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu muốn trừ bỏ bảy thứ phiền não sai khiến này, phải nên ghi nhớ tu tập theo pháp bảy giác chi.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. BẢY HẠNG NGƯỜI[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bảy hạng người đáng phụng sự, đáng cung kính, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Là những hạng người nào? Một là, thực hành từ. Hai là, thực hành bi. Ba là, thực hành hỷ. Bốn là, thực hành xả.[53] Năm là, thực hành không. Sáu là, thực hành vô tướng. Bảy là, thực hành vô nguyện.

Đó là bảy hạng người đáng phụng sự, đáng cung kính, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Vì sao như thế? Bởi vì, chúng sanh nào thực hành bảy pháp này thì ngay trong đời hiện tại đạt được phước quả như thế.

---

[50] Nguyên tác: Hộ giác ý (護覺意). *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.010. 0432c18) ghi: Xả giác chi (捨覺支); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.182. 0047c07) ghi: Xả giác phần (捨覺分).

[51] Thất giác ý (七覺意): 7 phương cách tu tập khiến cho trí tuệ phát sanh, đạt đến giải thoát giác ngộ, 1 chi phần trong 37 phẩm trợ đạo.

[52] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.4. 0739a24).

[53] Nguyên tác: Hộ (護).

[0739b02] Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Vì sao Như Lai không giảng nói về Tu-đà-hoàn,[54] Tư-đà-hàm,[55] A-na-hàm,[56] A-la-hán,[57] bậc Độc giác[58] và quả vị Phật mà lại giảng nói về bảy pháp này?

Thế Tôn bảo:

– Bảy hạng người, từ hạng người thực hành lòng từ cho đến hạng người thực hành Vô nguyện, so với bảy quả vị từ Tu-đà-hoàn cho đến quả vị Phật đều không giống nhau. Dù cúng dường bậc Tu-đà-hoàn cho đến cúng dường Phật cũng không được phước quả ngay hiện tại, nhưng cúng dường bảy hạng người này thì sẽ được phước quả ngay trong hiện tại.

Thế nên, này A-nan! Hãy siêng năng dũng mãnh hơn nữa để thành tựu bảy pháp này.

Thật vậy, này A-nan! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

5. MƯỜI PHÁP QUÁN NIỆM[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ bên ao Di Hầu, thuộc thành Tỳ-xá-ly.

Khi ấy, đến giờ khất thực, đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát đi vào thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có vị đại trưởng giả tên Tỳ-la-tiên,[60] vàng bạc, châu báu của ông ta nhiều vô lượng, nhưng lại keo kiệt tham lam, không có tâm bố thí, chỉ hưởng phước cũ, không hề tạo thêm phước mới. Lúc đó, trưởng giả ấy đang cùng các kỹ nữ đàn ca hát xướng, vui chơi ở hậu cung.

Bấy giờ, Thế Tôn đi về hướng ấy. Tuy Phật đã biết nhưng vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

– Tiếng đàn ca hát xướng Ta đang nghe là của nhà nào?

---

[54] Tu-đà-hoàn (須陀洹, Sotāpanna) chỉ cho bậc Nhập lưu (入流者).

[55] Tư-đà-hàm (斯陀含, Sakadāgāmī) chỉ cho bậc Nhất lai (一來者).

[56] A-na-hàm (阿那含, Anāgamī) chỉ cho bậc Bất lai (不還者).

[57] A-la-hán (阿羅漢, Arahant) chỉ cho bậc Ứng cúng (應供者), Vô sanh (無生者).

[58] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛, Paccekabuddha). Xem chú thích 23, phẩm Tựa, tr. 9. Theo *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.18. 0191b05), Bích-chi Phật có 2 nghĩa: (i) Sanh vào thời không có Phật, lúc ấy Phật pháp đã diệt, nhưng nhờ nhân duyên tu hành đời trước, nương vào trí tuệ của chính mình mà được đạo, còn gọi là bậc Độc giác (獨覺); (ii) Tự mình giác ngộ, không nương theo người khác, nhờ quán xét và giác ngộ về khổ, vô thường và vô ngã.

[59] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.5. 0739b10).

[60] Tỳ-la-tiên (毘羅先).

A-nan bạch Phật:

– Âm thanh ấy phát ra từ nhà trưởng giả Tỳ-la-tiên.

Phật bảo A-nan:

– Sau bảy ngày nữa, ông trưởng giả ấy sẽ qua đời, liền bị đọa vào trong địa ngục Gào Khóc.[61] Vì sao như thế? Bởi đó là quy luật xưa nay vậy. Người nào đoạn mất gốc rễ thiện lành thì sau khi qua đời đều bị đọa vào địa ngục Gào Khóc. Ông trưởng giả này hiện tại phước cũ đã hết, lại không chịu tạo phước mới.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Có nhân duyên nào khiến trưởng giả này thoát chết sau bảy ngày nữa chăng?

Phật bảo A-nan:

– Không có nhân duyên nào khiến ông ta thoát chết cả! Phước thọ mạng mà ông ta gieo trồng thuở xưa, đến nay đã hết, không thể nào thoát chết được.

A-nan bạch Phật:

– Có cách nào khiến trưởng giả này không bị đọa vào địa ngục Gào Khóc chăng?

Phật bảo:

– Này A-nan! Có phương cách này có thể khiến trưởng giả không bị đọa vào địa ngục.

A-nan bạch Phật:

– Những nhân duyên nào khiến trưởng giả không bị đọa vào địa ngục?

Phật bảo A-nan:

– Nếu trưởng giả ấy chịu cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y,[62] xuất gia học đạo, liền được thoát khỏi khổ nạn này.

[0739c01] A-nan bạch Phật:

– Con có thể khiến cho trưởng giả này xuất gia học đạo.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ giã Thế Tôn, đi đến nhà ông trưởng giả rồi đứng ngoài cửa. Lúc ấy, từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đến, trưởng giả liền ra tiếp đón, thỉnh ngài vào ngồi. Tôn giả A-nan bảo trưởng giả:

– Ở bên cạnh bậc Nhất Thiết Trí, tôi được nghe Như Lai thọ ký rằng, sau bảy ngày nữa, ông sẽ qua đời và bị đọa vào địa ngục Gào Khóc.

---

[61] Thế Khốc địa ngục (涕哭地獄, Roruva): Địa ngục Gào Khóc, còn gọi là địa ngục Đề Khốc (啼哭), một trong 8 địa ngục lớn. *Kinh tám địa ngục*, số 2, phẩm 42, tr. 722 trong tập này; *Tăng. 增* (*T*.02. 0125.36.2. 0748a01) ghi: Vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Gào Khóc? Bởi chúng sanh kia đã đoạn mất gốc rễ thiện lành, không còn sót mảy may nào, liền bị đọa vào địa ngục kia, chịu vô số khổ não, nên ở trong đó kêu gào oán hận, tiếng kêu không dứt. Vì nhân duyên này nên gọi là địa ngục Gào Khóc.

[62] Tam pháp y (三法衣): Y phục của một Tỳ-kheo. Có ba loại: Tiểu y, trung y và đại y. Tiểu y hay nội y (內衣) gọi là y An-đà-hội (安陀會, *Antaravāsaka*) là y mặc bên trong. Trung y gọi là y Uất-đa-la-tăng (欝多羅僧, *Uttarāsaṅga*), là y mặc ở trên (上衣) y An-đà-hội. Đại y (大衣) hay trọng y (重衣) gọi là y Tăng-già-lê (僧伽梨, *Saṅghāṭī*) là y đắp ngoài của chư Tăng.

Vừa nghe xong, trưởng giả vô cùng kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc, liền thưa với Tôn giả A-nan:

– Có nhân duyên nào khiến con thoát chết trong bảy ngày nữa hay không?

A-nan bảo:

– Không có nhân duyên nào khiến ông thoát chết trong bảy ngày nữa.

Trưởng giả lại bạch:

– Có nhân duyên nào khiến sau khi con qua đời mà không bị đọa vào địa ngục Gào Khóc không?

A-nan bảo:

– Đức Thế Tôn cũng có dạy rằng: "Nếu trưởng giả cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì sẽ không bị đọa vào địa ngục Gào Khóc." Ông nên xuất gia học đạo, sẽ đạt được giải thoát.[63]

Trưởng giả thưa:

– Tôn giả A-nan hãy về trước đi, con sẽ đến ngay!

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền ra về. Trưởng giả liền nghĩ: "Tuy nói là bảy ngày nhưng vẫn còn lâu, ta cứ vui chơi, hưởng thụ năm dục rồi sau hãy xuất gia học đạo."

Qua hôm sau, Tôn giả A-nan lại đến nhà trưởng giả, bảo ông ta:

– Một ngày đã trôi qua, còn lại sáu ngày thôi, ông nên xuất gia!

Trưởng giả thưa:

– Tôn giả A-nan cứ đi trước, con sẽ đi theo sau ngay!

Thế nhưng, trưởng giả ấy vẫn không chịu đi.

Thế rồi, sang ngày thứ hai, ngày thứ ba cho đến ngày thứ sáu, Tôn giả A-nan đều đến nhà trưởng giả, bảo ông ta:

– Hãy xuất gia ngay, nếu không về sau hối tiếc không kịp! Nếu không xuất gia thì hôm nay sẽ chết, rồi bị đọa vào địa ngục Gào Khóc.

Trưởng giả nói với Tôn giả A-nan:

– Tôn giả hãy đi trước, con sẽ theo sau!

A-nan bảo:

– Này trưởng giả! Hôm nay, ông dùng thần túc nào để đến nơi ấy mà bảo ta đi trước? Ta muốn đi cùng với ông!

Thế rồi, Tôn giả A-nan đưa trưởng giả đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến nơi, Tôn giả cúi lạy sát chân rồi bạch Phật:

– Hôm nay, trưởng giả này muốn xuất gia học đạo, cúi mong Như Lai hãy cạo bỏ râu tóc cho, để ông ta được học đạo.

---

[63] Đắc đáo bỉ ngạn (得到彼岸): Giải thoát (解脫), Niết-bàn (涅槃), còn được viết là "độ vô cực" (度無極).

Phật bảo A-nan:

– Nay thầy hãy đích thân độ cho trưởng giả này đi!

Vâng lời Phật dạy, Tôn giả A-nan lập tức cạo bỏ râu tóc cho trưởng giả, chỉ bảo cách đắp ba pháp y và giảng dạy Chánh pháp cho ông ta. Lúc ấy, Tôn giả A-nan dạy Tỳ-kheo kia rằng:

– Ông phải nên tu tập về quán niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch tĩnh,[64] niệm hơi thở ra vào,[65] niệm thân và niệm sự chết. Nên tu hành theo những pháp như thế. Này Tỳ-kheo! Thực hành mười pháp quán niệm này sẽ thành tựu quả báo lớn, đạt được pháp vị giải thoát.[66]

[0740a06] Bấy giờ, sau khi tu tập các pháp như thế rồi, Tỳ-la-tiên liền qua đời và ngay trong ngày hôm ấy, được sanh trong cõi trời Tứ Thiên Vương.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền hỏa táng[67] thân xác Tỳ-kheo ấy xong, quay trở về chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vừa rồi, Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã qua đời, đã được sanh về cõi nào?

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo kia qua đời, đã được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương.

A-nan bạch Phật:

– Sau khi qua đời ở cõi ấy, ông ta sẽ sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

– Sau khi qua đời ở cõi ấy, ông ta sẽ được sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba, rồi lần lượt sanh vào cõi Diệm thiên, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại, rồi đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sau khi qua đời từ cõi trời này, ông ta lại sanh trở lại, lần lượt cho đến cõi trời Tứ Thiên Vương. Này A-nan! Sau bảy lần lưu chuyển sanh tử trong cõi trời và cõi người như thế, khi thọ thân người ở kiếp cuối cùng, Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên được xuất gia học đạo, dứt trừ sạch nguồn gốc khổ đau. Vì sao như thế? Bởi vì ông ta có lòng tin đối với Như Lai.

A-nan nên biết! Cõi Diêm-phù-đề này, phía Nam và phía Bắc đều rộng lớn hai vạn một ngàn do-tuần, phía Đông và phía Tây đều rộng lớn bảy ngàn do-tuần, nếu có người cúng dường hết thảy dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không?

---

[64] Niệm hưu tức (念休息) còn gọi là "tịch tĩnh tùy niệm" (寂靜隨念), là làm cho thân hành trở nên tịch tĩnh.

[65] Niệm an-ban (念安般): Niệm hơi thở vô, hơi thở ra. *Di-hê kinh* 彌醯經 (*T*.01. 0026.56. 0491c16) ghi: Tu tức xuất tức nhập (修息出息入); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.746. 0198a06) ghi: An-na-bát-na niệm (安那般那念).

[66] Cam lộ (甘露).

[67] Xà-duy (闍維) cũng gọi là trà-tỳ (荼毘): Hỏa táng, hỏa thiêu.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Rất nhiều! Rất nhiều! Bạch đức Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

– Nếu có chúng sanh chỉ trong một khoảnh khắc, luôn giữ vững lòng tin, tu hành mười pháp quán niệm này thì phước báu không thể đo lường, không thể tính kể được.

Thật vậy, này A-nan! Hãy tìm cầu phương tiện tu hành mười pháp quán niệm này.

Thật vậy, này A-nan! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

6. PHÁP THANH TỊNH TẤT CẢ LẬU HOẶC[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ thuyết pháp rất mực vi diệu, phần đầu, phần giữa và sau cuối đều thiện, nghĩa lý thâm sâu để thành tựu Phạm hạnh viên mãn. Bản kinh này gọi là *Pháp thanh tịnh tất cả lậu hoặc*. Các thầy hãy khéo suy nghĩ kỹ!

Tỳ-kheo đáp:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:

– Tại sao gọi là "Pháp thanh tịnh tất cả lậu hoặc"? Có lậu hoặc do thấy biết mà được đoạn trừ, có lậu hoặc do kham nhẫn[69] mà được đoạn trừ, có lậu hoặc do thọ dụng[70] mà được đoạn trừ, có lậu hoặc do tránh né[71] mà được đoạn trừ, có

---

[68] Tựa đề được đức Phật dạy trong nội dung kinh. *Tặng*. 增 (*T*.02. 0125.40.6. 0740a25). Tham chiếu: *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0431c13); *Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh* 一切流攝守因經 (*T*.01. 0031. 0813a05); *M*. 2, *Sabbāsava Sutta* (*Kinh tất cả lậu hoặc*); *A*. 6.58 - III. 387.

[69] Bản *Đại Chánh* ghi thiếu. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Cung kính (恭敬). Tương đương nghĩa cung kính là "tôn kính" (尊敬), có nguyên tác Phạn ngữ là *sammata* với √*man* nghĩa là sự đồng ý, đồng tình. Trong nhiều nghĩa của từ này, có nghĩa là "nhẫn" (忍). Tương tự bản kinh này, *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0432a12) ghi: Nhẫn (忍).

[70] Thân cận (親近). Cụm từ này có nguyên tác Phạn ngữ là *pūjayati* có √*pūj*, vừa mang nghĩa thân tín, thân cận (習近) vừa có nghĩa là thọ dụng với sự tôn trọng. Tương đồng với nghĩa đó, *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.010. 0432a12) ghi: Dụng (用).

[71] Viễn ly (遠離, S. *prativirata,* P. *parivajjana*). *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0432a11) ghi: Ly (離).

lậu hoặc do từ bỏ[72] mà được đoạn trừ, có lậu hoặc do phòng hộ[73] mà được đoạn trừ, có lậu hoặc do tu tập[74] mà được đoạn trừ.

[0740b04] Thế nào là lậu hoặc do thấy biết mà được đoạn trừ? Ở đây, hạng phàm phu không gặp được bậc Thánh, không tu tập theo giáo pháp Như Lai, không thể giữ gìn pháp của bậc Hiền thánh, không được gần gũi bậc thiện tri thức, cũng chẳng được tu tập cùng với bậc thiện tri thức. Vị ấy nghe pháp nhưng chẳng thể phân biệt được pháp ấy nên tư duy hay không, do đó, pháp không nên tư duy thì lại tư duy, nên hết thảy phiền não trong cõi dục[75] chưa sanh liền sanh khởi, hết thảy phiền não trong cõi dục đã sanh liền tăng trưởng thêm; hết thảy phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc[76] chưa sanh liền sanh khởi, hết thảy phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc đã sanh liền tăng trưởng thêm; phiền não vô minh trong ba cõi[77] chưa sanh liền sanh khởi, phiền não vô minh trong ba cõi đã sanh liền tăng trưởng thêm. Đây gọi là pháp chẳng nên tư duy mà lại tư duy.

Thế nào gọi là pháp nên tư duy nhưng vị ấy lại không tư duy? Pháp nên tư duy là, hết thảy phiền não trong cõi dục chưa sanh khiến chẳng sanh khởi, hết thảy phiền não trong cõi dục đã sanh khiến được đoạn trừ; hết thảy phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc chưa sanh khiến chẳng sanh khởi, hết thảy phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc đã sanh khiến được đoạn trừ; phiền não vô minh trong ba cõi chưa sanh khiến chẳng sanh khởi, phiền não vô minh đã sanh khiến được đoạn trừ.

Đó gọi là pháp đáng tư duy nhưng lại không tư duy, pháp không nên tư duy thì lại tư duy. Do pháp đáng tư duy lại không tư duy nên phiền não trong cõi dục chưa sanh liền sanh khởi, phiền não trong cõi dục đã sanh càng tăng trưởng; phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc chưa sanh liền sanh khởi, phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc đã sanh liền tăng trưởng; phiền não vô minh trong ba cõi chưa sanh liền sanh khởi, phiền não vô minh trong ba cõi đã sanh liền tăng trưởng.

Vị ấy tư duy như vầy: "Quá khứ lâu xa như thế nào? Ta có hiện hữu trong quá khứ lâu xa ấy?" Vị ấy lại tư duy: "Làm gì có quá khứ lâu xa? Làm gì có hiện

---

[72] Ngu lạc (娛樂). Hán ngữ tương đương là "khinh an" (輕安), Phạn ngữ ghi là *pratiprasrabdhi*, cũng có nghĩa là giải trừ, loại bỏ. *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.10. 0432a12) ghi: Trừ (除) hoặc "trừ khử" (除去).

[73] Oai nghi (威儀). Phạn ngữ ghi: *saṃvara*, còn mang nghĩa kiểm thúc, phòng hộ. *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 0026.010. 0432a11) ghi: Hộ (護).

[74] Tư duy (思惟). Phạn ngữ ghi: *bhāvayati*, có nghĩa là "tu tập" (修習).

[75] Dục lậu (欲漏, *kāmāsrava,* P. *kāmāsava*): Hết thảy phiền não trong cõi dục, ngoại trừ vô minh ra, gọi là "dục lậu."

[76] Hữu lậu (有漏, *bhavāsrava,* P. *bhavāsava*): Hết thảy phiền não trong cõi sắc và vô sắc, trừ vô minh ra, gọi là "hữu lậu."

[77] Vô minh lậu (無明漏, *aviḍyāsrava,* P. *avijjāsava*). Theo *Du-già sư địa luận*, 瑜伽師地論 (*T*.30. 1579.89. 0802a18), tổng nhiếp vô minh trong cả 3 cõi, gọi đó là "vô minh lậu" (於彼三界所有無智, 總攝為一, 立無明漏).

hữu trong quá khứ lâu xa? Ai đã từng hiện hữu trong quá khứ lâu xa? Có tương lai lâu xa về sau không? Ta có hiện hữu trong tương lai lâu xa về sau không?" Hoặc lại cho rằng: "Làm gì có tương lai lâu xa về sau? Làm gì có sự hiện hữu trong tương lai lâu xa về sau? Ai sẽ là người hiện hữu trong tương lai lâu xa về sau? Phải chăng chúng sanh này đã hiện hữu từ lâu xa? Phải chăng chúng sanh này từ lâu xa đến đây? Rồi từ đây, chúng sanh này chết sẽ sanh về đâu?"

Vị ấy khởi lên suy nghĩ không thiện lành này, liền phát sanh sáu kiến chấp, rồi lần lượt sanh khởi tư tưởng tà vạy: Thấy có ngã, quả thật có phát sanh kiến chấp này; thấy không có ngã, quả thật có phát sanh kiến chấp này; vừa thấy có ngã vừa thấy không có ngã, trong đó quả thật có phát sanh kiến chấp này. Lại tự quán thân rồi khởi lên kiến chấp: "Đối với tự ngã mà không thấy tự ngã." Lại khởi lên kiến chấp: "Đối với vô ngã mà không thấy vô ngã", ở trong đó mà phát sanh những kiến chấp này. Bấy giờ, vị ấy lại sanh khởi tà kiến như vầy: "Cái ngã ấy, chính là cái ngã trong đời này, cũng là cái ngã của đời sau, thường tồn tại ở thế gian không bị tan hoại, cũng không biến đổi, cũng chẳng di chuyển." Đó gọi là sự hội họp các tà kiến. Tà kiến, tai họa, ưu, bi, khổ, não đều do đây mà sanh khởi, không thể chữa trị, cũng không thể xả bỏ, nguồn gốc đau khổ mãi tăng trưởng. Do đó không phải là hạnh của bậc Sa-môn, đạo quả Niết-bàn.

[0740c08] Lại nữa, này Tỳ-kheo! Đệ tử Hiền thánh tu hành pháp này không mất thứ lớp, khéo léo hộ trì, cùng tu tập với bậc thiện tri thức. Vị ấy có thể thông đạt, biết rõ pháp nào không nên tư duy, cũng biết rõ pháp nào nên tư duy. Vị ấy không tư duy những pháp không nên tư duy, vị ấy chỉ tư duy những pháp nào cần tư duy.

Thế nào gọi là pháp không nên tư duy thì vị ấy không tư duy? Đó là, đối với các pháp khiến phiền não trong cõi dục chưa sanh liền sanh khởi, phiền não trong cõi dục đã sanh liền tăng trưởng; phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc chưa sanh liền sanh khởi, phiền não trong cõi sắc và vô sắc đã sanh liền tăng trưởng; phiền não vô minh trong ba cõi chưa sanh liền sanh khởi, phiền não vô minh trong ba cõi đã sanh liền tăng trưởng. Đó là những pháp không nên tư duy.

Những pháp nào nên tư duy thì vị ấy tư duy? Đó là, đối với các pháp khiến phiền não trong cõi dục chưa sanh chẳng sanh khởi, phiền não trong cõi dục đã sanh liền đoạn trừ; phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc chưa sanh chẳng sanh khởi, phiền não trong cõi sắc và cõi vô sắc đã sanh liền đoạn trừ; phiền não vô minh trong ba cõi chưa sanh chẳng sanh khởi, phiền não vô minh trong ba cõi đã sanh liền đoạn trừ. Đây gọi là những pháp nên tư duy.

Những điều gì không nên tư duy thì vị ấy không tư duy, điều gì nên tư duy liền tư duy. Vị ấy tư duy như thế liền diệt trừ được ba pháp. Là ba pháp nào? Đó là thân kiến,[78] giới cấm thủ[79] và nghi. Nếu không biết, không thấy thì tăng

[78] Thân da (身耶).

[79] Giới đạo (戒盜).

thêm nghiệp lậu hoặc. Nếu ai có thể thấy, nghe, nhớ, biết thì chẳng tăng thêm nghiệp lậu hoặc. Đã biết, đã thấy thì lậu hoặc chẳng sanh. Đó gọi là lậu hoặc do thấy biết mà được đoạn trừ.

Thế nào là lậu hoặc do kham nhẫn mà được đoạn trừ? Ở đây, này Tỳ-kheo! Kham nhẫn sự đói lạnh, chịu khổ gió mưa, muỗi mòng, lời nói ác, mắng nhiếc, thân sanh ra đau đớn, quá đỗi phiền phức, thân mạng sắp chấm dứt cũng có thể kham nhẫn. Nếu không kham nhẫn được liền khởi lên đau khổ phiền não. Những ai có thể kham nhẫn được thì những phiền não như thế chẳng sanh khởi. Đó gọi là lậu hoặc do kham nhẫn mà được đoạn trừ.

[0741a01] Thế nào là lậu hoặc do thọ dụng mà được đoạn trừ? Ở đây, này Tỳ-kheo! Giữ tâm khi thọ nhận y áo, không khởi tâm mong cầu trang sức, chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng, muốn mưa gió không chạm vào thân. Lại muốn che thân thể không lộ ra ngoài. Lại giữ tâm khi khất thực đúng thời, không khởi tâm tham nhiễm, đắm trước, chỉ muốn giữ gìn thân thể, khiến cho bệnh cũ được lành, bệnh mới chẳng sanh; giữ gìn các hạnh không để vi phạm, mong được an ổn lâu dài để tu tập Phạm hạnh, tồn tại bền lâu ở đời. Lại giữ gìn tâm ý khi thọ dụng giường đệm, cũng không đắm nhiễm những phục sức xa hoa; chỉ muốn trừ đói lạnh, gió mưa, các loại muỗi mòng, che chở thân thể để tu hành đạo pháp. Lại giữ gìn tâm ý khi thọ dụng thuốc men, chẳng sanh tâm đắm nhiễm, đối với thuốc men chỉ muốn bệnh tật được lành, thân thể được an ổn. Nếu không thọ dụng thì sanh tai họa lậu hoặc, nếu thọ dụng thì không sanh tai họa lậu hoặc. Đó gọi là lậu hoặc do thọ dụng mà được đoạn trừ.

Thế nào gọi là lậu hoặc phải do tránh né mà được đoạn trừ? Ở đây, này Tỳ-kheo! Diệt trừ loạn tưởng, phải xem như voi ác, lạc đà, trâu, ngựa, cọp, beo, chó, rắn độc, hầm sâu, bờ hiểm, gai góc, sườn dốc, bùn sình, thảy đều tránh né. Không tập tành theo bạn bè xấu ác, cũng không gần gũi, giao du với kẻ ác, phải tư duy thuần thục, không xa rời giềng mối của tâm. Nếu không giữ gìn như thế thì lậu hoặc sanh khởi, nếu giữ gìn như thế thì lậu hoặc không sanh khởi. Đó gọi là lậu hoặc do tránh né được đoạn trừ.

Thế nào gọi là lậu hoặc do từ bỏ mà được đoạn trừ? Ở đây, này Tỳ-kheo! Tưởng tham dục sanh khởi mà chẳng từ bỏ, tưởng sân hận sanh khởi cũng chẳng từ bỏ, tưởng si mê sanh khởi cũng chẳng từ bỏ. Nếu chẳng từ bỏ thì lậu hoặc sanh khởi. Những ai có thể từ bỏ tưởng ấy thì lậu hoặc không thể sanh khởi. Đó gọi là lậu hoặc do từ bỏ mà được đoạn trừ.

Thế nào là lậu hoặc do phòng hộ mà được đoạn trừ? Ở đây, này Tỳ-kheo! Nếu mắt thấy sắc nhưng không khởi tưởng đối với sắc, cũng không khởi tâm nhiễm ô, nhãn căn toàn vẹn, giữ gìn nhãn căn không để thiếu khuyết. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm[80] và ý biết pháp, đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi tưởng chấp trước, luôn gìn giữ ý căn.

[80] Tế cốt (細滑). *Đại bổn kinh* 大本經 (*T*.01. 0001.1. 0005a14); *Phân biệt Thánh đế kinh* 分別聖諦經 (*T*.01. 0026.31. 0467c26); *Tạp.* 雜 (*T*. 02. 0099.58. 0009b20) đều ghi: Xúc (觸).

Nếu không thu nhiếp oai nghi thì lậu hoặc sanh khởi, nếu thu nhiếp oai nghi thì không có tai họa lậu hoặc. Đó gọi là lậu hoặc do phòng hộ mà được đoạn trừ.

Những lậu hoặc nào do tu tập được đoạn trừ? Ở đây, này Tỳ-kheo! Tu niệm giác chi, nương vào pháp không tham dục, nương vào pháp không nhiễm ô, nương vào pháp diệt tận mà mong cầu giải thoát. Tu tập trạch pháp giác chi,[81] tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi,[82] định giác chi, xả giác chi,[83] nương vào pháp không tham dục, nương vào pháp không nhiễm ô, nương vào pháp diệt tận mà mong cầu giải thoát. Nếu không tu tập như vậy thì tai họa lậu hoặc sẽ sanh khởi, những ai tu tập như vậy thì tai họa lậu hoặc không sanh khởi. Đó gọi là lậu hoặc do tu tập mà được đoạn trừ.

[0741b06] Này Tỳ-kheo! Với Tỳ-kheo còn lậu hoặc, lậu hoặc nào do thấy biết mà được đoạn trừ thì hãy dùng thấy biết để đoạn trừ; lậu hoặc nào do kham nhẫn mà được đoạn trừ, hãy dùng kham nhẫn để đoạn trừ; lậu hoặc nào do thọ dụng mà được đoạn trừ, hãy dùng thọ dụng để đoạn trừ; lậu hoặc nào do tránh né mà được đoạn trừ, hãy dùng tránh né để đoạn trừ; lậu hoặc nào do phòng hộ mà được đoạn trừ, hãy dùng phòng hộ để đoạn trừ; lậu hoặc nào do tu tập mà được đoạn trừ, hãy dùng tu tập để đoạn trừ.

Này Tỳ-kheo! Khi đầy đủ tất cả mọi sự phòng hộ thì sẽ đoạn trừ kiết sử, xa lìa ái dục, vượt thoát bốn lưu,[84] dần dần thoát khỏi khổ đau.

Này Tỳ-kheo! Đó là pháp diệt trừ lậu hoặc, là pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường thực hành, vì lòng từ bi đối với tất cả loài hữu tình, nay Ta đã thực hành xong. Các thầy nên ưa thích nơi nhàn vắng, ở bên gốc cây, siêng năng tinh tấn, chớ có biếng nhác. Hôm nay không siêng năng, ngày sau hối hận vô ích. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[85]

***

7. BẢY PHƯỚC ĐỨC[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo cư ngụ bên bờ sông A-du-xà.[87]

---

[81] Pháp giác ý (法覺意).

[82] Ỷ giác ý (猗覺意).

[83] Hộ giác ý (護覺意).

[84] Tứ lưu (四流). Bốn kiến hoặc trong ba cõi, đó là dục lưu (欲流), hữu lưu (有流), kiến lưu (見流) và vô minh lưu (無明流).

[85] Bản Hán, hết quyển 34.

[86] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.7. 0741b24). Tham chiếu: *Thế gian phước kinh* 世間福經 (*T*.01. 0026.7. 0427c25).

[87] A-du-xà (阿踰闍, Ayojjhā). Theo *DPPN*, địa danh này là tên gọi của một thành phố, nằm bên bờ sông Sarayū, là thủ đô của Nam Kosala (Dakkhinā Kosala).

Khi ấy, Đại Quân-đầu đang ở nơi yên vắng, liền khởi niệm như vầy: "Có việc làm nào khiến công đức tăng thêm mãi hay không?"

Đại Quân-đầu liền đứng dậy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Đại Quân-đầu bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Vừa rồi con ở nơi yên vắng, suy nghĩ như vầy: "Có những việc làm nào khiến công đức được tăng thêm mãi hay không?" Nay con xin hỏi Thế Tôn, cúi mong Ngài thuyết giảng cho!

[0741c02] Thế Tôn bảo:

– Có thể được tăng thêm công đức.

Đại Quân-đầu bạch Phật:

– Làm thế nào để được tăng thêm công đức?

Thế Tôn bảo:

– Có bảy việc khiến cho phước báu ấy tăng thêm, không thể đo lường, cũng không ai có thể tính toán được. Là những việc nào? Đó là, người thiện nam hoặc người thiện nữ nào chưa từng tạo dựng già-lam cho chư Tăng, liền tạo lập già-lam thì phước báu này không thể tính kể.

Lại nữa, này Đại Quân-đầu! Người thiện nam hoặc người thiện nữ đem giường đệm, tọa cụ cúng dường cho chùa viện và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Quân-đầu, đó là phước báu không thể tính kể thứ hai.

Lại nữa, này Đại Quân-đầu! Người thiện nam hoặc người thiện nữ cúng dường thực phẩm cho chúng Tỳ-kheo. Này Đại Quân-đầu, đó là phước báu không thể tính kể thứ ba.

Lại nữa, này Đại Quân-đầu! Người thiện nam hoặc người thiện nữ cúng dường áo che mưa cho chúng Tỳ-kheo. Này Đại Quân-đầu, đó là phước báu không thể tính kể thứ tư.

Lại nữa, này Quân-đầu! Người thiện nam hoặc người thiện nữ cúng dường thuốc men cho chúng Tỳ-kheo. Này Đại Quân-đầu, đó là phước báu không thể tính kể thứ năm.

Lại nữa, này Đại Quân-đầu! Người thiện nam hoặc người thiện nữ đào giếng tốt nơi chốn đồng trống. Này Đại Quân-đầu, đó là phước báu không thể tính kể thứ sáu.

Lại nữa, này Đại Quân-đầu! Người thiện nam hoặc người thiện nữ xây nhà dọc đường cho khách vãng lai có chỗ tá túc. Này Đại Quân-đầu, đó là phước báu không thể tính kể thứ bảy.

Như thế, này Quân-đầu! Đó là pháp bảy công đức, phước báu này không thể đo lường được. Hoặc lúc đi, khi ngồi, cho dù qua đời thì phước báu ấy cũng theo sau như bóng theo hình. Bảo rằng có bao nhiêu phước đức thì không thể nào tính kể được, cũng như nước trong biển cả thì không thể dùng thăng hay

đấu[88] mà đo lường rồi bảo có bao nhiêu nước. Bảy công đức này cũng lại như thế, phước báu ấy không có giới hạn.

Thế nên, này Đại Quân-đầu! Người thiện nam, người thiện nữ hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu bảy công đức này.

Thật vậy, này Quân-đầu! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Quân-đầu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

8. TƯỞNG VỀ SỰ CHẾT[89]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy tu tập quán tưởng về sự chết,[90] tư duy quán tưởng về sự chết.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi trong chúng, liền bạch Thế Tôn:

– Con thường tu tập, tư duy quán tưởng về sự chết.

[0742a01] Thế Tôn hỏi:

– Thầy tư duy, tu tập quán tưởng về sự chết thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Khi tư duy, quán tưởng về sự chết, con nghĩ rằng con chỉ còn sống bảy ngày nữa nên tư duy về bảy giác chi trong giáo pháp của đức Như Lai, vì sẽ có nhiều lợi ích, sau khi qua đời sẽ không hối tiếc. Bạch Thế Tôn! Con tư duy, quán tưởng về sự chết như thế.

Thế Tôn bảo:

– Thôi, thôi, này Tỳ-kheo! Đây chẳng phải là tu hành quán tưởng về sự chết. Đây gọi là pháp buông lung.

Có một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Con có thể kham nhẫn tu tập quán tưởng về sự chết.

Thế Tôn hỏi:

– Thầy tu tập, tư duy quán tưởng về sự chết thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật:

---

[88] Thăng đấu (升斗): Đơn vị đo lường thuở xưa.

[89] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.8. 0741c27). Tham chiếu: *A*. 6.19 - III. 303; *A*. 8.73 - IV. 316.

[90] Tử tưởng (死想, *maraṇassati*). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0011c28) ghi: Niệm tử tưởng (念死想); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.742. 0197b10) ghi: Tùy tử niệm (隨死念).

– Con nghĩ rằng chỉ còn sống sáu ngày nữa nên tư duy về Chánh pháp Như Lai rồi ngay đó sẽ qua đời. Điều này thật là lợi ích. Con tư duy, quán tưởng về sự chết như thế.

Thế Tôn bảo:

– Thôi, thôi, này Tỳ-kheo! Đây cũng là pháp buông lung, chẳng phải là tư duy, quán tưởng về sự chết.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

– Con sẽ tư duy rằng, chỉ còn sống năm ngày, hoặc bốn ngày, hoặc ba ngày, hai ngày, cho đến chỉ còn một ngày.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thôi, thôi, này Tỳ-kheo! Đây cũng là pháp buông lung, chẳng phải là tư duy, quán tưởng về sự chết.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Con có thể kham nhẫn tu tập quán tưởng về sự chết như vầy: Lúc đến giờ, con đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, xong ra khỏi thành Xá-vệ trở về chỗ của mình rồi vào trong thất vắng lặng, tư duy về bảy giác chi rồi qua đời. Đây là tư duy, quán tưởng về sự chết.

Thế Tôn bảo:

– Thôi, thôi, này Tỳ-kheo! Đây cũng chẳng phải tư duy, tu hành quán tưởng về sự chết. Lời nói của các thầy đều là hạnh buông lung, chẳng phải là pháp môn tu hành quán tưởng về sự chết.

Lúc đó, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Ai có thể tu tập như Tỳ-kheo Bà-ca-lợi[91] mới gọi là tư duy, quán tưởng về sự chết. Tỳ-kheo ấy tư duy, quán tưởng về sự chết một cách khéo léo, nhàm chán thân này nhơ uế, bất tịnh. Nếu Tỳ-kheo tư duy, quán tưởng về sự chết, phải buộc tâm ở trước mặt, tâm không lay động, ghi nhớ số hơi thở ra, hơi thở vào, đồng thời tư duy về bảy giác chi thì ở trong pháp Như Lai sẽ được nhiều lợi ích. Vì sao như thế? Bởi vì tất cả các pháp hữu vi đều rỗng rang, đều vắng lặng. Sự sanh khởi và diệt mất của pháp hữu vi đều là huyễn hóa, không chân thật.

Thế nên, này [các] Tỳ-kheo! Hãy tư duy quán tưởng về sự chết trong từng hơi thở ra, hơi thở vào thì sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, ưu, khổ, não.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[91] Bà-ca-lợi (婆迦利).

9. THIÊN SƯ A-TƯ-ĐÀ[92]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc ra lệnh cho quần thần:

– Hãy mau sửa soạn xe gắn lông chim quý,[93] trẫm muốn đến lễ bái, thăm hỏi đức Thế Tôn.

Thế rồi, đại vương liền ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Như Lai đang thuyết pháp cho vô số chúng vây quanh.

Bấy giờ, cách chỗ Thế Tôn không xa, có bảy vị Ni-kiền tử, bảy người lõa thể, bảy hắc Phạm chí, bảy Bà-la-môn lõa thể đang đi qua.

Khi thấy những người này đi qua cách chỗ Thế Tôn không xa, Vua Ba-tư-nặc liền bạch Phật:

– Con quan sát thấy những người này đi khắp nơi, không trụ lại chỗ nào, họ đều là những người ít muốn biết đủ, không có gia sản, sự nghiệp. Ở thế gian này, họ chính là những bậc thượng thủ trong hàng A-la-hán. Vì sao như thế? Bởi vì, so với mọi người thì họ quá ư khổ hạnh, không tham lợi dưỡng.

Thế Tôn bảo:

– Này Đại vương! Vua chưa biết về bậc A-la-hán chân thật, vì không phải do phơi bày thân thể mà được gọi là bậc A-la-hán. Đại vương nên biết! Các biểu hiện ấy đều không phải là hạnh chân thật. Cần phải nên quán sát thật lâu dài về mọi diễn biến từ xa xưa. Phải nên quán sát những ai đáng thân thì nên kết thân, đáng gần gũi thì nên gần gũi.

Vì sao như thế? Vì trong thời quá khứ lâu xa, có bảy Phạm chí cùng nhau tu tập, đến khi quá già yếu, họ kết cỏ để mặc, lượm hạt cỏ để ăn, rồi khởi lên các kiến chấp sai lệch, ai cũng nghĩ như vầy: "Chúng ta tu tập pháp khổ hạnh này để đời sau làm đại quốc vương, hoặc cầu mong sanh lên cõi trời Đế-thích, Phạm thiên và cõi trời Tứ Thiên Vương."

Bấy giờ, có A-tư-đà, bậc thầy của chư thiên,[94] vốn là thủy tổ của các Bà-la-môn ấy, biết được tâm niệm của các Phạm chí kia, liền từ cõi trời Phạm thiên hiện thân xuống chỗ bảy Bà-la-môn ấy. Bấy giờ, Thiên sư A-tư-đà cởi bỏ phục sức cõi trời, hóa thành một Bà-la-môn rồi đi kinh hành ở khoảng đất trống. Từ xa, thấy đạo sĩ A-tư-đà đang đi kinh hành, bảy Phạm chí đều nổi giận và nói:

---

[92] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.40.9. 0742b30). Tham chiếu: *A-nhiếp-hòa kinh* 阿攝怒經 (*T.*01. 0026.151. 0663b25); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1148. 0305c21); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.71. 0399a19); *M.* 93, *Assalāyana Sutta* (*Kinh Assalāyana*); *S.* 3.11 - I. 77.

[93] Vũ bảo chi xa (羽寶之車). Xem chú thích 37, phẩm 19, tr. 196; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.34.5. 0694a20).

[94] Thiên sư (天師): Bậc thầy của chư thiên.

"Hạng người tham đắm dục lạc nào mà lại dám đi trước những người Phạm hạnh như chúng ta? Chúng ta sẽ đọc chú, khiến ông ta tan thành tro bụi."

Thế rồi, bảy Phạm chí liền dùng tay vốc nước rảy lên Phạm chí kia rồi thì thầm chú rằng:

"Ông hãy mau tan thành tro bụi!"

Thế nhưng, những Bà-la-môn càng sân hận bao nhiêu thì nhan sắc đạo sĩ A-tư-đà càng thêm đoan chánh bấy nhiêu. Tại sao như thế? Bởi vì lòng từ có khả năng diệt tan sân hận. Bấy giờ, bảy vị Phạm chí liền nghĩ: "Chẳng lẽ giới cấm của chúng ta sắp suy giảm rồi sao, ngay lúc chúng ta khởi sân hận thì người kia liền thêm đoan chánh?"

[0742c03] Khi ấy, bảy Phạm chí dùng kệ hỏi Thiên sư:

Chúng tôi không biết ngài, Là trời, càn-thát-bà,
Hay quỷ thần, la-sát, Phải gọi thế nào đây?

Khi ấy, Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ đáp rằng:

Không phải càn-thát-bà, Hay quỷ thần, la-sát,
Thiên sư A-tư-đà, Chính là thân ta vậy.

"Ta biết trong tâm các ông đang nghĩ gì nên từ cõi trời Phạm thiên xuống đây. Cõi Phạm thiên cách xa cõi này vô cùng, thân trời Đế-thích kia đâu dễ có được, thân Chuyển Luân Thánh vương cũng khó như thế. Không thể dùng khổ hạnh này mà mong được làm Đế-thích, Phạm thiên hay Tứ Thiên Vương."

Khi ấy, Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ này:

Trong, niệm tưởng dẫy đầy, Ngoài, ăn mặc nhếch nhác,
Chánh kiến, nếu siêng tu, Mới xa lìa đường ác.
Tâm giữ giới thanh tịnh, Thân, miệng gắng nghiêm trì,
Lìa niệm xấu ác đi, Sẽ sanh về thiên giới.

Lúc ấy, bảy Phạm chí thưa Thiên sư:

"Ngài có thật là Thiên sư không?"

Thiên sư đáp:

"Thật vậy! Nhưng này Phạm chí! Không phải do lõa thể mà được sanh lên cõi trời, chưa chắc tu khổ hạnh này mà được sanh lên cõi Phạm thiên, cũng không phải do phơi bày thân thể, làm bấy nhiêu khổ hạnh mà được sanh lên các cõi kia. Ai có thể thu nhiếp tâm ý khiến không lay động, liền được sanh lên cõi trời, chứ không phải do sự tu tập của các ông mà được sanh vào các cõi ấy."

Này Đại vương! Qua đó có thể biết, chẳng phải do lõa hình mà được gọi là A-la-hán. Người phàm phu muốn biết được bậc chân nhân, việc này rất khó, nhưng bậc chân nhân lại biết rõ các hạnh nghiệp chứa nhóm của phàm phu.

Lại nữa, người phàm phu không thể biết hạnh nghiệp của phàm phu. Bậc chân nhân thì biết được hạnh nghiệp của phàm phu. Nếu Đại vương muốn biết về họ thì nên tìm phương tiện để biết rõ họ từ lâu xa cho đến nay, chứ không thể lấy những việc trước mắt để đoán định họ. Thật vậy, này Đại vương! Nên dùng phương tiện mà học tập điều này.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Như Lai giảng thuyết thật vi diệu! Người đời chẳng thể nào hiểu rõ. Việc nước quá bề bộn, con muốn trở về.

[0743a01] Phật bảo nhà vua:

– Hãy đi cho kịp lúc, Đại vương!

Nhà vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. PHÁP VỊ CAM LỘ[95]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong vườn Ni-câu-lưu[96] của dòng họ Thích, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Lúc ấy, sau giờ thọ trai, đức Thế Tôn rời vườn Ni-câu-lưu đi đến làng Tỳ-la-da-trí rồi ngồi bên một gốc cây. Khi ấy, có vị Chấp Trượng dòng họ Thích[97] cũng rời thành Ca-tỳ-la-vệ, đi đến chỗ Thế Tôn rồi đứng im lặng trước mặt Ngài. Bấy giờ, Chấp Trượng hỏi Thế Tôn:

– Sa-môn giảng dạy những gì? Có những luận thuyết gì?

Thế Tôn bảo:

– Phạm chí nên biết! Điều bàn luận của Ta, không có hàng trời, rồng hay quỷ thần nào có thể sánh bằng, chẳng dính mắc vào thế gian, cũng chẳng phải trụ ở thế gian. Luận thuyết của Ta chính là như thế.

Khi ấy, Chấp Trượng dòng họ Thích cúi đầu thở dài rồi bỏ đi.

Bấy giờ, đức Như Lai liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về chỗ nghỉ.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vừa rồi Ta ngồi trong khu vườn kia, có Chấp Trượng dòng họ Thích đến hỏi Ta rằng: "Sa-môn có những luận thuyết gì?" Ta đáp: "Luận thuyết của Ta, tất cả các hàng trời, người chẳng thể sánh bằng, chẳng dính mắc vào thế gian,

---

[95] Tựa đề được đức Phật dạy cuối kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.40.10. 0743a04). Tham chiếu: *Mật hoàn dụ kinh* 蜜丸喻經 (*T*.01. 0026.115. 0603b09). *M.* 18, *Madhupiṇḍika Sutta* (*Kinh mật hoàn*).

[96] Ni-câu-lũ (尼拘屢, Nigrodha) còn gọi là Ni-câu-lưu (尼拘留).

[97] Chấp Trượng Thích chủng (執杖釋種, Daṇḍapānī Sakka).

cũng chẳng phải trụ ở thế gian. Luận thuyết của Ta chính là như thế." Khi ấy, Chấp Trượng dòng họ Thích nghe Ta nói xong, liền bỏ đi.

Khi ấy, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Thế nào là không dính mắc vào thế gian, cũng không trụ ở thế gian?

Thế Tôn bảo:

– Những luận thuyết của Ta đều không dính mắc vào thế gian, như hiện tại đã được giải thoát khỏi các dục, dứt trừ hết thảy nghi ngờ trong dòng họ Thích,[98] không còn các tưởng. Luận thuyết của Ta chính là như thế.

Thế Tôn giảng nói như vậy xong, liền đứng dậy đi vào thất.

Lúc đó, các Tỳ-kheo bảo nhau:

– Vừa rồi Thế Tôn chỉ giảng nói sơ lược ý nghĩa của luận thuyết kia. Ai có khả năng giảng nói, mở rộng nghĩa này thêm không?

Thế rồi, các Tỳ-kheo bàn bạc với nhau:

– Đức Thế Tôn thường khen ngợi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên.[99] Hiện tại, chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên mới có thể diễn thuyết ý nghĩa này.

Khi ấy, các Tỳ-kheo thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên:

– Vừa rồi, Thế Tôn chỉ giảng nói sơ lược ý nghĩa này, cúi mong Tôn giả hãy giảng thuyết, mở rộng ý nghĩa, phân biệt rành rẽ cho mọi người được thấu hiểu.

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đáp:

– Ví như ở thôn xóm kia, có người muốn đi tìm lõi cây[100] nên đã ra khỏi thôn. Người ấy thấy một cây lớn, liền đốn hạ xuống, rồi chặt lấy cành lá mà đi về. Nay các thầy cũng giống như thế. Các thầy đã bỏ Như Lai rồi đi theo cành lá mà tìm cầu lõi cây. Bởi Như Lai quán sát thấy khắp tất cả, không đâu không cùng khắp, chiếu sáng thế gian, là vị dẫn đường của cõi trời, cõi người. Như Lai là vị chủ tể của các pháp, các thầy nên tùy theo thời gian thích hợp, tự nhiên sẽ gặp lúc Như Lai giảng nói nghĩa này.

[0743b06] Các Tỳ-kheo đáp:

– Như Lai tuy là vị chủ tể của các pháp, giảng rộng ý nghĩa này, nhưng Tôn giả đã được Như Lai thọ ký nên đủ khả năng giảng nói ý nghĩa này.

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đáp:

– Các thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ thật kỹ, tôi sẽ giảng nói rõ ràng ý nghĩa này!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Lành thay, thưa Tôn giả!

---

[98] Ở đây có thể ghi dư chữ "Thích chủng" (釋種). Xem đoạn kinh dưới sẽ rõ.

[99] Đại Ca-chiên-diên (大迦栴延, Mahākaccāna).

[100] Chân thật chi vật (真實之物).

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo:

– Như Lai có giảng nói: "Luận thuyết của Ta, chẳng phải trời, rồng hay quỷ thần có thể sánh kịp, chẳng dính mắc vào thế gian, cũng chẳng phải trụ vào thế gian." Bởi Như Lai đã giải thoát mọi pháp ấy, đoạn trừ các sự nghi ngờ, không còn do dự nữa, nhưng nay chúng sanh ưa thích tranh luận nên khởi các loạn tưởng. Như Lai lại nói: "Ở trong đó, Ta không còn khởi tâm đắm nhiễm, dính mắc." Ở trong đó tức là sự sai khiến của tham dục, sân hận, tà kiến; sự sai khiến của dục vọng thế gian, sự sai khiến của kiêu mạn, sự sai khiến của nghi ngờ, sự sai khiến của vô minh, hoặc đưa đến quả báo gây khổ đau cho nhau bằng dao gậy, hoặc cùng với người tranh đấu, kiện tụng nhau... gây nên biết bao nghiệp bất thiện, sanh khởi các loạn tưởng cùng với hạnh nghiệp bất thiện.

Như do mắt thấy sắc mà khởi thức tưởng, do ba điều này làm duyên cho nhau, tương tác cho nhau mà có xúc.[101] Do có xúc liền có thọ,[102] đã có thọ liền có giác tri, có giác tri liền có tưởng, đã có tưởng nên có suy xét, rồi sanh khởi niệm tưởng chấp trước. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp mà khởi thức tưởng, do ba điều này làm nhân duyên, tương tác cho nhau mà có xúc, đã có xúc liền có thọ, đã có thọ liền có giác tri, đã có giác tri liền có tưởng, đã có tưởng nên có suy xét, rồi sanh khởi niệm tưởng chấp trước. Đây là sự sai khiến của tham dục, của sân hận, của tà kiến, của kiêu mạn, của tham muốn thế gian, của si mê, của nghi ngờ, tất cả đều gây nên tai họa về đao gậy và vô số tai họa khác, chẳng thể tính kể.

Nếu có người cho rằng: "Mắt cũng không có, sắc cũng không có, nhưng có xúc." Điều này không đúng. Nếu lại có người cho rằng: "Không có xúc mà có thọ." Điều này cũng không đúng. Nếu cho rằng: "Không thọ mà có tưởng dính mắc." Điều này không đúng. Nếu có người cho rằng: "Không có tai, không có tiếng; không có mũi, không mùi hương; không có lưỡi, không có vị; không có thân, không xúc chạm; không có ý, không có pháp, mà cho rằng chỉ có thức", thì không bao giờ có lý này. Nếu cho rằng: "Không có thức mà có xúc." Điều này không đúng. Nếu cho rằng: "Không có xúc mà cho rằng có thọ." Điều này không đúng. Nếu cho rằng: "Không có thọ mà có tưởng chấp trước." Điều này cũng không đúng.

Nếu có người cho rằng: "Khi có mắt và có sắc liền sanh khởi thức", điều này rất đúng. Nếu cho rằng: "Khi có tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc chạm, ý và pháp, liền sanh khởi thức", điều này rất đúng.

Chư Hiền nên biết, do nhân duyên này, đức Thế Tôn mới nói rằng: "Luận thuyết của Ta, trời và người, ma hay thiên ma không thể sánh kịp, cũng chẳng

[101] Cánh lạc (更樂).

[102] Thống (痛).

dính mắc vào thế gian, cũng chẳng trụ ở thế gian. Thế nên, Ta được giải thoát khỏi các dục, dứt sạch các nghi ngờ, không còn do dự." Do nhân duyên ấy, Thế Tôn mới lược nói ý nghĩa này. Nếu các thầy còn điều gì không hiểu thì hãy đến chỗ Như Lai để thưa hỏi lại nghĩa này. Nếu Như Lai có giảng nói điều gì nên ghi nhớ phụng trì.

[0743c14] Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên giảng nói xong, họ chẳng khen hay, cũng chẳng nói là không đúng, liền đứng dậy đi ra rồi bảo nhau rằng: "Chúng ta nên đem ý nghĩa này đến thưa hỏi Như Lai, nếu Thế Tôn có dạy bảo điều gì, chúng ta sẽ phụng hành."

Rồi những Tỳ-kheo ấy đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem việc này trình bày đầy đủ với đức Thế Tôn. Khi ấy, Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên thông minh, khéo léo thuyết giảng, đã giảng nói ý nghĩa này thật sâu rộng. Các thầy đến chỗ Ta để thưa hỏi về ý nghĩa này, Ta cũng sẽ giảng nói với các thầy như thế.

Khi ấy, Tôn giả A-nan đang ở phía sau đức Như Lai, liền thưa:

– Nghĩa lý của kinh này rất sâu xa. Ví như có người đi đường gặp được cam lộ liền lấy ăn, cực kỳ thơm ngon, ăn không biết chán. Điều này cũng như thế, người thiện nam, người thiện nữ nào được nghe pháp này sẽ không biết nhàm chán.

Tôn giả A-nan lại bạch Thế Tôn:

– Kinh này tên là gì, chúng con phải phụng hành thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Kinh này tên là *Pháp vị cam lộ*. Hãy ghi nhớ, phụng hành!

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

41. PHẨM ĐỪNG SỢ HÃI[1]

1. THÍCH TỬ MA-HA-NAM[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-lũ[3] của dòng họ Thích, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ.

Khi ấy, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam bạch Thế Tôn:

– Đích thân con được Như Lai dạy như vầy: "Người thiện nam hay người thiện nữ nào đoạn trừ được ba kiết sử, đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, gọi là bậc Bất thoái chuyển, chắc chắn sẽ thành tựu đạo quả, chẳng còn tìm cầu ở các ngoại đạo dị học nữa, cũng không cần quán sát những điều người khác nói". Tuy Thế Tôn nói thế nhưng sự việc không như vậy. Bởi vì khi con gặp trâu, ngựa hoặc lạc đà hung dữ thì con khiếp sợ, toàn thân sởn gai ốc, rồi con nghĩ rằng: "Với sự khiếp sợ như vậy, nếu ngay lúc này mà ta qua đời thì không biết sẽ sanh về đâu?"

Thế Tôn bảo Ma-ha-nam:

– Chớ sanh lòng sợ hãi. Giả sử ông có qua đời cũng không bị đọa vào ba đường ác. Vì sao như thế? Bởi vì, do ba ý nghĩa của sự đoạn trừ. Là ba ý nghĩa nào? Nếu có tham muốn và vướng mắc vào dâm dục thì mới phát sanh phiền não, rồi lại khởi tâm làm hại người khác. Còn như bản thân không có tâm tham muốn này thì thứ nhất, không sanh khởi tâm sát hại; thứ hai, ở trong đời hiện tại không phát sanh khổ não; thứ ba, những ai có các pháp xấu ác, bất thiện, tham dục thì sẽ tự hại mình, còn như không có pháp này thì sẽ không có sự nhiễu loạn, sầu ưu. Như vậy, này Ma-ha-nam, do có ba ý nghĩa của sự đoạn trừ này nên biết rằng, khi có những pháp xấu ác, bất thiện thì sẽ đi xuống, khi có các pháp thiện lành thì sẽ đi lên. Cũng như bình bơ bị vỡ trong nước, các mảnh sành

---

[1] Nguyên tác: *Mạc úy phẩm* 莫畏品 (*T*.02. 0125.41. 0744a01).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.41.1. 0744a02). Tham chiếu: *Khổ ấm kinh* 苦陰經 (*T*.01. 0026.100. 0586b02); *Thích Ma-nam bổn tứ tử kinh* 釋摩男本四子經 (*T*.01. 0054. 0848b03); *Khổ ấm nhân sự kinh* 苦陰因事經 (*T*.01. 0055. 0849b23); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.930. 0237b21); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.155. 0432b14); *M*. 14, *Cūladukkhakkhandha Sutta* (*Tiểu kinh khổ uẩn*); *S*. 55.21 - V. 371.

[3] Ni-câu-lũ (尼拘屢, Nigrodha) còn đọc Ni-câu-lâu-đà (尼拘婁陀), Ni-câu-luật (尼拘律), Ni-câu-đà (尼拘陀), Ni-câu-loại (尼拘類), Ni-câu-lưu (尼拘留).

sẽ chìm xuống dưới, còn bơ nổi lên trên. Ở đây cũng vậy, các pháp ác, bất thiện chìm xuống, còn các pháp thiện nổi lên trên.

Ma-ha-nam nên biết, thuở xưa, lúc Ta chưa thành Phật, trải qua sáu năm khổ hạnh ở Ưu-lưu-tỳ,[4] không dùng thức ăn thơm ngon nên thân thể gầy gò, ốm yếu như người trăm tuổi, do bởi nhịn ăn nên mới như vậy. Lúc Ta muốn đứng dậy, liền té ngã xuống đất. Khi ấy, Ta nghĩ rằng: "Nếu ngay lúc này Ta mạng chung thì sẽ sanh về đâu?" Và Ta liền nghĩ: "Nếu Ta mạng chung vào lúc này, chắc chắn sẽ không sanh vào đường ác." Tuy nhiên, ý nghĩa [của sự tu tập này] không phải từ an vui đưa đến an vui mà phải do khổ đau sau đó mới có được an vui.[5]

Bấy giờ, Ta đến sống trong hang Tiên nhân. Có rất nhiều Ni-kiền tử đang tu hành ở nơi này. Khi ấy, có vị Ni-kiền tử tu hành bằng cách đưa tay chỉ mặt trời, phơi mình giữa nắng, có người tu hành bằng cách ngồi xổm. Ta đến chỗ các Ni-kiền tử kia và hỏi:

"Sao các ông không ngồi xuống mà lại đưa tay, kiễng chân như thế?"

Ni-kiền tử kia đáp:

"Cù-đàm nên biết! Thuở xưa, thầy của chúng tôi làm điều bất thiện nên nay chúng tôi lấy sự khổ hạnh này để muốn diệt trừ tội lỗi kia. Tuy để lộ thân thể thì cũng có chút hổ thẹn, nhưng sẽ tiêu trừ được tội ấy. Cù-đàm nên biết! Nghiệp hết thì khổ cũng hết, khổ hết thì nghiệp cũng hết, khổ và nghiệp đã hết rồi thì đạt đến Niết-bàn."

[0744b06] Lúc ấy, Ta nói với các Ni-kiền tử:

"Điều này không đúng! Không phải do nghiệp hết thì khổ cũng hết, cũng không do khổ hết thì nghiệp cũng hết, rồi đạt đến Niết-bàn. Chỉ khi nào khổ và nghiệp đều đoạn trừ sạch, liền đạt đến Niết-bàn thì điều này rất đúng! Tuy nhiên, [cách tu học của các ông] không phải từ an vui đưa đến an vui."

Ni-kiền tử đáp:

"Vua Tần-tỳ-sa-la[6] từ an vui đến an vui, có gì khổ đâu?"

Khi ấy, Ta lại bảo Ni-kiền tử:

"Sự an vui của Vua Tần-tỳ-sa-la đâu bằng sự an lạc của Ta?"

Ni-kiền tử đáp:

"Sự an vui của Vua Tần-tỳ-sa-la hơn hẳn sự an lạc của Ngài."

---

[4] Ưu-lưu-tỳ (優留毘, Uruvelā) cũng gọi là Ưu-lâu-tần-loa (優樓頻螺).

[5] Nguyên tác: Bất khả tùng lạc chí lạc, yếu đương do khổ, nhiên hậu chí lạc (不可從樂至樂, 要當由苦然後至樂). *Thích Ma-nam bổn tứ tử kinh* 釋摩男本四子經 (*T*.01. 0054. 0848b19): Phật dạy Ma-nam: Khi Ta là Bồ-tát thường nghĩ đến thế gian nhiều khổ, ít vui; do bởi điều đó nên tìm cầu đạo giải thoát (佛告摩男: 我為菩薩時, 常念世間樂少苦多, 以是故求無為之道).

[6] Tần-tỳ-sa-la (頻毘娑羅, Bimbisāra) thường gọi là Tần-bà-sa-la (頻婆娑羅) hay Bình-sa (瓶沙).

Ta lại bảo Ni-kiền tử:

"Vua Tần-tỳ-sa-la có thể ngồi kiết-già bảy ngày bảy đêm không cử động như Ta chăng? Giả sử ông ta có thể ngồi kiết-già trong sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày cho đến một ngày có được không?"

Ni-kiền tử đáp:

"Không thể được! Thưa Cù-đàm."

Ta bảo:

"Ta có thể ngồi kiết-già, thân không cử động. Thế nào, này Ni-kiền tử! Vua Tần-tỳ-sa-la và Ta, ai an lạc hơn?"

Ni-kiền tử đáp:

"Sa-môn Cù-đàm an lạc hơn."

Như vậy, này Ma-ha-nam! Nên dùng phương tiện này để biết rằng, không thể từ an vui đưa đến an vui mà phải từ khổ mới dẫn đến an vui. Này Ma-ha-nam! Ví như hai bên ngôi làng lớn có hồ nước rộng, chu vi một do-tuần, chứa đầy nước, có người đến đó lấy một giọt nước. Này Ma-ha-nam! Ông nghĩ sao? Nước ở đâu nhiều hơn? Một giọt nước nhiều hơn hay nước trong hồ nhiều hơn?

Ma-ha-nam đáp:

– Nước trong hồ nhiều hơn, một giọt nước thì quá ít.

Thế Tôn bảo:

– Điều này cũng thế. Đệ tử Hiền thánh đã đoạn sạch các khổ, không còn tái sanh, phần khổ còn lại chỉ như một giọt nước mà thôi. Trong chúng của Ta, người chứng quả vị thấp nhất cũng không quá bảy lần chết đi, bảy lần tái sanh thì vượt thoát khổ đau. Nếu vị ấy lại nỗ lực tinh tấn thì sẽ đạt đến quả vị Gia gia,[7] rồi thành tựu đạo quả.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho Ma-ha-nam một lần nữa. Nghe pháp xong, Ma-ha-nam liền đứng dậy ra về.

Khi ấy, Ma-ha-nam nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

2. TÔN GIẢ NA-GIÀ-BA-LA[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Na-già-ba-la ngụ trong thành Lộc Dã.

Khi ấy, có Bà-la-môn lớn tuổi, từng là bạn sơ giao với Tôn giả Na-già-ba-la, đi đến chỗ Tôn giả, cùng hỏi thăm nhau rồi ngồi sang một bên.

---

[7] Gia gia (家家, *Kolaṅkola*): Quả vị thứ 6 trong 18 giai vị Hữu học. Xem *Phước điền kinh* 福田經 (*T*.01. 0026.127. 0616a05).

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.41.2. 0744c03).

Bấy giờ, Bà-la-môn[9] nói với Tôn giả Na-già-ba-la:

– Trong tất cả các sự an lạc, Tôn giả đạt được sự an lạc hiếm có nhất.

Na-già-ba-la nói:

– Ông quán sát những nghĩa lý nào mà cho rằng trong tất cả mọi sự an lạc, sự an lạc của tôi là hiếm có nhất?

Bà-la-môn đáp:

– Chỉ trong bảy ngày vừa qua, tôi mất đi bảy đứa con trai, chúng nó đều khỏe mạnh, tài cao, trí tuệ ít người sánh kịp. Rồi trong sáu ngày gần đây, mười hai người giúp việc cho tôi cũng qua đời, họ rất siêng năng không chút biếng nhác. Năm ngày kế đó, bốn anh em của tôi cũng chết, họ biết nhiều nghề nghiệp, việc gì cũng làm được. Rồi cách đây bốn ngày, cha mẹ tôi vừa qua đời, vừa gần trăm tuổi, bỏ tôi mà đi. Cách đây ba ngày, hai người vợ của tôi cũng quá vãng, dung mạo của họ đoan chánh, thế gian rất hiếm có. Lại nữa, trong nhà tôi có tám hầm châu báu, hôm qua tôi đi tìm khắp nhưng không biết ở nơi nào. Mấy hôm nay, tôi gặp biết bao chuyện khổ đau, phiền não, không sao tính kể. Tuy nhiên, thưa Tôn giả! Ngài đã vĩnh viễn xa lìa những hoạn nạn đó, không còn sầu khổ, lo buồn, chỉ lấy đạo pháp làm niềm vui cho riêng mình. Tôi quán sát nghĩa lý như vậy nên mới cho rằng, trong tất cả mọi sự an lạc, Tôn giả đạt được sự an lạc hiếm có nhất.

Khi ấy, Tôn giả Na-già-ba-la bảo vị Bà-la-môn:

– Tại sao ông không tìm cách khiến cho những người ấy đừng chết đi?

Bà-la-môn đáp:

– Tôi đã làm nhiều cách để mong họ đừng chết và để tôi không mất tiền của. Tôi cũng tùy thời bố thí, tạo lập công đức, cầu khẩn chư thiên, cúng dường các trưởng lão Phạm chí, thờ phụng các thần thánh, tụng các chú thuật, xem sao giải hạn, rồi cũng pha chế thảo dược, cũng cung cấp thức ăn, đồ uống ngon ngọt cho kẻ khốn cùng. Tôi làm các việc như thế kể ra không hết mà vẫn không thể nào cứu được mạng sống của họ.

Khi ấy, Tôn giả Na-già-ba-la liền nói kệ này:

Nào chú thuật, thuốc thang,
Uống ăn, bao thứ khác,
Bố thí chẳng ích gì,
Khác chi thêm hành xác.
Dẫu tế thần, khấn bạch,
Tẩy tịnh,[10] dâng hương hoa,
Kết quả lại hóa ra,
Khổ đau vẫn bức bách.
Dẫu cho đi mọi thứ,
Phạm hạnh gắng hành trì,
Kết quả chẳng được gì,
Toàn vô phương chữa trị.

[9] Nguyên tác: Phạm chí (梵志).

[10] Mộc dục (沐浴), một nghi lễ của Ấn giáo, dùng nước của 5 loại hương hoa rảy lên tượng thờ. Nghi lễ này có nguồn gốc từ *Atharva Veda.* Sanskrit viết là *Abhiṣeka.*

[0745a05] Bấy giờ, Bà-la-môn liền hỏi:

– Làm thế nào để không còn bị các tai họa, phiền não, đau khổ này?

Tôn giả Na-già-ba-la liền nói kệ này:

Gốc vô minh, ân ái, Khiến khổ não kéo dài,
Nhổ phăng gốc rễ này, Khổ đau hết gây hại.

Bà-la-môn nghe xong liền nói kệ này:

Con già nhưng minh mẫn, Còn nhanh nhẹn tay, chân,
Xin cho con xuất gia, Để thoát bao khổ nạn.

Khi ấy, Tôn giả Na-già-ba-la liền truyền ba y, khiến ông ta được xuất gia học đạo, rồi bảo rằng:

– Này Tỳ-kheo! Thầy nên quán sát thân này từ đầu đến chân: Tóc, lông, răng, móng này từ đâu đến? Thân thể, da dẻ, xương, tủy, ruột, bao tử từ đâu mà đến? Giả sử từ đây mà đi thì sẽ đi về đâu? Thế nên, Tỳ-kheo! Chớ lo nghĩ quá nhiều về những khổ đau, phiền não của thế gian, hãy nên quán sát sự sanh diệt trong từng lỗ chân lông trên thân này, rồi tìm cầu phương tiện để thành tựu pháp bốn Thánh đế.

Thế rồi, Tôn giả Na-già-ba-la nói kệ này:

Trừ tưởng, chớ lo nhiều, Mau chóng được mắt pháp,
Vô thường nhanh như chớp, Không gặp phước lớn này.
Quán từng lỗ chân lông, Nguồn gốc sanh và diệt,
Vô thường nhanh như chớp, Chuyên tâm hướng Niết-bàn.

Bấy giờ, Tỳ-kheo trưởng lão nhận lời dạy như thế rồi, liền ở nơi thanh vắng, tư duy về nghĩa lý này. Sở dĩ người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, vì muốn tu tập Phạm hạnh vô thượng. Vị ấy như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Thế rồi, Tỳ-kheo ấy thành bậc A-la-hán.

Lúc đó, có một vị trời vốn là bạn cũ của Tỳ-kheo trưởng lão, thấy Tỳ-kheo ấy thành tựu A-la-hán, liền đến chỗ Tôn giả Na-già-ba-la, rồi trụ giữa hư không mà nói kệ này:

Thành tựu giới trọn vẹn, Ở nơi thanh vắng kia,
Đắc đạo, hết vướng mắc, Nguồn gốc khổ đã lìa.

[0745b04] Thế rồi, vị trời ấy dùng hoa trời rải lên Tôn giả rồi ẩn mất.

Bấy giờ, Tỳ-kheo và vị trời kia nghe Tôn giả Na-già-ba-la giảng nói xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. PHÁP THƯỢNG NHÂN[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nên tu tập[12] thuần thục về bảy yếu tố và bốn pháp thì ở trong đời hiện tại được gọi là bậc Thượng nhân.[13] Này các Tỳ-kheo! Thế nào gọi là tu tập thuần thục bảy yếu tố?

Này Tỳ-kheo! Đó là, nên đem tâm từ ban rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng, phương trên và phương dưới cũng như thế, đều đem lòng từ rải khắp thế gian. Tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, Không, Vô tướng và Vô nguyện cũng lại như thế. Các căn đầy đủ, ăn uống điều độ, thường tự giác ngộ. Như thế, này Tỳ-kheo! Đó là tu tập thuần thục bảy yếu tố.

Này Tỳ-kheo! Thế nào là tu tập pháp bốn niệm xứ?[14] Này Tỳ-kheo! Đó là, quán thân trong thân, trừ bỏ sầu lo, an trú niệm nơi thân;[15] quán thân ngoài thân, an trú niệm nơi thân; quán thân trong và ngoài thân, an trú niệm nơi thân. Quán thọ nơi nội thọ, an trú niệm nơi thọ; quán thọ nơi ngoại thọ, an trú niệm nơi thọ; quán thọ nơi nội ngoại thọ, an trú niệm nơi thọ. Quán tâm nơi nội tâm, an trú niệm nơi tâm; quán tâm nơi ngoại tâm, an trú niệm nơi tâm; quán tâm nơi nội ngoại tâm, an trú niệm nơi tâm, trừ bỏ sầu lo, không còn khổ đau, phiền não. Quán pháp nơi nội pháp, an trú niệm nơi pháp; quán pháp nơi ngoại pháp, an trú niệm nơi pháp; quán pháp nơi nội ngoại pháp, an trú niệm nơi pháp. Như thế, này Tỳ-kheo! Hãy tu tập thuần thục bốn pháp này.

Này Tỳ-kheo! Nếu ai có thể tu tập thuần thục bảy yếu tố và bốn pháp thì đó là bậc Thượng nhân trong đời hiện tại.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện để thành tựu thuần thục bảy yếu tố và bốn pháp.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.41.3. 0745b07). Tham chiếu: *S.* 22.57 - III. 61.

[12] Đương quán (當觀). "Quán" (觀) ở đây chính là quán sát. Quán sát là cách nói khác của việc tu hành. *PQĐTĐ* viết 如實修行, 稱為觀察 (như thật tu hành, xưng vi quán sát).

[13] Thượng nhân (上人): Bậc tài đức hơn người, ở đây chỉ cho bậc Thánh nói chung.

[14] Nguyên tác: Tứ xứ chi pháp (四處之法).

[15] Nguyên tác: Thân ý chỉ (身意止).

4. THÁNH ĐẠO TÁM CHI[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong vườn Ni-câu-lũ của dòng họ Thích, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Chúng con muốn đi du hóa ở phương Bắc.

[0745c01] Thế Tôn bảo:

– Nay thật đúng lúc!

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy có từ giã Tỳ-kheo Xá-lợi-phất không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy đến từ giã Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao như thế? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường giáo giới cho các vị đồng Phạm hạnh. Thầy ấy thuyết pháp không hề mệt mỏi.

Thế rồi, đức Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo. Nghe pháp xong, các Tỳ-kheo đứng dậy, cúi lạy sát chân Thế Tôn, đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngụ trong ngôi tháp của dòng họ Thích. Những Tỳ-kheo ấy đến chỗ Xá-lợi-phất, cùng hỏi thăm nhau rồi ngồi sang một bên. Những Tỳ-kheo ấy bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Chúng tôi muốn đến phương Bắc để giáo hóa nhân gian, nay đã từ giã Thế Tôn.

Xá-lợi-phất nói:

– Các thầy nên biết, dân chúng, Sa-môn và Bà-la-môn ở phương Bắc thảy đều thông minh, trí tuệ khó sánh kịp. Dân chúng ở đó lại ưa thích đến tỷ thí, tranh luận. Nếu như họ hỏi các thầy: "Thầy của chư Hiền có những luận thuyết gì?" Giả sử họ hỏi như thế thì các thầy định trả lời thế nào?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Nếu có người đến hỏi như thế, chúng tôi sẽ trả lời ý nghĩa như vầy: "Sắc là vô thường. Những gì vô thường là khổ. Những gì khổ đều vô ngã. Vô ngã tức là không. Do không, vô ngã nên nó rỗng không. Người trí quán sát như thế. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường, khổ, không và vô ngã. Thật ra, cái không ấy, là do vô ngã nên không. Đó là điều người trí học tập. Năm uẩn này thảy đều là

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.41.4. 0745b26). Tham chiếu: *S.* 22.2 - III. 5.

không, là vắng lặng, do nhân duyên hòa hợp, đều sẽ trở về hoại diệt, không lâu dài, không bền chắc. Thánh đạo tám chi cùng bảy giác chi phụ trợ, đây chính là điều Thầy tôi giảng nói." Nếu các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn và dân chúng đến hỏi chúng tôi về nghĩa lý, chúng tôi sẽ đáp như vậy.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy giữ vững tâm ý, chớ có khinh suất!

Thế rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho các Tỳ-kheo. Nghe xong, họ liền từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi ra.

Khi các Tỳ-kheo ấy đi chưa bao xa, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo:

– Nên thực hành Thánh đạo tám chi và pháp bảy giác chi thế nào?

Các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Chúng tôi từ xa đến đây vì muốn được nghe ý nghĩa này, cúi mong Tôn giả giảng thuyết!

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Các thầy lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, tôi sẽ giảng nói!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

[0746a02] Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Nếu nhất tâm tư duy về chánh kiến, tức là niệm giác chi[17] không rối loạn. Chánh tư duy[18] là nhất tâm tư duy tất cả pháp, là trạch pháp giác chi.[19] Chánh ngữ[20] là thân và tâm đều tinh tấn, tức tinh tấn giác chi. Chánh nghiệp[21] là tất cả các pháp sanh khởi, là hỷ giác chi. Chánh mạng[22] là biết đủ đối với tài sản của Hiền thánh, xả bỏ hết gia nghiệp, thân thể an ổn là khinh an giác chi.[23] Chánh tinh tấn[24] là đạt được pháp bốn đế của Hiền thánh, trừ sạch các kiết sử, tức định giác chi. Chánh niệm[25] là quán bốn niệm xứ,[26] quán thân này không bền chắc, đều là không, là vô ngã, tức xả giác chi. Chánh định[27] là điều chưa thành tựu rồi sẽ thành tựu, người chưa giải thoát sẽ được giải thoát, người chưa chứng đắc sẽ được chứng đắc.

---

[17] Niệm giác ý (念覺意). *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T*.01. 00260.10. 0432c17) gọi là "niệm giác chi" (念覺支); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.0182. 0047b23) gọi là "niệm giác phần" (念覺分).

[18] Nguyên tác: Đẳng trị (等治).

[19] Nguyên tác: Pháp giác ý (法覺意).

[20] Nguyên tác: Đẳng ngữ (等語).

[21] Nguyên tác: Đẳng nghiệp (等業).

[22] Nguyên tác: Đẳng mạng (等命).

[23] Nguyên tác: Ỷ giác ý (猗覺意).

[24] Nguyên tác: Đẳng phương tiện (等方便).

[25] Nguyên tác: Đẳng niệm (等念).

[26] Nguyên tác: Tứ ý chỉ (四意止).

[27] Nguyên tác: Đẳng tam-muội (等三昧).

Nếu có người đến hỏi nghĩa lý như vầy: "Làm thế nào để tu tập Thánh đạo tám chi và bảy giác chi?" Các thầy nên đáp như thế. Vì sao như vậy? Tỳ-kheo nào tu Thánh đạo tám chi và bảy pháp giác chi thì tâm được giải thoát khỏi phiền não.

Tôi nói lại cho các thầy một lần nữa, Tỳ-kheo nào tu tập, tư duy Thánh đạo tám chi và bảy pháp giác chi thì vị ấy sẽ thành tựu quả vị thứ hai, không có gì phải nghi ngờ và sẽ chứng đắc A-la-hán. Tạm bỏ qua việc này, nếu như không thể tu tập được nhiều thì trong một ngày, vị nào tu tập Thánh đạo tám chi và bảy pháp giác chi sẽ được phước báu không thể tính kể, chứng đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán.

Vì thế, này chư Hiền! Nên tìm cầu phương tiện để tu tập Thánh đạo tám chi và bảy giác chi, chắc chắn sẽ đắc đạo, chớ có hồ nghi!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. PHÓ CHÚC PHÁP BẢO[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Thầy tuổi đã già, không còn tráng kiện nữa,[29] nên nhận vật thực và y phục của các thí chủ.

Đại Ca-diếp bạch Phật:

– Con không thể thọ nhận y phục và thực phẩm ấy. Vì con mặc y chắp vá từng mảnh[30] này, tùy thời khất thực, an lạc hiếm có không gì sánh bằng. Vì sao như vậy? Bởi vì, đời sau sẽ có các Tỳ-kheo thân thể yếu ớt, tâm tham đắm y phục, vật thực tốt đẹp rồi bỏ bê việc tham thiền, không thể tu tập khổ hạnh. Họ lại bảo rằng: "Quá khứ vào thời Phật, các Tỳ-kheo cũng nhận lời người thỉnh, cũng thọ nhận y phục, vật thực, tại sao chúng ta không làm theo pháp của bậc Thánh thuở xưa?" Bởi lẽ, do tham đắm y phục và vật thực nên họ sẽ từ bỏ pháp phục, làm người cư sĩ, khiến các bậc Hiền thánh không còn oai thần nữa. Bốn bộ chúng dần dần giảm bớt. Thánh chúng đã suy giảm thì tháp miếu Phật sẽ bị hủy hoại. Tháp miếu Phật bị hủy hoại thì kinh sách sẽ bị thất lạc. Khi ấy chúng

---

[28] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.41.5. 0746a21). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1141. 0301c70); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1142. 0302a01); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1143. 0302b02); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1144. 0302c13); *S*. 16.5 - II. 202.

[29] Vô thiếu tráng chi ý (無少壯之意). Bản Tống, Nguyên, Minh không có 2 chữ "chi ý" (之意).

[30] Nguyên tác: Nạp y (納衣), còn gọi là "phấn tảo y" (糞掃衣): Y được may từ những tấm vải bị vứt bỏ.

sanh không còn thông tuệ nữa, do không còn thông tuệ nên tuổi thọ sẽ ngắn ngủi. Thế rồi, sau khi qua đời, chúng sanh kia đều bị đọa vào ba đường ác. Như trong đời hiện tại, chúng sanh nào có nhiều phước đức đều được sanh lên cõi trời, trong đời vị lai do tạo nhiều tội lỗi nên đều bị đọa vào địa ngục.

[0746b07] Thế Tôn bảo:

– Lành thay, lành thay! Ca-diếp đã làm nhiều điều lợi ích. Thầy là bạn tốt, là ruộng phước cho người đời. Này Ca-diếp, thầy nên biết! Sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng hơn một ngàn năm, sẽ có các Tỳ-kheo bỏ bê việc tham thiền, chẳng thực hành pháp Đầu-đà[31] nữa, cũng không khất thực, không mặc y phấn tảo mà chỉ tham lam thu nhận y phục, thực phẩm của thí chủ thỉnh mời. Họ cũng chẳng ngồi bên gốc cây, ở nơi thanh vắng, chỉ ưa thích trang hoàng nhà cửa, phòng ốc, cũng không dùng trần khí dược để làm thuốc[32] mà chỉ đam mê các dược thảo cực kỳ ngon ngọt, rồi tham đắm tài sản, lẫn tiếc nhà cửa, thường tranh chấp nhau.

Bấy giờ, đàn-việt thí chủ dốc lòng tin sâu Phật pháp, ưa thích bố thí chẳng tiếc của cải. Thế rồi, đàn-việt thí chủ sau khi qua đời đều sanh lên cõi trời, còn Tỳ-kheo biếng nhác, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Thật vậy, này Ca-diếp! Tất cả các pháp hữu vi thảy đều vô thường, không gì bền lâu.

Lại nữa, Ca-diếp nên biết! Trong tương lai, sẽ có Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc nhưng sống theo thế tục, tay trái bồng con trai, tay phải bế con gái, lại cầm đàn sáo, đi khất thực trên đường phố. Lúc ấy, đàn-việt thí chủ còn được phước vô cùng, huống gì ngày nay những người khất thực đều tu hành chân chánh. Thật vậy, này Ca-diếp! Tất cả các pháp hữu vi thảy đều vô thường, không gì bền lâu.

Ca-diếp nên biết! Trong tương lai, sẽ có Sa-môn Tỳ-kheo bỏ Thánh đạo tám chi và bảy pháp giác chi, là pháp bảo trong hiện tại mà Ta đã tu tập trong ba a-tăng-kỳ kiếp. Trong tương lai, các Tỳ-kheo sẽ dùng đàn ca, hát xướng trong khi khất thực ở giữa đám đông để tự nuôi sống. Tuy vậy, các đàn-việt thí chủ khi cúng dường thức ăn cho các Tỳ-kheo ấy cũng còn được phước, huống gì ngày nay lại không được phước sao?

Nay Ta đem pháp này truyền trao lại cho Tỳ-kheo Ca-diếp và Tỳ-kheo A-nan. Vì sao như vậy? Ta già rồi, tuổi đã gần kề tám mươi. Không bao lâu nữa Như Lai sẽ Diệt độ. Hôm nay, Ta đem pháp bảo phó chúc cho hai thầy, hãy khéo ghi nhớ đọc tụng, lưu truyền trong thế gian, đừng để cho đoạn tuyệt. Những ai phạm lỗi làm cho lời dạy của bậc Thánh bị đoạn tuyệt thì sẽ bị đọa vào chốn biên địa. Vì thế, hôm nay Ta dặn dò, giao phó kinh pháp cho các thầy. Các thầy đừng để đoạn tuyệt.

---

[31] Đầu-đà (頭陀). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

[32] Bất dụng đại tiểu tiện vi dược (不用大小便為藥), nghĩa là không sử dụng một loại thuốc bình thường, thông dụng, tức lấy phân và nước tiểu để làm thuốc. Đây là cách nói vắn tắt về một phương thuốc dùng phân của con bê và nước tiểu của bò để làm thuốc (犢糞牛尿), gọi là "trần khí dược" (陳棄藥). Theo *Nam Hải ký quy nội pháp truyện* 南海寄歸內法傳 (*T*.54. 2125.3. 0225a22).

[0746c03] Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

– Do duyên cơ gì để Thế Tôn đem kinh pháp này giao phó cho hai chúng con mà không giao phó cho người khác? Trong chúng của Như Lai, các vị thần thông bậc nhất không thể tính kể, sao Thế Tôn không giao phó, dặn dò?

Thế Tôn bảo Ca-diếp:

– Ta quán sát khắp cõi trời và cõi người, không thấy người nào có thể thọ trì Pháp bảo này bằng Ca-diếp và A-nan. Trong hàng Thanh văn cũng không ai hơn hai thầy. Chư Phật trong đời quá khứ cũng có hai vị thọ trì kinh pháp, giống như Tỳ-kheo Ca-diếp và Tỳ-kheo A-nan trong hiện tại, rất mực thù thắng, vi diệu. Vì sao như thế? Bởi vì, Tỳ-kheo thực hành hạnh Đầu-đà trong thời Phật quá khứ, khi pháp còn thì vị ấy còn, khi pháp diệt thì vị ấy cũng Diệt độ. Hôm nay, Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta còn hiện hữu ở đời, cho đến khi Phật Di-lặc ra đời, sau đó mới nhập diệt. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo Ca-diếp trong hiện tại hơn hẳn chúng Tỳ-kheo thuở quá khứ.

Lại nữa, vì sao Tỳ-kheo A-nan hơn hẳn thị giả thời quá khứ? Thị giả chư Phật thời quá khứ nghe Phật giảng nói, sau đó mới hiểu, còn Tỳ-kheo A-nan trong hiện tại, Như Lai chưa nói ra đã hiểu, nên Như Lai không cần nói, A-nan cũng hiểu rõ hết. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả chư Phật thuở quá khứ. Cho nên, này Ca-diếp, A-nan! Nay Ta giao phó cho các thầy Pháp bảo này, đừng để thiếu sót, diệt mất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Pháp hữu vi vô thường, Có sanh nên có diệt,
Không sanh thì không diệt, Tịch diệt, vui tối thượng.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[33]

[33] Bản Hán, hết quyển 35.

42. PHẨM TÁM NẠN[1]

1. TÁM NẠN[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có những hoàn cảnh khó khăn[3] khiến kẻ phàm phu không thể nghe, không thể biết giáo pháp được thuyết giảng. Tỳ-kheo nên biết! Có tám hoàn cảnh khó khăn khiến chúng sanh không thể nghe pháp, không thể tu hành. Đó là những hoàn cảnh nào?

Khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp đưa đến Niết-bàn, là công hạnh của Như Lai, nhưng chúng sanh này đang ở trong địa ngục nên không thể thấy Phật, không được nghe pháp. Đó là nạn đầu tiên.

Lại nữa, khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp, nhưng chúng sanh này đang ở trong loài súc sanh nên không thể thấy Phật, không được nghe pháp. Đó là nạn thứ hai.

Lại nữa, khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp, nhưng chúng sanh này đang ở trong loài ngạ quỷ nên không thể thấy Phật, không được nghe pháp. Đó là nạn thứ ba.

Lại nữa, khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp, nhưng chúng sanh này đang ở cõi trời Trường Thọ[4] nên không thể thấy Phật, không được nghe pháp. Đó là nạn thứ tư.

Lại nữa, khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp, nhưng chúng sanh này đang sống ở vùng biên địa, chê bai Hiền thánh, tạo các nghiệp ác. Đó là nạn thứ năm.

Lại nữa, khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp, đưa đến Niết-bàn, chúng sanh này tuy đang sống ở chốn thị thành nhưng sáu căn không đầy đủ, nên không phân biệt được các pháp thiện ác. Đó là nạn thứ sáu.

---

[1] Nguyên tác: *Bát nạn phẩm* 八難品 (*T*.02. 0125.42. 0747a06).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.1. 0747a07). Tham chiếu: *Bát nạn kinh* 八難經 (*T*.01. 0026.124. 0613a27); *A*. 8.29 - IV. 225.

[3] Thời tiết (時節): Đúng lúc, đúng thời gian. Pāli ghi là *Khaṇa*: Đúng thời; *Akkhaṇa*: Không đúng thời.

[4] Trường Thọ thiên (長壽天) tức cõi trời Vô Tưởng (無想天).

Lại nữa, khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp, đưa đến Niết-bàn, chúng sanh này đang sống ở chốn thị thành, tuy sáu căn đầy đủ, không bị thiếu khuyết, nhưng chúng sanh đó tâm thức tà kiến, cho rằng: Không có chúng sanh, không có bố thí, không có người thọ nhận và cũng chẳng có quả báo thiện ác, không có đời này và cũng chẳng có đời sau, cũng không có cha mẹ; thế gian này không có Sa-môn hay Bà-la-môn nào thành tựu quả vị A-la-hán hay tự thân chứng ngộ rồi tự an trú. Đó là nạn thứ bảy.

Lại nữa, khi Như Lai không thị hiện ở đời nên cũng không thuyết giảng giáo pháp đưa đến Niết-bàn. Do đó, dù chúng sanh này được sanh ở chốn thị thành, sáu căn đầy đủ, có thể lãnh thọ giáo pháp, thông minh trí tuệ, nghe pháp liền hiểu, nương chánh kiến để tu hành, biết có vật thí, có sự bố thí, có người thọ nhận, có quả báo thiện ác, có đời này và đời sau; tin rằng thế gian này có Sa-môn, Bà-la-môn tu tập chánh kiến, chứng đắc A-la-hán, nhưng không có Phạm hạnh để tu hành. Đó là nạn thứ tám.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là tám nạn, không thể tu hành Phạm hạnh.

[0747b07] Ở đây, này Tỳ-kheo! Có một hoàn cảnh hợp thời để nghe pháp và giúp chúng sanh tu hành Phạm hạnh. Đó là hoàn cảnh nào? Là khi Như Lai thị hiện ở đời, thuyết giảng giáo pháp, đưa đến Niết-bàn. Chính ngay khi ấy, người này đang ở chốn thị thành, có trí tuệ thông suốt việc đời, gặp việc đều rõ ràng, chánh kiến tu hành, hiểu rõ các pháp thiện ác, biết có đời này và đời sau, biết thế gian này có Sa-môn, Bà-la-môn tu tập theo chánh kiến, chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là hoàn cảnh hợp thời để chúng sanh có thể tu hành Phạm hạnh, đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tám nạn chẳng giống nhau,
Thời Chánh pháp hiện nay,
Chánh pháp phải gắng tu,
Nhớ lại ngày xưa cũ,
Ngay đây lìa tham dục,
Thế gian mãi duy trì,
Ngay đây lìa tham dục,
Nguồn tử sanh khô cạn,
Cõi người được thọ thân,
Ai đạo quả không thành,
Nay giảng về tám nạn,
Một nạn đã lo âu,
Lìa một trong tám nạn,
Lìa một trong bốn đế,
Do đó phải chuyên tâm
Chí thành nghe Chánh pháp,
Khiến người không chứng đạo,
Đâu dễ gì gặp được.
Chớ mất dịp may này,
Sống địa ngục thâm u.
Chánh pháp gắng tư duy,
Pháp không hề đoạn diệt.
Chánh pháp gắng tư duy,
Pháp trụ mãi thế gian.
Khéo hiểu pháp chân thật,
Ắt vào nơi tám nạn.
Cốt lõi của pháp mầu,
Như bộng cây giữa biển.
Chánh đạo có ngày về,
Chánh đạo ắt lìa xa.
Tư duy về diệu lý,
Liền đến chốn vô vi.[5]

[5] Vô vi xứ (無為處, *Akataṃ*), tên khác của Giải thoát, Niết-bàn.

[0747c02] Thế nên, này Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện xa lìa nơi tám nạn, chớ cầu mong ở trong các cõi đó.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. TÁM ĐỊA NGỤC[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có tám địa ngục lớn. Là những ngục nào? Đó là địa ngục Hoàn Hoạt, địa ngục Hắc Thằng, địa ngục Đẳng Hại, địa ngục Thế Khốc, địa ngục Đại Thế Khốc, địa ngục A-tỳ, địa ngục Viêm và địa ngục Đại Viêm. Này các Tỳ-kheo! Có tám địa ngục lớn như thế.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Hoàn Hoạt và Hắc Thằng, Đẳng Hại, hai Thế Khốc
Ngục A-tỳ ngũ nghịch, Địa ngục Viêm, Đại Viêm.
Đây là tám địa ngục, Là nơi không thể ở,
Do nghiệp ác mà thành, Mười sáu lớp vây quanh.
Phía trên ngục sắt này, Bị lửa dữ bủa vây,
Trong cả một do-tuần, Lửa phừng phực bùng cháy.
Bốn cửa ở bốn vách, Bên trong rất phẳng bằng,
Lấy sắt làm tường thành, Phía trên lợp mái sắt.[7]

Đây là do nhân duyên tội báo của chúng sanh, khiến cho chúng sanh đó phải chịu vô lượng khổ não, máu thịt tiêu tan hết, chỉ còn lại bộ xương.

Do nhân duyên gì gọi là địa ngục Hoàn Hoạt? Có những chúng sanh thân hình cứng đờ, không thể cử động, bị khổ đau bức bách nhưng không thể di chuyển, toàn thân không còn chút máu thịt nào. Khi ấy, họ tự bảo nhau: "Chúng sanh sống lại." Khi ấy, các chúng sanh kia liền tự sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Hoàn Hoạt.

Do nhân duyên gì gọi là địa ngục Hắc Thằng? Bởi vì toàn bộ gân mạch trong thân thể của chúng sanh kia đều biến thành dây, bị dây cứa đứt thân thể nên gọi là địa ngục Hắc Thằng.

---

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.42.2. 0747c05). Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T.*01. 0001.30.4. 0121b28); *A.* 3.35 - I. 138.

[7] Nửa cuối bài kệ giống với *A.* 3.35 - I. 138.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Đẳng Hại? Bởi vì các chúng sanh bị dồn vào một nơi, rồi bị chém lìa đầu nhưng trong phút chốc liền sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Đẳng Hại.

[0748a01] Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Thế Khốc? Bởi vì chúng sanh kia đã đoạn mất căn lành, không còn sót lại một chút mảy may nào nên phải đọa vào địa ngục này, thọ nhận vô lượng khổ đau, rồi ở trong đó kêu khóc than oán, tiếng gào thét không gián đoạn. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Thế Khốc.

Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại Thế Khốc? Bởi vì chúng sanh ở trong địa ngục ấy thọ nhận vô lượng đau khổ, không thể tính kể. Ở trong địa ngục đó, họ kêu khóc, đấm ngực, tự đánh khắp mình rồi đồng thanh gào thét. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Đại Thế Khốc.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ? Bởi vì có những hạng chúng sanh giết hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, phá hòa hợp Tăng,[8] học theo tà kiến điên đảo, liên hệ với tà kiến, thảy đều không thể chữa trị. Do nhân duyên như vậy nên gọi là địa ngục A-tỳ.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Viêm? Bởi vì các loại chúng sanh ở trong địa ngục ấy thân thể bị cháy ngún khói đến khi xương tan thịt nát nên gọi là địa ngục Viêm.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại Viêm? Bởi vì tội nhân ở trong địa ngục này bị cháy sạch, không còn một chút gì nên gọi là địa ngục Đại Viêm.

Này Tỳ-kheo! Do nhân duyên này gọi là tám địa ngục lớn. Mỗi địa ngục lớn đều có mười sáu địa ngục nhỏ. Tên của các địa ngục đó là địa ngục Hoa Sen Xanh, địa ngục Hoa Sen Vàng, địa ngục Hoa Sen Đỏ, địa ngục Hoa Sen Trắng, địa ngục Chưa Từng Có, địa ngục Mãi Không, địa ngục Ngu Hoặc, địa ngục Rút Lại, địa ngục Núi Dao, địa ngục Tro Nóng, địa ngục Núi Lửa, địa ngục Sông Tro, địa ngục Gai Góc, địa ngục Phân Sôi, địa ngục Cây Kiếm, địa ngục Hòn Sắt Nóng. Mười sáu địa ngục nhỏ này không thể ước tính được, khiến những chúng sanh kia luân chuyển mãi trong đó.

Hoặc có chúng sanh phá hủy chánh kiến, phỉ báng và xa lìa Chánh pháp, sau khi qua đời đều bị đọa vào địa ngục Hoàn Hoạt.

Các chúng sanh nào ưa thích sát sanh, liền bị đọa vào địa ngục Hắc Thằng.

Chúng sanh nào giết mổ trâu, dê và nhiều loài khác, sau khi qua đời liền bị đọa vào địa ngục Đẳng Hại.

Chúng sanh nào lấy của không cho, trộm cướp của người khác, liền đọa vào địa ngục Thế Khốc.

Chúng sanh nào ưa thích dâm dục, lại thêm nói dối, sau khi qua đời liền bị đọa vào địa ngục Đại Thế Khốc.

---

[8] Nguyên tác: Đấu loạn chúng Tăng (鬪亂眾僧). Đấu loạn (鬪亂), P. *Pisuṇa*, nghĩa là ly gián.

Chúng sanh nào giết hại cha mẹ, phá hoại chùa tháp, ly gián chúng Tăng, chê bai Thánh nhân, học theo tà kiến điên đảo, sau khi qua đời liền đọa vào địa ngục A-tỳ.

Chúng sanh nào nghe lời nói ở chỗ này rồi đem truyền đến nơi kia, nghe ở nơi kia rồi đem truyền đến chỗ này, mong chiếm được thiện lợi từ người khác thì sau khi qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục Viêm.

Chúng sanh nào gây chia rẽ đôi bên, tham đắm tài vật của người, khởi lòng ganh ghét keo kiệt, ôm lòng hoài nghi thì sau khi qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục Đại Viêm.

Chúng sanh nào tạo các loại nghiệp ác khác, sau khi qua đời sẽ bị đọa vào mười sáu địa ngục nhỏ.

[0748b07] Khi ấy, cai ngục hành hạ những chúng sanh kia, đau khổ không thể tính kể: Hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc chặt cả tay chân; hoặc cắt mũi, hoặc xẻo tai, hoặc cắt cả tai lẫn mũi; hoặc lấy cây đè lên, hoặc lấy cỏ nhét vào bụng; hoặc nắm đầu tóc rồi treo ngược lên, hoặc lột da, lóc thịt; hoặc chẻ làm đôi, hoặc may kín lại, hoặc chặt thành năm phần; hoặc dùng lửa thiêu đốt, hoặc rưới nước sắt nóng lên; hoặc xé ra làm năm, hoặc kéo thân dài ra; hoặc dùng búa bén chém đầu, rồi trong giây lát liền sống lại. Cho đến khi tội nhân trả hết nghiệp trong ngục đó xong, sau đó mới được thoát khỏi.

Rồi cai ngục bắt chúng sanh kia, lấy chày lớn đập nát thân thể, hoặc róc gân xương, hoặc rượt đuổi khiến tội nhân leo lên cây bén nhọn như kiếm, lại rượt đuổi khiến phải tuột xuống, rồi bị các loài chim mỏ sắt đến mổ ăn. Lại bị trói chặt toàn thân không cho cử động rồi ném vào vạc nước sôi lớn, dùng chĩa sắt để chĩa vào thân, khi cơn gió thổi qua, thân ấy sống trở lại như cũ. Khi ấy, lính ngục lại bắt chúng sanh leo lên núi đao, núi lửa, không cho ngừng nghỉ. Chúng sanh trong những ngục đó chịu khổ không thể tính kể, chỉ khi nào tội lỗi mà họ đã tạo ở nhân gian dứt hết, khi ấy mới có cơ may thoát khỏi.

Đến khi người tội không thể nào chịu đựng được sự đau khổ thống thiết này, lại tìm vào địa ngục Tro Nóng, chịu khổ đau vô lượng. Thoát khỏi địa ngục này, tội nhân liền rơi vào địa ngục Chẻ Ngược, trong địa ngục này, gió thổi đau đớn không thể kể xiết. Thoát khỏi địa ngục ấy lại rơi vào địa ngục Phân Nóng. Trong địa ngục Phân Nóng, tội nhân bị các loài vi trùng cực nhỏ rúc rỉa thịt xương. Đến khi chúng sanh không còn chịu đựng nổi sự đau khổ tột cùng này, lại rơi vào địa ngục cây bén như kiếm, lúc ấy thịt nát xương tan, đau đớn không thể chịu đựng được.

Lúc ấy, cai ngục hỏi chúng sanh kia:

"Các ngươi từ đâu đến?"

Các tội nhân đáp:

"Chúng tôi cũng chẳng biết từ đâu đến."

Cai ngục hỏi:

"Rồi các ngươi sẽ về đâu?"

Họ trả lời:

"Chúng tôi cũng chẳng biết sẽ đi về đâu."

Lại hỏi:

"Bây giờ, các ngươi muốn điều gì?"

Trả lời:

"Chúng tôi hiện rất đói khát."

Khi ấy, cai ngục lấy hòn sắt nóng đổ vào miệng tội nhân kia, thân thể tội nhân liền bị thiêu cháy, đau đớn vô cùng. Cho đến khi trả hết tội cũ, sau đó mới qua đời. Tội nhân phải trải qua ngần ấy địa ngục như thế, phải ở trong đó chịu khổ hàng trăm ngàn năm, sau đó mới được thoát khỏi.

[0748c07] Tỳ-kheo nên biết! Vua Diêm-la liền nghĩ như vầy: "Nếu có những chúng sanh nào mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì phải thọ nhận những tội khổ như thế. Nếu có chúng sanh nào thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, với những người như thế sẽ được sanh vào cõi trời Quang Âm."

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Kẻ ngu thường thích thú, Như ở trời Quang Âm,
Người trí thường sợ hãi, Như ở trong ngục tù.

Lúc ấy, Vua Diêm-la liền nhắc nhở tội nhân: "Một ngày nào đó, mọi tội lỗi mà các ông đã tạo thuở xưa tiêu trừ hết, liền chết đi ở chốn này rồi được sanh làm thân người, ở chốn thị thành, được gặp gỡ bạn lành, có cha mẹ kính tin Phật pháp, được xuất gia học đạo trong chúng của Như Lai, dứt sạch phiền não trong đời hiện tại rồi thành tựu giải thoát. Ta nhắc nhở các ông một lần nữa, phải khởi lòng siêng năng để xa lìa tám nạn, được sanh vào chốn thị thành, được gặp gỡ bạn lành, được tu Phạm hạnh, thành tựu sở nguyện, không quên mất thệ nguyện xưa."

Thế nên, này Tỳ-kheo! Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn xa lìa tám địa ngục lớn và mười sáu địa ngục nhỏ thì nên tìm cầu phương tiện tu tập Thánh đạo tám chi.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. HÀNH TRÌNH CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong vườn Nại-kỳ thuộc thành Tỳ-xá-ly, rồi tuần tự du hóa trong nhân gian.

Khi ấy, Thế Tôn ngoảnh lại nhìn thành Tỳ-xá-ly và nói kệ này:

Nay ngắm Tỳ-xá-ly, Ngày sau không thấy nữa,
Nơi này từ biệt đi, Và không còn trở lại.

[0749a03] Bấy giờ, nghe xong bài kệ này, dân chúng trong thành Tỳ-xá-ly thảy đều đau buồn. Họ đi theo đức Thế Tôn, hết thảy đều rơi lệ bảo nhau: "Chẳng bao lâu nữa, Như Lai sẽ Diệt độ, thế gian này sẽ mất đi ánh sáng."

Thế Tôn bảo:

– Thôi, thôi! Các vị chớ có sầu não, buồn lo! Vạn vật phải chịu sự hoại diệt mà muốn cho không hoại thì không thể được. Trước đây, Ta đã nói về bốn pháp căn bản, nhờ bốn pháp này mà Ta được chứng ngộ và Ta đã giảng nói bốn pháp này cho bốn bộ chúng. Đó là bốn pháp nào? Tất cả pháp đều vô thường, là pháp thứ nhất. Tất cả pháp là khổ, là pháp thứ hai. Tất cả pháp là vô ngã, là pháp thứ ba. Niết-bàn là diệt sạch gốc khổ, là pháp thứ tư. Thật vậy, không bao lâu nữa, Như Lai sẽ Diệt độ. Các vị phải biết bốn pháp căn bản này rồi giảng bày nghĩa lý cho tất cả chúng sanh.

Bấy giờ, vì muốn cho dân chúng thành Tỳ-xá-ly phải quay trở về nên đức Thế Tôn liền hóa hiện ra một cái hầm lớn, rồi Ngài đưa chúng Tỳ-kheo sang bờ bên kia và để dân chúng trong nước ở lại bờ bên này. Thế rồi, Thế Tôn liền ném cái bát của Ngài lên hư không, ban tặng cho dân chúng, rồi bảo:

– Các vị hãy khéo cúng dường cái bát này và cũng nên cúng dường các vị pháp sư tài trí, mãi mãi được phước vô lượng.

Sau khi ban tặng cái bát cho dân chúng thành Tỳ-xá-ly, đức Thế Tôn liền đi đến nước Câu-thi-na-kiệt.[10]

Lúc ấy, hơn năm trăm lực sĩ[11] ở trong nước Câu-thi-na-kiệt nhóm họp ở một chỗ rồi bàn luận như vầy:

– Chúng ta hãy cùng nhau làm một việc thật kỳ đặc để sau khi qua đời, danh tiếng vang xa, được con cháu truyền tụng rằng: "Thuở xưa, các lực sĩ thành Câu-thi-na-kiệt có sức mạnh không ai sánh bằng."

Một lát sau, họ suy nghĩ: "Chúng ta nên tạo lập công đức gì?"

---

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.42.3. 0748c24). Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (*T.*01. 0001.2. 0011a07); *D.* 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*).

[10] Câu-thi-na-kiệt (拘尸那竭, Kusinārā).

[11] Lực sĩ (力士), dịch nghĩa từ chữ *Malla*. *Malla*, chữ này vừa mang nghĩa là lực sĩ, đồng thời cũng là tên riêng của một bộ tộc.

Bấy giờ, cách thành Câu-thi-na-kiệt không xa, có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ,[12] rộng sáu mươi bộ, họ bảo nhau: "Chúng ta cùng dựng nó lên." Thế rồi, họ cố hết sức để dựng tảng đá nhưng chẳng thể nào xê dịch, huống hồ là dựng lên. Lúc ấy, Thế Tôn đi đến chỗ họ rồi hỏi rằng:

– Các ông muốn làm gì thế?

Các đồng tử bạch Phật:

– Chúng con đã cùng bàn bạc với nhau là muốn dời tảng đá này để danh tiếng đời đời lưu truyền. Bảy ngày đã trôi qua, chúng con đã cố hết sức nhưng không thể nào làm lay chuyển tảng đá này.

[0749b01] Phật bảo các đồng tử:

– Các ông muốn Như Lai dựng tảng đá này lên không?

Các đồng tử đáp:

– Nay thật đúng lúc, cúi xin Thế Tôn dựng lại tảng đá này!

Lúc ấy, Thế Tôn dùng bàn tay phải nâng tảng đá lên, chuyển sang bàn tay trái rồi ném tảng đá ấy vào không trung. Lúc ấy, tảng đá đó bay lên đến cõi trời Phạm thiên.

Các lực sĩ thành Câu-thi-na-kiệt không nhìn thấy tảng đá nữa, liền bạch Phật:

– Tảng đá ấy đang ở chỗ nào? Sao chúng con không thấy nữa?

Thế Tôn bảo:

– Tảng đá ấy hiện đã bay lên đến cõi trời Phạm thiên.

Các đồng tử bạch Phật:

– Khi nào thì tảng đá này sẽ rơi xuống cõi Diêm-phù-đề?

Thế Tôn bảo:

– Ta sẽ dẫn thí dụ, người trí nhờ thí dụ này mà tự hiểu rõ. Giả sử có người lên đến cõi trời Phạm thiên, nâng tảng đá ấy rồi ném xuống thì mười hai năm mới đến cõi Diêm-phù-đề. Tuy nhiên hôm nay, do sức mạnh từ oai thần của Như Lai nên tảng đá đó đang rơi xuống.

Đức Phật vừa dứt lời thì trong khoảnh khắc, tảng đá ấy đã rơi xuống. Giữa hư không, trăm ngàn loại hoa trời tuôn xuống như mưa.

Từ xa, thấy tảng đá đang rơi xuống, hơn năm trăm đồng tử liền tháo chạy tán loạn, không ai dám đứng ở chỗ cũ. Phật bảo các đồng tử:

– Chớ sợ hãi! Như Lai tự biết phải làm gì.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay trái đỡ tảng đá, đặt qua bàn tay phải rồi dựng đứng lên. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên cõi nước rung động sáu cách. Các vị trời

[12] Bộ (步). Theo *Hán-Việt đại từ điển*, đơn vị đo chiều dài thời xưa, thời nhà Chu (周) định 8 thước là 1 bộ, thời nhà Tần (秦) định 6 thước là 1 bộ.

thần diệu giữa hư không rải xuống vô số loại hoa sen xanh.[13] Năm trăm đồng tử đồng thanh khen ngợi việc chưa từng có này:

– Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Oai thần của Như Lai thật không ai có thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ mà Thế Tôn chỉ dùng một tay để đặt viên đá xuống.

Lúc ấy, năm trăm đồng tử cùng bạch Phật:

– Như Lai dùng thần lực gì để di chuyển tảng đá này? Ngài dùng sức thần túc hay dùng sức trí tuệ để đặt viên đá xuống?

Phật bảo các đồng tử:

– Ta không dùng sức thần túc cũng chẳng dùng sức trí tuệ. Ta chỉ dùng sức mạnh từ cha mẹ để đặt tảng đá này xuống.

Các đồng tử bạch Phật:

– Chúng con không hiểu Như Lai dùng sức mạnh từ cha mẹ bằng cách nào?

Phật bảo:

– Ta sẽ nêu thí dụ cho các ông, người trí nhờ thí dụ mà tự hiểu rõ. Các ông nên biết! Sức mạnh của mười con lạc đà không bằng sức mạnh của một con voi. Lại nữa, sức mạnh của mười con lạc đà và một con voi thường không bằng sức mạnh của một con voi Ca-la-lặc. Lại nữa, sức mạnh của mười con lạc đà, một con voi thường và cả voi Ca-la-lặc không bằng sức mạnh của một con voi Cưu-đà-diên. Giả sử sức mạnh của mười con lạc đà, một con voi thường, cộng thêm sức mạnh của một con voi Cưu-đà-diên cũng không bằng sức mạnh của một con voi Bà-ma-na. Lại nữa, kể về sức mạnh của con voi Bà-ma-na thì không bằng sức mạnh của một con voi Ca-nê-lưu. Lại nữa, kể về sức mạnh của các con voi thì không bằng sức mạnh của một con voi Ưu-bát. Lại nữa, kể về sức mạnh của những con voi đây thì không bằng sức mạnh của một con voi Bát-đầu-ma. Lại nữa, kể về sức mạnh của những con voi đây thì không bằng sức mạnh của một con voi Câu-mâu-đà. Lại nữa, gom hết sức mạnh của những con voi để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một con voi Phân-đà-lợi. Lại nữa, gom hết sức mạnh của những con voi để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một con voi Hương Tượng. Lại nữa, gom hết sức mạnh của những con voi để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một con voi Ma-ha-na-cực. Lại nữa, gom hết sức mạnh của những con voi để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một con voi Na-la-diên. Lại nữa, gom hết sức mạnh của những con voi để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một vị Chuyển Luân Thánh vương. Lại nữa, gom hết sức mạnh của những vị Chuyển Luân Thánh vương để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một vị Bồ-tát không thoái chuyển.[14] Lại nữa, gom

[13] Ưu-bát liên hoa (憂鉢蓮華, uppala).

[14] A-duy-việt-trí (阿維越致).

hết sức mạnh của những vị Bồ-tát không thoái chuyển để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một vị Bồ-tát bổ xứ. Lại nữa, gom hết sức mạnh của những vị Bồ-tát bổ xứ để tính đếm và so sánh thì không bằng sức mạnh của một vị Bồ-tát ngồi dưới cội Bồ-đề.[15] Lại nữa, gom hết sức mạnh của những vị Bồ-tát ngồi dưới cội Bồ-đề để tính toán và so sánh thì không bằng sức mạnh của một vị Như Lai do cha mẹ mà có thân thể. Nay Ta dùng sức mạnh của thân thể do cha mẹ mà có để đặt tảng đá này xuống.

[0749c19] Bấy giờ, năm trăm đồng tử lại bạch Phật:

– Sức mạnh thần túc của Như Lai thì thế nào?

Đức Phật bảo:

– Trước đây, Ta có đệ tử tên là Mục-kiền-liên, là người có sức mạnh thần túc thông bậc nhất. Bấy giờ, Ta và Mục-kiền-liên đi du hóa trong thôn Vườn Trúc Tỳ-la-nhã. Lúc ấy, đất nước đang gặp nạn đói, dân chúng ăn thịt lẫn nhau, xương trắng đầy đường. Do vậy, hàng xuất gia và đạo sĩ khất thực rất khó khăn nên chúng Tăng gầy gò ốm yếu, sức lực suy kiệt. Lại nữa, dân chúng trong thôn đều đói khổ, không chốn nương nhờ. Lúc ấy, Đại Mục-kiền-liên thưa với Ta rằng:

"Hiện nay, thôn Tỳ-la-nhã này quá ư đói khổ, không thể khất thực được, dân chúng khốn cùng, không còn đường sống. Đích thân con từng nghe Như Lai dạy rằng, dưới đất này có một lớp đất tự nhiên màu mỡ, cực kỳ thơm ngon. Cúi xin Thế Tôn cho phép đệ tử lật lớp đất màu mỡ ấy lên phía trên để dân chúng có được thức ăn, cũng khiến cho chúng Tăng có đầy đủ khí lực!"

[0750a01] Lúc ấy, Ta bảo Mục-liên:

"Vậy thì, đối với các loài côn trùng cực nhỏ sống trong đất, thầy để chúng ở nơi nào?"

Mục-liên thưa:

"Con sẽ biến hóa một bàn tay giống với lớp đất này, rồi dùng một tay khác lật lớp đất màu mỡ ấy lên, khiến những loài côn trùng cực nhỏ vẫn được an ổn."

Lúc ấy Ta bảo Mục-liên:

"Thầy dụng tâm thế nào mà muốn đảo ngược mặt đất này?"

Mục-liên thưa:

"Con đảo ngược mặt đất này giống như lực sĩ lật một chiếc lá, chẳng khó khăn gì."

Khi ấy, Ta đã bảo Mục-liên:

"Thôi, thôi, này Mục-liên! Chẳng cần lật ngược lớp đất màu mỡ này. Vì sao như vậy? Vì chúng sanh thấy việc này sẽ kinh sợ, toàn thân sởn gai ốc, rồi tháp của chư Phật cũng sẽ bị hủy hoại theo."

---

[15] Đạo thọ (道樹).

Lúc ấy, Mục-liên đến trước Ta, thưa rằng:

"Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng Tăng sang châu Uất-đan-việt khất thực!"

Ta bảo Mục-liên:

"Trong đại chúng này, những người không có thần túc thì làm sao qua cõi nước ấy để khất thực?"

Mục-liên bạch:

"Những ai không có thần túc, con sẽ đưa họ sang cõi nước ấy."

Ta bảo Mục-liên:

"Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần phải đưa chúng Tăng sang cõi [nước] kia khất thực. Vì sao như vậy? Vì vào đời sau, khi gặp cảnh đói khổ như thế, khất thực khó khăn, con người gầy gò xấu xí. Bấy giờ, các Bà-la-môn trưởng giả sẽ bảo các Tỳ-kheo rằng: 'Sao các ông không đến châu Uất-đan-việt khất thực? Thuở xưa, đệ tử của dòng họ Thích có thần túc lớn, khi gặp nạn đói khổ này, họ đã cùng nhau sang châu Uất-đan-việt khất thực để tự cứu mình. Ngày hôm nay, đệ tử của Thích-ca không có thần túc, cũng không có hạnh oai thần của Sa-môn.' Nhân đó, các hàng trưởng giả cư sĩ kia khinh chê các Tỳ-kheo, sanh lòng kiêu mạn nên phải thọ vô lượng tội khổ. Mục-liên nên biết, do nhân duyên này mà chúng Tỳ-kheo không nên cùng sang bên cõi ấy để khất thực."

Các ông nên biết! Thần túc của Mục-liên có oai đức như thế. Nếu xét về sức thần túc của Mục-liên thì bao trùm khắp ba ngàn đại thiên cõi nước, không bỏ sót nơi nào, nhưng không bằng phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức so với sức mạnh thần túc của Như Lai, không thể dùng thí dụ để so sánh được. Thần túc của Như Lai, oai đức ấy không thể tính kể.

Các đồng tử bạch Phật:

– Sức trí tuệ của Như Lai như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Trước đây, Ta cũng có đệ tử tên là Xá-lợi-phất, là người đứng đầu trong những bậc có trí tuệ. Như đại dương với chiều ngang, chiều dọc đều tám vạn bốn ngàn do-tuần, chứa nước đầy ắp. Lại như núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần chìm trong nước cũng bằng chừng ấy. Cõi Diêm-phù-đề, từ Nam đến Bắc rộng hai vạn một ngàn do-tuần, từ Đông sang Tây rộng bảy ngàn do-tuần. Hãy lấy những điều này để so sánh. Dùng nước trong bốn biển làm mực, dùng núi Tu-di để làm giấy, dùng cỏ cây hiện có trong cõi Diêm-phù-đề làm bút, lại khiến dân chúng trong ba ngàn đại thiên cõi nước cùng nhau viết và tả về hạnh nghiệp trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Thế nhưng, các ông nên biết! Cho dù lượng mực nhiều như nước bốn biển thảy đều khô cạn, bút hư mòn hết, con người cũng chết dần, nhưng cũng không thể nào tả hết trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Thật vậy, này các đồng tử! Người có trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử của Ta, không ai vượt hơn Xá-lợi-phất. Trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trùm

khắp ba ngàn đại thiên cõi nước, không sót chỗ nào, nhưng nếu so sánh với trí tuệ của Như Lai thì không bằng phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức, không thể dùng thí dụ để so sánh. Sức trí tuệ của Như Lai là như thế!

[0750b12] Lúc ấy, các đồng tử lại bạch Phật:

– Có sức mạnh nào hơn sức mạnh này chăng?

Đức Phật đáp:

– Còn một sức mạnh hơn hẳn những sức mạnh nêu trên. Sức mạnh đó là gì? Đó là sức mạnh của vô thường. Vào nửa đêm nay, ở giữa hai cội cây, Như Lai sẽ bị sức mạnh vô thường chi phối nên sẽ Diệt độ.[16]

Bấy giờ, các đồng tử đều rơi lệ, than thở:

– Như Lai Diệt độ sao mau chóng quá! Mắt sáng thế gian đã gần diệt rồi!

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la-hệ-đầu, là con gái của trưởng giả Bà-la-đà. Tỳ-kheo-ni này liền suy nghĩ như vầy: "Ta nghe đức Thế Tôn chẳng bao lâu nữa sẽ Diệt độ. Ngày giờ sắp hết, ta nên đến chỗ Thế Tôn để thăm viếng và thưa hỏi."

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni kia liền ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ Thế Tôn. Từ xa, thấy Như Lai cùng chúng Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử đang đi đến khu rừng, Tỳ-kheo-ni liền đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi thưa:

– Con nghe Thế Tôn sắp Diệt độ, chẳng còn ở đời bao lâu nữa.

Thế Tôn đáp:

– Vào nửa đêm nay, Như Lai sẽ Diệt độ.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

– Con xuất gia học đạo nhưng không đạt kết quả như ý nguyện. Nay Thế Tôn lại bỏ con mà Diệt độ, cúi xin Ngài giảng nói pháp vi diệu để con thành tựu sở nguyện!

Đức Phật bảo:

– Con hãy tư duy về nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo-ni lại bạch Phật:

– Khổ là thật, bạch Thế Tôn! Khổ là thật, bạch Như Lai!

[0750c01] Phật lại hỏi:

– Con đã quán sát những nghĩa lý gì mà gọi là khổ?

Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

– Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, ưu bi, phiền não là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, thương yêu phải chia lìa là khổ. Tóm lại, năm thủ

[16] Vị vô thường lực sở khiên, đương thủ Diệt độ (為無常力所牽, 當取滅度), đây là cách đặc tả về tác động của vô thường đối với các pháp hữu vi, như Ứng thân của Như Lai.

uẩn là khổ. Thật vậy, bạch Thế Tôn! Con đã quán sát nghĩa lý này nên mới nói là khổ.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni ấy tư duy về nghĩa lý này xong, ngay tại chỗ ngồi liền chứng đắc Ba minh.[17] Tỳ-kheo-ni liền bạch Phật:

– Con không thể chịu đựng khi nhìn thấy Thế Tôn Diệt độ, cúi xin Ngài cho phép con Diệt độ trước!

Khi ấy, Thế Tôn yên lặng nhận lời.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi ở trước Phật, chỉ trong khoảnh khắc đã bay lên hư không, hiện mười tám phép biến hóa: Hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, thân phóng ra khói lửa, ẩn hiện tự tại không hề ngăn ngại, hoặc phóng lửa, tuôn nước đầy giữa hư không. Sau khi hiển bày vô số sự biến hóa rồi, Tỳ-kheo-ni ấy liền an trụ nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư mà Diệt độ.

Bấy giờ, trong ngày Tỳ-kheo-ni ấy Diệt độ, có tám vạn thiên tử cũng đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Ta, Tỳ-kheo-ni có trí tuệ nhạy bén bậc nhất chính là Quân-trà-la.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Thầy hãy đến giữa hai gốc cây, trải tòa cho Như Lai, đầu hướng về phương Bắc.

Tôn giả A-nan thưa:

– Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vâng lời Phật dạy, Tôn giả A-nan liền đến khoảng giữa hai gốc cây trải tòa cho Như Lai, rồi trở lại chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, thưa:

– Con đã trải tòa xong, đầu hướng về phương Bắc, Như Lai nên biết đúng thời.

Thế rồi, đức Thế Tôn liền đi đến giữa hai gốc cây, vào tòa đã trải sẵn. Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì mà Như Lai dạy con trải tòa, đầu hướng về phương Bắc?

Phật bảo A-nan:

– Sau khi Ta Diệt độ, Phật pháp sẽ lưu truyền ở phương Bắc Thiên Trúc. Do nhân duyên này nên Ta bảo trải tòa hướng về phương Bắc.

Lúc ấy, Thế Tôn giảng giải về ba pháp y. Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Hôm nay, vì duyên gì mà Như Lai lại giảng giải về ba pháp y?

---

[17] Tam đạt trí (三達智, *Tisso vijjā*) cũng gọi là Tam minh (三明), gồm Túc mạng minh (宿命明), Thiên nhãn minh (天眼明) và Lậu tận minh (漏盡明).

Phật bảo A-nan:

– Ta vì người thí chủ, người bố thí[18] trong đời tương lai nên mới giảng giải về ba pháp y. Vì muốn cho họ được hưởng phước này nên Ta mới giảng giải về ba pháp y như vậy.

Bấy giờ, chỉ trong khoảnh khắc, từ miệng của Thế Tôn phát ra ánh sáng năm màu, chiếu sáng khắp nơi.

Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

– Hôm nay, do nhân duyên gì mà từ miệng của Như Lai phát ra ánh sáng năm màu?

[0751a01] Đức Phật bảo:

– Ta vừa khởi lên ý nghĩ như vầy: "Khi chưa thành đạo, Ta đã từng ở trong địa ngục lâu dài, ăn hòn sắt nóng, hoặc ăn cỏ cây để nuôi thân tứ đại, hoặc làm loài lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngạ quỷ, hoặc nhờ bốn đại mà được thân người, hoặc chịu sự khốn khổ của thọ thai, hoặc được phước trời, được ăn vị cam lộ tự nhiên. Nay Ta đã thành Như Lai, do năm căn, năm lực, bảy giác chi và Thánh đạo tám chi mà thành tựu thân Như Lai.[19]" Do nhân duyên này nên từ miệng phát ra ánh sáng năm màu như thế.

Lúc ấy, chỉ trong khoảnh khắc, từ miệng của Phật lại phóng ra ánh sáng vi diệu hơn ánh sáng lúc trước. Thế rồi, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Lại do nhân duyên gì khiến Như Lai phóng ra ánh sáng thù thắng hơn trước?

Đức Phật bảo:

– Ta vừa khởi lên ý nghĩ như vầy: "Thuở quá khứ, các đức Phật, Thế Tôn Diệt độ, giáo pháp của các Ngài truyền lại không tồn tại lâu bền ở thế gian." Ta lại suy nghĩ thêm: "Dùng phương tiện gì khiến giáo pháp của Ta được tồn tại lâu dài ở thế gian? Thân Như Lai chính là thân kim cang nên Ta muốn nghiền thân này nhỏ như hạt cải để lưu truyền khắp thế gian, khiến cho những người thí chủ có tín tâm đời sau, tuy không thể thấy được hình tượng Như Lai nhân đây mà được cúng dường. Nhờ nhân duyên cúng dường này mà được phước báu, được sanh trong gia đình thuộc bốn chủng tánh, hoặc được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại, cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Nhờ phước báu này, họ sẽ sanh vào cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, hoặc được chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn, quả vị Tư-đà-hàm, quả vị A-na-hàm, quả vị A-la-hán, quả vị Độc giác hoặc thành Phật đạo." Do nhân duyên này nên Ta phát ra ánh sáng như thế.

---

[18] Thí chủ đàn-việt (施主檀越). Thí chủ (施主, *dānapati*), người chủ của tài vật được đem ra bố thí. Đàn-việt (檀越, *dāyaka*) chỉ cho người bố thí nói chung, theo ngữ cảnh của kinh nhằm chỉ cho người đang phụ giúp thực hiện việc bố thí. Tham chiếu: *A*. 5.34 - III. 38: *Dāyako, sīha, dānapati bahuno janassa piyo hoti manāpo* (Người bố thí, này Sīha, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích), HT. Thích Minh Châu dịch.

[19] Dĩ căn lực giác đạo thành Như Lai thân (以根力覺道成如來身): Bốn chữ "căn, lực, giác, đạo" trong bản kinh quá cô đọng nên cần bổ sung để nghĩa lý được hiển bày rõ ràng.

Bấy giờ, Thế Tôn tự mình gấp y Tăng-già-lê thành bốn lớp, rồi Ngài nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xuôi thẳng xếp chồng lên nhau. Lúc ấy, Tôn giả A-nan rơi lệ khóc thương, không thể tự kiềm chế, lại tự trách mình: "Ta chưa thành đạo, còn bị kiết sử ràng buộc, nhưng nay Thế Tôn bỏ ta mà Diệt độ, ta biết phải nương tựa vào ai đây?"

Lúc ấy, Thế Tôn dù biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo A-nan đang ở đâu?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Tỳ-kheo A-nan hiện đứng phía sau chỗ Như Lai đang nằm, buồn khóc rơi lệ, không thể kiềm chế, tự trách mình chưa thành đạo, lại chưa đoạn trừ kiết sử, nhưng nay Thế Tôn lìa bỏ Tôn giả mà nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Thôi, thôi, này A-nan! Thầy chớ buồn lo. Mọi vật ở đời đều phải hư hoại, nếu muốn chúng không thay đổi thì điều ấy không thể được. Thầy cần phải hết sức siêng năng, khởi tâm tu tập theo Chánh pháp, được như thế thì không bao lâu thầy sẽ vượt thoát khổ đau,[20] thành tựu hạnh vô lậu. Các đức Như Lai,[21] A-la-hán,[22] Chánh Đẳng Chánh Giác[23] trong thời quá khứ cũng có thị giả như thế. Giả sử hằng sa chư Phật ở đời tương lai cũng sẽ có thị giả như A-nan.

Chuyển Luân Thánh vương có bốn pháp chưa từng có. Là những pháp nào? Đó là, lúc Chuyển Luân Thánh vương đi ra khỏi cõi nước, dân chúng khi trông thấy ngài đều rất vui mừng. Lúc Chuyển Luân Thánh vương dạy bảo điều gì thì ai nghe cũng rất vui mừng. Lời dạy bảo của Chuyển Luân Thánh vương nghe hoài không chán. Lúc Chuyển Luân Thánh vương im lặng, giả sử dân chúng thấy vua im lặng cũng đều rất vui mừng. Như vậy, này Tỳ-kheo! Đó là bốn pháp chưa từng có của Chuyển Luân Thánh vương.

[0751b10] Tỳ-kheo nên biết! Hiện tại, A-nan cũng có bốn pháp chưa từng có. Là những pháp nào? Lúc Tỳ-kheo A-nan im lặng đi vào giữa đại chúng, những ai trông thấy thì thảy đều vui mừng. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói điều gì, những ai được nghe lời ấy cũng đều hoan hỷ; lúc thầy ấy im lặng cũng lại như thế. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có đi vào giữa bốn bộ chúng, như chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, hoặc vào trong chúng của vua, chúng cư sĩ thì hết thảy đều hoan hỷ, khởi tâm cung kính, ngắm nhìn A-nan không biết nhàm chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có giảng nói điều gì, những người được nghe pháp luôn lãnh thọ không hề nhàm chán.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo A-nan có bốn pháp chưa từng có như thế.

---

[20] Đương tận khổ tế (當盡苦際). *Tạp.* 雜 (*T.* 02. 0099.24. 0005b24) ghi: Cứu cánh khổ biên (究竟苦邊).

[21] Nguyên tác: Đa-tát-a-kiệt (多薩阿竭), phiên âm từ chữ Tathāgata (Như Lai).

[22] Nguyên tác: A-la-ha (阿羅呵), phiên âm từ chữ Arahant (Ứng Cúng).

[23] Nguyên tác: Tam-da-tam Phật (三耶三佛).

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Phải xử sự như thế nào khi giao tiếp với người nữ? Vì hiện tại, Tỳ-kheo khi đến giờ thì phải đắp y, ôm bát, rồi phải đi từng nhà khất thực để tạo phước cứu độ chúng sanh.

Phật bảo A-nan:

– Chớ có gặp gỡ họ! Nếu như phải gặp gỡ thì đừng nói chuyện với họ. Nếu như phải cùng nói chuyện thì phải giữ tâm ý chuyên nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Chớ giao thiệp nữ nhân, Đừng nói chuyện, thân gần,
Ai xa lìa nữ sắc, Tám nạn khỏi vướng thân! [24]

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Nên hành xử với Tỳ-kheo Xa-nặc[25] như thế nào?

Thế Tôn dạy:

– Nên dùng Phạm pháp[26] để trách phạt!

A-nan bạch Phật:

– Thế nào gọi là trách phạt bằng Phạm pháp?

Thế Tôn dạy:

– Không nên nói chuyện với Tỳ-kheo Xa-nặc, cũng chớ nói lời thiện lành, cũng đừng nói điều xấu ác. Tỳ-kheo ấy cũng không được nói gì với các thầy.

A-nan bạch Phật:

– Giả như Tỳ-kheo ấy không tuân theo thì việc phạm tội có nặng thêm chăng?

Phật dạy:

– Chỉ dùng cách không nói chuyện, tức là dùng Phạm pháp để trách phạt. Nhưng nếu Tỳ-kheo ấy không sửa đổi thì sẽ đưa ra giữa đại chúng để mọi người cùng quyết định đuổi đi, không cho thuyết giới chung, cũng không cho phép tham dự pháp hội.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Muốn đáp trả oan gia, Cho kẻ oan gia đó,
Nhớ đừng nên trò chuyện, Lỗi này không quá to.

---

[24] Bản Hán hết phần thứ nhất của phẩm Bát nạn thứ 42, tức hết quyển 36.

[25] Nguyên tác: Xa-na (車那, Channa) cũng gọi là Xa-nặc (車匿).

[26] Đương dĩ Phạm pháp phạt chi (當以梵法罰之). Phạm pháp (梵法) tức Phạm-đàn (梵壇, *Brahmadaṇḍo*). Hán dịch: Mặc tẫn (默擯), Phạm pháp (梵法), Phạm thiên pháp trị (梵天法治), Phạm trượng (梵杖), một cách trị tội các Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni phạm giới. *Duy ma kinh lược sớ* 維摩經略疏 (*T*.38. 1778.1. 0568a16) nói: Phạm đàn là phép trị tội của Phạm thiên, tức lập riêng một cái đàn, bắt người phạm pháp vào trong đó, các Phạm chúng không được nói chuyện với người ấy. Về sau, đức Phật cũng phỏng theo pháp này mà chế định pháp trị tội đối với Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni vi phạm giới luật. Xem thêm *Cứu-la-đàn-đầu kinh* 究羅檀頭經 (*T*.01. 0001.23. 0098a27).

Lúc ấy, nghe tin Thế Tôn sẽ Diệt độ vào lúc nửa đêm, dân chúng thành Câu-thi-na-kiệt cùng kéo đến rừng Song Thọ. Đến nơi, họ cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, dân chúng bạch Phật:

– Nghe tin Như Lai sắp Diệt độ, chúng con phải làm gì để tỏ lòng tôn kính?

Lúc ấy, Thế Tôn ngoái nhìn Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan liền nghĩ: "Hôm nay thân thể Như Lai mệt nhọc, Ngài muốn bảo ta chỉ dạy ý nghĩa này cho họ." A-nan liền quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay bạch Phật:

– Nay có hai người, một người tên là Bà-a-đà, người thứ hai tên là Tu-bạt-đà đến xin quy y Như Lai và Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ được làm ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sanh nữa!

Lại có hai người là Đế-xa và Ưu-ba-đế-xa, lại có hai người nữa là Phật-xá và Kê-đầu, những người này đều đến xin quy y Như Lai. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ được làm ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sanh, vâng giữ năm giới!

[0752a01] Lúc ấy, sau khi thuyết giảng giáo pháp cho họ xong, Như Lai bảo họ quay trở về. Bấy giờ, nhóm năm trăm người Ma-la[27] liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Những đệ tử chứng ngộ cuối cùng của Ta chính là năm trăm người Ma-la ở Câu-thi-na-kiệt.

Bấy giờ, Phạm chí Tu-bạt từ một nước khác đang đi đến nước Câu-thi-na-kiệt. Từ xa, thấy năm trăm người đi đến, ông ta liền hỏi:

– Các ông từ đâu đến đây?

Năm trăm người đáp:

– Tu-bạt nên biết! Hôm nay, đức Thế Tôn sẽ Diệt độ trong rừng Song Thọ.

Tu-bạt liền nghĩ: "Như Lai ra đời rất khó gặp. Sự xuất hiện ở đời của Như Lai thật lâu mới có, như hoa Ưu-đàm-bát, ức kiếp mới nở một lần. Nay ta có các điều nghi ngờ, không hiểu rõ các pháp, chỉ có Sa-môn Cù-đàm mới giải đáp được những điều nghi ngờ của ta. Nay ta nên đến chỗ Cù-đàm ấy để thưa hỏi ý nghĩa này."

Lúc ấy, Phạm chí Tu-bạt đi đến rừng Song Thọ, đến chỗ Tôn giả A-nan rồi thưa rằng:

– Tôi nghe hôm nay Thế Tôn sẽ Diệt độ, có đúng như thế không?

A-nan đáp:

– Thật đúng như thế!

---

[27] Ma-la (摩羅). Cũng chữ này nhưng phần đầu bản kinh thì dịch nghĩa là "lực sĩ", còn ở đây là phiên âm.

Tu-bạt thưa:

– Tôi còn có điều nghi ngờ, xin Tôn giả giúp tôi thưa với Thế Tôn rằng: "Có người không hiểu chủ thuyết của sáu vị giáo chủ,[28] xin Sa-môn Cù-đàm giảng nói, có được chăng?"

A-nan trả lời:

– Thôi, thôi, Tu-bạt! Chớ nên xúc nhiễu Như Lai.

Tu-bạt và A-nan trải qua ba lần đối đáp như vậy. Thế rồi, Tu-bạt lại nói với A-nan:

– Như Lai ra đời rất khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát thật lâu mới nở. Như Lai cũng như thế, lâu thật lâu mới xuất hiện. Nay tôi xét thấy chỉ có Như Lai mới đủ khả năng giải quyết những điều nghi ngờ của tôi. Những điều tôi muốn hỏi không có ngôn từ nào để nói hết, nhưng hôm nay A-nan không cho tôi đến bạch với Thế Tôn. Tôi từng nghe rằng, Như Lai thấy rõ tương lai không cùng tận, biết chuyện quá khứ không ngằn mé, nhưng hôm nay lại từ chối tiếp nhận tôi.

Lúc ấy, bằng thiên nhĩ, Thế Tôn nghe những lời Tu-bạt nói với A-nan như thế, Ngài liền bảo A-nan:

– Thôi, thôi, này A-nan! Chớ có ngăn cản Phạm chí Tu-bạt. Vì sao như vậy? Bởi những điều ông ấy hỏi sẽ đem lại lợi ích cho nhiều người. Nếu Ta thuyết pháp thì ông ấy liền được giải thoát.

A-nan bảo Tu-bạt:

– Lành thay, lành thay! Như Lai đã cho phép ông vào bên trong để thưa hỏi pháp.

Nghe xong, Tu-bạt thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng.

Thế rồi, Tu-bạt đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

[0752b02] Bấy giờ, Tu-bạt bạch Phật:

– Nay con có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép!

Thế Tôn bảo Tu-bạt:

– Nay chính phải lúc, ông cứ tùy nghi thưa hỏi!

Tu-bạt bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Các Sa-môn khác biết các loại toán số, phép thuật, giỏi hơn rất nhiều người. Đó là Bất-lan Ca-diếp,[29] A-di-chuyên,[30] Cù-da-lâu,[31] Chi-

[28] Lục sư (六師): Sáu vị giáo chủ ngoại đạo nổi tiếng ở thời Phật.

[29] Bất-lan Ca-diếp (不蘭迦葉, Pūraṇa Kassapa).

[30] A-di-chuyên (阿夷耆, Ajita Kesakambala).

[31] Cù-da-lâu (瞿耶樓, Makkhali Gosāla).

hưu Ca-chiên,[32] Tiên-tỷ Lô-trì,[33] Ni-kiền tử,[34]... Những người này có thể biết được mọi việc trong ba đời chăng? Hay là không biết? Trong nhóm sáu vị giáo chủ ấy, có ai hơn Như Lai chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

– Thôi, thôi, này Tu-bạt! Chớ hỏi về ý nghĩa này. Cần gì phải hỏi họ hơn Như Lai hay không? Hôm nay, ở tại nơi này, Ta sẽ giảng nói pháp cho ông, hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ!

Tu-bạt bạch Phật:

– Con xin được hỏi nghĩa lý thâm sâu, nay đã đúng thời, cúi xin Thế Tôn giảng nói!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

– Năm hai mươi chín tuổi ta mới bắt đầu học đạo, vì muốn cứu độ chúng sanh nên đến năm ba mươi lăm tuổi, Ta theo học với các ngoại đạo. Từ đó đến nay, Ta không hề thấy có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, bởi vì trong đại chúng nào mà không có tám pháp của Hiền thánh thì ở đó không có bốn quả Sa-môn. Này Tu-bạt! Đó gọi là thế gian trống không, không có bậc Chân nhân đắc đạo. Do đó, trong pháp Hiền thánh nào có tám pháp của Hiền thánh thì ở đó mới có bốn quả Sa-môn. Vì sao như vậy? Bởi vì, bốn quả Sa-môn đều do con đường tám phẩm Hiền thánh mà thành. Này Tu-bạt! Nếu Ta không chứng đắc đạo Vô thượng Chánh chân là do không đạt được con đường tám phẩm Hiền thánh. Nhờ đạt được con đường tám phẩm Hiền thánh nên Ta mới thành tựu Phật đạo. Thế nên, này Tu-bạt, hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu con đường tám phẩm Hiền thánh.

Tu-bạt lại bạch Phật:

– Con cũng ưa muốn được nghe con đường tám phẩm Hiền thánh, cúi xin Ngài giảng nói cho con!

Phật dạy:

– Tám con đường gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.[35] Này Tu-bạt! Đó là con đường tám phẩm Hiền thánh.

Lúc ấy, ngay tại chỗ ngồi, Tu-bạt liền đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Tu-bạt liền thưa Tôn giả A-nan:

– Hôm nay, con rất vui mừng vì đạt được lợi ích. Cúi xin Thế Tôn cho phép con được làm Sa-môn!

---

[32] Chi-hưu Ca-chiên (胝休迦旃, Pakudha Kaccāyana).

[33] Tiên-tỷ Lô-trì (先毘盧持, Sañjaya Belaṭṭhiputta).

[34] Ni-kiền tử (尼揵子, Nigaṇṭha Nātaputta).

[35] Nguyên tác: Đẳng kiến (等見), đẳng trị (等治), đẳng ngữ (等語), đẳng mạng (等命), đẳng nghiệp (等業), đẳng phương tiện (等方便), đẳng niệm (等念), đẳng tam-muội (等三昧).

A-nan đáp:

– Ông hãy đích thân đến trước Thế Tôn để cầu xin được làm Sa-môn.

Tu-bạt liền đến trước đức Thế Tôn, cúi đầu lạy sát chân Phật rồi thưa:

– Cúi xin Thế Tôn cho phép con được làm Sa-môn!

Bấy giờ, Tu-bạt liền thành Sa-môn, thân mặc ba pháp y. Khi ngước lên chiêm ngưỡng dung nhan của đức Thế Tôn, ngay khi ấy tâm của Tu-bạt liền giải thoát khỏi phiền não.

[0752c03] Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Đệ tử cuối cùng của Ta, đó chính là Tu-bạt.

Tu-bạt bạch Phật:

– Con nghe Thế Tôn vào giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho con được nhập Niết-bàn trước! Con không thể chịu đựng nổi khi thấy Thế Tôn Diệt độ trước.

Bấy giờ, Thế Tôn yên lặng hứa khả. Vì sao như vậy? Vì hằng sa chư Phật, Thế Tôn trong đời quá khứ, đệ tử nào chứng đạo sau cùng đều nhập Niết-bàn trước, sau đó Như Lai mới Diệt độ. Đây là thường pháp của chư Phật, Thế Tôn, chẳng phải chỉ mới diễn ra hôm nay.

Thấy Thế Tôn đã hứa khả, Tu-bạt liền ở trước Phật, thân tâm ngay thẳng, buộc niệm trước mặt, liền Diệt độ nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư. Lúc ấy, mặt đất rung động sáu cách.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tất cả pháp vô thường, Có sanh ắt có tử,
Không sanh thì không tử, Diệt độ, vui tối thượng.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

– Từ nay về sau, hãy nhắc nhở các Tỳ-kheo không nên cư xử thô tháo với nhau, người lớn xưng là Tôn giả, người nhỏ xưng là Hiền giả, nên xem nhau như anh em. Từ nay về sau không được xưng tên do cha mẹ đặt.

A-nan bạch Phật:

– Các Tỳ-kheo phải tự xưng danh hiệu của mình như thế nào?

Phật dạy:

– Nếu thầy Tỳ-kheo nhỏ thì gọi thầy Tỳ-kheo lớn là Trưởng lão. Tỳ-kheo lớn gọi thầy Tỳ-kheo nhỏ bằng tên họ. Lại nữa, nếu các Tỳ-kheo muốn đặt tên thì phải y cứ vào Tam bảo. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

4. TÁM PHÁP CỦA BIỂN[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Lộc Dã, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, a-tu-la Ba-ha-la[37] và thiên tử Mâu-đề-luân đến chỗ Phật trái thời, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, đức Phật hỏi a-tu-la:

– Có phải các ông rất thích biển cả?

A-tu-la bạch Phật:

– Thật đúng như vậy! Rất ưa thích.

Đức Phật bảo:

– Trong biển cả có những pháp đặc biệt gì, để rồi sau khi thấy thì các ông liền ưa thích ở trong ấy?

[0753a01] A-tu-la bạch Phật:

– Trong biển cả có tám pháp chưa từng có nên các a-tu-la đều ưa thích ở trong đó. Tám pháp đó là biển cả cực kỳ sâu rộng, đó là pháp chưa từng có thứ nhất.

Lại nữa, biển cả có điều thần diệu như vầy, với bốn dòng sông lớn, mỗi dòng sông dẫn theo năm trăm nhánh sông nhỏ cùng đổ vào biển cả. Khi đã đổ vào biển cả rồi, những con sông ấy không còn giữ tên riêng. Đó là pháp chưa từng có thứ hai.

Lại nữa, biển cả đều cùng một vị. Đó là pháp chưa từng có thứ ba.

Lại nữa, thủy triều trong biển cả lên xuống đều hợp thời. Đó là pháp chưa từng có thứ tư.

Lại nữa, biển cả là nơi cư trú của quỷ thần, các loài có hình tướng đều ở trong biển cả. Đó là pháp chưa từng có thứ năm.

Lại nữa, biển cả dung chứa những loài có thân hình cực kỳ to lớn, từ một trăm do-tuần cho đến bảy ngàn do-tuần nhưng không cảm thấy chật hẹp. Đó là pháp chưa từng có thứ sáu.

Lại nữa, biển cả sản sinh vô số châu báu như xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh và lưu ly. Đó là pháp chưa từng có thứ bảy.

Lại nữa, đáy biển có cát bằng vàng, lại có núi Tu-di được tạo thành bởi bốn thứ châu báu. Đó là điều chưa từng có thứ tám.

Đây là tám pháp chưa từng có, khiến các a-tu-la đều ưa thích ở trong ấy.

---

[36] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.42.4. 0752c24). Tham chiếu: *Tịnh bất động đạo kinh* 淨不動道經 (*T.*01. 0026.75. 0542b03); *A.* 8.19 - IV. 197.

[37] Nguyên tác: Ba-ha-la A-tu-luân (波呵羅阿須倫, Pahārādo Asurinda).

Bấy giờ, a-tu-la bạch Phật:

– Giáo pháp của Như Lai có điều gì kỳ đặc, khiến cho các Tỳ-kheo khi đã trông thấy liền vui thích[38] ở trong đó?

Phật bảo a-tu-la:

– Có tám pháp chưa từng có khiến cho các Tỳ-kheo vui thích khi ở trong đó. Là những pháp nào? Trong giáo pháp của Ta đầy đủ giới luật, không có sự buông lung. Đó là pháp chưa từng có thứ nhất. Các Tỳ-kheo sau khi thấy pháp liền vui thích ở trong đó, như biển cả kia vô cùng sâu rộng.

Lại nữa, trong giáo pháp của Ta có đủ bốn chủng tánh và tất cả đều được làm Sa-môn. Khi vào trong giáo pháp của Ta thì không sử dụng tên cũ mà được ban cho tên mới.[39] Cũng như biển cả kia, bốn con sông lớn thảy đều đổ về, nhưng nước biển chỉ đồng một vị, cũng chẳng có tên gọi nào khác. Đó là pháp chưa từng có thứ hai.

Lại nữa, trong giáo pháp của Ta thiết lập cấm giới, cùng nhau vâng giữ, không thể vượt qua. Đó là pháp chưa từng có thứ ba.

Lại nữa, trong giáo pháp của Ta đều cùng một vị, đó là vị của tám đạo phẩm Hiền thánh. Đó là pháp chưa từng có thứ tư, như biển cả kia thảy đồng một vị.

[0753b01] Lại nữa, trong giáo pháp của Ta có nhiều pháp khác nhau và những pháp đó thảy đều trọn vẹn đầy đủ, đó là bốn pháp niệm xứ,[40] bốn chánh cần,[41] bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và Thánh đạo tám chi.[42] Các Tỳ-kheo sau khi thấy pháp liền vui thích ở trong ấy, như biển cả kia luôn có các vị thần cư trú. Đó là pháp chưa từng có thứ năm.

Lại nữa, trong giáo pháp của Ta có đủ các loại châu báu. Đó là châu báu niệm giác chi, châu báu trạch pháp giác chi, châu báu tinh tấn giác chi, châu báu hỷ giác chi, châu báu khinh an giác chi, châu báu định giác ý chi và châu báu xả giác chi.[43] Đó là điều chưa từng có thứ sáu. Các Tỳ-kheo sau khi thấy pháp liền vui thích ở trong ấy, như biển cả kia sản sanh ra đủ loại châu báu.

Lại nữa, trong giáo pháp của Ta có nhiều chúng sanh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, Diệt độ trong cõi Vô dư Niết-bàn, nhưng giáo pháp của Ta không tăng thêm, cũng không giảm bớt. Như biển cả kia, tuy các dòng sông đều đổ về nhưng mực nước biển không tăng không giảm. Đó là pháp chưa từng có thứ bảy. Các Tỳ-kheo sau khi thấy pháp liền vui thích ở trong đó.

---

[38] Ngu nhạc (娛樂, *abhiramantī*).

[39] Bất lục tiền danh, canh tác dư tự (不錄前名, 更作餘字). Xem thêm *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.29.9. 0658c12): Bỉ đương diệt bổn danh tự, tự xưng Thích-ca đệ tử (彼當滅本名字, 自稱釋迦弟子); *A-tu-la kinh* 阿修羅經 (*T.*01. 0026.35. 0477a25): Bỉ xả bổn danh, đồng viết Sa-môn (彼捨本名, 同曰沙門).

[40] Tứ ý chỉ (四意止, *cattāro satipaṭṭhānā*).

[41] Tứ ý đoạn (四意斷, *catūsu sammappadhānesu*).

[42] Bát chân trực hạnh (八真直行).

[43] Niệm giác ý (念覺意), pháp giác ý (法覺意), tinh tấn giác ý (精進覺意), hỷ giác ý (喜覺意), ỷ giác ý (猗覺意), định giác ý (定覺意), hộ giác ý (護覺意).

Lại nữa, trong giáo pháp của Ta có định Kim cang, có định Diệt tận, có định Nhất thiết quang minh, có được định Bất khởi,[44] có đủ loại chánh định như thế, nhiều không tính kể, các Tỳ-kheo sau khi thấy pháp liền vui thích, như đáy biển kia có lớp cát vàng. Đó là pháp chưa từng có thứ tám. Các Tỳ-kheo sau khi thấy pháp liền vui thích ở trong ấy.

Trong giáo pháp của Ta có tám pháp chưa từng có này, các Tỳ-kheo ở trong pháp ấy chứng đạt và an trú rất nhiều.[45]

Lúc ấy, a-tu-la bạch Phật:

– Giả sử trong giáo pháp của Như Lai chỉ có một pháp chưa từng có thôi thì đã gấp hơn cả trăm lần, ngàn lần so với tám việc chưa từng có của biển cả kia và không thể so sánh, đó là tám con đường của Hiền thánh. Lành thay! Bạch đức Thế Tôn! Ngài đã hoan hỷ giảng nói pháp này.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, phiền não là tai họa lớn, vượt thoát là an vui. Bấy giờ, biết tâm ý a-tu-la đã khai mở, Thế Tôn liền giảng thuyết các pháp rốt ráo mà chư Phật, Thế Tôn thường nói, đó là khổ, tập, diệt, đạo.

Bấy giờ, a-tu-la liền ngẫm nghĩ: "Lẽ ra phải có năm sự thật, nay Thế Tôn chỉ giảng nói bốn sự thật cho ta, còn đối với chư thiên thì Ngài giảng nói năm sự thật."

Khi ấy, ngay tại chỗ ngồi, thiên tử liền đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

A-tu-la bạch Phật:

– Lành thay, Thế Tôn! Ngài đã hoan hỷ giảng nói pháp này. Nay con muốn trở về.

Phật dạy:

– Nay thật đúng lúc!

A-tu-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi theo lối cũ trở về.

[0753c01] Khi ấy, thiên tử bảo a-tu-la:

– Lúc nãy, suy nghĩ của ông thật không tốt. Ông cho rằng: "Như Lai vì chư thiên nên giảng nói năm sự thật, còn với các ông thì chỉ giảng nói bốn sự thật." Vì sao như thế? Bởi vì chư Phật, Thế Tôn không bao giờ nói hai lời, chư Phật không bao giờ buông bỏ chúng sanh, thuyết pháp cũng không hề mỏi mệt, giảng nói pháp không cùng tận, cũng chẳng chọn lựa người để nói pháp và luôn giảng nói pháp với tâm bình đẳng. Chỉ có bốn sự thật là khổ,

---

[44] Bất khởi tam-muội (不起三昧), tên gọi khác của Vô tác tam-muội (無作三昧), cũng gọi là Vô nguyện tam-muội (無願三昧).

[45] Chư Tỳ-kheo ư kỳ trung thậm tự ngu lạc (諸比丘於其中甚自娛樂). Tự ngu lạc (自娛樂), *Trú Độ thọ kinh* 晝度樹經 (*T*.01. 0026.2. 0422b12) ghi là "thành tựu du" (成就遊). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.35. 0008a10) ghi là "cụ túc trụ" (具足住). P. *Upasampajja viharanti*, nghĩa là chứng đạt và an trú.

tập, diệt và đạo. Ông chớ suy nghĩ như thế rồi chê trách Như Lai, cho rằng có năm sự thật.

A-tu-la trả lời:

– Tôi đã tạo nghiệp bất thiện, tôi sẽ tự mình sám hối. Tôi phải nên đến hỏi Như Lai về ý nghĩa này.

Bấy giờ, a-tu-la và thiên tử nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. ĐẤT RUNG CHUYỂN[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Có tám nhân duyên khiến cho trời đất rung chuyển.[47] Là những nhân duyên nào? Tỳ-kheo nên biết! Cõi Diêm-phù-đề này, từ Nam đến Bắc rộng hai vạn một ngàn do-tuần, từ Đông sang Tây rộng bảy ngàn do-tuần, bề dày sáu vạn tám ngàn do-tuần, mực nước sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, lớp lửa dày tám vạn bốn ngàn do-tuần. Dưới lớp lửa có lớp gió dày sáu vạn tám ngàn do-tuần. Khoảng giữa lớp gió và núi Kim Cang Luân có Xá-lợi của hết thảy chư Phật, Thế Tôn trong thời quá khứ.

Tỳ-kheo nên biết! Khi cuồng phong dấy động thì lửa cũng dấy động theo. Lửa đã dấy động thì nước liền dấy động. Nước đã dấy động thì đất liền rung chuyển. Đây là nhân duyên thứ nhất khiến mặt đất rung chuyển.

Lại nữa, lúc Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất giáng thần rồi trụ nơi thai mẹ, lúc ấy mặt đất cũng rung chuyển. Đây là nhân duyên thứ hai khiến mặt đất rung chuyển.

Lại nữa, lúc Bồ-tát giáng thần ra khỏi thai mẹ, lúc ấy mặt đất cũng rung chuyển mạnh. Đây là nhân duyên thứ ba khiến mặt đất rung chuyển.

Lại nữa, lúc Bồ-tát xuất gia học đạo, thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc ấy trời đất rung chuyển. Đây là nhân duyên thứ tư khiến mặt đất rung chuyển.

Lại nữa, lúc Như Lai Diệt độ, vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn, lúc ấy mặt đất rung chuyển. Đây là nhân duyên thứ năm khiến mặt đất rung chuyển.

---

[46] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.5. 0753c11). Tham chiếu: *Địa động kinh* 地動經 (*T*.01. 0026.36. 0477b23); *S*. 51.10 - V. 258; *A*. 8.70 - IV. 308; *Ud*. 61-2.

[47] Thiên địa đại động (天地大動). Tham chiếu: *A*. 8.70 - IV. 308: *Bhūmicālo sumahā* (quả đất chấn động mạnh).

Lại nữa, như Tỳ-kheo có thần túc lớn,[48] tâm được tự tại, hiển bày vô số biến hóa tùy theo ý muốn, hoặc phân ra trăm ngàn thân, rồi hợp lại thành một thân, hoặc bay giữa hư không, xuyên qua vách đá, ẩn hiện tự tại, quán sát đất nhưng không tưởng đến đất,[49] thảy đều rỗng không, lúc ấy mặt đất rung chuyển. Đây là nhân duyên thứ sáu khiến mặt đất rung chuyển.

[0754a02] Lại nữa, chư thiên có thần túc lớn, thần đức vô lượng, qua đời ở cõi này rồi sanh trở lại cõi kia, do phước đời trước đã tạo đầy đủ các công đức nên khi xả bỏ thân trời cũ, liền được sanh làm thân Đế-thích hoặc Phạm thiên vương, lúc ấy mặt đất rung chuyển. Đó là nhân duyên thứ bảy khiến mặt đất rung chuyển.

Lại nữa, lúc chúng sanh qua đời do hết phước, khi ấy các quốc vương không hài lòng với cõi nước của mình rồi chinh phạt lẫn nhau, hoặc chết vì đói khát, hoặc chết vì binh đao, lúc ấy trời đất rung chuyển. Đó là nhân duyên thứ tám khiến mặt đất rung chuyển.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Có tám nhân duyên khiến trời đất rung chuyển.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. TÁM ĐIỀU SUY NIỆM[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả A-na-luật du hóa ở Thánh tích mà bốn vị Phật đã từng cư ngụ.

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật ở nơi vắng vẻ yên tịnh, liền khởi niệm như vầy: "Trong hàng đệ tử của đức Phật Thích-ca,[51] những bậc thành tựu giới đức và trí tuệ đều phải nương tựa vào giới luật và được nuôi lớn trong Chánh pháp này. Trong hàng Thanh văn, những ai không giữ gìn giới luật trọn vẹn đều xa lìa Chánh pháp, vì không liên hệ với giới luật. Trong hai pháp giữ giới và nghe nhiều thì pháp nào thù thắng hơn? Ta nên đem nguồn gốc nhân duyên này đến thưa hỏi với đức Như Lai, nghĩa của điều này như thế nào?"

A-na-luật lại khởi niệm như vầy: "Pháp này được hành trì bởi người biết đủ, chẳng phải được hành trì bởi người không biết đủ. Pháp này được hành trì

---

[48] Đại thần túc (大神足). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.503. 0133a03) ghi: Đại thần thông lực (大神通力, *mahiddhikā*).

[49] Quán địa vô địa tưởng (觀地無地想). *Địa động kinh* 地動經 (*T*.01. 0026.36. 0477c19) ghi là "ư địa tác tiểu tưởng" (於地作小想). Bản *Trung A-hàm* do căn cứ vào từ nguyên nên hơi xa so với ý kinh. Tương đương với nghĩa này, trong *A*. V. 318 ở bản Pāli xác định khá rõ: *pathaviyaṃ pathavisaññā vibhūtā hoti* (ở trong đất không tưởng đến đất).

[50] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.42.6. 0754a12). Tham chiếu: *Bát niệm kinh* 八念經 (*T*.01. 0026.74. 0540c18); *A-na-luật bát niệm kinh* 阿那律八念經 (*T*.01. 0046. 0835c12); *A*. 8.30 - IV. 228.

[51] Nguyên tác: Thích-ca-văn Phật (釋迦文佛), một cách phiên âm sai khác từ Sakyāmuni Buddha.

bởi người ít ham muốn, chẳng phải được hành trì bởi người nhiều ham muốn. Pháp này được hành trì bởi người ưa thích nơi nhàn vắng, chẳng phải được hành trì bởi người ưa thích chốn ồn náo. Pháp này được hành trì bởi người trì giới, chẳng phải được hành trì bởi người phạm giới. Pháp này được hành trì bởi người định tĩnh, chẳng phải được hành trì bởi người loạn động. Pháp này được hành trì bởi người có trí tuệ, chẳng phải được hành trì bởi kẻ ngu si. Pháp này được hành trì bởi người nghe nhiều, chẳng phải được hành trì bởi người không chịu học hỏi. Pháp này được hành trì bởi người tinh tấn, chẳng phải được hành trì bởi người biếng nhác."[52]

Lúc ấy, sau khi tư duy về tám điều suy niệm của bậc đại nhân,[53] Tôn giả A-na-luật nghĩ rằng: "Ta nên đến thưa hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa này."

Bấy giờ, Thế Tôn đang ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và chư Tăng an cư kiết hạ[54] chín mươi ngày. Thế rồi, Tôn giả A-na-luật cùng năm trăm Tỳ-kheo đi du hóa trong nhân gian, dần đến nước Xá-vệ. Tôn giả đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên.

Tôn giả A-na-luật bạch Phật:

– Khi con ở nơi yên tịnh vắng vẻ, đã khởi lên suy nghĩ về ý nghĩa này: "Giữa giới luật và nghe nhiều, trong hai pháp này thì pháp nào thù thắng hơn?"

[0754b03] Khi ấy, đức Phật vì ngài A-na-luật mà nói kệ:

Thầy khởi tâm nghi hoặc, Giới hay văn thù thắng?
Giới tối thắng hơn văn, Còn nghi ngờ gì nữa?

Vì sao như thế? A-na-luật nên biết! Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, liền thành tựu định; đã thành tựu định, liền thành tựu trí tuệ; đã thành tựu trí tuệ, liền thành tựu nghe nhiều; đã thành tựu nghe nhiều liền được giải thoát; đã được giải thoát liền được Diệt độ nơi Niết-bàn Vô dư. Từ những điều đó cho thấy, giới là tối thắng.

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật hướng về Thế Tôn mà nói tám điều suy niệm của bậc đại nhân.

Phật bảo A-na-luật:

– Lành thay, lành thay, này A-na-luật! Những điều thầy suy nghĩ cũng chính là điều suy nghĩ của bậc đại nhân: Ít muốn biết đủ, ở chỗ thanh vắng, thành tựu

---

[52] Điều thứ 8 này bản Hán bị thiếu. Chúng tôi căn cứ vào phần sau của kinh và các kinh tham chiếu nêu trên để bổ chính.

[53] Bát đại nhân niệm (八大人念). Đại nhân (大人), *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.614. 0172a10) ghi: Đại trượng phu (大丈夫, *Mahāpurisa*).

[54] Hạ tọa (夏坐). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0015a17) ghi: Hạ an cư (夏安居); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.858. 0218b15) ghi: Kiết hạ an cư (結夏安居).

giới luật, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu nghe nhiều và thành tựu tinh tấn.[55]

Này A-na-luật! Hôm nay, thầy nên khởi tâm tư duy về tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Là những điều nào?

Pháp này do người tinh tấn hành trì, không phải được hành trì bởi người biếng nhác. Vì sao như vậy? Bởi vì, Bồ-tát Di-lặc đúng ra sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong ba mươi kiếp, nhưng do sức tinh tấn nên Ta đã vượt lên và thành Phật trước.[56]

A-na-luật nên biết, các đức Phật, Thế Tôn đều cùng một bậc, tương đồng và không hề sai khác về giới luật, về giải thoát và về trí tuệ; cũng lại tương đồng, không hề sai khác về Không, Vô tướng và Vô nguyện, đều có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân, ngắm nhìn không nhàm chán, không thể thấy đỉnh đầu; thế nhưng chỉ có sự tinh tấn là không tương đồng. Đối với chư Phật, Thế Tôn trong thời quá khứ và tương lai, Ta là vị tinh tấn tối thắng nhất.

Cho nên, này A-na-luật! Tám điều suy niệm của bậc đại nhân này là tối thượng, là tôn quý, là không thể ví dụ. Cũng như từ sữa mà có lạc, từ lạc mà có sanh tô, từ sanh tô mới có đề-hồ và trong đó đề-hồ là hơn hết, không thể so sánh. Ở đây cũng vậy, trong tám điều suy niệm của bậc đại nhân thì suy niệm về tinh tấn là tối thượng, thật sự không thể so sánh được.

Cho nên, này A-na-luật! Nên phụng hành theo tám điều suy niệm của bậc đại nhân, cũng nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói ý nghĩa này. Nếu tám điều suy niệm của bậc đại nhân được lưu truyền ở thế gian thì sẽ khiến đệ tử của Ta đều được thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn, quả vị Tư-đà-hàm, quả vị A-na-hàm và quả vị A-la-hán.

Vì sao như vậy? Vì pháp của Ta được người ít ham muốn hành trì, chẳng phải được hành trì bởi người nhiều ham muốn. Pháp của Ta do người biết đủ hành trì, chẳng phải được hành trì bởi người không biết đủ. Pháp của Ta do người ở chốn yên tịnh vắng vẻ hành trì, chẳng phải được hành trì bởi người ở trong chúng hội. Pháp của Ta do người trì giới hành trì, chẳng phải được hành trì bởi người phạm giới. Pháp của Ta do người định tĩnh hành trì, chẳng phải được hành trì bởi người tán loạn. Pháp của Ta do người có trí hành trì, chẳng phải được hành trì bởi kẻ ngu si. Pháp của Ta do người nghe nhiều hành trì, chẳng phải được hành trì bởi người không chịu học hỏi. Pháp của Ta do người tinh tấn hành trì, chẳng phải được hành trì bởi người biếng nhác.

Thế nên, này A-na-luật! Bốn bộ chúng nên tìm phương tiện để thực hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân này.

---

[55] Điều thứ 8 này bản Hán bị thiếu. Chúng tôi căn cứ vào phần sau của kinh và các kinh tham chiếu nêu trên để bổ chính.

[56] Quan điểm này cũng lặp lại trong *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.20.6. 0600a17).

Thật vậy, này A-na-luật! Nên học tập điều này.

[0754c12] Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

7. TÁM LOẠI HỘI CHÚNG[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, có tám bộ chúng. Là những chúng nào? Đó là chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng trưởng giả,[58] chúng Sa-môn, chúng Tứ Thiên Vương, chúng trời Ba Mươi Ba, chúng Ma vương và chúng Phạm thiên.

Tỳ-kheo nên biết! Từ xưa đến nay, khi vào chúng Sát-lợi, Ta chào hỏi họ và cùng nhau nói năng luận bàn, nhưng chẳng có ai sánh được bằng Ta. Do Ta vượt bậc nên không có bạn bè và không có người sánh ngang. Ta ít muốn biết vừa đủ, tâm không tán loạn, thành tựu về giới, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu nghe nhiều và thành tựu tinh tấn.

Ta nhớ lại, lúc vào chúng Bà-la-môn, chúng trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ Thiên Vương, chúng trời Ba Mươi Ba, chúng Ma vương, chúng Phạm thiên vương, Ta chào hỏi họ và cùng nhau nói năng luận bàn. Do Ta vượt bậc nên không có bạn bè và cũng không có người sánh ngang. Trong chúng tối thắng và tôn quý, nhưng cũng không có ai giống như Ta: Ít ham muốn biết vừa đủ, tâm không tán loạn, thành tựu về giới, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu nghe nhiều và thành tựu tinh tấn.

Bấy giờ, ở trong tám bộ chúng, Ta vượt bậc nên không có bạn bè, làm nơi che chở rộng lớn cho các chúng sanh ấy. Khi ấy, tám bộ chúng không thể thấy đỉnh đầu của Ta và cũng không dám chiêm ngưỡng dung nhan, huống hồ là được cùng Ta luận bàn. Vì sao như vậy? Bởi vì Ta cũng thấy trong cõi trời, cõi người, trong chúng ma hoặc thiên ma, chúng Sa-môn, chúng Bà-la-môn, không ai có thể thành tựu tám pháp này, ngoại trừ Như Lai là không bàn đến.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện thực hành tám pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

[0755a05] Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[57] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.42.7. 0754c14). Tham chiếu: *A*. 8.69 - IV. 307.

[58] Trưởng giả (長者), dịch nghĩa từ chữ *seṭṭhi*, chỉ cho tầng lớp thương buôn, giai cấp thứ 3 trong 4 giai cấp ở Ấn Độ cổ đại.

8. TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi trưởng giả:

– Trong nhà trưởng giả có thường bố thí rộng khắp không?

Trưởng giả bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, con thường bố thí cho người nghèo suốt đêm ngày không gián đoạn. Con thường bố thí ở tám nơi như: Ở bốn cửa thành, ở nơi chợ, ở trong nhà, bên vệ đường, nơi đức Phật và chúng Tỳ-kheo.

Như thế, bạch Thế Tôn! Nếu ai cần bất cứ thứ gì, như cần y phục thì con cho y phục, cần thức ăn thì con cho thức ăn, không hề phạm đến châu báu của quốc gia. Những loại như y phục, mền đệm, thực phẩm, giường đệm và thuốc thang trị bệnh, thảy đều bố thí đầy đủ.

Lại có chư thiên đến chỗ con, rồi ở giữa hư không mà bảo rằng: "Nên phân biệt tôn ti! Người này trì giới, người này phạm giới, cho người này thì được phước, cho người này thì không có kết quả." Nhưng tâm con không phân biệt ở đây hay ở kia, không khởi tâm thêm chỗ này giảm bớt chỗ nọ, lòng từ của con bình đẳng bao trùm hết thảy chúng sanh. Hơn nữa, chúng sanh nương mạng căn mà thân thể tồn tại, có ăn mới sống được, không ăn thì mạng căn không thể giữ được. Phước báu bố thí cho tất cả chúng sanh thật là vô lượng, thọ nhận quả báo ấy cũng không tăng không giảm.

Phật bảo trưởng giả:

– Lành thay, lành thay, này trưởng giả! Bố thí bình đẳng thì phước bậc nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào tâm của chúng sanh thì lại có hơn kém, như bố thí cho người trì giới thì hơn hẳn bố thí cho người phạm giới.

Lúc ấy, ở giữa hư không, các vị trời, thần vô cùng hoan hỷ, liền nói kệ này:

Phật dạy, chọn người cho, Cho kẻ ngu ít phước,
Ruộng phước điền tối thượng, Ai hơn chúng Như Lai?

– Lời của Thế Tôn quả thật tốt lành! Bố thí cho người trì giới sẽ hơn người phạm giới.

---

[59] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.42.8. 0755a07). Nguyên tác: A-na-bân-đề (阿那邠邸) được phiên âm từ chữ Anāthapiṇḍika là trưởng giả Cấp Cô Độc. Tham chiếu: *Phước điền kinh* 福田經 (*T.*01. 0026.127. 0616a05); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.992. 0258c11); *A.* 2.35 - I. 62.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả Cấp Cô Độc:

– Nay Ta sẽ nói về chúng Hiền thánh cho ông nghe. Hãy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm: Tuy bố thí ít nhưng được phước nhiều, hoặc bố thí nhiều thì phước càng thêm lớn.

[0755b01] Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn giảng nói về ý nghĩa ấy! Thế nào là bố thí ít nhưng được phước nhiều? Thế nào là bố thí nhiều thì phước càng thêm lớn?

Phật bảo trưởng giả Cấp Cô Độc:

– Này trưởng giả, đối với chúng Hiền thánh như chư vị hướng A-la-hán, chứng quả A-la-hán; hướng A-na-hàm, chứng quả A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, chứng quả Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, chứng quả Tu-đà-hoàn, tuy bố thí ít nhưng được phước nhiều, bố thí nhiều thì phước càng thêm lớn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người thành tựu bốn hướng, Và bốn quả đã thành,
Đây là chúng Hiền thánh, Cúng họ phước tăng nhanh!

Các đức Phật, Thế Tôn ở đời quá khứ lâu xa cũng có chúng Hiền thánh này, cũng như Ta trong hiện tại đây. Giả sử vào đời vị lai, các đức Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, cũng có chúng Hiền thánh như vầy. Cho nên, này trưởng giả! Hãy giữ tâm hoan hỷ và an vui khi cúng dường các bậc Thánh.

Lúc ấy, đức Phật giảng nói pháp vi diệu, ngay tại chỗ ngồi, trưởng giả thành tựu quả vị không thoái chuyển.[60]

Trưởng giả nghe pháp xong, rất đỗi vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân và nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

9. TÁM CÁCH BỐ THÍ[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có người thiện nam hay người thiện nữ nào đem của cải bố thí thì sẽ được tám công đức.[62] Là những công đức nào? Một là, bố thí đúng thời,[63] không

[60] Bất thoái chuyển chi địa (不退轉之地) tương đương Sơ quả Tu-đà-hoàn.

[61] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.42.9. 0755b18). Tham chiếu: *A*. 8.37 - IV. 243.

[62] Nguyên tác: Hoạch bát công đức, vân hà vi bát? (獲八功德, 云何為八?). Có khả năng bản Hán nhầm, vì nội dung kinh nêu ra 8 cách thức bố thí. Nhờ 8 cách thức này mà dẫn đến kết quả thù thắng như phần cuối kinh đã ghi: Phước báu ấy vô lượng, không thể tính kể, đạt được của báu bất tử, rồi tuần tự xuôi về Niết-bàn.

[63] Tùy thời huệ thí (隨時惠施, *kāladāna*): Bố thí đúng thời.

phải bố thí phi thời. Hai là, bố thí thanh tịnh, không phải bố thí nhơ uế. Ba là, tự tay mình làm,[64] không nhờ người khác. Bốn là, bố thí do thệ nguyện,[65] không có tâm kiêu căng. Năm là, bố thí với tâm buông xả,[66] không có tâm mong cầu báo đáp. Sáu là, bố thí vì cầu Niết-bàn,[67] không phải vì mong cầu sanh lên cõi trời. Bảy là, bố thí tìm nơi ruộng tốt, không phải bố thí ở đất hoang. Tám là, đem công đức này bố thí cho chúng sanh, không giữ riêng mình.

Như thế, này các Tỳ-kheo! Người thiện nam hay người thiện nữ nào đem của cải để bố thí thì được tám công đức.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người trí thí đúng thời, Không có tâm tham tiếc,
Công đức đã tạo rồi, Ban rải cho người hết.
Bố thí này tối thắng, Được chư Phật ngợi khen,
Hiện đời thọ phước quả, Đời sau hưởng phước trời.

[0755c04] Cho nên, này các Tỳ-kheo! Những ai muốn tìm cầu phước báu như trên thì nên thực hành tám việc này. Phước báu ấy vô lượng, không thể tính kể, đạt được của báu bất tử,[68] rồi tuần tự xuôi về Niết-bàn.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. ĐƯỜNG ĐẾN ĐỊA NGỤC VÀ NIẾT-BÀN[69]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng nói về con đường dẫn đến địa ngục và con đường hướng về Niết-bàn! Hãy khéo ghi nhớ, chớ để quên sót!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:

– Thế nào là con đường dẫn đến địa ngục và con đường hướng về Niết-bàn? Thấy biết sai lệch là con đường dẫn đến địa ngục, thấy biết chân chánh là con

---

[64] Thủ tự châm chước (手自斟酌, *sahatthā dāna*): Tự tay bố thí, cũng có nghĩa là trực tiếp bố thí.

[65] Thệ nguyện huệ thí (誓願惠施). Thệ nguyện (誓願, *paṇidhāna*) ở đây chỉ cho ước nguyện trong sạch.

[66] Giải thoát huệ thí (解脫惠施): Bố thí với tâm rộng mở, xả bỏ. P. *cāgadhanaṃ* (buông xả tài sản).

[67] Huệ thí cầu diệt (惠施求滅): Bố thí mong cầu quả cứu cánh Niết-bàn. P. *aparāmaṭṭha dāna*, tức bố thí không nắm giữ, tức là bố thí vô lậu (*vivattanissata dāna*).

[68] Cam lộ (甘露).

[69] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.42.10. 0755c08).

đường hướng về Niết-bàn. Tư duy[70] sai lệch là con đường dẫn đến địa ngục, tư duy chân chánh là con đường hướng về Niết-bàn. Lời nói không thật là con đường dẫn đến địa ngục, lời nói chân chánh là con đường hướng về Niết-bàn. Tạo nghiệp xấu ác là con đường dẫn đến địa ngục, tạo nghiệp thuần thiện là con đường hướng về Niết-bàn. Nuôi mạng không chân chánh là con đường dẫn đến địa ngục, nuôi mạng chân chánh là con đường hướng về Niết-bàn. Siêng năng[71] sai quấy là con đường dẫn đến địa ngục, siêng năng chân chánh là con đường hướng về Niết-bàn. Nhớ nghĩ sai lệch là con đường dẫn đến địa ngục, nhớ nghĩ chân chánh là con đường hướng về Niết-bàn. Định tâm sai lệch là con đường dẫn đến địa ngục, định tâm chân chánh là con đường hướng về Niết-bàn.

Này các Tỳ-kheo! Đó là con đường dẫn đến địa ngục và con đường hướng về Niết-bàn. Pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường giảng nói, nay Ta cũng đã giảng nói xong. Các thầy nên ở chỗ thanh vắng, ngồi bên gốc cây, hay nơi đồng trống, tư duy về thiện pháp,[72] chớ khởi tâm biếng nhác, xem thường. Hôm nay không siêng năng, ngày sau hối hận vô ích.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:

Phi thời, Nê-lê, Đạo,
Đại nhân bát niệm, Chúng,
Tu-luân thiên, Địa động,
Thiện nam tử, Thí, Đạo.[73]

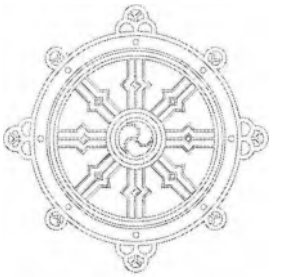

[70] Chánh trị (正治), cách gọi khác của "chánh tư duy" (正思惟, *sammāsaṅkappa*).

[71] Chánh tiện (正便) còn gọi là "chánh tinh tấn" (正精進, *sammāvāyāma*).

[72] Niệm hành thiện pháp (念行善法). Niệm hành (念行), P. *manasikāra*, nghĩa là tác ý.

[73] Nguyên tác Nhiếp tụng: 非時, 泥犁, 道; 須倫天, 地動; 大人八念, 眾; 善男子, 施, 道. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 37.

43. PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI VỀ TÁM CHI THÁNH ĐẠO[1]

1. THIÊN TỬ MÃ HUYẾT[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Vào lúc giữa đêm,[3] thiên tử Mã Huyết[4] đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, thiên tử bạch Phật:

– Vừa rồi, con suy nghĩ như vầy: "Ở cõi đất này, bằng đôi chân có thể đi đến chỗ tận cùng của thế giới chăng?" Nay con xin kính hỏi Thế Tôn, bằng đôi chân có thể đi đến chỗ tận cùng của thế giới hay không?

Đức Phật hỏi:

– Vì nghĩa lý gì mà hôm nay ông hỏi điều này?

Thiên tử bạch Phật:

– Thuở xưa, có một lần con đến chỗ Phạm thiên Bà-già. Khi ấy, thấy con từ xa đến, Phạm thiên liền bảo: "Lành thay, thiên tử Mã Huyết! Nơi đây là cảnh giới giải thoát,[5] không sanh, không già, không bệnh, không chết, không có kết thúc, cũng chẳng khởi đầu, không ưu sầu, không khổ não."

Lúc ấy, con lại nghĩ rằng: "Đây là cảnh giới Niết-bàn chăng? Vì sao như vậy? Bởi vì trong cõi Niết-bàn thì không sanh, không già, không bệnh, không chết, không ưu sầu, không khổ não. Phải chăng đây là nơi tột cùng của thế giới? Nếu như đây là chỗ tột cùng của thế giới thì phải chăng có thể bằng đôi chân mà vượt khỏi thế gian?"

---

[1] Nguyên tác: *Mã Huyết thiên tử vấn bát chánh phẩm* 馬血天子問八政品 (*T*.02. 0125.43. 0756a06).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.1. 0756a07). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1307. 0359a10); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.306. 0477b24); *S*. 2.26 - I. 61; *A*. 4.45 - II. 47; *A*. 4.46 - II. 49.

[3] Phi nhân chi thời (非人之時). Theo lịch sử, vào lúc giữa đêm (*majjhimayāma*), đức Phật thuyết pháp cho các hàng phi nhân mà ở đây chỉ cho chư thiên nói chung.

[4] Mã Huyết (馬血, Rohitassa).

[5] Vô vi chi cảnh (無為之境).

Thế Tôn hỏi:

– Thần túc của ông thuộc vào loại nào?

Thiên tử bạch Phật:

– Ví như lực sĩ giỏi bắn cung thì mũi tên bay đi không hề bị ngăn ngại. Khả năng thần túc của con cũng như thế, không hề bị ngăn ngại.

Thế Tôn bảo:

– Nay Ta hỏi, ông hãy tùy ý mà trả lời. Như có bốn thanh niên giỏi bắn cung, bốn người bắn về bốn hướng. Giả sử có một người khác muốn bắt lấy những mũi tên đã bắn đi bốn hướng, không cho rơi xuống đất. Thế nào, này thiên tử! Có phải người này cực kỳ nhanh nhẹn mới có khả năng không để những mũi tên rơi xuống đất?

Thiên tử nên biết! Trước đây ở cung điện Mặt trời và cung điện Mặt trăng có vị thiên tử bước đi nhanh nhẹn, đi lại hay tiến dừng đều nhanh nhẹn hơn người, đã bắt lấy những mũi tên kia. Thế nhưng, sự vận hành của cung điện Mặt trời, Mặt trăng còn đi nhanh hơn thế.[6] Gom chung sự nhanh nhẹn của người bắt lấy mũi tên kia, của vị thiên tử và cả cung điện Mặt trời, Mặt trăng thì không thể sánh với sự nhanh nhẹn của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Sự nhanh nhẹn của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba không bằng sự nhanh nhẹn của chư thiên cõi trời Diệm-ma.[7] Thần túc của chư thiên như thế, mỗi cõi đều không tương đồng. Giả sử trong hiện tại, nếu ông có thần lực như chư thiên kia thì dù có đi từ kiếp này sang kiếp khác, cho đến trăm kiếp cũng không thể đến chỗ tận cùng của thế giới được. Vì sao như vậy? Bởi vì phạm vi của cõi đất không thể tính kể được.

[0756b05] Thiên tử nên biết! Vào thuở quá khứ lâu xa, Ta từng là một vị Tiên nhân tên là Mã Huyết, trùng tên với ông. Ta đã dứt sạch luyến ái nơi cõi dục, bay giữa không trung không hề ngăn ngại. Bấy giờ, thần túc của Ta khác biệt với loài người. Chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay, Ta có thể bắt được hết những mũi tên từ bốn phía mà không để chúng rơi xuống. Khi ấy, do có thần túc nên Ta suy nghĩ: "Ta có thể dùng thần túc này để đi đến tận cùng giới hạn của cõi đất chăng?" Ta liền đi khắp thế giới nhưng không thể nào đến tận cùng bờ cõi ấy được. Sau khi mạng chung, Ta siêng năng tu tập, vun bồi công đức rồi thành tựu quả vị Phật. Ngồi bên cội Bồ-đề, Ta tư duy về những việc đã từng trải qua trong quá khứ: "Ta vốn là một vị Tiên, đã vận năng lực thần thông nhưng không thể đi đến tận cùng bờ cõi kia, thế thì phải dùng thần lực nào mới đến được tận cùng bờ cõi ấy?" Ta lại suy nghĩ như vầy: "Cần phải nương vào con đường tám phẩm Hiền thánh, mới mong vượt thoát khỏi bờ cõi của sanh tử."

---

[6] Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.12. 0145a04).

[7] Diễm thiên (豔天, Yāma) còn gọi là Dạ-ma thiên (夜摩天) hoặc Diệm-ma thiên (焰摩天).

Thế nào gọi là nương vào con đường tám phẩm Hiền thánh? Đó là chánh kiến, chánh tư duy,[8] chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,[9] chánh niệm và chánh định.[10]

Này thiên tử! Nên biết rằng, đó gọi là con đường tám phẩm Hiền thánh dẫn đến chỗ tận cùng bờ cõi của thế giới. Hằng sa chư Phật thuở quá khứ đã đến chỗ tận cùng của thế giới, do vận dụng con đường tám phẩm Hiền thánh này mà đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.

Giả sử trong đời tương lai, các đức Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời thì chư vị cũng sẽ vận dụng con đường Hiền thánh này mà đạt đến tận cùng của bờ cõi ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bước đi, không thể đến,
Nơi thế giới tận cùng,
Vì cõi đất không lường,
Thần túc không thể vượt.
Tâm phàm phu dấy tưởng,
Khởi nghi hoặc, mê lầm,
Không hiểu pháp chân chánh,
Nên xoay chuyển năm đường.
Lấy tám đạo Hiền thánh,
Làm thuyền bè đi qua,
Bởi vậy chư Phật-đà,
Đến tận cùng thế giới.
Giả sử Phật tương lai,
Di-lặc và hết thảy,
Nương tám Thánh đạo này,
Đến tận cùng thế giới.
Thế nên người có trí,
Tu đạo Hiền thánh này,
Ngày đêm mãi hành trì,
Sẽ đến nơi giải thoát.

[0756c04] Lúc ấy, nghe đức Phật giảng nói về con đường tám phẩm Hiền thánh xong, thiên tử Mã Huyết ngay tại chỗ ngồi liền dứt sạch phiền não, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, thiên tử liền cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. Ngay trong ngày hôm ấy, thiên tử kia liền dùng đủ loại hoa đẹp của cõi trời cúng dường lên thân Như Lai rồi nói kệ này:

Mãi trôi lăn sanh tử,
Muốn vượt thế gian này,
Tám đạo Hiền thánh đây,
Lại không biết, không thấy.
Con đã thấy chánh lý,
Tám đạo phẩm được nghe,
Liền đến tận bờ mé,
Nơi chư Phật từng đi.

Lúc ấy, Thế Tôn liền ấn chứng những điều thiên tử kia nói. Thấy Phật đã ấn chứng, thiên tử liền đảnh lễ sát chân Phật rồi ra về.

Bấy giờ, thiên tử Mã Huyết nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ phụng hành.

***

[8] Nguyên tác: Chánh trị (正治).
[9] Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便).
[10] Nguyên tác: Chánh tam-muội (正三昧).

2. TÁM PHÁP TRAI GIỚI[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng nói về tám pháp trai giới[12] của Hiền thánh, các thầy khéo suy nghĩ và ghi nhớ, tùy hỷ phụng hành!

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:

– Những gì gọi là tám pháp trai giới? Đó là: Một là, không sát sanh. Hai là, không lấy của không cho. Ba là, không dâm dục. Bốn là, không nói dối. Năm là, không uống rượu. Sáu là, không ăn trái thời. Bảy là, không nằm giường cao rộng lớn. Tám là, không ca múa hát xướng và xoa hương thơm vào thân.

Này Tỳ-kheo! Đó là tám pháp trai giới của Hiền thánh.

Khi ấy, Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Làm thế nào để tu tập theo tám pháp trai giới?

Đức Phật dạy:

– Này Ưu-ba-ly! Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào, vào các ngày mùng tám, ngày mười bốn, ngày rằm mà đi đến trú xứ của các Sa-môn hoặc các Tỳ-kheo trưởng lão, rồi ở đó suốt từ sáng đến chiều, sống như một vị A-la-hán. Vị ấy phải giữ tâm kiên định, không lay chuyển, không dùng dao gậy với chúng sanh, lòng từ bao trùm tất cả, rồi tự xưng tên mình: "Hôm nay, con xin lãnh thọ tám pháp trai giới, không trái phạm một điều nào, không khởi tâm giết hại, tu tập theo lời dạy của bậc Chân nhân: Không trộm cướp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ăn trái thời, không nằm giường cao rộng lớn, không đàn ca múa hát và xoa hương hoa vào thân."

Với người đã biết thì hãy tự nói như thế. Những ai chưa biết thì nên dạy họ nói theo như vậy.

Lại nữa, vị Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy thật cặn kẽ từng điều một, chớ để thiếu sót, cũng đừng vượt thứ lớp, cũng nên dạy cho họ phát lời thệ nguyện.

[0757a06] Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Nên phát nguyện như thế nào?

---

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.43.2. 0756c16). Tham chiếu: *A*. 8.41 - IV. 248; *A*. 9.18 - IV. 388.

[12] Nguyên tác: Bát quan trai pháp (八關齋法). Pāli ghi là *aṭṭhaṅga Uposatha*, nghĩa là trai giới có 8 chi. Truyền thống trai giới có mặt tại Ấn Độ trước khi Phật giáo ra đời. Đức Phật đã định nghĩa lại thuật ngữ *Uposatha* tùy theo mỗi giới, loại. Với hàng xuất gia, đó là ngày tụng đọc Giới bổn và thực hiện các nghi tắc về giới luật. Với hàng tại gia thì chỉ cho ngày trai giới gồm 8 chi (*aṭṭhaṅga*). Bản Hán bổ nghĩa thêm với chữ "quan" (關), mang nghĩa là "phòng hộ", cũng có nghĩa là "giới vức." Và cả hai nghĩa vừa nêu đều có thể hiểu là "giới."

Đức Phật dạy:

– Nên phát nguyện rằng: "Nay con nương nhờ tám pháp trai giới này mà không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không bị đọa vào tám nạn, không ở nơi biên địa, không đọa vào chỗ hung ác, không theo bè bạn xấu ác, có cha mẹ thuần thiện, không theo tà kiến, sanh vào cõi nước phồn vinh, được nghe pháp lành, tu tập thiền định, thành tựu pháp và tùy pháp. Nguyện đem công đức thọ trì giới pháp này giữ gìn pháp lành cho tất cả chúng sanh. Nguyện đem công đức này, bố thí cho chúng sanh, khiến được thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân. Xin đem phước thí của thệ nguyện này để mong thành tựu Ba thừa,[13] khiến không thoái lui giữa chừng.

Lại nữa, nguyện đem tám pháp trai giới này, dùng để tu tập theo con đường của Phật, con đường của bậc Độc giác,[14] con đường của bậc A-la-hán. Các cõi nước khác tu tập theo Chánh pháp cũng đều tu theo hạnh nguyện này. Giả sử vào đời tương lai, khi đức Phật Di-lặc là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời thì cũng gặp được pháp hội của Ngài và được hóa độ trong thời Chánh pháp.

Lúc đức Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, chúng đệ tử có ba hội. Hội thứ nhất có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo, hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo và hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, thảy đều là bậc A-la-hán, đã trừ sạch tất cả phiền não, lại được gặp nhà vua và các bậc thầy giáo thọ của quốc gia ấy."

Phải nên phát nguyện những lời như thế, không để thiếu sót.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Nếu người thiện nam hoặc người thiện nữ kia, trong lúc giữ gìn tám pháp trai giới nhưng lại không phát nguyện, lẽ nào không có được công đức lớn?

Đức Phật dạy:

– Mặc dù được phước, nhưng chẳng bao nhiêu. Vì sao như vậy? Nay Ta sẽ giảng nói ý nghĩa này!

Vào đời quá khứ có vị vua tên Bảo Nhạc, dùng pháp để cai trị và hóa độ dân chúng, thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề này. Bấy giờ, có đức Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,[15] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,[16] Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn[17] xuất hiện ở thế gian. Nhà vua có một công chúa tên là Mâu-ni,

---

[13] Nguyên tác: Tam thừa (三乘). Ba cỗ xe đưa đến Niết-bàn, gồm có Thanh văn thừa (聲聞乘), Duyên giác thừa (緣覺乘) và Bồ-tát thừa (菩薩乘).

[14] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛, Paccekabuddha). Xem chú thích 23, phẩm Tựa, tr. 9.

[15] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為).

[16] Nguyên tác: Đạo Pháp Ngự (道法御).

[17] Nguyên tác: Chúng Hựu (眾祐).

nhờ đời trước cúng dường chư Phật nên có dung mạo đặc biệt thù thắng, sắc mặt đẹp tựa hoa đào.

Lúc ấy, đức Phật Bảo Tạng cũng có ba hội chúng đệ tử. Hội đầu tiên có một ức sáu vạn tám ngàn chúng, hội thứ hai có một ức sáu vạn chúng và hội thứ ba có một ức ba vạn chúng, đều là bậc A-la-hán, hết sạch mọi phiền não.

[0757b05] Bấy giờ, đức Phật Bảo Tạng thuyết pháp cho các đệ tử như vầy:

"Này các Tỳ-kheo! Nên nhớ hành thiền, chớ có biếng nhác, lại phải tìm cầu phương tiện trì tụng kinh điển, giữ gìn giới pháp."

Vị thị giả của đức Phật ấy tên là Mãn Nguyện, bậc nhất về nghe nhiều cũng giống như Tỳ-kheo A-nan của Ta trong hiện tại, cũng là vị nghe nhiều bậc nhất.

Khi ấy, Tỳ-kheo Mãn Nguyện thưa với đức Phật Bảo Tạng:

"Đối với những vị Tỳ-kheo các căn không nhạy bén, không siêng năng tu tập thiền định, cũng chẳng tụng kinh, tu tập. Hôm nay, Thế Tôn sẽ xếp những vị ấy vào nhóm nào?"

Đức Phật Bảo Tạng dạy rằng:

"Những Tỳ-kheo nào các căn không nhạy bén, không thể nào thực hành pháp tu thiền định thì nên tu tập theo ba pháp hành của bậc Thượng nhân. Là ba pháp nào? Đó là tọa thiền, tụng kinh và làm các việc lành."[18]

Đức Phật Bảo Tạng giảng nói pháp vi diệu cho các đệ tử như thế.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo trưởng lão không thể kham nổi phương pháp thực hành thiền định. Vị ấy liền nghĩ: "Ta tuổi cao sức yếu, không thể nào tu tập theo phương pháp thiền định, nay ta nên tìm cách làm các việc lành." Thế rồi, Tỳ-kheo trưởng lão kia đi vào thành Dã Mã xin đèn đuốc, dầu mè rồi ngay trong ngày cúng dường lên đức Phật Bảo Tạng, giữ sáng mãi không để tắt.

Bấy giờ, nhìn thấy Tỳ-kheo trưởng lão đi xin dầu, đèn khắp các nẻo đường, Công chúa Mâu-ni liền hỏi:

"Thưa thầy! Hôm nay, thầy cần những gì?"

Tỳ-kheo đáp:

"Công chúa nên biết! Tôi đã già yếu nên không thể kham nổi pháp tu thiền định, cho nên mới cầu xin các loại dầu để cúng dường đức Phật, luôn thắp sáng Thế Tôn."

Khi ấy, nghe nhắc đến danh hiệu Phật, công chúa thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền thưa với Tỳ-kheo trưởng lão:

"Thưa thầy! Từ nay thầy đừng xin ở những nơi khác nữa, con sẽ cung cấp đầy đủ tất cả các loại dầu, đèn không để thiếu sót."

---

[18] Tá khuyến chúng sự (佐勸眾事).

Thế rồi, Tỳ-kheo trưởng lão nhận lãnh sự cúng dường của công chúa nên hằng ngày đều đến lấy dầu, đèn để cúng dường đức Phật Bảo Tạng, nguyện cầu đem công đức phước lành này để hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh chân. Thầy phát nguyện rằng: "Con đã già nua, lại thêm căn tánh chậm lụt, không có trí tuệ để thực hành pháp thiền định, nguyện nhờ công đức này mà không đọa vào đường ác, tương lai được gặp đấng Thế Tôn như đức Phật Bảo Tạng trong hiện tại, cũng được gặp Thánh chúng như Thánh chúng hiện nay, giảng nói pháp cũng như trong hiện tại, không chút sai khác."

Bấy giờ, biết tâm niệm của thầy Tỳ-kheo ấy, đức Phật Bảo Tạng liền mỉm cười, từ miệng Ngài phát ra ánh sáng năm sắc. Ngài dạy:

"Này Tỳ-kheo! Trải qua vô số kiếp ở đời tương lai, thầy sẽ được thành Phật hiệu là Đăng Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác."

Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, thân tâm kiên định, không còn thoái chuyển, dung mạo thù thắng, khác hẳn thường ngày.

[0757c08] Nhìn thấy Tỳ-kheo với dung mạo thù thắng khác thường, công chúa Mâu-ni liền hỏi:

"Thưa thầy! Hôm nay, sắc diện của thầy rất mực thù thắng, không giống thường ngày. Thầy có niềm vui gì chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Công chúa nên biết, vừa rồi đức Như Lai dùng cam lộ rưới lên đỉnh đầu của tôi."

Công chúa Mâu-ni hỏi:

"Đức Như Lai dùng cam lộ rưới lên đỉnh đầu của thầy như thế nào?"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi được đức Như Lai Bảo Tạng thọ ký rằng, vào thời tương lai, trải qua vô số kiếp không thể tính kể, tôi sẽ được thành Phật hiệu là Đăng Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, nên thân tâm của tôi kiên định, không còn thoái chuyển. Thật vậy, này Công chúa! Tôi đã được đức Như Lai thọ ký rồi."

Công chúa hỏi:

"Đức Phật lẽ nào không thọ ký cho con ư?"

Tỳ-kheo trưởng lão đáp:

"Tôi cũng không biết đức Như Lai có thọ ký cho Công chúa hay không nữa!"

Nghe thầy Tỳ-kheo nói xong, công chúa liền lên xe gắn lông chim quý đi đến chỗ đức Phật Bảo Tạng, rồi cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật xong, ngồi sang một bên rồi thưa:

"Con chính là đàn-việt thí chủ mà hằng ngày đã cúng dường các loại dầu, đèn, nhưng sao Thế Tôn chỉ thọ ký riêng cho thầy Tỳ-kheo mà không thọ ký cho con?"

Đức Phật Bảo Tạng đáp:

"Phát tâm cầu nguyện, phước báu ấy đã khó đo lường, huống hồ là dùng tài vật để bố thí."

Công chúa Mâu-ni thưa:

"Nếu đức Như Lai không thọ ký cho riêng con thì con sẽ tự kết liễu đời mình."

Đức Phật Bảo Tạng đáp:

"Làm thân nữ thì không thể mong cầu làm Chuyển Luân Thánh vương, không thể mong cầu làm Đế-thích, không thể mong cầu làm Phạm thiên vương, không thể mong cầu làm Ma vương, cũng không thể mong cầu làm Phật."

Công chúa thưa:

"Vậy nhất định là con không thể thành tựu đạo Vô thượng được sao?"

Đức Phật Bảo Tạng dạy:

"Có thể được! Công chúa Mâu-ni sẽ được thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân. Tuy nhiên, Công chúa nên biết, phải trải qua vô số kiếp không thể tính kể trong tương lai sẽ có đức Phật ra đời, Ngài là vị thiện tri thức và sẽ thọ ký cho Công chúa."

[0758a03] Khi ấy, công chúa bạch Phật:

"Phải chăng người nhận thì thanh tịnh, còn thí chủ thì cấu nhiễm?"

Đức Phật Bảo Tạng đáp:

"Như Ta vừa nói, phải phát nguyện kiên cố với tâm ý thanh tịnh."

Công chúa thưa như thế xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về.

Ưu-ba-ly nên biết! Trải qua vô số kiếp không thể tính kể, đức Phật Đăng Quang xuất hiện ở đời cùng đại chúng Tỳ-kheo mười sáu vạn tám ngàn vị. Ngài hóa độ ở cõi nước rộng lớn tên là Bát-đầu-ma. Nhà vua và dân chúng cõi nước ấy đều đến cúng dường Ngài. Quốc vương của cõi nước đó tên Đề-bà-diên-na, dùng pháp để trị dân, thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề.

Bấy giờ, nhà vua thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo thọ thực. Nhân đó, vào sáng sớm, đức Phật Đăng Quang đắp y, ôm bát rồi cùng chúng Tỳ-kheo đi vào thành.

Khi ấy, có một Phạm chí tên là Di-lặc, dung mạo đoan chánh, hơn hẳn mọi người, trông giống như Phạm thiên, thông thạo kinh điển thế gian, không gì là không biết, kinh thư, chú thuật đều hiểu rõ ràng, thiên văn, địa lý không gì không biết rõ.

Từ xa, nhìn thấy đức Phật Đăng Quang đi đến với dung mạo đặc biệt thù thắng, khác biệt người thường, các căn định tĩnh, thân trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, Phạm chí vô cùng hoan hỷ, phát khởi tâm

lành rồi nghĩ như vầy: "Trong sách vở ghi rằng: 'Như Lai xuất hiện cực kỳ khó gặp, hiếm khi mới xuất hiện, như hoa Ưu-bát đúng thời mới nở. Ta nên đến gặp xem sao.'"

Thế rồi, Phạm chí cầm năm cành hoa đến chỗ Thế Tôn và nghĩ: "Ai có ba mươi hai tướng, được gọi là Phật đã thành." Phạm chí liền đem năm cành hoa rải lên Như Lai và mong ước được thấy ba mươi hai tướng tốt của Ngài. Tuy nhiên, ông ta chỉ nhìn thấy được ba mươi tướng, còn hai tướng kia không thể nhìn thấy được, liền hoài nghi: "Ta quan sát đức Thế Tôn nhưng không thấy được tướng lưỡi rộng dài và tướng mã âm tàng."[19]

Thế rồi, Phạm chí liền nói kệ này:

Nghe nói bậc Đại nhân,
Có ba mươi hai tướng,
Nay chưa thấy hai tướng,
Ngài đủ tướng hảo chăng?
Có phải tướng mã âm,
Do trinh khiết, không dâm?
Phải chăng lưỡi dài rộng,
Phủ mặt, liếm đến tai?
Xin hiển bày tướng ấy,
Để dứt sự nghi ngờ,
Mong ước được nhìn thấy,
Mã âm, lưỡi rộng dài.

[0758b03] Khi ấy, đức Phật Đăng Quang liền nhập chánh định khiến cho Phạm chí nhìn thấy được hai tướng ấy. Ngài lại hiện bày tướng lưỡi rộng dài, che trùm khắp khuôn mặt rồi phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy trở lại nơi đỉnh đầu. Nhìn thấy đức Phật có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, Phạm chí thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền thưa:

"Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho con! Hôm nay, con xin dâng lên Như Lai năm cành hoa và nguyện đem thân này cúng dường bậc Thánh Tôn."

Khi Phạm chí phát ra thệ nguyện này, năm cành hoa liền hóa thành đài báu ở giữa hư không, có bốn trụ và bốn cổng rất mực thù thắng. Lúc ấy, nhìn thấy đài báu, Phạm chí thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng và phát lời nguyện như vầy: "Xin cho con đời sau được làm Phật như đức Phật Đăng Quang, đệ tử đồ chúng thảy đều như thế."

Khi ấy, biết được tâm niệm của Phạm chí, đức Phật Đăng Quang liền mỉm cười. Theo cách thức xưa nay của chư Phật, khi thọ ký thì Thế Tôn liền mỉm cười, từ miệng Ngài sẽ phát ra ánh sáng năm sắc, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Khi ánh sáng chiếu khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới thì che khuất tất cả ánh sáng của mặt trời và mặt trăng rồi trở về lại nơi đỉnh đầu của Phật. Nếu đức Như Lai thọ ký thành Phật thì ánh sáng từ miệng Ngài sẽ đi vào đỉnh đầu của người được thọ ký. Nếu khi thọ ký thành Độc giác[20] thì ánh sáng phát ra từ miệng Ngài rồi đi vào tai của người được thọ ký. Nếu khi thọ ký riêng thành

[19] Nguyên tác: Âm mã tàng (陰馬藏), một trong 32 tướng tốt của đức Phật. Theo *PQĐTĐ*, tướng này còn được gọi là mã âm tàng (馬陰藏), âm tàng tướng (陰藏相), mã vương ẩn tàng tướng (馬王隱藏相), thế phong tàng mật tướng (勢峰藏密相), nghĩa là nam căn ẩn kín không lộ ra ngoài.

[20] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛). Xem chú thích 58, trang 689.

Thanh văn thì ánh sáng đi vào vai. Nếu thọ ký sanh lên cõi trời thì ánh sáng đi vào nơi cánh tay. Nếu thọ ký sanh trong loài người thì ánh sáng đi vào hai bên hông. Nếu thọ ký sanh trong loài ngạ quỷ thì ánh sáng đi vào nách. Nếu thọ ký sanh trong loài súc sanh thì ánh sáng đi vào đầu gối. Nếu thọ ký đọa vào địa ngục thì ánh sáng sẽ đi vào gót chân.[21]

Khi nhìn thấy ánh sáng đi vào từ đỉnh đầu, Phạm chí thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền trải tóc lên mặt đất và thưa:

"Nếu không được đức Như Lai thọ ký thì con sẽ tự hủy hoại các căn ngay tại nơi này."

Khi ấy, biết được suy nghĩ trong tâm của Phạm chí, đức Phật Đăng Quang liền bảo:

"Hãy mau đứng dậy! Vào đời tương lai, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni[22] Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác."

Nghe Phật thọ ký xong, Phạm chí trẻ tuổi[23] thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, lập tức đạt được chánh định, biến hiện ngay tại nơi ấy, liền bay lên hư không cách mặt đất bảy nhận,[24] rồi chắp tay hướng về đức Phật Đăng Quang.

[0758c02] Này Ưu-ba-ly! Thầy chớ nghĩ điều gì khác. Thầy Tỳ-kheo trưởng lão vào thời đức Phật Bảo Tạng, đâu phải người nào khác mà chính là đức Phật Đăng Quang, còn công chúa Mâu-ni lúc ấy, chính là Ta hiện nay. Lúc ấy, đức Phật Bảo Tạng đặt danh hiệu cho Ta là Thích-ca. Do nhân duyên ấy nên nay Ta mới giảng nói tám pháp trai giới này. Phải nên phát nguyện, bởi vì không phát nguyện thì không có kết quả. Vì sao như vậy? Bởi vì, nếu công chúa phát nguyện như vậy thì ngay trong kiếp ấy sở nguyện đã được thành tựu. Nếu Tỳ-kheo trưởng lão không phát nguyện thì không bao giờ thành tựu Phật đạo. Phước báu của sự phát nguyện không thể tính kể, sẽ đạt đến cõi diệt tận, bất tử.[25]

Thật vậy, này Ưu-ba-ly! Nên học tập như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[21] Đoạn kinh này khá đặc dị, vì có nhiều điểm tương đồng về nội dung so với tác phẩm *Bṛihadāraṇyaka Upaniṣhad* (4.2) của Ấn giáo.

[22] Nguyên tác: Thích-ca-văn (釋迦文) được phiên âm từ Sākyamuni (Thích-ca Mâu-ni, 釋迦牟尼).

[23] Ma-nạp (摩納): Thanh niên, thiếu niên Bà-la-môn. *A-ma-trú kinh* 阿摩晝經 (*T*.01. 0001.020. 0082a16) ghi là ma-nạp (摩納); *Tỳ-bà-lăng-kỳ kinh* 鞞婆陵耆經 (*T*.01. 0026.63. 0499a29) ghi là ma-nạp (摩納); *A-lan-na kinh* 阿蘭那經 (*T*.01. 0026.160. 0682c24) ghi là ma-nạp-ma (摩納磨); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.88. 0022b21) ghi là niên thiếu Bà-la-môn (年少婆羅門).

[24] Nhận (刃): Đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ thuở xưa.

[25] Cam lộ (甘露).

3. KHÚC GỖ TRÔI SÔNG[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ ở biên giới nước Ma-kiệt, rồi dần du hóa đến bên bờ sông.

Bấy giờ, Thế Tôn nhìn thấy giữa dòng sông có một khúc gỗ lớn đang bị nước cuốn trôi, Ngài liền ngồi xuống bên một cội cây gần bờ sông rồi hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy có thấy khúc gỗ kia đang bị nước cuốn trôi không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con nhìn thấy.

Đức Phật dạy:

– Nếu như khúc gỗ ấy không bị vướng vào bờ bên này, chẳng vướng vào bờ bên kia, cũng không bị chìm giữa dòng hay trôi tấp lên bờ, không bị loài người vớt, lại không bị loài phi nhân[27] vớt lên, không bị nước xoáy cuốn, cũng chẳng bị mục nát thì nó sẽ dần dần trôi ra biển cả. Vì sao như vậy? Bởi vì biển cả là cội nguồn của muôn sông.

Các thầy cũng giống như vậy. Nếu như các thầy không bị vướng vào bờ bên này, cũng chẳng vướng vào bờ bên kia, không bị chìm giữa dòng, cũng không ở trên bờ, không bị loài người hay loài phi nhân bắt giữ, cũng không bị nước xoáy cuốn, cũng chẳng bị mục nát thì các thầy sẽ dần dần tiến đến cõi Niết-bàn. Vì sao như vậy? Bởi vì Niết-bàn là nguồn cội của chánh kiến, chánh tư duy,[28] chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,[29] chánh niệm và chánh định.

Bấy giờ, có người chăn bò tên Nan-đà đang đứng chống gậy, từ xa nghe được lời như thế, liền dần đi đến chỗ đức Thế Tôn rồi đứng yên tại đó.

Lúc ấy, người chăn bò bạch Phật:

– Con cũng không vướng vào bờ bên này, cũng không vướng vào bờ bên kia, không bị chìm giữa dòng hay trôi tấp vào bờ, không bị người bắt giữ, lại chẳng bị phi nhân bắt giữ, không bị nước xoáy cuốn, cũng chẳng bị mục nát thì dần dần sẽ đạt đến Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con được làm Sa-môn ở trong đạo của Ngài!

[0759a04] Đức Phật dạy:

– Ông hãy đem bò về trả cho chủ, rồi sau mới được làm Sa-môn.

---

[26] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.3. 0758c12). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1174. 0314c07); *S.* 35.241 - IV. 179.

[27] Phi nhân (非人). Theo *Phật học đại từ điển* (佛學大辭典), "phi nhân" là gọi chung cho 8 bộ chúng như trời, rồng, dạ-xoa...

[28] Nguyên tác: Chánh trị (正治).

[29] Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便).

Người chăn bò Nan-đà thưa:

– Những con bò này vì nhớ bò nghé nên chúng sẽ tự trở về nhà, cúi xin Thế Tôn cho phép con vào đạo!

Đức Phật dạy:

– Tuy những con bò này tự trở về nhà, nhưng ông cũng phải đi theo để giao lại cho chủ của chúng.

Thế rồi, vâng lời Phật dạy, người chăn bò trở về giao bò cho chủ xong, liền trở lại chỗ Phật và thưa:

– Con đã giao bò xong, cúi xin Thế Tôn cho phép con được làm Sa-môn!

Khi ấy, đức Thế Tôn liền cho phép Nan-đà xuất gia làm Sa-môn và thọ giới Cụ túc.

Có vị Tỳ-kheo khác bạch Phật:

– Thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là ở trên bờ? Thế nào là không bị người bắt giữ? Thế nào là không bị phi nhân bắt giữ? Thế nào là không bị nước xoáy cuốn trôi? Thế nào là không bị mục nát?

Phật dạy Tỳ-kheo ấy rằng:

– Bờ bên này chỉ cho chấp ngã. Bờ bên kia chỉ cho chấp ngã bị diệt trừ.[30] Chìm giữa dòng chỉ cho dục ái.[31] Tấp lên bờ là bị năm dục chi phối. Bị người bắt giữ là, như có người thiện nam phát thệ nguyện rằng: "Nguyện đem công đức phước báu này để cầu mong được làm vị vua nước lớn hoặc làm đại thần." Bị phi nhân bắt giữ là, như có Tỳ-kheo phát nguyện như vầy: "Mong cầu được sanh trong cõi trời Tứ Thiên Vương và các cõi trời[32] để tu hành Phạm hạnh. Nay ta đem công đức này để mong cầu sanh vào cõi trời." Đây gọi là bị phi nhân bắt giữ. Bị nước xoáy cuốn trôi chính là những nghi ngờ tà vạy. Mục nát chính là tà kiến, tà tư duy,[33] tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn,[34] tà niệm và tà định. Đó gọi là mục nát vậy.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Nan-đà liền ở nơi thanh vắng, siêng năng tu tập. Bởi lẽ một người thiện nam, sở dĩ cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu tập Phạm hạnh vô thượng vì mong đạt đến: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc

---

[30] Bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi là "thân tà" (身邪), cách viết khác của tát-ca-da kiến, hữu thân kiến, thân kiến, ngã kiến (薩迦耶見, 有身見, 身見, 我見), chỉ cho sự chấp ngã. Xem thêm *Kinh bạ kiết sử*, số 9, phẩm 24, tr. 318; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.24.9. 0630a25-27): Thế nào gọi là bờ bên này? Thế nào gọi là bờ bên kia? Bờ này là chỉ cho sự chấp ngã. Bờ bên kia chỉ cho chấp ngã bị diệt trừ (云何此岸? 云何彼岸? 所謂此岸者身邪是, 彼岸者所謂身邪滅是). *Kinh khổ hạnh của Thế Tôn*, số 8, phẩm 31, tr. 454 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.31.8. 0670c02) cũng ghi nhận như vậy.

[31] Dục ái (欲愛, *kāmataṇhā*), theo *S.* 45.170 - V. 57, là một trong 3 ái, gồm dục ái (欲愛, *kāmataṇhā*), hữu ái (有愛, *bhavataṇhā*) và phi hữu ái (非有愛, *vibhavataṇhā*).

[32] Bản Tống, Nguyên, Minh bổ sung "trung cập chư thiên trung" (中及諸天中).

[33] Nguyên tác: Tà trị (邪治).

[34] Nguyên tác: Tà phương tiện (邪方便).

cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Tỳ-kheo Nan-đà liền chứng đắc quả vị A-la-hán ngay tại chỗ ngồi.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

4. LÕI CÂY[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

[0759b01] Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa[36] tuy đã mất thần túc nhưng hằng ngày vẫn được Thái tử A-xà-thế đem năm trăm giỏ thức ăn đến cúng dường.

Nghe tin Đề-bà-đạt-đa tuy đã mất thần túc nhưng vẫn được Thái tử A-xà-thế cúng dường, nghe rồi, các Tỳ-kheo liền cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Oai thần của Đề-bà-đạt-đa rất lớn nên hằng ngày được Vua A-xà-thế cúng dường năm trăm giỏ thức ăn.

Bấy giờ, sau khi nghe như vậy, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ sanh tâm tham đắm về lợi dưỡng của Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa như thế. Do lợi dưỡng này mà kẻ ngu kia sẽ tự diệt vong. Sở dĩ như vậy là vì, này các Tỳ-kheo, Đề-bà-đạt-đa đã không thể thành tựu ước nguyện và mục tiêu của một người xuất gia học đạo.

Tỳ-kheo nên biết! Ví như có người ra khỏi thôn xóm, tay cầm búa bén tìm đến cây to. Lòng mong mỏi ban đầu là muốn tìm cây to, nhưng khi đã gặp cây to thì chỉ nhặt lấy cành lá rồi trở về nhà.

Tỳ-kheo nào tham đắm lợi dưỡng cũng lại như thế. Do vì lợi dưỡng này mà ở trước mặt mọi người luôn tự khen mình, chê bai kẻ khác, do vậy mà sự tu hành của một Tỳ-kheo chắc chắn không thể thành tựu ước nguyện. Do vì lợi dưỡng này nên vị ấy không tìm cầu phương tiện để phát tâm dũng mãnh, cũng như người kia không tìm được lõi cây,[37] bị người trí vứt bỏ.

Như có Tỳ-kheo đạt được lợi dưỡng rồi, tuy không tự khoe khoang, cũng chẳng chê bai người khác nhưng lại tự xưng với người khác rằng: "Ta là người trì giới, còn kẻ kia là người phạm giới", thì sở nguyện của Tỳ-kheo ấy cũng không đạt được kết quả. Như người bỏ gốc cây mà chỉ đem cành lá về nhà,

---

[35] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.4. 0759a29). Tham chiếu: *M.* 29, *Mahāsāropama Sutta* (*Đại kinh ví dụ lõi cây*); *M.* 30, *Cūḷasāropama Sutta* (*Tiểu kinh ví dụ lõi cây*).

[36] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜, Devadatta), thường gọi là Đề-bà-đạt-đa (提婆達多).

[37] Nguyên tác: Cầu bảo bất đắc (求寶不得).

người trí thấy vậy liền nói: "Người này chỉ đem cành lá về nhà mà không biết gốc cây." Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, vì muốn được lợi dưỡng mà vâng giữ giới luật, tu tập Phạm hạnh, vui tu chánh định. Khi đạt được chánh định rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền khoe khoang với người khác: "Ta đã đạt thiền định, người khác không đạt thiền định." Đối với những pháp mà Tỳ-kheo ấy thực hành thì cũng chẳng đạt được kết quả gì.

Cũng như có người đi tìm lõi cây, liền đến bên thân cây lớn, do muốn lấy lõi cây nên bỏ hết nhánh lá, chỉ lấy gốc cây đem về. Người trí thấy rồi liền nói như vầy: "Người này phân biệt được gốc cây." Tỳ-kheo này cũng lại như thế, có được lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, cũng không tự khoe khoang, lại chẳng chê bai người khác, siêng năng tu tập thiền định rồi dần dần đạt được trí tuệ. Trong giáo pháp của Ta thì trí tuệ là bậc nhất. Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa tuy tu tập theo giáo pháp của Ta nhưng chẳng đạt được thiền định và trí tuệ, giới luật và phép tắc cũng chẳng trọn vẹn.

[0759c03] Có một Tỳ-kheo bạch Phật:

– Vì sao thầy Đề-bà-đạt-đa không hiểu những phép tắc của giới luật? Thầy ấy có thần túc, cũng thành tựu các hạnh nguyện, cũng có trí tuệ như thế thì tại sao lại không hiểu những phép tắc của giới luật? Bởi vì có trí tuệ thì có chánh định, có chánh định thì có giới luật.

Đức Phật dạy:

– Phép tắc của giới luật là lẽ thường của thế tục. Thành tựu thiền định cũng là lẽ thường của thế tục. Thần túc biến hóa cũng là lẽ thường của thế tục. Chỉ có thành tựu trí tuệ mới là ý nghĩa bậc nhất.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thiền định được thần túc,
Chưa đạt quả giải thoát,
Trí tuệ là tối thượng,
Rốt ráo được chánh kiến,[38]
Lên cao, chưa rốt ráo,
Lại rơi vào năm dục.
Không lo, chẳng ưu phiền,
Lìa hẳn chốn tử sanh.

Tỳ-kheo nên biết! Nhờ điều này nên biết được Đề-bà-đạt-đa không hiểu phép tắc của giới luật, cũng không hiểu rõ về trí tuệ và các bậc thiền định.

Này các Tỳ-kheo! Các thầy không nên tham đắm lợi dưỡng giống như Đề-bà-đạt-đa. Những ai tham đắm lợi dưỡng đều rơi vào cõi ác, không thể sanh vào cõi thiện lành. Nếu tham đắm lợi dưỡng thì sẽ huân tập tà kiến, xa lìa chánh kiến. Do huân tập tà tư duy nên xa lìa chánh tư duy. Do huân tập tà ngữ nên xa lìa chánh ngữ. Do huân tập tà nghiệp nên xa lìa chánh nghiệp. Do huân tập tà mạng nên xa lìa chánh mạng. Do huân tập tà tinh tấn nên xa lìa chánh tinh tấn. Do huân tập tà niệm nên xa lìa chánh niệm. Do huân tập tà định nên xa lìa chánh định.

[38] Cửu tất hoạch đẳng kiến (久畢獲等見). Đẳng kiến (等見) tức chánh kiến (正見, *sammādiṭṭhi*).

Thế nên, này Tỳ-kheo! Chớ khởi tâm lợi dưỡng, phải chế ngự khiến đừng khởi tâm này. Nếu tâm lợi dưỡng đã sanh khởi thì phải tìm cách diệt trừ chúng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Khi đức Phật giảng nói pháp vi diệu này, có hơn sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp y, trở lại đời sống cư sĩ. Lại có sáu mươi Tỳ-kheo khác tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, dứt sạch các trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. VÍ DỤ CHIẾC BÈ[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng nói ví dụ về chiếc bè, các thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ trong tâm!

[0760a01] Các Tỳ-kheo thưa:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

– Thế nào gọi là ví dụ về chiếc bè? Nếu các thầy đang đi trên đường mà bị giặc bắt giữ thì nên giữ gìn tâm ý, đừng khởi niệm ác. Nên khởi tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả[40] bao trùm khắp muôn phương, không giới hạn, không thể tính kể. Phải giữ tâm như đất. Như mặt đất này, thọ nhận vật sạch và cũng thọ nhận vật không sạch, phẩn, tiểu, nhơ uế thảy đều nhận hết. Tuy vậy, đất không hề khởi tâm dao động.[41] Đất cũng không nói rằng, cái này tốt hay cái này xấu. Sự tu tập của các thầy cũng nên như vậy. Giả sử bị giặc bắt giữ giam cầm thì các thầy chớ sanh khởi niệm ác, cũng không khởi tâm dao động. Phải như đất, nước, lửa, gió, xấu hay tốt thảy đều thu nhận, hoàn toàn không có tâm dao động, phải khởi tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả[42] đối với tất cả chúng sanh. Vì sao

---

[39] Tựa đề đức Phật dạy trong nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.5. 0759c29). Tham chiếu: *A-lê-tra kinh* 阿梨吒經 (*T*.01. 0026.200. 0763b01); *M.* 2, *Sabbāsava Sutta* (*Kinh tất cả các lậu hoặc*).

[40] Theo bản Tống, Nguyên, Minh.

[41] Tăng giảm chi tâm (增減之心). Tương đương Pāli: *udayabbaya* (興衰), chỉ cho sự hưng suy, thăng trầm, ở đây mang nghĩa là dao động. Tham chiếu: *M.* 62: *seyyathāpi, rāhula, pathaviyā sucimpi nikkhipanti, asucimpi nikkhipanti, gūthagatampi nikkhipanti, muttagatampi nikkhipanti, kheḷagatampi nikkhipanti, pubbagatampi nikkhipanti, lohitagatampi nikkhipanti, na ca tena pathavī aṭṭīyati vā harāyati vā jigucchati vā; evameva kho tvaṃ, rāhula, pathavīsamaṃ bhāvanaṃ bhāvehi* (Này Rāhula, ví như trên đất người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ không tịnh, quăng phân uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy, đất không lo âu, không dao động, hay không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập như đất), HT. Thích Minh Châu dịch.

[42] Nguyên tác: Hộ (護).

như vậy? Bởi vì tu tập pháp lành mà còn phải bỏ, huống gì pháp ác mà phải đọc tụng hay sao?[43]

Như có người đi đến một nơi nguy hiểm và sợ hãi, muốn vượt qua khỏi chốn hiểm nạn đó để đến nơi an ổn, liền rảo bước tìm kiếm một nơi an ổn cho mình. Người ấy gặp một con sông lớn, cực kỳ sâu rộng nhưng không có cầu hay thuyền để có thể sang bờ bên kia. Đứng ở chỗ này thì nguy hiểm và sợ hãi, qua được bờ bên kia thì hết thảy an lành.

Bấy giờ, người kia suy nghĩ: "Sông này vừa sâu vừa rộng, ta có thể thu gom cành cây, cỏ lá kết lại làm bè để qua sông. Nhờ chiếc bè này, ta đi từ bờ bên này sang bờ bên kia." Thế rồi, người ấy liền thu gom cành cây, cỏ lá rồi kết thành chiếc bè để vượt từ bờ sông này sang bờ sông bên kia. Khi đã sang bờ bên kia, người ấy liền nghĩ: "Chiếc bè này thật nhiều lợi ích, nhờ nó mà ta vượt qua chốn ách nạn, đưa ta từ chỗ sợ hãi đến chốn an lành. Ta không thể bỏ chiếc bè này, đi đâu cũng nên mang theo."

Thế nào, này Tỳ-kheo! Người kia đã đến nơi rồi, có nên vác chiếc bè theo chăng? Hay không nên vác theo?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không nên vác theo. Vì người ấy đã đạt được kết quả như ý nguyện, còn vác chiếc bè theo làm gì.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Pháp lành còn phải bỏ, huống gì phi pháp.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thế nào gọi là pháp lành còn phải bỏ, huống gì phi pháp? Lẽ nào chẳng phải chúng con cần nương vào pháp để học đạo hay sao?

Đức Phật dạy:

– Nương vào kiêu mạn để diệt trừ kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn, tăng thượng mạn. Dùng vô mạn để diệt trừ mạn mạn, vô mạn. Dùng chánh mạn để diệt trừ tà mạn, tăng thượng mạn, diệt trừ sạch bốn mạn.[44]

Thuở xưa, khi chưa thành tựu quả vị Phật, Ta ngồi bên cội Bồ-đề[45] rồi suy nghĩ như vầy: "Trong cõi dục này, ai là bậc hào quý nhất để Ta hàng phục? Ta

---

[43] Nguyên tác: 行善之法猶可捨之, 何況惡法而可翫習. Tham chiếu *A-lê-tra kinh* 阿梨吒經 (*T*.01. 0026. 200. 0764c13): Như các thầy biết Ta thường nói pháp ví dụ về chiếc bè. Với pháp chân thật còn phải xả bỏ, huống là phi pháp? (若汝等知我長夜說柂喻法者, 當以捨是法, 況非法耶).

[44] Lời dạy này giống như ý kinh *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.564. 0148b12): Nương vào mạn để đoạn trừ mạn (依慢斷慢). Thân này được nuôi dưỡng và tác thành từ nhiều yếu tố và các loại mạn. Muốn hành đạo thì phải nương thân này, tức là phải nương các loại mạn. Khi đã giải thoát thân này cũng tức là giải thoát các loại mạn. Lời dạy của ngài A-nan trong *A*. II. 144 cũng bổ trợ cho ý kinh này: "Này chị, thân này do kiêu mạn được tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận" HT. Thích Minh Châu dịch. Phần cuối bài kinh giải thích rõ hơn về ý này.

[45] Nguyên tác: Thọ vương (樹王).

cũng sẽ hàng phục hết thảy chư thiên và loài người trong cõi dục này." Lúc ấy, Ta lại nghĩ thế này: "Nghe có Tệ ma Ba-tuần, Ta sẽ chiến đấu với chúng, bởi vì hàng phục được Ma Ba-tuần thì tất cả chư thiên cao quý kiêu mạn thảy đều bị hàng phục."

Thế rồi, này Tỳ-kheo! Ta ngồi trên tòa rồi mỉm cười, khiến cho cảnh giới Ma Ba-tuần thảy đều chấn động.

[0760b08] Bỗng nghe có tiếng kệ giữa hư không:

Xả bỏ ngôi Tịnh vương, Xuất gia tu giải thoát,
Nếu phát thệ rộng sâu, Không đọa ba đường ác.
Ta dẫn hết chúng ma, Đến Sa-môn diện kiến,
Nếu không thần phục ta, Nắm chân quăng ra biển.[46]

Khi ấy, Tệ ma Ba-tuần nổi cơn thịnh nộ, liền truyền lệnh cho Đại tướng Sư Tử:

"Mau tập hợp bốn bộ binh chủng, cùng đi chinh phạt Sa-môn! Để thử xem ông ta có thế lực gì mà dám chiến đấu với ta?"

Khi ấy, Ta lại suy nghĩ: "Giao chiến với người thường còn không thể im lặng huống hồ là giao chiến với người hào quý của cõi dục. Ta cũng nên tranh đấu ít nhiều với ông ta."

Này Tỳ-kheo! Bấy giờ, Ta mặc áo giáp nhân từ, tay cầm cung chánh định, dùng tên trí tuệ rồi đợi binh chủng kia đến. Khi đó, Tệ ma cùng đại tướng và mười tám ức binh chủng, bộ dạng kỳ quái, cùng với vượn, khỉ, sư tử đều kéo đến chỗ Ta.

Lúc ấy, binh chủng la-sát hoặc một thân có ngàn đầu, hoặc mấy mươi thân nhưng chỉ có một đầu, hoặc hai vai có ba đầu; hoặc miệng ở ngay tim; hoặc chỉ một tay, hoặc có hai tay, hoặc có bốn tay, hoặc hai tay nâng đầu, miệng ngậm thây rắn; hoặc trên đầu bốc lửa, miệng phun ra lửa; hoặc hai tay vạch miệng muốn nuốt chửng phía trước; hoặc phanh bụng đi tới, tay cầm đao kiếm, mang vác mâu giáo; hoặc cầm chày cối, hoặc gánh núi vác đá, gánh vác cây lớn; hoặc hai chân chổng lên trời, đầu chúi xuống đất; hoặc cỡi voi, cỡi sư tử, cỡi cọp, cỡi sói, đem theo trùng độc; hoặc đi bộ đến, hoặc bay giữa hư không.

Khi ấy, Tệ ma dẫn theo bấy nhiêu binh chủng như thế, đến vây quanh cội Bồ-đề.[47]

[0760c07] Ma Ba-tuần đứng phía bên trái rồi bảo Ta:

"Này Sa-môn! Hãy đứng lên ngay."

Này Tỳ-kheo! Khi ấy, Ta im lặng không trả lời.

Ma Ba-tuần lặp lại ba lần như thế rồi hỏi Ta:

"Sa-môn sợ ta không?"

[46] Bản Hán, hết quyển 38.

[47] Nguyên tác: Đạo thọ (道樹).

Ta đáp:

"Ta đang nhiếp tâm nên không kinh sợ."

Ma Ba-tuần nói:

"Này Sa-môn! Ông có thấy bốn bộ binh chủng của ta chăng? Trong khi ông chỉ một thân một mình, không có vũ khí, chẳng có gậy gộc binh đao, đầu thì cạo trọc, thân khoác ba y không đủ kín mà dám bảo rằng: 'Ta không sợ hãi!'"

Bấy giờ, Ta nói kệ cho Ba-tuần:

Mũi tên tuệ, cung định,　　Với áo giáp nhân từ,
Phước quả là bốn binh,　　Quân ngươi Ta sẽ phá.

Ma Ba-tuần lại bảo Ta:

"Ta sẽ dành cho Sa-môn nhiều điều thuận lợi. Nếu như không nghe lời, ta sẽ lập tức bắt ông rồi đốt thành tro. Lại nữa, này Sa-môn! Dung mạo của ông thật đoan chánh, tuổi trẻ đẹp đẽ, lại xuất thân từ dòng dõi Sát-lợi Chuyển Luân Thánh vương. Hãy mau rời khỏi chỗ này mà hưởng thụ năm dục. Ta sẽ giúp ông được làm Chuyển Luân Thánh vương."

Ta trả lời Ba-tuần:

"Những điều ngươi vừa nói đều là vô thường biến đổi, chẳng thể tồn tại lâu, rồi cũng phải lìa bỏ, nên chẳng phải là điều mà Ta ưa thích."

Thế rồi, Tệ ma Ba-tuần lại hỏi Ta:

"Này Sa-môn! Hôm nay, ông mong muốn điều gì? Ước nguyện việc gì?"

Ta đáp:

"Điều Ta ước nguyện là ở nơi không còn lo lắng, sợ hãi, được an ổn vắng lặng trong thành Niết-bàn, dẫn dắt các chúng sanh đang trôi lăn trong sanh tử, chìm đắm trong đau khổ phiền não, đưa họ đến con đường chân chánh."

Tệ ma bảo Ta:

"Nếu Sa-môn không mau rời khỏi tòa, ta sẽ nắm chân ông rồi quăng xuống biển."

Ta trả lời Ba-tuần:

"Ta quan sát từ trên cõi trời cho đến khắp nhân gian, từ ma hay thiên ma, dù loài người hay loài phi nhân và cả bốn bộ binh chủng của ngươi, không ai có thể khiến Ta dao động, dù chỉ là một mảy lông."

Tệ ma bảo:

"Này Sa-môn! Hôm nay, ông muốn giao chiến với ta chăng?"

Ta đáp:

"Ta đang nghĩ đến sự giao chiến."

Tệ ma hỏi:

"Ai là kẻ thù của ông?"

Ta trả lời:

"Kẻ thù của Ta là những kiêu mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trung mạn."

Tệ ma hỏi:

"Ông dùng giáo pháp gì để diệt trừ những kiêu mạn đó?"

Ta trả lời:

"Ba-tuần nên biết! Ta dùng Từ chánh định,[48] Bi chánh định, Hỷ chánh định, Xả chánh định,[49] Không chánh định, Vô nguyện chánh định, Vô tướng chánh định. Do Từ chánh định mà thành tựu Bi chánh định, do Bi chánh định mà thành tựu Hỷ chánh định, do Hỷ chánh định mà thành tựu Xả chánh định, do Không chánh định mà thành tựu Vô nguyện chánh định, do Vô nguyện chánh định mà thành tựu Vô tướng chánh định. Ta sử dụng năng lực của những chánh định này để chiến đấu với ngươi. Hành diệt tức khổ diệt, khổ diệt tức phiền não diệt, phiền não diệt thì đạt đến Niết-bàn."

[0761a10] Tệ ma lại hỏi:

"Này Sa-môn! Có thể dùng pháp để diệt pháp được chăng?"

Ta trả lời:

"Có thể dùng pháp để diệt pháp."

Tệ ma lại hỏi Ta:

"Thế nào là dùng pháp để diệt pháp?"

Bấy giờ, Ta bảo Tệ ma:

"Dùng chánh kiến để diệt tà kiến, tà kiến diệt chánh kiến. Dùng chánh tư duy diệt tà tư duy, tà tư duy diệt chánh tư duy. Dùng chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ. Dùng chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp. Dùng chánh mạng diệt tà mạng, tà mạng diệt chánh mạng. Dùng chánh tinh tấn[50] diệt tà tinh tấn, tà tinh tấn diệt chánh tinh tấn. Dùng chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm. Dùng chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định."

Tệ ma nói với Ta:

"Này Sa-môn! Những điều ông nói hôm nay thật khó chấp nhận. Ông hãy mau đứng lên, đừng để ta quăng ông ra biển."

Lúc ấy, Ta lại bảo Ba-tuần:

"Ngươi chỉ tạo phước một lần mà nay được làm Ma vương của cõi dục, còn Ta thuở xưa đã tạo lập công đức không thể tính kể. Lời ngươi vừa nói mới thật là khó chấp nhận."

---

[48] Nguyên tác: Tam-muội (三昧).

[49] Nguyên tác: Hộ tam-muội (護三昧).

[50] Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便).

Ba-tuần đáp:

"Phước đức mà ông đã tạo thì chỉ một mình ông biết rõ. Ông tự cho là mình đã tạo vô số phước đức, vậy ai có thể làm chứng cho điều này?"

Này Tỳ-kheo! Lúc ấy, Ta duỗi cánh tay phải rồi chỉ xuống đất, bảo Ba-tuần rằng:

"Công đức Ta đã tạo, có thổ thần minh chứng."

Lúc Ta đang nói lời này thì thổ thần liền từ mặt đất vọt lên rồi chắp tay thưa:

"Thưa Bồ-tát![51] Con sẽ minh chứng điều ấy."

Thổ thần vừa dứt lời, Ba-tuần liền buồn rầu, đau khổ, lập tức biến mất.

Này Tỳ-kheo! Nhờ đó mới biết rằng, Chánh pháp còn phải bỏ huống hồ là phi pháp. Trong khoảng thời gian dài, Ta đã giảng nói *Kinh ví dụ duyên khởi*[52] cho các thầy nhưng không ghi chép thành văn nên cũng khó mà giải thích ý nghĩa. Vì sao như vậy? Vì pháp này rất sâu xa huyền diệu, các hàng Thanh văn, Độc giác[53] tu theo pháp này đều thành tựu công đức lớn, đạt được pháp giải thoát,[54] chứng đắc Niết-bàn.[55]

Vì sao pháp này có tên gọi là "Ví dụ nương vào chiếc bè"? Nghĩa là nương vào ngã mạn để diệt trừ ngã mạn. Diệt trừ hết ngã mạn thì không còn phải lo lắng về phiền não loạn tưởng. Giống như da chồn đã được thuộc kỹ, khi dùng tay cuộn lại thì không còn nghe âm thanh gì, cũng chẳng còn sự cộm cứng. Điều này cũng như thế, nếu Tỳ-kheo đã dứt trừ sạch kiêu mạn thì không còn dao động. Thế nên, hôm nay Ta dạy các thầy rằng: "Giả sử có bị giặc bắt giữ, giam cầm thì cũng đừng khởi tâm xấu ác, nên rải lòng từ ra khắp muôn phương, mềm mại uyển chuyển giống như da chồn kia thì về lâu dài sẽ đạt được giải thoát."

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Nên khởi tâm như thế.

[0761b10] Khi đức Phật giảng pháp này, có ba ngàn thiên tử dứt sạch hết thảy phiền não ngay tại chỗ ngồi, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Hơn sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp phục, trở lại sống đời cư sĩ. Hơn sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc, được tâm giải thoát, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[51] Nguyên tác: Thế Tôn (世尊). Theo ngữ cảnh, lúc này Ngài vẫn chưa thành Phật nên hiểu là ở giai vị Bồ-tát.

[52] Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: *Duyên nhất giác dụ kinh* (緣一覺喻經). Theo *Nhất thiết kinh âm nghĩa* 一切經音義 (*T*.54. 2128.10. 0364b15), Duyên nhất giác (緣一覺) là cách dịch âm không đúng từ nguyên ngữ Paccekabuddha. *PED* đã định nghĩa Paccekabuddha là bậc tự mình giác ngộ. Do vậy, Duyên nhất giác (緣一覺) chính là Duyên giác hoặc Độc giác. Thế nhưng, căn cứ vào ngữ cảnh kinh văn, căn cứ vào cứ liệu lịch sử thì *Duyên nhất giác dụ kinh* (緣一覺喻經) gần với nghĩa *Ví dụ duyên khởi kinh.*

[53] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛).

[54] Nguyên tác: Cam lộ (甘露).

[55] Nguyên tác: Vô vi (無為).

6. NGƯỜI CHĂN BÒ[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ bên bờ sông Hằng linh thiêng, thuộc nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ví như có người chăn bò ngu muội ở nước Ma-kiệt, muốn đưa bò từ bờ bên này sông Hằng sang bờ bên kia, nhưng không chịu dò xem hai bên bờ chỗ nào cạn chỗ nào sâu, liền xua bò xuống nước. Trước tiên, người ấy cho những con bò gầy yếu và bò nghé còn nhỏ lội qua sông, nhưng khi chúng đến giữa dòng, do quá gầy yếu nên không thể qua đến bờ bên kia. Kế đến, người ấy cho những con bò trung bình, không mập cũng không ốm vượt sông, nhưng cũng không qua được bờ bên kia, lại phải ở giữa dòng nước mà nhận chịu đau khổ. Cuối cùng, người ấy cho những con bò mạnh khỏe vượt sông, nhưng khi đến giữa dòng thì cũng phải chịu sự nguy khốn.

Trong chúng của Ta hôm nay cũng có những Tỳ-kheo như thế. Do vì tâm ý mê mờ, không có trí tuệ sáng suốt nên không biết đường đi của sanh tử, không biết cầu, thuyền của ma. Dẫu rằng lòng rất muốn vượt thoát dòng sanh tử, nhưng không tu tập theo các pháp cấm giới, liền bị Ma Ba-tuần chi phối, theo con đường tà mà tìm cầu Niết-bàn, cầu mong được Diệt độ thì không thể nào đạt được kết quả. Tự mình gây nên tội chướng, lại còn khiến cho người khác chìm sâu trong tội lỗi.

Ví như trong nước Ma-kiệt có người chăn bò thông minh nhiều trí, muốn đưa bò từ bờ bên này sang bờ bên kia. Trước hết, người ấy phải dò xem chỗ nào cạn, chỗ nào sâu, rồi đưa những con bò mạnh khỏe sang bờ bên kia trước. Kế đến là đưa những con bò trung bình không mập không ốm sang bờ bên kia. Cuối cùng, người ấy đưa những con bò cực kỳ gầy yếu vượt sông mà không hề hấn gì. Bò nghé nhờ đi theo sau những con bò khỏe mạnh mà đến bờ an ổn.

[0761c03] Này Tỳ-kheo! Như Lai cũng như thế. Ta khéo quán sát đời này và đời sau, quán sát biển sanh tử và con đường của ma rồi tự mình thực hành con đường tám phẩm Hiền thánh để vượt qua nạn sanh tử, lại cứu độ người chưa được cứu độ bằng con đường này. Cũng giống như con bò đầu đàn dẫn đường, nếu một con đi đúng đường thì những con khác đều theo sau.

Đệ tử của Ta cũng như vậy, dứt sạch hữu lậu, thành tựu tâm vô lậu giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự thân tác chứng rồi tự an trú, vượt thoát cảnh giới của ma, đạt đến cõi Niết-bàn, như những con bò có sức mạnh vượt qua sông Hằng để sang bờ bên kia.

---

[56] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.43.6. 0761b14). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1248. 0342a22); *M.* 34, *Cūlagopālaka Sutta* (*Tiểu kinh người chăn bò*).

Hàng Thanh văn của Ta cũng lại như thế, khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử[57] liền chứng đắc quả vị A-na-hàm rồi nhập Niết-bàn ngay trong đời này, không tái sanh vào cõi này nữa. Vị ấy đã vượt thoát cảnh giới của ma, đạt đến cõi Niết-bàn, như những con bò trung bình không mập, không ốm thì vượt qua sông Hằng mà chẳng gặp khó khăn gì.

Đệ tử của Ta cũng lại như thế, khi đoạn trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Tư-đà-hàm, trở lại cõi này một lần nữa rồi dứt sạch khổ đau, vượt thoát cảnh giới của ma, đạt đến chốn giải thoát, như những con bò gầy yếu dẫn theo các bò nghé vượt qua sông Hằng.

Đệ tử của Ta cũng lại như thế, khi đoạn dứt ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn được giải thoát, vượt khỏi cảnh giới của ma, thoát ra khỏi nạn sanh tử, như bò nghé mới sanh theo mẹ để vượt sông.

Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, luôn vững lòng tin,[58] vâng giữ Chánh pháp,[59] đoạn trừ mọi sự trói buộc của ma, đạt đến giải thoát.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị Ma vương bắt giữ,
Như Lai đã cứu cánh,
Giác ngộ của chư Phật,
Bước qua bờ sanh tử,
Năm hạng người như vậy,[60]
Muốn thoát nạn tử sanh,
Không thoát bờ tử sanh,
Ánh tuệ sáng soi đời.
Phạm chí chẳng hiểu ra,
Lại đưa người chưa qua.
Cùng vô lượng chúng sanh,
Ta vận uy thần cứu.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Phải giữ gìn tâm ý tinh chuyên, không buông lung tu tập và cũng nên tìm cầu phương tiện thành tựu con đường tám phẩm Hiền thánh. Nương vào con đường Hiền thánh thì có thể tự mình vượt qua biển sanh tử. Vì sao như vậy?

Như người chăn bò ngu muội kia, là hàng ngoại đạo Phạm chí, tự dìm mình trong dòng sanh tử, lại khiến người khác đọa lạc trong tội lỗi. Nước sông Hằng ở đây tức là biển sanh tử vậy.

Người chăn bò thông minh trí tuệ chính là Như Lai, đã nương vào con đường tám phẩm Hiền thánh mà vượt qua nạn sanh tử.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải tìm cầu phương tiện để thành tựu con đường tám phẩm Hiền thánh.

---

[57] Nguyên tác: Ngũ hạ kiết (五下結, *pañca orambhāgiya saṃyojana*), gồm tham dục (貪欲, *kāmarāga*), sân khuể (瞋恚, *vyāpāda*), thân kiến (身見, *sakkāyadiṭṭhi*), giới cấm thủ (戒禁取, *sīlabbataparāmāsa*), nghi (疑, *vicikicchā*).

[58] Nguyên tác: Trì tín (持信). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.61. 0016a06) ghi: Tùy tín hành (隨信行, *Saddhānusārī*).

[59] Nguyên tác: Phụng pháp (奉法). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.61. 0016a09) ghi: Tùy pháp hành (隨法行, *Dhammānusārī*).

[60] Chỉ cho năm hạng đệ tử nêu trên.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Phải học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. KHÔNG CÓ TÍN CĂN[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán, đã diệt sạch phiền não, đạt sáu thần thông vi diệu, chỉ trừ một người, đó là Tỳ-kheo A-nan, cùng ngụ trong vườn lê của Kỳ-bà-già[62] thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, ngày rằm tháng Bảy, ngày Tăng thọ tuế,[63] vào lúc nửa đêm, khi sao Mai vừa ló dạng, Vua A-xà-thế hỏi phu nhân Nguyệt Quang:

– Hôm nay là ngày rằm, trăng sáng tròn đầy, trẫm nên làm việc gì?

Phu nhân thưa:

– Hôm nay ngày rằm, là ngày thuyết giới, ta nên ca múa hát xướng, vui hưởng năm dục.

Bấy giờ, nghe những lời như thế, vua không hài lòng nên hỏi Thái tử Ưu-đà-da:

– Đêm nay trời quá sáng trong, trẫm nên làm việc gì?

Thái tử Ưu-đà-da tâu:

– Trăng sáng tỏ như đêm nay thì Phụ vương nên tập hợp bốn bộ binh chủng để đi chinh phạt các ngoại bang nào chưa hàng phục.

Khi ấy, nghe những lời như thế, Vua A-xà-thế cũng chưa hài lòng, liền hỏi Thái tử Vô Uý:

– Đêm trăng sáng trong như thế này, trẫm nên làm việc gì?

Thái tử Vô Úy tâu:

– Có Phạm chí Bất-lan Ca-diếp[64] am tường toán số, lại hiểu rõ địa lý, thiên văn, mọi người đều tôn sùng kính ngưỡng, Phụ vương có thể đến đó hỏi về sự nghi hoặc này. Phạm chí ấy sẽ vì Phụ vương mà giảng nói nghĩa lý rất nhiệm mầu, dứt hết mối nghi.

---

[61] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.7. 0762a07). Tham chiếu: *Sa-môn quả kinh* 沙門果經 (*T*.01. 0001.27. 0107a20); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.154. 0043c21); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.163. 0044c12); *D*. 2, *Sāmaññaphala Sutta* (*Kinh Sa-môn quả*).

[62] Kỳ-bà-già (耆婆伽, Jīvaka) còn gọi là Kỳ-bà (耆婆) hoặc Kỳ-vực (耆域), là vị danh y thời Phật còn tại thế.

[63] Thọ tuế (受歲) còn gọi là ngày tự tứ, ngày mãn 3 tháng an cư tu học của chúng Tăng, được thêm một tuổi hạ, nên gọi là thọ tuế.

[64] Bất-lan Ca-Diếp (不蘭迦葉, Pūraṇa Kassapa).

Nghe những lời như thế, nhà vua cũng chưa vừa ý, liền hỏi Đại thần Tu-ni-ma:

– Đêm trăng sáng trong như thế này, trẫm nên làm việc gì?

Tu-ni-ma tâu vua:

– Trăng sáng tỏ như đêm nay, cách đây không xa có A-di-chuyên,[65] vị ấy hiểu rộng biết nhiều. Cúi xin Đại vương đến đó để thưa hỏi nên làm việc gì cho thích hợp!

Nghe như thế rồi, nhà vua cũng chưa hài lòng, liền hỏi Bà-la-môn Bà-sa:

– Trăng sáng tỏ như đêm nay, trẫm nên làm việc gì?

Bà-la-môn Bà-sa thưa:

– Vào ngày rằm, trăng sáng tỏ như đêm nay, cách đây không xa có ngài Cù-da-lâu,[66] cúi xin Đại vương đến đó để thưa hỏi về nghĩa lý!

[0762b02] Bấy giờ, nghe những lời như vậy rồi nhưng cũng chưa hài lòng, nhà vua liền hỏi Phạm chí Ma-đặc:

– Trăng sáng tỏ như đêm nay, trẫm nên làm việc gì?

Phạm chí thưa:

– Đại vương nên biết! Cách đây không xa, có ngài Bỉ-hưu Ca-chiên,[67] cúi xin Đại vương đến đó để hỏi cho rõ ràng!

Nhà vua nghe như thế rồi, cũng chưa hài lòng nên hỏi điển binh Sách-ma:

– Trăng sáng tỏ như đêm nay, trẫm nên làm việc gì?

Sách-ma tâu:

– Cách đây không xa, có ngài Tiên-tất Lô-trì[68] rành rẽ nhiều loại toán số, Đại vương nên đến đó để hỏi về nghĩa lý.

Nhà vua nghe như thế rồi, cũng chưa hài lòng nên hỏi Đại thần Tối Thắng:

– Trăng sáng tỏ như đêm nay, trẫm nên làm việc gì?

Tối Thắng thưa:

– Có ngài Ni-kiền tử[69] uyên thâm kinh điển, là vị tối thượng trong những bậc thầy, cúi xin Đại vương đến đó để hỏi về nghĩa lý này!

Nghe như vậy rồi, nhà vua cũng chưa hài lòng, liền nghĩ như vầy: "Những người này đều là ngu muội, không phân biệt được đâu là chánh, đâu là tà, không có phương tiện khéo léo."

Bấy giờ, Vương tử Kỳ-bà-già đang đứng hầu phía bên trái. Nhà vua ngoái lại nhìn Kỳ-bà-già và hỏi:

---

[65] A-di-chuyên (阿夷耑, Ajita Kesakambala).

[66] Cù-da-lâu (瞿耶樓, Makkhali Gosāla).

[67] Bỉ-hưu Ca-chiên (彼休迦旃, Pakudha Kaccāyana).

[68] Tiên-tất Lô-trì (先畢盧持, Sañjaya Belaṭṭhiputta).

[69] Ni-kiền tử (尼揵子, Nigaṇṭha Nātaputta).

– Trăng sáng tỏ như đêm nay, trẫm nên làm việc gì?

Kỳ-bà-già liền tiến đến phía trước, quỳ xuống rồi tâu:

– Hôm nay, đức Như Lai cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử du hóa ở gần đây, hiện đang ngụ trong vườn của thần, cúi xin Đại vương đến đó để thưa hỏi về ý nghĩa này! Bởi vì đức Như Lai là bậc sáng suốt, là bậc trí tuệ nên không bị ngăn ngại bởi điều gì, mọi việc trong ba đời Ngài đều thấu rõ. Ngài sẽ giảng nói mọi việc cho Đại vương. Nếu Đại vương có những điều nghi ngờ gì thì sẽ được soi sáng để rồi tự mình tỏ ngộ.

Khi ấy, nghe lời Kỳ-bà-già nói xong, Vua A-xà-thế thân tâm hoan hỷ, sanh khởi tâm lành, liền khen ngợi Kỳ-bà-già:

– Lành thay, lành thay! Này Vương tử, trẫm rất hài lòng với lời khanh vừa nói. Vì sao như vậy? Nay thân tâm của trẫm như bị thiêu đốt, bởi vì đã vô cớ giết hại Phụ vương nên lâu nay trẫm thường suy nghĩ: "Có ai thấu hiểu được tâm ý của ta?" Những điều khanh vừa nói thật là hợp ý trẫm. Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Vì khi nghe đến tên "Như Lai" thì bỗng nhiên trẫm liền tỉnh ngộ.

Thế rồi, nhà vua hướng về Kỳ-bà-già và nói kệ này:

Đêm nay trăng sáng tỏ, Lòng trẫm nặng ưu phiền,
Mỗi người mỗi ý riêng, Biết gặp ai bày tỏ.
Bất-lan, A-di-chuyên, Đệ tử Phạm, Ni-kiền,
Không thể nhờ cậy họ Giúp ta hết muộn phiền.
Đêm nay trời quang đãng, Trăng vành vạnh sáng soi,
Kỳ-bà-già, ta hỏi, Gặp ai để tỏ lòng?

[0762c06] Khi ấy, Kỳ-bà-già cũng dùng kệ đáp lời vua:

Chỉ nghe Phạm âm Phật, Liền thoát Ma-kiệt ngư,[70]
Xin đúng thời gặp Phật, Chốn vô úy mãi nương.

Vua lại dùng kệ đáp:

Nhớ thuở xưa ta đã Tổn hại đức Phật-đà,
Giết Phật tử chân chánh, Phụ vương Tần-bà-sa.
Nay thật quá hổ thẹn, Không dám gặp Thế Tôn,
Vì sao khanh vẫn còn Khuyên ta đến gặp Phật?

Kỳ-bà-già lại dùng kệ đáp:

Chư Phật không phân biệt, Phiền não hết khiến sai,
Tâm bình đẳng không hai, Đó là nghĩa Phật pháp.
Nếu dùng hương chiên-đàn, Xoa lên tay phải Ngài,
Dùng dao chặt tay trái, Tâm Phật vẫn an nhiên.[71]

---

[70] Ma-kiệt ngư (摩竭魚, Makara), một con quái vật biển, là linh vật thần thoại trong các tranh tượng Hindu giáo, phát sanh từ loại cá heo sông Hằng nhưng hình tướng phổ biến có nhiều đặc điểm giống cá sấu.

[71] Nguyên tác: Tăng giảm (增減). Tiếng Pāli tương đương: *Udayabbaya* (興衰), chỉ cho sự hưng suy, thăng trầm, ở đây mang nghĩa là dao động.

Như thương con La-vân,
Cũng thế với Điều-đạt,
Thần khẩn thiết mong ngài,
Sẽ dứt mọi nghi ngờ,
Một lòng, không gì khác,
Không phân biệt oán, thân.
Đến gặp đức Như Lai,
Xin chớ nên ngần ngại.

Khi ấy, Vua A-xà-thế bảo Vương tử Kỳ-bà-già:

– Hãy mau chuẩn bị năm trăm con voi đực, năm trăm con voi cái và đốt lên năm trăm ngọn đèn!

Kỳ-bà-già thưa:

– Xin vâng, tâu Đại vương!

Vương tử Kỳ-bà-già lập tức sửa soạn một ngàn con voi, đốt năm trăm ngọn đèn rồi đến tâu vua:

– Xe cộ đã chuẩn bị xong, xin Đại vương đi cho kịp lúc!

Bấy giờ, Vua A-xà-thế dẫn theo các quần thần đi đến vườn lê. Đi được nửa đường, nhà vua bỗng nhiên vô cùng kinh sợ, toàn thân sởn gai ốc rồi quay lại nhìn Vương tử Kỳ-bà-già và hỏi:

– Trẫm không bị khanh dối gạt chứ? Khanh không đưa ta đến nạp cho kẻ thù chứ?

[0763a01] Kỳ-bà-già tâu:

– Thật không bao giờ có việc ấy, cúi xin Đại vương đi thêm chút nữa, Như Lai đang ngụ cách đây không bao xa!

Vua A-xà-thế trong lòng vẫn còn kinh sợ, lại bảo Kỳ-bà-già:

– Chẳng lẽ trẫm bị khanh dối gạt? Ta nghe nói Như Lai dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, sao chẳng nghe một tiếng động nào?

Kỳ-bà-già thưa:

– Đệ tử của đức Như Lai thường nhập định, không có loạn tưởng. Xin Đại vương cứ tiến về phía trước thêm một đoạn nữa!

Khi ấy, Vua A-xà-thế liền xuống xe rồi đi bộ qua cổng. Khi đến trước giảng đường, nhà vua đứng im lặng quan sát khắp Thánh chúng và quay lại hỏi Kỳ-bà-già:

– Đức Như Lai đang ngụ nơi nào?

Bấy giờ, tất cả Thánh chúng đều nhập vào chánh định Diệm quang,[72] ánh sáng chiếu khắp cả giảng đường.

Lúc ấy, Kỳ-bà-già lập tức quỳ xuống, đưa tay phải chỉ về hướng đức Như Lai rồi tâu vua:

– Đức Như Lai đang ngồi ở chính giữa, như ánh mặt trời xuyên qua áng mây.

[72] Nguyên tác: Diễm quang tam-muội (炎光三昧), cũng được viết là Diệm quang tam-muội (焰光三昧).

Vua A-xà-thế hỏi Kỳ-bà-già:

– Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Thánh chúng đang định tâm như thế, nhưng do nhân duyên gì mà có ánh sáng này?

Kỳ-bà-già tâu vua:

– Do năng lực của chánh định nên phóng ra ánh sáng.

Nhà vua lại bảo:

– Trẫm quan sát thấy Thánh chúng cực kỳ yên lặng, mong sao Thái tử Ưu-đà-da của trẫm cũng được yên lặng giải thoát như thế!

Thế rồi, Vua A-xà-thế liền chắp tay, tự xưng tên của mình rồi thưa:

– Cúi xin Thế Tôn hãy thương tưởng đến con!

Đức Phật bảo:

– Lành thay, Đại vương!

Nghe được âm thanh của Như Lai, nhà vua rất đỗi vui mừng, liền đến gặp đức Phật và xưng danh hiệu.

Lúc ấy, Vua A-xà-thế liền đến trước Phật, năm vóc gieo sát đất, dùng hai tay chạm vào bàn chân của Phật và thưa:

– Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương tưởng chấp thuận sự sám hối của con! Phụ vương của con vô tội mà bị con giết hại. Cúi xin Ngài nhận sự sám hối này, con nguyện về sau không dám tái phạm, tự mình sửa đổi lỗi xưa, tương lai gắng công tu tập!

Đức Phật dạy:

– Nay đã đúng lúc và hợp thời nghi để sám hối lỗi lầm, đừng bỏ mất cơ hội. Sống ở trong đời, nếu có lầm lỗi mà biết tự sửa đổi, đó gọi là bậc thượng nhân. Giáo pháp của Ta rất mực bao dung nên tùy thời mà sám hối.

Khi ấy, nhà vua liền đảnh lễ sát chân Phật xong, ngồi sang một bên rồi thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Con có điều muốn thưa hỏi, nếu Thế Tôn cho phép thì con mới dám thưa.

Đức Phật bảo:

– Đại vương có điều gì nghi ngờ thì đã đúng thời để hỏi!

Vua bạch Phật:

– Nếu như tạo phước ở trong đời này thì có nhận được phước báu ngay trong hiện tại không?

Đức Phật hỏi:

– Từ trước đến nay, Đại vương đã từng hỏi ai về điều này chưa?

[0763b01] Vua bạch Phật:

– Trước đây, con đã từng hỏi những người khác về điều này. Con từng hỏi ngài Bất-lan Ca-diếp: "Thưa ngài Bất-lan Ca-diếp! Nếu như tạo phước ở trong

đời này thì có nhận được phước báu ngay trong hiện tại không?" Bất-lan Ca-diếp đáp rằng: "Không có phước báu, không có bố thí, cũng chẳng có quả báo thiện hay ác ở trong đời này và cả đời sau. Thế gian này chẳng có ai thành tựu quả vị A-la-hán." Trong khi con hỏi về sự thọ nhận quả báo, vị ấy trả lời là "không có." Giống như có người hỏi về ý nghĩa quả dưa mà lại trả lời bằng lý lẽ của quả mận. Ngài Bất-lan Ca-diếp này cũng như thế.

Khi ấy, con suy nghĩ: "Vị Phạm chí này không thể giải thích được ý nghĩa câu hỏi của bậc hào tộc dòng dõi vua chúa. Ông ta tìm cách dẫn giải sang việc khác để trả lời." Bạch đức Thế Tôn! Lúc ấy, con muốn chém đầu vị ấy. Không thể chấp nhận những lời như thế, nên ngay tức khắc, con liền sai người đuổi đi.

Khi ấy, con lại đến chỗ ngài A-di-chuyên để hỏi về nghĩa lý này. Thầy A-di-chuyên đáp: "Nếu ở bờ Đông sông Hằng[73] mà giết hại chúng sanh, tạo vô lượng tội lỗi thì cũng không có tội, cũng chẳng có quả báo ác."

Bạch đức Thế Tôn! Lúc ấy con lại nghĩ: "Ta đang hỏi về ý nghĩa thọ nhận quả báo trong đời hiện tại, nhưng ông ấy lại đem sự giết hại để trả lời ta thì chẳng khác nào như người hỏi ý nghĩa quả lê, lại trả lời bằng lý lẽ quả mận." Con liền bỏ đi.

Con lại đến chỗ Phạm chí Cù-da-lâu để hỏi về ý nghĩa này. Ông ta đáp: "Nếu ở bờ Tây sông Hằng[74] mà tạo lập các công đức không thể tính kể thì cũng chẳng có quả báo thiện lành." Bấy giờ, con lại nghĩ: "Điều ta vừa hỏi, rốt cuộc không được trả lời rõ ràng." Con lại bỏ đi.

Con lại đến chỗ Phạm chí Bỉ-hưu Ca-chiên hỏi về ý nghĩa này. Ông ấy đáp: "Chỉ có một người sanh ra ở đời, chỉ một người chết đi và cũng chỉ một người trở lại để nhận chịu sự khổ, vui mà thôi." Khi ấy, con lại nghĩ: "Ta đang hỏi về quả báo trong đời hiện tại nhưng ông ấy lại trả lời về sự sanh tử trong tương lai." Con lại bỏ đi.

Con đến chỗ Phạm chí Tiên-tỷ Lô-trì để hỏi về ý nghĩa này. Ông ấy đáp: "Quá khứ đã đoạn diệt nên không thể sanh trở lại. Tương lai thì chưa đến nên cũng chẳng có. Hiện tại thì không dừng trụ mà trụ lại thì biến đổi." Khi ấy, con lại nghĩ: "Ta đang hỏi về quả báo trong đời hiện tại nhưng ông ấy lại giải thích về ba đời, điều này không phải là nghĩa lý chân chánh." Con lại bỏ đi.

Con lại đến chỗ Phạm chí Ni-kiền tử để hỏi về ý nghĩa này: "Này Ni-kiền tử! Nếu như tạo phước ở trong đời này thì có nhận được phước báu ngay trong hiện tại không?"

Ni-kiền tử đáp: "Không có nhân cũng chẳng có duyên trói buộc chúng sanh. Không có nhân cũng chẳng có duyên dính mắc vào sự trói buộc chúng sanh. Không có nhân cũng chẳng có duyên làm cho chúng sanh thanh tịnh."

---

[73] Nguyên tác: Giang tả (江左). Tham chiếu: *D.* 2, *Sāmaññaphala Sutta* (*Kinh Sa-môn quả*) để bổ chính.
[74] Nguyên tác: Giang hữu (江右).

Khi ấy, con lại nghĩ: "Những người Phạm chí này đều ngu si, không phân biệt đâu là chân chánh, đâu là tà vạy, như người mù không có mắt, cho nên những điều ta hỏi rốt cuộc họ đều không trả lời tương xứng, như đang đùa cợt với dòng dõi Vua Chuyển Luân." Ngay tức khắc con lại bỏ đi.

Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay, con xin thưa hỏi về ý nghĩa ấy: "Ở trong đời này làm phước thì có nhận được phước báu ngay trong hiện tại không?" Cúi xin Thế Tôn giảng nói về ý nghĩa này!

[0763c07] Bấy giờ, đức Phật bảo:

– Này Đại vương! Ta sẽ hỏi Đại vương, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Đại vương! Đại vương có quan trông coi tế tự,[75] người nấu ăn trong cung,[76] người giữ gìn, cung cấp tài vật và tôi tớ hầu cận chăng?

Vua bạch Phật:

– Thưa có!

Phật lại hỏi:

– Những người phục dịch ấy làm việc trải qua thời gian lâu dài, nhà vua có ban thưởng cho họ chăng?

Vua bạch Phật:

– Tùy theo công lao của họ mà ban thưởng các vật dụng, không để họ oán trách.

Đức Phật bảo nhà vua:

– Do điều này mà biết rằng, đời này làm phước thì được thọ nhận phước báu ngay trong hiện tại. Này Đại vương! Nếu một người ở địa vị cao quý, theo lễ mà giúp dân thì nhà vua có ban thưởng cho họ không?

Vua thưa:

– Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn! Con sẽ ban cho họ thực phẩm ngon ngọt như loại con dùng, không để họ oán trách.

Phật bảo nhà vua:

– Do điều này mà biết rằng, người kia thuở xưa xuất thân từ hạng hạ tiện, dần dần tích lũy công lao nên được hưởng thụ lạc thú cùng vua. Nhờ đây mà biết rằng, đời này làm phước thì được thọ nhận phước báu ngay hiện tại.

Phật bảo nhà vua:

– Trải qua thời gian dài, người có công lao ấy đến tâu với vua rằng: "Hạ thần đã lập công lao, mong Bệ hạ biết rõ và có việc muốn cầu xin Đại vương." Khi ấy, Đại vương có ban thưởng hay không?

Vua bạch Phật:

– Con sẽ tùy thuận theo sở nguyện của người ấy.

---

[75] Điển tửu (典酒).

[76] Trù tể (厨宰): Chưởng quản thiện thực chi tiểu lại (掌管膳食之小吏), nghĩa là người phụ trách bữa ăn.

Đức Phật hỏi:

– Người có công lao ấy lại muốn từ giã Đại vương để cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, vậy Đại vương có cho phép không?

Vua bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ cho phép.

Phật lại hỏi vua:

– Giả sử Đại vương thấy người ấy đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo đang ở bên cạnh Ta thì nhà vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

– Con sẽ cung kính cúng dường, tùy thời lễ bái.

Đức Phật bảo nhà vua:

– Do điều này mà biết rằng, đời này tạo phước thì sẽ thọ nhận phước báu ngay trong hiện tại. Giả sử người có công ấy giữ giới trọn vẹn, không hề sai phạm thì Đại vương sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

– Con sẽ cúng dường suốt đời y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc thang trị bệnh không để thiếu thốn.

Đức Phật dạy:

– Do điều này mà biết rằng, nếu đời này làm phước thì sẽ nhận lãnh phước báu ngay hiện tại. Giả sử người ấy xuất gia làm Sa-môn, dứt sạch phiền não, thành tựu vô lậu, tâm được giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân chứng ngộ rồi tự an trú và biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Lúc ấy, Đại vương sẽ làm gì?

[0764a05] Vua bạch Phật:

– Con sẽ cúng dường suốt đời, cúng dường y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men trị bệnh, không để thiếu thốn.

Đức Phật dạy:

– Do điều này mà biết, đời này làm phước thì sẽ thọ nhận phước báu ngay trong hiện tại. Giả sử vị ấy thọ mạng đã hết, liền Diệt độ nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư thì Đại vương sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

– Con sẽ xây tháp lớn ở ngã tư đường và dùng hương hoa cúng dường, treo tràng phan bảo cái, cung kính lễ lạy. Vì sao như vậy? Bởi vì vị ấy là thân cõi trời, không phải thân người.

Đức Phật dạy:

– Do điều này mà biết, đời này làm phước thì sẽ thọ nhận phước báu ngay trong hiện tại.

Vua liền bạch Phật:

– Nhờ những ví dụ như thế mà con được hiểu rõ. Hôm nay, Thế Tôn lại giảng nói rõ ràng về ý nghĩa này. Từ nay về sau, con xin tin nhận lời Phật dạy. Cúi xin Thế Tôn chấp thuận cho con làm đệ tử, cho con được quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo! Hôm nay, cho con xin sám hối một lần nữa. Con đã ngu si, con đã mê muội, Phụ vương không có lỗi gì lại bị con giết hại. Nay con đem thân mạng này xin tự quy y. Cúi xin Thế Tôn diệt trừ tội lỗi ấy và giảng nói giáo pháp vi diệu để con được an ổn lâu dài! Con tự biết rằng, đã gây ra tội lỗi thì không còn căn lành nữa.

Đức Phật bảo nhà vua:

– Ở đời có hai hạng người, có tội và không có tội, sau khi qua đời đều được sanh lên cõi trời nhanh như khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Là hai hạng người nào? Một là, hạng người vốn không tạo tội, chỉ tu tập pháp lành. Hai là, hạng người tuy đã tạo tội, nhưng biết sửa đổi những tội lỗi đã gây ra. Đó là hai hạng người mà sau khi qua đời đều được sanh lên cõi trời, không hề bị ngăn ngại.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người làm điều cực ác, Sám hối, thành tội nhẹ,
Phải dốc lòng sám hối, Mới nhổ sạch gốc tội.

Thế nên, này Đại vương! Nên dùng Chánh pháp để trị dân, chớ dùng phi pháp để trị. Nếu dùng Chánh pháp để trị dân thì khi qua đời, sẽ được sanh lên cõi trời. Tuy đã mất đi nhưng danh tiếng sẽ mãi lan truyền, vang khắp bốn phương. Người đời sau sẽ ca tụng rằng: "Thuở xưa, có vị vua dùng Chánh pháp để trị dân, không hề sai lệch." Người nào ca ngợi và truyền tụng về nơi vị ấy sanh về thì tuổi thọ cũng được tăng thêm, không bị chết yểu. Thế nên, này Đại vương! Nên phát tâm hoan hỷ hướng về ba ngôi báu là Phật, Pháp và Thánh chúng.

Thật vậy, này Đại vương! Nên học tập điều này.

[0764b04] Bấy giờ, Vua A-xà-thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ra về.

Nhà vua vừa rời đi, đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Nếu Vua A-xà-thế không giết hại Phụ vương thì hôm nay ông ta sẽ chứng đắc Sơ quả[77] của bậc Sa-môn, được dự vào hàng bốn đôi tám bậc,[78] cũng sẽ thành tựu con đường tám phẩm Hiền thánh, diệt trừ khát ái,[79] vượt qua tám

---

[77] Sơ Sa-môn quả (初沙門果): Quả vị đầu tiên trong bốn quả vị của hàng Thanh văn, tức quả vị Tu-đà-hoàn (須陀洹果, *Sotāpannaphala*) hay Dự lưu quả (預流果).

[78] Tứ song bát bối (四雙八輩). *Trì trai kinh* 持齋經 (*T*.01. 0026.55. 0771c07) ghi là Tứ song nhân bát bối Thánh sĩ (四雙人八輩聖士), tức Tứ quả và Tứ quả hướng, gọi là 8 quả vị của bậc Thánh (四果與四果向者, 合為八種聖者之人).

[79] Bát ái (八愛). Ái là chi thứ 8 trong 12 nhân duyên nên được viết như vậy.

nạn.[80] Tuy vậy, hôm nay ông ấy cũng đạt được phước lớn, thành tựu lòng tin vô căn.[81] Thế nên, này các Tỳ-kheo! Người đã tạo tội thì nên tìm cầu phương tiện để thành tựu lòng tin vô căn. Trong hàng đệ tử ưu-bà-tắc của Ta, người đạt được lòng tin vô căn chính là Vua A-xà-thế.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. TÁM PHÁP XOAY CHUYỂN[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có tám pháp ở đời làm xoay chuyển thế gian.[83] Là những pháp nào? Một là, lợi lộc. Hai là, hư hoại. Ba là, chê bai. Bốn là, khen ngợi. Năm là, danh dự. Sáu là, gièm pha. Bảy là, đau khổ. Tám là, an vui.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Có tám pháp làm xoay chuyển thế gian.

Này các Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện để diệt trừ tám pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. KHÔNG ĐẮM NHIỄM[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[80] Bát nạn (八難): (i) Địa ngục (地獄), (ii) Súc sanh (畜生), (iii) Ngạ quỷ (餓鬼), (iv) Trường Thọ thiên (長壽天), (v) Sanh tại biên địa (在邊地生), (vi) Sáu căn thiếu khuyết (六情不完具), (vii) Được gặp Phật pháp nhưng tâm tà kiến (彼眾生心識邪見), (viii) Không được gặp Phật pháp (如來不出現世).

[81] Vô căn chi tín (無根之信). *A-tỳ-đạt-ma Đại-tỳ-bà-sa luận* 阿毘達磨大毘婆沙論 (*T*.27. 1545.103. 0536b12) giải thích: Thành tựu niềm tin không phải nương vào kiến đạo, gọi là "vô căn tín." (成就信不依見道故名無根).

[82] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.8. 0764b13). Tham chiếu: *A*. 8.5 - IV. 156.

[83] Nguyên tác: Hữu thế bát pháp tùy thế hồi chuyển (有世八法隨世迴轉). *Đại thừa bổn sanh tâm địa quán kinh* 大乘本生心地觀經 (*T*.03. 0159.2. 0300b14) gọi là "bát phong" (八風). Xem thêm *Kinh ý nghĩa của mười pháp*, số 6, phẩm 46, tr. 836 trong tập này; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.8. 0779c10): Tám pháp thế gian, theo thế gian mà xoay chuyển. Là những pháp nào? Đó là được, mất, nhục, vinh, khen, chê, khổ, vui. Đó là 8 pháp thế gian, theo thế gian mà xoay chuyển (所謂世間八法是隨世迴轉. 云何為八? 利, 衰, 毀, 譽, 稱, 譏, 苦, 樂, 是謂世間八法隨世迴轉); *Thập tụng luật* 十誦律 (*T*.23. 1435.50. 0367c27): Có 8 pháp xoay chuyển thế gian: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc, đó là 8 pháp xoay chuyển thế gian (有八隨世法: 利, 衰, 毀, 譽, 稱, 譏,苦, 樂, 是名隨世八法).

[84] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.9. 0764b20).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai xuất hiện ở thế gian, thành tựu quả vị Phật cũng tại thế gian. Tuy nhiên, Như Lai không những không bị đắm nhiễm bởi tám pháp của thế gian mà còn điều phục được chúng. Như hoa sen mọc lên từ bùn nhưng cực kỳ tinh khiết, tươi đẹp, không dính bùn nhơ, luôn được chư thiên ưa thích, ai nhìn thấy cũng hoan hỷ. Như Lai cũng như thế, tuy được nuôi dưỡng và sanh ra từ bào thai nhưng lại thành tựu thân Phật. Cũng như ngọc báu lưu ly, là loại ngọc báu khiến cho nước trong, nên không bị bụi nhơ làm cáu bẩn. Như Lai cũng như thế, tuy sanh ra từ thế gian nhưng không bị tám pháp của thế gian làm cáu bẩn.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy siêng năng tu tập tám pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. TÁM HẠNG NGƯỜI[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có tám hạng người tuy lưu chuyển trong sanh tử nhưng không vướng mắc vào sanh tử. Là những hạng nào? Đó là hạng người hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán.

Này Tỳ-kheo! Có tám hạng người tuy lưu chuyển trong sanh tử nhưng không vướng mắc vào sanh tử.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để vượt qua khổ nạn sanh tử, chớ vướng mắc trong sanh tử.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[86]

***

Kệ tóm tắt:

Mã Huyết, Trai, Nan-đà,　　Đề-bà-đạt, Thuyền phiệt,
Mục ngưu, Vô căn tín,　　Thế pháp, Thiện, Bát nhân.[87]

---

[85] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.10. 0764c02).

[86] Bản Hán, hết quyển 39.

[87] Nguyên tác Nhiếp tụng: 馬血, 齋, 難陀; 提婆達, 船筏; 牧牛, 無根信; 世法, 善, 八人. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

44. PHẨM CHÍN NƠI CƯ TRÚ CỦA CHÚNG SANH[1]

1. CHÍN NƠI CƯ TRÚ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có chín nơi cư trú của chúng sanh, là nơi chúng sanh nương ở. Là chín nơi nào?

Hoặc có chúng sanh hễ có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, đó là cõi trời và cõi người.

Hoặc có chúng sanh gồm nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, đó là cõi trời Phạm-ca-di[3] khi mới tái sanh.

Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có nhiều tưởng, đó là cõi trời Quang Âm.

Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, đó là cõi trời Biến Tịnh.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng không, đó là cõi trời Không Xứ.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng thức, đó là cõi trời Thức Xứ.

Hoặc có chúng sanh không trụ ở cõi nào, đó là cõi trời Vô Sở Hữu Xứ.[4]

Hoặc có chúng sanh vừa có tưởng vừa không có tưởng, đó là cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.[5]

Tên gọi những nơi chúng sanh cư trú có chín loại như thế.

---

[1] Nguyên tác: *Cửu chúng sanh cư phẩm* 九眾生居品 (*T*.02. 0125.44. 0764c19).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.1. 0764c20). Tham chiếu: *Chúng tập kinh* 眾集經 (*T*.01. 0001.9. 0049b26); *D*. 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh phúng tụng*); *A*. 9.24 - IV. 401.

[3] Phạm-ca-di (梵迦夷) cũng gọi là Phạm Chúng (梵眾, Brahmapārisajjā).

[4] Nguyên tác: Bất Dụng Xứ (不用處). *Tịnh bất động đạo kinh* 淨不動道經 (*T*.01. 0026.75. 0542c13) ghi là Vô Sở Hữu Xứ (無所有處).

[5] Nguyên tác: Hữu Tưởng Vô Tưởng (有想無想). *Chân nhân kinh* 真人經 (*T*.01. 0026.85. 0562a06) ghi là Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ (非有想非無想處); *Tịnh bất động đạo kinh* 淨不動道經 (*T*.01. 0026.75. 0543a09) ghi là Vô Tưởng (無想); *Tịnh bất động đạo kinh* 淨不動道經 (*T*.01. 0026.75. 0543a09) ghi là Vô Tưởng (無想) và Vô Tưởng Xứ (無想處).

Này Tỳ-kheo! Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh, là những nơi mà các loài chúng sanh đã ở, đang ở và sẽ ở. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện xa lìa chín nơi cư trú này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. CHÍN PHÁP BỐ THÍ[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng nói về công đức của chín pháp phát nguyện bố thí,[7] các thầy hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói rộng rãi về ý nghĩa ấy!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo lắng nghe lời Phật dạy.

Phật dạy Tỳ-kheo:

– Thế nào là công đức của chín pháp phát nguyện bố thí? Tỳ-kheo nên biết! Người thí chủ, người bố thí[8] thành tựu ba pháp, phẩm vật bố thí cũng thành tựu ba pháp, người nhận phẩm vật cũng thành tựu ba pháp.

Thế nào là người thí chủ, người bố thí thành tựu ba pháp? Đó là người thí chủ, người bố thí thành tựu niềm tin, thành tựu thệ nguyện và không sát sanh. Đó gọi là người thí chủ, người bố thí thành tựu ba pháp.

Thế nào là phẩm vật bố thí thành tựu ba pháp? Đó là phẩm vật bố thí thành tựu màu sắc, thành tựu hương thơm và thành tựu mùi vị. Đó gọi là phẩm vật bố thí thành tựu ba pháp.

Thế nào là người nhận phẩm vật bố thí thành tựu ba pháp? Đó là người nhận phẩm vật bố thí thành tựu về giới, thành tựu trí tuệ và thành tựu chánh định. Đó gọi là người nhận phẩm vật bố thí thành tựu ba pháp.

Như thế, sự bố thí thành tựu chín pháp này thì được quả báo lớn, đạt được sự giải thoát trọn vẹn. Hễ ai là thí chủ và muốn cầu được phước lành như vậy thì nên tìm cầu phương tiện để thành tựu chín pháp này.

---

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.44.2. 0765a06). Tham chiếu: *Kinh sáu đức của bố thí*, số 4, phẩm 37, tr. 594 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.4. 0711c25).

[7] Sấn (嚫), viết tắt của "đạt-sấn" (達嚫, *dakkhiṇā*), tức bố thí hoặc cúng dường tài vật.

[8] Đàn-việt thí chủ (檀越施主). Thí chủ (施主, *dānapati*): Người chủ của tài vật được đem ra bố thí. Đàn-việt (檀越, *dāyaka*) chỉ cho người bố thí nói chung, theo ngữ cảnh của kinh nhằm chỉ cho người đang phụ giúp thực hiện việc bố thí. Tham chiếu: *A.* 5.34 - III. 38: *Dāyako, sīha, dānapati bahuno janassa piyo hoti manāpo* (Người bố thí, này Sīha, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích), HT. Thích Minh Châu dịch.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. CHÍN PHÁP XẤU ÁC[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Loài chim quạ có chín pháp.[10] Là những pháp nào? Đó là mặt dày, chịu nhục, tâm tham lam, keo kiệt, không biết buông xả, hay quên, ham ngủ, che giấu sự dâm dục, không biết đền ơn. Đó là chín pháp.[11]

Này Tỳ-kheo! Đó gọi là loài chim quạ có chín pháp. Cũng vậy, Tỳ-kheo xấu ác cũng huân tập chín pháp. Là những pháp nào? Đó là, Tỳ-kheo xấu ác thì mặt dày, chịu nhục, tâm tham lam, keo kiệt, hay quên, ham ngủ, che giấu sự dâm dục, không biết đền ơn, tâm không biết buông xả. Đó là chín pháp.

[0765b01] Thế nào gọi là Tỳ-kheo xấu ác, mặt dày không biết xấu hổ? Bởi vì Tỳ-kheo xấu ác luôn tìm cầu những điều không nên tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như thế gọi là mặt dày.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo xấu ác, chịu nhục? Bởi vì Tỳ-kheo xấu ác đến chỗ các Tỳ-kheo hiền thiện rồi tự khen ngợi mình, chê bai người khác. Tỳ-kheo như thế gọi là chịu nhục.

Thế nào là Tỳ-kheo khởi tâm tham? Vì Tỳ-kheo xấu ác khi thấy tài sản của người khác liền sanh tâm tham. Đây gọi là tham lam.

Thế nào là Tỳ-kheo keo kiệt? Vì Tỳ-kheo xấu ác khi có được lợi dưỡng[12] thì không cho người khác cùng sử dụng, luôn cất giấu cho riêng mình, cho nên gọi là keo kiệt.

---

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.44.3. 0765a23). Tham chiếu: *Kinh kiết sử*, số 6, phẩm 25, tr. 326 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.25.6. 0632a20); *M.* 5, *Anaṅgaṇa Sutta* (*Kinh không uế nhiễm*).

[10] Vị thành tựu cửu pháp (為成就九法). Có khả năng bản Hán khắc nhầm 烏 (điểu) thành 為 (vi). Tham chiếu *Ngũ phần luật* 五分律 (*T*.22. 1421.8. 0058a17): Loài chim quạ này có đầy đủ 10 đức tính của một Tỳ-kheo tệ ác, gồm bỏn xẻn, tham lam, sung sức, chịu nhục, xấu xí, không từ bi, nhiều ảo vọng, không hề biết đủ, chứa cất, cố ý quên.

[11] Xem thêm *Kinh kiết sử*, số 6, phẩm 25, tr. 331 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.25.6. 0633c26): Có những Tỳ-kheo tâm không nhu hòa, bỏ hạnh Sa-môn, có lòng đổi trá, không theo pháp Sa-môn, tánh hạnh thô thảo, không biết hổ thẹn, dương mặt chịu nhục, hành vi thấp kém, không có dũng mãnh, hoặc thường lơ đễnh, không nhớ việc làm, tâm ý không định, việc làm nhầm lẫn, các căn không định, nay các vị ấy cần được Tôn giả Xá-lợi-phất quán sát tánh hạnh để mà sửa trị (諸有比丘心不柔和, 捨沙門行, 心懷姦偽, 不從沙門之法, 性行麁踈, 不知慚愧, 強顏耐辱, 為卑賤行, 無有勇猛. 或喜多忘失, 不憶所行, 心意不定, 所作錯亂, 諸根不定, 然今尊者舍利弗觀察性行已, 而修治之).

[12] Nguyên tác: Y bát (衣鉢), chỉ cho các loại lợi dưỡng nói chung, y bát chỉ là ví dụ cụ thể trong số chúng.

Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Vì Tỳ-kheo xấu ác phần lớn không nói những lời tốt đẹp, cũng chẳng siêng năng tu tập[13] mà chỉ bàn luận việc thế sự, phương cách đánh nhau, nên gọi là Tỳ-kheo xấu ác thành tựu sự hay quên.

Thế nào là Tỳ-kheo xấu ác, ham ngủ? Vì Tỳ-kheo xấu ác đối với các pháp cần phải tu tập nhưng lại không chịu tu tập, đó gọi là Tỳ-kheo xấu ác, ham ngủ.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo xấu ác che giấu sự dâm dục? Vì Tỳ-kheo xấu ác làm việc dâm dục rồi che giấu, không để người khác biết, lòng thầm mong: "Ta đã hành dâm, mong đừng ai biết." Như thế gọi là Tỳ-kheo xấu ác che giấu việc dâm dục.

Thế nào là Tỳ-kheo xấu ác không biết đền ơn? Vì Tỳ-kheo xấu ác không có tâm cung kính, không hầu hạ sư trưởng và các bậc đáng tôn kính, quý trọng. Như thế gọi là Tỳ-kheo xấu ác không biết đền ơn.

Nếu Tỳ-kheo xấu ác huân tập chín pháp này, luôn ghi nhớ không buông bỏ thì không thể nào thành tựu đạo quả. Cho nên, này Tỳ-kheo! Đối với các pháp xấu ác, tâm phải nên buông xả.[14]

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. CHÍN PHÁP LÀNH[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Loài chim công[16] có chín pháp. Là những pháp nào? Đó là, loài chim công có dung mạo đoan chánh, tiếng hót trong trẻo, đi đứng khoan thai, làm việc đúng thời, ăn uống điều độ, lòng thường biết đủ, tâm không tán loạn,[17] ngủ nghỉ chừng mực, cũng ít ham muốn lại biết đền ơn.

Này Tỳ-kheo! Loài chim công có chín pháp như thế.

Vị Tỳ-kheo hiền thiện cũng thành tựu chín pháp. Là những pháp nào?

Đó là, vị Tỳ-kheo hiền thiện có dung mạo đoan chánh, tiếng nói trong trẻo, đi đứng khoan thai, làm việc đúng thời, ăn uống điều độ, lòng thường biết đủ, tâm không tán loạn, ngủ nghỉ chừng mực, cũng ít ham muốn lại biết đền ơn.

---

[13] Tư duy phương tiện (思惟方便). Phương tiện (方便), cách viết khác chỉ cho tinh tấn (努力, *vāyāma*).

[14] Nguyên tác: Chư ác chi pháp, niệm đương xả chi (諸惡之法,念當捨之). Đây là giải thích của pháp thứ chín.

[15] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.4. 0765b22).

[16] Nguyên tác: Khổng tước điểu (孔雀鳥).

[17] Nguyên tác: Niệm bất tán loạn (念不分散). Nội dung kinh văn không giải thích pháp này.

[0765c02] Thế nào là Tỳ-kheo hiền thiện có dung mạo đoan chánh? Nghĩa là đối với những oai nghi như ra vào, lui tới, bước đi hay đứng lại thì vị Tỳ-kheo ấy lúc nào cũng điềm đạm. Như thế gọi là Tỳ-kheo hiền thiện có dung mạo đoan chánh.

Thế nào là Tỳ-kheo có tiếng nói trong trẻo? Đó là, Tỳ-kheo khéo phân biệt nghĩa lý, không bao giờ nhầm lẫn. Như thế gọi là Tỳ-kheo có tiếng nói trong trẻo.

Thế nào là Tỳ-kheo đi đứng khoan thai? Đó là, Tỳ-kheo biết làm việc đúng thời, không mất thứ lớp. Lại nữa, vị ấy biết lúc nào thích hợp để tụng kinh thì tụng kinh, biết lúc nào thích hợp để tu tập thì tu tập, lúc cần im lặng thì im lặng, biết lúc nào nên đứng dậy thì đứng dậy. Như thế gọi là Tỳ-kheo biết đúng thời.

Thế nào là Tỳ-kheo biết đúng thời để làm mọi việc? Đó là, Tỳ-kheo lúc cần đi liền đi, lúc cần dừng lại liền dừng lại, tùy thời mà nghe pháp. Như thế gọi là Tỳ-kheo biết đúng thời để làm mọi việc.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ? Đó là, Tỳ-kheo có được thức ăn dư liền sẻ chia cho người khác, không tham tiếc những gì mình có. Như thế gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ? Đó là, Tỳ-kheo vào lúc đầu đêm thì tu tập sự tỉnh thức, thực hành theo ba mươi bảy đạo phẩm không hề xao lãng, thường đi kinh hành, dù thức hay ngủ nhưng tâm luôn thanh tịnh; vào giữa đêm thì tư duy về các pháp uyên thâm; đến cuối đêm thì nằm nghiêng hông phải, hai chân duỗi thẳng xếp chồng lên nhau rồi tư duy về tưởng ánh sáng,[18] hoặc đi kinh hành để giữ tâm thanh tịnh. Như thế gọi là Tỳ-kheo ngủ nghỉ chừng mực.

Thế nào là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền ơn? Đó là, Tỳ-kheo luôn phụng sự Tam bảo,[19] tôn kính sư trưởng. Như thế gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền ơn.

Tỳ-kheo hiền thiện thành tựu chín pháp như thế, phải nên ghi nhớ và phụng hành theo chín pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[18] Nguyên tác: Kế minh chi tưởng (計明之想). *Hữu Thắng thiên kinh* 有勝天經 (*T*.01. 0026.79. 0550b26) ghi là quang minh tưởng (光明想, *ālokasaññaṃ*). *A*. 7.61 - IV. 85 giải thích: *Moggallāna, ālokasaññaṃ manasi kareyyāsi, divāsaññaṃ adhiṭṭhaheyyāsi - yathā divā tathā rattiṃ yathā rattiṃ tathā divā. Iti vivaṭena* [*vivaṭṭena* (*syā.*), *middhavigatena* (*ka.*)] *cetasā apariyonaddhena sappabhāsaṃ cittaṃ bhāveyyāsi. Ṭhānaṃ kho panetaṃ vijjati yaṃ te evaṃ viharato taṃ middhaṃ pahīyetha.* (Này Moggallāna! Thầy hãy tác ý đến quang tưởng và an trú vào tưởng ban ngày. Như ban ngày, ban đêm cũng vậy. Như ban đêm, ban ngày cũng vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có hạn chế. Sự kiện này có xảy ra, do thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt), HT. Thích Minh Châu dịch.

[19] Nguyên tác: Tam tôn (三尊).

5. CHÍN PHÁP TRÓI BUỘC[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người nữ khi đã thành tựu chín pháp thì có thể trói buộc người nam. Là những pháp nào? Đó là ca, múa, nhạc, kịch, cười, khóc, luôn biết cách chiều chuộng,[21] dùng chú thuật mê hoặc và dựa vào nhan sắc hình thể. Trong tất cả những điều ấy thì chỉ có sự xúc chạm[22] là trói chặt con người hơn hết, gấp cả trăm lần, ngàn lần, không thể so sánh được.

Ta quán sát những nghĩa lý này và nhận thấy sự xúc chạm trói chặt con người hơn hết, không thể nào thoát khỏi. Từ đó, người nam bị vướng vào chốn lao ngục.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải ghi nhớ, trừ bỏ chín pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. NGUỒN GỐC CÁC PHÁP[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong vườn trúc Ưu-ca-la.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hôm nay, Ta sẽ giảng nói giáo pháp vi diệu cho các thầy, gồm phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý uyên thâm để tu hành Phạm hạnh thanh tịnh! Kinh này tên là *Nguồn gốc của tất cả các pháp*. Các thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

– Thế nào gọi là "Nguồn gốc của tất cả các pháp"? Ở đây, này Tỳ-kheo! Kẻ phàm phu không gặp được lời dạy của bậc Hiền thánh, không vâng giữ lời dạy

---

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.5. 0765c24).

[21] Nguyên tác: Phương nghi (方宜). Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh từ điển* (妙法蓮華經詞典), "phương nghi" (方宜) mang nghĩa là biết sử dụng khéo léo phương tiện.

[22] Nguyên tác: Cánh lạc (更樂).

[23] Tựa đề được đức Phật dạy trong nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.6. 0766a04). Tham chiếu: *A*. 8.17 - IV. 196.

của Như Lai, chẳng gần gũi bậc thiện tri thức, cũng chẳng nghe theo lời dạy của bậc thiện tri thức. Kẻ ấy quán sát đất này liền biết như thật về đất. Đây là đất, liền biết rõ ràng là đất, như thật là đất. Cũng biết như thật đây là nước, biết như thật đây là lửa, biết như thật đây là gió. Bốn yếu tố này hội họp lại thì thành con người, là chỗ vui thích của kẻ ngu.

Với cõi trời liền tự biết là cõi trời, rồi ưa thích cõi trời ấy. Với cõi Phạm thiên liền tự biết là cõi Phạm thiên. Với cõi trời Đại Phạm liền tự biết là cõi trời Đại Phạm, không thể vượt thoát được. Với cõi trời Quang Âm thì tự biết lẫn nhau bởi cùng đến từ cõi trời Quang Âm. Với cõi trời Biến Tịnh thì tự biết là cõi trời Biến Tịnh. Với cõi trời Quảng Quả[24] thì tự biết là cõi trời Quảng Quả, không hề nhầm lẫn. Với cõi trời A-tỳ-da-đà thì tự biết là cõi trời A-tỳ-da-đà. Với cõi Không Xứ thì tự biết là cõi Không Xứ. Với cõi Thức Xứ thì tự biết là cõi Thức Xứ. Với cõi Vô Sở Hữu Xứ[25] thì tự biết là cõi Vô Sở Hữu Xứ. Với cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ[26] liền tự biết là cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Thấy thì tự biết là thấy, nghe tự biết là nghe, mong cầu tự biết là mong cầu, trí tuệ tự biết là trí tuệ, một chủng loại thì tự biết là một chủng loại, nhiều chủng loại thì tự biết là nhiều chủng loại, đầy đủ tất cả thì tự biết là đầy đủ tất cả, Niết-bàn thì tự biết là Niết-bàn, rồi tự an trú trong các cõi đó. Vì sao như vậy? Vì những điều ấy chẳng phải là lời nói của người trí.

Là đệ tử của bậc Thánh thì gần gũi với bậc Thánh, vâng giữ pháp của bậc Thánh, phụng sự bậc thiện tri thức, thường gần gũi bậc thiện tri thức. Vị ấy quán sát yếu tố đất này luôn rõ ràng tường tận, biết đất từ đâu mà có, không chấp trước vào đất, cũng chẳng có tâm đắm nhiễm. Đối với nước, lửa và gió cũng lại như thế. Đối với loài người, cõi trời, cõi Phạm thiên, cõi Quang Âm, cõi Biến Tịnh, cõi Quảng Quả, cõi A-tỳ-da-đà, Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, thấy, nghe, nhớ, biết một chủng loại, nhiều chủng loại... cho đến đối với Niết-bàn, vị ấy cũng chẳng đắm trước vào Niết-bàn, cũng không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao như vậy? Bởi vì đều do sự khéo phân biệt và khéo quán sát.

Nếu Tỳ-kheo ấy là bậc A-la-hán không còn phiền não, việc cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã dứt sạch nguồn gốc sanh tử, được giải thoát bình đẳng thì vị ấy có thể phân biệt yếu tố đất nhưng không khởi tưởng đắm trước vào đất. Đối với loài người hay cõi trời, từ cõi Phạm Vương... cho đến cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cũng lại như thế, cho đến đối với Niết-bàn, vị ấy không đắm trước vào Niết-bàn, cũng không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao như vậy? Bởi vì vị ấy đã trừ sạch tham, sân, si nên đạt được như thế.

---

[24] Nguyên tác: Quả Thật thiên (果實天).

[25] Nguyên tác: Bất Dụng Xứ thiên (不用處天).

[26] Nguyên tác: Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ thiên (有想無想處天).

Tỳ-kheo nên biết! Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác khéo phân biệt về đất nhưng không đắm trước vào đất. Vì sao như vậy? Bởi vì Như Lai đã phá diệt lưới tham ái nên mới đạt được như thế. Do hữu nên có sanh, do sanh nên có già, có chết, thảy đều diệt trừ hết. Do vậy mà Như Lai thành tựu Vô thượng Chánh giác.

Lúc đức Phật giảng nói những lời ấy, các Tỳ-kheo không thể nhận lãnh lời Phật dạy. Vì sao như thế? Bởi vì Ma Ba-tuần đã khiến cho tâm ý của họ bị ngưng trệ.

[0766b16] Kinh này có tên là *Nguồn gốc của tất cả các pháp*, Ta đã giảng nói đầy đủ như vậy. Những điều mà chư Phật, Thế Tôn cần thực hành, nay Ta đã thực hành viên mãn. Các thầy nên nhớ, hãy ở nơi thanh vắng hay bên cội cây, giữ tâm ngay thẳng rồi ngồi thiền định và tư duy về nghĩa lý vi diệu. Hôm nay không gắng siêng năng, ngày sau hối hận vô ích. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. THẾ TÔN CHĂM SÓC BỆNH[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có vị Tỳ-kheo lâm bệnh nặng, vô cùng nguy kịch, đại tiểu tiện trên giường, không thể tự mình ngồi dậy, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào đến hỏi han, chăm sóc. Suốt cả ngày lẫn đêm, thầy ấy xưng danh hiệu Phật rồi than thở: "Tại sao Thế Tôn không thương tưởng đến con?"

Khi ấy, bằng thiên nhĩ, đức Thế Tôn nghe được tiếng than vãn của Tỳ-kheo ấy với Như Lai. Thế rồi, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy cùng Như Lai đi xem xét phòng ốc, thăm các trú xứ!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Thế rồi, đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau, cùng đi thăm các phòng ốc.

Khi trông thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thầy Tỳ-kheo bệnh liền muốn ngồi dậy nhưng không thể tự nhấc thân mình. Thế rồi, đức Thế Tôn đến bên cạnh Tỳ-kheo ấy và bảo:

– Thôi, thôi! Này Tỳ-kheo! Đừng ráng cử động. Như Lai đã biết chỗ và sẽ tự ngồi.

---

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.44.7. 0766b22). Tham chiếu: *Tưởng kinh* 想經 (*T*.01. 0026.106. 0596b09); *M.* 1, *Mūlapariyāya Sutta* (*Kinh pháp môn căn bản*); *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.28.6. 0452a09); *DhA*. 3.7.

[0766c05] Khi ấy, biết được suy nghĩ trong tâm của Như Lai, Thiên vương Tỳ-sa-môn liền biến mất từ thế giới Dã Mã rồi hiện đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, biết được suy nghĩ trong tâm của Như Lai, Thích-đề-hoàn-nhân liền đến chỗ Phật. Vua Phạm thiên cũng biết suy nghĩ trong tâm của Như Lai liền biến mất từ cõi Phạm thiên rồi hiện đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên.

Lúc ấy, biết được suy nghĩ trong tâm của Như Lai, trời Tứ Thiên Vương liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên.

Khi ấy, đức Phật hỏi Tỳ-kheo bệnh:

– Hôm nay, bệnh tình của thầy có được thuyên giảm, không nặng thêm chứ?

Tỳ-kheo thưa:

– Bệnh khổ của đệ tử ngày càng tăng thêm chứ không hề giảm, ít có dấu hiệu tốt lành.

Phật hỏi Tỳ-kheo:

– Người nuôi bệnh đang ở đâu? Có ai đến chăm sóc không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Nay con mắc phải bệnh này nhưng chẳng có ai chăm sóc.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Trước đây, khi chưa bị bệnh, thầy có đến thăm hỏi những ai lâm bệnh hay không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Con chưa từng đi thăm hỏi bệnh nhân nào cả!

Phật dạy Tỳ-kheo ấy:

– Sống trong Chánh pháp, nhưng thầy chẳng tạo một chút thiện lợi nào. Vì sao? Vì thầy không hề đi thăm viếng các bệnh nhân. Này Tỳ-kheo! Bây giờ, thầy đừng lo sợ, Như Lai sẽ đích thân chăm lo mọi thứ cho thầy, không để thiếu thốn. Như hiện tại, tuy Như Lai không bạn bè, dù ở cõi trời hay ở cõi người, nhưng lại có thể thăm hỏi tất cả những ai lâm bệnh. Đối với những người không ai giúp đỡ, Như Lai sẽ vì họ làm người giúp đỡ. Đối với những ai bị mù, Như Lai sẽ vì họ mà làm đôi mắt sáng, cứu chữa cho những người bệnh tật.

Thế rồi, đức Thế Tôn đích thân thu dọn những vật bất tịnh rồi trải tọa cụ cho thầy ấy.

Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn và Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

– Chúng con sẽ đích thân chăm sóc thầy Tỳ-kheo bị bệnh này, cúi xin Thế Tôn chớ lao công nhọc sức!

Đức Phật bảo các thiên tử:

– Các ông hãy để yên! Như Lai tự biết việc phải làm. Ta nhớ lại thuở xưa, khi chưa thành Phật, lúc còn tu hạnh Bồ-tát, chỉ vì con chim bồ câu mà Ta dám xả bỏ mạng sống của mình, huống hồ hôm nay khi đã thành Phật, Ta lại bỏ mặc Tỳ-kheo này ư? Không bao giờ có việc ấy! Hơn nữa, trước đây Thích-đề-hoàn-nhân không hề đến thăm hỏi Tỳ-kheo bệnh này, Thiên vương Tỳ-sa-môn là vị vua ủng hộ thế gian cũng chẳng hề đến chăm sóc thầy ấy.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ-sa-môn thảy đều im lặng, không trả lời.

[0767a02] Thế rồi, đức Thế Tôn liền cầm chổi quét dọn đất dơ, sắp xếp lại tọa cụ, lại giặt giũ quần áo và ba pháp y, đỡ thầy Tỳ-kheo bệnh ngồi dậy rồi dùng nước sạch để tắm rửa. Có chư thiên ở phía trên dùng nước thơm rưới xuống.

Lúc ấy, sau khi tắm rửa xong, Thế Tôn đỡ Tỳ-kheo trở lại giường rồi tự tay Ngài ban thức ăn.

Thấy Tỳ-kheo dùng cơm xong, Thế Tôn đem bát đi rửa rồi dạy rằng:

– Thầy hãy xả bỏ bệnh tật trong ba đời. Vì sao như thế? Tỳ-kheo nên biết! Sự sanh vốn đã nguy khốn ngay từ trong thai. Bởi có sanh nên có già. Đến khi đã già thì thân thể gầy yếu, sức cùng lực kiệt. Do già nên có bệnh. Khi bệnh thì dù nằm hay ngồi đều rên rỉ, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh kéo đến cùng lúc. Do bệnh nên có chết. Khi chết thì cả hình hài và thần thức đều phân tán rồi đi theo đường lành hay cõi dữ. Nếu người nhiều tội lỗi thì sẽ bị đọa vào địa ngục, vào núi đao, rừng kiếm, xe lửa, lò than nóng, ăn nuốt nước đồng sôi. Hoặc phải làm thân súc sanh thì luôn bị người sai khiến, ăn toàn rơm cỏ, chịu khổ vô lượng. Lại phải trải qua vô số kiếp không thể tính kể, làm thân ngạ quỷ, thân cao mười do-tuần nhưng cổ thì nhỏ như cây kim, lại bị rót nước đồng vào miệng, trải qua vô số kiếp mới được làm thân người thì lại bị đánh đập, khảo tra, nhiều không tính kể. Lại phải trải qua vô số kiếp mới được sanh lên cõi trời, cũng phải trải qua những sự ái ân, hội ngộ, lại gặp cảnh thương mến nhưng phải xa lìa, tham muốn không biết đủ. Chỉ đến khi đạt được đạo của bậc Hiền thánh thì mới xa lìa được khổ đau.

Có chín hạng người xa lìa được tai ương đau khổ. Là những hạng nào? Đó là hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn và thứ chín là bậc Chủng tánh.[28]

Thế nên, này Tỳ-kheo! Như Lai xuất hiện ở đời cực kỳ khó gặp, thân người cũng khó được, sanh vào cõi phồn vinh cũng thật khó, gặp được bậc thiện tri thức cũng lại như thế, muốn nghe pháp âm cũng không thể được. Pháp pháp nương vào nhau mà sanh, phải đúng thời mới có.

---

[28] Nguyên tác: Chủng tánh nhân (種性人), còn viết là Chủng tánh (種姓, *Gotrabhū*), bậc Chuyển tộc đã vượt khỏi địa vị phàm phu. Xem thêm về 9 hạng người này tại *A*. 9.10 - IV. 373.

Tỳ-kheo nên biết! Hôm nay, Như Lai đang hiện hữu ở thế gian nên các thầy sẽ được nghe Chánh pháp, các căn không thiếu khuyết nên có thể lãnh thọ Chánh pháp. Hôm nay không gắng siêng năng, ngày sau hối hận vô ích. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, nghe đức Phật dạy xong, lại được diện kiến tôn nhan của Ngài nên ngay tại chỗ của mình, Tỳ-kheo ấy liền chứng đắc Ba minh, dứt sạch lậu hoặc, tâm được giải thoát.

[0767b01] Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

– Thầy đã hiểu rõ được cội nguồn của bệnh tật chưa?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Con đã hiểu rõ cội nguồn của bệnh tật, xa lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết. Tất cả đều nhờ vào sức oai thần gia hộ của Như Lai. Ngài đã dùng bốn tâm bình đẳng che chở cho tất cả, không thể đo lường, không có giới hạn, không thể tính kể nên thân, miệng và ý của con thảy đều thanh tịnh.

Bấy giờ, sau khi giảng nói pháp đầy đủ rồi, Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi ra.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

– Thầy hãy mau đánh kiền chùy để các vị Tỳ-kheo hiện cư ngụ trong thành La-duyệt này cùng đến nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội.

Thế rồi, vâng lời Phật dạy, Tôn giả A-nan liền tập hợp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội rồi đến trước Phật, thưa:

– Các Tỳ-kheo đã nhóm họp, cúi xin Thế Tôn biết cho!

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến giảng đường rồi an tọa trên tòa.

Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Có phải các thầy vì sợ quốc vương nên mới học đạo, hay vì sợ giặc cướp nên mới xuất gia? Này các Tỳ-kheo! Các thầy với lòng tin kiên cố, tu tập Phạm hạnh vô thượng vì muốn xả bỏ sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và cũng vì muốn xa lìa mười hai nhân duyên.[29]

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thật đúng như thế, bạch đức Thế Tôn!

Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các vị đã xuất gia cùng chung một Thầy, hòa hợp như nước với sữa, vậy mà không biết chăm sóc lẫn nhau. Từ nay về sau nên luân phiên chăm sóc lẫn nhau. Nếu Tỳ-kheo nào lâm bệnh mà không có đệ tử thì trong chúng nên cử người luân phiên chăm sóc. Vì sao như vậy? Vì ngoài việc này ra, Ta không thấy có việc gì được nhiều phước hơn người chăm sóc bệnh. Người nào chăm sóc bệnh thì cũng giống như chăm sóc Như Lai không khác.

[29] Nguyên tác: Thập nhị khiên liên (十二牽連), tên khác của 12 nhân duyên.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Nếu ai cúng dường Ta, Và chư Phật quá khứ,
Phước đức cúng dường Ta, Bằng phước người chăm bệnh.

Bấy giờ, sau khi dạy bảo những điều như thế, Thế Tôn bảo A-nan:

– Từ nay về sau, các Tỳ-kheo phải chăm sóc lẫn nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào biết có người bệnh mà không chăm sóc thì các thầy nên căn cứ theo Pháp và Luật mà xử trị. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. CHÍN BẬC CÚNG DƯỜNG[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có chín hạng người đáng kính, đáng quý, cúng dường những vị ấy sẽ được phước quả. Là những hạng nào? Đó là những vị hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn và thứ chín là bậc Chủng tánh.

Này các Tỳ-kheo! Đó là chín hạng người. Cúng dường cho các vị ấy thì được phước, không bao giờ giảm thiểu.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. THẦN LỰC CỦA CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Khi ấy, Vương tử Mãn-hô đi đến trú xứ của đức Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Vương tử Mãn-hô bạch Phật:

– Con từng nghe rằng: "Thầy Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc cùng tranh luận với Phạm chí Lư-ca-diên, nhưng thầy ấy không thể đối đáp."[32] Con lại được

---

[30] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.44.8. 0767b27). Tham chiếu: *A*. 9.10 - IV. 373; *A*. 10.16 - V. 23.

[31] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.44.9. 0767c06). Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.20.12. 0601a21).

[32] Xem thêm *Kinh Châu-lợi-bàn-đặc giáo hóa*, số 10, phẩm 17, tr. 159 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.17.10. 0585c04).

nghe: "Trong chúng đệ tử của Như Lai, người có các căn chậm lụt, không có trí tuệ sáng suốt thì không ai hơn Tỳ-kheo này. Trong hàng ưu-bà-tắc tại gia của Thế Tôn thì những người Cù-đàm thuộc họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ, các căn đều chậm lụt, tâm ý không thể khai mở."

Đức Phật bảo Vương tử:

– Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc có năng lực thần túc, đạt được pháp của bậc Thượng nhân nên không tuân theo cách thức đàm luận của thế gian. Lại nữa, Vương tử nên biết, Tỳ-kheo ấy thông đạt nghĩa lý rất mực vi diệu.

Khi ấy, Vương tử Mãn-hô bạch Phật:

– Tuy Phật dạy như thế, nhưng trong tâm con vẫn còn khởi niệm như vầy: "Vì sao thầy ấy có thần lực lớn như thế, nhưng lại không thể cùng tranh luận với ngoại đạo dị học kia?" Hôm nay, con xin thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo, ngoại trừ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ấy, đức Thế Tôn yên lặng nhận lời.

Bấy giờ, thấy Thế Tôn đã nhận lời thỉnh rồi, Vương tử liền đứng dậy, cúi đầu lạy sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi ra về.

Ngay trong đêm ấy, Vương tử sắm sửa đủ loại thực phẩm thơm ngon, thỉnh soạn và sửa soạn chỗ ngồi tốt đẹp. Sau đó, Vương tử đến bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Giờ thọ trai đã đến! Bây giờ là đúng thời.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa bát cho Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc giữ lại, còn Ngài và chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau, cùng đi vào thành La-duyệt. Đến trú xứ của Vương tử, mỗi vị đều ngồi theo thứ lớp.

Lúc ấy, Vương tử bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn trao bát cho con! Hôm nay, con muốn đích thân dâng cúng thức ăn lên Ngài.

Phật bảo Vương tử:

– Bát của Như Lai để ở chỗ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, không mang đến đây.

Vương tử bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn sai một thầy Tỳ-kheo về mang bát đến đây!

[0768a01] Phật bảo Vương tử:

– Ông hãy tự đi lấy bát của Như Lai rồi mang đến đây!

Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc biến hóa ra năm trăm cây hoa, dưới mỗi cây hoa đều có một Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đang ngồi.

Vâng lời Phật dạy, Vương tử đi đến lấy bát. Từ xa, Vương tử nhìn thấy dưới năm trăm gốc cây đều có Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đang ngồi thiền, buộc niệm trước mặt, không hề tán loạn. Thấy như thế rồi, Vương tử liền nghĩ: "Vị nào là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc?" Vương tử Mãn-hô liền quay trở lại rồi thưa đức Thế Tôn:

– Con đã đến khu vườn ấy nhưng thấy toàn là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc. Thế nên, con không thể biết vị nào thực sự là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Phật bảo Vương tử:

– Ông hãy trở lại khu vườn ấy, đến ngay vị trí trung tâm rồi ra hiệu và nói: "Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc thì kính thỉnh đứng lên!"

Vâng lời Phật dạy, Vương tử Mãn-hô liền trở lại khu vườn, đến ngay vị trí trung tâm và thưa:

– Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc thì kính thỉnh đứng lên!

Vương tử nói lời ấy vừa xong thì năm trăm vị Tỳ-kheo hóa hiện kia tự nhiên biến mất, chỉ còn lại một mình Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Thế rồi, Vương tử Mãn-hô cùng Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Vương tử Mãn-hô bạch Phật:

– Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được sám hối, bởi con không tin lời Như Lai đã dạy: "Vị Tỳ-kheo này có oai lực thần túc rất lớn."

Phật bảo Vương tử:

– Ta cho phép ông được sám hối. Như Lai nói không có hai lời. Lại nữa, ở thế gian này có chín hạng người hiện hữu trong đời. Là những hạng nào? Một là, đoán được tâm người. Hai là, nghe xong liền rõ biết. Ba là, quán sát tướng mạo, sau đó mới biết. Bốn là, quán sát nghĩa lý, sau đó mới biết. Năm là, biết được ý vị, sau đó mới biết. Sáu là, biết nghĩa, biết vị, sau đó mới biết. Bảy là, không biết nghĩa cũng chẳng biết vị. Tám là, tu tập thiền định nên có sức thần túc. Chín là, hiểu biết nghĩa lý ít ỏi. Này Vương tử! Đó là chín hạng người xuất hiện ở thế gian. Thật vậy, này Vương tử! Người biết quán sát tướng mạo là hạng người tối thắng nhất trong tám hạng người còn lại, là bậc không chút lỗi lầm.

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc này tu tập về thần túc, không học theo các pháp khác. Tỳ-kheo này thường vận dụng thần túc để thuyết pháp cho mọi người.

Ngày nay, Tỳ-kheo A-nan của Ta nhờ quán sát tướng mạo nên biết được và đoán được tâm ý của người. Thầy ấy biết Như Lai cần điều này, không cần điều này, cũng biết Như Lai cần phải giảng nói điều này, dạy xa lìa việc này, tất cả đều biết rõ ràng. Hiện tại không có ai hơn Tỳ-kheo A-nan về việc am tường, thông thạo nghĩa lý kinh điển, không có điều gì mà thầy ấy không thông suốt.

Lại nữa, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc này có khả năng hóa hiện một thân thành nhiều thân, rồi trở lại thành một thân. Về sau, Tỳ-kheo ấy sẽ Diệt độ ở giữa hư không. Ta không thấy người nào khác có sự Diệt độ có thể sánh với Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc này.

[0768b07] Khi ấy, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Ta, vị Tỳ-kheo có năng lực bậc nhất biến hóa thân hình trở thành to lớn hoặc nhỏ bé, không ai có thể sánh với Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Thế rồi, Vương tử Mãn-hô đích thân đem thức ăn nước uống cúng dường chúng Tăng. Rửa bát xong, Vương tử ngồi vào tòa nhỏ phía trước đức Phật rồi chắp tay bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc thường xuyên đến nhà con để thọ nhận tất cả những vật cần dùng, tùy theo nhu cầu của thầy ấy như y phục, mền đệm và các vật dụng khác theo pháp của Sa-môn! Con xin được trọn đời cúng dường những vật dụng cần thiết cho thầy ấy!

Phật dạy Vương tử:

– Này Vương tử! Ông nên hướng về Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc mà sám hối, rồi tự mình thưa thỉnh. Vì sao như vậy? Bởi vì người không có trí mà muốn biết được người có trí, điều này rất khó gặp. Khi nói rằng, chỉ có người trí mới biết được người trí, lý này quả đúng như vậy.

Khi ấy, Vương tử Mãn-hô liền hướng về Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đảnh lễ, tự xưng tên mình rồi cầu xin sám hối:

– Kính bạch Tỳ-kheo đại thần túc! Con đã khởi tâm khinh thường, từ nay về sau không dám tái phạm. Cúi xin thầy chấp nhận sự sám hối này, con không dám tái phạm nữa!

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

– Cho phép ông được sám hối, về sau chớ tái phạm, cũng chớ chê bai Thánh hiền. Vương tử nên biết! Nếu chúng sanh nào chê bai bậc Thánh thì phải bị đọa lạc vào ba đường ác, phải rơi vào trong chốn địa ngục.

Thật vậy, này Vương tử! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, đức Phật giảng thuyết giáo pháp rất mực vi diệu cho Vương tử Mãn-hô, khiến Vương tử phát tâm hoan hỷ. Ngay ở trên tòa, đức Phật nói lời chú nguyện như vầy:

Tế tự, lửa trên hết,
Loài người, vua quý nhất,
Các sao, trăng sáng nhất,
Trên dưới và bốn phương,
Trời và người trong đời,
Ai muốn cầu phước đức,
Kinh thư, tụng đứng đầu,
Biển là nguồn muôn sông.
Ánh sáng, mặt trời hơn,
Những loài có hình tướng.
Phật, bậc tôn quý nhất,
Nên cúng dường Tam tôn.[33]

[33] Nguyên tác: Tam Phật (三佛), phiên âm từ *Sambuddha*, tức tam Phật-đà (三佛陀) hoặc tam Phật (三佛).

Bấy giờ, sau khi nói bài kệ này xong, đức Phật liền rời tòa đứng dậy.

Khi ấy, Vương tử Mãn-hô nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. MỘT NỬA PHẠM HẠNH[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Được gọi là vị thiện tri thức, tức là bậc một nửa Phạm hạnh, sẽ dẫn dắt đến con đường thiện lành, đạt đến vô vi.

Phật dạy A-nan:

– Chớ nói lời như vầy: "Vị thiện tri thức là bậc một nửa Phạm hạnh." Vì sao như vậy? Một vị thiện tri thức là người có Phạm hạnh vẹn toàn, gần gũi với vị ấy sẽ được dẫn dắt, chỉ bảo vào con đường thiện lành. Cũng nhờ thiện tri thức mà Như Lai thành tựu Vô thượng Chánh chân, thành bậc Đẳng Chánh Giác. Nhờ thành tựu đạo quả nên Như Lai mới cứu giúp các chúng sanh không tính kể, thảy đều thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Do đây nên biết, vị thiện tri thức là người có Phạm hạnh vẹn toàn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu có người thiện nam hay người thiện nữ nào gần gũi vị thiện tri thức thì niềm tin, nghe nhiều, sự chú tâm, lòng bố thí và trí tuệ đều được tăng trưởng. Ví như mặt trăng sắp tròn thì ánh sáng càng tăng thêm, sáng gấp bội ngày thường. Điều này cũng như thế, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào gần gũi vị thiện tri thức thì lòng tin, nghe nhiều, sự chú tâm, bố thí và trí tuệ của người ấy thảy đều tăng trưởng. Do đây nên biết, vị thiện tri thức là người có Phạm hạnh vẹn toàn.

Thuở xưa, nếu như không được gần gũi thiện tri thức thì Ta sẽ không bao giờ gặp được đức Phật Đăng Quang thọ ký. Nhờ gần gũi thiện tri thức nên Ta mới được đức Phật Đề-hòa-kiệt-la thọ ký. Do đây nên biết, vị thiện tri thức là người có Phạm hạnh vẹn toàn.

Này A-nan! Nếu như thế gian này không có thiện tri thức thì sẽ không có thứ lớp, tôn ti. Các bậc cha mẹ, sư trưởng, anh em, bà con, tất sẽ cùng bị xem giống như các loài heo, chó, tạo các nghiệp duyên xấu ác, gieo trồng nghiệp duyên tội lỗi, bị đọa vào địa ngục. Nhờ có thiện tri thức nên mới có sự phân biệt cha mẹ, sư trưởng, anh em, bà con.

---

[34] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.44.10. 0768c06). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.726. 0195b10); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1238. 0339a10); *S.* I. 87 - S. V.2.

Lúc ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Thiện tri thức hiền thiện, Vì pháp, chẳng vì ăn,
Dẫn dắt đến đường lành, Phật dạy nên thân cận.

Thế nên, này A-nan! Chớ nên nói: "Vị thiện tri thức là người chỉ có một nửa Phạm hạnh."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan theo Phật thọ giáo, được nghe những lời Ngài dạy, hoan hỷ phụng hành.

***

11. TÂM TÁNH CHÚNG SANH[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt.

Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân ẩn thân từ cõi trời Ba Mươi Ba rồi hiện đến chỗ của Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi bạch Thế Tôn:

– Loài người và chư thiên thường suy nghĩ về việc gì? Tâm mong cầu điều gì?

Đức Phật dạy:

– Thế gian lưu chuyển, tâm tánh chúng sanh không đồng, nơi hướng về cũng khác biệt, nên suy nghĩ cũng chẳng đồng nhau. Thiên đế nên biết! Thuở xưa, trải qua vô số kiếp không thể tính kể, Ta cũng từng khởi niệm như vầy: "Cõi trời và các loài chúng sanh tâm thường nghĩ về điều gì? Cầu nguyện việc gì?" Từ số kiếp xa xưa đó cho đến hôm nay, Ta chưa hề thấy một người nào có tâm ý giống nhau.

Thích-đề-hoàn-nhân nên biết! Chúng sanh trong thế gian khởi tưởng điên đảo, vô thường thì khởi tưởng cho là thường, bất lạc thì khởi tưởng cho là lạc, vô ngã thì khởi tưởng cho là hữu ngã, bất tịnh thì khởi tưởng cho là tịnh, đường chân chánh thì khởi tưởng cho là đường tà, điều ác thì khởi tưởng cho là điều phước, điều phước thì khởi tưởng cho là điều ác. Do đây nên biết, căn tánh của các loài chúng sanh rất khó lường, tánh hạnh mỗi loài một khác.

Nếu tất cả chúng sanh có cùng một tưởng, không có nhiều tưởng thì không thể biết được chín nơi cư trú của chúng sanh, cũng khó phân biệt được chín nơi cư trú của chúng sanh, lại cũng không hiểu rõ nơi thần thức dừng trụ, cũng chẳng thể biết được có tám địa ngục lớn, cũng khó biết được nơi chốn mà loài súc sanh hướng đến, không thể phân biệt có sự khổ đau của địa ngục, không biết về địa vị của bốn giai cấp, không biết con đường dẫn đến cõi a-tu-la, cũng không thể biết cõi trời Ba Mươi Ba. Giả sử hết thảy chúng sanh đều cùng một

[35] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.11. 0769a05).

tâm thì sẽ giống như cõi trời Quang Âm. Vì chúng sanh có bao nhiêu chủng loại nên có bấy nhiêu tưởng niệm.

Do đó mới biết, có chín nơi cư trú của chúng sanh, có chín nơi mà thần thức dừng trụ, cũng biết có tám địa ngục lớn, ba đường ác và cho đến biết rằng có cõi trời Ba Mươi Ba. Do đây nên biết, tâm tánh của các loài chúng sanh không đồng nhau, việc tạo nghiệp cũng sai khác.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

– Những điều Như Lai giảng nói rất kỳ diệu: "Bổn tánh và hành nghiệp của chúng sanh không giống nhau nên suy nghĩ cũng khác biệt. Vì chúng sanh tạo nghiệp không đồng nên mới có xanh, vàng, đen, trắng, dài, ngắn cũng chẳng đồng." Bạch đức Thế Tôn! Chư thiên bận rộn, con muốn trở về cõi trời.

[0769b02] Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

– Nên biết đúng thời.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân liền rời tòa đứng dậy, lễ sát chân Phật rồi ra về.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:

Cửu chỉ, Sấn, Khổng tước, Hệ phược, Pháp chi bản,
Bệnh, Cúng dường, Bàn-đặc, Phạm hạnh, Nhược can tưởng.[36]

[36] Nguyên tác Nhiếp tụng: 九止, 嚫, 孔雀; 繫縛, 法之本; 病, 供養, 槃特; 梵行, 若干想. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 40.

45. PHẨM MÃ VƯƠNG[1]

1. THƯƠNG NHÂN TÌM CHÂU BÁU[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, trong thành ấy có Bà-la-môn tên là Ma-hê-đề-lợi, tinh thông sách vở ngoại đạo, thấu suốt thiên văn, địa lý, rành rẽ tất cả các phép tắc lễ nghi trong thế gian. Bà-la-môn ấy có một cô con gái tên là Ý Ái, thông minh lanh lợi, dung mạo đoan chánh, hiếm có trên đời.

Khi ấy, Bà-la-môn liền nghĩ: "Kinh điển Bà-la-môn của chúng ta ghi rằng: 'Có hai hạng người xuất hiện ở đời cực kỳ khó gặp, thật sự khó thấy. Là hai hạng người nào? Đó là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác và Chuyển Luân Thánh vương. Lúc Chuyển Luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có bảy báu tự nhiên ứng hiện.' Nay ta có cô con gái quý báu này, nhan sắc tuyệt trần, đẹp nhất trong các ngọc nữ, tuy hiện tại không có Chuyển Luân Thánh vương nhưng ta được nghe: 'Có vị thái tử con Vua Chân Tịnh tên là Tất-đạt, xuất gia học đạo, có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp. Nếu tại gia, vị ấy sẽ là bậc Chuyển Luân Thánh vương, nếu xuất gia học đạo liền thành tựu quả vị Phật.' Ta có thể dẫn con gái đến cho vị Sa-môn kia."

Thế rồi, Bà-la-môn liền dẫn cô con gái đến trú xứ của Thế Tôn, đứng trước đức Phật và thưa:

– Cúi xin Sa-môn hãy thu nhận ngọc nữ này!

[0769c01] Phật bảo Bà-la-môn:

– Thôi, thôi! Này Phạm chí! Ta không cần hạng người đắm nhiễm tham dục này.

Lúc ấy, Bà-la-môn lại thưa đức Phật đến ba lần:

– Thưa Sa-môn! Hãy nhận lấy ngọc nữ này, nếu so sánh cả thế gian thì không có ai bằng thiếu nữ này.

---

[1] Nguyên tác: *Mã vương phẩm* 馬王品 (*T*.02. 0125.45. 0769b14).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.1. 0769b15). Tham chiếu: *Thương nhân cầu tài kinh* 商人求財經 (*T*.01. 0026.136. 0642a28); *Phật bổn hạnh tập kinh* 佛本行集經 (*T*.03. 0190. 0880b03); *Lục độ tập kinh* 六度集經 (*T*.03. 0152.4. 0019c18-0020b05), (*T*.03. 0152.6. 0033b24-c14); *J*. II. 196.

Đức Phật bảo:

– Này Phạm chí! Ta biết tâm của ông, nhưng Ta đã từ bỏ gia đình, không còn tập khí tham dục.[3]

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo trưởng lão đứng sau Như Lai, đang cầm quạt hầu Ngài. Thế rồi, Tỳ-kheo trưởng lão ấy bạch Phật:

– Cúi xin đức Như Lai thu nhận cô gái này, nếu Như Lai không nhận thì hãy cho chúng con để sai bảo!

Phật bảo Tỳ-kheo trưởng lão:

– Thầy quả thật mê muội mới có thể thốt ra những lời ô uế này khi ở trước Như Lai. Tại sao thầy lại để cho tâm mình bị trói buộc bởi cô gái ấy? Phải biết rằng, hễ làm thân nữ thì có chín điều xấu ác. Là những điều nào? Một là, người nữ vốn nhơ uế không sạch. Hai là, người nữ hay nói lời xấu ác. Ba là, người nữ không thường đền ơn.[4] Bốn là, người nữ hay ganh ghét. Năm là, người nữ tham lam, bỏn xẻn. Sáu là, người nữ thường ưa thích dạo chơi. Bảy là, người nữ có nhiều sân hận. Tám là, người nữ hay nói dối. Chín là, người nữ hay nói lời thiếu suy nghĩ. Như thế, này Tỳ-kheo! Người nữ thường gây tạo chín pháp xấu ác như thế.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thường vui cười, than khóc, Dễ thương, thật chẳng thương,
Hãy tìm phương tiện khác, Thầy chớ nghĩ hoang đường.

Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão bạch Phật:

– Tuy người nữ có chín pháp xấu ác như thế, nhưng hôm nay con quan sát thấy cô gái này chẳng có chút cấu nhiễm nào.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Thầy quả là kẻ ngu si, không tin những gì được nói ra từ thần khẩu Như Lai chăng? Nay Ta sẽ giảng để thầy hiểu rõ!

Vào thuở quá khứ xa xưa, trong thành Ba-la-nại có một người lái buôn tên là Phổ Phú. Ông ta cùng năm trăm thương nhân ra biển tìm kho báu. Tuy nhiên, trong biển cả ấy có loài la-sát trú ngụ, thường ăn thịt dân chúng. Lúc ấy, biển khơi sóng gió nổi lên, thổi tàu buôn kia trôi dạt vào chốn quỷ la-sát. Lúc ấy, từ xa thấy có khách buôn đến, la-sát vui mừng khôn xiết, liền ẩn thân hình la-sát rồi biến thành cô gái đoan chánh không ai sánh bằng, đến bảo các khách buôn:

"Lành thay, chư Hiền! Châu báu trên đảo này không khác gì cung điện của cõi trời, có đến trăm ngàn chủng loại châu báu và nhiều thức ăn ngon. Lại có các cô gái đẹp thảy đều chưa chồng, các vị hãy cùng chúng tôi vui chơi thỏa thích."

---

[3] Nguyên tác: Tập dục (習欲). Tập (習) ở đây chỉ cho tập khí phiền não (煩惱之餘氣曰習氣, 又云習).

[4] Nguyên tác: Vô phản phục (無反復): Không biết báo đáp. Tham chiếu Pāli: *Kataññū hoti katavedi* (người biết ơn và biết báo ơn).

[0770a01] Tỳ-kheo nên biết! Trong nhóm thương nhân đó, những người ngu muội khi nhìn thấy cô gái ấy rồi, liền khởi tâm mê đắm. Bấy giờ, thương chủ Phổ Phú liền nghĩ rằng: "Trong biển cả này là nơi cư ngụ của loài phi nhân, sao lại có các cô gái này ở đây? Chắc chắn đây là la-sát, không nghi ngờ gì nữa."

Thế rồi, thương chủ liền bảo các cô gái:

"Thôi, thôi! Này các cô! Chúng tôi không đam mê nữ sắc."

Thuở ấy, cứ vào những ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm thì ngựa chúa[5] thường bay vòng giữa hư không và loan báo rằng:

"Ai muốn vượt qua ách nạn của biển cả, ta sẽ chở qua!"

Tỳ-kheo nên biết! Lúc ấy, vị thương chủ kia leo lên cây cao, thấy ngựa chúa từ xa, lại nghe được âm thanh ấy nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền đi đến chỗ ngựa chúa. Đến nơi, ông ta nói với ngựa chúa:

"Chúng tôi gồm năm trăm thương nhân bị gió thổi dạt, đang rơi vào chốn cực kỳ hiểm nạn này, nay muốn vượt qua biển cả, xin đưa giúp chúng tôi vào bờ!"

Lúc ấy, ngựa chúa bảo thương chủ:

"Hãy đến hết đây, ta sẽ đưa các ông vào bờ."

Thương chủ Phổ Phú liền bảo các khách buôn:

"Ngựa chúa đang ở gần đây. Tất cả chúng ta hãy đến đó để cùng vượt qua ách nạn của biển khơi."

Khi ấy, các thương nhân trả lời:

"Thôi, thôi! Thương chủ! Chúng ta hãy ở lại nơi này để cùng nhau hưởng thụ khoái lạc. Bởi vì, do cõi Diêm-phù-đề khổ nhọc nên chúng ta mới tìm cầu nơi sung sướng. Ở đây có đầy đủ báu vật quý giá và các ngọc nữ, chúng ta nên ở lại đây để hưởng thụ năm thứ dục lạc. Sau đó, ta dần dần gom góp của cải rồi sẽ cùng nhau vượt biển."

Thương chủ bảo các thương nhân:

"Thôi đi! Này các kẻ ngu! Ở đây làm gì có người nữ, giữa biển khơi như vầy thì làm gì có chỗ cho loài người cư trú?"

Các thương nhân đáp:

"Thôi đi, thương chủ! Chúng tôi không thể rời bỏ chỗ này mà đi được."

Khi ấy, thương chủ Phổ Phú bèn nói kệ:

Chúng ta đang gặp nạn, Đừng nghĩ chuyện gái trai,
Đây thật loài la-sát, Dần ăn thịt cả đoàn.

---

[5] Mã vương (馬王). *Ngưu phẩn dụ kinh* 牛糞喻經 (*T*.01. 0026.61. 0496b14) gọi là Mao mã vương (駄馬王), được dịch nghĩa từ *Valāhaka assarāja*. Đây là ngựa báu (*assaratana*) mà một vị Chuyển Luân Thánh vương sử dụng.

"Nếu như các ông không đi cùng tôi thì hãy tự bảo bọc lẫn nhau. Nếu thân, miệng và ý của tôi có xúc phạm điều gì, xin hãy bỏ qua, chớ để trong lòng."

Lúc ấy, các thương nhân cùng nói kệ từ biệt:

Thay chúng tôi thăm hỏi, Bà con ở Diêm-phù,
Bận ở đây vui thú, Chưa tính được ngày về.

[0770b02] Khi ấy, thương chủ dùng kệ đáp:

Các ông thật lâm nguy, Mê lầm không chịu về,
Vui vầy không mấy chốc, Quỷ ăn không còn gì.

Nói bài kệ này rồi, thương chủ liền bỏ đi. Khi đến chỗ ngựa chúa, ông cúi đầu lễ sát chân rồi cỡi ngựa chúa bay đi.

Khi ấy, từ xa trông thấy người chủ của mình đã cỡi ngựa chúa rời đi, trong số thương nhân đó có người khóc la, hoặc có người lớn tiếng oán than.

Bấy giờ, chúa tể la-sát hướng về phía các la-sát rồi nói kệ này:

Rơi vào miệng sư tử, Thoát ra khó cực kỳ,
Huống hồ ta giam giữ, Muốn ra đâu dễ gì.

Thế rồi, chúa tể la-sát liền hóa thành một cô gái rất mực đoan chánh, rồi lấy hai tay chỉ vào bụng và nói: "Nếu không ăn thịt các ngươi thì ta không phải là la-sát."

Khi ấy, ngựa chúa cõng thương chủ bay đến bên bờ biển, năm trăm thương nhân còn lại đều phải chịu sự nguy khốn.

Bấy giờ, trong thành Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm-ma-đạt đang cai trị dân chúng.

Khi ấy, có một la-sát đuổi theo sau thương chủ rồi gào lên:

"Than ôi! Thiếp mất chồng rồi."

Lúc ấy, thương chủ liền trở về nhà. La-sát liền biến hóa bế theo một bé trai rồi đến cung Vua Phạm-ma-đạt, đứng trước vua và tâu:

"Thế gian thật là quái ác, xin Đại vương hãy diệt trừ tất cả!"

Nhà vua hỏi:

"Thế gian có việc gì quái ác mà phải diệt trừ tất cả?"

La-sát tâu vua:

"Thiếp bị chồng ruồng bỏ, nhưng thiếp không hề có lầm lỗi gì đối với phu quân cả."

Nhìn thấy thiếu phụ có nhan sắc tuyệt trần, Vua Phạm-ma-đạt liền khởi tâm mê đắm, liền bảo nàng ấy:

"Chồng nàng là kẻ không có nhân nghĩa nên mới bỏ nàng mà đi."

Khi ấy, Vua Phạm-ma-đạt sai người gọi thương chủ đến và hỏi:

"Ngươi đã bỏ cô vợ xinh đẹp này thật ư?"

Thương chủ tâu:

"Đây chính là la-sát, không phải là người nữ."

La-sát nữ liền tâu vua:

"Ông ta không còn nghĩa vợ chồng, hôm nay đã bỏ thiếp, lại còn mắng thiếp là la-sát."

Nhà vua hỏi:

"Nếu ngươi thật sự không cần nàng ấy nữa thì để trẫm thu nạp."

Thương chủ tâu vua:

"Đây chính là la-sát, xin tùy thánh ý của Đại vương!"

Khi ấy, Vua Phạm-ma-đạt liền thu nạp cô ta vào trong cung cấm, chăm lo mọi thứ cần dùng, không để nàng oán trách.

Thế rồi, la-sát phi nhân ấy liền ăn thịt nhà vua, chỉ chừa lại bộ xương rồi bỏ đi.

[0770c02] Này Tỳ-kheo! Chớ nghĩ người nào khác! Thương chủ lúc ấy chính là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. La-sát thuở ấy nay chính là cô gái này. Vua Phạm-ma-đạt lúc ấy, nay là vị Tỳ-kheo trưởng lão. Ngựa chúa khi ấy chính là Ta hôm nay. Năm trăm thương nhân lúc ấy nay là năm trăm vị Tỳ-kheo này. Do đây nên biết, ái dục là tưởng bất tịnh, vậy mà thầy còn khởi tưởng đắm trước hay sao?

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia đảnh lễ dưới chân Phật rồi bạch đức Thế Tôn:

– Cúi xin Ngài cho con sám hối vì lỗi lầm của con quá nặng! Từ nay về sau, con không dám tái phạm nữa.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nghe lời Phật dạy xong, liền ở nơi thanh vắng, kiểm thúc tự thân, tự mình tu tập. Bởi lý do mà một người thiện nam siêng tu Phạm hạnh là chỉ vì muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng. Thế rồi, thầy Tỳ-kheo ấy liền thành tựu quả vị A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. CHÍN PHÁP LỢI ÍCH[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại khu vườn Am-bà-lê,[7] thuộc thành Ca-tỳ-la.[8]

---

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.2. 0770c13). Tham chiếu: *Xá-lợi-phất Ma-ha Mục-kiền-liên du tử cù kinh* 舍利弗摩訶目連遊四衢經 (*T.*02. 0137. 0860a18); *M.* 67, *Cātumā Sutta* (*Kinh Cātumā*).

[7] Nguyên tác: Am-bà-lê quả viên (闇婆梨果園, āmalakīvana). Ở đây, āmalakī còn gọi là me rừng, me mận hoặc chùm ruột núi. Loại quả này hiện còn xuất hiện ở Ấn Độ, gọi là quả amla, có tên gọi khoa học là *Phyllanthus Emblica.* Biệt dịch ghi: A-ma-lặc dược thọ viên (阿摩勒藥樹園).

[8] Nguyên tác: Thích-sí (釋翅), là tên gọi khác của thành Ca-tỳ-la-vệ (迦毘羅城, Kapilavatthu). *Kinh Đề-bà-đạt-đa sám hối*, số 9, phẩm 49, tr. 922; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.9. 0802b15) viết: 佛在釋翅迦毘羅越尼拘留園中.

Lúc ấy, sau mùa an cư, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đi giáo hóa trong nhân gian, dần đi đến ngôi làng của dòng họ Thích.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo mới đến và các Tỳ-kheo tại trú xứ ấy cùng cao giọng lớn tiếng chuyện trò, hỏi han. Nghe được âm thanh huyên náo của các Tỳ-kheo, đức Thế Tôn liền hỏi A-nan:

– Trong khu vườn này có âm thanh gì mà lớn đến thế, giống như tiếng chặt cây, phá đá vậy?

A-nan bạch Phật:

– Hôm nay, hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn theo năm trăm vị Tỳ-kheo đến đây. Các Tỳ-kheo mới đến và các Tỳ-kheo tại trú xứ cùng hỏi thăm nhau nên mới huyên náo như thế.

Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy mau đuổi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi đi, không nên ở đây nữa!

Thế rồi, vâng lời Phật dạy, Tôn giả A-nan liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên rồi thưa:

– Thế Tôn có dạy, hai thầy hãy mau rời khỏi đây, không nên ở lại nữa!

Xá-lợi-phất đáp:

– Xin vâng lời Phật dạy!

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo rời đi.

Bấy giờ, nghe tin Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bị Phật đuổi đi, dân chúng họ Thích liền kéo đến trước Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ sát chân rồi thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thưa chư Hiền! Các ngài định đi đâu?

[0771a02] Xá-lợi-phất đáp:

– Chúng tôi bị đức Thế Tôn đuổi đi, nay đang tìm nơi cư trú!

Dân chúng họ Thích thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Chư Hiền! Xin hãy đợi một lát, chúng tôi sẽ đến sám hối đức Như Lai.

Khi ấy, dân chúng họ Thích liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Xin Ngài tha lỗi cho các Tỳ-kheo từ xa đến. Cúi xin Thế Tôn tùy thời thích hợp để răn dạy họ! Trong số những Tỳ-kheo từ xa đến, có người mới học đạo, mới vừa vào Chánh pháp, chưa được diện kiến tôn nhan, e rằng tâm họ sẽ thay đổi, thoái lui. Ví như mầm non không được tưới tẩm thì không thể phát triển, các Tỳ-kheo này cũng lại như thế, chưa được diện kiến Như Lai mà đã rời đi, e rằng tâm của họ sẽ thay đổi, thoái lui.

Khi ấy, biết được suy nghĩ trong tâm của Như Lai, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, Phạm thiên vương liền ẩn thân từ cõi trời Phạm thiên rồi hiện ra trước mặt Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật và đứng sang một bên.

Phạm thiên vương bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn tha lỗi cho các Tỳ-kheo từ xa mới đến! Xin Ngài tùy thời thích hợp chỉ dạy cho họ! Vì trong số đó có những Tỳ-kheo chưa được thuần thục, tâm của họ sẽ thay đổi, thoái lui. Nếu không được diện kiến tôn nhan của Như Lai, họ liền thay đổi tâm ý, sẽ trở về nghiệp cũ. Cũng như bò nghé mới sanh lại bị lạc mẹ, buồn rầu mà bỏ ăn, điều này cũng như thế, nếu hàng Tỳ-kheo tân học không được diện kiến tôn nhan Như Lai, họ sẽ lìa bỏ Chánh pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn chấp thuận lời trần tình của dân chúng họ Thích và ví dụ về bò nghé của Phạm thiên vương.

Thế rồi, Thế Tôn ngoái lại nhìn A-nan. Tôn giả A-nan liền nghĩ: "Như Lai đã nhận lời thỉnh cầu của dân chúng và chư thiên."

A-nan liền đến chỗ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên rồi thưa:

– Như Lai muốn gặp chúng Tăng. Cõi trời cùng dân chúng đều đã giãi bày và cầu thỉnh việc này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy chuẩn bị y bát rồi cùng đến chỗ Thế Tôn, đức Như Lai đã chấp thuận cho chúng ta sám hối!

Thế rồi, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

– Vừa rồi Ta đuổi các Tỳ-kheo-tăng đi, ý thầy nghĩ thế nào?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Lúc Như Lai đuổi chúng Tăng đi, con liền nghĩ như vầy: "Như Lai thích ở nơi thanh vắng, một mình tĩnh lặng, không thích chốn ồn náo nên mới đuổi chúng Tăng đi."

[0771b02] Phật hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Sau đó thầy suy nghĩ điều gì? Bấy giờ, ai sẽ dẫn dắt Thánh chúng này?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Lúc ấy, con lại nghĩ như vầy: "Ta cũng nên sống một mình ở nơi nhàn vắng, không nên ở chốn ồn náo."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Chớ nói như vậy, cũng đừng nghĩ rằng ta nên ở nơi nhàn vắng. Hiện tại, việc dẫn dắt Thánh chúng này, chẳng phải đều nương vào Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên hay sao?

Bấy giờ, đức Phật hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Khi Ta đuổi chúng Tăng đi, thầy có suy nghĩ gì?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Như Lai đuổi chúng Tăng đi, con liền nghĩ như vầy: "Như Lai muốn ở một mình vắng lặng nên mới đuổi chúng Tăng đi."

Phật hỏi Mục-kiền-liên:

– Sau đó thầy lại suy nghĩ điều gì?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Con đã nghĩ rằng: "Hôm nay, tuy Như Lai đuổi chúng Tăng đi nhưng chúng ta phải nên nhóm họp lại, đừng để phân tán."

Phật bảo Mục-kiền-liên:

– Lành thay! Mục-kiền-liên! Đúng như lời thầy nói, đứng đầu trong Tăng chúng thì chỉ có Ta và hai thầy. Từ nay về sau, Mục-kiền-liên nên dạy dỗ các Tỳ-kheo hậu học, khiến họ được an trú vào chốn an ổn dài lâu, đừng để họ nửa chừng thoái lui, bị đọa lạc vào chốn sanh tử.

Nếu Tỳ-kheo nào có chín pháp này thì ở trong đời hiện tại không được tăng trưởng, lớn mạnh. Là những pháp nào? Gần gũi phụng sự ác tri thức; chẳng có việc gì nhưng lại ưa thích rong ruổi; thường ôm lòng sầu lo; ưa thích cất chứa tài sản; tham đắm y bát; thường càn bướng, dối gạt, tâm ý tán loạn không định tĩnh; không có trí tuệ sáng suốt; không thông hiểu nghĩa lý và không tùy thời nghe dạy bảo.

Thế nên, này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo nào có chín pháp như trên thì trong đời hiện tại không được lớn mạnh và cũng chẳng thấm nhuần.

Nếu Tỳ-kheo nào có chín pháp thì sẽ được thành tựu mọi việc. Là những pháp nào? Gần gũi bậc thiện tri thức; tu hành theo Chánh pháp; không đắm trước nghiệp tà vạy; thường ở một mình, không vui thích chốn nhân gian; không lo lắng, ít bệnh tật; không cất chứa nhiều tài sản châu báu, không tham đắm y bát; siêng năng tinh tấn, tâm không tán loạn; nghe pháp liền hiểu nghĩa, không cần phải nhắc lại và tùy thời nghe pháp không hề nhàm chán.

Thế nên, này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu chín pháp này thì ở trong đời hiện tại đạt được nhiều lợi ích.

Thật vậy, này Mục-kiền-liên! Nên ghi nhớ và siêng năng dạy bảo các Tỳ-kheo, khiến họ an trụ trong Niết-bàn[9] dài lâu.

[0771c02] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phải thường tự tỉnh giác, Chớ đắm nhiễm pháp tà,
Hạnh chân chánh đừng xa, Sẽ vượt qua sanh tử.

[9] Nguyên tác: Vô vi chi xứ (無為之處).

Làm vậy, tất được vậy,
Chúng sanh mãi vần xoay,
Việc cần làm, không biết,
Như vậy, kẻ buông lung,
Đã siêng năng, chăm chỉ,
Dạy dỗ đỡ đần nhau,
Làm phước, được phước này,
Cần đoạn già, bệnh, chết.
Việc ác, lại siêng năng,
Càng thêm nghiệp lậu hoặc.
Tâm niệm đó đi đầu,
Thành tựu hạnh vô lậu.

Thế nên, này Mục-kiền-liên! Nên dạy các Tỳ-kheo về lời giáo giới này, phải nên nhớ nghĩ và thực hành điều đã học.

Bấy giờ, đức Thế Tôn giảng nói giáo pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo khiến tất cả đều phát tâm hoan hỷ.

Lúc ấy, sau khi các Tỳ-kheo nghe pháp xong, trong chúng có hơn sáu mươi Tỳ-kheo đoạn trừ hết phiền não, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. LỢI DƯỠNG VÀ TRÚ XỨ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu Tỳ-kheo ở trong thôn xóm nào mà pháp lành bị diệt mất, pháp ác tăng trưởng thì Tỳ-kheo ấy phải nên suy nghĩ như vầy: "Nay ta ở trong thôn xóm này mà pháp ác tăng trưởng, pháp lành dần tiêu diệt, tâm ý không chuyên nhất, không đoạn trừ được phiền não cho nên không thể đạt đến cõi Niết-bàn an ổn, những vật dụng mà ta có được như y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men đều phải khổ nhọc mới có."

Tỳ-kheo ấy phải nên suy nghĩ như vầy: "Ta ở trong thôn xóm này, pháp ác thì tăng trưởng mà pháp lành lại tiêu diệt. Ta cũng không vì y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men mà làm Sa-môn. Điều mà ta mong cầu, ước nguyện vẫn chưa có kết quả." Tỳ-kheo ấy nên rời bỏ thôn xóm đó mà đi.

Nếu như có Tỳ-kheo ở nơi thôn xóm mà pháp lành tăng trưởng, pháp ác lại tiêu diệt, những vật dụng như y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men đều do khổ nhọc mà có thì Tỳ-kheo ấy nên suy nghĩ như vầy: "Ta ở nơi thôn xóm này, pháp lành tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, những vật dụng được cúng dường đều do khổ nhọc mà có. Ta không vì y phục mà xuất gia học đạo, tu tập Phạm hạnh. Điều mong cầu, ước muốn của ta khi học đạo là thành tựu về pháp nên phải trọn đời tôn trọng, vâng giữ."

---

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.3. 0771c17). Tham chiếu: *Lâm kinh* 林經 (*T.*01. 0026.107. 0596c25); *M.* 17, *Vanapattha Sutta* (*Kinh khu rừng*); *A.* 9.6 - IV. 365.

[0772a04] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Y phục và ăn uống, Chỗ ở và giường nằm,
Không khởi tưởng tham đắm, Chớ trở lại cõi này.
Không vì chuyện áo y, Mà xuất gia học đạo,
Ta học đạo chỉ vì, Muốn viên thành sở nguyện.
Tỳ-kheo tìm làng mạc, Thích hợp, sống trọn đời,
Tại đó nhập Niết-bàn, Gốc tái sanh đã đoạn.

Thế nên, Tỳ-kheo kia hoặc ở trong nhân gian, hoặc ở nơi thanh vắng hay trong thôn xóm mà pháp lành tăng trưởng, pháp ác tự tiêu diệt, thì Tỳ-kheo ấy nên trọn đời ở tại thôn xóm kia, không nên đi xa nữa.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Chẳng phải Như Lai thường dạy rằng, thân bốn đại do nương vào ăn uống mà được tồn tại, cũng như phải nương nơi tâm để ghi nhớ pháp? Có phải các pháp lành đều do nương nơi tâm mà sanh ra? Lại nữa, Tỳ-kheo ấy nương ở nơi thôn xóm, phải lao tâm khổ trí mới có được y phục và thực phẩm, nhưng vì sao khi pháp lành phát sanh thì vị ấy nên ở lại thôn xóm đó mà không đi xa nữa?

Phật bảo A-nan:

– Những vật dụng như y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và ba loại thuốc men,[11] nếu như Tỳ-kheo luôn nghĩ đến bốn loại vật dụng cúng dường, nhưng không đạt được kết quả như mong muốn thì sự nương tựa đó là khổ. Nếu khởi tâm biết đủ, không khởi tưởng tham đắm thì chư thiên và loài người đều hoan hỷ với vị ấy.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nên học tập như thế và cũng vì lý do đó nên Ta giảng nói ý nghĩa này.

Thế nên, này A-nan! Tỳ-kheo phải biết vừa đủ, ít tham muốn.

Thật vậy, này A-nan! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

4. CHÍN LOẠI THỨC ĂN[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ trong khu vườn Bà-la.

Hôm ấy, đến giờ Thế Tôn đắp y, ôm bát vào làng Bà-la khất thực.

---

[11] Nguyên tác: Dược hữu tam chủng (藥有三種), 3 loại thuốc để đối trị 3 loại bệnh phong, nóng và lạnh. *Đại trang nghiêm luận kinh* 大莊嚴論經 (*T*.04. 0201.47. 0300b03): Ví như 3 loại thuốc dùng chữa trị bệnh phong, bệnh lạnh và bệnh nóng (譬如三種藥, 對治風, 冷, 熱).

[12] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.4. 0772a24). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1095. 0288a11); *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.29. 0463c23-0464a09); *S*. 4.18 - I. 252.

Bấy giờ, Tệ ma Ba-tuần liền nghĩ như vầy: "Hôm nay, Sa-môn ấy sẽ vào làng này khất thực, ta sẽ tìm cách bảo mọi người đừng cúng dường thức ăn."

Thế rồi, Tệ ma Ba-tuần liền loan báo dân chúng trong làng: "Đừng bố thí thức ăn cho Sa-môn Cù-đàm."

Bấy giờ, Thế Tôn đi vào làng khất thực, hết thảy dân chúng đều không ai nói chuyện với Ngài, cũng chẳng một ai đến cúng dường Ngài. Rốt cuộc, không thể khất thực được, Như Lai liền đi ra khỏi làng.

[0772b02] Khi ấy, Tệ ma Ba-tuần đi đến chỗ Thế Tôn và hỏi:

– Này Sa-môn! Ông đi khất thực, cuối cùng chẳng được gì ư?

Thế Tôn bảo:

– Do Tệ ma ngươi quấy phá, khiến Ta không nhận được vật thực. Chẳng bao lâu nữa, ngươi sẽ nhận chịu quả báo ấy.

Này Tệ ma! Hãy nghe Ta nói: "Trong thời Hiền kiếp, có đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,[13] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,[14] Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn[15] xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, đức Phật kia cùng với bốn mươi vạn chúng cũng cư trú tại ngôi làng này. Thế rồi, Tệ ma Ba-tuần kia liền suy nghĩ: 'Nay ta hãy tìm cách đối phó với Sa-môn này, khiến ông ta không thu được kết quả gì.' Tệ ma kia lại suy nghĩ: 'Nay ta sẽ loan báo cho dân chúng trong làng Bà-la, khiến họ đừng bố thí thức ăn cho Sa-môn.'

Khi ấy, Thánh chúng đắp y, mang bát vào làng khất thực. Thế nhưng, các Tỳ-kheo không nhận được thức ăn gì, họ liền ra khỏi làng rồi trở về.

Bấy giờ, đức Phật Câu-lưu-tôn giảng nói pháp vi diệu này cho các Tỳ-kheo:

'Quán tưởng về thức ăn có chín loại: Bốn loại thức ăn của thế gian và năm loại thức ăn của hàng xuất thế.

Những gì là bốn loại thức ăn của người thế gian? Một là, đoàn thực.[16] Hai là, xúc thực.[17] Ba là, niệm thực.[18] Bốn là, thức thực. Đây gọi là bốn loại thức ăn của thế gian.

---

[13] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為).

[14] Nguyên tác: Đạo Pháp Ngự (道法御).

[15] Nguyên tác: Chúng Hựu (眾祐).

[16] Đoàn thực (揣食). *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.29. 0461c26) ghi đoàn thực thô, tế (摶食麁, 細).

[17] Cánh lạc thực (更樂食). *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.8. 0133b18) ghi tế cốt thực (細滑食); *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.29. 0461c26) ghi cánh lạc thực (更樂食); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.344. 0094c01) ghi tế xúc thực (細觸食).

[18] Niệm thực (念食). *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.29. 0461c27) ghi ý tư thực (意思食); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.344. 0094c01) ghi ý tư thực (意思食).

Những gì gọi là năm loại thức ăn tiêu biểu của hàng xuất thế? Một là, thức ăn do thiền. Hai là, thức ăn do nguyện. Ba là, thức ăn do tư duy.[19] Bốn là, thức ăn từ tám món giải thoát.[20] Năm là, thức ăn do hỷ lạc. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là năm loại thức ăn tiêu biểu của bậc xuất thế gian, các thầy hãy chuyên tâm ghi nhớ, xả bỏ bốn loại thức ăn của thế gian và tìm cầu phương tiện để thành tựu năm loại thức ăn xuất thế.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.'

Bấy giờ, sau khi thọ nhận lời Phật dạy, các Tỳ-kheo liền kiểm thúc tự thân, thành tựu năm loại thức ăn. Lúc ấy, Ba-tuần kia không thể nào phá hoại được.

Bấy giờ, Ba-tuần kia liền suy nghĩ: 'Nay ta không thể nào thắng được Sa-môn này. Ta sẽ tìm cơ hội nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Ta hãy khuyến khích dân chúng trong ngôi làng này, khiến cho chúng Sa-môn nhận được các lợi dưỡng mà trước đây họ chưa có. Khi có được thật nhiều lợi dưỡng, sẽ khiến cho các Tỳ-kheo kia tham đắm lợi dưỡng, không biết buông xả, dù chỉ trong thoáng chốc. Từ lòng tham ở nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, ta sẽ có cơ hội.'

[0772c01] Khi ấy, đức Phật kia cùng hàng đệ tử[21] đúng thời đắp y, ôm bát vào làng khất thực. Dân chúng trong làng Bà-la cung cấp cho các Tỳ-kheo y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men không để thiếu thốn. Họ cùng nhau đến trước mặt các Tỳ-kheo rồi nắm y Tăng-già-lê, nài nỉ Tỳ-kheo phải nhận vật dụng cúng dường.

Khi ấy, đức Phật kia vì chúng đệ tử mà giảng nói pháp như vầy:

'Lợi dưỡng khiến loài người đọa vào cõi ác, không thể đạt đến cõi Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ khởi tâm tham đắm lợi dưỡng, phải nên nghĩ đến sự xả bỏ. Nếu Tỳ-kheo nào tham đắm lợi dưỡng thì sẽ không thành tựu năm phần pháp thân, không thể đầy đủ giới đức.'"

Thế nên, này Tỳ-kheo! Tâm lợi dưỡng chưa sanh thì khiến không sanh khởi, tâm lợi dưỡng đã sanh thì phải nên mau chóng trừ diệt.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền ẩn mình bỏ đi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[19] Niệm thực (念食). Theo *Đại Minh Tam tạng pháp số* 大明三藏法數 (*P*.182. 1615.18. 0171a01): 修聖道之人常持正念, 長養一切善根, 如世之食資益身根, 是為念食.

[20] Bát giải thoát (八解脫) còn gọi là "bát bối xả" (八背捨) giải thoát sự trói buộc của 8 loại thiền định.

[21] Thanh văn (聲聞, *Sāvaka*) có nghĩa là Thanh văn và cũng mang nghĩa đệ tử.

5. TÂM TỪ[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nên thực hành tâm từ, khởi tâm từ rộng lớn, vì nhờ thực hành tâm từ mà tâm sân hận sẽ tự tiêu diệt.

Vì sao như vậy? Tỳ-kheo nên biết! Thuở xưa, có một ác quỷ cực kỳ xấu xí hung bạo đi đến trú xứ của Thích-đề-hoàn-nhân rồi leo lên tòa ngồi. Khi ấy, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba đùng đùng nổi giận, liền nói: "Tại sao ác quỷ này lại dám ngồi trên tòa của Thiên chủ chúng ta?" Lúc chư thiên nổi giận thì sắc mặt ác quỷ kia liền biến đổi thành đoan chánh, đẹp đẽ khác thường.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân đang ngồi trên tòa tại giảng đường Phổ Tập, cùng vui đùa với các ngọc nữ.

Thế rồi, có một thiên tử đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân rồi thưa:

"Cù-dực[23] nên biết! Có một ác quỷ đang ngồi trên tòa quý, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba rất giận dữ. Lúc chư thiên vừa nổi giận thì ác quỷ kia liền chuyển thành đoan chánh, dung mạo đẹp đẽ khác thường."

Thích-đề-hoàn-nhân liền nghĩ: "Ác quỷ này ắt là loài quỷ thần diệu."[24] Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân liền đi đến chỗ ấy.

Lúc đến nơi, Thích-đề-hoàn-nhân tự xưng danh tánh:

"Ta là Thích-đề-hoàn-nhân, chúa của chư thiên."

Lúc Thích-đề-hoàn-nhân tự xưng danh tánh thì ác quỷ kia liền trở lại hình thù của quỷ, dung mạo xấu xí, rồi ác quỷ ấy lập tức bị tiêu diệt.

Này Tỳ-kheo! Do đây nên biết, những ai thực hành tâm từ, không hề buông bỏ thì đức của người ấy cũng như thế.

[0773a01] Lại nữa, này Tỳ-kheo! Thuở xưa, Ta đã từng tu tập tâm từ suốt bảy năm, rồi trải qua bảy kiếp thành và bảy kiếp hoại, không còn trở lại chốn sanh tử nữa. Lúc kiếp sắp hoại, Ta liền sanh lên cõi trời Quang Âm. Khi kiếp sắp thành, Ta liền sanh lên cõi trời Vô Tưởng, hoặc làm Phạm thiên thống lãnh chư thiên, cai quản mười ngàn thế giới, rồi ba mươi bảy lần sanh làm Thích-đề-hoàn-nhân, lại còn có vô số lần làm bậc Chuyển Luân Thánh vương.

---

[22] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.5. 0772c13). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1107. 0291a27); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.36. 0385a06); *S.* 11.22 - I. 237.

[23] Cù-dực (瞿翼) thường viết là Câu-dực (拘翼), một tên gọi khác của Đế-thích.

[24] Thần diệu chi quỷ (神妙之鬼). *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1107. 0291b08) ghi là Sân khuể đối trị quỷ (瞋恚對治鬼). *S.*11.22 - I.237: *Kodhabhakkho yakkho* (Dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn nộ), HT. Thích Minh Châu dịch.

Này Tỳ-kheo! Do đây nên biết, những ai thực hành tâm từ thì đức của người ấy cũng như thế.

Lại nữa, người thực hành tâm từ thì khi qua đời được sanh lên cõi Phạm thiên, lìa bỏ ba đường ác, tránh xa tám nạn.

Lại nữa, người thực hành tâm từ sẽ được sanh trong cõi nước phồn vinh.

Lại nữa, người thực hành tâm từ có dung mạo đoan chánh, các căn không khiếm khuyết, thân thể toàn vẹn.

Lại nữa, người thực hành tâm từ thì đích thân được gặp Như Lai, được thân cận chư Phật, không thích sống đời sống tại gia mà chỉ muốn xuất gia học đạo, mặc ba pháp y, cạo bỏ râu tóc, tu theo pháp của bậc Sa-môn, tu tập Phạm hạnh vô thượng.

Tỳ-kheo nên biết! Giống như người nuốt viên kim cương thì không thể tiêu hóa được, tất phải xổ ra ngoài. Người thực hành tâm từ cũng lại như thế, nếu Như Lai xuất hiện ở đời thì vị ấy sẽ hành đạo, tu tập Phạm hạnh vô thượng, rồi biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Giả sử lúc Như Lai không xuất hiện ở đời, nếu người thiện nam kia không thích sống đời sống tại gia thì phải quy hướng về đâu?

Phật bảo A-nan:

– Nếu gặp lúc Như Lai không xuất hiện mà người thiện nam ấy không thích sống đời sống tại gia thì tự mình cạo bỏ râu tóc, ở nơi thanh vắng, kiểm thúc tự thân rồi tự mình tu tập. Vị ấy ngay tại trú xứ của mình sẽ đoạn trừ hết thảy hữu lậu, thành tựu bậc Vô lậu.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Nếu vị ấy tự mình tu tập Phạm hạnh, thực hành theo Ba thừa thì sẽ quy hướng về đâu?

Phật bảo A-nan:

– Như lời thầy nói, Ta thường giảng nói về hạnh Ba thừa, chư Phật trong ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều giảng nói về pháp Ba thừa.

A-nan nên biết! Hoặc có lúc, dung mạo và thọ mạng của các loài chúng sanh dần dần giảm thiểu, thân thể gầy còm ốm yếu, không có oai thần lại nhiều sân hận, ganh ghét, nghi ngờ, si mê, gian trá, huyễn hoặc, hành nghiệp không chân chánh. Hoặc có chúng sanh các căn nhạy bén lanh lợi, nhưng lại tranh giành lẫn nhau, đấu tranh kiện tụng nhau. Hoặc dùng tay cầm gạch, ngói, dao, gậy rồi giết hại lẫn nhau, làm tổn thương nhau. Bấy giờ, dù chỉ là cọng cỏ nhưng khi ở trong tay của các loài chúng sanh kia thì lập tức biến thành đao kiếm, đoạn mạng sống của kẻ khác. Trong số đó, có những chúng sanh thực hành tâm từ nên không

chút sân hận, khi thấy những sự thay đổi quái dị như vậy, họ vô cùng sợ hãi rồi cùng nhau lánh xa để thoát khỏi chốn ác độc này. Khi vào trong rừng núi hẻo lánh, tự nhiên họ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, tu tập Phạm hạnh vô thượng, kiểm thúc tự thân, tự mình tu tập, dứt sạch tâm hữu lậu, chứng quả giải thoát, liền an trú nơi cảnh giới vô lậu. Rồi họ bảo nhau rằng: "Chúng ta đã chiến thắng được oan gia." Này A-nan! Nên biết rằng, những người ấy được gọi là tối thắng.

[0773b08] Bấy giờ, Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

– Những người ấy thuộc về giai vị[25] nào? Là bậc Thanh văn, bậc Độc giác[26] hay quả vị Phật?

Phật bảo A-nan:

– Những vị ấy chính là bậc Độc giác. Vì sao như vậy? Bởi vì những vị ấy đều đã tạo nhiều công đức, thực hành cội gốc thiện lành, tu tập bốn sự thật thanh tịnh, thông hiểu tất cả các pháp. Vì thực hành pháp lành chính là khởi từ tâm. Vì sao? Vì ban rải thương yêu, thực hành lòng từ thì đức ấy rất rộng lớn.

Thuở xưa, Ta mặc giáp nhân từ này mà hàng phục quyến thuộc của quân ma, ngồi bên cội Bồ-đề[27] rồi thành tựu đạo Vô thượng. Do đây nên biết, tâm từ là tối thượng bậc nhất, tâm từ là pháp tối thắng.

A-nan nên biết! Những ai thực hành tâm từ thì được gọi là bậc Tối thắng, đức lớn như đã nói, không thể nào tính kể. Thế nên, phải tìm cầu phương tiện để tu tập tâm từ.

Thật vậy, này A-nan! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

6. ĐỊNH KHÔNG[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất từ tịnh thất của mình đi đến chỗ của đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Hôm nay, các căn của thầy thanh tịnh, dung mạo khác hẳn mọi người. Thầy đang an trú trong chánh định nào?

---

[25] Bộ (部).

[26] Bích-chi Phật (辟支佛). Xem chú thích 58, trang 689.

[27] Thọ vương (樹王).

[28] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.45.6. 0773b20). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.236. 0057b03); *M.* 151, *Piṇḍapātapārisuddhi Sutta* (*Kinh khất thực thanh tịnh*).

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn! Con thường an trú vào định Không.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Lành thay, lành thay! Này Xá-lợi-phất! Chỉ có thầy mới có thể an trú trong định Không này. Vì sao như vậy? Vì trong các loại chánh định thì định Không là bậc nhất. Nếu Tỳ-kheo nào đã an trú trong định Không thì không còn chấp trước vào ngã, nhân và thọ mạng, cũng không thấy có chúng sanh, cũng chẳng thấy gốc ngọn của các nghiệp. Đã không thấy gốc ngọn của các nghiệp thì không tạo cội rễ của nghiệp. Đã không tạo nghiệp thì không còn thọ thân sau. Đã không thọ thân thì không còn phải thọ quả báo khổ vui nữa.

[0773c02] Xá-lợi-phất nên biết! Thuở xưa, khi Ta chưa thành Phật đạo, lúc ngồi bên cội Bồ-đề, Ta liền nghĩ như vầy: "Các loài chúng sanh này do không đạt được pháp gì mà phải lưu chuyển trong sanh tử, không thể giải thoát?"

Bấy giờ, Ta lại nghĩ: "Vì chưa có định Không, cho nên chúng sanh phải lưu chuyển trong sanh tử, không thể đạt đến cứu cánh giải thoát. Có định Không này rồi, nhưng chúng sanh vẫn chưa đạt đến, khiến tâm của chúng sanh liền khởi tưởng đắm trước. Do khởi tưởng thế gian nên phải trải qua sanh tử liên miên không dứt.[29]

Nếu đạt được định Không này, nhưng không có sở nguyện, liền đạt được định Vô nguyện. Khi đã đạt được định Vô nguyện rồi thì không còn mong cầu chết ở nơi này, sanh ở nơi kia, hoàn toàn không còn tưởng niệm. Khi ấy, hành giả kia liền chứng đạt và an trú trong định Vô tưởng.

Các loài chúng sanh này do không đạt được ba loại chánh định ấy, thế nên phải lưu chuyển trong sanh tử.

Sau khi quán sát các pháp xong, Ta liền thành tựu định Không. Đạt được định Không rồi, Ta liền thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Ngay khi đạt được định Không, trong suốt bảy ngày bảy đêm, Ta quán sát cội Bồ-đề mà không hề chợp mắt.

Này Xá-lợi-phất! Do đây nên biết, đối với tất cả chánh định thì định Không là đệ nhất tối thắng. Định Không này là vua trong các loại chánh định.

Cho nên, này Xá-lợi-nhất! Nên tìm cầu phương tiện để thành tựu định Không này.

Thật vậy, này Xá-lợi-phất! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[29] Sanh tử chi phần (生死之分) còn được viết là "phần đoạn sanh tử" (分段生死), "hữu vi sanh tử" (有爲生死). Nghĩa cơ bản được hiểu là sau khi thọ thân này, tất phải có một lần kết thúc sanh mạng. Vì vậy, có tên là "phần đoạn sanh tử."

7. TRƯỞNG GIẢ THI-LỢI-QUẬT[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có trưởng giả tên Thi-lợi-quật, có nhiều tài sản quý giá, vàng bạc, châu báu, xà cừ và mã não không tính kể. Thế nhưng ông ta lại không thân cận Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo Ni-kiền tử, hết thảy vua quan đại thần đều biết điều đó.

Lúc ấy, những người tại gia và xuất gia của ngoại đạo Phạm chí và Ni-kiền tử chê trách lẫn nhau, cho rằng có ngã và chấp thân này là ngã. Họ cùng tụ tập với nhóm sáu phái ngoại đạo rồi cùng bàn luận:

– Sa-môn Cù-đàm này không có điều gì mà không biết, vì ông ta có Nhất thiết trí. Tuy nhiên, chúng ta không được lợi dưỡng mà Sa-môn ấy lại có nhiều lợi dưỡng. Chúng ta nên tìm cách khiến cho ông ấy không còn được lợi dưỡng. Chúng ta hãy cùng nhau đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, bảo ông ấy tìm phương tính kế.

[0774a01] Thế rồi, ngoại đạo Phạm chí Ni-kiền tử và nhóm sáu phái ngoại đạo cùng đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật. Họ bảo trưởng giả:

– Tôn gia[31] nên biết! Tôn gia do Phạm thiên sanh ra, là con của Phạm thiên nên có nhiều lợi ích. Nay tôn gia hãy vì thương chúng tôi mà đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để thỉnh Sa-môn ấy cùng chúng Tỳ-kheo về nhà cúng dường. Nhân đó, lại sai người đào hầm lửa lớn trong nhà, đốt lửa cháy hừng hực, bỏ thuốc độc vào thức ăn rồi mời họ đến ăn. Nếu như Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết rõ mọi việc trong ba đời thì sẽ không nhận lời mời. Nếu ông ấy không có Nhất thiết trí thì sẽ nhận lời mời và dẫn theo các đệ tử, hết thảy đều bị lửa thiêu đốt, trời và người sẽ được an lạc, không còn tai họa nữa.

Thế rồi, trưởng giả Thi-lợi-quật yên lặng, nghe theo lời của sáu thầy ngoại đạo, ông ta liền ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, với tâm ác độc mà bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo hãy nhận lời thỉnh cúng dường của con!

Bấy giờ, biết được suy nghĩ trong tâm của trưởng giả, Thế Tôn yên lặng nhận lời.

Lúc ấy, thấy Như Lai đã yên lặng nhận lời mời, Thi-lợi-quật liền đứng dậy cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ra về. Giữa đường, ông liền nghĩ như vầy: "Điều mà sáu thầy của ta đã nói thật là chính xác, còn Sa-môn Cù-đàm chẳng biết được suy nghĩ trong tâm của ta, chắc chắn sẽ bị lửa thiêu đốt."

---

[30] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.7. 0773c20). Tham chiếu: *DhA*. 4.12; *J*. I. 40. Tên gọi Thi-lợi-quật (尸利掘) có thể được phiên âm từ Sirigutta trong *DhA*. 4.12.

[31] Nguyên tác: Đại tánh (大姓).

Thế rồi, Thi-lợi-quật liền trở về nhà, sai đào hầm lớn, đốt lửa cháy hừng hực rồi sai bày biện đủ các loại thức ăn, tất cả đều tẩm thuốc độc. Bên ngoài cửa cũng đào hầm lửa lớn, đốt lửa cháy hừng rồi sắp đặt chỗ ngồi trên ngọn lửa ấy. Dùng thuốc kịch độc tẩm vào thức ăn xong, ông ta liền đến bạch Phật:

– Nay đã đúng thời!

Bấy giờ, biết đã đúng thời, Thế Tôn liền đắp y, ôm bát, cùng chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau đi đến nhà trưởng giả.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các thầy không được đi trước Ta, không được ngồi trước Ta, cũng không được thọ thực trước Ta!

Lúc ấy, hết thảy dân chúng trong thành La-duyệt hay tin Thi-lợi-quật đào hầm lửa lớn và làm thức ăn bỏ chất độc vào để thỉnh Phật cùng chúng Tỳ-kheo, bốn bộ chúng đều than khóc: "Lẽ nào Như Lai và chúng Tăng lại bị hại ư?"

Rồi có người đến trước Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi thưa:

– Cúi xin Thế Tôn đừng đến nhà trưởng giả ấy! Ông ta đào hầm lửa lớn và làm các thức ăn có tẩm độc.

Đức Phật bảo:

– Quý vị chớ sợ hãi, Như Lai không bao giờ bị kẻ khác làm hại! Giả sử ngọn lửa trong cõi Diêm-phù-đề có cháy đến cõi trời Phạm thiên thì cũng không thể thiêu đốt được Ta, huống hồ chỉ có chút lửa nhỏ ấy mà muốn hại Như Lai ư, không bao giờ có việc đó. Ưu-bà-tắc nên biết! Ta không còn tâm tổn hại.[32]

[0774b03] Bấy giờ, Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau, cùng đi vào thành La-duyệt rồi đến nhà trưởng giả.

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ vào nhà trưởng giả trước, cũng đừng thọ thực trước, nên đợi Như Lai thọ thực rồi sau các thầy mới thọ thực!

Thế rồi, khi đức Thế Tôn vừa đặt chân lên ngạch cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao nước vô cùng mát mẻ, mọc đầy các loài hoa trong ấy, có loài hoa sen lớn như bánh xe, cọng hoa bằng bảy báu, lại còn mọc lên các loài hoa sen khác, ong mật chúa bay lượn khắp trong ao.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm thiên vương và Tứ Thiên Vương, càn-thát-bà, a-tu-la và các loài dạ-xoa, quỷ thần... thấy trong hầm lửa lại mọc các loài hoa sen như vậy, họ đều vui mừng khen ngợi, rồi khác giọng đồng lời, khen rằng:

– Như Lai là bậc nhất trong hàng Tối thắng!

Lúc ấy, trong nhà trưởng giả có vô số các hàng ngoại đạo dị học cùng tụ họp về. Các hàng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di khi thấy được sự biến hóa của Như Lai nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Chứng kiến sự biến hóa của Như Lai, các

[32] Vô phục hại tâm (無復害心). *Vin.* II. 249: *anāghāta.*

ngoại đạo dị học đều rất buồn lo. Ở giữa hư không, các vị thần tôn quý ở cõi trời rải vô số các loại hoa quý trên thân Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bước đi giữa hư không, cách mặt đất bốn tấc để đến nhà trưởng giả. Nơi nào Như Lai vừa nhấc chân lên thì nơi ấy liền sanh ra hoa sen lớn như bánh xe.

Thế rồi, đức Thế Tôn liền quay sang bên phải, bảo các Tỳ-kheo:

– Này các thầy! Tất cả hãy bước đi trên những hoa sen này.

Lúc ấy, chúng đệ tử đều bước đi trên những hoa sen để đến nhà trưởng giả.

Bấy giờ, Thế Tôn liền kể về một ví dụ ở thuở xưa:

– Từ quá khứ đến nay, Ta đã từng cúng dường hằng sa chư Phật, đã phụng sự, lễ kính, chưa từng trái Thánh ý, do sự giữ gìn thệ nguyện chí thành này, khiến các tòa ngồi đều được vững chắc.

Thế rồi, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Bây giờ, Ta cho phép các Tỳ-kheo, trước tiên hãy đặt tay lên chỗ ngồi, sau đó mới ngồi xuống. Đây là lời dạy của Ta.

Lúc Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đều đã ngồi xong, dưới những chỗ ngồi ấy đều mọc lên hoa sen, tỏa hương thơm ngát.

Khi ấy, chứng kiến sự biến hóa của đức Phật như vậy, Thi-lợi-quật liền suy nghĩ: "Ta đã bị ngoại đạo dị học lừa gạt, làm cho ta mất đi đạo lý trong cõi người, vĩnh viễn lạc mất đường lên thiên giới. Tâm ý của ta như đang bị thiêu đốt như uống nhầm thuốc độc, nhất định sẽ bị đọa trong ba đường ác. Vì Như Lai xuất hiện ở đời thật là khó gặp."

Hiểu rõ như vậy rồi, ông liền rơi lệ, cúi đầu lễ sát chân Phật và thưa:

– Cúi xin Như Lai cho con được sám hối, thay đổi những sai lầm trong quá khứ và tu sửa, hành thiện trong tương lai! Con biết con có tội xúc phạm và nhiễu hại Như Lai. Cúi xin Thế Tôn chấp nhận sự sám hối của con, con không dám tái phạm nữa!

[0774c05] Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Thay đổi những lỗi lầm gây tổn hại là xả bỏ những tâm ý trước kia, vì ông tự biết là đã xúc phạm Như Lai. Pháp của Thánh hiền vô cùng bao dung, cho phép ông sửa đổi những sai lầm, theo đúng pháp mà xả bỏ. Hôm nay, Ta nhận lời sám hối của ông, về sau chớ có tái phạm!

Đức Phật dạy như vậy đến ba lần.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế nghe tin trưởng giả Thi-lợi-quật đào hầm lửa lớn và làm thức ăn tẩm độc muốn hại Như Lai. Nghe xong, nhà vua nổi trận lôi đình, lệnh cho quần thần:

– Phải giết sạch tất cả những kẻ nào có tên Thi-lợi-quật trong toàn cõi Diêm-phù-đề này.

Và rồi, nhà vua lại nhớ nghĩ đến công đức của Như Lai nên buồn khóc rơi lệ, cởi bỏ vương miện rồi bảo quần thần:

– Nay trẫm còn sống làm gì lại để Như Lai bị lửa đốt cháy, còn chúng Tỳ-kheo cũng bị lửa thiêu đốt. Các khanh hãy mau mau đến nhà trưởng giả kia để hỗ trợ Như Lai!

Bấy giờ, Vương tử Kỳ-bà-già tâu Vua A-xà-thế:

– Tâu Đại vương! Xin chớ lo buồn, cũng đừng khởi tưởng xấu ác. Vì sao như vậy? Vì đức Như Lai không bao giờ bị người khác làm hại. Hôm nay, trưởng giả Thi-lợi-quật sẽ làm đệ tử của Như Lai. Cúi xin Đại vương hãy đến xem sự biến hóa này!

Lúc ấy, nghe lời khuyên giải của Kỳ-bà-già, Vua A-xà-thế liền cỡi voi lớn Tuyết Sơn đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật ngay lập tức. Nhà vua xuống voi, liền đi vào nhà trưởng giả.

Bấy giờ, có đến tám vạn bốn ngàn người đang tụ tập bên ngoài cửa.

Khi nhìn thấy hoa sen lớn như bánh xe, Vua A-xà-thế thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền nói như vầy: "Cầu cho Như Lai luôn thắng các ác ma!"

Nhà vua bảo Vương tử Kỳ-bà-già:

– Lành thay! Kỳ-bà-già! Chỉ có khanh mới tin đức Như Lai có những sự việc như thế.

Thế rồi, Vua A-xà-thế đến trước Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, nhìn thấy từ miệng của Như Lai phát ra ánh sáng, lại được chiêm ngưỡng toàn vẹn dung nhan thù thắng lạ thường của Thế Tôn, Vua A-xà-thế thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng.

Bấy giờ, trưởng giả Thi-lợi-quật bạch Phật:

– Thức ăn mà con đã chuẩn bị thảy đều có độc, cúi xin Thế Tôn đợi trong giây lát, con sẽ dọn thức ăn khác! Vì sao như vậy? Vì con không muốn thân thể Như Lai bị tổn hại.

[0775a02] Đức Phật bảo trưởng giả:

– Như Lai và đệ tử không bao giờ bị kẻ khác làm hại. Thức ăn mà trưởng giả đã chuẩn bị xong, hãy nên tùy thời mà cúng dường.

Thế rồi, trưởng giả tự tay dâng lên các món ăn, nước uống.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Tin kính Phật, Pháp, Tăng,　　Độc hại sạch dư tàn,
Chư Phật không độc hại,　　Tin Phật độc liền tan.
Tin kính Phật, Pháp, Tăng,　　Độc hại sạch dư tàn,
Chư Phật không độc hại,　　Tin Pháp độc liền tan.

Tin kính Phật, Pháp, Tăng,
Chư Phật không độc hại,
Ba độc ở thế gian,
Đấng Như Lai không độc,
Ba độc ở thế gian,
Pháp Như Lai không độc,
Ba độc ở thế gian,
Tăng Như Lai không độc,
Độc hại sạch dư tàn,
Tin Tăng độc liền tan.
Tham dục, sân hận, si,[33]
Tin Phật độc liền tan.
Tham dục, sân hận, si,
Tin Pháp độc liền tan.
Tham dục, sân hận, si,
Tin Tăng độc liền tan.

Khi nói bài kệ này xong, Thế Tôn liền dùng thức ăn có độc.

Thế rồi, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ thọ thực trước, nên đợi Như Lai thọ thực xong, sau đó các thầy mới thọ thực!

Lúc ấy, trưởng giả tự tay dâng lên các món ăn cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, thấy Phật đã thọ thực xong, trưởng giả Thi-lợi-quật thu dọn bát, lấy một ghế thấp rồi ngồi một bên trước đức Như Lai.

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì trưởng giả và tám vạn bốn ngàn dân chúng mà giảng pháp vi diệu. Ngài giảng về những pháp như bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn, giải thoát là an vui. Sau khi Như Lai quán sát tâm của trưởng giả và tám vạn bốn ngàn dân chúng, thấy hết thảy đều khai mở, không còn phiền não, như thường pháp của chư Phật, Thế Tôn, Ngài liền thuyết giảng về khổ, tập, diệt, đạo. Ngài cũng vì tám vạn bốn ngàn dân chúng mà giảng giải rộng rãi về nghiệp của họ.

Bấy giờ, ngay tại chỗ ngồi, cả hội chúng liền dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh, giống như áo mới rất dễ nhuộm màu.

Trưởng giả và muôn dân khi ấy cũng thành tựu như thế, ngay tại chỗ ngồi liền thấy dấu đạo, thấy pháp, đắc pháp, phân biệt các pháp, vượt khỏi nghi ngờ, được vô sở úy, không thờ thầy khác, tự quy y Phật, tự quy y Pháp và tự quy y Tăng, rồi thọ trì năm giới.

[0775b03] Bấy giờ, tự biết đã thấy dấu đạo, trưởng giả Thi-lợi-quật liền bạch Phật:

– Lẽ nào cúng dường thức ăn có độc cho Như Lai nhưng lại đạt được quả báo lớn. Trái lại, cúng dường thức ăn ngon ngọt cho các ngoại đạo dị học mà bị thọ tội. Vì sao như vậy? Vì hôm nay, con dùng thức ăn có độc để thỉnh mời Phật và chúng Tỳ-kheo, ngay nơi đây, con đã chứng nghiệm ra điều này. Con đã bị các ngoại đạo ấy làm cho mê hoặc dài lâu nên mới khởi tâm xấu ác đối với Như Lai. Những ai phụng thờ ngoại đạo dị học đều rơi vào chỗ khốn cùng.

[33] Nguyên tác: Tham dục sân khuể độc (貪欲瞋恚毒). Thiếu "si" (癡).

Phật bảo trưởng giả:

– Thật đúng như lời ông nói, ông hoàn toàn bị người khác dối gạt!

Bấy giờ, Thi-lợi-quật bạch Phật:

– Từ nay về sau, con không còn tin theo các ngoại đạo dị học ấy nữa. Con cũng không cho phép bốn bộ chúng tại gia[34] cúng dường họ nữa.

Phật bảo trưởng giả:

– Chớ nói như vậy! Vì sao? Vì trước đây ông đã thường xuyên cúng dường cho các ngoại đạo ấy. Hơn nữa, bố thí cho các loài súc sanh thì phước đức đó còn khó đo lường, huống hồ bố thí cho loài người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi rằng: "Thi-lợi-quật là đệ tử của ai?" thì ông sẽ trả lời thế nào?

Lúc ấy, Thi-lợi-quật liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

– Con là đệ tử của đức Thích-ca, đấng Tiên Nhân Thứ Bảy,[35] nay thọ thân người này, dũng mãnh mà giải thoát.

Đức Thế Tôn bảo:

– Lành thay! Này trưởng giả! Ông đã nói lời tán thán vi diệu như thế.

Thế rồi, đức Thế Tôn lại nói pháp nhiệm mầu cho trưởng giả. Ngài liền đọc kệ chú nguyện:

Tế tự, lửa trên hết,
Loài người, vua quý nhất,
Các sao, trăng sáng nhất,
Trên dưới và bốn phương,
Trời và người trong đời,
Người muốn cầu phước báu,
Kinh thư, kệ đứng đầu,
Biển là nguồn muôn sông.
Ánh sáng, mặt trời hơn,
Những loài có hình tướng.
Phật, bậc tôn quý nhất,
Nên cúng dường Tam tôn.

Bấy giờ, nói bài kệ này xong, đức Thế Tôn liền đứng dậy.

Trưởng giả Thi-lợi-quật và những người trong pháp hội nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[36]

---

[34] Tứ bộ chi chúng tại gia (四部之眾在家), có khả năng chỉ cho 4 tầng lớp tại gia (4 giai cấp) trong xã hội Ấn Độ cổ đại.

[35] Đệ Thất Tiên Nhân (第七仙人): Tôn hiệu riêng của đức Phật Thích-ca. Phật Thích-ca là vị thứ 7 trong 7 vị Phật từ quá khứ đến hiện tại. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.45.7. 0775b17).

[36] Bản Hán, hết quyển 41.

46. PHẨM KẾT CẤM[1]

1. GIỚI CẤM[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vì có mười công đức nên Như Lai giảng nói giới cấm cho các Tỳ-kheo. Là mười công đức nào? Đó là để Thánh chúng được cung kính, tôn trọng;[3] để tạo sự thuận thảo, hòa hợp; để Thánh chúng an ổn; để hàng phục kẻ ác; khiến cho các Tỳ-kheo tàm, quý không bị phiền não; thiết lập tín căn cho người không có lòng tin; khiến người đã tin tăng thêm tịnh tín; khiến dứt sạch phiền não trong đời hiện tại; khiến cho các phiền não đời sau thảy đều tiêu trừ; khiến cho Chánh pháp trụ ở đời lâu dài, luôn suy nghĩ, tư duy tìm cách khiến cho Chánh pháp tồn tại lâu dài.

Này Tỳ-kheo! Đó là mười pháp công đức mà Như Lai đã vì các Tỳ-kheo thuyết giảng giới cấm.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện thành tựu giới cấm, đừng để tổn thất.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. TRÚ XỨ CỦA HIỀN THÁNH[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[1] Nguyên tác: *Kết cấm phẩm* 結禁品 (*T*.02. 0125.46. 0775c06).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.1. 0775c07). Tham chiếu: *A*. 10.31 - V. 70.

[3] Thừa sự Thánh chúng (承事聖眾). "Thừa sự" ở đây mang nghĩa là cung kính, tôn trọng (尊敬, *payirupāsati*).

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.2. 0775c19). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.71. 0018b28); *S*. 22.105 - III. 159; *A*. 10.20 - V. 29.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trú xứ của bậc Thánh cư ngụ có mười việc. Do đó, các bậc Thánh trong ba đời đều cư ngụ trong đó. Là mười việc gì? Đó là Tỳ-kheo đoạn trừ năm chi phần, thành tựu sáu pháp, thường giữ gìn một việc, hộ trì bốn bộ chúng, quán sát các sự yếu kém, thân cận bình đẳng, hướng thẳng đến vô lậu, nương tựa thân nghiệp, tâm được khéo giải thoát và được trí tuệ giải thoát.

Thế nào là Tỳ-kheo đoạn trừ năm chi phần? Đó là, khi Tỳ-kheo đã đoạn trừ năm kiết sử. Như vậy gọi là năm chi phần đã được đoạn trừ.

Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu sáu pháp? Đó là, khi Tỳ-kheo vâng giữ sáu nguyên tắc sống chung.[5] Như vậy gọi là Tỳ-kheo thành tựu sáu pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo thường giữ gìn một việc? Đó là, khi Tỳ-kheo thường giữ gìn tâm, từ hữu lậu đến vô lậu, từ hữu vi đến vô vi, cho đến cửa Niết-bàn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo thường giữ gìn một việc.

Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì bốn bộ chúng? Đó là, khi Tỳ-kheo thành tựu bốn thần túc. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hộ trì bốn bộ chúng.

Thế nào là Tỳ-kheo quán sát các sự yếu kém? Đó là, khi các nghiệp sanh tử của Tỳ-kheo được chấm dứt. Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát các sự yếu kém.

Thế nào là Tỳ-kheo thân cận bình đẳng? Đó là, khi Tỳ-kheo đã đoạn trừ ba kiết. Đó gọi là Tỳ-kheo thân cận bình đẳng.

Thế nào là Tỳ-kheo hướng thẳng đến vô lậu? Đó là, khi Tỳ-kheo trừ bỏ kiêu mạn. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng thẳng đến vô lậu.

Thế nào là Tỳ-kheo nương tựa thân nghiệp? Đó là, khi Tỳ-kheo đã trừ sạch vô minh. Đó gọi là Tỳ-kheo nương tựa thân nghiệp.

Thế nào là Tỳ-kheo được tâm khéo giải thoát? Đó là, khi Tỳ-kheo đã trừ sạch ái. Đó gọi là Tỳ-kheo được tâm khéo giải thoát.

Thế nào là Tỳ-kheo được trí tuệ giải thoát? Đó là, khi Tỳ-kheo quán khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế thì rõ biết đúng như thật. Đó gọi là Tỳ-kheo được trí tuệ giải thoát.

Này Tỳ-kheo! Đó gọi là nơi cư ngụ của bậc Hiền thánh có mười việc.

Thuở xưa, các bậc Hiền thánh đã ở và nay cũng đang ở nơi ấy.

Do đó, này Tỳ-kheo! Nên nhớ nghĩ trừ bỏ năm việc, thành tựu sáu pháp, giữ gìn một pháp, hộ trì bốn bộ chúng, quan sát các sự yếu kém, thân cận bình đẳng, hướng thẳng đến vô lậu, nương tựa thân nghiệp, tâm được giải thoát, trí tuệ giải thoát.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[5] Lục trọng chi pháp (六重之法). *Vũ-thế kinh* 雨勢經 (*T*.01. 0026.142. 0650a19) ghi là "úy lạo pháp" (慰勞法): Pháp hòa mục (*Dhammā sāraṇīyā*), thường được gọi 6 pháp hòa kính (六和敬), 6 pháp lục hòa (六和).

3. PHÁP DUYÊN KHỞI[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai thành tựu mười lực, tự rõ biết là bậc Vô Sở Trước, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống của sư tử, chuyển bánh xe pháp[7] vô thượng để cứu độ chúng sanh. Nghĩa là đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc, đây là sự xuất ly[8] của sắc; quán sát đây là thọ,[9] đây là tưởng, đây là hành, đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức, đây là sự xuất ly của thức. Do cái này có mà cái kia có, do cái này sanh mà cái kia sanh: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc,[10] xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên ưu, bi, khổ, não, không thể tính kể. Do có thân năm uẩn này nên mới có pháp tập khởi này. Cái này diệt thì cái kia diệt, cái này không thì cái kia không: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì tử diệt, tử diệt thì ưu, bi, khổ, não thảy đều trừ sạch.

Tỳ-kheo nên biết, pháp của Ta rất mực rộng lớn, không có bờ mé, sâu thẳm tột cùng, dứt sạch mọi nghi ngờ vì Chánh pháp là nơi an ổn. Nếu là hàng thiện nam tín nữ thì nên siêng năng dụng tâm không để thiếu khuyết, giả như thân thể bị khô kiệt hay tan hoại thì cũng không bao giờ từ bỏ hạnh tinh tấn, giữ tâm không xao lãng. Tu tập pháp khổ hạnh thật chẳng phải dễ dàng, vui ở nơi thanh vắng, yên lặng tư duy, chớ bỏ hạnh Đầu-đà,[11] như hiện nay Như Lai khéo tu Phạm hạnh.

Này Tỳ-kheo! Thế nên, trong khi tự mình quán sát, tư duy về pháp vi diệu thì cần phải suy xét hai nghĩa: Hạnh không buông lung sẽ khiến cho thành tựu quả vị chắc thật, đạt đến chốn diệt tận, Niết-bàn.[12] Nếu như phải thọ nhận sự cúng dường của người khác như y phục, mền đệm, thực phẩm, giường nằm, ngọa cụ và thuốc men trị bệnh thì cũng không nên cô phụ công lao của người, mà phải khiến cho cha mẹ của họ được thọ hưởng phước báu ấy, biết phụng sự chư Phật và lễ kính cúng dường.

---

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.3. 0776a18). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.348. 0098a13); *S*. 12.21 - II. 27.

[7] Nguyên tác: Phạm luân (梵輪, *Brahmacakkaṃ*): Bánh xe Phạm (*Brahmā*). Phạm (梵, *Brahmā*) ở đây chỉ cho sự thanh tịnh, thù thắng. Cú ngữ này ở *DĀ*. 1; *MĀ*. 9 gọi là Pháp luân (法輪).

[8] Nguyên tác: Xuất yếu (出要).

[9] Nguyên tác: Thống (痛).

[10] Nguyên tác: Cánh lạc (更樂).

[11] Đầu-đà (頭陀). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

[12] Nguyên tác: Cam lộ (甘露).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. MƯỜI LỰC VÀ BỐN VÔ ÚY[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai thành tựu mười lực, đạt được bốn vô sở úy, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống của sư tử. Thế nào là mười lực?

Đó là, Như Lai biết rõ như thật điều nào đúng đạo lý và điều nào không đúng đạo lý.[14]

Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật về nhân duyên, quả báo và nơi thọ sanh của tất cả chúng sanh.[15]

Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật có bao nhiêu chủng loại, bao nhiêu cảnh giới, bao nhiêu thân.[16]

Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật có bao nhiêu loại giải thoát và vô lượng giải thoát.[17]

Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật về trí tuệ nhiều hay ít của các chúng sanh khác nhau.[18]

---

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.4. 0776b14). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.684. 0186b26); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.686-687. 0187b27-c13); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.701. 0189a07); *M*. 12, *Mahāsīhanāda Sutta* (*Đại kinh sư tử hống*); *A*. 6.64 - III. 417; *A*. 10.21 - V. 32.

[14] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a25) gọi là Xứ phi xứ trí lực (處非處智力); *M*. 12: *Tathāgato ṭhānañca ṭhānato aṭṭhānañca aṭṭhānato yathābhūtaṃ pajānāti* (Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ), HT. Thích Minh Châu dịch. Xứ (處, *thāna*) ở đây được hiểu là đạo lý, con đường.

[15] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a25) gọi là Nghiệp dị thục trí lực (業異熟智力); *M*. 12: *Tathāgato atītānāgatapaccuppannānaṃ kammasamādānānaṃ ṭhānaso hetuso vipākaṃ yathābhūtaṃ pajānāti* (Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại), HT. Thích Minh Châu dịch.

[16] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a26) gọi là Chủng chủng giới trí lực (種種界智力); *M*. 12: *Tathāgato anekadhātunānādhātulokaṃ yathābhūtaṃ pajānāti* (Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt), HT. Thích Minh Châu dịch.

[17] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a27) gọi là Tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí tạp nhiễm, thanh tịnh trí lực (靜慮解脫等持等至雜染清淨智力); *M*. 12: *Tathāgato jhānavimokkhasamādhisamāpattīnaṃ saṃkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ yathābhūtaṃ pajānāti* (Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các thiền, chứng về thiền, về giải thoát, về định), HT. Thích Minh Châu dịch.

[18] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a26) gọi là Tri chủng chủng thắng giải trí lực (知種種勝解智力); *M*. 12: *Tathāgato sattānaṃ nānādhimuttikataṃ yathābhūtaṃ pajānāti* (Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình), HT. Thích Minh Châu dịch.

Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật những suy nghĩ trong tâm của các chúng sanh khác nhau: Tâm có tham dục biết tâm có tham dục, tâm không tham dục biết tâm không tham dục; tâm có sân hận biết tâm có sân hận, tâm không sân hận biết tâm không sân hận; tâm có ngu si biết tâm có ngu si, tâm không ngu si biết tâm không ngu si; tâm có ái nhiễm biết tâm có ái nhiễm, tâm không ái nhiễm biết tâm không ái nhiễm; tâm có chấp thủ biết tâm có chấp thủ, tâm không chấp thủ biết tâm không chấp thủ; tâm tán loạn biết tâm có tán loạn, tâm không tán loạn biết tâm không tán loạn; tâm phóng túng biết tâm có phóng túng, tâm không phóng túng biết tâm không phóng túng; tâm ích kỷ biết tâm có ích kỷ, tâm không ích kỷ biết tâm không ích kỷ; tâm rộng lớn biết tâm có rộng lớn, tâm không rộng lớn biết tâm không rộng lớn; tâm vô lượng biết tâm vô lượng, tâm hạn lượng biết tâm hạn lượng. Như Lai biết rõ như thật: Tâm định biết tâm có định, tâm không định biết tâm không định; tâm giải thoát biết tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết tâm không giải thoát.[19]

[0776c06] Lại nữa, Như Lai biết rõ tất cả con đường mà tâm hướng đến. Hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, năm mươi đời, một trăm đời, ngàn đời, ức trăm ngàn đời, vô lượng đời, kiếp thành, kiếp hoại, trong vô số kiếp thành, kiếp hoại, thuở xưa Ta sanh ở nơi ấy, có tên như thế này, có họ thế này, ăn những thức ăn như thế, nhận chịu những sự khổ vui như thế, thọ mạng dài ngắn, chết ở chỗ này sanh ở nơi kia, chết ở chốn kia sanh ra nơi này. Như Lai tự nhớ mọi việc trong vô số đời trước như thế.[20]

Lại nữa, Như Lai biết rõ thú hướng sanh tử của chúng sanh. Bằng thiên nhãn, Ngài quán sát các loài chúng sanh hoặc sắc đẹp, sắc xấu; cõi lành, cõi dữ, tùy theo hạnh nghiệp đã gieo trồng, Ngài thảy đều biết rõ: Hoặc có chúng sanh mà thân, miệng và ý làm ác, chê bai Hiền thánh, tạo nghiệp tà kiến thì khi chết bị đọa vào trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh mà thân, miệng và ý làm lành, không phỉ báng Hiền thánh, thường hành chánh kiến thì khi chết được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Đó gọi là bằng thiên nhãn thanh tịnh, Ngài quán sát hạnh nghiệp dẫn dắt các loài chúng sanh.[21]

---

[19] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a26) gọi là Căn thắng liệt trí lực (根勝劣智力); *M.* 12: *Tathāgato parasattānaṃ parapuggalānaṃ indriyaparopariyattaṃ yathābhūtaṃ pajānāti* (Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng, hạ của các loài hữu tình, loài người), HT. Thích Minh Châu dịch.

[20] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a28) gọi là Túc trụ tùy niệm trí lực (宿住隨念智力); *M.* 12: *Tathāgato anekavihitaṃ pubbenivāsaṃ anussarati, seyyathidaṃ - ekampi jātiṃ dvepi jātiyo tissopi...* (Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời,...), HT. Thích Minh Châu dịch.

[21] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a28) gọi là Sanh tử trí lực (死生智力); *M.* 12: *Tathāgato dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passati cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajānāti* (Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ), HT. Thích Minh Châu dịch.

Lại nữa, Như Lai đã đoạn trừ hết thảy hữu lậu, thành tựu Vô lậu, được tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."[22]

Đó gọi là Như Lai có mười lực như thế, được gọi là bậc Vô Trước, thành tựu bốn vô sở úy, ở trong đại chúng rống tiếng rống của sư tử, chuyển bánh xe pháp.

Thế nào gọi là Như Lai thành tựu bốn vô sở úy?

Như Lai tuyên bố rằng đã thành bậc Đẳng Chánh Giác, nếu có chúng sanh nào muốn cho rằng biết được sự việc này thì điều này không đúng. Lại nữa, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn muốn hủy báng Phật chưa thành bậc Đẳng Chánh Giác thì điều này không đúng. Do điều này không đúng nên Như Lai được an ổn.

Lại nữa, ngày nay Như Lai tuyên bố rằng đã dứt sạch hữu lậu, giả sử có Sa-môn hay Bà-la-môn, chư thiên hoặc thiên ma muốn cho rằng Như Lai chưa dứt sạch hữu lậu thì điều này không đúng. Do điều này không đúng nên Như Lai được an ổn.

Lại nữa, pháp do Như Lai thuyết giảng là pháp mà Hiền thánh đã thành tựu giải thoát và như thật chấm dứt nguồn gốc khổ đau. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn, chư thiên hoặc thiên ma muốn cho rằng pháp của Như Lai chưa chấm dứt nguồn gốc khổ đau thì điều này không đúng. Do điều này không đúng nên Như Lai được an ổn.

[0777a02] Lại nữa, Như Lai tuyên bố những pháp chướng ngại[23] là con đường đọa vào cõi ác, giả sử có Sa-môn hay Bà-la-môn muốn cho rằng điều này không đúng thì thật không có lý đó.

Này Tỳ-kheo! Đó gọi là Như Lai có bốn vô sở úy.

Giả sử hàng ngoại đạo dị học cho rằng: "Sa-môn Cù-đàm kia có những sức lực gì, có sự vô úy nào mà dám tự xưng là bậc Vô trước, Tối tôn?" thì các thầy hãy dùng mười lực này để đối đáp với họ.

---

[22] *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a28) gọi là Lậu tận trí lực (漏盡智力); *M*. 12: *Tathāgato āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharati* (Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát), HT. Thích Minh Châu dịch. Kể đến đây mới có 9 lực, thiếu 1 lực, *Đại Bát-nhã Ba-la-mật kinh* 大般若波羅蜜多經 (*T*.05. 0220.53. 0301a26) gọi là Biến hành hành trí lực (遍行行智力); *M*. 12: *Tathāgato sabbatthagāminiṃ paṭipadaṃ* (Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới), HT. Thích Minh Châu dịch.

[23] Nguyên tác: Nội pháp (內法). Có khả năng dịch giả Phạn - Hán đọc *antarāyikā dhammā* (những pháp chướng ngại, những pháp tai họa) thành *antaradhamma* (pháp trung gian hay nội pháp). Theo *Luật tạng* Pāli, 5 pháp tai họa bao gồm: (i) *Kammantarāyika* (tai họa do ác trọng nghiệp), (ii) *Kilesantarāyika* (tai họa do phiền não tà kiến cố định), (iii) *Vipākantarāyika* (tai họa do quả tái sanh), (iv) *Ariyūpavādantarāyika* (tai họa do chê trách bậc Thánh nhân), (v) *Āṇāvītikkamantarāyika* (tai họa do phạm giới). Xem *M*. 22.

Giả sử có ngoại đạo dị học lại bảo rằng: "Chúng ta cũng thành tựu mười lực." Tỳ-kheo các thầy nên hỏi họ như vầy: "Các ông có mười lực gì?" Khi ấy, hàng ngoại đạo dị học chắc chắn không thể trả lời, lại càng tăng thêm sự mê hoặc. Vì sao như vậy? Vì Ta chưa bao giờ thấy có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tự xưng đã đạt được bốn vô sở úy, ngoại trừ Như Lai.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu mười lực và bốn vô sở úy.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. MƯỜI NIỆM[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có mười niệm, nếu phân biệt rộng rãi rồi tu hành thì sẽ dứt sạch ái dục nơi cõi dục, ái dục nơi cõi sắc, ái dục nơi cõi vô sắc, kiêu mạn và vô minh. Mười niệm gồm những gì? Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm chỉ quán,[25] niệm hơi thở,[26] niệm thân và niệm sự chết.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Có chúng sanh nào tu tập mười niệm này thì sẽ dứt sạch ái dục nơi cõi dục, ái dục nơi cõi sắc, ái dục nơi cõi vô sắc, tất cả vô minh, kiêu mạn thảy đều diệt trừ sạch.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. GẦN GŨI HOÀNG CUNG[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[24] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.46.5. 0780c07). Bản Cao Ly, bản Thánh khắc thiếu kinh số 5, bản *Đại Chánh* căn cứ các bản Tống, Nguyên, Minh bổ khuyết vào cuối quyển 42, từ dòng 0780c07-14. Bản dịch Việt sắp xếp lại theo đúng thứ tự.

[25] Niệm chỉ quán (念止觀). Ở kinh số 8 cùng trong phẩm này ghi là "niệm hưu tức" (念休息).

[26] Niệm an-ban (念安般).

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.46.6. 0777a15). Tham chiếu: *A.* 10.45 - V. 81; *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.20. 0390b16-c15).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Gần gũi hoàng cung[28] có mười điều phi pháp. Là những điều nào?

Đó là, có người ở trong hoàng cung rắp tâm muốn giết hại nhà vua, do âm mưu của kẻ đó mà nhà vua băng hà. Dân chúng nước ấy liền nghĩ rằng: "Các Sa-môn đạo sĩ này thường hay lui tới, điều này chắc là do Sa-môn gây nên." Đây là tai họa đầu tiên của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

Lại nữa, các quan đại thần phản nghịch, bị vua bắt giữ và xử trảm hết. Khi ấy, dân chúng liền nghĩ rằng: "Sa-môn đạo sĩ này thường hay lui tới, điều này chắc là do Sa-môn gây ra." Đây là tai họa thứ hai của Sa-môn khi phi pháp ra vào hoàng cung.

Lại nữa, khi hoàng cung bị mất báu vật hay tài sản thì người giữ kho liền nghĩ rằng: "Những báu vật này ta thường gìn giữ, không có ai khác ra vào đây, chắc là Sa-môn đã lấy nó." Đây là tai họa thứ ba của Sa-môn khi phi pháp ra vào hoàng cung.

Lại nữa, công chúa quốc vương đang độ xuân thì, tuy chưa lấy chồng mà lại mang thai, khi ấy dân chúng liền nghĩ rằng: "Trong cung này chẳng có ai khác lui tới, chắc là do Sa-môn gây ra." Đây là tai họa thứ tư của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

Lại nữa, nhà vua thân lâm trọng bệnh do trúng thuốc của kẻ khác, khi ấy dân chúng liền nghĩ rằng: "Trong hoàng cung không có ai khác, điều này chắc là do Sa-môn gây ra." Đây là tai họa thứ năm của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

[0777b03] Lại nữa, nhà vua và quan lại đại thần đấu tranh lẫn nhau, gây thương tổn cho nhau, khi ấy dân chúng liền nghĩ rằng: "Các quan đại thần này vốn hòa hợp với nhau, nay lại chống trái lẫn nhau, điều này chẳng phải do ai khác gây ra, chắc là do Sa-môn, đạo sĩ." Đây là tai họa thứ sáu của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

Lại nữa, hai quốc gia đánh nhau, ai cũng tranh giành chiến thắng, lúc ấy dân chúng liền nghĩ rằng: "Sa-môn, đạo sĩ này thường lui tới trong cung, chắc là do Sa-môn ấy xúi giục." Đây là tai họa thứ bảy của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

Lại nữa, quốc vương vốn ưa thích bố thí của cải cho dân chúng, về sau do keo kiệt nên hối tiếc, không bố thí nữa, khi ấy dân chúng đều nghĩ rằng: "Quốc vương của chúng ta vốn hoan hỷ bố thí, nay lại tham tiếc không có tâm bố thí nữa, điều này chắc là do Sa-môn gây nên." Đây là tai họa thứ tám của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

---

[28] Nguyên tác: Quốc gia (國家), được hiểu theo nghĩa là "triều đình" (朝廷), ở đây được hiểu là "hoàng cung."

Lại nữa, trước đây, nhà vua trưng thu tài sản của dân chúng đúng với Chánh pháp, về sau lại trưng thu tài sản của dân chúng một cách phi pháp, khi ấy dân chúng đều nghĩ rằng: "Nhà vua của chúng ta trước đây trưng thu tài sản của dân chúng đúng với Chánh pháp, về sau lại trưng thu tài sản của dân chúng một cách phi pháp, điều này chắc do Sa-môn gây nên." Đây là tai họa thứ chín của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

Lại nữa, dân chúng cả nước đều mắc bệnh bởi do duyên đời trước, khi ấy dân chúng đều nghĩ rằng: "Trước kia chúng ta chẳng có bệnh tật gì, nay mọi người đều lâm bệnh, người chết đầy đường, chắc là do chú thuật của Sa-môn gây ra đến nông nỗi này." Đây là tai họa thứ mười của Sa-môn khi phi pháp gần gũi hoàng cung.

Này Tỳ-kheo! Đó là mười điều tai họa khi phi pháp ra vào hoàng cung. Thế nên, này Tỳ-kheo! Chớ khởi tâm gần gũi với hoàng cung.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. MƯỜI PHÁP THÀNH TỰU[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu nhà vua huân tập mười pháp này thì không thể tồn tại lâu dài, có nhiều giặc cướp. Là những pháp nào?

Đó là, nhà vua tham lam keo kiệt, chỉ vì một việc nhỏ liền nổi sân hận, không xem xét phải trái. Nếu nhà vua huân tập pháp đầu tiên này thì không thể tồn tại lâu dài, quốc gia có nhiều giặc cướp.

Lại nữa, nhà vua ấy tham đắm tài sản, không chịu bố thí.[30] Đây là pháp thứ hai, nếu nhà vua huân tập pháp này thì không thể tồn tại lâu dài.

[0777c01] Lại nữa, nhà vua ấy không nghe lời người khác can gián, là người bạo ngược, không có lòng nhân từ. Đây là pháp thứ ba khiến không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, nhà vua ấy bắt oan dân chúng, trói buộc giam cầm, nhốt trong lao ngục, không có ngày ra khỏi. Đây là pháp thứ tư khiến không thể tồn tại lâu dài.

---

[29] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.46.7. 0777b24).

[30] Nguyên tác: Thứ cơ (庶幾). *Thiện Sanh kinh* 善生經 (*T.*01. 0001.16. 0072a05) ghi: Cấp thí (給施); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.89. 0022c26) ghi: Thí (施).

Lại nữa, nhà vua có tướng lãnh phi pháp, không theo chánh hạnh. Đây là pháp thứ năm khiến không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, nhà vua ấy tham đắm nhan sắc của người, bỏ bê thê thiếp của mình. Đây gọi là nhà vua huân tập pháp thứ sáu khiến không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, nhà vua ấy ưa thích uống rượu, không màng việc triều chính. Đây là huân tập pháp thứ bảy khiến không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, nhà vua ưa thích ca múa, vui chơi, không màng việc triều chính. Đây là pháp thứ tám khiến không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, nhà vua thường xuyên bệnh tật, không có ngày nào khỏe mạnh. Đây là pháp thứ chín khiến không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, nhà vua không tin đại thần trung hiếu, cận thần ít ỏi, không có quan phụ chánh giỏi giang. Đây gọi là pháp thứ mười khiến không thể tồn tại lâu dài.

Nếu quốc vương huân tập mười pháp này thì sẽ không thể tồn tại lâu dài.

Ở đây, chúng Tỳ-kheo cũng như vậy, nếu huân tập mười pháp này thì không thể tăng trưởng cội gốc công đức thiện lành, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Mười pháp gồm những gì?

Ở đây, Tỳ-kheo không giữ gìn giới cấm, cũng chẳng có tâm cung kính. Đây gọi là Tỳ-kheo huân tập pháp đầu tiên, không đạt mục tiêu cần phải đạt một cách rốt ráo.

Lại nữa, Tỳ-kheo không phụng sự Phật, không tin lời chân thật. Đây là Tỳ-kheo huân tập pháp thứ hai, không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không phụng sự Pháp, các giới luật bị xuyên thủng. Đây là Tỳ-kheo huân tập pháp thứ ba, không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không phụng sự Thánh chúng, thường có tâm tự ti, không tin nhận lời dạy của Thánh chúng. Đây là Tỳ-kheo huân tập pháp thứ tư, không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng, tâm không buông xả. Đây là Tỳ-kheo huân tập pháp thứ năm, không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không học hỏi nhiều, không siêng năng tụng đọc, tu tập. Đây là Tỳ-kheo huân tập pháp thứ sáu, không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không gần gũi thiện tri thức, thường gần gũi ác tri thức. Đây là pháp thứ bảy của Tỳ-kheo, không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo ưa thích công việc, không nhớ nghĩ đến tọa thiền. Đây là pháp thứ tám, không thể tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo đam mê toán số, bỏ đạo theo thế tục, không tu tập Chánh pháp. Đây là pháp thứ chín của Tỳ-kheo, không thể tồn tại lâu dài.

[0778a02] Lại nữa, Tỳ-kheo không ưa thích tu tập Phạm hạnh, tham đắm bất tịnh. Đây là pháp thứ mười của Tỳ-kheo, không thể tồn tại lâu dài.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Huân tập mười pháp này thì chắc chắn bị đọa trong ba đường ác, không thể sanh vào cõi lành.

Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì được tồn tại ở đời dài lâu. Mười pháp gồm những gì?

Ở đây, quốc vương không tham đắm tài vật, không khởi sân hận, cũng chẳng vì việc nhỏ mà sanh tâm thù oán. Đây là pháp thứ nhất, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương nghe lời can gián của quần thần, không trái nghịch với họ. Đây là thành tựu pháp thứ hai, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương thường ưa thích bố thí, cùng vui với niềm vui của dân chúng. Đây là pháp thứ ba, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương trưng thu tài sản đúng pháp, không lấy bằng phi pháp. Đây là pháp thứ tư, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương không đam mê sắc đẹp của người khác, thường bảo bọc thê thiếp của mình. Đây là thành tựu pháp thứ năm, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương cũng không uống rượu, tâm không mê loạn. Đây là thành tựu pháp thứ sáu, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương cũng không ham thích vui chơi, hàng phục kẻ địch bên ngoài. Đây là thành tựu pháp thứ bảy, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương trị dân đúng pháp, không hề sai lệch. Đây là thành tựu pháp thứ tám, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương cùng hòa thuận với quần thần, không có chống trái. Đây là thành tựu pháp thứ chín, khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương không bị bệnh hoạn, khí lực cường tráng. Đây là pháp thứ mười, khiến được tồn tại lâu dài.

Nếu quốc vương thành tựu mười pháp này thì sẽ được tồn tại lâu dài, không có gì lo ngại.

Chúng Tỳ-kheo cũng lại như thế, nếu thành tựu mười pháp này thì trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, liền được sanh lên cõi trời. Mười pháp gồm những gì?

Đó là, Tỳ-kheo giữ gìn giới cấm, giới đức đầy đủ, không phạm Chánh pháp. Đây là Tỳ-kheo thành tựu pháp đầu tiên, sau khi mạng chung thì được sanh vào cõi lành, cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm cung kính đối với Như Lai. Đây là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai, được sanh vào cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thuận theo giáo pháp, không sai phạm một lỗi nào. Đây là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba, được sanh vào cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo cung kính, phụng sự Thánh chúng, không có tâm biếng nhác. Đây là thành tựu pháp thứ tư, được sanh lên cõi trời.

[0778b02] Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn biết đủ, không tham đắm lợi dưỡng. Đây là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm, được sanh lên cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo không làm theo ý mình, thường tùy thuận giới pháp. Đây là thành tựu pháp thứ sáu, được sanh vào cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không đam mê công việc, thường ưa ngồi thiền. Đây là thành tựu pháp thứ bảy, được sanh lên cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo ưa thích ở chỗ thanh vắng, không ở trong chốn nhân gian. Đây là thành tựu pháp thứ tám, được sanh vào cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thuận theo ác tri thức, thường gần gũi thiện tri thức. Đây là thành tựu pháp thứ chín, được sanh vào cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường tu Phạm hạnh, xa lìa pháp ác, nghe nhiều, học hỏi nghĩa lý, không mất thứ lớp. Đây là thành tựu pháp thứ mười, được sanh vào cõi lành.

Như thế, Tỳ-kheo thành tựu mười pháp này thì trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Mười hạnh phi pháp khiến đọa vào địa ngục thì nên nhớ phải xa lìa, mười hạnh Chánh pháp thì nên tôn kính vâng giữ, tu tập.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. Ý NGHĨA CỦA MƯỜI PHÁP[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ đã đúng thời, số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ:

– Chúng ta vào thành khất thực nhưng còn quá sớm. Chúng ta có thể đến chỗ ngoại đạo dị học để cùng luận bàn với họ.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền đi đến chỗ ngoại đạo dị học.

Bấy giờ, ngoại đạo dị học từ xa trông thấy các Sa-môn đi đến, họ liền bảo nhau:

---

[31] Tựa đề được Phật dạy ở cuối kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.46.8. 0778b17). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.486-489. 0124b18-c22); *A.* 10.27 - V. 48.

– Chúng ta nên im lặng, đừng nói năng lớn tiếng, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đến đây, pháp của Sa-môn là khen ngợi người yên lặng, đừng để họ biết Chánh pháp của chúng ta có hỗn loạn hay không hỗn loạn.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ ngoại đạo dị học, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

Thế rồi, ngoại đạo hỏi các Tỳ-kheo:

– Này các ông! Sa-môn Cù-đàm vì hàng đệ tử mà giảng nói pháp vi diệu như vầy: "Này các Tỳ-kheo! Hãy hiểu rõ tất cả các pháp rồi tự mình an trú", phải vậy chăng? Chúng tôi cũng giảng nói pháp vi diệu này cho hàng đệ tử để tự an trú. Những điều chúng tôi giảng nói có khác gì các ông? Có sai biệt gì? Thuyết pháp, dạy bảo đều cùng một loại, không sai khác.

Lúc ấy, nghe ngoại đạo dị học nói như vậy, phần lớn các Tỳ-kheo không khen hay cũng không bảo dở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra về.

[0778c04] Bấy giờ, các Tỳ-kheo bảo nhau:

– Chúng ta nên đem ý nghĩa này về thưa với Thế Tôn. Nếu Như Lai có chỉ dạy điều gì, chúng ta sẽ ghi nhớ phụng hành.

Khi vào thành La-duyệt khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về phòng cất y bát, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem ngọn nguồn nhân duyên sự việc thưa hết với Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Khi các ngoại đạo dị học ấy hỏi về nghĩa đó rồi, các thầy hãy đáp trả bằng những lời như vầy: "Một câu hỏi, một câu trả lời, một câu giải thích,... cho đến mười câu hỏi, mười câu trả lời, mười câu giải thích, khi nói những lời như vậy là có những ý nghĩa gì?" Nếu như các thầy đem lời này đến hỏi họ thì chắc chắn các ngoại đạo dị học kia không thể trả lời, những kẻ ấy càng tăng thêm mê mờ. Vì sao như vậy? Vì đó chẳng phải là cảnh giới của họ.[32]

Cho nên, này Tỳ-kheo! Ta không thấy có chư thiên, loài người, ma hoặc thiên ma, Đế-thích hay Phạm thiên vương nào có thể trả lời được điều này, chỉ trừ Như Lai và đệ tử Như Lai đã từng được nghe Ta dạy bảo, điều này không thể chối cãi.

Một câu hỏi, một câu trả lời, một câu giải thích, tuy Ta giảng nói nghĩa lý này, nhưng vì lý do gì mà nói như thế? Tất cả chúng sanh đều do ăn mới tồn tại,

---

[32] Tham chiếu: *A*. 10.27 - V. 48: "Này các Tỳ-kheo, được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy cần phải được nói như sau: 'Này chư Hiền, một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời; hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời; ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời; bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời; năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời; sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời; bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời; tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời; chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời; mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời.' Được hỏi vậy, này các Tỳ-kheo, các du sĩ ngoại đạo ấy sẽ không thể trả lời, hơn nữa sẽ rơi vào bối rối. Vì sao? Này các Tỳ-kheo, vì vấn đề ấy vượt ngoài địa hạt của họ" (HT. Thích Minh Châu dịch).

không ăn thì chết. Tỳ-kheo ấy chân chánh[33] nhàm chán, chân chánh giải thoát, chân chánh quán sát, chân chánh phân biệt nghĩa lý ấy thì chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau, đồng một nghĩa không sai khác. Điều mà Ta giảng nói, chính là như vậy.

Hai câu hỏi, hai câu trả lời, hai câu giải thích, tuy Ta giảng nói nghĩa lý này, nhưng vì lý do gì mà nói như thế? Là danh và sắc. Những gì gọi là danh? Nghĩa là thọ, tưởng, niệm, xúc và tư duy, đó gọi là danh. Vì sao gọi cái kia là sắc? Bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc, do nguồn gốc của duyên này, cho nên gọi là sắc.

Hai câu hỏi, hai câu trả lời, hai câu giải thích, do nhân duyên này nên hôm nay Ta giảng nói như vậy. Nếu Tỳ-kheo chân chánh nhàm chán, chân chánh giải thoát, chân chánh quán sát, chân chánh phân biệt nghĩa lý ấy thì chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau.

Ba câu hỏi, ba câu trả lời, ba câu giải thích, vì lý do gì mà giảng nói nghĩa lý này? Đó là ba thọ. Là ba thọ nào? Là thọ khổ, thọ lạc và thọ không khổ không lạc.

Thế nào gọi là thọ lạc? Nghĩa là trong tâm có tưởng lạc, cũng không phân tán, đó gọi là thọ lạc.

Thế nào gọi là thọ khổ? Nghĩa là trong tâm mê loạn, không định tĩnh chuyên nhất, tư duy vô số tưởng khác nhau, đây gọi là thọ khổ.

Thế nào là thọ không khổ không lạc? Nghĩa là trong tâm không có tưởng khổ, không có tưởng lạc, cũng chẳng định tĩnh chuyên nhất, lại không loạn tưởng, cũng chẳng tư duy về pháp và phi pháp, thường tự vắng lặng, tâm không ghi nhận điều gì, cho nên gọi là không khổ không lạc. Đó là ba thọ. Nếu Tỳ-kheo chân chánh nhàm chán, chân chánh giải thoát, chân chánh quán sát, chân chánh phân biệt nghĩa lý ấy thì chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau. Điều Ta giảng nói về ba câu hỏi, ba câu trả lời, ba câu giải thích, chính là như vậy.

[0779a11] Bốn câu hỏi, bốn câu trả lời, bốn câu giải thích, vì những lý do gì mà giảng nói ý nghĩa này? Đó là bốn sự thật. Là bốn loại nào? Đó là sự thật về khổ, sự thật về nguyên nhân của khổ, sự thật khi khổ diệt[34] và sự thật về con đường đưa đến khổ diệt.

Thế nào là sự thật về khổ? Nghĩa là sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, ưu, bi, phiền não là khổ, oán ghét phải gặp nhau là khổ, ân ái phải xa lìa là khổ, mong cầu không được là khổ.

Thế nào gọi là sự thật về nguyên nhân của khổ? Nghĩa là căn bản ái tương ưng với dục. Đó là sự thật về nguyên nhân của khổ.

---

[33] Nguyên tác: Bình đẳng (平等). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.103. 0030b27) ghi: Chánh (正, *sammā*).

[34] Nguyên tác: Tận (盡).

Thế nào gọi là sự thật về khổ diệt?[35] Nghĩa là ái kia được đoạn trừ vĩnh viễn, không chút tàn dư, cũng chẳng tái sanh. Đó gọi là sự thật về khổ diệt.

Thế nào gọi là sự thật về con đường đưa đến khổ diệt?[36] Nghĩa là con đường tám phẩm Hiền thánh, gồm chánh kiến, chánh tư duy,[37] chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn,[38] chánh niệm và chánh định. Đó gọi là con đường tám phẩm.

Nếu Tỳ-kheo chân chánh nhàm chán, chân chánh giải thoát, chân chánh quán sát, chân chánh phân biệt nghĩa lý ấy thì chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau. Đó gọi là bốn câu hỏi, bốn câu trả lời, bốn câu giải thích. Điều Ta giảng nói, chính là như vậy.

Nay Ta giảng nói về năm câu hỏi, năm câu trả lời, năm câu giải thích, vì những lý do gì mà giảng nói như vậy? Là năm căn. Gồm những căn nào? Là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

Thế nào gọi là tín căn? Nghĩa là vị đệ tử Hiền thánh tin vào đạo pháp của Như Lai, vì Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,[39] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Đó gọi là tín căn.

Thế nào gọi là tấn căn? Là thân và tâm đều siêng năng không mỏi mệt, diệt trừ pháp bất thiện, khiến pháp thiện tăng trưởng, giữ gìn tâm chuyên nhất. Đó gọi là tấn căn.

Thế nào gọi là niệm căn? Sở dĩ gọi niệm căn là do không quên những điều đã tụng đọc, thường ghi nhớ trong tâm, giữ gìn không quên mất, dù pháp hữu vi hay pháp vô lậu cũng không bao giờ quên mất. Đó gọi là niệm căn.

Thế nào gọi là định căn? Sở dĩ gọi định căn là bởi tâm không tán loạn, không có các tưởng, thường nhất tâm tinh chuyên. Đó gọi là định căn.

Thế nào gọi là tuệ căn? Đó là, biết khổ, biết tập, biết diệt và biết đạo. Đó gọi là tuệ căn.

Đây gọi là năm căn. Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp này mà chân chánh giải thoát, chân chánh phân biệt nghĩa lý ấy thì chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau. Đó gọi là năm câu hỏi, năm câu trả lời, năm câu giải thích. Điều Ta giảng nói, chính là như vậy.

[0779b10] Ta đã giảng nói về sáu câu hỏi, sáu câu trả lời, sáu câu giải thích. Vì lý do gì mà Ta giảng nói như thế? Là sáu pháp trọng.[40] Gồm những pháp nào?

---

[35] Nguyên tác: Khổ tận đế (苦盡諦).

[36] Nguyên tác: Khổ yếu đế (苦要諦).

[37] Nguyên tác: Chánh trị (正治).

[38] Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便).

[39] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為).

[40] Lục trọng chi pháp (六重之法): 6 nguyên tắc sống chung.

Ở đây, Tỳ-kheo thân thường hành từ, hoặc ở thất vắng, tâm thường chuyên nhất, đáng kính đáng quý, luôn luôn hòa hợp. Đó gọi là pháp trọng thứ nhất.

Lại nữa, miệng thường hành từ, chưa từng dối trá, đáng kính đáng quý. Đó gọi là pháp trọng thứ hai.

Lại nữa, tâm thường hành từ, không khởi oán ghét, đáng kính đáng quý. Đó gọi là pháp trọng thứ ba.

Lại nữa, nếu như có được lợi dưỡng đúng pháp,[41] dư hơn một bát thì nên cúng dường người đồng Phạm hạnh với tâm bình đẳng. Đó gọi là pháp trọng thứ tư, đáng kính đáng quý.

Lại nữa, phụng trì giới cấm, không để sai phạm, là điều mà bậc Hiền thánh tôn quý. Đó gọi là pháp trọng thứ năm, đáng kính đáng quý.

Lại nữa, chánh kiến ở đây là pháp xuất ly của Hiền thánh, khiến đoạn trừ hết thảy khổ đau, tâm không tán loạn thì nên chia sẻ pháp này với những người Phạm hạnh để cùng nhau tu tập. Đó gọi là pháp trọng thứ sáu, đáng kính đáng quý.

Nếu Tỳ-kheo chân chánh nhàm chán, chân chánh giải thoát, chân chánh phân biệt nghĩa lý ấy thì chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau. Đó gọi là sáu câu hỏi, sáu câu trả lời, sáu câu giải thích. Điều Ta giảng nói, chính là như vậy.

Bảy câu hỏi, bảy câu trả lời, bảy câu giải thích, vì những lý do gì mà Ta giảng nói như thế? Đó là bảy chỗ cư trú của thần thức.[42] Là những nơi nào?

Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu tưởng thì có bấy nhiêu thân, đó là cõi trời và loài người.

Hoặc có chúng sanh có nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, đó là cõi trời Phạm-ca-di lúc mới xuất hiện.

Hoặc có chúng sanh chỉ có một tưởng và một thân, đó là cõi trời Quang Âm.

Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng nhiều tưởng, đó là cõi trời Biến Tịnh.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Không xứ, đó là cõi trời Không Xứ.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Thức xứ, đó là cõi trời Thức Xứ.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Vô sở hữu xứ, đó là cõi trời Vô Sở Hữu Xứ.[43]

---

[41] Đắc pháp lợi chi dưỡng (得法利之養). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0012a09) ghi: Đắc tịnh lợi dưỡng 得淨利養; *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0054a14) ghi: Dĩ pháp đắc dưỡng 以法得養; *Vũ-thế kinh* 雨勢經 (*T*.01. 0026.142. 0650a23) ghi: Pháp lợi như pháp đắc lợi 法利如法得利; *Châu-na kinh* 周那經 (*T*.01. 0026.196. 0755b26) ghi: Pháp lợi như pháp đắc 法利如法得.

[42] Nguyên tác: Thất thần thức chỉ xứ (七神識止處): 7 chỗ cư trú của thần thức. Thế nhưng trong nội dung đề cập đến 8 chỗ.

[43] Nguyên tác: Bất Dụng Xứ (不用處).

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Hữu tưởng vô tưởng xứ, đó là cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.[44]

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy chỗ cư trú của thần thức. Như vậy, Tỳ-kheo chân chánh giải thoát,... cho đến chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau. Đó là bảy câu hỏi, bảy câu trả lời, bảy câu giải thích. Điều Ta giảng nói, chính là như vậy.

[0779c08] Ta đã giảng nói về tám câu hỏi, tám câu trả lời, tám câu giải thích. Vì những lý do gì mà giảng nói như thế? Nghĩa là tám pháp thế gian, theo thế gian mà xoay chuyển. Là những pháp nào? Đó là được, mất, nhục, vinh, khen, chê, khổ, vui. Đó là tám pháp thế gian, theo thế gian mà xoay chuyển. Nếu Tỳ-kheo đối với pháp này mà chân chánh giải thoát,... cho đến chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau. Ta đã giảng nói về tám câu hỏi, tám câu trả lời, tám câu giải thích, chính là như vậy.

Ta đã giảng nói về chín câu hỏi, chín câu trả lời, chín câu giải thích. Vì những lý do gì mà giảng nói như thế? Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh. Gồm những nơi nào?

Nếu có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, đó là cõi trời và loài người.

Hoặc có chúng sanh có nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, là cõi trời Phạm-ca-di lúc mới xuất hiện.

Hoặc có chúng sanh chỉ có một tưởng và một thân, đó là cõi trời Quang Âm.

Hoặc có chúng sanh có một thân nhưng nhiều tưởng, đó là cõi trời Biến Tịnh.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Không xứ, đó là cõi trời Không Xứ.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Thức xứ, đó là cõi trời Thức Xứ.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Vô sở hữu xứ, đó là cõi trời Vô Sở Hữu Xứ.

Hoặc có chúng sanh với vô lượng Hữu tưởng vô tưởng xứ, đó là cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Chúng sanh cõi trời Vô Tưởng[45] và các loại chúng sanh khác, là chín trú xứ của thần thức.

Như vậy, Tỳ-kheo chân chánh giải thoát,... cho đến chân chánh đoạn trừ hết thảy khổ đau. Ta đã giảng nói về chín câu hỏi, chín câu trả lời, chín câu giải thích, chính là như vậy.

Vì những lý do gì mà Ta giảng nói về mười câu hỏi, mười câu trả lời, mười câu giải thích? Đó là mười niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng,

---

[44] Nguyên tác: Hữu Tưởng Vô Tưởng thiên (有想無想天).

[45] Nguyên tác: Vô tưởng chúng sanh (無想眾生): Chúng sanh không có tưởng, chỉ cho chư thiên cõi Vô Tưởng thuộc sắc giới, gồm: Phạm thiên (梵天, Brahmā), Quang Âm thiên (光音天, Ābhassarā), Biến Tịnh thiên (遍淨天, Subhakiṇṇā), Vô Tưởng thiên (無想天, Asaññisatta).

niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch lặng,[46] niệm hơi thở,[47] niệm thân, niệm sự chết. Đó là mười niệm. Nếu Tỳ-kheo chân chánh giải thoát,... cho đến đoạn trừ hết thảy khổ đau. Đó là mười câu hỏi, mười câu trả lời, mười câu giải thích.

Này Tỳ-kheo! Đây là từ một cho đến mười.

[0780a01] Tỳ-kheo nên biết! Nếu ngoại đạo dị học nghe những lời này, còn không dám ngước mắt nhìn lên, huống hồ là trả lời. Nếu Tỳ-kheo nào thông hiểu nghĩa lý này thì trong đời hiện tại, vị ấy là bậc tôn quý nhất.

Nếu có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào tư duy về nghĩa lý này, cho đến mười năm thì vị ấy chắc chắn sẽ thành tựu được một trong hai quả vị: Hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm.

Hoặc giả không cần mười năm, nếu Tỳ-kheo nào chỉ trong một năm, tư duy về nghĩa lý này thì chắc chắn sẽ thành tựu một trong hai quả vị và chung cuộc không bị thoái lui giữa chừng.

Hoặc giả không cần một năm, Tỳ-kheo và bốn bộ chúng ấy chỉ trong mười tháng cho đến một tháng, tư duy về nghĩa lý này thì chắc chắn sẽ thành tựu một trong hai quả vị và chung cuộc không bị thoái lui giữa chừng.

Hoặc giả không cần một tháng, nếu bốn bộ chúng chỉ trong bảy ngày mà tư duy về nghĩa lý này thì chắc chắn thành tựu một trong hai quả vị và chung cuộc không có nghi ngờ.

Bấy giờ, A-nan đứng sau Thế Tôn, đang cầm quạt hầu Ngài.

Thế rồi, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn, pháp này quá thâm sâu, nếu những nơi nào có giáo pháp này thì nên biết nơi ấy gặp được Như Lai. Kính bạch Thế Tôn! Pháp này tên gọi là gì và làm thế nào để phụng hành?

Phật bảo A-nan:

– Kinh này tên là *Ý nghĩa của mười pháp*, hãy ghi nhớ rồi phụng hành.

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[46] Nguyên tác: Niệm hưu tức (念休息): Niệm tịch lặng. *Kinh niệm tịch lặng*, số 7, phẩm 2, tr. 17 trong tập này; *Tăng. 增* (*T*.02. 0125.2.7. 0553a28) giải thích: Nếu có Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, ý không loạn động, ngồi yên kiết-già, buộc niệm trước mặt, không khởi tưởng khác, chuyên niệm tịch lặng. "Tịch lặng" nghĩa là dứt trừ nghĩ tưởng, tâm ý trong lặng, cũng không vọng động, nhất tâm tinh chuyên, thích sống nơi thanh tịnh, thường tìm phương tiện để nhập định tam-muội. Thường nhớ nghĩ không ham hơn thua, không giành trên trước. Như thế, này các Tỳ-kheo! Đây gọi là "niệm tịch lặng." *Phân biệt công đức luận* 分別功德論 (*T*.25. 1507.2. 0036c12) giải thích: "Niệm hưu tức" nghĩa là chấm dứt suy tưởng của tâm ý, không sanh khởi năm dục, luôn tịch nhiên vắng lặng, gọi là "tức" vậy (念休息者, 謂心意想息, 五欲不起寂然永定, 故云息也). P. *Upasamānussati*, được dịch là "tịch tĩnh tùy niệm" (寂靜隨念), hoặc là "niệm an tịnh" (念安淨).

[47] Nguyên tác: Niệm an-ban (念安般).

9. MƯỜI TƯỞNG[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có người tu hành mười tưởng, liền dứt sạch phiền não, chứng đắc thần thông, từng bước đạt đến Niết-bàn. Là mười tưởng nào?

Đó là tưởng xương trắng, tưởng bầm tím, tưởng sình trương, tưởng ăn không tiêu, tưởng máu, tưởng nhai nuốt, tưởng hữu thường vô thường, tưởng tham ăn uống, tưởng sự chết và tưởng tất cả thế gian đều không có gì đáng ưa thích. Như vậy, này Tỳ-kheo! Tu tập mười tưởng này thì được dứt sạch phiền não, đạt đến cảnh giới Niết-bàn.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Trong mười tưởng ấy thì tưởng tất cả thế gian đều không có gì đáng ưa thích là tối thắng hơn hết. Vì sao như vậy? Nếu có người tu tập về tưởng không có gì đáng ưa thích này, chắc chắn vượt lên hai bậc Tùy tín hành và Tùy pháp hành[49] mà chứng đắc.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Khi ngồi bên gốc cây hay ở nơi vắng vẻ hoặc chỗ đất trống thì nên tư duy về mười tưởng này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

10. QUÁN TƯỞNG VỀ DỤC[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Thế rồi, Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

– Hôm nay, Như Lai giảng nói cho các Tỳ-kheo: "Những ai có thể tu tập pháp mười tưởng ấy thì sẽ dứt sạch tất cả hữu lậu, thành tựu hạnh vô lậu." Bạch

---

[48] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.46.9. 0780a16). Tham chiếu: *A*. 5.61 - III. 79; *A*. 7.48 - IV. 46; *A*. 9.16 - IV. 387; *A*. 10.56 - V. 105.

[49] Nguyên tác: Trì tín (持信) và Phụng pháp (奉法) tức Tùy tín hành (隨信行, *Saddhānusārī*) và Tùy pháp hành (隨法行, *Dhammānusārī*) là 2 trong 7 hạng người. Bảy hạng người bao gồm: Bậc Câu phần giải thoát (俱分解脫), bậc Tuệ giải thoát (慧解脫), bậc Thân chứng (身證), bậc Kiến đáo (見到), bậc Tín giải thoát (信解脫), bậc Tùy pháp hành (隨法行), bậc Tùy tín hành (隨信行). Xem *M.* 70, *Kīṭāgiri Sutta* (*Kinh Kīṭāgiri*).

[50] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.46.10. 0780a28).

đức Thế Tôn! Thế nhưng con không thể nào kham nổi việc tu hành theo mười tưởng đó. Vì sao như vậy? Vì tâm con còn nhiều tham dục, thân tâm luôn hừng hực, chưa hề dừng nghỉ.

[0780b05] Bấy giờ, Thế Tôn dạy Tỳ-kheo ấy:

– Thầy hãy xả bỏ tưởng tịnh, tư duy về tưởng bất tịnh; xả bỏ tưởng hữu thường, tư duy về tưởng vô thường; xả bỏ tưởng hữu ngã, tư duy về tưởng vô ngã; xả bỏ tưởng những điều đáng ưa thích, tư duy về tưởng những điều không đáng ưa thích. Vì sao như vậy? Nếu Tỳ-kheo tư duy về tưởng tịnh thì tâm tham dục hừng hực, nếu tư duy về tưởng bất tịnh thì không còn tâm tham dục.

Tỳ-kheo nên biết! Ái dục là bất tịnh, như đống phân dơ. Ái dục như chim sáo, luôn kêu la ầm ĩ. Ái dục là phản phúc,[51] cũng như loài rắn độc. Ái dục là huyễn hóa, như mặt trời khiến băng tuyết tiêu tan. Phải nghĩ việc lìa bỏ dục như lìa bỏ bãi tha ma. Ái dục trở lại hại mình, như rắn mang nọc độc. Ái dục không thỏa mãn, như uống nước muối mặn. Ái dục rất khó tràn đầy, như biển chứa các dòng sông. Ái dục có nhiều đáng sợ, như thôn xóm quỷ la-sát. Ái dục như oan gia nên thường phải tránh xa. Ái dục là một chút vị, như mật dính trên lưỡi dao. Ái dục không đáng yêu, như xương trắng ven đường. Ái dục hiện dáng bên ngoài, như hoa mọc từ nhà xí. Ái dục không chân thật, ví như cái bình với họa tiết đẹp, bên trong đựng đồ nhơ uế, còn bên ngoài thì trông xinh đẹp. Ái dục không bền chắc, như bọt nước nổi trôi.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Hãy nên nghĩ tưởng xa lìa tham dục và tư duy về tưởng bất tịnh.

Này Tỳ-kheo! Thầy hãy nhớ rằng, thuở xưa thầy đã phụng hành mười tưởng từ thời đức Phật Ca-diếp, nay thầy nên suy nghĩ lại về mười tưởng ấy thì tâm hữu lậu liền được giải thoát.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia khởi lòng bi cảm không thể ngăn dòng lệ, liền đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Thế Tôn:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con tích chứa mê lầm đã lâu, nay nhờ Như Lai đích thân giảng dạy mười tưởng, con mới có thể xa lìa ái dục. Nay con xin sám hối, về sau không dám tái phạm. Cúi xin Như Lai nhận sự sám hối lỗi lầm quá nặng của con, xin tha thứ những điều sai trái!

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Ta chấp thuận sự sám hối của thầy, chớ có tái phạm. Lại nữa, Như Lai đã từng dạy mười tưởng rồi nhưng thầy không chịu phụng trì.

Thế rồi, khi nghe đức Thế Tôn dạy bảo xong, Tỳ-kheo ấy liền ở chỗ vắng vẻ, thúc liễm thân tâm, tư duy quán sát. Bởi lẽ, một người thiện nam sở dĩ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, tu tập Phạm hạnh vô thượng, là chỉ muốn thành tựu

[51] Vô phản phục (無返復): Không biết đền ơn.

sở nguyện và để biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Vị Tỳ-kheo ấy liền thành tựu quả vị A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

Kệ tóm tắt:

Kết cấm, Thánh hiền cư,
Thân quốc, Vô quái ngại,
Nhị lực cập Thập niệm,
Thập luận, Tưởng, Vô tưởng.[52]

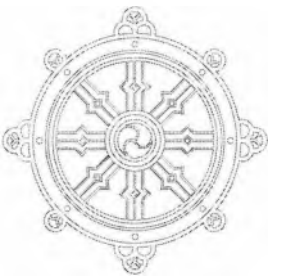

[52] Nguyên tác Nhiếp tụng: 結禁, 聖賢居; 二力及十念; 親國, 無罣礙; 十論, 想, 觀想. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 42.

47. PHẨM THIỆN ÁC[1]

1. ĐƯỜNG ĐẾN CÕI TRỜI, ĐỊA NGỤC VÀ NIẾT-BÀN[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có chúng sanh vâng giữ mười pháp thì được sanh lên cõi trời, lại có chúng sanh thực hành mười pháp thì bị đọa vào đường ác, lại có chúng sanh nếu tu hành mười pháp thì được vào cảnh giới Niết-bàn.

Thực hành mười pháp nào thì bị đọa trong đường ác? Đó là, có người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lời thêu dệt, nói lời hung ác, nói hai chiều gây chia rẽ đôi bên, ganh ghét, sân hận và khởi các tà kiến. Đó là mười pháp. Chúng sanh nào thực hành theo mười pháp này thì sẽ bị đọa vào đường ác.

Tu tập mười pháp nào thì được sanh lên cõi trời? Đó là, có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói lời hung ác, không nói hai chiều gây chia rẽ đôi bên, không ganh ghét, không sân hận và không khởi các tà kiến. Nếu có người tu tập mười pháp này thì được sanh lên cõi trời.

[0781a02] Tu hành mười pháp nào thì đạt đến Niết-bàn? Đó là mười niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng, niệm thiên, niệm giới, niệm thí, niệm tịch tĩnh,[3] niệm hơi thở ra vào,[4] niệm thân và niệm sự chết. Đó gọi là tu tập theo mười pháp này liền đạt đến Niết-bàn.

Tỳ-kheo nên biết! Phải nghĩ về việc xả ly các niệm sanh lên cõi trời và đọa vào đường ác, nên khéo vâng giữ và tu tập theo mười pháp đạt đến Niết-bàn này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[1] Nguyên tác: *Thiện ác phẩm* 善惡品 (*T*.02. 0125.47. 0780c20).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.1. 0780c21). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1056. 0275a27); *A*. 10.221 - V. 303.

[3] Nguyên tác: Niệm hưu tức (念休息) còn gọi là "tịch tĩnh tùy niệm" (寂靜隨念).

[4] Nguyên tác: Niệm an-ban (念安般). *Di-hê kinh* 彌醯經 (*T*.01. 0026.56. 0491c16) ghi: Tu tức xuất tức nhập (修息出息入); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.746. 0198a06) ghi: An-na-bát-na niệm (安那般那念).

2. MƯỜI PHÁP[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Do khởi nguồn từ mười điều ác mà sự vật bên ngoài còn suy giảm huống hồ là bên trong thân. Là những điều ác nào? Đó là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lời thêu dệt, nói lời hung ác, nói hai chiều gây chia rẽ đôi bên, ganh ghét, sân hận và tâm chấp chặt tà kiến.

Do quả báo sát sanh nên thọ mạng của chúng sanh rất ngắn. Do quả báo trộm cướp nên chúng sanh khi sanh ra liền bị nghèo đói. Do quả báo của tà dâm nên gia môn của chúng sanh không trinh tiết hiền lương. Do quả báo nói dối nên miệng của chúng sanh hôi dơ, không thanh khiết. Do quả báo nói lời thêu dệt nên đất đai không bằng phẳng. Do quả báo nói hai chiều nên đất đai sanh ra gai góc. Do quả báo nói lời hung ác nên có nhiều loại ngôn ngữ. Do quả báo ganh ghét nên lúa thóc không được dồi dào. Do quả báo của sân hận nên có nhiều sự vật xấu ác. Do quả báo của tà kiến nên tự nhiên sanh ra tám địa ngục lớn. Do quả báo của mười điều ác này khiến sự vật bên ngoài còn bị suy giảm, huống hồ là vật bên trong.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Nên nhớ nghĩ xa lìa mười pháp ác, tu hành mười pháp lành.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. PHÂN BIỆT BỐ THÍ[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Thế Tôn có thực sự nói lời này: "Bố thí cho Ta thì được phước nhiều, bố thí cho người khác thì được phước ít. Hãy bố thí cho đệ tử của Ta, đừng bố thí cho kẻ khác?" Giả sử có người nào nói những lời như vậy, chẳng phải họ đã hủy báng giáo pháp của Như Lai ư?

---

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.47.2. 0781a08).

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.47.3. 0781a24).

Đức Phật bảo nhà vua:

– Ta không nói lời như vầy: "Chỉ nên bố thí cho Ta, đừng bố thí cho người khác." Đại vương nên biết! Ta thường nói thế này: "Nếu trong bát của Tỳ-kheo còn dư chút thức ăn, nếu đổ vào trong nước cho các loài côn trùng nhỏ nhít ăn thì cũng còn có phước, huống hồ bố thí cho người mà không được phước sao?" Tuy nhiên, này Đại vương! Ta có nói thế này: "Bố thí cho người trì giới thì được phước nhiều hơn bố thí cho người phạm giới."

[0781b05] Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Bố thí cho người trì giới thì phước nhiều gấp bội, hơn hẳn bố thí cho người phạm giới.

Nhà vua lại bạch Phật:

– Phạm chí Ni-kiền tử đến bảo con: "Sa-môn Cù-đàm biết phép biến hóa, có thể xoay chuyển người đời." Bạch Thế Tôn! Lời này là đúng hay sai?

Phật bảo nhà vua:

– Đúng thế, này Đại vương! Như lời ông vừa nói, Ta có phép biến hóa, có thể làm xoay chuyển người đời.

Nhà vua bạch Phật:

– Thế nào gọi là phép biến hóa xoay chuyển?

Phật bảo nhà vua:

– Người sát sanh thì tội của kẻ đó không thể tính kể, người không sát sanh thì được vô lượng phước. Người trộm cướp phải chịu vô lượng tội, người không trộm cướp thì được vô lượng phước. Người dâm dục phải chịu vô lượng tội, người không dâm dục thì được vô lượng phước. Người tà kiến phải chịu vô lượng tội, người chánh kiến thì được vô lượng phước. Phép biến hóa của Ta nên hiểu đúng là như thế.

Lúc ấy, Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Nếu như loài người, ma hoặc thiên ma và cả những loài có hình sắc ở trong thế gian này mà thông hiểu phép biến hóa này, ắt sẽ được hạnh phúc lớn. Từ nay về sau, con không cho phép ngoại đạo dị học vào nước con, chỉ cho phép bốn bộ chúng thường ở tại cung điện của con và thường xuyên cúng dường, tùy theo nhu cầu của họ.

Đức Phật bảo Đại vương:

– Chớ nói như thế. Vì sao như vậy? Vì bố thí cho các loài súc sanh cũng được phước quả, bố thí cho người phạm giới cũng được phước quả, bố thí cho người trì giới thì phước quả khó lường, bố thí cho hàng Tiên nhân ngoại đạo được phước một ức lần, còn bố thí cho các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, bậc Độc giác và Phật thì phước ấy không thể tính kể được.

Thế nên, này Đại vương! Nên phát tâm cúng dường cho chư Phật quá khứ và tương lai, cùng với các đệ tử Thanh văn.

Thật vậy, này Đại vương! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

4. TỤC LUẬN VÀ ĐẠO LUẬN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, sau khi thọ trai xong, số đông các Tỳ-kheo đều nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội rồi cùng nhau bàn luận về những nghĩa lý như: Luận về y áo, trang phục, ăn uống; luận về việc nước, giặc cướp, chiến tranh; luận về uống rượu, tà dâm, năm dục; luận về ca múa, nhạc kịch, kỹ nhạc. Các vị bàn luận về những điều không cần thiết như thế, nhiều không tính kể.

[0781c03] Bấy giờ, bằng thiên nhĩ, khi nghe các Tỳ-kheo bàn luận về những việc như thế, Thế Tôn liền đi đến giảng đường Phổ Hội và hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận về việc gì?

Thế rồi, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Chúng con nhóm họp ở đây để cùng bàn luận về những việc không cần thiết của thế tục.

Khi ấy, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thôi, thôi! Này Tỳ-kheo! Chớ bàn luận về những việc như thế. Vì sao như vậy? Vì những điều bàn luận ấy là vô nghĩa, vì chúng không hướng đến pháp lành, chẳng phải do những điều luận bàn này mà thành tựu Phạm hạnh và cũng không thể đạt đến cõi Niết-bàn tịch diệt, cũng không thể đạt được đạo bình đẳng của Sa-môn, vì những điều luận bàn này là của thế tục, chẳng phải việc bàn luận hướng về điều chân chánh. Các thầy đã xa lìa thế tục, nương đạo tu hành thì không nên bàn luận hoặc tư duy về các phẩm hạnh bại hoại.[8] Các thầy nếu muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười công đức. Là những công đức nào? Nếu là vị Tỳ-kheo tinh tấn thì phải: Ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, nghe nhiều, có khả năng thuyết pháp cho người, không lo không sợ, giới luật vẹn toàn, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát và thành tựu giải thoát tri kiến. Các thầy nếu muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười điều này. Vì sao như vậy? Vì sẽ đem đến nhiều lợi ích, được thấm nhuần tất cả, thành tựu Phạm hạnh, đạt đến sự diệt tận giải thoát, là điều cốt lõi của Niết-bàn.

Nay các thầy đã là bậc thiện nam, đã xuất gia học đạo thì phải nên suy nghĩ về mười điều này. Sự luận bàn này là luận bàn về Chánh pháp để xa lìa đường ác.

---

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.4. 0781b28). Tham chiếu: *A*. 10.69 - V. 128; *A*. 10.70 - V. 129.

[8] Nguyên tác: Bại hạnh (敗行): Phẩm hạnh bại hoại (敗壞品行).

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. HAI VIỆC KHẤT THỰC[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo cùng nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội rồi cùng nhau bàn luận như vầy:

– Hiện nay, ở thành Xá-vệ này lúa gạo bỗng dưng đắt đỏ, khất thực khó khăn. Đức Thế Tôn đã từng dạy: "Nhờ ăn uống thì thân người mới tồn tại, mà bốn đại phải nương vào tâm để ghi nhớ pháp và pháp thì phải nương vào gốc rễ mới dẫn đến cõi lành." Ngày nay chúng ta nên phân chia thứ lớp để khất thực, khiến cho người khất thực có dung sắc tốt đẹp, có sự an lạc hoàn hảo, lại nhận được y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men trị bệnh, lẽ nào chẳng phải là điều tốt hay sao?

[0782a01] Bấy giờ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh không chút cấu nhiễm, Thế Tôn từ xa đã nghe các Tỳ-kheo bàn luận về điều này.

Thế rồi, Thế Tôn liền đi đến giảng đường Phổ Hội rồi ngồi xuống giữa đại chúng. Ngài hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận về điều gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Chúng con đang bàn luận: "Hiện nay, khất thực ở thành Xá-vệ thật khó khăn, hãy nên phân chia từng người theo thứ lớp khất thực để tùy thời mà có được dung sắc tốt đẹp, nương đó mà được an ổn, lại được thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men trị bệnh." Điều chúng con đang bàn luận chính là như vậy.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Nếu Tỳ-kheo khất thực để được cúng dường bốn thứ cần dùng như y phục, thực phẩm, giường đệm và thuốc men trị bệnh, [ngoài bốn thứ này] sao lại vướng mắc vào các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp? Ta thường dạy các thầy, khi khất thực phải biết hai việc, nên gần gũi và không nên gần gũi. Giả sử việc khất thực để có được y phục, thức ăn uống, giường đệm, tọa cụ và thuốc men trị bệnh mà pháp ác tăng thêm, không có pháp lành thì không nên gần gũi. Nếu việc khất thực để có được y phục, thực phẩm, giường đệm, tọa cụ và thuốc men trị bệnh mà pháp lành tăng trưởng, pháp ác không tăng thêm thì nên gần gũi.

---

[9] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.5. 0781c23).

Này các Tỳ-kheo! Đã ở trong giáo pháp này sao lại muốn bàn luận về những việc đó? Những điều mà các thầy bàn luận, nếu bàn luận về những điều không đúng Chánh pháp thì nên xả bỏ, chớ nên suy nghĩ, vì không thể nhờ vào điều đó mà đạt đến chỗ diệt tận, vắng lặng, Niết-bàn.

Nếu như muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười pháp này. Là mười pháp nào? Là vị Tỳ-kheo tinh tấn thì phải: Ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, nghe nhiều, có khả năng thuyết pháp cho người, không lo không sợ, giới luật vẹn toàn, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát và thành tựu giải thoát tri kiến. Nếu các thầy muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười điều này. Vì sao như vậy? Vì sẽ đem đến nhiều lợi ích, được thấm nhuần tất cả, thành tựu Phạm hạnh, đạt đến cõi diệt tận, là cảnh giới của giải thoát Niết-bàn.

Điều bàn luận này là đạo lý của Sa-môn, phải nên suy nghĩ ghi nhớ, chớ để tâm lìa xa!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. LỰA CHỌN NƠI KHẤT THỰC[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo cùng nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, rồi bàn luận về nhiều sự sai khác như vầy:

– Thành Xá-vệ ngày nay khất thực khó khăn, chẳng phải trú xứ an ổn của Tỳ-kheo, chúng ta nên sắp đặt từng người theo thứ lớp khất thực. Vị Tỳ-kheo khất thực này sẽ có đủ y phục, mền đệm, thực phẩm, giường chõng, tọa cụ và thuốc men trị bệnh không bị thiếu thốn.

[0782b01] Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo bảo mọi người:

– Chúng ta không thể nào khất thực ở đây được nữa, hãy cùng nhau sang nước Ma-kiệt-đà để khất thực, vì lúa gạo ở đó nhiều và rẻ, đồ ăn thức uống rất dồi dào.

Lại có Tỳ-kheo bảo rằng:

– Chúng ta không nên sang nước ấy khất thực. Vì sao như vậy? Vua A-xà-thế cai trị nước ấy, ông ta hành xử phi pháp, đã giết hại phụ vương, kết bạn với Đề-bà-đạt-đa. Do nhân duyên này nên không thể sang nước ấy khất thực.

Lại có Tỳ-kheo nói:

– Hiện nay, ở nước Câu-lưu-sa, dân chúng giàu có sung túc, tài vật và châu báu cũng nhiều nên đến nước đó để khất thực.

[10] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.47.6. 0782a26).

Lại có Tỳ-kheo bảo rằng:

– Chúng ta không nên khất thực ở nước đó. Vì sao như vậy? Vua Ác Sanh[11] cai trị nước ấy cực kỳ hung ác, không có lòng nhân từ, dân chúng hung bạo, ưa gây gổ, đánh nhau. Do nhân duyên này nên không thể khất thực ở nước đó.

Lại có Tỳ-kheo nói:

– Chúng ta nên đến thành Ba-la-nại của nước Kiêu-thưởng-di,[12] là nơi cai trị của Vua Ưu-điền. Nhà vua dốc lòng tin vào Phật pháp, tâm không lay chuyển. Chúng ta nên đến nước đó để khất thực, sẽ được đáp ứng như mong ước.

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ, Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo bàn luận những điều như thế, Ngài liền chỉnh trang y phục, đến chỗ các Tỳ-kheo rồi ngồi vào chính giữa và hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy nhóm họp ở đây muốn bàn luận và đề cập đến những việc gì?

Lúc ấy, Tỳ-kheo bạch Phật:

– Chúng con nhóm họp tại đây để bàn luận như vầy: "Thành Xá-vệ ngày nay lúa gạo đắt đỏ, khất thực khó khăn, chúng ta hãy cùng nhau sang nước Ma-kiệt-đà khất thực, vì nước ấy tài vật và của cải dồi dào, việc khất thực sẽ dễ dàng." Trong chúng lại có Tỳ-kheo nói: "Chúng ta không nên sang nước ấy khất thực. Vì sao như vậy? Vì Vua A-xà-thế cai trị nước ấy nhưng hành xử phi pháp, lại giết hại phụ vương, kết bạn với Đề-bà-đạt-đa. Do nhân duyên này, không nên sang nước ấy khất thực."

Trong chúng lại có Tỳ-kheo nói: "Nước Câu-lưu-sa hiện nay dân chúng giàu có sung túc, tài vật, châu báu dồi dào, nên sang nước đó khất thực." Lại có Tỳ-kheo cho rằng: "Chúng ta không nên sang nước ấy khất thực. Vì sao như vậy? Vì Vua Ác Sanh cai trị nước ấy là người hung bạo, không có lòng nhân từ, ưa gây gổ, đánh nhau. Do nhân duyên này nên không thể sang nước đó khất thực." Lại có Tỳ-kheo bảo: "Chúng ta nên đến thành Ba-la-nại thuộc nước Kiêu-thưởng-di, là xứ của Vua Ưu-điền cai trị. Nhà vua ấy dốc lòng tin vào Phật pháp, tâm không lay chuyển, nên đến khất thực ở nước đó thì sẽ được đáp ứng như mong ước." Điều mà chúng con đang bàn luận ở đây, chính là như vậy.

[0782c04] Bấy giờ, Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ nên khen chê việc cai trị của vua chúa, việc chính sự quốc gia, cũng chớ luận bàn về sự hơn kém của họ.

---

[11] Ác Sanh vương (惡生王), theo *Kinh năm vua*, số 1, phẩm 33, tr. 493 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.33.1. 0681c16), là một trong 5 vị vua thường cùng nhau đàm đạo, đó là Ba-tư-nặc vương (波斯匿王, Pasenadi), Tỳ-sa vương (毘沙王, Bimbisāra), Ưu-điền vương (優填王, Udena), Ác Sanh vương (惡生王, Caṇḍappajjota), Ưu-đà-diên vương (優陀延王, Udayana). Theo kinh này, Vua Ác Sanh đang cai trị xứ Câu-lưu-sa (拘留沙, Kuru), thế nên không phải là Thái tử Tỳ-lưu-ly (Viḍūḍabha), con của Vua Ba-tư-nặc.

[12] Nguyên tác: Câu-thâm (拘深), tên gọi khác của nước Kiêu-thưởng-di (憍賞彌國, Kosambī).

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ này:

Ai tạo việc thiện, ác, Nghiệp vốn khởi từ nhân,
Nghiệp nào thọ báo ấy, Không bao giờ tiêu tan.
Ai tạo việc thiện, ác, Nghiệp vốn khởi từ nhân,
Làm lành nhận quả lành, Làm ác chịu quả ác.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Chớ khởi tâm bàn luận về việc nước, bởi vì không thể nhờ bàn luận về những việc đó mà đạt đến cõi Niết-bàn, diệt tận, cũng không thể thành tựu hạnh chân chánh của pháp Sa-môn. Nếu bàn luận về những điều ấy thì chẳng phải là nghiệp chân chánh. Các thầy nên học bàn luận về mười việc. Là những việc nào? Là vị Tỳ-kheo luôn tinh tấn thì phải: Ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, nghe nhiều, có khả năng thuyết pháp cho người, không lo không sợ, giới luật vẹn toàn, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát và thành tựu giải thoát tri kiến. Các thầy nếu muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười điều này. Vì sao như vậy? Vì sẽ đem đến nhiều lợi ích, được thấm nhuần tất cả, thành tựu Phạm hạnh, đạt đến cõi Niết-bàn, diệt tận. Các thầy đã xuất gia học đạo, xa rời thế tục, phải nên siêng năng ghi nhớ mười điều này, chớ để tâm lìa xa.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. THẮP SÁNG GIÁO PHÁP[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, rồi cùng bàn luận như vầy:

– Hiện nay, Vua Ba-tư-nặc hành xử phi pháp, phạm vào điều luật mà bậc Thánh đã dạy, vì có Tỳ-kheo-ni tên Sấm chứng đắc quả vị A-la-hán nhưng lại giữ trong cung mười hai năm, rồi cùng tư thông.[14] Lại nữa, nhà vua cũng không

[13] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.7. 0782c22). Tham chiếu: *M.* 10, *Satipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh niệm xứ*).

[14] Nguyên tác: 讖比丘尼得阿羅漢道, 十二年中閉在宮內, 與共交通. Tư liệu này rất đặc dị khi đối chiếu với hành trạng của Vua Ba-tư-nặc qua các nguồn tư liệu từ Hán tạng cho đến Nikāya. Bởi vì nhà vua có người con trai xuất gia tên là Brahmadatta và vị này đã chứng quả vị A-la-hán. Không những vậy, nhà vua còn có người chị gái tên là Sumanā, nguyện chăm sóc mẹ già để rồi về sau xuất gia và ở luôn trong cung. Nhân lẽ đó, nhà vua đã cho xây tinh xá Rājakārāma để cho chị gái và chư Ni lưu trú. Tinh xá này cũng xuất hiện trong kinh *M.* 146, *Nandakovāda Sutta* (*Kinh Nandaka giáo giới*). Dẫn theo *Thag*. 441-46 và *J*. I. 155. Mặt khác, theo *S*. 44.1 - IV. 374, có một cuộc hội kiến đặc thù giữa Vua Pasenadi và Tỳ-kheo-ni Khemā, được Hán dịch là Sấm-ma (讖摩) tại Toranavatthu, là địa danh nằm giữa Sāvatthi và Sāketā, sau khi nghe thuyết giảng, Vua Pasenadi đã tín thọ lời dạy của Tỳ-kheo-ni Khemā rồi rời đi.

phụng sự Phật, Pháp và Tỳ-kheo-tăng. Không có tâm tin kính đối với A-la-hán thì cũng không có tâm tin Phật, tin Pháp và Thánh chúng, chúng ta nên rời xa, đừng ở lại nước này nữa. Vì sao như vậy? Khi nhà vua đã hành xử phi pháp thì các quan đại thần cũng hành xử phi pháp. Khi quan đại thần đã hành xử phi pháp thì các cận thần cũng hành xử phi pháp. Khi cận thần đã hành xử phi pháp thì thường dân cũng hành xử phi pháp. Chúng ta nên đi sang nước khác khất thực, đừng ở lại nước này nữa. Chúng ta có thể quan sát phong tục và sự cai trị nước đó, khi đã thấy phong tục và sự cai trị, chúng ta sẽ gặp được nơi tốt đẹp, thuận lợi hơn.

[0783a04] Bấy giờ, bằng thiên nhĩ, đức Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo bàn luận về những điều này, Ngài liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo rồi ngồi vào giữa tòa. Thế rồi, đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận về điều gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Chúng con ở đây bàn luận về việc Vua Ba-tư-nặc hành xử phi pháp, phạm vào điều luật mà bậc Thánh đã dạy, vì có Tỳ-kheo-ni tên Sấm chứng đắc quả vị A-la-hán nhưng lại giữ trong cung mười hai năm, dính mắc với sắc. Lại nữa, với bậc đắc đạo thì việc làm vượt ngoài ba cõi, thế nhưng nhà vua cũng không phụng sự Phật, Pháp và chúng Tăng. Không có tâm tin kính đối với bậc A-la-hán, đã không có tâm như thế thì ắt là không tin kính Tam bảo. Chúng con nên bỏ đi, không nên ở đây nữa. Vì sao như vậy? Vì khi nhà vua hành xử phi pháp thì quan lại và dân chúng cũng đều làm ác. Hơn nữa, chúng con cũng muốn thấy được phong tục và cách thức cai trị ở khắp thế gian.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy:

– Các thầy không nên bàn luận về những việc chính sự quốc gia mà hãy nên kiểm thúc tự thân, tư duy phản tỉnh, phân biệt suy lường. Nói năng hay bàn luận về những việc này thì chẳng hợp đạo lý và cũng không thể khiến người thành tựu Phạm hạnh, hoặc đạt đến sự diệt tận, giải thoát, Niết-bàn. Các thầy phải nên tự mình tu tập, hãy thắp sáng và thực hành theo pháp,[15] tự trở về với đấng Tối Tôn. Nếu Tỳ-kheo tự mình tu tập, phát khởi pháp lạc thì hạng người đó là do chính Ta sanh ra.

Này Tỳ-kheo! Thế nào gọi là người có thể tự mình thắp sáng,[16] phát khởi pháp lạc, không có hư dối, tự trở về với đấng Tối Tôn?

---

[15] Nguyên tác: Xí nhiên pháp hành (熾然法行): Dũng mãnh nương theo pháp để tu hành. *Kinh Di-lặc hạ sanh*, số 3, phẩm 48, tr. 871 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.48.3. 0789b29) còn ghi: Xí nhiên ư pháp bổn (熾然於法本).

[16] Nguyên tác: Năng tự xí nhiên (能自熾然). *Chuyển Luân vương kinh* 轉輪王經 (*T*.01. 0026.70. 0520b19) ghi: Đương tự nhiên pháp đăng (當自然法燈); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.36. 0008a23) ghi: Tự châu (自洲).

Đó là, Tỳ-kheo biết quán thân trên nội thân, an trú tâm nơi nội thân,[17] tự nhiếp tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không còn buồn lo. Quán thân trên ngoại thân, an trú tâm nơi ngoại thân, tự nhiếp tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không còn buồn lo. Lại quán thân trên cả nội thân và ngoại thân, an trú tâm nơi nội và ngoại thân. Quán thọ trên nội thọ, quán thọ trên ngoại thọ, quán thọ trên cả nội thọ và ngoại thọ. Quán tâm trên nội tâm, quán tâm trên ngoại tâm, quán tâm trên cả nội tâm và ngoại tâm. Quán pháp trên nội pháp, quán pháp trên ngoại pháp, quán pháp trên cả nội pháp và ngoại pháp, an trú tâm nơi nội và ngoại pháp, tự nhiếp phục tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không còn buồn lo.

Như vậy, Tỳ-kheo có thể tự mình thắp sáng và thực hành theo pháp, làm tăng trưởng pháp lạc, tự trở về với đấng Tối Tôn. Trong hiện tại và tương lai, vị Tỳ-kheo có thể tự mình thắp sáng giáo pháp, không đánh mất cội gốc tu hành thì được xem như do chính Như Lai sanh ra.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Nếu muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười điều. Là những điều nào? Là vị Tỳ-kheo luôn tinh tấn thì phải: Ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, nghe nhiều, có khả năng thuyết pháp cho người, không lo không sợ, giới luật vẹn toàn, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát và thành tựu giải thoát tri kiến. Các thầy nếu muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười điều này. Vì sao như vậy? Vì sẽ đem đến nhiều lợi ích, được thấm nhuần tất cả, thành tựu Phạm hạnh, đạt đến cõi diệt tận, là cảnh giới của giải thoát, Niết-bàn. Những điều luận bàn này là đạo lý của Sa-môn, hãy nên suy nghĩ ghi nhớ, chớ để tâm lìa xa!

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. BỐ THÍ THANH TỊNH[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có vị trưởng giả cúng dường am thất cho Tôn giả La-hầu-la[19] để tọa thiền.

Khi đó, Tôn giả La-hầu-la nghỉ ngơi trong thất ấy được vài ngày rồi đi du hóa trong nhân gian.

Thế rồi, trưởng giả kia thầm nghĩ: "Ta nên đến thăm Tôn giả La-hầu-la."

---

[17] Nguyên tác: Thân ý chỉ (身意止), cách viết khác của "thân niệm trụ" (身念住, *kāyānupassanā*), một trong 4 niệm xứ (四念處, *cattāro satipaṭṭhānā*).

[18] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.8. 0783b10).

[19] Nguyên tác: La-vân (羅云, Rāhula).

Bấy giờ, trưởng giả thấy thất của La-hầu-la vắng vẻ, không có bóng người. Thấy như thế rồi, trưởng giả liền hỏi các Tỳ-kheo:

– Tôn giả La-hầu-la hiện đang ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Tôn giả La-hầu-la đi du hóa trong nhân gian.

Trưởng giả thưa:

– Cúi xin chư Hiền cử người đến ở trong thất của con! Thế Tôn cũng dạy: "Tạo lập vườn cây, xây cầu, đóng thuyền, cất nhà xí sạch sẽ gần đường rồi đem bố thí thì được phước báu lâu dài, được thành tựu giới pháp, khi qua đời được sanh lên cõi trời." Do vậy mà con tạo dựng thất cho Tôn giả La-hầu-la. Nay Tôn giả không thích thất của con nữa, cúi xin chư Hiền cử người đến ở nơi thất ấy!

Các Tỳ-kheo trả lời:

– Sẽ thực hiện như lời trưởng giả thỉnh cầu.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền cử một vị Tỳ-kheo đến ở trong thất kia.

Cũng thời gian ấy, Tôn giả La-hầu-la liền nghĩ: "Ta xa cách Thế Tôn khá lâu, nay nên trở về thỉnh an Ngài."

Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la liền đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Một lát sau, Tôn giả rời chỗ ngồi đứng dậy, trở về thất và thấy có Tỳ-kheo khác đang ở trong đó. Thấy thế rồi, Tôn giả hỏi thầy Tỳ-kheo ấy:

– Ai đã giao thất của tôi cho thầy ở vậy?

Tỳ-kheo ấy đáp:

– Chúng Tăng sai tôi đến ở trong thất này.

Lúc ấy, Tôn giả La-hầu-la trở lại chỗ đức Thế Tôn, đem nhân duyên việc này thưa lại đầy đủ với Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chẳng biết có phải chúng Tăng cử Sa-môn[20] đến ở trong thất của con hay không?

[0783c02] Đức Phật dạy La-hầu-la:

– Thầy hãy đến nhà trưởng giả và hỏi ông ấy: "Có phải những việc tôi đã làm về thân, miệng và ý có điều gì lầm lỗi chăng? Vả lại, tôi có ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng và ba lỗi của ý chăng? Trước đây, trưởng giả đã cúng thất cho tôi, về sau sao lại đem cúng cho Thánh chúng?"

Thế rồi, vâng lời Phật dạy, Tôn giả La-hầu-la đến nhà trưởng giả và hỏi:

– Tôi có ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng và ba lỗi của ý chăng?

Trưởng giả đáp:

– Tôi không thấy thân, miệng và ý của Tôn giả La-hầu-la có lỗi lầm gì.

---

[20] Nguyên tác: Đạo nhân (道人). *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1146. 0305a09) ghi: Sa-môn (沙門), Đạo sĩ (道士).

La-vân bảo trưởng giả:

– Vì sao ngài lại lấy thất của tôi đem cúng cho Thánh chúng?

Trưởng giả đáp:

– Tôi thấy thất trống nên đem cúng cho Thánh chúng. Lúc đó, tôi lại nghĩ: "Tôn giả La-hầu-la chắc không thích ở trong thất của mình", thế nên tôi đem cúng.

Lúc ấy, nghe trưởng giả nói xong, La-hầu-la liền trở lại chỗ đức Thế Tôn, đem nhân duyên việc này thưa đầy đủ với Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn liền bảo Tôn giả A-nan:

– Hãy mau đánh kiền chùy, các Tỳ-kheo có mặt tại tinh xá Kỳ Hoàn thảy đều đến nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội!

Thế rồi, vâng lời Phật dạy, A-nan triệu tập các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hôm nay, Ta sẽ giảng về sự bố thí thanh tịnh, các thầy nên khéo suy nghĩ và ghi nhớ!

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:

– Thế nào gọi là bố thí thanh tịnh? Ở đây, này Tỳ-kheo! Nếu có người đem vật để bố thí, về sau liền lấy lại và đem cúng cho người khác, đây gọi là bố thí không cân nhắc, bố thí không bình đẳng. Nếu có người chiếm đoạt vật của người khác rồi đem bố thí cho Thánh chúng, hoặc có người chiếm đoạt vật của Thánh chúng rồi đem bố thí cho người, đây chẳng phải là bố thí bình đẳng, cũng không phải là bố thí thanh tịnh. Như Chuyển Luân Thánh vương luôn tự tại nơi cảnh giới của mình, cũng vậy, Tỳ-kheo được tự tại đối với y bát của mình. Nếu có người lấy vật của người khác mà chưa được chính miệng họ hứa cho, rồi đem cho người khác nữa thì đây chẳng phải là bố thí bình đẳng.

Nay Ta bảo các Tỳ-kheo: Nếu thí chủ đồng ý mà người nhận vật phẩm không đồng ý thì đây chẳng phải là bố thí bình đẳng. Nếu Tỳ-kheo ấy qua đời thì nên đưa phòng ốc của vị ấy ra giữa chúng để làm pháp yết-ma, thông báo rồi xướng lên: "Tỳ-kheo pháp danh là... đã mãn phần, nay đem phòng ốc này để chúng Tăng phân xử, xin cử vị nào đó đến ở. Phải tùy theo lời dạy của Thánh chúng. Chư Hiền! Nay sai Tỳ-kheo pháp danh là... đến ở phòng ấy, mọi người cùng chấp nhận." Nên lặp lại ba lần như vậy. Người nào không đồng ý thì nói là không đồng ý. Nếu trong chúng Tăng có một người không đồng ý mà đem cho thì không phải là bố thí bình đẳng, ắt là vật không thanh tịnh. Nay nên đem phòng ốc trả lại cho Tỳ-kheo La-hầu-la, thanh tịnh mà thọ nhận.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. TÔN GIẢ ĐẠI QUÂN-ĐẦU[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Quân-đầu ở chỗ vắng lặng, khởi niệm như vầy: "Làm thế nào để biết được các kiến chấp về trước, về sau và khoảng giữa?"

Khi ấy, vào lúc đúng thời, Đại Quân-đầu liền đắp y, ôm bát đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Thế rồi, Tôn giả bạch Phật:

– [Bạch đức Thế Tôn]! Những kiến chấp này trước sau tương ưng nhau, làm sao diệt được chúng và khiến cho những kiến chấp khác không khởi lên?

Thế Tôn bảo:

– Này Quân-đầu! Nơi những kiến chấp này phát sanh và diệt mất đều là vô thường, khổ và không. Quân-đầu, khi thầy đã biết như thế thì nên giữ vững tâm đó. Pháp kiến chấp có sáu mươi hai loại, phải nên an trụ vào mười điều lành để trừ bỏ những kiến chấp ấy. Là mười điều nào? Này Quân-đầu! Ở đây, có người kia ưa thích sát sanh, ta không nên sát sanh. Người kia ưa thích trộm cướp, ta không trộm cướp. Người kia phạm vào Phạm hạnh, ta tu tập Phạm hạnh. Người kia nói dối, ta không tạo sự nói dối. Người kia nói hai chiều đâm thọc hai bên, ta không nói hai chiều đâm thọc hai bên. Người kia nói thêu dệt, ta không nói thêu dệt. Người kia nói lời hung ác, ta không nói lời hung ác. Người kia ganh ghét, ta không ganh ghét. Người kia sân hận, ta không sân hận. Người kia tà kiến, ta thực hành chánh kiến.

Quân-đầu nên biết, như từ con đường xấu ác lại gặp được con đường chân chánh, như từ tà kiến mà được đến với chánh kiến, bỏ tà về chánh. Ví như có người chính mình đang bị chìm đắm mà muốn cứu giúp người khác thì không bao giờ có lý đó. Vì chính mình chưa giải thoát mà muốn giải thoát cho người thì điều này không thể được. Chỉ khi chính mình không bị chìm đắm thì mới có thể cứu người, đây là điều hợp lý. Ở đây cũng như thế, tự mình đạt được Niết-bàn mới khiến cho người khác đạt được Diệt độ, đây là điều hợp lý.

Cho nên, này Quân-đầu! Nên nhớ nghĩ xa lìa sát sanh, vì không sát sanh thì được giải thoát. Xa lìa trộm cướp, vì không trộm cướp thì được giải thoát. Xa lìa dâm dục, vì không dâm dục thì được giải thoát. Xa lìa nói dối, vì không nói dối thì được giải thoát. Xa lìa nói thêu dệt, vì không nói thêu dệt thì được giải thoát. Xa lìa nói lời thô ác, vì không nói lời thô ác thì được giải thoát. Xa lìa lời nói gây chia rẽ đôi bên, vì không nói lời gây chia rẽ đôi bên thì được giải

---

[21] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.47.9. 0784a06). Tham chiếu: *Châu-na vấn kiến kinh* 周那問見經 (*T*.01. 0026.91. 0573b13).

thoát. Xa lìa ganh ghét, vì không ganh ghét thì được giải thoát. Xa lìa sân hận, vì không sân hận thì được giải thoát. Xa lìa tà kiến thì đạt được chánh kiến giải thoát.

[0784b01] Quân-đầu nên biết! Kẻ phàm phu khởi niệm như vầy: "Có ngã chăng? Không có ngã chăng? Vừa có ngã vừa không có ngã chăng? Thế gian là thường chăng? Thế gian là vô thường chăng? Thế gian có giới hạn chăng? Thế gian không giới hạn chăng? Mạng chính là thân chăng? Mạng và thân khác nhau chăng? Như Lai có chết chăng? Như Lai không chết chăng? Có cái chết chăng? Không có cái chết chăng? Ai tạo thế gian này?" Lại khởi lên các tà kiến như: "Có phải Phạm thiên tạo ra thế giới này? Hay là địa thần[22] thiết lập thế giới này? Lại nữa, do Phạm thiên tạo ra chúng sanh này hay do địa thần tạo ra thế gian này, nên chúng sanh vốn không có nay lại có, đã có rồi lại diệt vong." Hạng phàm phu không nghe không thấy, liền khởi các ý niệm như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tự nhiên có Phạm thiên,
Là lời của Phạm chí,
Thấy biết không chánh lý,
Là thấy không chính chuyên.
Chúa ta hoa sen sanh,
Xuất hiện ở Phạm thiên,
Địa thần sanh Phạm thiên,
Tự sanh, liền mâu thuẫn.
Địa thần dòng Sát-lợi,
Là cha mẹ Phạm chí,
Sao con của Sát-lợi,
Sanh trở lại Phạm chí?
Tìm ra chỗ sanh kia,
Như lời chư thiên nói,
Đây chính lời ngợi khen,
Trở lại tự gông trói.
Phạm thiên sanh dân chúng,
Địa thần tạo thế gian,
Hoặc nơi khác tạo thành,
Lời này ai minh chứng?
Ngu si cùng tham, sân,
Ba thứ luôn nhóm chung,
Tâm luôn bị gông cùm,
Tự cho mình tối thắng.
Thiên thần tạo thế gian,
Chẳng phải Phạm thiên sanh,
Giả sử Phạm thiên tạo,
Chẳng phải hư dối sao?
Truy dấu, dấu càng nhiều,
Có chút thật nào đâu,
Hành nghiệp đều khác nhau,
Việc làm này không thật.

Quân-đầu nên biết! Sự thấy biết của các loài chúng sanh đều không đồng nhau, suy nghĩ mỗi loài mỗi khác. Những kiến chấp này thảy đều vô thường, những ai chấp chặt những kiến chấp này đều bị pháp vô thường biến đổi.

Nếu người khác sát sanh thì ta nên xa lìa sát sanh. Nếu người khác trộm cướp thì ta nên xa lìa trộm cướp, không làm theo hạnh ấy, giữ gìn tâm ý chuyên nhất không để tán loạn, suy nghĩ quán xét về sự sanh khởi của tà kiến,... cho đến đối với mười điều ác đều nên trừ bỏ, không làm theo hạnh ấy. Nếu người khác sân hận thì ta tu tập nhẫn nhục. Người khác có lòng ganh ghét thì ta nên

[22] Nguyên tác: Địa chủ (地主).

buông bỏ. Người khác kiêu mạn thì ta nhớ nghĩ phải xa lìa. Nếu người khác tự khen mình, chê bai người khác thì ta cũng không tự khen mình, chê bai người khác. Người khác không biết ít muốn thì ta nên học tập ít muốn. Người khác phạm giới, ta phải nên giữ giới. Người khác có sự biếng nhác, ta nên siêng năng. Người khác không tu tập chánh định, ta tu tập chánh định, phải nên học tập như thế. Người khác ngu si thì ta thực hành trí tuệ. Những ai có thể quán sát phân biệt các pháp như thế thì tà kiến tiêu mất, các kiến chấp khác không còn sanh khởi.

[0784c10] Lúc ấy, nghe lời Phật dạy xong, Tôn giả Quân-đầu liền ở chỗ vắng vẻ, suy nghĩ quán xét. Sở dĩ một người thiện nam xuất gia học đạo, mặc ba pháp y, tu tập Phạm hạnh vô thượng là để biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Thế rồi, Tôn giả Quân-đầu liền chứng đắc quả vị A-la-hán.

Bấy giờ, Quân-đầu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. CÁC LOẠI THỌ MẠNG[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Chúng sanh trong địa ngục chịu tội báo trong suốt một kiếp, hoặc có lúc chết yểu giữa chừng; phải chịu tội báo làm súc sanh trong suốt một kiếp, trong khoảng thời gian đó lại chết yểu giữa chừng; phải chịu quả báo làm ngạ quỷ hết suốt một kiếp, trong khoảng thời gian đó có lúc lại chết yểu giữa chừng.

Tỳ-kheo nên biết! Người ở châu Uất-đan-viết[24] có tuổi thọ một ngàn năm, không bị chết yểu nửa chừng. Vì sao như vậy? Vì dân chúng ở cõi đó không còn bị trói buộc, giả sử có qua đời ở cõi này liền được sanh vào cõi lành hoặc cõi trời, không còn bị đọa lạc. Dân chúng ở châu Phất-vu-đãi[25] có tuổi thọ năm trăm năm, cũng có lúc bị chết yểu nửa chừng. Dân chúng ở châu Cù-da-ni[26] có tuổi thọ hai trăm năm mươi năm, cũng có lúc bị chết yểu nửa chừng. Dân chúng ở châu Diêm-phù-đề[27] có tuổi thọ dài nhất khoảng một trăm năm và cũng có nhiều người bị chết yểu nửa chừng.

Giả như thọ mạng loài người dài đến một trăm năm, dân chúng lúc ban

---

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.10. 0784c16).

[24] Uất-đan-viết (欝單曰) tức Bắc Câu-lô châu (北俱盧洲, Uttarakuru).

[25] Phất-vu-đãi (弗于逮) tức Đông Thắng Thần châu (東勝神洲, Pubbavideha).

[26] Tây Ngưu Hóa châu (西牛貨洲, Goyāniya hoặc Aparagoyāna).

[27] Nam Thiệm-bộ châu (南贍部州, Jambudīpa).

đầu có tuổi thọ một trăm năm, nhưng do nghiệp không giống nhau nên tánh tình cũng phân chia khác biệt. Trong mười năm đầu còn thơ ấu nên không thể hiểu biết. Mười năm thứ hai, tuy có ít nhiều tri thức nhưng chưa thông suốt. Mười năm thứ ba thì lòng dục lẫy lừng, tham đắm vào sắc. Mười năm thứ tư tuy nhiều kỹ năng, nhưng việc làm lại không chín chắn. Mười năm thứ năm thì hiểu nghĩa lý rõ ràng, không quên mất những điều đã học. Mười năm thứ sáu thì tham tiếc tài sản, tâm không quyết đoán. Mười năm thứ bảy thì lười biếng, ham ngủ, thân thể trì trệ. Mười năm thứ tám thì tâm ý không còn nhạy bén, cũng chẳng còn cường tráng. Mười năm thứ chín thì nhiều bệnh tật, da chùng mặt nhăn. Mười năm thứ mười thì các căn suy hao, xương khớp liền nhau, hay quên và nhầm lẫn.

Tỳ-kheo nên biết! Giả sử nếu người sống đến trăm tuổi thì sẽ trải qua những hoạn nạn như vậy. Giả sử có người với tuổi thọ một trăm năm thì sẽ trải qua ba trăm mùa đông, ba trăm mùa hạ và ba trăm mùa thu,[28] nhưng so với tuổi thọ kia thì chưa đủ. Nếu người sống đến trăm tuổi thì sẽ ăn ba vạn sáu ngàn bữa, trong khoảng thời gian đó hoặc có lúc không ăn như khi giận hờn thì bỏ ăn, không được cho [thức ăn] nên không ăn, bị bệnh nên không ăn. Tính số lần ăn của người ấy cả lúc ăn, cả lúc không ăn và cả khi còn bú sữa mẹ, nói tóm lại thì có ba vạn sáu ngàn lần ăn.

Này Tỳ-kheo! Nếu người sống đến trăm tuổi thì trạng thái ăn uống của người ấy theo giới hạn của số năm là như thế.

[0785a12] Tỳ-kheo nên biết! Dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề có lúc thọ mạng rất dài, tưởng chừng như thọ mạng vô lượng.

Thuở quá khứ lâu xa không thể tính kể, có vị vua tên là Liệu Chúng Bệnh thọ mạng rất dài, dung mạo đoan chánh, an vui không thể đo lường. Vào thời đó không có những tai họa như bệnh tật, già yếu hay chết chóc. Bấy giờ, có hai vợ chồng nọ sanh được một người con, đứa bé liền chết. Thế rồi, cha mẹ bồng dậy rồi đút thức ăn cho con, nhưng đứa bé không ăn, không uống cũng chẳng ngồi dậy. Vì sao như thế? Vì nó đã chết. Lúc ấy, cha mẹ kia liền nghĩ: "Con của chúng ta vì sao nay lại giận hờn không chịu ăn uống, cũng chẳng nói năng?" Vì sao như vậy? Vì dân chúng thuở ấy không hề nghe đến âm thanh chết chóc nên mới như vậy.

Bấy giờ, cha mẹ đứa bé kia liền nghĩ: "Đã bảy ngày rồi, con chúng ta không ăn, không uống, cũng chẳng biết lý do gì mà lặng im? Chúng ta nên đem việc

---

[28] Nguyên tác: Thiết nhân thọ bách tuế, đương kinh tam bách Đông, Hạ, Thu (設人壽百歲, 當經三百冬, 夏, 秋). Theo lịch pháp Ấn Độ, một năm có ba mùa, một trăm năm thì sẽ có ba trăm mùa Đông, Hạ và Thu. Cụ thể hơn, theo sự giải thích của *Đại Đường Tây Vức ký* 大唐西域記 (*T*.51. 2087.2. 0876a02-0876a04): Theo Thánh giáo của Như Lai, một năm chia làm ba mùa, từ 16 tháng Giêng đến 15 tháng Năm là mùa nắng nóng, từ 16 tháng Năm đến 15 tháng Chín là mùa mưa, từ 16 tháng Chín đến 15 tháng Giêng là mùa Đông (如來聖教歲為三時: 正月十六日至五月十五日, 熱時也; 五月十六日至九月十五日, 雨時也; 九月十六日至正月十五日, 寒時也).

này tâu lên nhà Vua Liệu Chúng Bệnh mới biết được."

Thế rồi, họ liền đến chỗ nhà vua, đem hết mọi chuyện tâu cho vua biết. Lúc ấy, nhà vua nghĩ: "Hôm nay, ta đã nghe được tiếng chết."

Nhà vua bảo:

"Các ngươi có thể đem đứa bé đến chỗ của trẫm."

Bấy giờ, họ liền ẵm đứa bé đến chỗ nhà vua. Thấy thế rồi, nhà vua nói với họ:

"Đứa bé này đã chết!"

Lúc ấy, cha mẹ đứa bé tâu vua:

"Thế nào gọi là chết?"

Nhà vua đáp:

"Đứa bé này không còn đi đứng, nói năng, đối đáp, ăn uống, đùa giỡn, thân thể cứng đờ không thể cử động, nên gọi là chết."

Bấy giờ, hai vợ chồng nọ tâu vua:

"Sự biến đổi như vầy sẽ trải qua thời gian bao lâu?"

Nhà vua bảo:

"Chẳng bao lâu nữa, thân thể của nó sẽ thối rữa, sình trương và hôi thối cùng khắp không thể chịu nổi."

Lúc ấy, do không tin lời nhà vua nên vợ chồng nọ ẵm thây đứa bé trở về nhà, trải qua thời gian ngắn, thân thể đứa bé thối rữa, hôi hám vô cùng. Lúc đó, họ mới tin lời nhà vua đã nói: "Chẳng bao lâu nữa, thân thể đứa bé này sẽ thối rữa, sình trương rồi tan rã hết."

[0785b06] Thế rồi, họ lại ôm thi thể sình trương của đứa bé đến chỗ nhà vua và tâu:

"Tâu Đại vương! Quả thật như vậy! Nay chúng tôi đem đứa bé này hiến tặng Đại vương."

Lúc ấy, họ không hề khóc than. Vì sao như vậy? Vì họ chưa nghe tiếng chết bao giờ.

Bấy giờ, nhà vua sai lột da đứa bé để làm trống lớn, rồi sai xây dựng lầu bảy tầng, đặt cái trống ấy trên lầu và lệnh cho một người:

"Ngươi nên biết! Trẫm sai ngươi giữ gìn cái trống này, cứ một trăm năm đánh một lần, đừng để sái thời."

Tuân lệnh vua, cứ một trăm năm người ấy đánh trống một lần. Lúc ấy, dân chúng nghe tiếng trống này quái lạ chưa từng có, liền bảo nhau:

"Âm thanh gì thế? Đó là tiếng gì mà thấu tận nơi này?"

Nhà vua bảo:

"Đây là tiếng của da người chết."

Mọi người nghe rồi, đều suy nghĩ:

"Thật lạ thay! Mới được nghe âm thanh này."

Này các Tỳ-kheo! Nhà vua thuở ấy phải chăng là người nào khác? Chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì nhà vua thuở đó chính là thân Ta. Do điều này nên biết, thuở xưa, tuổi thọ của cõi Diêm-phù-đề rất dài, còn ngày nay tuổi thọ của dân chúng cõi Diêm-phù-đề rất ngắn, sự giảm sút này khó ngăn chặn. Vì sao như vậy? Vì sát hại quá nhiều khiến cho mạng sống cực ngắn, nhan sắc cũng mất đi. Do nhân duyên này nên xảy ra các sự biến đổi quái lạ.

Tỳ-kheo nên biết! Năm mươi năm ở cõi Diêm-phù-đề bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Tính số ngày và đêm ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm thì thọ mạng của cõi trời Tứ Thiên Vương là năm trăm năm, hoặc có khi chết nửa chừng.

Tính theo tuổi thọ của loài người là mười tám ức năm, bằng một ngày một đêm ở địa ngục Hoàn Hoạt. Tính theo số một ngày và một đêm ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm thì tuổi thọ cao nhất của địa ngục Hoàn Hoạt là một ngàn năm, cũng có khi chết yểu nửa chừng.

Tính theo một trăm năm trong loài người bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba Mươi Ba. Tính theo số ngày, tháng, năm của cõi ấy thì tuổi thọ của cõi trời Ba Mươi Ba là một ngàn tuổi, trong khoảng thời gian đó, có khi chết nửa chừng.

Tính theo tuổi thọ ba mươi sáu ức năm trong loài người thì bằng một ngày một đêm ở địa ngục A-tỳ. Tính theo số ngày tháng của cõi ấy thì ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, nếu tính theo số ngày và đêm ấy thì tuổi thọ cõi đó là hai vạn năm, còn tính theo tuổi thọ của loài người là một trăm vạn năm.[29]

Như vậy, này Tỳ-kheo! Tính tuổi thọ như thế, cứ tăng dần dần lên gấp bội, chỉ trừ cõi trời Vô Tưởng. Tuổi thọ của cõi trời Vô Tưởng là tám vạn bốn ngàn kiếp, chỉ trừ cõi trời Tịnh Cư, không còn tái sanh nơi cõi đời này nữa.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Chớ buông lung thì ngay nơi thân này sẽ được dứt sạch phiền não.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[30]

---

[29] Nguyên tác: Câu-lợi (拘利).

[30] Bản Hán, hết quyển 43.

48. PHẨM MƯỜI ĐIỀU BẤT THIỆN[1]

1. MƯỜI NGHIỆP ÁC[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu chúng sanh nào tạo nghiệp sát sanh, khuyến khích rộng rãi việc sát sanh thì gieo trồng tội báo ở chốn địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, nếu được sanh làm người thì thọ mạng rất ngắn. Vì sao như thế? Vì đã giết hại sanh mạng kẻ khác.

Nếu có chúng sanh nào trộm cướp tài vật của người khác thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì luôn bần cùng thiếu thốn, ăn không đủ no, áo không đủ mặc, hết thảy tội báo đều do trộm cướp, bởi cướp đoạt tài vật tức là đoạn mạng sống của người khác.

[0786a01] Nếu có chúng sanh nào ưa thích dâm dục thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì sẽ gặp gia môn không trinh khiết, hiền lương, do vì lén lút làm chuyện dâm dục.

Nếu có chúng sanh nào nói dối thì gieo trồng tội báo nơi địa ngục. Nếu được sanh làm người thì bị người khinh khi, lời nói không ai tin, bị người khác khinh bỉ. Vì sao như thế? Vì do đời trước nói dối mà ra.

Nếu có chúng sanh nào nói hai chiều thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì tâm thường không định tĩnh, hay lo lắng, buồn rầu. Vì sao như thế? Vì do người ấy truyền lời dối trá cho cả đôi bên.

Nếu có chúng sanh nào nói lời thô ác thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì bị người căm ghét, thường bị chửi mắng. Vì sao như thế? Vì do người ấy nói lời không chuyên chánh nên có quả báo như thế.

Nếu có chúng sanh gây chia rẽ đôi bên thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì sẽ bị nhiều người oán ghét, thân thích chia lìa. Vì sao như thế? Vì do đời trước gây chia rẽ nên có quả báo như vậy.

---

[1] Nguyên tác: *Thập bất thiện phẩm* 十不善品 (*T*.02. 0125.48. 0785c23).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.48.1. 0785c24). Tham chiếu: *Tư kinh* 思經 (*T*.01. 0026.15. 0437b24); *A*. 10.217 - V. 292; *A*. 10.218 - V. 297; *A*. 10.219 - V. 299.

Nếu có chúng sanh nào ganh ghét thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì sẽ bị thiếu thốn y phục. Vì sao như thế? Vì người ấy khởi tâm tham lam, ganh ghét.

Nếu có chúng sanh nào khởi tâm làm tổn hại thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì thường gặp nhiều sự dối trá, không hiểu lý chân thật, tâm rối loạn không định tĩnh. Vì sao như thế? Vì do đời trước giận dữ nên quả báo như vậy, không có nhân từ.

Nếu có chúng sanh nào thực hành tà kiến thì gieo trồng tội báo trong ba đường ác. Nếu được sanh làm người thì phải ở chốn biên địa, không được sanh vào cõi phồn vinh, không được gặp Tam bảo và nghĩa lý của đạo pháp, hoặc lại bị điếc, mù, câm, ngọng, thân hình không đoan chánh, không hiểu nơi quy hướng của pháp lành, pháp ác. Vì sao như thế? Vì do đời trước không có cội gốc niềm tin, cũng chẳng tin Sa-môn, Bà-la-môn, anh em và cha mẹ.

Tỳ-kheo nên biết! Do quả báo của mười điều ác này nên chúng sanh gặp phải những điều tai ương như thế.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Nên xa lìa mười điều ác, tu hành theo chánh kiến.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. THUYẾT GIỚI[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào ngày rằm, đến giờ thuyết giới, Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tuần tự trước sau đi đến giảng đường Phổ Hội.

Lúc ấy, Thế Tôn lặng yên quán sát trong Thánh chúng, rồi im lặng không nói.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

– Hôm nay, Thánh chúng thảy đều vân tập tại giảng đường, cúi xin Thế Tôn giảng thuyết giới cấm cho chúng Tỳ-kheo!

Lúc ấy, Thế Tôn vẫn im lặng không nói.

[0786b02] Thế rồi, giây lát sau, A-nan lại bạch Phật:

– Nay đã đúng thời, cúi xin Thế Tôn thuyết giảng giới cấm, vì đầu đêm đã gần mãn!

---

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.48.2. 0786a26). Tham chiếu: *Chiêm-ba kinh* 瞻波經 (*T*.01. 0026.37. 0478b13); *Hằng thủy kinh* 恒水經 (*T*.01. 0033. 0817a03); *Pháp hải kinh* 法海經 (*T*.01.0034. 0818a08); *Hải bát đức kinh* 海八德經 (*T*.01. 0035. 0819a03); *A*. 8.20 - IV. 204.

Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Một lát sau, A-nan lại bạch Phật:

– Giữa đêm đã gần mãn, chúng Tăng mệt mỏi, cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giới!

Lúc ấy, Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Thế rồi, giây lát sau, A-nan lại bạch Phật:

– Cuối đêm đã gần mãn, cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giới!

Phật bảo A-nan:

– Trong chúng có người không thanh tịnh nên Ta không thuyết giới. Nay Ta cho phép vị Thượng tọa thuyết giới cấm. Nếu vị Tăng Thượng tọa không thể đảm trách việc thuyết giới thì cho phép vị trì luật thuyết giới cấm. Nếu không có người trì luật thì vị nào có thể tụng giới thông suốt, hãy xướng lên rồi mời vị ấy thuyết giới. Từ nay về sau Như Lai không thuyết giới. Vì nếu trong chúng có người không thanh tịnh mà Như Lai thuyết giới nơi đây thì đầu của người ấy bị vỡ làm bảy mảnh, giống như trái thù-la[4] không khác.

Lúc ấy, A-nan buồn khóc rơi lệ rồi nói như vầy:

– Từ nay Thánh chúng đã bị cô độc khốn cùng. Chánh pháp của Như Lai sao mau chóng rời xa? Người không thanh tịnh sao xuất hiện sớm thế?

Lúc ấy, Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ: "Trong chúng này, có những ai phá hủy Chánh pháp để khiến cho Như Lai không thuyết giới?"

Thế rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập vào chánh định, quán sát hết thảy lỗi lầm trong tâm của Thánh chúng.

Bấy giờ, Mục-liên thấy hai Tỳ-kheo Mã Sư và Mãn Túc đang ở trong chúng, tức thì Mục-liên liền rời chỗ ngồi, đến chỗ hai Tỳ-kheo ấy rồi bảo:

– Các thầy hãy đứng lên mau và rời khỏi đây. Như Lai đã thấy lỗi lầm các thầy. Vì các thầy mà Như Lai không thuyết giới cấm.

Bấy giờ, hai vị Tỳ-kheo im lặng không trả lời.

Lúc ấy, Mục-liên lặp lại ba lần:

– Các thầy mau đứng dậy, không nên ở đây nữa!

Bấy giờ, hai Tỳ-kheo ấy im lặng không đáp.

Thế rồi, Mục-liên liền đến trước mặt, nắm tay họ kéo ra khỏi cửa, quay vào đóng cửa lại rồi đến bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo không thanh tịnh đã được dẫn ra bên ngoài, cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giảng giới cấm!

---

[4] Thù-la quả (酬羅果) tương tự như loài cây a-lê-thọ-chi (阿梨樹枝) trong *Diệu Pháp Liên Hoa kinh* 妙法蓮華經 (*T*.09. 0262.7. 0059b13). Loài cây này trong *Chánh Pháp Hoa kinh* 正法華經 (*T*.09. 0263.10. 0130c08) gọi là "hoa thái phẩu" (華菜剖), có nguyên tác Phạn ngữ là mañjarī. Mañjarī là một loài cây thiêng trong văn hóa Ấn Độ, được ghi nhận trong Āyurveda. Trong Phật giáo, loại cây này còn được đề cập trong *J*. V. 535. *Đại khổng tước chú vương kinh* 大孔雀呪王經 (*T*.19. 0985.1. 0462b15) gọi là "lan hương sao" (蘭香莦).

Phật dạy Mục-liên:

– Thôi, thôi! Này Mục-liên! Như Lai không thuyết giới cho các Tỳ-kheo nữa. Như Lai không nói hai lời, thầy hãy trở về chỗ ngồi.

Lúc ấy, Tôn giả Mục-liên lại bạch Phật:

– Trong chúng hôm nay đã phát sanh lỗi lầm, con không thể đảm nhận tác pháp duy-na,[5] cúi xin Thế Tôn cử một vị khác!

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng hứa khả.

Thế rồi, Tôn giả Mục-liên cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi trở về chỗ ngồi của mình.

[0786c03] Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Thời đức Phật Tỳ-bà-thi xuất hiện ở đời, Thánh chúng nhiều hay ít? Trải qua thời gian bao lâu mới phát sanh lỗi lầm? Cho đến thời đức Phật Ca-diếp thì đệ tử nhiều hay ít? Thuyết giới như thế nào?

Phật dạy A-nan:

– Cách đây chín mươi mốt kiếp có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Bấy giờ, Thánh chúng có ba hội. Hội thứ nhất có một trăm mười sáu vạn tám ngàn Thánh chúng, hội thứ hai có mười sáu vạn Thánh chúng, hội thứ ba có mười vạn Thánh chúng, thảy đều là bậc A-la-hán. Đức Phật ấy thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Trong một trăm năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, đức Phật ấy thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

Phật nói nhẫn tối tôn, Vô vi hơn mọi chốn,
Không vì hại kẻ khác, Cạo tóc làm Sa-môn.

Thuở ấy, đức Phật kia dùng một bài kệ này để làm giới cấm trong một trăm năm. Về sau, do sanh ra lỗi lầm nên mới lập ra giới cấm.

Lại nữa, trong ba mươi mốt kiếp có đức Phật hiệu là Thi-khí Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Bấy giờ, cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có mười sáu vạn Thánh chúng, hội thứ hai có mười bốn vạn Thánh chúng, hội thứ ba có mười vạn Thánh chúng. Thời ấy, trong tám mươi năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, không có lỗi lầm, đức Phật cũng nói một bài kệ:

Nếu mắt thấy tà vạy, Người trí không đắm say,
Xả bỏ các điều ác, Bậc thông tuệ đời này.

Thuở ấy, trong tám mươi năm, đức Phật ấy chỉ nói một bài kệ này. Về sau có sự lỗi lầm mới thiết lập giới cấm. Đức Phật Thi-khí thọ bảy vạn tuổi.

---

[5] Duy-na (維那) tức yết-ma đà-na (羯磨陀那, S. *karmadāna*), còn gọi là "cương duy" (綱維), "thứ đệ" (次第), "thọ sự" (授事), "tri sự" (知事), "duyệt chúng" (悅眾), "tự hộ" (寺護).

Trong kiếp ấy cũng có đức Phật xuất hiện ở thế gian hiệu là Tỳ-xá-la-bà, cũng có ba hội Thánh chúng. Hội đầu tiên có mười vạn Thánh chúng, thảy đều là bậc A-la-hán. Hội thứ hai có tám vạn A-la-hán. Hội thứ ba có bảy vạn A-la-hán, đã dứt sạch phiền não. Thời đức Phật Tỳ-xá-la-bà, trong bảy mươi năm đầu không có lỗi lầm. Lúc ấy, đức Phật dùng một bài kệ rưỡi làm giới cấm:

Không hại, chẳng làm trái, Đại giới luôn phụng hành,
Biết đủ với uống ăn, Giường, tòa cũng như vậy,
Tâm chuyên nhất, chí thành, Là lời chư Phật dạy.

[0787a04] Trong bảy mươi năm, Ngài chỉ dùng bài kệ này làm giới cấm, về sau có lỗi lầm mới thiết lập giới cấm. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà thọ bảy vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp này có đức Phật ra đời, hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai, xuất hiện ở thế gian. Thời ấy có hai hội Thánh chúng. Hội đầu tiên có bảy vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán. Hội thứ hai có sáu vạn A-la-hán. Thời đức Phật ấy, trong sáu mươi năm đầu không có lỗi lầm. Bấy giờ, đức Phật kia dùng hai bài kệ làm giới cấm:

Như ong hút mật hoa, Sắc, hương vẫn ngào ngạt,
Sa-môn[6] vào tụ lạc, Ban pháp vị cho người.
Không hủy báng người khác, Phải, trái cũng chẳng màng,
Chỉ thấy việc mình làm, Đúng, sai tự xét kỹ.

Trong sáu mươi năm đầu, đức Phật ấy dùng hai bài kệ này để làm giới cấm. Từ đó về sau, do có lỗi lầm mới thiết lập giới cấm. Đức Phật ấy thọ sáu vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp này có đức Phật xuất hiện hiệu là Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Thời ấy, có hai hội Thánh chúng. Hội đầu tiên có sáu mươi vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán. Hội thứ hai có bốn mươi vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán. Vào thời đức Phật ấy, trong bốn mươi năm đầu không có lỗi lầm, chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

Giữ tâm chớ khinh suất, Đạo tịch diệt siêng tu,
Bậc Thánh dứt sầu ưu, Vắng lặng mọi tham muốn.

Trong bốn mươi năm đầu, Ngài chỉ dùng một bài kệ này làm giới cấm, từ đó trở về sau mới có người lỗi lầm, liền thiết lập giới cấm. Đức Phật ấy thọ bốn vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp này, có đức Phật hiệu Ca-diếp xuất hiện ở đời. Thuở ấy, đức Phật Ca-diếp cũng có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có bốn mươi vạn chúng, hội thứ hai có ba mươi vạn chúng, thảy đều là bậc A-la-hán. Trong hai mươi năm đầu không có lỗi lầm nên thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

Chớ làm các điều ác, Gắng làm các việc lành,
Giữ tâm ý trong sạch, Là lời chư Phật dạy.

[6] Nguyên tác: Đạo sĩ (道士).

[0787b03] Trong hai mươi năm đầu, Ngài chỉ dùng một bài kệ này làm giới cấm, về sau có người phạm giới cấm mới thiết lập để cấm ngăn. Đức Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi.

Nay Ta là đấng Như Lai xuất hiện ở đời, có một hội Thánh chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi người. Trong mười hai năm đầu không có lỗi lầm nên Ta cũng dùng một bài kệ làm giới cấm:

Giữ miệng, ý thanh tịnh, Thân nghiệp cũng thanh tịnh,
Tịnh ba hành nghiệp ấy, Tu hành đạo Tiên nhân.

Trong mười hai năm đầu, Ta chỉ dùng một bài kệ này làm giới cấm, về sau có người phạm giới luật nên dần dần có đến hai trăm năm mươi giới. Từ nay về sau, khi chúng Tăng nhóm họp, nên phải tác bạch đúng theo luật: "Chư Hiền cùng lắng nghe! Hôm nay ngày mười lăm, là ngày thuyết giới nay Tăng chấp thuận, chúng Tăng hòa hợp thuyết giới cấm."[7] Tác bạch như thế xong, nếu có Tỳ-kheo nào có nói điều gì thì không nên thuyết giới; nếu như tất cả đều im lặng, không ai phản đối thì mới thuyết giới. Cho đến sau khi nói bài tựa giới kinh rồi, nên hỏi lại rằng: "Thưa chư Hiền, có ai không thanh tịnh không?" Lặp lại ba lần như vậy: "Có ai không thanh tịnh không?" Đã thanh tịnh thì im lặng mà thọ trì. Tuy nhiên, tuổi thọ của con người hiện nay rất ngắn, tuổi thọ cao nhất không quá một trăm năm. Thế nên, này A-nan! Nên khéo thọ trì điều Ta dạy.

Bấy giờ, A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Thuở quá khứ lâu xa, tuổi thọ của chư Phật, Thế Tôn thật dài lâu, lại ít người phạm giới, không có lỗi lầm. Còn ngày nay, tuổi thọ của loài người đã quá ngắn ngủi, không quá một trăm năm. Sau khi các đức Phật đời quá khứ Diệt độ thì Chánh pháp trụ ở đời trong khoảng bao lâu?

Phật bảo A-nan:

– Sau khi các đức Phật quá khứ Diệt độ, Chánh pháp không tồn tại lâu dài.

A-nan bạch Phật:

– Sau khi Như Lai Diệt độ thì Chánh pháp trụ ở đời bao lâu?

Phật bảo A-nan:

– Sau khi Ta Diệt độ, Chánh pháp sẽ trụ ở đời lâu dài. Sau khi đức Phật Ca-diếp Diệt độ, Chánh pháp chỉ trụ trong bảy ngày. Này A-nan! Thầy đang nghĩ rằng đệ tử của Như Lai quá ít? Chớ nghĩ như thế, vì ở phương Đông, đệ tử của Ta nhiều vô số ngàn muôn. Ở phương Nam, đệ tử của Ta cũng nhiều vô số ngàn muôn.

---

[7] Chấm câu trong nguyên tác hơi đặc dị. Tham chiếu cách chấm câu trong *Yết-ma* 羯磨 (*T*.22. 1433.1. 1056b21): "Hôm nay ngày bố-tát, vào lúc... giờ, chúng Tăng hòa hợp, vân tập về giảng đường... để thuyết giới" (今布薩日, 某時, 眾僧和合, 集某堂說戒).

Cho nên, này A-nan! Hãy nghĩ như vầy: "Đức Phật Thích-ca của ta thọ mạng rất dài lâu. Vì sao như thế? Vì nhục thân tuy Diệt độ nhưng Pháp thân vẫn tồn tại."

Nghĩa của việc này như thế. Hãy nên ghi nhớ phụng hành!

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. DI-LẶC HẠ SANH[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bày vai phải, quỳ gối bên phải sát đất rồi bạch đức Thế Tôn:

– Như Lai thật uyên thâm, không điều gì là không thông suốt. Ngài biết rõ cả ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai, biết rõ hết thảy tên họ, danh hiệu, đệ tử Bồ-tát tùy tùng nhiều hay ít của chư Phật đời quá khứ, trong một kiếp, trăm kiếp cho đến vô số kiếp thảy đều quán sát và biết rõ. Ngài cũng biết rõ hết thảy tên họ của vua chúa, đại thần, dân chúng, như trong hiện tại có bao nhiêu cõi nước Ngài đều biết tường tận. Vào thời tương lai lâu xa, khi đức Phật Di-lặc, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện, chúng con muốn được nghe sự biến hóa của đức Phật ấy, số đệ tử tùy tùng, sự phồn thịnh và an lạc của cảnh giới Phật sẽ trải qua thời gian bao lâu?

Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy trở về chỗ ngồi và lắng nghe! Ta giảng nói về sự xuất hiện của Di-lặc, sự phồn thịnh và an lạc của cõi nước và số đệ tử nhiều hay ít. Hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ trong tâm!

Lúc ấy, vâng lời Phật dạy, A-nan liền trở về chỗ ngồi.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

– Vào thời tương lai lâu xa, ở cõi này sẽ có một thành quách tên là Kê-đầu, từ Đông sang Tây rộng mười hai do-tuần, từ Nam sang Bắc rộng bảy do-tuần, đất đai màu mỡ, dân chúng đông đúc, đường sá thông thương. Bấy giờ, trong thành ấy có long vương tên là Thủy Quang, ban đêm rưới nước mưa thơm, ban ngày trời trong quang đãng. Lúc ấy, trong thành Kê-đầu có một quỷ la-sát tên là Diệp Hoa, luôn sống theo phép tắc, không trái với giáo pháp chân chánh, đợi sau khi dân chúng ngủ nghỉ mới dọn dẹp các thứ bất tịnh, lại dùng nước thơm rưới trên mặt đất, sạch thơm vô cùng.

---

[8] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.48.3. 0787c02).

A-nan nên biết! Bấy giờ, ở cõi Diêm-phù-đề từ Đông sang Tây, từ Nam đến Bắc trong mười vạn do-tuần, hết thảy núi, sông, vách đá đều tự biến mất, nước trong bốn biển cả đều đổ dồn về một phía. Lúc ấy, đất đai cõi Diêm-phù-đề vô cùng bằng phẳng như mặt gương trong sáng. Các loại ngũ cốc trong cõi Diêm-phù-đề thật dồi dào, dân chúng đông đúc, có nhiều châu báu, thôn xóm liền kề, chỉ cách nhau bằng khoảng tiếng gà gáy. Thời ấy, những loại cây trái dở xấu đều chết khô, các thứ dơ bẩn cũng tự biến mất, chỉ còn lại những trái ngon, quả ngọt, hương vị đặc biệt thảy đều mọc trên đất ấy. Bấy giờ, khí hậu lại ôn hòa, bốn mùa thuận lợi, thân người không có một trăm lẻ tám thứ tai họa. Tham dục, sân hận, ngu si không quá sâu dày, tâm người bình dị, thảy đồng một lòng, gặp nhau vui vẻ, nói lời thiện lành, chỉ dùng một ngôn ngữ, không có sai biệt, giống như loài người ở cõi Uất-đan-việt. Dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề bấy giờ, hết thảy đều dùng một thứ tiếng, không có nhiều loại khác nhau. Thuở ấy, hết thảy nam nữ vừa muốn đại, tiểu tiện thì mặt đất tự khai mở ra, xong việc thì đất tự nhiên khép lại. Bấy giờ, lúa gạo trong cõi Diêm-phù-đề tự nhiên sanh ra, không có vỏ trấu, mùi vị cực kỳ thơm ngon, ăn vào không còn bệnh khổ. Còn những thứ vàng bạc, châu báu, xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách rơi vãi trên mặt đất, chẳng ai màng nhặt lấy. Lúc ấy, dân chúng cầm châu báu này trên tay rồi bảo nhau: "Thuở xưa, cũng vì châu báu này mà con người giết hại lẫn nhau, bị giam cầm trong lao ngục, đau khổ không thể tính kể, nhưng nay các loại châu báu này chỉ như gạch ngói, chẳng có ai lấy."

[0788a09] Bấy giờ, có vị Pháp vương xuất hiện tên là Nhượng-khư, dùng Chánh pháp trị dân, có đầy đủ bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, tướng quân báu và thủ tạng báu. Đó là bảy báu. Nhà vua thống lãnh cõi Diêm-phù-đề, không cần dùng dao gậy, chỉ tự nhiên hàng phục. Này A-nan! Lúc ấy có bốn kho châu báu. Ở nước Càn-đà-việt có kho báu Thi-la-bát, có nhiều tài vật, châu báu lạ thường không thể tính kể. Kho báu thứ hai là Ban-trù ở nước Di-thê-la cũng có nhiều châu báu. Kho báu thứ ba ở nước Tu-lại-tra cũng có nhiều châu báu. Kho báu thứ tư ở Bà-la-nại-nhượng-khư cũng có nhiều châu báu không thể tính kể. Bốn kho báu lớn này tự nhiên ứng hiện. Khi ấy, các người giữ kho đều đến tâu vua:

"Cúi xin Đại vương đem của cải trong kho báu này để bố thí cho người nghèo khổ!"

Lúc ấy, tuy có được các kho báu này, nhưng Vua Nhượng-khư cũng chẳng quan tâm, chẳng hề nghĩ đến tài sản. Bấy giờ, ở cõi Diêm-phù-đề, trên cây tự nhiên sanh ra y phục rất mịn màng mềm mại, mọi người đều đến lấy để mặc, giống như cõi Uất-đan-việt hiện tại, trên cây tự nhiên sanh ra y phục.

Bấy giờ, nhà vua ấy có một quan đại thần tên là Tu-phạm-ma, vốn là bạn thân của nhà vua từ thời thơ ấu. Nhà vua rất kính mến. Vị đại thần ấy dung mạo đoan chánh, không cao không thấp, không mập không gầy, không trắng không

đen, không già không trẻ. Thuở ấy, phu nhân của Đại thần Tu-phạm-ma tên là Phạm-ma-việt, rất mực xinh đẹp, hơn hẳn các ngọc nữ, như cung phi trời Đế-thích, miệng tỏa hương hoa sen xanh, thân thơm hương chiên-đàn, hoàn toàn không có tám mươi bốn trạng thái của những người phụ nữ, cũng không bệnh tật, tâm không tán loạn.

Bấy giờ, từ cung trời Đâu-suất, Bồ-tát Di-lặc quán sát về cha mẹ, là người không già không trẻ, liền giáng thần xuống, hạ sanh từ hông bên phải, giống như Ta hiện nay cũng hạ sanh từ hông bên phải, Bồ-tát Di-lặc cũng như thế. Chư thiên cõi trời Đâu-suất đều xướng lên rằng: "Bồ-tát Di-lặc đã hạ sanh." Thế rồi, Đại thần Tu-phạm-ma liền đặt tên con là Di-lặc, thân thể rất trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, sắc da màu vàng ròng. Thuở ấy, tuổi thọ của con người dài lâu, không có hoạn nạn, thảy đều thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Con gái thì đến lúc năm trăm tuổi mới lập gia thất. Bấy giờ, trải qua thời gian tại gia không bao lâu, Bồ-tát Di-lặc liền xuất gia học đạo.

[0788b08] Lúc ấy, cách thành Kê-đầu không xa, có một gốc cây tên là Long Hoa, cao một do-tuần, che phủ đến năm trăm bộ. Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc ngồi bên gốc cây ấy mà thành tựu đạo quả Vô thượng. Vào nửa đêm nọ, Di-lặc xuất gia, ngay đêm hôm đó liền thành đạo Vô thượng. Khi ấy, ba ngàn đại thiên cõi nước chấn động sáu cách, hết thảy địa thần đều bảo nhau: "Nay Bồ-tát Di-lặc đã thành Phật!", lan truyền cho đến cung trời Tứ Thiên Vương cũng được nghe: "Di-lặc đã thành tựu Phật đạo!", rồi lan truyền dần dần đến cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại, cõi trời Tha Hóa Tự Tại, rồi lần lượt lan truyền đến cõi Phạm thiên đều được nghe: "Bồ-tát Di-lặc đã thành tựu Phật đạo!"

Bấy giờ, Ma vương tên là Đại Tướng, dùng pháp trị dân, được nghe danh hiệu và âm thanh giáo hóa của Như Lai, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng nên suốt bảy ngày bảy đêm không ngủ nghỉ. Thế rồi, Ma vương liền dẫn theo vô số chư thiên và loài người trong cõi dục đi đến chỗ Phật Di-lặc cung kính lễ bái.

Đức Phật Di-lặc tuần tự giảng nói về các giáo pháp vi diệu cho chư thiên. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, giải thoát là vi diệu.

Khi biết mọi người đã phát tâm hoan hỷ, Ngài liền vì hàng trời, người mà giảng nói, phân biệt rộng rãi nghĩa lý các pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường giảng nói như khổ, tập, diệt, đạo. Bấy giờ, có tám vạn bốn ngàn thiên tử dứt trừ sạch phiền não, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Thế rồi, Ma vương Đại Tướng nói với dân chúng trong cõi nước ấy:

"Các ngươi hãy mau xuất gia! Vì sao như vậy? Hôm nay, đức Phật Di-lặc đã qua bờ kia nên cũng sẽ đưa các ngươi sang bờ kia."

Bấy giờ, trong thành Kê-đầu có trưởng giả tên là Thiện Tài, vâng theo lệnh của Ma vương và được nghe tiếng Phật, liền dẫn theo tám vạn bốn ngàn người đến chỗ Phật Di-lặc, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, đức Phật Di-lặc tuần tự giảng nói về các giáo pháp vi diệu cho họ. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, giải thoát là vi diệu. Bấy giờ, biết mọi người đã khai thông tâm ý, đức Phật Di-lặc liền vì họ mà giảng nói, phân biệt rộng rãi nghĩa lý các pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường giảng nói như khổ, tập, diệt, đạo. Lúc ấy, tám vạn bốn ngàn người ngay tại chỗ ngồi, dứt sạch hết phiền não, được Pháp nhãn thanh tịnh. Thế rồi, Thiện Tài cùng tám vạn bốn ngàn người liền đến trước bạch Phật cầu xin xuất gia, khéo tu Phạm hạnh, thảy đều thành tựu quả vị A-la-hán.

Bấy giờ, hội đầu tiên của Phật Di-lặc có tám vạn bốn ngàn A-la-hán.

[0788c08] Lúc ấy, Vua Nhượng-khư hay tin Bồ-tát Di-lặc đã thành Phật, vì muốn được nghe pháp nên nhà vua liền đi đến chỗ Phật.

Bấy giờ, Phật Di-lặc giảng nói pháp cho nhà vua, ban đầu thiện, khoảng giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý sâu xa.

Thế rồi, vào một dịp khác, nhà vua liền lập thái tử, ban tặng châu báu cho người thợ cạo, đem đủ loại châu báu cho các Phạm chí, rồi dẫn theo tám vạn bốn ngàn người đến chỗ Phật, xin được làm Sa-môn, hết thảy đều thành tựu đạo quả, chứng đắc A-la-hán.

Lúc ấy, hay tin Bồ-tát Di-lặc đã thành Phật, trưởng giả Tu-phạm-ma liền dẫn theo tám vạn bốn ngàn chúng Phạm chí đi đến chỗ Phật, xin được làm Sa-môn và đều đắc quả A-la-hán, chỉ riêng Tu-phạm-ma thì đoạn trừ ba kiết sử, dứt sạch hết thảy khổ đau.

Lúc ấy, Phật mẫu Phạm-ma-việt lại dẫn theo tám vạn bốn ngàn thể nữ đi đến chỗ Phật, xin được làm Sa-môn. Thế rồi, các thể nữ đều đắc quả A-la-hán, chỉ riêng Phật mẫu Phạm-ma-việt là đoạn trừ ba kiết sử, thành tựu Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, nghe tin Di-lặc Như Lai xuất hiện ở thế gian, thành bậc Đẳng Chánh Giác nên các phu nhân dòng Sát-lợi dẫn vài ngàn vạn chúng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, hết thảy đều phát tâm mong cầu làm Sa-môn, được xuất gia học đạo, hoặc có người vượt thứ lớp mà chứng đắc, hoặc có người chưa chứng đắc.

Này A-nan! Bấy giờ, những người không vượt thứ lớp chứng đắc đều là người vâng giữ giáo pháp, nhàm chán tất cả thế gian chẳng có gì vui thích. Lúc ấy, Phật Di-lặc sẽ giảng nói giáo lý Ba thừa. Hiện tại, trong hàng đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp tu tập theo mười hai hạnh Đầu-đà,[9] do đã khéo tu Phạm hạnh vào thời chư Phật quá khứ, vị này sẽ thường trợ giúp Phật Di-lặc để giáo hóa dân chúng.

[9] Đầu-đà (頭陀). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp đang ngồi kiết-già cách chỗ Phật không xa, thân ngay thẳng, tâm đoan chánh, buộc niệm trước mặt.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

– Nay Ta già yếu, tuổi gần tám mươi. Tuy vậy, Như Lai có bốn vị đệ tử lớn, có trí tuệ không cùng tận, đức hạnh vẹn toàn, đảm trách việc hoằng hóa. Bốn vị ấy là ai? Đó là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp, Tỳ-kheo Quân-đồ-bát-hán,[10] Tỳ-kheo Tân đầu-lư và Tỳ-kheo La-hầu-la.[11] Các thầy là bốn vị đệ tử lớn không nên nhập Niết-bàn, hãy đợi pháp của Ta diệt hẳn, về sau mới vào Niết-bàn. Đại Ca-diếp cũng không nên nhập Niết-bàn, nên đợi Phật Di-lặc xuất hiện ở thế gian. Vì sao như vậy? Vì hàng đệ tử do Phật Di-lặc hóa độ đều là đệ tử của Phật Thích-ca, do Ta đã giáo hóa nên hết thảy phiền não được tiêu trừ. Đại Ca-diếp sẽ cư ngụ trong ngọn núi ở thôn Tỳ-đề thuộc nước Ma-kiệt, đến lúc Di-lặc Như Lai dẫn theo vô số ngàn chúng, thứ lớp tuần tự đi đến trong ngọn núi này. Nương vào ân đức của Phật, các quỷ thần sẽ mở cửa, sẽ thấy được Ca-diếp đang thiền định trong hang.

[0789a12] Lúc ấy, Phật Di-lặc duỗi cánh tay phải chỉ vào Tôn giả Ca-diếp rồi bảo mọi người:

"Thuở quá khứ lâu xa, vị này là đệ tử của Phật Thích-ca[12] tên là Ca-diếp, hiện vẫn còn trụ thế, là vị tu khổ hạnh Đầu-đà bậc nhất."

Bấy giờ, thấy thế rồi, mọi người đều khen ngợi là việc chưa từng có, vô số trăm ngàn chúng sanh liền dứt sạch các phiền não, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Hoặc lại có chúng sanh đã được thấy thân Ca-diếp rồi, đây gọi là hội đầu tiên, có chín mươi sáu ức người đều chứng đắc A-la-hán, những người ấy đều là đệ tử của Ta. Vì sao như vậy? Do vì họ đều nhận lãnh sự giáo hóa của Ta mà được thành tựu và cũng do nhân duyên của bốn pháp là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.[13]

Này A-nan! Lúc ấy, đức Như Lai Di-lặc sẽ lấy y Tăng-già-lê đắp lên thân Ca-diếp. Lúc ấy, thân thể của Ca-diếp bỗng nhiên tan rã. Phật Di-lặc lại dùng đủ loại hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao như vậy? Vì chư Phật, Thế Tôn đều có tâm cung kính đối với Chánh pháp, Di-lặc cũng do Ta mà thọ nhận sự giáo hóa của Chánh pháp, được thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân.

A-nan nên biết! Đến hội thứ hai của Phật Di-lặc có chín mươi bốn ức người đều là bậc A-la-hán, cũng là hàng đệ tử do Ta giáo hóa, nhờ cúng dường bốn pháp mà được như thế.

---

[10] Xem lại công hạnh của vị Tỳ-kheo này tại *Kinh thiếu nữ Tu-ma-đề*, số 3, phẩm 30, tr. 420 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.30.3. 0660a01).

[11] Nguyên tác: La-vân (羅云, Rāhula).

[12] Nguyên tác: Thích-ca-văn (釋迦文) hay Thích-ca Mâu-ni (釋迦牟尼) được phiên âm từ Sakya Muni. Cách phiên âm "Thích-ca-văn" không phổ biến trong các điển tịch Phật giáo Trung Quốc.

[13] Nguyên tác: Huệ thí, nhân ái, lợi nhân, đẳng lợi (惠施, 仁愛, 利人, 等利).

Lại nữa, hội thứ ba của Phật Di-lặc có chín mươi hai ức người, đều là bậc A-la-hán, cũng là hàng đệ tử do Ta giáo hóa.

Bấy giờ, danh xưng của Tỳ-kheo đều được gọi là đệ tử Từ Thị, như Ta ngày nay, các hàng đệ tử đều xưng là đệ tử Thích-ca.

Bấy giờ, Phật Di-lặc thuyết pháp cho các đệ tử: "Các thầy Tỳ-kheo! Nên suy nghĩ về tưởng vô thường, tưởng trong lạc có khổ,[14] tưởng chấp ngã trong vô ngã, tưởng thật có trong không tánh, tưởng sắc biến hoại, tưởng bầm xanh, tưởng trương sình, tưởng ăn không tiêu, tưởng máu huyết, tưởng tất cả thế gian chẳng có gì vui thích. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo nên biết! Mười tưởng này đều do Phật Thích-ca ở thời quá khứ đã giảng nói cho các thầy, khiến trừ sạch phiền não, tâm được giải thoát.

[0789b07] Hoặc trong chúng đây, có đệ tử của Phật Thích-ca, thời quá khứ từng tu Phạm hạnh rồi đến chỗ Ta, hoặc phụng trì giáo pháp từ Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc cúng dường Tam bảo từ nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã tu căn lành trong khoảnh khắc khảy móng tay nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã tu bốn vô lượng tâm nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã thọ trì năm giới và Ba quy y từ Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã tạo dựng tháp miếu nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã sửa sang chùa chiền nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã thọ trì tám quan trai giới nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã cúng dường hương hoa nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc đã nghe Phật pháp, buồn khóc rơi lệ ở chỗ Phật kia rồi đến chỗ Ta, hoặc đã chuyên tâm nghe pháp nơi Phật Thích-ca rồi đến chỗ Ta, hoặc suốt đời khéo tu Phạm hạnh rồi đến chỗ Ta, hoặc đã biên chép, đọc tụng kinh điển rồi đến chỗ Ta, hoặc đã phụng sự cúng dường rồi đến chỗ Ta."

Bấy giờ, Phật Di-lặc liền nói kệ này:

Người trì giới, đa văn,
Phạm hạnh khéo tu tập,
Người bố thí, hoan hỷ,
Vọng tưởng đều ngưng nghỉ,
Người phát tâm bình đẳng,
Vật thực cúng Thánh chúng,
Người tụng giới, Khế kinh,
Làm sáng tỏ Chánh pháp,
Họ Thích khéo giáo hóa,
Vâng giữ, cúng dường Pháp,
Hành thiền, tu trí tuệ,
Rồi đến chỗ của Ta.
Tìm về cội nguồn tâm,
Cùng đến chỗ của Ta.
Thừa sự Phật khắp cùng,
Đều đến chỗ của Ta.
Tu, vì người diễn đạt,
Nay đến chỗ của Ta.
Cúng dường các Xá-lợi,
Nay đến chỗ của Ta.

[14] Tham chiếu: *M.* 75, *Māgandiya Sutta* (*Kinh Māgandiya*): "Này Māgandiya, sự xúc chạm với các dục trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện tại cũng là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não. Và này Māgandiya, những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được lạc thọ" (HT. Thích Minh Châu dịch).

Người biên chép Khế kinh, Chép sao trên lụa trắng,
Người cúng dường Khế kinh, Đều đến chỗ của Ta.
Người dùng lụa, gấm thêu, Cúng dường nơi chùa tháp,
Tự xưng: Nam-mô Phật, Đều đến chỗ của Ta.
Cúng dường Phật hiện tại, Quá khứ chư Như Lai,
Nhất tâm và bình đẳng, Không một chút lệch sai.
Thế nên, luôn phụng sự, Phật, Pháp, chúng Thánh hiền,
Thờ Tam bảo tinh chuyên, Ắt đến nơi tịch diệt.

[0789c11] A-nan nên biết! Đức Như Lai Di-lặc sẽ nói bài kệ này giữa chúng ấy. Bấy giờ, chư thiên và loài người trong chúng đều tư duy tu tập về mười niệm này, mười một na-do-tha[15] đồ chúng sạch hết các phiền não, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Thời đức Phật Di-lặc, trong một ngàn năm, chúng Tăng không hề sai phạm. Bấy giờ, đức Phật ấy thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

Miệng, ý không làm ác, Thân cũng chẳng phạm sai,
Trừ sạch ba nghiệp này, Mau thoát vực sanh tử.

Sau một ngàn năm, sẽ có người phạm giới nên Phật mới lập giới cấm. Phật Di-lặc sẽ thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, giáo pháp của Ngài sẽ tồn tại tám vạn bốn ngàn năm. Vì sao như thế? Vì chúng sanh thời bấy giờ đều là hạng lợi căn. Những người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn được gặp Phật Di-lặc và ba hội chúng Thanh văn cùng thành Kê-đầu, muốn được gặp Vua Nhượng-khư và bốn kho châu báu lớn, muốn được ăn lúa gạo tự nhiên và mặc y phục tự nhiên, muốn sau khi chết được sanh lên cõi trời thì người thiện nam hoặc người thiện nữ ấy nên gắng sức tinh tấn, chớ sanh biếng nhác, cũng nên phụng sự và cúng dường các Pháp sư, dâng cúng các loại hoa quý và các hương thơm, đừng để thiếu sót.

Thật vậy, này A-nan! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, A-nan và đại chúng nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[16]

***

4. NÓI VỀ DANH HIỆU PHẬT[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[15] Nguyên tác: Cai (垓), tức 100 triệu.

[16] Bản Hán, hết quyển 44.

[17] Tựa đề được đức Phật dạy trong nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.48.4. 0790a07). Tham chiếu: *Đại bổn kinh* 大本經 (*T.*01. 0001.1. 0001b11); *Thất Phật kinh* 七佛經 (*T.*01. 0002. 0150a03); *Tỳ-bà-thi Phật kinh* 毘婆尸佛經 (*T.*01. 0003. 0154b05); *Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh* 七佛父母姓字經 (*T.*01. 0004. 159a24); *D.* 14, *Cūladukkhakkhandha Sutta* (*Tiểu kinh khổ uẩn*).

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, đều khởi suy nghĩ như vầy:

– Như Lai thật kỳ diệu! Thật là hiếm có! Các đức Phật thuở quá khứ tuy đã nhập Niết-bàn nhưng Ngài đều biết rõ tên họ, dòng họ, trì giới, tùy tùng, thảy đều phân biệt rõ ràng. Ngài còn biết rõ về thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và thọ mạng dài hay ngắn. Thế nào, này chư Hiền! Đó là do Như Lai thông đạt về pháp giới[18] rất mực thanh tịnh nên mới biết được nguồn gốc tên họ của chư Phật kia chăng? Hay là do chư thiên đến chỗ Phật thưa lại những điều này?

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ, đức Thế Tôn nghe rõ điều bàn luận của số đông các Tỳ-kheo, Ngài liền đến chỗ các Tỳ-kheo rồi ngồi vào chính giữa.

Lúc ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận về điều gì? Muốn giảng nói pháp gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Chúng con nhóm họp ở đây để bàn luận về những điều thiết yếu của Chánh pháp. Ai cũng khởi lên những luận bàn như vầy: "Như Lai thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Ngài có thể biết rõ các đức Phật, Thế Tôn thuở quá khứ về danh xưng, tên họ, trí tuệ nhiều ít, thảy đều thông suốt, thật là kỳ diệu. Thế nào, này chư Hiền! Là do Như Lai thông đạt về pháp giới rất mực thanh tịnh mới biết được nguồn gốc tên họ của chư Phật kia chăng? Hay là do chư thiên đến chỗ Phật thưa lại những điều này?"

Lúc ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy muốn nghe về năng lực thần thông, trí tuệ của chư Phật thời quá khứ chăng? Muốn biết tên họ, danh hiệu, thọ mạng dài hay ngắn chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Nay thật đúng lúc, cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa ấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ, Như Lai sẽ giảng nói rộng rãi nghĩa đó cho các thầy!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:

– Tỳ-kheo nên biết! Thuở quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp có đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, cách đây ba mươi mốt kiếp có đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Thi-khí Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

---

[18] Nguyên tác: Pháp xứ (法處), tên khác của pháp giới. Theo *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận* 阿毘達磨俱舍論 (*T*.29. 1558.1. 0004a25): 如是此中所說五蘊, 即十二處并十八界, 謂除無表, 諸餘色蘊即名十處, 亦名十界. 受想行蘊, 無表, 無為總名法處, 亦名法界.

Lại nữa, trong ba mươi mốt kiếp ấy có đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Tỳ-xá-la-bà Như Lai.

Trong Hiền kiếp này có đức Phật ra đời, hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai.

Lại nữa, trong Hiền kiếp này có đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, trong Hiền kiếp này có đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Ca-diếp.

Lại nữa, trong Hiền kiếp này, Ta xuất hiện ở đời là Thích-ca Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

[0790b07] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Trong chín mươi mốt kiếp, Có Phật Tỳ-bà-thi,
Trong ba mươi mốt kiếp, Xuất hiện Phật Thi-khí.
Cũng ba mốt kiếp ấy, Phật Tỳ-xá xuất hiện,
Trong Hiền kiếp lúc ấy, Bốn Phật cùng ra đời.
Câu-tôn, Na, Ca-diếp, Mặt trời chiếu thế gian,
Muốn biết rõ tên họ, Danh hiệu Phật thế đó.

Đức Phật Tỳ-bà-thi xuất thân từ dòng họ Sát-lợi. Đức Phật Thi-khí cũng xuất thân từ dòng họ Sát-lợi. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà cũng xuất thân từ dòng họ Sát-lợi. Đức Phật Câu-lưu-tôn xuất thân từ dòng họ Bà-la-môn. Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni xuất thân từ dòng họ Bà-la-môn. Đức Phật Ca-diếp xuất thân từ dòng họ Bà-la-môn. Hiện nay, Ta xuất thân từ dòng họ Sát-lợi.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật quá khứ ra đời, Đều dòng họ Sát-lợi,
Câu-tôn đến Ca-diếp, Xuất thân Bà-la-môn.
Cao tột chẳng ai sánh, Ta, bậc thầy trời, người,
Các căn đều tịch tịnh, Dòng Sát-lợi xuất thân.

Đức Phật Tỳ-bà-thi họ Cù-đàm. Đức Phật Thi-khí cũng xuất thân từ họ Cù-đàm. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà cũng xuất thân từ họ Cù-đàm. Đức Phật Ca-diếp xuất thân từ họ Ca-diếp. Đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni cũng xuất thân từ họ Ca-diếp, giống nhau không khác. Như Lai hiện nay là Ta, xuất thân từ họ Cù-đàm.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Ba đức Phật đầu tiên, Dòng Cù-đàm thị hiện,
Ba vị kế Ca-diếp, Dòng Ca-diếp xuất thân.
Như Ta trong hiện tại, Trời, người đều quy kính,
Các căn đều tịch tịnh, Xuất thân họ Cù-đàm.

[0790c03] Tỳ-kheo nên biết! Đức Phật Tỳ-bà-thi có họ là Câu-lân-nhã. Đức Phật Thi-khí cũng xuất thân từ họ Câu-lân-nhã. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà cũng xuất thân từ họ Câu-lân-nhã. Đức Phật Câu-lưu-tôn xuất thân từ họ Bà-la-đọa.

Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni cũng xuất thân từ họ Bà-la-đọa. Đức Phật Ca-diếp cũng xuất thân từ họ Bà-la-đọa. Hiện nay, Ta là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, xuất thân từ họ Câu-lân-nhã.[19]

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Ba đức Phật đầu tiên, Từ họ Câu-lân-nhã,
Ba vị kế Ca-diếp, Có họ Bà-la-đọa.
Như Ta trong hiện tại, Trời, người đều quy kính,
Các căn đều tịch tịnh, Xuất thân Câu-lân-nhã.

Đức Phật Tỳ-bà-thi ngồi bên cội cây hoa Ba-la-lợi mà thành tựu Phật đạo. Đức Phật Thi-khí ngồi bên cội cây Phân-đà-lợi mà thành tựu Phật đạo. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà ngồi bên cội cây Ba-la mà thành tựu Phật đạo. Đức Phật Câu-lưu-tôn ngồi bên cội cây Thi-lợi-sa mà thành tựu Phật đạo. Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ngồi bên cội cây Ưu-đầu-bạt-la mà thành tựu Phật đạo. Đức Phật Ca-diếp ngồi bên cội cây Ni-câu-lưu mà thành tựu Phật đạo. Hiện nay, Ta là Như Lai ngồi bên cội cây Cát Tường mà thành tựu Phật đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật đầu tiên thành đạo, Dưới cây Ba-la-lợi,
Thi-khí, Phân-đà-lợi, Tỳ-xá, cây Ba-la.
Câu-tôn, cây Thi-lợi, Câu-na, cây Bạt-la,
Ca-diếp, cây Câu-lưu, Ta bên cội Cát Tường.
Bảy Phật, Thiên Trung Thiên, Chiếu thế gian sáng tỏa,
Nhân duyên ngồi bên cây, Đều thành tựu đạo quả.

Đức Phật Tỳ-bà-thi có mười sáu vạn tám ngàn chúng đệ tử. Đức Phật Thi-khí có mười sáu vạn chúng đệ tử. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà có mười vạn chúng đệ tử. Đức Phật Câu-lưu-tôn có tám vạn chúng đệ tử. Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni có bảy vạn chúng đệ tử. Đức Phật Ca-diếp có sáu vạn chúng đệ tử. Hiện tại, chúng đệ tử của Ta là một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc A-la-hán, các phiền não vĩnh viễn dứt trừ, không còn các sự trói buộc.

[0791a04] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Trăm ngàn sáu vạn tám, Đệ tử Tỳ-bà-thi,
Trăm ngàn và sáu vạn, Đệ tử Phật Thi-khí.
Trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, Đệ tử Tỳ-xá-bà,
Câu-tôn, tám vạn chúng, Câu-na-hàm, bảy vạn.
Ca-diếp, sáu vạn chúng, Thảy đều A-la-hán,
Nay Ta, đấng Thích-ca, Ngàn hai trăm năm mươi.
Đều là bậc Chân nhân, Đang hoằng dương chánh giáo,
Chúng đệ tử các Ngài, Thật đông nhiều xiết bao!

[19] Tánh Câu-lân-nhã (姓拘鄰若). Chỉ duy nhất ở bản kinh này trong *Đại Chánh* tạng ghi nhận đức Phật Thích-ca có họ là Câu-lân-nhã.

Thị giả của đức Phật Tỳ-bà-thi tên là Đại Đạo Sư. Thị giả của đức Phật Thi-khí tên là Thiện Giác. Thị giả của đức Phật Tỳ-xá-la-bà tên là Thắng Chúng. Thị giả của đức Phật Câu-lưu-tôn tên là Cát Tường. Thị giả của đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni tên là Tỳ-la-tiên. Thị giả của đức Phật Ca-diếp tên là Đạo Sư. Thị giả của Ta hiện nay tên là A-nan.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Đại Đạo và Thiện Giác, Thắng Chúng và Cát Tường,
Tỳ-la-tiên, Đạo Sư, A-nan, bảy thị giả.
Bảy vị theo hầu Phật, Không lúc nào phi thời,
Đọc tụng và thọ trì, Không quên mất nghĩa lý.

Đức Phật Tỳ-bà-thi thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Đức Phật Thi-khí thọ bảy vạn tuổi. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà thọ sáu vạn tuổi. Đức Phật Câu-lưu-tôn thọ năm vạn tuổi. Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni thọ bốn vạn tuổi. Đức Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi. Thọ mạng hiện tại của Như Lai thật ngắn, tuổi thọ không quá một trăm năm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật đầu, tám vạn tư, Phật kế, bảy vạn tuổi,
Tỳ-xá-bà, sáu vạn, Câu-lưu thọ năm vạn.
Thọ mạng bốn vạn tuổi, Là tuổi Câu-na-hàm,
Ca-diếp thọ hai vạn, Riêng Ta thọ trăm năm.

[0791b03] Như thế, này các Tỳ-kheo! Như Lai quán sát, biết được tên họ và danh hiệu của chư Phật thảy đều tường tận, thấy biết rõ ràng dòng họ, chủng tộc, thông suốt mọi việc về trì giới, trí tuệ, thiền định và giải thoát.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Như Lai cũng giảng nói, hằng sa chư Phật đã Diệt độ thời quá khứ, Như Lai cũng đều biết. Hằng sa chư Phật tương lai sẽ xuất hiện, Như Lai cũng đều biết. Vì sao Như Lai không nói về những việc làm của những đức Phật đó mà Ngài chỉ nói tường tận về bảy đức Phật?

Phật bảo A-nan:

– Như Lai chỉ nói tường tận về bảy đức Phật là thảy đều có nguồn gốc nhân duyên. Hằng sa chư Phật thời quá khứ cũng chỉ nói tường tận về bảy đức Phật. Vào thời tương lai, khi Phật Di-lặc xuất hiện, Ngài cũng sẽ nói tường tận về bảy đức Phật. Nếu lúc đức Như Lai Sư Tử Ứng xuất hiện ở đời, Ngài cũng sẽ nói tường tận về bảy đức Phật. Nếu lúc đức Phật Thừa Nhu Thuận xuất hiện ở đời, Ngài cũng sẽ nói tường tận về bảy đức Phật. Nếu lúc đức Phật Quang Diệm xuất hiện ở đời, Ngài cũng sẽ nói tường tận về bảy đức Phật. Nếu lúc Như Lai Vô Cấu xuất hiện, Ngài cũng sẽ nói tường tận về Phật Ca-diếp. Nếu lúc đức Phật Bảo Quang xuất hiện ở đời, Ngài cũng sẽ nói tường tận về Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Sư Tử, Nhu Thuận, Quang,
Thứ đến là Di-lặc,
Di-lặc thuật Thi-khí,
Nhu Thuận thuật Câu-tôn,
Vô Cấu thuật Ca-diếp,
Bảo Quang thành Phật đạo,
Chư Phật đời quá khứ,
Đều nói rõ ngọn nguồn,
Vô Cấu và Bảo Quang,
Đều sẽ thành Phật đạo.
Sư Tử thuật Tỳ-xá,
Quang Diệm thuật Mâu-ni.
Đều nói duyên xưa kia,
Sẽ thuật danh hiệu Ta.
Và chư Phật tương lai,
Duyên xưa của bảy Phật.

Do nhân duyên này, Như Lai chỉ nói về danh hiệu bảy đức Phật mà thôi.

Bấy giờ, A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Kính bạch Thế Tôn![20] Kinh này tên là gì và nên phụng hành như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Kinh này tên là *Nói về danh hiệu Phật*, nên ghi nhớ phụng hành.

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. TRƯỞNG GIẢ SƯ TỬ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, trưởng giả Sư Tử đi đến chỗ Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Trưởng giả Sư Tử thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Cúi xin Tôn giả chấp thuận lời thọ thỉnh của con!

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời.

Bấy giờ, thấy Tôn giả im lặng nhận lời, trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân rồi ra về.

Trưởng giả lại đến chỗ các vị Mục-kiền-liên, Ly-việt, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên, Mãn Từ Tử, Ưu-ba-ly, Tu-bồ-đề, La-hầu-la và Sa-di Quân-đầu... để thỉnh năm trăm vị thượng thủ như thế.

Thế rồi, trưởng giả Sư Tử liền trở về, sắm sửa đầy đủ nhiều món ăn thức uống, trải tòa ngồi đẹp, rồi đến thưa:

– Đã đến giờ, xin các Chân nhân A-la-hán biết cho, nay thức ăn đã dọn xong, cúi mong các vị quang lâm đến nhà con!

---

[20] Nguyên tác không có 4 chữ này. Sử dụng lặp lại câu kinh trước để thể hiện sự tôn kính.

[21] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.48.5. 0791c01). Tham chiếu: *A*. 8.12 - IV. 179.

Bấy giờ, các đại Thanh văn đều đắp ba y, ôm bát vào thành rồi đến nhà trưởng giả.

Khi các Tôn giả đã an định chỗ ngồi xong, trưởng giả tự tay dâng cúng các món ăn thức uống. Thấy Thánh chúng thọ trai xong, trưởng giả liền đem nước sạch rửa tay, cúng dường mỗi vị một tấm lụa trắng, rồi đứng trước để nhận lời chú nguyện.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất giảng nói pháp vi diệu cho trưởng giả, rồi rời tòa ra về, trở lại nơi tịnh thất.

Lúc ấy, Tôn giả La-hầu-la đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi:

– Thầy vừa từ nơi nào đến đây?

La-hầu-la thưa:

– Hôm nay, con được trưởng giả Sư Tử mời thọ thực.

Phật hỏi:

– Thế nào, La-hầu-la! Thức ăn ngon hay không ngon, là tinh tế hay sơ sài?

La-hầu-la thưa:

– Thức ăn rất ngon và dồi dào. Tấm lụa trắng này là do trưởng giả ấy cúng.

Phật hỏi La-hầu-la:

– Chúng Tăng có bao nhiêu vị? Ai là thượng thủ?

La-hầu-la bạch Phật:

– Hòa thượng Xá-lợi-phất là thượng thủ cùng với năm trăm đệ tử đức hạnh.

Phật bảo La-hầu-la:

– Thế nào, La-hầu-la! Trưởng giả ấy được phước nhiều chăng?

La-hầu-la bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Trưởng giả ấy được phước báu nhiều không tính kể. Cúng dường một vị A-la-hán, phước ấy đã khó hạn định, huống hồ là bậc thần diệu lớn, trời, người đều cung kính. Năm trăm vị hôm nay đều là bậc Chân nhân thì phước ấy làm sao có thể đo lường.

Phật bảo La-hầu-la:

– Công đức cúng dường cho năm trăm vị La-hán hôm nay, nếu so với phước cúng dường một vị Sa-môn được thỉnh do chúng Tăng sai cử theo thứ lớp thì phước kia lớn gấp trăm ngàn lần, ức vạn lần, không thể dùng ví dụ để so sánh khi so với phước cúng cho năm trăm La-hán. Vì sao như vậy? Vì người do chúng sai cử, phước ấy khó hạn định, đạt đến cõi Niết-bàn, diệt tận.

La-hầu-la nên biết! Ví như có người tự phát nguyện: "Tôi sẽ uống nước của các sông ngòi." Người ấy có làm được như thế không?

[0792a06] La-hầu-la bạch Phật:

– Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì cõi Diêm-phù-đề này cực kỳ rộng lớn. Cõi Diêm-phù-đề này có bốn con sông lớn: Một là, sông Hằng. Hai là, sông Tân-đầu. Ba là, sông Tư-đà. Bốn là, sông Bác-xoa. Mỗi con sông lại có năm trăm nhánh sông nhỏ, cho nên người ấy không bao giờ có thể uống được hết các dòng nước, chỉ lao công nhọc sức mà không bao giờ thành tựu việc ấy.

Phật bảo La-hầu-la:

– Người kia lại bảo như vầy: "Ta tự có cách thức và phương tiện để có thể uống được hết các nguồn nước." Thế nào là có phương cách để uống được hết các nguồn nước? Bấy giờ, người kia liền suy nghĩ như vầy: "Ta sẽ uống nước biển. Vì sao như thế? Vì tất cả các dòng sông đều đổ về biển." Thế nào, này La-hầu-la! Người kia có thể uống được hết các dòng nước chăng?

La-hầu-la bạch Phật:

– Với phương cách như thế, người kia có thể uống được tất cả các dòng nước. Vì sao như vậy? Vì tất cả các dòng sông đều đổ về biển. Do nhân duyên này, người kia uống được tất cả các dòng nước.

Phật bảo La-hầu-la:

– Đúng thế, La-hầu-la! Tất cả mọi sự cúng dường riêng tư giống như dòng sông kia, hoặc được phước hoặc không được phước, còn chúng Tăng thì giống như biển cả. Vì sao như vậy? Vì nước từ sông hay suối đều đổ về biển cả và tên cũ liền mất, chỉ còn tên biển cả mà thôi. Này La-hầu-la! Điều này cũng như thế. Mười hạng người này đều xuất phát từ trong chúng, không có chúng thì không thành tựu. Gồm những hạng nào? Đó là bậc hướng Tu-đà-hoàn, bậc chứng đắc Tu-đà-hoàn; bậc hướng Tư-đà-hàm, bậc chứng đắc Tư-đà-hàm; bậc hướng A-na-hàm, bậc chứng đắc A-na-hàm; bậc hướng A-la-hán, bậc chứng đắc A-la-hán; bậc Độc giác và Như Lai. Đó gọi là mười hạng người đều từ trong chúng, không thể tự lập riêng rẽ.

Này La-hầu-la! Do phương cách này nên biết, người được chúng sai cử, phước ấy không có giới hạn. Cho nên, này La-hầu-la! Người thiện nam hay người thiện nữ nào mong cầu được phước không thể tính kể thì nên cúng dường Thánh chúng. La-hầu-la nên biết! Cũng như có người đem bơ bỏ vào trong nước thì bơ đông lại, không thể tan rộng ra. Nếu đem dầu rót vào trong nước thì dầu sẽ loang đầy trên mặt nước. Cho nên, này La-hầu-la! Nên nhớ nghĩ về sự cúng dường Thánh chúng Tỳ-kheo-tăng.

Thật vậy, này La-hầu-la! Nên học tập điều này.

[0792b02] Bấy giờ, trưởng giả Sư Tử nghe Như Lai khen ngợi, giảng nói về phước của sự cúng dường cho chúng mà không khen ngợi hay giảng nói về phước nào khác.

Thế rồi, vào một dịp khác, trưởng giả đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, trưởng giả Sư Tử bạch Phật:

– Con được nghe Như Lai khen ngợi phước bố thí cho chúng mà không khen ngợi phước được thỉnh riêng. Từ nay về sau, con sẽ thường xuyên cúng dường Thánh chúng.

Đức Phật bảo:

– Ta không nói như vầy: "Nên cúng dường Thánh chúng, không nên cúng dường cho người khác." Vì bố thí cho loài súc sanh cũng còn được phước, huống hồ là người khác? Tuy nhiên, Ta chỉ nói là được phước nhiều hay ít. Vì sao như vậy? Vì Thánh chúng của Như Lai đáng kính, đáng quý, là ruộng phước không gì hơn ở thế gian. Trong chúng này có bốn hướng, bốn quả, Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Phật thừa. Những người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn đạt được đạo quả của Ba thừa thì nên tìm cầu từ trong chúng. Vì sao như vậy? Vì đạo quả của Ba thừa đều phát khởi từ trong chúng. Này trưởng giả! Ta quán sát nghĩa lý nhân duyên này nên mới nói những lời như vậy. Ta cũng không dạy bảo người nên bố thí cho Thánh chúng mà không nên bố thí cho người khác.

Bấy giờ, trưởng giả bạch Phật:

– Đúng thế, như lời Thế Tôn dạy bảo! Từ nay về sau, nếu làm việc phước thì con sẽ cúng dường Thánh chúng, không chọn riêng người để bố thí.

Lúc ấy, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho trưởng giả kia, khiến ông phát tâm hoan hỷ. Nghe pháp xong, trưởng giả liền đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ra về.

Bấy giờ, trưởng giả Sư Tử phát tâm muốn bố thí để tạo phước nghiệp.

Lúc ấy, chư thiên đến bảo:

– Đây là người thành tựu hướng Tu-đà-hoàn, đây là người đã chứng đắc Tu-đà-hoàn. Bố thí cho người này phước nhiều, bố thí cho người này được phước ít.

Thế rồi, chư thiên dùng kệ khen ngợi:

Phật khen chọn bố thí, Cúng các vị đức cao,
Sẽ được phước rất nhiều, Như mạ gieo ruộng tốt.

Lúc ấy, trưởng giả Sư Tử im lặng không trả lời.

Bấy giờ, chư thiên lại nói với trưởng giả:

– Đây là người trì giới, đây là người phạm giới; đây là người hướng Tu-đà-hoàn, đây là người chứng đắc Tu-đà-hoàn; đây là người hướng Tư-đà-hàm, đây là người chứng đắc Tư-đà-hàm; đây là người hướng A-na-hàm, đây là người chứng đắc A-na-hàm; đây là người hướng A-la-hán, đây là người chứng đắc A-la-hán; đây là Thanh văn thừa, đây là Độc giác thừa, đây là Phật thừa, bố thí người này được phước ít, bố thí người này được phước nhiều.

[0792c04] Lúc ấy, trưởng giả Sư Tử im lặng không đáp. Vì sao như vậy? Vì ông chỉ ghi nhớ lời dạy bảo của Như Lai, không lựa chọn mà bố thí.

Thế rồi, lại vào một dịp khác, trưởng giả Sư Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và thưa:

– Con nhớ lại, lúc con thỉnh Thánh chúng thọ trai, có chư thiên đến bảo con: "Đây là người trì giới, đây là người phạm giới; người này hướng Tu-đà-hoàn, người này chứng đắc Tu-đà-hoàn,... cho đến hàng Ba thừa, thảy đều phân biệt."

Chư thiên lại nói kệ như vầy:

Phật khen chọn bố thí, Cúng các vị đức cao,
Sẽ được phước rất nhiều, Như mạ gieo ruộng tốt.

Khi ấy, con lại nghĩ thế này: "Không nên làm trái lời Như Lai dạy bảo, sao ta lại khởi tâm chọn lựa để bố thí ư? Không bao giờ con có tâm phải trái hoặc khởi ý niệm cao thấp." Thế rồi, con lại suy nghĩ: "Ta sẽ bố thí khắp cả mọi loài chúng sanh, người nào trì giới thì được phước vô cùng, nếu ai phạm giới thì tự chịu tai ương. Chỉ vì thương xót chúng sanh, không ăn thì không thể duy trì mạng sống."

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Lành thay, lành thay! Này trưởng giả! Thệ nguyện của ông thật rộng lớn. Bậc Bồ-tát khi bố thí thì tâm thường bình đẳng. Trưởng giả nên biết, vào ngày Bồ-tát bố thí, chư thiên đến bảo rằng: "Thiện nam nên biết: 'Đây là người trì giới, đây là người phạm giới; bố thí cho người này được phước nhiều, bố thí cho người này được phước ít.'" Bấy giờ, Bồ-tát không hề khởi tâm: "Nên bố thí người này, không nên bố thí người này." Song, Bồ-tát giữ gìn tâm, không cho là phải hoặc cho là trái, cũng chẳng nói người này trì giới, cũng chẳng nói người này phạm giới. Cho nên, này trưởng giả! Nên nhớ nghĩ về bố thí bình đẳng thì được phước vô lượng và lâu dài.

Thế rồi, trưởng giả Sư Tử ghi nhớ lời Như Lai dạy bảo, chiêm ngưỡng Thế Tôn, tâm không lay động, liền đạt được Pháp nhãn thanh tịnh ngay tại chỗ ngồi. Lúc ấy, trưởng giả Sư Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ra về.

Bấy giờ, trưởng giả rời đi chưa bao lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nhờ ghi nhớ pháp bố thí bình đẳng, rồi lại chiêm ngưỡng toàn thân Như Lai nên trưởng giả liền đạt được Pháp nhãn thanh tịnh ngay tại chỗ ngồi.

Lúc ấy, đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Trong số đệ tử ưu-bà-tắc của Ta, người bố thí bình đẳng bậc nhất chính là trưởng giả Sư Tử.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. CHÁNH ĐỊNH KIM CANG[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang vá y phấn tảo ở nơi thanh vắng trong núi Kỳ-xà quật.

Lúc ấy, có mười ngàn chư thiên ẩn thân từ cõi trời Phạm thiên[23] rồi hiện đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ sát chân, nhiễu quanh để hầu, rồi dùng kệ này khen ngợi:

Quy mạng bậc Thượng nhân, Quy mạng bậc Tôn quý,
Chúng tôi không thể biết, Ngài trụ những thiền nào?

Lúc ấy, mười ngàn thiên chúng cõi trời Phạm thiên nói kệ này rồi, Xá-lợi-phất lặng yên hứa khả.

Bấy giờ, thấy Xá-lợi-phất lặng yên hứa khả rồi, chư thiên liền lễ sát chân rồi lui ra.

Chư thiên rời đi chưa bao xa, Xá-lợi-phất liền nhập chánh định Kim cang.

Lúc ấy, có hai con quỷ là Già-la và Ưu-bà-già-la do Thiên vương Tỳ-sa-môn sai đi đến chỗ Thiên vương Tỳ-lưu-lặc để bàn luận việc của trời, người.

Bấy giờ, hai con quỷ ấy bay ngang qua hư không, từ xa thấy Xá-lợi-phất đang ngồi kiết-già, buộc niệm trước mặt, định tâm vắng lặng.

Quỷ Già-la nói với quỷ kia:

– Ta có thể dùng nắm đấm đánh vào đầu Sa-môn này.

Quỷ Ưu-bà-già-la nói:

– Ông chớ khởi ý nghĩ đánh vào đầu Sa-môn như thế. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn này có thần đức và oai lực cực lớn. Tôn giả này tên là Xá-lợi-phất, trong hàng đệ tử Thế Tôn không có ai thông minh, tài cao hơn vị này, là vị Trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử Phật. Ông hãy chuẩn bị để mãi chịu vô số khổ đau.

Thế nhưng, quỷ Già-la vẫn lặp lại ba lần:

– Ta có thể đánh vào đầu Sa-môn ấy.

Quỷ Ưu-bà-già-la lại bảo:

– Nếu như ông không nghe lời ta thì ông cứ ở đây, ta sẽ đi một mình.

Ác quỷ hỏi:

– Ngươi sợ Sa-môn ấy ư?

---

[22] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.48.6. 0793a03). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1330. 0367b05); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.329. 0485a24); *Ud.* 39.

[23] Nguyên tác: Phạm-ca-di (梵迦夷, Brahmakāyika), cũng gọi là Sơ thiền Phạm thiên (初禪梵天).

Quỷ Ưu-bà-già-la bảo:

– Thật sự ta sợ Sa-môn này. Nếu ông dùng tay đánh vào đầu Sa-môn này thì đất sẽ nứt làm đôi, ngay lúc ấy sẽ có mưa to gió lớn, đất đai rúng động, chư thiên kinh động. Mặt đất đã rúng động nên Tứ Thiên Vương cũng sẽ kinh sợ. Tứ Thiên Vương biết được thì chúng ta khó mà yên thân.

[0793b01] Lúc ấy, ác quỷ nói:

– Ta có thể làm nhục Sa-môn này.

Thiện quỷ nghe rồi, liền bỏ đi.

Bấy giờ, ác quỷ kia liền dùng tay đánh vào đầu Xá-lợi-phất.

Ngay khi ấy, trời đất chấn động mạnh, bốn phía nổi cuồng phong, mưa lớn liền trút xuống, mặt đất nứt làm đôi, toàn thân ác quỷ này liền rơi vào địa ngục.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền xả chánh định, chỉnh lại y phục, rời khỏi núi Kỳ-xà quật, vào vườn trúc rồi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật và ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Thân thể của thầy không bệnh tật gì chứ?

Xá-lợi-phất thưa:

– Thân con không bệnh, chỉ có đầu bị đau.

Phật bảo:

– Do quỷ Già-la đã dùng tay đánh vào đầu thầy. Con quỷ ấy nếu lấy tay đánh vào núi Tu-di thì núi Tu-di liền vỡ làm đôi. Vì sao như thế? Vì quỷ ấy có sức cực mạnh. Nay nó đã chịu tội báo, toàn thân rơi vào địa ngục A-tỳ.

Thế rồi, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thật là kỳ lạ! Thật là đặc thù! Chánh định Kim cang có năng lực đến thế! Do năng lực của định này mà thầy ấy không bị tổn hại. Giả sử núi Tu-di đánh vào đầu vị ấy thì cũng không thể nào động đến mảy lông. Vì sao như thế? Tỳ-kheo hãy lắng nghe:

Trong Hiền kiếp này có đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Đức Phật ấy có hai vị đệ tử lớn, vị thứ nhất tên Đẳng Thọ, vị thứ hai tên Đại Trí. Tỳ-kheo Đẳng Thọ có thần túc bậc nhất, Tỳ-kheo Đại Trí có trí tuệ bậc nhất. Như Ta hiện nay có Xá-lợi-phất trí tuệ bậc nhất, Mục-kiền-liên thần túc bậc nhất.

Bấy giờ, hai Tỳ-kheo Đẳng Thọ và Đại Trí đều thành tựu định Kim cang.

Vào một dịp nọ, Tỳ-kheo Đẳng Thọ nhập định Kim cang nơi chỗ vắng vẻ. Lúc ấy, những người chăn bò, người chăn dê, kẻ đốn củi và cắt cỏ nhìn thấy Tỳ-kheo này đang ngồi thiền, họ bảo nhau:

"Sa-môn này hôm nay đã bị vô thường bắt mất rồi."

Thế rồi, những người chăn bò và người đốn củi liền gom các loại cỏ cây, chất lên trên thân của thầy Tỳ-kheo, châm lửa đốt rồi bỏ đi.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đẳng Thọ xả thiền định, chỉnh lại y phục rồi rời chỗ ngồi mà đi. Cũng ngay hôm đó, thầy Tỳ-kheo ấy đắp y, ôm bát vào thôn xóm khất thực.

Lúc ấy, những người đốn củi thấy thầy Tỳ-kheo khất thực trong thôn, họ đều bảo nhau:

"Thầy Tỳ-kheo này hôm qua đã chết, chúng ta đã lấy lửa hỏa thiêu nhưng hôm nay sao sống lại, ta nên đặt tên là Hoàn Hoạt."[24]

Tỳ-kheo nếu thành tựu định Kim cang thì lửa đốt không cháy, dao chặt không đứt, xuống nước không chìm, không bị người khác làm tổn thương. Thật vậy, này Tỳ-kheo! Chánh định Kim cang có oai đức như thế. Xá-lợi-phất hiện tại thành tựu chánh định này. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đa phần an trú ở hai nơi: Chánh định Không và chánh định Kim cang.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện để tu tập định Kim cang.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

[0793c09] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng nói cho các thầy: Như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là vị Tỳ-kheo với trí tuệ lớn, trí tuệ phân biệt, trí tuệ rộng rãi, trí tuệ vô biên, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ rộng khắp, trí tuệ sắc bén, trí tuệ thâm sâu, trí tuệ đoạn trừ.[25] Thầy ấy ít muốn biết đủ, vắng lặng dũng mãnh, tâm không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát và giải thoát tri kiến, nhu hòa không tranh cãi, xa lìa tất cả các việc ác, nhẫn nhịn các lời lẽ, khen ngợi sự lìa bỏ điều ác, thường nhớ nghĩ xa lìa, thương xót chúng sanh, thắp sáng Chánh pháp, nói pháp cho người không hề mỏi mệt.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Mười ngàn chúng cõi trời, Đều ở Phạm-ca-di,
Đến đỉnh Linh Thứu sơn, Quy y Xá-lợi-phất.

---

[24] Nội dung câu chuyện về vị Tỳ-kheo nhập định cũng được ghi lại đầy đủ trong *Hàng ma kinh* 降魔經 (*T*.01. 0026.131. 0620b07).

[25] Nguyên tác: 比丘智慧, 大智, 分別廣智, 無邊智, 捷疾之智, 普遊智, 利智, 甚深智, 斷智. *Sa-môn Nhị Thập Ức kinh* 沙門二十億經 (*T*.01. 0026.123. 0611c26): Thông tuệ (聰慧, *paṇḍitapaññā*), đại tuệ (大慧, *mahāpaññā*), tốc tuệ (速慧, *hāsapaññā*), tiệp tuệ (捷慧, *javanapaññā*), lợi tuệ (利慧, *tikkhapaññā*), quảng tuệ (廣慧, *puthupaññā*), thâm tuệ (深慧, *gambhīrapaññā*), xuất yếu tuệ (出要慧, *nissaraṇapaññā*), minh đạt tuệ (明達慧, *nibbedhikapaññā*); *S*. V. 412-13.

Quy mạng bậc Thượng nhân, Quy mạng bậc Tôn quý,
Chúng tôi không thể biết, Ngài nương thiền định nào?
Giống như Hoa đệ tử, Trang nghiêm Đạo thọ Phật,
Vườn Trú Độ[26] cõi trời, Vui thích không thể sánh.

Hoa đệ tử, chính là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao như thế? Vì vị này có khả năng trang nghiêm thân cây Phật. Đạo thọ, chính là Như Lai. Như Lai che chở cho tất cả chúng sanh.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Hãy nhớ nghĩ siêng năng, dũng mãnh tinh tấn như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[27]

[26] Trú Độ (晝度), viết tắt của Trú Độ thọ (晝度樹, Pāricchattaka hoặc Pārijāta): Cây này sanh trưởng trong vườn Hoan Hỷ (歡喜園, Nandanavana), bên ngoài Thiện Pháp đường (善法堂, Sudhammāsālā), trên cõi trời Đao-lợi (忉利天, Tāvatiṃsa). *Kinh cây Trú Độ*, số 2, phẩm 39, tr. 654 trong tập này; *Tăng* 增 (*T*.02. 0125.39.2. 0729b12) mô tả: Gốc cây to 50 do-tuần, cao 100 do-tuần, bóng cây che phủ 4 phía rộng 50 do-tuần.

[27] Bản Hán, hết quyển 45.

49. PHẨM CHĂN BÒ[1]

1. PHÁP CHĂN BÒ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người chăn bò nếu làm theo mười một cách này thì không bao giờ nuôi lớn đàn bò, vì không thể bảo vệ được đàn bò của mình. Là mười một cách nào? Đó là, người chăn bò không phân biệt được sắc của chúng, không biết tướng của chúng, cần phải chải sạch lại không biết chải sạch, không biết chăm sóc vết thương, không biết tùy thời xông khói, không biết chỗ ruộng cỏ tươi tốt, không biết nơi an ổn, cũng không biết chỗ để lùa bò qua sông, không biết giờ giấc thích hợp, khi vắt sữa bò không biết chừa lại chút ít mà vắt đến cạn kiệt, khi những con bò đã lớn có thể sử dụng nhưng không biết tùy thời chăm sóc.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Nếu người chăn bò làm theo mười một cách này thì không bao giờ nuôi lớn đàn bò, vì không biết cách chăm sóc và bảo vệ thân thể của chúng.

Ngày hôm nay, Tỳ-kheo trong chúng này nếu cũng thực hành như vậy thì chung cuộc không thể nào có sự tăng trưởng về lợi ích. Mười một pháp đây gồm những gì? Đó là, Tỳ-kheo không biết rõ về sắc, không hiểu rõ về tướng, cần phải chải sạch lại không biết chải sạch, không biết chăm sóc vết thương, không biết tùy thời xông khói, không biết chỗ ruộng cỏ tươi tốt, không biết chỗ để qua sông, cũng không biết nơi an ổn và không biết giờ giấc thích hợp, khi ăn không biết lưu lại thức ăn, cũng không biết kính trọng các Tỳ-kheo trưởng lão.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết về sắc? Đó là, Tỳ-kheo không thể biết rõ về bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biết rõ về sắc.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết rõ về tướng? Đó là, Tỳ-kheo không biết đúng như thật hành động nào là ngu, hành động nào là trí. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không biết rõ về tướng.

---

[1] Nguyên tác: *Phóng ngưu phẩm* 放牛品 (*T*.02. 0125.49. 0794a06).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0794a07). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1248-1249. 0342a22-c11); *Phóng ngưu kinh* 放牛經 (*T*.02. 0123. 0546a13); *M*. 33, *Mahāgopālaka Sutta* (*Đại kinh người chăn bò*); *A*. 11.17 - V. 347.

Thế nào là Tỳ-kheo cần phải chải sạch lại không chải sạch? Đó là, Tỳ-kheo nếu mắt thấy sắc liền khởi tưởng về sắc, sanh các tạp niệm, đã vậy lại không giữ gìn nhãn căn. Vì không khéo nhiếp tâm nên gây ra các tai họa và không phòng hộ được các căn. Cũng như vậy, Tỳ-kheo nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp rồi khởi các tưởng tán loạn, cũng không giữ gìn ý căn, không sửa đổi nghiệp của mình. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo cần phải chải sạch lại không chải sạch.

[0794b04] Thế nào là Tỳ-kheo không biết chăm sóc vết thương? Đó là, Tỳ-kheo khởi tưởng tham dục mà không xả ly, không buông bỏ, cũng chẳng trừ khử niệm tham dục đó. Nếu khởi tưởng sân hận, tưởng giết hại, khởi lên các tưởng xấu ác, bất thiện nhưng chẳng bao giờ buông bỏ. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không biết chăm sóc vết thương.

Thế nào là Tỳ-kheo không tùy thời xông khói? Đó là, Tỳ-kheo đối với các pháp đã tụng đọc, không tùy thời giảng dạy cho người. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không tùy thời xông khói.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chỗ ruộng cỏ tươi tốt? Đó là, Tỳ-kheo không biết rõ như thật về bốn niệm xứ.[3] Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không biết chỗ ruộng cỏ tươi tốt.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chỗ để qua sông? Đó là, Tỳ-kheo không biết rõ con đường tám phẩm Hiền thánh. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không biết chỗ để qua sông.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chỗ ưa thích? Đó là, đối với mười hai thể loại kinh là Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kệ, Nhân duyên, Bổn sự, Phương đẳng, Thí dụ, Bổn sanh, Tự thuyết, Luận nghị và Vị tằng hữu pháp; với mười hai thể loại kinh như vậy mà Tỳ-kheo không biết ưa thích.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết thời gian thích hợp? Đó là, Tỳ-kheo đi đến nhà thấp hèn, nhà cờ bạc. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không biết thời gian thích hợp.

Thế nào là Tỳ-kheo không lưu lại thức ăn? Đó là, Tỳ-kheo được các Phạm chí hay ưu-bà-tắc tín tâm đến thỉnh thọ trai, song các Tỳ-kheo tham đắm ăn uống, không biết đủ để dừng lại. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không lưu lại thức ăn.

Thế nào là Tỳ-kheo không kính trọng các bậc Trưởng lão, những Tỳ-kheo cao đức? Đó là, Tỳ-kheo không khởi tâm cung kính đối với các bậc đức độ. Do đó, Tỳ-kheo có nhiều lỗi lầm. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo không cung kính bậc Trưởng lão.

Nếu Tỳ-kheo nào huân tập mười một pháp này thì rốt cuộc không thể có được nhiều lợi ích khi ở trong giáo pháp này.

Lại nữa, nếu người chăn bò làm đúng mười một cách thì có thể bảo vệ đàn bò của mình, không bao giờ đánh mất cơ hội, được nhiều điều lợi ích. Là mười

[3] Nguyên tác: Tứ ý chỉ (四意止) tức là "tứ niệm xứ" (四念處, *cattāro satipaṭṭhānā*).

một cách nào? Đó là, người chăn bò biết về sắc của chúng, biết rõ về tướng của chúng, cần chải sạch thì chải sạch, biết chăm sóc vết thương, biết tùy thời xông khói, biết chỗ ruộng cỏ tốt tươi, biết chỗ để qua sông, yêu mến đàn bò của mình, biết rõ tùy thời thích hợp, cũng biết tánh tình của chúng, khi vắt sữa thì biết chừa lại và cũng biết tùy thời chăm sóc những con bò có thể sử dụng. Đó là người chăn bò biết chăm sóc và bảo vệ đàn bò.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Nếu người chăn bò làm đúng mười một cách này thì không đánh mất cơ hội, không bao giờ bị hư hoại.

[0794c04] Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp thì ở trong đời hiện tại được nhiều lợi ích. Là những pháp nào? Đó là, Tỳ-kheo biết sắc, biết tướng, biết chải sạch, biết chăm sóc vết thương, biết xông khói, biết chỗ ruộng cỏ tốt tươi, biết điều ưa thích, biết chọn đường đi, biết chỗ qua sông, biết ăn vừa đủ, biết kính trọng Tỳ-kheo trưởng lão và tùy thời lễ bái.

Thế nào là Tỳ-kheo biết sắc? Đó là, Tỳ-kheo biết sắc thuộc bốn đại, cũng biết sắc do bốn đại tạo thành. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết sắc.

Thế nào là Tỳ-kheo biết tướng? Đó là, Tỳ-kheo thảy đều biết rõ như thật về tướng ngu, tướng trí. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết tướng.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chải sạch? Đó là, Tỳ-kheo nếu tưởng tham dục khởi lên liền biết nhớ nghĩ xa lìa, cũng không thân cận, vĩnh viễn không còn tưởng tham dục. Nếu tưởng sân hận, tưởng giết hại và các tưởng xấu ác, bất thiện khởi lên liền biết nhớ nghĩ xa lìa, cũng không thân cận, vĩnh viễn không còn tưởng sân hận. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết chải sạch.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chăm sóc vết thương? Đó là, Tỳ-kheo nếu mắt thấy sắc không khởi tưởng đối với sắc, cũng không đắm nhiễm nên nhãn căn thanh tịnh, diệt trừ lo buồn và pháp bất thiện, xấu ác, tâm không tham muốn, nhờ đó mà giữ gìn nhãn căn. Cũng như thế, Tỳ-kheo nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm và ý biết pháp cũng không khởi tưởng phân biệt,[4] cũng không đắm nhiễm nên ý căn thanh tịnh. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết chăm sóc vết thương.

Thế nào là Tỳ-kheo biết xông khói? Đó là, Tỳ-kheo giảng nói rộng rãi cho người giáo pháp đã được nghe. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết xông khói.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ ruộng cỏ tốt tươi? Đó là, Tỳ-kheo biết rõ như thật về con đường tám phẩm Hiền thánh. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết chỗ ruộng cỏ tốt tươi.

---

[4] Nguyên tác: Bất khởi thức tưởng (不起識想): Khởi tưởng phân biệt. Tham chiếu: *Kinh bốn niềm vui*, số 9, phẩm 31, tr. 458 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.31.9. 0672b03): Thế nào là dục lưu? Đó là 5 món dục. Nghĩa là mắt thấy sắc liền khởi tưởng phân biệt, tai nghe tiếng liền khởi tưởng phân biệt, mũi ngửi mùi liền khởi tưởng phân biệt, lưỡi nếm vị liền khởi tưởng phân biệt, thân xúc chạm liền khởi tưởng phân biệt. Đó gọi là dục lưu (云何名為欲流? 所謂五欲是也. 云何為五? 所謂若眼見色起眼色想: 若耳聞聲起識想: 若鼻嗅香起識想; 若舌知味起識想: 若身知細滑起識想, 是謂名為欲流).

Thế nào là Tỳ-kheo biết điều ưa thích? Đó là, Tỳ-kheo nếu khi nghe Như Lai giảng nói pháp mầu thì tâm liền vui thích. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết điều ưa thích.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chọn đường đi? Đó là, Tỳ-kheo biết chọn lựa mười hai thể loại kinh mà hành trì. Đó là Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kệ, Nhân duyên, Bổn sự, Phương đẳng, Thí dụ, Bổn sanh, Tự thuyết, Luận nghị và Vị tằng hữu pháp. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết chọn đường đi.

[0795a02] Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ qua sông? Đó là, Tỳ-kheo biết bốn niệm xứ. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết chỗ qua sông.

Thế nào là Tỳ-kheo biết ăn vừa đủ? Đó là, Tỳ-kheo được Phạm chí hay ưu-bà-tắc tín tâm thỉnh thọ trai, nhưng không tham ăn uống, tự biết vừa đủ. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo tùy thời kính phụng Tỳ-kheo trưởng lão? Đó là, Tỳ-kheo thường dùng thân, miệng và ý thiện lành khi ứng xử với các Tỳ-kheo trưởng lão. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo tùy thời kính phụng Tỳ-kheo trưởng lão.

Như vậy, nếu thành tựu mười một pháp này thì ở trong đời hiện tại được nhiều lợi ích.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Chăn bò không phóng túng,
Chủ bò được phước to,
Sáu năm, sáu con bò,
Dần thành đàn sáu chục.
Tỳ-kheo thành tựu giới,
Thiền định tự thong dong,
Sáu căn mà vắng lặng,
Sáu năm chứng sáu thông.

Do đó, này Tỳ-kheo! Nếu có người nào có thể xa lìa pháp xấu ác này rồi, về sau thành tựu mười một pháp thì ở trong đời hiện tại được nhiều lợi ích.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. PHÁP KHỔ HẠNH[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu mười một pháp này thì chắc chắn sẽ được tăng trưởng. Là mười một pháp nào? Đó là, Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến,

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.2. 0795a17).

các căn vắng lặng, ăn uống biết vừa đủ, thường tu hành các pháp công đức,[6] biết rõ phương tiện, phân biệt nghĩa lý và không tham đắm lợi dưỡng.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Nếu ai thành tựu mười một pháp này thì có thể được tăng trưởng lớn mạnh. Vì sao như vậy? Vì hết thảy các Phạm hạnh[7] chân chánh đều có mười một pháp này.

Bấy giờ, A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Vì sao chỉ có mười một pháp mà không có nhiều hơn? Những gì là mười một pháp?

Đức Phật bảo:

– Đó là,[8] ở nơi vắng vẻ, đi khất thực, chỉ ngồi một chỗ, ngày ăn một bữa, ăn đúng giữa trưa, không chọn nhà khất thực, giữ gìn ba y, ngồi bên gốc cây, ngồi nơi đất trống hoặc chỗ vắng lặng, mặc y phấn tảo và ở bãi tha ma. Như thế, này Tỳ-kheo! Những ai thành tựu mười một pháp này thì sẽ thành tựu mục tiêu.

Nay Ta nói với thầy lần nữa, nếu có người nào học tập pháp này trong mười một năm thì trong đời hiện tại thành tựu A-na-hàm, thân kế tiếp liền thành A-la-hán. Các Tỳ-kheo! Hoặc giả chẳng cần mười một năm, hoặc chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm học tập pháp này, liền thành tựu một trong hai quả vị: hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Giả sử chẳng cần mười hai tháng, nếu có thể tu tập pháp này trong một tháng thì Tỳ-kheo ấy chắc chắn thành tựu một trong hai quả vị: hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

Vì sao như vậy? Vì mười hai nhân duyên đều phát xuất từ mười một pháp này. Đó là sanh, già, bệnh, chết, sầu, ưu, khổ, não.[9]

[0795b08] Nay Ta dạy các thầy Tỳ-kheo, hãy nên so sánh với Tỳ-kheo Ca-diếp. Giả sử có người thực hành pháp khiêm cung khổ hạnh cũng khó sánh kịp với hạnh này. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp đã thành tựu mười một pháp này. Nên biết, chư Phật[10] đời quá khứ thành tựu bậc Đẳng Chánh Giác cũng nhờ thành tựu mười một pháp khổ hạnh này. Nay Tỳ-kheo Ca-diếp vì thương xót tất cả chúng sanh nên nếu như cúng dường các bậc Thanh văn đời quá khứ thì thân sau sẽ được phước báu, nếu cúng dường Ca-diếp thì ngay đời hiện tại được phước báu. Giả sử nếu Ta chưa thành tựu bậc Đẳng Chánh Giác thì về sau Ca-diếp sẽ thay Ta thành tựu bậc Đẳng Chánh Giác. Do nhân duyên này nên

---

[6] Nguyên tác: Cộng pháp (共法) cũng viết là "cộng công đức" (共功德).

[7] Nguyên tác: Hạnh (行) nghĩa là đoan chánh (端正), chánh trực (正直).

[8] Đoạn trên đức Phật nêu ra 11 pháp và Tôn giả A-nan hỏi vì sao chỉ có 11 pháp mà không nhiều hơn? Đoạn này đức Phật nêu ra 11 hạnh Đầu-đà. Xem ra, giữa câu hỏi của Tôn giả A-nan và câu trả lời của đức Phật không liên quan đến nhau. Phải chăng vị truyền đọc kinh điển, tức là Kinh sư (經師, *Bhāṇaka*) đã bỏ quên hay bản Hán đã bị sót mất?

[9] Nguyên tác: 所以然者, 十二因緣皆出十一法中, 所謂: 生, 老, 病, 死, 愁, 憂, 苦, 惱. Có khả năng bản Hán ghi thừa câu này.

[10] Nguyên tác: Đa-tát-a-kiệt (多薩阿竭): Như Lai (如來, Tathāgata).

Tỳ-kheo Ca-diếp thù thắng hơn các bậc Thanh văn đời quá khứ. Những ai có thể làm như Ca-diếp thì đó chính là hạnh tối thượng.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. CĂN TÁNH TƯƠNG ƯNG[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Phật đang thuyết pháp cho vô số chúng sanh vây quanh trước sau.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất dẫn theo số đông Tỳ-kheo đi kinh hành. Các Tỳ-kheo như Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Ca-chiên-diên, Mãn Nguyện Tử,[12] Ưu-ba-ly, Tu-bồ-đề, La-hầu-la, A-nan... mỗi vị đều dẫn theo số đông Tỳ-kheo, đều rất hoan hỷ. Đề-bà-đạt-đa[13] cũng dẫn theo số đông Tỳ-kheo tự đi kinh hành.

Lúc ấy, Thế Tôn thấy các đệ tử thần túc thảy đều dẫn đồ chúng đi kinh hành. Thế rồi, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Căn tánh và tánh tình của mỗi người đều tương ưng với nhau: Người hiền cùng làm bạn với người hiền, kẻ ác cùng làm bạn với kẻ ác, cũng như sữa hòa hợp với sữa, bơ hòa hợp với bơ, nhơ uế hòa hợp với nhơ uế, ở đây cũng như vậy.

Do nguồn gốc căn tánh, hành nghiệp, phép tắc của mỗi loài chúng sanh mà tự mình tương ưng với nhau: Người hiền hòa hợp với người hiền, kẻ ác hòa hợp với kẻ ác. Các thầy có thấy Tỳ-kheo Xá-lợi-phất dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành chăng?

[0795c04] Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa vâng, chúng con có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Những vị ấy đều là bậc thầy về trí tuệ.[14]

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy có thấy Tỳ-kheo Mục-kiền-liên dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành không?

---

[11] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.3. 0795b20). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.447. 0115a24); *S.* 14.15 - II. 155.

[12] Mãn Nguyện Tử (滿願子, Pūrṇa): Tôn giả Phú-lâu-na.

[13] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜, Devadatta).

[14] Nguyên tác: Trí tuệ chi sĩ (智慧之士). Tham chiếu: *S.* 14.15 - II. 155: Bậc đại trí tuệ (*mahāpaññā*).

Các Tỳ-kheo bạch Phật:
– Thưa vâng, chúng con có thấy!
Đức Phật bảo:
– Những Tỳ-kheo ấy đều là bậc thầy về thần túc.
Phật lại hỏi:
– Các thầy có thấy Tỳ-kheo Ca-diếp dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành chăng?
Các Tỳ-kheo thưa:
– Thưa vâng, chúng con có thấy!
Phật bảo các Tỳ-kheo:
– Các Thượng sĩ ấy đều là những người thực hành mười một pháp Đầu-đà.[15]
Phật lại hỏi:
– Các thầy có thấy Tỳ-kheo A-na-luật chăng?
Các Tỳ-kheo thưa:
– Thưa vâng, chúng con có thấy!
Phật bảo các Tỳ-kheo:
– Những Hiền sĩ ấy đều là bậc thiên nhãn đệ nhất.
Phật lại hỏi:
– Các thầy có thấy Tỳ-kheo Ly-việt chăng?
Các Tỳ-kheo thưa:
– Thưa vâng, chúng con có thấy!
Phật bảo [các] Tỳ-kheo:
– Những vị ấy đều là bậc thầy về nhập định.
Phật lại hỏi:
– Các thầy có thấy Tỳ-kheo Ca-chiên-diên chăng?
Các Tỳ-kheo thưa:
– Thưa vâng, chúng con có thấy!
Phật bảo các Tỳ-kheo:
– Những Thượng sĩ ấy đều là bậc thầy về giảng giải nghĩa lý.
Phật lại hỏi:
– Các thầy có thấy Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử chăng?
– Thưa vâng, chúng con có thấy!
Phật bảo các Tỳ-kheo:
– Những Hiền sĩ ấy đều là bậc thầy về thuyết pháp.

[15] Đầu-đà (頭陀). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.4.2. 0557b04).

Phật lại hỏi:

– Các thầy có thấy Ưu-ba-ly dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa vâng, chúng con có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Những vị ấy đều là bậc thầy về giữ gìn giới cấm.

Phật lại hỏi:

– Các thầy có thấy Tỳ-kheo Tu-bồ-đề chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa vâng, chúng con có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Những vị Thượng nhân ấy đều là bậc nhất về giải không.

Phật lại hỏi:

– Các thầy có thấy Tỳ-kheo La-hầu-la chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa vâng, chúng con có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Những Hiền sĩ ấy đều là bậc thầy về giới luật vẹn toàn.

Phật lại hỏi:

– Các thầy có thấy Tỳ-kheo A-nan chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa vâng, chúng con có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Những Hiền sĩ ấy đều là bậc nhất về đa văn, nghe rồi không quên mất.

Phật lại hỏi:

– Các thầy có thấy Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa dẫn nhiều người đi kinh hành chăng?

[0796a01] Các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa vâng, chúng con có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Những người ấy đứng đầu về tội ác, không có gốc rễ thiện lành.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bạn ác đừng thân cận,
Đừng cộng sự kẻ ngu,
Bạn lành nên thân cận,
Người trí nên giao du.
Nếu người vốn hiền thiện,
Gần kẻ xấu ác hoài,
Dần thành nhân bất thiện,
Tiếng xấu khắp gần xa.

Bấy giờ, sau khi nghe Thế Tôn nói bài kệ này rồi, hơn ba mươi đệ tử của Đề-bà-đạt-đa liền bỏ Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật để cầu xin sám hối trọng tội.

Các vị ấy lại bạch Thế Tôn:

– Chúng con ngu si, mê lầm không biết đúng sai, xa lìa bạn lành, gần gũi kẻ ác. Cúi xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm, về sau không dám tái phạm!

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Ta cho phép các thầy sám hối lỗi lầm, sửa đổi lỗi xưa, siêng năng tu tập, chớ có tái phạm.

Bấy giờ, vâng lời giáo giới của Thế Tôn, đệ tử của Đề-bà-đạt-đa ở chỗ vắng vẻ, suy nghĩ về nghĩa lý vi diệu, tự mình kiểm thúc và thực hành theo pháp. Bởi lẽ, người thiện nam cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo là vì muốn tu tập Phạm hạnh vô thượng. Thế rồi, các Tỳ-kheo đều chứng quả A-la-hán.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo nên biết! Căn tánh của chúng sanh đều tự tương ưng với nhau: Kẻ ác thì đi theo kẻ ác, người lành thì đi theo người lành. Căn tánh của chúng sanh ở trong thời quá khứ và ở thời tương lai cũng lại như thế, vì cùng tương tự nên đi theo nhau. Cũng như thanh tịnh tương ưng với thanh tịnh, bất tịnh tương ưng với bất tịnh.

Do đó, này Tỳ-kheo! Nên học tập thanh tịnh để tương ưng với thanh tịnh, hãy xả bỏ và xa lìa bất tịnh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. TƯỢNG XÁ-LỢI-PHẤT[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ ở thành Pháp Hành, thuộc nước Câu-lưu-sa.

Bấy giờ, Tượng Xá-lợi-phất[17] xả bỏ pháp phục, trở về đời sống tại gia.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát vào thành khất thực, dần dần đến nhà Tượng Xá-lợi-phất.

---

[16] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.4. 0796a23). Tham chiếu: *Chi-li-di-lê kinh* 支離彌梨經 (*T*.01. 0026.82. 0557c17); *A*. 6.60 - III. 392.

[17] Tượng Xá-lợi-phất (象舍利弗). Tham chiếu *A*. 6.60 - III. 392: Hatthisāriputta. Hatthi là thể rút gọn của Hatthī, nghĩa là con voi. *Chi-li-di-lê kinh* 支離彌梨經 (*T*.01. 0026.82. 0557c17) ghi là Chất-đa-la-tượng tử (質多羅象子, Citta Hatthisāriputta. Con trai của điều tượng sư, tên là Citta.)

Bấy giờ, Tượng Xá-lợi-phất đang kề vai bên hai thiếu nữ. A-nan từ xa thấy như vậy, trong lòng lo buồn, không vui. Trông thấy A-nan, Tượng Xá-lợi-phất rất mực hổ thẹn, liền ngồi riêng một mình.

Thế rồi, sau khi khất thực xong, A-nan ra khỏi thành đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

– Vừa rồi con vào thành khất thực, dần dần đi đến nhà Tượng Xá-lợi-phất, thấy ông ta đang kề vai bên hai thiếu nữ. Thấy như thế rồi, lòng con rất lo buồn.

[0796b03] Thế Tôn hỏi:

– Thấy như vậy rồi, thầy nghĩ thế nào?

A-nan bạch Phật:

– Con nhớ Tượng Xá-lợi-phất là người siêng năng, nghe nhiều, tánh tình nhu hòa, thường xuyên nói pháp cho những người Phạm hạnh không hề mệt mỏi, tại sao hôm nay lại xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia? Lúc thấy như vậy rồi, con rất lo buồn, bởi vì Tượng Xá-lợi-phất có sức oai thần rất lớn, oai đức không thể tính kể. Con nghĩ, thuở xưa, con từng thấy vị ấy bàn luận với Thích-đề-hoàn-nhân, tại sao hôm nay lại theo dục lạc mà làm điều xấu?

Thế Tôn bảo:

– Đúng thế, này A-nan! Đúng như lời thầy nói, bởi vì ông ta chưa phải là bậc A-la-hán. Chỉ có bậc A-la-hán mới không bao giờ xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia. Nhưng này A-nan! Chớ nên lo buồn. Sau bảy ngày nữa, Tượng Xá-lợi-phất sẽ đến đây, trừ sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu. Chỉ vì do nghiệp cũ lôi kéo nên Tượng Xá-lợi-phất mới như thế, khi hạnh nghiệp đời này vẹn toàn sẽ chấm dứt hữu lậu.

Thế rồi bảy ngày sau, Tượng Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Giây lát sau, ông ta liền đứng dậy bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài cho phép con được tu hạnh Sa-môn ở hàng thấp nhất!

Thế rồi, Tỳ-kheo Tượng Xá-lợi-phất liền được làm Sa-môn, chứng đắc A-la-hán ngay tại chỗ ngồi.

Lúc ấy, Tượng Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát vào thành khất thực.

Bấy giờ, có vị Phạm chí suy nghĩ như vầy: "Những đệ tử dòng họ Thích này, nơi nào cũng có, hiện diện khắp nơi, lại dứt tuyệt cả việc chú thuật của chúng ta. Ta sẽ nói với dân chúng trong thành những điều xấu của Sa-môn này."

Thế rồi, Phạm chí ấy nói với dân chúng trong thành:

– Mọi người có thấy Tượng Xá-lợi-phất chăng? Thuở trước, ông ta tự xưng là A-la-hán, rồi nửa chừng xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia, hưởng thụ năm

dục, nay ông ta lại làm Sa-môn, đến từng nhà khất thực, ra vẻ trong sạch, nhưng khi trông thấy người nữ liền khởi tưởng dục tình, dù đã trở về tinh xá lại vẫn còn nhớ nghĩ nữ sắc, tâm không buông bỏ. Giống như con lừa mệt nhọc không thể chở nặng, đành yên lặng nằm co. Kẻ Thích tử này cũng giống như vậy, bên ngoài ra vẻ khất thực nhưng khi thấy nữ sắc thì toan tính, tơ tưởng.

Khi nghe Phạm chí loan truyền tiếng xấu như thế, lúc ấy Tượng Xá-lợi-phất liền nghĩ: "Kẻ này cực kỳ ngu si nên mới khởi tâm ganh ghét, thấy người khác được lợi dưỡng liền sanh tâm bỏn xẻn, ganh ghét; nếu mình được lợi dưỡng thì vui mừng, nên ông ta đến nhà cư sĩ chê bai. Ta phải ngăn chặn không cho làm ác, không để cho ông ta phải chịu tội vô lượng."

[0796c05] Nghĩ rồi, Tượng Xá-lợi-phất bay lên giữa hư không, bảo Phạm chí:

Không mắt, không phương tiện, Bậc Phạm hạnh lại chê,
Việc vô ích như thế, Địa ngục khổ trăm bề.

Bấy giờ, nói kệ này xong, Tượng Xá-lợi-phất liền trở về chỗ của mình.

Lúc ấy, dân chúng trong thành vừa nghe Phạm chí chê bai, lại được nghe Tượng Xá-lợi-phất nói kệ, họ liền suy nghĩ: "Nếu đúng như lời Phạm chí nói thì làm sao vị ấy có thể hiện thần túc khó ai sánh bằng? Vả lại, chúng ta cũng thấy vị này xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia."

Thế rồi, số đông dân chúng đều đến chỗ Tượng Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, mọi người hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

– Có vị A-la-hán nào lại xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia hay không?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

– Không có bậc A-la-hán nào lại xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia.

Lúc ấy, mọi người thưa Tượng Xá-lợi-phất:

– Có phải do nhân duyên đời trước nên A-la-hán phạm giới chăng?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

– Đã chứng đắc A-la-hán thì không bao giờ phạm giới.

Dân chúng lại hỏi:

– Có phải do duyên đời trước nên bậc Hữu học[18] phạm giới chăng?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

– Có chuyện đó. Do vì duyên đời trước nên bậc Hữu học phạm cấm giới.

Lúc ấy, dân chúng lại hỏi:

– Trước đây, Tôn giả là vị A-la-hán, lại xả bỏ pháp phục sống đời tại gia, vui thích năm dục, nay lại xuất gia học đạo. Trước kia, Tôn giả vốn có thần túc, nay vì sao lại như thế?

[18] Nguyên tác: Học địa (學地): Từ Sơ quả đến Tam quả A-na-hàm.

Bấy giờ, Tượng Xá-lợi-phất liền nói kệ này:

Thành tựu thiền thế gian, Rốt cuộc không giải thoát,
Đạo tịch diệt chưa thành, Lại vùi trong năm dục.
Không củi, lửa không cháy, Không gốc, cành chẳng sanh,
Thạch nữ[19] chẳng hoài thai, La-hán không thể đọa.

Bấy giờ, dân chúng lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

– Trước kia, Tôn giả không phải A-la-hán ư?

[0797a01] Tượng Xá-lợi-phất đáp:

– Trước kia tôi không phải là A-la-hán. Các cư sĩ nên biết! Năm phép thần thông và sáu phép thần thông hoàn toàn khác biệt. Hôm nay, tôi sẽ giảng nói về mười một thần thông ấy.

Hàng Tiên nhân tuy thành tựu năm phép thần thông, đã dứt sạch ái dục, nhưng nếu được sanh lên cõi trời thì lại rơi trở lại cõi dục. Trong sáu phép thần thông của bậc A-la-hán đệ tử của Như Lai, khi đã chứng đắc Lậu tận thông thì ở nơi cõi Niết-bàn Vô dư mà nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, dân chúng lại thưa rằng:

– Chúng tôi quán sát lời của Tôn giả nói thì ở thế gian không có vị A-la-hán nào xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia.

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

– Đúng thế! Như lời các ông vừa nói, không có vị A-la-hán nào xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia. Có mười một pháp mà một vị A-la-hán không học tập theo. Là những pháp nào?

A-la-hán lậu tận không bao giờ xả bỏ pháp phục, sống đời tại gia.

A-la-hán lậu tận không bao giờ làm hạnh bất tịnh.

A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sanh.

A-la-hán lậu tận không bao giờ trộm cướp.

A-la-hán lậu tận không bao giờ tích trữ đồ vật.

A-la-hán lậu tận không bao giờ nói dối.

A-la-hán lậu tận không bao giờ chia bè kết phái.

A-la-hán lậu tận không bao giờ nói lời hung ác.

A-la-hán lậu tận không bao giờ có sự nghi ngờ.

A-la-hán lậu tận không bao giờ sợ hãi.

A-la-hán lậu tận không bao giờ theo học thầy khác, lại cũng chẳng tái sanh.

---

[19] Nguyên tác: Thạch nữ (石女, *vañjhā*), người phụ nữ với cơ thể bị thiếu khuyết, không có chức năng làm mẹ.

Này các Hiền sĩ! Đó là mười một trường hợp mà bậc A-la-hán lậu tận không bao giờ thực hành.[20]

Bấy giờ, dân chúng bạch với Tượng Xá-lợi-phất:

– Chúng con được nghe những điều Tôn giả nói và quán sát hàng ngoại đạo dị học giống như nhìn ngắm cái bình rỗng, chẳng có gì. Nay được phân biệt về pháp bổ ích,[21] chúng con thấy như bình đựng mật, ngọt ngon không thể kể xiết. Chánh pháp của Như Lai cũng lại như thế. Hôm nay, Phạm chí ấy phải chịu vô lượng tội.

Lúc ấy, Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, ngồi kiết-già rồi nói kệ này:

Không hiểu điều phải quấy, Thuật ngoại đạo học theo,
Gây chia rẽ đôi bên, Người trí không làm vậy.

Bấy giờ, dân chúng thành Câu-lưu-sa thưa với Tượng Xá-lợi-phất:

– Những điều ngài dạy quá sâu xa, thật khó mà sánh kịp, giống như người mù được mắt sáng, người điếc mà được nghe. Những điều Tôn giả giảng nói cũng lại như thế, vì ngài đã dùng vô số phương tiện để thuyết pháp. Hôm nay, chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Cúi xin Tôn giả nhận chúng con làm ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh!

[0797b01] Bấy giờ, Tôn giả Tượng Xá-lợi-phất giảng nói pháp vi diệu cho dân chúng, khiến họ phát tâm hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ mà lui ra.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan nghe Phạm chí chê bai Tượng Xá-lợi-phất nhưng cuối cùng không có kết quả, vị Phạm chí đó lại còn không dám nhìn Tượng Xá-lợi-phất, huống hồ cùng bàn luận. A-nan liền đến chỗ Phật, đem tất cả nhân duyên ấy thưa với Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Nếu nói về bậc A-la-hán chân chánh[22] thì phải nói rằng chính là Tượng Xá-lợi-phất. Vì sao như thế? Vì hôm nay, Tượng Xá-lợi-phất đã thành tựu A-la-hán. Danh hiệu A-la-hán lan truyền thuở xưa mãi đến hôm nay mới đạt được. Năm phép thần thông của thế tục không phải là hạnh chân thật, về sau nhất định bị thoái thất, chỉ có sáu phép thần thông là hạnh chân thật. Vì sao như thế? Bởi vì trước đây, Tượng Xá-lợi-phất đạt được năm thông, nay mới thành tựu sáu phép thần thông. Thầy cũng nên học tập theo Tượng Xá-lợi-phất. Hãy nhớ nghĩ và phụng hành nghĩa này!

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[20] Nguyên tác: Bất xử (不處).

[21] Nguyên tác: Nội pháp (內法). Nội (內), phiên âm cổ là "nạp" (納), mang nghĩa là bổ ích (內讀為納. 納者, 補也).

[22] Nguyên tác: Bình đẳng (平等). P. *Sama*, mang nghĩa là chân chánh. Tham chiếu: *Sa-môn quả kinh* 沙門果經 (*T*.01. 0001.27. 0108b16): 世無沙門, 婆羅門平等行者.

5. PHÁP NHÂN DUYÊN[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ giảng về pháp nhân duyên, hãy khéo suy nghĩ ghi nhớ và tu tập theo hạnh ấy!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Thế rồi, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy:

– Vì sao gọi pháp đó là nhân duyên? Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết; già, chết duyên ưu, bi, khổ, não không thể tính kể, như vậy mà hình thành thân năm uẩn này.

Vì sao gọi pháp đó là vô minh? Nghĩa là không biết về khổ, không biết về tập, không biết về diệt và không biết về đạo, nên gọi là vô minh.

Vì sao gọi pháp đó là hành? Nghĩa là hành có ba loại. Là những loại nào? Là thân hành, khẩu hành và ý hành, nên gọi là hành.

Vì sao gọi pháp đó là thức? Đó là sáu loại thức.[24] Là những loại nào? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thức, nên gọi là thức.

Vì sao gọi là danh? Danh có nghĩa là thọ, tưởng, tư,[25] xúc[26] và tư duy, nên gọi là danh.

Vì sao gọi pháp đó là sắc? Là thân bốn đại và sắc thân do bốn đại tạo thành, cho nên gọi là sắc. Sắc khác biệt, danh khác biệt, nên gọi là danh sắc.

[0797c01] Vì sao gọi pháp đó là sáu nhập hoặc là sáu nhập bên trong? Là những loại nào? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn, nên gọi là sáu nhập.

Vì sao gọi pháp đó là xúc? Đó là sáu xúc của thân. Là những xúc nào? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc, nên gọi là xúc.

Vì sao gọi pháp đó là thọ? Đó là ba thọ. Là những thọ nào? Là thọ khổ, thọ lạc và thọ không khổ không lạc, nên gọi là thọ.

Vì sao gọi pháp đó là ái? Đó là ba ái của thân: Dục ái, hữu ái và vô hữu ái.

---

[23] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.5. 0797b14). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.298. 0085a11); *Duyên khởi kinh* 緣起經 (*T.*02. 0124. 0547b09); *S.* 12.1 - II. 1; *S.* 12.2 - II. 2.

[24] Nguyên tác: Lục thức thân (六識身).

[25] Nguyên tác: Niệm (念).

[26] Nguyên tác: Cánh lạc (更樂).

Vì sao gọi pháp đó là thủ?[27] Đó là bốn thủ. Là những thủ nào? Đó là dục thủ, kiến thủ, giới thủ và ngã thủ, nên gọi là thủ.

Vì sao gọi pháp đó là hữu? Đó là ba hữu. Là những hữu nào? Là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu, nên gọi là hữu.

Vì sao gọi pháp đó là sanh? Sở dĩ gọi là sanh, vì khi đầy đủ ngày tháng thì ra khỏi bụng mẹ, thọ nhận các hữu, thành thân năm uẩn, hình thành các căn, nên gọi là sanh.

Vì sao gọi pháp đó là già? Đó là, từng bộ phận trên thân thể của những chúng sanh kia như răng rụng, tóc bạc, khí lực cạn kiệt, các căn rã rời, thọ mạng ngày càng suy giảm, không còn tri giác như xưa, nên gọi là già.

Vì sao gọi là chết? Đó là, chúng sanh kia triển chuyển thọ thân nơi khác, cơ thể không còn hơi ấm, vô thường biến đổi, năm phần thân thể phân tán, xả bỏ thân năm uẩn, mạng sống chấm dứt, nên gọi là chết. Tỳ-kheo nên biết! Vì vậy nên gọi là già, bệnh, chết.

Đây gọi là pháp nhân duyên. Ta đã giảng rộng rãi nghĩa đó.

Điều cần làm của chư Phật Như Lai là khởi lòng từ bi rộng lớn, nay Ta đã làm xong. Các thầy nên ghi nhớ, khi ngồi bên gốc cây, nơi đất trống hoặc ở bãi tha ma thì nên tư duy tọa thiền, chớ ôm lòng sợ hãi. Hôm nay không gắng siêng năng, ngày sau hối hận vô ích.

Bấy giờ, A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Như Lai đã giảng pháp căn bản nhân duyên thật sâu xa cho các Tỳ-kheo, nhưng con quán sát không thấy nghĩa nào sâu xa cả.

Đức Phật bảo:

– Thôi, thôi! Này A-nan! Chớ khởi ý nghĩ ấy. Vì sao như vậy? Vì mười hai nhân duyên này rất mực sâu xa, chẳng phải điều mà người thường có thể hiểu được. Thuở xưa, khi chưa giác ngộ pháp nhân duyên này, Ta bị cuốn trôi mãi trong sanh tử không có ngày ra khỏi.

Lại nữa, này A-nan! Không chỉ có hôm nay thầy mới nói rằng pháp nhân duyên chẳng có gì sâu xa mà từ trước đến nay, thầy thường nói như thế. Vì sao như vậy? Vì ở thời quá khứ, có vị vua a-tu-la tên Tu-diệm thầm nghĩ muốn nắm mặt trời, mặt trăng rồi đưa ra khỏi mặt nước của biển cả. Ông ta liền hóa thân vô cùng to lớn, nước biển chỉ còn tới thắt lưng.

[0798a02] Bấy giờ, con trai của vua a-tu-la ấy tên Câu-na-la, thưa với vua cha:

"Con muốn được tắm biển."

A-tu-la Tu-diệm bảo:

"Con đừng mong muốn được tắm trong biển cả! Vì sao như thế? Bởi vì nước biển cực sâu và mênh mông nên con không thể tắm trong đó được."

---

[27] Nguyên tác: Thọ (受), trong ngữ cảnh này dịch là "thủ", "chấp thủ" (取, 執取, *upādāna*).

Thế rồi, Câu-na-la thưa:

"Con thấy nước biển chỉ đến thắt lưng Phụ vương, vì sao lại nói là cực kỳ sâu rộng?"

Bấy giờ, vua a-tu-la liền nắm lấy con rồi đưa vào trong biển cả. Chân của con trai a-tu-la không thể chạm đáy biển, liền quá đỗi kinh sợ.

Lúc ấy, Vua Tu-diệm bảo con:

"Ta đã bảo con trước là biển rất sâu nhưng con lại nói không sao, bởi vì chỉ có ta mới có thể tắm trong biển cả, còn con không thể nào tắm được."

A-tu-la Tu-diệm lúc ấy là người nào khác ư? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao như thế? Tu-diệm thuở ấy nay chính là thân Ta. Con trai của a-tu-la lúc ấy nay chính là thầy. Thuở ấy, nước biển cực kỳ sâu, thầy đã bảo là không sao. Nay Ta giảng nói pháp mười hai nhân duyên rất sâu xa, thầy lại cho là chẳng có gì sâu xa cả.

Chúng sanh nếu không hiểu rõ pháp mười hai nhân duyên này thì mãi xoay vần trong sanh tử không có ngày thoát khỏi, luôn luôn mê lầm, chẳng nhớ hạnh nghiệp xưa, từ đời này cho đến đời sau, từ đời sau cho đến kiếp này, vĩnh viễn ở trong năm thứ phiền não, muốn thoát ra thật là khó.

Lúc mới thành Phật đạo, Ta tư duy về mười hai nhân duyên, hàng phục ma và quyến thuộc của ma. Ta nhờ đoạn trừ vô minh mà thành tựu tuệ minh, vĩnh viễn trừ diệt các mê lầm, không còn phiền não.

Lại nữa, này A-nan! Lúc xưa, Ta ba lần chuyển vận pháp bốn sự thật qua mười hai hành tướng[28] và giảng về pháp nhân duyên này liền thành tựu đạo Giác ngộ. Do điều này nên biết, pháp mười hai nhân duyên rất mực sâu xa, chẳng phải người thường có thể tuyên nói.

Thật vậy, này A-nan! Hãy nên ghi nhớ và phụng trì pháp mười hai nhân duyên sâu xa này, hãy nên tu tập pháp này.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[28] Nguyên tác: Tam chuyển thập nhị thuyết thử duyên (三轉十二說此緣). Theo *Kinh chuyển pháp luân*, số 5, phẩm 24, tr. 277 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.24.5. 0618a27); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.379. 0103c13) và *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.604. 0161b13), "tam chuyển thập nhị" là viết tắt của định cú "tứ đế tam chuyển thập nhị hành" (四諦三轉十二行). "Tam chuyển" tức là "thị chuyển" (chỉ cho thấy: đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo); "khuyến chuyển" (khuyến khích tu tập: đây là khổ nên biết, đây là tập nên đoạn, đây là diệt nên chứng, đây là đạo nên tu) và "chứng chuyển" (tự thân tác chứng: đây là khổ đã thấy, đây là tập đã đoạn, đây là diệt đã chứng, đây là đạo đã tu). Như vậy, 3 lần chuyển với 4 chân lý, thành ra 12 hành tướng vậy.

6. LUẬN VỀ CHỦNG TỘC[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Phạm chí tên là Thí-la, biết nhiều phương thuật, thông suốt các kinh sách của ngoại đạo dị học, thiên văn địa lý không gì không thông, lại dạy học cho năm trăm thiếu niên Phạm chí.

Trong thành ấy lại có một Phạm chí khác tên là Sí-ninh, hiểu biết nhiều điều, là người được Vua Tần-bà-sa-la quý mến nên thường tùy thời cung cấp cho Phạm chí những vật dụng thiết yếu.

[0798b02] Lúc ấy, danh tiếng Như Lai truyền đi khắp nơi rằng: Ngài là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn vừa xuất hiện trong đời, độ người vô lượng.

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh suy nghĩ: "Danh hiệu Như Lai rất khó được nghe, nay ta muốn đến để thưa hỏi, thân cận kính lễ Ngài."

Thế rồi, Phạm chí Sí-ninh liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Phạm chí bạch Phật:

– Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài thuộc chủng tộc nào?

Đức Phật đáp:

– Ta thuộc chủng tộc Sát-lợi.

Phạm chí hỏi:

– Các Bà-la-môn đều cho rằng: "Chủng tộc của ta tôn quý nhất, không có chủng tộc nào hơn, hoặc nói chủng tộc da trắng, hoặc nói chủng tộc da đen." Bà-la-môn tự xưng như vầy: "Ta do Phạm thiên sanh ra." Thưa Sa-môn Cù-đàm! Luận thuyết của Ngài như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Phạm chí nên biết! Những ai có hôn nhân, có cưới hỏi mới tìm cầu chủng tộc cao quý, còn trong Chánh pháp của Ta thì không có sự cao thấp và cũng chẳng màng chuyện đúng hay sai về tên gọi, chủng tộc.

Phạm chí lại hỏi:

– Thưa Cù-đàm! Phải chăng do chỗ thọ sanh[30] thanh tịnh nên sau đó mới được đạo lý[31] thanh tịnh?

---

[29] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.6. 0798a25). Tham chiếu: *M.* 92, *Sela Sutta* (*Kinh Sela*); *Sn.* 102.

[30] Nguyên tác: Sanh xứ (生處).

[31] Nguyên tác: Pháp (法).

Phật bảo Phạm chí:

– Ông cần đạo lý thanh tịnh hay cần chỗ thọ sanh thanh tịnh?

Phạm chí lại nói:

– Các Bà-la-môn đều cho rằng: "Chủng tộc của ta tôn quý nhất, không có chủng tộc nào hơn, hoặc nói chủng tộc da trắng, hoặc nói chủng tộc da đen." Bà-la-môn tự xưng như vầy: "Ta do Phạm thiên sanh ra."

Phật bảo Phạm chí:

– Nếu có thiếu nữ chủng tộc Sát-lợi được gả cho gia đình Bà-la-môn, giả sử sanh con trai thì sẽ theo chủng tộc nào?

Phạm chí đáp:

– Đứa bé ấy sẽ thuộc chủng tộc Bà-la-môn. Vì sao như vậy? Vì được kế tục từ người cha[32] nên mới có đứa con ấy.

Đức Phật bảo Phạm chí:

– Nếu có thiếu nữ chủng tộc Bà-la-môn được gả cho gia đình chủng tộc Sát-lợi, sanh ra con trai thì đứa bé ấy sẽ theo họ của ai?

Phạm chí đáp:

– Đứa bé ấy sẽ thuộc về chủng tộc Sát-lợi. Vì sao như vậy? Vì được lưu truyền từ người cha nên mới có đứa con ấy.

Phật bảo Phạm chí:

– Ông nên suy nghĩ thật kỹ rồi sau đó hãy trả lời Ta. Hôm nay, lời nói của ông trước sau không hợp nhau. Này Phạm chí! Giả sử con lừa hòa hợp với con ngựa, sau đó sanh một con non, như vậy con non đó được gọi là ngựa hay là lừa?

Phạm chí đáp:

– Loài này nên gọi là lừa ngựa. Vì sao như vậy? Vì được lưu truyền từ lừa nên mới sanh loài vật ấy.

Phật bảo Phạm chí:

– Ông nên suy nghĩ thật kỹ rồi sau đó hãy trả lời Ta. Hôm nay, lời nói của ông trước sau không hợp nhau. Lúc nãy, ông nói thiếu nữ chủng tộc Sát-lợi được gả cho gia đình chủng tộc Bà-la-môn, nếu sanh con thì sẽ mang chủng tộc Bà-la-môn. Bây giờ, con lừa hòa hợp với con ngựa rồi sanh con non thì gọi là lừa ngựa, như vậy chẳng phải là trái với lời nói lúc nãy hay sao? Lại nữa, này Phạm chí! Nếu con ngựa hòa hợp với con lừa rồi sanh con non thì sẽ gọi là gì?

[0798c05] Phạm chí đáp:

– Nên gọi là ngựa lừa.

---

[32] Nguyên tác: Phụ hình (父形). Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Phụ di (父遺).

Đức Phật bảo:

– Như vậy, này Phạm chí! Ngựa lừa và lừa ngựa đâu có khác gì nhau? Nếu có người nói "một hộc châu báu" và có người nói "châu báu một hộc", hai nghĩa ấy có khác nhau chăng?

Phạm chí đáp:

– Đó là một nghĩa. Vì sao như thế? Bởi vì "một hộc châu báu" và "châu báu một hộc" thì ý nghĩa chẳng khác gì nhau.

Phật bảo Phạm chí:

– Thế thì ngựa lừa và lừa ngựa lẽ nào chẳng phải đồng nghĩa hay sao?

Phạm chí đáp:

– Thưa Sa-môn Cù-đàm! Tuy Ngài nói như thế, nhưng Bà-la-môn tự khen rằng: "Chủng tộc của ta tôn quý nhất, không có chủng tộc nào hơn."

Phật bảo Phạm chí:

– Lúc trước, ông khen ngợi người mẹ, nhưng về sau lại khen ngợi người cha. Nếu cha cũng chủng tộc Bà-la-môn, mẹ cũng chủng tộc Bà-la-môn, về sau sanh ra hai người con, một người giỏi nhiều nghề nghiệp, không việc gì là không biết, người thứ hai lại không biết gì cả. Khi đó cha mẹ thương mến người nào? Họ thương mến người con có trí tuệ? Hay thương mến người con không biết gì?

Phạm chí đáp:

– Cha mẹ kia đương nhiên sẽ thương mến người con thông minh, đức độ, không thể thương mến người con chẳng biết gì. Vì sao như vậy? Bởi vì một người con việc gì cũng biết, việc gì cũng giỏi, nên họ chỉ thương người con đó mà không thể thương người con chẳng biết gì.

Phật bảo Phạm chí:

– Nếu trong hai người con ấy, người thông minh lại khởi tâm tạo mười điều ác như sát sanh, trộm cướp, tà dâm...; người con không thông minh kia lại giữ gìn thân, miệng và ý, thực hành trọn vẹn mười điều thiện thì cha mẹ kia sẽ thương mến ai?

Phạm chí đáp:

– Cha mẹ kia chắc chắn sẽ thương đứa con thực hành mười điều thiện. Người con kia làm việc bất thiện thì sao lại thương mến được?

Phật bảo Phạm chí:

– Lúc trước ông khen ngợi người nghe nhiều, về sau lại khen ngợi về giới hạnh. Nghĩa là sao, Phạm chí? Nếu lại có hai người con, một người có cha chuyên chánh nhưng mẹ không chuyên chánh, người kia thì cha không chuyên chánh nhưng mẹ chuyên chánh. Người con có mẹ chuyên chánh nhưng cha không chuyên chánh ấy, không điều gì là không biết, thông suốt các kinh sách,

chú thuật. Người con thứ hai có cha chuyên chánh nhưng mẹ không chuyên chánh thì không học rộng hiểu nhiều, chỉ giữ gìn mười điều lành. Như vậy, cha mẹ của họ nên thương mến người con nào? Nên thương mến người có mẹ thanh tịnh nhưng cha không thanh tịnh? Hay nên thương mến người có cha thanh tịnh nhưng mẹ không thanh tịnh?

Phạm chí đáp:

– Nên thương mến người con có mẹ thanh tịnh. Vì sao như vậy? Do vì người con ấy am hiểu sách vở, thành thạo nhiều nghề nghiệp. Còn người thứ hai có cha thanh tịnh nhưng mẹ không thanh tịnh, tuy giữ giới nhưng không có trí tuệ thì rốt cuộc làm được gì? Bởi vì có nghe nhiều chắc chắn có giữ giới.

Phật bảo Phạm chí:

– Lúc nãy, ông khen ngợi cha thanh tịnh, không khen ngợi mẹ thanh tịnh. Bây giờ, lại khen ngợi mẹ thanh tịnh, không khen ngợi cha thanh tịnh. Trước ông khen ngợi nghe nhiều, sau lại khen giữ giới. Kế đó, ông lại khen về giới, sau mới nói đến nghe nhiều. Thế nào, này Phạm chí! Nếu hai người con dòng Phạm chí ấy, người thứ nhất học rộng nghe nhiều, lại giữ gìn mười điều lành, người thứ hai đã không có trí tuệ lại còn tạo mười điều ác, vậy cha mẹ nên thương mến người con nào?

Phạm chí đáp:

– Nên thương mến người con có cha thanh tịnh, mẹ không thanh tịnh. Vì sao như vậy? Bởi vì người ấy thông thạo các sách vở, hiểu biết nhiều nghề nghiệp, do cha thanh tịnh nên sanh con như thế, lại thêm giữ gìn mười điều lành, không hề trái phạm, hết thảy đức hạnh đều được vẹn toàn.

Đức Phật bảo:

– Trước đây ông nói về dòng họ, sau lại nói về nghe nhiều, không đề cập đến dòng họ; kế đến lại nói về giữ giới, không nói về nghe nhiều; về sau lại nói về nghe nhiều, chẳng nói về giới. Nay ông khen ngợi về cha mẹ, về nghe nhiều và giữ giới, lẽ nào chẳng phải mâu thuẫn với lời nói lúc trước ư?

Phạm chí bạch Phật:

– Thưa Sa-môn Cù-đàm! Tuy rằng nói như thế, nhưng Bà-la-môn tự xưng: "Chủng tộc của ta tôn quý nhất, không có chủng tộc nào hơn."

Thế Tôn bảo:

– Những ai có kết hôn mới luận bàn về chủng tộc, nhưng trong giáo pháp của Ta không có điều này. Ông có nghe đến những người ở biên giới xa xôi và vùng biên địa khác không?

Phạm chí đáp:

– Thưa vâng, tôi có nghe những người như thế!

Thế Tôn bảo:

– Dân chúng ở những nơi ấy có hai hạng. Là những hạng nào? Một là người chủ, hai là tôi tớ, nhưng hai hạng này cũng không cố định.

Phạm chí lại hỏi:

– Vì sao không cố định?

Thế Tôn bảo:

– Người ấy trước thì làm chủ, về sau lại làm tôi tớ; hoặc trước làm tôi tớ, về sau lại làm chủ. Tuy nhiên, hết thảy chúng sanh đều đồng một loại, không có nhiều hạng.[33]

Lại nữa, này Phạm chí! Khi trời đất bị tan hoại, thế gian đều trống rỗng, lúc ấy tất cả núi sông, đất đá, cỏ cây đều bị thiêu rụi hết, loài người cũng không còn. Thế rồi, lúc trời đất sắp thành lập trở lại, chưa có mặt trời, mặt trăng, thời gian và năm tháng.

Bấy giờ, có chư thiên ở cõi trời Quang Âm đến nơi này. Lúc ấy, phước đức của chư thiên cõi trời Quang Âm tiêu mất hết, không còn ánh sáng nữa. Họ dần dần nhìn nhau rồi khởi lên tưởng tham dục, kẻ nào lòng dục nhiều liền trở thành người nữ, lòng dục ít thì thành thân nam, dần dần giao hợp rồi thọ thai. Do nhân duyên này nên hình thành con người đầu tiên, rồi sanh ra bốn chủng tộc phân bố khắp trong thiên hạ. Do đây nên biết, hết thảy dân chúng đều phát xuất từ chủng tộc Sát-lợi.

[0799b06] Bấy giờ, Phạm chí bạch Phật:

– Thôi, thôi! Thưa Cù-đàm! Như người gù được đứng thẳng, người mù được sáng mắt, trong đêm tối được thấy ánh sáng, Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, Ngài đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Hôm nay, con xin được quy y với Sa-môn Cù-đàm, xin Ngài giảng nói pháp cho con, nhận con làm ưu-bà-tắc.

Lúc ấy, Phạm chí lại bạch Phật:

– Cúi xin Như Lai nhận lời thỉnh của con! Xin Ngài cùng chúng Tỳ-kheo đến nhà con thọ trai!

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh.

Thế rồi, thấy Phật im lặng nhận lời thỉnh, Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ra về. Trở về nhà, Phạm chí sắm sửa đầy đủ các món ăn thức uống, trải các chỗ ngồi, rưới nước thơm trên đất và tự nhủ thầm: "Đức Như Lai sẽ ngồi chỗ này."

---

[33] Sự thay đổi về 2 giai cấp chủ và tớ xin xem thêm *M.* 93, *Assalāyana Sutta* (*Kinh Assalāyana*): "Này Assalāyana, ông nghĩ thế nào? Ông có nghe chăng? Tại các biên địa quốc độ khác như Yona và Kamboja, chỉ có 2 giai cấp: Chủ nhân và đầy tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân? - Thưa vâng, con có nghe! Trong các quốc độ biên địa như Yona, Kamboja, chỉ có 2 giai cấp: Chủ nhân và đầy tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân" (HT. Thích Minh Châu dịch).

Bấy giờ, Phạm chí Thí-la dẫn năm trăm đệ tử đến nhà Phạm chí Sí-ninh, từ xa đã thấy nhà ông ấy bày biện chỗ ngồi thật đẹp. Thấy như thế rồi, ông ta liền hỏi Phạm chí Sí-ninh:

– Hôm nay, ông đang làm lễ cưới gả cho con hay mời Vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt đến nhà?

Phạm chí Sí-ninh đáp:

– Tôi không mời Vua Tần-bà-sa-la cũng không có việc cưới gả. Hôm nay, tôi muốn tạo dựng phước nghiệp lớn.

Phạm chí Thí-la hỏi:

– Mong được nghe ý này, ông định làm phước nghiệp gì?

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh trả lời Phạm chí Thí-la:

– Thí-la nên biết, có người con dòng họ Thích xuất gia học đạo, thành bậc Vô Thượng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Nay tôi thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo, cho nên mới sửa soạn đầy đủ chỗ ngồi như vậy.

Lúc ấy, Phạm chí Thí-la hỏi Phạm chí Sí-ninh:

– Ông đang nói về đức Phật phải không?

Phạm chí Sí-ninh trả lời:

– Tôi đang nói về đức Phật.

Thí-la lại nói:

– Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Hôm nay, tôi mới nghe đến tiếng Phật. Như Lai hiện tại đang ở đâu? Tôi muốn được diện kiến Ngài.

Sí-ninh đáp:

– Hiện tại, Phật cùng năm trăm đệ tử đang cư ngụ trong vườn trúc, ngoài thành La-duyệt. Nếu ông muốn diện kiến Ngài thì nên biết đúng thời.

Lúc ấy, Phạm chí Thí-la liền dẫn theo năm trăm đệ tử đi đến chỗ Phật. Đến nơi, ông ngỏ lời chào hỏi rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Phạm chí Thí-la liền nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm rất mực đoan chánh, thân sắc màu huỳnh kim. Trong sách vở của chúng ta cũng có ghi chép: 'Như Lai xuất hiện ở đời rất là khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát[34] đúng thời mới nở hoa. Nếu ai có đầy đủ ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, sẽ có hai trường hợp: Nếu tại gia sẽ là bậc Chuyển Luân Thánh vương, đầy đủ bảy báu; nếu xuất gia học đạo thì sẽ thành tựu đạo Vô thượng, là bậc Chí Tôn trong ba cõi.' Nay ta muốn được chiêm ngưỡng ba mươi hai tướng của Phật."

Bấy giờ, Phạm chí chỉ thấy được ba mươi tướng, còn hai tướng nữa không thể thấy được, liền sanh nghi ngờ do dự vì không thấy được tướng lưỡi rộng dài và tướng mã âm tàng của Phật.

[34] Nguyên tác: Ưu-đàm-bát (優曇鉢, uppala): Hoa sen xanh.

[0799c09] Lúc ấy, Phạm chí Thí-la liền dùng kệ hỏi:

Nghe nói bậc Đại Nhân, Đủ ba mươi hai tướng,
Nay không thấy hai tướng, Rốt cuộc ở chỗ nào?
Mã âm tàng trinh khiết, Tướng ấy khó thí dụ,
Liệu có lưỡi rộng dài, Phải chăng trùm mặt, tai?
Xin hiện tướng lưỡi dài, Khiến tôi dứt nghi ngờ,
Lại cho tôi được thấy, Để diệt trừ lưới nghi.[35]

Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng lưỡi liếm đến tai cả bên phải và bên trái, rồi thâu lưỡi trở lại. Thế rồi, Ngài liền nhập chánh định, khiến Phạm chí kia thấy được tướng mã âm tàng.

Khi đã được chiêm ngưỡng ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của Phật, Phạm chí thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Phạm chí Thí-la bạch Phật:

– Nay tôi là Bà-la-môn, Sa-môn thuộc dòng Sát-lợi; tuy nhiên Sa-môn hay Bà-la-môn đều cùng một con đường, đều tìm cầu một sự giải thoát. Sa-môn Cù-đàm[36] có chấp nhận chúng ta cùng một con đường hay không?

Phật bảo Phạm chí:

– Ông thấy như vậy ư?

[0800a01] Phạm chí thưa:

– Tôi nhận thấy như vậy.

Phật bảo Phạm chí:

– Ông nên khởi tâm hướng về sự giải thoát duy nhất. Đó gọi là chánh kiến.

Phạm chí bạch Phật:

– Chánh kiến là giải thoát duy nhất, hay còn có giải thoát nào khác?

Thế Tôn bảo:

– Này Phạm chí! Có thứ giải thoát đưa đến cảnh giới Niết-bàn. Pháp đó gồm có tám. Đó là chánh kiến, chánh tư duy,[37] chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,[38] chánh niệm và chánh định. Này Phạm chí, đó là con đường gồm tám yếu tố[39] đưa đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Phạm chí bạch Phật:

– Có chúng sanh nào biết được con đường gồm tám yếu tố này chăng?

Đức Thế Tôn bảo:

– Chẳng phải một trăm ngàn. Phạm chí nên biết! Có vô số trăm ngàn chúng sanh biết được con đường gồm tám yếu tố.

---

[35] Bản Hán, hết quyển 46.

[36] Nguyên tác: Sa-môn (沙門). Dựa vào nghĩa đã nói ở trên, chúng tôi thêm chủ từ "Cù-đàm" để rõ nghĩa.

[37] Nguyên tác: Chánh trị (正治).

[38] Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便).

[39] Nguyên tác: Bát chủng chi đạo (八種之道).

Phạm chí bạch Phật:

– Lại có chúng sanh nào không hiểu được con đường gồm tám yếu tố này chăng?

Thế Tôn bảo:

– Chúng sanh không hiểu pháp này chẳng phải chỉ có một người.

Phạm chí bạch Phật:

– Có chúng sanh nào không thể đắc pháp này?

Đức Phật bảo:

– Chúng sanh không thể thành tựu con đường này gồm mười một hạng người. Là mười một hạng người nào? Đó là, hạng gian dối, nói lời ác độc, khó can gián, không biết ơn, ưa ganh ghét, giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, đoạn dứt căn lành và việc lành, trở lại làm ác, chấp ngã, khởi tâm xấu ác đối với Như Lai. Này Phạm chí! Đó là mười một hạng người không thể đạt được con đường gồm tám yếu tố này.

Lúc đức Phật giảng nói về con đường gồm tám yếu tố này, Phạm chí ấy dứt sạch các phiền não, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Phạm chí Thí-la bảo năm trăm đệ tử:

– Các ông đều có những điều tốt đẹp, hãy tự mình tu tập. Ta muốn ở chỗ Như Lai để khéo tu Phạm hạnh.

Các đệ tử thưa:

– Chúng con cũng muốn xuất gia học đạo.

Thế rồi, Phạm chí và năm trăm đệ tử đều quỳ xuống bạch đức Thế Tôn:

– Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con được xuất gia học đạo!

Phật bảo các Phạm chí:

– Thiện lai Tỳ-kheo! Đến chốn Như Lai rồi khéo tu Phạm hạnh thì dần dần sẽ chấm dứt cội gốc khổ đau.

Khi đức Như Lai nói lời này, năm trăm Phạm chí liền thành Sa-môn.

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt giảng dạy giáo pháp vi diệu cho năm trăm người này. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, giải thoát là an vui. Thế Tôn cũng giảng nói rộng rãi cho các thầy ấy về những giáo pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường giảng là khổ, tập, diệt, đạo. Lúc ấy, năm trăm người vĩnh viễn dứt sạch các phiền não, đạt được pháp thượng nhân.

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh đến thưa:

– Đã đúng thời, cúi xin Thế Tôn quang lâm!

[0800b01] Thế rồi, đức Phật bảo Thí-la và năm trăm Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy đắp y, ôm bát!

Bấy giờ, đức Phật cùng một ngàn vị Tỳ-kheo tuần tự trước sau đi vào thành, đến nhà Phạm chí rồi ngồi vào tòa đã soạn sẵn.

Thấy năm trăm Bà-la-môn đều trở thành Sa-môn, Phạm chí Sí-ninh liền khen ngợi:

– Lành thay, chư Hiền! Cốt yếu hướng đạo, không gì hơn đây!

Lúc ấy, Tỳ-kheo Thí-la nói kệ này cho Sí-ninh:

Không có pháp nào khác Hơn pháp cốt yếu này,
So sánh giống như vậy, Không thiện nào hơn đây!

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh thưa với đức Thế Tôn:

– Cúi xin Thế Tôn đợi thêm giây lát để chúng con chuẩn bị thêm thức ăn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Thức ăn đã chuẩn bị xong, đúng giờ cứ bày biện ra, đừng sợ thiếu hụt.

Thế rồi, Phạm chí Sí-ninh vui mừng không kể xiết, đích thân đem thức ăn cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo. Khi Thế Tôn thọ trai xong, ông dọn rửa bát, dùng nhiều loại hoa rải lên Phật và chúng Tỳ-kheo-tăng rồi đến trước bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy người lớn kẻ nhỏ, nam nữ trong nhà con đều xin được làm đệ tử tại gia.[40]

Lúc ấy, phu nhân của Phạm chí đang mang thai, liền bạch Phật:

– Con đang mang thai, chẳng biết là con trai hay con gái, nhưng con của con cũng xin quy y Như Lai. Xin Ngài nhận chúng con làm ưu-bà-di.

Thế rồi, đức Phật giảng nói pháp vi diệu cho đại chúng. Ở trên tòa, Ngài nói kệ này:

Lành thay phước báu này, Được quả như ý nguyện,
Dần đến nơi an lạc, Hoạn nạn trọn chẳng còn.
Chết sanh lên cõi trời, Dẫu thiên ma trên đó,
Cũng không thể khiến cho, Người làm phước mang tội.
Những ai tìm phương tiện, Được trí tuệ Thánh hiền,
Sẽ dứt gốc khổ đau, Tám nạn xa lìa hẳn.

Bấy giờ, khi nói kệ ấy rồi, Thế Tôn liền rời tòa đứng dậy ra về.

Khi ấy, Phạm chí Sí-ninh nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[40] Nguyên tác: Ưu-bà-tắc (優婆塞).

7. NGỒI ĂN MỘT BỮA[41]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta thường ngày chỉ ngồi ăn một bữa[42] nên thân thể nhẹ nhàng, thể lực khỏe mạnh. Tỳ-kheo các thầy cũng nên ăn một bữa để thân thể nhẹ nhàng, thể lực khỏe mạnh, thành tựu Phạm hạnh.

[0800c01] Bấy giờ, Bạt-đề-bà-la[43] bạch Thế Tôn:

– Con không thể kham nổi việc ăn một bữa. Vì sao như vậy? Vì thể lực của con yếu kém.

Phật dạy:

– Ta cho phép thầy đến nhà đàn-việt, ăn một phần và đem về một phần.

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

– Con cũng không thể kham nổi phương cách này.

Thế Tôn bảo:

– Ta cho phép thầy bỏ thọ trai, được ăn suốt ngày.

Bạt-đề-bà-la thưa:

– Con cũng không thể kham được phương cách này.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không trả lời.

Lúc ấy, mặt trời sắp lặn, trời đã gần tối, Ca-lưu-đà-di đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Vào lúc trời tối mịt thì Ưu-đà-di[44] dần dần đi đến nhà một trưởng giả. Phu nhân của trưởng giả ấy đang mang thai, nghe Sa-môn khất thực ngoài cửa, liền đích thân đem cơm ra cúng. Do vì thầy Ca-lưu-đà-di có làn da rất đen, hơn nữa, khi ấy trời sắp mưa, sấm chớp tứ bề, phu nhân của trưởng giả đi ra cửa, thấy Sa-môn mặt mày đen thui, liền kinh hoàng la thất thanh:

– Ôi quỷ! Trời ơi! Ta gặp con quỷ.

---

[41] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.7. 0800b27). Tham chiếu: *Gia-lâu-ô-đà-di kinh* 加樓烏陀夷經 (*T*.01. 0026.192. 0740c15); *Bạt-đà-hòa-lợi kinh* 跋陀和利經 (*T*.01. 0026.194. 0746b18); *M.* 65, *Bhaddāli Sutta* (*Kinh Bhaddāli*); *M.* 66, *Latukikopama Sutta* (*Kinh ví dụ con chim cáy*).

[42] Nguyên tác: Nhất tọa nhi thực (一坐而食, *ekāsanabhojanaṃ*). Có nhiều cách chuyển dịch về cú ngữ này, như "ăn một lần ngồi", "ngồi ăn một lần"... đều hàm nghĩa là ngồi xuống ăn và chỉ ăn một lần, khi ăn xong, dù chưa đứng dậy và được cúng thêm nữa thì cũng không ăn; hoặc khi ăn xong, đứng dậy rồi thì không ngồi xuống ăn. Để văn phong thuần Việt, chúng tôi sử dụng nghĩa "ngồi ăn một bữa" dựa theo ý kinh "nhất thời thực" (一時食) được ghi nhận trong *Kinh pháp khổ hạnh*, số 2, phẩm 49, tr. 894 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.2. 0795a17); *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.17. 0359b10); *Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa* 薩婆多毘尼毘婆沙 (*T*.23. 1440.7. 0551c01).

[43] Bạt-đề-bà-la (跋提婆羅, Bhaddāli).

[44] Vị Tôn giả này có 2 tên, khi thì gọi là Ca-lưu-đà-di (迦留陀夷, Kāludāyī), có khi được gọi là Ưu-đà-di (優陀夷, Udāyī).

Ngay khi ấy phu nhân bị sẩy thai rồi đứa bé lập tức qua đời.

Khi trở về tinh xá, Ca-lưu-đà-di lo buồn, không vui, ngồi một mình tư duy, hối hận không còn kịp nữa.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ lan truyền tiếng xấu: "Sa-môn họ Thích sử dụng chú thuật làm sẩy thai người."

Mọi người trong thành ấy bàn tán với nhau:

– Thời nay, các Sa-môn đi đứng không chừng mực, ăn uống chẳng đúng thời, đâu có khác gì so với hàng cư sĩ tại gia?

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo đều nghe dân chúng bàn luận như vầy:

– Sa-môn họ Thích không biết chừng mực, đi đứng chẳng kiêng dè.

Trong số đó, các Tỳ-kheo giữ gìn giới luật vẹn toàn cũng tự oán trách mình:

– Thật chẳng phù hợp với chúng ta, ăn uống không chừng mực, đi đứng không đúng thời, thật là điều sai trái đối với chúng ta.

Các vị ấy cùng nhau đến chỗ đức Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi đem nhân duyên này thưa lại đầy đủ với Thế Tôn.

Thế rồi, Phật bảo một Tỳ-kheo:

– Thầy hãy đi gọi Ca-lưu-đà-di đến đây.

Vâng lời Phật dạy, Tỳ-kheo ấy liền đi gọi Ca-lưu-đà-di.

Bấy giờ, nghe Phật gọi, Ưu-đà-di liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi Ưu-đà-di:

– Có phải chiều hôm qua, thầy đi vào thành rồi đến nhà trưởng giả khất thực nên khiến phu nhân của ông ấy bị sẩy thai?

Ca-lưu-đà-di bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Ưu-đà-di:

– Vì sao thầy không phân định được thời gian, vào lúc trời sắp mưa mà lại vào thành khất thực? Điều này chẳng phù hợp với thầy, vì sao người thiện nam đã xuất gia học đạo mà còn tham đắm sự ăn uống?

[0801a03] Lúc ấy, Ca-lưu-đà-di liền đứng dậy bạch Phật:

– Từ nay về sau, con không dám tái phạm. Cúi xin Thế Tôn cho con xin sám hối!

Thế rồi, Phật dạy Tôn giả A-nan:

– Hãy mau đánh kiền chùy, tập hợp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội.

Vâng lời Phật dạy, A-nan liền tập hợp các Tỳ-kheo tại giảng đường rồi đến trước Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo đã tập hợp, xin Ngài biết đúng thời.

Lúc ấy, Thế Tôn liền đến giảng đường, ngồi vào giữa tòa rồi bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở quá khứ, các đức Phật, Thế Tôn đều ngồi ăn một bữa, các hàng Thanh văn cũng ngồi ăn một bữa. Thời tương lai, các đức Phật và chúng đệ tử sẽ ngồi ăn một bữa. Vì sao như thế? Vì đó là pháp cốt lõi để hành đạo, cho nên chỉ ngồi ăn một bữa. Nếu ai có thể ngồi ăn một bữa thì thân thể nhẹ nhàng, tâm được khai mở. Tâm đã mở thì có được các căn lành, đã được căn lành thì thành tựu chánh định, đã thành tựu chánh định thì biết đúng như thật. Thế nào gọi là biết đúng như thật? Nghĩa là khổ thì biết như thật là khổ. Khổ tập thì biết như thật là khổ tập. Khổ diệt thì biết như thật là khổ diệt. Khổ diệt đạo thì biết như thật là khổ diệt đạo. Các thầy là bậc thiện nam, đã xuất gia học đạo, bỏ tám nghiệp[45] ở đời mà không biết đúng thời thì cũng như kẻ tham dục kia, đâu có khác biệt gì? Phạm chí có pháp riêng của Phạm chí, ngoại đạo cũng có pháp riêng của ngoại đạo.

Lúc ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch đức Thế Tôn:

– Chư Phật thời quá khứ và chư Phật thời tương lai đều ngồi ăn một bữa. Cúi xin Thế Tôn hạn định thời gian thọ thực cho các Tỳ-kheo!

Thế Tôn bảo:

– Như Lai cũng biết về điều này, nhưng vì chưa có người sai phạm. Chừng nào có người phạm tội ngay trước mắt thì Ta mới chế giới để ngăn ngừa.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta thường ngồi ăn một bữa, các thầy cũng nên ngồi ăn một bữa. Từ nay, các thầy nên ăn vào giờ giữa trưa, không được quá giờ. Các thầy cũng phải học pháp khất thực. Thế nào là Tỳ-kheo học pháp khất thực? Ở đây, này Tỳ-kheo! Chỉ vì để duy trì mạng sống nên khi có được thức ăn cũng không vui mừng, khi không có thức ăn cũng chẳng buồn lo. Nếu khi có được thức ăn thì tư duy mà ăn, không có tâm tham đắm, chỉ muốn thân này được tồn tại, trừ cảm thọ cũ,[46] không sanh cảm thọ mới, khiến cho đầy đủ sức khỏe. Như vậy, này Tỳ-kheo! Đó gọi là khất thực. Này các thầy Tỳ-kheo! Nên ngồi ăn một bữa.

[0801b02] Thế nào gọi là Tỳ-kheo chỉ ngồi ăn một bữa? Ăn xong, nếu đứng dậy thì không được ngồi ăn trở lại, nếu ăn trở lại thì phạm. Như vậy, này Tỳ-kheo, đó gọi là ngồi ăn một bữa. Tỳ-kheo các thầy cũng nên nhận thức ăn rồi mới ăn.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo nhận thức ăn rồi mới ăn? Ở đây, này Tỳ-kheo! Đã có thức ăn rồi, lại có trai chủ cúng thêm lần nữa, tức là đã ăn xong rồi lại có thức ăn thì không ăn trở lại. Như thế, này Tỳ-kheo! Đó là nhận thức ăn rồi mới ăn.

---

[45] Nguyên tác: Thế bát nghiệp (世八業). *Uất-ca-la-việt vấn Bồ-tát hạnh kinh* 郁迦羅越問菩薩行經 (*T*.012. 0323. 0026a04) gọi là "thế bát pháp" (世八法). Gồm (i) Cha mẹ (父母), (ii) Vợ con (妻子), (iii) Nhà cửa (舍宅), (iv) Nô tỳ (奴婢), (v) Tôi tớ (下使), (vi) Tài sản (財利), (vii) Châu báu (珍寶), (viii) Lợi dưỡng (諸利).

[46] Nguyên tác: Thống (痛, *vedanā*).

Tỳ-kheo các thầy cũng nên mặc ba pháp y, ngồi bên gốc cây, ngồi chỗ vắng lặng, thực hành khổ hạnh ngồi nơi đất trống, nên mặc y phấn tảo, nên ở nơi bãi tha ma, nên mặc y thô xấu. Vì sao như thế? Bởi vì người ít muốn thường được khen ngợi.

Hôm nay, Ta dạy các thầy, hãy như Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp tự mình tu tập mười một pháp Đầu-đà,[47] cũng dạy người thực hành theo pháp cốt lõi này.

Hôm nay, Ta dạy các thầy, hãy như Tỳ-kheo Diện Vương. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Diện Vương mặc y thô xấu, không mặc y tốt đẹp.

Này Tỳ-kheo! Đây là lời dạy bảo của Ta, hãy ghi nhớ mà tu tập.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, trong suốt ba tháng, Tỳ-kheo Bạt-đề-bà-la không đến chỗ Thế Tôn.

Lúc ấy, vừa hết ba tháng, A-nan đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-đề-bà-la và nói:

– Nay chúng Tăng đang khâu vá y phục, do vậy, Thế Tôn sẽ đi du hóa nhân gian. Bây giờ thầy không đến, về sau hối tiếc cũng vô ích.

Thế rồi, A-nan dẫn Bạt-đề-bà-la đến chỗ đức Thế Tôn, rồi Bạt-đề-bà-la cúi đầu lễ sát chân Phật và thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài cho con sám hối, từ nay về sau con không dám tái phạm! Như Lai chế giới cấm mà con không thọ trì. Cúi xin Ngài rủ lòng tha thứ!

Thầy ấy thưa ba lần như thế.

Lúc ấy, đức Phật bảo:

– Cho phép thầy sám hối lỗi lầm, về sau chớ tái phạm. Vì sao như thế? Ta nhớ lại trong vô số kiếp sanh tử, hoặc có khi làm thân lừa, thân la, thân lạc đà, thân voi, thân ngựa, thân heo, thân dê, lấy cỏ để nuôi thân bốn đại, hoặc ở trong địa ngục nuốt hòn sắt nóng, hoặc làm ngạ quỷ thường ăn máu mủ, hoặc làm thân người ăn ngũ cốc, hoặc làm thân cõi trời ăn những vị ngon ngọt tự nhiên. Trong vô số kiếp, thân mạng cùng đua tranh, chưa từng nhàm chán.

Ưu-ba-ly[48] nên biết! Như lửa gặp củi không bao giờ là đủ, như biển chứa các dòng không bao giờ đầy, người phàm phu cũng như thế, tham ăn không biết nhàm chán.

[0801c02] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Sanh tử không chấm dứt, Bởi tham dục ngập tràn,
Oán ghét trưởng dưỡng ác, Người ngu tập tành theo.

---

[47] Đầu-đà (頭陀). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.4.2. 0557b04).

[48] Trên kia đang nói với Bạt-đề-bà-la, không hiểu sao ở đây lại nhắc Ưu-ba-ly? Có khả năng nhắc lại việc này trong liên hệ về giới luật để Tôn giả trì luật như Ưu-ba-ly ghi nhớ chăng?

Thế nên, này Bạt-đề-bà-la! Nên ghi nhớ ít muốn biết đủ, chớ khởi tưởng tham đắm, khởi các niệm tán loạn.

Thật vậy, này Ưu-ba-ly![49] Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, nghe Như Lai dạy bảo rồi, Bạt-đề-bà-la ở chỗ vắng vẻ, kiểm thúc tự thân. Sở dĩ một người thiện nam xuất gia học đạo là vì muốn tu tập Phạm hạnh vô thượng, rồi vị ấy biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Thế rồi, Bạt-đề-bà-la liền chứng đắc A-la-hán.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Ta, người ăn uống nhiều lần nhất trong hàng Thanh văn chính là Tỳ-kheo Cát Hộ.[50]

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. HẠNH SA-MÔN[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại thôn Ương-nghệ.[52]

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Dân chúng đều gọi các thầy là Sa-môn. Giả sử có ai hỏi: "Các thầy có phải là Sa-môn không?" Các thầy cũng nên đáp: "Chúng tôi là Sa-môn."

Hôm nay, Ta bảo các thầy: "Các thầy nên nhớ nghĩ, tu tập hạnh Sa-môn cũng như hạnh Bà-la-môn, về sau chắc chắn thành tựu kết quả như thật không sai khác." Vì sao như thế? Vì có hai hạng Sa-môn: Sa-môn thực hành và Sa-môn phát nguyện.

Thế nào gọi là Sa-môn thực hành? Đó là, vị Tỳ-kheo đi đứng, tới lui, nhìn ngó, dung mạo, đắp y, ôm bát, thảy đều đúng như pháp, không tham đắm các dục, không sân hận, không ngu si, siêng năng trì giới, không phạm điều sai trái, học tập các giới. Đó gọi là Sa-môn thực hành.

Thế nào gọi là Sa-môn phát nguyện? Đó là, như vị Tỳ-kheo có oai nghi giới luật, ra vào, tới lui, đi đứng, dung mạo, nhìn ngó, cử động thảy đều như pháp, diệt sạch hữu lậu thành tựu vô lậu, ở trong đời hiện tại được chứng đắc, an trú

---

[49] *Như trên.*

[50] Cát Hộ (吉護), dịch nghĩa của từ Bhaddāli, tức là Tỳ-kheo Bạt-đề-bà-la. Bhadda trong văn nghĩa Pāli có nghĩa là điềm lành (吉). *Dā* là tự căn, nghĩa là cấp dưỡng, hộ trì, mang nghĩa như chữ "hộ" (護).

[51] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.49.8. 0801c14). Tham chiếu: *Mã ấp kinh* 馬邑經 (*T.*01. 0026.182. 0724c17); *M.* 39, *Mahāassapura Sutta* (*Đại kinh Xóm Ngựa*).

[52] Ương-nghệ (鴦藝, Aṅgā): Nước Aṅgā.

và biết rõ như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đó gọi là Sa-môn phát nguyện.

Này Tỳ-kheo! Đó là hai hạng Sa-môn.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Thế nào gọi là pháp hành của Sa-môn và pháp hành của Bà-la-môn?

[0802a01] Phật bảo A-nan:

– Đó là, Tỳ-kheo khi ăn uống thì biết vừa đủ, ngày đêm đi kinh hành, luôn luôn đúng thời, tu tập các đạo phẩm.[53]

Thế nào gọi là Tỳ-kheo các căn luôn vắng lặng? Đó là, Tỳ-kheo nếu mắt thấy sắc nhưng không khởi tưởng dính mắc, không khởi các niệm tán loạn, nhờ đó mà nhãn căn được thanh tịnh, trừ bỏ các niệm ác, không nghĩ nhớ pháp bất thiện. Hoặc tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm và ý biết pháp, không khởi tưởng dính mắc, không khởi các niệm tán loạn, nhờ đó mà ý căn được thanh tịnh. Như thế gọi là Tỳ-kheo các căn được thanh tịnh.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ? Đó là, Tỳ-kheo lượng sức mình mà ăn, không mong cầu béo tốt, chỉ vì muốn khiến cho thân này được tồn tại, trừ cảm thọ cũ, không sanh cảm thọ mới, thành tựu Phạm hạnh. Cũng như thân của người nam hoặc người nữ có vết thương thì tùy thời dùng thuốc để chữa trị, vì muốn cho vết thương mau lành. Nay Tỳ-kheo cũng lại như thế, lượng sức mình mà ăn. Sở dĩ dùng dầu mỡ bôi vào xe là vì muốn đi xa, Tỳ-kheo lượng sức mình mà ăn là vì muốn duy trì mạng sống. Như thế gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo thường biết tỉnh giác? Đó là, Tỳ-kheo vào đầu đêm, cuối đêm thường biết tỉnh giác, tư duy về pháp ba mươi bảy đạo phẩm. Ban ngày thì kinh hành trừ bỏ niệm ác, các tưởng kiết sử. Vào đầu đêm, cuối đêm thì đi kinh hành, trừ bỏ các kiết sử, các tưởng bất thiện. Vào giữa đêm thì nằm nghiêng hông bên phải, hai chân duỗi xếp lên nhau, hướng về tưởng ánh sáng, vào lúc cuối đêm thì đi kinh hành tới lui, trừ bỏ niệm bất thiện. Như thế gọi là Tỳ-kheo biết tỉnh giác.

Như vậy, này A-nan! Đây là hạnh cốt lõi của Sa-môn.

Thế nào gọi là hạnh cốt lõi của Bà-la-môn?

Ở đây, Tỳ-kheo đối với khổ thì biết như thật là khổ. Khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo, đều biết rõ như thật. Sau đó, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu nên thành tựu giải thoát. Khi đã giải thoát rồi liền thành tựu trí giải thoát và biết rõ như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đây gọi là pháp cốt lõi của hạnh Bà-la-môn. A-nan nên biết! Đây là nghĩa về hạnh cốt lõi vậy.

---

[53] Đạo phẩm (道品) chỉ cho các pháp dẫn về Niết-bàn như 37 phẩm trợ đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Sa-môn là Sa-môn,[54] Diệt trừ các điều ác,
Phạm chí tức thanh tịnh, Trừ sạch tưởng tán loạn.

[0802b02] Thế nên, này A-nan! Nên nghi nhớ, tu tập pháp hành của Sa-môn và pháp hành của Bà-la-môn. Nếu chúng sanh nào tu tập các pháp này thì về sau sẽ xứng đáng là Sa-môn.

Lại nữa, vì sao gọi là Sa-môn? Vì vĩnh viễn chấm dứt các kiết sử nên gọi là Sa-môn.

Lại nữa, vì sao gọi là Bà-la-môn? Vì trừ sạch các pháp mê lầm nên gọi là Bà-la-môn,[55] cũng gọi là Sát-lợi.

Lại nữa, vì sao gọi là Sát-lợi? Do đoạn trừ tham, đoạn trừ sân và đoạn trừ si nên gọi là Sát-lợi, cũng gọi là tắm gội.

Vì sao gọi là tắm gội? Do tẩy trừ sạch hai mươi mốt kiết sử[56] nên gọi là tắm gội, cũng gọi là giác ngộ.

Vì sao gọi là giác ngộ? Do biết rõ pháp nào mê lầm, pháp nào sáng suốt nên gọi là giác ngộ, cũng gọi là bờ kia.

Vì sao gọi là bờ kia? Do từ bờ bên này đến bờ bên kia nên gọi là bờ kia.

Này A-nan! Hãy hành trì pháp này, về sau mới gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Nghĩa này như thế nên ghi nhớ phụng hành.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

9. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA SÁM HỐI[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ ở vườn Ni-câu-lưu của dân chúng họ Thích, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, Vương tử Đề-bà-đạt-đa[58] đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

---

[54] Nguyên tác: Tức tâm (息心). Cổ dịch chỉ cho Sa-môn siêng tu thiện pháp, diệt trừ ác hạnh (沙門的意譯. 謂勤修善法, 息滅惡行).

[55] Nguyên tác: Phạm chí (梵志).

[56] Theo *Kinh ví dụ tấm vải*, số 5, phẩm 13, tr. 110 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.13.5. 0573c01): 21 kiết sử bao gồm: Sân hận, giận hờn, ngủ nghỉ, trạo cử, nghi ngờ, phẫn nộ, đố kỵ, buồn bực, ganh tị, ghen ghét, không biết hổ, không biết thẹn, không thật, gian trá, giả dối, tranh đấu, tự kiêu, ngạo mạn, tị hiềm, tăng thượng mạn, tham lam. 21 câu uế này cũng xuất hiện trong *Thủy Tịnh Phạm chí kinh* 水淨梵志經 (*T*.02. 0026.93. 0575a19), xem *Kinh Trung A-hàm*, tập 19, kinh số 93, tr. 621.

[57] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.9. 0802b15). Tham chiếu: *DhA*. 1.7; *Cv*. 7.

[58] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜, Devadatta).

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài chấp thuận cho con được làm Sa-môn!

Phật bảo Đề-bà-đạt-đa:

– Ông nên sống đời tại gia rồi làm việc bố thí, cúng dường, vì làm Sa-môn thật chẳng dễ dàng.

Thế rồi, Đề-bà-đạt-đa bạch Phật đến lần thứ ba:

– Bạch đức Thế Tôn! Xin Ngài cho phép con được xuất gia ở hàng thấp nhất.

Phật lại bảo:

– Ông nên sống đời tại gia, không nên xuất gia tu tập theo hạnh Sa-môn.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa liền nghĩ như vầy: "Sa-môn này có lòng ganh ghét, nay ta tự mình cạo tóc, khéo tu Phạm hạnh, cần gì Sa-môn ấy?"

Thế rồi, Đề-bà-đạt-đa liền trở về, tự cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa rồi tự xưng: "Ta là hàng Thích tử."

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo tên là Tu-la-đà, tu hạnh Đầu-đà, hành pháp khất thực, mặc y phấn tảo, thông suốt năm thông. Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ Tỳ-kheo kia, cúi đầu lễ sát chân rồi thưa:

– Cúi xin Tôn giả giảng nói giáo pháp cho tôi, khiến tôi được an ổn lâu dài!

[0802c01] Khi ấy, Tỳ-kheo Tu-la-đà liền giảng nói về các oai nghi phép tắc, tư duy về pháp này, xả bỏ điều này thì đạt được điều kia. Thế rồi, Đề-bà-đạt-đa theo như lời Tỳ-kheo ấy dạy bảo, không chút sai sót.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa thưa Tỳ-kheo kia:

– Cúi xin Tôn giả dạy bảo pháp thần túc cho tôi, tôi có thể tu hành theo pháp ấy!

Bấy giờ, Tỳ-kheo lại giảng dạy về pháp thần túc:

– Nay ông nên học tập sự tăng giảm[59] của tâm ý, khi đã biết về sự tăng giảm của tâm ý thì nên phân biệt về bốn đại, về sự tăng giảm của đất, nước, lửa và gió. Khi đã biết được sự tăng giảm của bốn đại thì nên tu tập về định Tự tại. Khi đã tu tập về định Tự tại, lại nên tu tập về định Dũng mãnh. Khi đã tu tập về định Dũng mãnh, lại nên tu tập về định Tâm ý. Khi đã tu tập về định Tâm ý, lại nên tu tập về định Tự giới. Khi đã tu tập về định Tự giới thì chẳng bao lâu nữa sẽ thành tựu thần túc.

Lúc ấy, vâng lời dạy bảo của Tỳ-kheo kia, Đề-bà-đạt-đa tự biết về sự tăng giảm của tâm ý, lại biết về sự tăng giảm của bốn đại, tu tập trọn vẹn các chánh định, không chút sai sót. Thế rồi, chẳng bao lâu, Đề-bà-đạt-đa liền thành tựu được thần túc. Từ đó, với vô số phương tiện, ông ta biến hóa không thể tính kể. Bấy giờ, danh tiếng của Đề-bà-đạt-đa được lan truyền khắp bốn phương.

---

[59] Nguyên tác: Khinh trọng (輕重).

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa dùng sức thần túc lên đến cõi trời Ba Mươi Ba, hái các loài hoa như hoa sen xanh,[60] hoa sen trắng[61] đem về dâng cho Thái tử A-xà-thế và bảo:

– Hoa này có nguồn gốc từ cõi trời Ba Mươi Ba, Thích-đề-hoàn-nhân sai đem đến dâng lên Thái tử.

Bấy giờ, thấy Đề-bà-đạt-đa có thần túc như thế, thái tử liền tùy thời cúng dường, cung cấp các vật dụng cần thiết. Thái tử lại nghĩ: "Thần túc của Đề-bà-đạt-đa thật khó có ai sánh kịp."

Thế rồi, Đề-bà-đạt-đa lại tự ẩn thân mình, biến thành đứa bé ngồi lên đầu gối của thái tử.

Lúc ấy, các thể nữ đều nghĩ: "Đây là ai vậy, là quỷ ư? Hay là thiên thần?"

Bàn tán chưa dứt thì Đề-bà lại hóa thân trở lại như cũ.

Bấy giờ, thái tử và các cung phi đều khen ngợi:

– Đây thật sự là Đề-bà-đạt-đa!

Họ liền cung cấp những vật dụng cần dùng và lan truyền những lời như vầy:

– Danh tiếng và đức hạnh của Đề-bà-đạt-đa không thể nói hết được.

Lúc ấy, số đông Tỳ-kheo nghe những điều này, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi thưa:

– Đề-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn nên thường nhận được y phục, thức ăn uống, giường đệm và thuốc men.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ khởi tâm dính mắc về lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa, lại cũng đừng khen ngợi sức thần túc của ông ấy. Cũng do thần túc này mà ông ấy sẽ bị đọa trong ba đường ác. Lợi dưỡng mà Đề-bà-đạt-đa có được cũng như thần túc của ông ấy sẽ chấm dứt. Vì sao như thế? Vì Đề-bà-đạt-đa sẽ tự mình tạo nghiệp từ thân, miệng và ý.

[0803a04] Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm hiểu biết, ta cũng hiểu biết. Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc cao quý, ta cũng thuộc chủng tộc cao quý. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn Cù-đàm hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn thần túc. Đối phương hiện tám thần túc, ta hiện mười sáu thần túc. Đối phương hiện mười sáu thần túc, ta hiện ba mươi hai thần túc. Tùy theo sức hóa hiện của Sa-môn ấy mà ta sẽ biến hóa gấp bội."

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa nói như vậy, hơn năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Đề-bà-đạt-đa và năm trăm Tỳ-kheo ấy đã được thái tử cúng dường.

---

[60] Nguyên tác: Ưu-bát liên hoa (優鉢蓮花, uppala): Hoa sen xanh (青蓮花).

[61] Nguyên tác: Câu-mâu-đầu hoa (拘牟頭華, kumuda): Hoa sen trắng (白蓮花).

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bảo nhau:

– Chúng ta cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa để nghe ông ấy giảng về những luận thuyết gì.

Hai Tôn giả liền cùng nhau đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa.

Bấy giờ, từ xa trông thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi đến, Đề-bà-đạt-đa liền bảo các Tỳ-kheo:

– Hai người này là đệ tử của Tất-đạt.

Ông ta rất đỗi vui mừng.

Đến nơi, hai Tôn giả cùng chào hỏi rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đều nghĩ: "Hôm nay, hết thảy đệ tử của Phật Thích-ca đều quy hướng về Đề-bà-đạt-đa." Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thầy có thể thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo chăng? Tôi bị đau lưng nên muốn nghỉ ngơi chốc lát.

Thế rồi, Đề-bà-đạt-đa liền nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, do trong lòng vui mừng nên ngủ thiếp đi.

Bấy giờ, thấy Đề-bà-đạt-đa đã ngủ, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên liền dùng thần túc đem các Tỳ-kheo bay lên hư không rời đi.

Khi thức dậy, không thấy các Tỳ-kheo nữa, Đề-bà-đạt-đa quá đỗi tức giận nên nói như vầy:

– Nếu ta không trả được thù này thì không gọi là Đề-bà-đạt-đa nữa!

Đây là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa phạm tội ngũ nghịch và khi vừa khởi tâm ấy, Đề-bà-đạt-đa liền bị mất hết thần túc.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo bạch Phật:

– Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn mới có thể phá hoại Thánh chúng.

Phật dạy:

– Không phải chỉ hôm nay Đề-bà-đạt-đa mới phá hoại Thánh chúng, trong thời quá khứ, ông ta cũng thường phá hoại Thánh chúng. Vì sao như thế? Trong thời quá khứ, Đề-bà-đạt-đa cũng phá hoại Thánh chúng, lại khởi ý ác: "Ta sẽ bắt Sa-môn Cù-đàm rồi giết hại để làm Phật trong ba cõi, để làm bậc Tối tôn, không ai sánh bằng."

[0803b04] Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa nói với Vua A-xà-thế:

– Thuở xưa, tuổi thọ con người rất dài, ngày nay tuổi thọ rất ngắn. Giả sử một mai Vương thái tử lâm chung thì thật là uổng phí một đời. Sao ngài không bắt phụ vương rồi giết đi để lên ngôi vua? Tôi sẽ giết Như Lai và sẽ làm Phật. Vua mới, Phật mới chẳng phải là thích thú lắm sao?

Bấy giờ, A-xà-thế liền sai lính canh bắt vua cha giam vào ngục, tự lên ngôi vua, cai trị dân chúng.

Lúc ấy, quần thần bàn tán với nhau:

– Người con này khi chưa sanh đã xem là oan gia. Nhân đó mới gọi là Vua A-xà-thế.

Bấy giờ, thấy A-xà-thế đã hại phụ vương rồi, Đề-bà-đạt-đa lại nghĩ: "Ta sẽ bắt Sa-môn Cù-đàm rồi giết hại."

Lúc ấy, Thế Tôn đang ngụ ở bên một sườn núi nhỏ, cạnh núi Kỳ-xà quật.

Thế rồi, Đề-bà-đạt-đa leo lên núi Kỳ-xà quật, tự tay nhấc một tảng đá lớn dài ba mươi khuỷu tay, rộng mười lăm khuỷu tay ném vào Thế Tôn. Lúc ấy, thần núi là quỷ Kim-tỳ-la thường ngụ nơi ngọn núi ấy, thấy Đề-bà-đạt-đa vác đá ném Phật, liền đưa tay đỡ sang nơi khác.

Bấy giờ, tảng đá vỡ ra và một mảnh nhỏ trúng vào chân Như Lai nên lập tức chảy máu.

Lúc ấy, thấy như vậy, Thế Tôn bảo Đề-bà-đạt-đa:

– Ông khởi tâm muốn hại Như Lai, đây là tội ngũ nghịch thứ hai.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ: "Rốt cuộc hôm nay ta không hại được Sa-môn Cù-đàm thì sẽ tìm cách khác."

Ông ta liền bỏ đi, đến chỗ A-xà-thế rồi tâu vua:

– Hãy cho con voi hung ác[62] uống rượu say, khiến nó giết hại Sa-môn. Vì sao như vậy? Vì con voi này hung bạo, ắt có thể hại được Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn có Nhất thiết trí thì ngày mai chắc chắn sẽ không vào thành khất thực, nếu không có Nhất thiết trí thì ngày mai Sa-môn sẽ vào thành khất thực và nhất định sẽ bị voi dữ này giết hại.

Khi ấy, Vua A-xà-thế liền đem rượu mạnh cho voi uống say rồi ra lệnh cho dân chúng trong nước:

– Ai muốn được an ổn, thương tiếc thân mạng của mình thì ngày mai chớ đi lại trong thành.

Bấy giờ, Thế Tôn đúng thời đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực. Hay tin Vua A-xà-thế cho voi uống rượu say muốn hại Thế Tôn, bốn bộ chúng nam, nữ, già, trẻ trong nước cùng nhau đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi thưa:

– Cúi xin Thế Tôn chớ vào thành La-duyệt khất thực! Vì sao như vậy? Vì Vua A-xà-thế sẽ cho voi uống rượu say, muốn hại Thế Tôn.

[0803c05] Phật bảo các ưu-bà-tắc:

– Bậc Đẳng Chánh Giác thì không bao giờ bị người khác làm hại.

---

[62] Nguyên tác: Hắc tượng (黑象). Hắc (黑) là cực kỳ hung dữ (狠毒).

Lúc ấy, dù được dân chúng cảnh báo như vậy, nhưng Thế Tôn vẫn đi vào thành.

Khi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, voi dữ vô cùng hung hãn chạy về phía Như Lai, muốn làm hại Ngài. Thấy voi chạy đến, Phật liền nói kệ này:

Voi chớ làm hại Rồng, Gặp Rồng lớn[63] rất khó,
Do không làm hại Rồng, Được sanh vào cõi lành.

Thế rồi, nghe Như Lai nói kệ này xong, voi kia liền đến trước Như Lai, quỳ mọp xuống rồi liếm chân Ngài. Lúc ấy, do vì hối hận, tâm không an ổn nên voi liền chết, rồi được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba.

Bấy giờ, thấy voi đã chết, Vua A-xà-thế và Đề-bà-đạt-đa buồn rầu vô hạn. Đề-bà-đạt-đa nói với vua:

– Sa-môn Cù-đàm đã giết chết voi.

Vua đáp:

– Sa-môn Cù-đàm này có sức thần rất lớn, có nhiều phép thuật mới có thể niệm chú khiến voi chết.

Vua A-xà-thế lại nói:

– Sa-môn này chắc phải có đầy đủ oai đức mới không bị voi dữ làm hại.

Đề-bà-đạt-đa đáp:

– Sa-môn Cù-đàm có chú thuật làm mê hoặc, có thể khiến ngoại đạo dị học thảy đều hàng phục, huống gì loài súc sanh.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa liền suy nghĩ: "Ta quan sát thấy tâm Vua A-xà-thế muốn hối cải."

Thế nên, Đề-bà-đạt-đa lo buồn, không vui, liền ra khỏi thành La-duyệt.

Bấy giờ, từ xa thấy Đề-bà-đạt-đa đi đến, Tỳ-kheo-ni Pháp Thí nói với Đề-bà-đạt-đa:

– Điều ông đã làm quá ư sai quấy, bây giờ sám hối lỗi lầm còn dễ, chứ để về sau sẽ rất khó khăn.

Nghe những lời nói này, Đề-bà-đạt-đa càng thêm tức giận, vội trả lời:

– Tiện tỳ đầu trọc! Ta có lỗi lầm gì mà hôm nay thì dễ, ngày mai lại khó?

Tỳ-kheo-ni Pháp Thí đáp:

– Ông đang đi với kẻ ác và cùng tạo các cội rễ bất thiện.

Bấy giờ, do lửa sân thiêu đốt nên Đề-bà-đạt-đa liền dùng tay đánh chết Tỳ-kheo-ni.

[0804a01] Sau khi giết hại bậc Chân nhân, Đề-bà-đạt-đa trở về phòng mình rồi bảo các đệ tử:

---

[63] Nguyên tác: Long Tượng (龍象) chỉ cho đức Phật.

– Các ông nên biết! Ta đã từng khởi tâm hướng đến Sa-môn Cù-đàm, nhưng theo nghĩa lý thì một bậc La-hán không nên khởi tâm xấu ác đối với một bậc La-hán. Hôm nay, ta nên hướng về Sa-môn Cù-đàm để sám hối.

Thế rồi, do vì lo buồn, không vui, Đề-bà-đạt-đa nhanh chóng lâm bệnh nặng. Đề-bà-đạt-đa bảo các đệ tử:

– Ta không đủ sức đến gặp Sa-môn Cù-đàm. Các ông hãy giúp ta đến chỗ Sa-môn kia.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa bôi thuốc độc vào mười đầu ngón tay, bảo các đệ tử:

– Các ông hãy khiêng ta đến chỗ Sa-môn kia.

Bấy giờ, các đệ tử liền khiêng Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Thế Tôn.

Lúc ấy, từ xa thấy Đề-bà-đạt-đa đến, Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

– Đề-bà-đạt-đa đang đến, chắc có tâm hối cải, muốn hướng về Thế Tôn cầu xin sửa đổi, sám hối lỗi lầm.

Phật bảo A-nan:

– Đề-bà-đạt-đa không thể nào đến chỗ Như Lai được.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật đến lần thứ ba:

– Hôm nay, Đề-bà-đạt-đa muốn đến đây cầu xin sám hối lỗi lầm.

Phật bảo A-nan:

– Người ác ấy không bao giờ đến chỗ Như Lai được, vì hôm nay mạng căn của ông ta đã chín muồi.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Thế Tôn, bảo các đệ tử:

– Ta không nên nằm mà diện kiến Như Lai, hãy để ta xuống đất để được gặp Ngài!

Lúc Đề-bà-đạt-đa vừa chạm chân xuống đất thì lập tức từ lòng đất phun lên ngọn lửa lớn, thiêu đốt thân thể Đề-bà-đạt-đa. Lúc bị lửa dữ thiêu đốt, Đề-bà-đạt-đa liền khởi tâm hối hận đối với Như Lai, vừa muốn xưng "Nam-mô Phật", nhưng rốt cuộc chỉ vừa kịp xưng "Nam-mô",[64] liền bị đọa vào địa ngục.

Bấy giờ, thấy Đề-bà-đạt-đa bị đọa vào địa ngục, A-nan bạch Phật:

– Nay Đề-bà-đạt-đa đã qua đời, bị đọa vào địa ngục chăng?

Phật bảo:

– Đề-bà-đạt-đa tu hành nhưng không đạt đến chỗ diệt tận cứu cánh. Nay ông ấy lại khởi tâm ác đối với thân Như Lai nên sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục A-tỳ.

Lúc ấy, A-nan buồn khóc rơi lệ, không thể ngăn được.

---

[64] Nguyên tác: Chánh dục xưng Nam-mô Phật, nhiên bất cứu cánh, thích đắc xưng Nam-mô (正欲稱南無佛, 然不究竟, 適得稱南無).

Phật hỏi A-nan:

– Vì sao thầy buồn khóc như thế?

A-nan bạch Phật:

– Tâm luyến ái của con chưa trừ sạch, chưa thể đoạn hết dục cho nên con buồn khóc.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Như người tự tạo nghiệp,
Làm thiện được quả thiện,
Nghiệp ác thế gian làm,
Nếu tạo nghiệp thiện lương,
Kẻ kia gây nghiệp chướng,
Nào phải lỗi của Phật,
Lại quán sát căn nguyên,
Gây ác chuốc tai ương.
Chết chuốc khổ địa ngục,
Chuyển thân trời hưởng phước.
Địa ngục tự đọa vào,
Sao thầy lại bi thương?

[0804b07] Lúc ấy, A-nan bạch Phật:

– Đề-bà-đạt-đa sau khi qua đời đã được sanh vào chốn nào?

Phật dạy A-nan:

– Đề-bà-đạt-đa sau khi qua đời thì bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao như vậy? Vì ông ta đã tạo tội ngũ nghịch nên phải chuốc lấy quả báo này.

Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

– Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn! Như lời dạy của Thế Tôn, tự mình làm ác thì đời này đọa vào địa ngục. Sở dĩ con buồn khóc rơi lệ là do Đề-bà-đạt-đa không quý tiếc danh xưng, chủng tộc, cũng chẳng vì cha mẹ, tôn trưởng, làm nhục dòng họ Thích, hủy hoại tông môn chúng ta. Tuy nhiên, Đề-bà-đạt-đa khi sống ở đời này mà bị đọa vào địa ngục thì thật sự quá trái ngang. Vì sao như thế? Vì chủng tộc chúng ta phát xuất từ ngôi vị Chuyển Luân Thánh vương, Đề-bà-đạt-đa cũng xuất thân từ dòng dõi vua chúa nên đời này không đáng bị đọa vào địa ngục. Đề-bà-đạt-đa khi ở đời này đáng lẽ phải nên trừ sạch hữu lậu để thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, chứng đắc quả vị ngay trong đời này, rồi biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa", học tập theo dấu tích của Chân nhân, chứng đắc A-la-hán, nhập Niết-bàn nơi Vô dư Niết-bàn, tại sao đời này lại quăng thân mình vào địa ngục? Sanh thời, Đề-bà-đạt-đa có oai lực lớn, thần đức rất mạnh nên mới có thể lên đến cõi trời Ba Mươi Ba biến hóa tự do. Người như thế sao lại bị đọa vào địa ngục? Bạch Thế Tôn! Chẳng biết Đề-bà-đạt-đa phải trải qua bao nhiêu năm trong địa ngục?

Phật dạy A-nan:

– Ông ấy phải ở trong địa ngục suốt một kiếp.

Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

– Nhưng kiếp có hai loại, có đại kiếp và tiểu kiếp. Vậy ông ấy ở kiếp nào?

Phật bảo A-nan:

– Ông ấy sẽ trải qua một đại kiếp. Sở dĩ gọi đại kiếp, tức là hết số kiếp của Hiền kiếp này, khi nghiệp hết chết đi thì mới trở lại được làm thân người.

A-nan bạch Phật:

– Đề-bà-đạt-đa đoạn mất cội gốc thân người rồi khôi phục lại. Vì sao như thế? Do kiếp số dài lâu, đại kiếp không vượt quá Hiền kiếp.

[0804c02] Bấy giờ, A-nan lại càng buồn khóc, than thở không vui rồi bạch Phật:

– Khi thoát khỏi địa ngục thì Đề-bà-đạt-đa sẽ sanh về đâu?

Phật bảo A-nan:

– Đề-bà-đạt-đa sau khi qua đời nơi cõi ấy thì sẽ sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương.

A-nan lại hỏi:

– Qua đời ở cõi đó, rồi sẽ sanh về đâu?

Phật bảo A-nan:

– Qua đời nơi cõi ấy, rồi lần lượt sẽ sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại, cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

A-nan lại hỏi:

– Qua đời nơi cõi ấy, sẽ sanh về đâu?

Phật bảo A-nan:

– Khi qua đời từ chốn địa ngục, Đề-bà-đạt-đa sanh vào các cõi lành, cõi trời, trải qua trong sáu mươi kiếp không rơi vào ba đường ác, chỉ qua lại trong cõi trời, cõi người. Thân cuối cùng, ông ta sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, thành tựu quả vị Độc giác, hiệu là Nam-mô.

Bấy giờ, A-nan đến trước Phật, thưa:

– Như vậy, bạch Thế Tôn! Do quả báo xấu ác nên Đề-bà-đạt-đa chịu tội ở địa ngục, nhưng do tạo lập công đức gì mà trải qua sáu mươi kiếp sanh tử không còn bị đau khổ, phiền não, về sau lại còn chứng đắc quả vị Độc giác, hiệu là Nam-mô?

Phật bảo A-nan:

– Khởi thiện tâm chỉ trong giây lát, phước ấy đã khó ví dụ, huống hồ Đề-bà-đạt-đa tinh thông kim cổ, tụng đọc rất nhiều, giữ gìn các pháp, ghi nhớ không quên. Thuở xưa, do oán thù mà Đề-bà-đạt-đa khởi tâm giết hại Như Lai, lại cũng do nhân duyên phước báu thuở xưa nên ông ta có tâm hoan hỷ đối với Như Lai, do nhân duyên phước báu này, trong sáu mươi kiếp không bị đọa trong ba đường ác. Lại nữa, vào khoảnh khắc cuối cùng lúc sắp qua đời, Đề-bà-đạt-đa khởi tâm hoan hỷ xưng "Nam-mô" nên về sau sẽ thành tựu quả vị Độc giác, hiệu là Nam-mô.

Bấy giờ, A-nan liền đến trước lễ Phật rồi lặp lại ý mình:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Như lời dạy của Phật.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến trước Phật, thưa:

– Hôm nay, con muốn vào địa ngục A-tỳ để nói về hạnh nghiệp cốt lõi và cũng để an ủi, khen ngợi Đề-bà-đạt-đa.

Phật bảo Mục-liên:

– Thầy nên biết, chớ nên hấp tấp, tâm ý phải chuyên chánh, chớ khởi tưởng tán loạn. Vì sao như vậy? Vì có hạng chúng sanh cực ác rất khó điều phục, khó thành tựu, do vậy về sau mới đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại nữa, tội nhân kia không thể hiểu được âm thanh, ngôn ngữ đối đáp của cõi người.

[0805a01] Mục-liên lại bạch Phật:

– Con hiểu được sáu mươi bốn âm thanh, thông suốt ngôn ngữ, con sẽ sử dụng những âm thanh đó để nói chuyện với ông ấy.

Phật bảo Mục-liên:

– Thầy nên biết đúng thời.

Thế rồi, nghe những lời như vậy, A-nan thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng.

Lúc ấy, Đại Mục-kiền-liên lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, liền ở trước chỗ Phật, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay liền đến địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ, Đại Mục-liên đang trụ giữa hư không trong địa ngục A-tỳ, ra hiệu và gọi:

– Đề-bà-đạt-đa!

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa im lặng không đáp.

Thế rồi, các cai ngục hỏi Mục-liên:

– Tôn giả muốn gọi Đề-bà-đạt-đa nào?

Cai ngục lại bảo:

– Nơi đây cũng có Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-lưu-tôn, Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Đề-bà-đạt-đa thời Phật Ca-diếp, cũng có Đề-bà-đạt-đa cư sĩ, Đề-bà-đạt-đa xuất gia. Này Tỳ-kheo! Bây giờ, chính xác là ngài muốn gọi Đề-bà-đạt-đa nào?

Mục-liên đáp:

– Nay tôi vâng lệnh nên muốn gặp Đề-bà-đạt-đa là em con chú của Phật Thích-ca.

Lúc ấy cai ngục tay cầm chĩa sắt, hoặc cầm lửa đỏ châm vào thân thể Đề-bà-đạt-đa khiến ông ta tỉnh giấc.

Bấy giờ, thân thể Đề-bà-đạt-đa bị ngọn lửa cao ba mươi khuỷu tay thiêu cháy. Các cai ngục bảo:

– Ngươi là kẻ ngu, sao lại còn ngủ?

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa đang bị các khổ bức bách liền đáp:

– Nay các ông dạy bảo tôi điều gì?

Cai ngục lại bảo:

– Ông hãy ngước nhìn lên hư không!

Nghe như thế, Đề-bà-đạt-đa ngước nhìn lên hư không, liền trông thấy Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết-già trên hoa sen báu, rực sáng như mặt trời xua tan mây.

Thấy thế rồi, Đề-bà-đạt-đa liền nói kệ này:

Ánh sáng trời ai hiện, Như mặt trời vén mây,
Tựa núi vàng sáng rỡ, Chẳng dính chút bụi nhơ?

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên dùng kệ đáp:

Ta, con đấng Thích Tôn, Thuộc dòng họ Cù-đàm,
Là đệ tử của Phật, Tên là Đại Mục-liên.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa thưa với Mục-liên:

– Tôn giả Mục-liên! Cớ sao ngài hạ cố đến nơi này? Nơi đây chúng sanh tạo ác không thể kể xiết, rất khó giáo hóa, chẳng tạo căn lành nên sau khi qua đời liền sanh vào chốn này.

[0805b01] Mục-liên đáp:

– Do Phật sai bảo nên tôi đến đây, vì muốn thương tưởng, nhổ sạch cội gốc khổ đau.

Bấy giờ, được nghe tiếng Phật, Đề-bà-đạt-đa thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền nói như vầy:

– Cúi xin Tôn giả hãy mau nói cho! Đức Thế Tôn dạy bảo điều gì? Ngài lại không dự ký về đường ác nữa chăng?

Mục-liên đáp:

– Này Đề-bà-đạt-đa! Đừng nên sợ hãi, nỗi khổ cùng cực của địa ngục không đâu hơn chốn này. Đức Phật Thích-ca là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, thương xót tất cả các loài cho đến côn trùng nhỏ nhít như mẹ thương con, tâm không sai biệt, đúng thời giảng nghĩa, không bao giờ mất thứ lớp, cũng chẳng trái với điều đã giảng nói. Nay chính từ kim khẩu của Phật thọ ký cho ông. Do ông vốn khởi niệm ác muốn hại Thế Tôn, lại đem điều này dạy bảo cho người khiến họ hướng về đường ác, do nhân duyên tội báo ấy nên bị đọa vào địa ngục A-tỳ, sẽ trải qua một kiếp không thể nào thoát khỏi. Khi kiếp số này chấm dứt, nghiệp hết thì qua đời, sẽ sanh vào cõi trời Tứ Thiên Vương, rồi lần lượt sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại, cõi trời Tha Hóa Tự Tại, trong sáu mươi kiếp không sanh trong đường ác, chỉ xoay vần nơi cõi trời và cõi người, thân cuối cùng sẽ trở lại thân người, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, sẽ thành tựu

quả vị Độc giác, hiệu là Nam-mô. Vì sao như thế? Do khoảnh khắc sắp chết, ông xưng "Nam-mô" nên mới có danh hiệu ấy. Nay đức Như Lai quán sát lời nói thiện lành "Nam-mô" nên nói rằng trong sáu mươi kiếp ông sẽ làm vị Độc giác cùng với danh hiệu ấy.

Bấy giờ, nghe những lời như vậy xong, Đề-bà-đạt-đa phấn khởi tột cùng, tâm lành phát sanh, lại bạch với Mục-liên:

– Những lời của Như Lai đã nói quả nhiên không thể nghi ngờ, vì thương xót chúng sanh mà cứu giúp vô lượng, với lòng đại từ, đại bi giáo hóa cứu độ mê lầm. Dù cho hôm nay tôi nằm nghiêng hông bên phải suốt một kiếp trong địa ngục A-tỳ thì tâm ý vẫn chuyên nhất, không hề mệt nhọc.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên lại hỏi Đề-bà-đạt-đa:

– Nay ông thế nào, sự đau đớn có tăng hay giảm?

Đề-bà-đạt-đa trả lời:

– Thân tôi chịu khổ chỉ tăng chứ không giảm, nay được nghe Như Lai thọ ký danh hiệu thì nỗi khổ có giảm bớt nhưng không đáng kể.

Mục-liên hỏi:

– Nguồn cơn đau đớn khổ sở của ông tương tự điều gì?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

– Bánh xe sắt nóng nghiền nát thân hình, lại có chày sắt đập nát thân thể tôi, có voi dữ hung bạo giày xéo thân tôi, lại có núi lửa đến áp vào mặt tôi, cà-sa thuở trước hóa thành tấm đồng cháy đỏ quấn lấy thân tôi, nguồn cơn của thống khổ có tình trạng như thế.

[0805c04] Mục-liên bảo:

– Ông có biết gốc rễ tội lỗi nào khiến cho ông phải chịu đau khổ này chăng? Nay tôi sẽ nói rõ từng tội một, ông muốn nghe chăng?

Đề-bà-đạt-đa thưa:

– Thưa vâng, xin ngài hãy nói!

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên liền nói kệ này:

Xưa ông ở chỗ Phật,
Phá hoại chúng Tỳ-kheo,
Nay bị chày sắt nóng,
Giã nát thân thể ông.
Vì hàng đại chúng kia,
Là Thanh văn bậc nhất,
Gây loạn chúng Tỳ-kheo,
Nay xe sắt nóng nghiền.
Xưa ông xúi giục vua,
Chuốc voi say nhiễu hại,
Nay bị bầy voi dữ,
Giày nát cả hình hài.
Xưa ông vác tảng đá,
Ném trúng chân Như Lai,
Nay núi lửa đốt hoài,
Thiêu ông thành tro bụi.
Xưa ông dùng nắm đấm,
Giết hại Tỳ-kheo-ni,
Nay bị lá đồng nóng,
Bó nung, chẳng rời đi.

Nghiệp quả không hề mất, Không lơ lửng giữa trời,
Cho nên phải chuyên cần, Lìa xa nguồn các ác.

Ông vốn là Đề-bà-đạt-đa, đã tạo các cội gốc tội lỗi như thế, nên nhất tâm hướng về Như Lai thì sẽ được phước lâu dài không thể tính kể.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa lại thưa Mục-liên:

– Xin nhờ Mục-liên cúi đầu lễ sát chân Thế Tôn, cầu mong Ngài thân thể khinh an, bước đi vững chãi! Tôi cũng xin lễ bái Tôn giả A-nan.

Thế rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên phóng đại thần túc, khiến cho các sự thống khổ trong địa ngục A-tỳ đều dừng lại.

Lúc ấy, Tôn giả lại nói kệ này:

Hãy xưng Nam-mô Phật, Bậc họ Thích tối thắng,
Ngài ban sự tịch lặng, Diệt trừ hết khổ đau.

Bấy giờ, nghe Tôn giả Mục-liên nói kệ này rồi, hơn sáu vạn chúng sanh trong địa ngục A-tỳ dứt trừ quả báo khổ, lập tức qua đời, sanh vào cõi trời Tứ Thiên Vương.

Lúc ấy, Tôn giả Mục-liên liền thâu thần túc, trở về chốn cũ rồi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, đứng sang một bên.

Bấy giờ, Tôn giả bạch đức Thế Tôn:

– Với lòng tôn kính vô lượng, Đề-bà-đạt-đa vấn an Thế Tôn: "Thân thể khinh an, bước đi vững chãi", và cũng thăm hỏi A-nan rồi nói như vầy: "Như Lai thọ ký trong sáu mươi kiếp sẽ thành tựu quả vị Độc giác, hiệu là Nam-mô, dù cho tôi có nằm nghiêng hông bên phải trong địa ngục A-tỳ, vẫn không từ lao nhọc."

[0806a06] Bấy giờ, Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Này Mục-liên! Thầy đã làm nhiều điều lợi ích, nhiều chốn thấm nhuần, thương tưởng chúng sanh, trời, người an lạc, khiến cho hàng Thanh văn của các đức Như Lai dần dần đạt đến cõi diệt tận, Niết-bàn.

Thế nên, này Mục-liên! Nên siêng năng thành tựu ba pháp. Vì sao như thế? Nếu Đề-bà-đạt-đa tu tập các pháp lành, về thân có ba, miệng có bốn và ý có ba thì ông ấy trọn đời không tham đắm lợi dưỡng, cũng không tạo tội ngũ nghịch rồi bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao như vậy? Bởi vì người tham đắm lợi dưỡng thì dù có tâm cung kính đối với Tam bảo, nhưng cũng không vâng giữ giới cấm, không nhiếp niệm[65] về nghiệp thân, miệng và ý. Hãy nên chuyên tâm nhiếp niệm về nghiệp thân, miệng và ý!

Thật vậy, này Mục-liên! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

[65] Nguyên tác: Cụ túc (具足). Theo *Du-già sư địa luận* 瑜伽師地論 (*T*.30. 1579.83. 0762a16): Vì nhiếp thọ chân chánh, không hối hận nên gọi là Cụ túc (言具足者, 謂正攝受無悔等故).

10. PHƯỚC BÁU CỦA LÒNG TỪ[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có chúng sanh tu tập tâm từ giải thoát, truyền bá nghĩa ấy rộng rãi, giảng nói cho người thì sẽ có được mười một phước quả. Là những phước quả nào? Đó là, ngủ an giấc, thức an ổn, không gặp ác mộng, chư thiên ủng hộ, được người thương mến, không bị độc hại, không bị binh đao, không bị nạn nước, nạn lửa, giặc cướp không thể làm hại, nếu như qua đời thì sẽ sanh lên cõi trời Phạm thiên. Này Tỳ-kheo! Đó là mười một phước đức mà người thực hành tâm từ đạt được.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người thực hành lòng từ,
Làm mỏng dần kiết sử,
Nhờ siêng tu từ hạnh,
Được Diệt độ rất nhanh,
Tâm không sát, không hại,
Hạnh từ rộng ban rải,
Không có hạnh phóng túng,
Dấu đạo sẽ thấy ra.
Sẽ sanh lên Phạm thiên,
Trụ vô vi vĩnh viễn.
Ý chẳng tranh hơn thua,
Tâm oán hận chẳng còn.

[0806b01] Thế nên, này Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện thực hành lòng từ, lưu truyền rộng rãi nghĩa ấy.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[67]

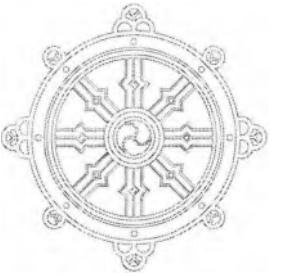

[66] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.10. 0806a17). Tham chiếu: *Thập nhất tưởng tư niệm Như Lai kinh* 十一想思念如來經 (*T*.02. 0138. 0861a11); *A*. 8.1 - IV. 150; *A*. 11.15 - V. 342.

[67] Bản Hán, hết quyển 47.

50. PHẨM LỄ TAM BẢO[1]

1. KÍNH LỄ THÁP[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn lễ bái tháp[3] Như Lai thì nên thực hành mười một pháp.

Những gì là mười một pháp? Đó là, khởi tâm dũng mãnh vì có kham nhẫn. Tâm không tán loạn vì thường nhất tâm. Niệm luôn chuyên nhất vì có chỉ và quán.[4] Vọng niệm vắng lặng vì nhập thiền định. Tâm không hạn lượng vì có trí tuệ. Tâm khó quán sát bởi do hình tướng. Lặng tâm điềm tĩnh vì có oai nghi. Tâm không lăng xăng nhờ xưng danh hiệu. Tâm không tưởng tượng do bởi sắc tướng. Phạm âm khó sánh do âm thanh hòa nhã.

Này các Tỳ-kheo! Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn lễ bái tháp Như Lai thì nên có đủ mười một pháp như vậy sẽ được hưởng phước lâu dài không thể tính kể.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. KÍNH LỄ PHÁP[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn lễ bái Pháp thì nên tư duy về mười một pháp, sau đó mới lễ bái Pháp.

---

[1] Nguyên tác: *Lễ Tam bảo phẩm* 禮三寶品 (*T*.02. 0125.50. 0806b10).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.1. 0806b11).

[3] Nguyên tác: Thần tự (神寺).

[4] Chư chỉ, quán cố (諸止, 觀故). Đây là 2 pháp, mới đủ 11 pháp.

[5] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.2. 0806b24).

Những gì là mười một pháp? Đó là, nếu có kiêu mạn thì nên diệt trừ kiêu mạn. Chánh pháp khéo dứt trừ tưởng khát ái nơi cõi dục. Chánh pháp khéo dứt trừ tham dục nơi cõi dục. Chánh pháp có khả năng đoạn dứt dòng sanh tử thâm sâu. Thực hành Chánh pháp thì được pháp bình đẳng. Chánh pháp này sẽ đoạn trừ các cõi ác. Nương theo Chánh pháp này thì đến được cõi lành. Chánh pháp có khả năng đoạn trừ lưới ái dục. Người thực hành Chánh pháp là đi từ có đến không. Người thực hành Chánh pháp thì thắp sáng khắp nơi. Người thực hành Chánh pháp thì đạt đến cảnh giới Niết-bàn.

Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn đảnh lễ Pháp thì nên tư duy về mười một pháp này, về sau sẽ được phước vô lượng, phước đức đạt được lâu dài, không thể tính kể.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. KÍNH LỄ TĂNG[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào tu hạnh lễ bái Tăng thì nên chú tâm vào mười một pháp, sau đó mới lễ bái Tăng.

Những gì là mười một pháp? Đó là, Thánh chúng Như Lai đã thành tựu Chánh pháp. Thánh chúng Như Lai trên dưới hòa hợp. Thánh chúng Như Lai thành tựu pháp và tùy pháp. Thánh chúng Như Lai thành tựu giới. Thánh chúng Như Lai thành tựu thiền định. Thánh chúng Như Lai thành tựu trí tuệ. Thánh chúng Như Lai thành tựu giải thoát. Thánh chúng Như Lai thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng Như Lai thường hộ trì Tam bảo. Thánh chúng Như Lai có năng lực hàng phục ngoại đạo dị học. Thánh chúng Như Lai là ruộng phước, là bạn lành cho tất cả chúng sanh.

Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào muốn lễ bái Tăng thì nên tư duy về mười một pháp này, sẽ được phước lâu dài không thể tính kể.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các hàng Tỳ-kheo, trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lưu-la, chân-đà-la, ma-hưu-lặc, trời và loài người nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

[6] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.3. 0806c08).

4. VUA ĐẠI THIÊN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Thế Tôn[8] cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ngụ ở vườn Đại Thiên,[9] phía Đông thành Mật-để-la,[10] thuộc nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, sau khi thọ thực xong, Thế Tôn cùng với A-nan đi kinh hành trong khu vườn. Đức Phật chợt mỉm cười.

A-nan thầm nghĩ: "Đấng Như Lai là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không mỉm cười vô cớ. Hôm nay, sao Ngài lại mỉm cười? Chắc có ý gì đây, ta sẽ thưa hỏi về điều này."

A-nan liền sửa lại y phục, quỳ gối phải sát đất rồi chắp tay bạch Phật:

– Đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không mỉm cười vô cớ. Hôm nay, sao Ngài lại mỉm cười? Chắc phải có ý gì đây, con mong muốn được nghe việc đó.

Phật bảo A-nan:

– Ta sẽ giảng nói cho thầy. Vào thuở ban sơ của Hiền kiếp ở thời quá khứ, trong khoảng thời gian này có một vị Chuyển Luân Thánh vương làm chủ bốn châu thiên hạ tên là Đại Thiên, sống lâu không bệnh, đoan chánh dũng mãnh, dùng Chánh pháp cai trị, không áp bức dân chúng, có bảy báu tự nhiên xuất hiện. Đó là những báu nào? Một là, bánh xe báu. Hai là, voi báu. Ba là, ngựa báu. Bốn là, châu báu. Năm là, ngọc nữ báu. Sáu là, chủ kho tàng báu. Bảy là, điển binh báu.

[0807a04] Phật bảo A-nan:

– Thời thơ ấu của Vua Đại Thiên trải qua tám vạn bốn ngàn năm, làm Thái tử tám vạn bốn ngàn năm, lên ngôi Thánh vương tám vạn bốn ngàn năm.

A-nan bạch Phật:

– Thế nào gọi là bánh xe báu?

Phật bảo A-nan:

– Vào ngày rằm của tháng, khi trăng vừa tròn, nhà vua tắm gội sạch sẽ rồi cùng thể nữ lên trên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông thấy có bánh xe bằng vàng ngàn căm, cao bằng bảy cây đa-la. Đa-la là loài cây có một thân ngay thẳng, cao khoảng bảy nhận, dùng cây này để đo đạc. Bánh xe được làm thuần

---

[7] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.4. 0806c21). Tham chiếu: *Đại Thiên nại lâm kinh* 大天榱林經 (*T*.01. 0026.67. 0511c21); *Pháp cú thí dụ kinh* 法句譬喻經 (*T*.04. 0211.38. 0606b16); *M*. 83, *Makhādeva Sutta* (*Kinh Makhādeva*); *J*. I. 9; *J*. V. 541.

[8] Nguyên tác: Bà-già-bà (婆伽婆, Bhagavā).

[9] Đại Thiên (大天, Makhādeva).

[10] Mật-để-la (蜜啼羅, 蜜提羅, Mithilā).

chất bằng vàng tử-ma.[11] Thấy bánh xe rồi, nhà vua nghĩ: "Bánh xe này tuyệt đẹp, ta muốn giữ nó có được chăng?"

Vừa nghĩ xong, bánh xe liền đến bên tay trái của vua, rồi chuyển sang tay phải. Nhà vua nói với bánh xe:

"Những nước chưa được hàng phục, hãy vì ta mà hàng phục, đất nào chẳng phải của ta, hãy lấy cho ta, nên đúng pháp, không nên phi pháp."

Nói xong, bánh xe trở lại trụ giữa hư không, vành bánh xe xoay về phương Đông, trục xoay về phương Bắc.

Nhà vua ra lệnh cho hầu cận chuẩn bị đầy đủ bốn bộ binh chủng. Khi quan quân đầy đủ rồi, vua liền dẫn binh lính theo bánh xe ở giữa hư không, bánh xe chạy sang phương Đông, đi qua khắp các cõi nước ở phương Đông. Ban đêm, vua và binh lính ngủ dưới bánh xe báu. Vua các nước nhỏ ở phương Đông đều đến triều kiến với những cống phẩm như bát bằng vàng thì đựng thóc bạc, bát bằng bạc thì đựng thóc vàng, rồi tâu:

"Lành thay! Thưa Đại vương! Bờ cõi phía Đông này, gồm tất cả đất đai châu báu và dân chúng đều là của Đại vương. Xin hãy dừng xa giá ở nơi đây, chúng thần sẽ vâng lệnh Đại vương dạy bảo."

Vua Đại Thiên bảo những vị vua các nước nhỏ:

"Nếu muốn vâng lệnh của ta thì các khanh hãy trở về cõi nước của mình, dạy cho dân mười điều lành, chớ làm điều ép uổng, ngang ngược."[12]

Vua khuyên bảo xong, bánh xe báu liền xoay vần trên biển, nương vào mây mà đi. Giữa biển tự nhiên mở ra con đường rộng một do-tuần. Nhà vua và bốn bộ binh chủng theo sau bánh xe báu, tuần tự đi qua các cõi nước ở phương Nam. Vua các nước nhỏ ở phương Nam cũng đến triều kiến, đều dùng bát bằng vàng đựng thóc bạc, bát bằng bạc đựng thóc vàng dâng lên nhà vua rồi tâu:

"Lành thay! Đại vương! Bờ cõi phía Nam này gồm tất cả đất đai châu báu và dân chúng đều là của Đại vương. Xin hãy dừng xa giá ở nơi đây, chúng thần sẽ vâng lệnh Đại vương dạy bảo."

Vua Đại Thiên bảo những vị vua các nước nhỏ:

"Nếu muốn vâng lệnh của ta thì các khanh hãy trở về cõi nước của mình, dạy cho dân mười điều lành, chớ làm điều ép uổng, ngang ngược."

Vua khuyên bảo xong, bánh xe báu quay sang phương Tây, đi về các cõi nước ở phương Tây. Vua các cõi nước phương Tây cống nạp, thỉnh mời như ở phương Nam. Hoàn tất, bánh xe báu quay sang phương Bắc, tuần tự đi qua các

---

[11] Tử-ma (紫磨), tối thượng trong các loại vàng.

[12] Vật hành uổng hoành (勿行枉橫). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0022a05) ghi: Vật sử thiện uổng (勿使偏枉); *Đại Thiên nại lâm kinh* 大天榱林經 (*T*.01. 0026.67. 0512a27) ghi: Vô linh quốc trung hữu chư ác nghiệp, phi Phạm hạnh nhơn (無令國中有諸惡業, 非梵行人).

cõi nước phương Bắc. Các vua ở phương Bắc cũng đến triều kiến, cống nạp và cầu thỉnh đầy đủ như các phương trước.

Trải qua bốn ngày, chu du khắp bốn biển trong cõi Diêm-phù-đề rồi trở về thành Mật-đề-la, bánh xe trụ giữa hư không trước cửa cung, cao bằng bảy cây đa-la, vành xe hướng về phương Đông, nhà vua liền hồi cung.

[0807b07] Phật bảo A-nan:

– Vua Đại Thiên có được bánh xe báu như thế.

A-nan lại hỏi Phật:

– Vua Đại Thiên có được voi báu như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Sau đó lại đến ngày rằm, vào lúc trăng tròn, Vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ rồi cùng các thể nữ lên trên lầu ở phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy giữa hư không có voi chúa màu trắng tên Mãn-hô,[13] nương hư không mà đến, thân hình có bảy chỗ đầy đặn,[14] miệng có sáu ngà, đầu phủ khăn vàng, chuỗi anh lạc bằng vàng, dùng trân châu kết vòng quanh thân, hai bên hông đeo chuông bằng vàng. Voi có sức thần, biến hình tự tại. Thấy như thế rồi, Vua Đại Thiên nghĩ: "Ta có thể được voi này chăng? Ta sẽ sai voi làm việc."

Vừa nghĩ xong, voi liền đứng giữa hư không trước mặt vua. Nhà vua liền sai làm năm việc. Vua lại nghĩ: "Hãy thử xem con voi này có thể làm được việc gì không?"

Đến sáng hôm sau, vào lúc mặt trời mọc, vua cỡi voi ấy dạo khắp bốn biển, chỉ trong khoảnh khắc trở về chỗ cũ, dừng ở cửa Đông cung điện rồi đứng nhìn về phương Đông.

Này A-nan! Vua Đại Thiên có được voi báu như thế.

A-nan lại hỏi Phật:

– Vua Đại Thiên có được ngựa báu như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Sau đó đến ngày rằm, vào lúc trăng tròn, Vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ rồi cùng các thể nữ lên trên lầu phía Tây, nhìn về hướng Tây, thấy có ngựa chúa màu đỏ tía tên là Bà-la-hàm,[15] nương hư không mà đến, khi đi thân không lay động, đầu phủ khăn vàng, chuỗi anh lạc báu, châu báu kết quanh thân, hai bên hông đeo chuông vàng. Ngựa chúa có sức thần, biến hình tự tại. Thấy như vậy rồi, Vua Đại Thiên nghĩ: "Ta có thể cỡi ngựa báu này chăng?"

---

[13] Mãn-hô (滿呼, Uposatha) còn được phiên âm là Vu-sa-hạ (于娑賀) hoặc Vũ-hô (于呼).

[14] Nguyên tác: Thất chi bình trĩ (七肢平跱): Bảy chỗ đầy đặn, gồm 4 chân, cổ và 2 vai. *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0022a16) ghi: Thất xứ bình trụ (七處平住); *Chúng hứa Ma-ha đế kinh* 眾許摩訶帝經 (*T*.03. 0191.3. 0940b15) ghi: Thất xứ sung mãn (七處充滿). Với đức Phật, là tướng thứ 14 trong 32 tướng tốt, gồm có: Tay, chân, lòng bàn tay, yết hầu và 2 vai (手, 足, 掌中, 頸及兩肩).

[15] Bà-la-hàm (婆羅含, Valāhaka): Ngựa màu đỏ tía.

Vừa nghĩ xong, ngựa liền đến trước vua. Nhà vua liền muốn cỡi thử nên đến sáng hôm sau vào lúc mặt trời mọc, vua cỡi ngựa đi về phía Đông, chỉ trong khoảnh khắc dạo khắp bốn biển rồi trở về nước, dừng ở cửa Tây cung điện, đứng nhìn về phía Tây.

Này A-nan! Vua Đại Thiên có được ngựa báu như thế.

A-nan hỏi Phật:

– Vua Đại Thiên có được châu báu như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Sau đó đến ngày rằm, vào lúc trăng tròn, Vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên trên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy có thần châu. Thần châu dài một thước sáu tấc, có tám cạnh, màu lưu ly xanh biếc, nương hư không mà đến, cao bằng bảy cây đa-la. Thấy như thế rồi, Vua Đại Thiên suy nghĩ: "Ta có thể lấy được thần châu này để ngắm chăng?"

Vừa nghĩ xong, vua liền có được thần châu. Vua muốn thử thần châu nên vào nửa đêm, tập hợp bốn bộ binh chủng, đem thần châu treo lên đầu ngọn phướn rồi dạo ra khỏi thành. Thần châu chiếu sáng trong khắp phạm vi mười hai do-diên, quân lính nhìn thấy nhau rõ như ban ngày. Ánh sáng của thần châu chiếu đến đâu, dân chúng đều giật mình tỉnh giấc và bảo: "Trời sáng rồi!" Nhà vua trở về cung, dựng cây phướn trong cung nên trong ngoài đều sáng tỏ như ban ngày.

Này A-nan! Vua Đại Thiên có được bảo châu như thế.

[0807c10] A-nan bạch Phật:

– Vua Đại Thiên có được ngọc nữ báu như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Đến ngày rằm, vào lúc trăng tròn, nhà vua tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên trên lầu phía Đông rồi nhìn về hướng Đông, trông thấy thiếu nữ quý báu thuộc dòng Sát-lợi, tên là Mạn-na-kha-lợi,[16] đoan chánh không ai sánh bằng, trinh khiết trang nghiêm, tươi đẹp diệu kỳ, không cao không thấp, không mập không gầy, không trắng không đen, ấm áp trong mùa đông, mát mẻ vào mùa hạ, từ lỗ chân lông tỏa ra hương thơm chiên-đàn, miệng tỏa hương hoa sen xanh, cũng không có các trạng thái xấu ác của người nữ, tánh tình ôn hòa, biết trước ý vua, nương hư không mà đến rồi tuần tự đi đến chỗ vua.

Này A-nan! Vua Đại Thiên có được ngọc nữ báu như thế.

A-nan bạch Phật:

– Vua Đại Thiên có được chủ kho tàng báu như thế nào?

[16] Mạn-na-kha-lợi (曼那呵利). Hán dịch: Đoạt Tình (奪情).

Phật bảo A-nan:

– Đến ngày rằm, vào lúc trăng tròn, Vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên trên lầu phía Bắc, nhìn về hướng Bắc, thấy thần chủ kho tàng tên A-la-tha-chi,[17] đoan chánh đẹp đẽ, không cao không thấp, không mập không gầy, thân màu huỳnh kim, tóc màu xanh biếc, màu mắt đen trắng rõ ràng, lại có thể thấy được các kho tàng bảy báu ẩn trong lòng đất. Kho có chủ thì giữ gìn, kho vô chủ thì lấy dâng vua sử dụng, thông minh trí tuệ, mưu chước khéo léo, nương hư không mà đến rồi tuần tự đến trước vua, vì nhà vua mà tâu rằng:

"Từ nay về sau, Đại vương cứ hưởng lạc tùy thích, chớ có buồn lo. Thần sẽ cung cấp châu báu cho Đại vương, không để thiếu thốn."

Vua muốn thử thần chủ kho tàng, liền cùng thần chủ kho tàng giong thuyền ra khơi.

Vua bảo thần chủ kho tàng:

"Trẫm muốn có vàng bạc châu báu."

Thần chủ kho tàng tâu:

"Xin hãy vào bờ, thần sẽ dâng châu báu!"

Nhà vua bảo:

"Trẫm muốn được châu báu dưới nước, không phải trên bờ."

Thần chủ kho tàng liền đứng dậy, sửa sang y phục, quỳ gối bên phải, chắp tay lạy mặt nước. Lập tức, từ dưới nước tự nhiên xuất hiện từng khối vàng lớn như trục xe, chốc lát đã đầy thuyền.

Vua bảo:

"Hãy dừng lại! Đừng lấy vàng nữa, thuyền sẽ chìm mất."

Này A-nan! Vua Đại Thiên có được thần chủ kho tàng như thế.

[0808a11] A-nan bạch Phật:

– Vua Đại Thiên có được tướng quân điển binh như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Đến ngày rằm, vào lúc trăng tròn, nhà vua tắm gội sạch sẽ rồi cùng các thể nữ lên trên lầu phía Nam, nhìn về hướng Nam, thấy có đại tướng quân tên Tỷ-tỳ-na,[18] đoan chánh đẹp đẽ, tóc như màu trân châu, thân như màu lục, không cao không thấp, không mập không gầy, mắt nhìn xuyên suốt, biết được tâm niệm người, quân sách mưu lược, tiến thoái hợp thời, nương hư không mà đến, tuần tự đến trước vua, rồi vì nhà vua mà tâu rằng:

"Cúi xin Đại vương hưởng lạc tùy thích, chớ lo lắng đến thiên hạ, việc chinh phạt bốn phương đã có thần đích thân đảm trách!"

---

[17] A-la-tha-chi (阿羅呧伎). Hán dịch: Tài Tràng (財幢).

[18] Tỷ-tỳ-na (比毘那). Hán dịch: Vô Úy (無畏).

Nhà vua muốn thử đại tướng nên lúc nửa đêm, liền suy nghĩ: "Ta muốn tập hợp bốn bộ binh chủng."

Vừa nghĩ xong, bốn bộ binh chủng đã tập hợp đầy đủ.

Nhà vua lại nghĩ: "Muốn tiến binh về phía Đông." Quân lính liền tiến về phía Đông. Vua ở chính giữa, tướng quân dẫn đầu, bốn bộ binh chủng vây quanh. Vua muốn tiến thì quân tiến, vua muốn lùi thì quân lùi.

Này A-nan! Vua Đại Thiên có được tướng quân điển binh báu như thế.

Phật bảo A-nan:

– Vua Đại Thiên có được bảy báu như thế!

Phật lại bảo A-nan:

– Trải qua thời gian lâu dài cai trị thiên hạ, Vua Đại Thiên liền bảo người thợ hớt tóc tên là Kiếp-bắc:[19] "Nếu có tóc bạc thì hãy nhổ đi và báo cho trẫm biết!" Kiếp-bắc chăm sóc tóc cho vua một thời gian dài, thấy có một sợi tóc bạc, bèn tâu:

"Lúc trước Đại vương có lệnh, nay thần thấy tóc đã điểm bạc."

Vua bảo:

"Nhổ đưa ta xem!"

Kiếp-bắc dùng nhíp vàng nhổ sợi tóc bạc rồi để vào tay vua.

Nhà vua cầm sợi tóc bạc, liền nói kệ này:

Trên đầu của ta, Tóc đã bạc rồi,[20]
Thân sứ[21] đến mời, Đúng thời vào đạo.

[0808b03] Nhà vua suy nghĩ: "Ta đã thọ hưởng tận cùng năm dục của loài người, nay ta nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục." Vua liền cho mời Thái tử Trường Sanh đến và bảo:

"Này con! Trên đầu ta tóc đã điểm bạc. Ta đã nhàm chán với năm dục của thế gian, nay muốn tìm niềm vui nơi cõi trời. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, xuất gia học đạo. Con hãy trông coi việc nước, lập trưởng tử làm thái tử, cấp dưỡng cho Kiếp-bắc để trông coi việc tóc bạc. Khi tóc đã điểm bạc, hãy giao phó quốc gia cho thái tử rồi cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục và xuất gia như ta!"

---

[19] Kiếp-bắc (劫北, *kappaka*) nghĩa là thợ hớt tóc. Ở đây, phiên âm *kappaka* trở thành tên riêng của một người. Cũng tên người này nhưng ở phẩm Tựa, tr. 11 trong tập này; *Tự phẩm* 序品 (*T*.02. 0125.1. 0551c22) gọi là Kiếp-tỳ (劫比).

[20] Sanh thử hủy trang (生此毀莊).

[21] Thân sứ (身使). Thân (身) ở đây có nghĩa là sanh mạng (生命). Sứ thần của sanh mạng được hiểu như thần chết. *Đại Thiên nại lâm kinh* 大天榇林經 (*T*.01. 0026.67. 0513c02) gọi là Thiên sứ (天使, *Devadūtaṃ*).

Nhà vua lại bảo thái tử:

"Nay trẫm đem ngôi vị Thánh vương này ân cần trao lại cho con, hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối, chớ để gián đoạn giống nòi! Nếu gián đoạn giống nòi thì sẽ bị làm người nơi biên địa, nếu đoạn mất hạnh lành thì sẽ bị sanh vào nơi không có pháp."

Dạy bảo xong, Vua Đại Thiên liền trao lại giang sơn cho Thái tử Trường Sanh, ban ruộng đất cho Kiếp-bắc.

Phật bảo A-nan:

– Vua Đại Thiên ở tại mảnh đất này, trong khu vườn này, thuộc thành này rồi cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà vào đạo. Tại đây, vua thực hành bốn Phạm hạnh là từ, bi, hỷ, xả,[22] trải qua tám vạn bốn ngàn năm rồi qua đời ở đây, sanh lên cõi Phạm thiên. Sau khi Vua Đại Thiên xuất gia được bảy ngày thì ngọc nữ báu cũng qua đời.

Sau khi Trường Sanh lên ngôi, đến ngày rằm, vào lúc trăng tròn, vua cùng các thể nữ lên trên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy có ngọc nữ đoan chánh như trước kia, nương hư không mà đến. Vua Trường Sanh lại có được bảy báu. Vua Trường Sanh đảm nhiệm việc triều chính, cai quản bốn châu thiên hạ. Sau đó, Vua Trường Sanh lại bảo Kiếp-bắc:

"Từ nay về sau, lúc chải đầu cho trẫm mà thấy tóc bạc thì khanh hãy báo cho trẫm biết ngay!"

Nhà vua lên ngôi, trải qua tám vạn bốn ngàn năm thì tóc điểm bạc. Kiếp-bắc tâu vua:

"Đã có tóc bạc!"

Vua bảo:

"Hãy nhổ rồi để lên tay trẫm!"

Kiếp-bắc dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc để lên tay vua. Vua cầm tóc bạc rồi liền nói kệ rằng:

Trên đầu của ta, Tóc đã bạc rồi,
Thân sứ đến mời, Đúng thời vào đạo.

Nhà vua suy nghĩ: "Ta đã thọ hưởng tận cùng năm dục của cõi người. Nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục." Vua cho mời Thái tử Quan Kế đến và bảo:

"Này con! Trên đầu ta tóc đã điểm bạc. Ta đã nhàm chán với năm dục của thế gian, nay muốn tìm niềm vui nơi cõi trời. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, xuất gia học đạo. Con hãy trông coi việc nước, lập trưởng tử làm thái tử, cấp dưỡng cho Kiếp-bắc để trông coi việc tóc bạc. Khi tóc đã điểm bạc, hãy giao phó quốc gia cho thái tử rồi cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục và xuất gia như ta!"

[22] Nguyên tác: Hộ (護).

Nhà vua lại bảo thái tử:

"Nay trẫm đem ngôi vị Thánh vương này ân cần trao lại cho con, hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối, chớ để gián đoạn giống nòi! Nếu gián đoạn giống nòi thì sẽ bị làm người nơi biên địa, nếu đoạn mất hạnh lành thì sẽ bị sanh vào nơi không có pháp."

Dạy bảo xong, Vua Trường Sanh trao lại giang sơn cho Thái tử Quan Kế, ban ruộng đất cho Kiếp-bắc.

Vua Trường Sanh cũng ở tại mảnh đất này, trong khu vườn này, thuộc thành này rồi cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y mà vào đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vua thực hành bốn Phạm hạnh là từ, bi, hỷ, xả, rồi qua đời ở đây, được sanh lên cõi Phạm thiên.

[0808c09] Phật bảo A-nan:

– Sau khi Vua Trường Sanh xuất gia được bảy ngày thì bảy báu tự nhiên biến mất. Vua Quan Kế lo buồn, không vui. Các đại thần thấy nhà vua không vui, liền thăm hỏi:

"Vì sao Thiên vương không vui?"

Vua trả lời các đại thần:

"Vì bảy báu đã biến mất."

Các đại thần tâu vua:

"Xin Đại vương chớ lo buồn!"

Vua hỏi:

"Vì sao không lo buồn?"

Các đại thần tâu:

"Tiên vương[23] đang tu Phạm hạnh trong khu vườn gần đây, hãy đến đó thưa hỏi, chắc chắn ngài sẽ dạy cho Đại vương phương cách có được bảy báu!"

Vua liền ra lệnh:

"Chuẩn bị xa giá!"

Chuẩn bị xa giá xong, các đại thần liền tâu vua. Vua cỡi xe bảy báu, trang nghiêm bằng năm nghi trượng: Mũ báu, lọng bằng lông chim, kiếm, quạt và giày báu rồi cùng các đại thần theo hầu hai bên, cùng đến khu vườn. Đến nơi, vua xuống xe, cởi bỏ năm nghi trượng, đi bộ vào cửa khu vườn, đến trước phụ vương, cúi lạy sát chân, đứng sang một bên rồi chắp tay thưa:

"Thưa Phụ vương! Bảy báu của Phụ vương nay đã biến mất hết rồi."

Nghe thưa như thế, vua cha đang ngồi yên tĩnh liền ngẩng đầu đáp:

"Này con! Pháp của bậc Thánh vương là không nương cậy vào những gì mà Phụ vương sở hữu. Con hãy tự mình thực hành pháp để sở hữu nó!"

---

[23] Nguyên tác: Phụ vương (父王).

Vua lại hỏi:

"Thưa Phụ vương! Chuyển Luân Thánh vương dùng pháp gì để trị dân?"

Phụ vương đáp:

"Pháp cung kính, pháp tôn trọng, pháp ghi nhớ, pháp nuôi dưỡng, pháp tăng thượng, pháp soi sáng, pháp làm lớn mạnh. Thực hành theo bảy pháp này chính là cách trị dân của Thánh vương, sẽ có được các báu."

Vua lại hỏi:

"Thưa Phụ vương! Thế nào là pháp cung kính,... cho đến pháp làm lớn mạnh?"

Phụ vương đáp:

"Hãy học tập cách ban phát cho người bần cùng, dạy dân chúng hiếu dưỡng song thân, bốn mùa tám tiết tùy thời tế lễ, dạy dân nhẫn nhục, trừ bỏ nghiệp dâm dục, giận ghét và ngu si. Bảy pháp này chính là pháp của bậc Thánh vương."

Nghe lời dạy xong, vua liền lễ bái từ giã, nhiễu quanh bảy vòng rồi dẫn quần thần trở về.

Bấy giờ, tuân lệnh phụ vương, nhà vua phụng hành theo bảy pháp, truyền lệnh cho xa gần đều phải tuân thủ lệnh vua ban. Vua liền mở kho để ban phát cho người nghèo, nuôi dưỡng những kẻ cô độc, già nua. Dân chúng khắp bốn phương đều vâng làm theo.

Lúc ấy, đến ngày rằm vào lúc trăng tròn, nhà vua tắm gội sạch sẽ rồi cùng các thể nữ lên trên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy có bánh xe báu ngàn căm bằng vàng, bánh xe cao bằng bảy cây đa-la, cách đất cũng bảy cây đa-la từ hư không bay đến rồi dừng ở giữa hư không.

[0809a10] Nhà vua nghĩ: "Ước gì ta có được bánh xe báu này?"

Xe báu liền hạ xuống bên tay trái nhà vua, rồi chuyển sang tay phải. Vua bảo bánh xe báu ấy:

"Các nơi chưa hàng phục thì hãy vì ta mà hàng phục, những nơi chẳng phải lãnh thổ của ta, hãy lấy cho ta, phải nên đúng pháp, không được phi pháp."

Vua liền dùng tay đẩy bánh xe trở lại hư không. Vành bánh xe hướng về phía Đông, trục hướng về phía Bắc rồi dừng trụ giữa hư không, trước cửa cung phía Đông. Sau bánh xe báu thì có voi trắng, tiếp theo thì có ngựa tía, kế nữa là thần châu, tiếp đến có ngọc nữ, kế tiếp có chủ kho tàng, kế nữa là tướng quân, bảy vật báu xuất hiện như thời Vua Đại Thiên, các sự trải nghiệm cũng giống như thế. Trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vua ban thưởng cho Kiếp-bắc, sắc phong thái tử rồi trao giang sơn cho thái tử mà xuất gia học đạo, đều giống như cách thức của vua trước.

Phật bảo A-nan:

– Vua Quan Kế ấy ở trong khu vườn này, ngay tại thành này rồi cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, tu tập bốn Phạm hạnh là từ, bi, hỷ, xả. Khi lâm chung ở đây, nhà vua cũng sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Phật bảo A-nan:

– Con cháu của Vua Đại Thiên nối tiếp nhau làm Chuyển Luân Thánh vương trải qua tám vạn bốn ngàn năm, dòng dõi thiện lành không hề gián đoạn. Vị Thánh vương sau cùng tên là Nhẫm, dùng Chánh pháp cai trị, là người thông minh, nghĩ suy thấu đáo, không hề quên sót, có ba mươi hai tướng tốt, dung sắc như hoa sen hồng, ưa thích bố thí, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, săn sóc nuôi dưỡng người già đơn độc, chu cấp cho kẻ bần cùng. Ở bốn cửa thành và ngay ở giữa thành, vua đều dựng kho vựa chứa vàng bạc, châu báu, voi, ngựa, xe cộ, y phục, giường chiếu, thuốc thang trị bệnh, hương hoa, đồ ăn thức uống...; với người cô độc thì ban cho thê thiếp, bố thí đủ loại, tùy theo mong muốn của người.

Trong sáu ngày trai, vua ra lệnh cho nội cung và ngoại cung đều phải giữ gìn tám pháp trai giới. Vào những ngày ấy, chư thiên cõi trời Tịnh Cư[24] đều xuống cùng thọ trì tám giới. Cõi trời Đế-thích, cõi trời Ba Mươi Ba cũng khen ngợi dân chúng cõi nước ấy:

"Thật sự vui thay! Thật sự thiện lành mới gặp được bậc Pháp vương như thế! Bố thí đủ loại, tùy theo nhu cầu của dân chúng, lại còn có thể trai giới thanh tịnh không có thiếu sót."

Thiên Đế-thích hỏi các thiên tử:

"Muốn được diện kiến Vua Nhẫm không?"

Chư thiên đều đáp:

"Chúng thần muốn gặp, xin hãy mời vua ấy đến đây!"

Thích-đề-hoàn-nhân liền sai thiên nữ Cùng-tỷ-ni:[25]

"Ngươi hãy đến thành Mật-để-la báo với Vua Nhẫm như vầy: 'Khanh được lợi ích lớn! Chư thiên cõi này đều khen ngợi công đức cao tột của khanh nên sai tôi đến để ân cần thăm hỏi. Chư thiên ở cõi này đều rất muốn được gặp, xin Đại vương hãy vui lòng đến đó!'"

[0809b10] Vâng lời dạy bảo, chỉ trong khoảng thời gian như co duỗi cánh tay, thiên nữ Cùng-tỷ-ni bỗng nhiên đứng giữa hư không, phía trước cung vua. Nhà vua đang ngồi trên điện với một thể nữ hầu, tư duy về thế gian, mong muốn tất cả đều được an ổn, không còn chúng sanh nào đau khổ. Cùng-tỷ-ni ở giữa hư không ra hiệu cho vua biết. Vua ngẩng đầu lên thấy trên cung điện có ánh sáng rồi nghe tiếng bảo rằng:

"Ta là hầu cận của Thích-đề-hoàn-nhân, được sai đến chỗ Đại vương."

Vua đáp:

"Chẳng hay Thiên đế có điều gì dạy bảo?"

---

[24] Nguyên tác: Thủ-đà-hội thiên (首陀會天, Suddhāvāsā devā).

[25] Cùng-tỷ-ni (窮鼻尼). Hán dịch: Cực Đoan Chánh (極端正).

Thiên nữ đáp:

"Thiên đế ân cần gửi lời thăm hỏi, chư thiên cõi này đều khen ngợi công đức, muốn được gặp nhà vua. Đại vương có tạm chấp thuận chăng?"

Vua im lặng nhận lời. Thiên nữ liền trở về thưa với Thiên đế:

"Thần đã truyền lệnh rồi, nhà vua hứa sẽ đến!"

Thiên đế liền ra lệnh cho thần đánh xe mau chóng cỡi xe ngựa bảy báu, bay xuống thành Mật-đề-la cung đón Vua Nhẫm. Tuân lệnh, thần đánh xe liền cỡi xe ngựa, trong chốc lát đã xuống đến nơi.

Vua đang hội họp cùng với quần thần, xe dừng trước điện của vua rồi dừng trụ giữa hư không. Thần đánh xe thưa:

"Thiên đế có lệnh đưa xe xuống cung đón, các thiên tử cũng tỏ lòng mong gặp, mời Đại vương lên xe, chớ nên lưu luyến!"

Nghe vua sắp đi, tất cả các quan đại thần tỏ vẻ không vui, thảy đều đứng dậy rồi chắp tay thưa:

"Sau khi Đại vương đi, chúng thần tuân theo mệnh lệnh của ai?"

Vua đáp:

"Các khanh chớ lo, sau khi trẫm đi, mọi việc như bố thí, trai giới, cấp dưỡng cho dân chúng, trị nước cũng như lúc trẫm đang ở đây! Chẳng bao lâu nữa, trẫm sẽ trở về."

Vua dặn dò xong, xe liền hạ xuống đất, nhà vua liền lên xe.

Thần đánh xe hỏi vua:

"Vua sẽ đi theo con đường nào?"

Vua hỏi:

"Nói vậy nghĩa là thế nào?"

Thần đánh xe đáp:

"Có hai con đường để đi. Một là đường ác, hai là đường lành. Người làm ác thì theo đường ác đến chốn khổ, người tu tập thiện lành thì đi theo đường lành đến chỗ an vui."

Vua đáp:

"Hôm nay, tôi muốn đi trên đường ác lẫn đường lành."

Thần đánh xe nghe xong, một lúc sau mới hiểu và nói:

"Lành thay, Đại vương!"

Thần đánh xe liền đưa vua đi giữa hai con đường, thấy đủ cả thiện lẫn ác rồi lên đến cõi trời Ba Mươi Ba.

Từ xa, Thiên đế và chư thiên thấy vua đến, Thích-đề-hoàn-nhân nói:

"Lành thay, Đại vương! Xin mời cùng ngồi."

[0809c07] Phật bảo A-nan:

– Vua liền ngồi trên tòa của Thiên đế. Vua và Thiên đế dung mạo tương tự, y phục và tiếng nói cũng giống nhau. Các thiên tử hỏi thầm: "Vị nào là Thiên đế? Vị nào là vua?" Rồi lại suy nghĩ: "Pháp của loài người là nháy mắt nhưng sao cả hai đều chẳng nháy mắt?" Hết thảy chư thiên đều quá đỗi ngạc nhiên vì không thể nào phân biệt được.

Thấy chư thiên có tâm hoài nghi, Thiên đế liền nghĩ: "Ta sẽ mời nhà vua ở lại, về sau sẽ phân biệt được."

Thiên đế bảo chư thiên:

"Các khanh muốn ta mời nhà vua ở lại đây không?"

Chư thiên thưa:

"Thật rất muốn mời vua ở lại!"

Thiên đế hỏi Vua Nhẫm:

"Đại vương! Có thể ở lại đây chăng? Tôi sẽ cung cấp năm dục."

Nhờ đó chư thiên mới phân biệt được. Vua thưa Thiên đế:

"Như thế là đã cung cấp rồi. Nguyện cầu thọ mạng chư thiên không cùng tận!"

Chủ thỉnh mời, khách khước từ ba lần như thế. Thiên đế hỏi vua:

"Vì sao nhà vua không ở lại?"

Vua đáp:

"Tôi phải xuất gia tu đạo, nếu ở cõi trời thì không có duyên để học đạo."

Thiên đế hỏi:

"Vì cớ gì mà phải học đạo?"

Vua đáp:

"Phụ vương tôi dặn dò, nếu tóc điểm bạc thì phải xuất gia."

Đế-thích nghe sự dặn dò tu tập thì im lặng không đáp.

Vua ở cõi trời, tự do hưởng thú vui năm dục chỉ trong khoảnh khắc mà ở thế gian đã trải qua mười hai năm. Lúc sắp từ biệt, vua cùng các thiên tử bàn luận về pháp. Thiên đế sai thần đánh xe:

"Khanh hãy tiễn Vua Nhẫm trở về nước!"

Vâng lời, thần đánh xe liền trang hoàng xe. Chuẩn bị xong, thưa nhà vua:

"Mời Đại vương lên xe!"

Thế rồi, nhà vua liền từ biệt Thiên đế và chư thiên rồi lên xe, theo đường cũ mà trở về. Đến cung Mật-để-la, thần đánh xe liền trở về cõi trời.

Trở về được vài ngày, nhà vua bảo Kiếp-bắc: "Nếu thấy có tóc bạc, hãy báo cho trẫm!"

Vài ngày sau, trên đầu vua có tóc bạc, Kiếp-bắc dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc rồi để trên tay vua. Thấy như thế rồi, vua liền nói kệ rằng:

Trên đầu của ta, Tóc đã bạc rồi,
Thân sứ đến mời, Đúng thời vào đạo.

[0810a03] Vua suy nghĩ: "Ta đã hưởng thụ tận cùng năm dục của loài người, nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục."

Vua liền cho mời Thái tử Thiện Tận đến rồi bảo:

"Tóc ta đã điểm bạc, năm dục thế gian ta cũng đã nhàm chán, muốn tìm cầu niềm vui ở cõi trời nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, xuất gia học đạo. Này con! Nay ta đem việc nước giao lại cho con, hãy cấp dưỡng cho Kiếp-bắc, khi nào tóc điểm bạc thì nên đem việc nước giao cho thái tử rồi xuất gia học đạo. Này con! Nay ta đem ngôi vị Thánh vương trao cho con, chớ để gián đoạn giống nòi. Nếu làm gián đoạn giống nòi thì sẽ bị làm người nơi biên địa."

Phật bảo A-nan:

– Vua Nhẫm liền đem việc nước giao cho thái tử, chu cấp ruộng đất cho Kiếp-bắc, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, xuất gia tu đạo ngay trong khu vườn này, thuộc thành này. Bảy ngày sau khi nhà vua tu đạo, bánh xe báu và châu báu biến mất. Voi, ngựa, ngọc nữ, chủ tạng và tướng quân thảy đều không còn nữa. Nhà vua ở trong khu vườn này tám vạn bốn ngàn năm, thực hành bốn Phạm hạnh là từ, bi, hỷ và xả, khi lâm chung, được sanh lên cõi Phạm thiên.

Sau đó, Vua Thiện Tận không kế thừa sự nghiệp của vua cha, bỏ bê Chánh pháp. Do đó, bảy báu không ứng hiện trở lại, các nghiệp lành không được tiếp nối nên năm sự suy giảm xuất hiện: Tuổi thọ dân chúng ngắn lại, kém sắc, sức khỏe yếu ớt, nhiều bệnh tật, không có trí tuệ. Năm sự suy giảm này đã xuất hiện rồi chuyển sang bần cùng khốn khổ. Do bần cùng khốn khổ nên trộm cướp lẫn nhau, rồi đến trình báo với vua: "Đây là kẻ trộm cướp!"

Vua liền ra lệnh đem ra ngoài hành hình. Dân trong nước hay tin rằng ai lấy của không cho thì bị vua xử trảm, do điều ác lan truyền nên ai ai cũng có đao bén. Từ đây, bắt đầu chế tạo ra gươm đao, do đây mà sanh ra việc sát sanh, lập tức có hai điều ác xuất hiện. Kế đến, thông dâm với thê thiếp người khác, rồi tranh cãi với phu quân người ấy, bảo rằng tôi không làm, liền hình thành bốn điều ác. Nói hai chiều gây tranh cãi là năm điều ác. Do tranh cãi nên có mắng nhiếc là sáu điều ác. Lời nói không thành thật là bảy điều ác. Ganh ghét sự hòa hợp của người khác là tám điều ác. Giận dữ mặt biến sắc là chín điều ác. Tâm nghi ngờ, loạn động là mười điều ác. Có đủ mười điều ác thì năm sự suy giảm càng tăng thêm.

Phật bảo A-nan:

– Thầy có biết vào thuở ấy, Vua Đại Thiên ở Hiền kiếp đầu tiên là ai không? Đó chính là thân Ta.

Này A-nan! Thầy có biết vị vua sau cùng của tám vạn bốn ngàn triều vua tên là Nhẫm thuở ấy, trị nước chân chánh, không ép uổng là ai không? Đó chính là thầy. Thầy có biết vị vua cuối cùng tên là Thiện Tận thuở ấy, bạo nghịch vô đạo, làm gián đoạn dòng dõi Thánh vương ấy là ai không? Đó chính là Điều-đạt.

Này A-nan! Vào thuở quá khứ, thầy đã kế thừa sự nghiệp thiện lành của Chuyển Luân Thánh vương Đại Thiên, khiến ngôi vị ấy lưu truyền không gián đoạn, là nhờ công đức của thầy, đúng pháp và không hề phi pháp. Này A-nan! Nay Ta là đấng Pháp Vương Vô Thượng, hôm nay Ta đem pháp lành Vô thượng ân cần giao phó cho thầy. Thầy là con dòng họ Thích, chớ làm người biên địa, chớ tạo nghiệp làm gián đoạn giống nòi.

[0810b05] A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tạo hạnh nghiệp gì thì sẽ làm gián đoạn giống nòi?

Phật bảo A-nan:

– Vua Đại Thiên tuy đã thực hành pháp lành nhưng chưa trừ sạch lậu hoặc, chưa ra khỏi thế gian, chưa được Diệt độ, chưa đoạn trừ dục, chưa phá được hai mươi mốt kiết sử, chưa trừ diệt sáu mươi hai tà kiến, chưa dứt sạch ba phiền não, chưa chứng đắc thần thông, chưa thành tựu con đường giải thoát chân chánh, chưa đạt được Niết-bàn. Pháp lành mà Vua Đại Thiên đã tạo chẳng qua chỉ được sanh lên cõi Phạm thiên.

Này A-nan! Pháp của Ta hôm nay thì được giải thoát rốt ráo. Pháp của Ta đưa đến bờ chân thật, vượt hơn cõi trời, cõi người. Pháp của Ta không còn phiền não, không còn tham dục, được Diệt độ, chứng thần thông, được giải thoát, là pháp chân chánh của Sa-môn, đưa đến Niết-bàn.

Này A-nan! Nay Ta đem đạo pháp Vô thượng này ân cần giao phó cho thầy, chớ thêm vào hoặc làm giảm bớt pháp của Ta, chớ làm người nơi biên địa.

Này A-nan! Nếu trong hiện tại có hàng đệ tử[26] nào đoạn dứt pháp này thì đó là người biên địa. Nếu người nào có khả năng làm hưng thịnh pháp này, chính là trưởng tử của Phật, tức là thành tựu quyến thuộc.

Này A-nan! Thầy nên thành tựu quyến thuộc, chớ tạo nghiệp hủy diệt giống nòi.

Này A-nan! Giáo pháp mà Ta đã giảng từ trước đến nay đều giao phó hết cho thầy. Thầy nên học tập điều này.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế liền hoan hỷ phụng hành.

***

[26] Nguyên tác: Thanh văn (聲聞, *Sāvaka*), vừa có nghĩa là Thanh văn vừa có nghĩa là đệ tử, ở đây dùng với nghĩa đệ tử.

5. TỘI BÁO ĐỊA NGỤC[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn đại tội nhân ở trong địa ngục lớn. Đó là những ai? Đó là, đại tội nhân Mạt-khư-lê,[28] đại tội nhân Tỳ-kheo Đế-xá, đại tội nhân Đề-bà-đạt-đa[29] và đại tội nhân Tỳ-kheo Cù-ba-ly.[30]

Thân thể tội nhân Mạt-khư-lê phát ra ngọn lửa cao sáu mươi khuỷu tay. Thân thể tội nhân Đế-xá phát ra ngọn lửa cao bốn mươi khuỷu tay. Thân thể tội nhân Đề-bà-đạt-đa phát ra ngọn lửa cao ba mươi khuỷu tay. Thân thể tội nhân Cù-ba-ly phát ra ngọn lửa cao hai mươi khuỷu tay.

Này Tỳ-kheo! Nên biết rằng, Mạt-khư-lê dạy cho vô số chúng sanh khiến họ thực hành theo tưởng tà kiến điên đảo, tưởng chấp có chấp không. Kẻ ngu Đế-xá phá hoại các bậc Thánh, khiến bát của họ chẳng có thức ăn.[31] Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa gây rối loạn chúng Tăng, giết hại Tỳ-kheo-ni đã chứng đắc A-la-hán, khởi tâm sát hại đối với Như Lai. Tội nhân Cù-ba-ly chê bai Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

[0810c03] Lại nữa, này Tỳ-kheo! Tội nhân Mạt-khư-lê dạy vô số chúng sanh thực hành theo tà kiến, sau khi chết rồi bị đọa vào địa ngục Diệm Quang. Tội nhân Đế-xá phá hoại các bậc Thánh, khiến bát của họ chẳng có thức ăn, sau khi chết rồi bị đọa vào địa ngục Đẳng Hại. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa khởi tâm mưu hại đối với Như Lai, sau khi chết rồi bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Tội nhân Cù-ba-ly do chê bai Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, sau khi chết rồi bị đọa vào địa ngục Hoa Sen.

Bấy giờ, tội nhân Mạt-khư-lê bị cai ngục rút lưỡi, kéo ra sau lưng. Vì sao như thế? Do vì thuở xưa dạy vô số chúng sanh thực hành theo tà kiến. Đại tội nhân Đế-xá bị cai ngục mổ thân thể ra, rót nước đồng sôi tan nát tâm can, lại đưa hòn sắt nóng bắt phải nuốt. Vì sao như thế? Do vì phá hoại các bậc Thánh, khiến bát của họ chẳng có thức ăn. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa bị bánh xe sắt nóng nghiền nát thân thể, lại có chày sắt giã nát thân, bầy voi hung bạo giày xéo thân mình, lại có núi sắt nóng lớn áp vào trên mặt, toàn thân bị lá đồng nóng quấn chặt. Vì sao như thế? Do vì thuở xưa gây rối loạn Thánh chúng, phá hòa hợp Tăng nên phải bị bánh xe sắt cán đứt đầu. Lại nữa, kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa xúi

---

[27] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.5. 0810b20).

[28] Mạt-khư-lê (末佉梨, Makkhali), một trong 6 ngoại đạo sư.

[29] Nguyên tác: Đề-bà-đạt-đâu (提婆達兜, Devadatta).

[30] Cù-ba-ly (瞿波離, Kokālika) còn gọi Cù-gia-lợi (瞿伽利). Xem kinh số 5, phẩm 21, tr. 222.

[31] Đoạn chư Thánh chúng ứng khí di dư (斷諸聖眾應器遺餘). Tham chiếu: *Tứ nê-lê kinh* 四泥犁經 (*T*.02. 0139. 0861b28) ghi: 彼提舍比丘愚人, 遮比丘僧使一日不食. *Đạo hạnh Bát-nhã kinh* 道行般若經 (*T*.08. 0224.3. 0441b08) ghi: Đoạn pháp (斷法 = 破法).

giục thái tử giết hại phụ vương, do quả báo ấy nên bị chày sắt giã nát thân thể. Lại nữa, kẻ ngu si Đề-bà-đạt-đa kia cho voi uống rượu say đến hại Như Lai, do quả báo ấy nên bị bầy voi hung bạo giày xéo thân thể. Lại nữa, kẻ hung ác Đề-bà-đạt-đa kia leo lên núi Kỳ-xà quật vác đá ném Phật, do quả báo ấy nên khiến núi sắt nóng áp vào trên mặt. Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa lại giết Tỳ-kheo-ni đắc A-la-hán, do quả báo ấy nên bị lá đồng nóng quấn chặt thân thể. Tỳ-kheo nên biết, tội nhân Cù-ba-ly ở trong địa ngục Hoa Sen, bị một ngàn trâu cày trên lưỡi. Vì sao như thế? Do vì đã chê bai Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, do quả báo này nên bị một ngàn trâu cày nát lưỡi.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Thân thể tội nhân Mạt-khư-lê phát ra ngọn lửa cao sáu mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh khởi lên ý niệm như vầy: "Nên cứu giúp, làm lợi ích cho người này", rồi lấy nước trong bốn biển cả cao bốn mươi khuỷu tay rưới trên thân thể người ấy thì nước trong các biển kia lập tức khô cạn nhưng lửa vẫn không hề tăng giảm. Giống như một tấm lá sắt bị nung đốt suốt bốn ngày, có người rảy bốn giọt nước lên thì nước lập tức tiêu mất. Điều này cũng như thế, nếu có người dùng hết nước trong bốn biển cả rưới lên thân tội nhân kia muốn cho họ được an lạc thì rốt cuộc chẳng có kết quả. Vì sao như thế? Vì tội lỗi của kẻ ấy cực kỳ sâu nặng.

[0811a08] Thân thể tội nhân Đế-xá phát ra ngọn lửa cao bốn mươi khuỷu tay. Giả sử có chúng sanh thương xót người này, dùng nước trong ba biển cả rưới trên thân ông ấy thì nước biển kia lập tức khô cạn nhưng ngọn lửa không thể tắt. Cũng như có người rảy ba giọt nước lên tấm sắt nóng, nước lập tức tiêu mất, không thể đọng lâu. Điều này cũng như vậy, nếu dùng nước của ba biển cả rưới trên thân Đế-xá thì nước lập tức tiêu mất mà lửa chẳng hề tăng giảm.

Thân thể tội nhân Đề-bà-đạt-đa phát ra ngọn lửa cao ba mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh khởi lòng thương xót, muốn khiến cho Đề-bà-đạt-đa được an ổn lâu dài, liền dùng nước của hai biển cả rưới trên thân ông ấy thì nước lập tức tiêu mất nhưng ngọn lửa vẫn không thể tắt. Cũng như rảy hai giọt nước trên tấm sắt nóng, rốt cuộc sức nóng không hề suy suyển. Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa cũng lại như thế, dùng nước của hai biển cả rưới trên thân ông ấy thì nước lập tức tiêu mất mà lửa vẫn không thể tắt. Thân thể của Đề-bà-đạt-đa khổ đau đến như thế.

Thân thể tội nhân Cù-ba-ly phát ra ngọn lửa cao hai mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh thương xót người này, đem nước trong một biển cả rưới lên thân ông ấy thì nước trong biển kia lập tức khô cạn nhưng lửa vẫn không thể tắt. Cũng như rảy một giọt nước lên tấm sắt nóng thì nước lập tức tiêu mất, không thể đọng lâu. Tỳ-kheo Cù-ba-ly cũng lại như vậy, do tội báo lôi kéo nên phải chịu tội như vậy.

Như thế, này Tỳ-kheo! Bốn hạng người này chịu tội rất nặng, các thầy nên dốc lòng tránh xa sự khổ hoạn này, nương theo các bậc Hiền thánh mà tu Phạm hạnh.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. NĂNG LỰC CỦA NHƯ LAI[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta biết rõ về địa ngục và cũng biết con đường dẫn đến cảnh giới[33] địa ngục, lại cũng biết căn nguyên của chúng sanh ở trong địa ngục ấy. Nếu chúng sanh nào tạo các điều ác và các nghiệp bất thiện thì sau khi chết rồi, sẽ bị đọa vào địa ngục, Ta cũng biết rõ điều này.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Ta cũng biết tường tận về súc sanh và cũng biết con đường dẫn đến cảnh giới súc sanh. Ta cũng biết căn nguyên của súc sanh, vốn đã tạo các điều tội lỗi nên phải sanh trong đó, Ta cũng đều tường tận.

Ta cũng biết về cảnh giới[34] ngạ quỷ. Có những chúng sanh vốn đã tạo các cội rễ xấu ác nên phải sanh trong ngạ quỷ, Ta cũng đều tường tận.

Ta cũng biết về cõi người và con đường dẫn đến cõi người. Có những chúng sanh được làm thân người, Ta cũng đều tường tận.

Ta cũng biết về con đường dẫn đến cõi trời. Có những chúng sanh vốn đã tạo các công đức được sanh lên cõi trời kia, Ta cũng đều tường tận.

Ta cũng biết cảnh giới Niết-bàn. Có những chúng sanh trừ sạch hữu lậu, thành tựu tâm vô lậu giải thoát, được trí tuệ giải thoát, chứng đắc đạo quả ngay trong hiện tại, Ta cũng đều tường tận.

Này Tỳ-kheo! Nên biết rằng, khi Ta nói biết cõi địa ngục thì do nhân duyên gì mà Ta nói lời này?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ta quán sát suy nghĩ trong tâm của chúng sanh nên nói rằng: Người này sau khi chết rồi, phải bị đọa vào địa ngục. Quả nhiên sau đó, Ta thấy người này đã đọa vào địa ngục, thọ nhận vô số tra khảo tàn khốc thê thảm, ưu, bi, khổ, não không thể tính kể. Ví như có một hầm lửa lớn không có khói bụi, giả sử có người đang đi đến chỗ ấy, bậc trí có mắt quán sát lối đi của người này, biết chắc rằng sẽ rơi vào hầm lửa, trọn không hư dối. Quả nhiên sau đó, thấy người này

---

[32] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.6. 0811a29). Tham chiếu: *M*. 12, *Mahāsīhanāda Sutta* (*Đại kinh sư tử hống*).

[33] Nguyên tác: Thú (趣, *gati*): Cõi, cảnh giới.

[34] Nguyên tác: Đạo (道): Cảnh giới, cõi; tương tự như chữ "thú" (趣).

rơi vào hầm lửa, nên vì vậy mà Ta nói rằng người này sẽ rơi vào hầm lửa. Nay Ta quán sát suy nghĩ trong tâm của chúng sanh nên biết chắc chắn sẽ bị đọa vào địa ngục, không chút nghi ngờ. Sau đó, Ta quán sát người này, thấy họ chắc chắn bị đọa vào địa ngục, phải chịu khổ sở, đau đớn không thể tính kể. Vì sao kẻ đó lại bị đọa vào địa ngục? Bởi vì Ta thấy rằng, sở dĩ chúng sanh bị dẫn đến địa ngục là do làm các điều ác, tạo nghiệp chẳng lành nên sau khi chết rồi, sẽ bị đọa vào địa ngục, Ta đều biết rõ việc này. Điều Ta giảng nói chính là như vậy.

Ta biết cảnh giới súc sanh và cũng biết con đường dẫn đến súc sanh. Do nguồn cội nhân duyên nào mà nói như thế? Ở đây, này Tỳ-kheo! Ta quán sát suy nghĩ trong tâm của chúng sanh nên biết rằng người này sau khi chết sẽ sanh vào loài súc sanh. Sau đó, Ta xem thấy người ấy đã sanh vào loài súc sanh, thọ nhận ưu, bi, khổ, não không thể tính kể. Vì sao người này bị đọa vào súc sanh? Ví như bên thôn xóm có một hầm xí lớn chứa đầy phân dơ, giả sử có người kia đang đi về hướng đó, bậc trí có mắt nhìn thấy người kia đang đi về hướng đó, người kia đi không bao lâu sẽ bị rơi vào hầm xí. Sau đó, quả nhiên người kia đã rơi vào hầm xí, phải chịu sự khốn khổ cùng cực không thể kể xiết. Vì sao người kia bị rơi xuống hầm xí? Ta quán sát chúng sanh cũng lại như thế, người kia sau khi chết phải bị đọa vào loài súc sanh. Sau đó, lại thấy kẻ đó đã bị sanh trong loài súc sanh, chịu khổ vô lượng. Hôm nay, Ta xem xét chúng sanh trong loài súc sanh thảy đều thấy biết rõ ràng. Điều Ta giảng nói chính là như vậy.

[0811c09] Ta cũng biết chúng sanh ngạ quỷ và con đường dẫn đến ngạ quỷ, những ai sau khi chết đọa vào ngạ quỷ, Ta cũng đều biết rõ. Những chúng sanh nào sau khi qua đời sẽ hướng về cảnh giới ngạ quỷ, Ta đều biết rõ. Thời gian sau, Ta thấy quả nhiên chúng sanh đó đã đọa vào ngạ quỷ, phải thọ nhận cảm thọ khổ và cảm thọ lạc. Vì sao những người đó bị đọa vào ngạ quỷ? Ví như bên cạnh thôn xóm lớn có một cây cổ thụ, là chỗ phát sanh nguy hiểm vì cành nhánh gãy đổ. Giả sử có người đi qua nơi đó, bậc trí có mắt từ xa trông thấy người ấy, biết chắc chắn sẽ đi qua dưới cây đó mà không nghi ngại gì. Sau một thời gian lại thấy người kia hoặc ngồi hoặc nằm rồi phải thọ nhận quả báo khổ vui. Tại sao người kia phải ra nông nỗi để phải nằm hoặc ngồi bên dưới gốc cây? Nay Ta quán sát các loài chúng sanh cũng lại như thế, sau khi qua đời chắc chắn hướng đến ngạ quỷ không nghi ngờ gì, rồi phải thọ nhận quả báo khổ vui không thể tính kể. Ta biết cảnh giới ngạ quỷ và con đường dẫn đến ngạ quỷ, Ta đều biết tường tận. Điều Ta giảng nói chính là như vậy.

Ta biết cõi người và cũng biết con đường dẫn đến cõi người. Có những chúng sanh do nghiệp đã tạo nên sau khi qua đời được sanh trong cõi người, Ta cũng đều biết rõ. Ở đây, này Tỳ-kheo! Ta quán sát suy nghĩ trong tâm của chúng sanh nên biết chắc rằng, người này sau khi qua đời sẽ được sanh trong loài người. Sau đó, Ta lại thấy người này đã sanh trong loài người. Vì sao người này được sanh trong loài người? Ví như bên cạnh thôn xóm có một cây cổ thụ,

mọc chỗ bằng phẳng, tỏa bóng râm mát. Nếu có người đi thẳng một đường đến đó, bậc trí có mắt thấy như vậy rồi liền biết rằng, hướng người này đi nhất định sẽ đến cây cổ thụ, không nghi ngờ gì. Sau đó, Ta lại thấy người này đã đến cây cổ thụ, hưởng thụ vô lượng an lạc. Vì sao người này lại đến được chỗ ấy? Điều này cũng như thế. Ta quán sát suy nghĩ trong tâm của chúng sanh cũng như thế, sau khi qua đời, nhất định được sanh làm người, không nghi ngờ gì. Về sau, Ta lại thấy người này quả nhiên được sanh trong loài người, hưởng thụ vô lượng an lạc. Ta biết cõi người và cũng biết con đường dẫn đến cõi người, cũng như đời sống trong cõi người, Ta đều tường tận. Điều Ta giảng nói chính là như vậy.

[0812a05] Ta cũng biết cõi trời và biết rõ con đường dẫn đến cõi trời. Có chúng sanh nào do tạo các công đức nên được sanh lên cõi trời, Ta cũng biết rõ. Do nhân duyên gì mà nói như thế? Do Ta quán sát suy nghĩ trong tâm của các loài chúng sanh nên biết người này sau khi qua đời, nhất định sẽ sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Quả nhiên về sau, Ta thấy người đó sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời, hưởng phước tự nhiên, an lạc ở cõi đó không thể so sánh. Đó gọi là người đó đã được sanh lên cõi trời rồi hưởng phước tự nhiên ở cõi ấy, an lạc không thể so sánh. Ví như bên cạnh thôn xóm có một giảng đường cao rộng đẹp mắt, chạm khắc hoa văn, treo các phan lọng, nước thơm rưới đất, trải tòa tốt đẹp, đệm gấm thảm mịn, thêu thùa tinh xảo. Nếu có người đi thẳng một đường đến đó, bậc trí có mắt thấy người kia đi thẳng một đường đến đó nên biết hướng của người này chắc chắn sẽ đến giảng đường cao rộng ấy, không nghi ngờ gì. Thời gian sau, quả nhiên người này đã đến giảng đường, hoặc ngồi hoặc nằm, hưởng phước an vui ở trong đó không thể so sánh. Điều này cũng như thế, nay Ta quán sát các loại chúng sanh sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời, hưởng thụ an lạc ở cõi đó không thể tính kể. Vì sao người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời? Bởi vì Ta biết cõi trời, biết con đường dẫn đến cõi trời. Điều Ta giảng nói chính là như vậy.

Nay Ta biết Niết-bàn và cũng biết con đường Niết-bàn, cũng biết chúng sanh nào sẽ được nhập Niết-bàn. Hoặc có chúng sanh trừ sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát và trí tuệ giải thoát, tự thân chứng đắc và tự an trú ngay trong đời này, Ta đều biết rõ. Do nhân duyên gì mà nói như thế? Ở đây, này Tỳ-kheo! Ta quán sát suy nghĩ trong tâm của chúng sanh, người này đã trừ sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát. Đó gọi là người này đã trừ sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu. Ví như cách thôn xóm không xa có một hồ lớn, nước trong mát, nếu có người đi thẳng một đường đến đó, bậc trí có mắt từ xa thấy người ấy đi đến, biết chắc người này sẽ đến hồ nước, không nghi ngờ gì. Sau đó, quả nhiên người ấy đã đến hồ nước kia tắm gội, rửa sạch các nhơ uế, cáu bẩn rồi ngồi một bên, cũng không tranh biện với người. Nay Ta quán sát các loại chúng sanh cũng lại như thế, đã chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh

đã thành tựu, việc cần làm đã xong, biết như thật về danh sắc. Đó gọi là người ấy đã đến nơi này. Ta biết con đường Niết-bàn và cũng biết chúng sanh nào sẽ nhập Niết-bàn, thảy đều tường tận.

Như Lai, đấng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác có trí tuệ, vô úy và oai lực như vậy và tất cả đều thành tựu trọn vẹn. Trí của Như Lai không giới hạn, Như Lai có thể quán sát vô số quá khứ không giới hạn, không thể tính kể, thảy đều biết rõ. Như Lai có thể quán sát vô số tương lai và hiện tại không giới hạn, hết thảy đều phân biệt rõ ràng.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện để thành tựu đầy đủ mười lực và các vô úy.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. NƯƠNG TỰA DÒNG THÁNH[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nương vào núi Tuyết có cây cổ thụ rất cao lớn với năm thứ to lớn. Là năm thứ nào? Đó là, rễ bám vững chắc, vỏ cây rất dày, cành nhánh vươn xa, bóng mát phủ rộng, tàng lá tươi tốt sum suê. Này các Tỳ-kheo! Nương vào núi Tuyết có cây cổ thụ to lớn, xanh tốt và hùng vĩ như thế.

Những người thiện nam, người thiện nữ ngày nay cũng lại như thế, đã nương tựa vào dòng tộc cao quý[36] thì được lợi ích lâu dài trong năm việc. Là năm việc gì? Đó là, được tăng trưởng về niềm tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều, tăng trưởng về bố thí và tăng trưởng về trí tuệ. Này Tỳ-kheo! Người thiện nam hay người thiện nữ nào nương tựa vào chỗ dòng tộc cao quý thì thành tựu được năm điều này.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Nên tìm cầu phương tiện để thành tựu về niềm tin, thành tựu về giới hạnh, thành tựu về nghe nhiều, thành tựu về bố thí và thành tựu về trí tuệ.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Như cây nương núi Tuyết, Năm đặc tính đủ đầy,
Nhánh rộng, rễ, vỏ dày, Lá sum suê, phủ mát.

---

[35] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.7. 0812b14). Tham chiếu: *A*. 3.48 - I. 152; *A*. 5.40 - III. 44.

[36] Nguyên tác: Hào tộc (豪族), ở đây chỉ cho trường hợp được làm đệ tử của đức Phật. Tham chiếu: *Tiểu duyên kinh* 小緣經 (*T*.01. 0001.5. 0037b24): 沙門瞿曇出於豪族.

Nếu thiện nam, tín nữ, Thành tựu năm pháp này:
Tín, giới, văn, tuệ, thí, Công đức liền tăng trưởng.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. TỲ-KHEO MẬU-LA-PHÁ-QUẦN[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần[38] cùng giao du với các Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni lại cũng thích giao du với thầy ấy. Dân chúng có ai chê bai Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần thì khi ấy các Tỳ-kheo-ni rất giận dữ, lo buồn, không vui. Nếu lại có người chê bai các Tỳ-kheo-ni thì lúc ấy Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần cũng lo buồn, không vui. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo Phá-quần:

– Vì sao thầy lại gần gũi với các Tỳ-kheo-ni? Các Tỳ-kheo-ni cũng lại giao tiếp với thầy?

Phá-quần đáp:

– Tôi hiểu rõ lời của Như Lai răn dạy rằng, những ai phạm giới dâm thì tội không đáng kể.

Số đông Tỳ-kheo lại bảo:

– Thôi, thôi! Này Tỳ-kheo! Chớ nói lời như thế, chớ phỉ báng lời dạy của Như Lai. Những ai phỉ báng lời dạy của Như Lai thì phạm tội không hề nhỏ. Lại nữa, Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện để nói về sự ô uế của dâm dục. Những ai hành dâm mà cho là không có tội thì thật phi lý. Thầy nên xả bỏ kiến chấp xấu ác ấy đi, nếu không sẽ mãi chịu vô lượng khổ.

Thế nhưng, Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần vẫn giao thiệp với các Tỳ-kheo-ni, không hề sửa đổi tánh nết đó.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân rồi bạch Thế Tôn:

– Trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo tên là Mậu-la-phá-quần, giao thiệp với các Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni cũng giao tiếp qua lại với thầy ấy. Chúng con đã đến đó khuyên bảo sửa đổi tánh nết đó nhưng họ càng gần gũi nhiều thêm. Họ không xả bỏ kiến chấp điên đảo này, cũng chẳng thuận theo Phạm hạnh như Chánh pháp.

---

[37] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.8. 0812c02). Tham chiếu: *Mâu-lê-phá-quần-na kinh* 牟犁破群那經 (*T*.01. 0026.193. 0744a04); *A-lê-tra kinh* 阿梨吒經 (*T*.01. 0026.200. 0763b01); *M*. 21, *Kakacūpama Sutta* (*Kinh ví dụ cái cưa*); *M*. 22. *Alagaddūpama Sutta* (*Kinh ví dụ con rắn*).

[38] Mậu-la-phá-quần (茂羅破群, Moḷiyaphagguna).

Bấy giờ, Phật bảo một vị Tỳ-kheo:

– Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần rồi nói rằng: "Như Lai truyền gọi thầy."

Thế rồi, vâng lời Phật dạy, vị Tỳ-kheo liền đến chỗ Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần và nói:

– Thầy nên biết! Như Lai truyền gọi thầy.

Nghe lời Tỳ-kheo kia nói, Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần:

– Thầy có thật sự gần gũi với các Tỳ-kheo-ni không?

Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần thưa:

– Thưa có, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Thầy là Tỳ-kheo, vì sao lại cùng giao thiệp với Tỳ-kheo-ni? Thầy vốn là một bậc thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo chăng?

[0813a01] Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con là kẻ thiện nam vì lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Thầy đã làm điều phi pháp tại sao lại cùng giao thiệp với Tỳ-kheo-ni?

Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần bạch Phật:

– Con nghe Như Lai dạy rằng, những ai hành dâm thì mức độ tội lỗi của kẻ đó thật không đáng kể.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Thầy là người ngu! Sao lại cho rằng Như Lai dạy hành dâm không có tội? Ta đã dùng vô số phương tiện để nói sự nhơ uế của dâm dục. Hôm nay, tại sao thầy lại bảo: "Như Lai nói hành dâm không có tội?" Thầy nên khéo giữ gìn lỗi lầm của miệng, đừng để phải gánh chịu tội báo lâu dài.

Đức Phật lại bảo:

– Thầy hãy thôi đi! Đợi Ta hỏi lại các Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Các thầy có nghe Ta dạy các Tỳ-kheo rằng, hành dâm không có tội chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Chúng con không nghe Như Lai nói hành dâm không có tội. Vì sao như thế? Bởi vì Như Lai đã dùng vô số phương tiện để nói về sự nhơ uế của dâm dục. Nếu cho rằng không có tội thì nghĩa này không đúng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lành thay, lành thay! Này các Tỳ-kheo! Như các thầy nói, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về sự nhơ uế của dâm dục.

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết! Nếu có người ngu học tập theo những pháp hành như: Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Thọ ký, Nhân duyên, Bổn sự, Thí dụ, Bổn sanh, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Tự thuyết, Luận nghị,[39] tuy học tập theo những pháp ấy mà không hiểu nghĩa lý. Do không suy ngẫm nghĩa lý, cũng không thuận theo pháp ấy, nên pháp đáng thuận theo thì lại không thực hành theo. Sở dĩ tụng đọc pháp ấy chỉ vì muốn ganh đua với người, tâm toan tính hơn thua, lại cũng không đem đến sự cứu giúp cho bản thân mình. Kẻ tụng đọc pháp như thế thì sẽ phạm vào sự cấm ngăn.

Ví như có người ra khỏi thôn xóm, muốn tìm bắt rắn độc, khi người kia tìm thấy con rắn độc to lớn, liền đến dùng tay trái giữ chặt đuôi rắn, do vậy rắn kia quay đầu mổ vào tay, do duyên đáp trả này mà dẫn đến mất mạng. Ở đây cũng vậy, như có người ngu luyện tập pháp này nhưng không cân nhắc, suy nghiệm về mười hai bộ kinh, lại không quán sát nghĩa lý của chúng. Vì sao như thế? Vì không biết nghĩa cứu cánh của Chánh pháp.

Ở đây, nếu có người thiện nam hộ trì và học tập các pháp như: Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Thọ ký, Nhân duyên, Bổn sự, Thí dụ, Bổn sanh, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Tự thuyết và Luận nghị, người ấy tụng đọc những pháp này rồi, lại hiểu nghĩa sâu xa. Do hiểu sâu ý nghĩa các pháp nên thuận theo lời Như Lai dạy, không chút sai trái. Sở dĩ người kia tụng đọc kinh pháp không vì tâm hơn thua hay ganh đua với người khác, mà xem việc tụng đọc và tu tập kinh pháp là muốn tự mình tu tập và đạt được sự cứu độ. Sở dĩ người kia tụng đọc kinh pháp là muốn đạt kết quả như sở nguyện. Do nhân duyên này mà dần dần đạt đến Niết-bàn.

Ví như có người ra khỏi thôn xóm kia, muốn tìm bắt rắn độc. Thấy rắn rồi, người ấy cầm kềm sắt trên tay, trước tiên kẹp đầu rắn, sau mới nắm chắc cổ rắn, không cho cử động. Giả sử rắn độc kia quay lại muốn hại người ấy thì không thể được. Vì sao như thế? Này Tỳ-kheo! Vì người ấy đã nắm cổ rắn. Người thiện nam này cũng lại như vậy, học tập, tụng đọc hết thảy kinh pháp, quán sát nghĩa của kinh, thuận theo kinh pháp, không chút sai trái, do nhân duyên này nên dần dần đạt đến Niết-bàn. Vì sao như thế? Do vì người kia đã nắm giữ Chánh pháp.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Những ai đã hiểu nghĩa của Ta giảng nói thì hãy ghi nhớ phụng hành, những ai không hiểu thì nên hỏi lại Ta. Như Lai đang hiện hữu ngay đây, nếu không hỏi, ngày sau hối tiếc cũng vô ích.

---

[39] Mười hai thể loại kinh này xem chú thích 28-40, phẩm 25, tr. 335-36; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.25.10. 0635a03).

[0813b14] Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có Tỳ-kheo ở trong đại chúng mà nói như vầy: "Giới cấm mà Như Lai đã giảng, tôi đều hiểu rõ, những ai hành dâm thì mức độ tội lỗi thật không đáng kể." Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: "Dừng, dừng ngay! Chớ nói như thế! Chớ phỉ báng Như Lai bằng những lời như thế. Như Lai không bao giờ nói điều này." Nếu Tỳ-kheo ấy sửa đổi những điều đã phạm thì tốt, nếu vị ấy không sửa đổi hành vi thì phải nên can ngăn ba lần. Nếu người kia sửa đổi thì tốt, nếu không sửa đổi thì sẽ bị đọa. Nếu có Tỳ-kheo che giấu việc này, không phát lộ ra thì hết thảy đều bị đọa.

Do vậy, này Tỳ-kheo, đó là giới cấm của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. KIẾP SỐ[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu[41] đến chỗ Thế Tôn, cùng thăm hỏi rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Phạm chí Sanh Lậu bạch Phật:

– Có bao nhiêu kiếp thời quá khứ?

Phật bảo Phạm chí:

– Các kiếp thời quá khứ không thể kể xiết.

Phạm chí bạch Phật:

– Có thể tính kể số đó chăng? Sa-môn Cù-đàm thường nói về ba đời. Thế nào là ba? Đó là quá khứ, tương lai và hiện tại. Sa-môn Cù-đàm cũng biết về các đời thuở quá khứ, tương lai và hiện tại. Cúi xin Sa-môn giảng nói về nghĩa của kiếp số!

Phật bảo Phạm chí:

– Nếu Ta nói từ kiếp này, lại tiếp theo kiếp này đến khi Ta Diệt độ còn ông qua đời thì cũng không thể biết được nghĩa của kiếp số. Vì sao như thế? Bởi vì ngày nay thọ mạng của con người rất ngắn, tuổi thọ cao nhất không quá một trăm năm, nếu tính số kiếp trong một trăm năm ấy đến khi Ta Diệt độ còn ông qua đời thì cũng không bao giờ biết được nghĩa của kiếp số.

---

[40] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.50.9. 0813b23). Tham chiếu: *A*. 4.156 - II. 142.

[41] Sanh Lậu (生漏, Jāṇussoṇī).

Phạm chí nên biết! Như Lai cũng biết về điều này, phân biệt đầy đủ về kiếp số, thọ mạng dài hay ngắn của chúng sanh, họ hưởng thụ khổ hay vui thảy đều biết rõ. Nay Ta sẽ dùng ví dụ nói cho ông, người trí nhờ ví dụ mà hiểu. Ví như số cát sông Hằng cũng không giới hạn, không thể đo lường, không thể tính kể, kiếp số của quá khứ cũng như thế, không thể tính kể, không thể đo lường.

Phạm chí bạch Phật:

– Có bao nhiêu kiếp số thời tương lai?

Phật bảo Phạm chí:

– Cũng như số cát sông Hằng không có giới hạn, không thể tính kể, không thể tính toán.

Phạm chí lại hỏi Phật:

– Có kiếp hiện tại, kiếp thành, kiếp hoại chăng?

Phật bảo Phạm chí:

– Có kiếp thành, kiếp hoại, chẳng phải là một kiếp, trăm kiếp. Ví như chén bát để ở chỗ đất gập ghềnh thì không thể nào trụ vững, giả sử có trụ được cũng sẽ bị chao đảo. Cương vực, bờ cõi của các thế giới cũng lại như thế, hoặc có kiếp thành, hoặc có kiếp hoại. Số ấy cũng không thể tính kể được có bao nhiêu kiếp thành, có bao nhiêu kiếp hoại. Vì sao như thế? Bởi vì sanh tử dài lâu không có giới hạn, chúng sanh do vô minh kiết sử ngăn che, trôi nổi từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này, chịu đau khổ lâu dài phải nên nhàm chán, xa lìa đau khổ, phiền não này.

Thật vậy, này Phạm chí! Hãy học tập như thế.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu bạch Phật:

– Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Sa-môn Cù-đàm biết nghĩa của kiếp số thuở quá khứ, hiện tại và tương lai. Nay con xin quy y Sa-môn Cù-đàm thêm lần nữa, cúi xin Sa-môn Cù-đàm cho phép con được làm ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh,... cho đến không uống rượu.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. NÚI KỲ-XÀ QUẬT[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

– Kiếp có giới hạn chăng?

[42] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.52.10. 0813c26). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.956. 0243b13); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.350. 0488c07); *S*. 15.20 - II. 190.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Ta sẽ dùng phương tiện ví dụ, tuy nhiên, kiếp số không thể cùng tận.

Thuở quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có đức Phật ra đời hiệu là Câu-lưu-tôn, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ, ngọn núi Kỳ-xà quật này còn có tên gọi khác. Thuở ấy, dân chúng trong thành La-duyệt leo lên ngọn núi Kỳ-xà quật này, phải mất bốn ngày bốn đêm mới lên đến đỉnh núi.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Vào thời đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, ngọn núi Kỳ-xà quật này cũng có tên gọi khác. Thuở ấy, dân chúng trong thành La-duyệt phải mất ba ngày ba đêm mới lên đến được đỉnh núi.

Đức Như Lai Ca-diếp xuất hiện ở đời, ngọn núi Kỳ-xà quật này cũng có tên gọi khác. Khi ấy, dân chúng trong thành La-duyệt phải mất hai ngày hai đêm mới lên đến đỉnh núi.

Còn Ta ngày hôm nay, Phật Thích-ca xuất hiện ở đời, ngọn núi này có tên là Kỳ-xà quật, chỉ trong khoảnh khắc đã lên đến đỉnh núi.

Nếu lúc Như Lai Di-lặc xuất hiện ở đời, ngọn núi này cũng có tên là Kỳ-xà quật. Vì sao như thế? Vì thần lực của chư Phật khiến núi này tồn tại.

Này Tỳ-kheo! Nhờ phương tiện này nên biết, kiếp có suy giảm, chấm dứt, không thể tính kể.

Tuy nhiên, kiếp có hai loại, đại kiếp và tiểu kiếp. Nếu trong kiếp ấy không có Phật ra đời, lúc ấy chỉ có bậc Độc giác[43] ra đời thì gọi là tiểu kiếp. Nếu kiếp nào có đức Như Lai xuất hiện thì kiếp đó không có bậc Độc giác xuất hiện, đây gọi là đại kiếp.

Này Tỳ-kheo! Qua ví dụ này nên biết, kiếp số dài lâu, không thể tính kể.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Hãy nhớ nghĩa của kiếp số này.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.[44]

[43] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛, Paccekabuddha). Xem chú thích 23, phẩm Tựa, tr. 9.

[44] Bản Hán, hết quyển 48.

51. PHẨM VÔ THƯỜNG[1]

1. NƯỚC MẮT CỦA CHÚNG SANH[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Thế nào, này Tỳ-kheo, các thầy đã xoay vần trong sanh tử, trải qua bao phiền não khổ đau, ở trong đó, do vì buồn khổ mà khóc than, nước mắt đã tuôn rơi nhiều hơn hay ít hơn nước sông Hằng?

Khi ấy, các Tỳ-kheo đến trước bạch Phật:

– Chúng con suy ngẫm nghĩa lý Như Lai đã dạy, trải qua bao sanh tử nên nước mắt khóc than nhiều hơn nước của sông Hằng.

Phật dạy Tỳ-kheo:

– Lành thay, lành thay! Các Tỳ-kheo! Thật chẳng khác gì như các thầy đã nói. Trong dòng sanh tử, nước mắt của các thầy đã rơi nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao như vậy? Bởi khi ở trong sanh tử, do vì cha mẹ qua đời nên nước mắt tuôn rơi không thể tính kể. Trong thời gian lâu dài đó, hoặc vì năm hàng quyến thuộc, gồm cha, anh, chị, em, vợ con và các mối ân tình, do tiếc thương, luyến nhớ mà khóc than bi lụy không thể tính kể.

Do đó, này Tỳ-kheo! Hãy nên nhàm chán sanh tử, hãy lìa bỏ pháp này.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Khi đức Phật nói pháp này, có hơn sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch phiền não, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

---

[1] Nguyên tác: *Phi thường phẩm* 非常品 (*T*.02. 0125.51. 0814a26).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.1. 0814a27). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.938. 0240c25); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.331. 0486a18); *S*. 15.3 - II. 179.

2. MÁU HUYẾT CỦA CHÚNG SANH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

– Thế nào, này Tỳ-kheo! Các thầy ở trong sanh tử, khi thân thể bị hủy hoại thì phải chăng máu đã chảy nhiều hơn nước của sông Hằng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Như chúng con suy ngẫm lời dạy của Như Lai thì máu đã chảy nhiều hơn nước của sông Hằng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lành thay, lành thay! Này các Tỳ-kheo! Như lời các thầy nói, máu đã chảy nhiều hơn nước của sông Hằng. Vì sao như thế? Bởi vì khi ở trong sanh tử, hoặc có lúc làm bò, hoặc làm dê, hoặc làm heo, hoặc làm chó, hoặc làm ngựa, hoặc làm chim thú và vô số các loài khác nhau, phải trải qua bao khổ não, thật đáng nhàm chán, hãy nhớ nghĩ xa lìa.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, có hơn sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch phiền não, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. TU-BỒ-ĐỀ[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy tư duy về tưởng vô thường, hãy truyền bá rộng rãi về tưởng vô thường. Đã tư duy và truyền bá rộng rãi về tưởng vô thường thì sẽ đoạn trừ hết dục ái, sắc ái và vô sắc ái, diệt trừ tất cả vô minh, kiêu mạn, giống như dùng lửa thiêu đốt cỏ cây thì cháy sạch không còn sót lại gì. Tỳ-kheo nên biết! Nếu tư duy về tưởng vô thường, truyền bá rộng rãi về tưởng vô thường thì sẽ đoạn trừ hết tham ái trong ba cõi.

---

[3] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.2. 0814b11). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.973. 0251b20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.330. 0485c05); *S*. 15.13 - II. 187.

[4] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.3. 0814b22). Tham chiếu: *Kinh năm hạng chiến sĩ*, số 3, phẩm 33, tr. 508; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.3. 0686c20). *Kinh nguồn gốc của dục*, số 9, phẩm 35, tr. 556; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.35.9. 0701a12).

Thuở xưa, có vị quốc vương tên là Thanh Tịnh Âm Hưởng, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề, có tám vạn bốn ngàn thành quách, tám vạn bốn ngàn đại thần, tám vạn bốn ngàn cung tần thể nữ, mỗi thể nữ đều có bốn người hầu.

Bấy giờ, Vua Âm Hưởng không có con nối dõi. Thế rồi, vua liền nghĩ: "Ta thống lãnh cõi nước này, dùng pháp cai trị không hề sai trái. Tuy nhiên, nay ta không có con nối dõi, giả sử mai sau khi ta qua đời thì giống nòi sẽ bị diệt mất." Thế rồi, do nhân duyên mong cầu con cái nên quốc vương ấy đã quy y với các vị trời, rồng, thần, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, quy y Đế-thích, Phạm thiên, Tứ Thiên Vương, thần núi, thần cây, cho đến các thần cỏ cây, hoa quả để mong cầu được phước, khiến vua có con.

[0814c07] Bấy giờ, ở cung trời Ba Mươi Ba có một thiên tử tên là Tu-bồ-đề, mạng sống sắp hết, có năm điềm ứng hiện tự nhiên xuất hiện bức bách thân thể. Là năm điềm gì? Đó là, mũ bằng hoa[5] của chư thiên không bao giờ héo úa, thế nhưng mũ hoa của vị thiên tử này lại bị héo úa. Y phục của chư thiên không chút dơ bẩn nhưng y phục của vị thiên tử này lại bị dơ bẩn. Lại nữa, thân thể của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba thơm sạch, ánh sáng chiếu soi nhưng thân thể của vị thiên tử kia lại hôi dơ, không thể đến gần. Lại nữa, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba thường có ngọc nữ tuần tự vây quanh, đàn ca, múa hát, hưởng thụ năm dục tùy thích nhưng lúc ấy do mạng của thiên tử này sắp chấm dứt nên các ngọc nữ rời xa. Lại nữa, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba có tòa ngồi tự nhiên, sâu xuống đất bốn thước, khi chư thiên đứng lên thì tòa cũng nổi lên mặt đất bốn thước, do vì thiên tử này sắp mạng chung nên không còn ưa thích tòa của mình. Đó gọi là năm điềm ứng hiện tự nhiên xuất hiện bức bách thân thể.

Lúc thiên tử Tu-bồ-đề có những điềm ứng hiện như vậy, Thích-đề-hoàn-nhân bảo một vị thiên tử:

"Ông hãy đến cõi Diêm-phù-đề rồi nói với Vua Âm Hưởng rằng: Thích-đề-hoàn-nhân kính lời hỏi thăm Đại vương, đời sống có nhẹ nhàng không, đi đứng có mạnh khỏe không? Cõi Diêm-phù-đề không có người đức độ để làm con của Đại vương thì hiện nay cõi trời Ba Mươi Ba có một thiên tử tên là Tu-bồ-đề, đã có năm điềm ứng hiện tự nhiên xuất hiện bức bách thân thể nên chắc sẽ giáng thần làm con của Đại vương. Tuy nhiên, vào lúc tuổi thanh xuân cường tráng, chắc chắn vị đó sẽ xuất gia học đạo, tu tập Phạm hạnh vô thượng."

Vị thiên tử ấy đáp:

"Thưa vâng, Thiên vương! Xin vâng lời Thiên vương!"

Rồi trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, thiên tử ấy ẩn thân từ cõi trời Ba Mươi Ba rồi hiện xuống cõi Diêm-phù-đề.

Bấy giờ, Vua Âm Hưởng đang ở trên lầu cao, cùng với người hầu đang cầm lọng. Lúc ấy, thiên tử kia trụ giữa hư không trên lầu cao rồi nói với nhà vua:

[5] Nguyên tác: Hoa quan (華冠): Dùng vỏ cây và hoa kết thành mũ.

"Thích-đề-hoàn-nhân kính lời hỏi thăm Đại vương, đời sống có nhẹ nhàng không, đi đứng có mạnh khỏe không? Cõi Diêm-phù-đề không có người đức độ để làm con của Đại vương, thì hiện nay cõi trời Ba Mươi Ba có một thiên tử tên là Tu-bồ-đề, đã có năm điềm ứng hiện tự nhiên xuất hiện nơi thân nên chắc sẽ giáng thần làm con của Đại vương. Tuy nhiên, vào lúc tuổi thanh xuân cường tráng, vị đó nhất định sẽ xuất gia học đạo, tu tập Phạm hạnh vô thượng."

Lúc ấy, nghe những lời như vậy, Vua Âm Hưởng thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng liền nói với thiên tử:

"Nay ngài đến báo tin này, tôi vô cùng hạnh phúc. Chỉ mong thiên tử giáng thần làm con nối dõi của tôi, nếu muốn cầu xuất gia thì tôi không bao giờ trái ý."

Thế rồi, vị thiên tử kia trở về chỗ Thích-đề-hoàn-nhân rồi thưa với Thiên vương:

"Vua Âm Hưởng rất vui mừng với lời nói đó, rồi Vua Âm Hưởng còn thưa: 'Xin cứ giáng thần, nếu muốn xuất gia thì tôi không bao giờ trái ý.'"

[0815a09] Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân liền đến chỗ thiên tử Tu-bồ-đề và nói:

"Ông nên phát nguyện sanh vào cung Vua Âm Hưởng, vua của loài người. Vì sao như thế? Vì Vua Âm Hưởng, vua của loài người không có con nối dõi, thường dùng Chánh pháp trị dân. Thuở xưa ông có phước, tích lũy các công đức, nay nên giáng thần vào cung của vua ấy."

Thiên tử Tu-bồ-đề thưa:

"Thôi, thôi! Thiên vương! Tôi không thích phát nguyện sanh vào trong cung vua của loài người, tôi chỉ muốn xuất gia học đạo, mà ở trong cung vua học đạo thật là khó khăn."

Thích-đề-hoàn-nhân bảo:

"Chỉ cần ông phát nguyện sanh vào cung vua của loài người thì ta sẽ quan tâm hỗ trợ để ông được xuất gia học đạo."

Tỳ-kheo nên biết! Lúc ấy, thiên tử Tu-bồ-đề liền phát lời nguyện sanh vào trong cung vua.

Thế rồi, Vua Âm Hưởng cùng đệ nhất phu nhân giao hội với nhau, phu nhân biết mình hoài thai. Lúc ấy, phu nhân nói với Vua Âm Hưởng:

"Đại vương nên biết! Thiếp tự biết rằng mình đã mang thai."

Bấy giờ, nghe như vậy rồi, nhà vua thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền sai sửa soạn tòa ngồi cực kỳ tốt đẹp cho phu nhân, dâng thức ăn ngon ngọt như vua không khác. Thế rồi, trải qua tám, chín tháng, phu nhân sanh một hoàng nhi vô cùng đoan chánh, dung mạo đặc biệt, hiếm có trong đời. Lúc ấy, Vua Âm Hưởng liền triệu tập các ngoại đạo Bà-la-môn và quần thần cùng đến xem tướng. Nhà vua đem hết nguồn gốc nhân duyên trình bày tường tận với các thầy xem tướng.

Các Bà-la-môn tâu vua:

"Xin Đại vương hãy xem xét lý này! Thái tử được sanh ra trong đời hết sức đặc biệt, do kiếp trước là vị thiên tử có tên Tu-bồ-đề thì nay cứ nương theo danh hiệu cũ mà đặt tên là Tu-bồ-đề."

Đặt tên xong, các thầy xem tướng liền rời chỗ ngồi đứng dậy rồi ra về.

Bấy giờ, Vương tử Tu-bồ-đề được vua cha vô cùng thương mến không hề rời mắt. Lúc ấy, Vua Âm Hưởng liền nghĩ: "Xưa nay ta đã không có con nối dõi, vì muốn cầu có con nối dõi nên mới lễ bái chư thiên mong được một đứa con, trải qua chừng ấy thời gian, nay mới hạ sanh được thái tử. Tuy nhiên, Thiên đế có báo trước rằng thái tử sẽ xuất gia học đạo. Nay ta phải tìm phương cách khéo léo để thái tử đừng xuất gia học đạo."

Thế rồi, Vua Âm Hưởng liền cho xây dựng cung điện ba mùa dành cho thái tử, mùa đông thì xây cung điện ấm áp, mùa hạ thì xây cung điện mát mẻ, mùa không lạnh không nóng thì xây cung điện thích hợp. Vua lại cho xây thêm bốn cung cấm cho các cung nữ, cung thứ nhất có sáu vạn thể nữ, cung thứ hai có sáu vạn thể nữ, cung thứ ba có sáu vạn thể nữ, cung thứ tư có sáu vạn thể nữ, mỗi thể nữ đều có bốn người hầu, lo sửa soạn chỗ nghỉ ngơi để thái tử nằm ngồi trong đó. Nếu Vương tử Tu-bồ-đề muốn dạo chơi phía trước thì các thể nữ liền đứng hầu ở trước, lúc ấy tòa ngồi liền di chuyển theo, phía trước có sáu vạn thể nữ và bốn người hầu. Nếu thái tử muốn dạo chơi phía sau thì giường nằm, tòa ngồi cũng tự di chuyển theo. Nếu thái tử muốn vui chơi cùng các thể nữ thì tòa ngồi cũng di chuyển theo, khiến cho tâm ý Vương tử Tu-bồ-đề luôn đắm trong năm dục, không muốn xuất gia nữa.

[0815b16] Bấy giờ, vào lúc nửa đêm vắng người, Thích-đề-hoàn-nhân liền đến chỗ Vương tử Tu-bồ-đề, trụ giữa hư không rồi nói với Vương tử Tu-bồ-đề:

"Này Vương tử! Thuở xưa, chẳng phải Vương tử đã khởi tâm như vầy: 'Ta ở tại gia cho đến tuổi tráng niên sẽ xuất gia học đạo.' Hôm nay, cớ sao lại vui thích năm dục, chẳng nhớ đến chí nguyện xuất gia học đạo? Do vì ta cũng có lời nguyện rằng: 'Sẽ khuyến khích Vương tử khiến xuất gia học đạo.' Nay đã đúng thời, nếu Vương tử không xuất gia học đạo thì ngày sau hối tiếc cũng vô ích."

Nói những lời ấy rồi, Thích-đề-hoàn-nhân liền rời đi.

Lúc ấy, ở trong cung, Vương tử Tu-bồ-đề liền nghĩ: "Phụ vương Âm Hưởng đã vì ta mà giăng lưới ái dục, do vì lưới ái dục này nên ta không thể xuất gia học đạo được. Nay ta phải cắt đứt lưới này, không để cấu uế dẫn dắt, phải dùng lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo, ở chỗ vắng vẻ, siêng năng tu tập kinh pháp, khiến mỗi ngày thêm tăng tiến."

Bấy giờ, Vương tử Tu-bồ-đề lại nghĩ: "Phụ vương Âm Hưởng có sáu vạn thể nữ tuần tự vây quanh, ta hãy quán sát xem có người nào tồn tại mãi ở thế gian hay không?" Thế rồi, Vương tử Tu-bồ-đề quán sát khắp trong cung, thấy rằng không có người nữ nào tồn tại lâu dài ở thế gian này.

[0815c03] Lúc ấy, Tu-bồ-đề lại nghĩ như vầy: "Cớ sao ta lại quán sát sự vật bên ngoài? Ta nên quán sát nhân duyên sanh khởi bên trong thân. Những thứ thuộc về thân như tóc, lông, răng, móng, xương, tủy có tồn tại lâu ở đời chăng?" Quán sát từ đầu đến chân gồm có ba mươi sáu thứ ô uế bất tịnh. Do vì tự mình quán sát nên không có một chút tham đắm, vì biết chúng cũng chẳng thật có, hư dối không chân thật, thảy đều trở về không, không tồn tại lâu dài ở thế gian.

Thế rồi, Vương tử Tu-bồ-đề lại nghĩ: "Ta sẽ dứt trừ lưới này rồi xuất gia học đạo." Lúc ấy, Tu-bồ-đề quán thân năm thủ uẩn[6] này, đó là, đây là khổ của sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc, đây là sự giải thoát[7] của sắc, cho đến khổ của thọ,[8] tưởng, hành, thức,... sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức và sự giải thoát của thức. Bấy giờ, khi quán thân năm uẩn này rồi thì biết rằng: Những pháp tập khởi đều là pháp diệt tận, liền thành tựu quả vị Độc giác[9] ngay tại chỗ ngồi.

Lúc ấy, bậc Độc giác Tu-bồ-đề biết đã thành tựu giác ngộ,[10] liền nói kệ như vầy:

Dục, ta biết gốc ngươi,[11] Ngươi sanh từ tư tưởng,
Nếu ta không nghĩ tưởng, Thì ngươi làm sao sanh?

Lúc ấy, đức Độc giác nói kệ này rồi liền bay lên hư không rời đi, đến một ngọn núi rồi ngồi một mình bên cội cây và nhập Vô dư Niết-bàn ở đó.

Bấy giờ, Vua Âm Hưởng bảo cận thần:

"Khanh hãy đến nội cung của Vương tử Tu-bồ-đề xem Vương tử nghỉ ngơi có an ổn chăng?"

Thế rồi, tuân lệnh vua, đại thần liền đến nội cung của vương tử, thấy nội cung cửa đóng then cài. Đại thần kia liền trở về tâu vua:

"Vương tử nghỉ ngơi an ổn, cửa cung đóng kỹ."

Nhà vua ra lệnh đến lần thứ ba:

"Ông hãy đến xem Vương tử có an giấc chăng?"

Lúc ấy, đại thần lại đi đến cửa cung, tuy nhiên cửa vẫn cài chắc chắn, lại trở về tâu vua:

"Vương tử ngủ say ở trong cung chẳng hay biết gì, cửa vẫn đóng kín đến giờ chưa mở."

---

[6] Nguyên tác: Ngũ thọ ấm (五受陰).

[7] Nguyên tác: Xuất yếu (出要).

[8] Nguyên tác: Thống (痛).

[9] Nguyên tác: Bích-chi Phật (辟支佛). Xem chú thích 58, trang 689.

[10] Nguyên tác: Phật (佛, Buddha): Bậc Giác Ngộ. Lưu ý, quả vị Bích-chi Phật (Paccekabuddha) thuộc phẩm vị A-la-hán với thuộc tính đặc thù không thầy mà tự ngộ. Thế nên, sự thành Phật ở đây nên gọi đúng tên là sự tự mình giác ngộ.

[11] Tương tự bài kệ trong *Kinh năm hạng chiến sĩ*, số 3, phẩm 33, tr. 509; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.33.3. 0686c20). *Kinh nguồn gốc của dục*, số 9, phẩm 35, tr. 557; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.35.9. 0701a12).

Bấy giờ, Vua Âm Hưởng lại nghĩ: "Vương tử con ta thuở nhỏ còn chưa ham ngủ, huống hồ nay đã là thanh niên cường tráng lại ham ngủ như thế sao? Ta nên đích thân đến xem để biết con ta gặp chuyện lành hay dữ, hay con ta có bệnh tật gì chăng?"

Thế rồi, Vua Âm Hưởng liền đi đến nội cung của Tu-bồ-đề, đứng ngoài cửa rồi bảo một người:

"Ngươi hãy bắc thang leo vào trong cung, mở cửa cho ta!"

Tuân lệnh vua, người kia liền bắc thang leo vào bên trong mở cửa cho nhà vua. Khi vào trong cung xem xét, nhà vua thấy giường nằm trống không, chẳng thấy vương tử đâu cả. Thế rồi, vua liền hỏi thể nữ:

"Vương tử Tu-bồ-đề đang ở đâu?"

Các thể nữ tâu:

"Chúng thần cũng không biết Vương tử đang ở đâu!"

Vừa nghe như vậy, Vua Âm Hưởng liền ngã xuống đất, hồi lâu mới tỉnh. Thế rồi, Vua Âm Hưởng bảo quần thần:

"Thời thơ ấu, con ta đã có ý nghĩ: 'Đến lúc trưởng thành sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố mà xuất gia học đạo.' Vì thế, chắc chắn hôm nay Vương tử đã bỏ trẫm mà xuất gia học đạo. Các khanh hãy tỏa đi bốn phương tìm kiếm xem Vương tử rốt cuộc đang ở nơi nào?"

Lập tức, quần thần liền đánh xe, cỡi ngựa rong ruổi tìm kiếm khắp nơi.

[0816a12] Bấy giờ, có một đại thần đi đến ngọn núi kia, giữa đường chợt nghĩ: "Nếu Vương tử Tu-bồ-đề xuất gia học đạo, chắc chắn sẽ học đạo ở nơi này." Lúc ấy, từ xa, đại thần nhìn thấy Vương tử Tu-bồ-đề đang ngồi kiết-già bên gốc cây. Thế rồi, đại thần ấy liền nghĩ: "Đây chính là Vương tử Tu-bồ-đề." Quan sát kỹ xong, liền trở về chỗ vua rồi tâu vua:

"Vương tử Tu-bồ-đề ở gần đây, đang ngồi kiết-già bên gốc cây trong núi."

Lúc ấy, nghe như vậy rồi, Vua Âm Hưởng liền đi đến ngọn núi kia, từ xa thấy Tu-bồ-đề đang ngồi kiết-già bên gốc cây, nhà vua lại ngã xuống đất: "Thuở xưa, con ta đã phát nguyện: 'Đến năm hai mươi tuổi sẽ xuất gia học đạo', nay quả nhiên không sai. Lại nữa, Thiên đế đã báo với ta: 'Con của ông chắc chắn sẽ học đạo.'"

Thế rồi, Vua Âm Hưởng đi đến trước mặt Tu-bồ-đề và bảo:

"Vì cớ gì mà con lại bỏ trẫm để xuất gia học đạo?"

Lúc ấy, bậc Độc giác lặng yên không đáp.

Vua lại bảo:

"Mẫu thân con rất đỗi lo buồn, đợi gặp con mới chịu ăn, hãy đứng dậy trở về cung!"

Bấy giờ, bậc Độc giác cũng chẳng nói chẳng rằng, vẫn ngồi yên lặng. Vua Âm Hưởng liền tới trước nắm tay, cũng chẳng cử động. Vua liền bảo quần thần:

"Vương tử nay đã qua đời. Thích-đề-hoàn-nhân có đến báo trước cho trẫm: 'Đại vương có con nhưng sẽ xuất gia học đạo.' Quả nhiên, hôm nay Vương tử đã xuất gia học đạo, thế nên, hãy nên đem nhục thân này về cõi nước của trẫm để hỏa táng."[12]

Ở trong núi kia có các vị thần hiện nửa thân hình rồi tâu với nhà vua:

"Đây là bậc Độc giác, không phải là hàng Vương tử nên pháp thiêu nhục thân không phải như pháp thiêu Vương tử. Vì sao như thế? Bởi vì, chúng tôi là đệ tử của chư Phật thuở quá khứ, chư Phật có dạy như vầy: 'Ở thế gian có bốn hạng người xứng đáng được xây tháp. Họ là những ai? Đó là, đức Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xứng đáng được xây tháp, bậc Độc giác xứng đáng được xây tháp, bậc A-la-hán lậu tận đệ tử của Như Lai xứng đáng được xây tháp và bậc Chuyển Luân Thánh vương xứng đáng được xây tháp. Khi hỏa thiêu nhục thân của Chuyển Luân Thánh vương thì cũng giống như cách hỏa thiêu nhục thân của Như Lai và nhục thân của bậc Độc giác.'"

[0816b08] Bấy giờ, Vua Âm Hưởng hỏi thiên thần:

"Nên cúng dường hỏa thiêu nhục thân của Chuyển Luân Thánh vương như thế nào?"

Thần cây đáp:

"Với bậc Chuyển Luân Thánh vương thì nên làm quách bằng sắt, bên trong chứa đầy dầu thơm, tắm gội thân thể Chuyển Luân Thánh vương, rồi dùng y bằng bông vải[13] quấn quanh thân, dùng vải thêu phủ lên trên rồi đặt vào trong quách, dùng nắp bằng sắt đậy lên, đóng đinh kỹ lưỡng. Lại dùng một trăm lớp vải trắng bao quanh quách, dùng các loại hương thơm rải trên chỗ đất ấy rồi đặt quách vào giữa, cúng dường hương hoa suốt bảy ngày bảy đêm, treo phan kết lọng, trỗi nhạc hát xướng. Sau bảy ngày mới đem nhục thân Thánh vương đi hỏa táng rồi thu lấy Xá-lợi. Hỏa táng xong, lại cúng dường suốt bảy ngày bảy đêm, xây tháp tại ngã tư đường, dùng các thứ hương hoa, đủ loại phan lọng để cúng dường. Đại vương nên biết! Việc cúng dường Xá-lợi của Chuyển Luân Thánh vương là như thế. Đối với chư Phật Như Lai, các vị Độc giác và A-la-hán cũng như thế."

Lúc ấy, Vua Âm Hưởng hỏi thiên thần kia:

"Do nhân duyên gì mà cúng dường thân Chuyển Luân Thánh vương? Do nhân duyên gì lại cúng dường thân Phật, cúng dường thân bậc Độc giác và cúng dường thân A-la-hán?"

---

[12] Nguyên tác: Xà-tuần (蛇旬). *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30.3. 0121b01) và *Hàng ma kinh* 降魔經 (*T*.01. 0026.131. 0620c26) đều ghi: Da-duy (耶維) là phiên âm của *jhāpeti*, nghĩa là hỏa thiêu, hỏa táng.

[13] Nguyên tác: Kiếp-ba-dục (劫波育), phiên âm từ *kappāsa* (cây bông vải).

Thiên thần đáp:

"Bậc Chuyển Luân Thánh vương dùng pháp cai trị, tự mình không sát sanh, lại dạy người không sát sanh. Tự mình không trộm cướp, lại dạy người khác không trộm cướp. Tự mình không tà dâm, lại dạy người khác không xâm phạm thê thiếp của người. Tự mình không nói dối,... cho đến không nói lời thêu dệt, không nói lời ác, không nói hai chiều khiến hai bên tranh cãi, không ganh ghét, không sân hận, không si mê, tâm ý chuyên chánh, thường thực hành chánh kiến, cũng khiến người thực hành theo chánh kiến. Như thế, này Đại vương! Do nhân duyên này nên xây tháp thờ Chuyển Luân Thánh vương."

Vua lại hỏi thiên thần:

"Do nhân duyên gì nên xây tháp thờ bậc A-la-hán lậu tận?"

Thiên thần đáp:

"Bậc Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận đã đoạn dục ái, đã dứt trừ sân hận, ngu si, đã vượt thoát hữu lậu, đạt đến vô vi, là ruộng phước tốt lành của thế gian. Do nhân duyên này nên xây tháp thờ bậc A-la-hán lậu tận."

[0816c04] Vua lại hỏi:

"Do nhân duyên gì nên xây tháp thờ bậc Độc giác?"

Thiên thần trả lời vua:

"Bậc Độc giác không thầy mà tự ngộ, hiếm khi xuất hiện ở đời, được phước báu ngay trong hiện tại, thoát khỏi các đường ác, khiến chúng sanh được sanh lên cõi trời. Do nhân duyên này nên xây tháp thờ bậc Độc giác."

Vua lại hỏi:

"Do nhân duyên gì nên xây tháp thờ Như Lai?"

Thiên thần trả lời vua:

"Đấng Như Lai có đầy đủ mười lực. Mười lực này chẳng phải hàng Thanh văn hay bậc Độc giác có thể sánh kịp, Chuyển Luân Thánh vương cũng không thể so sánh, chúng sanh ở trong thế gian không ai sánh kịp. Như Lai có bốn vô sở úy, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, chuyển vận bánh xe pháp. Như Lai độ người chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, người chưa nhập Niết-bàn khiến cho được nhập Niết-bàn, che chở cho những người không ai cứu giúp, làm mắt sáng cho người mù, làm thầy thuốc giỏi cho người bệnh tật. Chư thiên, loài người, ma và thiên ma đều phụng thờ, đáng kính, đáng quý, chuyển cõi ác thành cõi lành. Do vậy, này Đại vương! Vì nhân duyên này nên xây tháp thờ Như Lai.

Thật vậy, này Đại vương! Do nguồn gốc nhân duyên như thế nên bốn hạng người này xứng đáng được xây tháp phụng thờ."

Bấy giờ, Vua Âm Hưởng nói với thiên thần kia:

"Lành thay, lành thay! Này thiên thần! Tôi sẽ vâng lời ông chỉ dạy nên hôm nay cúng dường Xá-lợi này giống như cúng dường bậc Độc giác."

Thế rồi, Vua Âm Hưởng bảo quần thần:

"Các khanh hãy đưa nhục thân của bậc Độc giác Tu-bồ-đề trở về nước."

Nghe lệnh vua ban, quần thần an trí nhục thân lên giường bằng vàng rồi đưa về nước.

Khi ấy, Vua Âm Hưởng ra lệnh làm quách bằng sắt chứa đầy dầu thơm, tắm gội thân bậc Độc giác, dùng y bằng bông vải quấn quanh nhục thân, lại dùng gấm thêu tốt đẹp phủ lên trên rồi đặt nhục thân vào trong quách, dùng nắp bằng sắt đậy lên, đóng đinh kỹ lưỡng, vô cùng chắc chắn, rồi phủ lên trên quách trăm lớp vải trắng, dùng đủ loại hương quý rải lên rồi đặt thân bậc Độc giác vào giữa, cúng dường hương hoa suốt bảy ngày bảy đêm, sau bảy ngày đêm thì hỏa thiêu và thu lấy Xá-lợi của bậc Độc giác. Sau đó, lại trỗi nhạc hát xướng cúng dường thêm bảy đêm, xây tháp nơi các ngã tư đường, rồi dùng hoa hương, tràng phan, phướn lọng và trỗi nhạc để cúng dường tháp.

[0817a02] Tỳ-kheo nên biết! Những chúng sanh nào cung kính cúng dường Xá-lợi của bậc Độc giác, sau khi qua đời liền sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba. Những chúng sanh nào tư duy về tưởng vô thường sẽ vượt khỏi ba đường ác, được sanh vào cõi trời, cõi người.

Này các Tỳ-kheo! Vua Âm Hưởng thuở ấy là người nào khác chăng? Các thầy chớ nghĩ là ai khác mà đó chính là thân Ta. Những ai tư duy về tưởng vô thường sẽ được nhiều lợi ích. Ta đã quán sát nghĩa này rồi nên bảo các Tỳ-kheo: Hãy tư duy về tưởng vô thường, hãy truyền bá rộng rãi về tưởng vô thường. Do tư duy về tưởng vô thường, do truyền bá rộng rãi về tưởng vô thường, liền đoạn trừ hết dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn vĩnh viễn chẳng sót lại gì, giống như dùng lửa đốt cháy cây cỏ, giống như trong giảng đường cao rộng, đẹp đẽ mà mở toang các cửa. Này Tỳ-kheo! Tư duy về tưởng vô thường cũng lại như thế, đoạn trừ hết dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vĩnh viễn chẳng sót lại gì.

Do vậy, này Tỳ-kheo! Phải nên chuyên nhất tâm ý, đừng để lầm lỗi.

Lúc đức Phật nói pháp này, có hơn sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch phiền não, tâm được giải thoát ngay tại chỗ ngồi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

4. TIN KÍNH TAM BẢO[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[14] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.4. 0817a16). Tham chiếu: *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T.*01. 0026.206. 0780b15); *M.* 16, *Cetokhila Sutta* (*Kinh tâm hoang vu*); *A.* 5.205 - III. 248; *A.* 5.206 - III. 249; *A.* 9.71 - IV. 460; *A.* 9.72 - IV. 461; *A.* 9.82 - IV. 463; *A.* 9.92 - IV. 464.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không diệt trừ năm sự nhơ uế trong tâm, không diệt trừ năm sự trói buộc trong tâm thì đối với Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy, pháp lành mãi mãi diệt mất, không thể tăng thêm.

Thế nào gọi là không diệt trừ năm sự nhơ uế trong tâm? Ở đây, vị Tỳ-kheo có tâm nghi ngờ đối với Như Lai thì không thể giải thoát, cũng không thể thấm nhuần[15] Chánh pháp, vị ấy không chú tâm trong khi tụng đọc, nên gọi là Tỳ-kheo không diệt trừ sự nhơ uế trong tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm nghi ngờ đối với Chánh pháp thì không thể giải thoát, cũng không thể thấm nhuần Chánh pháp, vị ấy cũng không tụng đọc, nên gọi là Tỳ-kheo không diệt trừ sự nhơ uế trong tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm nghi ngờ đối với Thánh chúng thì không thể giải thoát, cũng chẳng lưu tâm đối với hòa hợp chúng, cũng không an trú trong Chánh pháp, nên gọi là Tỳ-kheo không diệt trừ sự nhơ uế trong tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo phạm cấm giới mà không tự sám hối lỗi lầm. Tỳ-kheo ấy đã phạm giới cấm mà không tự ăn năn sửa đổi, tâm cũng không an trú trong Chánh pháp, nên gọi là Tỳ-kheo không diệt trừ sự nhơ uế trong tâm.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu Phạm hạnh với tâm ý không định tĩnh, nghĩ rằng: "Nhờ đức của Phạm hạnh này mà ta được sanh vào cõi trời, hoặc làm các vị thần tiên." Do vì Tỳ-kheo ấy tu tập Phạm hạnh với tâm như vậy nên tâm vị ấy không chuyên chánh đối với Chánh pháp. Do tâm đã không an trú trong Chánh pháp, nên gọi là không diệt trừ sự nhơ uế trong tâm.

Vị Tỳ-kheo như thế gọi là không diệt trừ năm sự nhơ uế trong tâm.

[0817b05] Thế nào gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ năm sự trói buộc? Ở đây, Tỳ-kheo với tâm biếng nhác, không mong cầu tinh tấn.[16] Do Tỳ-kheo ấy có tâm biếng nhác không mong cầu tinh tấn nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm trói buộc.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường hay quên, ham ngủ nghỉ. Tỳ-kheo ấy do thường hay quên, ham ngủ nghỉ nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm trói buộc thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo tâm không định, thường hay tán loạn. Tâm Tỳ-kheo ấy tán loạn, không định nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm trói buộc thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo có các căn môn không định tĩnh. Do Tỳ-kheo ấy có các căn môn không định tĩnh nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm trói buộc thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường ưa thích nơi ồn náo, không ở chốn vắng vẻ nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm trói buộc thứ năm.

---

[15] Nguyên tác: Nhập (入).

[16] Nguyên tác: Phương tiện (方便): 具活力之精進.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào trong tâm có năm sự nhơ uế và năm sự trói buộc mà không đoạn trừ thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy mãi mãi đoạn dứt pháp lành, không thể tăng trưởng. Cũng như gà mẹ có tám trứng hoặc mười hai trứng nhưng không tùy thời che chở, không tùy thời ấp ủ, không tùy thời giữ gìn, tuy gà mẹ ấy nghĩ rằng: "Mong các con của ta được an toàn, không mong gì khác." Tuy nhiên, đàn gà con rốt cuộc vẫn không thể an ổn. Vì sao như thế? Do vì không tùy thời chăm sóc nên mới như thế, về sau trứng bị hư, không thể nở ra gà con. Điều này cũng như thế, nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không đoạn trừ năm sự trói buộc trong tâm, không đoạn trừ năm sự nhơ uế trong tâm thì pháp lành mãi diệt mất, không thể tăng trưởng.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào đoạn trừ năm sự trói buộc trong tâm, đoạn trừ năm sự nhơ uế trong tâm thì pháp lành luôn tăng thêm, không bị tổn giảm. Cũng như gà mẹ có tám trứng hoặc mười hai trứng lại tùy thời che chở, tùy thời săn sóc, tùy thời ấp ủ. Dù gà mẹ kia có nghĩ: "Mong các con của ta hoàn toàn thất bại", nhưng các gà con kia vẫn tự nhiên thành tựu, an ổn mọi bề. Vì sao như thế? Vì gà mẹ tùy thời săn sóc khiến chúng được an toàn, thế rồi những gà con liền ra khỏi vỏ trứng. Điều này cũng như thế, nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni kia đoạn trừ năm sự nhơ uế trong tâm, trừ sạch năm sự trói buộc trong tâm thì pháp lành của Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy luôn luôn tăng thêm, không hề tổn giảm.

[0817c02] Thế nên, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni hãy thiết lập tâm không do dự nghi ngờ đối với Phật; tâm không do dự nghi ngờ đối với Pháp; tâm không do dự nghi ngờ đối với chúng Tăng; vẹn toàn giới luật, tâm ý chuyên chánh, không hề tán loạn, cũng không khởi tâm mong cầu pháp khác, cũng không vì mong cầu may mắn mà tu Phạm hạnh, rồi nghĩ rằng: "Ta sẽ thực hành pháp này để được sự thần diệu tôn quý nơi cõi người, cõi trời."

Nếu có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không có nghi ngờ do dự đối với Phật, đối với Pháp, đối với Thánh chúng, cũng không phạm giới, không còn phiền não thì nay Như Lai bảo các thầy, dặn dò các thầy rằng, Tỳ-kheo ấy sẽ hướng đến hai cảnh giới: Hoặc sanh lên cõi trời, hoặc ở trong loài người. Ví như có người ở trong chỗ vô cùng nóng bức lại vừa đói khát, bỗng gặp được nơi có bóng râm, được uống nước suối mát mẻ, cho dù người ấy suy nghĩ: "Tuy ta gặp nơi có bóng râm, được uống nước trong mát nhưng cũng không thể dứt cơn đói khát." Thế nhưng, người kia đã thoát khỏi sự nóng bức, chấm dứt cơn đói khát. Điều này cũng như thế, nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không có do dự nghi ngờ đối với Như Lai thì Tỳ-kheo ấy liền hướng đến hai cảnh giới: Hoặc sanh lên cõi trời, hoặc ở trong loài người. Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nên tìm cầu phương tiện diệt trừ năm sự nhơ uế trong tâm, dứt trừ năm sự ràng buộc trong tâm.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hoặc có lúc oai lực của nhà vua không thể trùm khắp nên giặc cướp tranh nhau nổi dậy. Giặc cướp đã tranh nhau nổi dậy thì hết thảy thôn xóm, thành ấp, dân chúng đều bị tan hoại, diệt vong, hoặc gặp nạn đói khát mà chết. Nếu như chúng sanh ấy qua đời trong lúc đói khát thì sẽ bị đọa vào ba đường ác.

Ở đây, với Tỳ-kheo tinh tấn cũng lại như thế. Nếu người trì giới giảm thiểu thì lúc ấy Tỳ-kheo ác liền nổi lên mạnh mẽ. Tỳ-kheo ác đã nổi lên mạnh mẽ thì Chánh pháp dần suy giảm, phi pháp tăng thêm. Phi pháp đã tăng thêm thì chúng sanh trong cõi ấy đều bị đọa vào ba đường ác.

Nếu vào lúc oai lực của nhà vua lan tỏa khắp nơi thì giặc cướp đều lẩn trốn. Oai lực của nhà vua đã lan tỏa khắp nơi thì thành ấp, thôn xóm, dân chúng sẽ hưng thịnh phú cường.

Ngày hôm nay đây, Tỳ-kheo tinh tấn cũng lại như thế, nếu trì giới vẹn toàn thì lúc ấy Tỳ-kheo phạm giới dần giảm thiểu, Chánh pháp hưng thịnh, phi pháp suy giảm, chúng sanh trong cõi ấy sau khi qua đời đều được sanh vào cõi người, sanh lên cõi trời.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Hãy nhớ giữ gìn vẹn toàn giới luật, đừng để giảm khuyết oai nghi lễ tiết.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. PHÁP MÔN LỬA CHÁY[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thà rằng thường ngủ nghỉ, chớ đừng trong lúc thức lại tư duy loạn tưởng, để rồi lúc lâm chung bị đọa vào đường ác. Thà rằng dùng dùi sắt đang bị nung

---

[17] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T* 02. 0125.51.5. 0817c19).

[18] *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.6. 0818a09). Tựa đề đặt theo *S*. 35.194 - IV. 168: *Ādittapariyāyaṃ* (*Pháp môn lửa cháy*). Nguyên văn: *Ādittapariyāyaṃ vo, bhikkhave, dhammapariyāyaṃ desessāmi* (Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về pháp môn lửa cháy, pháp môn Chánh pháp), HT. Thích Minh Châu dịch. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.241. 0058a07); *S*. 35.194 - IV. 168.

nóng mà áp vào mắt, chớ đừng nhìn sắc mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng là bị thức chế ngự. Tỳ-kheo đã bị thức chế ngự thì nhất định sẽ đọa vào ba đường ác là địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ.

Điều Như Lai muốn nói ở đây là gì? Người ấy thà ngủ nghỉ chớ đừng trong lúc thức lại tư duy loạn tưởng. Thà lấy dùi bén đâm thủng lỗ tai chớ đừng vì nghe tiếng mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng là bị thức chế ngự. Thà rằng thường ngủ nghỉ chớ đừng trong lúc thức mà khởi loạn tưởng.

Thà dùng kềm nóng hủy hoại lỗ mũi của mình chớ đừng do ngửi hương thơm mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng là bị thức chế ngự, đã bị thức chế ngự thì sẽ đọa trong ba đường ác là địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Điều Như Lai giảng nói chính là như thế.

Thà dùng kiếm bén cắt đứt lưỡi mình, chớ không nói lời ác, nói lời thô tháo rồi đọa trong ba đường ác là địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Thà rằng thường ngủ nghỉ chớ đừng trong lúc thức mà khởi loạn tưởng.

Thà dùng tấm đồng nóng quấn vào thân mình chớ không giao tiếp với các người nữ thuộc hàng trưởng giả, cư sĩ hay Bà-la-môn. Nếu giao tiếp nói năng hay qua lại với họ thì chắc chắn sẽ bị đọa trong ba đường ác là địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Điều Như Lai giảng nói chính là như thế.

Thà rằng thường ngủ nghỉ chớ đừng trong lúc thức mà khởi tâm muốn phá hoại Thánh chúng. Đã phá hoại Thánh chúng thì sẽ phạm vào năm tội nghịch, cho dù ngàn ức chư Phật cũng không thể cứu giúp. Những ai gây rối loạn trong chúng, chắc chắn sẽ bị đọa vì phạm vào tội lỗi không thể cứu giúp. Thế nên Như Lai nói rằng, thà rằng thường ngủ nghỉ chớ đừng trong lúc thức mà khởi tâm muốn phá hoại Thánh chúng, phạm vào tội lỗi không thể cứu giúp.

Do đó, này Tỳ-kheo! Phải nên giữ gìn sáu căn,[19] đừng để sai phạm.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

7. PHƯƠNG TIỆN ĐỘ CON[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[19] Nguyên tác: Lục tình (六情), tên khác của 6 căn (六根), gồm mắt (眼), tai (耳), mũi (鼻), lưỡi (舌), thân (身) và ý (意).

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.51.7. 0818b05). Tham chiếu ý kinh *Xuất vật cố nhân sử sự Phật* (出物雇人使事佛); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.51.7. 0818c02).

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc[21] có bốn người con nhưng đều không phụng thờ Phật, Pháp và Thánh chúng, cũng chẳng quy y Phật, Pháp và Thánh chúng.

Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc bảo bốn người con:

– Các con nên quy y Phật, quy y Pháp và quy y Thánh chúng để được hưởng phước lâu dài không thể tính kể.

Các con thưa với cha:

– Chúng con không thể quy y Phật, quy y Pháp và quy y Thánh chúng.

Trưởng giả Cấp Cô Độc bảo:

– Cha sẽ thưởng mỗi con một ngàn lượng vàng ròng, nếu các con vâng lời cha dạy mà quy y Phật, quy y Pháp và quy y Thánh chúng.

Các con lại thưa:

– Chúng con không thể quy y Phật, quy y Pháp và quy y Thánh chúng.

Cha lại bảo:

– Cha thưởng thêm mỗi con hai ngàn, ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn lượng vàng ròng. Các con hãy quy y Phật, quy y Pháp và quy y Thánh chúng thì sẽ hưởng phước lâu dài không thể tính kể.

Thế rồi, các người con nghe như vậy xong nên im lặng nhận lời.

Lúc ấy, các người con hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

– Chúng con phải làm thế nào để quy y Phật, quy y Pháp và quy y Thánh chúng?

Trưởng giả Cấp Cô Độc bảo:

– Tất cả các con hãy theo cha đến chỗ đức Thế Tôn. Nếu đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì thì các con hãy ghi nhớ phụng hành.

Các con thưa cha:

– Đức Như Lai hiện nay đang ở đâu? Cách đây gần hay xa?

Người cha đáp:

– Hiện nay, đức Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác đang ngụ trong vườn của cha ở nước Xá-vệ.

Thế rồi, trưởng giả Cấp Cô Độc dẫn bốn người con đến chỗ đức Thế Tôn. Đến nơi, họ liền cúi đầu lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, trưởng giả bạch Thế Tôn:

– Bốn người con của con chưa quy y Phật, chưa quy y Pháp và chưa quy y Thánh chúng. Mới hôm qua, con thưởng mỗi đứa năm ngàn lượng vàng, khích lệ chúng phụng sự Phật, Pháp và Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn vì chúng thuyết pháp, khiến chúng được hưởng phước lâu dài không thể tính kể!

[21] Nguyên tác: A-na-bân-kỳ (阿那邠祇, Anāthapiṇḍika).

Lúc ấy, Thế Tôn liền tuần tự thuyết pháp cho bốn người con của trưởng giả, khuyên răn chúng, khiến chúng được hoan hỷ.

Các con của trưởng giả được nghe Phật thuyết pháp nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền quỳ xuống bạch đức Thế Tôn:

– Chúng con đều đã quy y với Thế Tôn, quy y Chánh pháp và quy y Thánh chúng. Từ nay về sau, chúng con không còn sát sanh, cho đến không uống rượu.

Bạch ba lần như thế.

[0818c01] Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi đức Thế Tôn:

– Nếu có người nào dùng tài vật để thuê người phụng thờ Phật thì phước ấy thế nào?

Thế Tôn dạy:

– Lành thay, lành thay! Này trưởng giả! Ông dám hỏi đến lẽ cùng cực này là vì muốn trời, người được an lạc nên mới có thể hỏi Như Lai nghĩa này. Ông hãy khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ giảng nói cho ông.

Lúc ấy, trưởng giả vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:

– Có bốn kho tàng lớn. Là những kho nào? Kho tàng của vua rồng Y-la-bát ở nước Càn-đà-vệ, đây là kho tàng thứ nhất, có vô số châu báu chứa đầy trong kho[22] ấy. Lại có kho lớn của vua rồng Ban-trù ở nước Mật-đế-la, cất chứa châu báu không thể tính kể. Lại có kho lớn của vua rồng Tân-già-la ở nước Tu-lại-tra, cất chứa châu báu không thể tính kể. Lại có kho lớn của vua rồng Nhượng-khư ở nước Ba-la-nại, cất chứa châu báu không thể tính kể. Giả sử hết thảy nam nữ, lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-đề đều đến nhặt lấy châu báu trong bốn ngày, bốn tháng hay bốn năm thì kho Y-la-bát cũng không hề giảm bớt. Giả sử có người đến kho Ban-trù lấy của báu suốt bốn ngày, bốn tháng hay bốn năm thì kho ấy cũng không hề giảm bớt. Giả sử có người đến kho Tân-già-la lấy của báu suốt bốn ngày, bốn tháng hay bốn năm thì kho ấy cũng không hề giảm bớt. Giả sử có người đến kho lớn Nhượng-khư ở nước Ba-la-nại lấy của báu suốt bốn ngày, bốn tháng hay bốn năm thì kho ấy cũng không hề giảm bớt. Này trưởng giả! Đó gọi là bốn kho báu lớn, nếu hết thảy nam nữ, lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-đề đều đến mang vác châu báu suốt bốn ngày, bốn tháng hay bốn năm thì những kho ấy cũng không hề giảm bớt.

Vào thời tương lai có đức Phật hiệu là Di-lặc xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có cõi nước tên là Kê-đầu, là nơi vua cai trị, từ Đông sang Tây rộng mười hai do-tuần, từ Nam đến Bắc rộng mười hai do-tuần, dân chúng đông đảo, lúa thóc dồi dào. Chung quanh thành của cõi nước Kê-đầu do vua cai trị có bảy lớp ao nước, mỗi ao rộng một do-tuần, dưới đáy ao có cát vàng, có các loài hoa như hoa sen

[22] Nguyên tác: Cung (宮).

xanh,[23] hoa sen vàng,[24] hoa sen trắng[25] đều mọc trong ao ấy. Nước trong ao có màu sắc giống như vàng, như bạc, như thủy tinh và như lưu ly. Nếu nước màu bạc thì khi đông lại hóa thành bạc, nước màu vàng thì khi đông lại hóa thành vàng, nước màu lưu ly thì khi đông lại hóa thành lưu ly, nước màu thủy tinh thì khi đông lại hóa thành thủy tinh.

Trưởng giả nên biết! Thuở ấy có bốn cửa thành lớn, trong ao nước bạc thì có bậc cửa được làm bằng vàng, trong ao nước vàng thì có bậc cửa được làm bằng bạc, trong ao lưu ly thì có bậc cửa được làm bằng thủy tinh, trong ao nước thủy tinh thì có bậc cửa được làm bằng lưu ly.

Trưởng giả nên biết! Bấy giờ, chung quanh thành Kê-đầu treo linh, tiếng linh phát ra âm thanh nghe như tiếng của năm loại nhạc. Lúc ấy, trong thành thường có bảy thứ tiếng. Là những tiếng nào? Đó là, tiếng loa, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng trống nhỏ, tiếng trống tròn, tiếng trống trận và tiếng ca múa. Trong thành Kê-đầu tự nhiên sanh ra loại lúa dài ba tấc, cực kỳ thơm ngon, hương vị tuyệt hảo, vừa gặt liền mọc lên, không thể thấy dấu gặt. Thuở ấy, có vua tên Nhượng-khư, dùng pháp cai trị, có đầy đủ bảy báu.

[0819a06] Trưởng giả nên biết! Bấy giờ, vị thần chủ kho tàng tên là Thiện Bảo, đức cao, trí tuệ, thiên nhãn bậc nhất, biết tất cả kho báu ở khắp nơi, kho tàng có chủ thì tự nhiên giữ gìn, kho tàng vô chủ liền đem dâng vua. Lúc ấy, các vị thần chủ kho tàng của bốn vị vua rồng là vua rồng Y-la-bát, vua rồng Ban-trù, vua rồng Tân-già-la và vua rồng Nhượng-khư đều đi đến chỗ thần kho tàng Thiện Bảo và nói như vầy: "Nếu ngài cần gì, chúng tôi sẽ cung cấp."

Lúc ấy, bốn vua rồng đều nói: "Xin dâng lên châu báu trong bốn kho tàng báu để tùy nghi sử dụng." Thế rồi, chủ kho tàng báu Thiện Bảo liền lấy châu báu trong bốn kho báu cùng với xe lông chim bằng vàng dâng lên Vua Nhượng-khư.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ như vầy:

Thi-la ở Càn-đà,
Ban-trù ở Mật-để,
Tân-già nước Tu-lại,
Nhượng-khư nước Ba-nại.
Đây là bốn kho báu,
Kho vựa đều tràn đầy,
Thường xuất hiện thuở ấy,
Do công đức tạo thành.
Dâng lên bậc Thánh vương,
Vàng, bạc, xe lông quý,
Được chư thần hộ trì,
Trưởng giả thọ phước ấy.

Bấy giờ, có đức Phật xuất hiện ở đời để giáo hóa cho dân chúng hiệu là Di-lặc, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,[26] Thiện Thệ, Thế Gian

[23] Nguyên tác: Ưu-bát liên hoa (優鉢蓮華).
[24] Nguyên tác: Câu-vật-đầu hoa (拘勿頭花).
[25] Nguyên tác: Phân-đà-lợi hoa (分陀利華).
[26] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為).

Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,[27] Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.[28] Trưởng giả nên biết! Chủ kho tàng Thiện Bảo vào thời tương lai ấy là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì chủ kho tàng vào thời tương lai ấy chính là trưởng giả hôm nay vậy.

Vào thời ấy, Vua Nhượng-khư dùng vàng bạc tạo phước đức rộng rãi, rồi dẫn tám vạn bốn ngàn đại thần tuần tự vây quanh, cùng đi đến chỗ đức Phật Di-lặc để xuất gia học đạo. Bấy giờ, thần chủ kho tàng cũng tạo phước đức rộng lớn, cũng sẽ xuất gia học đạo, dứt trừ hết thảy khổ đau, đều do trưởng giả dẫn dắt bốn người con khiến họ quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Nhờ vào công đức này mà không bị đọa trong ba đường ác, cũng nhờ công đức này mà được bốn kho tàng lớn, cũng nhờ phước báu này mà làm thần chủ kho tàng của Vua Nhượng-khư, rồi ngay trong đời ấy được dứt trừ hết thảy khổ đau. Vì sao như thế? Bởi vì quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, công đức ấy không thể đo lường. Người nào quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng đều được phước như thế.

Thế nên, này trưởng giả! Ông hãy thương xót các loài hữu tình mà tìm cầu mọi phương tiện hướng họ về với Phật, với Pháp và với Tăng.

Thật vậy, này trưởng giả! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ rồi ra về. Bốn người con của trưởng giả cũng thực hành như thế.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc và bốn người con nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

8. TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC LÂM CHUNG[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc đang lâm bệnh nặng. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất dùng thiên nhãn thanh tịnh không chút cấu nhiễm để quán sát nên thấy trưởng giả Cấp Cô Độc đang lâm bệnh nặng, liền bảo Tôn giả A-nan:

– Thầy hãy cùng tôi đến thăm trưởng giả Cấp Cô Độc.

---

[27] Nguyên tác: Đạo Pháp Ngự (道法御).

[28] Nguyên tác: Chúng Hựu (眾祐).

[29] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.8. 0819b11). Tham chiếu: *Giáo hóa bệnh kinh* 教化病經 (*T*.01. 0026.28. 0458b28); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.593. 0158b24); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1032. 0269c08); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.187. 0441a27); *M*. 143, *Anāthapiṇḍikovāda Sutta* (*Kinh giáo giới Cấp Cô Độc*); *S*. 2.20 - I. 33; *S*. 55.26 - V. 380.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đáp:

– Kính vâng, thưa Tôn giả![30]

Thế rồi, A-nan đúng thời liền đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực, dần dần đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc rồi ngồi vào tòa.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất đang ngồi trên tòa, liền hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

– Hôm nay, bệnh tình của ông tăng thêm hay giảm bớt? Ông cảm thấy sự đau đớn có giảm bớt phần nào không? Chúng không tăng thêm chứ?

Trưởng giả thưa:

– Bệnh tật của con hôm nay càng thêm trầm trọng, chỉ tăng thêm chứ không giảm bớt.

Xá-lợi-phất bảo:

– Bây giờ, trưởng giả hãy nên nhớ nghĩ đến Phật, Ngài là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,[31] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,[32] Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn;[33] cũng nên nhớ nghĩ đến Pháp, vì Pháp của Như Lai rất mực thâm sâu, đáng tôn trọng, đáng kính quý, không gì sánh bằng, là chỗ tu hành của bậc Hiền thánh; cũng nên nhớ nghĩ đến Tăng chúng của Như Lai trên dưới thuận hòa, không hề tranh cãi, thành tựu pháp và tùy pháp. Thánh chúng ấy thành tựu về giới, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát và thành tựu giải thoát tri kiến. Được gọi là Tăng, gồm bốn đôi tám bậc,[34] đó gọi là Thánh chúng của Như Lai, đáng tôn trọng, đáng kính quý, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Này trưởng giả! Nếu ông thực hành niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tỳ-kheo-tăng thì phước đức ấy không thể tính kể, đạt đến cõi bất tử, Niết-bàn.

[0819c02] Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào nghĩ nhớ đến Ba ngôi báu là Phật, Pháp và Thánh chúng mà còn bị đọa vào ba đường ác thì điều này không bao giờ xảy ra. Nếu người thiện nam hay người thiện nữ kia tu tập, nhớ nghĩ đến Ba ngôi báu thì chắc chắn sẽ sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời hoặc trong cõi người.

Này trưởng giả! Kế đến, chớ có dính mắc[35] vào sắc, cũng đừng nương vào sắc mà khởi lên phân biệt. Chớ có dính mắc vào thanh, đừng nương vào thanh

---

[30] Nguyên tác: Nghi tri thị thời (宜知是時). Cú ngữ này còn được dịch: Kim chánh thị thời (今正是時), tri thị thời (知是時), thị thời (是時). Có nguyên tác Pāli: *Kālaṃ maññasī*, có nghĩa là đó là việc hợp thời, đúng lúc. Bản Việt dịch có sự thay đổi để phù hợp với ngữ cảnh.

[31] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為).

[32] Nguyên tác: Đạo Pháp Ngự (道法御).

[33] Nguyên tác: Chúng Hựu (眾祐).

[34] Nguyên tác: Tứ song bát bối (四雙八輩). Xem chú thích 50, trang 640.

[35] Nguyên tác: Bất khởi (不起). Khởi (起): 扶持也. Bản Pāli: *Na upādiyissāmi,* nghĩa là không chấp thủ.

mà khởi lên phân biệt. Chớ có dính mắc vào hương, đừng nương vào hương mà khởi lên phân biệt. Chớ có dính mắc vào vị, đừng nương vào vị mà khởi lên phân biệt. Chớ có dính mắc vào xúc, đừng nương vào xúc mà khởi lên phân biệt. Chớ có dính mắc vào ái, đừng nương vào ái mà khởi lên phân biệt. Vì sao như thế? Vì duyên ái mà có thủ,[36] duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, có tử, có ưu, bi, khổ, não không thể tính kể. Đó gọi là sự hiện hữu của năm thủ uẩn khổ đau này mà không hề có ngã, nhân, thọ, mạng, chúng sanh,[37] sanh loại và các loài có hình sắc.[38]

Như khi mắt sanh khởi thì cũng không biết chúng khởi lên từ đâu. Như khi mắt diệt thì cũng chẳng biết chúng đi về đâu. Từ nơi không có mà mắt sanh, đã được sanh rồi thì mắt diệt, đều do các pháp nhân duyên hòa hợp. Sở dĩ gọi là pháp nhân duyên do vì cái này có nên cái kia có, do cái này không nên cái kia không. Đó gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc,[39] xúc duyên thọ,[40] thọ duyên ái, ái duyên thủ,[41] thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên ưu, bi, khổ, não không thể tính kể. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy: Từ không có mà sanh ra, đã có rồi thì diệt mất, cũng không biết từ đâu đến, cũng chẳng biết đi về đâu, thảy đều do các pháp nhân duyên hòa hợp. Như thế, này trưởng giả! Đây gọi là pháp tu bậc nhất về nghĩa không.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc buồn khóc, không ngăn được dòng lệ.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Cấp Cô Độc:

– Do nhân duyên gì mà ông đau buồn đến như thế?

Trưởng giả thưa:

– Chẳng phải con đau buồn mà do vì từ xưa đến nay, tuy được phụng sự Phật và tôn kính các Tỳ-kheo trưởng lão nhưng con chưa từng được nghe pháp tôn quý như thế này, như lời Tôn giả Xá-lợi-phất vừa giảng nói.

Thế rồi, Tôn giả A-nan bảo Cấp Cô Độc:

– Trưởng giả nên biết! Như Lai có dạy, thế gian có hai hạng người. Là hai hạng người nào? Một là, người biết rõ về lạc. Hai là, người biết rõ về khổ. Người biết rõ[42] về lạc là Tôn giả Tu-bồ-đề.[43] Người biết rõ về khổ là Tỳ-kheo

---

[36] Nguyên tác: Thọ (受).

[37] Nguyên tác: Sĩ phu (士夫).

[38] Nguyên tác: Manh triệu, hữu hình chi loại (萌兆, 有形之類).

[39] Nguyên tác: Cánh lạc (更樂).

[40] Nguyên tác: Thống (痛).

[41] Nguyên tác: Thọ (受).

[42] Nguyên tác: Tập (習), đồng nghĩa với "hiểu" (曉): Thông hiểu, biết rõ, hiểu.

[43] Nguyên tác: Da-du-đề (耶輸提), tên khác của Tôn giả Tu-bồ-đề (須菩提, Subhūti).

Bà-già-lê.[44] Lại nữa, này trưởng giả! Tỳ-kheo Tu-bồ-đề là bậc Giải không bậc nhất. Người đạt được Tín giải thoát[45] là Tỳ-kheo Bà-già-lê.

Lại nữa, này trưởng giả! Người biết rõ về khổ và người biết rõ về lạc, tâm cả hai vị ấy đều được giải thoát, cả hai vị đều là đệ tử của Như Lai, không ai sánh bằng. Do cả hai vị ấy đều không chết cũng chẳng sanh, hai vị đều siêng năng vâng theo lời Phật dạy, không hề biếng nhác, chỉ do tâm có tăng, có giảm nên có người biết rõ, có người không biết rõ. Như lời trưởng giả nói: "Từ xưa đến nay tuy được phụng sự Phật, cung kính các Tỳ-kheo trưởng lão, nhưng trước đây chưa từng được nghe pháp tôn quý như thế, như lời Tôn giả Xá-lợi-phất vừa giảng nói." Tỳ-kheo Tu-bồ-đề quán sát về đất mà tâm được giải thoát. Tỳ-kheo Bà-già-lê quán sát lưỡi dao mà tâm được giải thoát. Cho nên, này trưởng giả! Hãy thực hành giống như Tỳ-kheo Bà-già-lê.

[0820a13] Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp rộng rãi cho trưởng giả, khuyến khích khiến ông hoan hỷ và phát tâm vô thượng, rồi Tôn giả rời tòa ra về.

Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan rời đi chưa bao lâu, giây lát sau, trưởng giả Cấp Cô Độc qua đời, liền sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba. Bấy giờ, thiên tử Cấp Cô Độc có được năm công đức, hơn hẳn các chư thiên khác. Là những công đức nào? Đó là, tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, an lạc cõi trời, oai thần cõi trời và ánh sáng cõi trời.

Thiên tử Cấp Cô Độc liền nghĩ: "Nay ta được làm thân cõi trời này là đều nhờ vào ân đức của Như Lai. Ta không nên hưởng thụ năm dục mà trước tiên nên đến chỗ Thế Tôn để lễ bái và thỉnh an Ngài."

Thế rồi, thiên tử Cấp Cô Độc cùng thiên chúng tuần tự trước sau, đem các loại hoa trời rải trên thân Phật. Lúc ấy, Như Lai đang ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Thiên tử ấy ở giữa hư không, chắp tay hướng về Thế Tôn và nói kệ này:

Đây là vườn Kỳ Hoàn, Chúng Tiên nhân thọ lạc,
Nơi Pháp Vương cư ngụ, Nên khởi tâm hân hoan.

Bấy giờ, thiên tử Cấp Cô Độc nói kệ như thế xong, đức Như Lai im lặng hứa khả.

---

[44] Nguyên tác: Bà-già-lê (婆伽梨), phiên âm của Vakkali.

[45] Nguyên tác: Tín giải thoát giả (信解脫者, *Saddhāvimutto*): Nhờ tín tâm cao tột với đức Phật nên được giải thoát. Theo *A*. 3.21 - I. 118: *Yvāyaṃ puggalo saddhāvimutto svāssa sakadāgāmī vā anāgāmī vā* (Hạng người Tín giải này là hạng người Nhất lai hay Bất lai), HT. Thích Minh Châu dịch. Vị Tỳ-kheo thành tựu Tín giải thoát được Phật khen ngợi là ngài Bà-ca-lê (婆迦梨). Tham chiếu: *S*. 55.24: "Có người không thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, đối với Pháp, đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, chỉ có lòng tin, chỉ có lòng ái mộ ở Như Lai. Người này, này Mahānāma, không có đi đến địa ngục, không có đi đến loài bàng sanh, không có đi đến cõi ngạ quỷ, không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ" (HT. Thích Minh Châu dịch).

Thế rồi, thiên tử ấy liền nghĩ: "Như Lai đã im lặng hứa khả cho ta", liền xả thần túc rồi đứng sang một bên.

Thiên tử Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn! Con là Tu-đạt, cũng gọi là Cấp Cô Độc, mọi người đều biết rõ, con cũng là đệ tử của Như Lai, vâng lời dạy của Thánh Tôn, nay đã qua đời được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba.

[0820b03] Thế Tôn hỏi:

– Do ân đức gì mà ông được làm thân trời này?

Thiên tử bạch Phật:

– Nương nhờ thần lực của Thế Tôn nên con mới được thọ thân ở cõi trời.

Thế rồi, thiên tử Cấp Cô Độc lại dùng hoa trời rải trên thân Như Lai, cũng rải hoa trên Tôn giả A-nan và Tôn giả Xá-lợi-phất, đi nhiễu quanh vườn Kỳ Hoàn bảy vòng rồi ẩn thân biến mất.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

– Đêm qua, có thiên tử đến chỗ Ta, nói kệ như vầy:

Đây là vườn Kỳ Hoàn, Chúng Tiên nhân thọ lạc,
Nơi Pháp Vương cư ngụ, Nên khởi tâm hân hoan.

Thế rồi, thiên tử ấy đi nhiễu quanh vườn Kỳ Hoàn bảy vòng rồi đi. Này A-nan! Thầy có biết thiên tử kia chăng?

A-nan bạch Phật:

– Chắc hẳn là trưởng giả Cấp Cô Độc.

Phật bảo A-nan:

– Đúng như lời thầy nói. Lành thay! Thầy có thể dùng trí so sánh, suy luận[46] mà biết được thiên tử ấy. Vì sao như vậy? Bởi vì, đó chính là thiên tử Cấp Cô Độc.

A-nan bạch Phật:

– Trưởng giả Cấp Cô Độc nay đã sanh lên cõi trời thì tên gọi là gì?

Thế Tôn bảo:

– Cũng có tên là Cấp Cô Độc. Vì sao như thế? Bởi vì, vào ngày thiên tử ấy sanh ra, chư thiên đều nói như vầy: "Lúc ở cõi người, thiên tử này là đệ tử của Như Lai, thường bố thí khắp tất cả với tâm bình đẳng, cứu giúp kẻ bần cùng, thiếu thốn, nhờ tạo công đức này mới được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba. Vì vậy nên tặng cho danh hiệu là Cấp Cô Độc."

---

[46] Nguyên tác: Vị tri trí (未知智) cũng gọi là "loại trí" (類智). Trí tuệ hiểu biết được sanh ra do so sánh, suy luận (由推論類比而得的智慧). P. *Anvaye ñāṇaṃ*. Tham chiếu: *D.* 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh phúng tụng*): *Cattāri ñāṇāni - dhamme ñāṇaṃ, anvaye ñāṇaṃ, pariye ñāṇaṃ, sammutiyā ñāṇaṃ* (Bốn trí: Pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí), HT. Thích Minh Châu dịch.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vị có công đức lớn và thành tựu trí tuệ là Tỳ-kheo A-nan. Tỳ-kheo A-nan hiện ở địa vị Hữu học nhưng trí tuệ không ai sánh bằng. Vì sao như thế? Bởi vì, những điều chỉ có bậc A-la-hán mới biết thì A-nan cũng biết rõ. Những điều nên học tập từ chư Phật, Thế Tôn thuở quá khứ, A-nan cũng đều biết tường tận. Thuở quá khứ, cũng có người vừa nghe liền biết rõ, nhưng hôm nay Tỳ-kheo A-nan của Ta chỉ nhìn qua liền biết rõ "Như Lai cần điều này, Như Lai không cần điều này." Đệ tử của chư Phật quá khứ phải nhập định mới biết được những điều chưa thông suốt, nhưng hôm nay Tỳ-kheo A-nan của Ta vừa quán sát liền biết rõ.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Ta, người học rộng biết nhiều, có sức dũng mãnh, tinh tấn, tâm không tán loạn, nghe nhiều bậc nhất, đảm trách mọi việc chính là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

9. BỐN HẠNG VỢ[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc có người con dâu tên là Thiện Sanh,[48] dung mạo đoan chánh, sắc mặt như màu hoa đào, là con gái quan đại thần của Vua Ba-tư-nặc. Cô ta ỷ vào dòng họ, cậy gia thế hào tộc nên không cung kính mẹ chồng và chồng, cũng không phụng sự Phật, không phụng sự Pháp và Tỳ-kheo-tăng, cũng chẳng cung kính, phụng thờ Ba ngôi báu.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Trưởng giả bạch Phật:

– Con vừa cưới vợ cho con trai của con, cô ấy là con gái quan đại thần lớn nhất của Vua Ba-tư-nặc, tự ỷ vào dòng họ hào tộc, không phụng sự Ba ngôi báu, không biết Trưởng lão, tôn ti. Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp cho con dâu của con, khiến phát tâm hoan hỷ, khai thông tâm ý!

Lúc ấy, đức Như Lai lặng im hứa khả lời thưa của trưởng giả.

---

[47] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.9. 0820c03). Tham chiếu: *Kinh hai bậc ân nặng*, số 11, phẩm 20, tr. 213 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.11. 0601a10); *A-tốc-đạt kinh* 阿遫達經 (*T.*02. 0141. 0863a21); *Ngọc-da nữ kinh* 玉耶女經 (*T.*02. 0142a. 0863c15), (*T.*02. 0142b. 0864c07); *Ngọc-da kinh* 玉耶經 (*T.*02. 0143. 0865c190); *A.* 7.63 - IV. 91.

[48] Thiện Sanh (善生). *A.* 7.63 - IV. 91: Sujāta.

Bấy giờ, trưởng giả lại bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn và Tỳ-kheo-tăng nhận lời thỉnh cúng dường bữa cơm trưa của con!

Thấy Như Lai yên lặng nhận lời thỉnh rồi, trưởng giả liền rời chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Trở về nhà, trưởng giả chuẩn bị đủ loại thức ăn uống, sửa soạn chỗ ngồi tốt đẹp rồi đến bạch Phật:

– Đã đúng thời, cúi xin Thế Tôn nhận lời thọ thỉnh của con, thức ăn đã đầy đủ!

Bấy giờ, Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau, cùng đi đến nhà trưởng giả rồi ngồi vào tòa đã soạn sẵn.[49]

Lúc ấy, trưởng giả lấy chiếc ghế nhỏ ngồi phía trước Như Lai.

Thế Tôn nói với nàng dâu Thiện Sanh:

– Này con gái trưởng giả! Nên biết rằng, người làm vợ có bốn hạng. Là bốn hạng nào? Đó là, có hạng vợ giống như mẹ, có hạng vợ giống như bạn, có hạng vợ giống như giặc và có hạng vợ giống như nô tỳ.

Cô nên biết! Hạng vợ giống như mẹ là tùy thời chăm sóc chồng, không để thiếu thốn, phải phụng sự và chăm lo cho chồng thì lúc ấy sẽ được chư thiên ủng hộ, cho dù loài người hay loài chẳng phải người đều không thể làm hại, khi chết thì được sanh lên cõi trời. Này cô gái! Như thế gọi là hạng vợ giống như mẹ.

Vì sao gọi là hạng vợ giống như bạn? Ở đây, này con dâu của trưởng giả, người con gái khi đã lấy chồng thì tâm không còn so đo mà đồng cam cộng khổ với chồng mình. Như thế gọi là hạng vợ giống như bạn.

Vì sao gọi là hạng vợ giống như giặc? Ở đây, khi người vợ đã gặp gỡ chồng rồi, liền có tâm sân hận, ganh ghét chồng, không phục vụ, không cúc cung tận tụy, thấy chồng chỉ muốn làm hại, tâm để nơi khác, chồng không thân với vợ, vợ cũng chẳng thân với chồng, chẳng có ai thương kính, chư thiên không ủng hộ, quỷ dữ liền xâm hại, qua đời bị đọa vào địa ngục, đó gọi là hạng vợ giống như giặc.

[0821a04] Vì sao gọi là hạng vợ giống như nô tỳ? Ở đây, người vợ đức hạnh khi gặp gỡ chồng rồi, liền tùy thời săn sóc, nhẫn nhịn lời nói không hề đáp trả, chịu đựng sự lạnh lẽo, cực khổ, thường có lòng từ; đối với Ba ngôi báu thì luôn nghĩ rằng: "Ba ngôi báu tồn tại thì ta còn, Ba ngôi báu suy hao thì ta mất." Do tâm niệm này nên được chư thiên ủng hộ, cho dù loài người hay loài chẳng phải người đều thương mến, khi qua đời được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời.

Này con gái trưởng giả! Đó gọi là có bốn hạng vợ, nay cô thuộc hạng vợ nào?

[49] Bản Hán lược bỏ không đề cập về việc thọ thực của Phật và Tỳ-kheo-tăng.

Lúc ấy, nghe đức Thế Tôn giảng nói như vậy rồi, nàng dâu kia liền đến trước đảnh lễ Phật, bạch rằng:

– Bạch đức Thế Tôn! Con xin sửa đổi lỗi lầm trong quá khứ, làm lành ở tương lai, nguyện không trái phạm. Từ nay về sau con thường thực hành pháp lễ kính giống như nô tỳ.

Thế rồi, Thiện Sanh trở về chỗ chồng, cúi đầu lễ sát chân:

– Thiếp nguyện săn sóc phu quân như nô tỳ vậy.

Bấy giờ, Thiện Sanh trở lại chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, đức Thế Tôn lần lượt thuyết pháp cho nàng ấy. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, dâm dục là rất nhơ uế. Thế rồi, biết tâm ý nàng ấy đã khai mở, Thế Tôn liền giảng nói hết thảy các pháp mà chư Phật, Thế Tôn thường nói, đó là khổ, tập, diệt, đạo. Ngay nơi chỗ ngồi, nàng dâu ấy đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, giống như chiếc áo mới dễ nhuộm màu, điều này cũng như thế, Thiện Sanh phân biệt các pháp, khéo hiểu nghĩa thâm sâu, quy y Ba ngôi báu, thọ trì năm giới.

Bấy giờ, nàng Thiện Sanh nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

10. HÀNG PHỤC TÂM[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lát sau, Tôn giả rời chỗ ngồi rồi bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn thường khen ngợi hàng hào tộc cao quý, không nói đến hạng thấp hèn. Bạch đức Thế Tôn! Còn con không khen ngợi hàng tôn quý cũng không nói đến hạng thấp hèn mà chỉ nói đến bậc trung, khiến được xuất gia học đạo.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thầy[51] tự cho mình là người: "Không khen ngợi hàng tôn quý cũng không nói đến hạng thấp hèn mà chỉ nói đến bậc trung, khiến được xuất gia học đạo." Tuy nhiên, ngày hôm nay Như Lai không nói đến hạng thượng, trung, hạ cho đến nơi thọ sanh. Vì sao như thế? Bởi vì, sự thọ sanh rất khổ, không đáng để mong cầu. Như đống phân kia, dù chỉ chút ít đã hôi dơ, huống hồ là tích chứa

[50] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.10. 0821a24).

[51] Bản Tống, Nguyên, Minh không có chữ "đẳng" (等).

đầy tràn. Sự thọ sanh cũng lại như vậy, chỉ một đời hoặc hai đời đã là khổ nạn, huống hồ xoay chuyển mãi mãi mà có thể cam chịu được sao? Do hữu nên có sanh, do sanh nên có già, do già nên có bệnh, có chết, ưu, bi, khổ, não... thì có gì đáng để ham thích, rồi kết thành thân năm thủ uẩn.[52] Nay Như Lai quán sát nghĩa này mà nói như vầy: "Một đời hoặc hai đời đã là khổ nạn, huống hồ xoay chuyển mãi mãi mà có thể cam chịu được sao?"

Này Xá-lợi-phất! Nếu thầy có ý muốn thọ sanh thì nên phát nguyện sanh trong gia đình hào tộc, không sanh nơi thấp hèn. Vì sao như thế? Này Xá-lợi-phất! Chúng sanh bị tâm trói buộc lâu dài, chứ không phải bị hào tộc trói buộc. Tuy nhiên, này Xá-lợi-phất! Như Ta ở trong gia đình hào tộc, là dòng dõi Sát-lợi, xuất thân từ Chuyển Luân Thánh vương, nếu Ta không xuất gia học đạo thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh vương. Nay Ta bỏ địa vị Chuyển Luân Thánh vương để xuất gia học đạo, thành tựu đạo Vô thượng. Giả sử như sanh trong nhà thấp hèn, lại không được xuất gia học đạo thì trở lại bị đọa trong đường ác.

Do đó, này Xá-lợi-phất! Nên tìm cầu phương tiện để hàng phục tâm.

Thật vậy, này Xá-lợi-phất! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.[53]

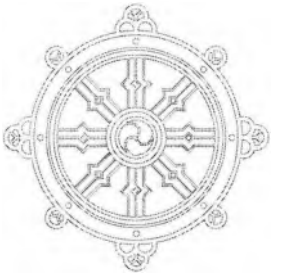

[52] Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm thân (五盛陰身).

[53] Bản Hán, hết quyển 49.

52. PHẨM ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN[1]

1. ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại giảng đường Phổ Hội,[3] trong thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo cùng đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đang ngụ tại tinh xá Cao Đài,[4] thuộc thành Tỳ-xá-ly, hết thảy đều là bậc A-la-hán, đã trừ sạch các phiền não.

Lúc ấy, Đại Ái Đạo nghe các Tỳ-kheo nói như vầy: "Chẳng bao lâu nữa, không quá ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn giữa hai cây Sa-la,[5] thuộc xứ Câu-thi-na."[6]

Thế rồi, Đại Ái Đạo liền nghĩ: "Ta không thể kham nổi khi nhìn thấy Như Lai Diệt độ, cũng không thể kham nổi khi nhìn thấy A-nan Diệt độ. Nay ta nên Diệt độ trước."

[0821c04] Lúc ấy, Đại Ái Đạo liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Đại Ái Đạo bạch đức Phật rằng:

– Bạch đức Thế Tôn! Con nghe tin chẳng bao lâu nữa, không quá ba tháng sau, Thế Tôn sẽ Diệt độ giữa hai cây Sa-la trong thành Câu-thi-na. Nay con không thể kham nổi khi nhìn thấy Thế Tôn và A-nan Diệt độ. Cúi xin Thế Tôn cho phép con được Diệt độ trước!

Khi ấy, Thế Tôn yên lặng hứa khả.

Thế rồi, Đại Ái Đạo lại bạch Phật:

---

[1] Nguyên tác: *Đại Ái Đạo Bát-niết-bàn phẩm* 大愛道般涅槃品 (*T*.02. 0125.52. 0821b25).

[2] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.52.1. 0821b26). Tham chiếu: *Đại Ái Đạo Bát-nê-hoàn kinh* 大愛道般泥洹經 (*T*.02. 0144. 0867a21); *Phật mẫu Bát-nê-hoàn kinh* 佛母般泥洹經 (*T*.02. 0145. 0869b11).

[3] Phổ Hội giảng đường (普會講堂). *SĀ*. 81 gọi là Trùng Các giảng đường (重閣講堂). *S*. 22.60 - III. 68: Kūṭāgārasālā (giảng đường có nóc nhọn).

[4] Cao Đài tự (高臺寺), có lẽ là ngôi miếu Cāpāla, cách không xa Đại Lâm, nơi đức Phật an cư mùa mưa cuối cùng. Thánh tích này trong *Cao Tăng Pháp Hiển truyện* 高僧法顯傳 (*T*.51. 2085. 0861c18) ghi: Phóng Cung trượng (放弓仗).

[5] Nguyên tác: Sa-la Song Thọ gian (娑羅雙樹間), còn gọi là Kiên Cố lâm, Sa-la lâm. Sāla nghĩa là Kiên Cố.

[6] Nguyên tác: Câu-di-na-kiệt (拘夷那竭, S. Kuśinagara, P. Kusināra), cổ dịch viết Câu-thi-na-kiệt-la (拘尸那揭羅).

– Bạch đức Thế Tôn! Từ nay về sau, cúi xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo-ni được thuyết giới!

Đức Phật dạy:

– Nay Như Lai cho phép Tỳ-kheo-ni được thuyết giới cấm cho Tỳ-kheo-ni, hãy thực hành theo những giới cấm mà Như Lai đã chế định, đừng để sai phạm.

Lúc ấy, Đại Ái Đạo đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng trước Ngài. Đại Ái Đạo lại bạch Phật:

– Từ hôm nay, con sẽ không còn được thấy tôn nhan của Như Lai, cũng không còn thấy chư Phật trong tương lai, con không tái sanh nữa, vĩnh viễn ở cõi Niết-bàn.[7] Kể từ hôm nay, con từ biệt tôn nhan bậc Thánh và không bao giờ gặp lại.

Thế rồi, Đại Ái Đạo nhiễu quanh Phật bảy vòng, cũng nhiễu quanh Tôn giả A-nan bảy vòng và nhiễu quanh tất cả chúng Tỳ-kheo rồi từ giã ra về. Khi trở về trong chúng Tỳ-kheo-ni, Đại Ái Đạo bảo các Tỳ-kheo-ni:

– Nay ta muốn vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư.[8] Sở dĩ như vậy, là vì Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ Diệt độ, các vị nên tùy nghi mà làm những việc cần làm.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thí, Tỳ-kheo-ni Xá-cừu-lê, Tỳ-kheo-ni Xa-ma, Tỳ-kheo-ni Bát-đà-lan-giá, Tỳ-kheo-ni Bà-la-giá-la, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da[9] và năm trăm Tỳ-kheo-ni cùng đi đến chỗ Thế Tôn rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni thượng thủ Sai-ma liền bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Chúng con nghe tin chẳng bao lâu nữa Như Lai sẽ Diệt độ, chúng con không thể kham nổi khi nhìn thấy Thế Tôn và Tôn giả A-nan Diệt độ trước. Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con được Diệt độ trước! Nay chúng con vào Niết-bàn, chính là đúng thời.

Lúc ấy, Thế Tôn yên lặng hứa khả.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sai-ma và năm trăm Tỳ-kheo-ni thấy đức Thế Tôn yên lặng hứa khả, liền đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, trở về phòng của mình.

[0822a03] Thế rồi, Đại Ái Đạo đóng cửa giảng đường, đánh kiền chùy, trải tọa cụ nơi khoảng đất trống rồi bay lên hư không. Ở giữa hư không, Đại Ái Đạo liền ngồi, nằm, kinh hành, hoặc phát ra ngọn lửa; dưới thân bốc khói, trên thân bốc lửa; dưới thân tuôn nước, trên thân tuôn khói; toàn thân phóng lửa, toàn thân

---

[7] Nguyên tác: Vô vi (無為).

[8] Nguyên tác: Vô vi Niết-bàn (無為涅槃).

[9] Sai-ma (差摩, Khemā), Ưu-bát-sắc (優鉢色) còn gọi là Ưu-bát Hoa Sắc (優鉢華色, Uppalavannā); Cơ-lợi-thí (基利施) còn gọi là Cơ-lê-xá Cù-đàm-di (機梨舍瞿曇彌, Kisā Gotamī); Xá-cừu-lê (舍仇梨, Sakulā); Xà-ma (奢摩, Somā); Bát-đà-lan-giá (鉢陀闌遮, Bhaddā Kuṇḍalakesā); Bà-la-giá-la (婆羅遮羅, Paṭācārā); Ca-chiên-diên (迦旃延, Bhaddakaccānā); Xà-da (闍耶, Vijayā).

phóng khói; hông bên trái tuôn nước, hông bên phải tuôn lửa; hông bên phải tuôn nước, hông bên trái tuôn khói; phía trước tuôn lửa, phía sau tuôn nước; phía trước tuôn nước, phía sau tuôn lửa; toàn thân tuôn lửa, toàn thân tuôn nước.

Bấy giờ, Đại Ái Đạo biến hóa nhiều cách như thế rồi trở về chỗ cũ ngồi kiết-già, thân tâm ngay thẳng, buộc niệm ở trước mặt rồi nhập vào Thiền thứ nhất, xuất Thiền thứ nhất rồi nhập vào Thiền thứ hai, xuất Thiền thứ hai rồi nhập vào Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba rồi nhập vào Thiền thứ tư, xuất Thiền thứ tư rồi nhập Không xứ, xuất Không xứ rồi nhập Thức xứ, xuất Thức xứ rồi nhập Vô sở hữu xứ,[10] xuất Vô sở hữu xứ rồi nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ,[11] xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi nhập định Diệt tận,[12] xuất định Diệt tận rồi nhập lại Phi tưởng phi phi tưởng xứ, xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi nhập lại Vô sở hữu xứ, xuất Vô sở hữu xứ rồi nhập lại Thức xứ, xuất Thức xứ rồi nhập lại Không xứ, xuất Không xứ rồi nhập lại Thiền thứ tư, xuất Thiền thứ tư rồi nhập lại Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba rồi nhập lại Thiền thứ hai, xuất Thiền thứ hai rồi nhập lại Thiền thứ nhất, xuất Thiền thứ nhất rồi nhập lại Thiền thứ hai, xuất Thiền thứ hai rồi nhập lại Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba rồi nhập lại Thiền thứ tư. Khi đã vào Thiền thứ tư thì liền vào Diệt độ.

Lúc ấy, trời đất chấn động mạnh, phía Đông nổi lên, phía Tây chìm xuống, phía Tây nổi lên, phía Đông chìm xuống, bốn phía nổi lên, chính giữa chìm xuống. Lại nữa, gió mát thổi khắp bốn phía, chư thiên ở giữa hư không trỗi nhạc, hát xướng. Chư thiên cõi dục buồn khóc, nước mắt rơi xuống như cõi trời rưới nước mưa cam lộ vào những tháng mùa xuân. Chư thiên thần diệu thì nghiền hoa sen xanh làm bột thơm, lại nghiền bột chiên-đàn rồi rải trên thân Đại Ái Đạo.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thí Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Xá-cù-ly,[13] Tỳ-kheo-ni Xa-ma, Tỳ-kheo-ni Bà-đà-lan-giá-da, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da, năm trăm vị Tỳ-kheo-ni thượng thủ như thế, mỗi vị đều trải tòa ngồi nơi đất trống, bay lên hư không, rồi ở giữa hư không mà nằm, ngồi, kinh hành, biến hóa mười tám cách cho đến nhập vào định Diệt tận rồi vào Diệt độ.

[0822b03] Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có vị đại tướng tên là Da-thâu-đề dẫn năm trăm thiếu niên tập hợp tại giảng đường Phổ Hội để nghe thuyết pháp. Bấy giờ, từ xa, Da-thâu-đề và năm trăm thiếu niên nhìn thấy năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đang biến hóa mười tám cách, thấy như vậy rồi, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, tất cả đều chắp tay hướng về các vị ấy.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

---

[10] Nguyên tác: Bất dụng xứ (不用處).

[11] Nguyên tác: Hữu tưởng vô tưởng xứ (有想無想處).

[12] Nguyên tác: Tưởng tri diệt (想知滅).

[13] Nguyên tác: Xá-cù-ly Tỳ-kheo-ni (舍瞿離比丘尼).

– Thầy hãy đến chỗ Đại tướng Da-thâu-đề rồi bảo rằng: "Hãy mau sắm sửa năm trăm giường nằm, năm trăm tòa ngồi, năm trăm bình bơ, năm trăm bình dầu, năm trăm kiệu hoa, năm trăm gói hương và năm trăm xe củi."

Bấy giờ, A-nan đến trước Phật, thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng biết Thế Tôn định làm gì?

Phật dạy:

– Đại Ái Đạo đã Diệt độ rồi, năm trăm Tỳ-kheo-ni cũng nhập Niết-bàn, chúng ta sẽ cúng dường Xá-lợi.

Thế rồi, A-nan vừa buồn vừa khóc, không thể kiềm chế: "Tại sao Đại Ái Đạo lại Diệt độ nhanh chóng quá!"

Bấy giờ, A-nan đưa tay gạt dòng lệ rồi đi đến chỗ Đại tướng Da-thâu-đề.

Từ xa, thấy Tôn giả A-nan đi đến, Da-thâu-đề liền đứng dậy đón tiếp rồi thưa:

– Lành thay! Tôn giả A-nan! Tôn giả có điều gì dạy bảo, sao lại đến bất ngờ như thế?

Lúc ấy, A-nan đáp:

– Đức Phật sai tôi đến, do có việc muốn nói với ông.

Đại tướng liền hỏi:

– Tôn giả có điều gì dạy bảo?

A-nan đáp:

– Thế Tôn bảo Đại tướng rằng: "Hãy sắm sửa năm trăm giường nằm, năm trăm tòa ngồi, năm trăm bình bơ, năm trăm bình dầu, năm trăm kiệu hoa, năm trăm gói hương và năm trăm xe củi. Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo-ni đều đã Diệt độ, chúng ta đến đó để cúng dường Xá-lợi."

Lúc ấy, đại tướng vừa buồn vừa khóc rồi nói như vầy:

– Tại sao Đại Ái Đạo lại Diệt độ nhanh chóng quá! Năm trăm Tỳ-kheo-ni cũng Diệt độ nhanh chóng quá! Ai sẽ giáo hóa cho chúng ta, ai sẽ chỉ dạy về cúng dường, bố thí?

Thế rồi, Đại tướng Da-thâu-đề liền sắm sửa năm trăm giường nằm, năm trăm tòa ngồi, năm trăm bình dầu, năm trăm bình bơ, năm trăm xe củi và các vật dụng để hỏa thiêu rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

Lúc ấy, Đại tướng Da-thâu-đề bạch Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn! Ngài dạy con sắm sửa các vật dụng để cúng dường, hôm nay con đã chuẩn bị xong.

Phật dạy:

– Bây giờ, các ông hãy đem nhục thân của Đại Ái Đạo và nhục thân của năm trăm Tỳ-kheo-ni đến nơi khoảng đất trống ở ngoài thành Tỳ-xá-ly, Ta muốn đến đó cúng dường Xá-lợi.

Đại tướng Da-thâu-đề bạch Phật:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Lúc ấy, đại tướng[14] liền đến chỗ của Đại Ái Đạo và các Tỳ-kheo-ni rồi bảo một người:

– Ngươi hãy bắc thang leo qua tường vào bên trong, từ từ mở cửa đừng gây tiếng động.

Lúc ấy, người kia nghe theo lời dạy liền vào mở cửa. Đại tướng lại sai năm trăm người đưa các nhục thân đặt lên giường. Bấy giờ, ở đó có hai Sa-di-ni, một vị tên là Nan-đà, vị thứ hai tên là Ưu-bàn-nan-đà. Hai Sa-di-ni bảo đại tướng:

– Thôi, thôi! Này Đại tướng! Chớ quấy nhiễu các thầy.

Đại tướng Da-thâu-đề bảo:

– Thầy của các cô không phải đang ngủ mà tất cả đều đã Diệt độ.

Bấy giờ, nghe các thầy đều đã Diệt độ, trong tâm của hai Sa-di-ni rất đỗi lo sợ, liền tự mình tư duy, xét thấy các pháp nếu có tập khởi đều là pháp diệt tận, lập tức ngay tại chỗ ngồi hai vị chứng đạt được Ba minh và Sáu thông. Lúc ấy, hai Sa-di-ni liền bay lên hư không, đến chỗ đất trống, trước tiên thực hành mười tám phép thần biến, nằm, ngồi, kinh hành, thân phóng ra nước, phóng ra lửa, biến hóa không thể tính kể, sau đó liền nhập Niết-bàn nơi cảnh giới Vô dư Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo-tăng tuần tự trước sau, cùng đi đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan, Nan-đà và La-hầu-la:[15]

– Các thầy hãy khiêng nhục thân của Đại Ái Đạo, Ta sẽ đích thân cúng dường.

Bấy giờ, biết được suy nghĩ trong tâm của Thế Tôn, Thích-đề-hoàn-nhân liền từ cõi trời Ba Mươi Ba, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay liền đến thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Những vị Tỳ-kheo đã trừ sạch phiền não ở trong chúng đều nhìn thấy Thích-đề-hoàn-nhân và thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba, còn những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di vẫn còn tham dục, chưa dứt sạch phiền não đều không thể nhìn thấy họ.

Thế rồi, từ nơi xa, biết được suy nghĩ trong tâm Như Lai, vua cõi trời Phạm thiên cùng thiên chúng ẩn thân từ cõi Phạm thiên, hiện đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát chân Phật rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, biết được suy nghĩ trong tâm của Thế Tôn, Thiên vương Tỳ-sa-môn dẫn theo các dạ-xoa,[16] quỷ thần đi đến chỗ Như Lai, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

---

[14] Nguyên tác: Trưởng giả (長者).

[15] Nguyên tác: La-vân (羅云).

[16] Nguyên tác: Duyệt xoa (閱叉, *yakkha*), một trong 8 bộ chúng thuộc sự cai quản của Tứ Đại Thiên Vương.

Lúc ấy, Thiên vương Đề-địa-lại-tra cùng các vị thần càn-thát-bà, từ phương Đông đến chỗ Như Lai, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa cùng vô số thần cưu-bàn-trà, từ phương Nam đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

Thiên vương Tỳ-lâu-ba-xoa cùng các long thần đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên. Hết thảy thiên chúng cõi dục, thiên chúng cõi sắc và thiên chúng cõi vô sắc đều biết suy nghĩ trong tâm Như Lai nên đều đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi đứng sang một bên.

[0823a07] Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ-sa-môn đến trước bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn chớ lao nhọc sức thần, đích thân chúng con sẽ cúng dường Xá-lợi!

Phật bảo chư thiên:

– Thôi, thôi! Thiên vương! Như Lai tự biết việc gì cần làm. Đây là việc mà Như Lai cần phải làm, chẳng phải hàng trời, rồng hay quỷ thần có thể làm được. Vì sao như thế? Vì cha mẹ sanh con ra đã cho con nhiều lợi ích, ân nặng dưỡng nuôi, bú mớm, ẵm bồng nên cần phải báo ân, không thể không báo đáp. Thế nhưng, chư thiên nên biết! Thân mẫu hạ sanh chư Phật, Thế Tôn thuở quá khứ đều Diệt độ trước, sau đó chư Phật, Thế Tôn đều đích thân cúng dường trà-tỳ Xá-lợi. Giả sử Thân mẫu hạ sanh chư Phật, Thế Tôn ở tương lai cũng Diệt độ trước thì về sau chư Phật đều đích thân cúng dường. Nhờ phương cách này mà biết, Như Lai nên đích thân cúng dường, chẳng phải hàng trời, rồng hay quỷ thần có thể làm được.

Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn bảo năm trăm quỷ thần:

– Các ngươi đi vào trong rừng chiên-đàn lấy củi thơm về đây để cúng dường trà-tỳ.

Bấy giờ, Thiên vương nói xong, năm trăm quỷ thần liền đến rừng chiên-đàn lấy củi chiên-đàn đem đến chỗ đất trống.

Lúc ấy, Thế Tôn đích thân khiêng một chân giường, Nan-đà khiêng một chân giường, La-hầu-la khiêng một chân giường và A-nan khiêng một chân giường đặt nhục thân của Đại Ái Đạo rồi bay lên hư không đi đến bãi tha ma. Hết thảy bốn bộ chúng gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di đưa nhục thân của năm trăm Tỳ-kheo-ni đến bãi tha ma.

Bấy giờ, Phật bảo Đại tướng Da-thâu-đề:

– Ông hãy sắm sửa thêm hai giường nằm, hai tòa ngồi, hai xe củi và hương hoa để cúng dường nhục thân hai vị Sa-di-ni.

Đại tướng Da-thâu-đề bạch Phật:

– Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Ngay lúc ấy, đại tướng liền sắm sửa các vật dụng cúng dường.

Bấy giờ, Thế Tôn lấy củi chiên-đàn đưa cho mỗi vị trời. Thế Tôn lại bảo đại tướng:

– Ông hãy sắp đặt năm trăm nhục thân giao cho từng người, mỗi người đều cúng dường nhục thân riêng biệt của từng vị. Hai vị Sa-di-ni cũng như vậy.

[0823b01] Thế rồi, đại tướng vâng lời Phật dạy, sắp đặt từng vị để lo việc cúng dường, rồi chuẩn bị hỏa thiêu.

Lúc ấy, Thế Tôn lại dùng gỗ chiên-đàn chất lên trên nhục thân Đại Ái Đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Các pháp đều vô thường, Có sanh phải có diệt,
Không sanh thì không diệt, Tịch diệt mới chân thường.

Thế rồi, chư thiên và dân chúng thảy đều vân tập ở chỗ hỏa táng. Đại chúng trời, người lên đến mười ức na-do-tha.[17]

Lúc ấy, sau khi lửa tắt, đại tướng liền thu nhặt Xá-lợi và xây tháp.

Phật dạy đại tướng:

– Ông hãy thu nhặt Xá-lợi của năm trăm Tỳ-kheo-ni rồi xây tháp thì sẽ được phước đức trong lâu dài, không thể tính kể. Vì sao như thế? Bởi vì, thế gian có bốn hạng người nên xây tháp. Họ là những ai? Nếu có người xây tháp thờ Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, xây tháp thờ Chuyển Luân Thánh vương, thờ hàng Thanh văn và bậc Độc giác thì được phước không thể tính kể.

Bấy giờ, Thế Tôn giảng nói pháp vi diệu cho chư thiên và loài người, khuyến khích khiến họ hoan hỷ. Lúc ấy, có một ức chư thiên và loài người dứt sạch các phiền não, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, chư thiên, loài người, càn-thát-bà,[18] a-tu-la[19] và bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

2. TỲ-KHEO-NI BÀ-ĐÀ[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[17] Nguyên tác: Cai-na-thuật (垓那術, *niyuta*): Số đếm rất lớn, nhưng có nhiều quan điểm không đồng nhau, có thể là một trăm ngàn, một triệu hoặc lớn hơn thế, mang tính ước lệ.

[18] Nguyên tác: Càn-đạp-hòa (乾沓和).

[19] Nguyên tác: A-tu-luân (阿須輪, asura).

[20] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.52.2. 0823b18). Tham chiếu: *Thīg.* 63-6, *Bhaddākāpilānītherīgāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Bhaddā Kāpilānī*).

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo-ni tên là Bà-đà[21] cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đi du hóa ở một chốn nọ.

Thế rồi, khi ở nơi thanh vắng, Tỳ-kheo-ni Bà-đà ngồi kiết-già, buộc niệm trước mặt rồi tư duy, tự mình nhớ lại nhiều việc trong vô số kiếp về trước nên liền mỉm cười.

Từ xa, có Tỳ-kheo-ni nhìn thấy Tỳ-kheo-ni Bà-đà mỉm cười, thấy như vậy rồi, liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni và thưa:

– Tỳ-kheo-ni Bà-đà ngồi một mình dưới cội cây lại mỉm cười, là có nhân duyên gì?

Thế rồi, năm trăm Tỳ-kheo-ni liền cùng nhau đến chỗ Tỳ-kheo-ni Bà-đà, cúi đầu lễ sát chân. Năm trăm Tỳ-kheo-ni thưa Tỳ-kheo-ni Bà-đà:

– Do nhân duyên gì mà khi ngồi một mình bên cội cây lại mỉm cười?

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Bà-đà bảo năm trăm Tỳ-kheo-ni:

– Vừa rồi, trong lúc đang ngồi bên gốc cây này, tôi nhớ lại những sự việc đã xảy ra trong vô số kiếp trước, lại thấy phải thọ nhiều thân trong những kiếp trước, chết ở nơi này sanh ở chốn kia, thảy đều nhìn thấy.

[0823c01] Lúc ấy, năm trăm Tỳ-kheo-ni lại thưa:

– Cúi xin Sư tỷ giảng nói những nhân duyên thuở quá khứ!

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Bà-đà bảo năm trăm Tỳ-kheo-ni:

– Thuở quá khứ lâu xa, cách đây chín mươi mốt kiếp, có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,[22] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,[23] Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn[24] xuất hiện ở đời. Thuở ấy, có cõi nước tên là Bàn-đầu-ma, dân chúng sung túc không thể tính kể. Bấy giờ, Như Lai Tỳ-bà-thi du hóa nơi cõi nước ấy và thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo gồm mười sáu vạn tám ngàn vị đang tuần tự vây quanh trước sau. Lúc ấy, danh hiệu của Phật truyền khắp bốn phương: "Đức Phật Tỳ-bà-thi đầy đủ các tướng tốt, là ruộng phước lành cho tất cả chúng sanh."

Bấy giờ, trong cõi nước kia có thiếu niên tên là Phạm Thiên, dung mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Khi thiếu niên kia đang đi trên đường, trên tay cầm lọng báu thì cùng lúc ấy, có người vợ của một cư sĩ, dung mạo cũng rất đoan chánh, cùng đi trên con đường kia nên mọi người đều nhìn theo. Thế rồi, thiếu niên liền nghĩ: "Dung mạo của ta cũng đoan chánh, tay cầm lọng báu nhưng

[21] Nguyên tác: Bà-đà (婆陀, Bhaddā). Kinh số 2, phẩm 5, tr. 44 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.5.2. 0559a11) ghi: Bạt-đà Ca-tỳ-ly Tỳ-kheo-ni (拔陀迦毘離比丘尼, Bhaddākāpilānītherī). Vị Tỳ-kheo-ni này là phu nhân của Tôn giả Đại Ca-diếp lúc chưa xuất gia.

[22] Nguyên tác: Minh Hạnh Thành Vi (明行成為).

[23] Nguyên tác: Đạo Pháp Ngự (道法御).

[24] Nguyên tác: Chúng Hựu (眾祐).

mọi người chẳng ai nhìn theo ta, tất cả dân chúng lại nhìn theo người phụ nữ kia. Nay ta phải tìm phương cách, khiến mọi người đều phải nhìn ta."

Thế rồi, thiếu niên ấy liền ra khỏi thành, đến chỗ đức Phật Tỳ-bà-thi, cầm hoa báu trên tay để cúng dường suốt bảy ngày bảy đêm rồi phát lời nguyện rằng: "Nếu đức Phật Tỳ-bà-thi có thần túc như vầy, có thần lực như vầy, là ruộng phước cho cõi người, cõi trời thì con nguyện đem công đức này khiến trong đời tương lai sẽ được làm thân người nữ, mọi người nhìn thấy thảy đều vui mừng."

Bấy giờ, trải qua bảy ngày bảy đêm cúng dường đức Phật kia rồi, tùy theo tuổi thọ dài hay ngắn, sau đó thiếu niên liền sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, được làm thân thiên nữ ở cõi ấy, rất mực đoan chánh, bậc nhất trong các ngọc nữ, có năm công đức thù thắng hơn các thiên nữ kia. Đó là những gì? Đó là, tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, an vui cõi trời, oai phước cõi trời và tự tại cõi trời. Lúc ấy, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba nhìn thấy rồi, hết thảy đều bảo: "Thiên nữ này rất mực thù thắng, vi diệu, không ai sánh bằng." Trong số đó hoặc có vị trời nói: "Ta mong có được thiên nữ này để làm thiên hậu." Thế rồi họ tranh giành lẫn nhau. Lúc ấy, Vua Đại Thiên bảo:

"Các ông chớ có tranh cãi nhau, trong các vị ở đây, nếu ai có thể thuyết pháp thật hay thì ta sẽ gả thiên nữ này về làm vợ."

[0824a01] Bấy giờ, có vị thiên tử nói kệ như vầy:

Lúc ngồi hay lúc đứng, Ngày đêm[25] mãi chẳng khuây,
Chỉ khi tôi ngủ say, Lòng mới thôi mơ ước.

Lúc ấy, lại có vị thiên tử nói kệ như vầy:

Ông đã được an khang, Khi ngủ chẳng mơ màng,
Nay tôi khởi lòng dục, Như trống trận rộn ràng.

Bấy giờ, lại có vị thiên tử nói kệ như vầy:

Dẫu có đánh trống trận, Vẫn có lúc tạm dừng,
Lòng dục tôi dào dạt, Như nước cuốn không ngừng.

Lúc ấy, lại có vị thiên tử nói kệ như vầy:

Như nước cuốn cây to, Vẫn có khi dừng lại,
Lòng dục tôi nghĩ mãi, Đau đáu như bắt chim.[26]

Bấy giờ, có vị thiên tử tôn quý bậc nhất trong hàng chư thiên, nói kệ cho chúng cõi trời như vầy:

Các ông thật nhàn hạ, Nói kệ của riêng mình,
Tôi còn chưa thấy ra, Mình còn hay đã mất?

---

[25] Nguyên tác: Ngụ mị (寤寐), thường dùng chỉ cho ngày đêm (常用以指日夜).

[26] Nguyên tác: Như sát tượng bất thuấn (如殺象不眴). Bản Tống và bản Thánh ghi: Như sát điểu bất thuấn (如殺鳥不眴). Chim thì luôn bay lượn, muốn bắn giết chúng phải chuyên chú đến mức không chớp mắt. Ý câu kinh này là thường dõi mắt trông theo.

Lúc ấy, chư thiên thưa với vị thiên tử ấy:

"Lành thay, này thiên tử! Bài kệ ông nói rất thanh tao và vi diệu. Nay xin dâng thiên nữ này cho Thiên vương."

Bấy giờ, thiên nữ liền vào cung của Thiên vương.

Các Tỳ-kheo-ni chớ nên nghi ngờ. Vì sao như thế? Vì thiếu niên cúng dường lọng báu[27] lên đức Phật thuở ấy là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thế, vì thiếu niên lúc ấy chính là thân tôi.

Thuở quá khứ, cách đây ba mươi mốt kiếp, có đức Phật hiệu Thi-khí Như Lai xuất hiện ở đời, Ngài cùng với chúng Tỳ-kheo gồm mười sáu vạn người du hóa nơi cõi nước Dã Mã. Bấy giờ, thiên nữ kia sau đó qua đời rồi sanh trong loài người, làm thân người nữ rất mực đoan chánh, hiếm có trong đời.

Lúc ấy, đức Như Lai Thi-khí đúng thời liền đắp y, ôm bát đi vào thành Dã Mã khất thực. Bấy giờ, thiên nữ lại làm vợ của trưởng giả, đem các món ăn thức uống ngon ngọt cúng dường lên đức Phật Thi-khí rồi phát nguyện rằng: "Nguyện đem phước nghiệp công đức này, dù sanh bất cứ nơi nào cũng không bị đọa trong ba đường ác, dung mạo đoan chánh, thù thắng hơn người."

Bấy giờ, người nữ kia về sau lại qua đời, sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, lại được làm thân nữ ở cõi ấy, rất mực đoan chánh, có năm công đức hơn hẳn các chư thiên khác. Thiên nữ thuở ấy là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thế! Vì sao như vậy? Bởi vì thiên nữ thuở ấy chính là thân tôi.

[0824b04] Cũng trong kiếp ấy, có đức Như Lai Tỳ-xá-la-bà xuất hiện ở đời. Bấy giờ, tùy theo thọ mạng của thiên nữ dài hay ngắn, sau khi qua đời lại được sanh trong loài người, làm thân người nữ, dung mạo đoan chánh, hiếm có trong đời, lại làm vợ của một vị trưởng giả. Bấy giờ, phu nhân của trưởng giả lại đem y phục tốt đẹp dâng lên đức Như Lai rồi phát thệ nguyện rằng: "Nguyện cho đời tương lai, con lại được làm thân nữ." Thế rồi, thọ mạng đã hết, phu nhân ấy được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, dung mạo đoan chánh, hơn hẳn các thiên nữ ở cõi trời ấy. Phu nhân thuở ấy là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì phu nhân thuở ấy chính là thân tôi.

Thế rồi, tùy theo tuổi thọ dài hay ngắn, thọ mạng đã hết, thiên nữ ấy sanh trở lại trong cõi người, làm nô tỳ cho trưởng giả Nguyệt Quang trong thành lớn Ba-la-nại, với dung mạo xấu xí, chẳng ai muốn nhìn.

Từ lúc đức Phật Tỳ-xá-la-bà Diệt độ, không có vị Phật nào ra đời. Thuở ấy chỉ có bậc Độc giác đi du hóa. Bấy giờ, phu nhân của trưởng giả Nguyệt Quang sai nữ tỳ:

"Ngươi hãy đi ra ngoài, tìm vị Sa-môn nào có dung mạo đoan chánh, hợp với ý ta thì thỉnh về nhà để ta cúng dường."

---

[27] Đoạn trước diễn tả thiếu niên cầm hoa báu (寶華, bảo hoa) cúng dường Phật suốt 7 ngày 7 đêm, nhưng đoạn kinh nhắc lại ở đây lại ghi là cầm lọng báu (寶蓋, bảo cái). Trường hợp này, có thể bản Hán chép nhầm.

Thế rồi, nữ tỳ liền rời khỏi nhà, đi ra ngoài để tìm Sa-môn, liền gặp vị Độc giác đang đi khất thực trong thành. Tuy nhiên, vị ấy có dáng vẻ thô kệch, dung mạo xấu xí.

Bấy giờ, nữ tỳ ấy thưa với vị Độc giác:

"Chủ nhân[28] của con mong muốn được gặp, cúi xin Ngài hạ cố đến nhà con!"

Nữ tỳ liền trở về thưa với chủ nhân:

"Sa-môn đã đến, mời phu nhân ra gặp!"

Lúc ấy, vừa trông thấy Sa-môn, phu nhân của trưởng giả không vui trong lòng, liền bảo nữ tỳ:

"Hãy đuổi thầy ấy đi, ta không bố thí! Vì sao như vậy? Do vì dung mạo của thầy ấy xấu xí."

Bấy giờ, nữ tỳ thưa phu nhân:

"Nếu phu nhân không bố thí cho vị Sa-môn này thì con sẽ lấy phần ăn của con hôm nay đem cúng hết cho Ngài!"

Thế rồi, phu nhân liền phát phần ăn cho nữ tỳ là một thăng[29] gạo tấm, nữ tỳ ấy nhận lấy rồi đem cúng dường lên Sa-môn. Nhận thức ăn xong, đức Độc giác liền bay lên giữa hư không rồi thực hành mười tám phép biến hóa. Bấy giờ, nữ tỳ của trưởng giả lại phát nguyện: "Nguyện nhờ công đức này, cho dù sanh vào chỗ nào cũng không bị đọa trong ba đường ác, vào đời sau cho con được làm thân nữ, rất mực đoan chánh."

[0824c01] Lúc ấy, đức Độc giác bưng bát cơm trên tay rồi bay quanh thành ba vòng.

Bấy giờ, trưởng giả Nguyệt Quang và năm trăm khách buôn cùng nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội. Hết thảy nam nữ, lớn nhỏ trong thành kia đều trông thấy đức Độc giác bưng bát cơm bay giữa hư không. Thấy như vậy rồi, họ bảo nhau:

"Người nào mà có công đức như thế? Ai đã được gặp vị Độc giác này để cúng dường thức ăn?"

Khi ấy, nữ tỳ của trưởng giả thưa với phu nhân:

"Hãy ra xem thần đức của Sa-môn, Ngài bay lên giữa hư không, biến hóa mười tám cách, thần đức vô lượng!"

Lúc ấy, phu nhân của trưởng giả bảo nữ tỳ:

"Ngươi bố thí thức ăn cho Sa-môn, nếu được phước thì hãy trao hết cho ta, ta sẽ trả cho ngươi thức ăn dùng cho hai ngày!"

---

[28] Nguyên tác: Đại gia (大家).

[29] Nguyên tác: Thăng (升): Dụng cụ để đo lường lương thực, bằng 1/10 của 1 đấu (量糧食的器具, 容量為斗的十分之一).

Nữ tỳ liền thưa:

"Phước ấy không thể nào đem cho được."

Phu nhân bảo:

"Ta sẽ trả cho ngươi thức ăn dùng cho bốn ngày cho đến mười ngày."

Nữ tỳ kia thưa:

"Con không thể đem phước cho được."

Phu nhân bảo:

"Ta sẽ cho ngươi một trăm đồng tiền vàng."

Nữ tỳ kia thưa:

"Con không cần!"

Phu nhân lại bảo:

"Ta sẽ cho ngươi hai trăm, cho đến một ngàn đồng tiền vàng."

Nữ tỳ kia thưa:

"Con cũng không cần!"

Phu nhân bảo:

"Ta sẽ miễn cho ngươi khỏi làm phận tôi tớ."

Nữ tỳ thưa:

"Con cũng chẳng cầu mong làm người bình thường."

Phu nhân lại bảo:

"Ta sẽ đổi cho ngươi làm phu nhân còn ta làm nữ tỳ."

Nữ tỳ kia đáp:

"Con cũng chẳng cầu mong làm phu nhân."

Phu nhân bảo:

"Bây giờ, ta sẽ bắt giữ ngươi rồi đánh đập, xẻo mũi, cắt tai, chặt hết tay chân rồi sẽ chặt đầu của ngươi."

Nữ tỳ kia đáp:

"Con sẽ cam chịu hết mọi sự khốn khổ nhưng không bao giờ đem phước để cho đi. Thân của con tuy thuộc về phu nhân, nhưng tâm lành thì mỗi người khác biệt."

Thế rồi, phu nhân của trưởng giả liền đánh đập nữ tỳ ấy.

Lúc ấy, năm trăm khách buôn đều bàn tán rằng:

"Vị Thánh nhân này hôm nay đến khất thực, chắc chắn là do gia đình ta bố thí."

Bấy giờ, giải tán mọi người xong, trưởng giả Nguyệt Quang trở về nhà, thấy phu nhân đang đánh đập nữ tỳ, liền hỏi:

"Do nguyên nhân gì mà đánh đập nữ tỳ này?"

Lúc ấy, nữ tỳ liền thuật lại đầy đủ mọi việc. Thế rồi, trưởng giả Nguyệt Quang thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền giáng phu nhân xuống làm nữ tỳ, rồi đưa nữ tỳ ấy thế chỗ của phu nhân.

Bấy giờ, thành Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm-ma-đạt cai trị. Khi nghe trưởng giả Nguyệt Quang dâng cơm cho bậc Độc giác, đại vương kia rất đỗi vui mừng, vì đã được gặp bậc Chân nhân lại còn tùy thời bố thí. Vua Phạm-ma-đạt liền sai người mời trưởng giả Nguyệt Quang đến rồi hỏi:

"Có phải khanh đã thật sự cúng dường thức ăn cho bậc Chân nhân thần tiên không?"

Trưởng giả tâu:

"Đúng là thần đã gặp bậc Chân nhân rồi cúng dường cơm cho Ngài."

Lúc ấy, Vua Phạm-ma-đạt liền ban thưởng rồi thăng chức vị cho trưởng giả.

Thế rồi, tùy theo tuổi thọ dài hay ngắn, sau khi qua đời, nữ tỳ của trưởng giả kia được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba với dung nhan thù thắng, hiếm có trong đời, cùng với năm công đức hơn hẳn các vị trời khác. Các Sư muội chớ nghĩ nữ tỳ của trưởng giả thuở ấy là người nào khác, vì đó chính là thân ta.

[0825a06] Trong Hiền kiếp này có đức Phật ra đời hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai. Lúc ấy, tùy theo thọ mạng dài hay ngắn, thiên nữ kia sau khi qua đời, sanh trong cõi người, làm con gái Phạm chí Da-nhã-đạt. Bấy giờ, cô gái ấy lại cúng dường cơm cho Như Lai và phát thệ nguyện, cầu xin được làm thân người nữ. Về sau, khi thọ mạng hết, cô được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, dung mạo đoan chánh hơn hẳn các thiên nữ khác. Từ đó rồi lại mạng chung liền sanh vào trong loài người.

Bấy giờ, đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni xuất hiện ở đời. Lúc ấy, thiên nữ kia làm con gái của trưởng giả, lại đem hoa bằng vàng cúng dường đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni: "Xin đem công đức này, nguyện sanh vào chốn nào cũng không đọa vào ba đường ác, đời sau cho con được làm thân người nữ." Thế rồi, tùy theo thọ mạng dài hay ngắn, sau khi qua đời, cô gái ấy sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, dung mạo đoan chánh, hơn hẳn tất cả thiên nữ, cùng với năm công đức không ai sánh bằng. Con gái của trưởng giả cúng dường đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni thuở ấy là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thế! Vì con gái của trưởng giả thuở ấy chính là thân ta.

Bấy giờ, tùy theo thọ mạng dài hay ngắn, thiên nữ ấy sanh trở lại cõi người làm vợ của trưởng giả, dung mạo xinh đẹp thù thắng, hiếm có trong đời. Lúc ấy, đức Phật Ca-diếp xuất hiện ở đời, phu nhân của trưởng giả cúng dường đức Phật Ca-diếp trong bảy ngày bảy đêm, phát thệ nguyện rằng: "Đời sau cho con được làm thân người nữ." Thế rồi, tùy theo tuổi thọ dài hay ngắn, khi thọ mạng hết, phu nhân của trưởng giả sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, có năm công đức hơn hẳn các thiên nữ ở cõi ấy. Phu nhân của trưởng giả cúng dường Phật

Ca-diếp thuở ấy là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thế! Vì phu nhân của trưởng giả thuở ấy chính là thân ta.

Vào Hiền kiếp này có đức Phật Thích-ca xuất hiện ở đời. Sau khi qua đời, thiên nữ ấy lại sanh vào thành La-duyệt, làm con gái Bà-la-môn Kiếp-tỷ-la, dung mạo đoan chánh, hơn hẳn các thiếu nữ khác. Con gái của Bà-la-môn Kiếp-tỷ-la đẹp như pho tượng bằng vàng tử-ma, khiến cho ai đến gần nàng đều tối đen như mực. Tâm của nàng ấy không tham đắm năm dục. Các Sư muội chớ nghĩ cô gái ấy là người nào khác chăng? Con gái của Bà-la-môn thuở ấy, đó chính là thân ta.

Các Sư muội nên biết! Do nhân duyên phước báu của công đức thuở xưa nên ta được làm phu nhân của chàng Tỷ-bát-la, chính là Đại Ca-diếp. Tôn giả Đại Ca-diếp xuất gia trước, về sau ta mới xuất gia. Nhớ lại những lúc làm thân người nữ đã trải qua thuở xưa, cho nên hôm nay ta mỉm cười. Bởi vì si mê thiếu trí tuệ nên ta đã cúng dường sáu đức Như Lai chỉ cầu mong được làm thân người nữ. Do nhân duyên này nên ta mỉm cười, bởi những việc đã trải qua thuở xưa.

[0825b08] Bấy giờ, nghe Tỳ-kheo-ni Bà-đà nhớ lại những việc đã qua trong vô số đời quá khứ, các Tỳ-kheo-ni liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên, đem hết mọi nhân duyên thưa với đức Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các vị có thấy trong hàng Thanh văn, có Tỳ-kheo-ni nào nhớ được mọi việc trong vô số đời như Tỳ-kheo-ni ấy chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Chúng con không thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất nhớ được mọi việc trong vô số kiếp trước, chính là Tỳ-kheo-ni Kiếp-tỷ-la[30] này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

3. KIẾP SỐ DÀI LÂU[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

---

[30] Nguyên tác: Kiếp-tỳ-la Tỳ-kheo-ni (劫毘羅比丘尼), cũng gọi là Bà-đà Tỳ-kheo-ni (婆陀比丘尼), và cũng là Bạt-đà Ca-tỳ-ly Tỳ-kheo-ni (拔陀迦毘離比丘尼, Bhaddākāpilānītherī).

[31] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.52.3. 0825b16). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.948. 0242b16); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.341. 0487c06); *S.* 15.6 - II. 182.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Giây lát sau, vị Tỳ-kheo rời khỏi chỗ ngồi, đến trước bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Kiếp dài hay ngắn? Có giới hạn chăng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Kiếp rất dài lâu, Ta sẽ nêu thí dụ cho thầy. Hãy chú tâm lắng nghe, nay Ta sẽ giảng nói!

Lúc ấy, Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:

– Tỳ-kheo nên biết, ví như có thành bằng sắt dài rộng một do-tuần, cao một do-tuần,[32] chứa đầy hạt cải ở trong ấy không còn chỗ trống. Giả sử một trăm năm, có người đến lấy đi một hạt cải, số hạt cải trong thành sắt ấy vì vậy sẽ giảm bớt cho đến khi hết sạch mà một kiếp vẫn không thể tính kể. Vì sao như thế? Vì sanh tử dài lâu, không có giới hạn, chúng sanh do ân ái trói buộc nên mãi xoay vần trong sanh tử, chết nơi này lại sanh nơi kia, không hề cùng tận. Ta ở trong chốn sanh tử đó mà nhàm chán sanh tử.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Nên khéo tìm cầu phương tiện để thoát khỏi tưởng tham ái đắm nhiễm này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.[33]

***

4. KIẾP VỮNG CHÃI NHƯ NÚI ĐÁ[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Thế rồi, Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Kiếp có dài lâu chăng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Kiếp rất dài lâu, không thể ước lượng và tính toán được. Nay Ta sẽ nêu ví dụ cho thầy. Hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói!

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy:

– Cũng như có núi đá vuông vắn một do-tuần, giả sử có người đến đó, tay cầm tấm vải cõi trời, rồi một trăm năm mới lau qua một lượt, do việc đó mà

---

[32] Bản Tống, Nguyên, Minh thêm cụm từ 高一由旬.

[33] Bản Hán, hết quyển 50.

[34] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.52.4. 0825c07). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.949. 0242c01); ***Biệt Tạp.*** 別雜 (*T.*02. 0100.342. 0487c21); *S.* 15.5 - II. 181.

núi đá hao mòn rồi tiêu mất, nhưng kiếp số thì khó hạn định. Vì sao như thế? Vì kiếp số dài lâu, không có bờ mé, cứ như vậy chẳng phải một kiếp hay trăm kiếp. Vì sao như thế? Vì sanh tử dài lâu, không thể hạn lượng, không có bờ mé. Các loài chúng sanh bị vô minh che lấp nên mãi xoay vần trong sanh tử, không có kỳ hạn thoát ra, chết ở nơi này lại sanh ở chốn kia, không hề cùng tận. Ta ở trong chốn sanh tử đó mà nhàm chán sanh tử.

Thật vậy, này Tỳ-kheo! Nên khéo tìm cầu phương tiện để thoát khỏi tưởng tham ái đắm nhiễm này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

5. NGHE PHÁP ĐÚNG THỜI[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nghe pháp đúng thời, thường không trái thời thì có năm công đức. Là những công đức nào? Một là, pháp chưa từng nghe liền được nghe. Hai là, pháp đã được nghe rồi liền thọ trì. Ba là, trừ bỏ nghi ngờ. Bốn là, không có tà kiến. Năm là, hiểu rõ giáo pháp sâu xa. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là nghe pháp đúng thời thì có năm công đức.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Nên nhớ nghĩ, thường nghe pháp sâu xa. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học tập điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

***

6. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong vườn Ma-ha Bà-na,[37] thuộc thành Tỳ-xá-ly.

---

[35] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.52.5. 0825c22). Tham chiếu: *Kinh nghe pháp đúng thời*, số 1, phẩm 36, tr. 563 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.36.1. 0702c23); *A*. 5.202 - III. 248.

[36] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.52.6. 0826a01). Tham chiếu: *Kinh công đức bố thí*, số 10, phẩm 32, tr. 489 trong tập này; *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.32.10. 0680c18); *A*. 5.34 - III. 38; *A*. 7.57 - IV. 79.

[37] Ma-ha Bà-na (摩訶婆那, Mahāvana), khu rừng ngoại thành Tỳ-xá-ly, còn được dịch là Đại Lâm.

Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, đức Như Lai bảo đại tướng:

– Người thí chủ, người bố thí[38] có năm công đức. Là những công đức nào? Đó là, danh tiếng của thí chủ vang xa, nghĩa là trong thôn xóm ấy có người như thế ưa thích bố thí, chu cấp cho người nghèo khổ, giúp đỡ người thiếu thốn mà không hề tham tiếc. Này Đại tướng Sư Tử! Đó là công đức thứ nhất mà thí chủ đạt được.

Lại nữa, này Đại tướng Sư Tử! Nếu như người thí chủ, người bố thí đi vào trong chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn và chúng Sa-môn thì không hề sợ hãi, cũng không bị nghi ngờ. Này Sư Tử! Đó là công đức thứ hai.

Lại nữa, người thí chủ, người bố thí được nhiều người thương mến, thảy đều kính ngưỡng như con yêu mẹ, tâm của họ không muốn rời xa. Người thí chủ cũng lại như thế, được nhiều người yêu mến.

Lại nữa, này Sư Tử! Người thí chủ, người bố thí đang lúc bố thí thì phát tâm hoan hỷ, do có tâm hoan hỷ nên sanh vui mừng, tâm tánh kiên định, lúc ấy liền tự cảm nhận có vui, có khổ, cũng không hối tiếc, rồi tự biết như thật. Vì sao gọi là tự biết? Vì biết có khổ, nguyên nhân của khổ, khi khổ đã diệt sạch và con đường đưa đến diệt khổ, thảy đều biết đúng như thật.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bố thí phước vẹn toàn, Đạt được nghĩa chân thật,
Ai thường hay bố thí, Liền phát tâm hân hoan.

Lại nữa, này Đại tướng[39] Sư Tử! Người thí chủ, người bố thí đang lúc bố thí mà qua đời thì sẽ được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba,[40] lại có năm điều hơn hẳn chư thiên trong cõi ấy. Là năm điều nào? Một là, dung mạo cao quý, oai thần rực rỡ. Hai là, mong ước tự tại, không việc gì mà không thành tựu. Ba là, nếu người thí chủ, người bố thí sanh trong loài người thì gặp gia đình giàu có. Bốn là, có nhiều của cải châu báu. Năm là, lời nói được người tin thuận.

Này Sư Tử! Đó gọi là người bố thí có năm công đức đưa đến cõi lành.

Bấy giờ, nghe lời Phật dạy, Đại tướng Sư Tử thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, liền đến trước bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời cúng dường của con!

---

[38] Nguyên tác: Thí chủ đàn-việt (施主檀越). Xem chú thích 43, phẩm 32, tr. 489; *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125. 32.10. 0680c18).

[39] Nguyên tác: Trưởng giả (長者).

[40] Nguyên tác: 施主檀越布施之時, 身壞命終生三十三天. Trong câu kinh này, cụm từ "trong khi bố thí" (布施之時) giống với ý kinh *D.* 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*): *Ye hi keci, ānanda, cetiyacārikaṃ āhiṇḍantā pasannacittā kālaṅkarissanti, sabbe te kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjissanti* (Này Ānanda, những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư thiên), HT. Thích Minh Châu dịch.

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Thấy Thế Tôn im lặng nhận lời rồi, Đại tướng Sư Tử liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui ra. Về đến nhà, đại tướng sắm sửa đầy đủ các thức ăn uống, sửa soạn chỗ ngồi tốt đẹp rồi đến bạch Phật:

– Nay chính là đúng thời, cúi xin Đại Thánh rủ lòng thương, hạ cố đến nhà con!

[0826b01] Thế rồi, đức Thế Tôn đúng thời đắp y, ôm bát, cùng chúng Tỳ-kheo tuần tự trước sau đi đến nhà của đại tướng rồi ngồi theo thứ lớp.

Bấy giờ, thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã ngồi theo thứ lớp, Tướng quân Sư Tử liền đích thân cúng dường các thức ăn uống. Trong lúc đại tướng đang dâng thức ăn thì chư thiên ở giữa hư không bảo đại tướng rằng:

– Vị này là A-la-hán, vị kia là hướng A-la-hán, cúng dường vị này thì được phước nhiều, cúng dường vị kia thì được phước ít. Vị này là A-na-hàm, vị này là hướng A-na-hàm. Vị này là Tư-đà-hàm, vị kia là hướng Tư-đà-hàm. Vị này là Tu-đà-hoàn, vị kia là hướng Tu-đà-hoàn. Vị này còn trở lại bảy lần nữa, vị này còn trở lại một lần. Vị này là bậc Tùy tín hành,[41] vị này là bậc Tùy pháp hành.[42] Đây là hạng căn tánh lanh lợi, đây là hạng căn tánh chậm lụt. Người này là hạng hạ liệt, người này tinh tấn trì giới, người này phạm giới, cúng người này thì được phước nhiều, cúng người này thì được phước ít.

Bấy giờ, nghe chư thiên nói như vậy rồi, nhưng Đại tướng Sư Tử cũng chẳng lưu tâm. Thấy Như Lai thọ trai xong, đại tướng liền thu dọn bát rồi lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Như Lai.

Lúc ấy, Đại tướng Sư Tử bạch Thế Tôn:

– Vừa rồi, có chư thiên đến chỗ con và nói rằng: "Từ bậc A-la-hán,... cho đến người phạm giới", đều thưa đầy đủ với Phật. Mặc dù nghe những lời như thế, nhưng con cũng chẳng lưu tâm và cũng chẳng nghĩ rằng: "Ta sẽ bỏ người này cúng dường người kia, bỏ người kia để cúng dường người này." Tuy nhiên, con lại nghĩ như vầy: "Nên cúng dường tất cả chúng sanh, vì những loài có hình dáng đều nhờ ăn mới tồn tại, không ăn thì sẽ chết." Đích thân con được nghe bài kệ ấy do Như Lai nói, thường ghi nhớ trong lòng và không hề quên mất. Bài kệ ấy như vầy:

Thí bình đẳng khắp cả, Không trái ý thí riêng,
Chắc sẽ gặp Thánh hiền, Nhờ đây mà được độ.

Bạch đức Thế Tôn! Bài kệ Ngài đã nói là như thế. Đích thân con được nghe từ Như Lai, thường ghi nhớ phụng hành.

---

[41] Nguyên tác: Trì tín (持信). *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.2. 0013b10) ghi: Hướng Tu-đà-hoàn (向須陀洹). *Bạt-đà-hòa-lợi kinh* 跋陀和利經 (*T*.01. 0026.194. 0747b05) ghi: Tín hành giả (信行者) hay Tín hành (信行).

[42] Nguyên tác: Phụng pháp (奉法). *Bạt-đà-hòa-lợi kinh* 跋陀和利經 (*T*.01. 0026.194. 0747b04) ghi: Pháp hành giả (法行者) hay Pháp hành (法行); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.61. 0016a09) ghi: Tùy pháp hành (隨法行) hay Pháp hành (法行).

Phật bảo đại tướng:

– Lành thay! Đây gọi là bố thí với tâm bình đẳng của Bồ-tát. Lúc Bồ-tát bố thí thì cũng không nghĩ như vầy: "Ta sẽ bố thí cho người này và không bố thí người kia", mà thường bố thí với tâm bình đẳng; cũng lại nghĩ như vầy: "Tất cả chúng sanh đều nhờ thức ăn mà tồn tại, không ăn thì sẽ chết." Lúc Bồ-tát hành bố thí, cũng tư duy về nghĩa này.

Thế Tôn liền nói kệ này:

Người tu tập hạnh này, Làm lành hay tạo ác,
Đều tự nhận quả báo, Hạnh nghiệp chẳng suy hao.
Nếu người tạo nghiệp này, Chịu quả báo như vậy,
Làm lành gặp quả lành, Làm ác nhận quả ác.
Tạo ác hay hành thiện, Tùy theo người thực hành,
Như gieo năm giống thóc, Gặt quả đúng như thế.

[0826c07] Này Đại tướng Sư Tử! Nhờ vào điều này nên biết việc thiện hay việc ác thảy đều do sự tạo tác. Vì sao như thế? Vì từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành đạo, tâm của Như Lai không hề tăng giảm, không chọn lựa người, cũng chẳng suy xét địa vị của họ. Cho nên, này Sư Tử! Nếu lúc nào muốn bố thí thì hãy thường nghĩ đến sự bình đẳng, chớ khởi tâm đúng sai.

Thật vậy, này Sư Tử! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ bố thí:

Thí hoan hỷ, người mến, Ai cũng đều ngợi khen,
Nơi đến không nghi lầm, Tâm chẳng còn ganh ghét.
Do vậy, người trí thí, Rũ sạch tưởng xấu xa,
Cõi thiện mãi là nhà, Chốn chư thiên hoan hỷ.

Khi nói bài kệ này xong, Thế Tôn liền đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

7. VUA BA-TƯ-NẶC BỐ THÍ[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Thế rồi, nhà vua bạch Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn! Là người bố thí thì nên bố thí nơi nào?

[43] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.52.7. 0826c19).

Thế Tôn bảo nhà vua:

– Tùy theo tâm hoan hỷ nơi nào thì bố thí ở nơi ấy.

Vua lại bạch Phật:

– Bố thí ở nơi nào thì được công đức lớn?

Phật bảo nhà vua:

– Lúc nãy, Đại vương đã hỏi nên bố thí nơi nào, nay lại hỏi được phước và công đức.

Vua bạch Phật:

– Nay con thưa hỏi Như Lai là bố thí nơi nào thì được công đức?

Phật bảo nhà vua:

– Nay Ta sẽ hỏi lại, Đại vương hãy tùy theo sở thích mà trả lời Ta. Thế nào, này Đại vương! Nếu có hàng Sát-lợi hoặc hàng Bà-la-môn nhưng lại ngu si chẳng biết điều gì, tâm ý tán loạn, thường không định tĩnh, rồi đến chỗ nhà vua tâu rằng: "Chúng tôi sẽ cung phụng Thánh vương, tùy thời ngài cần đến." Thế nào, này Đại vương! Ngài có cần người này làm hầu cận chăng?

[0827a02] Nhà vua bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Con không cần người ấy. Vì sao như thế? Do vì người ấy không có trí tuệ, tâm thức không định, không thể đảm trách việc đối phó với kẻ địch đến từ bên ngoài.

Phật bảo nhà vua:

– Thế nào, này Đại vương! Nếu có hàng Sát-lợi hoặc hàng Bà-la-môn có nhiều phương kế, không ngại gian khó, cũng chẳng sợ hãi, có thể chống trả kẻ địch bên ngoài, họ đến chỗ Đại vương và tâu rằng: "Chúng tôi sẽ tùy thời cung phụng Thánh vương, cúi xin ngài rủ lòng ban ân mà thâu nhận!" Thế nào, này Đại vương! Ngài có thâu nhận người ấy chăng?

Nhà vua bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con sẽ thu nhận người ấy. Vì sao như thế? Vì người ấy có thể đối phó với kẻ địch bên ngoài, chẳng nề gian khó cũng chẳng kinh sợ.

Phật bảo nhà vua:

– Tỳ-kheo cũng lại như thế, các căn đầy đủ, xả bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một và hàng phục bốn. Bố thí cho những người này sẽ được phước rất nhiều.

Vua bạch Phật:

– Thế nào gọi là Tỳ-kheo xả bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một và hàng phục bốn?

Phật bảo nhà vua:

– Đó là, Tỳ-kheo xả bỏ năm thứ ngăn che, gồm tham dục, sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi. Như thế gọi là Tỳ-kheo xả bỏ năm.

Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu sáu? Đại vương nên biết, nếu Tỳ-kheo thấy sắc rồi không dính mắc vào sắc tưởng, nương vào đây mà giữ gìn nhãn căn; trừ bỏ niệm xấu ác, bất thiện mà giữ gìn nhãn căn. Cho đến tai, mũi, miệng, thân và ý không dính mắc vào ý thức mà giữ gìn ý căn. Như thế gọi là Tỳ-kheo thành tựu sáu.

Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì một? Đó là, khi Tỳ-kheo buộc niệm ở trước mặt. Như thế gọi là Tỳ-kheo hộ trì một.

Thế nào là Tỳ-kheo hàng phục bốn? Đó là, khi Tỳ-kheo hàng phục hết thảy bốn ma, là ma chấp ngã, ma tham dục, ma chết và Ma Ba-tuần. Như thế gọi là Tỳ-kheo hàng phục bốn.

Này Đại vương! Đó gọi là xả bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một và hàng phục bốn. Bố thí cho người như thế thì được phước khó tính kể. Này Đại vương! Những người liên hệ với tà kiến và biên kiến, nếu bố thí cho những người như thế thật là vô ích.

Lúc ấy, nhà vua bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Bố thí cho người như thế thì được phước khó tính kể. Nếu Tỳ-kheo chỉ thành tựu một pháp thì phước ấy còn khó tính kể, huống hồ là thành tựu những pháp khác. Thế nào gọi là một pháp? Đó chính là pháp niệm thân. Vì sao như thế? Vì Ni-kiền tử thường chú trọng vào nghiệp của thân và nghiệp của ý mà không chú trọng vào nghiệp của miệng.

Phật bảo nhà vua:

– Ni-kiền tử ngu si, ý thường tán loạn, tâm thức không định. Đây là pháp của thầy họ cho nên họ nói như thế. Họ phải chịu quả báo về nghiệp của thân, quả báo về nghiệp của miệng, còn nghiệp của ý thì không có hình tướng nên không thể thấy.

[0827b02] Vua bạch Phật:

– Trong ba nghiệp này thì nghiệp nào quan trọng nhất? Là nghiệp của thân? Nghiệp của miệng? Hay nghiệp của ý?

Phật bảo nhà vua:

– Trong ba nghiệp này thì nghiệp của ý quan trọng nhất, còn nghiệp của miệng và nghiệp của thân thì không đáng kể.

Vua bạch Phật:

– Do nhân duyên gì mà cho rằng ý suy nghĩ là quan trọng bậc nhất?

Phật bảo nhà vua:

– Sự tạo tác của con người trước hết phải do ý suy nghĩ, sau đó mới phát khởi ra miệng, đã phát khởi ra miệng rồi thì thân mới thực hành các việc như giết hại, trộm cướp, tà dâm. Thiệt căn không cố định, cũng chẳng có đầu mối. Giả sử người kia chết, nhưng thân căn và thiệt căn vẫn còn tồn tại, này Đại vương, vì sao thân và miệng của người kia không thể làm được gì?

Vua bạch Phật:

– Do vì ý căn của người kia đã bị biến đổi nên mới như thế.

Phật bảo nhà vua:

– Do đây nên biết, ý căn quan trọng bậc nhất, hai căn kia ít quan trọng hơn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tâm là gốc các pháp, Tâm làm chủ, sai khiến,
Tâm suy nghĩ việc ác, Liền hành động tạo tác,
Vì thế khổ theo liền, Như vết theo bánh lăn.
Tâm là gốc các pháp, Tâm làm chủ, sai khiến,
Trong tâm nghĩ điều lành, Liền hành động, tạo tác,
Thọ nhận quả thiện lành, Như bóng theo hình vậy.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Đúng thế, bạch đức Thế Tôn! Gọi là người ác thì thân làm việc ác, tùy theo nghiệp mà đọa vào đường ác.

Phật hỏi nhà vua:

– Đại vương quán sát những nghĩa gì mà đến hỏi Như Lai rằng, bố thí cho người nào thì được phước đức nhiều?

Vua bạch Phật:

– Thuở xưa, con đến chỗ Ni-kiền tử rồi hỏi Ni-kiền tử rằng: "Nên bố thí nơi nào?" Nghe con hỏi như thế, Ni-kiền tử lại bàn sang việc khác, cũng không trả lời cho con. Lúc ấy, Ni-kiền tử bảo con: "Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: 'Bố thí cho Ta thì được phước nhiều, bố thí cho người khác thì không được phước. Nên bố thí cho đệ tử của Ta, không nên bố thí cho người khác. Người nào bố thí cho đệ tử của Ta thì phước ấy không thể tính kể.'"

Phật bảo nhà vua:

– Thế rồi, Đại vương đã trả lời thế nào?

Nhà vua bạch Phật:

– Lúc ấy, con liền nghĩ như vầy: "Có thể như thế, bố thí cho Như Lai thì phước ấy khó tính kể." Vì thế, hôm nay con mới thưa hỏi Phật: "Bố thí nơi nào thì được phước khó tính kể." Tuy nhiên, Thế Tôn không tự khen ngợi mình cũng chẳng chê bai người khác.

Phật bảo nhà vua:

– Ta không hề nói rằng: "Bố thí cho Ta thì được phước nhiều, còn bố thí cho người khác thì không được phước." Tuy nhiên, hôm nay Ta nói rằng: "Thức ăn còn lại trong bát mà đem cho người thì phước ấy khó tính kể." Với tâm thanh tịnh, đem bỏ thức ăn vào trong nước sạch rồi khởi lên ý niệm rộng khắp: "Mong những loài hữu tình trong đây được nương nhờ ân vô lượng", huống hồ là loài người. Thế nhưng, này Đại vương! Nay Ta nói rằng: "Bố thí cho người trì giới thì phước ấy khó đo lường, bố thí cho người phạm giới thì phước không đáng kể."

[0827c06] Đại vương nên biết! Như nhà nông khéo chăm bón ruộng đất, dọn sạch cỏ rác rồi đem giống lúa tốt gieo xuống ruộng màu mỡ, đến khi thu hoạch thì được nhiều vô kể. Nếu như nhà nông kia không chăm bón ruộng đất, không dọn sạch cỏ rác mà gieo giống thì về sau thu hoạch chẳng được bao nhiêu.

Tỳ-kheo cũng lại như thế. Nếu Tỳ-kheo xả bỏ năm, thành tựu sáu, giữ gìn một và hàng phục bốn, bố thí cho những người như thế sẽ được phước không thể tính kể, còn bố thí cho người tà kiến thì phước không đáng kể. Cũng như vậy, này Đại vương! Người chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Bà-la-môn mà tâm không nghi ngại có thể hàng phục thù địch bên ngoài nên xem người này như bậc La-hán. Còn người chủng tộc Bà-la-môn kia với tâm không chuyên nhất, không định tĩnh thì nên xem như người tà kiến.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Bố thí cho người trì giới thì phước ấy khó tính kể. Từ nay về sau, nếu những người trì giới có đến cầu xin điều gì thì con không bao giờ trái ý. Nếu bốn bộ chúng có mong cầu điều gì thì con cũng không trái ý mà sẽ tùy thời cung cấp y phục, thực phẩm, giường nằm và tòa ngồi. Con cũng bố thí cho những người Phạm hạnh.

Phật bảo:

– Chớ nói như thế! Vì sao như vậy? Bố thí cho loài súc sanh, phước ấy còn khó tính kể, huống hồ là bố thí cho người. Tuy nhiên, nay Ta nói rằng, bố thí cho người trì giới thì được phước khó tính kể, chẳng phải là người phạm giới.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Nay con xin được quy y thêm lần nữa! Đức Thế Tôn quá đỗi lân mẫn, dù cho ngoại đạo dị học phỉ báng Thế Tôn đến thế, song Thế Tôn vẫn thường khen ngợi họ. Ngoại đạo dị học tham đắm lợi dưỡng nhưng Như Lai chẳng hề tham đắm lợi dưỡng. Việc nước đa đoan, con muốn trở về.

Phật bảo nhà vua:

– Nay thật đúng lúc!

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

8. NGHIỆP BÁO[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, sau khi giết một trăm người em khác mẹ, Vua Ba-tư-nặc liền đau buồn, hối hận:

[44] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.52.8. 0827c28).

– Ta đã tạo ra gốc rễ tội ác quá đỗi sâu dày, sao lại hành động như thế? Do vì ngôi vua mà giết hại cả trăm người. Ai có thể dứt trừ nỗi lo buồn cho ta?

Vua Ba-tư-nặc lại nghĩ như vầy: "Chỉ có đức Thế Tôn mới có thể dứt trừ nỗi lo buồn của ta."

Lúc ấy, vua lại nghĩ: "Ta không nên ôm nỗi lo buồn này, cứ im lặng đến chỗ Thế Tôn, nên đến chỗ Thế Tôn với uy nghi của một bậc vua chúa."

Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc bảo quần thần:

– Các khanh hãy mau chuẩn bị xe lông chim quý,[45] như pháp của các bậc tiên vương! Trẫm muốn ra khỏi thành Xá-vệ để đến thỉnh an đức Thế Tôn.

[0828a07] Tuân lệnh vua, quần thần lập tức trang nghiêm xa giá bằng lông chim quý rồi đến tâu vua:

– Xa giá đã chuẩn bị xong, xin Bệ hạ đi cho kịp lúc!

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc liền ngự trên xe gắn lông chim quý, khua chuông gióng trống, treo phan kết lọng, tùy tùng đều mặc giáp sắt, mang binh khí, quần thần tuần tự trước sau, ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến vườn Kỳ Hoàn rồi đi bộ vào tinh xá. Theo phép của các tiên vương, nhà vua cởi bỏ hết năm nghi trượng như: Lọng, mũ, quạt, kiếm và giày. Vua đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, lại lấy tay sờ bàn chân Như Lai rồi tự giãi bày:

– Nay con xin sám hối lỗi lầm, nguyện sửa đổi lỗi cũ, tu tập trong tương lai, do ngu si không phân biệt được đúng sai, chỉ vì thế lực ngôi vua nên con đã giết hại cả trăm người em khác mẹ. Từ nay trở đi, con xin sám hối, cúi xin Ngài chấp thuận cho con!

Phật bảo nhà vua:

– Lành thay, Đại vương! Hãy trở về chỗ ngồi, Như Lai sẽ thuyết pháp.

Vua Ba-tư-nặc liền đứng dậy đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi trở về chỗ ngồi.

Phật bảo nhà vua:

– Mạng người rất mong manh, tuổi thọ dài nhất không quá trăm năm, tính ra chẳng được bao nhiêu người. Thọ mạng trăm năm ở cõi người chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba Mươi Ba, tính theo ngày đêm cõi ấy, cứ ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Thọ mạng cõi trời Ba Mươi Ba là một ngàn năm thì tuổi thọ ở cõi người là mười vạn năm.

Lại tính một ngày một đêm ở địa ngục Hoàn Hoạt. Tính theo ngày đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ trong địa ngục Hoàn Hoạt là năm ngàn năm, hoặc thọ nửa kiếp, hoặc thọ một kiếp tùy theo hạnh nghiệp của mỗi người, hoặc có khi chết yểu giữa chừng, tính theo tuổi thọ cõi người là mười tỷ năm.

---

[45] Nguyên tác: Bảo vũ chi xa (寶羽之車): Cỗ xe được trang hoàng bằng 5 loại lông chim quý, là nghi trượng của bậc đế vương. Xem *Nhất thiết kinh âm nghĩa* 一切經音義 (*T*.54. 2128.74. 0787b07); *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích* 四分律名義標釋 (*X*.44. 0744.22. 0570c24).

Người trí thường suy nghĩ để tu tập đầy đủ hạnh này, sao lại còn tạo ác để làm gì? Vui ít, khổ nhiều, tai ương không thể tính kể. Thế nên, này Đại vương! Chớ vì bản thân cho đến cha mẹ, vợ con, cõi nước, dân chúng mà tạo nghiệp tội lỗi, cũng chớ vì mình làm vua mà tạo ra gốc rễ tội lỗi. Cũng như đường phèn, ban đầu thì ngọt nhưng lại đắng về sau, điều này cũng như thế. Ở trong chốn thọ mạng ngắn ngủi, còn tạo việc ác để làm gì?

Đại vương nên biết! Có bốn điều sợ hãi lớn thường bức ngặt thân người, không thể nào khắc phục, cũng chẳng thể dùng chú thuật, chiến tranh hay thuốc men để có thể đánh bại, đó là sanh, già, bệnh và chết. Giống như bốn ngọn núi lớn đến từ bốn phía, ép vào cùng lúc làm gãy đổ cây cối và hủy diệt tất cả. Bốn điều này cũng lại như thế. Đại vương nên biết! Lúc sanh ra thì khiến cho cha mẹ lo lắng, buồn rầu, khổ não xiết bao. Khi già đến thì không còn trai tráng, thân thể bại hoại, gân cốt rã rời. Khi bệnh đến, dù lúc tuổi trẻ nhưng chẳng còn sức lực, mạng sống rút ngắn dần. Khi cái chết đến thì chấm dứt mạng căn, ân ái chia lìa, năm ấm tan rã. Này Đại vương! Đó gọi là do có bốn việc lớn nên không thể nào được tự tại.

[0828b10] Nếu người nào thường giết hại chúng sanh thì phải thọ nhận các điều xấu ác, nếu sanh trong loài người thì thọ mạng cực ngắn.

Nếu người nào thực hành việc trộm cướp thì về sau sanh vào chốn bần cùng khốn khổ, áo không đủ che thân, cơm ăn không đầy miệng. Vì sao như thế? Do vì lấy tài vật của người khác cho nên phải chịu tai ương như thế. Nếu được sanh làm người thì phải chịu khổ không thể tính kể.

Nếu người nào tà dâm với vợ người khác, về sau được sanh làm người thì gặp phải người vợ không hiền lành và chẳng trinh khiết.

Nếu người nào nói dối, về sau được sanh làm người thì lời nói không ai tin, bị người khinh miệt. Đó là do đời trước lừa dối, nói lời không chân thật.

Nếu người nào nói lời thô ác thì phải chịu tội nơi địa ngục, nếu được sanh làm người thì dung mạo xấu xí. Đó là do đời trước nói lời thô ác nên phải chịu quả báo như thế.

Nếu người nào nói lời thêu dệt thì phải chịu tội nơi địa ngục, nếu được sanh làm người thì gặp phải gia đình bất hòa, thường xuyên gây gổ. Vì sao như thế? Do vì đời trước tự mình đã tạo ra quả báo ấy.

Nếu người nào nói hai chiều, gây rối loạn đôi bên thì phải chịu tội nơi địa ngục, nếu được sanh làm người thì gặp gia đình bất hòa, thường xuyên tranh cãi. Vì sao như thế? Do vì đời trước gây chia rẽ đôi bên nên phải chịu quả báo như thế.

Nếu người nào ưa ganh ghét người khác thì phải chịu tội nơi địa ngục, nếu được sanh làm người thì bị người ghét bỏ. Đó là do gốc rễ của nghiệp đời trước nên phải chịu quả báo như thế.

Nếu người nào khởi tâm mưu hại thì phải chịu tội nơi địa ngục, nếu được sanh làm người thì tâm không chuyên nhất và không định tĩnh. Vì sao như thế? Do vì đời trước khởi tâm mưu hại nên phải như thế.

Nếu người nào thực hành tà kiến thì phải chịu tội nơi địa ngục, nếu được sanh làm người thì bị điếc, mù, câm, ngọng, chẳng ai muốn nhìn. Sở dĩ như vậy vì do nguyên nhân của hành động đời trước nên dẫn đến như thế.

Thế nên, này Đại vương! Do quả báo của mười điều ác này mà dẫn đến tai ương, phải chịu vô lượng đau khổ, huống hồ là ngoài những điều này.

Cho nên, này Đại vương! Nên dùng pháp để cai trị, chớ dùng phi pháp, nên dùng đạo lý để trị dân, chớ dùng phi lý. Này Đại vương! Những ai dùng Chánh pháp để trị dân, khi thọ mạng hết, đều được sanh lên cõi trời. Giả sử sau khi Đại vương qua đời, dân chúng thảy đều tưởng nhớ, không thể nào quên, danh tiếng vang xa.

[0828c05] Đại vương nên biết! Những ai dùng phi pháp để trị dân, sau khi qua đời đều bị đọa vào địa ngục. Khi ấy, cai ngục trói chặt toàn thân, phải chịu khổ trong ấy không thể tính kể: Hoặc bị đánh, hoặc bị trói, hoặc bị giã nát, hoặc bị cắt xẻo từng phần cơ thể, hoặc bị lửa thiêu đốt, hoặc bị rót nước đồng sôi trên thân, hoặc bị lột da, hoặc bị mổ bụng, hoặc bị rút lưỡi, hoặc đâm vào thân, hoặc bị cưa xẻ thân, hoặc bị giã trong cối sắt, hoặc cho bánh xe cán nát thân, hoặc đuổi chạy trên núi dao, rừng kiếm, không cho ngừng nghỉ. Hoặc bắt ôm cột đồng nóng bỏng, hoặc bị móc mắt, hoặc bị chọc thủng tai, bị chặt đứt tay chân, tai, mũi, đã đứt rồi mọc trở lại. Hoặc ném thân hình vào trong vạc lớn, lại bị chĩa sắt xóc quay thân thể, không cho ngừng nghỉ. Hoặc lôi từ vạc ra, rồi bị rút gân xương sống làm dây buộc xe, lại bắt vào trong địa ngục Lửa Nóng, hoặc bắt vào địa ngục Phẩn Nóng, lại bắt vào địa ngục Đâm Chém, lại bắt vào địa ngục Tro Than, lại bắt vào địa ngục Cây Đao, lại bị bắt nằm ngửa rồi lấy hòn sắt nóng bắt nuốt, rơi từ trên xuống khiến ruột, dạ dày, ngũ tạng thảy đều tiêu tán, lại bị rót nước đồng sôi vào miệng, chảy từ trên xuống, phải chịu đau đớn, khổ sở cho đến khi hết tội sau đó mới được thoát ra khỏi đó.

Như thế, này Đại vương! Chúng sanh bị đọa vào địa ngục và thọ khổ như thế, đều do đời trước cai trị bằng pháp bất chánh mà ra.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Một đời quen phóng túng, Đọa địa ngục về sau,
Lòng tham làm sao đủ, Chịu tội nhiều xiết bao.

Này Đại vương! Dùng pháp để cai trị thì tự cứu bản thân mình và cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thân tộc và chăm lo việc nước. Cho nên, này Đại vương! Hãy luôn luôn cai trị đúng pháp, chớ dùng phi pháp để cai trị. Mạng người rất ngắn, sống ở đời chỉ trong chốc lát mà thôi, sanh tử thì lâu dài, rất nhiều nạn đáng sợ. Khi cái chết đến thì kêu gào, khóc lóc, gân cốt rã rời, thân thể lạnh cóng. Bấy giờ, chẳng ai cứu giúp, ngay cả cha mẹ, vợ con, nô tỳ, hầu cận, cõi nước

hay nhân dân, chẳng ai có thể cứu giúp. Với những hoạn nạn như vầy thì ai có thể gánh thay được? Chỉ có bố thí, trì giới, thường nói lời hòa nhã, không tổn thương người, tạo lập các công đức, thực hành các gốc rễ thiện lành.

[0829a06] Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người trí thường bố thí, Được chư Phật ngợi khen,
Nhờ thế, tâm thanh tịnh, Tâm ý thường siêng năng.
Cái chết làm bức ngặt, Chịu khổ sở vô cùng,
Rơi vào con đường ác, Khổ không lúc nào ngưng.
Khi sự chết sắp đến, Chịu khổ não vô biên,
Căn hoại lẽ đương nhiên, Do ác không ngừng nghỉ.
Hoặc khi thầy thuốc đến, Thảo dược gom bao lần,
Đâu chữa khắp được thân, Do ác không ngừng nghỉ.
Hoặc người thân thích đến, Hỏi vốn liếng tiền tài,
Tiếng nào có lọt tai, Do ác không ngừng nghỉ.
Hoặc di dời xuống đất, Người bệnh nằm biết chi,
Thân như gốc cây khô, Do ác không ngừng nghỉ.
Hoặc lúc đã tắt thở, Thức đã lìa thân đi,
Thân như vật bỏ đi, Do ác không ngừng nghỉ.
Thân quyến tử thi ấy, Khiêng ra bãi tha ma,
Chẳng còn ai nhờ cậy, Chỉ còn phước nương nhờ.

Cho nên, này Đại vương! Hãy tìm cầu phương tiện để tạo lập phước nghiệp, nếu hôm nay không làm, ngày sau hối tiếc cũng vô ích.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Như Lai do phước lực, Hàng phục quyến thuộc ma,
Nay thành tựu Phật lực, Nên phước lực tối tôn.

Cho nên, này Đại vương! Hãy nhớ nghĩ làm việc phước, điều ác đã làm thì nên sám hối, chớ có tái phạm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tuy tạo ác ngập tràn, Sám hối tội dần tan,
Ngay khi ở thế gian, Gốc rễ đều tiêu tán.

[0829b03] Cho nên, này Đại vương! Chớ vì bản thân mình mà làm các việc ác. Chớ vì cha mẹ, vợ con, Sa-môn hay Bà-la-môn mà làm các việc ác, tập tành theo hạnh ác.

Thật vậy, này Đại vương! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Dẫu anh em, cha mẹ, Dòng tộc, người thân thương,
Ai tránh được tai ương, Gặp vô thường, bỏ hết.

Cho nên, này Đại vương! Từ nay trở về sau nên trị dân bằng Chánh pháp, chớ sử dụng phi pháp.

Thật vậy, này Đại vương! Hãy học tập điều này.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

***

9. GIẢI MỘNG CHO VUA BA-TƯ-NẶC[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong giấc chiêm bao, Vua Ba-tư-nặc mộng thấy mười điều nên liền tỉnh giấc rồi vô cùng sợ hãi, lo sợ mất nước, sợ mất thân mạng, thê thiếp và con cái.

Sáng hôm sau, nhà vua liền triệu tập các công khanh, đại thần, các Bà-la-môn và các đạo sĩ có trí tuệ để có thể giải điềm mộng. Vân tập đông đủ rồi, nhà vua liền kể lại mười điều mộng rồi hỏi ai có thể giải được.

Có vị Bà-la-môn tâu:

– Hạ thần có thể giải được, chỉ sợ Đại vương nghe rồi sẽ không vui.

Vua bảo:

– Khanh cứ nói!

Bà-la-môn tâu:

– Đại vương sẽ mất nước, mất cả thái tử và thê thiếp.

Vua hỏi:

– Này các khanh! Có thể tế lễ để giải trừ được chăng?

Bà-la-môn tâu:

– Việc này có thể tế lễ giải trừ được, nhưng phải giết thái tử, giết luôn vị đại phu nhân mà Đại vương yêu quý nhất và cả những người hầu cận, tùy tùng, nô bộc và Đại thần quý trọng nhất để dâng lên cúng tế Thiên vương. Có bao nhiêu giường nằm, tòa ngồi và báu vật quý giá đều phải đem ra đốt hết để tế trời. Như thế mới tiêu trừ hết tai nạn của Đại vương và của quốc gia.

Nghe lời tâu của Bà-la-môn, nhà vua hết sức lo buồn, liền trở về ngôi nhà trai giới[47] để suy nghĩ về việc này.

Phu nhân của vua tên là Mạt-lợi liền đến chỗ vua để vấn an:

– Cớ sao Đại vương lo buồn, không vui? Thần thiếp có lỗi gì với Bệ hạ chăng?

Vua đáp:

---

[46] Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.52.9. 0829b11). Tham chiếu: *Mahāsupinajātaka* (*Chuyện giấc mộng lớn*), số 77 (*J*. I. 334).

[47] Nguyên tác: Trai thất (齋室).

– Khanh không có lỗi với ta, nhưng chớ hỏi về việc này, nếu nghe xong sẽ khiến khanh lo sợ.

Phu nhân tâu vua:

– Thiếp chẳng hề lo sợ!

Vua bảo:

– Khanh chớ nên hỏi, nghe rồi sẽ lo sợ!

Phu nhân tâu:

– Thiếp là một nửa thân mình của Đại vương, như có điều gì cấp bách mà phải giết một người thì chính là thiếp, Đại vương an tâm, không gì phải lo sợ, xin Đại vương cứ nói cho thiếp.

[0829c01] Vua liền nói với phu nhân:

– Đêm qua, trẫm mộng thấy mười việc: Một là, thấy ba cái vạc, hai cái vạc hai bên thì đầy, vạc ở giữa lại rỗng không, hai vạc hai bên nước sôi, hơi bốc giao nhau, nhưng không bay vào vạc trống ở giữa. Hai là, thấy con ngựa miệng cũng ăn mà hậu môn cũng ăn. Ba là, mộng thấy cây cỏ thụ ra hoa. Bốn là, mộng thấy cây con ra trái. Năm là, mộng thấy một người nắm sợi dây, đằng sau có con dê, chủ dê ăn sợi dây. Sáu là, thấy con chồn ngồi trên ghế vàng ăn bằng bát vàng. Bảy là, mộng thấy bò già lại bú nghé con. Tám là, mộng thấy bầy bò hung bạo từ bốn phía rống lên, chạy đến chực chờ húc nhau, bò đã tụ đàn và chưa tụ đàn đều không biết từ đâu xuất hiện. Chín là, mộng thấy một đầm nước lớn, nước ở giữa vẩn đục, bốn phía thì nước trong. Mười là, mộng thấy khe nước lớn, nước dậy sóng màu đỏ.

Mộng như thế rồi nên tỉnh giấc, trẫm rất kinh hãi, lo sợ mất nước, sợ mất thân mạng, vợ con và dân chúng. Nay trẫm triệu tập các công khanh, đại thần, đạo sĩ, Bà-la-môn để có thể giải mộng. Lúc đó, có một Bà-la-môn tâu rằng: "Phải giết vương thái tử, giết phu nhân yêu quý và cả đại thần, tôi tớ để tế trời." Do vậy, trẫm mới lo buồn như thế.

Phu nhân thưa:

– Tâu Đại vương! Ngài chớ lo buồn về giấc mộng. Như người đi mua vàng, phải lấy lửa đốt thử hay đem mài vào đá thì xấu tốt tự hiện ra. Hiện nay, đức Thế Tôn đang ngụ tại tinh xá Kỳ Hoàn gần đây, Đại vương có thể đến đó để thưa hỏi Phật. Đức Phật có giải thích điều gì thì Đại vương nên nghe theo lời Phật dạy, tại sao lại nghe lời Bà-la-môn cuồng si ấy mà buồn khổ đến như vậy?

Vua chợt tỉnh ngộ, liền triệu tập quần thần hầu cận, nhanh chóng chuẩn bị xa giá. Vua ngự trên xe che lọng cao, tùy tùng cỡi ngựa theo cả ngàn vạn người rồi ra khỏi thành Xá-vệ đi đến tinh xá Kỳ Hoàn. Đến nơi, vua đi bộ đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân rồi quỳ gối chắp tay trước Phật, thưa:

– Bạch đức Thế Tôn! Đêm qua, con chiêm bao thấy mười việc, cúi xin đức Thế Tôn thương xót mà giải thích từng việc cho con!

Phật bảo nhà vua:

– Lành thay! Đại vương! Những điều nhà vua chiêm bao chính là điềm báo cho tương lai ở đời sau. Đời sau, dân chúng không còn sợ vào pháp luật, sẽ làm nhiều việc như dâm dật, tham chấp nơi vợ con, buông lung tình tứ không hề biết đủ, ganh ghét, ngu si, chẳng biết xấu hổ cũng không biết e thẹn, bỏ điều trinh khiết, lấy dua nịnh làm loạn quốc gia.

Vua mộng thấy ba cái vạc, vạc hai bên đầy, vạc chính giữa rỗng không, hai vạc hai bên nước sôi, hơi nước bốc lên giao nhau, không bay vào vạc trống ở giữa, nghĩa là đời sau dân chúng không cấp dưỡng cho người thân thích nghèo khổ, không gần gũi bà con mà kết bạn với người dưng, qua lại với kẻ giàu sang, biếu tặng lẫn nhau. Điều thứ nhất nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

[0830a02] Vua thấy con ngựa, miệng ăn và hậu môn cũng ăn, nghĩa là đời sau dân chúng, đại thần, bá quan, sứ giả, công khanh, đã ăn lộc của vua lại còn ăn của dân, thu thuế liên tục, quan lại cấp dưới thì gian trá, dân chúng bất an, không được yên ổn ngay cả chốn quê nhà. Điều thứ hai nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Vua thấy cây cỏ thụ trổ hoa, nghĩa là đời sau, dân chúng đa phần bị sưu dịch, tâm ý rầu lo, thường xuyên sợ hãi, tuổi mới ba mươi mà đầu tóc đã bạc trắng. Điều thứ ba nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Vua mộng thấy cây con ra trái, nghĩa là đời sau, thiếu nữ chưa đầy mười lăm tuổi đã mong lấy chồng, bế con trở về mà không biết hổ thẹn. Điều thứ tư nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Vua mộng thấy một người nắm sợi dây, sau đó có con dê, người chủ dê ăn sợi dây, nghĩa là đời sau, lúc người chồng đi buôn bán hoặc vào quân ngũ, hay ngao du khắp chốn, giao kết bạn bè mà không hay biết người vợ ở nhà tư thông với đàn ông, ăn ngủ trên tài sản của chồng, tánh tình buông lung không chút hổ thẹn. Người chồng biết vậy nhưng cứ giả ngây. Điều thứ năm nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Vua mộng thấy con chồn ngồi trên ghế vàng, ăn bát bằng vàng, nghĩa là đời sau, kẻ hạ tiện sẽ được quý trọng, được ngồi ghế vàng, ăn thức ăn hảo hạng, hàng quý tộc danh giá sẽ là hạng tôi tớ, ông chủ sẽ làm nô tỳ, nô tỳ sẽ làm chủ nhân. Điều thứ sáu nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Vua mộng thấy bò già lại bú nghé con, nghĩa là đời sau, người mẹ sẽ làm mai mối cho con gái, dẫn đàn ông khác vào phòng rồi mẹ đứng canh ngoài cửa, nhờ đó mà có được tài vật dùng để sinh sống, người cha cũng đồng tình, giả điếc, giả ngu. Điều thứ bảy nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Vua mộng thấy bầy bò hung bạo từ bốn phía kéo đến, cùng kêu rống muốn húc nhau, đã tụ đàn hay chưa tụ đàn đều không biết từ đâu xuất hiện, nghĩa là người đời sau, từ quốc vương, đại thần, trưởng giả cho đến dân chúng đều

không sợ pháp luật, ham thích dâm dục, tích chứa tài sản, vợ con lớn nhỏ đều không liêm khiết, đắm trước tà dâm chưa từng chán bỏ, ganh ghét, ngu si, không biết xấu hổ, không làm người trung hiếu lại dua nịnh, phá hoại quốc gia, không kính trên nhường dưới, mưa chẳng đúng thời, khí hậu không điều hòa, gió bụi trỗi dậy, cát bay cây gãy, sâu rầy cắn lúa khiến không thể chín. Vua chúa, dân chúng thảy đều thực hành như thế nên trời khiến như vậy. Lại nữa, mây giăng bốn phía, vua và dân chúng thảy đều mừng rỡ, bảo rằng: "Mây giăng bốn phía, nay chắc sẽ mưa." Nhưng chỉ trong chốc lát, tự nhiên mây tan, hiện ra những điềm quái dị này là muốn cho dân chúng sửa đổi hành vi, giữ gìn điều lành, trì giới, do kinh sợ trời đất mà không rơi vào đường ác, giữ gìn trinh lương, một vợ một chồng, tâm từ không sân hận. Điều thứ tám nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

[0830b06] Vua mộng thấy đầm nước lớn, chính giữa nước đục, bốn phía nước trong, nghĩa là đời sau, dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề, bề tôi thì bất trung, con cái thì bất hiếu, không kính trọng bậc trưởng thượng, không tin Phật đạo, không cung kính bậc Đạo sĩ thông suốt kinh điển, kẻ bề tôi tham lam chức tước, con cái tham tài vật của cha, chẳng biết ơn nghĩa, không đoái hoài nghĩa lý. Còn những nước ở nơi biên địa thì biết trung hiếu, tôn kính bậc trưởng thượng, tin sâu Phật đạo, cấp dưỡng cho bậc Đạo sĩ thông suốt kinh điển, nhớ biết đền ơn. Điều thứ chín nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Vua mộng thấy nước khe lớn dậy sóng màu đỏ, nghĩa là đời sau, các đế vương, quốc vương không biết đủ với đất nước của mình nên dấy binh đánh nhau, chế tạo chiến xa, binh mã, hai bên công phạt, giết hại lẫn nhau, máu đỏ chảy tràn. Điều thứ mười nhà vua thấy trong giấc chiêm bao chính là như vậy.

Tất cả đều là những việc của đời sau. Người đời sau, nếu ai chú tâm vào Phật đạo, phụng sự bậc Đạo nhân thông suốt kinh điển, sau khi qua đời đều được sanh lên cõi trời. Nếu tạo nghiệp ngu si lại tàn hại lẫn nhau thì sau khi chết đi sẽ bị đọa vào trong ba đường ác, không thể kể hết.

Vua liền quỳ gối chắp tay lắng nghe lời Phật dạy, trong tâm hoan hỷ, đạt được định, tuệ, không còn sợ hãi. Vua liền cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật. Trở về cung, vua ban thưởng cho phu nhân và phong làm chánh hậu, cấp cho nhiều tài vật, châu báu để bố thí cho mọi người, trong nước giàu có, yên vui. Vua tước hết bổng lộc của công khanh, đại thần, các Bà-la-môn rồi đuổi ra khỏi nước, không tin dùng nữa. Tất cả dân chúng đều phát tâm Vô thượng Chánh chân.

Vua và phu nhân lễ Phật rồi ra về.[48]

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.[49]

---

[48] Ở đoạn trên, dòng 0830b20 ghi: 王便稽首作禮, 頭面著佛足. 還宮... nhưng ở đây lại ghi: 王及夫人禮佛而去.

[49] Bản Hán, hết quyển 51.

PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO BỘ PHÁI

1. NGUỒN HÁN VĂN

Nguồn tư liệu gốc để dịch, dò bản và tham khảo dựa theo *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*). Nguồn điện tử: http://cbeta.org/.

Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (大正新脩大藏經), gọi tắt là bản Đại Chánh (大正) được hình thành dựa trên nguồn tham khảo chính là *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經). Trong quá trình xử lý văn bản, các nhà biên tập Nhật Bản tiêu biểu là Takakusu Junjirō (高楠順次郎, Cao Nam Thuận Thứ Lang) và các cộng sự đã sử dụng thêm các nguồn kinh điển có liên quan như: *Tư Khê tạng* (思溪藏) ở đời Nam Tống (南宋), viết tắt là bản Tống (宋本); *Phổ Ninh tạng* (普寧藏) ở đời Nguyên (元), viết tắt là bản Nguyên (元本) và *Gia Hưng tạng* (嘉興藏) ở đời Minh (明), viết tắt là bản Minh (明本). Khi cần chú thích về nội dung có liên quan đến ba bản này, bản Đại Chánh ghi nguồn tham khảo là Tống, Nguyên, Minh (宋, 元, 明).

Ngoài ra, bản Đại Chánh thỉnh thoảng còn tham khảo các nguồn kinh điển khác, nhằm bổ sung vào những chú thích liên quan đến nội dung. Ví dụ: *Chánh Thương viện Thánh ngữ tạng bản* (正倉院聖語藏本), viết tắt là bản Thánh (聖本); *Chánh Thương viện Thánh ngữ tạng bản biệt tả* (正倉院聖語藏本別寫), viết tắt là Thánh Ất (聖乙); *Cung nội tỉnh đồ thư Liêu bổn* (宮內省圖書寮本), viết tắt là bản Cung (宮本); *Đại Đức tự bản* (大德寺本), viết tắt là bản Đức (德本); *Vạn Đức tự bản* (萬德寺本), viết tắt là bản Vạn (万本); *Thạch Sơn tự bản* (石山寺本), viết tắt là bản Thạch (石本).

2. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"... đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"... đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu

(đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

3. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

3.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

3.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

- Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v...

- Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v...

- Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân luận", thuyết "Luân hồi tịnh hóa", v.v...

3.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*), v.v...

3.1.3. Các nhân danh, địa danh và tên tổ chức tiếng nước ngoài đều viết đứng. Ví dụ: Uất-đà-di (鬱陀夷, Udāyi), động Thất Diệp (Sattapaṇṇaguhā), Thượng Tọa bộ (Theravāda), v.v...

3.1.4. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v...

3.1.5. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền tử, Xá-lợi tử, v.v...

3.1.6. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v...

3.1.7. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng..."

3.1.8. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,...

3.2. Danh từ riêng

3.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

3.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

3.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

3.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

3.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết.

3.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

3.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh căn bản pháp môn, Kinh du hành.*

3.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

3.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

4. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

4.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

4.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

4.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

4.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

4.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932 mà viết 1930-32.

4.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)

- Các kệ từ 108-115 được viết 108-15.
- Trang 254-256 được viết là 254-56.
- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

5. CÁCH CHÚ THÍCH

5.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

5.1.1. Tên tập + số tập + số trang.

- *S.* I. 70 (*Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70).
- *Sn.* 140 (*Suttanipāta*, trang 140).
- *J.* I. 389 (*Jātaka*, tập I, trang 389).
- *Vin.* II. 287 (*Vinaya*, tập II, trang 287).
- *Vbh.* 351 (*Vibhaṅga*, trang 351).
- *Kv.* 401 (*Kathāvatthu*, trang 401).
- *DA.* I. 41-2 (*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42).

5.1.2. Tên tập + số kệ

- *Dh.* v. 10 (*Dhammapada*, kệ số 10).
- *Sn.* v. 600 (*Suttanipāta*, kệ số 600).
- *Thag.* v. 1196 (*Theragāthā*, kệ số 1196).

5.1.3. Tên tập + số chương + số mục + số kệ

- *Thag.* 15.2-689 (*Theragāthā*, chương XV, mục 2, kệ số 689).

5.1.4. Tên tập + nhóm + số thứ tự kinh + đoạn

- *S.* 56.25: 1 (*Saṃyutta Nikāya*, Tương ưng 56, kinh 25, đoạn 1).

5.1.5. Tên tập + số chương + số kinh - số tập + số trang

- *A.* 8.21 - IV. 208 (*Aṅguttara Nikāya*, chương 8, kinh số 21; tập IV, trang 208).
- *S.* 35.71-73 - IV. 43-4 (*Saṃyutta Nikāya*, Tương ưng 35, từ kinh 71 đến 73; tập IV, từ trang 43 đến trang 44).

5.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục.

- *GS*. II. 42 nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1 nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), p. 338, note 1.

5.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh

Kinh tham ái (*It*. I. I. §1) nghĩa là *Kinh tham ái* này nằm trong *Kinh Phật thuyết như vậy*, chương I, phẩm I, kinh số 1.

Kinh châu báu (*Sn*. II. §1) nghĩa là *Kinh châu báu* này nằm trong *Kinh tập*, phẩm II, kinh số 1.

Kinh Bāhiya (*Ud*. I. §10) nghĩa là *Kinh Bāhiya* này nằm trong *Kinh Phật tự thuyết,* phẩm I, kinh số 10.

5.4. Chú thích tên kinh: Kết hợp ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh đại niệm xứ*). Nghĩa là *Trường bộ*, kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pāli là *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta*, tên tiếng Việt là "*Kinh đại niệm xứ.*"

- *D*. I. 113, *Soṇadaṇḍa Sutta* (*Kinh Chủng Đức*). Nghĩa là *Trường bộ*, tập I, trang 113, *Kinh Soṇadaṇḍa Sutta* bằng tiếng Pāli và *Kinh Chủng Đức* bằng tiếng Việt.

5.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli

Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara, S. Ābhāsvara, H. 光音天, E. The Radian gods).

Bốn bộ A-hàm còn có nhiều kinh tương đương với các kinh Pāli nên trong các chú thích của dịch giả đều chú Pāli và chữ Hán trong ngoặc đơn nhưng không ghi P. Trong một số trường hợp cần sử dụng từ Sanskrit, dịch giả viết S.

5.6. Chú thích theo Hán văn

5.6.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

5.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

5.6.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm*, *Biệt dịch Tạp A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

5.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh* "Nê-hoàn phẩm" 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04, 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

5.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

5.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của "Bất đãi phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

5.6.7. Tác phẩm khác

- *Ly* 離 (*N*.15. 0006.28.1. 0354a05). Nghĩa là kinh này thuộc *Hán dịch Nam truyền Đại tạng kinh* 漢譯南傳大藏經, tập 15; 0006 là số hiệu của *Tương ưng bộ kinh* 相應部經, 28.1 là nhóm 28 và kinh số 1; 0354a05 tức là trang 0345, cột a, dòng thứ 05.

- *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích* 四分律名義標釋 (*X*.44. 744.5. 0442a02). Nghĩa là tập này trong *Vạn tục tạng* 卍續藏, tập 44; 744 là số hiệu của *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích*, 5 là quyển 5; 0442a02 tức là trang 0442, cột a, dòng 02.

- *Hoa Vũ tập* 華雨集 (*Y*.28. 0028.4. 0101a06). Nghĩa là tập này trong *Ấn Thuận Pháp sư Phật học trước tác tập* 印順法師佛學著作集, tập 28; 0028 là số hiệu của *Hoa Vũ tập*, 4 là phần 4; 0101a06 tức là trang 0101, cột a, dòng 06.

6. CÁCH ĐỌC THỂ KỆ

Trong bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, các đoạn kinh theo thể kệ, thơ được trình bày và đọc theo hàng ngang.

Ví dụ:

Tâm kia không nghĩ ác, → Và thân, miệng thế gian,
Năm dục đều hư dối, → Chánh trí, chánh nhiếp niệm,
Không tập cận các khổ, → Và hòa hợp phi nghĩa.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm.

Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [ ] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này.

Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện *TTTĐPGVN*.

Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI, ANH, HÁN

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-27).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka, 6 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-96).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-97).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Mahāvaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-99).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-38).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-07).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-47).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sāratthappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller, E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

Vibhaṅga, ed. by Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. W. (London: Trübner and Co., 1880).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Cūlavaṃsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, C. Mabel (London: PTS, 1929-30).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethren* (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Piṭaka), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1954-59).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R., Rouse, W. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A., Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Anālayo, *Madhyama-āgama Studies* (Taipei, Taiwan: Dharma Drum Publishing Corporation, 2012).

Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: G. P. Putnam'son, 1896).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India* (New York: G. P. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903).

Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Harvard University, 1922).

Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. W. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN

A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

Dictionary of Chinese Buddhist Terms, William Edward Soothill, Lewis Hodous, Digital version (Taipei: Dharma Drum Buddhist College, 2010).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-38).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P., Buswell, R. E., Weeraratne, W. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. W. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

Pāli-Dictionary Vipassana Research Institute: https://www.vridhamma.org/search/node/pali%20dictionary.

E. SÁCH VÀ TỪ ĐIỂN TIẾNG HÁN

佛學大辭典 (*Phật học đại từ điển*), 丁福保 (Đinh Phúc Bảo): http://buddhaspace.org/dict/dfb/data/

妙法蓮華經詞典 (*Diệu Pháp Liên Hoa kinh từ điển*): https://glossaries.dila.edu.tw/glossaries/KKJ?locale=zh-TW

巴漢詞典 (*Pāli - Hán từ điển*): https://dictionary.sutta.org/

康熙字典 (*Khang Hy tự điển*): https://www.zdic.net/hans/

正法華經詞典 (*Chánh Pháp Hoa kinh từ điển*): https://glossaries.dila.edu.tw/glossaries/KDR?locale=zh-TW

漢語大辭典 (*Hán ngữ đại từ điển*): https://www.hanyudacidian.cn/

道行般若經詞典 (*Đạo hạnh Bát-nhã kinh từ điển*): https://glossaries.dila.edu.tw/data/lokaksema.dila.pdf

阿含辭典, 莊春江 (*A-hàm từ điển* - Trang Xuân Giang): https://agama.buddhason.org/ad/index.htm

SÁCH DẪN

A

ác hạnh 922
A-di-chuyên 648, 736, 774, 775, 778
ái dục 90, 92, 151, 152, 189, 190, 321, 353, 452, 509, 545, 558, 697, 807, 831, 844, 902, 938, 969
ái kiết 325, 364
ái ngữ 436, 453, 474, 875
ái nhiễm 23, 280, 324, 529, 622, 650, 829
A-la-hán 1, 5, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 51, 52, 55, 56, 57, 58, 59, 83, 93, 98, 102, 113, 114, 132, 133, 134, 140, 148, 149, 171, 182, 190, 200, 210, 215, 225, 235, 246, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 257, 269, 277, 279, 282, 284, 290, 293, 303, 304, 318, 319, 340, 341, 359, 360, 376, 377, 379, 395, 399, 403, 404, 406, 427, 428, 438, 444, 455, 465, 482, 483, 498, 500, 507, 520, 539, 540, 541, 555, 558, 560, 561, 584, 602, 615, 621, 622, 623, 627, 629, 633, 636, 650, 667, 669, 689, 701, 702, 711, 715, 720, 732, 733, 745, 748, 754, 755, 756, 763, 773, 778, 783, 791, 794, 796, 807, 842, 845, 849, 854, 855, 861, 868, 869, 874, 875, 876, 880, 882, 883, 884, 885, 895, 899, 900, 901, 902, 903, 914, 920, 929, 953, 954, 970, 972, 973, 987, 991, 1008
a-lan-nhã 94, 96, 101, 210, 330, 670
A-na-hàm 79, 80, 85, 97, 114, 140, 225, 246, 389, 399, 401, 402, 465, 519, 520, 542, 602, 636, 650, 656, 689, 715, 732, 745, 748, 772, 783, 794, 796, 842, 849, 884, 885, 895, 1008, 1024
A-nậu-đạt 288, 415, 425, 584, 585
an cư 245, 349, 744
A-nhã Câu-lân 281, 282, 299
ao tắm Hoan Duyệt 448, 449
ao tắm Nan-đà 448, 449
ao tắm Nan-đà-đảnh 448, 449
ao tắm Tô-ma 448, 449
a-tăng-kỳ kiếp 318
a-tu-la Ba-ha-la 739
a-tu-la Tu-diệm 905, 906
a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la 543
A-tỳ-đàm 3, 7, 13, 91, 168, 397
A-xà-thế 48, 97, 98, 174, 175, 176, 263, 385, 386, 452, 493, 642, 643, 644, 645, 683, 684, 763, 773, 775, 776, 777, 781, 782, 821, 822, 852, 853, 924, 925, 926, 927

B

Bà-a-đà 735
bậc A-la-hán lậu tận 190, 539, 903, 972, 973
ba cấu 7
bậc Bất thoái chuyển 707
bậc Câu phần giải thoát 843
bậc Chánh Giác 171
bậc Chân nhân 635, 754, 880, 883, 927, 1003
bậc Chân nhân La-hán 632
bậc Chí Chân 10, 94, 111, 221, 235, 467, 480, 755, 803, 839, 868, 907, 932, 972, 979, 997
bậc Chủng tánh 794, 796
bậc Chuyển Luân Thánh vương 666, 803, 815, 912, 972
bậc Đại Sa-môn 520
bậc Đại tướng 477

bậc Đẳng Chánh Giác 800, 830, 874, 895
bậc Đạo nhân 1021
bậc Đa văn 1
bậc Độc giác A-lợi-tra 634
bậc Độc giác Bà-lợi-tra 634
bậc Độc giác Cực Đại 634
bậc Độc giác Cực Lôi Điện Quang Minh 634
bậc Độc giác Cứu Cánh 634
bậc Độc giác Đế-xà Niệm Quán 634
bậc Độc giác Thẩm Đế Trùng 634
bậc Độc giác Thắng 634
bậc Độc giác Thiện Quán 634
bậc Độc giác Thông Minh 634
bậc Độc giác Tối Thắng 634
bậc Độc giác Tu-bồ-đề 970, 974
bậc Độc giác Vô Cấu 634
bậc Độc giác Vô Diệt 634
bậc Độc giác Vô Hình 634
bậc Giác Ngộ 56, 57
bậc Gia gia 402
bậc Giải không 115, 116, 985
bậc Hiền thánh 70, 72, 161, 170, 224, 240, 263, 380, 404, 438, 439, 445, 452, 485, 486, 550, 600, 694, 715, 790, 794, 826, 840, 954, 983
Bạch Tịnh vương 294
bậc Hữu học 901
bậc Kiến đáo 376, 843
bậc Phạm hạnh 433, 901
bậc Phước điền 1
bậc Sư trưởng 192
bậc Thân chứng 376, 843
bậc Thiên Đế 433
bậc Thượng nhân 712, 777
bậc Tín giải thoát 843
bậc Tối thắng 817
bậc Tối Thượng 171, 344
bậc tôn quý nhất 535, 612, 799, 824
bậc Tuệ giải thoát 843
bậc Tùy pháp hành 376, 843, 1008
bậc Tùy tín hành 376, 843, 1008
Ba cửa giải thoát 56
bậc vô dục 502
bậc Vô lậu 816
bậc Vô Thượng Chí Chân 280, 912
bậc Vô Trước 830
Bà-đề 257, 258, 259
ba điều ác thuộc về ý nghiệp 239
ba độc 360, 389, 444, 555
ba đường ác 11, 12, 59, 61, 63, 82, 112, 148, 242, 252, 391, 393, 394, 406, 407, 435, 466, 516, 616, 622, 634, 641, 644, 667, 687, 707, 716, 767, 799, 802, 816, 821, 835, 865, 866, 924, 930, 974, 977, 978, 982, 983, 1000, 1001, 1003, 1021
Ba-giá-tuần 115, 116
ba gốc lành 236
ba hạnh thuộc về thân 239, 240
ba kiết sử 293, 318, 376, 401, 613, 656, 707, 772, 874
Bà-la-đà 51, 730
Bà-la-đọa 879, 880
Ba-la-lợi 880
ba-la-mật 4, 370, 371, 828, 829, 830
Bà-la-môn Bà-lợi-ca 684
Bà-la-môn Cát Tường 457
Bà-la-môn Giang Trắc 110, 113
Bà-la-môn Gian-trà 194
Bà-la-môn Hỷ Văn Cầm 48
Bà-la-môn Kiếp-tỷ-la 1004
Bà-la-môn Sanh Lậu 156, 157, 437, 441
Bà-la-môn Thế Điển 159, 160, 162
Bà-la-môn Tu-bạt 424, 425
Bà-la-môn Tỳ-cừu 48
Ba-la-nại 5, 186, 278, 279, 281, 307, 315, 436, 520, 636, 637, 804, 806, 853, 980, 1000, 1003
ba loại hương 260, 261
ba loại tam-muội 319
ba mắt tịnh 2
Ba minh 477, 584, 731, 795, 995
ba mươi bảy đạo phẩm 58, 337, 338, 339, 541, 789, 921
ba mươi bảy phẩm trợ đạo 255
ba mươi hai tướng tốt 206, 247, 269, 296, 433, 434, 481, 505, 506, 745, 758, 759, 873, 948
Bàn-đầu-ma 998
Ban-giá-tuần 432

ba ngôi báu 301, 781
ba nhãn 7
ba niệm tưởng 265, 266
Bảo Tạng Như Lai 755
ba pháp 11, 12, 61, 62, 136, 137, 224, 240, 263, 272, 277, 395, 415, 446, 474, 508, 554, 557, 595, 625, 634, 643, 646, 690, 691, 692, 695, 731, 732, 738, 740, 756, 780, 786, 794, 816, 817, 844, 861, 919, 930, 932, 934, 960, 971
ba phiền não 952
ba phước nghiệp 219
Ba quy y 369, 876
Ba tạng 3, 13
ba tập khí 241, 242
Bạt-đà 44, 45, 50, 52
Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma 51
Bát-đầu-ma 727, 758
Bạt-đề 377, 378, 380, 381, 382, 384, 385
Bạt-đề-bà-la 916, 919, 920
bất định tụ 264, 265
Bất dụng xứ 192, 993
ba thọ 838, 904
Ba thừa 7, 304, 352, 465, 755, 816, 874, 885, 886
Bất-lan Ca-diếp 648, 736, 773, 777, 778
Bát nhân 783
Bát-niết-bàn 97, 132, 134, 140, 187, 196, 250, 251, 351, 352, 354, 355, 356, 358, 361, 389, 397, 402, 465, 683, 725, 991, 1007
bát Thánh đạo 1024
Bà-tu-đà 51
ba tướng hữu vi 238, 240
Bất-xà-mật 345, 347, 536
ba y 34, 36, 44, 73, 95, 96, 97, 101, 272, 333, 508, 610, 711, 768, 883, 895
bảy báu 12, 73, 152, 153, 154, 218, 247, 251, 274, 275, 276, 307, 368, 432, 478, 496, 537, 540, 571, 572, 579, 580, 584, 662, 663, 665, 666, 667, 803, 820, 872, 912, 939, 943, 944, 945, 946, 949, 951, 981
bảy chỗ cư trú của thần thức 840, 841
bảy công đức 698, 699
bảy giác chi 57, 58, 274, 293, 660, 661, 662, 667, 688, 699, 700, 714, 715, 732, 740
bảy pháp 4, 651, 653, 657, 658, 684, 685, 686, 688, 689, 715, 716, 947
bảy Phật 882
bảy phiền não 687, 688
Bi chánh định 769
biện tài vô ngại 37
Bi-hưu Ca-chiên 648, 649, 774, 778
Bi tam-muội 40
Bồ-đề đạo tràng 185
bốn biện tài 35, 43, 350, 410
bốn bộ chúng 13, 14, 85, 175, 176, 178, 201, 252, 253, 259, 273, 302, 322, 330, 349, 350, 363, 364, 370, 382, 385, 398, 410, 416, 453, 486, 506, 507, 563, 566, 572, 575, 576, 577, 578, 579, 581, 582, 591, 593, 596, 619, 641, 725, 733, 745, 820, 824, 826, 842, 849, 926, 996, 997, 1013
bốn chánh cần 740
bốn chánh đoạn 58
bốn chân lý 280, 281, 321, 322, 325, 389, 415
bốn châu 155, 175, 274, 275, 408, 664, 939, 945
bốn chúng 1, 2, 3, 5, 176, 410, 577
bốn chủng tánh 305, 444, 732, 740
bốn đại 225, 343, 451, 555, 578, 669, 732, 812, 838, 851, 891, 893, 904, 919, 923
bốn đế 350, 461, 714, 720
bốn đôi tám bậc 221, 267, 445, 781, 983
bốn giáo pháp lớn 397, 399
bốn hạnh thuộc về miệng 239
bốn hình thức thọ sanh 325
bốn hướng 540, 607, 677, 712, 752
bốn loại giới 395, 396
bốn lỗi thuộc về khẩu nghiệp 239
bốn lưu 452, 697
bốn mạn 766
Bổn mạt 335, 409, 651
bốn nhiếp thọ 436
bốn niệm xứ 58, 389, 712, 714, 892, 894
bốn Phạm đường 416
bốn pháp nền tảng 349, 353, 370, 447

bốn pháp niệm xứ 740
bốn quả 114, 465, 748, 781, 885
Bổn sanh 651, 892, 894, 961
Bổn sự 335, 651, 892, 894, 961
bốn sự thật 57, 322, 363, 364, 741
bốn tâm vô lượng 300, 374, 416
bốn Thánh đế 604, 613, 667, 711
bốn thần lực 586
bốn thần túc 58, 350, 351, 389, 411, 413, 420, 444, 586, 596, 649, 658, 663, 666, 667, 740, 826, 924
bốn thiền 667
bốn vô lượng tâm 350, 876
bốn vô sở úy 22, 360, 371, 973
bốn ý chỉ 350
bốn ý đoạn 337, 338, 339, 350
Bồ-tát 2, 4, 5, 8, 74, 76, 205, 206, 207, 210, 271, 294, 370, 371, 417, 437, 548, 566, 618, 619, 634, 635, 688, 708, 727, 728, 742, 755, 770, 794, 871, 873, 874, 886, 918, 1009
Bồ-tát bổ xứ 728
Bồ-tát Di-lặc 210, 370, 371, 745, 873, 874
Bồ-tát Ma-ha-tát 210
Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ 213
bố thí bình đẳng 75, 858, 886
bố thí pháp 126, 167, 359
bố thí tài vật 126

C

Ca-diếp Như Lai 10, 629
ca-lâu-la 8, 13, 76
Ca-lưu-đà-di 916, 917
ca-lưu-la 361, 410, 938
cam lộ 218, 276, 454, 498, 500, 661, 680, 706, 732, 757, 993
cảm thọ khổ 90, 232, 233, 236, 578, 956
cảm thọ không khổ không lạc 232, 233, 236, 578
cảm thọ lạc 90, 232, 233, 236, 541, 578, 956
Càn-đà-việt 872
càn-thát-bà 6, 7, 8, 13, 39, 115, 175, 295, 361, 380, 444, 497, 616, 617, 702, 820, 938, 996, 997, 1025
Càn-trà 428, 429
Cao Xưng 356
cà-sa 291, 292, 296, 553, 923, 933
Ca-thi 5, 106, 107, 279, 570
Cát Tường 457, 880, 881
câu-bàn-trà 175
Câu-di-la-việt 578
Câu-di Na-ma-la 49
Câu-dực 116, 187, 189, 190, 254, 355, 815
Câu-lân-nhã 879, 880
Câu-lợi-đà 223
Câu-lưu-tôn Như Lai 10, 506, 813, 869, 879, 888, 1003
Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai 869, 879
Câu-na-hàm Như Lai 10
Câu-tát 5, 106, 107, 113
Câu-thâm 306, 307, 315, 442
Câu-thi-na-kiệt 140, 725, 726, 735
Câu-thù-đa-la 62
cây Ba-la 880
cây đa-la 939, 941, 942, 947
cây Diêm-phù 284, 585
cây Ni-câu-loại 295
cây Ni-câu-luật 292
cây Ni-câu-lưu 523, 880
cây Sa-la 991
cây Thiết-xoa 373, 374
cây Thi-lợi-sa 880
cây Trú Độ 654, 655
cây Ưu-đầu-bạt-la 880
chân-đà-la 410, 938
Chánh Biến Tri 503, 506
Chánh Đẳng Chánh Giác 367, 733, 745, 818
chánh định Kim cang 887, 888, 889
chánh hạnh 170, 332, 378, 834
chánh kiến 70, 87, 129, 161, 186, 262, 265, 280, 321, 342, 364, 600, 641, 702, 714, 720, 722, 737, 839, 913
chánh kiến Hiền thánh 583
chánh mạng 70, 87, 139, 161, 170, 186, 264, 265, 280, 321, 364, 452, 737, 753, 761, 764, 839, 913
chánh nghiệp 70, 87, 139, 161, 170, 186, 264, 265, 280, 321, 364, 452, 667, 737, 753, 761, 764, 769, 839, 913

chánh ngữ 70, 87, 139, 161, 170, 186, 264, 265, 280, 321, 364, 452, 737, 753, 761, 764, 769, 839, 913
chánh niệm 44, 67, 70, 77, 87, 121, 139, 147, 161, 170, 186, 206, 264, 265, 280, 321, 356, 364, 400, 419, 439, 440, 450, 452, 456, 457, 492, 513, 596, 655, 737, 753, 761, 764, 769, 839, 913
Chánh pháp 35, 143, 163, 164, 175, 938
chánh tinh tấn 70, 87, 139, 161, 170, 186, 264, 265, 280, 321, 364, 452, 737, 753, 761, 764, 769, 839, 913
chánh tụ 264, 265
chánh tư duy 70, 87, 139, 161, 170, 186, 264, 265, 280, 321, 322, 364, 452, 737, 753, 761, 764, 769, 839, 913
chân lý về sự khổ 280, 281, 293, 321
chân như 133, 560, 708
chấp có 38, 125, 126, 953
chấp không 125, 126, 625, 953
chấp thủ 365, 366, 367, 540, 829, 983
chấp trước 45, 142, 190, 248, 307, 323, 369, 371, 696, 705, 791, 818
Chấp Trượng dòng họ Thích 703, 704
Chất-đa 40, 47, 61, 378
Châu-lợi-bàn-đặc 38, 159, 160, 161, 162, 214, 215, 428, 429, 796, 797, 798, 799
Chí Chân 9, 10, 60, 78, 155, 159, 163, 185, 194, 201, 204, 205, 206, 207, 210, 246, 250, 252, 267, 269, 352, 376, 385, 426, 445, 465, 503, 587, 629, 639, 669, 755, 757, 760, 792, 813, 869, 871, 878, 879, 880, 888, 958, 964, 981, 983, 998
Chiêm-bà 6
Chiên-đà-la 340
chiên-đàn 261, 537, 581, 637, 665, 775, 873, 942, 993, 996, 997
Chiếu Diệu 52
Chi-hưu Ca-chiên 736, 737
chim câu-sí-la 333
chín nơi cư trú 56, 57, 785, 786, 801, 802, 841
chín pháp phát nguyện bố thí 786
chúng dạ-xoa 8
chúng Hiền thánh 648, 748
chúng quỷ mị 8
chúng rồng 8, 175
chú thuật Bà-la-môn 237
Chuyển Luân Đại Thánh 477
chuyên nhất tâm ý 69, 77, 145, 974
chuyển pháp luân 7, 71, 97, 162, 186, 279, 281, 282, 294, 407, 548, 636
cội Bồ-đề 76, 210, 277, 278, 457, 558, 728, 752, 766, 767, 817, 818
cõi Diêm-phù-đề 152, 174, 247, 284, 285, 293, 407, 507, 566, 567, 569, 571, 575, 577, 578, 579, 631, 646, 663, 677, 679, 680, 692, 755, 758, 805, 820, 821, 862, 864, 872, 884, 941, 967, 980, 1021
cõi Diêm-phù-lợi 71
cõi dục 79, 126, 132, 154, 215, 255, 256, 321, 389, 416, 433, 460, 461, 509, 616, 637, 638, 688, 694, 695, 752, 766, 767, 769, 831, 873, 902, 938, 993, 996
cõi Phạm thiên 2, 11, 175, 185, 282, 409, 449, 575, 592, 596, 624, 638, 702, 791, 793, 816, 873, 945, 946, 951, 952, 995
cõi Phạm Vương 791
cõi sắc 126, 132, 215, 321, 389, 460, 461, 509, 616, 637, 638, 694, 695, 831, 996
cõi ta-bà 589
cội Thọ vương 210
cõi vô sắc 126, 132, 321, 389, 460, 461, 616, 637, 638, 694, 695, 831, 996
con đường đưa đến khổ diệt 41, 112, 265, 280, 281, 293, 321, 363, 364, 459
công chúa Mâu-ni 756, 757, 758, 760
Cù-ba-ly 222, 223, 953, 954
Cực Thanh Diệu 344
Cù-da-lâu 648, 736, 774, 778
Cù-da-ni 152, 153, 154, 174, 175, 253, 286, 287, 288, 407, 408, 575, 679, 861
Cù-dực 815
cung rồng 6
cung trời Hoan Duyệt 676
cung trời Lực Thạnh 676

cung trời Tế Cước 676
cung trời Thi-lợi-sa 676
Cùng-tỷ-ni 948
cư sĩ Lam 53
Cửu-thọ-đa-la 51

D

Dã Mã 252, 506, 756, 793, 1000
Dâm Chủng 630
Da-nhã-đạt 201, 202, 203, 207, 503, 504
danh sắc 589, 601, 618, 619, 827, 904, 958, 984
dấu đạo 187, 188, 823
Diệm quang định 46
Diệm quang tam-muội 283, 426, 776
Diệm thạnh định 40
Diệm thiên 7, 282, 304, 352, 408, 575, 643, 680, 692
Diêm vương 468, 469, 470, 471, 474
diệt đế 364, 826
Diệt độ 237, 251, 349, 351, 352, 354, 355, 356, 357, 358, 389, 453, 455, 487, 576, 716, 717, 725, 730, 731, 732, 733, 735, 738, 740, 742, 744, 771, 780, 798, 859, 870, 871, 881, 935, 952, 962, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 1000
Diệt tận định 316, 317, 383, 426
Diệt tận tam-muội 426
Dĩ thuyết 335
dục hữu 905
dục kiết sử 388
dục lậu 41, 69, 112, 148, 210, 441, 509, 541, 635, 694, 921
dục lưu 116, 132, 133, 433, 459, 893
dục như ý túc 586
dục thiên 352, 355
dục thủ 366, 367, 905
Dũng Kiện 47
Duyên giác 305, 755

Đ

Đại Ái Đạo Cù-đàm-di 43, 183
đại bi 129, 933
Đại Đạo Sư 881
đại giới 869
Đại Phạm thiên 416
Đại Quân-đầu 698, 699
đại quốc Bát-ma 201, 202, 203, 204, 206
Đại sĩ Di-lặc 8
Đại thừa 4, 5, 7, 193, 636, 687, 782
đại từ 129, 606, 615, 673, 726, 933
Đại tướng Da-thâu-đề 995, 996
Đại tướng Sư Tử 49, 489, 490, 767, 1007, 1008, 1009
đắm trước 34, 65, 66, 73, 132, 146, 189, 190, 208, 232, 233, 414, 475, 509, 550, 558, 637, 638, 650, 696, 791, 792, 807, 810, 818, 1021
đàn độ 4
đấng Lưỡng Túc 434
đấng Mười Lực 433
đấng Năng Nhân 1
đấng Nhật Vương 433
đấng Pháp Vương Vô Thượng 952
Đăng Quang Như Lai 757
đấng Thập Lực 254
đấng Tiên Nhân Thứ Bảy 824
đấng Tịnh Nhãn Vô Thượng 475
đấng Tối Tôn 855, 856
đấng Tối Tôn Vô Thượng 171
đấng Trí Tuệ vẹn toàn 434
đấng Từ Bi Cứu Độ 581
đấng Vô Năng Kiến Đảnh 427
đàn-việt 370, 414, 517, 595, 716, 732, 757, 916, 1007
đạo đế 188, 826
Đạo Pháp Ngự 201, 252, 503, 755, 813, 982, 983, 998
đạo Tiên nhân 870
đạo Vô thượng Chánh chân 55, 77, 96, 97, 98, 101, 140, 370, 371, 458, 622, 647, 688, 737, 755, 757, 758, 875
đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác 742
Đầu-đà 34, 36, 255, 379, 431, 591, 593, 716, 717, 827, 874, 875, 897, 919, 923
Đầu-ma 48, 610
đa văn bậc nhất 298

Đề-bà-đạt-đa 82, 83, 84, 97, 763, 764, 852, 853, 896, 898, 899, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 953, 954
Đề-bà-diên-na 758
đệ nhất nghĩa đế 363
Đệ Thất Tiên 1, 227
đệ tử Từ Thị 876
Đế-xa 735
Đế-xá 953
địa giới 396, 589
địa Hữu học 428
địa ngục A-tỳ 98, 181, 530, 531, 643, 644, 721, 722, 723, 864, 888, 928, 929, 931, 932, 933, 934, 953
địa ngục Cây Đao 1016
địa ngục Cây Kiếm 722
địa ngục Chẻ Ngược 723
địa ngục Chưa Từng Có 722
địa ngục Đại Thế Khốc 721, 722
địa ngục Đại Viêm 721, 722, 723
địa ngục Đâm Chém 1016
địa ngục Đẳng Hại 721, 722, 953
địa ngục Dao Đâm 473
địa ngục Đao Kiếm 473
địa ngục Diệm Quang 953
địa ngục Gai Góc 722
địa ngục Gào Khóc 552, 690, 691
địa ngục Gào Khóc Lớn 258, 690, 721, 722
địa ngục Hắc Thằng 721, 722
địa ngục Hoàn Hoạt 721, 722, 864, 1014
địa ngục Hoa Sen Đỏ 722
địa ngục Hoa Sen Trắng 722
địa ngục Hoa Sen Vàng 722
địa ngục Hòn Sắt Nóng 722
địa ngục lớn Thế Khốc 258
địa ngục Lửa Nóng 1016
địa ngục Mãi Không 722
địa ngục Ngu Hoặc 722
địa ngục Núi Dao 722
địa ngục Núi Lửa 722
địa ngục Phách Cầu 643, 644
địa ngục Phân Nóng 723
địa ngục Phẩn Nóng 1016
địa ngục Phân Sôi 473, 722
địa ngục Rừng Kiếm 473
địa ngục Rút Lại 722
địa ngục Sông Tro 722
địa ngục Tro Nóng 472, 473, 722, 723
địa ngục Tro Nóng Lớn 473
địa ngục Tro Than 1016
địa ngục Viêm 721, 722, 723
địa Vô học 428
Điều-đạt 83, 117, 776, 952
Điều Ngự Trượng Phu 10, 111, 221, 252, 267, 376, 435, 445, 503, 506, 755, 813, 839, 907, 982, 983, 998
định Bất khởi 741
định căn 446, 465, 542, 839, 985
định Diệt tận 353, 357, 358, 426, 741, 993
định Dũng mãnh 923
định giác chi 661, 662, 687, 697, 714
định giác ý 219, 740
định Không 39, 353, 357, 358, 426, 818, 889
định Kim cang 741
định Nhất thiết quang minh 741
định Phi tưởng phi phi tưởng 353, 357, 358, 426
định Sư tử phấn tấn 353
định Tâm ý 923
định thân 356, 517
định tụ 265
định Tự giới 923
định Tự tại 923
định Vô nguyện 39, 818
định Vô tưởng 39, 818
đoạn ái dục 187, 188, 189, 190
đoàn thực 409, 813
Độc giác Thiện Mục 637
Độc giác thừa 7, 97, 885
đồng lợi 436, 453
đồng sự 436, 453, 474, 875
đồng tử Tượng 61
đồng tử Xa-ma 525, 526
Đông Viên 474
đức Định Quang Như Lai 204, 206
đức Như Lai Câu-lưu-tôn 506, 507
đức Phật Bảo Quang 881
đức Phật Bảo Tạng 756, 757, 760
đức Phật Câu-lưu-tôn 813, 881

đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni 879, 880, 881
đức Phật Đăng Quang 758, 759, 760, 800
đức Phật Đề-hòa-kiệt-la 800
đức Phật Quang Diệm 881
đức Phật Thừa Nhu Thuận 881
đức Phật Tỳ-xá-la-bà 869, 881, 1000
đức Tỳ-xá-la-bà Như Lai 506

G

giác ngộ 9, 269, 319, 487, 557, 560, 660, 672, 688, 689, 712, 770, 905, 922, 970
giác tha 193
giác tri 85, 278, 322, 349, 440, 441, 705
Già-di Ca-diếp 292
Gia gia 709
giải thoát Hiền Thánh 456
giải thoát sở kiến thân 356
giải thoát thân 356, 517, 766
già-lam 698
giảng đường Lộc Tử Mẫu 474
giảng đường Phổ Hội 131, 132, 428, 675, 795, 850, 851, 852, 854, 858, 866, 878, 917, 991, 993, 1001
giảng đường Phổ Nghĩa 159, 162
giảng đường Thiện Pháp 180, 276, 300, 572, 576
giảng đường Tối Thắng 188
giáo giới 292, 293, 376, 713, 811, 899
giới cấm thủ 366, 695
giới đạo 318
giới độ 4
giới đức 263, 344
giới hạnh 158, 260, 262, 302, 397, 398, 466, 504, 515, 516, 595, 670, 909, 958
giới luật Hiền thánh 456, 457, 458
giới tam-muội hành tận thần túc 413
giới thân 27, 355, 356, 517
giới thủ 366, 367, 905
giới, văn, thí, tuệ 59, 60
giới và xứ 238

H

hai kiến chấp 125, 126, 366
hai mươi mốt kiết sử 450, 922, 952
hai mươi mốt phiền não 110, 111
hai pháp 4, 6, 128, 129, 138, 139, 150, 165, 179, 182, 191, 192, 210, 211, 213, 216, 423, 424, 743, 744
hàng phục tâm 63, 64, 592, 594, 990
hạnh buông lung 700
hạnh độc cư 94
hạnh không buông lung 69, 70, 338, 339
hành nghiệp 583, 603, 802, 816, 828, 870, 896
hạnh nguyện 604, 755, 764
hạnh Sa-môn 125, 331, 787, 900, 920, 923
hành uẩn 451, 519, 578
hạt tất-địa-bàn-trì 150
Ha-xỉ A-la-bà 47
Hiền trí 146
hoa bà-sư 339
hoa chiêm-bặc 339
Hoa đệ tử 890
hỏa giới 589
Hỏa tam-muội 39
hoa tu-ma-na 339
Hóa Tự Tại thiên 352
hồ Lôi Âm 257
hồ Lôi Thanh 255
hồ nước Ma-đà 677
Hợp tập 410
hương giới 261, 655
Hương Sơn 179
Hữu dư Niết-bàn giới 134
Hữu học 402, 709, 901, 987
hữu kiến 125, 366
hữu lậu 41, 69, 112, 134, 143, 148, 210, 217, 224, 360, 361, 362, 401, 402, 417, 441, 446, 450, 453, 458, 465, 509, 520, 541, 542, 557, 594, 635, 655, 657, 688, 694, 765, 771, 816, 817, 826, 830, 843, 844, 900, 920, 921, 929, 955, 957, 973
hữu lưu 116, 132, 133, 433, 452, 459, 697
hưu tức 692, 831, 842, 847

Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ 791
hữu vi 116, 217, 238, 240, 818, 826
Hỷ chánh định 769
hỷ giác chi 91, 661, 662, 687, 697, 714, 740
hỷ giác ý 219
hỷ lạc 69, 401, 438, 439, 814

K

Kệ 335, 409, 651, 892, 894, 961
Kê-đầu 980
kết tập 2, 4, 5, 13
kham nhẫn 628, 653, 693, 696, 697, 699, 700
khẩn-na-la 8, 13
khát ái 321, 781, 938
khẩu giới 600
khẩu nghiệp 138, 207, 239, 378, 380
Khế kinh 3, 6, 7, 8, 13, 335, 336, 397, 398, 409, 430, 651, 876, 877, 961
khinh an giác chi 661, 662, 687, 697, 714, 740
khinh an giác ý 219
kho báu Thi-la-bát 872
khổ đế 826
khổ diệt 41, 51, 112, 265, 280, 281, 293, 321, 363, 364, 418, 459, 490, 769, 838, 839, 918, 921
khổ hạnh 34, 101, 140, 186, 203, 255, 256, 257, 280, 454, 455, 456, 701, 702, 708, 715, 827, 875, 895, 919
khổ não 116, 186, 228, 290, 350, 360, 461, 478, 482, 484, 485, 486, 528, 529, 530, 605, 627, 690, 707, 711, 721, 751, 966, 1015, 1017
Không chánh định 769
không giới 515, 516, 587, 589, 596, 667, 765, 860, 958, 963
Không Sát Hại 628
Không tam-muội 39, 52, 319
không tánh 876
Không xứ tam-muội 426
khổ, tập, diệt, đạo 529, 535, 582
kiến chấp 125, 126, 340, 366, 404, 625, 695, 701, 859, 860, 861, 959
Kiền-đề-a-lam 47
kiến lưu 116, 132, 133, 452, 459, 697
kiến thủ 366, 367, 905
Kiếp-bắc 944, 945, 946, 947, 950, 951
kiếp-ba-dục 153, 154
Kiếp-tỳ 11, 309, 944
Kiệt-đà 5
kiết-già 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 115, 145, 146, 147, 172, 182, 187, 223, 269, 283, 292, 357, 380, 412, 419, 426, 429, 430, 442, 457, 523, 559, 570, 571, 572, 576, 594, 626, 670, 671, 688, 709, 842, 875, 887, 903, 932, 971, 993, 998
kiết phược 173, 215
kiết sử dục ái 236
kiết sử sân hận 236
kiết sử si mê 236
kiêu mạn 22, 69, 142, 146, 323, 444, 449, 460, 461, 555, 616, 637, 638, 669, 686, 687, 705, 729, 766, 767, 769, 770, 826, 831, 861, 938, 966, 974
Kim cang định 40
Kim quang định 40
kinh hành 10, 137, 145, 200, 214, 224, 225, 255, 357, 417, 439, 456, 501, 532, 541, 639, 652, 668, 701, 731, 789, 896, 897, 898, 921, 939, 992, 993, 995
kinh thư 171, 344, 535, 612, 758, 799, 824
Kỳ-bà 621, 773
Kỳ-bà-già 773, 774, 775, 776, 777, 822
Kỳ-dạ 335, 409, 651, 892, 894, 961
Kỳ Quang Như Lai 587
Kỳ-xà quật 964

L

La-lặc-ca-lam 192, 278
làng Tỳ-la-da-trí 703
lậu hoặc 41, 134, 235, 252, 460, 481, 490, 693, 694, 696, 697, 765, 770, 795, 830, 952
Lậu tận thông 41, 428
Linh Thứu 114, 633, 677, 889
Lôi Diệm 52, 53
Lôi Điện 52, 634
Lôi điện định 41

Lôi Điện Ưu-đa-la 10
lợi hành 436, 453, 474, 875
lòng tin vô căn 782
Long Ưu-đa-la 9
long vương A-nậu-đạt 584, 586
long vương Nan-đà 566, 567
long vương Y-la-bát 175
Luận nghị 335, 651, 892, 894, 961
Luận tạng 38
Lục độ 4, 803
Lực sĩ Mật Tích 427
lục sư 648, 649
Lưỡng Thiệt 531
lý Duyên khởi 46
lý Không 5, 299

M

Ma-da 343
Ma-ha Ca-thất-na 428
Ma-ha-đề-bà 10, 11, 12
Ma-ha-nạp 49, 50
Ma-ha Quang 52
ma-hầu-la-già 8, 13, 76
Ma-hê-đề-lợi 803
ma-hưu-lặc 361, 938
Ma-kiệt-đà 1, 354, 417, 479, 533, 633, 683, 852, 853, 1025
Ma-kiệt ngư 775
Ma-lợi 51, 103
Mẫn-dật 47
mạng căn 31, 238, 600, 747, 928, 1015
mạn kiết 22
mạn mạn 766
mạn trung mạn 766, 769
Mãn Túc 867
Ma-sấu 354, 357
Ma-sư-san 378
Mạt-khư-lê 953, 954
Mạt-lợi 51, 52, 103, 104, 105, 107, 1018
Ma vương Đại Tướng 873
miệng hành từ 93
miếu A-la-tỳ 388
Minh Hạnh Túc 10, 111, 201, 221, 252, 267, 376, 435, 445, 503, 506, 755, 813, 839, 907, 981, 983, 998, 1024
Minh thứ ba 441
Minh thứ hai 441
Minh thứ nhất 440
Mục-già Ưu-đa-la 9
mười công đức 359, 825, 850
mười điều ác 848, 860, 866, 909, 910, 951, 1016
mười điều lành 667, 859, 910, 940
mười điều thiện 305, 359, 394, 909
mười hai hành tướng 281, 906
mười hai Hiền thánh 221, 445
mười hai khổ hạnh 34
mười hai nhân duyên 658, 659, 795, 895, 905, 906
mười hai thể loại kinh 651
mười lực của Như Lai 56
mười một pháp 6, 891
mười một pháp Đầu-đà 897, 919
mười một tâm từ giải thoát 56
mười pháp quán niệm 692, 693
mười sáu địa ngục nhỏ 722, 723, 724
mười tám phép biến hóa 731, 1001
mười tưởng 843, 844

N

Na-đà 52
na-do-tha 581, 877, 997
Na-la-kỳ-lê 174
năm ấm 529, 1015
năm căn 57, 58, 134, 446, 465, 474, 542, 732, 740, 839
năm chi phần 826
năm công đức 466, 467, 489, 490, 491, 512, 513, 514, 549, 563, 564, 985, 999, 1000, 1003, 1006, 1007
năm dục 126, 155, 228, 258, 259, 301, 305, 368, 461, 494, 495, 496, 503, 527, 529, 532, 543, 544, 550, 617, 629, 630, 647, 669, 691, 762, 764, 768, 773, 842, 850, 900, 901, 902, 944, 945, 950, 951, 967, 969, 985, 1004

năm duyên sự 467
năm hạ phần kiết sử 134, 401, 402, 656, 772
năm lực 58, 732, 740
năm phần pháp thân 593, 597, 814
năm phép thần thông 902, 903
năm sự ngăn che 87, 92
năm sự nhơ uế 975, 976
năm thủ uẩn 72, 161, 215, 280, 321, 324, 361, 362, 364, 451, 519, 520, 529, 545, 579, 617, 618, 619, 634, 635, 730, 970, 984, 990
năm thứ uế trược 555
năm triền cái 466
năm Tỳ-kheo 278, 279, 280, 281
năm uẩn 71, 238, 304, 306, 307, 519, 557, 558, 683, 827, 904, 905, 970
Nan-đà Mẫu 52, 62
Nan-đà Nan-đà-bà-la 51
Nan-đề-bà 49
Năng Nhân 117
Na-ưu-la 107, 108, 109, 268, 269, 270, 272, 273
Nê-la 52, 53
ngã kiến 625, 762
ngã mạn 69, 770
ngạo mạn 110, 111, 450, 610, 922
ngạ quỷ 13, 119, 120, 121, 122, 123, 138, 264, 265, 304, 322, 325, 392, 406, 407, 466, 468, 552, 616, 634, 667, 687, 719, 732, 755, 760, 794, 861, 865, 919, 955, 956, 978, 985
ngã thủ 366, 367, 905
nghĩa biện tài 409
nghĩa không 39, 45, 115, 219, 984
nghiệp lậu hoặc 696, 811
nghi kiết 318, 411
ngô ngã 142
ngũ cái 87
Ngũ Đạo đại thần 552, 553
Ngũ Đô 581
ngũ dục 131, 133, 135, 155, 368
Ngự-mã-ma-nạp 48
người Ma-la 735
ngũ thí 492
ngũ thông 84, 447
Ngưu Đầu chiên-đàn 574, 581
Nguyệt thiên tử 432, 677
nhẫn căn 136, 137, 224, 452, 540, 605, 636, 650, 658, 696, 892, 893, 921, 1011
nhẫn độ 4
nhân duyên 1, 7, 9, 48, 94, 97, 116, 133, 145, 168, 172, 187, 207, 210, 216, 220, 221, 223, 235, 236, 242, 246, 276, 288, 289, 300, 301, 302, 314, 318, 335, 359, 360, 390, 405, 423, 435, 440, 449, 452, 457, 467, 475, 479, 480, 490, 498, 509, 511, 523, 531, 540, 541, 544, 545, 547, 552, 561, 566, 569, 571, 572, 593, 601, 602, 617, 618, 625, 633, 638, 645, 648, 658, 659, 664, 667, 668, 676, 689, 690, 691, 705, 706, 714, 717, 721, 722, 729, 731, 732, 742, 743, 760, 777, 781, 795, 828, 837, 838, 852, 853, 857, 858, 864, 875, 881, 882, 884, 885, 895, 901, 903, 904, 905, 906, 911, 917, 930, 932, 955, 956, 957, 961, 967, 968, 970, 972, 973, 984, 998, 1004, 1011
Nhân duyên 335, 409, 651, 892, 894, 961
nhãn nhập 589
nhẫn nhục 41, 46, 49, 52, 93, 140, 300, 315, 356, 615, 622, 860, 947
nhãn thức thân 589
Nhân Tôn 4
Nhân Trung Thượng 390
Nhân Trung Tôn 390, 434
nhập diệt 1, 132, 258, 619, 629, 634, 717, 827
Nhất chủng 402
Nhật Nguyệt Quang 246
Nhật quang định 41
nhất tâm như ý túc 586
nhất tâm niệm Phật 21, 78
Nhất thiết trí 174, 189, 279, 819, 926
nhất tọa thực 36, 95
nhĩ căn 452
nhiếp tâm 702, 768, 856, 892
nhĩ nhập 589
nhĩ thức thân 589
Như Lai Ca-diếp 10, 436, 582, 629, 964
Như Lai Di-lặc 875, 877, 964

Như Lai Sư Tử Ứng 881
Như Lai Thi-khí 252, 506, 1000
Như Lai Tỳ-bà-thi 504, 998
Như Lai Vô Cấu 881
Nhượng-khư 872, 874, 877, 980, 981, 982
Như thị tam-muội 573
niệm căn 446, 465, 542, 839, 985
niệm chỉ quán 831
niệm giác chi 91, 687
niệm giới 6, 16, 25, 692, 831, 842, 847
niệm hơi thở 6, 831, 842
niệm hơi thở ra vào 18, 29, 30, 692, 847
niệm Pháp 15, 23, 692, 831, 841, 847, 983
niệm Phật 6, 15, 21, 22, 78, 267, 556, 692, 841, 847, 983
niệm sự chết 6, 19, 31, 32, 692, 831, 842, 847
niệm tà 5, 196, 290, 303, 511, 546
niệm Tăng 6, 16, 24
niệm thân 18, 30, 31, 692, 831, 842, 847, 1011
niệm thí 17, 26, 692, 831, 842, 847
niệm thiên 6, 17, 27, 692, 831, 842, 847
niệm thực 409, 813
niệm tịch tĩnh 692, 847
niệm trừ loạn tưởng 6
niệm tưởng chấp trước 705
niệm tưởng dục 265
niệm tưởng không sân hận 265, 266
niệm tưởng không sát hại 265, 266
niệm tưởng sân hận 265
niệm tưởng sát hại 265
niệm Tỳ-kheo-tăng 692, 831, 841, 847, 983
Niết-bàn giới 134
Ni-kiền tử 497, 498, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 648, 649, 701, 708, 709, 737, 774, 778, 819, 849, 1011, 1012
Ni-kiền tử Tát-giá 606
Ni-sa 356
nói hai chiều 138, 239, 847, 848, 859, 865, 973, 1015
nói lời thêu dệt 122, 239, 359, 847, 848, 973, 1015
nói lời thô ác 239, 859, 865, 1015
núi Bạch Thiện 633
núi Bàn-trà-bà 677, 679
núi Ba-sa 417
núi Đại Thiết Vi 677, 679
núi Đại Úy 454
núi Hương Tích 677, 679
núi Khư-la 677, 679
núi Kim Cang Luân 742
núi Kỳ-di-đà 679
núi Kỳ-xà quật 114, 115, 253, 390, 579, 633, 677, 801, 887, 888, 926, 954, 963, 964
núi Linh Thứu 115, 390, 633
núi Mã Đầu 677, 679
núi Ni-di-đà 677, 679
núi Phổ Hương 394
núi Phụ Trọng 633
núi Quảng Phổ 500, 633
núi Thiết Vi 676, 677, 679
núi Thi-mục-ma-la 107
núi Tiên Nhân 634
núi Tu-di 175, 269, 411, 433, 447, 531, 567, 568, 569, 578, 579, 580, 585, 588, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 729, 739, 888
núi Tuyết 201, 203, 269, 958
núi Tỳ-na 679
núi Tỳ-na-da 677
núi Tỳ-sa 677
núi Ưu-xà-già-la 677
núi Y-sa 679
nước Ba-la-lê 482
nước Bà-na 193
nước Bàn-đầu 503
nước Bạt-kỳ 107, 268, 272, 315, 581, 590, 672, 673, 684, 685
nước Ca-di 570
nước Càn-đà-vệ 980
nước Ca-thi 107, 279, 308, 347, 581
nước Câu-di 46
nước Câu-lưu-sa 852, 899
nước Di-thê-la 872
nước Kiêu-thường-di 853
nước Mã-đề 427
nước Ma-kiệt 163, 174, 185, 196, 277, 295, 318, 419, 515, 534, 537, 538, 581, 616, 683, 761, 771, 875, 912, 939
nước Mật-đề-la 980
nước Mật-hy-la 646

nước Tu-lại-tra 872, 980
nước Xá-vệ 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 69, 70, 72, 74, 75, 76, 77, 79, 80, 81, 82, 87, 93, 94, 97, 99, 101, 102, 103, 105, 106, 110, 119, 120, 121, 122, 123, 125, 126, 127, 128, 129, 131, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 143, 145, 149, 150, 151, 155, 157, 165, 167, 177, 178, 183, 184, 187, 190, 191, 192, 195, 199, 200, 208, 209, 210, 211, 213, 214, 215, 217, 218, 220, 221, 222, 224, 226, 227, 233, 235, 236, 237, 238, 240, 241, 242, 245, 257, 260, 264, 265, 267, 268, 273, 275, 299, 305, 315, 318, 319, 321, 322, 323, 324, 325, 331, 332, 333, 334, 337, 338, 339, 342, 345, 349, 360, 363, 364, 368, 370, 371, 372, 373, 375, 387, 397, 399, 401, 403, 406, 407, 408, 409, 410, 413, 415, 416, 420, 437, 445, 448, 450, 452, 458, 460, 462, 465, 466, 467, 474, 487, 488, 491, 493, 494, 496, 500, 507, 510, 512, 513, 514, 519, 532, 533, 534, 542, 543, 544, 545, 547, 548, 549, 550, 551, 554, 558, 563, 564, 565, 583, 588, 594, 595, 597, 600, 603, 604, 615, 618, 620, 622, 635, 638, 650, 651, 654, 655, 657, 659, 660, 662, 668, 675, 686, 688, 693, 699, 701, 712, 715, 719, 721, 739, 742, 744, 746, 747, 748, 749, 751, 754, 765, 782, 783, 785, 786, 787, 788, 790, 796, 800, 811, 815, 817, 825, 827, 828, 831, 833, 843, 847, 848, 850, 851, 852, 854, 856, 861, 865, 866, 871, 877, 891, 894, 896, 904, 916, 935, 937, 938, 953, 955, 958, 959, 962, 965, 966, 974, 977, 978, 979, 982, 985, 987, 989, 997, 1004, 1005, 1006, 1009, 1013, 1018

P

Phạm âm Phật 775
Phạm-ca-di thiên 352
Phạm chí Chấp Trượng 207
Phạm chí Da-nhã-đạt 201, 202, 207, 504, 505, 507, 1003
Phạm chí Hiếu Khổ 522, 523, 524, 525, 530, 531
Phạm chí Kê-đầu 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541
Phạm chí Lộc Đầu 390, 391, 395
Phạm chí Lư-ca-diên 796
Phạm chí Sanh Lậu 47, 545, 546, 603, 604, 606, 962, 963
Phạm chí Siêu Thuật 202, 203, 204, 205, 206, 207
Phạm chí Sí-ninh 907, 912, 914, 915
Phạm chí Ưu-tỳ-già 279
Phạm chí Vân Lôi 201, 202
Phạm hạnh vô thượng 113, 182, 200, 257, 277, 482, 555, 627, 711, 762, 795, 807, 816, 817, 844, 861, 899, 920, 967, 968
Phạm-ma-du 48, 140
Phạm-ma-việt 873, 874
Phạm thiên Thiên Nhãn 141
Phạm thiên vương 175, 185, 269, 289, 389, 408, 432, 623, 743, 746, 758, 809, 820, 837
Phạm Ưu-đa-la 10
pháp ân 127
Pháp bảo 4, 7, 128, 185, 186, 717
pháp biện tài 409, 410
pháp bình đẳng 366, 938
pháp chỉ 129, 182, 210, 299, 870
Pháp cú 335, 436, 628, 939
pháp giả danh 601, 602
pháp giới 1024
pháp hành trù 427
pháp hữu lậu 69, 217, 410
pháp hữu vi 238, 276, 410, 678, 679, 700, 716, 717, 730, 839
pháp khí 2, 24
pháp nghiệp 127
pháp nhãn thanh tịnh 14, 363, 364, 382, 385, 435, 436, 460, 481, 499, 529, 530, 535, 573, 579, 582, 590, 612, 617,

625, 731, 737, 741, 753, 765, 770, 823, 873, 874, 875, 877, 886, 914, 997
pháp nhiễm trước 529
pháp quán 116, 129, 182, 210, 226, 511, 692, 693
pháp Sa-môn 125, 177, 182, 331, 463, 481, 559, 787, 854
Pháp thân 2, 3, 22, 871
Pháp thuyết 198
pháp vị 33, 36, 71, 74, 94, 108, 185, 558, 674, 692, 869
pháp vi diệu 73, 138, 142, 147, 172, 173, 175, 176, 185, 186, 196, 198, 247, 249, 257, 259, 272, 273, 299, 317, 370, 382, 386, 400, 435, 444, 499, 501, 529, 534, 535, 573, 581, 587, 590, 612, 613, 641, 670, 709, 713, 714, 730, 748, 756, 765, 781, 790, 811, 813, 823, 827, 837, 873, 874, 883, 885, 903, 914, 915, 997
pháp vô lậu 410, 839
pháp vô vi 410
Pháp vương 274, 872, 948
pháp xuất yếu 208
Phật Ca-diếp 143, 258, 271, 435, 844, 868, 869, 870, 879, 880, 881, 931, 1003
Phật-đà 499, 753, 775
Phật Di-lặc 210, 613, 635, 717, 871, 873, 874, 875, 876, 877, 881, 982
Phật mẫu Ma-da 572, 573
Phật thừa 7, 97, 399, 885
Phất Tinh 457
Phất-vu-đãi 152, 153, 154, 174, 175, 253, 286, 408, 575, 680
Phật-xá 735
Phi tưởng phi phi tưởng xứ tam-muội 426
phong giới 589
phòng hộ tâm hữu lậu 69
phước điền tối thượng 747
phước nghiệp bình đẳng 218, 219
phước nghiệp bố thí 218, 219
phước nghiệp tư duy 218, 219
phương Bắc Thiên Trúc 731
Phương đẳng 7, 335, 336, 409, 651, 892, 894, 961

Q

quả a-ma-lặc 285
quả báo vô lậu 179
quả ha-lê-lặc 286
quán ba sự khổ 293
quán bất tịnh 116, 226, 242, 315, 511, 555
Quân-đầu-ba-hán 428
Quảng diễn 21, 335, 651
Quảng phổ 651
quán như ý túc 586
quán niệm hơi thở 29, 38, 145, 146, 147
quán niệm hơi thở ra vào 29
quán niệm xứ pháp nơi pháp 92
quán pháp diệt tận 90, 91, 92
quán pháp tập khởi 90, 91, 92
quán pháp trên ngoại pháp 88, 237, 856
quán pháp trên nội ngoại pháp 237
quán pháp trên nội pháp 237
quán tâm trên ngoại tâm 237, 856
quán tâm trên nội ngoại tâm 237
quán tâm trên nội tâm 237
quán thân bất tịnh 46
quán thân trên ngoại thân 88, 237, 856
quán thân trên nội thân 237, 856
quán thân trên nội thân và ngoại thân 237
quán thọ trên ngoại thọ 237, 856
quán thọ trên nội ngoại thọ 237
quán thọ trên nội thọ 237
quán tưởng bất tịnh 38, 66, 67, 146, 327, 444
quán tưởng thanh tịnh 326, 327
quán tưởng thân thể bất tịnh 33
quán tử thi 89
quả Sa-môn 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 69, 70, 186, 400, 401, 737
Quật-đa 47
quả tỳ-hê-lặc 286
Quốc vương Bồ-hô 101
quỷ Già-la 887, 888
quỷ Kim-tỳ-la 926
quỷ Tỳ-sa 268, 269, 270, 271, 272
quỷ Ưu-bà-già-la 887, 888

quy y Pháp 157, 387, 479, 546, 606, 611, 781, 823, 903, 979, 982
quy y Phật 157, 270, 273, 387, 421, 441, 479, 487, 546, 606, 781, 823, 903, 979, 982
quy y Tăng 387, 546, 606, 823, 982

R

rừng An-đà 182
rừng Kỳ-đà 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 69, 70, 72, 74, 75, 76, 77, 79, 80, 81, 82, 87, 93, 94, 97, 99, 101, 102, 110, 119, 120, 121, 122, 123, 125, 126, 127, 128, 129, 131, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 143, 145, 149, 150, 151, 155, 157, 165, 167, 177, 178, 182, 183, 184, 187, 189, 190, 191, 192, 195, 199, 200, 208, 209, 210, 211, 213, 214, 215, 217, 218, 220, 221, 222, 224, 226, 227, 233, 235, 236, 237, 238, 240, 241, 242, 245, 257, 260, 264, 265, 267, 268, 275, 299, 305, 318, 321, 322, 323, 324, 325, 331, 332, 333, 334, 337, 338, 339, 342, 345, 349, 360, 363, 364, 368, 370, 371, 372, 373, 375, 387, 397, 399, 401, 403, 406, 407, 408, 409, 410, 413, 415, 416, 420, 437, 445, 448, 450, 452, 458, 460, 462, 465, 466, 467, 487, 488, 491, 493, 494, 496, 507, 510, 512, 513, 514, 519, 530, 532, 533, 542, 543, 544, 545, 547, 548, 549, 550, 551, 554, 558, 560, 563, 564, 565, 578, 583, 587, 588, 594, 595, 597, 600, 603, 604, 615, 618, 620, 622, 635, 638, 650, 651, 654, 655, 657, 659, 660, 662, 669, 675, 686, 688, 693, 699, 701, 712, 715, 719, 721, 742, 744, 746, 747, 748, 749, 751, 754, 765, 782, 783, 785, 786, 787, 788, 790, 796, 800, 811, 815, 817, 825, 827, 828, 831, 833, 843, 847, 848, 850, 851, 852, 854, 856, 861, 865, 866, 871, 877, 891, 894, 896, 904, 916, 935, 937, 938, 953, 955, 958, 959, 962, 965, 966, 974, 977, 978, 982, 985, 987, 989, 997, 1004, 1005, 1006, 1009, 1013, 1018
rừng Quỷ 107
rừng Song Thọ 735

S

sắc hữu 417, 459, 905
sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp 55, 332, 851
sắc thiên 352
sắc, thọ, tưởng, hành và thức 324, 578
sắc tưởng 136, 137, 1011
sắc uẩn 451, 519, 578
Sa-di-ni 995, 996, 997
Sa-di Quân-đầu 254, 354, 355, 426, 428, 429, 660, 882
Sa-di Tu-đà 417, 418, 419
Sa-di Tu-ma-na 419, 420
sám hối 181, 182, 200, 251, 271, 290, 302, 403, 463, 597, 598, 599, 600, 637, 644, 742, 777, 781, 798, 799, 807, 808, 809, 821, 844, 899, 917, 919, 927, 928, 975, 1014, 1017
Sa-môn Cù-đàm 102, 103, 104, 107, 110, 113, 156, 157, 163, 174, 176, 195, 279, 283, 284, 287, 288, 289, 290, 350, 365, 434, 437, 441, 455, 456, 498, 546, 606, 607, 609, 610, 611, 612, 623, 624, 641, 642, 643, 648, 649, 709, 735, 736, 813, 819, 830, 837, 849, 907, 909, 910, 911, 912, 913, 924, 925, 926, 927, 928, 962, 963, 1012
Sa-môn Hiền Thánh 331
sân hận 15, 22, 64, 66, 79, 80, 87, 90, 111, 116, 134, 139, 146, 156, 170, 176, 226, 235, 236, 239, 264, 265, 266, 283, 326, 340, 341, 366, 371, 388, 389, 414, 441, 444, 446, 449, 450,

459, 466, 474, 488, 521, 555, 567, 596, 605, 606, 615, 616, 656, 686, 687, 702, 705, 804, 815, 816, 817, 823, 833, 835, 847, 848, 859, 860, 872, 892, 893, 973, 988, 1010, 1021
sanh, già, bệnh, chết, sầu, ưu, khổ, não 700
sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não 544, 620, 795
Sanh kinh 335, 409, 590, 592, 651, 833
sân khuể 87, 401, 656, 772, 823
Sát-đế-lợi 229, 305, 415, 444, 603
Sát-lợi 106, 294, 297, 298, 340, 341, 344, 398, 403, 404, 489, 603, 641, 646, 652, 682, 683, 714, 733, 746, 768, 860, 874, 879, 907, 908, 911, 913, 922, 942, 990, 1007, 1010, 1013
sáu căn 301, 366, 452, 506, 589, 602, 617, 635, 636, 638, 650, 719, 720, 978
sáu giới 589, 590
sáu kiến chấp 625, 695
sáu mươi hai tà kiến 952
sáu pháp đạt đến Niết-bàn 599, 600
sáu pháp đọa vào địa ngục 599, 600
sáu pháp quý trọng 583
sáu pháp sanh lên cõi trời 599
sáu pháp trọng 839
sáu phép thần thông 902, 903
sáu sức mạnh 615
sáu tà kiến diệt 56
sáu thần thông 539, 773
sáu thức thân 589
sáu trần 617, 635
sông A-chi-la 530
sông A-du-xà 697
sông Bác-xoa 884
sông Bà-xoa 415, 678
sông Hằng-già 415, 678
sông Liên-nhã 282
sông Ni-liên 294
sông Ni-liên-thiền 290
sông Tân-đầu 415, 884
sông Tôn-đà-la 113
sông Tư-đà 415, 884
sông Tử-đà 678
sông Tư-đầu 678
sông Ưu-ca-chi 616
Sơ quả 188, 748, 781
sự diệt tận của sắc 361, 362, 634, 827, 970
sự tập khởi của sắc 215, 634, 827, 970

T

tác pháp duy-na 868
tà dâm 121, 234, 381, 387, 664, 847, 848, 850, 909, 973, 1011, 1015, 1021
tà định 264, 762, 764, 769
tà kiến 3, 9, 56, 57, 112, 131, 132, 138, 139, 148, 150, 237, 256, 264, 290, 307, 328, 340, 341, 377, 403, 404, 405, 410, 424, 434, 435, 441, 450, 458, 468, 547, 552, 600, 687, 695, 705, 720, 722, 723, 755, 762, 764, 766, 769, 782, 829, 830, 847, 848, 849, 859, 860, 861, 866, 952, 953, 1006, 1011, 1013, 1016
tà kiến mạn 766
tà mạng 139, 264, 762, 764
Tam bảo 172, 173, 217, 341, 344, 382, 385, 435, 445, 479, 480, 501, 506, 572, 738, 789, 855, 866, 876, 877, 934, 937, 938
tâm bi 111, 219, 317, 374, 416, 444, 638, 765
tâm buông xả 749
tam đạo 428
tám đạo phẩm Hiền thánh 57, 186, 740
Tam đạt trí 210, 731
tám địa ngục lớn 677, 678, 721, 722, 724, 801, 802, 848
tám điều suy niệm 744, 745
tâm định tĩnh 91, 440, 441, 616, 626, 658
tâm giải thoát 1, 41, 134, 187, 189, 210, 253, 401, 402, 413, 453, 458, 465, 517, 542, 558, 655, 770, 829, 830, 929, 957
tám giới quan trai 300, 301, 302, 303, 304, 305
tâm hạn lượng 829
tâm hỷ 111, 219, 317, 374, 416, 638, 712, 765
tám loại giới 396
tâm loạn niệm 91
Tam minh 210, 532, 628
tam-muội Hiền thánh 456, 457, 458
tam-muội Không 116

tam-muội tổng trì 476
tám mươi vẻ đẹp 206, 269, 296, 433, 434, 481, 505, 506, 745, 758, 803, 873, 912, 913
tám nạn 11, 12, 304, 506, 667, 720, 721, 724, 755, 781, 816
tâm niệm xứ 91
tám pháp trai giới 754, 755, 760, 948
tâm Phật 775
tâm phóng dật 91
Tam Quả 47
tàm quý 825
tâm tam-muội hành tận thần túc 413
tám Thánh đạo 58, 753
tam thiên đại thiên thế giới 175
tâm thọ nhập 91
Tam thừa 7, 24, 97, 755
Tam tôn 39, 789, 799
tâm tổn hại 820
tâm từ 49, 56, 57, 71, 111, 116, 119, 219, 221, 226, 234, 317, 369, 371, 374, 416, 433, 444, 565, 602, 624, 712, 765, 815, 816, 817, 935, 1021
tâm vô lượng 91, 300, 374, 389, 416, 444, 829
tâm vô thượng 91, 985
tâm xả 111, 219, 374, 416, 454, 638, 712, 765
tấn căn 446, 465, 542, 839, 985
tấn độ 5
Tăng-già-lê 209, 432
tà nghiệp 139, 158, 264, 458, 762, 764, 769
Tăng mười phương 35, 369
tăng thượng mạn 110, 111, 170, 766, 769, 922
tà ngữ 139, 264, 762, 764, 769
tà niệm 139, 264, 762, 764, 769
Tạo tụng 409
tập đế 826
Tất-đạt 296, 487, 803, 925
Tất-đạt-đa 295
tật đố 170, 242
tà tinh tấn 139, 264, 762, 764, 769
Tát-la-đà 106
tà tụ 264, 265
tà tư duy 139, 264, 762, 764, 769
Tệ ma Ba-tuần 55, 76, 77, 361, 370, 526, 767, 768, 813
Tha Hóa Tự Tại thiên 352
Thái tử Ái Niệm 646
Thái tử Đăng Quang 248
Thái tử Kỳ-đà 527
Thái tử Lưu-ly 521, 522
Thái tử Quan Kế 945, 946
Thái tử Tất-đạt 295
Thái tử Thanh Tịnh 630, 631, 632
Thái tử Thiện Tận 951
Thái tử Trường Sanh 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 944, 945
Thái tử Ưu-đà-da 773, 777
Thái tử Vô Úy 773
tham ái 280, 418, 460, 461, 637, 638, 650, 792, 876, 966, 1005, 1006, 1027
Thẩm Đế 356
tham dục 15, 22, 79, 87, 92, 116, 146, 155, 156, 226, 228, 229, 242, 302, 315, 318, 326, 327, 328, 329, 330, 440, 444, 446, 456, 457, 459, 466, 472, 495, 555, 556, 596, 616, 637, 656, 669, 686, 687, 696, 697, 705, 707, 720, 803, 804, 829, 844, 892, 893, 911, 918, 919, 938, 952, 995, 1011
tham lam 28, 110, 111, 168, 191, 212, 219, 257, 264, 491, 501, 543, 546, 684, 689, 716, 787, 804, 833, 866, 922, 1021
thân căn 452, 1011
thân định 597
Thắng Chúng 881
thân giải thoát 597
thân giới 597, 600
thân hành từ 71, 93, 600
thành Ca-tỳ-la-vệ 159, 183, 274, 520, 521, 524, 525, 526, 527, 703, 707, 713, 797, 807, 922
thành Chiêm-ba 255
Thánh chúng 3, 19, 24, 32, 33, 36, 49, 52, 112, 114, 172, 173, 195, 218, 221, 222, 228, 236, 267, 268, 369, 377, 382, 407, 445, 540, 579, 584, 640, 715, 735, 757, 776, 777, 781, 809, 813, 825, 834, 836, 855, 857, 858, 866, 867, 868, 869, 870, 876, 883, 884, 885, 886, 925, 938, 953, 975,

976, 978, 979, 980, 983
Thánh đạo 58, 176, 714, 715, 716, 724, 732, 740, 753
Thánh giáo 109, 592
thành Kê-đầu 871, 873, 874, 877
thành La-duyệt 82, 83, 96, 98, 114, 115, 162, 163, 170, 171, 173, 174, 175, 199, 253, 261, 263, 326, 330, 349, 350, 357, 358, 377, 379, 383, 385, 390, 419, 427, 447, 478, 479, 480, 500, 531, 534, 535, 536, 537, 552, 556, 557, 579, 633, 634, 642, 643, 645, 669, 683, 763, 773, 792, 795, 796, 797, 801, 803, 819, 820, 836, 837, 859, 882, 887, 907, 912, 926, 927, 963, 964, 1004
thành Mãn Phú 421, 422, 423, 424, 427, 428, 434
thành Mật-đề-la 939, 941, 948, 949
Thánh ngôn 1
thành Pháp Hành 899
thành Tăng-già-thi 578
Thanh Tịnh Âm Hưởng 967
Thánh Tôn 252, 506, 759, 986
thành tựu giải thoát 24, 112, 221, 267, 445, 476, 591, 593, 640, 670, 724, 745, 746, 830, 850, 852, 854, 856, 889, 894, 921, 938, 983, 985
thành tựu giải thoát tri kiến 24, 112, 221, 267, 445, 476, 591, 640, 670, 850, 852, 854, 856, 894, 938, 983
thành tựu giới luật 24, 112, 210, 221, 445, 658, 744
thành tựu lòng tin vô căn 782
thành tựu nghe nhiều 466, 744, 745, 746
thành tựu thấy nghe 71
thành tựu thiền định 24, 71, 221, 267, 445, 745, 746, 850, 852, 854, 856, 894, 938, 983
thành tựu tinh tấn 745, 746
thành tựu trí tuệ 24, 71, 112, 158, 191, 221, 267, 439, 445, 466, 476, 591, 593, 640, 670, 744, 745, 746, 764, 786, 850, 852, 854, 856, 889, 894, 938, 983, 987
thành tựu tướng hảo 466
thành tựu về giới 593, 746, 786, 958, 983
thành Tỳ-xá-ly 10, 48, 196, 198, 454, 489, 578, 606, 607, 611, 612, 642, 643, 645, 648, 649, 689, 725, 730, 991, 993, 994, 995, 1006
Thanh văn thừa 755, 885
Thánh vương Đảnh Sanh 152, 153, 154, 155
thân kiến 452, 695, 762
thân kim cang 732
thân nghiệp 437, 438, 826
thân nhập 589
thân tà 318, 319
thần thông bậc nhất 577, 717
thân thức thân 589
thần túc bậc nhất 351, 431, 585, 586, 587, 590, 593, 888
thân tuệ 597
Thế Gian Giải 10, 111, 201, 221, 252, 267, 376, 435, 445, 503, 506, 755, 813, 839, 907, 981, 983, 998
Thế Tôn 2, 8, 10, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 87, 93, 94, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 107, 108, 109, 110, 111, 113, 114, 119, 120, 121, 122, 123, 125, 126, 127, 128, 129, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 143, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 226, 227, 228, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 245, 246, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256,

257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 267, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 296, 297, 298, 299, 300, 302, 304, 305, 306, 307, 315, 316, 317, 318, 319, 321, 322, 323, 324, 325, 328, 331, 333, 334, 337, 338, 339, 341, 342, 343, 344, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 367, 368, 370, 371, 372, 373, 375, 376, 379, 382, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 399, 400, 401, 403, 405, 406, 407, 409, 410, 411, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 422, 423, 427, 428, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 441, 442, 443, 444, 445, 447, 448, 451, 452, 453, 454, 457, 459, 460, 461, 462, 463, 465, 466, 467, 471, 472, 474, 475, 476, 477, 479, 480, 481, 482, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 494, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 512, 513, 514, 515, 516, 523, 524, 525, 526, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 561, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 593, 594, 595, 597, 598, 599, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 615, 616, 617, 618, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 633, 634, 635, 636, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 648, 649, 650, 651, 654, 655, 656, 657, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 673, 675, 676, 682, 683, 684, 685, 686, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 697, 698, 699, 700, 701, 703, 704, 705, 706, 707, 709, 712, 713, 715, 716, 717, 719, 720, 721, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 741, 742, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 759, 761, 762, 764, 765, 766, 770, 771, 772, 775, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 785, 786, 787, 788, 790, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 801, 802, 803, 804, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 831, 832, 833, 837, 839, 842, 843, 844, 847, 848, 849, 850, 851, 853, 854, 855, 857, 858, 859, 860, 861, 865, 866, 867, 868, 870, 871, 873, 874, 875, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 891, 894, 895, 896, 898, 899, 900, 903, 904, 905, 907, 910, 911, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 922, 923, 924, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 934, 935, 937, 938, 939, 952, 953, 955, 958, 959, 960, 962, 963, 965, 966, 975, 977, 979, 980, 981, 982, 983, 985, 986, 987, 988, 989, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1016, 1017, 1019, 1025

Thích-ca 1, 7, 10, 11, 12, 13, 97, 181, 183, 207, 210, 223, 227, 295, 352, 360, 361, 362, 380, 381, 387, 415, 431, 443, 475, 480, 487, 539, 540, 576, 587, 588, 729, 740, 743, 760, 824, 871, 875, 876, 879, 880, 881, 925, 931, 932, 964, 1004

Thích Cam Lộ 298

Thích-đề-hoàn-nhân 7, 114, 115, 116, 117,

175, 187, 188, 189, 190, 253, 254, 255, 268, 269, 288, 289, 300, 301, 302, 354, 355, 389, 408, 432, 459, 478, 479, 480, 500, 501, 507, 529, 536, 537, 543, 565, 566, 572, 573, 576, 577, 578, 579, 645, 677, 793, 794, 801, 802, 815, 820, 900, 924, 948, 949, 967, 968, 969, 972, 995, 996
Thích Hộc Tịnh 298
Thích Ma-ha-nam 521, 526, 707
Thích Thúc Tịnh 298
Thí dụ 335, 651, 892, 894, 961
Thiện Bảo 981, 982
Thiên chủ 815
thiền có giác có quán 453
Thiên Đế-thích 115, 116, 154, 155, 197, 288, 289, 301, 948
thiền định 24, 28, 40, 71, 94, 96, 115, 221, 267, 270, 277, 300, 426, 431, 445, 450, 592, 593, 686, 745, 746, 755, 756, 757, 764, 792, 798, 814, 850, 852, 854, 856, 875, 878, 881, 889, 890, 894, 937, 938, 983
Thiện Duyệt Ma-ha-đề-bà 356
Thiện Hóa Trị 646
thiền không giác không quán 453
Thiên-ma 49
Thiên ma Ba-tuần 76
Thiện Minh 246, 247
thiền-na 115
Thiện Nghiệp 40, 115, 116, 117, 581
thiên nhãn bậc nhất 143, 298, 379, 540, 575, 593, 981
Thiên Nhân Sư 10, 111, 201, 221, 252, 267, 376, 435, 445, 503, 506, 755, 813, 839, 907, 982, 983, 998
thiên nhãn thanh tịnh 112, 147, 148, 214, 269, 316, 428, 441, 452, 458, 541, 829, 982
thiên nhĩ 160, 269, 316, 361, 528, 596, 621, 660, 675, 736, 792, 850, 851, 853, 855, 878
Thiện Niệm Thệ Nguyện Như Lai 352
thiện pháp 70, 84, 210, 211, 334, 338, 447, 750, 922
Thiên sư A-tư-đà 701, 702
Thiện Tài 506, 507, 874
Thiện Thệ 1, 10, 111, 193, 201, 221, 252, 267, 376, 435, 445, 503, 506, 557, 755, 813, 839, 907, 981, 983, 998, 1024, 1025
Thiền thứ ba 92, 147, 426, 440, 456, 993
Thiền thứ hai 92, 147, 426, 440, 456, 993
Thiền thứ nhất 92, 147, 426, 440, 456, 993
Thiền thứ tư 92, 147, 426, 440, 456, 993
thiền trí 193
Thiên Trung Thiên 880
thiện tụ 265, 466
thiên tử Mã Huyết 751, 753
thiên tử Mâu-đề-luân 739
thiên tử Tự Tại 537, 538, 578
Thiên Ưu-đa-la 10
Thiện Vị 204
Thiên vương Bà-lưu-na 267
Thiên vương Câu-tỳ-la 175
Thiên vương Đề-đầu-lại-tra 175
Thiên vương Đề-địa-lại-tra 996
Thiên vương Tỳ-lâu-ba-xoa 996
Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa 996
Thiên vương Tỳ-lưu-bạt-xoa 8
Thiên vương Tỳ-lưu-lặc 175, 887
Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa 8, 175
Thiên vương Tỳ-sa-môn 8, 188, 189, 529, 536, 537, 538, 539, 793, 794, 887, 995, 996
Thiên vương Y-sa 267
thiền xả niệm 453
thiệt căn 452, 1011
thiệt nhập 589
thiệt thức thân 589
Thi-khí Như Lai 9, 506, 868, 878, 1000
Thí-la 907, 912, 913, 914, 915
Thi lâm 36, 45
Thi-lợi-quật 819, 820, 821, 822, 823, 824
Thọ ký 335, 409, 651, 892, 894, 961
thọ mạng 10, 37, 55, 112, 119, 147, 153, 154, 163, 254, 309, 324, 351, 352, 354, 411, 480, 526, 531, 541, 580, 626, 640, 665, 666, 690, 780, 816, 818, 829, 848, 861, 862, 864, 865,

871, 878, 905, 950, 962, 963, 1000, 1003, 1015, 1016
thôn Án-trá 454
thôn Na-la-đà 358
thôn Tỳ-đề 875
thôn Ương Nghệ 920
thôn Vườn trúc Tỳ-la-nhã 728
Thọ quyết 335, 651
thọ trì năm giới 172, 173, 270, 273, 369, 385, 387, 435, 441, 569, 823, 876, 989
thọ tuế 474, 475, 476, 477, 773
thọ, tưởng, hành, thức 109, 145, 215, 275, 277, 361, 482, 560, 611, 713
thọ uẩn 451, 519, 578
Thuần Hắc 252
thừa tự pháp 148, 167, 168
thừa tự tài vật 167, 168
thức giới 589
thức thực 158, 409, 813
thức tưởng 705, 893
thức uẩn 451, 519, 579
Thức xứ tam-muội 426
Thủ-đà-la 305, 415, 682, 683
Thù-đề 48
thủy giới 589
Thủy Khí tam-muội 426
thụy miên 466, 789
Thủy tam-muội 39, 46
tịch diệt 375, 560, 850, 869, 877, 902
tịch tĩnh 22, 37, 40, 44, 49, 52, 69, 70, 92, 108, 132, 133, 134, 137, 168, 169, 170, 185, 186, 224, 242, 371, 433, 434, 460, 506, 558, 627, 692, 842, 847
Tiên-tất Lô-trì 774
Tiên-tỳ Lô-trì 648, 649, 737, 778
Tiểu thừa 352
tín căn 446, 532, 542, 595, 643, 656, 657, 825, 839
tín, giới, văn, tuệ, thí 959
tịnh hạnh 121
tinh tấn giác chi 661, 662, 687, 697, 714, 740
tinh tấn như ý túc 586
tinh tấn tam-muội hành tận thần túc 413
tinh xá Cao Đài 991
tinh xá Kỳ Hoàn 102, 104, 145, 200, 214, 245, 273, 339, 344, 427, 500, 501, 534, 584, 586, 588, 622, 625, 858, 1019
tín lạc 69
tòa kim cang 11, 279
tội ngũ nghịch 83, 925, 926, 929, 934
Tối Thượng Vô Úy 48
Tôn-đà-lợi 117, 131, 132, 179, 181
Tôn giả A-na-luật 140, 141, 142, 143, 315, 316, 317, 377, 378, 382, 431, 566, 575, 576, 577, 590, 620, 621, 743, 744, 746
Tôn giả A-nan 3, 7, 8, 12, 13, 14, 83, 84, 151, 260, 342, 343, 355, 361, 362, 427, 428, 432, 462, 475, 544, 545, 556, 557, 559, 560, 561, 574, 575, 576, 577, 590, 591, 597, 645, 646, 684, 689, 690, 691, 692, 693, 706, 717, 731, 732, 733, 734, 735, 737, 738, 795, 800, 801, 808, 809, 812, 816, 817, 842, 858, 868, 871, 881, 895, 899, 903, 917, 921, 928, 934, 952, 982, 983, 984, 985, 986, 992, 994, 995, 1025
Tôn giả Bà-ca-lê 360, 361
Tôn giả Bà-câu-lư 253, 254, 255
Tôn giả Bà-kiệt 566
Tôn giả Ca-chiên-diên 194, 195, 566
Tôn giả Câu-lân 282
Tôn giả Đại Ca-diếp 566, 590, 717, 1004
Tôn giả Đại Câu-hy-la 192, 193
Tôn giả Đại Mục-kiền-liên 524, 567, 571, 590, 931, 934
Tôn giả Đại Quân-đầu 859
Tôn giả Đa-kỳ-xa 477
Tôn giả Đa-kỳ-xa 556, 557, 558
Tôn giả La-hầu-la 148, 429, 856, 857, 858, 883
Tôn giả La-vân 143, 145, 146, 148
Tôn giả Ly-việt 566
Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên 193
Tôn giả Mã Sư 606
Tôn giả Mục-liên 188, 189, 223, 327, 328, 351, 357, 380, 381, 382, 462, 524, 567, 569, 570, 571, 572, 577, 578, 585, 586, 588, 589, 597, 868, 932, 933, 934

Tôn giả Na-già-ba-la 709, 710, 711
Tôn giả Nan-đà 131, 132, 133, 177, 178, 180, 181, 182, 763
Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ 255, 256, 257
Tôn giả Quân-đầu 660, 661, 861
Tôn giả Tu-bồ-đề 115, 116, 117, 430, 566, 579, 580, 984
Tôn giả Ưu-đà-da 294
Tôn giả Ưu-đà-di 566
Tôn giả Ưu-đa-la 8, 12
Tôn giả Ưu-đạp-lam-phất 192
Tôn giả Ưu-đầu-bàn 552, 553, 554
trạch pháp giác chi 219, 661, 662, 687, 697, 714, 740
trạch pháp giác ý 219
trai giới 300, 301, 302, 303, 648, 754, 755, 760, 876, 948, 949, 1018
trái thù-la 867
trần cấu 77, 142, 172, 173, 176, 248, 249, 363, 364, 385, 435, 460, 499, 529, 535, 573, 582, 590, 612, 617, 625, 765, 823
trạo cử 66, 67, 87, 110, 111, 242, 256, 459, 466, 620, 922, 1010
trí giải thoát 69, 112, 148, 210, 215, 277, 441, 509, 541, 921
trì giới 4, 9, 43, 52, 72, 109, 142, 143, 148, 157, 158, 172, 173, 203, 205, 218, 248, 249, 270, 272, 297, 305, 334, 382, 385, 404, 429, 435, 460, 481, 492, 499, 519, 520, 525, 529, 535, 573, 581, 612, 649, 667, 741, 744, 745, 747, 755, 763, 823, 840, 849, 873, 874, 876, 878, 881, 885, 886, 914, 920, 977, 989, 1008, 1012, 1013, 1017, 1021
trí tuệ bậc nhất 158, 729, 888
trí tuệ Hiền thánh 456, 457
trí tuệ vô lậu 22
trời A-tỳ-da-đà 791
trời Ba Mươi Ba 7, 115, 154, 155, 175, 180, 188, 189, 253, 267, 268, 282, 298, 300, 301, 302, 354, 408, 448, 449, 459, 460, 478, 490, 528, 532, 543, 554, 566, 567, 572, 573, 575, 576, 577, 585, 613, 654, 666, 667, 677, 679, 680, 692, 732, 746, 752, 801, 802, 815, 864, 873, 924, 927, 929, 930, 932, 948, 949, 967, 968, 974, 985, 986, 995, 999, 1000, 1003, 1007, 1014
trời Biến Tịnh 659, 785, 791, 840, 841
trời Đại Phạm 791
trời Đâu-suất 7, 175, 282, 304, 341, 398, 408, 575, 582, 634, 643, 680, 692, 732, 742, 873, 930, 932
trời Đế-thích 2, 55, 267, 677, 701, 948
trời Diệm-ma 732, 873
trời dục giới 304, 399, 589
trời Hóa Tự Tại 175, 304, 398, 408, 575, 643, 680, 692, 732, 873, 930, 932
trời Không Phạm 76
trời Không Xứ 659, 785, 840, 841
trời Ni-duy-tiên 217
trời Phạm-ca-di 7, 567, 659, 785, 840, 841
trời Phạm Quang Âm 449
trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng 409
trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ 785, 841
trời Quang Âm 76, 449, 472, 474, 659, 680, 724, 785, 791, 802, 815, 840, 841, 911
trời Quảng Quả 791
trời sắc giới 304, 399
trời Tha Hóa Tự Tại 175, 304, 398, 408, 554, 575, 643, 644, 679, 680, 692, 732, 873, 930, 932
trời Thức Xứ 659, 785, 840, 841
trời Tịnh Cư 458, 864, 948
trời Trường Thọ 304, 719
trời Tứ Thiên Vương 176, 282, 284, 304, 553, 554, 575, 585, 643, 644, 680, 692, 701, 732, 762, 793, 864, 873, 930, 932, 934
trời vô sắc giới 304, 399
trời Vô Sở Hữu Xứ 659, 785, 840, 841
trời Vô Tưởng 449, 719, 815, 841, 864
Trúc Lâm 48, 82, 83, 96, 162, 326, 349, 419, 447, 500, 534, 535, 552, 556, 763, 792, 796, 803, 819, 836, 859, 882, 887, 907
Trúc viên 350, 354
trung đạo 170, 186, 256

Trung kiếp 506
Trung thiên thế giới 175
trưởng giả Bất-ni 49
trưởng giả Cấp Cô Độc 72, 73, 74, 421, 422, 425, 432, 452, 979, 980, 982, 983, 984, 985, 986, 987
trưởng giả Đa Tài 506, 507
trưởng giả Mãn Tài 421, 422, 423, 424, 426, 428, 429, 433, 434, 435
trưởng giả Nguyệt Quang 496, 497, 498, 507, 1000, 1001, 1002, 1003
trưởng giả Sư Tử 882, 883, 884, 885, 886
trưởng giả Thiện Giác 272
trưởng giả Ưu-bà-ca-ni 385, 386
trưởng lão Ca-diếp 1
trú tâm 635, 636, 856
Tu-bạt-đà 735
Tu-bạt-đà-la 6
từ bi 52, 85, 93, 198, 234, 602, 615, 642, 697, 787, 905
từ biện tài 409, 410
Từ chánh định 769
Tư-đà-hàm 97, 114, 140, 246, 389, 399, 401, 402, 465, 519, 520, 542, 689, 732, 745, 748, 772, 783, 794, 796, 849, 884, 885, 1008, 1024
Tu-đà-hoàn 15, 97, 114, 140, 188, 246, 376, 389, 399, 401, 402, 428, 465, 477, 519, 520, 542, 613, 689, 707, 732, 745, 748, 772, 781, 783, 794, 796, 849, 874, 884, 885, 886, 1008, 1024
Tứ Đại Thiên Vương 2
Tứ đẳng tâm 1, 11, 300, 374, 638
Tu-đầu 51
Tứ đế 3, 33, 87, 321, 362, 363
tuệ căn 51, 446, 465, 542, 839, 985
tuệ giải thoát 134, 401, 402, 453, 458, 465, 542, 551, 596, 655, 771, 780, 826, 830, 929, 955, 957
tuệ minh 906
tuệ thân 356, 517
tuệ vô ngại 279
Tu-lại-bà 52
Tu-ma-ca-đề Tu-đạt Nữ 52
Tu-ma-đề 420, 421, 422, 423, 424, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436
tự mạn 766, 769
Tụng 171, 335, 344
tự ngã 134, 142, 254, 293, 318, 695
Tu-ni-ma 276, 774
tưởng ăn không tiêu 843, 876
tưởng bầm tím 843
tưởng bất tịnh 38, 66, 67, 146, 327, 435, 444, 499, 511, 512, 529, 535, 541, 557, 573, 581, 741, 807, 823, 844, 873, 874, 914, 989
tưởng dục 66, 67, 240, 265, 315, 316, 637, 901
tưởng hữu ngã 844
tưởng hữu thường 844
tưởng hữu thường vô thường 843
tưởng lạc 838
tưởng máu 843, 876
tưởng nghi 66, 67
tưởng nhai nuốt 843
tượng Phật 575, 581
tưởng sình trương 843
tưởng sự chết 843
tưởng tất cả thế gian 843, 876
tưởng tham ăn uống 843
tưởng tịnh 844
tưởng uẩn 451, 519, 578
tưởng vô ngã 844
tưởng vô thường 460, 461, 844, 876, 966, 974
Tượng Xá-lợi-phất 899, 900, 901, 902, 903
tưởng xương trắng 843
Tu-phạm-ma 872, 873, 874
Tứ quả 114, 781
Tứ quả hướng 781
tứ sự 33, 35, 248
tự tại tam-muội hành tận thần túc 413
Từ tam-muội 40, 52, 283
Tự thuyết 335, 409, 651, 892, 894, 961
Tu-tỳ-da 51
Tuyết Sơn 425, 822
Tùy thời thí 492
Tỳ-ba-la-da-đàn-na 379
Tỳ-bà-thi Như Lai 9, 503, 868, 878, 998
Tỳ-bát-la 1004

tỷ căn 452
Tỳ-kheo A-na-luật 34, 143, 379, 593, 897
Tỳ-kheo A-nan 10, 38, 593, 716, 717, 733, 756, 773, 798, 898, 987
Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân 33
Tỳ-kheo Bà-ca-lợi 37, 700
Tỳ-kheo Bà-câu-la 37
Tỳ-kheo Bà-đà 37
Tỳ-kheo Bà-đà-tiên 37
Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la 38
Tỳ-kheo Bàn-đặc 38, 161, 254
Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá 35
Tỳ-kheo Bà-phá 33, 299
Tỳ-kheo Bà-sa 36
Tỳ-kheo Bà-tư-trá 40
Tỳ-kheo Ca-lệ 36
Tỳ-kheo Ca-trì-lợi 38
Tỳ-kheo Câu-ma-la Ca-diếp 38
Tỳ-kheo Chất-đa Xá-lợi-phất 39
Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên 35
Tỳ-kheo Đại Ca-diếp 34, 875
Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên 34, 590
Tỳ-kheo Đà-la-bà Ma-la 34
Tỳ-kheo Đà-ma 40
Tỳ-kheo Đàm-di 40
Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi 36
Tỳ-kheo Đà-tố 36
Tỳ-kheo Đầu-na 41
Tỳ-kheo Địa 41
Tỳ-kheo Diệm Thạnh 39
Tỳ-kheo Diện Vương 38, 919
Tỳ-kheo Di-hề 41
Tỳ-kheo Dược-ba-ca 40
Tỳ-kheo Giang Ca-diếp 33, 299
Tỳ-kheo Hồ Nghi Ly-viết 36
Tỳ-kheo Kiên Lao 35
Tỳ-kheo Kim-tỳ-la 35
Tỳ-kheo Kỳ-lợi-ma-nan 39
Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đề 38
Tỳ-kheo La-tra-bà-la 35
Tỳ-kheo La-vân 38, 143, 146, 148
Tỳ-kheo Lộc-đầu 41
Tỳ-kheo Lô-hê-ninh 36
Tỳ-kheo Lợi-đà-bà-giá 40
Tỳ-kheo Ly-viết 34
Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diên-na 38
Tỳ-kheo Ma-ha Câu-hy-la 35
Tỳ-kheo Ma-ha-nam 33, 299
Tỳ-kheo Mãn Nguyện Thịnh Minh 41
Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử 37, 670, 897
Tỳ-kheo Mã Sư 34, 607, 867
Tỳ-kheo Na-già-ba-la 40
Tỳ-kheo Na-la-đà 39
Tỳ-kheo Nan-đà 37, 131, 132, 133, 134, 177, 178, 182, 762, 763
Tỳ-kheo Nan-đà-ca 37
Tỳ-kheo Nan-đề 35
Tỳ-kheo Ngưu Tích 33
Tỳ-kheo Nguyệt Quang 38
Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ 34, 257
Tỳ-kheo-ni A-nô-ba-ma 45
Tỳ-kheo Ni-bà 36
Tỳ-kheo-ni Bà-đà Ca-tỳ-ly 44
Tỳ-kheo-ni Ba-đầu-lan-đồ-na 43
Tỳ-kheo-ni Ba-la-giá-na 43
Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-bà-la 44
Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Quân-đà-la 46
Tỳ-kheo-ni Bà-tu 46
Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên 43, 253, 992, 993
Tỳ-kheo-ni Ca-la-già 45
Tỳ-kheo Ni-câu-lưu 41
Tỳ-kheo-ni Câu-na-la 46
Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá Cù-đàm-di 43
Tỳ-kheo-ni Cù-ty 44
Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Cù-đàm-di 43
Tỳ-kheo-ni Đà-ma 44
Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề 44, 46
Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na 44
Tỳ-kheo-ni Đàn-đa 44
Tỳ-kheo-ni Đề-bà-tu 45
Tỳ-kheo-ni Giá-ba-la 46
Tỳ-kheo-ni Hàng-đề 46
Tỳ-kheo-ni Hê-ma-xà 44
Tỳ-kheo-ni Lệ-na 44
Tỳ-kheo-ni Long 46
Tỳ-kheo-ni Ly-na 44
Tỳ-kheo-ni Ma-đà-lợi 45
Tỳ-kheo-ni Ma-nộ-ha-lợi 44
Tỳ-kheo-ni Mạt-na-bà 45
Tỳ-kheo-ni Nhân-đà-xà 46

Tỳ-kheo-ni Nhật Quang 45
Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu 45
Tỳ-kheo-ni Quang Minh 44
Tỳ-kheo-ni Sấm-ma 43
Tỳ-kheo-ni Thanh Minh 45
Tỳ-kheo-ni Thâu-na 44
Tỳ-kheo-ni Thiền Đầu 44
Tỳ-kheo-ni Thiên Dữ 44
Tỳ-kheo-ni Thủ-ca 46
Tỳ-kheo-ni Tối Thắng 43
Tỳ-kheo-ni Tố-ma 45
Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma 46
Tỳ-kheo-ni Tu-đà-ma 44
Tỳ-kheo-ni Tỳ-ma-đạt 45
Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khư 44
Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc 43, 62, 63
Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-la 44
Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-ma 45
Tỳ-kheo-ni Ưu-đa-la 44
Tỳ-kheo-ni Vô Úy 44
Tỳ-kheo-ni Xa-câu-lê 43
Tỳ-kheo-ni Xa-đà 44
Tỳ-kheo-ni Xa-ma 43
Tỳ-kheo Phù-di 36
Tỳ-kheo Quân-đầu-ba-mạc 35
Tỳ-kheo Quả Y 38
Tỳ-kheo Quỷ-đà 39
Tỳ-kheo Sa-di-đà 40
Tỳ-kheo Sấm 35
Tỳ-kheo San-đề 36
Tỳ-kheo Tân-đầu-lô 35
Tỳ-kheo Tăng 387, 903
Tỳ-kheo Tăng-ca-ma 39, 561
Tỳ-kheo Thâu-đề 38
Tỳ-kheo Thi-bà-la 37, 502, 507
Tỳ-kheo Thích Vương 38
Tỳ-kheo Thiên 37, 38
Tỳ-kheo Thiện Lai 39
Tỳ-kheo Thiện Thắng 33
Tỳ-kheo Thiện-trửu 33
Tỳ-kheo Thi-la 36
Tỳ-kheo Tiểu Đà-la-bà Ma-la 35
Tỳ-kheo Tu-bạt 41
Tỳ-kheo Tu-bồ-đề 39, 898, 985
Tỳ-kheo Tu-dạ-xa 40
Tỳ-kheo Tu-la-đà 40, 101, 923
Tỳ-kheo Tu-ma-na 37
Tỳ-kheo Tu-nê-đa 40
Tỳ-kheo Tư-ni 37
Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp 34, 299
Tỳ-kheo Tu-thâm 40
Tỳ-kheo Tỳ-lô-giá 39
Tỳ-kheo Ương-ca-xà 38
Tỳ-kheo Ưu-ba-ly 37
Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên Ca-lan-đà-tử 37
Tỳ-kheo Ưu-đà-di 33
Tỳ-kheo Ưu-đa-la 9, 10, 12, 36
Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn 38
Tỳ-kheo Ưu-kiềm-ma-ni-giang 36
Tỳ-kheo Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp 33
Tỳ-kheo Vô Úy 40
Tỳ-kheo Xá-lợi-phất 34, 61, 222, 349, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 363, 586, 587, 594, 598, 713, 729, 807, 808, 809, 889, 890, 896
Tỳ-la 5, 368, 369, 689, 690, 692, 728, 881
tỷ nhập 589
Tỳ-phù 51
tỷ thức thân 589
Tỳ-xá-bà Như Lai 9
Tỳ-xá-la-tiên 552, 553
Tỳ-xà-tiên 49, 50

U

Uất-đan-việt 153, 154, 175, 253, 285, 287, 288, 408, 575, 680, 729, 872
Uất-đầu-lam-phất 192, 278
Ương-kiệt-ma 52
Ương-kiệt-xà 51
Ương-quật-ma-la 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 632, 633
Ưu-ba-đế-xa 735
ưu-bà-di 1, 62, 73, 107, 175, 176, 252, 267, 302, 304, 330, 349, 384, 505, 820, 915, 995, 996
Ưu-bà-già-la 887
Ưu-bà-ly 48
Ưu-bàn-nan-đà 566, 567, 569, 570, 572
Ưu-ba-quật 47

ưu-bà-tắc 1, 72, 73, 74, 157, 174, 175, 176, 252, 267, 273, 302, 304, 330, 349, 384, 386, 387, 441, 452, 487, 505, 546, 569, 606, 611, 735, 782, 797, 820, 886, 892, 894, 903, 911, 926, 963, 995, 996
Ưu-bát-già-la 356
Ưu-ca Tỳ-xá-ly 48
Ưu-lưu-tỳ 33, 140, 282, 708
Ưu-ni-bát-sa 356
Ưu-tỳ Ca-diếp 291, 293, 294, 299, 428, 430

V

Viễn Chiếu 246
Viễn Văn 356
Vị tằng hữu 410, 651, 961
Vị tằng hữu pháp 323, 335, 892, 894
Vô dư Niết-bàn 132, 134, 140, 250, 251, 352, 361, 389, 394, 395, 647, 650, 657, 740, 742, 929, 970, 995, 1024
Vô Hại 628
Vô học kiến đạo 114
voi Bà-ma-na 727
voi Ca-la-lặc 727
voi Ca-nê-lưu 727
voi Câu-mâu-đà 727
voi Cưu-đà-diên 727
voi Hương Tượng 727
voi Ma-ha-na-cực 727
voi Na-la-diên 727
voi Phân-đà-lợi 727
voi Ưu-bát 727
vô kiến 125, 366, 427
vô lậu 3, 22, 114, 134, 148, 179, 217, 256, 363, 401, 402, 410, 417, 418, 441, 446, 450, 453, 458, 465, 532, 542, 594, 596, 655, 657, 733, 749, 771, 780, 811, 817, 826, 830, 839, 843, 900, 920, 929, 955, 957
vô lượng hạnh 274
vô lượng Hữu tưởng vô tưởng xứ 841
vô lượng không 659, 785
vô lượng Không xứ 840, 841
vô lượng thức 659, 785
vô lượng Thức xứ 840, 841
vô lượng Vô sở hữu xứ 840, 841
vô mạn 766
vô minh lậu 41, 69, 112, 148, 210, 441, 509, 541, 635, 694, 921
vô minh lưu 116, 132, 133, 433, 452, 459, 697
vô ngã 9, 48, 253, 349, 353, 447, 482, 519, 520, 560, 580, 606, 607, 608, 625, 650, 667, 689, 695, 713, 714, 725, 801, 844, 876
Vô nguyện chánh định 769
Vô nguyện định 39, 52
Vô nguyện tam-muội 39, 52, 319, 741
vô nhiễm 22, 217, 544
vô sắc ái 555, 966, 974
vô sắc hữu 459, 905
vô sắc thiên 352
vô sân 264, 265
vô si 264, 265
Vô sở hữu xứ tam-muội 426
Vô Sở Trước 350, 479, 939
vô sở úy 22, 360, 371, 372, 385, 440, 441, 444, 499, 541, 823, 828, 830, 831, 973
vô tác 544, 545
vô tham 264, 265
Vô Thượng Sĩ 10, 111, 201, 221, 252, 267, 376, 435, 445, 503, 506, 755, 813, 839, 907, 982, 983, 998
Vô tướng chánh định 769
Vô tướng định 52
Vô tướng tam-muội 39
Vua Ác Sanh 493, 546, 578, 853
Vua Âm Hưởng 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974
Vua Ba-tư-nặc 48, 103, 104, 105, 106, 107, 131, 132, 133, 245, 246, 251, 252, 253, 257, 258, 259, 284, 339, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 399, 400, 432, 493, 494, 520, 521, 522, 546, 569, 570, 571, 572, 574, 575, 578, 622, 625, 626, 638, 639, 640, 641, 672, 673, 701, 703, 744, 848, 849, 850, 854, 855, 987, 1009, 1012, 1013, 1014, 1018, 1021
Vua Chân Tịnh 294, 295, 296, 297, 298, 299, 803

Vua Đại Thiên 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 947, 948, 951, 952
Vua Địa Chủ 248
Vua Diêm-la 346, 468, 469, 470, 474, 724
Vua Hộc Tịnh 298, 379
Vua Liệu Chúng Bệnh 863
Vua Nam Hải 581
Vua Nhẫm 948, 949, 950, 951
Vua Nhượng-khư 872, 874, 877, 981, 982
Vua Phạm-ma-đạt 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 806, 807, 1003
vua Quán đảnh 534
Vua Quang Minh 48
vua rồng Ban-trù 980, 981
vua rồng Tân-già-la 980, 981
vua rồng Y-la-bát 981
Vua Tần-bà-sa-la 48, 533, 534, 535, 537, 538, 539, 546, 578, 581, 907, 912
Vua Tần-tỳ-sa-la 708, 709
Vua Thiện Quán 12
Vua Tịnh Phạn 207, 298
Vua Trường Thọ 11, 12, 307, 308, 309, 310, 311, 313, 314, 315
Vua Tỳ-sa 48, 72, 452, 493, 494
Vua Ưu-đà-diên 493, 546, 578
Vua Ưu-điền 49, 442, 443, 444, 574, 575, 578, 581
Vua Văn-trà 482, 487
vườn Am-bà-bà-lợi 196
vườn An-đà 147
vườn Bà-la 249, 812
vườn Bi 449
vườn Ca-lan-đà 82, 83, 96, 419, 447, 500, 534, 535, 552, 556, 763, 792, 796, 803, 819, 836, 859, 882, 887, 907
vườn Cam Lê 10
vườn Cấp Cô Độc 6, 15, 16, 17, 18, 19, 165, 167, 177, 178, 182, 183, 184, 187, 189, 190, 191, 192, 195, 199, 200, 208, 209, 210, 211, 213, 214, 215, 217, 218, 220, 221, 222, 224, 226, 227, 233, 235, 236, 237, 238, 240, 241, 242, 245, 257, 260, 264, 265, 267, 268, 275, 299, 305, 318, 319, 321, 322, 323, 324, 325, 331, 332, 333, 334, 337, 338, 339, 342, 345, 349, 360, 387, 397, 399, 401, 403, 406, 407, 408, 409, 410, 413, 415, 416, 420, 437, 445, 448, 450, 452, 458, 460, 462, 465, 466, 467, 487, 488, 491, 985, 987
vườn Cù-sư 442, 443
vườn Cù-sư-la 306
Vương tử Bà-la-lưu-chi 162, 163
Vương tử Kê-đầu 49
Vương tử Kỳ Hoàn 49
Vương tử Lưu-ly 105
Vương tử Mãn-hô 796, 797, 798, 799, 800
Vương tử Nguyệt Quang 49
Vương tử Sư Tử 49
Vương tử Tu-bồ-đề 969, 970, 971
Vương tử Vô Úy 49
Vương tử Y-la 106
vườn Họa Lạc 448
vườn Hỷ 449
vườn Kỳ-vực 429
vườn Lộc Dã 636, 739
vườn Lộc Uyển 186, 520
vườn Ma-ha Bà-na 1006
vườn Nai 107, 278
vườn Nại-kỳ 725
vườn Nan-đàn-bàn-na 448, 459, 461
vườn Ni-câu-lũ 707, 713
vườn Ni-câu-lưu 159, 183, 274, 527, 530, 703, 922
vườn Sư Tử 316, 590
vườn Tạp Chủng 448, 449
vườn Tát-lư 296
vườn Thô Sáp 448
vườn trúc Ưu-ca-la 790
vườn Trú Độ 890
vườn Từ 449
vườn Tượng Hoa 131
vườn Xả 449

X

Xà-bạt-tra 140
Xả-di 52
xả giác chi 92, 219, 661, 662, 688, 697, 714, 740
xả giác ý 219

xả khổ 92
xả lạc 92
xả ly 92, 170, 232, 233, 847, 892
xả niệm thanh tịnh 92, 147, 400, 440, 456, 541, 655
xan tham 80, 212
xuất ly 172, 173, 208, 248, 293, 372, 382, 495, 496, 558, 583, 827, 840
xúc thực 409, 813
xứ Tiên Nhân 186

Y

Ý Ái 803
ý căn 136, 137, 224, 452, 605, 650, 658, 696, 892, 893, 904, 921, 1011, 1012
Y-câu Ưu-đa-la 9
ý giới 600
ý hành từ 71, 93, 600
y năm mảnh 36, 45, 95, 96, 97, 101, 289, 330
ý nhập 589, 592
y phấn tảo 95, 627, 716, 887, 895, 919, 923
y Tăng-già-lê 350, 690, 733, 814, 875
y Tăng-kỳ-chi 585
ý thức thân 589

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC
CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.
- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.
- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.
- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

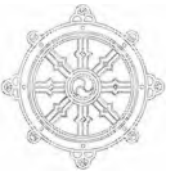

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 23
TAM TẠNG PHẬT GIÁO BỘ PHÁI - 07
KINH TĂNG NHẤT A-HÀM
(增壹阿含經)

Việt dịch
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập
Nguyễn Thị Cẩm Hồng

Sửa bản in
ĐĐ. Thường Ninh, Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Liên Ngọc, Hồng Anh

Trình bày & Bìa
Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM – ĐT: 39 433 868

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 216 009

GIAN HÀNG M01- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 238 191

Thực hiện liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng 6.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm
Tại Công ty Cổ phần in Khuyến học phía Nam
Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM
XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/09-47/THTPHCM
QĐXB số: 702/QĐ-THTPHCM-2022, ngày 12 tháng 10 năm 2022
ISBN: 978-604-335-731-8
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

ISBN: 978-604-335-731-8
9 786043 357318